LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 119

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

SỐ 1718
(QUYỂN 1 →20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1718

TỰA SỚ PHÁP HOA CỦA NGÀI THIÊN THAI

Kính Trung, Sa-môn Thần Quýnh thuật

Tựa ghi rằng: Chí lý thì vô danh, mà danh lưu truyền khắp tứ thiên hạ. Chân thừa thì bất động, mà động thì xuất trong ba cõi. Chứng giáo tức sự mà ngưng nhiên, tất đàn tùy duyên mà hóa vật, không mưu tính cất nhắc, công chẳng lớn ư? Kinh Diệu Pháp Liên Hoa kịp làm hạt giống nhân đức mạnh mẽ xuất thế vì một đại sự nhân duyên mà thuyết, nhưng cây cỏ thuốc không giống nhau nên sự thọ nhuận thành có sai khác, căn cơ, thích nghi chẳng một, sự lãnh thọ giáo cũng không đồng. Thiết lập Quyền thừa thì chuyển Tứ đế pháp luân nơi Lộc-uyển, hiển bày thật thì ba phen biến thành Tịnh độ nơi núi Linh-thứu. Ý chỉ sâu xa, văn từ chân thật, đạo đức cao vời, người người tôn kính, rõ gốc xa của thọ lượng,hiểu dấu tích gần của Già da. Mưa gió va đập diễn ra để phế bỏ những điều đã thuyết ngày xưa, ví như nơm lưới(là phương tiện để bắt cá, thỏ). Khai thị ngộ nhập để thu hoạch giá trị hiện nay, ví như cá, thỏ. Bồ tát nhiều như vi trần tăng trưởng đạo giảm số lần sinh, hàng Thanh văn ở thảo am hổ thẹn Tiểu ham thích Đại, Dược Vương thiêu đốt cánh tay để cúng dường, đức Phật Đa Bảo hiện toàn thân để chứng minh, viên mãn cùng cực vọt lên hư không mầu nhiệm không thể nói hết.

Có Thiên Thai đại sư, pháp hiệu Trí Khải xưa ở trước Đức Như Lai đích thân nghe được kinh điển này, địa vị ở Ngũ phẩm, tiếng tăm chấn vang hai triều đại, không trải qua sự giảng phô bày mà thấu hiểu thông suốt Phật thừa, sức mạnh Đà-la-ni nhạo thuyết không cùng, thường vì vua Trần mà ở điện Thái Cực giảng kinh Nhân Vương Bát-Nhã, vạn thừa đều khuất phục, trăm quan tùy hỷ. Lại, theo Quán tâm giải thích

tên kinh Nhân Vương Bát-Nhã: Vi diệu lìa hữu vô, lấy chân tánh làm phép tắc, nhờ chiếu sáng thành thông suốt, trình bày danh giảng giải tông khác với cổ đức.Năm nghĩa khảo xét lý đều nương nhờ Thánh giáo. Tự ngài Trí Giả hoằng pháp hơn ba mươi năm,chỉ có sớ Duy-ma là vào, đời nhà Tùy vâng lệnh vua Dạng đế mà soạn văn mầu nhiệm này.Riêng phần Quán Đỉnh Pháp sư ghi chép đã là hai mươi quyển. Nếu không phải là bậc trí, thì không thể như thế được, đây là nói chánh đáng vậy. Đến sau khi ngài diệt độ hơn một trăm năm đến đời Đường Thiên Bảo năm Mậu Tý có Hòa thượng Lãng chùa Thanh Thái ở quận Đông Dương tu pháp môn Mi thọ, mục túc lương trì, thừa giới đều gấp, bao gồm nội ngoại, thâu hoạch đầy đủ bảo khí từ bi, ngồi trong thạch thất nương giữa hư Không sinh, đối với việc giảng giải trao truyền có thứ tự, mặc nhiên tán thán rằng: Quán nghĩa thú kia sâu xa vi diệu khế hợp Phật thừa, suy tìm xu thế của văn thì có khi không thứ lớp, hoặc văn liên tục nghĩa đứt đoạn, hoặc văn sau nghĩa trước, hoặc trường hàng trước trình bày chương kia, hoặc ở sau thuật thẳng nghĩa kia, hoặc trong kệ trước nêu bày số kia, hoặc sau danh kia không thứ lớp, song ý thánh khó đo lường chỉ ngưỡng mộ thâm tín mà thôi! Nay vì những người nghe phần nhiều khuyến thỉnh rằng: hạng thượng căn dễ ngộ xem xét không mê muội, hạng trung căn hạ căn tìm văn lầm mất ý chỉ. Hoặc giả lại lần lượt so sánh như vậy thì sự hoằng truyền càng thêm rộng lớn, Hòa thượng nhiều phen tính toán, sự đã không được bèn chuyên niệm Đại sư cầu thêm hay không? Nhân mộng sở cảm mới bắt đầu phân chia thứ bậc, bởi cũng tùy theo tình huống thành thật suy nghĩ, không cẩu thả tìm cầu đồng khác liền có sự tăng giảm ở khoảng giữa kia, kính trọng các học giả hiểu hết nguồn gốc ý nghĩa kia, cầu hiểu biết như cầu y phục,vác vàng bỏ đá sỏi, thuyết pháp chân thật không làm hư vọng trợ giúp gió huyền bằng cây quạt lớn thêm, bớt đan khứu thì trăm giới ngàn như đồng khế hợp, Hóa thành Bảo sở cùng tận thân cận bến cầu. Lại nhờ đức Di-lặc ân cần dạy bảo, về với Văn-thù phụ giúp lục đúc luận thành Phát trí luận, một lời nói khen ngợi người hướng đến những người có tài trí, đều lựa chọn hợp với văn trước nhẹ nhàng nơi đế lý, đồng ở đời Đức Phật Không Vương cùng phát tâm, mười sáu vị Sa-di đều thay nhau giảng giải Kinh Pháp Hoa, như bóng tối che lấp cây cỏ gặp ánh nắng mặt trời chiếu soi trừ tai nạn che lấp khốn khổ nuôi dưỡng bằng châu ngọc thành thật hổ thẹn ghi chép lời Phật dạy, sao không nhìn kỹ sự huyền bí của rồng nhãn mặt châu mày mới mong dò xét được sự mầu nhiệm của bậc Đại sĩ, tắm gội suối đạo mà có nguồn gốc.

SỐ 1718

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Thiên Thai Trí Giả Đại sư thuyết

QUYỂN 1
(Phần Thượng)

Phẩm Thứ 1: TỰA

(Đức Phật xuất thế là khó, truyền dịch kinh này lại càng khó hơn, tự mình khai ngộ rất khó, được nghe thầy giảng giải lại càng khó hơn, biên chép cũng rất khó...)

Theo giải thích đề kinh đã nói như trên. Tựa là lời chỉ dạy có thứ lớp rõ ràng, cũng như chủ và khách đối đáp, hẳn có ngôi thứ trình tự. Theo các nhà chú giải kinh thì phần Tự có ba nghĩa: Thứ tự, Do tự, và Thuật tự. Như năm việc thành tựu ở đầu mỗi kinh gọi là Thứ tự. Phật phóng hào quang, sáu điềm lành hiện là Do tự (lý do). Hỏi đáp, giải thích nội nghi để dẫn vào chánh thuyết là Thuật tự. Đầy đủ ba nghĩa này nên gọi là Tự (bài tựa).

Phẩm: Trung A-hàm gọi là Bạt-cừ, Trung Hoa dịch là phẩm, vì nghĩa loại đồng, tụ hợp thành một đoạn cho nên gọi là "phẩm", hoặc đức Phật tự xướng phẩm như Phạm Võng, hoặc kết tập dựng lập như Đại luận, hoặc người dịch thêm đầy đủ như ngài La-thập. Nay phẩm Dược Vương Bổn Sự là đức Phật tự xướng, Diệu Âm Quán Âm là thuộc về các kinh gia mà người dịch chưa nghe. Phẩm này ban đầu cho nên nói "đệ nhất". Đức Phật phó duyên hành đạo bằng hai cách nói pháp:

Tán hoa và quán hoa. Người kết tập: nương theo thuyết mà truyền lại. Các luận giả thì nương kinh mà giải rõ, đều không có tiết mục. Các bậc giảng sư trước đây chỉ mở bày rộng nghĩa lý mà không phân chia chương đoạn. Nếu hoàn toàn dụng ý như đây, thì e rằng người đời sau không hiểu hết nghĩa kinh. Lại, như Phật thuyết hai cách quán hoa, tán hoa, việc kết tập tùy theo nghĩa mà lập phẩm. Kinh Tăng Nhất nói Khế Kinh một phần, Luật một phần, A-tỳ-đàm một phần. Khế Kinh lại chia làm bốn: Tăng nhất, Trường, Trung, Tạp.

Tăng Nhất A-hàm nói nhân quả của Trời, người, Trường A-hàm phá tà kiến, Trung A-hàm nêu nghĩa sâu, Tạp A-hàm nói rõ thiền định, Luật chia làm Ngũ bộ và Bát thập tụng, A-tỳ-đàm mở ra Lục túc và Bát-kiền-độ... A-hàm nói thí giới tuệ... lục độ đều đầy đủ, nghĩa là căn tánh đạo định... tám thứ nhóm tụ. Ngài Thiên Thần tạo luận lấy thất công đức phân làm phẩm Tựa, lấy ngũ thị hiện phần làm phẩm Phương Tiện, các phẩm còn lại đều có xứ phần. Xưa thì ông Bằng ở Hà Tây và ông Dao ở Giang Đông lấy ý này mà chia làm làm tiết mục kinh văn, sau này đặc biệt rườm rà. Có ngài Quang Trạch chuyển soạn tinh tế, như nhiều lớp mây mù che lấp bầu trời nhờ có ba thứ ánh sáng chiếu soi rõ ràng. Hỏi bến bờ vì sao không quý? Ngài Đàm Loan nói trình độ tinh tế như vi trần mây khói lẫn lộn bay đi, hoặc là quá, hoặc là không kịp. Long Sư ở Lư sơn phân chia làm ba phần: Tựa, Chánh tông, Lưu thông. Hai mươi bảy phẩm tóm tất chỉ có hai thứ: từ phẩmTựa đến phẩm Pháp Sư là nói phương tiện, nói chân lý, lý một mà nói ba, từ phẩm Bảo Tháp trở xuống là thân phương tiện, thân chân thật, là thật xa xướng gần. Lại từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh là nhân môn, từ Tùng Địa Dũng Xuất sắp xuống là quả môn. Theo ngài Long Thọ phân chia văn Kinh đồng. Theo ngài Huyền Sướng thì, từ phẩm Tựa đến phẩm Đa Bảo là phần Nhân, từ phẩm Khuyến Trì đến phẩm Thần Lực là phần Qủa, từ phẩm Chúc Lụy đến hết kinh là phần hộ trì. Lại có sư nói rằng: Từ phẩm Tự đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là thể của Pháp Hoa, từ phẩm Pháp Sư đến phẩm Chúc Lụy là nêu rõ công đức thọ trì, từ phẩm Dược Vương đến hết kinh là nêu bổn nguyện tốt đẹp của các Bồ-tát. Có sư phân làm bốn đoạn: Đầu là đoạn Tựa, từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh là đoạn Khai tam hiển nhất, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết phẩm Phân Biệt Công tức là đoạn Khai cận hiển viễn, các phẩm còn lại là thuộc đoạn lưu thông. Ngài Quang Trạch theo ấn thọ kinh, ba đoạn đầu thứ lớp mỗi mỗi chia làm hai: là Thông tựa và Biệt tựa. Chánh thuyết là nhân môn quả môn. Lưu

thông nghĩa là tự hành hóa tha. Hai Tựa mỗi mỗi có năm. Hai Chánh thuyết mỗi mỗi có bốn. Hai Lưu thông mỗi mỗi có ba, hợp cộng thành hai mươi bốn đoạn...

Xét rằng phần chia tiết của kinh văn đều do lòng người, hoa lan hoa cúc đều có vẻ đẹp riêng, người đời sau không nên vịn theo mà tranh luận thị phi, không được Tam ích, mất đi Nhất đạo. Tam ích: là Thế giới... ba thứ tất-đàn. Nhất đạo: Là Đệ nhất nghĩa tất-đàn. Ngài Thiên Thai Trí giả phân chia văn làm ba: Phẩm đầu là Tựa, từ phẩm Phương Tiện đến hết mười chín kệ của phẩm Phân Biệt Công Đức tổng cộng mười bảy phẩm rưỡi, gọi là Chánh thuyết. Tiếp theo kệ đến hết kinh gồm mười một phẩm rưỡi, gọi là Lưu thông. Lại có khi phân chia làm hai: Từ phẩm Tựa đến phẩm An Lạc Hạnh thứ mười bốn là dựa theo Tích môn khai quyền hiển thật, từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến hết kinh gồm mười bốn phẩm là dựa theo Bản môn khai quyền hiển thật. Bản môn vàTích môn, mỗi môn đều có ba phần: Tựa, Chánh thuyết và Lưu thông. Phẩm đầu là Tựa, từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là Chánh, từ phẩm Pháp Sư đến phẩm An Lạc Hạnh là Lưu thông. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến câu: "Đức Di Lặc đã hỏi việc kia được Phật đáp", nửa phẩm ấy về trước gọi là Tựa, từ câu: "Phật bảo A-dật-đa" đến hết bài kệ phẩm Phân Biệt Công Đức gọi là Chánh thuyết, từ đó đến hết kinh là Lưu thông. Nay ghi chép theo ba đoạn trước để hiểu văn. Kinh được chia.

Hỏi: Một kinh tại sao có hai tựa bài?

Đáp: Hoa Nghiêm mỗi mỗi nơi đều nhóm họp chúng, A-hàm mỗi một thiên đều như vậy. Kinh Đại Phẩm thì trước kinh sau kinh đều có phụ chúc, đều không trái vậy. Một bộ Kinh, hai bài tựa đâu có gì ngăn ngại? Nay không an lập theo năm nghĩa, vì Bản môn không phải kế tiếp phần đầu. Tích môn chỉ riêng lưu thông vì thuyết pháp chưa xong. Ý có hay Không sao nói như vậy? Nay văn biên chép phân làm bốn:

1. Liệt số.
2. Lý do.
3. Dẫn chứng.
4. Thị tướng.

1. Liệt số gồm:

a. Nhân duyên.
b. Ước giáo.
c. Bản tích.
d. Quán tâm.

Từ Kinh “Như thị” đến cuối là “nhi khứ” đều dùng bốn ý hiểu văn, nhưng nay lược đổi hoặc ba, hai, một, thông suốt được ý thì không phiền đến bút mực văn chương rườm rà.

2. Lý do: Hỏi: Nếu lược thì một, nếu rộng chẳng phải bốn, tại sao như thế? Đáp: Rộng thì khiến kẻ trí thoái lui, lược bớt thì ý không đều đủ. Nay tôi ở khoảng giữa mà nói, khiến dễ hiểu nghĩa. Nhân duyên cũng gọi là cảm ứng. Những chúng sinh không căn cơ thì tuy ở gần mà không thấy, người có thiện căn thì tuy ở xa cũng có thể thông suốt, cảm ứng được đạo. Cho nên, dùng nhân duyên giải thích. Xét rằng hạng chúng sinh cầu giải thoát, căn cơ này nhiều, thì Thánh nhân khởi ứng, lẻ ra cũng nhiều, nghĩa này lại rộng, như nói ở giữa là như thế nào? Song Đại kinh nói:Từ thiện căn lực có vô lượng môn, lược thì thần thông như cơ cảm khắp mười phương, rộng lớn như hư không.Nay luận về quốc độ Sa-bà, dùng âm thanh làm Phật sự thì cửa cam lộ mở ra. Y theo giáo mà giải thích, tức ở khoảng giữa mà nói rõ. Nếu ứng cơ thiết lập giáo, thì giáo có quyền thật cạn sâu không đồng, cần dựa vào ngón tay chỉ mà tìm mặt trăng, tức là quên Tích mà tìm Bản. Ngài Triệu Châu nói: “Không phải Bản thì không lấy gì để nêu Tích, không phải Tích thì không thể hiển bày Bản, cho nên dùng Bản, Tích để giải thích. Nếu tìm Tích thì Tích rộng lớn, uổng tự mệt nhọc, nếu tìm Bản thì Bản cao ngất, cao không cùng tận. Như kẻ ngày đêm đếm báu của người khác, tự mình chẳng có được nửa phần tiền. Chỉ có quán tâm mình cao rộng nắm được lẽ cảm ứng vô cùng của Thánh,thì mới có cơ hội đến được chỗ cảm nhận lợi ích cho mình. Thế nên, dùng Quán tâm để giải thích.

3. Dẫn chứng: Phẩm Phương Tiện nói “Chư Phật khắp mười phương vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”. Như thế Trời, Người, Tiểu thừa, chẳng phải Nhất chẳng phải Đại. Lại chẳng phải Phật sự nào mà không thành cơ cảm. Thật tướng gọi là Nhất, rộng lớn gọi là Đại, Phật chỉ đây là Sự. Xuất hiện ở đời, đó gọi là “một đại sự nhân duyên”. Lại nói dùng đủ loại pháp môn để tuyên thị Phật đạo, phải biết đủ loại thanh giáo hoặc vi tế, hoặc thô trược, hoặc quyền hoặc thật, đều vì Phật đạo mà làmcác thứ phương tiện, ví như cái nơm là phương tiện để bắt cá. Đại kinh nói: “Lời nói thô và lời êm dịu đều quy về Đệ nhất nghĩa” là nói đây vậy. Phẩm Thọ Lượng nói: Nay Thiên nhân A-tu-la đều cho rằng ta tuổi nhỏ xuất gia ra khỏi cung dòng họ Thích đi đến thành Già-Da không bao lâu thì chứng đắc Tam-bồ-đề, nhưng thật ra ta thành Phật đã trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dùng phương tiện đây để dẫn dắt làm lợi lạc chúng sinh. Phẩm Phương Tiện lại nói:

Ta xưa lập thệ nguyện mong muốn cho tất cả chúng sinh cũng đồng chứng đắc đạo này giống như ta không khác. Lại nữa, phẩm Ngũ Bách Thọ Ký nói: Bên trong ẩn chứa hạnh Bồ-tát ngoài thị hiện Thanh văn, thật sự tự mình đã thanh tịnh cõi Phật mà thị hiện chúng sinh có ba độc, lại hiện tướng tà kiến. Các đệ tử ta cũng như vậy, phương tiện độ chúng sinh, đây tức là thầy trò đều dùng pháp môn lấy tuệ làm Bản, thì giới và định làm Tích. Lại Giới Định Tuệ mỗi thứ chia làm ba phần: Tác tiền phương tiện bạch tứ yết-ma xong là ba phần của Giới, hai mươi lăm phương tiện chính quán trải qua duyên, lại khéo xuất nhập trú trong ngàn Tam-muội... là ba phần của Định. Nhân duyên sở sinh pháp tức Không tức Giả tức Trung là ba phần của Tuệ. Vì căn cứ ba phần để chỉ bày bốn thứ tướng, nên dùng nghĩa đây. Từ "Như thị" cho đến "tác lễ nhi thoại" trở lại đều tạo bốn ý tiêu văn, nhưng căn cứ nghĩa đây so sánh mà biết thì dễ, mà phân biệt hiển bày lời kia thì khó, hành giả khéo tư duy, lời khác ý đồng như ngàn xe cùng dấu bánh xe, muôn dòng cùng tụ hội.

Tựa có Thông tựa, Biệt tựa. Từ "Như thị" cho đến "khước tọa nhất diện" là Thông tựa, từ "Nhĩ thời Thế tôn" cho đến hết phẩm là Biệt tựa. Thông tựa chung cho các giáo, Biệt tựa chỉ riêng một kinh. Thông tựa chung cho năm, sáu hoặc bảy kinh v.v...

"Như thị": Là nêu thể pháp được nghe. "Ngã văn": Là người năng trì. "Nhất thời": Là thời gian nghe trì hòa hợp, không phải thời khác. "Phật": Theo Phật được nghe, "Thành Vương-xá núi Kỳ-xà-quật" là nơi nghe giữ lời Phật dạy. "Cùng Đại Tỳ kheo": Là cùng số bạn nghe trì, đây đều do nhân duyên hòa hợp thứ tự tương sinh. Lại nữa, "Như thị": là Kinh của chư Phật ba đời, trước hết đều để hai chữ "Như thị", đạo của chư Phật đồng không tranh chấp với thế tục, đây là Thế giới Tất-đàn. Đại luận nói: Nêu ra thời gian nơi chốn khiến cho chúng sinh tin, là Vị nhân Tất-đàn. Lại để đối phá hai chữ "A Âu"của ngoại đạo là bất như bất thị, đó gọi là Đối trị Tất-đàn. Lại "Như thị" là lời tin thuận. Có tin thì mới lãnh hội được lý đã nghe, có thuận thì mới thành Đạo trí tuệ của bậc thầy, tức là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Theo nhân duyên mà giải thích thì rất rộng, không thể chép đủ...

Căn cứ Giáo mà giải thích: Kinh dạy chư Phật ba đời đầu Kinh đều để hai chữ "Như thị". Phật trước có các kinh tiệm, đốn, bí mật, bất định. Tiệm lại có Tam tạng, Thông, Biệt, Viên. Nay Phật cũng như vậy. Các kinh không đồng thì Như thị cũng khác, không nên một chìa khóa mà mở hết mọi cửa. Lại, lời của Phật và A-nan hai văn không khác,

gọi là “Như”. Năng thuyên thuyên sở thuyên, gọi là “thị”. Nay A-nan truyền lại văn Phật nói thế nào thì truyền đúng thế ấy, là “thị”. Không thể dùng tiệm văn để truyền đốn, dùng văn Thiên giáo để thuyên Viên giáo. Truyền thuyên nếu sai thì văn không “Như”. Văn không như, thì lý không “thị”, nghĩa đây khó hiểu phải thêm ý cho rõ ràng tường tận. Lại, dựa theo Tiệm giáo phân biệt: Đức Phật dạy Thế đế thì có văn tự, Chân đế thì không có văn tự. A-nan truyền văn tự Tục đế của Phật cùng với Phật thuyết không khác cho nên gọi là “Như”, do vì văn tự Tục đế này hợp với lý Chân đế, cho nên gọi là “thị”. Đây là “Như thị” mở đầu các kinh thuộc Tam tạng giáo. Đức Phật dạy “Sắc tức là không không tức là sắc”. Sắc không, không sắc không hai không khác. Không và Sắc không khác, gọi là “Như”. Tức sự mà chân, gọi là “thị”. A-nan truyền lại lời của Phật không khác gọi là “Như”. Năng thuyên tức sở thuyên, gọi là “thị”. Đây là Như thị mở đầu các kinh thuộc Thông giáo. Phật dạy “Sinh tử là hữu biên, Niết-bàn là vô biên. Xuất sinh tử hữu biên nhập Niết-bàn vô biên, xuất Niết-bàn vô biên, nhập Trung đạo”. A-nan đã truyền lại pháp Xuất hữu biên nhập vô biên, xuất vô biên nhập Trung đạo, cùng Phật thuyết không khác, gọi là “Như”. Từ cạn đến sâu không gì chẳng gọi là “thị”. Đây là “Như thị” mở đầu các kinh của Biệt giáo. Phật dạy “Sinh tử tức Niết-bàn cũng tức Trung đạo”, huống gì Niết-bàn sao lại chẳng phải Trung đạo? Chân như pháp giới thật tánh thật tế, khắp tất cả nơi đều là Phật pháp. A-nan truyền lời đây cùng Phật thuyết không khác, cho nên gọi là ” Như”. Như như bất động, gọi là “thị”. Đây là “Như thị” mở đầu các kinh Viên giáo.

Nếu động tục nhập “Như”, là nghĩa của Tam tạng giáo, Bất động tục, tức “Như” là nghĩa của Thông giáo, Động như nhập Như là nghĩa của Biệt giáo, thì Bất động như mà Như, là nghĩa của Viên giáo... Nếu Như thị của Đốn giáo và của Viên giáo đồng, thì Như thị của Bất định giáo trước sau hỗ tương cho nhau. Bí mật thì ẩn mà không truyền. Bày diễn lưới giáo bao trùm biển pháp giới sợ còn có chỗ thiếu sót huống chi một mắc lưới, hoặc vì một mình giương lưới? Lại nhất thời chụp được bốn mũi tên không để cho rơi xuống đất, cũng chưa dám gọi là nhanh, đốc thúc lừa ngu rượt đuổi rùa què, một còn chẳng được huống gì là bốn!

Căn cứ Bản, Tích để giải thích “Như thị”: Ba đời mười phương ngang dọc đều như vậy, quá khứ xa thẳm hiện tại mênh mông, vị lai lâu dài, thảy đều “Như thị”, thế thì nơi nào là Bản? Nơi nào là Tích bản? Nếu căn cứ đức Thích Tôn tối sơ thành đạo, thì hai chữ “Như thị” ở

đầu kinh là Bản, thời gian chặng giữa làm Phật thuyết kinh thì ngày nay "Như thị" mở đầu các kinh đã thuyết đều là Tích. Lại, "Như thị" mà A-nan truyền, gọi là Tích. "Như thị" từ Phật thuyết, là Bản. Lại, "Như thị" mà thầy trò thông đạt chẳng phải mới ngày nay, cũng chẳng phải trung gian, gọi là Bản; mà cũng là trung gian, cũng là ngày nay, gọi là Tích.

Căn cứ Quán tâm mà giải thích: Quán các nghĩa của "Như thị" theo ba Tất-đàn trước của Tứ Tất-đàn đều là pháp nhân duyên sinh, tức là Thông quán, Nhân duyên "tức Không tức Giả" là Biệt quán. Hai pháp quán này là phương tiện đạo để được nhập Trung đạo đệ nhất nghĩa. Cả hai đều chiếu Nhị đế cũng Thông cũng Biệt quán. Phần đã nói ở trên đều là Trung đạo chẳng phải Thông chẳng phải Biệt quán.

Đoạn văn dưới nói: "Nếu có người nào tin lời ông (Thân-tử) nói, thì được thấy ta (Phật Thích-Ca), cũng được thấy ông và các Tỳ-kheo tăng cùng các vị Bồ-tát", đó là lời kinh nói về Quán. "Tin" là luận về căn cơ, "thấy" tức là "ứng", tức là nhân duyên. Lại, "tin" có cạn sâu, "thấy" có quyền có thật, đủ các thứ phân biệt không đồng, tức phân biệt giáo. Lại "tin lời kinh Pháp Hoa" thì thấy được nguồn gốc thật tướng. Nếu thấy Thân-tử biến hóa, thì thấy nguồn gốc của Long-đà. Nếu thấy được Thích Tôn mới thành đạo thì cũng thấy các Phật trước thành đạo từ lâu xa. Nếu thấy một ngàn hai trăm Tỳ-kheo, tám vạn Bồ-tát, thì cũng thấy rõ nguồn gốc của các vị kia. Lại nghe Kinh tâm tin thành không nghi ngờ, thì biết lòng tin này thanh tịnh sáng suốt, tức là "thấy Phật". Tuệ tâm luôn luôn phân minh, là "thấy Thân-tử". Các tâm sở phân minh là "thấy chúng Tỳ-kheo". Tâm từ bi thanh tịnh, là "thấy các Bồ-tát". Căn cứ tâm để làm bốn giải thích thỏa đáng rõ ràng. Nếu giải thích các kinh khác chỉ dụng ba ý, vì chưa phát sinh Bản hiển Tích. Phải biết ba giải thích của kinh này đồng với các kinh khác, một giải thích không đồng kinh khác. Bốn bước giải thích hai chữ "Như thị" đã xong.

"Ngã văn": Hoặc nghe như thị bởi kinh vốn không đồng trước sau xen nhau nêu lên, nay theo lệ chia làm bốn để giải thích. Đại luận nói: "Nhĩ căn không bị hư, tiếng ở trong phạm vi có thể nghe và ý muốn nghe". Các duyên hòa hợp cho nên nói: "Ngã văn". Hỏi: Lẽ ra nói "nhĩ văn", sao nói "ngã văn"? Đáp: "Ngã" là chủ Nhĩ căn, nêu "ngã" là thâu nhiếp các duyên. Đây là giải thích theo nghĩa thế giới Tất-đàn. A-nan đăng tòa xưng là "ngã văn". Đại chúng cảm động vì vừa thấy đức Như Lai ở đây xưng là "ngã văn" (Tôi nghe). Hàng vô học bay lên hư không thuyết kệ, kinh Phật nói rõ ràng, Văn-thù kết tập, trước hết xướng đề,

tiếp nói "Như thị ngã văn", khi ấy chúng đều cảm động khóc. Đây là giải thích theo nghĩa Vị nhân Tất-đàn. A-nan ngồi trên tòa cao xưng là "ngã văn" để loại bỏ sự nghi ngờ trong chúng, vì thân A-nan gần giống Phật, chỉ thấp hơn Phật ba đốt tay, nên chúng nghi đức Thích Tôn lại một lần nữa xuất thế, hoặc đức Phật ở cõi khác đến hoặc A-nan thành Phật. Nếu xưng "ngã văn" tức loại bỏ ba sự nghi, đây là giải thích theo nghĩa Đối trị Tất-đàn. A-nan là hàng Học nhân, tùy theo thế tục mà xưng "ngã văn", trong Đệ nhất nghĩa không có "ngã" không có "văn". Từ xưa đến nay, các sự giải thích đồng là một ý Nhân duyên vậy thôi.

Nếu căn cứ Giáo mà giải thích: Thích luận nói: Hàng phàm phu có ba loại ngã: kiến, mạn và danh tư. Bậc Học nhân có hai loại. Hàng Vô học có một loại. Ngài A-nan là hàng Học nhân, không có tà ngã, có thể chế phục mạn ngã, mà tùy theo danh tự của thế gian gọi là "ngã" thì không có lỗi. Đây là dùng ý Tam tạng để giải thích "ngã". Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa luận nói: Tứ cú nói về "ngã" đều rơi vào tà kiến. Trong chánh pháp của Phật không có ngã, thì ai nghe? Đây là dùng ý của Thông giáo. Đại kinh nói: A-nan là bậc đa văn, biết "ngã, vô ngã", là bất nhị, đồng thời phân biệt "ngã,vô ngã". Đây là dùng ý Biệt giáo. Lại nữa A Nan biết "ngã, vô ngã" là bất nhị, nên phương tiện làm thị giả truyền trì trí tuệ vô ngại của Như Lai, dùng âm thanh tự tại mà truyền Quyền truyền Thật có gì mà không được? Đây là dùng ý Viên giáo giải thích về "ngã".

Lại, kinh Chánh Pháp Niệm nói: Có ba A-nan. Nghĩa là: A-nan-đà, Trung hoa dịch là Hoan hỷ, thọ trì Tiểu thừa tạng. A-nan-bạt-đà, Trung hoa dịch Hoan Hỷ Hiền, thọ trì Tạp tạng. A-nan-bà-già, Trung hoa dịch là Hoan Hỷ Hải, thọ trì Phật tạng. Kinh A-hàm có Điển-tạng A-nan thọ trì Bồ-tát tạng. Bởi chỉ một người mà đầy đủ bốn đức, truyền trì bốn pháp môn, nghĩa đó tự rõ.

Giải thích theo Bản tích: Nếu chưa hội nhập, thì có thể nói A-nan tùy thế tục mà xưng là "ngã". Nếu phát Tích hiển Bản, ở chỗ đức Phật Không Vương đồng thời phát tâm, phương tiện thị hiện làm người truyền pháp, thì sao không thể được?

Giải thích theo Quán tâm: Quán các pháp là do nhân duyên sinh tức Không tức Giả tức Trung. Tức Không là ngã vô ngã, tức Giả là phân biệt ngã, tức Trung là chân diệu ngã... Giải thích chữ "văn"(nghe): A-nan sinh vào đêm Phật thành đạo, làm thị giả Phật hơn hai mươi năm, khi chưa làm thị giả Phật thì phải không nghe. Đại luận nói: "Khi A-nan kết tập pháp, tự nói rằng: khi Phật chuyển pháp luân lần đầu, ta lúc đó

không thấy". Như vậy dần dần nghe, nên biết không nghe hết thảy. Xưa giải thích A-nan được lực Tam-muội (tên) Phật giác, tự có khả năng nghe. Kinh Báo Ân nói: A-nan cầu bốn nguyện: Những kinh chưa nghe nguyện Phật nói lại một lần nữa. Lại nói: Phật khẩu mật vì A-nan mà nói. Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: Đức Phật từ trong kim quan hiện ra cánh tay vì A-nan mà lập lại hiện tướng nhập thai. Các kinh đều nghe, huống chi thuyết ở các chổ khác ư! Văn đây nói: A-nan được thọ ký liền nhớ đến bản nguyện hộ trì Phật pháp ngày trước đều như ngày nay. Đây là giải thích theo nghĩa nhân duyên.

Nếu căn cứ về Giáo: Hoan hỉ A-nan: Mặt sáng như trăng rằm, mắt như hoa sen xanh, thân gần thừa phụng tôn chỉ của Phật, ví như cái bát chưa đựng đầy nước, trao truyền giáo pháp để hóa độ người như rót nước từ bát vào bình khác, đây là truyền pháp được "nghe mà nghe". Hoan Hỷ Hiền ở vị Học đắc "Không, Vô tướng,Vô nguyện", các căn nhãn nhĩ tỷ thiệt... không còn lậu, truyền trì pháp "nghe mà không nghe". Cái mà Điển Tạng A-nan hàm chứa thọ nhận, nhiều như mây lớn giữ mưa, đây là truyền trì pháp "không nghe mà nghe". A-nan Hải là bậc đa văn, tự nhiên có thể hiểu rõ pháp thường và vô thường. Nếu biết Như Lai thường không thuyết một trăm tám mươi ba pháp, đó gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Phật pháp như nước trong biển lớn chảy vào tâm A-nan, đây là truyền trì pháp "không nghe mà không nghe". Kinh này thuộc về A-nan Hải trì Diệu pháp "không nghe mà không nghe". Bản tích giải thích: Như bốn giải thích về "nghe" ở trên đều là Tích dẫn mà Bản địa không thể nghĩ bàn... Quán tâm giải thích: Quán pháp do nhân duyên sinh, là quán "nghe mà nghe", quán Không là quán "nghe mà không nghe", quán Giả là quán "không nghe mà nghe", quán Trung là quán "không nghe mà không nghe"... Nhất niệm quán là diệu quán vậy.

Giải thích chữ "Nhất thời": theo Ngài Tăng Triệu nói: "Thời là khi Pháp vương bắt đầu mở vận hội" là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. Luận nói: "Ca-la" dịch là thời thật, là chỉ thời gian đệ tử trong sự tu, như thời ăn, thời mặc áo.... Đây giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. "Tam-ma-da" là thời giả, phá tà kiến ngoại đạo. Đây giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Nếu thời cùng đạo hợp, là giải thích theo Đệ nhất nghĩa Tất-đàn... Nếu Kiến đế trở lên, Vô học trở xuống thì gọi là "Hạ nhất thời". Nếu ba người đồng nhập Đệ nhất nghĩa, thì gọi là "Trung nhất thời".Nếu đăng địa trở lên gọi là "Thượng nhất thời". Nếu sơ trụ trở lên, thì gọi là "Thượng thượng nhất thời", Kinh này là "Thượng thượng nhất thời",

đây là căn cứ Giáo mà phân biệt. Bản tích: Các nhất thời nói bên trên, là Tích. Nhất thời lâu xa thật đắc, là Bản. Quán tâm giải thích: Quán tâm trước là Không, tiếp là Giả, sau cùng là Trung quán, là quán tâm theo thứ tự vậy. Quán tâm tức Không tức Giả tức Trung, là viên diệu quán tâm.

"Phật": Kiếp sơ thì không bệnh, kiếp tận thì nhiều bệnh, thọ mạng dài thì vui, thọ mạng ngắn thì khổ, Đông thiên hạ thì giàu mà thọ mạng dài.Tây thiên ha thị giàu châu báu, nhiều trâu dê. Bắc thiên hạ thì không ngã, không thần thuộc. Thời gian nơi chốn như các chổ đó không cảm được Phật xuất thế. Khi tám vạn tuổi, Khi thọ một trăm tuổi. Chúng sinh ở Nam thiên hạ chưa thấy quả mà tu nhân, cho nên đức Phật xuất hiện cõi ấy. Ly-Xa-Tử nói: "Nước Ma-kiệt -đề như ao lớn, nên Phật xuất hiện ở nước ấy như hoa sen lớn". Vô Thắng nói: "Phật với chúng sinh bình đẳng không hai, vì các ông đam mê ngũ dục nên không thấy Phật đó thôi. Chẳng phải đức Phật bỏ các ông mà xuất hiện ở nước Ma-kiệt-đề". Đây là giải thích theo nghĩa Thế giới Tất-đàn. Mặt trời nếu không xuất hiện trong ao thì hoa chưa sinh hay sinh rồi... cũng úa tàn chết, không nghi ngờ gì. Phật nếu xuất hiện ở đời thì có Sát-lợi, Bà-la-môn Cư sĩ, Tứ thiên vương cho đến trời Hữu đảnh. Đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Căn tánh Tam thừa cảm Phật mới xuất thế, các hàng khác không thể cảm Phật. Khéo đoạn nhân Hữu đảnh thì vĩnh viễn vượt dòng sinh tư. Đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Đức Phật đối với pháp tánh không động không xuất, có thể cho chúng sinh cảm thấy động xuất, nhưng đức Như Lai thật không động xuất. Đây là giải thích theo Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Đều là giải thích theo Nhân duyên. Phật gọi là Giác giả, Tri giả, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề giác tri tổng tướng biệt tướng thế gian xuất thế gian. Giác thế gian tức Khổ,Tập. Giác xuất thế gian tức Đạo, Diệt. Cũng có thể giác tha. Ngài hiện thân ở thế gian như Trưởng lão Tỳ-Kheo, thân cao một trượng sáu, thọ tám mươi năm. Dưới cây Bồ-đề đoạn hết tập khí phiền não của ba mươi bốn tâm mà thành Chánh giác. Đây tức là nghĩa Phật tự giác giác tha theo Tam tạng giáo. Mang hình bóng một Trưởng lão Tỳ-Kheo, tức hiện thân tôn quý đặc thù, ngồi dưới gốc cây nhất niệm tương ưng đoạn hết tập khí còn sót lại, tức nghĩa Phật tự giác giác tha theo Thông giáo. Riêng hiện tương tôn quý đặc thù ngồi đài hoa sen, thọ chức danh làm Phật, tức nghĩa Phật tự giác giác tha theo Biệt giáo. Ẩn ba tướng trước, chỉ thị hiện tướng bất khả tư nghì như hư không, tức nghĩa Phật tự giác giác tha theo Viên giáo. Cho nên, kinh dạy: "Hoặc thân Như Lai một trượng sáu,

hoặc thấy thân lớn thân nhỏ, hoặc thấy ngồi trên đài hoa trăm ngàn đức Thích-ca thuyết pháp môn tâm địa, hoặc thấy thân đồng hư không biến khắp pháp giới không có phân biệt, tức nghĩa này vậy. Đó gọi là căn cứ Giáo mà phân biệt giải thích.

Giải thích theo Bản tích: một đức Phật là bản, ba đức Phật là Tích. Trung gian thị hiện, thường nói sinh, thường nói diệt, đều là Tích. Chỉ có bốn đức Phật ở bản địa đều là bản. Giải thích theo Quán tâm: Quán tâm do duyên sinh, trước là Không, tiếp đến là Giả, sau cùng là Trung, đều là thiên giác. Quán tâm tức Không tức Giả tức Trung, là viên giác...

Giải thích chữ "Trụ": Là năng trụ sở trụ. Sở trụ tức là thành Vương-xá, ở cõi Ta-bà. Năng trụ tức là bốn oai nghi. "Trụ" là ở thế gian chưa mất, đây là giải thích theo Thế giới Tất-đàn Lại "trụ" là trụ thập thiện đạo, trụ trong tứ thiền, đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Lại, "trụ" là trụ trong ba Tam-muội, đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Lại, "trụ" là trụ Thủ-lăng-nghiêm tức là giải thích theo Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Dựa theo Giáo giải thích: Theo Tam tạng giáo thì Phật từ "phân tích môn" phát sinh chân vô lậu, trụ Hữu dư, Vô dư Niết-bàn. Theo Thông giáo thì Phật từ "thể môn" phát sinh chân vô lậu, trụ Hữu dư,Vô dư Niết- bàn. Theo Biệt giáo thì Phật từ "thứ đệ môn"mà nhập, trụ tạng bí mật. Theo Viên giáo, thì Phật từ "bất thứ đệ môn" mà nhập, trụ tạng bí mật. Ba Phật trước thì năng, sở trụ đều thô, một đức Phật sau thì năng, sở trụ đều diệu. Nay kinh này thì Viên Phật trụ diệu trụ.

Căn cứ Bản Tích giải thích: Tam tạng Phật ưng nhập Niết-bàn, từ bi hiện tích sinh thân trụ thế. Thông Phật thệ nguyện từ bi, phò giúp trừ các tập khí còn sót lại, độ chúng sinh làm Phật sự. Biệt, Viên Phật đều từ bi huân pháp tánh, thương xót chúng sinh trong biển khổ nên rũ lòng từ ứng khắp pháp giới để cứu độ. Nên biết: bốn đức Phật trụ Bản Phật trụ, vì lòng từ nên trụ trong thành Vương-xá cõi Ta-bà. Uy nghi trụ thế gian, gọi là Tích trụ.

Quán giải thích: Quán trụ cảnh, hoặc trụ cảnh vô thường, tức là các cảnh tức Không tức Giả tức Trung. Dùng pháp vô trụ mà trụ trong cảnh, nên gọi là "trụ".

Thành Vương-xá: Thiên Trúc gọi là "La-duyệt-kỳ-Già-la". La-duyệt-kỳ, Trung hoa dịch "Vương-xá". Già-la, Trung hoa dịch là "Thành", Nước tên Ma-già-đà, Trung hoa dịch "Bất hại", là không có hình pháp giết hại. Cũng gọi Ma-kiệt-đề, Trung hoa dịch "Thiên La". Thiên La là tên vua, lấy tên vua đặt tên nước. Đời tiền kiếp vua

này là cha của Bác-Túc. Từ kiếp xa xưa, có vị vua làm bá chủ của một ngàn nước nhỏ, một hôm vua tuần du trong núi gặp con sư tử cái, lúc mọi người tản mác vua cùng sư tử giao hợp, về sau đủ ngày tháng thì sư tử cái đến cung điện sinh con. Vua biết là con mình mà dối nói ta không có con, đây chính là trời ban cho ta để nuôi làm thái tử. Vì trên chân người đó có nhiều vết loang lổ, nên người đời gọi là Bác-Túc. Về sau nối ngôi làm vua, vua này ưa ăn thịt bảo người đầu bếp rằng bữa ăn không được thiếu thịt. Một hôm, không may thiếu thịt người đầu bếp vội đến phía Tây thành, giết một đứa trẻ làm bữa ăn cho vua. Vua ăn khen ngon liền bảo phải thường dâng thịt đó. Người đầu bếp cứ mỗi ngày bắt một người làm thịt, cảnh tượng trong nước thê thảm khủng khiếp, ngàn nước nhỏ dấy lên phế bỏ vua. Vua vào trong núi Kỳ-xà-quật có các La-sát quỷ vương phụ giúp, nhân đó vua cùng với sơn thần thề nguyền lấy một ngàn cái đầu của ngàn vua để tế thần. Sau đó vua bắt lấy được chín trăm chín mươi chín vị vua, chỉ còn thiếu một vua Phổ Minh. Về sau, dò la bắt được. Vua bị bắt liền khóc lớn, than rằng: “Ta chưa từng nói dối mà nay phải bội tín!”. Bác Túc hỏi han cớ sự rồi thả vua Phổ Minh. Vua về nước mở đại thí, lập thái tử, rồi trở lại chịu chết thân tâm vẫn tự tại yên vui. Bác Túc hỏi, vua trả lời vì được nghe thánh pháp. Nhân đó thuyết pháp tán thán tâm từ bi, hủy bỏ tập khí sát hại, liền thuyết kệ Tứ phi thường... Bác Túc nghe pháp chứng đắc Không bình đẳng địa, tức Sơ địa. Ngàn vị vua mỗi người đều lấy một giọt máu và ba sợi tóc để tế sơn thần. Bác Túc cùng ngàn vị vua ấy lập Xá thành, chọn giữa năm hòn núi, lập nên một đại quốc, còn ngàn vua nước nhỏ đều truyền ngôi cho con, ngàn vua con lần lượt biết hiểu việc của nước lớn. Lại, dân chúng ở trong năm hòn núi bảy phen làm nhà đều bị cháy. Dân chúng bàn luận rằng do chúng ta phước mỏng số phải bị hỏa hoạn nhiều lần, chỉ có vua mới có đủ phước lực nên nhà kia không cháy, từ nay về sau nên bỏ nhà của ta làm nhà của vua (để khỏi bị cháy). Do tránh bị cháy cho nên gọi là Vương-xá thành. Lại nữa, Bác Túc cùng một ngàn vị vua làm nhà ở trên đất ấy, cho nên gọi làVương-xá. Lại, Bác Túc đắc đạo “ân xá” cho ngàn vị vua, ngàn vị vua được ân xá trên đất ấy, nên đặt đất ấy là Vương-xá. Chữ “Xá” là tha tội, mà các nhà viết kinh mượn âm chép chữ ốc Xá (là nhà) vậy. (Nhân duyên này rút ra từ Đại luận và các kinh)...

Căn cứ Giáo giải thích: Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Tất cả đại chúng chỗ thấy không đồng, hoặc thấy rừng Sa-la toàn là đất sỏi cỏ cây vách đá, hoặc thấy bảy báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy rừng

này là nơi du hành của ba đời chư Phật, hoặc thấy rừng này tức là cảnh giới bất khả tư nghì của chư Phật, là thể pháp chân thật. Qua đây biết bốn sự thấy không đồng, Sở trụ đã vậy, Năng trụ cũng như thế. Đây là căn cứ Giáo để phân biệt. Bản tích, Quán tâm sẽ nói phần sau.

"Núi Kỳ-xà-quật": Trung hoa dịch Linh Thứu, cũng gọi là Thú Đầu, cũng gọi là Lang Tích. Lương Vũ đế nói: "Vua dẫn thơ tiếng chim hót trong rừng ví như đôi vợ chồng người quân tử". Sách Nhĩ Nhã nói: Tựa như chim Chí. Lại giải thích: Sơn Phong giống như hình chim Thứu mạnh mẽ, phong gọi là núi. Lại nói: Phía Nam núi có rừng Thi-đà, loài chim Thứu sau khi ăn thây chết, thường nghỉ đậu ở trên núi, người thời ấy gọi là Thứu sơn. Lại giải: Đức Phật đời trước, Đức Phật đời nay đều ở trên núi này. Nếu sau khi Phật diệt độ thì A-la-hán trụ. Pháp diệt thì Bích-chi-phật trụ, không có Bích-chi-phật thì quỷ thần ở, đã là nơi thánh linh ở. Tổng có ba việc, do đó gọi là núi Linh Thứu. Gồm có năm tinh xá: Bễ-bà-la-bạt, Trung hoa dịch Thiên chủ huyệt. Tát-đa-bàn-na-cầu-ha, Trung hoa dịch Thất diệp huyệt. Nhân đà Thứ-thế-la-cầu-ha, Trung hoa dịch Xà thần sơn. Tát-bà thứ hồn trực Ca-bát-bà-la, Trung hoa dịch Thiểu độc Lực sơn. Thứ năm là Kỳ-xà-quật sơn.

Hỏi: Kiếp lửa đốt cháy thiên địa, thành quách cháy sạch sẽ, tại sao Đức Phật trước Đức Phật sau đồng ở trên núi này?

Đáp: Kiếp sau tái hiện lại kiếp trước. Người có thần thông biết tên kiếp trước đặt tên cho ngày nay đó thôi! Ví như họ kiếp trước là Cù-đàm, dùng họ ngày xưa đặt cho họ ngày nay.

Theo Giáo giải thích núi, cũng như giải thích nghĩa thành đã nói...

Quán giải thích: "Vương" tức tâm vương, "xá" tức ngũ ấm. Tâm vương tạo nhà (xá) này, nếu bẻ gãy ngũ ấm thì nhà là Không, Không là thành Niết-bàn, quán này không sâu như thấy đất cây, v.v... Nếu quán nhà ngũ ấm tức Không, Không tức là thành Niết-bàn, tức là theo Thông giáo vậy. Nếu quán nhà ngũ ấm do diệt sắc vô thường này thì thâu hoạch được sắc thường, thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy, bốn đức thường lạc ngã tịnh này là nơi du hành của chư Phật. Nếu quán ngũ ấm tức pháp tánh; pháp tánh không có thọ tưởng hành thức, thì tất cả chúng sinh tức là Niết-bàn, không thể còn diệt nữa, là "nhà Không tịch rốt ráo". Niết-bàn như thế tức là thực thể của chân như...

Quán tâm giải thích "núi Linh Thứu": Nếu quán sắc ấm vô tri như "núi", thì thức ấm như "Linh", ba ấm kia như "thứu". Quán "Linh thứu" này vô thường, tức Chiết quán (phân tích quán). Quán "Linh thứu" này

tức Không, là Thể quán. Quán "Linh" tức trí tánh, là Liễu nhân, trí tuệ trang nghiêm, "Thứu" tức là Duyên nhân tụ tập phước đức trang nghiêm; "Núi" tức là pháp tánh, là chánh nhân bất động. Ba pháp gọi là bí mật tạng, tự trụ trong đó, cũng dùng để độ người. Văn dưới nói: Phật tự trụ trong Đại thừa, tức trụ ở hai Biệt, Viên quán.

"Trung": ở giữa, ở trong: Phật ưa Trung đạo, từ trong cõi trời giữa ngày giáng sinh ở giữa nước, giữa đêm diệt độ, đều tiêu biểu Trung đạo, nay ở trong núi thuyết Trung đạo.

Giải thích chúng đồng văn, chia làm ba:

1. Chúng Thanh văn.
2. Chúng Bồ-tát.
3. Tạp chúng.

Các kinh phần nhiều nói như vậy. Xưa phân biệt theo Sự theo Nghĩa. Theo Sự: Là theo hình dáng tích thân sơ, Thanh văn hình dáng ra khỏi ràng buộc thế tục, dấu tích gần với Như Lai, chứng ngộ kinh, vì thân cho nên nêu trước. Trời, người khác, thì hình dáng y phục, dấu tích không phải hầu hạ phụng thờ, chứng ngộ kinh, vì sơ cho nên nêu sau. Bồ-tát hình dáng không câu nệ, dấu tích không định nơi chốn, đã không đồng tục lại khác với Tăng, nên nêu lên ở giữa. "Theo Nghĩa": Hàng Thanh văn ham vui Niết-bàn. Trời, người thì đắm trong sinh tử, mỗi bên đều có sự thiên lệch. Bồ-tát không ham vui Niết-bàn cũng chẳng đắm sinh tử, ở giữa cầu tông chỉ nên ở giữa hai bên. Ý của Thích luận cũng như vậy. Nay đây chỉ một giải thích mà như hai cách giải thích xưa. Giải thích về Sự như nhân duyên, giải thích về Nghĩa như theo giáo. Bản tích giải thích: Hàng Thanh văn trong bí mật, ngoài hiện tướng, đâu từng giữ lấy chứng Niết-bàn? Trời, người đều là đại Bồ-tát đâu thể tham đắm nhiễm sinh tử? Đều là Tích dẫn dắt nhị biên, mà Bản thường là Trung đạo. Quán tâm giải thích: Quán từ Giả nhập Không tức riêng phá sinh tử, quán từ Không nhập Giả tức riêng phá Niết-bàn, Trung đạo chánh quán không còn trước sau...

I. LIỆT NÊU HÀNG THANH VĂN chia làm hai:

1. Tỳ-kheo.
2. Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo lại có hai: Trí thức nhiều và Trí thức ít. Xưa gọi là "Đại danh văn, Tiểu danh văn", tuy nhiên không có căn cứ. Nay y văn phân tích như đây.

- Hạng trí thức nhiều, chia làm sáu: Loại, Số, Vị, Thán, Liệt danh

và Kết.

1. Loại: Đều là một loại Đại Tỳ-kheo, thí như các loại người khắp các phương giàu sang hay nghèo cùng đều có thứ bậc, nay các Tỳ-kheo đều là chúng có tri thức, có danh, đức cao lớn (Đại đức). Luận giải thích rõ chữ "dữ": nghĩa là cùng, nêu bảy lần nhất để giải thích nghĩa chung: nhất thời, nhất xứ, nhất giới, nhất tâm, nhất kiến, nhất đạo, nhất giải thoát. Nếu trải qua giáo thì nên mỗi mỗi nêu rõ bảy cái Nhất. Tam tạng một lần bảy Nhất, Thông giáo nêu hai lần bảy Nhất, Biệt giáo nêu vô lượng lần bảy Nhất. Viên giáo nêu một lần bảy Nhất. Nếu chưa phát sinh Tích thì chính là bảy Nhất trong Tam tạng và Thông giáo. Nói rõ hai ý này có bao nhiêu cái khác nhau? Thời, xứ, giới, giải thoát thì đồng; ba loại tâm kiến, đạo thì khác. Nếu đến khai tam hiển nhất, tức được nhập bảy Nhất của Viên giáo. Pháp Hoa luận nêu bốn hạng Thanh văn. Nay chia Trụ quả làm hai: Chiết pháp trụ quả là Tam tạng Thanh văn, Thể pháp trụ quả là Thông giáo Thanh văn. Chia Ứng hóa làm hai: Đăng địa là Ứng hóa Biệt giáo Thanh văn, Đăng trụ là Ứng hóa Viên giáo Thanh văn. Chia Phật đạo Thanh văn cũng làm hai: Khiến người khác thứ tự nghe Phật đạo là Biệt giáo Thanh văn, khiến người khác không theo thứ tự nghe Phật đạo, tức Viên giáo Thanh văn. Nghĩa Thanh văn rộng lớn như vậy, tại sao dùng sự chứng Niết-bàn để phê phán?

"Đại": Thích luận nói "đại" cũng gọi là Đa (nhiều) cũng gọi là Thắng (thù thắng). Tính chất đáng tôn trọng, làm vua cõi trời v.v.. được mọi người cung kính, cho nên gọi là "đại". Vượt lên trên chín mươi lăm thứ ngoại đạo, nên nói "Thắng". Hiểu biết tất cả các kinh sách, nên gọi "đa". Lại, số lên đến một vạn hai ngàn, cho nên nói "đa". Nay nêu rõ: vì có đại đạo nên có đại dụng nên có đại tri, cho nên nói "đại". Thắng: Đạo thắng, dụng thắng, tri thắng, cho nên nói "thắng". Đa: Đạo đa, dụng đa, tri đa cho nên nói đa. Đạo tức Tánh niệm xứ, rộng lớn hơn tất cả trí của ngoại đạo. Dụng tức Cộng niệm xứ, vượt hơn thần thông của ngoại đạo. Tri tức Duyên niệm xứ. Đa, là nhiều hơn Tứ vệ-đà của ngoại đạo. Căn cứ Giáo để giải thích "Đại, đa, thắng": Đại, là người có địa vị đáng tôn kính, là giải thích theo Tam tạng. Đại, là đại lực La-hán cung kính. Đa: Biến tri pháp sinh diệt tức vô sinh diệt. Thắng: Là thắng Tam tạng tứ môn, đây là giải thích theo Thông giáo. Lại, Đại là thể pháp đại lực La-hán tôn kính. Đa, là hằng sa Phật pháp đều biết. Thắng, là hơn hàng nhị thừa. Đây là giải thích theo Biệt giáo. Lại, Đại là các đại Bồ-tát được cung kính. Đa, là pháp giới pháp bất khả lượng đều biết hết. Thắng là hơn các Bồ-tát. Đây là giải thích theo Viên giáo. Bản tích

giải thích: Các đại đức này từ kiếp xa xưa từng được chư Phật quở trách, nhắc nhở, vốn đã được Thắng tràng Tam-muội siêu vượt các ngoại đạo, trước kia đã thành tựu Chủng trí biết khắp. Tích: ngày nay phụ giúp Phật hành hóa thị hiện làm “đại, đa, thắng” trong ái kiến, muốn dẫn vị Sữa thành vị Lạc, cho nên làm “đại, đa, thắng” trong Tam tạng. Muốn dẫn vị Lạc thành vị Sinh tô, cho nên thị hiện “đại, đa, thắng” trong Phương-đẳng. Muốn dẫn vị Sinh tô thành Thục tô, cho nên dạy Chuyển giáo làm “đại, đa, thắng” trong Bát-nhã. Muốn dẫn vị Thục tô thành Đề hồ, tức làm “đại, đa, thắng” trong Pháp Hoa. Như thế giải thích “đại, đa, thắng” theo Bản địa kia rồi vậy

Giải thích theo Quán tâm: Không quán là đại, Giả quán là đa, Trung quán là thắng. Lại căn cứ trực tiếp Trung quán: tâm tánh rộng lớn như hư không, nên gọi là “đại”. Cùng lúc ngăn nhị biên nhập biển tịch diệt, nên gọi là “thắng”. Song chiếu nhị đế phần lớn bao dung nhất tâm nhất thiết tâm, cho nên gọi là “đa”.

“Tỳ-kheo”: Ngài Tăng Triệu nói: Đời Tần gọi là: Tịnh mạng khất thực, phá phiền não, năng trì giới, bố ma, một tên ở Thiên Trúc bao hàm bốn nghĩa đây, đời Tần không dùng bản dịch cho nên còn gọi tên cũ. Ngài La-thập nói: Ban đầu mới ra khỏi nhà thê tử phải nên khất thực tự nuôi thân mạng thanh tịnh, sau để vượt ra khỏi nhà tam giới thì phải phá phiền não, tự giữ gìn giới, đủ hai nghĩa này thì thiên ma rất sợ hãi ra khỏi cảnh ấy. Thích luận nói: Bố ma, phá ác, Khất sĩ. Ma thì ưa sinh tử. Vị kia đã ra khỏi nhà sinh tử lại hóa độ người khác, đều lìa ba cõi, trái với ý ma, cho nên ma dùng sức chế phục, khiến bị năm thứ trói buộc, làm ngược lại thì ma chỉ sầu muộn sợ hãi mà thôi, cho nên gọi là bố ma. Người xuất gia quyết phá bảy chi ác nơi thân khẩu, cho nên nói phá ác. Xét rằng người tại gia có ba hạng như pháp: 1. Làm ruộng; 2. Buôn bán; 3. Làm quan, dùng để nuôi thân mạng. Người xuất gia Đức Phật không cho làm những việc đó, chỉ xin ăn để nuôi sống thân mạng, yên tâm tu đạo, giữ phước lợi cho đàn-việt. Ba nghĩa nương nhau thành tức là nghĩa Tỳ-kheo. Niết-bàn Bảo Lương đều nêu phá ác tức Tỳ-kheo, như thế là nói không đủ. Nay nêu rõ ba nghĩa này thích ứng chung từ đầu đến cuối. Như khi mới xuất gia bạch tứ yết-ma, vô tác giới lực trùm khắp tất cả cảnh trái ngược vô tác ác. Ban đầu tu thiền định phát sinh định cộng giới, ngăn ngừa hàng phục ý địa tham sân không sinh khởi. Ban đầu tu quán tuệ phát tương tự đạo cộng giới, năng hàng phục phiền não. Thế thì hàng sơ tâm cũng gọi là “phá ác”, đâu riêng gì hậu tâm? Bố ma: Ban đầu xuất gia cạo tóc lãnh thọ giới pháp rồi khiến

cho ma buồn rầu, sau tu định muốn hàng phục phiền não, tu tuệ muốn phá phiền não. Thế thì hàng sơ tâm cũng khiến cho ma sợ hãi, đâu riêng gì hậu tâm? Khất sĩ: Ban đầu lìa tà mạng, tự xin ăn để nuôi sống, sau tu thiền lịch cảnh cầu định, tu tuệ duyên lý cầu vô lậu, đều là Khất sĩ, huống chi tâm tương ưng mà chẳng phải Khất sĩ ư? Vì đủ nghĩa đây nên gọi chung là Tỳ-kheo. Các nhà chú giải kinh đều tán thán Tỳ-kheo hậu tâm. Đây đều là ý của Tam tạng giáo. Như lịch duyên cầu chân đạo, gọi là Khất sĩ. Phá lậu hoặc làm chướng lý, gọi là phá ác. Tu hành như đây, khiến bốn ma sợ hãi, tức nghĩa của Thông giáo. Như trải qua ba đế mà cầu lý, gọi là Khất sĩ, trừ lậu hoặc của Thông Biệt, gọi là phá ác. Khiến cho tám ma mười ma sợ, là nghĩa Biệt giáo - Tức nơi sinh tử cầu mùi vị Thật tướng, gọi là Khất sĩ. Thông đạt phiền não tức Bồ-đề, gọi là phá ác. Cõi ma tức là cõi Phật, đó là nghĩa Viên giáo. Nếu chưa phát Tích, thì chỉ nêu hai nghĩa trước. Nếu đã hiển Bản, thì đầy đủ ý sau. Căn cứ Bản tích giải thích: Vốn đã lên đỉnh núi Niết-bàn khác biệt với vô minh si ái là cha mẹ, kết nghiệp là vợ con, v.v... vượt ra khỏi nhà Phần đoạn và Biến dịch, từ lâu đã trừ ngũ trụ thì có ác nào mà không phá? Đã thâu hoạch pháp hỷ chân thật như ăn vị sữa ngon, hoàn toàn không còn gì để xin nữa. Gìn giữ Trung đạo, đạo cộng giới Ba-la-mật, giới độ nhiếp chúng sinh. Hàng phục cõi ma thì cõi Phật như cảnh, có thể tùy ý cỡi xe. Bản địa công đức đã thành tựu từ lâu, vì muốn điều phục chúng sinh, Tích, thị hiện ngũ vị Tỳ-kheo để truyền trao dẫn dắt cho chúng sinh... như trước đã giải thích.

Quán tâm giải thích: Quán nhất niệm tâm tịnh như hư không, không bị nhị biên bó buộc ngăn ngại, bình đẳng đại tuệ vô trụ không chấp trước, tức gọi xuất gia. Dùng Trung quán tự nuôi sống pháp thân tuệ mạng, gọi là Khất sĩ. Quán ngũ trụ phiền não tức là Bồ-đề, đó gọi là phá ác. Tất cả các bên điên đảo đều là Trung đạo tức là bố ma...

Giải thích chữ "Chúng": Thiên Trúc gọi là Tăng-già, Trung hoa dịch là "Chúng hòa hợp". Một người không thể gọi là hòa hợp, bốn người trở lên mới gọi là hòa hợp. Sự hòa không biệt chúng, Pháp hòa không biệt lý, Đức Phật thường cùng một ngàn hai trăm năm mươi người: ba anh em Ca-diếp cùng đệ tử tổng cộng là một ngàn người. Hai ngài Thân Tử, Mục-kiền-liên cùng hai trăm năm mươi người đệ tử lại, nói ngài Da-xá có năm mươi người. Tạp A-hàm quyển bốn mươi lăm nói: Trong năm trăm Tỳ-kheo có chín mươi người đắc tam minh, chín mươi người câu giải thoát, số còn lại chỉ có tuệ giải thoát.

Thích luận nói có bốn hạng Tăng: Không nương tịnh mạng, nên

gọi là Tăng phá giới. Không hiểu pháp luật, gọi là Tăng ngu si. Tu ngũ phương tiện, gọi là Tăng tàm quí. Khổ pháp nhẫn trở đi, gọi là Tăng chân thật. Trong chúng này chẳng phải ba hạng trước, mà chỉ là Tăng chân thật. Nếu giải thích theo bốn giáo, thì Tăng đây gồm cả thiên viên năm vị. Người trong chúng Đồng văn nay chính là chứng tín trong Viên giáo. Bản tích giải thích: Bản cùng với lý thật tướng hòa hợp, lại hòa hợp cùng với căn cơ của pháp giới chúng sinh, nhưng trong Tích môn thì thị hiện là Tăng bán tự sự lý, trải qua ngũ vị giáo để dẫn dắt các chúng sinh... Quán giải thích: Hàng sơ học ở Trung quán nhập tương tự quán, vì chưa phát ra được Tàm chân thật đệ nhất nghĩa, chỉ hổ thẹn (quý) với Thánh nhân, tức là Tăng có tàm quí. Nếu quán tuệ, phát ra thì là Tăng chân thật. Nếu khác với đây tức là hai hạng Tăng trước. Không y quán hành, gọi là Tăng phá giới. Không hiểu quán tướng, gọi là Tăng ngu si. Đây là nêu nghĩa loại đã xong.

2. Số: "Một vạn hai ngàn người". Bản tích: Bản là một vạn hai ngàn Bồ-tát, Tích là một vạn hai ngàn Thanh văn. Quán: Quán mười hai Nhập, một Nhập đủ mười pháp giới, một giới lại có mười giới, mỗi một giới đều có mười như thị, tức là một ngàn. Một nhập đã là một ngàn, thì mười hai nhập tức là mười hai ngàn pháp môn.

3. Vị: "đều là A-la-hán". Kinh A-nan-bạt gọi là Ứng chân. Kinh Thuỵ Ứng nói Chân nhân đều là Vô sinh, giải thích là La-hán. Bản dịch xưa gọi là Vô trước, Bất sinh, Ứng cúng, hoặc nói không dịch tên bao hàm ba nghĩa, vì hạt lúa vô minh đã bị bóc vỏ, cho nên trong ruộng đời sau không thọ quả báo sinh tử, cho nên nói Bất sinh. Vì đoạn hết chín mươi tám sử phiền não, nên gọi Sát tặc. Đầy đủ công đức Trí, Đoạn, có khả năng làm phước điền cho Trời người, nên nói Ứng cúng. Bao hàm ba nghĩa này giải thích A-nan La-hán, hoặc nói ban đầu mới học vô sinh, sinh mà chưa vô sinh. Ban đầu tuy bố ma mà ma chưa sợ lắm. Ban đầu tuy Khất sĩ chưa phải rõ ràng Ứng cúng. Nay được Vô sinh nhẫn, phá hết giặc phiền não, là ruộng tốt, dùng quả đối nhân mà giải thích ba nghĩa của La-hán. Nếu luận thành tựu thì nên chọn ba nghĩa quả, nếu chung với sơ học thì cũng nên chọn ba nghĩa nhân. Giải thích như đây đều là trong ý Tam tạng và Thông giáo. Nếu theo Biệt giáo, Viên giáo thì nghĩa không như vậy. Không phải chỉ sát tặc mà cũng sát không tặc. Không tặc là Niết-bàn, cũng phải phá cho nên nói nghĩa sát tặc. Bất sinh đối với sinh cũng bất sinh bất sinh, vô lậu là bất sinh. Chẳng những ứng cúng mà còn là Cung ứng. Tất cả chúng sinh là Cung ứng, đều tán thán công đức của hàng Sơ địa Sơ trụ. Bản tích: Bản là được Nhất thừa

Bất thọ Tam-muội, đối nhị biên không còn chấp trước cho nên nói Bất sinh. Đoạn ngũ trụ hoặc, cho nên nói Sát tặc. Có thể làm phước cho chín đường lợi ích chúng sinh, cho nên nói Ứng cúng. Đây là nghĩa Bản. Phượng tiện độ chúng sinh trải qua ngũ vị giáo truyền trao làm bất sinh, là nghĩa Tích. Lại Bản là Pháp thân, Tích thị hiện lợi mình. Bản là Bát-nhã, Tích thị hiện Bất sinh. Bản là giải thoát, Tích thị hiện Sát tặc...

Quán tâm: Không quán là Bát-nhã, Giả quán là Giải thoát, Trung quán là Pháp thân. Lại quán tâm: quán Giả nhập Không cũng có ba nghĩa, cho đến quán Trung đạo. Sát giặc vô minh, không sinh tâm Nhị thừa; cúng dường người này, như cúng dường Thế Tôn. Kinh Phương Đẳng nói: "Cúng Phật và Văn-thù không bằng thí cho người hành Phương đẳng, một bữa ăn đủ nuôi thân thể". Văn dưới nói: "Chê, khen Phật thì tội phước nhẹ hơn chê khen người trì kinh". Vì sao? Vì Phật không có tưởng thực (không tưởng việc ăn uống), từ lâu ngài đã lìa bát phong, không bị tổn ích.Thí cho người trì kinh thì nhục thân nối tiếp báo mạng, sinh pháp thân, tăng tuệ mạng, cho nên có ích. Chê bai làm họ buồn phiền, thoái tâm, hối hận, để mất thời cơ tốt không thể cứu vãn được, cho nên tổn hại lớn...

4. Tán thán: Có năm câu tán thán ba đức trên. Pháp Hoa luận nói: Câu đầu tổng, câu sau biệt.Phải biết các câu đều tán thán A-la-hán. "Các lậu đã hết, không còn phiền não": hai câu này tán nghĩa "Sát tặc" trên. "Lậu" là ba lậu. Thành luận nói: "Thất đạo, cho nên gọi là lậu". Luật nói: "Người si tạo nghiệp, mở cửa các lậu". Luận Tỳ-đàm nói: Lậu rơi trong sinh tử. Luận, Luật nói khác nhau mà đồng rõ nghĩa lậu, bởi do giặc cuồng mê đánh mất hết lý thật, bần cùng cô độc tạo ác nghiệp, gây nên khổ sinh tử, đánh mất pháp thân tuệ mạng, bỏ báu vật quý giá đều là nghĩa "tặc". Không thích ứng là nghĩa Bất sinh là tán tán thán đức. "Phiền não": tức chín mươi tám sử là Lưu, Ách, Triền cái... bức não người tu hành. Phiền não là năng nhuận, lậu nghiệp là sở nhuận. Năng sở đã tận, chính là nghĩa Sát tặc, đâu được tán thán nghĩa bất sinh? "Được lợi mình", một câu là tán thán Ứng cúng. Nhân quả trong ba cõi đều gọi "người khác". Trí Đoạn công đức, gọi là "lợi mình". Lợi mình đầy đủ cho nên thành Ứng cúng. Hai câu: "dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại" (tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại), là tán thán Bất sinh. "Các cõi (chư hữu)" tức hai mươi lăm cõi, là chổ ở của chúng sinh. "Sự ràng rịt (kết)" là nhân khiến sinh trong hai mươi lăm cõi. Nhân tận thì quả mất, là tán thán nghĩa Bất sinh, không đúng tán thán Sát tặc. La-hán chỉ ứng Kết tận mà chưa ứng Hữu tận. Hữu tận, là trong nhân nói

quả. Lại "tận" là không còn lâu xa nữa. "Tâm được tự tại", định đầy đủ gọi là "tâm tự tại". Tuệ đầy đủ, gọi là tuệ tự tại. Tuệ tự tại thì chưa hẳn tâm tự tại. Tâm tự tại chắc hẳn tuệ tự tại. Nay nói tâm tự tại tức là định tuệ đầy đủ. Đều là người giải thoát. Người Câu giải thoát thì không còn sinh nữa (sinh quyết định tận), nghiệm biết tán thán đức Bất sinh. Nếu y Pháp Hoa luận, thì gọi là Thượng thượng khởi môn. Đó là lấy sau giải thích trước. Luận nói: "do các lậu tận, cho nên gọi là La-hán, do tâm được tự tại cho nên gọi là hữu kết tận" Như vậy truyền dần giải thích lên trên.

Giải thích theo Bản Tích: Bất sinh bất sinh gọi là Đại Niết-bàn, dòng phiền não kia đã khô cạn từ lâu nên không còn đọa lại vào Nhị thừa và phàm phu tức Bản bất sinh. Công đức Thật tướng Trí Đoạn của Pháp thân gọi là Bản lợi mình, chứng đắc vương Tam-muội phá hai mươi lăm cõi, hiển xuất Ngã tánh, đầy đủ tám tự tại ngã gọi là Bản sát tặc. Theo Tích: thị hiện công đức Nhị thừa.

Giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán không lọt, đọa vào Không Giả nhị biên, nhị biên phiền não diệt. Năng quán tâm tánh gọi là thượng định, y châu (ngọc trong áo) bí tạng là vật của mình, tức là "lợi mình". Chánh quán Trung đạo thì đoạn Kết Hoặc. Không "kết" cho nên "hữu" cũng đoạn, Nhị biên không thể buộc tâm, cho nên gọi là "tự tại". Tuy có phiền não mà như không phiền não. Không đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn, tức nghĩa kia vậy.

5. Liệt danh: Lược nêu tên hai mươi mốt vị Tôn giả, các đệ tử của Phật đều đủ các hạnh, nhưng ẩn chứa công năng viên mãn, mỗi vị tùy theo một đức mà đặt tên muốn dẫn thiên về sự hay tốt của vị đó. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Kiều-trần-như Tỳ-Kheo đều cùng tên thượng tọa,đây tùy đức đại nhân tướng. Xá-lợi-phất với trí tuệ thâm lợi, Mục-kiền-liên với thần thông đệ nhất, đều nêu mỗi vị một pháp, ý dẫn chứng sự hay tốt riêng (sở trường) của mỗi người. Nếu muốn hiểu rõ danh cần phải hiểu sự tu hành của các vị kia, tùy theo đức mà lập hiệu, nếu không xét qua thì không thông hiểu. Mỗi một vị La-hán theo lệ có bốn sự giải thích... "Kiều-trần-như" là họ, Trung hoa dịch là Hoả-Khí dòng Bà-la-môn, do dòng họ tu theo thần lửa cho nên ngài cũng tùy theo. Hoả có hai nghĩa chiếu và thiêu, chiếu thì tối không sinh, thiêu thì vạn vật không sinh, do đó lấy "Bất sinh" làm họ. "A-nhã" là tên, Trung hoa dịch là Dĩ tri, hoặc gọi Vô tri. Vô tri chẳng phải là không có sở tri, mà là tri cái Vô (Không). Nếu dựa vào Nhị đế thì là tri Chân đế, lấy Vô sinh trí làm tên. Các kinh Vô Lượng Thọ, Văn-Thù Vấn và luận A-Tỳ- Đàm

Bà- Sa đều gọi "Liễu Bản Tế, Tri Bản Tế" .Nếu căn cứ vào Tứ đế, thì là tri Diệt đế, nhưng các kinh phần nhiều gọi là "Vô tri", hoặc dịch là "Đắc đạo". Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Trong Phật pháp ta hàm chứa vị khoan dung nhân đức bác ái hiểu biết, người đầu tiên thọ pháp vị đó là đệ nhất Câu-lân-như Tỳ-kheo, cho nên lấy A-nhã đặt tên.

Giải thích theo Nguyện: Đức Phật thuở xa xưa gặp thời đói khát hóa làm con cá lớn mắt đỏ, nín hơi không thở, chỉ hiện tướng chết. Lúc ấy có năm người thợ mộc cầm dao búa tới làm thịt cá. Khi ấy Phật thệ rằng: "Đời sau, khi thành Phật ta sẽ độ cho những người này trước". Nguyện trước kia hợp với vô sinh, cho nên gọi là A-nhã. Lại, thời Phật Ca-diếp có chín người học đạo nhưng có năm người chưa đắc quả, thề trong pháp hội của đức Thích-ca sẽ khai ngộ đầu tiên. Bản nguyện dẫn dắt khiến đắc vô sinh trước, nên gọi A-nhã.

Giải thích theo Hạnh: trí sinh hoặc diệt, là hạnh Trí Đoạn. Xét rằng đêm dài tối tăm ngủ mãi không có người nào thức, mặt trời chưa xuất hiện, sao sáng hiện trước, Kiều-trần-như Tỳ-kheo ban đầu đắc Vô sinh trí, thí như sao sáng tại khởi đầu của các ánh sáng. Ánh sáng trí tuệ của mọi người không ai trước Kiều-trần-như cho nên gọi là A-nhã. Ban đầu phá bóng tối, chẳng có gì qua ánh sáng sao, Kiều-trần-như cũng vậy. Tất cả mọi người diệt bóng tối, không ai trước Kiều-trần-như, nên gọi A-nhã. Lúc trước khi Thái tử bỏ nước và vương vị vào núi học đạo, vua cha lo lắng sai năm người đuổi tìm theo hầu. Năm người ấy tên là Câu-lân-an-ty cũng gọi là Thấp-ty, A-duyệt-thị, Mã-tinh-bạt-đề, Ma-ha-nam, và Thập Lực Ca-Diếp, được sai phục vụ Thái Tử. Hai người bên mẫu thân, ba người bên phụ thân. Hai người lấy dục làm tịnh hạnh, ba người lấy khổ hạnh làm tịnh hạnh. Thái tử siêng hành khổ hạnh, hai người liền bỏ đi, còn lại ba người. Thái tử bỏ khổ hạnh, trở lại thọ ăn uống tô dầu mè uống nước ấm, thì ba người còn lại cũng bỏ đi. Sau khi Thái Tử đắc đạo, trước hết ngài tìm năm anh em Kiều-trần-như để thuyết Tứ đế, ban đầu giáo hóa hai người, Câu-lân đắc pháp nhãn tịnh, còn bốn người chưa đắc. Ba người khất thực,sáu người cùng ăn. Lần kế tiếp giáo hóa ba người, cả ba đều đắc pháp nhãn tịnh. Hai người khất thực,sáu người cùng ăn thời thuyết pháp thứ ba thì năm anh em Câu-lân cùng tám vạn chư thiên đều viễn ly trần cấu, năm người đắc pháp Vô sinh. Đức Phật ba phen hỏi: "Hiểu pháp chưa?" thì ba phen đều đáp "Đã hiểu". Thần đất xướng lên, thần hư không truyền đến Phạm thế đều vang lên "Đã biết". Câu-lân là người đầu tiên, trước nhất thấy tướng Phật đạo, người đầu tiên nghe tiếng trống pháp, người đầu tiên

thấm nhuần hương đạo, người đầu tiên nếm vị cam lộ, người đầu tiên vào dòng chánh pháp, người đầu tiên chứng nhập chân đế, đắc đạo ở cõi Diêm-phù, trước hết thảy nhân, thiên, La-hán. Cho nên Kinh Thập Nhị Du nói: "Khi Phật thành đạo, năm đầu tiên độ năm người, năm thứ hai độ ba anh em Ca-Diếp và đệ tử họ, năm thứ năm độ Thân-tử và Mục-kiền-liên". Phải biết A-nhã là trước tiên hết. Đây là giải thích theo Nhân duyên.

Tam tạng giáo: Mù ví như vô sinh trí, gương như Vô sinh cảnh, đó là ấm nhập giới vậy. Sáu phần của thân thể là đầu v.v... ví như nhân hiện tại, bóng trong gương ví như quả vị lai. Nếu mở mắt nhìn vào gương thì thấy cái bóng, tức là ảnh đối hình hiện tại, gọi là bóng sinh, vì ngu nên không đoạn tuyệt. Nếu nhắm mắt như mù thì không có cái bị thấy, không thấy sáu phần là nhân không sinh, không thấy bóng trong gương là quả không sinh. Cho nên Kinh A-hàm nói: Nếu cho rằng có sắc, sắc là tịnh, thì tịnh tức sinh chẳng phải bất sinh. Nếu nói có thọ tưởng hành thức, thức là tịnh, thì tịnh tức sinh chẳng phải bất sinh. Nếu nói có thọ, thọ là lạc, thì lạc tức sinh chẳng phải bất sinh. Cho đến sắc, sắc là lạc, thì lạc là sinh không phải bất sinh. Nếu chấp có tưởng hành, hành là ngã, thì ngã là sinh chẳng phải bất sinh. Cho đến sắc, sắc là ngã, thì ngã là sinh chẳng phải bất sinh. Nếu chấp có thức, thức là thường, thì thường là sinh chẳng phải bất sinh. Cho đến sắc, sắc là thường, thì thường là sinh chẳng phải bất sinh. Ví như cầm gương soi thấy mặt, thì mặt là sinh chẳng phải bất sinh. Nếu cho rằng: có ngũ ấm, thì đều là sinh chẳng phải bất sinh. Nếu có thể biết sắc chẳng tịnh, cho đến thức chẳng thường, và có thể biết sắc vô thường, khổ, không, bất tịnh cho đến thức vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thì đó gọi là bất sinh chẳng phải là sinh. Như người mù cầm gương soi thì không thấy hình bóng sinh, đó gọi là bất sinh chẳng phải là sinh. Đã biết bất sinh, thì đâu còn ở trong đó mà chấp ngã là sắc, chấp ngã khác sắc, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã cho đến thức cũng như vậy. Quán như thế, thì từ nhân hiện tại quả vị lai thảy đều bất sinh, như người mù đứng trước gương không thấy bóng, đó gọi là dùng Trí quán để quán ấm vô sinh. Quán Nhập, Giới: Phàm nói biển tuy là sâu, rộng nhưng cũng có bờ bên này, bờ bên kia, bởi vì ít nước! Nếu mắt thấy sắc rồi ái nhiễm đắm tham vui, thì tạo nghiệp của thân khẩu ý. Đó gọi là đại hải, làm đắm chìm tất cả thế gian Thiên, nhân, A-tu-la. Nên biết: nhãn là đại hải, sắc là sóng cả, thọ sắc đây cho nên ngược dòng. Trong đó khởi cái thấy bất thiện là rồng cá dữ, khởi tâm đố kỵ hại người là quỉ La-sát nam, khởi nhiễm ái là nữ

quỉ, khởi thân khẩu ý là bị uống nước tự chìm. Đó gọi là ở nơi nhãn sắc vô tri mà sinh vô minh ái, ái sinh cho nên gọi là hành, hành sinh cho nên gọi là nghiệp. Nghiệp trói buộc thức nhập trung ấm, đó gọi là thức sinh, thọ trong bào thai. Ngũ bào chưa thành, gọi là danh sắc sinh. Ngũ bào thành rồi, gọi là lục nhập sinh. Lục nhập chưa có thể phân biệt khổ lạc gọi là xúc sinh. Phân biệt khổ lạc, gọi là thọ sinh. Đối với trần khởi nhiễm, gọi là ái sinh. Rong ruổi tìm cầu khắp bốn phương, gọi là thủ sinh. Tạo thân khẩu ý gọi là hữu sinh. Ứng thọ ngũ ấm đời vị lai, gọi là sinh sinh. Ngũ ấm đời vị lai biến đổi, gọi là lão sinh. Ngũ ấm đời vị lai hoại, gọi là tử sinh. Trong lòng chất chứa sầu lo, gọi là ưu sinh. Cất tiếng thương khóc kêu la, gọi là bi sinh. Thân tâm khốn khổ động lòng, gọi là khổ não sinh. Đó gọi là khi nhãn thấy sắc tức có tụ khổ lớn ba đời mười hai nhân duyên , chẳng phải bất sinh. Mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý, nhãn giới... cho đến pháp giới, cũng đều như thế, đó gọi là Nhập giới sinh chẳng phải bất sinh.

Thế nào là không sinh (bất sinh)? Khi quán mắt và sắc, không gieo hạt giống khổ (vào thức) thì mầm mống khổ không sinh. Không bừa bãi phóng uế thì ruồi nhặng không bu. Nếu cái hạt giống không sinh, thì mầm không sinh. Như mùi xú uế đã không sinh, thì ruồi nhặng cũng không sinh được, cho nên, gọi là Không sinh.

Thế nào là hạt giống khổ? Khi mắt thấy sắc khởi lên các tâm ham thích, hay giận dữ đó là hạt giống khổ. Nhớ pháp ngũ dục, tức sinh mầm khổ. Sáu căn nắm bắt sáu trần, đó là nơi tuôn ra xú uế. Trong sáu trần các niệm thiện ác đua nhau khởi, ví như ruồi nhặng. Nếu biết mắt và sắc đều là vô thường, khổ, không, vô ngã thì không sinh cái tâm ham thích, không khởi niệm dục, dựa lấy cảnh mà không sinh tâm thiện ác, thì hành (nghiệp) cũng không sinh. Tai mũi lưỡi thân ý cũng như vậy. Chính nhãn giới cho đến pháp giới cũng như vậy. A-nhã trước tiên đã chứng đắc Bất sinh trí theo nghĩa của Tam tạng giáo này, nên gọi là A-nhã Kiều-trần-như. Thông giáo quán vô sinh: Thì như người huyễn cầm gương huyễn, lấy sáu phần huyễn soi gương huyễn thấy bóng huyễn. Bóng chẳng phải do gương sinh, chẳng phải do mặt sinh, chẳng phải gương mặt hợp lại sinh, chẳng phải lìa gương và mặt mà sinh. Đã không phải từ bốn câu ấy thì chẳng phải ở trong, ở ngoài, ở giữa, chẳng thường tự có cũng không có chổ diệt, đi không tới Đông Tây Nam Bắc. Tánh vốn không sinh; chẳng phải diệt sinh mới là không sinh. Tánh vốn không diệt, chẳng phải diệt diệt mới là không diệt. Không sinh không diệt, cho nên gọi là Vô sinh. Thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy. Lại, quán

huyễn sắc như bóng huyễn trong gương huyễn, quán thọ như bọt nước, quán tưởng như lửa bốc cháy, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn. Mà huyễn không từ vật huyễn sinh, không từ thầy huyễn sinh, không phải vật và thầy hợp lại mà sinh, không phải lìa thầy và vật mà sinh. Bốn câu cầu huyễn sinh, sinh không từ đâu đến. Bốn phương cầu huyễn diệt, diệt không có chỗ đi. Tánh vốn không sinh, chẳng phải diệt sinh mới là không sinh. Tánh vốn không diệt, chẳng phải diệt diệt mới là không diệt. Không sinh không diệt, cho nên gọi không sinh. Quán căn trần như làng xóm, là chỗ ở của giặc kết sử, từ trước đến nay mỗi mỗi không thật, vì vọng tưởng mà khởi, nghiệp lực căn cơ dàn xếp giả làm không tụ. Vô minh thể tánh vốn tự không có, do vọng tưởng nhân duyên hòa hợp mà có. Có vốn tự không có, do nhân duyên mà thành. Nghiệp khổ phiền não như quay vòng lửa. Quán phiền não kia vốn không có, đều như trên nói, đây là ý của Thông giáo...

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 1
(Phần Hạ)

Biệt giáo quán vô sinh trí: Gương ví như pháp giới, mắt ví như trí quán, xanh vàng đỏ trắng lớn nhỏ dài ngắn ví như mười pháp giới. Xanh ví như nhân quả địa ngục, vàng như nhân quả ngạ quỷ, đỏ như nhân quả súc sinh, trắng như nhân quả nhân thiên. Sắc tượng nhỏ ví như nhân quả Nhị thừa, sắc tượng lớn ví nhân quả Thông giáo Bồ-tát, sắc tượng ngắn ví nhân quả Biệt giáo Bồ-tát, sắc tượng dài ví nhân quả Phật, đều ở trong gương phân biệt không sai. Nếu muốn tự chánh thì khiến chín nhân quả không sinh, một nhân quả sinh. Nếu muốn chánh tha thì khiến họ chín nhân quả không sinh, một nhân quả sinh. Y pháp giới hành Bồ-tát hạnh, theo thứ tự dùng chiết Thể quán trí, đoạn Tứ trụ sinh, khiến cho không sinh. Tiếp đến, dùng Hằng sa Phật pháp đoạn dứt khách trần phiền não, khiến vô tri không sinh. Sau dùng trí tuệ thật tướng đoạn vô minh, khiến căn bản phiền não không sinh. Nếu không có Tứ trụ thì Phần đoạn không sinh. Nếu không có vô tri, thì phương tiện không sinh. Nếu không có vô minh, thì thật báo không sinh, sinh cũng bất sinh, bất sinh cũng bất sinh, cho nên gọi bất sinh. Đó gọi là Biệt giáo vô sinh trí.

Căn cứ Viên giáo quán vô sinh trí: Quán gương tròn đầy không quán mặt trái, không quán bóng trong gương, chẳng trái chẳng tối chẳng mặt chẳng sáng, không chấp các thứ hình dáng, không chấp các thứ đài gương, chỉ quán tròn đầy, không có bờ mé không đầu đuôi, không sáng tối, không đồng khác sai biệt. Dụ cho đối với Viên quán không chấp tướng mạo của mười pháp giới, không thiện ác không tà chánh, không lớn nhỏ... tất cả đều tiêu diệt, chỉ duyên thật tướng của các pháp, pháp tánh Phật pháp, hoặc sắc hoặc hương đều là thật tướng. Quán phiền não nghiệp sinh tức vô sinh, vô sinh bất sinh cho nên gọi vô sinh. Ấm nhập giới khổ tức là pháp thân, không phải hiển hiện cho nên gọi là pháp thân. Chướng tức là pháp thân, tham sân si tức là Bát-nhã. Chẳng năng

sáng tỏ cho nên gọi là Bát-nhã. Vô sở khả chiếu, tánh tự rõ ràng, nghiệp hành trói buộc đều gọi là giải thoát. Chẳng phải đoạn trói buộc thì mới được giải thoát, cũng không có cái thể đáng để trói buộc, cũng không có khả năng trói buộc nên gọi là giải thoát. Giải thoát tức nghiệp bất sinh, Bát-nhã tức phiền não bất sinh, pháp thân tức khổ bất sinh, Đó là ba bất sinh tức một bất sinh, một bất sinh ấy tức là ba bất sinh, chẳng phải ba chẳng phải một cho nên nói bất sinh, huống chi biến dịch phiền não nghiệp khổ mà chẳng phải bất sinh ư! Đây là Viên giáo quán vô sinh trí.

Bổn tích: Kiều-trần-như vốn tự không sinh, chẳng phải ban đầu không sinh, muốn làm cho Sửa thành Lạc, cho nên Tích là sơ giáo bất sinh. Làm cho Lạc thành Sinh tô cho nên Tích là Thông giáo bất sinh. Làm cho Sinh tô thành Thục tô, cho nên Tích là Biệt giáo bất sinh. Làm cho Thục tô thành Đề hồ, cho nên Tích là Viên giáo bất sinh. Nhưng Bản địa kia trú nơi pháp môn chữ A (không), nghĩa là tất cả pháp ban đầu không sinh. Nếu nghe pháp môn chữ A, thì hiểu tất cả nghĩa đều chẳng sinh chẳng bất sinh. Thị hiện Tích dẫn hóa có thể là sinh bất sinh. Chúng sinh nếu có thể hội nhập bất sinh theo nghĩa của Viên giáo thì đồng với A-nhã. Chẳng Bản chẳng Tích chẳng sinh chẳng bất sinh, tức Đại sự nhân duyên đối với đây đã xong. Cho nên đoạn văn dưới nói: Phú-lâu-na biến hóa bao nhiêu việc, nếu ta nói đầy đủ thì e rằng chúng sinh nghe sẽ sinh tâm nghi ngờ, tức nghĩa này vậy. Kinh A-hàm nói: A-nan cầm lồng đèn đi sau Phật, Đại Phạm vương cầm lồng đèn theo sau Kiều-trần-như. Đây đều là bày Tích mà muốn hiển Bản. Quán tâm bất sinh, là căn cứ vào tam quán thì có thể biết bất sinh, đây không phiền nói nhiều.

“Ma-ha Ca-Diếp”: Trung hoa dịch là Đại Quy Thị, do tổ tiên học đạo, gặp con linh qui đội bản đồ Tiên mà ứng. Theo đức mạng đó nên lập họ là Quy. Chân Đế Tam Tạng dịch là Quang Ba, là vị Cổ tiên do thân ngài có ánh sáng hơn các ánh sáng khác, che phủ khiến các ánh sáng khác không hiện rõ, cho nên gọi là Quang Ba, cũng dịch là Ẩm Quang. Ca-Diếp thân sáng.

Có thể chiếu sáng các vật, gọi là Tất-bát-ba-la-diên, hoặc Thề-tỳ-lê, là cây Tất-bát-la vậy. Cha mẹ cầu đảo ở Thần cây mà sinh được ngài, nên lấy tên cây để đặt tên ngài, Bạt-kỳ Tử sinh nơi tụ lạc này nên lấy làm hiệu. Ngài con nhà giàu có. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài là con vị trưởng giả giàu có ở thành Vương xá tên Ca-tỳ-la, vợ tên Đàn-na con tên Tất-bát-la con vợ tên Bà-đà, gia đình ngài giàu gấp

đôi vua Bình Sa Vương, mười sáu nước lớn không cùng làm láng giềng. Phó Pháp Tạng nói: Sau khi đức Phật Tỳ-bà-thi diệt độ, tháp tượng sắc vàng bị hư hoại, lúc ấy có người con gái nghèo xin được vàng ngọc cùng ngài tu sửa phết vàng lên tượng, ngài rất hoan hỷ tu sửa tượng rất sáng, sửa xong ngài phát thệ nguyện cùng làm phu phụ. Trong chín mươi mốt kiếp ở cõi Trời cõi người, thân thường có sắc vàng, tâm thường thọ lạc. Kiếp cuối ngài thác sinh vào gia đình bà-la-môn Ni-câu-luật ở nước Ma-kiệt-đà, sợ hơn vua thì phạm tội nên ngài giảm bớt một phần ruộng cày chỉ dùng chín trăm chín mươi chín cặp trâu và vàng thôi! Lại Kinh dạy: Nhà có phẩm vật rất nhiều chồng chất lên nhau cho đến giá trị trăm ngàn lượng vàng, dùng đinh đóng vào đất bảy thước vẫn không xuyên thủng phá được, vẫn như cũ không khác, sáu mươi kho vàng lúa, một kho chứa ba trăm bốn mươi hộc, loại kho chứa tiền và lúa. Lại kinh chép rằng: Lấy lúa cúng dường Bích-chi-phật. Nhọc nhằn vượt qua cõi Đao-lợi, rồi một ngàn phen trở lại tọa lạc, thân có ba tướng. Nói rõ về sắc, vàng như loại Diêm-phu-na-đà, ở đáy nước đục vẫn sáng thấu lên mặt nước, ở trong tối, bóng tối không còn. Ngài Ca-diếp thân sáng hơn cả vàng này, thân sáng chói đến một do tuần, ngài chỉ thiếu hai tướng so với Phật là không có bạch hào và nhục kế, cho nên khi chư thiên thỉnh ngài kết tập kinh điển có tán thán rằng: "Tuổi cao dục nhuế mạn đã trừ, hình dáng ngài như trụ vàng tía, toàn thân trang nghiêm vi diệu không sánh kịp, mắt trong sáng như hoa sen, đem của cải hiến dâng, xả bỏ gia nghiệp dục vọng mà xuất gia, thân mặc y báu vô giá cắt làm Tăng-già-lê để chồng bốn lớp làm tòa dâng Phật". Như vậy ba phen xả bỏ thế tục, không ai sánh kịp, đó là "xả đại", ở nơi tụ lạc Bạt-kỳ gặp Phật cúng y báu, Phật trao cho y phấn tảo làm đại y, y này là đại y của đại thánh, lại không thô nặng nên Ca-diếp nói: Ta thọ nhận y của Phật, tưởng y như thầy như tháp, chưa từng gối đầu huống chi đắp nằm. Đại y ấy khiến cho ta tinh tấn tu hành, cho nên nói "thọ đại". Trong hàng đệ tử Phật nhiều tên Ca-diếp như ba ngài Thập Lực Ca-diếp... đều là bậc đại nhân, tuy đồng tên nhưng ngài là vị lớn nhất cho nên gọi là Đại Ca-diếp. Ở tụ lạc Bạt-kỳ ban đầu từ Phật nghe tăng thượng giới định tuệ liền đắc vô lậu, thọ pháp khất thực theo hạnh Đầu-đà suốt mười hai năm, đến già cũng không bỏ. Về sau Phật dạy ông tuổi đã cao, có thể xả hạnh khất thực trở về với chúng để thọ thực, có thể xả thô y nặng phấn tảo mà thọ y hoại sắc nhẹ của cư sĩ cúng! Ca-diếp bạch Phật: Phật không xuất thế con sẽ làm Bích-chi-phật, thệ trọn đời hành khổ hạnh đầu đà, con nay không dám buông bỏ sự tu tập lại học theo thứ khác, lại muốn làm

sáng tỏ đời sau, đời vị lai sẽ nói: “Thượng tọa Ca-diếp được Phật ngợi khen, chúng ta cũng học hành khổ hạnh khó làm”. Nghe xong Phật nói: “Lành thay! đó là hạnh lớn”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: “Trong pháp của Phật, hành mười hai pháp Đầu-đà là khổ hạnh khó hành”. Đại Ca-diếp là vị thực hành đệ nhất. Ngài tu hạnh này đã lâu, râu tóc không cạo, y phục rách cũ xấu, ngài đi đến chỗ Phật thì các Tỳ-kheo thấy vậy liền khởi tâm kiêu mạn, đức Phật bảo ngài đến chia nửa tòa cùng ngồi. Ca-diếp không dám ngồi. Phật dạy: “Ta có Tứ thiền, thiền định hơi thở, tâm từ đầu đến cuối không có hao tổn, Ca-diếp cũng như vậy. Ta có đại từ bi nhân đức bao trùm tất cả, ông cũng như vậy thể tánh cũng từ bi, ta có đại bi cứu độ chúng sinh ông cũng như vậy. Ta có Tứ thiền Tam-muội: l. Vô hình. 2. Vô lượng ý. 3. Thanh tịnh tích. 4. Bất thoái chuyển, thì ông cũng như vậy. Ta có lục thông, ông cũng như vậy. Ta có Tứ định: l. Thiền định. 2. Trí định. 3. Tuệ định. 4. Giới định, thì ông cũng như vậy”. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Có Bà-la-môn bạch Phật: Hôm qua có Bà-la-môn đến nhà con, là người nào? Phật chỉ Ca-diếp. Người đó nói: “Đây là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn”. Phật dạy: “Pháp luật Sa-môn, pháp luật Bàla-môn ta đều biết, Ca-diếp cũng như vậy”. Công đức của Ca-diếp cùng đồng ta không khác, vì sao không ngồi? Các Tỳ-kheo nghe Phật khen ngợi Ca-diếp thì tâm sợ hãi, lông tóc dựng đứng. Phật dẫn chứng nhân duyên: Xưa có vị Thánh vương hiệu là Văn-đà-kiệt, tài cao tuyệt đỉnh, Thiên đế tôn kính tài đức của ngài liền sai ngàn ngựa xe lập thành cổng chào nghênh đón, vua Thiên đế cùng quần thần mời Thánh vương ngồi chung một tòa, chung vui xong rồi tiễn vua trở về hoàng cung. Xưa Ca-diếp dùng tòa sinh tử ngồi chung với ta, nay ta thành Phật dùng tòa chánh pháp đáp lại công lao trước đây. Khi ngồi đối diện với Phật, hàng thiên nhân đều cho là thầy của Phật. Lại Ca-diếp cùng A-nan thường thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, có một Tỳ-kheo-ni không vui nói: “Như đứa trẻ con mua bán kim ở trước ông thầy châm cứu mà bán kim”. Ca-diếp bảo A-nan: “Tỳ-Kheo-ni này ví ông là thầy châm cứu, còn tôi là đứa trẻ bán kim.” Qua hai lời nói ấy, Phật bèn thuyết Kinh Nguyệt Dụ rằng: ngày ngày thường tăng tiến như người mới học chỉ có Đại Ca-diếp, ông nghe không? Ở trong Đại chúng được chia nửa tòa, ông nghe không? Ở trong Đại chúng được tán thán công đức rộng lớn đồng Phật, ông nghe không! Tại sao người ấy lại là trẻ con bán kim? Người ấy bị vu khống bị Phật quở trách. Vị đại: Ở trong Đại chúng gọi là Đại, đối trong một ngàn hai trăm năm mươi người gọi là Đại, ở trong năm trăm người gọi là Đại, trong bốn đại đệ tử gọi là Đại,

làm chủ ngũ sơn tự, là vị Thượng tọa Tri sự ở cõi Diêm phù đề cho nên nói "vị đại". Sau khi đức Phật thiêu thân thành tro than nơi ấy mọc lên bốn cây Bát-đa-la, đây là tiêu biểu ngài Ca-diếp kết tập ba tăng kỳ kiếp pháp, làm tam tạng tứ A-hàm.

Trong bài tựa của ngài Tăng Triệu có viết: "Cái tông chỉ tuyệt đối rốt ráo mầu nhiệm thật xứng ở nơi gọi là: Sự vắng lặng vượt khỏi ngôn ngữ, không thể truyền đạt, mà các Thánh hiền thường dùng. Đức Thích-ca dùng tông chỉ đó thiết lập giáo tột cùng, ngăn phòng thân khẩu nghiệp chế ra giới luật, phân rõ thiện ác mà dẫn dắt chúng sinh thâm nhập khế kinh, diễn bày đạo lý u huyền, biện minh mà dùng pháp tướng". Đây tức nói rõ Tam tạng Giới, Định, Tuệ vậy. Kinh Tăng Nhất nói rõ nhân quả nhân thiên, kinh Trường A-hàm phá tà kiến, kinh Trung A-hàm nêu rõ nghĩa sâu mầu, kinh Tạp A-hàm nói rõ thiền định, đều do công của Đại Ca-diếp. Nếu luận riêng về sự kết tập thì A-nan tụng Tu-đa-la, Ưu-ba-ly tụng Tỳ-Ni, Ca-diếp tụng A-tỳ-đàm, nên gọi là Đại kết tập vậy. Sau khi Như Lai diệt độ truyền pháp lại cho Ca-diếp, vì ngài có thể vì tất cả chúng sinh làm chỗ nương cũng như Như Lai. Vì sao vậy? Phật dạy: Vì nếu có người hành khổ hạnh Đầu-đà thì pháp của ta còn tồn tại, Ca-diếp có khả năng gánh vác Phật pháp khiến cho giáo pháp tồn tại lâu dài, cho đến khi trao truyền y pháp cho Phật vị lai rồi mới nhập diệt nên nói là trì pháp đại. Ca-diếp đem tóc Phật bí mật lên cõi trời lễ Phật vì chư thiên thuyết pháp rằng: "Làm thiện sinh lên cõi trời, làm ác bị đắm chìm trong cõi dục, vô thường như sương đọng trên hoa gặp ánh nắng mặt trời thì tan biến". Thuyết xong rồi bỏ đi. Chư thiên khóc lóc than rằng: "Đường nhỏ ngõ cùng toàn đau khổ nguy hiểm, gầy yếu nghèo khốn cô độc, mong hằng thương xót. Nay ngài diệt độ thì ai bảo hộ che chở?"

Căn cứ Giáo, giải thích Đẩu tẩu: Đẩu tẩu là rũ sạch mười hai lỗi như: Cầu mong y tốt thì khổ, được nhiều thì sợ, bị mất thì lo buồn. Y phấn tảo thì không bị năm thứ sợ: nước, lửa, đạo, tặc, vương nạn. Nếu cất chứa nhiều, thì may vá, giặt, cất cũng nhọc công nhiều, cho nên chỉ có ba y. Nếu dùng bữa ăn trong Tăng chúng, phải mưu tìm công việc giúp Tăng cho nên chỉ khất thực, nếu ăn dư, ăn vặt là làm nhiễu động mất thời gian tu tập cho nên chỉ ăn một bữa. Không nên ăn nhiều bởi vì ăn nhiều thì khó tiêu sinh buồn ngủ biếng nhác, ăn ít thì sợ thiếu đói, không đủ sức tu hành, cho nên phải ăn vừa lượng. Lại dùng nhiều bát thì chỉ vướng bận rửa ráy gìn giữ cho nên chỉ dùng một bát. Các loại nước uống phải làm lụng cực nhọc mới có, nên không được uống nhiều.

Ở nơi phòng xá thì dễ sinh tâm nhiễm đắm nên phải ở dưới gốc cây. Ở dưới gốc cây ở cũng sinh lòng bảo thủ tham đắm,cho nên phải ở nơi gò mả. Ở nơi gò mả dễ sinh lòng thương xót buồn rầu, nên phải ở nơi đất trống. Nếu nằm thì tiêu hao công đức, tăng trưởng lười biếng, cho nên phải thường ngồi. Hai điều nói cách dùng y, sáu điều nói cách ăn uống, bốn điều nói về chỗ ở. Nay chỉ ước lược pháp khất thực để làm rõ hạnh Đầu-đà. Khi khất thực được dễ dàng thì sinh tâm vui, gặp khó khăn thì sinh giận, được tốt thì đắm, xấu thì buồn, vui buồn khởi lên sắc tướng tức sắc ấm, thọ sự vui buồn này tức thọ ấm, chấp chọn tướng vui buồn tức tưởng ấm, lo buồn có được tức là hành ấm, phân biệt vui buồn tức thức ấm. Vui buồn tức ý và pháp, là hai Nhập trong tam giới. Giới nhập ấm tức Khổ đế. Ta năng khất thực là chấp hữu ngã hay vô ngã, lấy khất làm đạo hay lấy khất làm thật? Suy xét như vậy thì sẽ: khen thì mừng, chê thì giận, ta năng bị quở trách tức nghi, không hiểu biết rõ là si, là bị mười sử, bốn đế trải qua ba cõi tức tám mươi tám sử gọi là Tập đế. Nếu biết bốn tướng điên đảo trong khất thực thì tương tự tương tục vì bị ngăn che nên gọi "thường", thích ý gọi là "lạc", động chuyển tạo tác che lấp cho nên gọi là "ngã", da mỏng che lấp gọi là "tịnh". Biết bốn thứ che lấp không có bốn thứ điên đảo, siêng năng ngăn ngừa hai điều ác sinh hai điều thiện, tu Tứ định căn lực, giác đạo là Đạo đế. Trong pháp khất thực, không chấp ngã thì diệt được si, si diệt nên ái diệt, ái diệt nên sân diệt. Sân diệt nên không còn kiêu ngạo thì mạn diệt, cho nên bị quở trách thì không còn nghi.Không còn ngã, cho nên ngã kiến diệt, ngã kiến diệt nên biên kiến diệt, không chấp là đạo thì giới thủ diệt, không chấp là thật nên kiến thủ diệt, không tà chấp nên tà kiến diệt. Diệt được mười thứ này thì tám mươi tám sử diệt, tám mươi tám sử diệt nên tử phược diệt. Tử phược diệt, nên quả phược diệt. Quả phước diệt nên hai mươi lăm hữu diệt. Đó gọi là Diệt đế. Nếu trong pháp khất thực mà không thấy bốn chân đế, thì sẽ bị xoay chuyển trong biển khổ của vòng sinh tử, Nếu có thể thấy bốn chân đế, thì đoạn sinh tư. Sinh tử đã tận rồi thì không còn thọ các hữu, đó gọi là quán tuệ trong pháp khất thực đẩu tẩu. Y pháp trụ xứ pháp cũng lại như vậy. Đó gọi là Tam tạng Đầu-đà.

Thông giáo Đẩu-tẩu: Duyên chân chứng tịch thì gọi là trú xứ, Không tuệ làm thức ăn, Không tâm hành các hạnh làm y phục. Thường tánh Không, khi đều là tánh không thì Không tuệ đẩu tẩu đều như huyễn hóa. Vọng tưởng các ác, tịch diệt không khởi, nên tâm sở tâm pháp không hành vì bất khả đắc. Cho nên trong các thứ tương ưng thì Không

tương ưng là đệ nhất, trong các khổ hạnh thì hạnh Không là đệ nhất, trong các đẩu tẩu thì không tuệ đẩu tẩu là đệ nhất. Đó là tóm lược xong phần giải thích hạnh Đẩu tẩu theo Thông giáo.

Biệt Bản giáo đẩu tẩu: Y nơi pháp thân lấy đó làm trú xứ, dùng trí tuệ Bát-nhã làm thức ăn, lấy tất cả hạnh trang nghiêm làm che chở (y phục) để ngăn các ác khổ hắc nghiệp. Bát-nhã Đẩu tẩu rũ bỏ các phiền não ác. Pháp thân Đẩu-tẩu rũ bỏ Khổ ác sinh tử. Hạnh đẩu tẩu trước rũ bỏ Khổ phiền não phần đoạn. Đẩu-tẩu tiếp theo rũ sạch nghiệp Khổ phiền não biến dịch. Đây là hành Đẩu-tẩu theo Chánh quán Trung đạo, vượt qua sự hành trì Khổ hạnh của Nhị thừa v.v...

Viên giáo Đẩu-tẩu: Nơi ở, y áo, thức ăn chỉ là một pháp mà phân biệt nói thành ba. Một Đẩu tẩu là hết thẩy Đẩu tẩu. Hết thảy Đẩu-tẩu là một Đẩu-tẩu. Không phải hết thảy cũng không phải một. Tất cả Đẩu tẩu, không tướng nào không phải Thực tướng. Chư Phật sở hành là hạnh của Như Lai các , vượt qua các thanh tịnh của Bồ-tát v.v...

Giải thích Đẩu-tẩu theo Bản tích: Bản: vốn cùng Như Lai đồng tòa rốt ráo lý Không, đồng đắc pháp thân rộng lớn, đồng đắc trí tuệ vô ngại, đồng đắc vô lượng công đức, bên trong thì xả pháp ái, bên ngoài thì không cấu nhiễm, trong ngoài Đẩu-tẩu vốn đã thanh tịnh. Tích: muốn dẫn vị Sữa, là Đẩu tẩu trong sự. Tiếp theo, dẫn vị Lạc, là Đẩu-tẩu trong Không. Tiếp theo, dẫn Sinh-tô là Đẩu-tẩu trong Biệt giáo. Tiếp theo, dẫn Thục-tô Đẩu-tẩu trong Viên giáo.

Giải thích Đẩu-tẩu theo Quán tâm: Tức Không Đẩu-tẩu rũ sạch chấp tướng. Tức Giả Đẩu-tẩu là rũ sạch Trần sa hoặc,tức Trung Đẩu-tẩu là rũ sạch Vô minh hoặc. Nhất tâm Trung quán thì Đẩu–tẩu là rũ sạch Năm trụ.

“Ba anh em ngài Ca-diếp”: Ca-diếp như trước giải thích; Ưu-lâu-tần-loa, cũng gọi Ưu-lâu-tỳ, cũng là Ưu Vi, Trung hoa dịch là Một-qua Lâm. Na-đề Ca-diếp Tàu dịch Hà, cũng gọi là giang. Gia-da Ca-diếp cũng gọi Kiết Di, cũng gọi là Tượng. Nhà ở phía Nam thành Vương xá cách bảy dặm. Vào thời Phật Tỳ-bà-thi, ba người cùng là cột trụ của Phật pháp. Khi chưa xuất gia kết nghĩa thành anh em. Người anh là thầy của Bình Sa Vương, có năm trăm đệ tử và hai người em, mỗi người đều có hai trăm năm mươi đệ tử cùng thực hành theo pháp thuật của người anh. Phật vì thu phục ba người, mà thị hiện mười phép biến hóa: Không trúng độc của rồng, rồng phun lửa mà không bị cháy, nước biển Hằng không làm chìm, ba phương hái quả, phương bắc lấy lúa tám cánh, lên cung trời Đao-lợi lấy nước cam lồ, biết các nghi về quá khứ, biết suy

nghĩ trong hiện tại và vị lai, lửa đốt không cháy, nhấc búa lên mà không hạ xuống. Phật còn thị hiện thêm các điềm lành, tuy nhiên vẫn còn tà chấp không đổi. Còn nói: "Đức Cù-đàm tuy có thần thông quảng đại nhưng không bằng Chân đạo của tôi. Phật liền bảo: "Ngươi không đắc đạo, ngươi chưa phải A-la-hán." Nói xong thì người anh cùng đệ tử hóat nhiên khai ngộ, qui phục theo Phật. Hai em thấy vậy cũng đều quy y theo Phật, hợp thành một ngàn Tỳ-Khưu.

Căn cứ về giáo: Như Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ưu-lưu-tỳ có thể ủng hộ tứ chúng, cung cấp tứ sự khiến không còn nghèo thiếu, là hộ trì chúng bậc nhất. Na-đề Tỳ-kheo tâm ý vắng lặng, hàng phục các kết, là tinh tấn bậc nhất, Gia-gia Tỳ-kheo quán rõ các pháp đều không còn chỗ đắm trước, là bậc khéo giáo hóa bậc nhất. Đó là là trong thời giáo pháp của Phật như vị lạc. Nếu chuyển nhập vào Sinh-tô tức nên thẹn với Tiểu thừa mà hâm mộ Đại thừa, so sánh có thể biết. Nếu chuyển Nhập Thục-tô thì nên theo nghiệp lãnh thọ giáo. Nếu chuyển nhập Đề-hồ thì như trong kinh này, được thọ ký làm Phật.

Bản tích: Trụ nơi ba đức. Lâm tức Bát-nhã, Thành tức Pháp thân, Thủy tức Giải thoát. Đó là bí mật Bản tạng. Tích thì nương theo Lâm Thành Thủy để độ chúng sinh.

Quán tâm: Chánh quán tâm tánh. Trung đạo bất động như bức thành ngăn chặn địch, không động mà động, như nước thanh tịnh các bên điên đảo, song chiếu khô tươi, như rừng cây sum xuê, ba pháp phụ giúp cho nhau tức như cây liền cành, như anh em vậy.

"Xá-Lợi-phất" gọi đủ là Xá-lợi-phất-la, Trung Hoa dịch là Thân tử, lại chữ "Xá Lợi" dịch là Châu. Mẹ ngài là người thông minh, đôi mắt sáng như ngọc, cho nên sinh ra ngài đặt là Châu Tử. Lại, "Xá-lợi" dịch là Thân, vì mẹ ngài hình thể rất đẹp, cho nên sinh ra ngài đặt là Thân Tử.Người thời đó gọi tên con hiển lộ mẹ nên lấy đó làm hiệu. Cha đặt tên Ưu-ba-đề-xá hoặc Ưu-ba-thế, Trung Hoa dịch Luận nghĩa tức luận về nghĩa là vợ, luận về tên là con, là nêu lên đức của người cha trong gia đình. Thích luận giải thích: Tên tôi là Đề-xá, theo tôi tức là Ưu-ba-đề-xá, Ưu-ba là theo, Đề-xá là tên tắt. Lại, "Xá" tiêu biểu cha, "Lợi" tiêu biểu mẹ, cha mẹ hiển bày nên gọi Xá-lợi-phất, "Phất" là con. Ngài dòng Bà-la-môn, họ Câu-tiêu-đà, Kinh Tăng Nhất nói: "Trong Phật pháp người có trí tuệ siêu việt, có khả năng giải quyết mọi nghi ngờ, thì Xá-lợi-phất là đệ nhất". Kinh Bản Sinh nói việc xưa: Trong quá khứ cậu cháu ngài đều là thợ dệt vải biết kho báu của vua nên đào đất để trộm trân báu được rất nhiều, quan coi giữ bạch vua! Vua ra lệnh khi

trộm kia tìm đến đây thì rình bắt. Người cháu sai cậu trở lại trộm tiếp, nên cậu bị bắt, cháu sợ mọi người biết bèn chặt đầu cậu. Vua sai đem tử thi cậu để ngã tư đường để dụ người thân. Sau nhân khách mua bán tụ tập đông đảo ồn ào, cháu chở hai xe củi che thi thể. Vua lại sai người canh giữ, nhân trẻ con đang ca hát múa xướng ném lửa vào thiêu đốt. Lại, đi đến quán rượu, người coi giữ đang say mèm, bèn lấy bình rượu đựng cốt cậu mà đi. Vua lo lắng sợ bọn xảo quyệt liền sai người nữ nghiêm phòng cẩn thận, ở bên bờ nước và căn dặn trước người nữ kia nếu có ai đến nắm chặt lấy mà kêu. Người cháu núp trong bộng cây nổi trên mặt nước. Người đề phòng cho là người, đến xem chỉ là bộng cây nên không canh giữ, nhiều ngày tiếp không phòng bị. Nhân đó người cháu đến được và thông dâm với nữ kia. Người nữ bèn giữ chặt lấy áo, người cháu trao cho cánh tay người chết. Người nữ kêu lớn thì chỉ giữ được cánh tay người chết. Người nữ sinh một đứa con trai đoan chánh, vua sai vú nuôi ẵm bỏ đi, nếu ai khóc thì bắt lấy kẻ đó. Liên tiếp mấy ngày liền đói khát mới lần đến dưới lò nướng bánh, người làm bánh cho ăn mà khóc, vua lại đuổi đi. Nhân ở quán rượu, người theo dõi đang say, người cháu bồng đứa trẻ mà đi qua nước khác. Bậc hiền ở nước ấy bàn mưu: nếu lấy con gái của Đại thần thì không sao. Đứa trẻ lớn lên và đặt tên tự là Nhi, lại cầu hôn con gái của quốc vương nước cũ, và được chấp thuận. Người cháu dùng năm trăm kỵ sĩ, mặc toàn một loại y phục để đi rước con dâu. Trông thấy của cải, nghi ngờ, nhà vua hỏi mới biết của cải trộm ngày xưa. Bèn tha: "Do sự gian trá của ngươi mà nay con của ngươi lấy được con gái của ta làm vợ" Người cháu tức là Xá-lợi-phất ngày nay, và Điều-Đạt là người cậu trước kia vậy.

Gá thai: Cha tên Ưu-bà-đề-xá học thông kinh sách, mình mặc giáp sắt đầu đội nón lửa, một mình đến thành Vương xá đánh trống thách đấu luận nghị, Quốc sư Đà-la tự biết thua kém, nên phong tước và gả con gái cho. Người vợ một hôm nằm mộng thấy người đội mão tướng soái tay cầm chày kim cang đập nát tất cả núi rồi sau đứng lên một hòn núi. Khi tỉnh dậy thân thể nặng nề liền hỏi chồng. Người chồng nói: "Nàng đã mang thai. Đứa trẻ sinh ra sẽ đả phá tất cả luận sư, chỉ thua một người và sẽ làm đệ tử người đó". Người cậu tên Câu-si-la, luận thường hơn chị. Người chị đã mang thai "người trí" nên luận thắng em. Người em tự nghĩ: đây chẳng phải là sức của chị, quyết có người nào có trí tuệ hơn gá thác vào thai, ở trong thai còn như vậy huống chi khi sinh ra ư! Do đó người em gắng tìm tòi học khắp nơi đến nỗi không rảnh mà cắt móng tay, nên người đời ấy gọi ông là "Phạm chí móng

tay dài”... Lúc ấy có hai con rồng Nan-đà, Bạt-nan-đà thường bảo vệ thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà, mưa thuận gió hòa nước không có năm đói, vua và thần dân thiết lập đại hội An Lạc Hạnh bài trí ba tòa cao: Vua, Thái tử và Luận sư. Bấy giờ Thân Tử chỉ mới tám tuổi, đến thẳng chỗ hội và hỏi: “Người ở ba tòa đủ chưa?” Mọi người đáp đủ. Liền vượt lên tòa luận nghị. Quần thần nho sĩ xấu hổ không dám đối mặt luận. Và nghĩ: “Nếu thắng đứa bé, chẳng vinh dự mà thua thì nhục nhã vô cùng. Nên nhờ người hầu chuyển lời hỏi đến Thân tử. Cậu bé đối đáp qua người đại diện chuyển lại. Tất cả cờ của các Luận chủ đều hạ xuống, không ai có thể đương đầu. Thế là, vua và thần dân hết sức ca tụng Thân tử và bảo: “Bậc trí tuệ ra đời, đất nước sẽ thái bình mãi mãi”. Năm lên mười sáu tuổi, ngài nghiên cứu tất cả các kinh sách cõi Diêm-phu-đề từ cổ chí kim, không việc gì mà không biết diễn xướng mầu nhiệm, Luận sự mười sáu nước không ai hơn ngài, là Đệ nhất luận nghị của Ngũ Thiên Trúc, hầu thầy Sa Nhiên Phạm chí, đạo thuật của thầy thì Thân tử đều đắc, thầy có hai trăm năm mươi đệ tử về sau đều theo Thân tử mà thành tựu. Sa Nhiên khi sắp chết vui mừng mà cười, Thân tử hỏi... Đáp: Thế tục không có con mắt, bị ái ân trói buộc, ta thấy vua nước Kim chết, phu nhân gieo mình vào lửa thiêu theo, nguyện đồng sinh một chỗ.” Nói xong thì mạng chung, về sau gặp được thương nhân nước Kim hỏi ra thì quả nhiên như vậy. Thân Tử hối hận chưa học hết, học thuật của thầy, mà thầy cũng không truyền trao pháp này cho. Vì ta chẳng phải là vua ấy. Vì thầy giấu vậy. Tự biết mình chưa thông đạt, lại cầu học pháp thù thắng mà không có thầy nào có khả năng chỉ dạy. Tuy không học được một pháp này, nhưng các pháp khác ngài đều thông suốt, là đệ nhất trong chúng ngoại đạo. Một hôm đang đi trên đường gặp ngài Ngạch Tỳ (Mã Thắng) oai nghi đàng hoàng, nhân hỏi về thầy và pháp của ngài Mã Thắng đáp rằng: “Các pháp đều từ duyên sinh vì vậy nên thuyết nhân duyên, các pháp cũng từ duyên diệt, thầy ta dạy như vậy.” Vừa nghe xong, Thân tử liền đắc quả Tu-đà-hoàn, và theo đến chỗ Phật, sau bảy ngày thì thông đạt hết thảy biển Phật pháp, và sau mười lăm ngày thì đắc A-la-hán. Ngày sau ngài làm Hòa thượng cho La-hầu-la, làm thầy của Kiều-phạm-ba-đề, trong chúng Thanh văn thì ngài là đệ tử đắc lực, bên phải của đức Phật. Điều-đạt phá tăng dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi, chính Thân Tử giáo hóa họ quay trở về... Lao Độ Sai thách đấu phép lực với Ngài: Độ Sai hóa làm Quỷ Da-xoa, Thân-tử hóa làm Tỳ-Sa-môn thiên vương. Mỗi mỗi các phép đều thắng, Độ Sai phải hàng phục... Thiên vương, bao nhiêu việc đều vượt, Độ được hàng

phục tất cả. Kinh A-hàm nói: Thân Tử như mẹ ruột của bốn chúng, Mục Liên như mẹ nuôi của bốn chúng... Kinh Trung A-hàm quyển hai nói: Có một vị Tỳ-kheo sống ở An cư, được xưng tụng là: Thán Mãn Từ Tử. Là người thiểu dục tri túc tinh tấn, ở chỗ vắng lặng, nhất tâm chánh niệm trí tuệ vô lậu, cũng hay xưng tụng thuyết những pháp này để khuyến tu. Lúc ấy Thân Tử nghe suy nghĩ ta làm thế nào để gặp được người này? Người ấy khi nào đến chỗ Phật? Có người mô tả hình tướng đẹp đẽ trang nghiêm của Mãn Từ Tử cho Thân tử biết. Sau ở rừng An-đà, Trung hoa gọi là Thắng lâm, gặp được Thân Tử bèn hỏi: Ở chỗ đức Cù Đàm tu phạm hạnh ư? Đáp: Như vậy!Lại hỏi: Vì giới định tu phạm hạnh ư? Đáp: Không. Lai hỏi: Vì tâm tịnh, kiến tịnh, độ nghi tịnh, tri đạo phi đạo tịnh, đạo tích tri kiến tịnh, đạo tích Trí Đoạn tịnh tu phạm hạnh ư? Đáp: Không. Lại hỏi: trước nói như vậy nay nói không, nghĩa ấy như thế nào? Đáp: Vì Vô dư Niết bàn cho nên tu phạm hạnh. Lại hỏi: Vì giới tịnh nên thiết lập Vô dư Niết bàn? Đáp: Không. Cho đến, hỏi: Vì đạo tích Trí Đoạn tịnh cho nên thiết lập Vô dư Niết bàn ư? Đáp: Không. Lại hỏi: nghĩa này như thế nào? Đáp: Nếu vì giới tịnh mà thiết lập Vô dư, thì đây lấy Hữu dư xưng là Vô dư, cho đến nếu vì đạo Trí Đoạn tịnh mà thiết lập Vô dư thì cũng lấy Hữu dư xưng Vô dư. Nếu lìa bảy thứ này thì hàng phàm phu sẽ Niết-bàn, phàm phu lìa bảy thứ này hay không lìa đều tùy theo giới tịnh cho đến tâm tịnh cho đến đạo tích Trí Đoạn tịnh. Nhân giả lắng nghe tôi thí dụ: Như vua Ba-tư-nặc muốn từ Câu-tát-la đến Bà-kê-đế, khoảng giữa bày biện bảy chiếc xe, vua bỏ xe đầu đi thứ hai, cho đến bỏ xe thứ sáu đi xe thứ bảy. Người Ba-kê-đế hỏi: vua đi xe đầu ư? Đáp: Không. Cho đến hỏi: đi xe thứ bảy ư? Đáp: Không. Hỏi lìa bỏ bảy xe này ư? Đáp: Không. Bảy xe này dụ cho nghĩa trên, có thể biết. Thân Tử hỏi Hiền giả tên gì? Người phạm hạnh gọi ông là gì? Đáp: Cha ta tên Mãn, mẹ ta tên Từ, người phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Thân Tử khen: “Lành thay! Mãn Từ Tử làm đệ tử của Như Lai, trí tuệ biện tài thông minh, quyết định an ổn vô úy, được đại biện tài đắc cam lộ vị, và tự tác chứng. Rát lợi ích được gặp ông, các người phạm hạnh sẽ y chỉ kính trọng ông. Mãn Từ Tử hỏi: Hiền giả tên gì? Người phạm hạnh gọi ông như thế nào. Đáp: cha tôi tên Ưu-ba-đề-xá, mẹ tôi tên Xá-lợi cho nên gọi tôi là Xá-lợi Tử. Mãn Từ Tử liền tự trách: Ôi! Tôi nay bàn luận với đệ tử của Thế Tôn, với đức Thế Tôn thứ hai, với vị đại tướng trong Phật pháp, với một vị đệ tử chuyển lại pháp luân... mà không hay biết! Nếu biết trước thì đến một câu cũng không thể đối đáp, huống hồ bàn luận sâu xa...! Lành thay! Đệ tử của Như Lai

khiến mọi người đều tôn kính!

Đức Phật thuyết một câu, Thân Tử lấy một câu làm căn bản, bảy ngày bảy đêm làm thành tiếng Sư tử hống, luận ra câu đặc biệt, ý vị kỳ lạ đến vô cùng tận. Huống chi Phật thuyết nhiều mà Thân Tử thì trí tuệ biện tài đâu có thể nói hết được! Kinh Trung A-hàm quyển hai mươi nói: Lúc đức Phật ở ao A-nậu-đạt, Long vương nói:"Trong chúng đây không thấy Xá-lợi-phất, xin Thế Tôn mời đến cho". Đức Phật sai Mục-kiền-liên đến tinh xá Kỳ Hoàn gọi Thân Tử, gặp lúc Thân Tử đang may vá y ngũ nạp, nên đáp rằng: "Ngài đi trước, tôi sẽ đến sau". Mục-liên nói: "Đức Phật dạy tôi đến nói ông đi tại sao lại bảo tôi đi trước?". Mục-liên lấy tay đụng vào y, y liền may xong. Thân Tử nghĩ: "Mục Liên đùa giỡn, thử sức mình, thì mình cũng thử lại xem", liền lấy dây áo ném xuống đất nói: "Ông có thể nâng y này lên được không?" Mục-liên nghĩ Thân Tử đùa thử ta, liền gắng sức lấy lên mà không được. Khi ấy Thân Tử lấy dây buộc vào cây Diêm-phù làm chuyển động một thiên hạ, buộc lần thứ hai, ba, bốn, làm chuyển động tứ thiên hạ không đứng vững, lại buộc vào tiểu thiên trung thiên đại thiên cũng không đứng vững, lại buộc dưới chân tòa của cõi Phật khác, mười phương thế giới Phật đều rung rung mà không động. Mục-liên tự nghĩ ta thần lực đệ nhất, nay không thể động, vả lại không mất thần lực, Mục-liên thúc giục khiến đi, Thân Tử đáp: Ông đi trước, Mục-liên trở về chỗ Phật thì thấy Thân Tử ở trước Phật. Long vương thấy đất động hỏi Phật, Phật đáp do thần lực của hai người ấy, Long vương và năm trăm Tỳ-kheo sinh tâm coi thường đối với Mục-liên. Phật dạy: Xá-lợi-phất, đối với bốn thứ thần thông được tự tại, Mục-liên cũng tự tại mà không thể sánh bằng Phật lực đó thôi! Phật bảo: Mục-liên! Ông hiện thần lực đi! Mục-liên dùng bát đựng đầy năm trăm Tỳ-kheo nâng lên đặt trước Phạm cung, một chân đạp nhẹ lên núi Tu di, một chân đến Phạm cung, thân ở cõi kia mà thuyết kệ, khắp cả ngàn nước. Năm trăm Tỳ-kheo lại sinh tâm kính phục...

Ước về giáo: Nếu căn cứ Tam tạng thì trí tuệ tức là vô học thập trí đoạn kết chứng chân, phụ giúp Phật trong việc tuyên dương giáo hóa. Thích Luận quyển thứ bốn mươi nói: "Ngài Mục-liên là vị đại tướng bên cánh tay mặt của Phật tức nghĩa trên vậy. Theo Thông giáo thì Trí tuệ là như trong Bát-nhã tự thuyết để trở thành Ma-ha-tát, nghĩa là ngã kiến, chúng sinh kiến, Phật kiến, Bồ đề kiến, chuyển pháp luân kiến, phá tất cả các kiến này thì gọi là Ma-ha-tát. Các Hiền Thánh tự thuyết là pháp của mình, không như người bây giờ vọng có sở thuyết. Phải biết: Thân-

tử chẳng những phá kiến sinh tử mà còn phá Phật kiến,Bồ-đề Pháp luân Niết-bàn kiến. Trí tuệ đây khác với sơ giáo. Theo Biệt giáo thì trí tuệ là: Nếu căn cứ ngũ vị để phân biệt, nếu từ nguyên sơ chỉ nghe giáo có vị Sữa, vị Lạc mà không nghe giáo các vị khác, rồi phát tâm tu hành chỉ hành theo giáo Sữa Lạc, đây là Trí tuệ theo sơ giáo. Nếu chỉ nghe Lạc, Lạc không do từ Sữa, tánh của thiện ác tánh vốn tự không, chẳng do tu thiện phá ác, diệt sắc, chấp Không, chỉ tu tức Không, là Thông giáo trí tuệ. Nếu từ nguyên sơ được nghe Đề-hồ là Đề-hồ. Nuôi trâu lấy Sữa, nấu Sữa thành Lạc, chuyển Lạc thành Sinh tô, chuyển Sinh tô thành Thục tô, rồi mới được Đề-hồ. Tu hành như đây, tức là Biệt giáo trí tuệ. Nếu từ nguyên sơ chỉ nghe trâu ăn Nhẫn nhục thảo liền xuất ra Đề- hồ, có năng lực trị bệnh, các bệnh đều tiêu trừ, tất cả các dược thảy đều nhập vào trong chất kia, tu hành như đây là Viên giáo trí tuệ.

Bản tích: Bản trụ thật tướng, Trí độ là mẹ, từ cảnh phát sinh trí tuệ. Cảnh tức là “Thân”, trí tuệ tức là “tử”, thương xót chúng sinh. Tích là ngũ vị Thân-tử, muốn chuyển máu phiền não ác thành Sữa (nhũ) thiện, thị hiện làm trí tuệ ngoại đạo, làm đại luận sư. Muốn nấu Sữa thành Lạc cho nên chỉ dạy Tam tạng trí tuệ, làm đệ nhị Thế tôn. Muốn dẫn Lạc thành Sinh tô, cho nên thị hiện Tiểu thừa, ấp úng lời lẽ Đại thừa, chịu đuối lý trước cư sĩ Tịnh Danh. Muốn dẫn Sinh tô thành Thục tô, cho nên an ủi làm lợi ích cho người đồng phạm hạnh, lãnh giáo trong thời Bát-nhã. Muốn dẫn Thục tô thành Đề-hồ, đó là người sơ ngộ Pháp Hoa. Đây đều là thuộc Tích môn thị hiện bên ngoài, nhưng Bản địa bên trong thì bí mật ấy đã thật có từ lâu. Quán tâm: Nhất tâm tam quán, thâu nhiếp tất cả trí tuệ. Quán tâm tức Không, nên thâu nhiếp được Lạc trí tuệ. Quán tâm tức Giả, nên thâu nhiếp được Sinh tô Thục tô trí tuệ và trí tuệ thế gian. Quán tâm tức Trung, nên thâu nhiếp được Đề-hồ trí tuệ, đó gọi là “Nhất tuệ là nhất thiết tuệ, nhất thiết tuệ là nhất tuệ, phi nhất tuệ phi nhất thiết tuệ” trong Quán tâm.

“Đại Mục-Kiền-liên” là họ, dịch là Tán tụng. Kinh Văn-Thù Vấn dịch là Lai Phục Căn. Chân Đế nói Vật-già-la, đây dịch “Hồ Đậu” là hai vật mà tổ tiên ưa thích. Nhân đó, lấy làm họ tộc. Thích luận nói: “Thân phụ ngài là Cát Chiêm sử đặt tên cho Ngài là Câu-luật-đà. Câu-luật-đà là tên cây, do cha mẹ cầu thần cây mà sinh ra ngài, nhân đó đặt tên. Lại, gọi tắt là Mục-già. Kinh Vị Lai Nhân Quả nói: Đại Mục-liên là Dạ-na, tên đồng rất nhiều cho nên nêu chữ “Đại”. Thích Luận giải thích: Xá-lợi-phất tài cao cận quý, Mục-liên hào hiệp làm trọng, trí tuệ tài năng đức hạnh của hai người sánh đồng nhau. Kinh Tăng

Nhất A-hàm nói:"Trong số đệ tử ta, thần thông bay nhẹ nhàng lên đến khắp mười phương, thì Đại Mục-liên là đệ nhất". Thích luận quyển bốn mươi mốt nói: Đệ tử bên tả của Phật. Bọn thầy trò ngoại đạo cả thảy năm trăm, đang dùng chú dời núi, trải qua một tháng đã bắt đầu di động, Mục-liên nghĩ rằng: Núi này nếu bị dời nhiều thì sẽ gây tổn hại, liền ở trong hư không trên đỉnh núi ngồi kiết già núi trở lại bất động. Ngoai đạo liền bảo nhau: "Pháp thuật của ta có thể dời núi, Kể cả mặt trời cũng phải di dời, tại sao nay lại an nhiên như trước? Đây chắc là Sa-môn kia sai khiến như vậy". Tự biết mình sức tu yếu, bọn họ liền phát tâm qui y Phật đạo, khiến vô lượng người xuất gia theo Chánh pháp. Anh em nhà rồng: Nan-đà Bạt-nan-đà ở bên biển gần núi Tu-di, đức Phật thường bay trên không đến cung trời Đao-lợi. Rồng sinh tâm sân giận nói:"Lũ người trọc đầu sao bước qua đầu chúng ta?" Lần sau, Phật muốn lên trời, rồng phun mây mưa tối sương che lấp ba thứ ánh sáng. Các Tỳ-kheo đều muốn hàng phục, đức Phật không cho, Mục-liên nói:"Tôi có thể hàng phục được rồng". Rồng dùng thần thông nhiễu bảy vòng quanh núi Tu-di, đuôi chạm đến nước biển, đầu gối núi Tu-di. Mục-liên hiện thân gấp đôi nhiễu mười bốn vòng quanh núi, đuôi ra ngoài biển, đầu gối cõi Phạm cung. Rồng tức giận, phun mưa đầy khắp thành sỏi cứng. Mục-liên biến sỏi thành hoa báu nhẹ mềm êm ái. Rồng càng sân giận... Mục-liên hóa làm thân bé nhỏ vào trong thân rồng, vào mắt ra miệng, vào tai ra mũi, đâm cắn thân rồng, rồng chịu đau đớn khổ sở, mới chịu khuất phục. Mục-liên thu nhiếp thần thông, thân bé thành lớn, hiện tướng Sa-môn đem hai con rồng đến chỗ Phật, được Phật qui y. Điều-đạt dẫn năm trăm Tỳ-kheo theo làm đồ chúng của mình, Mục-liên ngăn giữ khiến họ ngủ say ngáy rống như sấm hạ phong ra tiếng, Cù-già-ly dùng chân đạp mạnh họ còn không tỉnh. Thân-tử thuyết pháp khiến năm trăm Tỳ-kheo hồi tâm trở về, Mục-liên dùng thần thông đưa tay lên cao đem họ trở về khiến Tăng được hòa hợp. Kinh Tạp A-hàm quyển hai mươi chín nói: Phật ở thành Xá-vệ ngày rằm thuyết giới, Đức Phật im lặng không nói, A-nan bốn lần thỉnh. Phật nói: "Chúng không thanh tịnh, nên ta không thuyết giới. Ông có thể sai vị thượng tọa nào trì luật". Người tụng giới xướng lên. Mục-liên liền nhập định tìm xem trong chúng ai không thanh tịnh, thì thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc, liền cầm tay lôi ra khỏi cửa và thỉnh Phật thuyết. Phật dạy: Ta không nói hai lời, nay không thể tự thuyết giới lại. Mục-liên nói: Chúng không thanh tịnh, tôi cũng không làm lại Duy-na."Kỳ-vực" Trung hoa dịch là Cố Hoạt, lúc ông sống ở cung trời Đao-lợi, đệ tử của Mục-liên bị

bệnh nên Mục liên dùng thần thông đến tìm, gặp lúc chư thiên ra vườn dạo chơi, Kỳ-vực ngồi trên xe không xuống, chỉ chấp tay xá mà thôi, Mục-liên giữ xe dừng lại Kỳ-vực nói: Chư thiên thọ lạc, tôi gấp lắm, không rảnh hỏi han, tôn giả muốn điều gì? Mục-liên nói mục đích của mình. Kỳ-vực đáp: "Đoạn thực là chủ yếu" rồi buông ra cho xe chạy như trước. Đế-thích thắng Tu-la nên tạo dựng Thắng đường, gác lầu bảy báu trang nghiêm đặc biệt kỳ lạ, trụ cột chi tiết đều đẹp, không liên kết nhau mà vẫn chắc chắn. Đó là do phước lực vi diệu của cõi trời có thể như đây. Mục-liên bay đến, Đế-thích dẫn Mục-liên đi xem nhà, chư thiên nữ đều hổ thẹn trốn hết không ra, Mục-liên nghĩ Đế-thích đắm lạc thú không tu gốc đạo, liền biến hóa lửa cháy, Thắng đường bỗng chốc sụp đổ, rồi vì Đế-thích nói rộng lý vô thường. Đế-thích hoan hỷ, sau đó Thắng đường nghiễm nhiên không còn sắc tro khói nữa. Mục-liên lại đựng đầy túi năm trăm La-hán như trước nói. Phạm âm của Như Lai vang rất xa, ở xa mà nghe như bên cạnh Phật không khác. Mục-liên muốn biết âm thanh Phật vang đến bao xa, bèn dùng thần lực bay qua Hằng hà sa cõi đến phương Tây, vẫn nghe âm thanh Sư tử hống của Phật như bên cạnh không khác. Mục-liên đi mãi không dừng đến khi thân mỏi thần lực hết qua đến một cõi Phật nọ vừa gặp lúc đại chúng đang ăn, liền đáp xuống, men theo miệng bát mà đi kinh hành, nghỉ ngơi. Cả chúng kinh sợ: "Sao bổng có con sâu đầu người từ đâu lại đây?", Đức Phật cõi kia nói: Cách đây vô lượng cõi Phật ở phương Đông, có đức Phật hiệu là Thích-ca, có vị đệ tử thần túc đệ nhất chính là vị này, do muốn biết âm thanh của Phật vang xa như thế nào,nên đến đây, chẳng phải sâu đầu người. Kinh Niết-bàn nói: đức Phật tìm thị giả, tâm để nơi A-nan như mặt trời ở phương Đông chiếu qua phương Tây...

Căn cứ Giáo mà luận thần thông: Nương mười bốn loại biến hóa của Tứ thiền, nương theo quán huân tu Thập nhất thiết, nhập Vô lậu sự thiền, năng tạo mười tám thứ biến hoa. Đây tức là thần thông trong Sơ giáo. Dựa vào Không khởi tuệ, dùng tâm Không tuệ tu các thần thông, tức thần thông trong Thông giáo. Theo thứ lớp dựa vào Tam đế, tu tập đắc thần thông, dần dần chuyển nhập sâu, vượt qua nhị thừa, tức thần thông của Biệt giáo. Dựa vào thật tướng chứng đắc thần thông, không dùng hai tướng để thấy các cõi Phật. Từ Chân mà khởi, ứng với bất động chân tế mà trùm khắp mười pháp giới, là thần thông của Viên giáo...

Thuở xa xưa ngài thường trợ giúp Bích-chi-Phật cạo đầu giặt y, may vá cà sa,và phát nguyện đắc thần thông. Bản Tích: Bản: trú nơi chân tế định Thủ-lăng-nghiêm, có thể trong một niệm mà ứng khắp

mười phương, thị hiện nhiều loại để làm Phật sự, do vì từ bi. Tích: làm ngũ vị thần thông để dẫn dắt khiến ứng nhập cùng cực... Quán tâm: Quán nhất tâm bỗng có nhất thiết tâm, quán nhất thiết tâm chợt không có các tâm. Tâm chẳng có-không, thì thông đạt đến thật tướng, tức thần thông quán.

“Ma-ha Ca-chiên-diên” Trung hoa dịch là Văn Sức cũng là Kiên Thừa, người gọi nhầm chữ nên nói Phiến Thằng, cũng gọi là Hảo Kiên, cũng gọi Kha-la. “Kha-la”, Trung hoa dịch là Tư Thắng, đều theo họ đặt tên. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài khéo phân biệt nghĩa diễn rộng đạo giáo, là đệ nhất. Kinh Trường A-hàm nói: Có ngoại đạo chấp đoạn kiến, cho rằng không có thế giới khác nên có mười lần hỏi đáp: Hỏi: không có thế giới khác?

Đáp: Nay mặt trời mặt trăng ở cõi trời hay cõi người, thế giới này hay thế giới khác? Nếu không có thế giới khác, thì không có mặt trời sáng.

Hỏi: Tôi thấy người chết không trở lại, tại sao nói họ thọ khổ, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người mắc tội bị bắt giữ lại, sao có thể trở về được!

Hỏi: Nếu sinh lên cõi trời, thì vì sao không trở lại? Cho nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người bị rơi vào hầm xí, khi ra khỏi được thì có trở lại hầm xí nữa không? Lại trên cõi trời một ngày thì ở cõi này phải một trăm năm, Người đó mới sinh lên Trời năm, ba ngày chưa kịp tỉnh tâm quay về, dù họ có trở về thì ông cũng đã chết làm sao biết được?

Hỏi: Tôi bỏ tội nhân trong chảo, đậy nắp kín, nhưng rình hoài không thấy thần hồn bay ra ngoài, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như ông ngủ ban ngày, thì người bên cạnh có thấy thần hồn bay ra không?

Hỏi: Tôi lột da róc thịt người chết, tìm thần hồn mà chẳng có nên biết không có đời khác?

Đáp: Như trẻ con chẻ củi vụn nhỏ để tìm lửa đâu thể có được!

Hỏi: Ta cân người chết lại nặng, nếu thần hồn đi thì lẽ ra nhẹ, nếu không có thần hồn đi thì không có đời khác?

Đáp: Như lửa nung sắt hợp lại thì sắt nhẹ, sắt mất lửa thì sắt nặng, con người sống có thần hồn thì nhẹ, người chết mất thần hồn thì nặng.

Hỏi: Tôi thấy người sắp chết trở lại chuyển cầu thần hồn không được, nên biết không có đời khác?

Đáp: Như người trở lại tìm đầy đủ âm thanh của mình, có thể được

ư?

Hỏi: Ông tuy phá bao nhiêu thứ, mà tôi chấp điều này rất lâu không thể bỏ được!

Đáp: Như người thu hoạch cây tầm, ban đầu thấy gai lấy gai, tiếp đó bỏ gai lấy vỏ gai, tiếp theo bỏ vỏ lấy sợi gai, tiếp nữa bỏ sợi gai lấy bố, tiếp theo bỏ bố lấy lụa sống (quyên), tiếp đó bỏ quyên lấy bạc (ngân), tiếp sau bỏ bạc lấy vàng (kim). Bỏ xấu lấy tốt, tại sao không thể bỏ ?

Hỏi: Chẳng những tôi nói như vậy, mà mọi người cũng nói như vậy, tại sao cho rằng tôi sai?

Đáp: Có hai người đi buôn giữa đường gặp quỉ, quỉ hình người và nói đường trước lúa gạo cây cỏ được mùa tốt tươi, các người còn chở đến làm gì? Một người liền bỏ lại hết. Kết cục người trâu đều đói nên bị quỉ ăn thịt. Một người còn lại nói: “Nếu được lúa cỏ mới, thì có thể bỏ lúa cỏ cũ này” cho nên người ấy không bị quỉ ăn thịt. Các người nói càn, ví như quỉ nói dối. Ông không công nhận lời nói của ta, ví như người đi buôn vứt bỏ lúa cỏ cũ? Nay đã được cái mới, sao không bỏ cái cũ?

Hỏi: Tôi không thể bỏ chấp kiến này, nếu không khuyên bảo Tôi, Tôi sẽ nổi giận ngay!

Đáp: Ông như người nuôi heo, đi đường gặp phân hốt vác trên đầu đem về, giữa đường gặp mưa nước phân chảy làm nhớp đầu, có người đi bên thấy vậy bảo ông đổ đi. Ông lại sân giận người kia và bảo rằng: Bởi vì ông không nuôi heo, nên mới khiến ta bỏ”, tức là lại nổi nóng với người khuyên mình!

Cứ như vậy diễn rộng các nghĩa lần lượt phá chấp, ngoại đạo được hàng phục tán thán rằng: Khi tôn giả nói dụ mặt trăng mặt trời thì tôi đã hiểu, nhưng vì muốn biết trí tuệ biện tài của tôn giả nên mới nhiều phen hỏi. Lành thay! Ngài nói vi diệu vô cùng. Ca-chiên-diên khéo luận về tướng nghĩa cũng lại như vậy. Trong Luật dạy: Ngài luôn khéo giáo hóa mọi người qui y giữ giới, khiến người đồ tể thọ giới ban đêm, người dâm dục thọ giới ban ngày, về sau khi thọ báo bất luận ngày đêm thảy đều được an lạc hiện tiền... Lại có Bà-la-môn Thế Điển nói với năm trăm người dòng họ Thích: Có người nào có thể cùng ta luận nghị không? Năm trăm người dòng họ Thích nói: Có Cù-mật-thích và ở trong nước có một người không có trí tuệ, lời nói vụng về, tên là Châu-lợi-bàn-đặc ở trong hàng xuất gia cũng là hạng thấp kém. Ông có thể cùng hai người này luận nghị, nếu ông thắng thì chúng tôi sẽ đặt danh cho ông. Thế Điển suy nghĩ: “Nếu hơn hai người này thì chẳng hân hạnh gì, lỡ như

không bằng thì rất là nhục nhã". Về sau khi đi đường gặp Bàn-đặc, ông hỏi: "Tên gì?" Đáp: "Ông nên hỏi nghĩa, chứ cần gì hỏi tên!". Lại hỏi: Ông cùng ta luận nghĩa không? Đáp: Ta có thể cùng Phạm vương luận nghĩa, huống chi ông là người mù không có mắt". Lại hỏi: "Mù tức không có mắt, không có mắt tức mù đâu chẳng phiền lập lại". Châu-lợi biến hóa mười tám phép. Thế Điển liền nói: "Người này chỉ biết bay biến mà không hiểu nghĩa". Ca-chiên-diên có thiên nhĩ nghe xa, liền làm phép giấu Bàn-đặc, hiện thân như Ngài từ hư không mà xuống, hỏi: "Ông tên hiệu là gì?" Đáp: "Tôi tên Nam trượng phu". Lại hỏi: "Nam tức trượng phu, trượng phu tức nam, đâu chẳng phiền lập lập lại?". Thế Điển đáp: Thôi thôi! Để việc đó lại, nếu luận thì nên luận nghĩa sâu". Hỏi: Không nương pháp mà đắc Niết-bàn ư? Đáp: Không nương pháp ngũ ấm có thể đắc Niết-bàn. Lại hỏi: Ngũ ấm nương vào đâu mà sinh? Đáp: Nương ái sinh. Hỏi: Làm sao đoạn ái? Đáp: Y bát chánh đạo thì năng đoạn ái. Thế Điển nghe điều này thì viễn trần ly cấu. Lệ đều như thế.

Căn cứ giáo luận nghĩa: Nương vô thường, khổ, không vô ngã, để phá các kiến chấp đoạn, thường... đó là sơ giáo luận nghĩa. Căn cứ Không, Vô sở hữu, Bất khả đắc để phá Đoạn, Thường, ái kiến. Đó là Thông giáo luận nghĩa. Thiên nữ nói: Ta vô sở đắc cho nên biện minh như vậy. Nương tứ biện tài của Tổng trì, quán căn cơ chiếu Giả đế dùng làm thuốc trị bệnh, phá kiến Đoạn Thường. Đó là Biệt giáo luận tướng nghĩa. Y vào Thực tướng rốt ráo không có, không không mà phá Đoạn, Thường kiến. Đó là Viên giáo luận nghĩa.

Căn cứ Bản tích: Bản, trụ phước đức trí tuệ hai thứ trang nghiêm, năng vấn năng đáp vì thương xót chúng sinh. Tích, là ngũ vị luận nghĩa sư.

Quán tâm: Quán trí nghiên cứu cảnh, cảnh phát sinh nơi trí, trí cảnh qua lại tức quán tâm luận nghĩa.

"A-nâu-lâu-đa": Cũng gọi A-na-luật, cũng gọi A-nê-lư-đậu, đều là âm Phạn. Xa-thiết-nhĩ Trung hoa dịch là Vô bần, cũng dịch là Như ý, cũng gọi là Vô lạp. Xưa gặp thời đói khát ngài đã từng cúng dường một bữa cơm lúa tẻ cho một vị Bích-chi-phật, nên trải qua chín mươi mốt kiếp thâu hoạch được quả báo đầy đủ, cho nên gọi là Vô bần. Dòng họ: Sơ kiếp do gió thổi nước lớn kết cấu mà thành thế giới, ở cõi trời Quang-âm khi mạng tận sinh làm loài người, thân có ánh sáng bay mà đi, lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, không có nam nữ cao thấp. Chúng cùng sinh ở trong đó gọi là chúng sinh. Lúc đó tự nhiên đất có vị ngon như đề-hồ,

sắc như sinh tô, ngọt như mật, do ăn nhiều nên mất ánh sáng hình dáng tiều tuỵ, không thể bay được, người ăn ít còn có ánh sáng thấm nhuần liền có hơn thua tùy theo tướng phải trái, đến khi mất vị đất thì ăn vỏ đất nên dân sinh khinh mạn, mất lớp vỏ đất đến ăn cặn bã của đất chuyển sinh các điều ác, mất cặn bã thì ăn lúa gạo mọc tự nhiên (hoang), ăn lúa gạo thì nam căn nữ căn sinh, hợp làm vợ chồng, do hổ thẹn cho nên làm nhà và chứa trữ nhiều lúa gạo, về sau gạo sinh ra trấu vỏ. Khi cắt sạch rồi thì không mọc tiếp gốc cây khô héo hiện ra, rồi lại sinh ra chiếm đoạt trộm cướp lẫn nhau, bèn lập ra một người có thể chia đều, gọi là điền chủ, theo lý tranh tụng, đó gọi là dân chủ. Dân chủ có con tên Trân Bảo. Trân bảo có con tên Hảo Vị. Ban đầu từ dân chủ về sau sáng lập Kim luân nối tiếp cho đến Thiện Tư, từ Ý-ma đến Tịnh-phan bốn đời làm Thiết luân, hợp có tám mươi bốn ngàn hai trăm mười một vị vua. Kinh Thập Nhị Du nói: Từ kiếp lâu xa có vị vua sớm mất cha mẹ đem nước trao lại cho em, tu theo vị Bà-la-môn, Bà-la-môn nói: Ông nên cởi bỏ áo vua theo họ Cù-đàm, nhân đó vua liền theo người ấy hiệu là Tiểu Cù-đàm trú ở vườn mía, bọn đạo tặc trộm vật đi qua vườn, những người tìm bắt tìm theo dấu tích và bắt được Tiểu Cù-đàm. Họ dùng tên bắn làm máu huyết chảy nhớp đất. Đại Cù-đàm thương xót, thâu máu huyết dưới đất đựng đầy bát đem về vườn, rồi đặt hai bên trái phải và trì chú, vị Cù-đàm này nếu thành tâm thì trời thần biến huyết thành người, đến mười tháng sau sinh ra bên phải con trai, bên trái con gái từ đó đặt tên họ là Cù-đàm. “Cù-đàm”, Trung hoa nghĩa là Thuần Thục cũng gọi là Xá Di. Xá Di là dòng họ quí tộc, vào thời đầu Hiền kiếp đức Như Lai xuất thế, thần thức Cù-đàm mới bắt đầu thác sinh. Nếu theo ý này thì Dân chủ từ trước đến nay tức họ Cù-đàm. Từ Ý-ma vương sinh ra bốn người con. 1. Diện Quang. 2. Tượng Thực. 3. Lộ Chỉ. 4. Trang Nghiêm. Bốn người này bị tình nghi bị đuổi ra khỏi nước, nên đến ở trong rừng cây phía Bắc núi Tuyết Sơn. Mọi người trong nước theo rất đông, về sau nhân chúng đông đảo lớn mạnh.Vua cha khen rằng: “Con ta có khả năng”. Bốn vị nhân đây mà có bá tánh. Lại đất nơi ấy cây Thích-ca rất tốt, Trung hoa dịch là Trực Lâm. Đã ở trong rừng lập quốc, tức lấy rừng làm họ, ngoại quốc gọi Đa-hàm. Thích-ca cũng Trực cũng Năng. Nay Tịnh-phạn thuộc dòng dõi Trang Nghiêm Vương, Trang Nghiêm tức là Ô-đầu, Ô-đầu sinh ra Ô-đầu-la, Ô-đầu-la sinh ra Ni-cầu-la, Ni-cầu-la sinh ra Thi-hưu-la, tức Sư Tử Giáp, Sư Tử Giáp sinh ra ba Phạn. Hộc-phạn sinh hai con, trưởng là Ma-ha-nam, tiếp là A-na-luật là em con chú của Thế Tôn, A-nan là em họ đức Thế Tôn và là chú của La-hầu-la

nhưng chẳng vì vậy mà nhờ cậy, cho nên Chu Công nói rằng: “Ta là con Văn vương, em là Võ vương, chú là Thành vương, ở trong thiên hạ chẳng khinh rẻ người nào, thấm gội ba nhà ăn ba bữa, lễ hiền thánh còn vậy huống chi những người khác ư!” Kinh Hiền Ngu nói: Thời mạt thế của Phật Phất-Sa, gặp lúc đói khát, có Bích-chi-phật tên Lợi-ra du hành khất thực không được gì cả, có một người nghèo thấy mà thương xót nên bạch rằng: Thưa Thắng Sĩ! Có thọ nhận cỏ bại này không? Vị kia thọ nhận ăn, ăn xong hành mười tám loại biến hóa, người ấy hái cỏ bại tiếp tục cúng dường, lúc ấy có một con thỏ nhảy nhót đến sau lưng bà nghèo biến làm người chết, không có bạn bè đến cứu, người nghèo đến tối mới đem được về nhà đặt trên đất, liền thành người vàng bẻ ngón tay để sử dụng, rồi đến chân, lại hiện không lúc nào hết. Mọi người và vua quan nghe vậy muốn đến chiếm đoạt thì chỉ thấy thây chết, nhưng người kia thấy thì toàn là vàng báu, do đó mà trải qua chín mươi mốt kiếp quả báo đầy đủ, cho nên hiệu Vô bần. Sinh ở cõi kia rồi từ đó về sau gia nghiệp giàu có dư dật ngày đêm tăng trưởng, cha mẹ muốn thử che các đồ vật trống không sao xem thấy trăm vị đầy đủ, mà ngoài cửa hàng ngày thường có một vạn hai ngàn người. Sáu ngàn người đến xin, sáu ngàn người đến tặng cho. Sau khi ngài xuất gia đến chỗ nào mọi người thấy đều hoan hỷ và muốn mọi người có đủ như nhà mình không khác. A-na-luật tinh tấn bảy ngày bảy đêm không chợp mắt. Phải biết ngủ như là thức ăn của mắt, đã bảy ngày bảy đêm không ngủ, nên mất nhục nhãn rồi. Đức Phật dạy ngài nên cầu thiên nhãn, buộc niệm duyên nơi tịnh sắc Tứ đại ở nửa đầu mà phát, sau đó ngài đắc thiên nhãn thấu triệt sự ngăn chướng trong ngoài sáng suốt, nơi tối tăm thảy đều thấy rõ, đối trước Phạm vương nói rằng: Tôi thấy Đại thiên thế giới của đức Thích-ca như xem quả trong lòng bàn tay. Kinh Tăng Nhất nói: Trong Phật pháp ta người có thiên nhãn thấy thông suốt nhất là Tỳ-kheo A-na-luật. Khi ngài A-na-luật mù mắt, Đức Phật và các Tỳ-kheo thường vá may y. Hôm ấy Phật ở nước Xá-vệ thành Câu-tất-la, Đức Phật đã cùng tám trăm Tỳ-kheo tụ tập may ba y cho A-na-luật. Đức Phật căng vải ra các Tỳ-kheo cắt may trong một ngày xong. Đức Phật rộng vì thuyết pháp: “Người xuất gia thọ y, mọi việc lớn nhỏ, tiến dừng cũng phải cùng làm đầy đủ”. Nói xong, vô lượng người đắc đạo.

Căn cứ giáo: Nương thiền định mà phát sinh thiên nhãn là phàm phu ngoại đạo, nương vô lậu sự thiền mà phát sinh thiên nhãn, là nghĩa Tam tạng. Nương thể pháp vô lậu tuệ phát sinh các hạnh, nương các hạnh phát sinh thiên nhãn là ý Thông giáo. Nương tán thiện mà phát

sinh nhục nhãn, nương định mà phát sinh thiên nhãn, nương chân đế mà phát sinh tuệ nhãn, nương tục đế mà phát sinh pháp nhãn, nương Trung Đạo đế mà phát sinh Phật nhãn, là ý của Biệt giáo. Nương thật tướng mà phát sinh thiên nhãn, thiên nhãn tức Phật nhãn, là ý của Viên giáo. Lại, nương tán thiện tu nhục nhãn, nương định tu thiên nhãn, là ý của Tam tạng. Nương Không mà tu nhục nhãn, thiên nhãn là ý của Thông giáo. Theo thứ tự mà tu ngũ nhãn là ý của Biệt giáo. Không theo thứ tự mà tu ngũ nhãn là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản trụ nơi thật tướng chân thiên nhãn, không dùng hai tướng thấy các cõi Phật. Tích: nêu bày nửa đầu thiên nhãn. Quán tâm: Quán nhân duyên sinh thiện tâm, tức nhục nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Không, tức thiên nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Giả tức pháp nhãn. Quán nhân duyên sinh tâm Trung, tức Phật nhãn...

"Kiếp-tân-na", Trung hoa dịch là Phòng Túc, do cha mẹ cầu đảo ngôi sao Phòng này mà sinh con, nên lấy tên ngôi sao để đặt tên con. Vị Tỳ-kheo ấy khi mới xuất gia muốn đến ra mắt Phật vì chưa được thấy Phật nhưng đi đường lại bị mưa, ghé ngủ nhờ nhà người thợ gốm, lấy cỏ làm tòa nằm nghỉ. Lúc sau chập tối có một vị Tỳ-kheo cũng đến xin tá túc, Ngài liền nhường tòa cỏ mà nằm đất. Giữa đêm, vị Tỳ-kheo kia hỏi: Ngài định đi đâu? Đáp: "Muốn gặp Phật". Tỳ-kheo kia liền vì ngài mà thuyết pháp, ngài bỗng nhiên đắc đạo. Vị Tỳ-kheo đến sau kia chính là Phật. Cùng ở chung phòng với đức Phật, được thấy pháp thân, từ chổ được nghe pháp đắc đạo đó mà đặt tên, gọi là Kiếp-tân-na. Tỳ-sa-môn cầm dù đi sau Kiếp-tân-na. Tỳ-sa-môn là chủ các vì sao, nên các vì sao cũng đều theo sau. Ngài khéo biết xem thiên văn, biết rõ biểu tượng trời đất. Theo đó mà gọi là Kiếp-tân-na. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ở trong Phật pháp ta, người giỏi xem Thiên văn đệ nhất là Tỳ-kheo Kiếp-tân-na.

Căn cứ giáo: Đã phá cái nhà căn trần, cùng nghỉ chung phòng Chân đế với Phật, là nghĩa theo Tam tạng giáo. Thể đạt căn trần, tức cùng Như Lai đồng ngủ chung phòng Chân đế, là ý Thông giáo. Phân biệt phòng nhà căn trần trong mười pháp giới, thảy đều thấy Phật, là ý Biệt giáo. Ở nơi một phòng nhà căn trần, 1iền thấy hết thảy phòng nhà, thấy hết thảy Đức Phật, tức ý Viên giáo.

Căn cứ Bản Tích: Bản: đã cùng Như Lai đồng nghỉ chung một lầu Thật tướng. Tích: nêu bày sự việc như trên.

Quán tâm: Quán nhà ngũ ấm chiết Không tức Không, cùng hóa Phật đồng phòng ngủ chung. Quán nhà ngũ ấm tức Giả, cùng báo thân

Phật đồng ngủ chung. Quán nhà ngũ ấm tức Trung đạo, cùng pháp thân Phật đồng ngủ chung...

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2
(Phần Thượng)

"Kiều-phạm-ba-đề": Trung hoa dịch là Ngưu Ti. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Ngưu Vương. Kinh Tăng Nhất gọi là Ngưu Tích. Năm trăm đời trước ngài từng là Ngưu Vương, trâu sau khi ăn thường nhai khống, do dư báo chưa hết nên miệng thường mấp máy người đời gọi là Ngưu Ti. Kiếp xưa, có năm trăm con chim nhạn, có một con thường cung phụng hoa quả đối với nhạn vương. Vào một mùa hạ Đức Phật thọ thỉnh của A- kỳ-đạt-vương, năm trăm Tỳ-kheo đều ăn lúa ngựa, nhưng riêng Kiều-phạm ở trên vườn Thi-lợi-sa cõi trời thọ sự cúng dường của thiên vương. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Ưa ở cõi trời, không ưa ở nhân gian, thì Tỳ-kheo Ngưu Tích là đệ nhất". An vui ở cõi trời là tùy lạc dục, là nghĩa Thế giới Tất-đàn. Cúng dường Nhạn vương được phước báo đến vậy, là nghĩa Vị nhân Tất-đàn. Tránh người thế gian chê cười, là nghĩa Đối trị Tất-đàn. Cõi trời không cười, là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn... Lại nói người đời chỉ xem thấy hình dáng bên ngoài mà không biết có đức bên trong, nếu cười khinh La-hán tức mắc tội. Để tránh người đời cười chê hình dáng kia, nên ngài thường ở cõi trời. Cõi trời biết có đức nên không cười chê, cho nên ngài thường ở cõi trời. Sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ca-diếp vân tập một ngàn đại A-la-hán thì thiếu sót một Tăng hạ tòa, nên sai sư đi thỉnh Kiều-phạm-ba-đề, Kiều-phạm-ba-đề hỏi: Phật và Hòa thượng còn không? Đáp: Đều đã diệt độ, Kiều-phạm nói: "Đức Phật ra đời, tôi ra đời. Phật ở đời, tôi ở đời, nay Phật diệt độ, tôi cũng diệt độ. Tứ chúng nên như bốn dòng nước chảy về Ngài Đại Ca-diếp", và thuyết kệ rằng:

"Đấng Voi chúa đã đi
Voi con cũng theo đi
Đấng Thế Tôn đã diệt
Tôi ở lại làm gì?"

Căn cứ về giáo: An trú vườn ở cõi trời là chỉ bày điều thiện, miệng

nhai như trâu là chỉ điều ác, đó là ý của Tam tạng. Miệng nhai như trâu, thân được đắc đạo, đây là chỉ điều ác mà chẳng phải ác, ở trên cõi trời mà nhai chỉ điều thiện mà chẳng thiện,đó là ý của Thông giáo. Chỉ trong thiện ác trong ngoài cõi, là ý của Biệt giáo. Chỉ thật tướng của thiện ác, là ý của Viên giáo.

Bản Tích: Bản, trụ bốn Vô sở úy, an trụ nơi thánh chủ như Ngưu vương đệ nhất nghĩa. Tích, là chỉ bày Ngưu Ti ưa ở cõi trời.

Quán tâm: quán lý trung đạo nơi tâm tánh, an nhiên bước trên đất phóng nhanh như gió, tức quán ngưu vương.

"Ly-bà-đa" cũng gọi là Ly Việt, Trung hoa dịch là Tinh Tú hoặc Thất Tú hoặc Giả Hòa Hiệp, Kinh Văn-Thù Vấn gọi là Thường Tác Thanh (Thường lên tiếng). Cha mẹ ngài cầu khẩn tinh tú mà sinh ra ngài, nên cảm ân đức đó mà đặt tên ngài là Tinh Tú. Tuy được xuất gia, nhưng giữ tên cũ. Giả Hòa Hợp: Có người dẫn Thích luận giải thích: Một hôm hành hóa lỡ đường, ngài vào trong đình nghỉ qua đêm, thấy có hai con quỉ tranh nhau thây chết, chúng thấy ngài và nhờ phân xử. Dù y theo lý hay không cũng vô ích, đều không tránh khỏi sự tai hại, cho nên ngài theo sự thật mà đáp. Đại quỉ bẻ tay chân ngài, tiểu quỉ bẻ tay người chết bù vào... cứ như vậy ăn xong lau miệng mà đi, nhân đó mà ngài buồn phiền không so sánh biết được là thân ai, nên gọi Giả Hòa Hợp. Thường tác thanh: Tức nghi việc này, nếu bản thân ta thì tận mắt thấy bị bẻ bỏ, nếu là thân người khác sao lại theo ta đi đứng, đang nghi hoặc, còn do dự thì gặp người liền hỏi: "Ông thấy thân tôi không?" Cho nên nói là Thường Tác Thanh, Chúng Tăng nói: "Người này dễ độ", rồi nói tiếp: "Thân ông vốn là thân thể người khác sót để lại, chứ chẳng phải mình có", nghe xong liền đắc đạo. Kinh Tăng Nhất nói: "Người tọa thiền nhập định, tâm không điên đảo, thì đệ nhất là Ly Việt Tỳ-kheo".

Căn cứ về giáo: Phá bẻ ngũ ấm không có ngã sở hữu là ý của Tam tạng. Thể đạt ngũ ấm vốn chẳng phải ngã hữu, là ý Thông giáo. Phân biệt ngũ ấm của mười pháp giới đều không phải mình có, là ý của Biệt giáo. Thông đạt ngũ ấm chẳng phải ngã hữu chẳng phải tha hữu, kiến ấm thật tướng, tức ý của Viên giáo. Bản Tích: Bản, trú nhật tinh tú Tam-muội. Tích nêu bày danh này. Quán tâm: Quán tâm niệm Phật thấy nhiều Đức Phật trong mười phương, như ban đêm thấy sao...

"Tất-lăng-già-bà-ta", Trung hoa dịch là Dư Tập. Vốn năm trăm đời là Bà-la-môn, tính khí còn kiêu ngạo, đi khất thực thường qua sông Hằng lấy tay chỉ quát: "Con nhãi ranh kia hãy dừng chảy!", thì dòng nước tách làm đôi. Thần sông Hằng đem chuyện này báo cáo với Phật,

Phật bảo phải sám hối, Tất-lăng liền chấp tay nói: “Thần sông Hằng! Con nhãi ranh kia đừng có giận nữa!” Đại chúng cười ầm lên, nói “đã xin lỗi lại còn mắng nữa”. Phật bảo: “do tập khí ngày xưa dòng Bà-la-môn còn sót lại, chứ xin lỗi thật không có tâm kiêu mạn nữa”. Kinh Tăng Nhất nói: “Ngồi dưới gốc cây khổ tu, không ngại mưa gió, là Bà-ta Tỳ-kheo”.

Căn cứ về giáo: Diệt mạn không còn mạn, là ý của Tam tạng. Tức mạn mà không có mạn, là ý của Thông giáo. Phân biệt sự cao thấp trong mười pháp giới là ý của Biệt giáo. Tám tự tại ngã đầy đủ Phật pháp, là ý của Viên giáo. Bản Tích: Bản, trụ thường lạc ngã tịnh tám tự tại ngã.Phạm âm vi diệu. Tích, nêu bày tâm mạn khẩu ác. Quán tâm: quán lời nói thô diệu đều qui về Đệ nhất nghĩa...

“Bạc-câu-la”: Trung hoa dịch là Thiện Dung, hoặc Vĩ Hình, hoặc Đại Phì Thạnh, hoặc Nhu Nan, hoặc Lăng Đặng, hoặc Mại Tánh. Vì sắc mạo đoan chánh, cho nên gọi là Thiện Dung, ngài thọ một trăm sáu mươi tuổi, không hề bị bệnh không chết yểu. Có năm phước báo cho nên không chết yểu: Sau khi mới sinh hiện tướng lạ, mẹ thử đem để trên bàn ram nướng cho chết mà không chết. Lại, đem thả giữa sông cá nuốt, cá bị người bắt lấy dao mổ bày ngài ra ngoài mà không chết... Do đời trước giữ giới không sát sinh nên chín mươi mốt kiếp được sống lâu không chết yểu, do xưa từng cúng trái A-lê-lặc cho một vị tăng có bệnh, nên quả báo thân thường không bệnh, có thể giữ trì một giới thì bốn giới trang nghiêm, kiên trì không phạm không tránh nước lửa, những người khác tuy trì năm giới mà phần nhiều hủy phạm... Lại, ưa ở chỗ vắng lặng, không ưa ở trong chúng, mắt không ưa nhìn thấy các màu sắc... tai không ưa nghe âm thanh thế giới, mũi không ưa ngửi mùi thơm hôi thế gian, lưỡi chưa từng vì người thuyết một đôi ngữ, ý thường trong thiền định không tán loạn, cho đến tháp Xá-lợi của Ngài cũng ưa để chỗ nhàn tịnh, A-dục Vương lễ tháp của các bậc La-hán tiếp đến lễ tháp của ngài và nói kệ rằng: “Lúc còn ở đời tu ở chỗ vắng, rèn đức vô minh ít có lợi ích cho đời”, và cúng hai mươi cái bảo bối. Kinh Tăng Nhất nói:Vua cúng thí xong,thì tiền và bảo bối từ trong tháp bay ra theo dính chân của vua.Các đại thần thấy thế kinh ngạc. Vua nói: “Lúc Tôn giả còn ở nhân gian ưa ở một mình nơi vắng, thiểu dục, cho đến nay tháp của ngài vẫn còn có lực như vậy,” Kinh Tăng Nhất nói: “Thọ mạng rất lâu dài, trọn không chết yểu, thường ưa ở nơi vắng lặng, không ưa ở trong chúng, thì Bạc-câu-la là đệ nhất”.

Căn cứ về giáo: Diệt ồn ào nhập Chân là Tịch tịnh theo Tam

tạng giáo. Tức huyên náo mà Chân, là Tịch tịnh theo Thông giáo. Lìa nhị biên nhập Trung, là Tịch tịnh theo Biệt giáo. Tức biên mà Trung, là Tịch tịnh theo Viên giáo. Bản Tích: Bản, trụ nơi đại định tịch diệt, thọ mạng lâu dài là "thường", không bệnh là "lạc", không chết yểu là "ngã", tịch tĩnh là "tịnh", Bản ở nơi bốn đức này. Tích, thị hiện lục căn tịch tịnh. Quán tâm: Tâm tánh trung đạo, tức Không tức Giả tức Trung, là quán thường lạc ngã tịnh.

"Ma-ha-câu-ly-la": Trung hoa dịch là Đại-tất, cậu của Xá-lợi-phất, nguyên do luận hơn chị nhưng đối với bào thai không hơn, biết đứa trẻ trong bào thai mà trí tuệ còn như vậy huống chi khi ra khỏi bào thai... liền bỏ nhà đến Nam Thiên Trúc, đọc thông mười tám kinh. Người thời ấy cười ngài cho rằng: "nhiều kiếp khó thông, một đời chẳng xuể". Ngài bùi ngùi than rằng: "Ở nhà thì thua chị, ra đường thì bị người khác khinh". Ngài thề gắng học đọc hết sách kinh, đến nỗi không nhàn rỗi để cắt móng tay, nên người thời ấy gọi ngài là Trường Trảo Phạm Chí. Học xong trở về nhà hỏi cháu đã được sinh và ở đâu? Mọi người nói hiện làm đệ tử Phật, liền sinh tâm kiêu mạn nói cháu ta tám tuổi tài giỏi danh vang khắp năm nước Thiên Trúc, Sa-môn kia có đạo thuật gì mà dụ dỗ cháu ta? Bèn đi đến chỗ Phật. Suy nghĩ hồi lâu, không đắc một pháp nhập tâm nào, mới nói với Phật rằng: "Tất cả pháp không nhẫn, nhẫn tức là nghĩa an. Đây nói tất cả pháp ta đều phá khiến không được an, cho nên nói tất cả pháp không nhẫn". Đức Phật hỏi: "Ông thấy là nhẫn hay không?" Ông rơi vào chổ lưỡng phụ (hoàn toàn bị thua): "nếu ta thấy nhẫn, thì trái với trước đã nói tất cả pháp không nhẫn, nếu ta thấy không nhẫn thì không thể hơn Phật", liền cúi đầu đắc pháp nhãn tịnh. Thân-tử đứng hầu Phật, nghe câu biện luận, liền đắc quả A-la-hán. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: "Đắc Tứ biện tài gặp nạn vấn có thể đáp ngay, đệ nhất là Câu-hy-la. Thiên vương ở phương Nam tên Tỳ-lưu-bặc-xoa thường theo hầu ngài".

Ước về giáo: Ngoài thông bốn bộ kinh Vi-đà, trong thông Tam tạng là Tam tạng tứ biện tài. Ngã vô sở đắc nên biện tài mới như vậy, là Thông giáo biện. Hoặc danh hoặc nghĩa khắp mười pháp giới, là Biệt giáo biện. Y nơi thật tướng biến khắp tất cả, là Viên giáo biện.

Bản Tích: Bản, trụ nơi khẩu mật khẩu luận bất tư nghì giáo hóa đại định đại tuệ. Tích, thị hiện làm Đại Tất. Quán tâm: Quán tâm tức Không tức định, tức Giả tức tuệ, để trang nghiêm tâm kia...

"Nan-đà": Cũng gọi là Phóng Ngưu Nan-đà, Trung hoa dịch là Thiện Hoan Hỷ, cũng dịch Hân Nhạo. Vua Tịnh Phạn bắt ép mười vạn

người thuộc dòng họ Thích xuất gia, ngài là một người trong số đó. Có sư nói là Bạt-nan-đà trong Luật vậy.

Căn cứ về giáo: thì sự hoan hỷ, lý không hoan hỷ, là ý của Tam tạng. Tức sự hoan hỷ là lý hoan hỷ là ý của Thông giáo. Hoan hỷ địa, tức là ý của Biệt giáo. Hoan hỷ trụ, tức là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản, trụ nơi thật tế, chẳng phải hỷ, chẳng phải không hỷ. Tích, gọi là Hoan hỷ. Quán tâm: Quán tâm cùng lý tương tự tương ưng, nên gọi là Hoan hỷ quán.

"Tôn-đà-la Nan-đà": Tôn-đà-la, Trung hoa dịch là Hảo Ái, cũng là Đoan Chánh. Nan-đà như trước nói. Dòng họ: Như Ngài A-na-luật. Ngài ở trong thai mẹ bốn tháng chín ngày thì sinh, người thấp hơn Phật bốn ngón tay, dung nghi đĩnh đạc đặc biệt, rất khác với đời, Nếu đi vào trong chúng thì có người không biết, tưởng là Đức Phật đến. Luật Sa-di-tắc nói: Ở nước Ma-kiệt có ngoại đạo loả thân, rất thông minh người trong nước gọi là trí giả kiến giả, cùng với Thân-tử luận nghị rất hợp, nảy sinh thiện tâm, muốn ở trong Phật pháp xuất gia, thấy Nan-đà diện mạo tuyệt đẹp như thiếu nữ liền khen rằng: Tỳ-kheo nhỏ bé trí tuệ khó lường huống chi là đường tăng tướng ư! Nan-đà liền độ cho xuất gia. Vợ của Ngài Nan-đà là Tôn-đà-lợi rất đoan chánh, hai người khi ăn, khi ngủ không hề xa nhau, một hôm Đức Phật cùng A-nan đi khất thực đến trước cửa nhà, ông cùng vợ ngồi trên lầu cao ăn cơm, thấy Đức Phật liền đứng dậy nghinh tiếp, người vợ nói đợi chồng về cùng ăn. Nan-đà bạch Phật rằng: Chuyển luân vương tại sao tự làm nhục dòng họ? Nói rồi cầm bát của Phật lấy thức ăn. Đức Phật liền trở về vườn Ni-câu lại bảo A-nan sai Nan-đà dâng thức ăn đến. A-nan truyền lời Phật dạy khiến Nan-đà dâng cơm hầu Phật. Phật sai chúng giữ lại và cho cạo đầu, bằng không thì phải cầm dao đến cạo đầu cho vua Diêm-phù-đề. Nan-đà đành chịu để cạo đầu. Sáng ngày Đức Phật cùng Đại chúng năm trăm Tỳ-kheo đi ăn theo lời thỉnh của đàn việt, Nan-đà xin ở lại giữ chùa ý muốn trốn đi, Đức Phật chấp thuận và dặn đóng cửa phòng quét đất. Khi đóng cửa phía Nam quét rồi, liền mở cửa phía Bắc để quét, quét xong thì cửa phía Nam lại rác rưởi dơ bẩn như cũ. Lại sợ Đức Phật về, ngài liền trốn trở về nhà, không may giữa đường gặp Phật, liền núp sau thân cây. Đức Phật hiện hóa cây bay lên hư không, thấy ngài liền gọi và đem về Tinh xá. Đức Phật hỏi: Vì sao bỏ đi? Nan-đà đáp: Đang cùng vợ ăn, nay sợ vợ chờ nên trở về cùng ăn và vì nhớ đến vợ. Đức Phật liền đem Nan-đà dạo khắp trên cõi trời rồi xuống địa ngục... cho nên đem vợ để nêu lên.

Ước về giáo: Tục đế có pháp hỷ, Chân đế không có pháp hỷ, đó là Tam tạng giáo. Hỷ Tục đế tức hỷ Chân đế, đó là Thông giáo. Từ Thông pháp hỷ mà có Tục pháp hỷ và Trung pháp hỷ, đó là ý Biệt giáo. Tức Thông hỷ đầy đủ hết thảy pháp hỷ, đó là ý của Viên giáo. Bản tích và Quán tâm, như trước nói...

Phú-lâu-na, dịch là Mãn Nguyện. Di-đa-la dịch là Từ. Ni là nữ, cha ngài ở sông Mãn cầu đảo mà sinh ra con, chính ở sông này lại mộng thấy bảy báu, đựng đầy báu vào trong lòng mẹ, mẹ mang thai con, cha được mãn nguyện, do cầu thỉnh nguyện đầy đủ cho nên nói Mãn Nguyện. Mẹ tên Di-đa-la-ni, Trung hoa dịch là Từ Hạnh, cũng gọi là Tri Thức. Trong bốn bộ kinh Vi-đà có phẩm tên ấy mà người mẹ thường tụng, nên lấy đó đặt tên con. Ni là nữ , gọi chung nữ là "ni", gọi nam là "na", đã là từ chỗ Từ sinh ra cho nên nói Từ Tử. Kinh Tăng Nhất nói: Cha ta tên Mãn, mẹ ta tên Từ, các người phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Đây là theo hai duyên của cha mẹ, nên nói Mãn Từ Tử. Người này khéo giỏi biết hiểu hết kinh sách nội ngoại, không gì là không biết, hiểu biết đầy đủ cho nên gọi là Mãn. Kinh Tăng Nhất nói: "Có khả năng diễn thuyết rộng, phân biệt nghĩa lý, đệ nhất là Mãn Từ Tử." Văn dưới nói: "Là người thuyết pháp đệ nhất". Ngài muốn trở lại bản quốc làm lợi ích, nên Phật dạy: Nước kia xấu ác ông phải làm sao? Đáp: "Con sẽ tu nhẫn. Nếu họ hủy nhục con thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa nặng tay đánh đập con. Nếu họ nắm tay đánh con, thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa lấy roi gậy đánh đập con. Nếu họ dùng roi gậy đánh, thì con vẫn thấy may mắn vì họ chưa dùng đao búa đâm chém con. Nếu họ dùng đao búa đâm chém con,thì con vẫn thấy may mắn vì họ đã giết sắc thân ngũ ấm của con". Đó gọi là hành nhẫn đầy đủ cho nên gọi tên là "Mãn". Trong Kinh Thất Xa Dụ Thuyết, Đại trí Xá-lợi-phất đã xưng tán ngài rằng: "Tất cả những người tu phạm hạnh đều tôn trọng vây quanh đảnh lễ ông. Nếu thấy ông, thì họ được lợi ích lớn". Đó là khen ngợi đầy đủ, cho nên gọi tên là "Mãn".

Căn cứ về giáo: Ân cần phân tích pháp, việc làm đã xong,đó là Tam tạng nguyện mãn. Thể đạt tức Không, nơi pháp Không mà chứng đắc, là Thông giáo nguyện mãn. Pháp nhãn đầy đủ, là Biệt giáo nguyện mãn. Trụ nơi bí mật tạng, là Viên giáo nguyện mãn. Bản tích: Bản nguyện từ lâu đã mãn. Tích, là thuyết pháp đệ nhất, chỉ bày cho chúng sinh hiểu biết. Quán tâm: Quán lý Nhân hạnh v.v... trong chỉ quán, tức quán Thiện tri thức.

"Tu-bồ-đề", Trung hoa dịch là Không Sinh. Khi sinh ngài thì đồ

đạc đầy dẫy trong nhà tự nhiên biến mất, thảy đều trống không, hỏi thầy bói xem thì họ nói đây là điềm lành, nhân Không mà sinh, cho nên đặt tên là “Không Sinh”. Do y báo,tức là trong nhà đồ đạt trống không, mà đặt tên cho chánh báo. Y chánh đều tốt lành, cho nên nói không sinh. Thường tu Không hạnh, cho nên gọi “Thiện nghiệp”. Như cúng dường được quả báo hiện tại, nên gọi “Thiện Cát”. Thường ưa du hành, ở nơi hang đá rừng cây yên tịnh, sự tu hành nghiệp lấy “Không” làm gốc, thường nhập Không định, trú Vô-tránh Tam-muội, ưa thuyết pháp Không, nếu tuyên thuyết thì đều phân biệt Không, hộ chúng sinh khiến không ngăn ngại, không ưa hành thì trụ, không ưa trụ thì hành. Đức Phật ở cung trời Đao-lợi xuống, trong khi mọi người vây quanh tranh nhau đón Phật đảnh lễ, thì ngài ngồi ngay ngắn trong hang đá, quán niệm các pháp Không, “sắc” chẳng phải Phật cho đến “thức” chẳng phải Phật, “mắt” chẳng phải Phật, cho đến “ý” chẳng phải Phật, mà bỗng nhiên ngộ đạo. Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc tưởng mình là người đến đón Phật trước nhất, Phật bảo Liên Hoa Sắc : “Chẳng phải ngươi đảnh lễ ta trước, ngươi chỉ đảnh lễ sắc thân ta, nếu lễ pháp thân ta thì chính Tu-bồ-đề trước”.

Căn cứ Giáo: Từ có diệt sắc mà Không trí phát sinh, thể sắc mà Không trí phát sinh. Từ Hữu trí mà sinh Không trí, từ Không trí mà sinh Tục trí, từ Tục trí sinh Trung trí. Không sinh tức Hữu trí, đó là theo Viên giáo mà nói Không trí sinh. Đây là Không trí sinh theo nghĩa của Viên giáo. Bản tích: Bản, trú nơi pháp thân thật tướng. Tích, thị hiện Không mà sinh. Quán tâm: Chẳng tại trong, ngoài, trung gian, chẳng tự có, đó gọi là quán tâm pháp thân.

“A-nan” Trung hoa dịch là Hoan hỷ, hoặc Vô Nhiễm. Vua Tịnh-phạn hy vọng Thái tử làm Kim luân bá chủ tông miếu xã tắc, bỗng nhiên ngài bỏ nước, vua lo buồn tuyệt vọng, ma đến nói dối là “con ông đã chết”. Vua khóc lóc than: “A-di (tên A-tu-đà) đã nói con ta có tướng tốt, lời nói ấy không hiệu nghiệm sao?” Lại có trời đến nói: “con ông thành Phật”, vua nghi ngờ chưa rõ, trong chốc lát lại có tin báo đêm qua trời đất chấn động bởi vì Thái tử thành đạo, vua rất vui mừng. Bạch Phạn vương tâu vừa mới sinh con, nước đã vui lại có thêm tin vui, nhân đó đặt tên là “Hoan hỷ”, đó là do cha mẹ đặt tên. A-nan diện mạo khôi ngô đoan chính mọi người thấy đều ưa thích. Sau theo Phật xuất gia Đức Phật sai đắp y che vai. Một hôm, có một cô gái dẫn đứa bé đến giếng múc nước, thấy A-nan mắt nhìn không rời, bất giác cầm dây gàu quấn cổ đứa bé... Kinh Trung A-hàm nói bốn chúng nếu nghe A-nan thuyết

hoặc nhiều hoặc ít, đều rất hoan hỷ, muốn nói hỏi gì trước hết cười vui vẻ làm cho đại chúng đều rất hoan hỷ. Bốn chúng nếu thấy ngài dù là im lặng đi đứng nằm ngồi hay chỉ bảo phân chia chỗ tiến dừng, động chuyển thì cũng đều rất hoan hỷ. A-nan sinh ngày tám tháng tư, đúng ngày Đức Phật thành đạo. Sau khi xuất gia làm thị giả Đức Phật được hai mươi lăm năm, lúc ấy Đức Phật đã năm mươi lăm tuổi, A-nan lúc đó hai mươi lăm tuổi. Đức Phật muốn tìm người thị giả, năm trăm Tỳ-kheo thỉnh Phật vì như trước đã nói Đại chúng khuyên A-nan, A-nan thuận theo, năm trăm Tỳ-kheo đều hoan hỷ, Mục Kiền Liên có hơi ganh, A-nan bèn xin ba điều kiện, Đức Phật vì biết có sự cơ hiềm, nên chấp thuận cho:

1. Không thọ nhận y cũ và thức ăn của Phật.
2. Muốn tự lợi ích.
3. Ra vào không thời gian qui định.

Đây là ba điều kiện A-nan cầu xin. Phật nói A-nan trong quá khứ đã làm thị giả, cho ta, nghe ta nói đều hiểu nhớ không quên, nay Phật chưa phát ra lời mà A-nan đã hiểu ý của Như Lai, việc gì cần hay không cần A-nan đều hiểu biết, cho nên Đức Phật đem pháp giao phó cho A-nan, Phật rất hoan hỷ. Tứ Thiên Vương mỗi vị đều cúng dường bát cho Đức Phật, Đức Phật gộp lại đè xuống thành một bát, bốn gộp một hẳn nhiên bát nay rất nặng, A-nan hoan hỷ giữ gìn không mệt mỏi. Kinh Trung A-hàm quyển hai mươi bảy nói A-nan hầu Phật hai mươi lăm năm, nghe tám mươi ngàn kiền-độ đều đọc tụng không sót, không hỏi lại một câu, niệm lực hoan hỷ. A-nan theo Phật vào cõi Trời người, Long cung, thấy Thiên nữ, người nữ, long nữ mà tâm không đắm nhiễm, tuy chưa diệt tận tư hoặc nhưng không bị đắm nhiễm, hết thảy nhân thiên long thần đều hoan hỷ. Sau khi Đức Phật diệt độ, A-nan ở trên tòa Sư tử, Ca-diếp và Đại chúng khen rằng:

Mặt như trăng thu tròn đầy
Mắt xanh biếc tựa hoa sen
Phật pháp rộng như biển cả
Đều rót vào tâm A-nan.

Đến đúng thời, A-nan nhập Niết-bàn trên không trung giữa dòng sông Hằng vì sợ hai nước gây chiến, sợ giữa Tỳ-xá-ly và A-xà-thế tranh giành, ngài dùng hoả quang Tam-muội thiêu đốt tấn nhập Niết-bàn, rồi phân thân làm bốn phần xá lợi: một cho cõi trời, một phần thuộc cõi rồng, một phần thuộc Tỳ-xá-ly, một phần thuộc A-xà-thế. Về sau, A-dục vương lễ tháp A-nan, cúng ngàn vạn tiền vàng và làm kệ tán thán

rằng: “Năng nhiếp trì pháp thân, pháp sáng nên pháp trụ, niệm trí Phật như biển, nên lập thượng cúng dường. Nhớ nghĩ nghe rất nhiều, phát âm thanh vi diệu, Thế Tôn thường tán thán, được người trời ưa thích”. Kinh Tăng Nhất nói: “Biết thời biết vật không nghi ngờ, nhớ rõ không quên, đa văn rộng lớn, thông đạt tất cả, có khả năng phụng thờ pháp, bậc nhất là A-nan”

Căn cứ Giáo: Hoan Hỷ A-nan, là theo Tam tạng giáo. Hiền A-nan, là theo Thông giáo. Điển Tạng A-nan, là theo Biệt giáo. Hải A-nan, là theo Viên giáo. Bản tích: Bản, trú phi hoan hỷ phi bất hoan hỷ, pháp thân như hư không, trí tuệ như mây mưa, năng trì năng thọ. Tích, là hoan hỷ. Quán tâm: Quán tâm cùng tương tự, tức Không tức Giả tức Trung tương ưng, đó là quán tâm Hoan hỷ cho đến Chân quán tương ưng...

“La-hầu-la” Trung hoa dịch là Phú chướng. Do đời trước ông lấp hang chuột, lại không thấy Bà-la-môn sáu ngày, do duyên ấy cho nên gọi là Phú Chướng. Thái Tử chưa có con cầu xin xuất gia vua cha không cho ân cần khuyên bảo, vua nói: “nếu con có con nối dõi, ta sẽ cho con xuất gia”. Bồ-tát chỉ tay vào bụng phi tử, nói “sau sáu năm sẽ sinh con trai”. Do ở trong thai sáu năm nên gọi Phú Chướng. Chân Đế Tam Tạng nói: La-hầu vốn gọi là Tu-la, tay có thể che mặt trăng mặt trời, theo đây mà dịch nghĩa thì lẽ ra là Chướng nguyệt. Phật nói: La-hầu-la như mặt trăng trong Phật pháp, đứa trẻ này làm chướng ngại ta, không cho ta xuất gia ngay, đời đời làm chướng ngại ta, ta đời đời có thể xả bỏ, cho nên nói Phú Chướng. Sau khi Thái tử xuất gia Gia-thâu có thai, những người dòng họ Thích giận nói do duyên gì mà có, muốn trị muốn giết, tiếng xấu vang khắp. Bảo nữ Cù-tỳ-la chứng minh, là sai lầm một chút. Nhân đốt hầm lửa, phát đại thệ nguyện: “Nếu ta làm trái thì mẹ con đều chết. Nếu là di thể chân thật thì trời phải làm chứng”. Rồi bồng con nhảy vào hầm, hầm lửa biến thành ao hoa sen đỡ mẹ con lên. Thấy vậy vua và mọi người không còn nghi ngờ. Sau khi Đức Phật trở về nước, Gia-thâu sai La-hầu-la dâng lên Phật thuốc hoan hỉ (thuốc bổ). La-hầu-la tuổi còn nhỏ hồn nhiên ở trong chúng chạy thẳng lên đưa Phật. Gia-thâu do đó không còn oán trách, oán trách do có con cho nên nói Phú Chướng. Vua cha hoan hỷ cho Thái tử xuất gia, nghĩ rằng tuy mất con nhưng còn có cháu, cháu sẽ thay thế làm vua, ta cũng không hận gì, tưởng may mắn có thần báu đến, nhưng Phật cũng đem đi xuất gia, vua cha không cho, Gia-thâu đem lên trên lầu cao, Mục Kiền Liên bay trên không đón nhận và đem đến Đức Phật liền độ cho xuất gia, giao phó cho Xá-lợi-phất thâu làm đệ tử, đã xuất gia rồi thì vương vị

cũng mất cho nên nói Phú Chướng. Sa-di La-hầu tuổi còn nhỏ, ưa đùa nghịch, vọng ngữ, Quốc Vương Đại Thần Bà-la-môn cư sĩ đến cầu xin thấy Phật. La-hầu đáp không có khiến vô lượng người không thấy được Phật, đó là ngăn chướng người khác, đó gọi là vọng ngữ. Đức Phật biết chuyện quở trách. Một hôm Thế Tôn đi kinh hành trở về sai La-hầu-la lấy nước rửa chân,chọn ba cái chậu úp và ba cái chậu ngửa. Rồi chỉ ba chậu úp xuống đất, bảo đổ nước vào. La-hầu đáp: “Chậu úp làm sao chứa nước?” Phật nói: “Ngươi cũng như chậu úp, ở trong Phật pháp nhưng không thể chứa nước pháp, từ nay nên nói thật, không được vọng ngữ”. Từ đó về sau, La-hầu siêng năng tu đạo, những gì không hiểu thì bạch hỏi Phật. Phật hỏi: Ông đã vì người thuyết ngũ ấm chưa? Đáp: Chưa! Phật bảo: Ông nên vì họ mà thuyết. La-hầu-la thuyết xong Phật lại hỏi: “Ông thuyết pháp thập nhị nhập, thập bát giới chưa? Thuyết pháp là môn khiến đắc đạo. Nếu muốn dắc đạo thì nên vì người khác mà thuyết pháp”. Nhân đó La-hầu-la thuyết pháp rộng rãi, về sau ngài đắc đạo, nên gọi là Phú Chướng. Tự mình đã đắc đạo kiến ái đều trừ, hết sinh trong ba cõi, cho nên gọi Phú Chướng. Hết sinh trong ba cõi, nguyện không thể lôi kéo, cho nên nói Phú Chướng. Phật dạy: “Tứ đại La-hán không được diệt độ, đợi đến khi pháp của ta diệt tận”. Do đó, trụ trì đến nay chưa đắc nhập Vô dư Niết-bàn, nên nói Phú Chướng.

Căn cứ Giáo: Phân tích pháp Đạo đế, ngăn chướng tứ trụ phiền não là ý của Tam tạng giáo. Thể pháp Đạo đế ngăn chặn tứ trụ, là ý của Thông giáo. Theo thứ tự tam trí ngăn chặn ngũ trụ là ý của Biệt giáo. Nhất tâm tam trí ngăn chặn ngũ trụ, là ý của Viên giáo.

Bản tích: Bản, trú trung đạo ngăn lấp nhị biên, tám thứ chướng ngăn chướng Niết-bàn biên, một thứ chướng ngăn chướng sinh tử biên, một thứ chẳng chướng sinh tử, chẳng chướng Niết-bàn, mà chướng Vô dư. Quán tâm: Theo như trước có thể hiểu...

6. Kết: đa tri thức.”Đó là các vị A-la-hán hàng tri thức của chúng” hoặc nói “tri” chỉ là “thức”, hoặc nói nghe danh là “tri” thấy hình là “thức”, thấy hình là “tri” thấy tâm là “thức”.

Bản tích: Bản, là vì chúng sinh mà làm “mãn tự” tri thức. Tích, là làm “bán tự” tri thức.

Quán tâm: Quán hành tri thức như chỉ quán.

Chúng đa tri thức đã nói xong. Tiếp đến, nêu chúng thiểu tri thức.

“Lại có hai ngàn người Hữu học, Vô học”: Chỉ nêu địa vị, nói rõ số, mà không tán đức gọi đây là chúng thiểu tri thức. Thánh cùng phàm

tuyệt giao cũng không phân biệt đa thức hay thiểu thức. Đặc biệt mong mỏi cao ngưỡng mộ xa thì dùng đa thức dẫn dắt. Ẩn danh ẩn đức thoái nhượng thì dùng thiểu thức mà dẫn dắt, tùy thuận chúng sinh cho nên có bấy nhiêu, không thể dùng Tích đa thiểu mà đánh mất Bản kia. Học vô học: trong Tam tạng nói mười tám hạng của Học nhân, chín hạng người Vô học. Trong Thông giáo, ngũ địa đều gọi là Học, lục địa gọi là Vô học. Lại, trong Thông giáo, thì chín địa là Học, Phật địa là Vô học. Trong Biệt giáo Viên giáo, hoặc căn cứ công dụng vô công dụng, hoặc căn cứ cụ túc chưa cụ túc mà nêu rõ Học, Vô học. Kinh A-hàm nói: Ngoại đạo hỏi Phật La-hán còn học không? Phật trả lời La-hán không tạo pháp ác, trụ nơi thiện pháp, học cái Vô học kia tức gọi là "Học". Nếu thế thì người học cũng gọi là vô học. Người học ngang bằng sở đoạn, không trở lại đoạn, tức là Vô học, đó là bốn câu. Căn cứ năm phương tiện phi học phi vô học, tiện là năm câu. Căn cứ trong bốn giáo liệt kê cũng như vậy, bốn lần năm là hai mươi câu.

Bản tích: Bản, pháp thân đại sĩ, ở địa vị mãn tự học vô học. Tích: Chúng sinh theo bán tự học vô học nhân mà trang nghiêm song thọ. Quán tâm: Chánh quán trung đạo, không duyên nhị biên trung gian, tức là vô học. Có khả năng quán như vậy đó gọi là Học. Nếu căn cứ quán môn nêu rõ số, quán sắc tâm thập pháp giới, thập như. Giới Như xen nhau luận bàn, tức đủ hai ngàn. Nêu tích cho nên tiêu biểu bản pháp, tích tức là bản tích.

Tiếp theo nêu ra Ni chúng: Xưa lấy đây theo lệ trước chia làm hai chúng, nay không dùng. Nếu kể theo trước kia chia hai chúng là đa thức và thiểu thức. Lại, không có văn nghĩa cũng không thể được, chỉ là nêu hai chúng chủ, đâu có nhọc công gọi là lớn nhỏ nhiều ít tri thức.

Trước hết nêu "Ma-ha Ba-xà-ba-đề": Trung hoa dịch là Đại Ái Đạo. Cũng gọi Kiều-đàm-di, Trung hoa dịch là Chúng chủ. Ni là tên chung của người nữ ở Thiên trúc. Bản, trụ nơi pháp môn trí độ. Tích, là mẹ của ngàn đức Phật, sinh ra và nuôi dưỡng các bậc Đạo sư . Quán tâm giải thích: Theo Trung quán thì rộng lớn gọi là "Đại", vô duyên từ, gọi là "Ái" trung lý hư thông gọi là "Đạo". "Đại" tức tự hành, "ái" tức hóa tha, như do "ái" cho nên thọ sinh, Từ cho nên bén duyên với đạo, tức thông tự hành hóa tha.

Sáu ngàn (6000) là số. Quán môn: giải thích: Quán lục căn thanh tịnh đầy đủ ngàn công đức, tuy nhãn có tám trăm, nhĩ có một ngàn hai trăm, lấy tổng số nhiều và ít, đủ sáu ngàn tiêu biểu Bản pháp môn, cũng là ý quán Hạnh.

La-hầu-la mẫu, là Da-thâu-đa-la: Lấy tên con để nêu mẹ, Trung hoa dịch là Hoa Sắc, cũng gọi Danh Văn, hoặc gọi là Vô Phiên. Người ôn hòa nhã nhặn, kính cẩn cần kiệm, đức sánh bằng Thái tử, khi ở nhà là vợ Bồ-tát, là tri thức hàng nhân thiên. Khi xuất gia làm chủ ni chúng, ở địa vị vô học, đâu phải là danh không vang khắp trong chúng ư! Kinh Thập Nhị Du nêu ra ba vị phu nhân: 1. Cù-di. 2. Da-thâu. 3. Lộc Dã. Kinh Vị Tằng Hữu và Kinh Thụy Ứng, đều nói La-hầu là con của Cù-di Kinh Niết-bàn và Pháp Hoa đều nói là của Da-thâu. Hai nghĩa làm sao thông? Hoặc có thể kinh kia nêu Đại mẫu, kinh này nêu sở sinh. Thích luận giải thích: Cu-tỳ-đà là Bảo nữ, không có thai, tức là Cu-di, đây dịch là Minh nữ. Cho nên biết: nhất định La-hầu là con của Da-thâu.

Bản tích: Thê thì tề vậy, đâu có bác địa làm vợ Thái tử? Cho nên biết: Bản, trụ nơi tịch định pháp hỷ vi diệu, Tích là vợ Thái tử. Kinh Bi Hoa nói: Xưa ở chỗ Đức Phật Bảo Tạng, phát lời thệ làm vợ... Quán Không vô lậu pháp hỷ, tức lấy Lộc Dã tiêu biểu làm vợ. Quán Giả đạo chủng trí pháp hỷ, tức lấy Da-thâu tiêu biểu làm vợ. Quán Trung pháp hỷ, tức lấy Cu-di tiêu biểu làm vợ. Trên là phân rõ bản tích quán tâm, nay lại tổng luận bàn, hiển bày quyền thừa khéo léo quanh co, nêu rõ quán hạnh tinh vi. Xét rằng Thủ Lăng-Nghiêm thị hiện bao nhiêu thứ, thích ứng với căn tánh chúng, không việc gì mà không làm, nay còn thân cận luận bàn. Tích, gá thác trong vương cung giáng sinh làm vợ thần thánh, Pháp thân Bồ-tát đều giúp Phật hành hóa, mà hiện ra nhiều hình ảnh khác nhau. Như ba mươi hai tướng tốt bẩm sinh, các bậc đại sĩ đều sinh ra như vậy, hoặc trong nhà trống, mưa báu, mộng kỳ lạ, biện tài, thông suốt. Như Hoàng Thái tử, bỏ nước và vương vị vượt thành học đạo, các Đại sĩ đều theo thầy thỉnh nghiệp, tài nghệ bao gồm thông suốt làm thầy tông kia. Nếu pháp luân ban đầu mở cam lồ môn khai, nghe các đại sĩ hóa duyên chưa thuần thục, thị hiện đồng không thọ nhận cùng đứng riêng một phe mà làm lễ ngang nhau tôn sùng đạo chân thật của ta. Năng hóa sở hóa hoàn toàn nguyên chất như Sữa. Nếu sở hóa duyên thuần thục, thì tơ trắng dễ nhuộm, hoa sen trong ao sớm nở, chuyển phàm thành thánh chuyển Sữa thành Lạc, thầy chủ yếu là đệ tử thượng thủ của Đức Phật. Hoặc trí tuệ, thần thông, biện tài, Tam-muội, mỗi mỗi đệ nhất, cùng phụ Pháp vương, độ những người chưa được độ, thuần thục lại những người đã thuần thục, ngồi tòa Phương Đẳng, nghe công đức bất khả tư nghì của Bồ-tát, mà thẹn Tiểu thừa hâm mộ Đại thừa. Thẹn Tiểu thừa, thì than ôi tự trách mình để mất vô lượng tri kiến Như Lai. Hâm mộ Đại thừa thì không biết phải làm thế nào để đắc Vô

thượng trí tuệ Phật, như chuyển Lạc thành Sinh tô. Tiếp đến nghe Bát-nhã Ma-ha-diễn môn, ban đầu trải qua sắc tâm, sau cùng nơi Chủng trí bao gồm tiểu đại, trong ngoài, cho nhận, hoặc chung hoặc riêng hoặc Thiên hoặc Viên phụng mệnh lãnh biết mà không hy vọng có được, dù chưa đốn xả mà đã dần dần thông thái, như chuyển Sinh tô thành Thục tô. Tiếp đến, nghe kinh Pháp Hoa biết thiên chân tánh, xác định cha con, thọ ký trao phó Đại thừa, bỏ ba trở về một, như bốn vị khác mà đồng một vị Đề-hồ, không khiến chỉ riêng một người được diệt độ,mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ. Pháp vương pháp thần vì đại sự xuất thế khéo dụng phương tiện, ban đầu dùng bán tự pháp để phá sự phiền phức của hai mươi lăm cõi, thành Tứ khô song thọ lợi ích chúng sinh, tiếp đến dùng bán mãn pháp để phá độc (chỉ riêng mình) thiện của Nhị thừa, thành hạnh rộng lớn của Bồ-tát thành Bốn song thọ tươi tốt lợi ích Thánh nhân. Sau dùng mãn tự thường trú để phá nhị biên trước sau, thành bí mật tạng của Phật không khô cũng không tươi, rốt ráo lợi ích. Công chủ tướng đã hoàn tất, đại nguyện đã hoàn mãn, cho nên Thân-tử, Mục-liên đối với Pháp Hoa dừng hóa độ, thánh chủ bỏ thân mạng này cũng không bao lâu nữa. Văn nói: “Như bản thệ nguyện xưa của ta nay đã đầy đủ, Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”.Sự kiện “sau khi thuyết kinh Pháp Hoa xong,Phật tuyên bố sẽ nhập Vô dư Niết-bàn”,thì hai vạn đức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Ca-diếp v.v... đều như thế. Nay thầy trò đều đối với kinh này phát tích, bên trong thì ẩn Bồ-tát đạo, bên ngoài thì hiện tướng Thanh văn, sự thật thì thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp. Lấy đây mà suy xét, các đại La-hán từ pháp thân địa rũ bóng tùy duyên tích đến muôn dòng, làm Hữu học hay Vô học, làm nam làm nữ, thị hiện đạo thị hiện tục Lực Thủ-lăng-nghiêm thì không nơi nào là không hiện, phương tiện thiện xảo quyền biến là như thế...

Tổng nêu rõ quán: Thầy trò trên thi thiết giáo hóa, là pháp thân sở vi. Nếu không phương tiện tác quán, thì đối với hành nhân không lợi ích, ví như người nghèo đếm báu của người khác, như người mù cầm đèn. Nhưng tâm sở rất nhiều, nếu căn cứ tâm sở thiện thì như chúng đệ tử chỉ nêu mười người Hữu học thôi. Mười thiện tâm sở là: tín, tiến, niệm, định, tuệ, hỷ, ỷ, xả, giác, giới. Mười tâm sở này phụ giúp tâm vương có thể cải ác thành thiện, cải phàm thành Thánh. Biện rõ tất cả pháp môn chỉ lấy mười tâm làm gốc, ví như mười vị đệ tử phụ Phật hành hóa cùng thuần thục chúng sinh đứng trong Phật pháp. Tâm sở Tín, ví như A-na-luật thiên nhãn đệ nhất, nhãn đứng đầu trong hàng ngũ nhãn, như các

phương lấy phương Đông làm đầu, tín là đứng đầu trong các tâm sở để nhập Phật pháp, Tâm sở Tiến (tinh tấn), ví như Ca-diếp đầu-đà đệ nhất, đẩu tẩu siêng năng khổ hạnh. Tâm sở Niệm, ví như Ưu-ba-ly trì luật đệ nhất, Tâm niệm lực kiên cường nhớ trì không quên. Tâm sở Định, ví như Mục-liên thần thông đệ nhất. Tâm sở Tuệ, ví như Thân-tử trí tuệ đệ nhất, đều có thể hiểu. Tâm sở Hỷ, ví như A-nan đa văn đệ nhất, đa văn phân biệt lạc, lạc tức hỷ. Tâm sở Ỷ, ví như Chiên-diên luận nghị thể cùng vi tận lý, trừ tà hiển chánh, như "ỷ" lìa ác đắc thiện, buông khổ nhập lạc. Tâm sở Xả, ví như đối với Thiện Cát giải Không đệ nhất, hoặc trú Không bình đẳng tương ưng với Xả. Tâm sở Giác, ví như Phú-lâu-na thuyết pháp đệ nhất, giác là gốc của ngôn ngữ, gốc lập thì biện thuyết không cùng. Tâm sở Giới, ví như La-hầu-la trì giới đệ nhất, có thể hiểu. Mười thiện tâm sở hợp với tâm vương năng thành quán hạnh, trong nhất niệm thâm nhập thiện pháp, Tam bảo đầy đủ. Tâm vương tức Phật bảo, tâm sở tức Tăng bảo, sở duyên thật tế không tâm vương cũng không tâm sở, tức Pháp bảo. Nếu nhập Thật tế thì đầy đủ công lực dụng của tâm vương và tâm sở. Lại dùng để thông đại địa thì mười tâm sở cùng tâm vương cùng khởi, nhập thiện nhập ác, biến thông tất cả. Mười tâm sở đó là tưởng, dục, xúc, tuệ, niệm, tư, giải thoát, ức, định, thọ."Tưởng", đối Phú-lâu-na, tưởng đắc giả danh, người ấy khéo đạt giả danh, biện tài không ngưng trệ. "Dục", đối Ca-diếp. Ca-diếp không còn dục thế gian mà chỉ có dục nơi vô vi. "Xúc", đối Ca-chiên-diên, xúc nhập hai việc càng liên quan nhau nhập, Ca-chiên-diên khéo luận nghị qua lại cùng tận. "Tuệ", tức Thân-tử, có thể hiểu. "Niệm", đối Ba-ly, niệm trì luật là bậc thượng. "Tư", đối La-hầu-la, Tư là hành ấm, người này thực hành trì giới. "Giải thoát", đối Thiện Cát. "Thoát"diễn tả vô lụy. Người này giải Không, ở nơi Có mà được giải thoát . "Ức", đối Na-luật, nhớ nghĩ động phát chọn cảnh tu thiên nhãn dễ nhập Tam-ma-đề. "Định", đối Mục-liên, có thể hiểu. "Thọ", đối A-nan, đa văn lãnh thọ trì không lầm lẫn. Mười vị đệ tử, mỗi mỗi đầy đủ các đức để dẫn các pháp môn chuyên biệt, tuyên bày đạo tùy thuận lòng ham muốn của chúng sinh. Muốn tuệ, thì thầy là Thân-tử. Cho đến, muốn đa văn thì thầy là A-nan. Cùng phụ đấng pháp vương, đều bắt tay làm một phần việc. Nay quán tâm cũng như vậy, trong mỗi một tâm đều đầy đủ tâm vương tâm sở tạo thành quán, cho nên tâm vương tâm sở dựa vào nhau mà được khai ngộ. Hoặc là ở nơi tâm sở Tưởng mà nhập đạo, hoặc là ở nơi tâm sở Dục mà nhập đạo, tùy chỗ thích nghi mà tâm vương tâm sở cùng trị liệu, hóa độ, chọn lấy các tâm trần lao mà làm Phật sự. Tác

quán đây chưa ngộ, quán hành như Sữa, nếu phát sinh vô lậu thì quán hành như Lạc. Nếu phá Trần-sa-hoặc thì như Sinh tô Thục tô. Nếu phá vô minh thì quán như Đề-hồ. Khi đến Đề-hồ thì tâm vương tâm sở đều hoàn tất. Vì tâm tâm số pháp không hành, nên gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh Phổ Hiền Quán nói rằng: "Quán tâm vô tâm pháp, không trú pháp. Tâm ta tự không tội phước, vô chủ". Tức là không tâm, không tâm sở, gọi là Chánh quán. Nếu tâm sở trần lao ấy không hết, thì quán không xong.Cho nên kinh nói: "Chúng sinh chưa được độ hết, thì ta không thành Chánh giác", là ý này...

II. NÊU CHÚNG BỒ TÁT: Thích Luận nói: Bồ-tát thì thuộc về bốn chúng xuất gia tại gia. Vì sao nêu riêng? Đáp: Có Bồ-tát thuộc hàng bốn chúng, có bốn chúng không thuộc hàng Bồ-tát bởi vì họ không phát tâm thành Phật, cho nên nay nêu riêng chúng đồng phát tâm cầu làm Phật, gọi là "chúng Bồ-tát". Văn chia làm sáu:

1. Khí loại.
2. Đại số.
3. Giai vị.
4. Tán đức.
5. Liệt danh.
6. Câu Kết.

1. Khí loại: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu nói đủ thì nói Bồ-đề Tát-đỏa Ma-ha-tát-đỏa, ngài La-thập sợ nhiều phiền phức nên bỏ bớt một chữ Đề và và hai chữ Đoả. "Bồ-đề", Trung hoa dịch là Đạo, "Tát-đỏa", dịch là tâm, "Ma-ha" dịch là đại. Hạng người này đều mong cầu đại đạo rộng lớn. Lại, vì thành thục chúng sinh, nên là khí loại "đạo tâm đại đạo tâm". Bồ-tát có nhiều hạng, gọi là Thiên, Thông, Biệt, Viên. Như Thích luận giải thích dẫn Ca-chiên-diên-tử nêu lục độ đủ hạn thì mới khắp, đây là muốn điều hòa huyết chúng sinh thành Sữa (nhũ). Kinh Đại Phẩm nói: "Có Bồ-tát phát tâm tương ưng Tát-bà-nhã" thì đây là muốn điều Sữa thành Lạc. Hoặc là Đại Phẩm nói: "Có Bồ-tát phát tâm thần thông du hý tịnh cõi nước Phật". Lại, như trong kinh Tịnh Danh: Người đắc bất tư nghì giải thoát, đều có khả năng biến hóa thân, đăng tòa mà lại chịu đuối lý, bị quở trách", đây là muốn điều Lạc thành Sinh tô Thục tô. Hoặc là Đại Phẩm nêu:" Có Bồ-tát phát tâm liền ngồi đạo thọ, thành Đẳng chánh giác, chuyển pháp luân độ chúng sinh", đây là điều Thục tô thành Đề-hồ. Cho nên, văn dưới nói: "Bồ-tát nghe pháp này, thì các sự nghi đều trừ". Lại nói: "Nếu Bồ-tát không nghe Pháp

Hoa, thì chẳng khéo hành Bồ-tát đạo, nếu nghe kinh này tức khéo hành Bồ-tát đạo". Lại, kinh Niết-bàn nói: "Bồ-tát nếu không nghe kinh Niết-bàn thì thường có hy vọng. Nếu nghe Niết-bàn thì hy vọng đều dứt". Cho nên lược có bốn hạng Bồ-tát.

Giải thích theo Bản tích: Bản địa khó lường, hoặc ở địa vị Đẳng giác hoặc ngang bằng Pháp vương. Như Thiện Tài nhập pháp giới thấy sắc tượng của Văn-thù vô biên pháp môn sâu xa. Bản, thân cận chư Phật. Tích, phụ Thích Tôn làm Bồ-tát hiện khắp lực Tam-muội sắc thân, thị hiện bóng dáng, dùng khẩu luân bất khả tư nghị hóa tùy nghi thuyết rộng. Có thể lấy ý mà hiểu, không thể dùng ngôn từ biện giải. Do đó, Tích dẫn bốn vị qui về một thật. Thành vị Đề-hồ rồi thì một kỳ hạn hóa độ xong, nhưng Bản địa kia thì đã rốt ráo thành tựu, đâu phải ngày nay mới bắt đầu vào Đại Thừa, cũng chẳng phải đạo tràng tịch diệt, mặt trời chiếu núi cao trước. Hoặc là đốn hoặc là tiệm, cũng đều là Tích sở vi.

Quán giải thích: Trung đạo quán tâm song chiếu nhị đế, gọi là "đại". Thông đến quả Bồ-đề, gọi là "đạo". Phá ngũ trụ trần lao gọi là "thành chúng sinh".

2. Đại số: Tám vạn người: là số: Các kinh tập chúng rất nhiều, kinh này vì sao ít? Hoặc là nói số lớn kia, hoặc ví như vua bàn về bí mật quốc gia thì không thể đưa ra khắp nước cùng tham mưu.

Căn cứ Quán tâm: Quán một tâm thiện đầy đủ mười pháp giới, mười cõi giao lẫn nhau đủ trăm pháp giới ngàn tánh tướng... Thập thiện tức vạn pháp. Căn cứ bát chánh đạo tức tám vạn pháp môn "Đều ở nơi A-nậu Tam-bồ-đề bất thoái chuyển", đây là nêu rõ địa vị vậy. "A-nậu", Trung hoa dịch là Vô thượng đạo, như nói cảnh thật nhiệm mầu, địa vị cũng vậy."Bất thoái chuyển", căn cứ Địa vị Hạnh, Niệm để luận bất thoái ứng với bốn loại phân biệt, Không sinh ba ác đạo, là Địa vị bất thoái: Không sinh chốn biên địa, các căn đầy đủ, không thọ thân nữ, là Hạnh bất thoái. Thường biết túc mạng, là Niệm bất thoái. Đầy đủ các điều này, thì gọi là A-bệ-bạt-trí địa. Đây là nghĩa của Tam tạng giáo. Nếu sáu tâm trở về trước, khinh thường Bồ-tát, Tín căn chưa lập, thì địa vị kia còn thoái thất. Bảy tâm trở về trước, từ Sơ địa đến Lục địa không thoái, làm phàm phu nhị thừa, gọi là Địa vị bất thoái. Tuy chánh sử đã tận mà chưa thể tu khắp vạn hạnh, người kia hạnh còn thoái lui, đến Thất địa gọi là Hạnh bất thoái, mà còn khởi niệm nhị thừa cho nên Có niệm thoái. Đến bát địa, đạo quán cả hai lưu nhập vào pháp như nước chảy gọi là Niệm bất thoái, đây là A-bệ-bạt-trí địa. Đây chính là nghĩa Tam thừa cộng Thập địa. Địa Sư nói: Thập trú là Chứng bất thoái, Thập

hạnh là Vị bất thoái, Thập hồi hướng là Hạnh bất thoái, Thập địa là Niệm bất thoái. Đây là nghĩa của Biệt giáo, không phù hợp với kinh này, nay không dùng đến. Kinh Anh Lạc nói: Sơ địa tam quán hiện tiền, tâm tâm tịch diệt tự nhiên lưu nhập, đây cũng là Biệt giáo bất thoái, nay cũng không dụng. Như Hoa Nghiêm nêu Sơ trụ đắc một thân Như Lai vô lượng thân, đầy đủ ba thứ bất thoái. Đây là Viên giáo bất thoái, là sự nhất thật. Nay dùng nghĩa này để phê phán địa vị.

Bản tích: Bản địa tịch diệt còn chẳng phải thập địa, huống chi là sơ trụ. Còn chẳng phải sơ trụ bất thoái huống chi là Biệt, Thông. Địa vị Biệt Thông thích nghi với chúng nêu ở các kinh khác, địa vị Viên giáo chính ở kinh này. Luận sư các kinh đã không biết Tích, thì làm sao có thể biết Bản? Tán thán nhưng vì lầm lẫn mà thành hủy báng,vẫn tạo thành thêm bớt hai bên thì sao gọi là tán đức? Quán tâm: Tam quán tức là tam bất thoái. Lại, nhất tâm tam quán tức nhất tâm tam bất thoái.

3. Giai vị: Xưa nói từ "đều được Đà-la-ni" trở đi là bắt đầu tán đức. Nay lấy từ "bất thoái chuyển" tức đầy đủ hai ý, thành trên thuộc nêu rõ địa vị, khởi sau thuộc tán đức.

4. Tán đức: Xưa nói Tán đức gồm mười hai câu phân làm bốn ý: ba câu đầu, tán đức hiện tại, ba câu tiếp, tán Hạnh quá khứ, bốn câu tiếp theo, tán nội thể, hai câu sau cùng, tán ngoại danh. Bốn ý không đồng mà đức ở ba câu đầu cho nên gọi là Tán đức. Tán Đức hiện tại, lại chia làm hai: Câu đầu, tán Tự hành, hai câu sau, tán Hóa tha. Tán Hạnh chia làm ba: Câu đầu, tán hạnh bản, bản từ chư Phật đắc Bát-nhã; câu tiếp, tán bản hạnh là hành phước đức, đã có phước thì có thể giúp cho trí tuệ, câu tiếp, là Phật tán thán. Tán nội thể, chia làm ba: Câu đầu, Từ bi tán thán ứng thân, hai câu giữa, tán thán tâm tuệ Báo thân, một câu sau, tán pháp thân. Tán ngoại danh, chia làm hai: Câu đầu, tán thán danh vang khắp; câu tiếp, tán có khả năng độ chúng sinh. Phần văn này thật rõ ràng như trước mắt, nhưng nếu luận phần vi tế nhỏ nhiệm khác thì khó mà định hướng. Nếu tán thán Thông giáo, thì Thông giáo không có ba thân, lại chẳng thâm nhập Phật tuệ, danh không vang khắp, các nghĩa không thành. Nếu tán thán Biệt giáo, thì Biệt giáo Sơ địa đã vượt qua Nhị thừa, sao lại nói Thất địa còn khởi niệm Thanh văn Bích-chi-phật? Nếu tán thán Viên giáo, thì không nên nói Thất địa sắp xuống là không có đức bất thoái. Tiến thoái không xong thì biết tán thán ai, việc ấy không dùng.

Nay lấy mười ba câu làm hai chiều ngang dọc để hiểu nghĩa:

1. Theo chiều dọc, căn cứ Thập địa để tiện giải nghĩa.

2. Theo chiều ngang, căn cứ Sơ trụ để tiện giải nghĩa.

"Bất thoái chuyển": thành trước tức là nêu rõ địa vị, khởi sau tức là tán đức,do đối với sơ địa. Sơ địa gọi là hoan hỷ, hoan hỷ vì không còn rơi vào nhị biên mà nhập Trung đạo, thâu hoạch tam bất thoái, cho nên biết tán thán sơ Hoan hỉ địa. "Đều được Đà-la-ni là tán thán Nhị địa, gọi là Ly cấu. Cũng gọi là Ly đạt, xa lìa ngăn chắn các việc ác, thấu đạt giữ gìn các điều thiện, tức nghĩa Đà-la-ni, cho nên biết tán thán Ly cấu địa. Câu: "Nhạo thuyết biện tài": tán thán Tam địa. Tam địa gọi là Minh địa, bên trong trí tuệ sáng suốt bên ngoài biện tài giảng thuyết, muốn biết trí thì xem thuyết. Thuyết có các thứ nhạo thuyết tối thắng cho nên biết tán thán Minh địa thứ ba. Câu: "Chuyển bất thoái chuyển pháp luân" là tán thán địa thứ tư, địa này gọi là Diệm. Diệm là lửa sáng năng phá sự tối tăm, lại năng thiêu hủy. Chuyển pháp luân là tự thiêu hủy lậu hoặc của mình như lủa cháy thiêu hủy, và phá mê cho người khác ví như trừ tối, cho nên biết tán thán Diệm địa thứ tư. Câu: "Cúng dường trăm ngàn chư Phật" là tán thán Ngũ địa, đây gọi là Nan Thắng địa, địa này đắc thiền định sâu xa, các lực dụng thần thông khó sánh kịp, khó vượt hơn, chỉ trong khoảnh khắc một niệm biến khắp mười phương cúng dường chư Phật, cho nên biết tán địa thứ năm. Câu: "Ở chỗ chư Phật gieo trồng các cội đức" là tán thán Lục địa, đây gọi là Hiện tiền địa, do đắc thiền có công năng cúng dường chư Phật, phước trợ giúp Chủng trí, khiến Chủng trí được hiện tiền. Trí là gốc của đức, như gieo hạt giống vào đất, cho nên biết tán thán Lục địa.

Câu: "Thường được các Đức Phật khen ngợi" là tán đệ thất Viễn hành địa, địa này nhị trí phương tiện vượt qua tất cả, rộng tu lợi ích, xứng hợp tâm Phật, cho nên biết tán thán đệ Thất địa. Câu: "Dùng đức Từ để tu thân" là tán thán đệ bát Bất động địa, chánh trí bất động không xuất tam giới, chỉ lấy Từ huân tập thân ứng nhập ngũ đạo, huân tập khẩu vì thuyết pháp, huân tập tâm vì thiết lập phương tiện. Chính kinh Pháp Hoa huân đầy đủ tam nghiệp, cho nên biết tán thán Bát địa. Câu: "Khéo nhập Phật tuệ" là tán thán đệ cửu địa, địa này gọi là Thiện Tuệ địa, thâm nhập thật tế vi diệu, thấu suốt nguồn gốc, đây gọi là nghĩa tối hợp, cho nên biết tán thán đệ Cửu địa. Câu: "Thông đạt đại trí" là tán thán Thập địa, địa này gọi là Pháp vân địa. Pháp thân như hư không, thiền định như mây lớn, trí tuệ như mưa lớn. Khéo nhập Phật pháp, gọi là "tuệ", khéo dụng Phật pháp gọi là "trí", xen nhau nêu lên. Câu: "Đến bờ bên kia" là tán thán nội đức của Thập địa, đến bờ kia của Tam đế, tức trong Nhân nói Quả. Lại, đến chẳng còn lâu nữa.

Câu: “Danh đồn vang khắp” là tán thán ngoại đức của thập địa, do nội đức sâu rộng đến nỗi khiến cho thanh danh vang khắp, trong ngoài tương xứng. Nếu mở ra địa vị Đẳng giác, thì hai câu này nghĩa gần như vậy. Câu “Năng độ trăm ngàn chúng sinh”: các địa khác độ chúng sinh, một cõi đến chín cõi, không gọi là năng độ. Thập địa thù thắng hơn các địa trước, cho nên gọi là Năng độ, các địa đều đầy đủ công đức, mà nay ẩn hiện vô thường để giải thích vì lòng người ưa khác lạ. Cho nên, nương thập địa gọi là thuận tiện. Lại, nghĩa theo chiều dọc thì dễ hiểu.

Tiếp đến theo chiều ngang tán thán: Căn cứ trực tiếp vào Sơ trụ mà nói các địa vị mỗi mỗi theo lệ có thể hiểu. Hàng sơ phát tâm trụ, nhất phát nhất thiết phát, vượt qua nhị biên, cách phàm siêu thánh nhập Trung đạo, tâm kia vắng lặng, niệm niệm lưu nhập biển Tất-bà-nhã, cho nên nói đắc bất thoái chuyển. Hàng Sơ trụ ngăn chướng vô minh, vô tri... lìa chấp tướng... Trì đạt ba đức Bát-nhã, Giải thoát, Pháp thân, cho nên nói “đắc Đà-la-ni”, Thập tín tựa như Giải còn có thể dùng âm thanh vi diệu biến khắp ba ngàn cõi, huống chi hàng Sơ trụ, chân thật thấu hiểu công đức khẩu mật cho nên nói “Nhạo thuyết biện tài”. Sơ trụ có khả năng phân thân làm Phật tại hàng trăm thế giới. Luận về chổ chân thật kia, tức vô lượng vô biên vì có khả năng làm Phật thuyết pháp giáo hóa cho nên nói: “Năng chuyển bất thoái pháp luân”. Sơ trụ đắc thần lực bất tư nghì, có thể thừa sự chư Phật khắp pháp giới, cho nên nói “cúng dường trăm ngàn chư Phật”. Sơ trụ đắc Bản thật tướng, có thể gieo trồng các đức. Sơ trụ khai mở tri kiến Phật, khai tri kiến rồi thì cùng với pháp chư Phật đồng, cho nên “được chư Phật khen ngợi”. Sơ trụ vô duyên từ hiện khắp các sắc thân, ứng khắp pháp giới, cho nên nói “dùng đức Từ mà tu thân”. Sơ trụ nhập bí mật tạng, cho nên nói “khéo nhập Phật tuệ”. Sơ trụ nhất tâm tam trí không có chướng ngại, cho nên nói thông đạt đại trí. Sơ trụ sự lý phần rốt ráo, cho nên nói “đến bờ bên kia”. Công đức Sơ trụ tròn đầy, chân thật, tương xứng với danh, cho nên nói “danh đồn vang khắp thế giới chư Phật”. Sơ trụ có thể vì chúng sinh trong mười pháp giới mà làm chỗ nương, an lập cứu giúp cho nên nói “có thể độ trăm ngàn chúng sinh”. Sơ trụ lại có vô lượng vô biên các thứ công đức bất khả tư nghì, đây là lược nói mười ba câu. Từ Nhị trú cho đến Đẳng giác cũng lại như vậy. Cho nên, kinh Đại Phẩm nói: Ban đầu môn quán chữ A có đầy đủ công đức của bốn mươi mốt chữ, cho đến chữ “Trà” ở sau cũng đủ công đức của các chữ, các chữ trung gian cũng như vậy. Công đức của các chữ, các ngữ cũng đồng vậy.

Hỏi: Trong dây tán thán đức Đoạn hoặc,Tam tạng không đoạn

hoặc, có thể không được tán thán, hàng Thanh văn còn được tán thán. Tích làm Thông Biệt sao không tán thán đức?

Đáp: Thông tán thán nơi Tích mới có nghĩa đây, kinh này chính nêu người của Viên giáo, không tán thán phương tiện đó thôi!

Hỏi: Tại sao nói các câu công đức đều tán thán Sợ trụ?

Đáp: Các vị khác cũng như thế, đâu riêng gì Sơ trụ. Xưa nói: Tám địa có các công đức không lấy gì làm nghi nữa. Nay tán thán trọn vẹn Sơ trụ, có đức nào mà không thu nhiếp? Sơ trụ mà còn như thế huống gì các vị sau?! Pháp Hoa luận nói: Từ chi thượng đến chi hạ là tổng tướng biệt tướng, nên biết một câu đầu: “đắc bất thoái chuyển” là tổng. Bất thoái này có mười thứ thị hiện: Nghe pháp bất thoái chuyển tức Đà-la-ni. Nhạo thuyết bất thoái chuyển tức là Nhạo thuyết biện tài. Thuyết bất thoái chuyển tức là “chuyển bất thoái pháp luân”. Y thiện tri thức bất thoái chuyển, tức“cúng dường trăm ngàn chư Phật, gieo trồng cội công đức”. Đoạn nghi bất thoái chuyển tức là “được chư Phật tán thán”. Nhập sự bất thoái chuyển, tức là “dùng đức Từ mà tu thân”. Nhập nhất thiết trí như thật cảnh bất thoái chuyển, tức là “khéo nhập Phật tuệ”. Y ngã không pháp không bất thoái chuyển, tức là “thông đạt đại trí”. Nhập như thật cảnh bất thoái chuyển, tức là “đến bờ bên kia”. Ứng tác sở tác bất thoái chuyển, tức là “độ trăm ngàn chúng sinh”. Cho nên, câu ban đầu nêu tổng, tức là chi thượng. Tiếp đến, các câu riêng biệt là chi hạ. Trong phần ghi chép tán thán đức Sơ trụ theo chiều ngang, tức cùng ý đây đồng. Luận nói điều thứ hai là Nhiếp thủ sự môn, thị hiện các Bồ-tát trú trong địa thanh tịnh như thế nào,do phương tiện gì? Cảnh giới gì? Những việc nào nên làm? Nếu theo nghĩa này thì tán thán đức Bồ-tát theo chiều dọc cũng không ngăn ngại.

Quán tâm giải thích Tán thán đức: “Bất thoái chuyển” như trước nói. “Đà-la-ni”: Không quán là Triền Đà-la-ni, Giả quán là Trăm ngàn Triền Đà-la-ni. Trung quán là Pháp âm phương tiện Đà-la-ni. Lại, Không quán: quán tâm chỉ có danh tự, tức Văn trì Đà-la-ni. Giả quán: quán tâm, vô lượng tâm, tâm vương tâm số pháp đều là pháp môn, tức Hành trì Đà-la-ni. Trung quán: quán tâm, tâm tức thật tướng, tức là Nghĩa trì Đà-la-ni. Giả quán, quán tâm đầy đủ pháp của mười pháp giới, tức Pháp vô ngại biện. Trung quán, quán tâm thập pháp giới đều nhập thật tướng, tức Nghĩa vô ngại biện. Không quán, quán tâm thập pháp giới chỉ có danh tự ngôn ngữ, tức Từ vô ngại biện. Quán nhất tâm tức tam tâm, tam tâm tức nhất tâm, nhất giới nhất thiết giới, triển chuyển vô ngại, tức Nhạo thuyết vô ngại. Không quán, là chuyển Vị bất thoái pháp luân. Giả

quán, là chuyển Hạnh bất thoái pháp luân.Trung quán, là chuyển Niệm bất thoái pháp luân.“Cúng dường Phật”: chỉ là tùy thuận lời Phật dạy. Nay thuận lời Phật dạy tu tam quán tâm tức là “cúng dường Phật”. Phá ngũ trụ phiền não, đắc giải thoát, tức “cúng dường Pháp”. Lý tam đế hòa hợp, tức “cúng dường Tăng”. Lại, các hạnh tâm giúp tâm quán trí, tức cúng dường Phật. Quán trí tâm khai phát cảnh giới, tức cúng dường Pháp. Cảnh trí tâm hòa hợp, tức cúng đường Tăng. Thật tướng tâm là gốc của quán trí tâm, quán trí tâm là gốc của các hạnh tâm. Được gốc thì mọi thứ đều đứng vững, cho nên nói “trồng các cội đức”. Quán trí tâm sâu xa đối với nơi cảnh giới, cảnh giới được in lại ở quán trí. Trí có sở chiếu thường cùng cảnh hợp, tức là “được Phật xưng tán”. Không quán, là pháp duyên Từ huân tập. Giả quán, là chúng sinh duyên Từ huân tập. Trung quán, là Vô duyên từ huân tập. Không quán nhập Thông Phật tuệ, Giả quán nhập Biệt Phật tuệ, Trung quán nhập viên Phật tuệ. Không quán, đến bến bờ kia Nhất thiết trí . Giả quán, đến bờ kia Đạo chủng trí. Trung quán, đến bờ kia Nhất thiết chủng trí. Không quán, nghe Chân đế, Giả quán nghe Tục đế, Trung quán nghe khắp Trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cũng nghe khắp Tam đế. Không quán, độ Tứ trụ trăm ngàn chúng sinh, Giả quán, độ Trần sa trăm ngàn chúng sinh. Trung quán, độ Vô minh trăm ngàn chúng sinh. Nhất tâm tam quán có vô lượng đức, tán thán không cùng tận, chỉ lược thuyết thôi!

5. Liệt danh: Đại sĩ đại danh hoặc theo pháp môn, hoặc theo hạnh đức, hoặc theo bản nguyện, tuy là một danh mà đủ vô lượng nghĩa, nay y kinh y quán, giải thích tên của mười tám vị Bồ-tát.

“Văn-thù-sư-lợi”, Trung hoa dịch là Diệu Đức, Đại Kinh nói: Thấy rõ Phật tánh cũng như Diệu Đức. Kinh Vô Hành nói: Mãn-thù-thi-lợi Phổ Siêu gọi là Nhu thủ. Kinh Tư Ích nói: Tuy nói các pháp mà không khởi pháp tướng cũng không khởi phi pháp tướng nên gọi là Diệu Đức, Kinh Bi Hoa nói: Nguyện ta hành Bồ-tát đạo, chúng sinh được hóa độ khắp mười phương đều thành Phật trước và khiến cho, thiên nhãn của ta đều thấy tất cả. Quốc độ của ta đều là Nhất sinh Bồ-tát, thảy đều theo ta khuyến phát đạo tâm, ta hành Bồ-tát đạo không có ngưng nghỉ. Trong kinh Bảo Tạng, Phật dạy: Công đức ông tạo dựng vô cùng sâu xa, nguyện đạt đến Diệu độ, cho nên nay hiệu là Văn-thù-sư-lợi được làm Phật ở thế giới Hoan Hỷ phương Bắc, hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật. Hiện nay mọi người nghe danh hiệu ngài thì diệt được bốn trọng tội, vì hình bóng Bồ-tát là biểu trưng Đức Phật Thích Ca. Quán tâm tánh lý ba đức bí mật, không ngang không dọc cho nên

gọi là Diệu đức.

"Quán Thế Âm": Thiên Trúc gọi là Bà-lũ-cát-để-duyệt. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sinh nào thấy được ngài thì nhất định chứng đắc Bồ-đề, người nào xưng danh hiệu thì thoát khỏi các khổ cho nên gọi là "Quán Âm". Kinh Bi Hoa nói: Nếu chúng sinh nào đang chịu khổ mà nhớ nghĩ xưng danh hiệu ta, thì ta dùng thiên nhãn thiên nhĩ để thấy nghe, nếu người ấy không thoát khổ thì ta không thành Chánh giác. Trong kinh Bảo Tạng, Phật nói: Ông xem xét tất cả chúng sinh sinh tâm đại bi, nên nay tên hiệu của ông là "Quán Thế Âm". Phần văn dưới tự giải thích tên...

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2
(Phần Hạ)

Giải thích:

"Quán Thế Âm" theo Quán tâm: Tam trí gọi là "Quán", Tam đế gọi là "Thế", tam quán là bản ngữ cho nên gọi là "Âm".

"Đắc Đại Thế Chí Bồ-tát": Kinh Tư Ích nói: Ta để chân xuống làm chấn động ba ngàn đại thiên thế giới và cung điện ma, cho nên gọi là "Đại Thế Chí". Kinh Bi Hoa nói: Nguyện thế giới của ta như của Quán Thế Âm không khác. Kinh Bảo Tạng, Phật nói: Do ông nguyện giữ đại thiên thế giới, nên nay tên ông là Đại Thế Chí. Quán tâm giải thích: Tam chỉ là chân, đặt xuống đất tam đế làm chấn động mười pháp giới, tất cả nơi kiến ái bám trụ thảy đều nghiêng ngửa chuyển động...

"Bất Hưu Tức Bồ-tát": Kinh Tư Ích nói: Hằng hà sa kiếp làm một ngày đêm, ba mươi ngày làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp được gặp một đức Phật, như vậy gặp Hằng hà sa Đức Phật, hành các phạm hạnh tu tập công đức, rồi sau mới được thọ ký, tâm không dừng nghỉ cho nên gọi "Bất Hưu Tức". Quán tâm: quán Không chẳng trụ nơi Không, xuất Giả chẳng trụ Giả, nhập Trung chẳng trụ Trung, song chiếu nhị đế gọi là "Bất Hưu Tức".

"Bảo Chưởng Bồ-tát": kinh Phổ Siêu nói: Mặc áo giáp thượng đức cho đến Đức Phật cũng không thể cản trở hủy bại khiến bỏ Đại thừa, nếu có người như còn trong mộng không có chí ý theo nhị thừa, thường đem tâm chân thật tâm thông tuệ vì họ diễn giảng, đối vối trân bảo tâm không tham tiếc, cho nên gọi là "Bảo Chưởng". Quán tâm: Bất tư nghì tam đế gọi là "Bảo", nhất tâm tam quán gọi là "Chưởng", dùng quán chưởng đây để giữ lấy Bảo đế này, tự lợi lợi tha cho nên gọi là "Bảo Chưởng".

"Dược vương": Kinh Bi Hoa nói: Nguyện trong hiền kiếp một ngàn bốn trăm Đức Phật ban đầu thành đạo ta đều cúng dường, chư Phật nhập diệt ta đều xây tháp, thời kiếp tận chúng sinh khổ não ta đều

cứu hộ, chúng sinh bị nạn đao binh bệnh tật dịch ta làm Đại y vương, rồi sau làm Phật. Kinh Bảo Tạng, Phật nói: Nay ông tên là Hỏa Tịnh Dược vương, về sau làm Phật tức Lâu Chí Như Lai. Quán tâm giải thích v.v...

Tiếp tục dưới giải thích bảy vị Bồ-tát.

"Bạt-đà-bà-la", Trung Hoa dịch là Thiện Thủ, cũng gọi là Hiền Thủ. Kinh Tư Tư Ích nói: Nếu chúng sinh nghe danh hiệu này thì nhất định sẽ đắc Tam-bồ-đề, cho nên gọi là "Thiện Thủ". Quán giải thích: Trung đạo chánh quán là thượng thủ trong các điều thiện, cho nên nói "Thiện Thủ".

"Di lặc", Trung Hoa dịch là Từ Thị. Kinh Tư Ích nói: Nếu chúng sinh thấy được ngài liền đắc Từ tâm Tam-muội, nên gọi là Từ Thị. Kinh Hiền Ngu nói: Quốc vương thấy tượng sư điều phục tượng (voi) liền sinh Từ tâm, do đó mà đặt tên "Từ Thị". Kinh Bi Hoa nói: Phát nguyện ở trong kiếp binh đao hoả hoạn mà cứu giúp chúng sinh. Nay giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán tức là Vô duyên đại từ, căn lực Từ thiện khiến các tâm sở đều nhập đồng thể đại bi trong pháp, lìa các điều bất thiện, cho nên gọi là "Từ Thị". Lại, nói "Từ" là họ, tên là A-dật-đa, Trung Hoa dịch là Vô Thắng.

Đây lược bớt, không giải thích Bồ-tát Bảo Tích.

"Đạo sư": Kinh Tư Ích nói: Đối với chúng sinh rơi vào tà đạo thì sinh tâm đại bi, khiến cho họ nhập chánh đạo mà không cầu báo ân, cho nên gọi là "Đạo sư". Quán tâm giải thích: Tam quán diệu trí dẫn dắt tất cả hành, không rơi vào nhị biên, đều nhập chánh quán, cho nên gọi là "Đạo Sư". Những điều gì chưa giải thích, thì sau sẽ chú thích...

6. Từ "Các vị đại Bồ-tát như thế" trở xuống, là câu tổng kết.

Loại chúng thứ ba: Tạp chúng: Cựu dịch là "Chúng phàm phu", nhưng trong đây có Thánh. Cựu dịch là "Tục chúng", nhưng trong đây có Đạo. Cựu dịch là "Thiên nhơn chúng", nhưng trong đây có rồng, quỉ thần. Các kiểu dịch như thế đều bất tiện. Nay gọi là "Tạp chúng" thì đầy đủ ý. Bởi vì bao gồm năm đường hai cõi tám phiên cho nên gọi là "Tạp". Kinh Phương Đẳng cũng liệt nêu địa ngục, Kinh Trung Ấm cũng nói "hóa vô sắc", đây đều tùy căn cơ thích nghi thị hiện, không thể liệt bày một mà đều đủ, lại không thể quyết định thứ lớp kia. Xưa lại nói: Người là chủ của cõi kia, nhường cho khách ở trước. Kinh Vô Lượng Nghĩa chỉ với kinh này là đồng bao quát, nêu quốc vương quốc thần quốc sĩ, quốc nữ không luận khách hay chủ nhường nhau. Các kinh gia rút ra kết luận, phải hướng đến văn kinh liệt bày, hoặc có ý riêng chưa

rõ ràng! Nay xem văn này có tám phiên. Trước hết nêu Đế-thích, tiếp đến kể Tứ vương, trước là rồng sau là chim quỉ thần nhiều lần nêu lên, vì nghĩa này cho nên gọi là Tạp chúng, không thể nói thứ lớp kia. Lại, Tạp chúng ấy trong đó có người đắc đạo có người chưa đắc đạo, quả báo lẫn lộn và hình thể lẫn lộn, cho nên nói "tạp". Trong số đó có người đắc đạo Nhị thừa, vô lậu trí cùng vô minh phiền não lẫn lộn, cho nên nói "tạp". Trong số đó có người đắc Bồ-tát đạo, lẫn lộn hòa cùng với chúng có căn cơ tạp, cho nên gọi là "tạp". Trong đó có người đắc Phật đạo, một pháp đầy đủ tất cả các pháp cho nên nói "tạp". Nghĩa "tạp" như vậy, đâu có thể lấy hình thể phàm phu thế tục mà phê phán, lại không thể lấy hàng nhân thiên ngũ đạo mà phê phán, cho nên nói "tạp". Đây là căn cứ Giáo mà giải thích.

"Thích-đề-hoàn-nhân", Nhân Đà-la-ni, hoặc nói Chiên-đề-la, Trung Hoa dịch là Năng tác, làm chủ cõi trời Đao-lợi. Đao-lợi, Trung Hoa dịch là Tam thập tam thiên. Bốn bên đều có tám thành, đến thành Hỷ Kiến thì hợp thành ba mươi ba tầng cùng ở đỉnh núi Tu-di. "Tu-di", Trung Hoa dịch là An minh, do bốn thứ châu báu tạo thành, cao rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Đây là chủ cõi trời Dục, cho nên nêu trước. Kinh Tạp A-hàm quyển thứ bốn mươi nói: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật: Vì sao tên là Thích-đề-hoàn-nhân? Phật đáp: Vì thuở xưa lúc làm người thì hành Đốn thí, có khả năng làm chủ, cho nên gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Vì sao gọi là Phú-lan-đà-la? Vì lúc làm người, thường hành bố thí. Vì sao gọi Ma-già-bà? Vì lúc làm người, có tên ấy. Vì sao gọi Sa-bà-la? Vì khi còn làm người, thường bố thí áo Sa-bà-la. Vì sao gọi Kiều-thi-ca? Vì khi làm người, có họ ấy. Vì sao gọi Xá-chỉ-bát-để? Xá Chỉ là vợ, Bát-để là chồng. Vì sao gọi là Thiên nhãn? Vì khi còn làm người, rất thông minh, trong nhất thời tọa tư duy ngàn thứ nghĩa, quán sát xứng lượng cho nên gọi là Thiên nhãn. Vì sao gọi Nhân-đề-lợi? Vì làm chủ ba mươi hai tầng trời. Kinh Anh Lạc quyển thứ ba nói: Thiên đế tên Câu-dực. Giáo môn giải thích: Trong Kinh A-hàm, Đế-thích là A-na-hàm. Kinh Bát-nhã nêu mười phương nạn vấn Bát-nhã đều gọi là Thích-đề-hoàn-nhân. Trong Biệt giáo Viên giáo, nêu rõ Thích-đề-hoàn-nhân đắc Thủ Lăng-Nghiêm Tam-muội, nội chứng không đồng, trải qua hai ngàn lẻ hai mươi bốn kiếp thuộc Hiền kiếp làm Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn.

Bản tích: Thập trụ, Hạnh, Hồi hướng tức ba mươi tầng trời. Thập địa là một, Đẳng giác là hai, Diệu giác làm chủ. Đồng nương cậy đệ nhất nghĩa thiên, cùng uống cam lộ thật tướng tức Bản. Ở đỉnh núi Tu-di

tức tích.

Quán tâm giải thích: Tự hành thập thiện, khuyến hóa người khác tùy hỷ. Ba mươi điều thiện này đều Không đều Giả đều Trung, tức là ba mươi ba môn quán.

Ba vị thiên tử: Danh Nguyệt v.v... là nội thần hoặc như khanh tướng, hay gọi là Tam quang thiên tử. “Danh Nguyệt” là Bảo Cát Tường Nguyệt thiên tử, tức Đại Thế Chí ứng hóa. “Phổ Hương” là Minh Tinh thiên tử, tức Hư Không tạng ứng hóa. “Bảo Quang” là Bảo Ý Nhật thiên tử, tức Quan Thế Âm ứng hóa. Đây là Bản Tích giải thích.

Quán tâm giải thích: Tam quán tức tam trí, tam trí tức tam quang, từ tam đế sinh tam trí. Đế tức là Thiên, Trí tức là Tử.

“Tứ đại thiên vương”: Là quan ngoại thần của Đế-thích như tướng võ ở núi Tứ bảo cao bằng nửa núi Tu-di, rộng hai mươi bốn vạn dặm, Phía Đông là Đề-đầu-lại-tra, Trung Hoa dịch là Trì Quốc, cũng gọi là An Dân, ở Hoàng Kim Sơn thống lãnh hai loại: Kiền-đạt-bà và Phú-đơn-na. Phía Nam là Tỳ-lưu-lặc-xoa, Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng, cũng gọi là Miễn Ly, ở núi Lưu ly thống lãnh hai loại quỷ: Tích-hiệp-đa và Cưu-bàn-trà. Phía Tây là Tỳ-lưu-bác-xoa, Trung Hoa dịch là Phi Hảo Báo, cũng gọi Ác nhãn, cũng gọi là Tạp ngữ, ở núi Bạch-ngân thống lãnh hai loại quỉ: Độc Long và Tỳ-xá-xà. Phía Bắc là Tỳ-sa-môn, Trung Hoa dịch là Chủng Chủng Văn, cũng gọi Đa Văn, ở núi Thủy tinh thống lãnh hai loại quỉ: La-sát và Dạ-xoa. Mỗi phương thống lãnh hai loại quỉ, không để cho chúng làm hại người, cho nên gọi là “Hộ thế”.

Giải thích theo Bản tích: Bản, là thường lạc ngã tịnh. Bốn vua hộ trì Phật pháp, không để cho người ngoài có thể lấy đi một cành lá nhỏ hoặc phá hoại. “Thường” vương, ủng hộ phương Đông thường vô thường song thọ. “Lạc” vương, hộ phương Nam lạc vô lạc song thọ. “Ngã” vương, hộ Tây phương ngã vô ngã song thọ. “Tịnh” vương, hộ phương Bắc tịnh bất tịnh song thọ. Cành dụ cho thường, hoa là dụ cho ngã, quả dụ lạc, mầm và lá dụ cho tịnh. Ủng hộ cành lá hoa quả này, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tích, là làm Tứ vương mà hộ thế.

Giải thích theo Quán tâm: Trí quán tứ đế tức là tứ vương. Mỗi đế trừ hai hoặc ái kiến, tức là bảo hộ trừ tám ái kiến. Tiếp, trên cõi Đao-lợi có Diệm-ma, Trung Hoa dịch là Thiện thời. Đại luận nói: Diệu Thiện cách cõi Đao-lợi ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, trên Thiện thời có cõi Đâu-suất-đà, Trung Hoa dịch là Diệu túc, cách cõi Diệm-ma như cách đất, mà không liệt kê! Vì sao vậy? Vì cõi trời dưới thì ngu độn, cõi trời

trên thì đắm dục lạc, mà còn biết tập họp nghe pháp, huống chi trời này không đắm không ngu độn mà không đến ư? “Tự Tại” tức cõi thứ năm, “Đại Tự Tại” tức là tầng thứ sáu, tự hóa ngũ dục tha hóa ngũ dục...

Có người nói: “Đại Tự Tại” là đỉnh của cõi Sắc. Thật ra trời này không nên vượt đến cõi Sắc kia. Bản tích: Bản, hai cõi trời này trụ định Tự tại, Tự tại vương... Tích, là hai cõi trời vậy. Giải thích theo Quán tâm: Nhập Không là Tự Tại quán, nhập Trung là Đại Tự Tại quán.

Tiếp đến là nêu cõi trời Sắc giới. “Sa-bà”, Trung hoa dịch là Nhẫn. Cõi kia chúng sinh sống với mười điều ác, không chịu xa rời. Từ con người mà đặt tên cõi, cho nên gọi là Nhẫn. Kinh Bi Hoa nói: Vì sao gọi là Sa-bà? Vì các chúng sinh ở đó nhẫn chịu ba độc và các phiền não, cho nên gọi là cõi Nhẫn, cũng gọi là “Tạp” vì lẫn lộn chúng sinh trong chín đường ở chung. “Phạm”, Trung Hoa dịch Ly dục, trừ bỏ ràng buộc của cõi dưới mà hướng lên cõi Sắc, cho nên gọi là “Ly-dục”, cũng gọi là Cao Tịnh. “Thi khí”, Trung Hoa dịch Đảnh Kế. Lại, nước ngoài gọi lửa là Thọ-đề Thi-khí, vì vua nước này vốn tu định Hoả Quang, phá lậu hoặc của Dục giới, từ đức mà đặt tên. Nhưng kinh nêu “Phạm thiên vương”, lại nêu “Thi-khí”, giống như hai người. Căn cứ Thích luận giải thích: chính là ông Thi-khí làm vua. Nay, Kinh nêu địa vị trước hiển danh sau, sợ gọi Thi-khí là một người khác. Trụ thiền trung gian, trong có giác quán, ngoài có ngôn thuyết, được chủ lãnh, làm vua. Riêng tu thiền làm dân cõi Phạm thiên tu thêm tứ vô lượng tâm thì làm vua. Sơ thiền có Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm, nay nêu “vương”(vua) để thâu nhiếp tất cả. “Quang Minh” là Nhị thiền, gồm có Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang-âm thiên. Tam thiền có Thiểu-tịnh thiên, Vô-lượng-tịnh thiên, Biến-tịnh thiên. Tứ thiền có Mật thân, cũng vô quái ngại, vô lượng mật cũng thọ phước mật quả cũng Quảng quả, vô tưởng mật cũng Vô tưởng. Lại có Ngũ Na-hàm, Bất Phiền , Bất Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu cánh, cũng là Đại Tự Tại tức Ma-hê-thủ- la, Kinh văn chỉ nêu tóm lược, không nêu đầy đủ chỉ nói “vân vân” (v.v...) tức các cõi này. Theo lệ có giải thích theo Giáo môn, Bản tích, Quán tâm, tự suy ra mà hiểu.

Tiếp đến nêu tám vị Long vương: “Nan-đà” gọi là Hoan Hỷ, “Bạt” gọi là Thiện. Hai anh em thường ủng hộ nước Ma-kiệt-đà làm mưa, khiến nước này luôn no đủ. Vua Bình-sa mở hội tạ ơn long vương, dân chúng nghe đều hoan hỷ, do đó mà đặt tên là Hoan Hỷ. Đây là Rồng được Mục-liên hàng phục. Chúng ở trong biển vậy. Giải thích theo Bản tích: Bản, trụ Hoan-hỷ địa. Tích, ở giữa biển. Quán giải thích:

Tam quán tức Trung đạo sinh pháp hỷ. "Ta-già-la long vương": từ chổ ở là biển Ta-già-la, mà đặt tên. Kinh Hoa Nghiêm đã khen tụng. Xưa nói nhân nước mà đặt tên. Giải thích theo Bản tích: Bản, trụ trí độ đại hải. Tích, ở biển xanh. "Hòa-tu-kiết long vương" đây gọi là Đa đầu, cũng gọi là Bảo Xưng sống ở trong nước, Bản, trụ Phổ hiện sắc thân Tam-muội. Tích, thị hiện Rồng nhiều đầu. Quán: Nhập Giả quán, phân biệt vô lượng pháp môn... "Đức-xoa-ca", Trung Hoa dịch Hiện Độc cũng gọi Đa thiệt, hoặc nói Lưỡng thiệt. Bản, trụ nơi pháp môn Nhạo thuyết vô ngại biện. Tích, thị hiện Rồng nhiều lưỡi. "A-na-bà-đạt-đa" từ ao mà đặt tên. Đây gọi Vô nhiệt, là ao Vô nhiệt vậy. Kinh Trường A-hàm quyển mười tám nói: Trên đỉnh Tuyết sơn có ao tên A-nậu-đạt, trong ao có cây Ngũ-quế-đường, từ ao mà đặt tên. Long vương thường ở trong đó. Các loại rồng ở Diêm-phù-đề có ba tai hoạ: 1. Gió thổi cát nóng dính vào thân, đốt cháy da thịt và xương tuỷ rất khổ não. 2. Gió dữ dội thổi đổ cung điện kia, làm mất bảo vật y phục trang sức, hiện nguyên thân rồng, rất khổ não. 3. Khi các rồng đang vui thú, chim xí điểu vào cung bắt rồng con mới sinh ăn thịt. Những khổ sở đó trong ao này không có. Lại ao này, nếu chim xí sinh tâm muốn đến, thì liền mạng chung, nên gọi ao Vô nhiệt não. Bản, trú thanh lương "Thường, lạc, ngã, tịnh". Tích, thường ở nơi ao trong mát. Quán: Tam quán diệu tuệ, thanh tịnh Ngũ trụ phiền não, tránh khỏi cát nóng của hai cách chết.

"Ma-na-tư", Trung Hoa dịch Đại thân, hoặc là Đại ý, Đại lực... Tu-la quét nước biển vào thành Hỷ-kiến, rồng dùng thân quấn quanh để chặn nước biển. Bản, trú vô biên thân pháp môn. Tích, làm Rồng thân lớn. Quán: Trung đạo chánh quán tánh kia rộng lớn.

"Ưu-bát-la", Trung Hoa dịch là Đại sắc Liên hoa trì, rồng trú nơi ao này, lấy đó đặt tên. Bản, trú nơi Pháp Hoa Tam-muội. Tích, ở nơi ao này. Quán: Tam quán tức là tu nhân, nhân tức liên hoa (hoa sen). Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Rồng bảo vệ cảnh giới chư thiên, Tu-la dấy binh đến trước cùng rồng đánh nhau, trước rồng thắng trận, cho nên biết là rồng cai quản cõi trời.

Tiếp đến liệt kê "bốn vị Khẩn-na-la", cũng gọi là Chân-đà-la, Trung Hoa dịch là Nghi thần, giống như người nhưng có một sừng cho nên gọi là Nhân phi nhân (người chẳng phải người), là thần tấu nhạc của Thiên đế ở núi Thập bảo, thân có dị tướng, có thể tấu nhạc. Khi Phật thuyết pháp, chư thiên gảy đàn hát ca tụng pháp môn. Xưa nói: Pháp Khẩn tấu Tứ đế, Diệu Khẩn tấu Thập nhị nhân duyên, Đại Khẩn tấu Lục độ, Trì Khẩn tấu chung ba thứ trước. Nay nói tấu pháp môn Tứ

giáo. Bản, trú nơi bất khả tư nghì, không khởi Diệt định, chắp tay an trú nơi thiền định, dùng ngàn vạn kệ tán thán các Pháp vương. Tích, nhờ nơi đàn sáo ca vịnh thập lực. Quán: Quán âm thanh tức Không tức Giả tức Trung. Tùy thuận tam đế, tức là tán thán Phật.

"Càn-thát-bà", Trung Hoa dịch là Khứu hương, lấy mùi hương làm thức ăn, cũng gọi là Hương ấm, thân ấy bay ra mùi hương. Đây là thần nhạc thế tục của Thiên đế. "Nhạc Càn-thát-bà" chuyên đảo múa cờ. "Nhạc âm Càn-thát-bà" đánh trống, đàn sáo. "Mỹ Càn-thát-bà" múa cờ nhưng giỏi hơn. "Mỹ âm Càn-thát-bà" đàn sáo nhưng điêu luyện hơn.

"A-tu-la", Trung Hoa dịch là Vô tửu, hái hoa khắp tứ thiên hạ đem ủ rượu ở biển lớn, do nghiệp lực rồng cá nặng nề, rượu không lên men, bèn nỗi giận thề quyết không uống rượu nên gọi là Vô tửu thần, cũng gọi là Bất đoan (không chính trực). Di Thiên An sư nói: thật thà chất phác thành thật tin tưởng. Vị thần này nịnh bợ quanh co không tương xứng với danh. Có hai loại A-tu-la. Loại thuộc loài Quỷ, ở bên biển lớn. Loại thuộc loài Súc sinh, ở dưới đáy biển. "Bà-trĩ", Trung Hoa dịch là Bị Phược, hoặc gọi là Ngũ Xứ Bị Phược, hoặc gọi là Ngũ Ác. Như bị vật trói buộc nơi cổ không mở ra được cho nên nói Bị Phược, cũng gọi là Hữu Phược, bị Đế-thích trói buộc. Giải thích theo Bản Tích: Bản, năng trói buộc năm đường, trói buộc ma ngoại đạo. Tích, làm dáng dấp như đây. Chánh Pháp Hoa nói Tối thắng quán, dùng trí tam quán trói buộc Ngũ-trụ-hoặc, nhập trong thật tế. "Khư-la-khiên-đà", Trung Hoa dịch là Quảng kiên giáp, cũng gọi Ác ấm, từ trong nước biển vọt ra, chánh bản gọi là Bảo cẩm. Giải thích theo Bản Tích: Bản, trụ nơi quyền thật nhị trí, lòng từ gánh vác chúng sinh. Tích, làm hai vai rộng. Quán: Tam quán năng cổ động che lấp biển lớn sinh tử ngũ trụ. "Tỳ-ma-chất-đa", Trung Hoa dịch là Tịnh Tâm, cũng gọi là Chủng Chủng Nghi. Sóng nước biển phát ra âm thanh, gọi là Tỳ-ma-chất-đa, cũng là tên cha của Xá-chỉ. Quán Phật Tam-muội nói: Quang âm thiên sinh trên đất. Đất khiến có dục nên vào biển tắm rửa, chất bất tịnh rơi vào bùn biến thành trứng, tám ngàn năm sau nở ra một người con gái, một ngàn cái đầu thiếu một cái, hai mươi bốn cái tay. Người nữ này giỡn đùa trong nước, nước tinh vào thân, sau tám ngàn năm sinh ra một người con trai hai mươi bốn cái đầu, một ngàn cái tay thiếu một cái. Âm thanh do sóng nước biển va đập nên gọi là Tỳ-ma-chất-đa. Dùng danh từ này đặt tên cho người con trai. Tỳ-ma-chất-đa lấy Càn-thát-bà nữ sinh ra Xá-chỉ. Đế-thích do nghiệp lực nên khiến cho cha Xá-chỉ ở nơi cung điện bảy

báu, lấy Xá-chỉ làm vợ, sau gièm pha cha Xá-chỉ liền đem binh giao chiến, chân đạp sóng nước, tay công phá thành Hỷ Kiến, Đế-thích dùng sức trì chú Bát-nhã nên không thể làm hại được. Chánh bản gọi là Yến cư (ở yên).Giải thích theo Bản Tích: Bản, là sắc tâm vốn tịnh. Tích, là tên đây. Quán: Chánh quán trung đạo tức là tịnh tâm.

"La-hầu-la", Trung Hoa dịch Chướng Trì, giữ ngăn che ánh sáng mặt Trời, mặt trăng. Là thân súc sinh dài tám vạn bốn ngàn do tuần, miệng rộng cả ngàn do tuần, trang nghiêm thân bằng bảo châu, ngắm xem vườn rừng thiên nữ ở cõi trời. Nếu người trong bốn châu thiên hạ hiếu dưỡng cha mẹ cúng dường Sa-môn, thì khiến chư thiên có oai lực, mưa đao trên không. Nếu không như vậy, thì chư thiên vào cung không ra. Lại, mặt trời phóng chiếu ánh sáng vào mắt La-hầu-la không thể thấy được nên lấy tay che mặt trời, người đời đều nói Nhật trùng quái hiểm, với đủ loại tà thuyết. Lấy tay che mặt trăng, cũng như vậy. Hoặc là kêu lớn tiếng, người đời nói thú ở cõi trời rống, sẽ có nguy loạn triều vua suy tàn, bao nhiêu tà thuyết v.v... Vì sợ mặt trăng mặt trời nên có lúc thân kia hiện to lớn gấp bội để nuốt mặt trăng mặt trời. Mặt trời mặt trăng bị mất ánh sáng, nên đến kêu than với Phật, Phật bảo La-hầu-la chớ nuốt mặt trời mặt trăng. La-hầu toàn thân chi tiết chuyển động, toát mồ hôi, liền nhả mặt trời mặt trăng. Đây là vì nhân duyên của các lực chúng sinh, mặt trời mặt trăng và Phật hợp lại nên không thể hại được. Xưa có Bà-la-môn thông minh rộng bố thí ,dùng bốn ngàn xe chở thức ăn ở giữa đồng trống bố thí, thấy một tháp Phật bị người ác thiêu cháy liền dùng bốn ngàn xe chở nước dập lửa cứu tháp. Bà-la-môn ấy hoan hỷ phát nguyện, nguyện được thân lớn nhất cõi Dục giới. Vì đã không có chánh tín, thích đấu chiến, ưa bố thí nên sinh trong thành Quang minh, làm La-hầu-la chủ A-tu-la. Chánh bản còn gọi là Hấp Khí. Bản quán v.v...

Tiếp kể đến "bốn Ca-lâu-la vương". "Ca-lâu-la", Trung Hoa dịch là Kim Xí, loài chim lông cánh sắc vàng ở trên cây đại thọ trong tứ thiên hạ, hai cánh cách nhau ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Có người nói Trang Tử gọi là chim Bằng. Khi chim Bằng đi hai cánh xoè ra che chở các loài chim khác, cũng gọi là Phụng hoàng. Chim phụng này không dẫm đạp trên cỏ tươi, thích ăn đọt trúc, đậu ở cây Nhũ đồng mà sống, còn loài Kim xí thì chuyên ăn rồng. "Đại Uy Đức": Có uy hơn các loài khác. Lại, uy dũng có thể thâu nhiếp các loài rồng. Chánh bản gọi là Cụ Túc. "Đại thân": Thân lớn hơn các loài chim khác. "Đại Mãn": Do ăn rồng mà sung mãn ý muốn. "Như Ý": Là cổ có đeo ngọc. Chánh bản

gọi là Bất khả động. Chim Ca lâu có thần lực, con trống biến hóa làm thiên tử, con mái hóa làm thiên nữ, hóa trú xứ của mình thành có cung điện báu cũng có trăm vị thơm ngon, nhưng vì nghiệp báo phải ăn rồng. Loài chim thai sinh chỉ có thể ăn rồng thai sinh mà không thể ăn ba thứ rồng còn lại. Loài chim noãn sinh có thể ăn hai thứ rồng noãn và thai sinh. Loài chim thấp sinh có thể ăn ba thứ rồng noãn, thai, thấp sinh. Loài chim hóa sinh có thể ăn luôn cả bốn thứ rồng (noãn thai thấp hóa). Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Chính âm là Ca-lầu. Một ngày ở núi về phương Đông loài chim này ăn một con rồng vua và năm trăm rồng con, ba phương còn lại cũng như vậy, ăn giáp một vòng thì quay lại từ đầu, thọ tám ngàn tuổi. Khi sắp mạng chung thì mất hết thế lực, muốn ăn rồng con thì rồng mẹ gào thét nên chim không ăn được, liền nổi giận từ núi Kim Cương bay thẳng ra biển, xuyên qua địa luân, không thể vượt qua phong luân, bị gió thổi mạnh đẩy trở về núi Kim Cương, cứ như vậy bảy lần rồi trở lại trên đỉnh núi Kim Cương mà chết, da thịt phát ra thành lửa thiêu đốt núi báu. Nan-đà sợ lửa đốt cháy núi nên liền tưới mưa dập tắt lửa, thịt tan rửa chỉ còn quả tim xông thẳng đến phong luân cũng bảy lần trở lại rơi trên núi, thành ngọc như ý. Rồng được ngọc này thì làm vua. Vua ở nhân gian cũng động lòng muốn lấy hạt ngọc này.

Tiếp kể đến người: "Vi-đề-hy mẫu", Trung Hoa dịch là Tư Duy, là mẹ của A-xà-thế. Vua "Tần-bà-sa-la", Trung Hoa dịch là Mô Thật, là cha "A-xà-thế" tức Vị Sinh Oán, hoặc gọi là "Bà-lưu-chi", Trung Hoa dịch là Vô chỉ, người trong nước gọi ông là Thiện Kiến, Thiện Kiến là Bản danh, Vô chỉ là tên gọi nêu Tích. Đại Kinh nói: "A-xà" gọi là Bất sinh, "Thế" gọi là Oán. Vì không sinh Phật tánh, thì phiền não oán sinh. Phiền não oán sinh, thì không thấy Phật tánh, không sinh phiền não thì thấy được Phật tánh. Lại, "A-xà" gọi là Bất sinh, "Thế" gọi là thế pháp. Do tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được, cho nên gọi là "A-xà-thế". Đây là theo nghĩa Bản. Kinh Phổ Siêu nói: "A-xà-thế theo Văn Thù sám hối, đắc Nhu thuận nhẫn. Khi mạng chung liền vào địa ngục Tẩn-tra-la, vừa vào lại ra ngay, sinh lên cõi Phật, đắc Vô sinh nhẫn. Đến thời Phật Di-Lặc xuất thế, lại đến cõi này làm Bất Động Bồ-tát, về sau sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Giới Như Lai". Tích kia đã vậy, thì Bản há có thể lường? Khi Đức Phật thuyết Pháp Hoa, ông được dự vào chúng thanh tịnh. Đến thời kinh Niết-bàn thì A-xà-thế tự nêu tội nghịch của mình. Đâu khác gì Ca-diếp ở trên hội Pháp Hoa được Phật thọ ký, mà khi Phật Niết-bàn thì không kham phó chúc. Không thể mê muội đối với Tích và lầm lẫn đối với Bản kia. Quán giải thích: Tham ái

là mẹ, Vô minh là cha. Hại cha mẹ cho nên gọi là nghịch, ngược lại tức là thuận. “Hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo” là vậy.

Hỏi: Đức Phật ở trong loài người thuyết pháp, tại sao liệt kê người ít như vậy?

Đáp: Văn kinh lược bớt không chép, thật sự người không ít. Văn nói: “Và các Tiểu vương, Chuyển luân thánh vương v.v...” Trong kinh Vô Lượng Nghĩa liệt nêu Tứ luân vương, quốc vương, quốc thần, quốc dân, sĩ nữ, nên chúng người rất đông vậy.

Hỏi: Trời người rồng, quỉ đều đến gặp Phật nghe pháp, một nẻo địa ngục, một cõi Vô sắc ý gì không nêu ra?

Đáp: Nghĩa này nay sẽ biện rõ. Phàm lên xuống các đường đạo là do Giới có trì có hủy. Có thấy Phật hay không thấy Phật, là do Thừa có chậm có nhanh. Nhưng trì Giới có thô tế, cho nên quả báo có hơn có kém. Trì Thừa có Tiểu có Đại, cho nên thấy Phật có Quyền có Thật. Đây lược nêu Giới và Thừa đều có ba bậc. Nương một câu Niết-bàn triển khai thành bốn câu, giải thích bốn câu thì nghĩa kia hiển rõ:

1. Tu Giới và Thừa đều nhanh.

2. Tu Giới chậm, Thừa nhanh.

3. Tu Giới nhanh, Thừa chậm.

4. Tu Giới và Thừa đều chậm.

Nếu luận chung Giới Thừa, thì tất cả thiện pháp, tất cả quán tuệ đều được gọi là Giới cũng đều là Thừa. Ngữ thừa: nhân, thiên tức là nghĩa kia. Đạo cộng đẳng Giới đều là ý chung.Nay luận riêng thì Tam quy, Thập thiện, Bát quan trai, luật nghi xuất gia cho đến định, đều có khả năng canh phòng thân khẩu, ngăn quả đọa ác đạo, được báo cõi trời cõi người, gọi là Giới. Nếu nghe kinh phát sinh hiểu biết, quán trí nghiên cứu Tứ đế, Thập Nhị nhân duyên, Lục độ, sinh diệt, không sinh diệt v.v... do trí năng phá phiền não, mà chuyển ra khỏi ba cõi, thì gọi là Thừa. Cho nên Đại Phẩm nói: “Thiện có tướng thì bất động bất xuất, thiện vô tướng thì năng động năng xuất”, tức nghĩa đây vậy.

1. Nếu tu Giới và Thừa đều nhanh: tức hành trì Giới bậc hạ. Tu Giới nhanh thì quả báo ở trong loài người, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Do thân trong loài người lại trong thời Tam tạng giáo, thấy Phật nghe pháp, trì Trung thừa Thừa nhanh. Do báo thân làm người trong thời Thông giáo Đại thừa cho đến thời các kinh Đại thừa kèm phương tiện, thấy Phật nghe pháp, trì thượng thừa Thừa nhanh. Do báo thân làm người, lại trong các thời giáo Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Viên giáo trong các giáo, thấy Phật nghe pháp, và được dự vào hàng chúng cùng nghe. Nếu trì

Giới bậc trung mà nhanh, thì quả báo ở trong cõi trời Dục, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân trời nơi Dục Giới ở trong thời Tam tạng,thì thấy Phật nghe pháp.Các thừa còn lại như trên nói. Nếu trì Giới bậc thượng nhanh, lại tu thêm thiền định thì quả báo ở các cõi trời Sắc, Vô sắc, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân trời ở các cõi Sắc, Vô sắc, ở thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại, như trên nói. Giải thích câu thứ nhất xong.

2. Tu Giới chậm Thừa nhanh: Tu Giới ba bậc (thượng, trung, hạ) chậm, thì quả báo đoạ trong ba đường, trì Tiểu thừa Thừa nhanh. Làm thân đoạ trong ba đường ở thời Tam tạng, thì thấy Phật nghe pháp. Các thừa còn lại, như trên nói. Giải thích câu thứ hai xong.

3. Tu Giới nhanh Thừa chậm: Vì tu Giới ba bậc nhanh, nên thọ thân trời người trong Dục giới và cõi trời Sắc, Vô sắc. Vì tu tam Thừa chậm nên Phật tuy xuất thế thuyết pháp tam thừa, mà ưa đắm quả báo lạc, ham mê ngũ dục, cho nên không thấy Phật không nghe pháp. Ba ức gia đình ở tại Xá-vệ mà cũng không thấy Phật không nghe pháp, tức mê đắm các dục lạc Tam Giới, các cõi Trời v.v... Giải Thích-câu thứ ba xong.

4. Tu Giới Thừa đều chậm: Thì thọ báo trong ba đường, không thấy Phật không nghe pháp. Giải thích câu thứ tư xong.

Văn đây không liệt kê địa ngục, do vì tu Giới chậm, khổ nặng quả báo ngăn cách thượng Thừa, lại chậm quá không thể ở thời kinh Pháp Hoa thấy Phật nghe pháp. Các kinh khác có liệt kê thì đều là tu các Thừa khác nhanh. Lại, không nêu ra cõi trời Vô sắc vì tu Giới bậc thượng nhanh, cho nên thọ thân ở cõi trời, đắm vị định nên tu thượng Thừa chậm, không thể dự hội Pháp Hoa thấy Phật nghe pháp. Các kinh khác có liệt kê thì đều là có tu Thừa khác nhanh. Nếu hiểu được ý đây, mỗi mỗi xem xét thiên long bát bộ đều biết duyên xưa nhanh hay chậm, cho nên có chúng nào đến nghe, chúng nào không đến đều có thể hiểu. Rộng giải thích thì như sớ Tịnh Danh. Hiểu được Quyền thì dẫn đến Thật Nghĩa Bổn Tích càng thêm rõ. Lấy đây mà xem xét các quán hạnh đã qua, thì nhân quả ba đời rõ ràng có thể biết.

Câu: "Đều lễ dưới chân Phật" là tổng kết chúng vân tập.

Từ "Lúc bấy giờ đức Thế Tôn" trở xuống đến hết phẩm gọi là Biệt tựa. Văn chia làm năm phần:

1. Chúng tập.

2. Hiện thụy.

3. Nghi niệm.

4. Phát vấn.

5. Đáp vấn.

Ngài Quang Trạch phân tích nghĩa sinh khởi có thuận, nghịch. Thuận như: Do chúng tập nên có hiện thụy (điềm lành), cho đến do hỏi nên có đáp. Nghịch là: đáp là do nơi hỏi, cho đến hiện điềm lành là do chúng tập. Đây chính là thuận nghịch duyên khởi như vòng móc nối liên quan nhau. Bài tựa nơi ý chính xong mà tự chưa hiển rõ, ngay như một nhân duyên giải thích còn tự không hiểu rõ huống chi hai, ba, bốn duyên thì hoàn toàn không có đường hướng. Nay nêu rõ bốn điều Nhất trong ý chánh ở lời tựa riêng của năm nghĩa duyên khởi:

1. Chúng tập họp: Giới thiệu Người nhất.

2. Hiện điềm lành: Giới thiệu Lý là nhất.

3. Nghi niệm: giới thiệu Hạnh nhất.

4. và 5. Hỏi và đáp: là giới thiệu Giáo nhất.

Đây là giải thích theo nghĩa Nhân duyên.

Căn cứ về giáo: Tựa đây là tựa chánh, chẳng phải Tam tạng, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt, mà tựa Giới thiệu ý chánh trong Viên giáo. Căn cứ về Bản Tích, nếu lấy bài tựa giới thiệu bốn điều nhất của Bản địa trong Thọ lượng, thì nghĩa đây có thể tự biết, không cần ghi chép lại. Giải thích theo Quán tâm, có thể hiểu...

Phần một: Chúng tập, lại chia làm hai: Ban đầu chúng tập oai nghi, tiếp đến chúng tập cúng dường. Pháp Hoa luận nêu rõ điều này, là uy nghi như pháp trú.

"Bốn chúng": Xưa nói: Xuất gia có hai, tại gia có hai, hợp thành bốn chúng. Ý này gọn nhưng không đủ khắp. Nay căn cứ một chúng, lại chia làm bốn:

1. Chúng phát khởi.

2. Chúng đương cơ.

3. Chúng ảnh hưởng.

4. Chúng kết duyên.

Chúng phát khởi: chúng có Quyền trí mưu tính sáng suốt, xét biết căn cơ, biết thời mà tuyên dương phát động để thành tựu lợi ích. Như voi mẹ khểnh chân dưới gốc cây khiến voi con được bú no. Nói "phát khởi" là khiến cho chúng tập họp, phát khởi tướng lành cho đến phát khởi vấn đáp... đều gọi là chúng phát khởi. Chúng đương cơ: Do gieo trồng đức đời trước, duyên nay thuần thục, như ung nhọt chín tự vỡ, không cần động đến. Chúng này bất khởi, ngồi trong pháp hội nghe liền đắc đạo, gọi là chúng đương cơ. Chúng ảnh hưởng: Các cổ Phật xưa, Pháp thân,

Bồ-tát, ẩn kín đức tột cùng viên mãn mà phụ giúp pháp vương, như các ngôi sao vây quanh mặt trăng, tuy không làm gì mà có lợi ích rất lớn. Đây gọi là Chúng ảnh hưởng. Chúng kết duyên: Là không có lực khả năng dẫn dắt kích động, đức chẳng có công dụng hàng phục vật, trấn an nghiêm trang, mà quá khứ căn tánh nông cạn, nhiễm ô xấu xa hỗn tạp, ba tuệ không sinh khởi. Hiện tại tuy thấy Phật nghe pháp mà không có bất kỳ một lợi ích nào xét theo Tứ Tất-đàn, chỉ tạo nhân duyên được độ ở vị lai, đây gọi là Chúng kết duyên.

Chúng Tỳ-kheo đã như vậy. Ba chúng còn lại cũng như vậy. Bốn lần bốn hợp thành mười sáu chúng. Đại loại như thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, nay Vương tử giảng lại, tức kia là chúng phát khởi ở thời đó. Nghe pháp đắc đạo là chúng đương cơ thời đó. Nghe pháp chưa độ, đời đời gặp nhau, mà ở đời này còn trú địa Thanh văn, tức là chúng kết duyên thời đó. Thời Đức Phật kia còn có bốn lần bốn thành mười sáu chúng, thời Phật này cũng đồng một đạo, thì sao lại không. Đây là mười sáu chúng thuộc Viên giáo vậy.

Căn cứ ba giáo, theo tiền lệ có thể biết. Giải thích theo Bản tích, có thể hiểu. Giải thích theo Quán tâm: Nghiên cứu cảnh tác quán, tại danh tự trong quán hạnh vị, tức thành chúng kết duyên. Nhập tương tự vị, tức thành chúng đương cơ. Nhập phần chân vị, tức thành chúng phát khởi, chúng ảnh hưởng...

Chữ "Vi nhiễu" đi nhiễu quanh. Khi Đức Phật mới hiện ở đời, người chưa biết pháp, có Tịnh cư thiên xuống hóa làm người, đến nhiễu quanh bên phải Đức Phật xong, cung kính đảnh lễ và trở về chỗ ngồi nghe pháp. Nhân chư thiên cung kính người bắt chước theo, đây là giải thích theo Nhân duyên.

"Đi nhiễu quanh": là oai nghi đi vòng quanh, tiêu biểu trong bốn oai nghi đều thấy viên lý, tức dùng viên đối thiên,theo ước lệ có bốn nghĩa, tức giải thích theo giáo môn. Lại, thân Phật toàn thể tướng hảo đều trang nghiêm, nhiễu quanh bốn vòng chiêm ngưỡng thì tăng trưởng định niệm Phật, tức giải thích theo quán tâm. Nếu quán sắc thân Phật, thì thấy được pháp thân tức giải thích theo Bản tích."Cúng dường": thông tam nghiệp đều là cúng dường. Nói chi tiết như: kính cẩn cúi thấp lễ,gọi là "cung kính"; chí thành chuyên chú niệm, gọi là "tôn trọng", phát ra lời khen ngợi tốt đẹp, gọi là "tán thán", làm cho y báo kia, gọi là "cúng dường". Ở đây văn tóm lược, nêu đầy đủ thì như trong kinh Vô Lượng Nghĩa. Chư thiên dâng thức ăn, hương trời hoa trời y bát trời v.v... tức là cúng dường. Bồ-tát Đại Trang Nghiêm và tám vạn đại sĩ chắp tay,

tức là "cung kính". Nhất tâm chiêm ngưỡng Phật là "tôn trọng", nói kệ thất ngôn tức là "tán thán". Nay luận về Chúng tập chỉ văn kia, chúng tập, thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa xong, trang nghiêm không tán động, tức chúng kia vẫn ngồi trong pháp hội như cũ chờ nghe thuyết Pháp Hoa, cho nên biết tam nghiệp cúng dường không được có sai khác, dùng ý của kinh Vô Lượng Nghĩa kia để rộng giải thích phần lược tóm của kinh Pháp Hoa này; đối với nghĩa hoàn toàn không có sai.

Từ câu "vì các Bồ-tát mà thuyết kinh Đại thừa" cho đến hết câu "đem xá-lợi Phật mà dựng tháp bằng bảy báu để thờ" là tựa hiện tướng. Ngài Dao Sư cho rằng có bảy điềm lành, cõi này có sáu, cõi khác có một, tổng là bảy điềm lành. Ngài Quang Trạch nói :"Cõi này và kia, mỗi mỗi có sáu tướng lành". Sáu tướng này, động thì thuyết pháp độ người, tĩnh thì nhập định quán lý, động tĩnh là một cặp. Trên trời mưa xuống bốn thứ hoa, dưới đất sáu thứ chấn động, trên dưới là một cặp. Đại chúng trong lòng rất vui mừng, bên ngoài Đức Phật phóng hào quang, trong ngoài là một cặp. Nay gọi là tùy văn để hiểu hết ý nghĩa như Tổ Quang Trạch.Nếu chỉ theo danh nghĩa mà cho rằng ý đã được bộc lộ rõ, thì hoàn toàn tự mình chưa hiểu. Nay làm rõ ba cặp tương ưng là Trí định, Nhân quả, Cảm ứng. Trí chỉ Nhất thừa thuyết Đa thừa, Định thì là Đế duyên nghĩa xứ. Nhân thì là bốn vị mưa hoa , Quả thì là sáu điệu đất chấn động, Cảm thì là căn cơ Đại thừa phát. Ứng thì là hào quang chiếu sáng viên mãn. Sáu thứ này đều gọi là tướng lành. Văn kinh nói: "Tướng nay như điềm lành xưa". Điềm lành chỉ là tướng đó thôi! Vì lòng người phân biệt cho rằng mật báo là điềm lành, sự kỳ lạ là tướng. Tướng lạ báo hiệu điều gì? Vi diệu lý sâu xa, thuyết đó rất khó, lòng người mông lung không tôn trọng nên trước dùng tướng kỳ lạ để cải đổi thường tình. Thường tình đã biến đổi,thì sinh kính ngưỡng khao khát. Cho nên, dùng sự kỳ lạ đặc biệt giải thích tướng, dùng báo để giải thích điềm lành. Lược nêu "lục thụy" (sáu điềm lành), tiêu biểu báo mười diệu, cảm ứng sự kỳ diệu bên trong đã thuyết, nay lại nêu đạo. "Thuyết pháp thụy", tiêu biểu báo thuyết pháp diệu trí diệu. "Nhập định thụy" tiêu biểu báo hành diệu. "Mưa hoa thụy" tiêu biểu báo giai vị diệu . "Địa động thụy" tiêu biểu báo cảnh diệu thừa diệu. "Chúng hỷ thụy" tiêu biểu báo quyến thuộc diệu lợi ích diệu. "Phóng quang thụy" tiêu biểu báo cảm ứng diệu thần thông diệu. Cho nên sáu thứ này đều gọi là tựa Hiện tướng.

"Mà thuyết kinh Đại thừa": Theo kinh Thiện Giới, thì có bảy Đại:

1. Pháp đại nghĩa là mười hai bộ Tì-Phật-lược.

2. Tâm đại, nghĩa là cầu Bồ-đề.

3. Giải đại, nghĩa là hiểu Bồ-tát tạng.

4. Tịnh đại, nghĩa là tịnh tâm kiến đạo...

5. Trang nghiêm đại, nghĩa là phước đức trí tuệ.

6. Thời đại, nghĩa là ba tăng kỳ hành hạnh.

7. Cụ túc đại, nghĩa là dùng tướng hảo tự trang nghiêm đắc Bồ-đề.

Lại, có chỗ nói Đại thứ sáu là Nhân, Đại thứ bảy là Quả đại. Nhân đại quả đại hợp thành kinh Đại thừa. Nay đem nghĩa của mười diệu tóm lược kinh, nên có thể hiểu. Sinh sư nói: Lý Không, Vô tướng, là gốc của Đại thừa.Ban cho giáo tam thừa để mà chờ đợi thuyết Đốn giáo, bởi vì nếu không có tam thừa thì không thể có được niềm tin. Cho nên nói Vô tướng là Tựa của Pháp Hoa. Ý của Quán sư cũng đồng. Nếu vậy Bát-nhã Tịnh Danh đều lẽ ra là tựa này, đâu riêng gì kinh Vô Lượng Nghĩa? Kia giải thích rằng: Như đây do năm thời cho nên giáo sau được sinh khởi. Lại hỏi: Nếu vậy thì kinh Vô Lượng Nghĩa cùng các kinh đều thông đường cùng nhau sinh, chẳng liên quan đến biệt tựa. Cơ sư nói: “Lý Không vô hình cho nên nói vô lượng”, ý của tựa đồng với nạn vấn trước cũng như vậy. Ấn sư nói: Thiện vô tướng có nghiã thành Phật, nên nói vô lượng. Lại, nói kinh kia không nói có ba thừa, hay không có ba thừa, tức là có khác. Kinh Đại Phẩm không phải là ý chỉ của Pháp Hoa, vì ý chỉ đó không đến đất Tần. Đây nói kinh này từ đời nhà Tống, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ ba, do Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở triều đình tự, quận Nam Hải gặp Ngài Đàm-ma-da-xá thọ nhận bản này, đem trả lại núi Võ Đang. Đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba mới truyền ở đời. Kinh đã có lai lịch từ trước đến nay, sao có thể gởi trả lại Thiên Trúc?! Ngài Quang Trạch nói: Vô Lượng Nghĩa lấy vạn điều thiện đồng trở về thành tựu Phật đạo. Pháp Hoa phần Chánh thuyết nêu không có hai không có ba, phá ba trở về một, làm khác cho nên tức là Tựa. Nếu nói vạn điều thiện đồng quy, thì hai ba sao không đồng quy? Hai ba điều thiện đồng quy thì Chính và Tựa không khác: Nếu nói phá hai phá ba, thì sao không phá vạn? Phá hai phá ba thì không hai không ba, mà đã phá vạn kia, vậy thì không có Tựa. Chấp ý kinh nêu xen lẫn ý làm khác, thì không thành khác .Ý khác không hiển bày, thì nghĩa Tựa cũng không thành. Lưu Cầu chú giải rằng: Vô tướng làm gốc một pháp vô tướng bao hàm nghĩa không lường. Nếu bao hàm nghĩa không lường được, thì là hữu tướng, sao gọi là vô tướng? Nghiên cứu ý của các sư, mỗi người thiên

về một thứ. Nếu nói thiện có tướng, thì có nghĩa thành Phật, đây là ý của Tam tạng. Nếu nói thiện vô tướng thì có nghĩa thành Phật, đây là ý của Thông giáo. Nếu nói bao hàm nghĩa pháp không thể lường được, thì đây là ý của Biệt giáo. Đây là điều mà các kinh khác nói, chẳng phải ý của Tựa Pháp Hoa.

Như Pháp Hoa luận nêu mười bảy tên gọi, đều là tên khác của Pháp Hoa. "Vô Lượng Nghĩa" tức một tên gọi của Pháp Hoa, nay luận ý Phật trực tiếp nói tên này và nhập định cũng tên này, cho nên được làm Tựa. Đại Phẩm, Kim Quang Minh, Niết-bàn đều trước xướng danh nơi Tựa không ngăn ngại. Nay kinh Văn-Thù dẫn cổ Phật cũng gọi là Vô Lượng Nghĩa. Lại nói sẽ thuyết kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, đây cũng là trong Tựa xướng danh, cùng với luận ý đồng. Nay xét kinh kia giải thích: "Vô lượng nghĩa ấy từ một pháp sinh, một pháp đó gọi là vô tướng, vô tướng bất tướng gọi là thật tướng, từ thật tướng này sinh xuất vô lượng pháp, nên gọi là hai pháp ba đường bốn quả". Giải thích câu văn vừa nêu: "Vô tướng" là không có tướng sinh tử. "Bất tướng" là không có tướng Niết-bàn. Niết-bàn cũng không, cho nên nói "bất tướng vô tướng", chỉ Trung đạo là "thật tướng". Hai pháp tức đốn và tiệm. Đốn, nghĩa là tất cả pháp đốn trong thời Hoa Nghiêm. Tiệm, nghĩa là tất cả pháp trong thời Tam tạng, Phương đẳng, Bát-nhã. "Ba đường" tức là Tam thừa. "Bốn quả" tức La-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát, Phật, các pháp đây gọi là vô lượng. Thật tướng là "nghĩa xứ". Từ một nghĩa xứ mà xuất sinh vô lượng pháp, khiến được" vô lượng pháp nhập một nghĩa xứ" làm Tựa. Ví như Toán sư từ một phép tính làm ra các phép tính, lại bỏ các phép tính trở về một phép tính. Do có làm ra, nên có bỏ đi, làm ra và giới thiệu bỏ đi. Như từ một dòng nước mở ra các dòng, các dòng quy tụ một dòng. Mở ra làm Tựa hợp, cũng lại như vậy. Giải thích như thế không trái với kinh luận kia, cũng phù hợp với kinh này...

Lại nữa, kệ tán thán Vô lượng nghĩa, nêu pháp thân Phật thấu suốt lìa các tướng (bách phi) mà ứng làm thân một trượng sáu sắc vàng sáng chói. Kinh Phổ Hiền Quán nêu bốn đức thường lạc ngã tịnh trú xứ của bốn Ba-la-mật. Hai văn trước sau đều nêu "thường", đâu có trung gian thọ lượng, mà gọi là vô thường? Có người hỏi: Tựa đã nói "thường", thì Chánh thuyết nói gì? Nay phản vấn trở lại, kinh Niết-bàn lấy Thuần-đà làm Tựa đã khai mở tông thường, thì Chánh thuyết nói những gì?! Người kia lại đưa ra bài Tựa của kinh Tịnh Danh nói Kim cang vô vi vô số mà Chánh thuyết không nêu thường, Pháp Hoa cũng nên như vậy? Nay lại

phản nạn vấn: Trong kinh Niết-bàn Thuần-đà phần Tựa nói thường, Chánh thuyết nói vô thường. Nay kinh Pháp Hoa nói Tựa thường, Chánh thuyết thường đâu có gì nghi ngại?!

"Giáo Bồ-tát pháp": Vô lượng nghĩa xứ dùng để giáo hóa Bồ-tát. Nghĩa xứ tức là đế lý. Văn kinh dưới nói: "Khiến cho khắp tất cả chúng sinh cũng đồng đắc đạo này". Lại nói: "Nếu ta gặp chúng sinh thì đem tận giáo đạo Phật dạy họ", tức là ý đây vậy. "Phật sở hộ niệm": Vô lượng nghĩa xứ là Phật tự chứng đắc, cho nên được Như Lai hộ niệm. Văn kinh dưới nói: "Đức Phật tự trú nơi Đại thừa, tuy muốn khai thị nhưng vì chúng sinh căn ám độn, nên đức Phật im lặng chờ đợi, không cần phải gấp thuyết" cho nên nói là "hộ niệm". Phật thuyết kinh này rồi thì nhập Vô lượng nghĩa xứ Tam-muội, tức định tuệ cùng thành tựu. Chẳng phải thiền không trí, cho nên trước phải nhập định.Chẳng phải trí không thiền, cho nên trước phải thuyết pháp. Tức trí mà định, tức định mà trí, trước sau xuất nhập không có ngăn ngại. Có người nghi rằng: Nếu chưa thuyết Vô lượng nghĩa thì có thể nhập định này, đã thuyết kinh này rồi cớ sao lại nhập định? Giải thích rằng: Trước nhập định này sau thuyết kinh này thì có thể hiểu, còn nếu thuyết kinh này xong mới nhập định thì đó là lấy Pháp Hoa làm Tựa đó thôi! Vì sao? Vì nếu trước không có khai, thì sau không có hợp. Trước nhập khai định là vì hợp định làm Tựa, gọi là thụy tướng, tức nghĩa này. Nếu theo thứ lớp, thì trước hết là nhập Vô lượng nghĩa Tam-muội rồi, thì tiếp theo nên nhập Pháp Hoa Tam-muội. Nếu văn nêu rõ, thì chúng đương thời đều biết, đâu đợi Di-lặc ân cần thưa hỏi Văn thù cố sức trình bày. Cho nên, biết làm Tựa nghĩa kia chuyển càng thêm rõ. "Thân tâm bất động": cùng chỗ sở duyên tương ưng, thân vốn vắng lặng như hư không, tâm lý tánh rốt ráo thường tịch. Đức Đại Thông Trí Thắng thân thể và tay chân vắng lặng an nhiên bất động, tâm kia thường vững chải chưa từng có tán loạn.Thân như kim cang không thể động chuyển, tâm như hư không không có phân biệt, bởi vì pháp Vô lượng nghĩa xứ Tam-muội giữ gìn thân tâm, cho nên bất động. Gọi là "Vô lượng" ấy, tức từ định tịch mà thường chiếu, năng biết thế gian, từ một pháp này xuất sinh vô lượng pháp. Nếu làm nghĩa Tựa mà thân pháp thể vận động, nay khiến không động chuyển, tâm pháp thể phân biệt, nay khiến không phân biệt, thì nghĩa Tựa càng rõ vậy.

Hỏi: Thụy tướng vốn chỉ cho sự đặc biệt kỳ dị, Đức Phật thuyết pháp nhập định, chỉ là uy nghi thường lệ, sao được gọi là thụy?

Đáp: Đức Phật thuyết pháp đã xong mà chúng không giải tán vẫn

cung kính đợi chờ, cho nên biết: Phật thuyết pháp lần trước, là để toàn thể chúng hội đến vân tập đợi nghe tiếp lần sau. Việc này đặc biệt, so với thường thuyết thật khác, sao không phải thụy? Tuy Phật nhập khai định, ý tại hợp định, so với thường nhập định có khác, sao chẳng phải là thụy tướng ư? Lại, Văn-Thù dẫn cổ Phật lục thụy đều có những việc này. Nếu xưa không phải thụy tướng thì sao lấy đó để chứng minh nay, xưa nay đồng như vậy, há có thể đem phàm tình mà cho là không phải?!

"Trời mưa bốn thứ hoa": Các vị xưa cho rằng: Mưa hoa màu trắng lớn, nhỏ; màu đỏ lớn nhỏ. Chánh Pháp Hoa nói: hoa Ý, hoa Đại ý, hoa Phổ hưởng, hoa đại Phổ hưởng. Thích luận quyển chín mươi chín nói: Hoa trời vi diệu gọi là Mạn-đà-la, và quyển bảy mươi chín nói: Tám trăm Tỳ-kheo thành Phật quốc độ thường mưa hoa Mạn-đà-la năm màu sắc. Xưa nói: "mưa hoa trắng lớn nhỏ là tiêu biểu hai chúng tại gia, sắc đỏ lớn nhỏ là tiêu biểu hai chúng xuất gia". Thế thì tiêu biểu nhân từ xưa đến nay mà chưa có quả? Nay cho rằng giải thích như thế hẹp và không thích hợp. Cứ nêu bốn chúng, thâu nhiếp mười sáu chúng trong Tam tạng, mà còn không hiểu hết huống chi bốn mươi tám chúng. Vì vậy cho nên gọi là hẹp. Xét rằng: Nếu tướng hoa kia là mật báo nhân, thì bốn chúng xưa nay đã là nhân, đâu đợi hoa mật báo. Nếu mật báo quả thì trời lẽ ra mưa báu, sao lại mưa hoa? Cho nên, nói không thích hợp. Nay nói: "mưa hoa" là nêu rõ nhân xưa kia chẳng phải nhân Phật. Nhân trong Tam tạng là nhân nhị thừa, nhân trong Thông giáo là cộng nhân, trong Biệt giáo là nhân Bồ-tát, đều chẳng phải nhân Phật. Nay trời mưa hoa là báo chúng kia sẽ thâu hoạch nhân Phật. Nhân Phật tức là nhân tứ luân. "Hoa trắng nhỏ" là tiêu biểu Đồng luân Tập chủng tánh, khai mở tri kiến Phật. "Hoa trắng lớn" là tiêu biểu Ngân luân Tánh chủng tánh Thập hạnh, hiện bày (thị) tri kiến Phật. "Hoa đỏ nhỏ" là tiêu biểu Kim luân Đạo chủng tánh Thập hồi hướng, ngộ tri kiến Phật. "Hoa đỏ lớn" là tiêu biểu Lưu ly luân Thánh chủng tánh Thập địa, nhập tri kiến Phật. Tứ luân đều đồng là nhân, nhân ấy do bên trong sinh cho nên nói "từ trời mà mưa", do vị trí là nhân cho nên lấy "hoa" tiêu biểu. Chỉ vì nghĩa "nhân hướng đến quả", cho nên "hoa rơi trên Phật". Nhân quả như thế, ai sẽ cảm sâu? Chỉ là chúng trong hội này, cho nên nói "và các đại chúng". Văn kinh thì đức Văn-thù giải thích nghi, thổi pháp loa lớn... bốn câu. Lại, trong phần Chánh thuyết nói khai thị ngộ nhập. Lại, dùng xe lớn dạo chơi khắp bốn phương, tiết tiết nương nhau đều là nghĩa của vị trí, cho nên biết: "hoa" tiêu biểu vị trí Nhân.

Hỏi: Tứ luân là nghĩa vị trí trong Biệt giáo, đâu được giải thích trong Viên giáo?

Đáp: Danh Thông giáo nghĩa Viên giáo mà còn không lỗi, huống chi danh Biệt giáo nghĩa Viên giáo mà không được dùng ư?

Hỏi: Hiền thánh theo nghĩa của Biệt,Viên cũng có ư?

Đáp: Đã nói trong luận Pháp Hoa Huyền Nghĩa.

Nếu nói bốn loại hoa đều từ trên trời mưa xuống là tiêu biểu bốn chúng, thì nên cùng thành một nhân. Như đây giải thích thì mới nêu nghĩa trong Tam tạng, chưa nêu nghĩa Thông giáo. Nếu nói bốn chúng đồng là nhân Bồ-tát, thì giải thích này theo nghĩa của Thông giáo,chưa nêu theo nghĩa của Biệt giáo, đều chẳng phải nhân Phật, đều chẳng phải ý của Pháp Hoa. Ý của Pháp Hoa như trước nói.

"Khắp thế giới Phật sáu điệu chấn động" Xưa nói: Động sáu cái chấp cho rằng"Nhân quả của hàng Tam thừa là quyết định". Đây là phá sáu cái chấp về tam thừa theo quan điểm của Tam tạng giáo, mà chưa phá sáu cái chấp về tam thừa theo quan điểm của Thông giáo.Vì Thông giáo căn cứ về pháp thì nhân quả của Tam nhân (ba hạng người) là đồng, nếu căn cứ con người thì nhân quả của Tam nhân là khác. Sự đồng khác này đều bị phá, nhưng xưa nói phá ý mà không phá nghĩa này. Lại, Biệt giáo không có tên tam thừa, thì không có lục chấp, cho nên xưa không phá. Nay nêu quan điểm của Biệt giáo: Nhân thời ba pháp theo chiều ngang và dọc. Quả thời ba pháp cũng theo chiều ngang và dọc. Đây là điều cần phải phá bỏ.

Nay giải thích "đất sáu điệu chấn động" là tiêu biểu, theo quan điểm của Viên giáo sáu phen phá vô minh. Vô minh như khối đá rắn chắc chưa từng bị phá hủy, nay đem đập nát cho nên đất chấn động là để tiêu biểu điều đó. Vô minh nếu chuyển tức biến thành minh, cho nên "khắp thế giới Phật sáu điệu chấn động". "Sáu điệu chấn động" tiêu biểu cho: Thập trụ, Hạnh, Hồi hướng, Địa, Đẳng giác, Diệu giác sáu phen. Kinh Ưu-bà-tắc Thanh Tịnh Hạnh nói: "Bồ-tát khi sinh đất chấn động là để chứng tỏ lần sinh này là tận (không còn tái sinh), không còn phiền não, hết thảy chúng sinh đều đắc đạo, phiền não bị diệt, cho nên động", tức nghĩa đây vậy.

Giải thích theo Bản tích: Như Văn-thù giải thích nghi dẫn cổ Phật để đáp, hiểu được mật ý này tức là hiểu được Bản, chẳng cho rằng Đức Phật nào khác khi xưa đã hiện điềm lành này mà đức Thế Tôn ta bản cũng hiện điềm lành này, chẳng phải nay là lần thứ nhất... Quán hạnh là động sáu căn vậy. Tướng đất kiên cố như sáu căn mãi chấp, chưa từng

nhập đạo Đại thừa. Đất khó động mà nay động, tiêu biểu căn chưa tịnh mà nay tịnh. Đông vọt lên Tây chìm xuống. Phương Đông màu xanh, chủ về gan. Gan chủ về mắt. Phương Tây màu trắng, chủ về phổi. Phổi chủ về mũi. Đây là tiêu biểu công đức của nhãn căn sinh và các phiền não của tị căn xen nhau diệt. Công đức của tị căn sinh thì các phiền não của nhãn căn xen nhau diệt. Các phương khác vọt lên và chìm xuống, tiêu biểu các căn công đức sinh và phiền não diệt, cũng lại như vậy. Sáu thư chấn động: Động, khởi, dũng, chấn, hống, giác. Trong một thứ lại có ba: động, biến động, đẳng biến động. Động trực tiếp gọi là "động". Động tứ thiên hạ, là "biến động". Động đại thiên, là "đẳng biến động". Năm thứ còn lại cũng như vậy. Hợp cộng lại thành mười tám thứ động, đây là tiểu biểu thanh tịnh mười tám giới...

Tiếp đến, giải thích điểm: "đại chúng tâm hoan hỷ": Chúng thấy mưa hoa đất chấn động, biết nước cam lồ sắp được uống nên vui mừng hớn hở trong lòng, là tiêu biểu chúng có căn cơ Đại thừa đang cảm nhận sự ứng nghiệm thù thắng.

Hỏi: Sự vui giận là thường tình của con người, sao được coi là điềm lành?

Đáp: Trời mưa hoa vui mắt, đất động chấn tâm. Đại kinh nói: Khi đất động thì năng khiến cho tâm chúng sinh động. Hoa và đất là hiện điềm lành bên ngoài, tâm vui là điềm lành bên trong.Cái vui này chẳng thường, xưa tuy từng có vui mà không bị vui làm chấn động. Nay năng nhất tâm quán Phật, vì sao được không gọi là điềm lành? Nếu nói hoan hỷ động ấm tâm, thì là nghĩa nhân thiên. Nếu hoan hỷ động Chân đế vô lậu tâm, thì là nghĩa theo Tam Tạng giáo và Thông giáo. Nếu hoan hỷ động "tức Giả tâm", thì là nghĩa theo Biệt giáo. Nếu hoan hỷ động thật tướng tâm, thì là nghĩa theo Viên giáo.

Tiếp đến, nêu điềm lành: "Đức Phật phóng hào quang" tức tiêu biểu Phật ứng cơ thiết giáo, phá hoặc trừ nghi. Bạch hào (lông trắng) là đầy đủ các công đức.

Kinh Quán Phật Hải Tam-muội nói: Khi đức Phật mới sinh thì lông trắng nếu duỗi ra dài năm thước, khi tu khổ hạnh thì dài một trượng bốn thước, đến khi thành Phật thì dài một trượng năm thước. Lông kia trong ngoài đều Không, như ngọc lưu ly trong suốt trong ngoài thanh tịnh. Từ sơ phát tâm, thời gian giữa tu hành hiện hành các tướng mạo, cho đến cuối nhập Niết-bàn, tất cả công đức đều hiện trong tướng lông đó. "Lông trắng giữa hai chân mày" là tiêu biểu trung đạo Thường. Lông kia mềm mại là tiêu biểu Lạc. Xoắn vào duỗi ra tự tại, là tiêu biểu

Ngã. Trắng là tiêu biểu Tịnh. Phóng hào quang phá sự tối tăm là tiêu biểu Trung đạo sinh trí tuệ. Hào quang chiếu sáng quốc độ này quốc độ khác, là tiêu biểu tự giác giác tha. Lại nữa, hàng Nhị thừa tuy thông đạt nhị đế mà không biết Trung đạo, như có hai lông mày mà không có lông trắng chính giữa. Biệt giáo tuy biết tam đế mà không thể biết trong lông trắng có đầy đủ tất cả pháp. Phải biết từ đầu đến cuối mọi sự trong pháp giới đều hiện trong tướng lông trắng, tức tiêu biểu ý Viên giáo. Lại nữa các kinh nêu rõ Phật phóng hào quang cũng không đồng. Đại Phẩm nói: Từ tướng bánh xe ngàn nan ở lòng bàn chân cho đến đảnh nhục kế, mỗi mỗi đều phóng sáu vạn ức quang minh, như kia rộng nói, Đại kinh nói: Diện môn phóng quang. Kinh này nói: bạch hào phóng quang. Các kinh nói khác nhau là vì duyên thích nghi căn cơ không đồng. Lại, thâu hào quang vào cũng không đồng. Kinh Dục Vương nói: Thâu từ sau lưng vào là muốn nói việc quá khứ, thâu từ trước vào là muốn nói việc vị lai, mà không thấy muốn nói việc hiện tại. Theo ý riêng, thì nhập từ hai bên hông vào tức muốn nói việc hiện tại. Từ chân vào là muốn nói việc địa ngục, từ mắt cá chân vào là muốn nói việc súc sinh, từ chân vào là muốn nói việc ngạ quỉ, từ đầu gối vào là muốn nói việc của loài người, từ bàn tay trái vào là muốn nói việc Thiết luân vương, từ bàn tay phải vào là muốn nói việc Kim luân vương và chư thiên, từ rốn vào là muốn nói việc Thanh văn, từ miệng vào là muốn nói việc Duyên giác, từ nhục kế vào là muốn nói việc chư Phật. Kinh này nói phóng bạch hào quang mà chưa thấy nói thâu hào quang, chắc là văn lược thôi! Lại giải thích rằng: Phóng quang là muốn nói việc hiện tại, thâu quang là muốn nói việc tương lai. Kinh này chánh luận về chư Phật cõi này cõi kia đạo đồng nhau, cho nên chánh luận về phóng quang. Nếu hiểu đạo chư Phật đồng tức là khai thị ngộ nhập, thì nhậm vận tự nhiên thâu hoạch muốn nói thì phóng quang là chánh, thâu quang là phụ cho nên lược không thuyết. Như thân Phật cao một trượng sáu phóng quang, là nghĩa của Tam tạng. Nếu Phật tôn kính đặc thù cùng thân Phật một trượng sáu cùng phóng quang là nghĩa cuả Thông giáo. Nếu Phật tôn kính đặc thù riêng phóng quang, là nghĩa của Biệt giáo. Nếu thân Phật một trượng sáu tức pháp thân Tỳ-lô-giá-na phóng quang, là nghĩa của Viên giáo. Xưa nói cõi này hiện sáu điềm lành xong thì đến cõi trời Nị-tra. Nay tìm văn chỉ thấy “chiếu từ phương Đông một vạn tám ngàn cõi” trở xuống, là văn nêu sáu điềm lành ở cõi khác, đây là vì do người có thêm bớt đó thôi! Xưa lại nói thật sự chiếu mười phương: Chiếu Đông phương là tiêu biểu nhất thừa nhân quả là bậc thượng của các nhân quả. Số “Vạn” là

tròn đầy, tiêu biểu quả vị viên mãn. Số "Tám ngàn" là thiếu, tiêu biểu nhân quả chưa đủ. Nếu giải thích như vậy thì chiếu Đông phương đã đủ nghĩa, đâu cần chiếu chín phương còn lại? Nay nói rõ phương Đông là phương bắt đầu, tiêu biểu Thập trụ là địa vị ban đầu của Tích môn, thuyết pháp cho sinh thân Bồ-tát sáng suốt rõ ràng thấy được lý, nhập Thập trụ, khai mở tri kiến Phật. Nêu ban đầu thì có thể biết giữa và sau, cho nên nói không nơi nào là không cùng khắp. Nên biết các phương khác cũng như vậy, các vị cũng như vậy. Nếu căn cứ Bản môn thuyết pháp, thì chư Phật bốn phương vân tập, tiêu biểu Bản môn thuyết pháp khiến pháp thân Bồ-tát tăng đạo tổn sinh, tứ vị tăng trưởng. Quán tâm giải thích "một vạn tám ngàn": căn cứ thập bát giới, luận về trăm pháp giới có ngàn tánh tướng, tức có một vạn tám ngàn, các cảnh giới đây Phật tuệ chưa khai mở, nay cần phải khai, cho nên dùng số để tiêu biểu đó thôi!

Văn kinh nói: "Từ ngục A tỳ lên đến trời Hữu đảnh" tức sáu pháp giới. Lại,"thấy chư Phật, Bồ-tát, Tỳ-kheo...",mười cõi đầy đủ. Cho nên, văn nói "không nơi nào là không cùng khắp" tức ý đây vậy. Nếu phân chia văn thì thuộc cõi này là văn nói tướng lành thứ sáu. Nếu thuộc cõi khác, thì là văn nói tổng tướng chiếu cõi khác.

Tiếp đến, nêu hào quang chiếu phương khác thấy sáu điềm lành:

1. Thấy sáu đường.
2. Thấy chư Phật. Tức là trên thánh dưới phàm làm một cặp.
3. Nghe Phật thuyết pháp.
4. Thấy bốn chúng đắc đạo.Tức là Nhân và Pháp làm một cặp.
5. Thấv Bồ-tát tu hành các hạnh.
6. Thấy Phật nhập Niết-bàn. Tức là thủy chung một cặp. Đã có chúng sinh khả hóa tức có Phật năng hóa, có Phật tức có thuyết pháp, có thuyết pháp tức có đệ tử, có đệ tử tức có bắt đầu tu hành, có bắt đầu tu hành thì hẳn phải đến cuối cùng. Nếu sáu điềm lành cõi này là tổng báo chúng sinh sẽ thâu hoạch tự giác, thì sáu điềm lành ở cõi kia là tổng báo chúng sinh sẽ thâu hoạch giác tha. Lại, sáu điềm lành của cả cõi này cõi khác, là tiêu biểu đạo của chư Phật cõi này cõi khác thì đồng nhau. Từ: "Thấy hết cả chúng sinh trong sáu đường ở cõi kia", cho đến:"hành Bồ-tát đạo": là hiện việc cõi kia đã giống như cõi này. Từ:"Lại thấy chư Phật" cho đến: "tháp bảy báu": là hiện việc cõi này sẽ giống cõi kia. Lược nói đã xong.

Lại rộng nói: "Lại thấy chúng sinh trong sáu đường" là đức Phật kia vì đời ngũ trược cho nên xuất hiện ở đời, đức Phật này cũng như

vậy. Tuy hai cõi mà ý xuất hiện ở đời giống. "Nghe chư Phật ấy thuyết kinh pháp", là hiện cõi kia đức Phật bắt đầu thuyết từ một pháp vô tướng chẳng đốn mà đốn, cùng với cõi này Phật ban đầu thuyết kinh Hoa Nghiêm ý đồng. Từ: "Cùng thấy nơi các cõi kia các Tỳ-kheo" trở xuống, là hiện cõi Phật kia giáo chẳng tiệm mà tiệm, cùng với Đức Phật cõi này theo thứ tự thuyết Tam tạng giáo, thì ý giống nhau. Từ "Lại thấy các Bồ-tát" trở xuống, là cõi Phật kia sau khi thuyết Tam tạng thì thuyết các kinh Phương Đẳng, Bát-nhã v.v... cùng với đức Phật cõi này sau thuyết Tam tạng, ý đồng. Từ "Lại thấy các đức Phật" trở xuống cho đến: "xây tháp bảy báu" là hiện đức Phật kia sau thời Bát-nhã thì khai Quyền hiển Thật, thâu vô lượng pháp trở về nhập một pháp, xướng nhập Niết-bàn, thôi hóa độ, xây tháp. Hào quang chiếu đến cõi kia, từ đầu đến cuối rốt ráo rõ ràng trước mắt, phải biết cõi này cũng từ một xuất sinh vô lượng, chẳng đốn mà đốn, chẳng tiệm mà tiệm, việc kia đã xong, ắt phải thâu tóm vô lượng pháp trở về nhập một pháp, khai quyền hiển thật, thôi hóa qui về chân, cùng cõi kia đồng.

Lại "Các thứ nhân duyên": Xưa khéo làm nhân, nay giáo làm duyên. Lại riêng thuyết chính là sau thời Tam tạng thì nói rõ Cộng, bất cộng Bát-nhã làm nhân, trợ đạo giới định tuệ... làm duyên. Căn cứ vào Tam nhân (Ba hạng người) tức các thứ nhân duyên, các thứ tướng mạo. Lại, chính các hạng người Cộng và Bất cộng, là "các thứ nhân duyên, các thứ tướng mạo". Cộng và Bất cộng mỗi thứ có bốn môn, mỗi một môn lại có vô lượng tướng mạo. Năm trăm Tỳ-kheo đều nói nhân của thân, tức nghĩa kia vậy. Bốn môn của Bất cộng cũng như vậy. Cho nên, biết rằng nhân duyên tướng mạo chủng biệt vô lượng thì đều là cõi kia đồng với cõi này. Kia nêu tướng đó nhân duyên tướng mạo trở lại nhập một nhân một duyên một tướng một mạo, phải biết cõi này cũng đồng với cõi kia.

Từ "Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc nghĩ rằng" đến hết câu: "nay sẽ hỏi ai?", là Tựa niệm nghi. Văn chia làm hai:

1. Di lặc niệm nghi.
2. Đại chúng niệm nghi.

- Di-lặc có ba niệm:

1. Chánh nghĩ sáu điềm lành.
2. Nghĩ hỏi ai.
3. Nghĩ đến Văn-thù.

Nghĩ đến Văn-thù tức đã bỏ cái suy nghĩ thứ hai, chỉ có niệm ban đầu là còn, tức chỉ thành một mối nghi. "Thần biến": Thần bên

trong, biến bên ngoài. "Thần" gọi là thiên tâm tức là trí tuệ thiên nhiên bên trong, "biến" gọi là biến động, tức là hiện sáu điềm lành bên ngoài. Kinh Thủ Lăng-Nghiêm nói: "Phật trú pháp bất nhị năng hiện thần thông, đấng pháp vương pháp lực cao siêu vượt hơn tất cả". Di-lặc không lường được sự biến hóa bên ngoài, cũng không biết trí tuệ bên trong, cho nên khởi niệm đến việc này. Như người bình thường không biết thuật, người tán loạn không biết định, người phàm phu không biết Thánh, bậc tiểu Thánh không biết Thân-tử, Thân-tử không biết Bồ-tát, Bồ-tát không biết Bổ-xứ, Bổ-xứ không biết bậc Tối tôn cùng cực. Đây là cực xứ (nơi chốn cùng tột), cho nên Di-lặc cũng không biết. Lại nữa, Di-lặc đã từng gặp Phật, gieo trồng thiện căn đã nhiều thì sao lai không biết được? Cần phải ẩn sáng hiện tối, cho nên quyền nói "không biết". Đại chúng có hai niệm:

1. Chánh niệm sáu điềm lành.

2. Niệm hỏi ai.

Nếu xem kệ bên dưới thì đại chúng cũng có ba niệm, Kệ nói: "Bốn chúng đều mong ngóng,nhìn ngài và nhìn tôi". Không có niệm thứ ba thì làm sao mong ngóng nhìn Ngài (Văn Thù)?, mà trong phần văn trường hàng thì không có Ngài, tức muốn suy tìm Bổ-xứ ở trước vậy. Xưa giải thích ở trước có ba ý:

1. Bổ xứ.

2. Có ba niệm.

3. Năng phát khởi câu hỏi, là nghĩa đây, nên đại chúng thiếu một niệm.

Hỏi: Về đức vị thì Văn-thù và Di-lặc đều là bậc Á thánh, sao có một người hỏi một người đáp?

Đáp: Xét về cơ duyên có hay không, tuy địa vị ngang đồng nhưng khách chủ thích nghi có khác, Thánh nhân thể theo cơ duyên, không phải là người hỏi thì không có khả năng trả lời. Lại pháp môn thì có Quyền có Thật. Quyền, Bổ xứ cần phải hỏi, Thật, cần phải đáp lại. Tích có xa có gần, gần hỏi xa đáp. Lại, danh thì có tiện có dễ. Di-lặc gọi là Từ, từ vì chúng sinh nên hỏi, Văn-thù gọi là Diệu Đức, đức cần phải đáp. Đấy tức là bốn loại hiểu ý văn kinh.

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3
(Phần Thượng)

Từ "Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc muốn giải quyết sự nghi của mình" trở xuống đến hết phần kệ tức là Phát vấn tự Văn chia làm hai phần: Trường hàng và Kệ tụng. Trong phần trường hàng kinh gia thuật nghi của mình và đại chúng, đưa ra câu hỏi, hỏi về cõi này, cõi khác... như văn. Vậy vì sao có kệ tụng ư? Trong luận Tỳ-bà-sa ngài Long Thọ nói có bốn lý do: Thứ nhất, là tùy quốc độ, Thiên Trúc có cách nói tán hoa và quán hoa, như đoạn này là tựa, sau là bài minh. Thứ hai, là tùy sự ưa muốn không đồng, có ưa tán thuyết hoặc ưa chương cú. Thứ ba, là tùy theo chúng sinh hiểu không đồng, hoặc đối với tán thuyết mà hiểu được, hoặc nơi chương cú mà hiểu được. Thứ tư, là tùy căn cơ lợi độn, lợi thì một phen nghe liền ngộ, độn thì nghe nhiều lần mới ngộ. Lại, tiêu biểu đức Phật ân cần lập lại, và vì đại chúng vân tập có trước có sau, cho nên có kệ.

Kệ có sáu mươi hai hàng, (mỗi hàng gồm bốn câu, mỗi câu năm chữ) chia làm hai phần: Phần một, gồm năm mươi bốn hàng đầu, tụng phần hỏi trên. Phần hai, gồm tám hàng sau, là thỉnh đáp. Phần hỏi lại chia làm hai: Bốn hàng trước, là hỏi về cõi này. Năm mươi hàng sau, là hỏi về cõi khác. Ở văn trường hàng thì hỏi chung sáu điềm lành ở cõi này, trong kệ thì có thêm: "gió thơm thổi và đất thanh tịnh", không nói "thuyết pháp nhập định". Xem văn thì cho rằng nói có thừa có thiếu, nhưng xét nghĩa thì không như vậy. Vì thuyết pháp là tánh tuệ, nhập định là thiên tâm, do thiên tâm tuệ tánh mới có thể động đất, phóng quang. Bởi nêu ngọn thì có thể biết gốc, cho nên thiếu mà chẳng phải thiếu. Người khác chẳng thấy được ý này, cho rằng Di-lặc không hỏi hai việc thì không coi là điềm lành. Nay lại nạn vấn: Nếu Di-lặc không hỏi thì Văn-thù cớ sao lại đáp? Lại hỏi chỉ nơi nào làm câu hỏi, nay chỉ văn trường hàng là tổng hỏi. Nếu lại muốn rõ chỗ nào là hỏi riêng, thì chỉ là hai chữ "đạo sư", bởi vì thuyết pháp nhập định mới có thể dẫn dắt

người, Đã xưng tán "đạo sư" tức là hỏi thuyết pháp nhập định, vì vậy cho nên chẳng phải thiếu. Chỗ khác nói:"gió do rừng cây chiên đàn cho nên thơm, đất thêm nghiêm tịnh tăng trưởng", đó là thừa hai việc. Nay nói chẳng thừa, bởi gió vốn không có mùi thơm mà thơm, đó gọi là kỳ lạ đặc biệt, cho nên thành điềm lành. Xét rằng trời mưa hoa rất mầu nhiệm, há có sắc mà không hương? Đây là tiêu biểu Nhân vận chuyển đến Quả, như hoa có gió hương, hoa đã nhóm nơi đất, đất thì nghiêm tịnh, nhân nếu hướng đến quả thì quả nghiêm tịnh. Kinh Kim Quang Minh nói: Tụ tập công đức trang nghiêm thân Phật, cho nên lấy hai việc hiển bày thành bốn loại hoa, thừa mà chẳng thừa.

Năm mươi hàng tụng kế tiếp, từ "Ánh sáng giữa chặn mày" trở xuống, là tụng hỏi sáu điềm lành ở cõi khác. Xưa nói: "Trong bài tụng không hỏi tam thừa tứ chúng, không hỏi Phật Niết-bàn" Nay giáo phế bỏ ba, sao bỗng hỏi ba? Mới nói Thọ lượng, sao hỏi Diệt độ?. Đối với nghĩa, không tiện cho nên không hỏi. Than ôi! Không hiểu không tiêu hóa văn mà ép kinh theo ý riêng. Nay nêu rõ trong bài tụng hỏi đầy đủ sáu điềm lành ở cõi kia. Văn chia làm sáu phần: 1. Ba hàng đầu, hỏi lục thú chúng sinh; 2. Bốn hàng tiếp, hỏi thấy đức Phật kia và thuyết pháp; 3. Ba hàng tiếp, hỏi bốn chúng cõi khác; 4. Một hàng rưỡi kết trước mở sau; 5. Ba mươi mốt hàng rưỡi, hỏi các cõi khác tu Bồ-tát hạnh; 6. Bảy hàng hỏi cúng dường xá-lợi, tức là hỏi Phật Niết-bàn.

1. Ba hàng đầu hỏi về chúng sinh ở sáu đường, nghiệm các tụng này, thì biết "Ánh sáng chiếu phương Đông" trong văn trường hàng ở trên là ý chiếu chung các cõi kia. Các tụng này, tụng phần tổng hỏi ở trên. Chúng sinh trong sáu đường (lục thú) là nơi người năng đến. Sinh tử là nơi đến. Thiện ác, nghiệp duyên là nhân các Thú.Xấu, tốt là quả các Thú.

2. Từ "Lại thấy các đức Phật" trở xuống, bốn hàng: hỏi thấy các cõi Phật kia, trực tiếp thấy Phật thuyết pháp. Đây là rộng nêu tướng thuyết pháp, nghĩa là thuyết đốn giáo phù hợp căn tánh Đại thừa. "Đấng Thánh chúa Sư tử" tức như cõi này hiện hình tượng Lô-xá-na Phật. "Diễn thuyết các kinh pháp, vi diệu mầu bậc nhất", tức như cõi này mặt trời trước chiếu lên núi cao Phật diễn thuyết Hoa Nghiêm. "Dạy bảo các Bồ-tát" tức như các hội thuyết pháp ở bảy chổ thuộc cõi này, thì trong hội không có hàng Thanh văn. "Để soi rõ Phật pháp,mà khai ngộ chúng sinh", tức như cõi này ban đầu thấy thân Phật, nhập Như lai tuệ.

3. Từ "Nếu có người bị khổ" trở xuống, ba hàng: hỏi bốn chúng ở cõi kia, tức là sau khi Phật nói đốn giáo. Tiếp đến Tam tạng giáo "nếu

có người bị khổ” tức mở Thanh văn thừa, bài tụng nêu đầy đủ tứ đế, ở văn rất rõ ràng. “Nếu là người bị khổ, mà tạo ác nghiệp khổ, thì khổ không thể hết”. Đấy là chúng sinh dưới tận cùng đáy. “Nếu là người bị khổ, mà tạo các thiện nghiệp, thì khổ cũng không hết”. Tức nhàm chán cõi dưới vin vào cõi trên, như Nan-đà vì ham muốn cho nên trì giới... Nếu có người bị khổ, ở trong pháp ngoại đạo cầu giải thoát, thì tăng thêm kiến giải sai trái, khổ cũng bất tận. Nếu có người bị khổ, nhàm chán khổ tập, lại nhàm chán y quả, cảm được Niết-bàn mà Đức Phật thuyết, thì người này có thể “dứt trừ các biên khổ”. Ở cõi kia cũng khai thừa này. “Nếu là người có phước” trở xuống, một hàng: khai trung thừa, “Nếu cúng dường Phật, thì ít gặp khổ não, nếu cúng dường Phật nhiều, thì tuy gặp khổ mà vẫn phước”. Cho nên nói Thanh văn ba đời gieo hạt giống phước, Bích-chi-phật trăm kiếp gieo trồng phước. So sánh với Thanh văn kia, cho nên nói có phước. “Chí cầu pháp thù thắng” là hàng Thanh văn chán khổ mà tu hành, Bích-chi-phật cầu đạo nên tu hành, tha thiết cầu lý duyên khởi thù thắng vi diệu, tức là cõi kia khai trung thừa. “Nếu lại có Phật tử” trở xuống là khai Lục độ đại thừa, vì chân thật từ bi năng nối tiếp dòng giống Phật, nên nói là “Phật tử”. Tu pháp Lục độ, cho nên nói “các công hạnh”.

Chí cầu Phật cho nên nói “vô thượng tuệ”, trong lục độ không có lục tế, như trong dược không có bệnh, nên nói “Tịnh đạo” mà không phải rốt ráo tịnh. Lại, Thanh văn lấy Khổ đế làm Quán môn, Duyên giác lấy Tập đế làm môn, Lục độ Bồ-tát lấy Đạo đế làm môn, cho nên nói “Tịnh đạo”.

4. Từ “Ngài Văn-thù-sư-lợi, tôi ở tại nơi đây” trở xuống, một hàng rưỡi: kết trước khai sau. “Thấy nghe như thế đấy” tức là kết trước, “Thấy rất nhiều như thế” tức là khai sau.

5. Từ “Tôi thấy ở cõi kia” trở xuống, ba mươi mốt hàng rưỡi: hỏi sự tu hành của các vị Bồ-tát ở các cõi kia. Phần này lại có ba phần nhỏ:

a. Một hàng: hỏi chung.

b. Mười lăm hàng tiếp: hỏi lần lượt.

c. Mười lăm hàng rưỡi cuối: hỏi lẫn lộn (tạp).

Phần nhỏ a.1. Một hàng hỏi chung, có thể hiểu.

Phần nhỏ a.2. Từ “Hoặc có vị bố thí” trở xuống, có mười lăm hàng: hỏi lần lượt, trong đó chia làm sáu mục nhỏ: a.2.1) Sáu hàng, hỏi Đàn Ba-la-mật. a.2.2) Hai hàng, hỏi Thi-la Ba-la-mật. a.2.3) Một hàng, hỏi Nhẫn Ba-la-mật. a.2.4) Một hàng, hỏi Tinh tấn. a.2.5) Hai hàng hỏi

Thiền. a.2.6) Ba hàng hỏi Trí tuệ Ba-la-mật.

- Trong phần hỏi Đàn Ba-la-mật có ba ý:

1. Bốn hàng hỏi xả tài.

2. Một hàng hỏi xả thân.

3. Một hàng hỏi xả mạng. Trân báu nô tỳ sang hèn đều có thể bố thí . "Xe bốn ngựa xe báu", hào hiệp bố thí, vợ con... là ngoài thân, thân thể là nội thân. Xả đầu mắt tức xả mạng. Không nói pháp thí, là để sau nói Bát-nhã. Lại căn cứ xả thân mạng tài và xả sinh tử vị lai v.v... thì được bất hoại thường trú, tức là pháp thí, cho nên không riêng nói.

Từ câu: "Này Văn-thù-sư-lợi ta thấy các quốc vương" trở xuống, hai hàng hỏi Giới Ba-la-mật. Căn cứ Tỳ-kheo để luận trì giới. Tại gia bố thí dễ, trì giới khó. Xuất gia bố thí khó, trì giới dễ. Cho nên căn cứ Tỳ-kheo nêu rõ giới. Trong đây dẫn kinh Ngũ Vương...

Từ câu: "Hoặc thấy các Bồ-tát" trở xuống, một hàng: hỏi Nhẫn Ba-la-mật, nhẫn có ba thứ: Đối với rừng sâu, hang vắng, người ác, thú ác đều nhẫn nại không giận, tức Sinh nhẫn. Tự mình tiết chế giữ gìn ý chí tức Khổ hạnh nhẫn. Vì cầu Phật đạo, tức Đệ nhất nghĩa nhẫn, Lại "Mà hiện làm Tỳ-kheo" tức Khổ hạnh nhẫn. "Riêng ở chỗ vắng lặng" tức Sinh nhẫn. "Ưa vui tụng kinh điển" tức Đệ nhất nghĩa nhẫn.

Từ "Cùng thấy các Bồ-tát dũng mãnh" trở xuống, một hàng hỏi Tinh tấn Ba-la-mật. Ở núi sâu đáng sợ mà chẳng sợ hãi biếng nhác, dũng mãnh tinh tấn, năng an ổn, coi như bên cạnh mình không có ai, tư duy thật tướng, niệm niệm không dừng tinh tiến cầu Phật đạo.

Từ "Lại thấy bậc ly dục" trở xuống, hai hàng hỏi Thiền Ba-la-mật: một hàng trước, hỏi tu căn bản thiền, một hàng sau, hỏi tu xuất thế thượng thượng thiền. Thông đồ đều có căn bản Thiền. "Ly dục", nếu lìa dục thì chứng đắc ngũ thông, là định của Thông giáo. Lại, căn bản vốn ly dục. Bối xã cũng là tu bất tịnh v.v... là ly dục. Biệt giáo bao gồm lìa dục nhị thừa, trung đạo và lìa dục thuận đạo pháp ái... "Sâu tu các thiền định", phát sinh bậc một Sơ thiền, định này chưa sâu, cho đến bậc chín tiếp nối mới sâu. Lại, bối xả, cửu định, bát thắng, thập nhất thiết nhập nối tiếp thì sâu. Định này chuyển biến tự tại, năng phát sinh các thần thông, phàm phu chỉ có ngũ thông, hàng nhị thừa có đầy đủ sáu. Bồ-tát Biệt giáo kém chư Phật phần hữu vô lậu, cũng chỉ có ngũ thông, Viên giáo từ đầu đến cuối đều đầy đủ lục thông. Một hàng từ "Chắp tay trụ thiền định, dùng muôn ngàn bài kệ" trở xuống, nêu Thượng thượng thiền, đây là thiền của Biệt giáo, Viên giáo, động, tĩnh không ngăn ngại nhau, không khởi diệt định mà hiện các oai nghi, như đàn Tu-la không

đánh mà kêu, không duyên không niệm mà có cảm tức có hình tướng. Cho nên, có thể an trú thiền định tán thán chư Phật.

Từ "Lại thấy có Bồ-tát, Trí sâu chí bền chắc" trở xuống, ba hàng: hỏi Bát-nhã, chia làm hai phần. Hàng đầu là tự tu hành. "Trí sâu" là trí tuệ cùng tột nguồn gốc lý. "Chí bền chắc" là thệ nguyện rộng lớn. Đây tức là hai thứ trang nghiêm năng vấn năng trì. Hai hàng từ "Lại thấy hàng Phật tử, định tuệ trọn đầy đủ" trở xuống, là hạnh hóa tha, chưa đạt đến tuệ nhiều, định vô sắc nhiều. Bậc Tứ thiền bối xả, tuệ nhiều; bậc cửu định, định nhiều ; trong nhất thiết nhập thì bình đẳng. Lại, hàng Nhị thừa định nhiều, Bồ-tát tuệ nhiều, Phật thì bình đẳng. Lại, Không quán thì định nhiều, Giả quán thì tuệ nhiều, Trung quán thì bình đẳng. "Vô lượng dụ" tức là các thứ phương tiện, trong các giáo dẫn vô lượng loại thí dụ trợ giúp hiển bày đệ nhất nghĩa. "Phá dẹp các binh ma", là Không quán phá bốn ma, Giả quán thứ lớp phá tám ma, Trung quán phá trọn tám ma, mười ma, hết thảy ma. "Đánh trống pháp", là hàng sơ phát tâm trụ liền thành chánh giác, ở trăm thế giới chư Phật, làm Phật đánh trống pháp Phạm luân viên mãn.

Từ "Lại thấy vị Bồ-tát vắng bặt yên lặng ngồi" trở xuống có mười lăm hàng rưỡi, không trải qua thứ tự, tùy thấy mà hỏi.

Hỏi: Pháp lục độ trên tự thâu tóm được vạn hạnh, vì sao lại phải hỏi rất phiền tạp thế? Đáp: Trên hỏi theo thứ lớp thì tự vào một đường. Không theo thứ lớp thì không nhất định một đường. Đã nói là các thứ tướng mạo, thì sao chỉ hai đường mà lại cho là phiền?

Đây là thứ lớp và tạp loạn hai phen nói về lục độ. Nghĩ cõi kia sau khi khai Tam tạng thì thuyết Phương đẳng, Thập nhị bộ kinh, nêu tướng mạo của lục độ đầy đủ như đây không khác. Trong tạp vấn văn gồm bảy ý:

Ý thứ nhất: hai hàng, hỏi thiền. Lại chia làm hai: một hàng trước, hỏi nhập thiền xả thiền, tức là tự hành. Từ "Lại thấy có Bồ-tát ở rừng phóng hào quang" trở xuống, là hàng thứ hai, hỏi nhập Bi thiền, bắt đầu hóa tha, Bồ-tát nhập định phóng hào quang khắp nơi lợi ích. Đầy đủ xem trong kinh Hoa Nghiêm, Tư Ích... sẽ rõ.

Ý thứ hai: Từ "Lại thấy hàng Phật tử chưa từng có ngủ nghỉ" trở xuống, một hàng : hỏi tinh tấn, tức là pháp môn Bát-chu niệm Phật...

Ý thứ ba: Từ "Cũng thấy đủ giới đức" trở xuống, một hàng, hỏi giới. "Oai nghi không thiếu sót", tức là ban đầu tu tập không thiếu giới. "Lòng sạch như bảo châu" tức là giới thú mười rốt ráo, trung gian có thể hiểu. Thập Giới như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa thuyết.

Ý thứ tư: Từ “Lại thấy hàng Phật tử trụ nơi sức nhẫn nhục” trở xuống, một hàng rưỡi: hỏi nhẫn, tức Sinh nhẫn và Pháp nhẫn.

Ý thứ năm: Từ “Lại thấy có Bồ-tát xa rời sự đùa giỡn ”trở xuống, hai hàng : lại hỏi thiền định. “Xa rời sự đùa giỡn” tức từ bỏ Trạo hối cái. “Lìa quyến thuộc ngu si” tức trừ Sân cái. “Thân cận các người trí” tức trừ bỏ triền Nghi cái. “Nhất tâm trừ bỏ loạn” tức bỏ Tham cái. “Nhiếp niệm ở núi rừng” tức trừ Thùy cái.

Ý thứ sáu: Từ “Hoặc thấy có Bồ-tát đem các thức ăn uống” trở xuống, năm hàng: hỏi Bố thí. Lại chia làm hai: Bốn hàng trước nêu rõ bố thí tứ sự. Từ “Cúng thí như thế đó” trở xuống, một hàng sau: kết thành.

Ý thứ bảy. Từ “Hoặc có vị Bồ-tát giảng nói pháp tịch diệt” trở xuống, có ba hàng: hỏi Bát-nhã gồm một hàng: Không thể thuyết mà thuyết Bát-nhã, một hàng: Không thể quán mà quán Bát-nhã, một hàng: Ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt. Tức là thuyết không thể thuyết, quán không thể quán mà luận Bát-nhã. Hoặc có thể coi ba phen hỏi Bát-nhã này là thấy các cõi khác thuyết lục độ trong Phương đẳng bên trên. Hoặc có thể nghĩ cách khác rằng: các cõi khác thuyết Phương đẳng, sau nêu Đại phẩm giáo, đàm luận đầy đủ trí Bát-nhã tịch diệt không hai, thanh tịnh không đắm trước, cõi này và kia đều đồng. Hoặc có thể nói pháp tịch diệt là ý trong Phương đẳng, quán các pháp tánh cũng như hư không là ý Bát-nhã. Chính là lịch pháp, tác quán pháp, tướng không hai, nghĩa này thật cùng với kinh Đại Phẩm phù hợp. Nếu cho rằng cõi kia biết ý của Pháp Hoa thì tức hai câu: “dùng tuệ vi diệu này mà cầu vô thượng đạo”, thấy có người tu diệu tuệ mà không thấy đạo tràng diệu tuệ Pháp Hoa. Nếu thấy đạo tràng, thì biết được đây giống như kia, thì có gì phải nghi? Chỉ thấy có người mà không thấy tòa, toàn chúng nghi nên hỏi. Hoặc có thể ba phen hỏi về Bát-nhã cùng với Bát-nhã cõi này tương đồng, chưa biết tiếp theo sau sẽ thuyết gì? Vì vậy cho nên nghi vấn, hai ý đây do người sử dụng đó thôi!

Văn trường hàng trên chỉ nêu sáu ý. Kệ tụng đã rộng hiển rõ nghĩa như vậy...

6. Từ “Ngài Văn-thù-sư-lợi, lại thấy có Bồ-tát” trở xuống, có bảy hàng: Sau khi Phật diệt độ dùng xá-lợi xây tháp miếu, chính bài tụng trên nói Phật các cõi kia hiện ra ở đời Ngũ trược, từ nơi một pháp vô tướng khai ra tiệm giáo và đốn giáo, cho nên có hai pháp ba đường, đủ thứ hạnh loại, tướng mạo không đồng, như trên đã thấy. Nay thấy đức Phật kia nhập Niết-bàn, hàng Phật tử ngưỡng mộ đức độ xây tháp

cúng dường, tức tiêu biểu vô lượng đều qui nhập vào một, một xuất ra vô lượng, tướng trước đã tiêu biểu vô lượng qui vào một, chính là nhập Niết-bàn. Tại sao sợ ngăn thọ lượng, xây dựng tháp làm Phật sự ư? Thương thay thương thay!

Văn chia làm sáu phần:

l. Một hàng, tổng nêu sau khi Phật diệt độ xây tháp.

2. Từ "Lại thấy hàng Phật tử xây dựng các tháp miếu" trở xuống, một hàng : nêu rõ số lượng tháp.

3. Từ "Bảo tháp rất cao đẹp" trở xuống, một hàng : nêu rõ chất lượng tháp.

4. "Trong mỗi mỗi tháp miếu" trở xuống, một hàng : nêu rõ hình tướng tháp.

5. Từ "Các vi trời, rồng, thần" trở xuống, một hàng : nêu sự cúng dường.

6. Từ"Ngài Văn-thù..." trở xuống,hai hàng :kết."Tháp-bà",Trung hoa dịch là Phương phần. Đại quán đảnh dịch là phần mộ (trủng). Điện đường như Linh miếu, nhà thờ ở cõi này, để tôn sùng các bậc vĩ nhân, tuấn kiệt để thừa ân mưa móc, thường tiêu biểu cõi nước thanh tịnh qui về, tâm hướng lên Thánh. "Thọ Vương" tức là cây Ba-lợi-chất-đa, chính cúng dường Xá-lợi là trang nghiêm cõi nước Phật...

III. PHẦN THỈNH ĐÁP : Từ "Phật phóng một luồng sáng" trở xuống, có tám hàng chia làm hai phần: Ba hàng đầu nêu việc nghi ngờ, bày tỏ thỉnh. Năm hàng sau giải thích phục nạn. Ba hàng đầu lại chia làm ba: Một hàng đầu nêu thấy sự việc ở cõi này, lấy tướng bạch hào làm gốc cho nên nêu trước và "các việc", cho nên nói "chủng chủng". Một hàng tiếp từ "Thần lực của chư Phật..." trở xuống, nêu thấy sự việc ở cõi khác, chư Phật là gốc tức tổng nhiếp năm thừa khác. Từ "Chúng ta thấy việc này" trở xuống, một hàng là thỉnh đáp

Năm hàng sau giải thích phục nạn lại chia làm hai phần: Bốn hàng đầu, chính giải thích phục nạn. Một hàng sau là kết thỉnh. Nói "phục nạn", ấy là Văn-thù trong tâm gây khó, không chịu đúng thời đáp. Khó có ba ý: Một, là điềm lành này đặc biệt kỳ lạ không thể vội vàng khinh thường mà có phê phán. Hai, là trí tuệ của chúng như biển, khiêm tốn nhường bậc cao minh. Ba, là cố để nghi vấn đeo đuổi tất sinh khao khát giải đáp. Cho nên, dùng phục nạn kín đáo mà chống lại. Di-lặc tỏ rõ ý muốn giải thích nạn vấn cũng có ba: Một, là Thụy lớn nghi lớn nếu không giải thích e chúng ưu tư về nguyên nhân Phật phóng

quang mãi mà cản trở nghe chánh thuyết. Hai, là chúng như biển nhưng hiểu được cơ duyên này chỉ có Nhân giả (Văn-thù). Ba, là hợp với chúng đều chiêm ngưỡng chờ đợi Nhân giả cho nên biết chuyên chú, chí thành ân cần thỉnh giải thích rõ nạn vấn. Phục nạn đầu tiên nhân ở lời chánh thỉnh, tức câu kệ: "Xin Phật tử Văn-thù, giải quyết lòng chúng nghi". Bồ-tát Văn-thù chiếu theo lời thỉnh này, khởi lên phục nạn đầu tiên: "Ông nói các chúng nghi nhưng chưa từng nghi. Nếu nghi thì nên hỏi. Chúng đã không nghi tôi đâu cần giải quyết!" Di-lặc liền dùng kệ thứ nhất giải thích rằng: "Bốn chúng đều trông ngóng, nhìn ngài và nhìn tôi", "nhìn tôi"tức muốn khiến tôi hỏi, "nhìn ngài" là mong ngóng muốn được Ngài giải đáp. Văn-thù nhân đây khởi lên phục nạn lần thứ hai: chúng đồng có nghi không dễ có thể đáp, đợi Phật xuất định xong sau mới giải quyết nghi.

Di-lặc liền dùng bài kệ thứ hai giải thích: Nếu để chúng ưu tư về điềm lành hào quang Phật mãi, thì không có lợi ích, nên xin Ngài giải đáp ngay. Lại biết Như Lai lúc nào ra khỏi định cho nên Phật tử đúng thời đáp giải quyết sự nghi khiến cho chúng vui mừng. Văn-thù nhân đây khởi phục nạn lần thứ ba: "Tôi với ngài cùng vị Học địa, muốn lường được ý Phật thì bí mật cùng suy lường, chỉ khiến một mình tôi giải đáp đối với lý thì không thể". Di-lặc liền dùng bài kệ thứ ba giải thích. Tôi cũng dùng tâm thấp kém tư duy phân vân: một là Phật muốn thuyết Diệu pháp, hai là sẽ thọ ký, cho nên nói: "Phật ngồi trong đạo tràng, chứng đắc pháp vi diệu, vì muốn nói pháp ấy, hay là sẽ thọ ký?", Văn-thù nhân đây khởi phục nạn lần thứ tư: "Nếu như ông nói tức nghi đã giải đâu cần đến tôi đáp". Di-lặc liền dùng bài kệ thứ tư giải thích: Sao lại dùng tâm do dự của tôi mà phán xét việc lớn? Cho nên nói: "Hiện bày các cõi Phật, đây chẳng phải duyên nhỏ" Ngài Văn-thù hết cách phục nạn, hào quang cũng đã dừng chiếu, nên một bài kệ sau cùng là tổng kết thỉnh đáp. Đây là bốn phen phục nạn, Quang Trạch thọ (nhận) nơi Thứ Sư, Thứ Sư thọ nơi Kiếm Sư ở Giang bắc. Đã là các bậc tiên hiền khéo tư duy ngoài văn, mà nay được nhờ vậy.

Từ "Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi nói với Di-lặc" trở xuống đến hết phần kệ, gọi là Tựa Vấn đáp. Gồm có văn trường hàng và kệ tụng. Văn trường hàng chia làm bốn phần:

1. Từ "Nói với Di-lặc" trở xuống gọi là Suy nghĩ đáp.

2. Từ "Thiện nam tử, ta ở trong đời quá khứ" trở xuống, gọi là Lược từng thấy đáp.

3. Từ "Thiện nam tử, như quá khứ" trở xuống, gọi là Rộng từng

thấy đáp.

4. Từ "Nay thấy điềm lành này cùng với xưa không khác" trở xuống, gọi là Phân minh phán đáp. Xét rằng lấy dưới đo lường trên,thì chỉ có thể giống như phỏng đoán, chỉ nói xưa giống nay mà không thể quyết đoán ngay. Sở dĩ ban đầu từ lớt phớt thấy không rõ, tiếp đến dẫn lược thấy, lược thấy chưa cùng khắp, lại dẫn đến rộng thấy, lấy nhiều để chứng minh một, đến lúc ấy mới phân minh phán xét được.

Suy nghĩ đáp: Trả lời câu hỏi trên về cõi này. Lược từng thấy đáp: Trả lời câu hỏi trên về cõi khác. Rộng từng thấy đáp: Trả lời câu hỏi về cõi này và cõi khác. Phân minh đáp: Trả lời phán xét cõi này cõi khác. Phần Suy nghĩ đáp chia làm hai: ban đầu nêu chương, sau chính suy nghĩ. Nghĩ xưa như nay, suy nay như xưa. Nhưng Văn-thù là cổ Phật lẽ nào lại không biết, vì Tích mà thì hiện tư duy. Ngài Quang Trạch cho rằng: hai câu đầu và sau, là pháp thuyết, tiêu biểu nhân quả rộng lược; ba câu giữa, là thí dụ thuyết. "Muốn thuyết đại pháp" là lược khai tam hiển nhất, lược khai cận hiển viễn. "Diễn nghĩa đại pháp" là rộng khai tam hiển nhất, rộng khai cận hiển viễn. "Mưa đại pháp" là thí dụ được thọ ký làm Phật, bởi vì xưa nhân quả định chấp không được làm Phật, là nghĩa khô héo, nay đều làm Phật, là nghĩa mưa thấm nhuần. "Thổi đại pháp loa" là sửa đổi hiệu của tam thừa. Trống lệnh dạy binh là thí dụ phá vô minh. Nay nêu rõ pháp thuyết kia không dùng. Vì sao? Vì tích bản hai môn do tịch mỗi thứ đều khác. Tích thì do tịch khởi, Di-lặc sinh nghi, Văn-thù giải thích. Bản thì do tịch chưa khởi, Di-lặc nghi chỗ nào? Văn-thù giải thích chỗ nào? Nếu trong đó đã là giải thích nghi khai cận hiển viễn, thì về sau các chúng từ đất vọt lên, cớ sao Di-lặc lại nghi? Lại nghi tức lạm dụng nghi, lạm dụng giải thích. Sự giải thích ở sau Không thực thì trước cũng sai lầm. Đây tức có sự trở ngại lớn cho nên không dùng. Nay nêu Di-lặc chỉ hỏi điềm lành của hai cõi đây kia trong Tích môn. Văn-thù dùng suy nghĩ đáp, đáp sự trong Tích, không liên quan đến thọ lượng, đến sự trong Bản. "Muốn thuyết đại pháp" là giải đáp điềm lành nói pháp. "Mưa đại pháp vũ": là đáp điềm lành mưa hoa. "Thổi loa đại pháp": là giải đáp điềm lành tâm đại chúng hoan hỷ. "Đánh trống đại pháp": là đáp điềm lành đất chấn động. "Diễn nghĩa đại pháp": là giải đáp điềm lành Phật phóng hào quang.

"Muốn thuyết đại pháp": là nghĩ khi xưa chư Phật sau khi thuyết Vô Lượng Nghĩa, thì khai quyền hiển thật, thâu tóm vô lượng qui về một, và suy ra nay Phật đã thuyết pháp rồi thì cũng nên khai quyền hiển thật, hợp vô lượng để qui về một. Một tức là đại pháp. "Mưa đại

pháp vũ" là nghĩ xưa chư Phật, sau khi trời mưa bốn loại hoa thì đều nhập Viên nhân thập trú thập hạnh, thập hồi hướng thập địa, và suy ra nay Phật sau khi mưa hoa đều thành Phật nhân, nhập thập trú, hạnh, hồi hướng và thập địa, cho nên nói "mưa đại pháp vũ". "Thổi đại pháp loa", là nghĩ xưa bốn chúng thấy điềm lành thì hoan hỷ, được điều chưa từng có, lìa chướng, tâm chấn động, biến đổi Nhân (người), Giáo, Hạnh, Lý, và suy ra nay chúng hoan hỷ, thì cũng nên lìa chướng, tâm chấn động, biến đổi Nhân Giáo Hạnh Lý. Biến đổi sâu xa, nên nói "thổi đại pháp loa". "Đánh trống đại pháp" : là nghĩ xưa sau khi đất chấn động rồi thì có sáu phen phá giặc vô minh, và suy ra nay cõi Phật chấn động rồi thì sau đó cũng nên sáu phen phá Hoặc vô minh. Thanh giáo cực kỳ vi diệu, cho nên nói "đánh trống đại pháp". "Diễn nghĩa đại pháp", là nghĩ xưa chư Phật sau khi phóng bạch hào quang thì thuyết Pháp Hoa, đây kia đạo đồng, và suy ra nay Phật sau khi phóng quang rồi thì rộng nêu ngũ Phật đạo đồng. Đã là Phật đạo, cho nên nói "diễn nghĩa đại pháp". Như vậy, năm câu đều là nghĩ xưa xét nay, suy ra nay giống xưa. Hiểu văn kèm theo nghĩa, chỉ thiếu một điềm lành nhập định, mà mưa hoa động đất phóng quang v.v... đều do nhập định mới có, ý thì bao gồm đầy đủ không nhọc công nghi ngờ, thiếu một điều này cho nên gọi là "lược đáp" đó thôi! Nay lại có giải thích khác: một câu đầu nêu tổng, bốn câu sau nêu biệt. Tổng là "đại pháp", Biệt là "mưa, thổi, đánh, diễn"tức khai, thị, ngộ, nhập. Như bầu trời chẳng có lớn nhỏ, chẳng có màu đỏ trắng, mà mưa hoa thì có đỏ trắng...

Như đệ nhất nghĩa chẳng khai thị ngộ nhập, khi thấy lý này tức là chứng khai thị ngộ nhập. Ví như gieo hạt giống được mưa thì bắt đầu nảy mầm, nay nghe mưa đại pháp, hạt giống pháp tánh thấm nhuần, phá võ trấu vô minh, đạt Thập trụ, là khai tri kiến Phật. Ví như thổi pháp loa, biết là đã biến đổi hiệu, đây cùng với trước đã đạt Thập trụ, nay từ Thập trụ nghe pháp lại biến đổi, nhập Thập hạnh tức Thị tri kiến Phật. Ví như đánh trống, biết điều động binh lính, đây cùng với trước đã ở tại Thập hạnh, nay từ Thập hạnh nghe pháp chuyển tâm, nhập Thập hồi hướng, là Ngộ tri kiến Phật. Diễn nói sâu rộng cùng khắp mới gọi là "diễn nghĩa", đây cùng trước đã ở tại Thập hướng, nay từ Thập hướng nhập vào Thập địa, là Nhập tri kiến Phật, đến tận nguồn hết giới hạn, sâu rộng đầy đủ. Nghĩ xưa hiện sáu điềm lành rồi thì khai thị ngộ nhập, suy ra nay có điềm lành thì sau đó cũng nên như vậy. Giải thích rộng phần Suy nghĩ đáp đã xong.

Lược từng thấy đáp: Từ "Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ"

trở xuống. Ban đầu dùng trí mình suy xét, bây giờ dùng Lược thấy để làm rõ chút ít đối với trước, nêu lên đây để giải đáp nghi vấn về cõi khác. Năm điềm lành ở cõi này không chung với cõi khác, chỉ một điềm lành phóng quang chiếu khắp phương Đông. Lược từng thấy đáp, chuyên đáp phóng quang, cho nên biết là đáp phần hỏi cõi kia. Nay thấy như xưa, xưa chỉ như nay. "Đức Phật vì muốn cho chúng sinh đều được nghe biết", tức là hai tuệ Văn, Tư cũng như hai hạnh Tín, Pháp, mà thâu tóm vô lượng qui về một, biến đổi giáo lý tam thừa, sáu phen phá vô minh... Chư Phật đồng khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, cho nên nói "pháp mà tất cả thế gian khó tin".

Rộng từng thấy đáp: Từ "Như vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp về trước" trở xuống...: Làm rõ phần lược trên, nay rộng đáp nghi vấn cõi này cõi kia. Di-lặc nhân hào quang chiếu, ngang thấy phương Đông, lấy làm câu hỏi. Văn-thù dẫn xưa đọc thấy mà làm câu đáp, ngang dọc hiển bày chư Phật đồng đạo. Văn chia làm ba phần: Một là: Dẫn một đức Phật đồng. Hai là: Dẫn hai vạn Phật đồng. Ba là: Dẫn một đức Phật sau cùng đồng. Trong phần một Đức Phật trước đồng lại chia làm ba phần: Một là: Nêu rõ thời tiết. Hai là: Nêu danh. Ba là Thuyết pháp. Thời tiết thì như văn. "Có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh" là Nêu danh đồng. Thông hiệu với đức Phật này thì đồng, biệt danh làm sao đồng? Đây phải dùng danh biệt nghĩa đồng để giải thích. Vì sao? Vì "Nhật" là mặt trời trí tuệ, "Nguyệt" là định, định tuệ là đức tự hành. "Đăng minh" là đức hóa tha. Bậc Năng nhân có khả năng định tuệ, có khả năng tự lợi, lợi tha. Lại "Nhật Nguyệt Đăng" là ba trí, đức Phật này cũng có ba trí. Tùy duyên mà xưng khác, nhưng nghĩa không sai khác, cho nên nói danh đồng. Từ "Diễn thuyết chánh pháp" trở xuống, là thuyết pháp đồng. Đức Phật xưa thuyết trước đốn sau tiệm, cùng với đức Phật nay đồng. "Diễn thuyết chánh pháp ban đầu, giữa, sau đều thiện", tức là đốn giáo. Phàm nói Bảy thiện mới chung Đại thừa tiểu thừa. Tìm văn thì thấy là Bảy điều thiện của Đại thừa. "Ban đầu, giữa, sau cùng đều thiện", tức là Tựa, Chánh, Lưu thông của Đốn giáo, gọi là Thời tiết thiện, "Nghĩa ấy sâu xa" tức là lý liễu nghĩa của Đốn giáo, hàng Nhị thừa không thể đo lường nỗi độ sâu rộng của nghĩa ấy, nên nói "sâu xa", đó gọi là Nghĩa thiện. "Lời lẽ khéo léo mầu nhiệm" tức là Bát âm theo Đốn giáo ; hội lý nói thẳng làm hớn hở tâm Bồ-tát, tức là văn Đốn giáo gọi là Ngữ thiện: "Thuần nhất không lẫn lộn" là không chung với Nhị thừa, tức là Đốn giáo Độc nhất thiện. "Đầy đủ", là nêu đầy đủ pháp mãn tự của giới nội và giới ngoại, tức là Đốn giáo Viên

mãn thiện. "Thanh bạch" là không có dấu vết của nhị biên, tức là Đốn giáo Điều nhu thiện. Gương mẫu về hành thiện. "Tướng phạm hạnh", thì "phạm" tức là Đốn giáo Vô duyên từ thiện.

Lại "sơ, trung, hậu, thiện" giải thích không đồng. Nay tạm theo một cách giải nghĩa là: Nếu Tiểu thừa lấy giới định tuệ làm tam thiện, thì Đại thừa dùng sơ trung hậu tâm làm tam thiện. Kinh Kim Quang Minh nói : "Tâm ban đầu của Như Lai bất khả tư nghì, tâm giữa của Như Lai đủ mọi thứ trang nghiêm, tâm sau cùng của Như Lai không thể phá hoại". Đây cũng là ý tam thiện. Văn-thù dẫn cổ Phật thuyết Đốn giáo bảy thiện, cùng với đức Phật nay đốn thuyết bảy thiện đồng, cũng cùng với các cõi khác ban đầu thuyết Đốn giáo đồng. Vì thế, Văn-thù dùng dẫn chứng này để trả lời. Đáp lại điều Di-lặc nhờ hào quang mà ngang thấy Phật cõi khác, nói: "Thánh chúa Sư tử diễn thuyết kinh pháp vi diệu đệ nhất" ở trên, cho nên Văn-thù dọc dẫn việc xưa, nêu đây làm câu đáp, tức là ban đầu đức Phật thuyết đốn pháp đồng.

"Đức Phật vì người cầu đạo Thanh văn mà thuyết pháp tứ đế", tức là đức Phật xưa sau thuyết đốn pháp, lại khai pháp tiệm giáo, cũng đồng Phật nay. Trên hỏi: "Nếu người gặp khổ mà vì họ nói Niết-bàn", nay dẫn Phật xưa cũng khai tiệm giáo để đáp câu hỏi kia. "Vì người cầu Bích-chi-phật mà thuyết pháp Thập nhị nhân duyên", để trả lời câu hỏi trên: Nếu người có phước đức chí cầu pháp thù thắng. "Vì các hàng Bồ-tát mà thuyết sáu pháp Ba-la-mật", trả lời câu hỏi trên: "Phật tử tu các thứ hạnh". Đều là dẫn Phật xưa khai tiệm giáo đồng. Ngài Văn-thù đã rộng dẫn từng thấy Phật để đáp câu hỏi về cõi kia. "Khiến đắc Tam-bồ-đề thành nhất thiết chủng trí",đây là nêu rõ Phật xưa sau khi khai đốn tiệm thì hiển thuyết Thật, cứu cánh từ đầu đến cuối. Đây là đáp câu hỏi: đức Di-lặc thấy Đức Phật cõi khác bát Niết-bàn, sau khi Phật Niết-bàn xây tháp thờ cúng. Như thế dẫn Phật xưa thuyết pháp đến sáu pháp Ba-la-mật, là nêu rõ đức Phật nay đã đồng với đức Phật xưa. Từ "Khiến đắc Tam-bồ-đề " trở xuống là nói rõ đức Phật này sẽ đồng với đức Phật xưa...

Tiếp đến là phần Dẫn chứng hai vạn Phật danh hiệu thuyết pháp đều đồng. Ban đầu dẫn một đức Phật, nêu đầy đủ đốn tiệm thuyết pháp đồng, giữa nêu hai vạn đức Phật chỉ nêu đốn thuyết đồng, cho nên nói sơ trung hậu đều thiện, sau cùng dẫn một đức Phật chỉ nêu khai tiệm đồng. Sở dĩ như vậy, là vì nêu xen kẻ nhau đó thôi! Chỉ trước có thể biết mà không cần dẫn hai vạn đức Phật, chính là danh tự, thuyết pháp đều đồng, căn cứ nghĩa thì thuận tiện. "Họ Phả-la-đọa", Trung hoa dịch là

Tiệp Tật, cũng gọi là Lợi căn, cũng gọi là Mãn ngữ.

Dẫn một Đức Phật cuối đồng: Từ "Đức Phật rớt sau cả" trở xuống. Văn chia làm ba phần: Một, là nêu rõ việc từng thấy cùng nay đã đồng. Hai, là nêu việc từng thấy cùng với hiện nay đang đồng. Ba, là nêu việc từng thấy cùng với nay sẽ đồng. "Từng" nghĩa là những cái quen thuộc ở quá khứ. "Đã" là chấm dứt ở quá khứ. "Từng đã", là lặp đi lặp lại ở quá khứ. Nay lấy việc lâu xa nói là "từng", việc ít gần đây gọi là "đã". Dùng sáu điềm lành... gọi là "đang". Sau khi Phật xuất định, gọi là "sẽ".

Phần một: từ "Đức Phật rốt sau cả, khi chưa xuất gia có tám vị vương tử" là việc từng thấy cùng với nay đã đồng. Đức Phật xưa có tám vị vương tử. Đức Phật nay có một vị vương tử, số tuy không đồng nhưng đều xuất hiện ở Phàm thánh đồng cư độ. Ở cõi có Kiến Tư hoặc, đều thị hiện có con. Sự có con là đồng. Một hay tám chỉ là tùy duyên mà biểu hiện khác nhau. Sanh một con là tiêu biểu chung cho Nhất đạo thanh tịnh. Sanh tám con là tiêu biểu Tám chánh đạo. Số khác mà nghĩa đồng. Nay chọn nghĩa có con đồng. Lại, con của đức Phật xưa thì xuất gia phát tâm Đại thừa, con của đức Phật nay thì trú quả Tiểu thừa, vậy tại sao đồng? Vì Phật xưa hóa đạo xong rồi hiển rõ Bản sự, cho nên nói phát tâm Đại thừa. Nay chưa phát tích, còn nói La-hán, đến văn dưới phát bản, là Bồ-tát tức nghĩa kia đồng.

Từ "Lúc đó đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thuyết kinh Đại thừa" trở xuống, nêu việc từng thấy cùng với hiện nay đang đồng. Ở cõi đức Phật xưa, xuất hiện sáu điềm lành đều cùng nay đồng , thứ lớp như văn. Sáu điềm lành ở cõi khác của Phật xưa, nói chung đều như nay đang thấy, thì biết xưa đức Phật các cõi khác hiện sáu điềm lành cũng cùng nay đồng. Xưa nêu rõ Biệt tựa, đã có đồng hai Tựa: Hiện tướng và Hoài nghi, mà không có ba Tựa: Tập chúng, Phát vấn và Đáp vấn, là sao? Nếu suy nghĩ ra, tức có ba Tựa ấy. Vì đã nói Phật thuyết pháp thì biết chắc là có Tập chúng, đã có Hoài nghi thì biết sẽ có Phát vấn, nếu có hỏi thì ắt có Đáp vấn. Kể ra hai Tựa mà hẳn nhiên có ba Tựa kia đồng. Lại, nếu thuật lại các trả lời ở chổ Phật xưa thì không đợi ngài Văn-thù nhọc sức nói ra, mà đã không nói đáp, tức cũng không có hỏi. Nghĩa ấy có thể hiểu.

Từ "Lúc ấy có vị Bồ-tát tên là Diệu Quang" trở xuống, nêu việc từng thấy xưa kia cùng nay sẽ đồng. Văn đây có sáu phần: Một, từ "Lúc ấy có vị Bồ-tát", là Vì người đồng. Hai, từ " Lúc bấy giờ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định mà khởi xuất", là thuyết

pháp tên đồng. Ba, từ “Sáu mươi tiểu kiếp”..., là thời gian đồng. Bốn, từ “Thuyết kinh này rồi, liền ở trong chúng Ma, Phạm, Sa-môn”, là xướng diệt đồng. Năm, từ “Khi đó có Bồ-tát tên là Đức Tạng”, là thọ ký đồng. Sáu, từ “thì vào nửa đêm nhập Niết-bàn”, là nói diệt độ, lưu thông kinh đồng. Đây là phần một: Thế nào là Vì người đồng? Xưa đức Phật từ trong định xuất, vì Bồ-tát Diệu Quang mà thuyết kinh. Nay đức Phật từ trong định xuất, vì vị Thanh văn tên Thân-tử mà thuyết kinh, vậy sao nói là đồng? Diêu Sư nói: “Vì” là vì ủy thác. Giao phó truyền kinh Nhất thừa, thì không phải là nhắm vào người trực tiếp được Phật chỉ bảo. Đức Phật xưa kia dạy bảo đâu hẳn là nhắm vào Bồ-tát Diệu Quang. Cũng như nay, Phật dạy bảo trực tiếp Thân-tử, chưa hẳn Thân-tử có khả năng truyền bá lưu thông kinh này. Vì ủy thác truyền bá lưu thông, thì không ai bằng Bồ-tát Diệu Quang, cũng như nay thì không ai bằng ngài Văn-thù. Phật nay không khen, thì Phật xưa hà tất phải khen! Văn-thù dẫn chứng Phật xưa khen Bồ-tát Diệu Quang, chính là muốn nói rõ khả năng nhận ủy thác đó thôi. Lại, xưa có một số vị giải thích kinh cho rằng Bồ-tát Dương Vương là người được ủy thác, thì cũng có thể được, chỉ là dẫn xưa để chứng minh nay, có chút ít không giống nhau. Hoặc nói vì Văn-thù giải thích nghi, được đức Phật khởi định thuyết kinh, mà đối với Văn-thù nói không tiện. Nay nói rõ không như vậy, kinh văn tự nói vì Diệu Quang mà chính thuyết, và giải thích vì ủy thác lưu thông. Nếu coi Dược Vương là người được ủy thác, thì chính là công khai chống đối lời Phật dạy, đâu có liên quan gì đến giải thích kinh. Xưa vì Diệu Quang nay vì Thân-tử, chính là đồng người được ủy thác. Xưa tám người con của đức Phật tôn Diệu Quang làm thầy, Như Lai xuất định, trực tiếp bảo Diệu Quang, lại giao phó ủy thác cho Diệu Quang. Nay La-hầu-la con Phật cũng tôn Thân-tử làm thầy, đức Phật trong định ra cũng trực tiếp bảo Thân-tử. Tích môn xong. Lại phó thác cho Thân-tử, tức xưa nay không đều nhau. Lại làm sao hơn đây, nếu như Cận thì vứt bỏ Thân-tử, Viễn thì dùng Dược Vương?

Có người nghi rằng: Diệu Quang là Bồ-tát, Thân-tử là Thanh văn làm sao đồng? Việc xưa đã rõ ràng thì nói là Bồ-tát, việc nay chưa phát thì gọi là Thanh văn. Đến lúc phát Tích thì Thân-tử là đại Bồ-tát, chẳng phải giống nhau thì nghĩa là gì? Xưa Diệu Quang thùy tích vì sao lại không làm Thanh văn? Đặc biệt là Văn-thù khéo giỏi thuyết pháp, phương tiện ẩn hiện đó thôi.

Từ “Bây giờ đức Phật Nhật Nguyệt”... là Phần hai: thuyết pháp tên đồng; như văn trên Di-lặc thấy cõi khác ban đầu đốn, sau đốn thấy

tiệm, sau tiệm thấy các thứ hạnh, sau hạnh không có cảnh, sau thấy đức Phật nhập Niết-bàn. Nay Văn-thù đáp từng thấy đức Phật ban đầu đốn, sau đốn là tiệm, sau tiệm nói các thứ hạnh, tức là thấy Pháp Hoa. Như thế sau khi hiện sáu điềm lành kia rồi thì thuyết kinh Pháp Hoa, thuyết Pháp Hoa rồi thì nhập Niết-bàn, đây là rõ ràng quyết định đáp câu hỏi của cõi nước kia.

Từ "Sáu mươi tiểu kiếp"... là Phần ba: thời tiết đồng. Như văn dưới nói: "năm mươi tiểu kiếp nghĩa là như nửa ngày" tức là đồng vậy.

Từ "Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh" xuống là Phần bốn: nói diệt đồng. Xưa thuyết Pháp Hoa xong xướng nhập diệt cũng như đức Phật Ca-diếp... Nay Phật thuyết trong phẩm Bảo Tháp "Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn", tức việc hóa đạo đã đủ nên đề xướng diệt độ, sự đồng.

Từ "Khi ấy có Bồ-tát"... là Phần năm: Thọ ký đồng. Xưa thọ ký cho Đức Tạng Bồ-tát, kinh này thọ ký cho hàng Thanh văn, sao được gọi là đồng? Việc xưa đã thành, cho nên nói thọ ký Bồ-tát, nhưng chính là hội tam qui nhất, Thanh văn cũng được thọ ký vậy. Nếu nói xưa thọ ký cho hàng Thanh văn, đức Phật khởi định thuyết, thì còn gì để bàn luận nữa ? Văn-thù khéo giỏi luận đàm cho nên không phát tích đó thôi! Nếu nói thọ ký cho hàng Bồ-tát, thì các kinh đều như vậy, thế thì người chấp giáo chưa kinh sợ v.v...

Từ "Đức Phật thọ ký xong" là Phần sáu: Lưu thông kinh đồng. Văn chia làm năm phần: Một, là Thời tiết tức sau khi đức Phật diệt độ. Hai, là xuất hiện người kia tức là Diệu Quang. Ba, là gần lâu tức tám mươi tiểu kiếp. Bốn, là Chúng được hóa độ tức tám vương tử và tám trăm đệ tử. Năm, là Kết hợp xưa nay, tức Cầu Danh Diệu Đức đồng vậy. Phần bốn: chúng được hóa độ, lại có hai phần:

1. Tám vương tử tu hành thành Phật đã lâu.
2. Một trong tám trăm đệ tử mới thành ngôi Bổ xứ hiện nay.

Sở dĩ dẫn tám vương tử và tám trăm đệ tử, gần thì giải thích nghi và mật khai thọ lượng. Giải thích nghi: Hoặc nói Di-lặc Bổ xứ, là lớn, Văn-thù không phải Bổ xứ là nhỏ. Nhỏ không nên đáp, lớn không nên hỏi, cho nên nêu ra tám trăm thì có lẽ có người nên hỏi; Diệu Quang xưa thân gần đối với Phật, trước lại làm thầy cho nên giải thích nghi chẳng lầm lẫn. Mật khai thọ lượng: Tám vị vương tử đều thành Phật, vị sau cùng hiệu là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng là Định Quang, Diệu Quang là tổ sư chín đời của đức Thích-ca. Cháu nay thành Phật, Sư tổ làm đệ tử. Thầy trò không cố định, là muốn ngầm nêu cái ý sinh mà không

sinh, diệt mà không diệt.

Hỏi: Xưa đức Di-lặc thấy chư Phật từng nghe Pháp Hoa, vì sao còn nghi hỏi?

Đáp: Vì tùy thời hợp căn cơ chúng, nên phải phát hỏi.

Phân minh phán xét đáp : Từ "Nay thấy điềm lành này" trở xuống. Sáu điềm lành xưa và nay đã đồng. Nghĩ suy quyết định không lầm lẫn. Lược từng thấy và Rộng từng thấy đều quyết định. "Sẽ thuyết kinh Đại thừa" là quyết định điềm lành về thuyết pháp ở trước. "Tên là Diệu Pháp Liên Hoa" là quyết định điềm lành mưa hoa ở trước. "Giáo Bồ-tát Pháp" là quyết định điềm lành chúng vui mừng ở trước. "Phật Sở Hộ Niệm" là quyết định điềm lành đất chấn động ở trước. Điềm lành Phật nhập định đều bao gồm ở trong đó. Có người cho rằng đã đồng sẽ đồng, mà không cho là nay đồng. Căn cứ kinh văn nói: "Nay thấy điềm lành này cùng với xưa không khác", thì đây chính là nói đối với nay. Thế thì tại sao nói sáu điềm lành mà cho là đã đồng? Căn cứ văn đây gọi là nay đồng, cho nên giải thích ba thứ đồng.

Tụng có bốn mươi lăm hàng kệ, không tụng phần Suy nghĩ và Lược từng thấy đáp, chỉ tụng phần Rộng từng thấy đáp, và chỉ tụng trước, sau, không tụng giữa. Văn chia làm ba phần: Phần một: có hai hàng tụng thời tiết, danh hiệu, thuyết pháp đồng. Phần hai: từ "Lúc Phật chưa xuất gia" trở xuống, có ba mươi chín hàng kệ, tụng đức Phật sau cùng có ba thứ đồng. Phần ba: có bốn hàng tụng là quyết định đáp. Trong phần hai tụng ba thứ đồng, lại chia làm ba: Một: một hàng kệ, tụng việc từng thấy cùng nay đã đồng. Hai: mười lăm hàng rưỡi, tụng việc từng thấy cùng nay đang đồng. Ba: hai mươi hai hàng rưỡi, tụng việc từng thấy cùng nay sẽ đồng.

Từ "Phật thuyết kinh Đại thừa" trở xuống, mười lăm hàng rưỡi tụng hiện nay đồng, lại chia làm hai: Một: mười bốn hàng, tụng sáu điềm lành của cả hai cõi. Hai: từ "Bấy giờ bốn bộ chúng" trở xuống, một hàng rưỡi là tụng Bốn chúng ôm lòng nghi.

Trong mười bốn hàng kệ lại chia làm hai phần: Một: bốn hàng kệ, tụng sáu điềm lành cõi này đồng, mà ở phần trường hàng thiếu câu "Trống trời tự nhiên vang" là tiêu biểu không ai hỏi mà đức Phật tự thuyết. "Hiện các việc hi hữu" tức tổng tụng các điềm lành. Hai: từ "Ánh sáng chiếu phương Đông" có mười hàng tụng ở cõi khác sáu điềm lành đồng. Văn trường hàng chỉ nói: "Như nay đang thấy ở cõi Phật đây", văn xuôi thì lược, tụng thì rộng. Văn này chia làm năm phần. Phần một: ba hàng tụng thấy chúng sinh trong sáu đường đồng. Phần

hai: từ “Lại thấy các Như Lai” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thấy Phật đồng. Phần ba: từ “Thế Tôn trong đại chúng” trở xuống, nửa hàng, tụng nghe Phật thuyết pháp Đốn giáo bảy thiện đồng. Phần bốn: từ “Mỗi mỗi các cõi Phật” trở xuống, ba hàng, tụng thấy các vị tam thừa như Thanh văn v.v... tức là đức Phật xưa khai pháp Tiệm giáo đồng. Phần năm: từ “Lại thấy các Bồ-tát” trở xuống, hai hàng, tụng thấy các thứ nhân duyên tu hành Bồ-tát, tức là tụng khai giáo Phương đẳng Bát-nhã đồng. Phần một gồm ba hàng, như văn. Phần hai gồm một hàng rưỡi, giải thích. “Tự nhiên thành Phật đạo”, phương tiện đạo thì là gia tâm tu tập, phát chân thật đạo tức là không cần dụng công, chỉ tùy thuận sự tự nhiên của các pháp mà vẫn phù hợp với lí tánh. Căn cứ theo bốn giáo có thể biết...

Hỏi: Phát sinh đạo chân thật ấy nếu tự nhiên, thì đâu cần chư Phật thuyết pháp?

Đáp: Như thuyền thuận dòng, nếu gặp gió lại thêm sức chèo thì nhanh chóng đến nơi. Gió dụ cho thấy Phật nghe pháp. Chèo dụ cho sự tu hành. Thí dụ như hàng Sơ quả nhậm vận bảy phen sinh trở lại, nếu được gặp Phật gia công tu hành thì chỉ còn một hoặc hai phen sinh trở lại rồi đắc đến quả vô học... “Tự nhiên thành Phật đạo” là báo thân, lưu ly” là pháp thân vốn tịnh, “kim tượng” là ứng vật hiện hình. “Thế Tôn trong đại chúng, diễn bày nghĩa pháp sâu”: nửa hàng này nhờ pháp mà biết căn cơ người. Pháp đã sâu xa mầu nhiệm hẳn biết nhất định là chuyển căn cơ Đại thừa khai Đốn giáo. Đây là tụng phần văn: “Thuần nhất không tạp, bảy điều thiện” bên trên.

Ba hàng kết từ “Mỗi mỗi các cõi Phật, chúng Thanh văn vô số” trở xuống, tức nhờ người mà biết pháp. Người đã là Nhị thừa, ắt biết khai Tam tạng thuyết, tức là tụng văn xuôi: “vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp tứ đế” bên trên. Tuy không tụng Duyên giác nhưng gồm nhiếp trong đó. “Hành thí nhẫn nhục đẳng”, “đẳng” là chỉ bốn độ kia vậy. Một hàng tụng đây là nói về lục độ Đại thừa bên trên. “Lại thấy hàng Bồ-tát, thâm nhập các thiền định” trở xuống, hai hàng là phần năm: tụng thấy hàng Bồ-tát các cõi khác và các thứ nhân duyên tín giải tướng mạo, lược không tụng đáp việc xây tháp bên trên. Văn trên không thấy tướng Pháp Hoa ở các cõi khác. Tiếp đây là thấy xây tháp, nay đáp thấy tướng Pháp Hoa xuất hiện, cho nên việc nhập diệt xây tháp sau sẽ đáp. Từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” trở xuống, một hàng rưỡi: nhắc lại sự nghi ngờ của bốn chúng ở cõi Phật xưa, như văn.

Từ “Đấng người trời kính thờ” trở xuống, hai mươi hai hàng rưỡi,

tụng việc từng thấy cùng nay sẽ đồng. Văn chia làm sáu phần: Một là: hai hàng hai câu, tụng người nhận ủy thác đồng. Hai là: "Liền thuyết kinh Pháp Hoa" một câu, tụng thuyết pháp đồng như trên. Ba là từ "Đủ sáu mươi tiểu kiếp" trở xuống, một hàng và một câu, tụng thời tiết đồng. Ước tính trí tuệ trải qua các kiếp lâu dài không thể nghĩ bàn, mà suốt thời gian này Diệu Quang đều thọ trì pháp của Phật xưa, cũng như Thân-tử thọ nhận sự phó chúc của đức Phật Thích-ca. Bốn là từ: "Phật thuyết Kinh Pháp Hoa" trở xuống năm hàng, tụng trên là xướng diệt đồng, tức đáp ý chư Phật các cõi nhập diệt ở bên trên. Theo văn đây có xướng diệt có chúc lụy. Chúc lụy như kinh Di Giáo. Có thương xót khóc lóc như trong kinh Niết-bàn. Có an ủi vỗ về cũng như trong kinh Di Giáo, người đắc độ thảy đều được độ, người chưa được độ thì tạo nhân duyên được độ, cũng như đức Phật đây sẽ giao phó cho Di-lặc... Năm là từ "Đức Tạng Bồ-tát đây", trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thọ ký bên trên. Sáu là từ "Đêm đó Phật diệt độ" trở xuống, mười hai hàng, tụng lưu thông kinh bên trên. Phần này lại chia làm năm. Một là: Có hai hàng tụng thời gian sau khi Phật diệt độ, bốn chúng được lợi ích như ở trên. "Như củi hết lửa tắt", theo Tiểu thừa, thì Phật lấy thân quả báo làm củi, trí tuệ làm lửa, tuệ y cứ báo thân, thân diệt trí mất. Theo Đại thừa, thì Phật lấy căn cơ làm củi, ứng hợp làm lửa, chúng sinh căn cơ hết thì ứng hình cũng diệt. "Lại càng thêm tinh tấn", nên dùng diệt độ để độ người. Hai là từ: "Diệu Quang Pháp sư ấy" có hai câu, tụng người năng hoằng hóa kinh bên trên. Ba là từ "Trong tám mươi tiểu kiếp" có hai câu, tụng thời gian thuyết kinh. Bốn là từ "Tám vị vương tử ấy" có tám hàng tụng đệ tử được lợi ích, lại chia làm hai phần: Ba hàng đầu tụng đệ tử đã thành Phật. Năm hàng kế tiếp từ "Diệu Quang Pháp sư đó" trở xuống, tụng đệ tử sẽ thành Phật. Năm là từ "Sau Phật kia diệt độ" có một hàng, tụng kết hợp xưa nay. Bốn hàng kệ sau, xưa gọi là kết thành khiến vạn vật ngưỡng mộ, nay giải thích không như vậy.

Văn trường hàng trên có Phân minh phán đáp, tức văn tụng này. Văn chia làm ba:

1. Từ "Ta thấy Phật Đăng Minh" trở xuống, có một hàng, tụng lại văn trên "sẽ thuyết kinh Đại thừa".

2. Từ "Tướng nay như điềm xưa" trở xuống, hai hàng tụng văn trên: "giáo Bồ-tát pháp".

3. Từ "Các người cầu tam thừa" trở xuống, một hàng tụng văn trên: "được Phật hộ niệm", xem văn có thể biết. Lại, trước ngài Di-lặc giải thích bốn phục nạn khiến cho Văn-thù ắt phải có đáp, trong đó là

Văn-thù đoạn trừ bốn phục nghi, khiến cho Di-lặc chẳng hỏi lại nữa. Nghi thứ nhất: Nhân Văn-thù rộng dẫn đức Phật trước từng thuyết kinh Pháp Hoa, cho nên Di-lặc ngầm nghi muốn hỏi : "Chư Phật phó duyên cho người thời đều có sự sai khác. Cổ Phật tuy nói tên Pháp Hoa, Phật nay đâu hẳn giống như thế?" Văn-thù liền dùng bài kệ thứ nhất để đoạn nghi: "Tôi thấy Phật Nhiên Đăng, điềm sáng trước như thế", cho nên biết Phật nay, muốn thuyết kinh Pháp Hoa, đây là đoạn nghi câu hỏi về tên kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi, vì có tên đồng nghĩa đồng, và có tên đồng mà nghĩa khác, tên đây hiển bày loại nào? Văn-thù liền dùng bài kệ thứ hai để đoạn, rằng: "Tướng nay như điềm xưa, là phương tiện của Phật, nay Phật phóng ánh sáng, giúp bày nghĩa thật tướng". Đây là trả lời câu hỏi để đoạn nghi về thể của kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi: "Thật tướng vô tướng, người làm sao hiểu?" Văn-thù liền dùng bài kệ thứ ba để đoạn nghi: "Các người nay nên biết, chấp tay một lòng chờ, Phật sẽ rưới mưa pháp, đầy đủ người cầu đạo", đây là trả lời câu hỏi để đoạn nghi về tôn chỉ Kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi: "Phật rưới mưa pháp chỉ thấm ướt Bồ-tát, cũng thấm ướt Nhị thừa ư?" Văn-thù liền dùng bài kệ thứ tư để đoạn nghi: "Các người cầu Tam thừa, nếu có chỗ nghi ngờ, Phật sẽ dứt trừ cho, khiến hết không còn thừa". Đây tức trả lời câu hỏi để đoạn nghi về dụng. Di-lặc liên tiếp gây sự nghi, Văn-thù nhiều lần đoạn sự phiền nhiễu ấy, đã sự cùng lý tận tức được yên lòng. Có thể gọi là khéo léo trong việc vấn đáp, cả hai thứ trang nghiêm.

Ngài Quang Trạch chỉ biết thuật lại. Kiếm sư giải thích bốn thứ phục nạn, khiến Văn-thù cần phải trả lời, làm nổi bật sự khéo léo của Di-lặc mà không thấy Văn-thù giải thích bốn phục nghi khiến Di-lặc không thể hỏi tiếp bởi vì ngưỡng mộ tài năng của Diệu Đức (tức Văn-thù). Nghĩa này rút ra chính từ Tổ Thiên Thai, không phải được truyền từ sớ khác. Như bảo với các Hiền giả đời sau đừng ngăn cản người có khả năng phát triển nghĩa thêm. Từ ngài Kiếm sư về sau trong vài trăm năm, người giảng Pháp Hoa nhiều vô số, có thể có người thấy được ý này chưa? Nếu chưa, thì làm sao phát triển?!

Phẩm Thứ 2: **PHẨM PHƯƠNG TIỆN**

Giải thích phẩm này có lược có rộng.

I. LƯỢC chia làm hai:

1. Tóm lược.

2. Liệu giản.

Thứ nhất: Tóm lược: "Phương" là pháp, "Tiện" là dụng. Pháp thì có vuông tròn. Dụng thì có cơ hội khác nhau. Tam quyền là khuôn phép là vuông. Nhất thật là khuôn tròn là tròn, nếu trí hướng đến khuôn phép vuông, thì khéo dùng thiên pháp hợp cơ duyên chúng sinh. Nếu trí hướng đến khuôn tròn, thì khéo dùng viên pháp hợp cơ duyên chúng sinh.Ví như theo ngón tay chỉ một phía, thì chỉ thấy một phía, đó là nêu thiên pháp dùng mục trí, tức là dùng Pháp để giải thích "Phương", đem Dụng để giải thích "Tiện". Nếu chỉ chung hết cả, thì thấy khắp chỗ viên mãn, tức là đem pháp bí mật để giải thích "Phương", đem Diệu để giải thích "Tiện". Nêu pháp thiên lệch để giải thích "phương tiện", là vì chúng sinh ham muốn chứ chẳng phải bản hoài của Phật. Như kinh dạy: "khiến lìa các chấp đắm vượt khổ trong ba cõi". Thế nên, Như Lai ân cần xưng tán phương tiện. Nghĩa đây có thể giải thích ý các kinh khác, không phải ý phẩm này. Lại phương tiện là môn vậy. Môn gọi là năng thông, thông các sở thông. Phương tiện quyền lược đều là giả dẫn. Vì chân thật mà làm môn, để chân thật được hiển bày, thế thì công do phương tiện. Từ năng hiển mà được tên, cho nên dùng môn mà giải thích phương tiện. Như kinh "khai phương tiện môn, chỉ bày tướng chân thật", nghĩa này có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải ý phẩm này. Lại, "Phương" là bí mật, "Tiện" là diệu. Diệu đạt nơi phương, tức là chân thật bí mật. Dạy bảo : Hãy nhận "hạt châu vô giá trong áo lót" (nội y lý vô giá chi châu). Hạt châu này cùng với hạt châu trên đỉnh đầu của vua, chỉ là một, không hai không khác. Chỉ gã cùng tử và bảo với mọi người rằng: Hắn là con ông Trưởng giả, không hai không khác. Nói như thế, là bí mật là diệu. Như kinh nói: "Chỉ có ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng như vậy". "Thôi thôi! không cần nói nữa, pháp của ta vi diệu khó hiểu". Cho nên, dùng nghĩa Bí mật để giải thích "Phương", dùng nghĩa Diệu để giải thích "Tiện", chính là ý của phẩm này, cho nên nói "phẩm Phương Tiện".

Thứ hai: Giải thích, có ba bước: Ban đầu giải thích là "Phương tiện ngoài thể", quyền hóa vật, tùy theo ý người khác mà nói. Tiếp đến, giải thích cũng là "Phương tiện ngoài thể", quyền tự hành hóa tha, tùy theo

ý mình và ý của người khác mà nói. Sau, giải thích là “Đồng thể phương tiện”, tức là quyền tự hành, chỉ theo ý của mình mà nói.

Ban đầu, giải thích Phương tiện chẳng phải năng nhập chẳng phải sở nhập. Tiếp đến, giải thích Phương tiện là năng nhập, chẳng phải sở nhập. Sau, giải thích Phương tiện là sở nhập chẳng phải năng nhập. Cho nên, phải biết rằng tên tuy đồng mà nghĩa thì hoàn toàn khác. Người đời phần nhiều không thấy ý này, mà chỉ rộng thích phẩm Phương Tiện.

Hỏi: Phương tiện cùng với quyền, là thế nào?

Đáp: có bốn câu phân biệt:

1. Tự có phương tiện phá quyền.
2. Quyền phá phương tiện.
3. Phương tiện tu quyền, quyền tu phương tiện.
4. Phương tiện tức quyền, quyền tức phương tiện.

Phương tiện phá quyền: bốn thứ đều là phương tiện bí mật vi diệu, phương tiện này phá quyền tùy theo ý người khác. Quyền phá phương tiện: quyền là quyền đồng thể, phá phương tiện ở ngoài thể. Tương tu ấy cũng có thể hiểu. Tương tức ấy cũng có thể hiểu. Ba câu đầu có thể giải thích kinh khác, câu thứ tư là ý phẩm này. Cho nên kinh Chánh Pháp Hoa gọi là Phẩm Thiện Quyền. Quyền tức phương tiện, không hai không khác. Cúi đầu, giơ tay, đều thành Phật đạo. Phương tiện thiện quyền đều là chân thật.

II. GIẢI THÍCH RỘNG: Trước hết nêu ra xưa giải thích năm thời quyền thật, mười hai năm trước chiếu sự vô thường là quyền, chiếu lý vô thường là thật, chỉ A-tỳ-đàm. Nay cho rằng Thích luận phá vô thường là pháp đối trị ,đều thuộc tam Tất-đàn. Sao nói có thật ư ? Chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Sau mười hai năm thì Bát-nhã chiếu “giả có” là quyền, chiếu “giả có tức không” là thật, Thích luận cũng phá nghĩa này, quán niệm tưởng đã trừ, pháp ngôn ngữ đều diệt. Chiếu “giả có tức không”, thì cũng như quán tưởng đó thôi, chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp theo là kinh Tịnh Danh và kinh Tư Ích: bên trong thì tranh luận, soi rõ “hai cảnh Không và Có” làm thật trí, bên ngoài thì biến động ứng dụng làm quyền trí. Nay nói rằng: “bên trong xem xét, bên ngoài ứng dụng” là hai, chẳng phải nhập môn bất nhị, chẳng phải chổ dùng của kinh này. Tiếp nữa Pháp Hoa chiếu Tam tam (Tam nhân, Tam cơ, Tam giáo) là quyền, chiếu Tứ nhất là thật (Tứ nhất: giáo nhất, hành nhất, nhân nhất, lý nhất). Nay cho rằng tam quyền nhất hướng không hội nhập thật, nhất thật không liên quan đến tam quyền, cũng chẳng phải chổ dùng của kinh này. Tiếp, kinh Niết-bàn thì cho rằng

"vô thường trước Kim Cang" là quyền, và "thường sau Kim Cang" là thật. Nay nói: "đạo tiền chân như" cũng là thường, "đạo hậu như lượng trí" cũng là quyền. Năm thời quyền thật đó chẳng phải chổ dùng của kinh này. Cho đến hai trí Quyền Thực bán mãn mà bốn tông chỉ đã nói, không phải chổ dùng của kinh này. Lại có người giải thích: phương tiện là quyền, "như vậy thật" là đúng thật. Lại, phương tiện là quyền xảo, thật là trí tuệ. Lại, phương tiện là quyền giả, giả ba xe ở ngoài cửa. Lại, phương tiện là quyền nghi, vì thích nghi thuyết tam thừa. Lại, quyền là tên gọi của Thí dụ. Thí dụ như quả cân, trước là phép tắc, ở chổ coi trọng (nó) vẫn là phép tắc, ở chổ coi nhẹ (nó) vẫn là phép tắc,bình thường, hợp với Phật trí chiếu soi quan sát xứng lượng. Các giải thích như vậy, mỗi mỗi dùng một cách. Quyền như vậy, quyền giả thì căn cứ xứ sở. Quyền nghi thì theo pháp môn. Quyền xảo ví như quả cân, dựa theo trí năng. Tất cả cách giải thích đó thì nghĩa không bao hàm, không dung thông vi diệu, không thể dùng để giải thích phẩm này.

Lại, có người dùng bốn loại nhị tuệ: Loại một: một là quyền, một là thật. Loại hai: hai trí quán Không và Có: quán Không, thì chẳng chứng, lìa Nhị thừa; quán Có thì chẳng nhiễm, ra khỏi phàm phu. Loại ba: "tĩnh lặng bên trong cái Không và Có" là thật, cái dụng bên ngoài là quyền. Loại bốn : Vô thường trước Kim-cang là quyền, Thường sau Kim-cang là thật. Hai tuệ đầu khiến sinh tín, hai tuệ thứ hai khiến sinh giải, hai tuệ thứ ba khiến hóa tha, hai tuệ thứ tư là quả. Các nhị tuệ này gồm có ba phen chuyển: Phen thứ nhất: coi Có là tục, Không là chân. Phen thứ hai: coi Không và Có là tục, phi Không phi Có là chân. Sau cùng Không và Có là nhị, phi Không phi Có làm bất nhị. Nhị và bất nhị, đều là tục, phi nhị phi bất nhị, là chân. Giáo trí cũng như thế. Vì sao vậy? Vì Vị nhân Tất-đàn, do có người trước nghe chẳng ngộ, sau nghe liền ngộ, cho nên nhị đế không đồng. Lại đức Như Lai thường nương nhị để mà thuyết pháp, cho nên nhị đế có ba môn. Lại, giáo lý Phật tuy nhiều mà không vượt ngoài ba môn. Lại, dần dần mà dẫn dắt chúng sinh. Bởi vì phàm phu chấp tâm hình là thật, cho nên dạy họ rằng tâm hình đó chẳng thật, mà pháp tánh Không mới là chân. Phàm phu liền xả Có chấp Không, nên Phật dạy Không và Có đều là tục, phi Không phi Có mới là chân. Họ xả nhị biên, lại đắm Trung đạo, cho nên lần thứ ba dạy viễn ly nhị biên không chấp đắm Trung đạo, mới là chân. Đây gọi là ngũ thừa nhân. Ban đầu dẫn phàm phu sinh tín lìa chấp Có, tiếp đến dẫn Nhị thừa khiến nhập Trung đạo. Tiếp nữa, dẫn Bồ-tát khiến Trung đạo thiên kiến đều xả. Lại, vì người học Trung đạo mà nói ba

giả là thế tục, ba giả Không là chân, đây chỉ hiểu được ý ban đầu. Tiếp đến, chẳng phải ba thứ Giả, Không, Có, đều là tục, chẳng phải Không chẳng phải Có là chân... Nay nói rõ giải thích như thế là bên cạnh ngũ thời mà hiển bày ý mình, là từ chối từng bước leo lên các bậc thang, là không hợp lý vậy! Có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải ý của phẩm này.

Kinh dạy: "Đều khiến cho chúng sinh thảy đều nhìn thấy". Dù trước hay sau lúc nào mà khai ngộ không đồng? Lại nói "chính trực xả phương tiện", thì sao lại dùng tiệm thứ (dần dần) hợp với viên diệu? Lại nữa, ban đầu dẫn sinh tín, sinh giải, hóa tha, quả... đâu có liên quan gì đến ý ngộ nhập của kinh này? Như ngài Thiên Thân nêu mười bảy tên gọi, tên gọi thứ mười ba là Đại Xảo Phương Tiện. Lại, Kinh Đại Thừa Phương Tiện nêu tên của mười thứ phương tiện, tên thứ chín là Thiện xảo phương tiện, chuyển đổi nhị thừa khiến nhập Đại thừa phương tiện Ba-la-mật. Nên biết phẩm này chính là Như Lai phương tiện, thâu nhiếp hết thảy pháp, như hư không bao trùm sắc, như biển thâu nạp các dòng. Há có thể lấy một nhánh một phái của các sư mà giải thích toàn bộ pháp giới? Nay nêu rõ quyền thật, trước hết làm bốn câu: tất cả pháp đều là quyền, tất cả pháp đều là thật, tất cả pháp cũng quyền cũng thật, tất cả pháp phi quyền phi thật. Tất cả pháp đều là quyền: Như văn nói: "Các pháp tướng như vậy, tướng như vậy, thể như vậy, lực như vậy, bản mạt... như vậy", do đó có nói thì đều là quyền. Tất cả pháp đều là thật: Như văn: "Như Lai khéo thuyết các pháp, lời lẽ êm dịu làm vui đẹp lòng chúng". Lòng chúng lấy hội nhập thật làm vui. Lại, "Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng". Lại nói: "Những lời Như Lai thuyết đều đạt đến Nhất thiết trí địa". Lại nói: "đều thật, không hư dối". Lại bốn câu trong Đại kinh đều là bất khả thuyết. Tất cả pháp cũng quyền cũng thật: Như văn nói: "Các pháp như thật tướng", là nêu cả hai tất cả cũng quyền cũng thật. Thí dụ như quán bất tịnh, cũng quyền cũng thật...

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3
(Phần Hạ)

Tất cả pháp phi quyền phi thật: Văn nói "Không như không dị", lại nói "Cũng không hành pháp thượng trung hạ, pháp hữu vi vô vi, thật không thật". Không hư không thật, là như thật tướng. Nếu tất cả pháp đều quyền, thì có pháp nào mà không phá? Dù khiến trăm ngàn vị sư, mỗi một vị sư tạo trăm ngàn thứ thuyết, cũng đều là quyền. Những điều Như Lai thuyết, cũng là quyền, huống là thầy của con người thuyết thì đâu được chẳng quyền? Như trước đã nói cái gì nêu ra đều là quyền. Nếu tất cả pháp đều thật, thì có chỗ nào mà không phá? Chỉ một sự này thật, có cái thứ hai nào khác thì không phải chân. Chỉ một đạo cứu cánh, đâu được nhiều đạo cứu cánh! Như trước nêu, các sư đều phá nhập thật, đâu lại giữ gìn sào huyệt kia ư? Nếu tất cả pháp cũng quyền cũng thật, thì có pháp nào mà không phá? Tất cả đều có quyền có thật, đâu được tự cho là một đường chẳng phải đường khác, hiểu khác. Trong mỗi một pháp đều có quyền thật, không được hoàn toàn quyền hoàn toàn thật. Nếu tất cả pháp phi quyền phi thật, thì có pháp nào mà không phá? Sao lại phân vân, gượng sinh mà kiến lập pháp? Dù chỉ diễn tả theo lệ thường mà còn như đây, xa xem sự mầu nhiệm rộng rãi mênh mông sáng suốt theo như đây, huống chi luận về chỉ thú ư! Nay căn cứ câu "có quyền có thật" lại chia làm mười pháp. Trong mười pháp làm tám phen giải thích:

1. Nêu tên mười pháp.
2. Sinh khởi.
3. Giải thích.
4. Dẫn chứng.
5. Kết mười pháp làm ba thứ quyền thật.
6. Phân biệt ba thứ quyền thật chiếu ba thứ nhị đế.
7. Căn cứ các kinh xét quyền thật.
8. Căn cứ Bản Tích xét quyền thật.

1. Nêu tên mười pháp: Sự lý, lý giáo, giáo hạnh, phược thoát, nhân quả, thể dụng, tiệm đốn, khai hợp, thông biệt, Tất-đàn, tức là mười thứ danh.

2. Sinh khởi: Từ gốc Vô trụ mà lập tất cả pháp. Vô trụ là lý, tất cả pháp là sự. Có lý sự, cho nên có giáo. Do giáo cho nên có hạnh. Do hạnh cho nên có phược thoát. Do thoát cho nên thành nhân quả. Do quả cho nên hiển bày thể dụng. Do có dụng cho nên có giáo hóa tiệm đốn. Do khai tiệm đốn cho nên có khai hợp. Do có khai hợp cho nên có lợi ích thông biệt. Do phân biệt hai thứ lợi ích cho nên có tứ Tất-đàn. Đó gọi là mười chương thứ tự...

3. Giải thích: Lý là chân như, chân như vốn tịnh, dù có Phật hay không Phật thì nó vẫn thường không biến đổi, nên gọi lý là thật. Sự là các tâm ý thức khởi tịnh, bất tịnh nghiệp. Vì biến động bất định, nên gọi sự là quyền. Nếu không có lý, thì không thể lập sự. Nếu không có sự, thì không thể hiển lý. Sự có công hiển lý, cho nên ân cần xưng tán phương tiện. Lý giáo, gộp chung lý sự trước đều gọi là lý, thí dụ như chân tục đều gọi là đế, thể của chư Phật mà được thành Thánh, Thánh là chánh thật vậy. Muốn dùng pháp mình mà độ chúng sinh, nhân lý mà thiết lập giáo, giáo tức quyền. Không có giáo thì không thể hiển rõ lý. Hiển lý do giáo, vì vậy cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện...

Giáo hạnh: y giáo cầu lý thì sinh chánh hạnh. Hạnh có tiến thú sâu cạn sai khác, cho nên hạnh gọi là quyền. Giáo không có tiến thú sâu cạn sai khác, cho nên giáo gọi là thật. Không có giáo, thì không thể lập hạnh. Không có hạnh thì không hội nhập giáo.Hội nhập giáo do hạnh, cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện...

Phược thoát: Hạnh trái lý thì bị phược (trói buộc). Phược là hư vọng, cho nên gọi là quyền. Hạnh thuận lý thì sinh giải thoát. Giải trừ ngu tối về lý, nên gọi là thật. Không có phược, thì không do đâu mà cầu thoát. Được thoát do phược. Như nhờ vào tử thi vượt qua biển, tử thi có sức cứu giúp ta đến bờ, cho nên khen ngợi phương tiện.

Nhân quả: Nhân có tiến thú tạm thời dùng, cho nên gọi là quyền. Quả có đích cuối cùng thành tựu vĩnh viễn chứng cho nên gọi là thật. Không có quả, thì nhân không có chỗ trông mong. Không có nhân, thì quả không tự hiển bày. Đó là lấy hai loại quán làm phương tiện đạo. Đoạn Hoặc thành nhân, được nhập quả Trung đạo giải thoát. Nếu không có hai loại quán thì làm sao khế hợp với Trung đạo? Quả do nhân mà thành, nên khen ngợi phương tiện.

Thể dụng: Trước phương tiện là nhân, chánh quán nhập trụ là quả,

trụ xuất là thể dụng. Thể tức thật tướng, không có phân biệt. Dụng tức lập tất cả pháp sai khác không đồng. Như đất sinh ra hạt giống, chẳng phải đất thì không thể sinh được, không sinh thì chẳng thể hiển bày. Dựa vào dòng mà được nguồn, nhờ dụng mà biết thể. Dụng có công hiển thể, cho nên khen ngợi phương tiện.

Tiệm đốn: Tu nhân chứng quả, từ thể khởi dụng đều có tiệm đốn. Nay nêu khởi dụng. Dụng tiệm là quyền dụng, đốn là thật. Nếu chẳng có tiệm dẫn, thì không do đâu nhập đốn. Từ tiệm mà đắc thật, cho nên khen ngợi phương tiện.

Khai hợp: Từ đốn khai tiệm, tiệm tự nó không hợp cũng không hợp đốn, cho nên gọi là quyền. Tiệm khiến cứu cánh trở lại hợp với đốn, cho nên gọi là thật. Do khai cho nên hợp. Khai có lực hợp từ khai mà thọ tên, cho nên khen ngợi phương tiện.

Thông biệt lợi ích: Thông thì bán tự chữ lợi ích vô thường. Biệt thì mãn tự lợi ích thường trụ. Nhưng "Thường" giúp ích cho đạo tăng trưởng, tâm hoan hỉ thì không còn ý muốn thoái lui, cho nên dùng hóa thành để tiếp dẫn, làm cho chúng sinh tưởng là an ổn, rồi sau khi dừng ở hóa thành thì dẫn đến bảo sở.Nếu không có lợi ích của "bán" thì không hợp với thường."Bán" có công hiển bày "mãn" cho nên khen ngợi phương tiện.

Tứ Tất-đàn: Ba thứ Tất-đàn thuộc thế gian, thì gọi là quyền. Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thuộc xuất thế gian, cho nên gọi là thật. Không có thế gian thì không có xuất thế gian, do ba thứ Tất-đàn mà được Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, vì vậy cho nên Như Lai khen ngợi phương tiện. Phải dùng bốn câu giải thích mười phen về quyền thật. Ba phen là ý của các kinh khác, một phen là ý của phẩm này v.v...

4. Dẫn chứng: Mười nghĩa này thông cả Đại thừa, Tiểu thừa giáo, thông suốt tất cả pháp. Lại dẫn kinh này, "không như ba cõi mà thấy ba cõi", "ba cõi" là sự, "không như ba cõi mà thấy" là lý. Các pháp vắng lặng không thể nói, là lý. Dùng sức phương tiện vì năm Tỳ-kheo mà thuyết, gọi là giáo. Nếu nghe kinh này khéo thực hành Bồ-tát đạo thì chứng giáo hạnh. Lại, việc các ông hành trì là Bồ-tát đạo, Phật tử hành đạo rồi đời sau được làm Phật. Lại, dùng các thứ nhân duyên mà cầu Phật đạo. Chỉ lìa hư vọng, gọi là giải thoát, chưa đắc nhất thiết giải thoát, tận hành tất cả đạo pháp của chư Phật thì nơi đạo tràng được thành quả... Ta dùng Phật nhãn xem thấy chúng sinh trong sáu đường, ban đầu thấy thân ta nghe ta thuyết pháp thảy đều tín thọ nhập Như Lai tuệ, trừ bỏ sự tu tập học theo Tiểu thừa trước kia v.v...

Cùng tử ban đầu trốn đi, thời gian giữa làm khách làm người hốt phân, sau cùng được giao phó gia tài; ban đầu dừng nơi hóa thành sau dẫn đến bảo sở; các thứ ham muốn, các thứ tánh tướng ức niệm... đây là dẫn thông suốt một bộ kinh để làm chứng. Nay riêng dẫn một phẩm, tuy không theo thứ lớp mười phần đầy đủ. "Trí tuệ chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí tuệ ấy khó hiểu, khó nhập", tất cả cảnh trí sự lý ấy đều gọi là thật, thiết lập giảng giải rõ A-hàm ngôn giáo đều là trí tuệ môn. Đây là dùng chứng lý giáo mà luận quyền thật. "Khó hiểu khó nhập, hết thảy Thanh văn Bích-chi-phật không thể biết được" tức là dùng phược thoát mà luận quyền thật. "Sở dĩ vì sao? Phật từng gần gũi danh tốt vang khắp" tức là dùng giáo hạnh mà luận quyền thật. "Thành tựu pháp rất sâu... ý thú khó hiểu" tức dùng thể dụng mà luận quyền thực. "Ta từ khi thành Phật đến nay", thành Phật tức là quả, quả ắt có nhân, tức là dùng nhân quả mà luận quyền thật. "Dùng các thứ nhân duyên thí dụ.... khiến cho xa lìa lòng chấp" tức là dùng tiệm đốn mà luận quyền thật. "Sở dĩ vì sao? Vì Như Lai đã đầy đủ phương tiện tri kiến" tức là dùng khai hợp mà luận quyền thật. "Chư Phật vì đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời, vì muốn chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật", đó là dùng lợi ích mà luận quyền thật. "Tóm yếu mà nói.... Phật thảy đều thành tựu" tức là tam Tất-đàn thành tựu. "Thôi, thôi! Không cần nói nữa" tức là đệ Nhất nghĩa Tất-đàn. Đó gọi là dùng tứ Tất-đàn mà luận quyền thật. "Sở dĩ vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có bậc nhất mà Phật thành tựu... thật tướng của các pháp" tức là lý. "Nghĩa là các pháp tướng như vậy..." tức là sự. Đó gọi là dùng lý sự mà luận quyền thật. Một đoạn trường hàng đây nêu rõ năm quyền thật của Phật, mỗi mỗi Phật đều như vậy. Song, Pháp Hoa luận giải thích: Trí tuệ của chư Phật rất sâu, vì chứng rất sâu. Rất sâu thậm thâm có năm: Nghĩa, Thật thể, Nội chứng, Y chỉ, Vô thượng. Vô thượng thậm thâm, nghĩa là chứng đại Bồ đề. Gọi "trí tuệ môn" vì thuyết nghĩa A-hàm thậm thâm, đây cùng lý giáo quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: "Phật từng gần gũi trăm ngàn đức Phật" là tu hành thậm thâm, "dũng mãnh tinh tấn danh tốt vang khắp" là tăng trưởng công đức thậm thâm. Đây cùng giáo hạnh quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: "thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có" là sự vi diệu thậm thâm, "ý thú khó hiểu" là vô thượng thậm thâm nhập thậm thâm. Đây cùng thể dụng quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: "Ta từ khi thành Phật đến nay" vì thuyết pháp thành tựu công đức Như Lai. Đây cùng nhân quả quyền thật, ý đồng. Luận giải thích: "Vô số phương tiện" tức là giáo hóa thành tựu, thuyết pháp thành tựu. Đây cùng tiệm đốn quyền

thật, ý đồng, Luận giải thích: Như Lai phương tiện tri kiến .... thâm nhập không giới hạn, là tự thân thành tựu cảnh bất khả tư nghì, hơn hẳn hết thảy các Bồ-tát. Đây là nêu lợi. Luận giải thích: “Có thể phân biệt các món, làm vui lòng chúng...” là ngôn ngữ thành tựu. Đây là ích; cùng với lợi ích quyền thật,ý đồng. Luận giải thích: “Tóm yếu mà nói đó.... Thôi! Chẳng cần nói” là có thể hóa độ chúng sinh thành tựu, đây cùng tứ Tất-đàn phân biệt có thể hóa và không thể hóa độ, ý đồng. Luận giải thích: “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận” là vô lượng phước thành tựu. Chư Phật có thể biết, nghĩa là thể pháp thân Như Lai bất biến, cho nên gọi là giác, năng tự chứng thành tựu, năng tùy thuận chúng sinh. “Thuyết hết thảy các pháp tướng...” đây cùng lý sự quyền thật, ý đồng. Luận kia giải thích kinh Phật, sớ này sâu xa hợp với nhị thánh. Có thể nói rằng cùng Tu-đa-la, U-ba-đề-xá đều phù hợp.

5. Kết quyền thật: Mười thứ này thông bốn giáo, hợp thành bốn mươi thứ quyền thật. Nếu trong Tam tạng mười pháp tự chứng gọi là tự hành quyền thật. Mười pháp hóa tha đều hợp, là quyền, mười pháp tự hành đều hợp, là thật, gọi là tự tha quyền thật. Đối với ba giáo còn lại thì mười pháp xếp thành ba thứ quyền thật cũng như vậy. Lại ngay nơi giáo mỗi mỗi đều dùng bốn thứ: sự lý, giáo hạnh, phược thoát, nhân quả làm tự hành quyền thật, đều dùng hai loại lý giáo, khai hợp làm hóa tha quyền thật, đều dùng bốn thứ thể dụng, tiệm đốn, thông biệt, Tất-đàn... làm tự tha quyền thật. Danh kia tuy đồng mà nghĩa kia đều khác. Biệt kết: tam giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đương phần đều là hóa tha quyền thật, vì tùy tha ý nói. Viên giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đương phần đều là tự hành quyền thật, vì tùy tự ý nói. Hóa tha cả ba đều gọi là quyền, tự hành đều gọi là thật.

Tiếp đến kết thành bốn câu: tùy tha ý nói, tức hết thảy pháp quyền; tùy tự ý nói, tức hết thảy pháp thật, chọn cả hai, thì hết thảy pháp vừa quyền vừa thật, cả hai đều phi, thì hết thảy pháp chẳng quyền chẳng thật.

Tiếp đến là kết thành ba phen giải thích phẩm: Nếu tự hành tự ý: kinh này gọi là “Pháp chứng nơi đạo tràng”. Đại kinh nói: “Do tu đạo đắc”. Nhiếp Đại Thừa luận gọi là: Như lý, như lượng trí. Đều là Viên giáo tự hành quyền thật, tùy tự ý nói. Đức Phật tuy có thể đối với pháp bất khả thuyết này mà phương tiện năng thuyết, còn chúng sinh thì không kham nổi. Nếu phát chẩn riêng thuyết pháp này, áp dụng cho chúng sinh thì không thể được, cho nên nói bất khả thuyết bất khả thuyết. Lại, sắp đặt sự này, lấy tự hành quyền thật và Biệt giáo quyền

thật cùng áp dụng cho chúng sinh, thì chỉ người đại cơ lợi, thì đắc ngay, người độn cơ thì quanh co mới đắc, hàng tiểu cơ lợi độn đều không đắc, đó là ý của Hoa nghiêm. Lại, sắp đặt sự này, riêng dùng Tam tạng quyền thật áp dụng cho chúng sinh thì người đại cơ lợi độn ngầm đắc mà hiển bày không đắc, tiểu cơ lợi độn chỉ bảo thủ tự chứng, thì cũng không đắc, đó là ý của Tam tạng. Lại, sắp đặt sự này, hợp dùng bốn thứ quyền thật và áp dụng cho chúng sinh thì người đại cơ lợi độn, trực tiếp gián tiếp đều đắc, người tiểu cơ lợi độn bảo chứng đều không đắc, đó là ý của Phương Đẳng. Lại,sắp đặt sự này, xả Tam tạng quyền thật, dùng ba thứ quyền thật và áp dụng cho chúng sinh thì đại cơ lợi độn đều đắc, tiểu cơ lợi độn bảo chứng đều không đắc, đó là ý của Bát-nhã. Lại, sắp đặt sự này, xả ba thứ quyền thật, riêng dùng Viên giáo tự hành quyền thật, áp dụng cho chúng sinh thì đại cơ tiểu cơ lợi độn đều đắc, đó là ý của Pháp Hoa. Trí tuệ của đức Như Lai thì không gì mà không thông đạt, biết rõ thời cơ thích nghi mà sử dụng. Cho nên giải thích tên phẩm này: “Phương” là các phương pháp, “tiện” là khéo dùng. Khéo dùng phương pháp khiến cho chúng sinh đắc, vì vậy nên ân cần khen ngợi phương tiện.

Lại nữa, Như Lai tự chứng quyền thật đều bất khả thuyết, thương xót chúng sinh mà nói tự chứng là quyền, làm môn, đối với vật chẳng thích nghi, chúng sinh không thể đắc nhập, cho nên tự chứng của Như Lai cũng bất khả thuyết. Nói Biệt quyền thật làm môn, người lợi căn được nhập người độn căn không nhập, đối vật chẳng thích nghi thì Biệt quyền thật cũng bất khả thuyết. Nói Tam tạng quyền thật làm môn, người lợi căn ngầm nhập, người độn căn cũng không nhập, đối với vật chẳng thích hợp thì cũng bất khả thuyết. Nói ba thứ hóa tha quyền thật làm môn, người lợi căn được nhập, người độn căn cũng không nhập, đối với vật chẳng thích nghi thì cũng bất khả thuyết. Nói hai thứ hóa tha quyền thật làm môn, đối với người lợi căn được nhập, độn căn cũng không nhập, cũng bất khả thuyết. Đối với vật chẳng thích nghi, xả ba thứ hóa tha quyền thật, chỉ nói tự hành là quyền, người lợi người độn đều được nhập, từ đầu đến cuối dùng phương tiện làm môn, cho nên Như Lai tán thán phương tiện. Giải thích tên phẩm rằng: “Phương tiện” là cửa để nhập thật, tức là ý đây vậy. Một phen trước là nêu Như Lai biết được phương tiện, dùng được phương tiện. Một phen này nêu hành giả có thể tùy thuận phương tiện v.v...

Lại nữa, Như Lai tự chứng tu đạo đắc hết thảy phương tiện, tức là chân thật, mà chân thật này bất khả đắc, bất khả thuyết. Tuy có thể

thuyết điều đó nhưng chúng sinh không có khả năng tức thật. Dùng sức phương tiện, ở chổ bất tức mà nói nhất tức. Người lợi thì năng tức, người độn thì chẳng năng tức. Lại, thuần thuyết nhất bất tức, người lợi thì ngầm tức, người độn thì bất tức. Lại, ở chổ tam bất tức mà thuyết nhất tức, người lợi thì năng tức, người độn thì bất tức. Lại, ở chổ nhị bất tức mà thuyết nhất tức, người lợi thì năng tức người độn thì bất tức. Lại, phế bỏ tam bất tức mà thuần thuyết nhất thiết tức, thì người lợi người độn đều năng tức, đối với phương tiện được thấy chân thật. Hai ý trên dùng phương tiện theo phương tiện, một ý này tức phương tiện tức chân thật. Chân thật tức viên nhân, viên nhân tức tự hành phương tiện. Như vậy tự hành phương tiện nay mới chứng nhập. Hãy giải thích tên phẩm rằng: “ Phương tiện “ tức là chân thật, từ nơi tự hành phương tiện mà đặt tên, cho nên nói “phẩm Phương tiện”.

6. Phân biệt chiếu đế: trước đã Thông Biệt đương phần kết thúc quyền thật, nay vẫn căn cứ trí chiếu này,về nghĩa thì dễ thấy. Nếu Thông dùng mười thứ nêu rõ tự hành hai trí, tức chiếu tùy trí nhị đế. Thông dùng mười pháp hợp duyên, tức chiếu tùy tình nhị đế. Nếu gom bốn làm hai, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Nếu sẽ phân ra chiếu đế thì Sự lý, Giáo hạnh, Phược thoát, Nhân quả đều là tự chứng, tức chiếu tùy trí nhị đế. Lý giáo, Khai hợp, hai thứ này thuộc hóa tha, tức chiếu tùy tình nhị đế. Bốn thứ: Thể dụng, Tiệm đốn, Thông biệt, Tất-đàn là thông tự tha, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Tam giáo chiếu đế, chuẩn theo đây có thể hiểu. Lại, Tam tạng có ba mươi thứ nhị trí, là hóa tha nhị trí, đều chiếu tùy tình nhị đế. Nếu Thông Biệt sáu mươi thứ, là tự tha nhị trí, tức chiếu tùy tình trí nhị đế. Thông giáo hoặc có khi cùng Tam tạng trước, cùng là tùy tình nhị đế. Nếu Viên giáo ba mươi thứ quyền thật là tự hành nhị trí, chiếu tùy trí nhị đế. Lại, Tam giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đều là hợp duyên, đều là hóa tha nhị trí, chiếu tùy tình nhị đế. Viên giáo hoặc Thông hoặc Biệt, đều là tự hành nhị trí, tức chiếu tùy trí nhị đế. Nếu buộc cái thật của tam giáo làm quyền, buộc cái quyền của Viên giáo làm thật, tức tự tha nhị trí, chiếu tùy tình trí nhị đế.

7. Căn cứ các kinh để luận quyền thật: Kinh Hoa Nghiêm luận về giáo chỉ là mãn tự, luận thời chỉ là vị Sữa, luận pháp thì một tự hành, một hóa tha. Hoặc đối người chỉ là Bồ-tát, hàng nhị thừa câm điếc, sinh thân Bồ-tát cũng chưa phát quyền tự hành và thật tùy trí. Nếu dựa theo kinh văn này, thì chưa từng hướng đến con người mà nói việc như thế. Căn cứ vào Tam tạng: Nếu luận giáo thì chỉ là bán tự, nếu luận pháp thì là một thứ hóa tha, nếu luận thời tức là vị Lạc. Nếu y văn này thì đứng

bên ngoài cửa, mặc áo dơ xấu, cầm đồ hốt phân, là người Nhị thừa đó thôi! Căn cứ Phương đẳng giáo: Nếu luận về giáo thì đối bán tự mà luận mãn tự, nếu luận thời thì đều là Lạc chuyển sang Sinh tô, nếu luận pháp thì có ba thứ hóa tha và một thứ tự hành. Nếu y văn này tức: "Tâm tướng thể tín vào ra không ngại". Căn cứ Bát-nhã: nếu luận về giáo tức ở nơi bán mà luận mãn, nếu luận thời thì từ Sinh tô đến Thục tô, nếu y pháp thì có hai thứ hóa tha và một thứ tự hành. Nếu y văn này thì là: "Trong đó có thứ nhiều, có thứ ít, có thứ nên giữ lấy có thứ nên cho, ngươi phải biết hết đó". Căn cứ Pháp Hoa: Luận về giáo, tức phế bỏ bán mà luận về mãn, nếu luận thời thì toàn là vị Đề-hồ, nếu luận pháp thì chỉ có tự hành. Nếu y văn này thì khai quyền hiển thật: "đây thật là con ta, do ta sinh ra, ta thật là cha", giao phó gia nghiệp thọ ký làm Phật, giáo trước không nói nay đều nói ra. Chính ngay ở chỗ xả phương tiện, chỉ nói vô thượng đạo nên là quyền tự hành, nên gọi "phẩm Phương tiện", vì các chổ khác hoặc là tự tha nhị trí, hoặc là hóa tha nhị trí. Lại nữa, Hoa Nghiêm đối nhị Bồ-tát nói một tự, một tha, không giống như nhị thừa không nghe không hiểu. Tam tạng đối nhị thừa nói một hóa tha, không giống như Bồ-tát, cho nên không có tự hành. Phương đẳng đầy đủ đối Tiểu thừa Đại thừa, đối nhị thừa thì nói hai hóa tha, đối Bồ-tát thì nói một tự, một tha. Bát-nhã cũng đối cả ba, nói một tự, hai tha, đối nhị thừa nói một tha, đối Bồ-tát nói một tự, một tha. Pháp Hoa thì đối khắp hạng căn cơ thuần thục, chỉ nêu một tự, không còn luận về tha. Văn nói: "Bồ-tát nghe pháp ấy lưới nghi đều đã trừ, một ngàn hai trăm vị La-hán đều cũng sẽ làm Phật". Hết thảy chúng sinh đều nhập phương tiện tự hành, cho nên nói "phẩm Phương tiện".

8. Căn cứ Bản tích xét quyền thật: Bản địa của Như Lai đã từ lâu chứng đắc nhất thiết quyền thật, gọi là tự hành, khoảng giữa (trung gian) thùy tích thuyết bốn thời giáo Kiêm, Đãn, Đối, Đái, ngày nay thùy tích tịch diệt đạo tràng, kèm theo hóa tha Biệt giáo thuyết tự hành, tiếp đến nói một hóa tha, tiếp nữa nói ba, tiếp lại nói hai, tiếp nói phế bỏ ba... đều gọi là hóa tha quyền thật. Bó quyền và bản lại gọi là thật, bó tích và thật lại, gọi là quyền, tức là tự tha quyền thật. Tổng kết đây có bốn câu: hết thảy thật, hết thảy quyền, hết thảy cũng quyền cũng thật, hết thảy phi quyền phi thật... Thân-tử bản chứng hết thảy quyền thật, tức tự hành, tích tại vườn Lộc uyển riêng thọ hóa tha, tại Phương đẳng thọ nhất bị tam chiết, tại Bát-nhã mang hai chuyển một, đến Pháp Hoa phế ba ngộ một, đều là hóa tha quyền thật. Bó quyền và bản lại làm thật, bó tích và thật lại, làm quyền, tức tự tha quyền thật, cũng đủ bốn

câu v.v... Nếu từ Phật tích thuyết, thì cũng là hóa tha quyền thật, cũng gọi là “phẩm Phương tiện”. Nếu theo dẫn nhập viên nhân, thì tự hành cũng là “phẩm Phương tiện”. Nếu theo Thân-tử tích quyền, thì cũng là “phẩm Phương tiện”. Nếu từ Thân-tử tích nhập thật, thì cũng là “phẩm Phương tiện”. Vì các nghĩa đây, cho nên gọi là “phẩm Phương tiện”.

Từ phẩm này xuống đến mười chín hàng kệ sau cùng của phẩm Phân Biệt Công Đức, hoặc đến sau kệ hiện tại tứ tín đệ tử, văn tận, gọi là phần Chánh thuyết. Nếu làm hai phần chánh thuyết, thì từ đây trở xuống đến hết phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là tích môn chánh thuyết. Nay lại tùy theo cận, căn cứ tích môn chánh thuyết lại chia làm hai phần:

1. Từ đây trở xuống, là lược khai tam hiển nhất.

2. Từ “Phật bảo Xá-lợi-phất ông đã ân cần” trở xuống, là rộng khai tam hiển nhất.

I. Lược Khai Tam Hiển Nhất: lại chia làm hai phần:

1. Từ “Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn” trở xuống, là lược khai tam hiển nhất.

2. Từ “Lúc bấy giờ, đại chúng” trở xuống, là động chấp sinh nghi.

Lược khai tam hiển nhất có văn trường hàng và kệ tụng: Văn trường hàng chia làm hai: Một là dùng ngôn ngữ tán thán nhị trí. Hai là dứt nói năng tán thán nhị trí. Nếu không nhờ vào ngôn ngữ thì không thể biết, tuy lại khen ngợi ngôn ngữ mà không thể cùng tận. Hai thứ trí của chư Phật như trước đã nói. Dựa vào ngôn ngữ có hai: Một là nêu quyền thật của chư Phật, Hai là nêu quyền thật của Phật Thích-ca. Đạo của chư Phật đồng, nên đều tán thán. Trên nói hào quang chiếu các cõi khác, đức Di-lặc hỏi về hoành (không gian), Văn-thù dẫn việc xưa, đại chúng nghe dọc (thời gian) chính là tiêu biểu điều này, cho nên đức Phật thương xót chúng sinh mới ra khỏi định, tức nêu rõ chư Phật đạo đồng.

Căn cứ văn tán thán chư Phật chia làm ba phần: Một, tán thán cả hai. Hai, là giải thích cả hai. Ba, là tổng kết cả hai.

Trong phần tán thán cả hai, thì trước hết kinh gia đề khởi, tiếp theo là chánh thán. “Nhĩ thời” là thời bấy giờ. Phật thường ở trong định vì sao nói khởi? Đây có biểu thị về: chư Phật từ xa xưa trước khi thuyết kinh này ắt phải nhập định Vô lượng nghĩa, tức nhập Pháp Hoa. Nay đức Phật cũng như vậy, đây là biểu thị thế giới Tất-đàn. Đức Phật vì thương

xót chúng sinh nên ra khỏi định. Lý lịch pháp duyên cả hai đều suy xét kỹ, thuyết ắt không lầm lại tăng trưởng lòng tin cho chúng sinh, đây là biểu thị Vị nhân Tất-đàn. Thương xót chúng sinh nên từ trong định ra, Phật tịch lặng và thường chiếu, mà còn phải nhập định mới thuyết pháp, huống lại tán tâm mà vọng có pháp được thuyết, đây là Đối trị Tất-đàn. Thương chúng sinh mà xuất định, nhập định thì duyên lý an tâm nơi thật tướng, xuất định thì khiến cho người khác an tâm nơi thật tướng, đây là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Thương chúng sinh nên từ trong định ra. An bốn pháp này cho nên nói "an tường mà khởi". "bảo Xá-lợi-phất", Xá-lợi-phất là hàng trí tuệ đệ nhất trong tiểu thừa, muốn nhân đó mà phá tiểu trí hiển đại trí, phá hợp khai nhân trí kia mà phá tiểu trí hiển đại trí, phá hợp khai che gồm có mười thứ, như trong Huyền Nghĩa nói đây chính là văn mà kinh gia đề khởi. Pháp Hoa luận nói: Đức Phật nhập Tam-muội rất sâu, chánh niệm bất động, như thật trí quán, từ Tam-muội mà khởi, hiện Như Lai đắc lực tự tại, nên Như Lai nhập định không ai có thể làm kinh động, luận cùng nghĩa này tương ưng. Vì đệ Nhất nghĩa Tất-đàn vượt qua thế gian cho nên không ai có thể làm kinh động, Tứ Tất-đàn không chướng ngại cho nên được tự tại... "Ngồi kết già": Xưa chư Phật nhiều như số vi trần và đệ tử đã tập hành pháp này. Lại ngồi kết già giác được niệm ác khởi mà còn làm cho người sinh tâm cung kính huống chi nhập sâu cảnh giới mà không thích hợp vừa lòng thiên nhân ư ? Lại, chẳng phải pháp mà thế gian thọ dụng, không cùng chung với ngoại đạo, có thể phá ma quân phiền não. Lại, năng sinh ba thứ đạo Bồ-đề, nên riêng gọi đây là ý của Tứ Tất-đàn.

Hỏi: Các kinh nói buộc niệm tại trước, là thế nào?

Đáp: Bỏ các cảnh giới sắc tưởng sinh tử phiền não ở sau. Quán tịch diệt Niết-bàn sở duyên, ở trước, cho nên lẽ ra giải thích theo bốn nghĩa.

Hỏi: Tại sao ở trước mặt?

Đáp: Giải thích theo bốn nghĩa:

Thứ nhất, người phàm phu đối trước mặt sinh khởi dục năng sinh ưa thích, sau mới đến khắp toàn thân. Lại, chín chỗ mà ô uế thường chảy thì mặt có bảy lỗ, dùng bất tịnh để trị dục cho nên buộc duyên ở trước mặt.

Thứ hai, sáu thức nơi mặt tâm phần nhiều là thượng duyên, tiêu biểu tất cả các bậc hiền thánh, chuộng Không, tương ưng với Không, cho nên buộc duyên trước mặt.

Thứ ba, nếu quán nơi mặt thì năng phân biệt sáu thức, vì phân biệt

cho nên cố buộc duyên trước mặt.

Thứ tư, thân có sáu phần thì đầu mặt là trên hết, tiêu biểu trong các pháp thì thật tướng là đệ nhất, pháp đệ nhất cho nên buộc duyên trước mặt.

Căn cứ song tán nhị trí, trước tán thật, sau tán quyền. Thật, là "trí tuệ của chư Phật", không phải ba loại hóa tha quyền thật,cho nên nói "chư Phật". Hiển thật tự hành, cho nên nói "trí tuệ", trí tuệ này thể tức nhất tâm tam trí.

"Thậm thâm vô lượng" tức là lời xưng tán, nêu thật trí của Phật, về thời gian thì thấu tận nguồn gốc như lý, cho nên nói "thậm thâm", về không gian thì cùng tận bờ mé pháp giới, cho nên nói "vô lượng". Vô lượng thậm thâm cao sâu rộng lớn, thí như gốc sâu thì nhánh cây tươi tốt, nguồn nước ở xa thì dòng chảy dài. Thật trí đã vậy, thì quyền trí theo đó cũng vậy. "Trí tuệ môn kia" tức là tán thán quyền trí, bởi vì là phương tiện tự hành trước khi chứng ngộ thật đạo (đạo tiền), có sức tiến tới cho nên gọi là "môn", theo môn vào chứng ngộ thật đạo (đạo trung). Đạo trung gọi là thật, đạo tiền gọi là quyền. "Khó hiểu khó nhập" là lời tán thán quyền, không mưu cầu mà hiểu rõ, không phương pháp mà đại dụng, bảy thứ phương tiện không thể so lường. Thập trụ mới hiểu, Thập địa mới nhập, là nêu lên ban đầu và sau, chặng giữa thì khó chỉ bày khó ngộ, nên biết. Riêng nêu "Thanh văn, Duyên giác đều không biết được", vì nặng chấp nên riêng phá đó thôi! Pháp thân bản ý vốn đem tự hành quyền thật mà phác thảo cái ấy, vì không có căn cơ nào trốn thoát, cho nên nói "không biết". Hoa Nghiêm đốn chiếu Nhị thừa như đui điếc câm ngọng, cho nên nói "không biết", Phương Đẳng chê trách bài xích việc bám trụ thảo am, cho nên nói "không biết", Bát-nhã chuyển giáo, không muốn giữ một chút ý nào, cho nên nói "không biết". Nay đại cơ duyên khởi phát, phóng hào quang, chấn động đất, kia và đây, xưa nay chư Phật đạo đồng, do ôm lòng nghi hoặc cho nên nói "không biết". Hàng lợi căn Bồ-tát thì việc nào cũng biết. Hạng độn căn, đồng với Nhị thừa, thì cũng "không biết". "Môn" ấy là ngài Quang Trạch chọn Nhị thừa là phương tiện vì kinh này là trí tuệ môn, môn này cần phải buông thả hay nắm bắt (Dữ đoạt).

Nếu vậy tức là được môn, thì sao đức Như Lai phá, nói "không biết"? Vì "không biết" thì không phải môn. "Buông" thì đây là khả năng rất nông cạn, vĩnh viễn không biết như thế... Nay giải thích tự có phương tiện trí tuệ làm môn để nhập trí tuệ Phật, như kinh Anh Lạc nói: Nhị quán làm phương tiện đạo để nhập trung đạo Đệ Nhất nghĩa đế,

cũng là tam giáo mỗi giáo có bốn môn làm phương tiện để nhập trung đạo. Ngài Quang Trạch giải thích: nhị quán chỉ là nhất quán, mười hai môn chỉ là một môn... Phương tiện trí tuệ làm môn để thích ứng với phương tiện trí, tức là tam giáo mỗi mỗi có bốn môn đều dạy hợp với chứng. Tự có Phật trí làm môn được nhập trí tuệ Phật, như trên nói Viên nhân gọi là phẩm Phương Tiện, tức là tự hành quán trí làm môn, tức là kinh này tán thán trí tuệ môn kia. Bốn môn của Viên giáo tức là một môn kia, tự có thật làm môn nhập phương tiện trí, song chiếu nhị đế, tức nghĩa kia. Giải thích như đây thì phong phú rộng rãi, tại sao ngài Quang Trạch chỉ chọn một thứ nhỏ? Nếu y luận lấy A-hàm làm môn, thì đây cần phải khai thác các giáo, chuẩn theo quán có thể biết. Từ “Vì sao vậy?” Trở xuống ngài Quang Trạch nói chương tán thán đức Phật Thích-ca, nay suy tìm ý văn là cả hai giải thích nhị trí của chư Phật: “Đức Phật đã từng thận cận vô lượng chư Phật... tu hành hết thảy đạo pháp” là giải thích thật trí của chư Phật. Bởi bên ngoài được gặp nhiều Phật, vâng thọ thừa sự hết sức quan trọng nên thật trí thậm thâm. Bởi trong tu hành thuần hậu (hòa thuận...) hành hết thảy đạo pháp của chư Phật nên thật trí vô lượng. Vô lượng thì giải thích ngang rộng, thậm thâm thì giải thích dọc cao. “Dũng mãnh tinh tấn danh tốt vang khắp” là giải thích quyền trí của chư Phật. “Trí tuệ môn kia khó hiểu khó nhập”, bởi do dũng mãnh thì tinh tấn có thể nhập môn khó nhập, đã nhập môn rồi thì thấm nhuần gia bị không cưỡng ép, vạn vật kính phục thắng đức, cho nên “danh tốt vang khắp”. Cũng có thể phân biệt câu “dũng mãnh tinh tấn” là năng nhập pháp môn, tức giải thích quyền trí sâu xa, “danh tốt vang khắp” tức giải thích quyền trí rộng rãi. Xem văn về quyền trí thì không có nói sâu rộng. Theo văn nói về thật trí thì có các nghĩa đó... Từ “thành tựu thậm thâm” trở xuống là song kết nhị trí của chư Phật, xứng lý cứu cánh cho nên nói “thành tựu”. Đến cùng tận bờ bên kia, cho nên nói “thậm thâm”. Đây là kết thành thật trí. Xứng căn cơ thích hợp, cho nên nói “tùy nghi” , chẳng phải dùng bảy phương tiện mà biết được, cho nên nói “khó hiểu”. Đây là kết thành quyền trí. Tùy tình thì che lấp lý, nên nói “khó hiểu”, liễu nghĩa thì cố ý hiển bày, cho nên nói dễ biết. Nhiếp Đại Thừa luận nói: “Kinh liễu nghĩa thì dựa vào văn mà xét nghĩa, kinh bất liễu nghĩa thì dựa vào nghĩa mà xét văn”, tức nghĩa đây vậy. Có khi giải thích “thành tựu pháp thậm thâm chưa từng có” là kết tự hành quyền thật, “tùy nghi mà nói pháp ý thú khó hiểu” là kết hóa tha quyền thật... Từ “Ta từ khi thành Phật đến nay” là tán thán quyền thật của Phật Thích-ca. Xưa nói: “Mỗi mỗi Quyền Thật của Phật

Thích-ca đều được tán thán". Từ "Ta từ khi thành Phật" trở xuống, là tán thán Quyền. Vì sao vậy? Là giải thích Quyền. Từ "Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa" trở xuống, là tán thán Thật, từ "vô lượng, vô ngại" trở xuống, là giải thích Thật. Từ "Như Lai lại có thể phân biệt các thứ" trở xuống, là kết văn tán thán Thật.

Xưa giải thích trước sau có ba ý:

1. Hợp thán nhị trí của chư Phật, là nêu rõ hai trí thể đồng, khai thán nhị trí của đức Thích-ca, là nêu công dụng của nhị trí có khác.

2. Nêu rõ bản của thùy tích, cho nên chư Phật trước tán thán thật, nêu khả năng hiển bản, cho nên đức Thích-ca trước tán thán quyền.

3. Chư Phật hiển bày tự hành, trước phải đắc Thật, đức Thích-ca nêu hóa tha, trước hết dùng Quyền dẫn dắt chúng sinh mông muội dại dột. Lúc hiện lúc ẩn xen kẻ nhau để chứng minh rằng thể Viên mãn thì không có Thiên lệch tồn tại, nếu tồn tại thì mất tôn chỉ. Nay nói không như vậy, vì chỉ y văn thứ lớp thì nghĩa đã dễ hiểu, không cần phải quanh co biện minh. Lại ông nói chư Phật đạo đồng, vì sao giải thích khác?. Như người thường khen sự hiếu thuận mà lại đánh đập cha mẹ... Căn cứ nói về đức Thích-ca văn cũng chia làm ba phần: Ban đầu cả hai tán thán, tiếp cả hai giải thích, sau cả hai tổng kết. "Ta từ khi thành Phật đến nay" là tán thán thật trí. Nếu thật trí không viên mãn, thì Phật đạo không thành. Đã nói thành Phật, một thành thì hết thảy đều thành, tức là tán thán thật trí. "Các thứ nhân duyên" trở xuống, là tán thán quyền trí. Hơn bốn mươi năm, dùng ba thứ hóa tha quyền thật phù hợp với chúng sinh, cho nên nói "các thứ nhân duyên".

"Các thứ thí dụ", trong kinh Tiểu thừa thì dùng cây chuối, bọt nước làm thí dụ, trong kinh văn Đại thừa thì dùng thành Càn-thát-bà, cảnh huyễn... làm thí dụ. Các luận thì dùng Tiểu thừa dụ như Sữa, Đại thừa dụ như Đề-hồ. "Rộng diễn nói", là có thể nơi một pháp mà xuất ra vô lượng nghĩa, "vô số phương tiện" là bảy thứ phương tiện. "Dẫn dắt chúng sinh làm cho họ xa lìa lòng chấp" là nói rộng thập thiện để xa lìa chấp đắm khiến rơi vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nói tịnh thập thiện để lìa chấp ở Dục giới, nói Tam tạng để lìa chấp Kiến Tư hoặc, nói pháp Bồ-tát để lìa chấp Niết-bàn, nói pháp Phật để lìa ái trước pháp thuận đạo. Từ "Vì sao vậy?" trở xuống, là giải thích nhị trí. "Như Lai" nửa câu, tức là giải thích Thật trí. Từ trong chân như thật tướng đến mà được thành Phật đạo, cho nên gọi "Như Lai", tức giải thích thành Thật trí. "Phương tiện" là giải thích Quyền trí. Do phương tiện thiện xảo nên có các thứ nhân duyên. "Tri kiến Ba-la-mật" tức là

nêu cả hai Quyền Thật tri kiến. Nhất thiết chủng trí gọi là Thật tri. Phật nhãn gọi là Thật kiến. Đạo chủng trí gọi là Quyền tri. Pháp nhãn gọi là Quyền kiến. Đều đạt đến biên của sự lý, đều gọi là "Ba-la-mật". "Đều đã đầy đủ" là quyền thật đều cứu cánh. Nếu không có ý giải thích cả hai, sao bỗng nói "đều đã" ? "Đều đã", là rõ ý đã giải thích cả hai. Từ "Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa" trở xuống, là cả hai kết và giải thích nhị trí của Phật Thích-ca. "Tri kiến của Như Lai" như trước đã nói, "rộng lớn" là nêu ngang, "sâu xa" là nêu dọc. Thật trí như đây thì chẳng ngang chẳng dọc, nhưng nhờ lời nói để qua tán thán mà luận tri kiến kia ngang dọc chiếu soi không giới hạn, như cái tráp lớn và nắp lớn. "Vô lượng, vô ngại" trở xuống tức là kết quyền trí. Tự hành là quyền là phương tiện ở ngôi vị Đạo tiền. Căn cứ các pháp môn, cho nên biết đây là kết quyền trí, thật trí không có bao nhiêu. Ngài Quang Trạch cho là đây giải thích thật trí. Chẳng những Quang Trạch không biết thật trí, mà còn cả triều Lương cũng đều không biết vô ngại tuệ kia không có bao nhiêu. "Vô lượng" tức Phật địa tứ đẳng. "Vô ngại" tức Phật địa tứ biện, có thể đối với một từ một nghĩa mà lập tức xuất ra vô lượng nhạo thuyết không cùng tận, so với Biệt Thông Bồ-tát như phương cõi trên hết. "Lực" tức thập lực, "úy" tức tứ vô sở úy, "thiền" tức là thiền tận cùng, là thật tướng, "định" tức định Thủ Lăng-nghiêm, "Tam-muội" tức Tam-muội vương. "Thâm nhập không ngằn mé" là kết thành chiều dọc sâu, "thành tựu tất cả pháp chưa từng có" là kết thành chiều ngang rộng. Từ "Xá-lợi-phất! Như Lai hay phân biệt các thứ" trở xuống, xưa cho rằng kết thành Quyền Thật ở trước, nay dùng để dứt nói năng ở phần sau. Lại, nêu Quyền Thật là nguyên do dứt ngợi khen, văn chia làm hai: ban đầu nêu nguyên nhân dứt tán thán, sau là chỉ cảnh dứt nói năng. Trịnh trọng là tiêu biểu ân cần. "Như Lai năng khéo phân biệt, khéo thuyết các pháp", tức nêu Quyền vậy. "Lời nói êm dịu làm vui lòng chúng", là nêu Thật. Làm sao biết được? Trên thấy chư Phật các cõi khác thuyết đốn rằng: "Tiếng của ngài thanh tịnh, giọng nói ra êm dịu" trở xuống. Thân-tử lãnh giải rằng: "Nghe tiếng Phật êm dịu, sâu xa rất nhiệm mầu". Căn cứ hai văn trước sau này thì biết là nêu Thật trí. Trong phần tán thán trước, thì khen thật trước, khen quyền sau, nay vì sao lại nêu trước quyền sau thật? Bởi vì trước thì muốn dựa lời nói, cho nên từ Thật mà bày Quyền, nay muốn dứt nói năng nên phải thu Quyền trở về Thật. Từ "Tóm yếu mà nói đó" là chỉ cảnh thật. "Yếu" là không pháp gì qua Thật, "vô lượng vô biên pháp chưa từng có" là chỉ cảnh Quyền. Lại, "Yếu" là khởi đầu, là chỉ đầu mối, "vô lượng vô

biên” là chỉ Quyền, “Pháp chưa từng có” là chỉ Thật. Nói hai pháp này “Phật đều thành tựu”, vì tu đạo đắc nên có thể thuyết nhiều. Nếu chỉ riêng nêu một việc, thì không nên nói “đều”, đã chỉ cả hai thứ Quyền Thật, thì ý kia đã rõ.

Từ “Thôi!” trở xuống là phần thứ hai, tức tuyệt ngôn tán thán. Sư Ấn nói: Muốn do bảo “Thôi !” mà hội chúng sẽ sinh tâm nghi ngờ thỉnh hỏi. Sư Quán nói: “Pháp thật thì khó biết, cho nên trước bảo Thôi!” là để làm kinh động thường tình của chúng”. Luận này thì nói : pháp này sâu xa vắng lặng, ngôn ngữ đạo đoạn, thể bất khả thuyết cho nên bảo “Thôi!” mà là tán thán. Giả sử vì từ bi mà nói chúng nghe cũng không thể hiểu, khiến tổn hại thiện căn, cho nên nói “Thôi”. Từ “Vì sao ?” trở xuống, là giải thích ý tán thán “Thôi”, chia làm hai:

1. Đức Phật là người tối thượng thành tựu tu đắc pháp tối thượng, cho nên bất khả thuyết.

2. Nêu cảnh giới thậm thâm bất khả tư nghì, cho nên bất khả thuyết. Từ “Phật thành tựu” trở xuống, là nêu pháp quyền thật của bậc thượng nhân theo chiều ngang thì đầy đủ bất khả thuyết. Từ “chỉ có Phật cùng với Phật” trở xuống, là nêu pháp quyền thật của bậc thượng nhân theo chiều dọc thì sâu xa bất khả thuyết. Thành tựu đối bất thành tựu, cho đến nan giải đối bất nan giải tức là theo chiều ngang mà nêu thành tựu, vì tu đạo đắc cho nên bất khả thuyết. “Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột”, là phần đầu và giữa thì thu hoạch chưa tận nguồn, như ánh trăng đêm mười bốn chưa tỏa sáng khắp, chỉ có Phật với Phật mới rốt ráo tận cùng, như ánh sáng đêm mười lăm, thể nó không nơi nào là không tròn sáng, không nơi nào là không biến khắp. Tu đạo đắc sâu theo chiều dọc như đây, cho nên bất khả thuyết. Từ “Thực tướng của các pháp” trở xuống, tức là cảnh giới thậm thâm bất khả tư nghì, cho nên bất khả thuyết. Ngài Quang Trạch nói: một câu đầu nêu nhị trí, “các pháp” nêu cảnh quyền trí, tam tam chẳng phải nhất cho nên nói “các pháp”. Trong ba pháp thì Giáo hiển rõ nhất. Giáo ắt phù hợp căn cơ vì thế mà có Nhân (người) của giáo, cho nên biết tam tam là quyền, “thật tướng” là cảnh thật trí. Lý Nhất chẳng hư vọng cho nên nói “thật tướng”. Trong tứ Nhất khắp nêu lý Nhất. Bởi vì lý là bản, cho nên là Thật. Trong đó có chín câu trở lại giải thích hai đoạn trên, năm câu trước giải thích Quyền. “Tướng như vậy” là ngôn giáo tam thừa nắm lấy tất cả mà có thể phân biệt. “Tánh như vậy” là tánh chất giáo tam thừa thì không thể thay đổi.“Thể như vậy” là giáo tam thừa thì có bát âm, chương cú mỗi mỗi đều có Thể, giáo Bồ-tát dùng lục

độ làm Thể. "Lực như vậy" là tam thừa giáo dùng lực giáo huấn dẫn dắt. "Tác như vậy" là giáo tam thừa gia bị cho người trước, có tạo tác. Rộng là cảnh thật trí, lược thì không có lời giải thích. Cảnh thật trí có tứ nhất, dùng bốn rộng để nêu lý Nhất. "Nhân như vậy", cảnh sinh sự hiểu biết chân thật, là "nhân", vạn điều thiện hướng về quả. "Duyên như vậy", cảnh phát sinh thật trí, là duyên. Dùng chỗ hướng về từ nhân, làm "quả". Quả khởi đáp lại nhân, là "báo". Hai câu sau là song kết. Câu đầu là kết quyền, "bản" tức nêu tướng, "mạt" tức nêu tác. Câu tiếp là kết thật, "cứu cánh" tức kết nhân, "đẳng" tức kết báo. Các sư ở phương Bắc nói: "Pháp tam thừa đều có tướng, tánh, quả, báo, bản, mạt". Dao sư nói: "Tướng, tánh như vậy" đây là giải thích chiếu dụng của Trí tuệ. Mầm tam thừa nảy sinh cái khác, là "tướng". Hẳn như vậy thành tam, là "tánh". Phát tâm, là "thể" tùy tâm. Sở kham, là "lực". Lực có sở tạo, là "tác". Tác hành dẫn tới quả, là "nhân". Nhân là nói phần đã có. Sở do, là "duyên". Duyên là nói lực bên ngoài. Thành được, là "quả". Đáp nhân, là "báo". Tướng là "bản". Báo là "mạt". Cái có được cuối cùng đồng nhất, là "cứu cánh đẳng". "Như thị" là việc kia không sai. Sư Sướng chỉ căn cứ các tạo tác ở Phật. "Tướng", là thập lực đều có tướng mạo. "Tánh", là từ căn đều có sự huân tập, cái mà sự huân tập không làm biến đổi được, là tánh, là cảnh tánh lực vậy. "Thể", là căn tánh không đồng nên sự mong muốn cũng khác, nói cái dụng của tâm kia trói buộc cho nên lấy thể làm danh (đặt tên) đây là cảnh dục lực. "Lực" là tên riêng của Định. Thần thông biến, nếu động không định thì không vận được. Làm yên tâm, tĩnh các loạn, nếu không định thì không tịch. Cho nên, lực là cảnh thiền định. "Tác" là nghiệp, tức cảnh nghiệp lực. "Nhân", đạo làm nhân, năng đạt đến Niết-bàn, tức đến xứ cảnh đạo lực. "Duyên" là duyên cảnh lực đời trước. "Quả", do nhân đời này mà chiêu cảm quả đời vị lai, gọi là cảnh lực thiên nhãn. "Báo", báo đời này là bằng chứng của nhân các đời trước, tức cảnh lậu tận lực, cho nên nói báo là lậu tận vậy. "Bản" là tướng, "mạt" là báo. Tóm lại mà nhìn, đều là cảnh xứ phi xứ lực. Từ trước các sự giải thích đều là một đường, nhưng xét về lý thì không thông, xét về văn thì không công bằng. Về văn không công bằng, là kinh nói "các pháp" thì pháp nào mà không thâu nhiếp, đâu chỉ tam thừa? Về lý không thông, là kinh dạy "thật tướng" thì chỗ nào mà không tồn tại, đâu chỉ ở thể nhân quả? Nếu thật riêng chỉ ở Phật thì Phật chẳng quyền, mà quyền riêng ở tam thừa, thế thì tam thừa vĩnh viễn không có thật. Nếu tam thừa chỉ là ngũ, thì pháp Quyền không đủ, lại hoàn toàn không Thật. Nếu bốn câu chỉ ở Phật,

thì Phật hoàn toàn không có Quyền, Thật, cũng không đủ nghĩa, không liên quan đến phàm phu, thế thì văn nói "các pháp" là vô dụng, thật tướng không cùng khắp, ngoài thật tướng lại riêng có pháp. Vì các lỗi này nên đều không dùng. Thích Luận quyển ba mươi mốt nêu mỗi một pháp đều có chín thứ:

1. Đều có Thể.

2. Đều có pháp, như nhãn nhĩ tuy đồng do tứ đại tạo, nhưng mắt có công dụng thấy, tai không có công dụng thấy, như lửa hồng dùng thiêu đốt làm pháp thì không thể thấm ướt được.

3. Đều có lực, như lửa lấy sự thiêu đốt làm lực, nước lấy sự thấm ướt làm lực.

4. Đều có nhân.

5. Đều có duyên.

6. Đều có quả.

7. Đều có tánh.

8. Đều có hạn ngại.

9. Đều có khai thông, phương tiện.

Ngài Đạt-ma-uất-đa đem chín thứ này hợp với mười Như trong kinh Pháp Hoa. "Đều có pháp" tức là "như thị tác" trong Pháp Hoa. "Đều có hạn ngại" tức là "như thị tướng" trong Pháp Hoa. "Đều có quả" tức là "như thị quả, như thị báo" trong Pháp Hoa. "Đều có khai thông phương tiện" tức là "như thị bản mạt cứu cánh đẳng" trong Pháp Hoa. Những thứ còn lại đều đồng tên, có thể hiểu. Nay nêu rõ cảnh đây chia làm hai: một câu đầu lược nêu chương quyền thật như văn, mười câu tiếp rộng giải thích tướng quyền thật.

- Nay chia làm bốn phen giải thích:

1. Theo mười pháp giới.

2. Theo Phật pháp giới.

3. Theo ly hợp.

4. Theo địa vị.

Kinh dạy "các pháp", cho nên dùng mười pháp giới giải thích. Kinh dạy "Phật đã thành tựu pháp hy hữu đệ nhất", cho nên dùng Phật pháp giới giải thích. Kinh dạy "Thôi ! Thôi ! Không cần nói nữa, pháp ta vi diệu khó nghĩ bàn", cho nên dùng ly hợp giải thích. Kinh dạy "Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận" cho nên dùng địa vị giải thích.

1. Giải thích theo mười pháp giới: nghĩa là lục đạo, tứ thánh gọi mười pháp. Pháp tuy vô lượng mà số không ra khỏi mười, trong mỗi

một cõi tuy lại nhiều phái nhưng không ngoài mười Như, như địa ngục giới, ngay đương địa tự có đủ tướng tánh bản mạt, cũng đủ cả tướng tánh bản mạt của súc sinh giới, cho đến đủ tướng tánh bản mạt của Phật pháp giới, không có thiếu hụt. Cho nên, luận Tỳ-đàm Tỳ-bà-sa quyển bảy nói: đường địa ngục thành tựu pháp Tha hóa thiên tức là theo lệ đó chín pháp giới còn lại cũng như vậy. Nên biết mỗi một cõi đều có chín cõi mười như. Nếu chiếu theo tự vị của chín giới, thì mười như của chín giới đều gọi là quyền. Chiếu theo tự vị Phật giới, thì mười như của Phật giới gọi là thật. Trong một đầy đủ vô lượng, trong vô lượng đầy đủ một, do đó mà gọi là bất khả tư nghì. Nếu chiếu theo lục đạo tam thánh, thì ngũ như là quyền. Nếu chiếu Phật giới, thì tứ như là thật. Khi phân chia trải qua lớp lớp, là có thể thuyết có thể chỉ bày, đâu đợi "Thôi ! thôi!" tuyệt lời tán thán? Bởi vì trong một có vô lượng pháp, phàm phu tuy có tuyệt lý mà tình còn mê, nhị thừa tuy có xả ly mà cầu thoát, Bồ-tát tuy có chiếu mà không cùng khắp, gọi là bất liễu liễu (không rõ ràng), đức Như Lai thấu suốt dọc ngang đầy đủ, chỉ có đức Phật tự hiểu rõ những điều mà người khác không thể biết không thể thấy không thể chỉ bày, nên Phật bảo: "Thôi! thôi! Đừng nói nữa", tức là nghĩa này. Trong Huyền Nghĩa kia đã nói, nay không ghi thêm.

2. Giải thích theo Phật pháp giới: Phật giới phi tướng phi bất tướng mà gọi "như thị tướng", là chỉ vạn điều thiện duyên nhân, cho nên văn dưới nói: "các báu trang sức" là nghĩa ấy vậy. Phật giới phi tánh phi bất tánh mà gọi "như thị tánh", là chỉ trí tuệ liễu nhân cho nên văn dưới nói "có trâu trắng lớn". Phật giới phi thể phi bất thể mà gọi "như thị thể" là chỉ thực tướng chánh nhân, nên văn dưới nói "xe ấy cao rộng". Phật giới phi lực phi bất lực mà gọi "như thị lực", là chỉ Bồ-đề đạo tâm từ thiện căn lực... cho nên văn dưới nói: "Lại ở trên đó giăng treo màn trướng phan cái". Phật giới phi tác phi bất tác mà gọi "như thị tác", là chỉ nhậm vận vô công dụng đạo, cho nên văn dưới nói "phóng nhanh như gió". Phật giới phi nhân phi bất nhân mà gọi "như thị nhân", là chỉ bốn mươi mốt địa vị, cho nên văn dưới nói "cưỡi xe báu dạo chơi bốn phương". Phật giới phi duyên phi bất duyên mà nói "như thị duyên", là chỉ tất cả trợ Bồ-đề đạo, cho nên văn dưới nói "nhiều tôi tớ đi theo hộ vệ". Phật giới phi quả phi bất quả mà gọi "như thị quả", là chỉ quả diệu giác rõ ràng là cái được từ Viên nhân, cho nên đoạn văn dưới nói "thẳng đến đạo tràng". Phật giới phi báo phi bất báo mà gọi "như thị báo", là chỉ Đại Bát-niết-bàn, cho nên văn dưới nói "được vô lượng quả báo thanh tịnh vô lậu". Phật Giới phi bản phi mạt mà nói "như thị

bản mạt", bản tức Phật tướng, mạt tức Phật báo là tự hành quyền. Phật giới phi đẳng phi bất đẳng mà nói "cứu cánh đẳng", là chỉ thật tướng, cho nên nêu chương nói thật tướng, là tự hành thật, tức thật mà quyền cho nên nói "bản mạt", tức quyền mà thật cho nên gọi là "đẳng". Đây là Như Lai tự hành quyền thật vô thượng trên hết, vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo, rộng theo chiều ngang, sâu theo chiều dọc mà không gì hơn được. Cho nên, nêu chương nói thật tướng của pháp. Theo lệ thường cũng nên nói "các pháp thật tánh, thật thể, thật lực" cho đến nên nói "thật cứu cánh đẳng". Chỉ lược nêu một mà bao trùm nhiều. Đức Như Lai chiếu soi ngang dọc cùng khắp, như xem quả trong lòng bàn tay. Chỉ vì phàm phu thì như đui như điếc, hàng nhị thừa thì như chột một mắt, hàng Bồ-tát thì như thấy đêm mông lung không rõ, không thể thuyết được. "Thôi thôi đừng nói" là ý tại chổ này.

3. Giải thích theo ly hợp: nếu quán đúng cách như dùng tâm Phật mà quán thì mười giới mười như đều là vô thượng tướng, cho đến vô thượng quả báo, chỉ là một Phật pháp giới, như biển chứa vạn dòng, ngàn xe cùng một dấu bánh xe, đây tức tự hành quyền thật. Nếu tùy tha ý, thì có chín pháp giới mười như tướng, tánh v.v... tức là hóa tha quyền thật. Hóa tha mặc dù có thật, đều buộc làm quyền. Tự hành mặc dù có quyền, đều buộc làm thật. Đây tức tự hành hóa tha quyền thật, tùy tha thì khai, tùy tự thì hợp, ngang dọc chiếu khắp khai hợp tự tại. Tuy khai vô lượng, vô lượng mà một, tuy hợp làm một, một mà vô lượng. Tuy vô lượng một, mà chẳng phải một chẳng phải vô lượng. Tuy chẳng một chẳng vô lượng mà một mà vô lượng. Chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận, hàng phàm phu thì phỉ báng không tin, hàng nhị thừa thì lẩn quẩn trong mê cho nên không nhận ra, Bồ-tát thì còn bụi trần chưa sáng tỏ. Vì nghĩa này, cho nên bảo "Thôi! Thôi! Đừng nói".

4. Giải thích theo vị: "Tướng như vậy" là hết thảy chúng sinh vốn đều tự có thật tướng, chính là tướng mạo Như Lai tạng. "Tánh như vậy" tức là tánh đức trí tuệ đệ nhất nghĩa không. "Thể như vậy" tức là lý trung đạo pháp tánh, đó gọi là tam đức thông mười pháp giới, mỗi vị đều có. Nếu nghiên cứu ba đức đây khế hợp với vị thập tín, thì gọi là "như thị lực như thị tác", khế hợp với bốn mươi mốt địa gọi là "như thị nhân như thị duyên", nếu đạt đến Phật địa thì gọi "như thị quả như thị báo". Ba thứ đầu gọi là bản, ba thứ sau gọi là mạt. Từ đầu đến cuối đồng là ba đức, cho nên nói "cứu cánh đẳng", Ở vị ban đầu, ba đức thông ác thông thiện, thông hiền thông thánh, thông tiểu thông đại, thông đầu thông cuối (đầu đến cuối cùng). Tuy ở nơi ác mà không bị

đắm chìm, tuy tại thiện mà không thăng lên, tuy tại Hiền mà không hạ thấp, tuy tại Thánh mà không cao, tuy tại tiểu mà không chật hẹp, tuy tại đại mà không rộng rãi, tuy tại ban đầu mà chẳng mới, tuy tại cuối cùng mà chẳng cũ, cho nên gọi bất khả tư nghì, bất khả đắc thuyết, nên nói: "Thôi! Thôi! Đừng nói". Lại nữa ba đức "cứu kính đẳng" mười giới tánh tướng quyền thật khai hợp sai khác bao nhiêu, dùng đại tuệ bình đẳng mà quán như thật thì "cứu cánh" đều bình "đẳng". Nếu mê cảnh này, thì có tướng tánh của sáu cõi, gọi là thế đế. Nếu hiểu cảnh này, thì có tướng tánh của Nhị thừa, gọi là chân đế. Thông đạt điều này chẳng mê chẳng hiểu, thì có tánh tướng của Bồ-tát Phật giới, gọi là Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Nếu dùng tuệ này, bình đẳng với tục đế, thì tục đế chẳng mê, bình đẳng với chân đế thì chân đế chẳng hiểu. Cả hai không mê không hiểu, gọi là bình đẳng. Nếu song chiếu, thì quyền tức là thật, thật tức là quyền. Tuy hai mà không hai, cũng gọi là "cứu cánh đẳng". Lại, cảnh quyền thật không hai, bảy thứ phương tiện, không thể dùng trí bất nhị bình đẳng với cảnh bất nhị. Chỉ có chư Phật dùng trí bất nhị bình đẳng với cảnh bất nhị, cho nên nói "cứu cánh đẳng". Lại, nay Đại thừa cơ động không nêu tánh tướng của chín giới, mà nói thẳng tất cả tánh tướng đều nhập tánh tướng của Phật giới. Xưa giáo không thuyết, nghĩa là xưa không cùng với nay bình đẳng giáo nay thuyết. Biết xưa cùng nay bình đẳng, cho nên nói "cứu cánh đẳng". Ban đầu căn cứ Hoặc và giải bình đẳng, tiếp đến căn cứ người bình đẳng, sau căn cứ về giáo bình đẳng; đây nói rất rộng, người ghi chép không thể lĩnh hội hết. Nếu đến chỗ dứt ngôn ngữ, tuyệt tư duy, thì rõ ràng là bất khả tư nghì. Thích Luận quyển bảy mươi chín nói: Bất khả tư nghì gọi là không quyết định, vượt ngoài tất cả tâm, tâm số pháp, ngoài hết thảy mọi đường ngôn ngữ, không thể hành không thể đạt đến, cho nên gọi là bất khả tư nghì. Nếu căn cứ thí dụ để nêu bất khả tư nghì, thì như Thích luận quyển mười bốn giải thích: "Không dùng sắc bại hoại để hướng đến đạo bình đẳng được, mà quán sắc không khác mới có thể bình đẳng với Đại thừa. Như sáng với tối cùng hợp, mà ông không thấy, cho là sáng tối có sai khác. Muốn biết nghĩa kia như mặt trăng kia sáng. Lại, khi mặt trời xuất hiện thì bóng tối không hướng mười phương, bóng tối thường không có chỗ hướng về, ánh sáng cũng như vậy cùng bóng tối hợp. Sinh tử cùng đạo hợp, đạo tức là sinh tử. Đức Phật chỗ tận đã tận, chỗ đáng độ đã độ, đều bất khả tư nghì. Các kinh các luận liệt kể điều này rất nhiều. Nếu bất khả tư nghì trong sự, thì kinh A-hàm nêu rõ bốn thứ bất khả tư nghì, đó là: Chúng sinh, thế Giới, Rồng và Phật. Chúng sinh từ đâu đến rồi đi

về đâu? Từ đâu mà sinh rồi do đâu mà tử? Thế giới là hữu biên hay vô biên? Là có thể đoạn hay bất khả đoạn? Trời, rồng, người, quỉ là do ai tạo ra? Kinh A-hàm nói: Một sĩ phu ở thành Vương xá bên ao Câu-hi-la tư duy "Thế gian là hữu biên hay vô biên?" chợt thấy bốn binh trốn vào trong lỗ ngó sen, mà tự sợ hãi nghĩ: ta bị cuồng ư? Ở thế gian không có sự loạn cuồng này, liền đi hỏi Phật. Phật dạy: Chẳng phải cuồng, mà là loài Tu-la bị chư thiên đuổi chạy trốn vào trong lỗ ngó sen. Đây chính là thế gian tư duy, chẳng phải đạo Niết-bàn, không có nghĩa lợi ích, không pháp lợi ích, không phạm hạnh lợi ích...

Rồng phun mưa, là từ mắt mũi miệng lưỡi lỗ tai phun ra ư? Thật chẳng phải từ các thứ như vậy mà chỉ từ ý niệm mà lưu xuất ra. Niệm thiện niệm ác đều có thể lưu xuất ra mưa, do bản hạnh trước cho nên nay được lực này. Giữa núi Tu-di có trời gọi là Đại lực, cũng có thể làm mưa. Lại, kinh nêu ra năm đường, mỗi một đều có nghĩa bất khả tư nghì. Địa ngục có đoạn, tục (đứt, nối), súc sinh có thể bay, quỷ có thể biến ít thành nhiều, người có thể khiến đốt cháy củi, trời có thể tự nhiên hưởng quả báo, đều là pháp sự quả báo bất khả tư nghì... Đây là căn cứ việc nhân duyên mà giải thích bất khả tư nghì, huống chi cảnh giới thậm thậm đâu chẳng phải là bất khả tư nghì ư!

Kệ có hai mươi mốt hàng chia làm hai phần: Mười bảy hàng rưỡi đầu là tụng trường hàng. Ba hàng rưỡi sau là lược khai tam hiển nhất, động chấp sinh nghi. Mười bảy hàng rưỡi đầu lại chia làm hai: Bốn hàng đầu, tụng khen có nói. Mười ba hàng rưỡi sau, tụng khen dứt nói. Xét rằng kệ tụng và trường hàng xen lẫn nhau có rộng có lược, khiến cho nghĩa dễ hiển bày rõ thôi! Văn trường hàng nêu hai Phật, quyền thật đều tán thán tiêu biểu sự hóa duyên có sai khác, cho nên trong phần tụng hai đức Phật hợp chung tán thán, chỉ bày lý Nhị trí đồng. Trong phần Khen có nói lại chia làm hai: Một là, hai hàng hợp tụng Nhị trí của hai Phật. Hai là, hai hàng hợp tụng hai Phật, giải thích tán thán và tổng kết tán thán... Hai hàng đầu lại chia làm hai: nay giải thích câu đầu "Thế hùng" là tụng trí tuệ chư Phật bên trên. "Bất khả lượng" là tụng thậm thâm vô lượng bên trên, đây là tụng thật trí của chư Phật. Tiếp ba câu là tụng quyền trí của chư Phật bên trên. Đây có ba điều sai khác:

1. Trường hàng thì nêu người và nêu pháp cho nên nói "chư Phật trí tuệ", nay tụng chỉ tụng người, đem người để làm tốt pháp cho nên nói "Thế hùng".

2. Trên khai thán, nay hợp thán. Bởi nêu pháp và người riêng biệt, cho nên phải khai, chỉ nêu người cho nên phải hợp.

3. Trên nói hết thảy hàng nhị thừa không biết, nay nói tất cả loài chúng sinh không biết. Từ “Phật lực vô sở úy” trở xuống, một hàng sau, là tán thán nhị trí của đức Thích-ca. “Phật” là tụng lại câu “Từ khi ta thành Phật” ở trên, chính tụng thật trí, “lực vô sở úy...” là tụng các công đức, là tụng quyền trí, “các pháp khác” tức chỉ quyền hóa tha, là các thứ khác trợ giúp thật trí, chính tụng các thứ nhân duyên trên...Từ câu “Vốn từ” trở xuống sau hai hàng, hợp tụng hai ý giải thích khen và kết khen Phật. “Vốn từ vô số Phật, đầy đủ tu các đạo” là tụng phần giải thích tán thán chư Phật bên trên: “đức Phật đã từng thận cận trăm ngàn chư Phật trọn tu hết thảy đạo pháp”. “Pháp thậm thâm vi diệu” là tụng phần kết thán thật bên trên: “thành tựu pháp thậm thậm chưa từng có”. “Khó thấy khó rõ được” là tụng kết thán pháp quyền bên trên: “ý thú khó hiểu”. “Trong vô lượng ức kiếp, tu các đạo đó rồi” là tụng phần trên nói “đức Thích-ca tri kiến Ba-la-mật đều đã được đầy đủ”. Hai câu trên nêu nhân tu hành đầy đủ, một câu tiếp theo nêu quả đầy đủ, một câu “Ta đều đã thấy biết” là tụng phần kết nhị trí của đức Thích-ca bên trên: “tri kiến của Như Lai rộng lớn”. Hoặc có khi dùng bốn câu kệ hợp tụng hai trí quyền thật của Phật bên trên, văn chia làm sáu: l. “Thế hùng...” một câu, là tổng tụng hai trí của hai Phật. 2. “Chư thiên cùng người đời” trở xuống, ba câu: tụng nêu người. 3. “Phật lực” trở xuống, một hàng: tụng đức Thích-ca giải thích quyền thật. 4. “Vốn từ” trở xuống, một hàng: tụng chư Phật giải thích quyền thật. 5. “Trong vô lượng” trở xuống, nửa hàng: là tụng hành nhân bên trên. 6. “Đạo tràng được chứng quả” trở xuống, hai câu: tụng đắc quả bên trên.

Từ “Quả, báo lớn như vậy” có mười ba hàng rưỡi tụng phần Khen dứt nói bên trên. Văn chia làm năm phần:

1. Nửa hàng đầu “Quả, báo lớn như vậy” tức tụng cảnh bất tư nghì, chỉ nêu đầu và cuối của “thập như thị”, giữa thì lược, có thể biết, chữ “nghĩa” là tụng “cứu cánh đẳng”. Chữ “đại” trong câu một và “chủng chủng” trong câu hai như trong Huyền Nghĩa nói.

2. “Ta cùng mười phương Phật” nửa hàng, tụng lại phần: “Tóm yếu mà nói... đức Phật đều thành tựu”.

3.”Pháp đó không chỉ được“ nữa hàng, tụng lại phần bên trên: “Thôi! Không cần nói nữa”, thật tướng chẳng có nơi chốn, cho nên không chỉ bày được, không có đường ngôn ngữ cho nên nói “Vắng bặt tướng nói năng”.

4. Từ “Các loại chúng sinh khác” trở xuống, mười hàng rưỡi kệ: tụng nêu người không biết, bởi vì văn trường hàng bên trên nêu “Không

người nào biết nổi, cho nên “Thôi! không nói””: Trong phần tụng này nêu các hạng người không biết, văn chia làm tám phần nhỏ:

4.1. Nửa bài kệ đầu, thì nêu chung người không thể nhập, tức bảy phương tiện.

4.2. Hai câu từ “Trừ các chúng Bồ-tát” nêu người năng nhập, tức Viên giáo thập tín cho nên nói: “Người sức tin bền chặt”. Trường hàng thì nêu: “chỉ có Phật mới biết rốt ráo”, trong bài tụng thì nêu: “hàng sơ tín biết”, nêu xen nhau đó thôi!

4.3. “Các hàng đệ tử Phật” trở xuống, có một hàng rưỡi: nêu nhị thừa không biết,

4.4. “Giả sử đầy thế gian” trở xuống, một hàng nêu Thân-tử không biết.

4.5. “Dù cho khắp mười phương” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu các đại đệ tử Phật cũng không biết.

4.6. “Bích-chi-Phật trí lanh” trở xuống. hai hàng: nêu Bích-chi-phật cũng không hiểu.

4.7. “Bồ-tát mới phát tâm” trở xuống, hai hàng rưỡi nêu Bồ-tát phát tâm cũng không biết. “Phát tâm” là nói chung. Hoặc là có thể Bồ-tát lục độ trải qua ba A-tăng-kỳ mà chưa đoạn lậu hoặc, gọi là phát tâm. Hoặc là có thể riêng chỉ trong hàng nhân thiên bên trên tự nhiếp được lục độ mà phát tâm. Chung cũng như riêng, đều là phát tâm.

4.8. “Hàng bất thoái Bồ-tát” trở xuống, một hàng: nêu Bất thoái Bồ-tát cũng không biết. Thông giáo bất thoái đoạn giới nội Hoặc, cho nên không biết Biệt lý. Biệt giáo địa tiền cũng có chứng Vị bất thoái và Hạnh bất thoái, cũng không biết.

5. “ Lại bảo Xá-lợi-phất, vô lậu bát tư nghì” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng phần bên trên:”pháp khó hiểu chỉ có Phật mới biết cảnh thật tướng”. “Vô lậu bất tư nghì” tụng phần bên trên: kết tóm yếu quyền thật và cảnh “bảo Thôi!”. Một câu “Pháp thậm thâm vi diệu” là tụng văn bên trên “pháp đệ nhất hy hữu khó hiểu”. “Ta nay đã đắc đủ” trở xuống, ba câu tụng phần bên trên: “chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu cùng tột”. Nêu rõ chư Phật đạo đồng, đồng đều cứu cánh, cho nên nói “Chỉ ta biết tướng đó, Mười phương Phật cũng vậy” là giải thích bất khả tư nghì, như ngọc như ý không có sở hữu một hào ly mà có thể mưa các báu, thật tướng không sinh mà năng sinh Bát-nhã. “Vô lậu bất tư nghì”, một hàng rưỡi làm gốc, sinh ra bốn thứ giải thích, như trên nói. Từ “Vô lậu” nửa câu, giải thích mười pháp giới là gốc, mười như của mười pháp giới thâu tóm hết Lý tánh các phàm thánh không

sai sót, thâu tóm tam đế không sai sót, quyền thật trí không sai sót. Căn cứ bất tư nghì làm khai hiệp giải thích làm gốc tức quyền mà thật tức thật mà quyền cho nên nói bất khả tư nghì. Căn cứ pháp thậm thâm vi diệu dùng Phật pháp giới giải thích làm gốc đây có thể biết, ước theo câu "chỉ ta biết tướng đó" là ước về địa vị giải thích làm gốc đây cũng có thể biết...

Từ "Xá-lợi-phất nên biết, lời chư Phật không khác" trở xuống, ba hàng rưỡi, là lược khai tam hiển nhất động chấp sinh nghi. Căn cứ khai hiển, chia làm hai. Ban dầu nêu chư Phật hiển thật, sau nêu Đức Thích-ca khai tam, xen nhau nêu nhất biên đó thôi! "Lời chư Phật không khác", đây luận về chư Phật hóa đạo đồng. Tiếp đến hai câu khuyến tín, hai câu sau chính hiển bày thật, "Pháp của Phật lâu sau, cần phải nói chân thật" tức hiển chân, động cái chấp ngày xưa, sinh cái nghi ngày nay. "Nhất định chẳng phải ma làm Phật", chính do nghe lời này, đức Phật đã dùng lời chân thật khuyến tin, vì sao trở lại nghi? Vì phòng ngừa do nghi mà khởi tâm phỉ báng, cho nên phải khuyến tín.

Từ "Bảo các chúng Thanh văn" trở xuống, là nêu đức Thích-ca khai tam. Văn chia làm ba phần: Một hàng đầu chính nêu khai tam, muốn nêu cái sai lầm của nhị thừa, cho nên nói "đến chứng đắc Niết-bàn". Lại, giải thích "Ta khiến cho thoát khổ, đến chứng đắc Niết-bàn" là nêu lục độ Bồ-tát thừa. Vì sao biết? Vì tu hạnh lục độ thì thoát sự trói buộc trong bốn đường, nhưng chưa thể nhập diệt độ mà phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp và một trăm kiếp mới đắc Niết-bàn, nói "đến" là còn lâu xa mới kịp. Lại, hành lục độ thì trước là độ người, cho nên nói "Ta khiến cho thoát khổ", sau mới được vô lậu cho nên nói "đến chứng đắc Niết-bàn". Nghĩa đây suy nghĩ thì biết là Lục độ thừa. Lại, dùng số để suy tìm thì thấy ở câu dưới "Phật dùng phương tiện lực, dạy cho ba thừa giáo". Nếu không có ý chỉ đó thì sao gọi là ba? Không nên thêm số nhị thừa làm tam thừa. Tiếp đến nửa hàng, chính bài xích tam thừa đều là hư giả. Tiếp hai câu, nêu ý lập ra giáo Tam thừa. Ý đó là quyền dẫn lìa các khổ, chẳng phải là chân thật, chỉ là cửa phương tiện mà thôi!

Từ "Lúc bấy giờ trong đại chúng" trở xuống, là chúng khởi nghi đến thỉnh hỏi, do nghe nói ba thừa đó là ngụy, chỉ có một chân, chấp động sinh nghi. Văn làm hai phần: 1. Trình bày nghi. 2. Chính thỉnh quyết định. Phần Trình bày nghi lại chia làm hai phần nhỏ: Một là kinh gia trình bày, Hai là chính sinh nghi. Phần nhỏ một: nêu chúng một ngàn hai trăm người đều nghi, tiếp theo là nêu bốn chúng. Trên đã chê tam thừa đều là phương tiện. Bây giờ trình bày nghi chỉ ở hàng nhị thừa,

do chấp nặng nghi sâu nên riêng nêu lên, như đến phần dưới trình bày nghi, tức nói: “Bồ-tát cầu thành Phật, số nhiều có tám muôn”, cũng đều có nghi, cho nên biết là hàng tam thừa đều nghi mà lại riêng nêu nhị thừa đó thôi! Từ “Đều nghĩ rằng” trở xuống, là chánh nghi, lại chia làm hai phần: 1. Nghi Phật nhị trí. 2. Nghi mình sở đắc. Từ “cớ sao ân cần ngợi khen phương tiện” tức là tổng nghi quyền thật nhị trí. Từ “mà nói rằng pháp của Phật chứng rất sâu xa” là nghi thật trí, “có nói ra thì ý thú cũng khó biết” trở xuống là nghi quyền trí. Do nghe “Lời chư Phật không khác, Cần phải nói chân thật”, từ đây sinh nghi: vì sao Phật xưa thuyết, hàng tam thừa trí tuệ đồng chứng không sai khác, chỉ là tập khí còn sót lại hết hoặc chưa hết, mà nay bỗng xưng tán Nhị trí của Như Lai chẳng phải là điều ta theo kịp. Vì vậy cho nên nghi nhị trí của Phật. Từ “Phật thuyết một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng chứng được pháp đó” trở xuống, đây là tự nghi sở đắc. Tam thừa thánh đạo đúng là con đường quan trọng để giải thoát khỏi vòng sinh tử, ta tu lý này cũng đạt đến Niết-bàn, mà nay bỗng nói đều là phương tiện, chưa biết chân thật là thế nào? cho nên nói “chẳng biết nghĩa ấy về đâu?” Trên đây là chê Tam thừa là giả mà sinh nghi.

(Nhĩ thời) “Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất” trở xuống là phần thứ hai: Chánh thỉnh. Văn có ba phen thỉnh, hai lần bảo “Thôi!”.Kể cả văn trước thì gồm ba lần “thôi”, Dao sư và sư Long nói: Lần “thôi” ban đầu vì lý sâu khó hiểu, nên lần thỉnh ban đầu là vì tự tha cầu quyết nghi. Lần “ thôi “ thứ hai vì chúng kinh sợ nghi ngờ không tin, lần thỉnh thứ hai vì số đông chúng đã từ lâu gieo trồng trí tuệ ắt hiểu được. Lần “thôi” thứ ba vì chúng hủy báng sẽ đọa đường ác, lần thỉnh thứ ba vì lợi căn được lợi ích. Nay các sư có khi nói: Phật dự biết trước ba lần được lợi ích trước sau không đồng, cho nên ba phen “thôi” là đợi ba phen thỉnh vậy.

Lần thỉnh ban đầu, văn chia làm hai phần: 1. Trường hàng. 2. Kệ tụng.

Trường hàng lại chia làm hai: 1. Trình bày nghi. 2. Trình bày thỉnh. Trình bày nghi là nghi nhị trí. Trình bày thỉnh, là mình thỉnh và chúng thỉnh.

Phần tụng có mười một hàng kệ, văn chia làm sáu: 1. Hai câu tụng nghi thật trí. 2. “Tự thuyết pháp mình chứng” trở xuống, ba hàng: tụng nghi quyền trí. 3. “Hàng vô lậu La-hán” trở xuống, ba hàng: nêu tam thừa tứ chúng có nghi. Câu đầu nói La-hán, hai hàng cuối nêu Duyên giác, khoảng giữa gọi là “Cùng người cầu Niết-bàn” tức là nêu lục độ Bồ-tát. Vì sao biết được? Trên nói “đến chứng đắc Niết-bàn”, trong

đây gọi là “cùng”. “Cùng” là Bồ-tát đây tự cầu Niết-bàn, lại vì “cùng” người khác, cho nên khác nhị thừa, thì biết là Bồ-tát. 4. “Trong các chúng Thanh văn” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu Thân-tử nghi. 5. “Con từ miệng Phật sinh” trở xuống, một hàng nêu rõ Phật tử nghi. 6. “Các trời rồng thần thảy” trở xuống, hai hàng tổng nêu đồng nghi thỉnh. Xét rằng kệ tụng và trường hàng có thể lấy ý suy tìm, nếu không ở tụng thì ở trường hàng, đối với nghĩa chẳng cần gấp, không được rườm rà chia chẻ lời văn, cho nên lược thôi! Từ “Lúc ấy Đức Phật bảo” trở xuống, là hai lần bảo “thôi”, lại trình bày nghi để thỉnh, tất cả đều như văn kinh...

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4
(Phần Thượng)

II. Từ "Khi ấy đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất: "Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, đâu được chẳng nói" trở xuống, là rộng nêu khai tam hiển nhất. Gồm bảy phẩm rưỡi, văn chia làm ba :

1. Vì hàng thượng căn nói pháp.
2. Vì hàng trung căn nói thí dụ.
3. Vì hàng hạ căn nói nhân duyên đời trước.

Cũng gọi Lý, Sự, Hành. Theo như kinh Đại Phẩm cũng chia làm ba căn... Nay dùng mười nghĩa để giải thích:

1. Có chung có riêng.
2. Có Thanh văn không Thanh văn.
3. Hoặc có dày mỏng.
4. Căn chuyển không chuyển.
5. Căn có ngộ không ngộ.
6. Lãnh giải không lãnh giải
7. Đắc ký không đắc ký.
8. Ngộ có cạn sâu.
9. Ích có quyền thật.
10. Đợi thời không đợi thời.

1. Nêu chung, riêng: Vòng đầu, riêng thì gọi là nói pháp; chung thì đủ cả ba: như "một khi hoa Ưu đàm hiện", tức là nói Thí dụ, "nếu ta gặp chúng sinh thì tận tâm dạy Phật đạo", tức là nói Nhân duyên. Vòng giữa, riêng thì gọi là nói Thí dụ. Chung thì cũng ba: "ta trước há không nói đều vì giáo hóa Bồ-tát", là hợp Thí dụ, "một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba" tức là nói Pháp; "ở nơi hai vạn ức Phật thường giáo hóa ông" tức là nói Nhân duyên. Nếu nói văn này thuộc nói Pháp, thì có thể chấp nhận "Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa, tìm phương nghi cứu tế", tức là nói Nhân duyên. Vòng sau cùng, riêng thì gọi là nói Nhân duyên đời trước; chung thì cũng đủ ba: "đến thời Niết-bàn chúng

lại thanh tịnh khiến nhập Phật tuệ” là nói Pháp, “có một đạo sư” là nói Thí dụ. Để làm ra ba vòng, thì từ “nhiều”, từ “chánh”, từ “lược”, từ “bên”. Muốn khiến danh tự không bị lạm dụng thì đều căn cứ một Lý đó thôi.

Hỏi: Ba vòng vì người ba hạng căn cơ, một vòng chung có ba thuyết, một thuyết nên chung cho ba căn?

Đáp: Nói pháp chẳng những chỉ thích hợp với hạng thượng và trung thượng, mà còn có hạng trung hạ. Theo chánh, lược, bên, cho nên nói phù hợp với người thượng căn. Hai vòng còn lại cũng như vậy.

2. Nêu có Thanh văn không Thanh văn: Ngài Quang Trạch nói quyết định có Thanh văn thực hành; nếu nói không có thì thật quyền làm sao ứng? Ngài Khai Thiện giải thích: Không có Thanh văn thực hành, và dẫn kinh Thắng-Man nói: hàng tam thừa sơ nghiệp không ngu ở pháp, ngoại phàm đã biết Nhất thừa, sao lại có Nhị thừa còn chấp tiểu quả? Kinh nêu có (hữu), thì là quyền vậy. Hai vị này còn thiên chấp, trái với kinh, lầm nghĩa. Nếu quyết định có, thì kinh sao lại nói: “không có đệ tử Thanh văn, chỉ giáo hóa các Bồ-tát”? Nếu quyết định không, thì ai nhập hóa thành? Cũng không có ba thừa để hội nhập và quyền làm sao dẫn? Nếu nói thật có, vì quyền dẫn, thì cũng nên thật có tam tạng Phật, lại vì quyền tam tạng Phật dẫn dắt. Nếu thật không có Phật này mà chỉ có quyền Phật, thì ý gì Phật không chấp nhận: Chỉ có quyền Thanh văn mà không có thật Thanh văn ư? Nghĩa đây không đúng. Nếu thật có đoạn Hoặc giới nội, gọi đây là thật mà quyền ứng vậy, thì chỗ nào có Phật đoạn Hoặc giới nội, mà có quyền Phật ứng với Phật đây? Nay nói là có, và không thể thiên chấp. Nếu theo sự này, tức cho Trưởng giả là Thực trí, đến quan sát thì không có việc giả làm Khách. Nếu cho rằng căn tánh của gã cùng tử là thực trí, thì chính tự nó đã biết là người nhận tài sản rồi!

Pháp Hoa luận nói có bốn thứ Thanh văn:

1. Quyết định.
2. Thượng mạn.
3. Thoái đại.
4. Ứng hóa.

Hai hạng trước chưa thuần thục, không được thọ ký; hai hạng sau được thọ ký. Nếu theo kinh này thì phải có năm hạng:

1. Đã từ lâu huân tập Tiểu thừa, đời nay đạo thuần thục, nghe giáo Tiểu thừa mà chứng quả, như Luận gọi là Quyết định Thanh văn.

2. Vốn là Bồ-tát tu đạo nhiều kiếp, thời gian giữa lại nhàm chán

sinh tử mệt mỏi, nên thoái đại chấp tiểu. Kinh Đại Phẩm gọi là hạng Thiện căn biệt dị. Vả lại, Phật để thành tựu tiểu đạo cho họ mà thuyết tiểu giáo, dạy họ dứt bỏ phiền não, gieo mầm nhân cho pháp sinh ra. Tuy thoái đại nhưng huân tập theo tiểu giáo chưa lâu, do đó gần lý thì dễ ngộ, như Luận gọi đây là Thanh văn thoái lui Bồ-đề.

3. Do hai hạng này nên chư Phật chư Bồ-tát bên trong là ẩn hạnh Bồ-tát, bên ngoài thì hiện tướng Thanh văn, thành tựu dẫn dắt khiến cho chúng sinh nhập đại đạo, như Luận nói là Ứng hóa Thanh văn.

4. Nếu thấy hai thứ quyền thật, có thể vượt ra ngoài sinh tử, ưa thích Niết-bàn tu giới định tuệ, có quán tuệ yếu, chưa nhập tương tự vị, sắp có sở đắc, mà cho là chứng quả, đây gọi là chưa đắc mà nói đắc, chưa chứng mà nói chứng, thì Luận gọi là Tăng thượng mạn Thanh văn.

5. Đại thừa Thanh văn, dùng Phật đạo thanh để cho tất cả được nghe văn. Nếu từ hai thứ: Quyết định và Thoái Bồ-đề, thì có Thanh văn. Nếu theo lý Đại thừa, thì không thiêu thân diệt tâm để vĩnh viễn trụ Hóa thành, mà cuối cùng trở về Bảo sở. Thật đã vậy, thì không có quyền, cho nên không có Thanh văn. Nếu là tăng thượng mạn, tức đã chưa nhập vị, thì chẳng phải thật. Lại, chẳng ứng hóa thì chẳng phải quyền. Nếu hiểu được ý này, thì có hay không đã rõ ràng đâu cần khổ công tranh luận! Lại nữa, chỉ căn cứ Đại thừa Thanh văn mà luận về có không: Nếu là quyền tác ứng hóa, ngoài hiện tích Tiểu thừa, trong ẩn chứa đại đức, thì gọi là không có Đại thừa Thanh văn. Nếu từ tự hành mà phát tích hiển bản, thì nói có Đại thừa Thanh văn. Nay ý chính khai tam hiển nhất, tức vì hạng Thanh văn quyết định và thoái Đại, khiến trở thành Đại thừa Thanh văn. Tự hành đã lập, tức có thể biến hóa làm Ứng hóa Thanh văn. Nếu hiểu được ý này, thì thấu đạt có không.

3. Hoặc có dày, có mỏng: Sư Dao nói: "Tam căn đắc quả rồi sau du quán vô sinh, lý vô sinh là một, và xuất quán duyên ba giáo thì khác. Vì ba giáo hẳn nhiên là khác, nên nghi hoặc cái Lý vô sinh là một, nghĩa là Giáo đã là ba thì sao Lý lại dung chứa một? Lại, theo Lý một mà nghi hoặc ba giáo, Lý đã là một, thì Giáo sao lại được ba? Do dự giữa Giáo và Lý, lúng túng về được và mất. Theo Lý mà nghi hoặc Giáo, thì có nghĩa được; theo Giáo mà nghi hoặc Lý, thì có nghĩa mất. Hàng thượng căn theo Lý mà nghi hoặc Giáo, tình nhiều, nên vừa nghe pháp thuận tình liền ngộ. Hàng hạ căn theo Giáo mà nghi hoặc Lý, tình nhiều, nghe pháp nói không có ba giáo, trái với suy tính trước đây, nên phải ba phen nghe mới hiểu. Hàng trung căn ở giữa hai bên, nghe nói

pháp thì không ngộ, mà nghe thí dụ thì liền hiểu.

Nay cho rằng giải thích ba căn đó chưa hẳn phải như vậy. Ba hạng căn cơ này phân vân những Giáo Lý nào? Nếu lúng túng về Lý, Giáo Tiểu thừa, thì nghi-hoặc chưa dứt hết, vẫn còn chưa phải là người đã dứt bỏ phiền não chứng sơ quả. Nếu lúng túng về Lý, Giáo Đại thừa, thì Đại thừa rõ ràng hoàn toàn khác, đâu từng lạm dụng Tiểu thừa? mà nói là phân vân ư? Nếu theo Tiểu thừa mà nghi hoặc Đại thừa hay theo Đại thừa mà nghi hoặc Tiểu thừa, thì như vậy trước đó chưa bài xích phương tiện sao lại bỗng nhiên nhập xuất du quán vô sinh? Nếu cho rằng có sẵn phân vân, thì đã sinh nghi ngờ đã động lòng chấp, chẳng phải mới bắt đầu ngày nay. Nếu trước đã động chấp sinh nghi, thì khi nghe khai tam hiển nhất tức phải biết, làm sao bỗng còn có kinh nghi? Tiến thoái không căn cứ, cho nên không dùng kiểu giải thích đó. Nay nói căn thì có lợi độn, đều luận về căn tánh Đại thừa mà nghi hoặc thì có dày có mỏng, Căn cứ vào Biệt hoặc mà nói thì gồm có bốn câu:

1. Hoặc nhẹ, căn lợi.
2. Hoặc nặng căn lợi.
3. Hoặc nhẹ căn độn.
4. Hoặc nặng căn độn.

Nếu Biệt hoặc nhẹ đại căn lợi, thì lần đầu nghe liền ngộ. Nếu Hoặc nặng căn lợi, thì nghe lần thứ hai mới hiểu. Nếu Hoặc nhẹ căn độn, thì ba phen nghe mới quyết. Câu thứ tư, mặc dù ba phen nghe mà không thể đắc ngộ, thì chỉ là chúng kết duyên đó thôi! Hoặc là có thể hai câu đầu đều là căn lợi, đồng là thượng căn. Hoặc là có thể hai câu giữa là trung căn hạ căn... Lại nữa, căn cứ phẩm đầu của ba lớp vô minh. Lại sơ trú Trung đạo, như lần đầu thuyết pháp thì hạng thượng căn dứt sạch ba lớp vô minh trong chốc lát, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát, được thọ ký Bồ-đề, hạng trung căn thì đoạn trừ hai lớp vô minh; hạ căn đoạn trừ một lớp. Tiếp đến khi thuyết thí dụ, thì hạng trung căn đoạn hết lớp vô minh thứ ba, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát, được thọ ký biệt; hạng hạ căn tiến tới đoạn được lớp thứ hai. Tiếp đến khi nghe nói nhân duyên, thì hàng hạ căn đoạn trừ hết lớp thứ ba, khai tri kiến Phật, nhập địa vị Bồ-tát. Theo như Tiểu thừa, nếu mười sáu tâm chưa đủ thì không được gọi là Sơ quả, đủ mười sáu tâm mới được gọi là Tu-đà-hoàn.

4. Nêu có chuyển căn không chuyển căn: Xưa nói hàng thượng căn lần đầu nghe thuyết pháp liền ngộ, hạng trung căn thì chuyển lên đồng hàng thượng căn, hạng hạ căn tiến lên đồng hàng trung căn. Khi

nói thí dụ thì hạng trung căn trước nghe rồi thành thượng căn, tức có thể đắc ngộ, hạng hạ căn chuyển thành thượng căn. Tiếp đến, khi Phật nói nhân duyên thì hàng hạ căn nghe rồi đồng với thượng căn, cho nên liền đắc ngộ. Nếu thế thì chuyển hạ thành thượng. Khi nói nhân duyên thảy đều là thượng căn vì lợi thì đồng nhau, sao lại còn gọi là hạng độn căn đợi nói nhân duyên? Nếu chuyển thành thượng căn, thì đồng ngộ như thượng căn. Nếu như chưa ngộ, còn chịu gọi là độn, thì không có nghĩa chuyển căn. Ví như Thân-tử nghe lần đầu, Mục-liên nghe lần thứ hai đồng đắc sơ quả. Nếu cả hai đều lợi, thì không còn có hơn kém. Nếu còn gọi là lợi và độn, thì nghĩa chuyển căn ấy không thành. Chúng sinh tâm thần bất định, gặp ác duyên thì chuyển lợi làm độn, gặp thiện duyên thì chuyển độn làm lợi. Đời trước gặp Phật nghe pháp tự có chuyển hạ căn trung căn làm thượng căn, đều nghe nói pháp liền được ngộ; tự có chuyển hạ căn làm trung căn, nghe nói thí dụ được hiểu. Hạng hạ căn không chuyển thì ba vòng mới hiểu. Như đây chuyển căn không giống như xưa giải thích. Ví như ba đao chém gỗ, cái thứ nhất: bén (lợi),cái thứ hai: trung bình, cái thứ ba: cùn (độn), gọi là có lợi độn khác nhau, nhưng nơi gỗ bị đứt thì đồng, không sai.

Hỏi: Hàng tam căn nhập Sơ trụ vị, còn có lợi độn không?

Đáp: Chân thật tu hành Thể hiển bày thì không sai biệt.

Hỏi: Nếu vậy hàng Sơ trụ trở lên, lại khởi duyên tu, thì có hơn kém không?

Đáp: Đây người đồng địa vị, không còn hơn kém. Chân thật tu thì Thể dung hợp há có gì sai khác ư?

5. Nêu có ngộ không ngộ: Trong kinh phần nhiều nói Bồ-tát là bậc thượng căn, Duyên giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Nếu nói Bồ-tát là thượng căn, thì phải đều được ngộ khi nghe nói pháp, Duyên giác phải đều được hiểu khi nghe nói thí dụ, Thanh văn phải đều được ngộ khi nghe nói nhân duyên? Tuy nhiên, trong kinh mà chỉ một lần xem qua, rồi phân biệt rõ ra ba căn, cho đến phân biệt ngộ giải, thì về nghĩa chưa hẳn đúng. Kinh này chỉ thấy Thanh văn được hiểu, không thấy Bích-chi-phật. Vì Bích-chi là trung căn, đã gặp Phật xuất thế, nhập vào số Thanh văn, tùy căn được ngộ, nên không nêu riêng Duyên giác. Cho nên Thân-tử thỉnh kệ rằng "Hạng người cầu Duyên giác, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni". Y văn này thì biết hạng Duyên giác nhập vào số bốn chúng. Lại, Phẩm Pháp Sư nói: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, sao lại không có Duyên giác được hiểu ư? Xưa nói Bồ-tát là thượng căn, không hẳn tất cả đều là lợi căn, mà nói

theo số nhiều là thượng căn. Nếu mà tâm chấp dễ chuyển, vốn là họ có hoài bảo cầu Phật, chỉ vì chấp quá ba trăm hội (chỉ cho số pháp hội rất nhiều trong một đời thuyết pháp của Đức Phật) rồi tức cầu cận quả, thì nghi này dễ ngộ. Tam căn Bồ-tát cùng nghe nói pháp được hiểu, thượng căn thì nghe lược nói pháp ngộ ngay, trung căn thì tại thời đầu của quảng thuyết, hạ căn thì cùng ngang bằng Thân-tử. Nay nói Bồ-tát tức nêu chung, chỉ cần phát tâm Đại thừa, thì đều là Bồ-tát, đâu cần phải đều là lợi căn, và số ngang bằng Thân-tử cũng còn ít, đâu được trước nghe nói pháp vòng đầu rồi đều được ngộ? Nếu thế, thì trong phần lưu thông sau khi nghe Phật thuyết Thọ Lượng vì sao các Bồ-tát liên tiếp được ngộ Vô sinh nhẫn, phát Bồ-đề tâm? Xưa nói: “Các vị ngộ trong phẩm Thọ lượng, đều là pháp thân, tăng đạo tổn sinh”. Nay nói không như vậy. “Có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa người đắc Vô sinh pháp nhẫn”, khi nghe phẩm Thọ Lượng họ mới đắc nhẫn này, nên biết trước Thọ Lượng chưa phải là pháp thân, cho nên biết Bồ-tát đắc ngộ không thể hạn cuộc tại lúc đầu của vòng thứ nhất.

Hỏi: Bồ-tát đắc ngộ suốt từ đầu đến cuối, hàng Nhị thừa đắc ngộ có lẽ đến cuối sau?

Đáp: Ba vòng định thiên tánh của cha con đã xong, thì đều gọi là Bồ-tát. Nếu ngộ sau, thì cũng gọi là Bồ-tát ngộ.

6. Nêu có lãnh giải không lãnh giải: Nếu Tam thừa đồng ngộ, vì sao chỉ thấy Thanh văn lãnh giải, hai thừa kia thì không có? Nay nói rõ: Không có Phật xuất thế thì gọi là Độc giác. Nghe Phật thuyết pháp thập nhị nhân duyên thì gọi là Duyên giác. Đã nhập vào trong số Thanh văn đắc ngộ lãnh giải, thì đều không nêu riêng, đại ý có thể biết. Thân-tử, Ca-diếp... đều là căn tánh trung thừa, cho nên hàng Thanh văn lãnh giải gồm luôn cả Duyên giác, không nhọc công nêu riêng. Lại, trong tứ chúng có người phát tâm Duyên giác, trong số đó người đắc ngộ tức chẳng phải chỉ một người. Phẩm Tín Giải nói: “Mật sai hai người đuổi theo bắt đem về” tức là nghĩa kia. Bồ-tát không lãnh giải, nghĩa là từ trước đến nay Giáo không nêu Thanh văn được thành Phật, nay kinh này mở cho họ con đường trở về Đại thừa, chính bởi sợ hiểu lầm lời Phật nên đối trước Phật, họ trình bày sự hiểu biết ấy. Bồ-tát không như vậy, cho nên không lãnh giải. Lại, ý kia có ba:

1. Bản ý Bồ-tát cầu thành Phật, dù có chấp khác mà chấp nhẹ, cuối cùng cũng trở về chấp quả thành Phật, không có sự lo lắng “không đắc”. Nay nghe thuyết ba vòng, chỉ là đúng với quán tuệ của mình, cho nên không cần lãnh giải.

2. Bồ-tát ngộ Đại thừa thì khắp các kinh đều có nói, Nhị thừa làm Phật thì mới bắt đầu nói từ kinh này. Theo ý chính mà lưu truyền nên lược bớt phần Bồ-tát lãnh giải. Hoặc là ở Phạn văn thì có, Hán văn thì lược, không ghi chép?!

3. Ở vị Bồ-tát tu hành rất sâu, hàng tân học tiểu Bồ-tát không dám lãnh giải, đến khi Phật thuyết Thọ lượng xong, bảo ngài Di-lặc rằng: tất cả đều lãnh giải, bắt đầu từ Vô sinh pháp nhẫn đến cuối là còn một đời nữa sẽ thành Nhứt thiết trí đó là lãnh giải đầy đủ, lại còn mong cầu điều gì nữa?

7. Nêu Đắc ký không đắc ký: Nếu đồng đều lãnh giải, thì cớ sao Thanh văn được thọ ký, mà không thấy Duyên giác, Bồ-tát được thọ ký? Đây cũng có ba ý :

1. Xưa kia nói Nhị thừa không thể phát tâm nhập vị Chánh giác, thì do đâu mà được thọ ký? Nay đã ngộ Đại thừa, vui với sự quyết định khác, cho nên được thọ ký về kiếp và cõi. Bồ-tát phát tâm cầu Phật, tu hành thành tựu, tự cảm thấy đủ, nên không ham thích cầu mau làm Phật, cũng không cần gấp được Phật thọ ký. Vả lại, giáo lý trước đây, đều có thọ ký cho Bồ-tát, đây là thường thuyết, nay theo chính yếu mà truyền, giải thích như trước...

2. Bồ-tát cũng được biệt ký: Điều Đạt và Long nữ, đâu chẳng phải được thọ ký ư? Lại phẩm Pháp Sư nói: "Người cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, cầu Phật đạo, các loại như vậy đều ở trước Phật nghe kinh Pháp Hoa, ta đều thọ ký cho họ sẽ đắc Tam-bồ-đề", đó há chẳng phải đều được thọ ký ư?

3. Hàng Nhị thừa từ xưa đến nay chưa từng được thọ ký tám tướng, cho nên thọ ký cho họ về kiếp và cõi nước; Bồ-tát trước đã từng được thọ ký, cho nên không lặp lại đó thôi! Hàng Sơ trụ đã được thọ ký nông gần, chẳng phải là điều mà Bồ-tát ưa thích, điều mà Bồ-tát ưa thích chính là thọ ký xa đến Viên mãn Diệu giác tột cùng cực. Cho nên nghe phẩm Thọ Lượng xong thì vô số chúng sinh được lợi ích lớn, từ thấp nhất là hạng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đến cao nhất là Đại Bồ-tát một đời sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là do ở Diệu nhân mà được quả viên đốn tột cùng, đây mới là pháp thân Bồ-tát được ký biệt, sao gọi là vô ký ư!

Hỏi: Nếu Tiểu thừa ngộ Đại thừa, lẽ ra đồng thọ ký pháp thân sao chỉ được thọ ký tám tướng ư?

Đáp: Tám tướng là ứng ký, đã được ứng ký thì biết chắc chắn là có bản, vì muốn khiến cho hữu tình biết nghe cùng kết duyên mai sau,

nên ứng ký cho đó thôi!. Lại nữa, Nhị thừa đây nếu nghe được Thọ lượng thì đồng tổn sinh, được thọ ký pháp thân vậy.

8. Nêu ngộ có cạn sâu: Đã một phen đồng phá vô minh chứng nhập Sơ trụ, tất ít nhất cũng phải soi sáng chổ tối tăm, ban đầu nghe nói pháp mà còn nhập Phật tuệ, lại nghe nói Thí dụ đâu thể không sáng thêm, lại nghe Lý nhân duyên tức tự tăng tiến, lại nghe Thọ lượng, càng thêm sâu xa. Như người nghe pháp, nghe lại ắt phải hơn trước. Còn nghĩa đơn, phức, dày, mỏng có thể biết.

9. Nêu Quyền Thật được lợi ích không đồng: Có một giải thích rằng: "Hành ở Thật được lợi ích, hành ở Quyền chỉ là tiếp dẫn ảnh hưởng, không luận đến lợi ích kia". Nay nói rõ không như vậy. Nếu đến phẩm Thọ Lượng thì quyền thật đều được lợi ích, tăng đạo càng cao, tổn sinh càng hết, gần viên bên cạnh cực thì chỉ có Nhất sinh, đâu chẳng phải quyền ấy lợi ích ư? Do đó ban đầu là khiến ảnh hưởng đều thuần thục ở hành thực, sau nói quả tột cùng thì đạo tự sáng tỏ. Văn nói: "Xuất nhập lợi tức biến khắp các nước khác". Sinh lợi tại nước khác tức là lợi mình, Thật hành được lợi ích, do nơi Quyền dẫn, công hóa tha trở về mình, Quyền cũng được lợi ích. Cho nên, một âm diễn thuyết pháp mà chúng sinh tùy loại đều được hiểu hết, đâu cần phải đợi đến khi nghe Thọ lượng?... Lại, ta tự muốn được đại pháp chân thật thanh tịnh này tức là tự lợi ích.

10. Nêu đợi thời, không đợi thời: Như thế trước không ngộ, ắt đợi Pháp Hoa mới ngộ gọi là "đợi thời". Giáo trước Pháp Hoa đã giải gọi là không đợi thời, vì sao vậy? Phật có hai thuyết: hiển và mật. Nếu theo hiển thuyết mà luận, thì trước Pháp Hoa hàng Nhị thừa chưa ngộ Đại đạo, chủ yếu cần phải có năm vị điều hòa thuần thục hội tại Pháp Hoa, cho nên kinh nói: "Vì thời thuyết chưa đến. Nay chính là đúng thời, quyết định thuyết Đại thừa", đây tức đợi thời vậy. Nếu theo mật, thuyết mà luận, thì chưa hẳn đợi đủ năm vị tại Pháp Hoa mới hội. Vì trước đó bí mật có nhập, nên gọi là không đợi thời, đây chính là theo nghĩa Đại mà xét thời hay không thời. Nếu căn cứ ba vòng, thì cũng là đợi thời không đợi thời. Hai môn bản tích, cũng là đợi thời không đợi thời; cho đến có ngộ nhập trước sau, tức là ý này.

Hỏi: Có một thứ căn tánh chẳng mật chẳng hiển, hai thời không nhiếp, đúng là mất thời cơ vĩnh viễn không được ngộ ư?

Đáp: Các kinh khác có khi nói đây là thất thời, kinh này không như vậy. Người này tuy nơi mật hiển hai thời không ngộ, tuy tưởng là diệt độ, nhưng là sinh ở cõi kia được nghe kinh này. Cho nên, không thất

thời (mất thời) mà chính là đợi thời ở cõi kia.

Hỏi: Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi, nên gọi là thất thời ư?

Đáp: Số người này nên coi là người hoằng kinh sau khi Như Lai diệt độ, thọ sự lợi ích.

Hỏi: Thân-tử vòng đầu tiên vì hàng tam căn tứ chúng mà thỉnh, vòng thí dụ vì hàng trung căn hạ căn mà thỉnh, vì sao nói đức Phật đều vì ba hạng căn cơ, ba vòng thuyết pháp ư?

Đáp: Đây là ngữ không tiện, thỉnh thì vì tất cả mà thỉnh, thuyết thì cũng vì tất cả mà thuyết, nhưng hàng thượng căn lợi trí nghe pháp thì đắc ngộ, hạng trung căn ở vòng giữa sau khi nghe thí dụ thì đắc ngộ, hạng hạ căn ở vòng sau sau khi nghe ba lần thì đắc ngộ. Ông nên theo nghĩa, sao lại theo ngữ (lời nói).

Hỏi: Đời trước là pháp sự quá khứ, thí dụ là việc hiện tại phải không?

Đáp: Kinh không có văn nghĩa, nhưng suy ra nên như vậy. Dẫn tam trở về nhất, tam hướng về nhất, nhất như thế chính là hiện tại. Nêu sự làm thí dụ, thí dụ tức là hiện tại, chuẩn sau hướng về trước, nên đúng như ông đã hỏi.

Hỏi: Xưa cho rằng ngũ trược làm chướng Đại, bốn câu giải thích như trước nói: Có người thì đoạn kiến hợp với vô minh chung làm chướng. Theo Pháp Hoa luận nói: "Người không phiền não mà có tâm nhiễm mạn, thì không biết nhất thừa pháp thân thường trú". Nếu hàng bác địa (là hạng người biết nhiều) không chấp Niết-bàn mà không nghe pháp, tức là chỉ riêng vô minh làm chướng. Nếu vậy là sẽ ba vòng nghe pháp rồi phá vô minh, hay là chưa nghe pháp mà phá vô minh? Nếu nghe pháp rồi phá, thì vô minh chẳng phải là chướng? Nếu chưa nghe pháp mà phá được vô minh, thì đều là lo lắng, không có chướng? nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Đó là người ấy lập nghĩa, nay vì kia thông. Ví như đèn sáng thì bóng tối mất, không thể định đoạt kia trước hay sau. Tuy không trước sau, mà tối thì nhất định là chướng...

Hỏi: Kinh Thắng Man nói: "Sơ nghiệp của tam thừa không ngu muội nơi pháp, tự biết sẽ giác tri". Kinh Ưu-bà-tắc Giới quyển mười bốn nói: "Nhị thừa tự biết đắc Bồ-đề lại còn chấp quả Tiểu thừa". Lại, quyển mười ba nói: Người biết thì dễ, người hành mới khó. Tuy biết nhất thừa mà chấp thủ La-hán. Hai kinh kia đều nói biết, kinh này vì sao tam căn về sau vẫn tự không biết? Ban đầu nghi, sau ngộ, nghĩa đây như thế nào?

Đáp: Kinh này cũng nói biết. Văn nói: "Nếu thật đắc La-hán mà không tin pháp này, thì không có chỗ ấy; trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không có Phật". "Người này tuy khởi tưởng là diệt độ nhưng nếu gặp được đức Phật khác thì được quyết liễu". Gồm có ba ý:

1. Trước nêu biết.
2. Tiếp nêu không biết.
3. Sau cùng hợp qui về biết, không phải vĩnh viễn không biết.

Lại, Thân-tử nói: "Nay ở trước Phật, chúng đều rơi vào nghi hoặc, ta nay không biết nghĩa ấy về đâu?". Lại, thời đức Phật Đại Thông, thì Thanh văn phần nhiều sinh nghi hoặc, họ được thấy Phật nghe pháp mà còn nghi không biết, huống chi không thấy nghe, thì sao bỗng được biết? Nếu chấp hai lời văn trên, thì mâu thuẫn lẫn nhau, chỉ tăng thêm sự cạnh tranh, đối với đạo đâu có lợi ích? Luận ấy nên ngưng lại, có thể luận các việc khác. Thanh văn thành Thánh năng biết hay không năng biết, chỉ có cảnh giới Phật mới rõ, không phải chổ có thể luận bàn. Nay thử làm sáng tỏ tam thừa sơ nghiệp. Sơ nghiệp có hai: nếu lâu xa là sơ nghiệp từng nghe Đại, thì không ngu muội đối với pháp. Nếu chấp nhận trung gian quên, ngày nay học Tiểu thừa, bắt đầu tu Niệm xứ làm sơ nghiệp, thì không biết nghĩa ấy như thế nào? Nếu hiểu được ý đây, lấy Quyền làm sơ nghiệp thì có thể biết, lấy Thật lamà sơ nghiệp thì không thể biết. Có người nói: "Người lợi căn thì có thể biết, người độn căn thì không thể biết". Đây lẽ ra có bốn câu: Quyền làm lợi độn, chỉ bày đều không thể biết, Quyền làm lợi độn, chỉ bày đều năng biết, Quyền làm lợi độn, nghe thì năng biết, không nghe không biết, Quyền làm lợi độn, đều chỉ bày chẳng biết chẳng không biết. Nay không dựa vào đây để phê phán, mà chỉ chọn quyền thừa tức trong tâm liễu liễu, từ lâu đã biết Thật thừa. Người tu hành vì chưa đắc nhập Đại, cho nên không biết. Đối với nghĩa tự hiển bày...

Hỏi: Duyên giác xuất hiện gặp thời không có Phật vì sao ba vòng được có Duyên giác?

Đáp: Thích Luận nói: "Duyên giác và Độc giác: Độc giác xuất hiện gặp thời không có Phật, Duyên giác nguyện sinh vào thời có Phật". Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát hạ xuống Đâu-suất phóng hào quang chiếu sáng, giác thì xả thân, không giác thì dời đi. Đại kinh nói: Tuệ tinh. Trung luận nói: Bích-chi-phật xuất thế, thì Phật pháp đã diệt, đây là người Độc giác. Nguyện sinh đời có Phật, trước đắc sơ quả mười bốn đời chưa mãn, gặp Phật thì thành La-hán, không gặp Phật thì thành Độc giác. Kia đã gặp Phật cũng không xả thọ mạng cũng không

bị dời đổi, nguyện thấy Phật cho nên nhị quả tam quả theo lệ thường thì như vậy. Lại, có Bộ hành Duyên giác, vào thời không có Phật thì thầy trò dạy bảo giáo hóa. Đây nên có hai hạng: Sau thời không có Phật, không có văn tự, chúng sinh căn độn, thì Bích-chi-phật không thuyết pháp, đây không phải Bộ hành. Bộ hành là năng thuyết pháp. Lại, có biến hóa Duyên giác, để thích ứng với người muốn thấy thì hiện thân Duyên giác. Nay trong pháp hội qua ba vòng có Duyên giác, nghĩa kia có thể tự hiểu...

Vòng đầu tiên nói pháp, văn chia làm năm phần:

1. Từ "Ông đã ân cần ba phen thỉnh đâu được không thuyết" đến hết quyển (hết phẩm Phương Tiện), chính là Phật nói pháp.

2. Từ đầu quyển thứ hai (phẩm Thí Dụ) đến hết phần kệ tụng đầu tiên, là Thân-tử lãnh giải.

3. Từ "Ta nay ở trong hàng trời người" đến "Phật sở hộ niệm", là Phật thuật lại sự thành tựu.

4. Từ "Ông ở đời sau" đến "Nên phải tự vui mừng", là thọ ký.

5. Từ "Bấy giờ bốn bộ chúng" đến "Trọn hồi hướng Phật đạo" là bốn chúng hoan hỷ.

Phần 1: Có Trường hàng và Kệ tụng:

Trường hàng chia làm ba:

1. Hứa (chấp thuận).

2. Thọ chỉ.

3. Chánh thuyết.

- Hứa văn chia làm ba:

1. Thuận hứa.

2. Giới hứa.

3. Giản hứa.

"Ông đã ba phen thỉnh" là thuận hứa. "Ông nay lắng nghe" là giới hứa, "lắng nghe" là Văn tuệ, "khéo suy nghĩ" là Tư tuệ, "nhớ đó" là Tu tuệ. Đại kinh nêu bốn thiện pháp làm nhân đại Niết-bàn: Thứ nhất là Như Lai thiện tri thức. Ba thứ còn lại có thể hiểu. "Khi Phật nói lời ấy" là giản (chọn lọc) chúng hứa. Năm ngàn người còn ngồi trong pháp hội cho nên đức Như Lai ba lần nói "thôi", nay sẽ hứa thuyết, do uy thần của Phật khiến bọn họ bỏ đi, nên nói: chọn lọc chúng. Do ngũ trược chướng nhiều, gọi là "tội nặng". Chấp Tiểu che lấp Đại, gọi là "gốc sâu". Chưa đắc mà cho là đắc, gọi là "thượng mạn", chưa đắc ba quả chưa chứng Vô học. "Có lỗi dường ấy" tức là ba thứ lỗi: chướng, chấp và mạn. "Mà không ngăn cản", trên nghe khai tam hiển nhất, mới

nói sơ lược nghĩa mà họ đã ẩn chứa sự ngờ vực, nhưng sinh phỉ báng, huống là nói đủ nhân duyên cất giữ hạt châu, cho nên họ bỏ đi thì có ích. Nếu nghe rộng về khai tam hiển nhất, trái với tình, họ khởi tâm phỉ báng, thì có tổn hại. Vì vậy cho nên Phật không ngăn cản. “Trong chúng đây không còn cành lá”,vì cành lá thì vụn vặt không thể làm đồ dùng, hạng này chấp phương tiện trong phương tiện, chẳng phải là pháp khí Đại thừa. Đại Phẩm nói: “Bám lấy cành lá mà bỏ gốc rễ, thì người ấy không thông tuệ”, tức là nghĩa này. “Lui về cũng là tốt” đã vì Tiểu mà tự che lấp, lại cản trở ánh sáng Đại của chúng khác. Nay thoái lui không chỉ trích phỉ báng pháp, và không có lỗi làm chướng ngại người khác, cho nên nói “tốt”. Trước đó vì cành lá chưa bỏ nên Như Lai ba phen nói “thôi”. “Chỉ còn hạt chắc”, “nguyện nghe”, cho nên Thân-tử thỉnh lần thứ tư. Thầy trò cùng xem xét kỹ căn cơ trong chúng, không phải riêng trò khẩn khoản thôi vậy.

Hỏi: Đức Phật đại từ bi, sao không dùng thần lực khiến cho họ vẫn ở trong hội mà không nghe được, như trong kinh Hoa Nghiêm Thanh văn nghe mà như câm điếc, sao không tăng tình trạng “độc cổ”(tiến trống độc) như trường hợp hai Tỳ-kheo tên Hỷ-căn và Thắng-ý?

Đáp: Mỗi mỗi đều có nguyên nhân: Ở tận cuối thời Hoa Nghiêm mới bắt đầu khai tiệm, chưa phá chấp Tiểu thừa cho nên cùng ngồi trong một pháp hội mà có cách biệt. Nay pháp của chư Phật lâu sau tất yếu phải nói chân thật. Chính muốn diệt hóa phá am, nên cần phải chọn cho đi. Nếu dù bỏ đi hay ở lại đều phỉ báng, thì phải như Hỷ-căn mạnh thuyết. Nay bỏ đi thì có ích, sao bỗng khiến ở lại? Ở lại thì có tổn hại, sao bổng không khiến cho đi? Nếu như Hỷ-căn vì lòng từ mà mạnh thuyết, thì đức Như Lai vì tâm bi cho nên khiến họ đi.

Hỏi: Năm ngàn người nến ở lại trong pháp hội thì không được lợi ích, vậy đi thì có ích gì?

Đáp: Đây chẳng phải chúng đương cơ, mà là chúng kết duyên đó thôi! Đã như trên nói: “Xưa vào thời đức Phật Đại Thông cũng có vô lượng chúng sinh tâm sinh nghi-hoặc, đời đời cùng sinh với Thầy, nay đều được độ”. Chúng này cũng như vậy. Khi thuyết Đại kinh có một vạn năm ngàn ức người đối với kinh này không sinh tín tâm, những người ấy ở đời vị lai cũng sẽ được tin. Theo lệ thường, lợi ích này là ở chổ không chờ đợi lâu. Trong kinh Kim Quang Minh nói ở cõi Diêm-phù-đề có hai hạng người, cũng là theo ý đây.

“Ông nay khéo nghe” tức là kết phần Hứa. Phần Thọ chỉ thì như văn.

Từ “Pháp nhiệm mầu như thế “ trở xuống là phần chính thuyết rộng, văn chia làm hai phần:

1. Nêu bốn đức Phật, rộng nói quyền thật của chư Phật trên.

2. Nêu đức Phật Thích-ca, rộng nói quyền thật của đức Phật Thích-ca.

Ở phần trên, câu thì ít là văn lược, tổng nói chư Phật là người lược, chỉ khai tam hiển nhất là nghĩa lược. Trong phần này, chương cú nhiều là văn rộng, nêu năm đức Phật là người rộng, nêu sáu phen là nghĩa rộng. Sáu phen là:

1. Tán thán pháp hy hữu.
2. Nói không hư dối.
3. Khai phương tiện.
4. Chỉ chân thật.
5. Nêu ngũ trược, giải thích quyền.
6. Bỏ sai, đôn đốc tu Thực.

Khen ngợi pháp khiến sinh tôn trọng. Nói không hư dối để cản ngăn chúng phỉ báng. Khai phương tiện khiến không chấp Tiểu thừa. Chỉ chân thật khiến chúng ngộ Đại thừa. Nêu ngũ trược, chỉ bày phải thi hành pháp tam thừa. Loại bỏ cái sai, cần phải chân thật. Ở trong năm chương, mỗi mỗi nên đủ sáu nghĩa, mà trước sau xen nhau xuất hiện không đầy đủ là sao? Bởi do đức Như Lai khéo thuyết, khiến lược mà không thiếu, đầy đủ mà văn không rườm rà. Lại, sáu nghĩa trước sau cũng lại không còn...

Phần một: Nêu bốn đức Phật chia làm hai phần:

1. Tổng nêu chư Phật.
2. Liệt nêu ba đời.

- Phần tổng nên đáng lẽ đủ sáu, nay chỉ có bốn:

a. Tán pháp.
b. Không hư vọng.
c. Khai phương tiện.
d. Chỉ chân thật.

Thiếu hai nghĩa, chỉ ở văn sau. Trong tán thán pháp thì khen cả hai thí dụ và pháp. “Đúng thời mới nói”, tức chư Phật đồng xuất hiện ở đời Ngũ trược, quyết trước khai tam thừa như nay đức Thế Tôn hơn bốn mươi năm mới hiển bày chân thật, lâu xa hiếm ít cho nên nói “đúng thời mới thuyết”. Từ lâu không thuyết là vì con người không kham nổi, vì thời chưa đến, vì năm ngàn người chưa đi. Nay, con người đã kham nổi, thời đã đến, năm ngàn người đã đi, đức Phật quyết định thuyết Đại thừa,

cho nên nói: "đúng thời mới thuyết". "Hoa Ưu đàm" phương này gọi là "hoa Linh-thoại" ba ngàn năm mới xuất hiện một lần. Hoa hiện thì Kim luân vương xuất hiện, là tiêu biểu tam thừa điều hòa thuần thục rồi sau mới thuyết Diệu pháp, thọ ký cho Pháp vương. Lại, phân ra là phải vượt qua ba vị Lạc, Sinh-tô, Thục-tô, rồi sau mới thuyết Đề-hồ. Giải thích theo Quán tâm: Quán tâm tức trung, gọi là "Thoại", quán suốt đến Thực tướng của tất cả pháp, gọi là "Linh"... "Các ông nên tin" là khuyến tin pháp Phật nói không hư dối. Đây là lý đến chỗ thâm sâu, khác với lý xưa. Đây nói rất vi diệu, trái với xưa nói. Đây hành rất khắp, trái với xưa hành. Đây người rất thù thắng, hơn người xưa. Rồi lại chỉ xưa người làm bốn hạng là thô, mà nay đều là diệu. Sợ người nghe sinh phỉ báng, cho nên khuyến tin. Tin người thuyết không hư dối và tin pháp được thuyết là không hư dối.

Từ "Theo thời nghi mà thuyết pháp" trở xuống, là Khai phương tiện, văn chia làm ba: Khai mở, Giải thích, Tổng kết. Phần khai nêu Phật đạo tùy theo ba hạng căn cơ, để thích nghi nên thuyết phương tiện, cho nên nói "theo thời". Ý Phật là pháp thật mà chúng sinh chẳng thể hiểu, cho nên nói "ý thú khó hiểu". "Vì sao?" là để giải thích. Nêu quyền năng của đức Phật nay, giải thích chư Phật phương tiện, xảo tuệ đồng, cho nên mượn đây để giải thích kia. Như "Ta dùng vô số phương tiện", là chư Phật khai quyền cũng như ta vậy. "Pháp ấy chẳng thể suy lường", đây có hai nghĩa: Hoặc là kết phần khai Quyền, hoặc chính là để hiển Thật. Kết khai quyền, là "ý Phật khó biết, chỉ có Phật với Phật mới hiểu được". Người lãnh thọ cho là ba, chư Phật biết một thôi.

- Hiển thật, tức thuộc văn sau, văn chia làm năm phần:

1. Nêu pháp và Người đều thù thắng.
2. Nêu ý Phật xuất thế.
3. Chỉ bảo lại.
4. Chính giải thích.
5. Kết thành tựu.

Phần một: Nêu Pháp và Người, pháp vô phân biệt chỉ có đức Phật mới biết. Phật dùng trí vô phân biệt để hiểu biết pháp vô phân biệt, tức là hiển thật pháp. Từ "Vì sao" trở xuống là phần hai: Nêu ý xuất thế, có hai phần: một là tổng, hai là phân chữ. Tổng là chư Phật giác ngộ tướng như thật, vì thật đạo này xuất ứng thế gian chỉ khiến cho chúng sinh đắc thật tướng này, chỉ vì sự này mà xuất hiện ở đời, chưa từng có sự khác. Trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều gọi là ma sự.

Phần hai: Phân chữ giải thích: "Một" là một thật tướng chẳng

phải năm, chẳng phải ba, chẳng phải bảy, chẳng phải chín, cho nên nói “Một”. Tánh kia rộng lớn, rộng đến năm, ba, bảy, chín cho nên gọi “đại”. Nghi thức chư Phật xuất thế, gọi là “sự”. Chúng sinh có cơ này cảm đến đức Phật, cho nên gọi là “nhân”. Phật nương căn cơ mà ứng cho nên gọi là “duyên”. Đó là bản ý xuất thế. Mà nay khai ba làm một lộng dẫn đó thôi. Như người muốn nhận lấy, trước sẽ cho họ, tuy nói các thứ đạo nhưng kỳ thật là một thừa, tức nghĩa đây vậy. Từ “Xá-lợi-phất! Sao nói rằng” trở xuống là phần ba: Chỉ bảo lại. Đem ý muốn phân biệt nói lại lần nữa để khởi làm nguyên nhân giải thích. Lại, đại sự này là cái mà đức Phật tôn trọng, như trong Thích Luận nói: Phụ vương muốn nghe nhiều lần tên Thái tử, nên thường nói không chán đủ...Từ “Các đức Phật Thế Tôn” trở xuống là Phần bốn: Chính giải thích. Trước nêu ra các kiểu giải thích. Xưa nói bốn cái nhất: Quả nhất, Người nhất, Giáo nhất và Nhân nhất. Hai câu đầu căn cứ người thuyết (Phật), hai câu sau căn cứ người thọ lãnh. Căn cứ người nói, là một phen đối với nhân môn trước, lược thuyết lý quả, trước “khai tri kiến Phật”, cuối cùng đối với quả môn sau, là rộng hiển lý quả là “thị (chỉ bày) tri kiến Phật”. Căn cứ người thọ lãnh: Nhân môn trước lược khai, mới bắt đầu được ngộ hiểu, quả môn sau rộng được thâm nhập lý thú. Nay không dùng kiểu giải thích này. Sao kinh lại nêu bốn câu đều nói là “khiến cho chúng sinh”? Ý của các lời nói đó đều quyết định căn cơ trước được lợi ích, chẳng liên quan đến hóa chủ. Cần làm cho người sở hóa được khai ngộ, sao lại phân hai câu làm người năng tác khai thị ư? Lại, chính là nhân môn thuyết pháp, khi khai tam hiển nhất, đâu được phân ra hai câu thuyết trong quả môn ư? Quả môn nhân duyên chưa hợp, đâu được dự định thuyết. Nếu vậy, thì sáu điềm lành bắt đầu hưng khởi, Phật chưa ra khỏi định, lẽ ra là lược thuyết; năm ngàn người chưa đi, lẽ ra phải rộng thuyết. Hai chỗ kia đã không như vậy, thì quả môn sao lại được như đây? Phương dưới chưa xuất hiện, phân thân chưa tụ tập, thì sao được dùng hai câu nhân môn làm quả môn ư!

Tiếp đến ngài Trạch Quang nói: một câu đầu là khai trừ khai xuất. Xưa phương tiện thuyết tam khiến trừ ngũ trược, khai xuất Đại thừa để giác ngộ tri kiến đạo lý. Trước tuy vì người khai thuyết lý này nhưng không nói lý do, nay lại chỉ bày so sánh lý này khiến sinh Văn tuệ, tuy nghe mà chưa biết lý do, nên rộng phân biệt khai ngộ Tư tuệ; đã tin ngộ được ý, tức khiến phát tâm học tri kiến Phật, khiến đắc Tu tuệ, nhập đạo lý tri kiến Phật.

Nay cũng không dùng. Tại sao ông cùng với xưa, gọi là Quả nhất?

Bốn câu nên làm nghĩa quả, tại sao dùng tam Tuệ để hiểu văn? Nhân quả mâu thuẫn, trước sau trái nhau. Lại, tam tuệ nhiều loại, kinh này chính phá nhị thừa, quyết định không dùng tam Tuệ trong Tam tạng. Phương tiện của Bồ-tát cùng nhị thừa đồng, là ý của Thông giáo, lại cũng không thể dùng. Nếu tam Tuệ Biệt giáo là pháp của Bồ-tát, thì chẳng phải pháp Phật. Nếu nói tam tuệ Viên giáo, thì tam tuệ Viên giáo chưa khai tri kiến Phật, cho nên tiêu hóa kinh không nổi. Nếu các tam tuệ khác, thì cách kinh càng xa. Nếu là tam tuệ theo Viên giáo thì nghĩa Quả nhất không thành, cũng không thể dùng.

Tiếp đến Địa luận sư nói: Hằng sa thứ năm đắc tám phần giải, tức ở địa vị Tam thập tâm, là "Khai", từ Sơ địa đến Lục địa thì Kiến Tư hoặc tận giải chuyển phân minh, như "Thị". Thất địa đến Bát địa, không, hữu đều quán vô ngại, như "Ngộ". Thập địa là "Nhập". Dẫn kinh nói Thập địa gọi là nhãn kiến. Nay cũng không dùng. Vì sao? Vì kinh này nói rõ khai tri kiến Phật. Phật dùng nhất thiết chủng trí để "tri" Phật dùng Phật nhãn để "kiến", khai trí nhãn này mới gọi là "tri kiến Phật". Sao nói chấp lấy Hằng sa sinh tám phần giải, đây chưa nhập địa. Gọi đó là khai, thì khai như vậy tức chẳng phải khai Phật nhãn, tri như vậy chẳng phải Nhất thiết chủng trí tri, không hợp với kinh cho nên không dùng.

Có người giải câu đầu là lý, ba câu sau là lược giải. Nghĩa là tám khổ năm trược làm chướng ngại quả đương lai, tức là "đóng". Nay giáo trừ năm trược, Phật quả tri kiến hiển bày, cho nên gọi là "khai". Uế lụy trừ mà lý hiển bày, gọi là thanh tịnh. Ba câu sau là văn tư tu. Vấn nạn đây đồng với trước.

Có người nói: Tam thừa Biệt giáo là "khai", tam thừa Thông giáo là "thị", chuyển vô lượng nghĩa là "ngộ", Pháp Hoa là "nhập". Lại, có người giải thích tam thừa Thông là "khai", chuyển đổi là "thị", vô lượng nghĩa là "ngộ", Pháp Hoa là "nhập". Hai lời giải này phân tích ba câu hướng đến các kinh khác, tách ra một câu đặt nơi Pháp Hoa. Những người này đã phân tích, xuyên tạc, cắt xéo, vu khống, lỗi đó rất lớn.

Có người nói: Địa vị tam thập tâm là "khai", Sơ địa đến Lục địa là "thị", Thất địa đến Cửu địa là "ngộ", Thập địa là "nhập". Người này ở bên Thông mà cậy Biệt, nói lời như thế là chưa thấy sự đặc thù của Pháp Hoa, thì sao có thể khen ngợi kinh được?!

Có người dẫn các kinh Hoa Nghiêm, Anh Lạc, Nhân Vương, luận Nhiếp Đại Thừa quyển mười bảy, Địa luận quyển năm, và nói rằng: Phàm phu đều có năm mươi hai địa vị, trước Địa có bốn mươi tâm, sao không dùng? Người này lầm dẫn kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm không

nêu Thập tín. Giả như, các bộ nêu rõ trước Địa có bốn mươi tâm (tứ thập tâm vị) đều không phải đạo đoạn, do đâu mà dùng bốn mươi tâm này để giải thích khai tri kiến Phật? Đều là nói tùy tiện đó thôi!

Có người dẫn lời của Thích Luận: "Bốn trí tổng, biệt nhất thời mà đắc", cũng không nên dùng lời ấy để giải thích Khai thị ngộ nhập. Vì khai thị ngộ nhập tợ như có sâu cạn. Lại, tứ trí địa vị cao, khai thị thông cạn đến sâu, đây lẽ ra chẳng theo lệ. Người này chỉ thấy Thích luận nói Tứ trí nhất thời, mà không thấy Khai thị nhất thời.

Có người nói: Phi không phi hữu là "khai", năng không năng hữu là "thị", không hữu bất nhị là "ngộ", biết rõ không hữu bất nhị mà nhị là "nhập". Người này căn cứ nhị đế giải thích, còn chưa thể cứu ra khỏi Nhị thừa, sao có thể là một ý với Pháp Hoa?

Có người nói: Thấu đạt lý tam đế là "khai"; tam đế phân minh là "thị"; không thấy tam đế là một là khác, là "ngộ", tùy duyên thuận dòng gọi là "nhập". Người này dựa vào nghĩa Tam đế quanh co, còn chưa đến pháp Bồ-tát, huống là pháp Phật.

Có người giải thích: Tri kiến Phật là, Nhất thiết trí tổng tướng là "tri", Nhất thiết chủng trí biệt tướng là "kiến". Đây cũng không đúng. Thích luận nói: "Nhất thiết trí là Thanh văn trí, Đạo chủng trí là Bồ-tát trí, Nhất thiết chủng trí là Phật trí". Đây là trải qua riêng Nhất thiết chủng trí, chẳng phải Tam trí tại trong nhất tâm, sao lại đem "Tri" của Nhị thừa để phân biệt "kiến" của Phật, để giải thích Tri kiến Phật viên mãn!

Có người giải thích: "Tận trí phiền não thanh tịnh, gọi là "tri", là vô sinh trí nhân quả; các tai họa phiền lụy cuối cùng không còn sinh, gọi là "kiến". Người này chấp Phật theo nghĩa chung chung gọi là giáo, giải thích Phật cứu cánh đều không tương ưng. Như trên các sư trích dẫn một cách tùy tiện các lời kinh, họ đều không thấy đại ý của Pháp Hoa.

- Pháp Hoa Luận nói:

1. Vô thượng nghĩa, trừ nhất thiết trí, hoàn toàn không có sự khác, như kinh nói "khai tri kiến Phật, vì muốn cho chúng sinh được thanh tịnh cho nên xuất hiện ở đời".

2. Đồng nghĩa: Thanh văn Bích-chi-phật vì Phật tánh pháp thân bình đẳng, như kinh nói "muốn chỉ bày thị tri kiến Phật cho chúng sinh, nên xuất hiện ở đời",vì Phật tánh pháp thân hoàn toàn không có sai biệt.

3. Bất tri nghĩa, nghĩa là hàng nhị thừa không biết rốt ráo chỉ một Phật thừa, như kinh nói "muốn chúng sinh ngộ tri kiến Phật, nên xuất

hiện ở đời”.

4. Muốn khiến chứng Bất thoái chuyển địa hiện cùng vô lượng trí nghiệp, như kinh nói: “muốn cho chúng sinh nhập tri kiến Phật”.

Luận lại nói thứ tự: Câu đầu, khai tri kiến Phật là vô thượng. Tiếp theo là thị hiện Tam thừa đồng có Phật tánh pháp thân, tuy nêu Phật trí vô thượng, lại e rằng có người tưởng là riêng đức Phật mới có, cho nên câu thứ hai: nói rõ Tam thừa đồng có. Tuy Tam thừa đồng có mà nhị thừa không biết, nên có câu thứ ba: chỉ bày khiến cho biết. Tuy biết mà không đắc Bất thoái, cho nên có câu thứ tư: khiến đắc Bất thoái. Lại, lần thứ nhất, căn cứ Bồ-tát thì: “Khai” như trước, “Thị” là các Bồ-tát có nghi thì khiến họ biết như thật mà tu hành, “Ngộ” là người chưa phát Bồ-đề tâm thì khiến họ phát Bồ-đề tâm, “Nhập” là đã phát Bồ-đề tâm rồi thì khiến nhập pháp. Lần thứ ba, căn cứ phàm phu thì:”Khai” như trước, “Thị” là bảo cho phàm phu kia biết là họ có pháp thân Phật tánh, “Ngộ” là khiến cho ngoại đạo chúng sinh giác ngộ, “Nhập” là khiến nhập đại Bồ-đề. Nay sư giải bốn lần không trái với luận, luận thì giải thích mỗi mỗi một câu, nay một câu giải thích bốn cách. Luận nêu chứng địa vị bất thoái chuyển, nay giải thích theo bốn vị. Luận nói Tri là thực Như Lai năng chứng, nay giải thích theo bốn trí. Luận nêu sự đồng nghĩa, nay giải thích theo quán tâm. Luận nêu không biết xứ cứu cánh, nay giải thích theo bốn môn v.v...

Nay giải thích hiển thật vô lượng pháp đều là một, như Thập diệu trong Huyền Nghĩa thì đó là mười loại nhất, nếu hợp với xưa giải thích thì còn bốn nhất. Nếu vô lượng nhất, thì nhất sắc nhất hương đều là trung đạo, nghĩa đây có thể biết. Nếu làm mười nhất, thì văn kinh nêu đủ cả, tuy không thứ lớp nhưng mười nghĩa ấy không thiếu. “Vì sao? Vì ta dùng vô số phương tiện, các thứ duyên, lời lẽ thí dụ diễn thuyết các pháp”, văn đây là tự khai quyền. Từ “Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu”, là hiển bày Lý nhất. “Chỉ có chư Phật mới biết được đó” là Trí nhất. “Chỉ do một đại sự”, cần phải khéo phân biệt: “Một” là lý, “đại” là trí, “sự” là hành. Lý phát trí, trí dẫn hành. Theo nghĩa này thì là hiển Hành nhất. “Tri kiến” là trí biết lý, mắt thấy đế pháp. Đế pháp vô vi tức không còn phân biệt. Do vì vô vi mà có sai khác. Căn cứ tri kiến này mà luận khai thị ngộ nhập. Lấy lược mà phác thảo rộng thì có bốn mươi vị, đó là hiển Vị nhất. Lại, chọn kết bốn câu văn nêu “một”. “Một” tức pháp thân, “đại” tức Bát-nhã, “sự” tức giải thôi, là bí mật tạng là hiển bày ba pháp Nhất, “Xuất hiện ở đời” là hiển bày cảm ứng nhất, “chỉ giáo hóa Bồ-tát” là hiển bày quyến thuộc nhất,

“các điều làm ra” là hiển thần thông nhất, “chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sinh tỏ ngộ” là hiển lợi ích nhất, “chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp” là hiển thuyết pháp nhất. Kinh văn ấn nghĩa tín như khế hợp. Nếu lược hợp với xưa làm bốn nhất, thì số đồng mà nghĩa khác. Xưa nói: Quả nhất nay nói Lý nhất, y nghĩa y văn. Y nghĩa: nếu không có lý nhất, thì các sự điên đảo đều là ma thuyết, chẳng phải Kinh Phật cho nên cần có Lý nhất. Y văn: Văn nói tri kiến Phật, nay chấp sở tri kiến, sở kiến tức đế, sở tri tức cảnh, cảnh đế tức lý thật tướng, cho nên gọi Lý nhất. Xưa nói Nhân nhất, nay nói Hành nhất. Nhân nói nghĩa riêng biệt, Hành nhất nói chung thu được cả nhân quả, cho nên nói Hành nhất. Nhân (người) nhất, Giáo nhất thì cùng với kia đồng. Nay hãy cứ theo lược thuyết, dùng bốn nhất để tiêu hóa kinh văn...

Trước giải thích Lý nhất, lại chia làm bốn ý:

1. Dựa vào bốn vị.
2. Dựa vào bốn trí.
3. Dựa vào bốn môn.
4. Dựa vào quán tâm.

1. Dựa vào bốn vị: Đế cảnh không thể tri kiến mà trí nhãn mới có thể tri kiến. Nhị trí tứ nhãn thì không thể tri kiến. Chỉ có Nhất thiết chủng trí Phật nhãn có thể tri kiến. Kinh nói “Vì muốn chúng sinh khai tri kiến Phật”, không luận Phật quả tự tri tự kiến. Nếu thiên nói về Phật quả thì mất chúng sinh, nếu nói chúng sinh thì không có tri kiến Phật, cho nên không thể thiên chấp. Người tu hành theo ba giáo Tạng, Thông, Biệt, chỉ là chúng sinh. Vì chưa có Phật nhãn, Phật trí, nên không thể tri kiến Phật tướng. Bốn vị theo Viên giáo cũng là chúng sinh. Lại, phân biệt đắc Phật nhãn Phật trí thì thành nghĩa chúng sinh, nghĩa tri kiến cũng thành. Cho nên dựa bốn vị đây để giải thích lý nhất, như trong Thụy tướng: Trời mưa bốn thứ hoa là tiêu biểu vạn thiện đồng quy đắc nhập bốn vị, nương bốn hoa vị để đến Phật quả, cho nên căn cứ vị để hiển lý. “Khai” tức là Thập trụ, ban đầu phá vô minh, khai Như Lai tạng, kiến lý thật tướng. Vì sao là lý tánh đức mà bị nhiễm trước hai Hoặc là Thông hoặc và Biệt hoặc. Vấn nạn có thể liễu tri. Hàng sơ tâm theo Viên giáo có thể tin, thọ, điều phục mà chưa thể đoạn thì không gọi là “khai”. Bên trong thêm quán hạnh, bên ngoài nhờ pháp vũ trợ giúp, phá sào huyệt của Thông hoặc và Biệt hoặc, hiển xuất tánh chân tu tri kiến sáng tỏ khai phát. Như mặt trời hiện thì bóng tối tan biến, nhãn mục có công dụng cho nên gọi là “khai”, duyên tu phá Hoặc cho nên nói “khiến được thanh tịnh”. Kinh Nhân Vương nói: “Nhập lý Bát- nhã, thì gọi là trụ”,

trụ nơi vị Thập trụ như hoa trắng nhỏ (hoa Mạn-đà-la). "Thị" là Hoặc chướng đã trừ, thể tri kiến hiển bày, thể hiển bày đầy đủ vạn đức, pháp giới các đức hiển bày phân minh, cho nên gọi là "Thị", tức là vị Thập hạnh như hoa trắng lớn (Ma-ha Mạn-đà-la). "Ngộ" là chướng trừ, thể hiển bày, pháp giới hành sáng tỏ, sự lý dung thông, hoàn toàn không có hai đường. Nhiếp Đại Thừa sư nói: Như lý trí như lượng trí, nay lý lượng không hai cho nên gọi là "ngộ", tức là vị Thập hồi hướng, như hoa đỏ nhỏ (Mạn-thù-sa). "Nhập" Sự lý đã dung thông tự tại vô ngại, tự tại lưu chú nhậm vận từ A đến Trà, nhập biển Tát-bà-nhã. Như Nhiếp Đại Thừa sư nói: Như lý, Như lượng thông đạt tự tại. Như lượng tri kiến năng giữ gìn các đức. Như lý tri kiến năng ngăn ngừa các Hoặc, tức là vị Thập địa, như hoa đỏ lớn (hoa Ma-ha Mạn-thù-sa). Nhưng viên giáo diệu vị trong nhất vị, tức đã đầy đủ công đức của bốn mươi mốt địa, chỉ "khai" tức đủ cả "thị, ngộ, nhập", lại chẳng có tâm khác, chỉ Như lý tri kiến không có phân biệt tướng cạn sâu, muốn hiển bày Như lượng tri kiến nên phân biệt bốn vị thôi! Phát tâm, tất cánh, cả hai không khác. Như vậy hai tâm thì tâm trước khó. Đã nói khó dễ, tức biết sơ tâm và tất cánh tâm. Mọi thứ sáng tối sâu cạn khác nhau, thì cũng như mặt trăng trước sau đều tròn đầy mà chúng ta thấy trăng mồng một và rằm khác nhau. Bốn vị tri kiến đều chiếu sáng thật tướng, mà nói "khai, nhập" khác nhau.

2. Dựa vào bốn trí: Nay muốn dùng bốn trí của Viên giáo đối với bốn vị, không như giải thích của Thông giáo trong thời Bát-nhã.

1. Đạo tuệ, kiến đạo thật tánh, trong thật tánh được "khai tri kiến Phật".

2. Đạo chủng tuệ, biết tướng của các đạo chủng biệt giải hoặc trong mười pháp giới, nhất nhất đều "thị tri kiến Phật".

3. Nhất thiết trí, là biết hết thảy pháp nhất tướng tịch diệt, tịch diệt tức "ngộ tri kiến Phật".

4. Nhất thiết chủng trí, biết tất cả pháp nhất tướng tịch diệt tướng, bao nhiêu hành loại tướng mạo đều biết, tức "nhập tri kiến Phật". Lại, Đạo tuệ thì như lý, gọi là "khai". Đạo chủng tuệ thì như lượng gọi là "thị". Nhất thiết trí thì lý lượng không hai, gọi là "ngộ". Nhất thiết chủng trí thì lý lượng song chiếu, gọi là "nhập". Đây cũng căn cứ trong thật lý không có sâu cạn, mà phân biệt sâu cạn.

3. Dựa vào bốn môn Viên giáo: Theo chiều ngang giải thích bốn câu: Không môn, nhất không nhất thiết không, tức "khai tri kiến Phật". Hữu môn, nhất hữu nhất thiết hữu, tức "thị tri kiến Phật". Cũng không

cũng hữu môn, nhất thiết cũng không cũng hữu, tức "ngộ tri kiến Phật". Phi không phi hữu môn, nhất thiết phi không phi hữu, tức "nhập tri kiến Phật". Năng thông thì bốn, sở thông thì một. Khai thị ngộ nhập là môn năng thông, sở tri sở kiến là lý sở thông.

4. Dựa vào quán tâm mà giải thích: Quán lý tâm tánh theo tam đế thì bất khả tư nghì. Pháp quán này sáng suốt thanh tịnh gọi là "khai". Tuy bất khả tư nghì mà năng phân biệt tâm không, giả, trung, rõ ràng không xen lẫn, gọi là "thị". Tâm không giả trung tức ba mà một, tức một mà ba, gọi là "ngộ". Tâm không giả trung, là phi không giả trung, mà đều chiếu không giả trung, gọi là "nhập". Đó là nhất tâm tam quán mà phân ra khai thị ngộ nhập có khác nhau.

Sở dĩ giải thích theo bốn thứ đó là vì: thấy lý do vị, vị lập do trí, trí phát do môn, môn thông là do quán. Quán cho nên môn thông, môn thông nên trí thành, trí thành cho nên vị lập, vị lập cho nên thấy lý, thấy lý cho nên gọi là Lý nhất.

Từ "Xá-lợi-phất! Đó là chư Phật vì một đại sự nhân duyên" trở xuống, tức là kết thành nghĩa Lý nhất. Xưa phương tiện giáo, cũng có nghĩa đắc, coi như khai thị ngộ nhập, mà không phải tri kiến Phật cho nên là quyền. Nay làm rõ tri kiến Phật, cho nên là thật. Thật tức là Lý nhất.

Từ " Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát" là nói rõ Nhân (người) nhất. Căn cứ phương tiện xưa, gọi là giáo hóa hàng tam thừa, lý thật mà nói chỉ giáo hóa Bồ-tát. Như gã cùng tử kia tự cho là khách làm người hạ tiện, Trưởng giả thấy biết thật là con mình, tức là Nhân (người) nhất. Từ "Các điều làm ra thường vì một việc" trở xuống, thì ngài Quang Trạch gọi là Giáo nhất. Nay nói là Hạnh nhất, vì các hạnh của hàng tam thừa gọi là "các" (số nhiều), vì viên cho nên "các", tức là "một việc" (nhất sự). Hạnh này thấu đáo đến đâu? Chỉ hướng đến tri kiến Phật, chính là ý Hạnh nhất. Cũng có thể coi ý đây là Giáo nhất. Nếu căn cứ Giáo chủ, nếu nói "các điều làm ra chỉ vì giáo hóa" là sự, thì đây Giáo nhất là tiện. Nếu căn cứ người tu hành, nếu nói "các điều làm ra là sự sự, làm tức là hành", thì nay nhận lấy nghĩa này, gọi là Hạnh nhất là tiện. Nhưng bốn câu đều có hai nghĩa, đến như trong câu Lý nhất, nếu chọn năng tri kiến thì Vị nhất là tiện và nếu chọn sở tri kiến thì Lý nhất là tiện. Trong câu Nhân (người) nhất, nếu chọn giáo hóa thì Giáo nhất là tiện, nếu chọn Bồ-tát thì Nhân nhất là tiện. Trong câu Giáo nhất, nếu chọn "dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp" thì Giáo nhất đây là tiện, nếu chọn nghĩa thừa vận chuyển thì

Hạnh nhất đây là tiện. Bốn câu thông khắp cả nhưng tùy theo nghĩa nào thuận tiện mà giải thích.

Từ "Chỉ dùng một Phật thừa" thì ngài Quang Trạch nói là Nhân nhất, nay nói Giáo nhất, giáo Viên đốn gọi là "nhất Phật thừa", cho nên Phẩm Tựa nói: "Thuyết Kinh Đại Thừa tức là giáo nghĩa vậy". Từ Biệt giáo trở lui đều gọi là có thừa khác, tức bất liễu nghĩa, chẳng phải nhất thừa của Phật. Ngài Quang Trạch nói: "không có hai là Thanh văn Duyên giác, không có ba là riêng hành Bồ-tát".

Lại, có người nói: "Không có Bồ-tát Duyên giác là không có hai, không Thanh văn là không có ba". Nếu theo kiểu giải thích này, thì chỉ là không có các thừa thuộc Tam tạng và còn ở nơi Thông thừa, đâu có quan hệ gì đến nhất Phật thừa? Có người nói: "Không có Duyên giác là không có hai, không có Thanh văn là không có ba, mà chỉ còn Bồ-tát Đại thừa". Nếu vậy, thì chỉ không có Nhị thừa trong Tam tạng, không phải không có Bồ-tát trong Tam tạng, đây là còn có thừa khác, đâu liên quan đến Phật thừa? Chổ nào nói kinh này coi Thanh văn là thừa thứ ba? Đã không có thứ lớp này, tức đều là vọng thuyết. Nếu theo ông nói: không có hai là không có Duyên giác, không có ba là không có Bồ-tát, thì thứ nhất là Thanh văn lẽ ra không được không có. Nếu vậy thì rất đảo loạn! Nay nói "chỉ dùng một Phật thừa", là thuần nói Viên giáo thừa của Phật pháp; "Không có thừa nào khác" nghĩa là không có thừa khác theo Biệt giáo kèm phương tiện thuyết hữu dư."Không có hai" là không có hai thừa trong thời Bát-nhã."Không có ba" là không có pháp Tam thừa đối trị trong thời Phương đẳng. Như thế thì hai, ba thừa này đều không có, huống hồ ba thừa thuộc Tạng giáo?!

Từ "Xá-lợi-phất! Pháp của tất cả chư Phật ở mười phương cũng như vậy", tức là phần Tổng kết thứ năm, nói ba đời Phật đều nêu Giáo nhất, Hạnh nhất, sau tổng luận về Người nhất Lý nhất, ở văn có thể thấy. Nếu ngay đoạn này tự làm bốn nhất thì cũng được, nhưng không cần vì tổng văn đã rõ. Kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển mười ba nói: Chín đời chư Phật, ba đời Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng như vậy. Ba đời Phật vị lai: Cổ Phật từ bi vào đời vị lai hiện các loại hình độ chúng sinh. Vị lai hiện tại Phật, là được thọ ký đời vị lai làm Phật. Vị lai vị lai Phật là sẽ được đức Phật chuyển thứ thọ ký. Quá khứ chuẩn theo đây có thể biết... Hiện tại hiện tại Phật đang là vị hóa chủ. Hiện tại vị lai Phật, là tiếp tục Phật trước. Hiện tại quá khứ Phật là cổ Phật thùy tích. Từ "Quá khứ chư Phật", trong đây lẽ ra đủ sáu nghĩa mà chỉ nêu ra hai thứ:

1. Khai phương tiện.

2. Hiển chân thật.

Hai chỉ ý trên. Hai chỉ ý dưới. “Dùng vô lượng vô số phương tiện” là khai quyền, “pháp ấy đều là một Phật thừa” ,là hiển thật. Theo như trên “nhất Phật thừa” tức là Giáo nhất, “theo chư Phật nghe pháp” là tuy nghe pháp, pháp gia bị cho chúng sinh, mà bao gồm đắc Nhân nhất, “rốt ráo đều đắc nhất thiết chủng trí”, chủng trí sở tri tức là Lý nhất, năng tri tức là Hạnh nhất. Tuy không theo thứ lớp mà bốn nhất bao gồm đầy đủ. Từ “Chư Phật vị lai” cũng có hai nghĩa, chỉ trên chỉ dưới, bao gồm tức đủ sáu nghĩa. Từ “Phật hiện tại” môn chính là chủ hóa độ. Phần đầu nêu ý Phật xuất hiện, như trong đoạn trên “chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời”, đoạn này cũng vậy “chỉ vì lợi ích an lạc chúng sinh mà xuất hiện ở đời”, tiếp đến khai quyền hiển thật, cũng đầy đủ bốn nhất.

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4
(Phần Hạ)

Phần 2: Nêu đức Phật Thích-ca rộng nói quyền thật... trong sáu nghĩa thì ở đây không nêu tán thán pháp hy hữu.

1. Khai quyền.
2. Hiển thật.
3. Nêu năm trược, giải thích phương tiện.
4. Chọn lọc bỏ sai, đôn đốc tin một pháp thật.
5. Không hư dối.

1. Khai quyền: "Ta nay cũng lại như vậy", "Ta" tức đức Phật Thích-ca hiện tại, cũng trước nêu ba sau nêu một. Như bốn đức Phật không khác cho nên nói "cũng lại như vậy". "Biết rõ chúng sinh có những điều ưa muốn" tức là căn tánh dục của năm thừa, quá khứ gọi là căn, hiện tại gọi là dục, vị lai gọi là tánh, "thâm tâm mê chấp" tức là căn. "Phương tiện" tức là tùy nghi khai pháp Quyền ba thừa.

2. Hiển thật: "Như vậy, đều vì để chứng đắc một Phật thừa" tức là hiển Thật, "Phật thừa" là Giáo nhất, "nhất thiết" là Hạnh nhất, "chủng trí" sở tri là Lý nhất. Từ "Trong cõi nước ở mười phương còn không có hai thừa hà huống có ba" là nghĩa thứ ba: nêu năm trược, giải thích khai Quyền. Sắp nêu năm trược thì trước hết nêu ý kia. Trên đã nói: chư Phật khai Quyền hiển Thật mà chưa nêu là ẩn giấu Thật thi hành Quyền. Pháp kia thanh tịnh vắng lặng nhất như hư không, còn không có kèm theo pháp Quyền hai hoặc ba, huống chi có pháp Quyền riêng ba, hoặc riêng năm. Chỉ vì năm trược chướng nặng, pháp Thật thì không thể thích nghi, mà phải dùng pháp Quyền riêng ba hoặc riêng năm, cũng dùng pháp Quyền kèm theo hai hoặc ba, cho nên nói: "đối với một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba". Phân biệt nói thành ba, hoặc là như kèm theo Nhị thừa, Tam thừa, hoặc là như riêng Tam thừa, riêng Ngũ thừa.

3. Năm trược: có bốn thứ phân biệt:

1. Nêu số.

2. Nêu tên.
3. Thể tướng.
4. Kết giải thích.

Số lượng và tên như văn. "Như thị" là nêu thể tướng. "Kiếp trược" không có thể riêng biệt, "kiếp" là thời gian dài lâu, sát-na là thời gian ngắn, chỉ căn cứ bốn trược lập giả danh này, văn nói "Thời kiếp trược loạn" tức nghĩa đây vậy. "Chúng sinh trược" cũng không có thể riêng biệt, bởi kiến mạn nhiễu loạn, trên quả báo lập giả danh này. Văn nói "chúng sinh cấu trọng", tức nghĩa đây. "Phiền não trược" chỉ năm độn sử làm thể. "Kiến trược" chỉ năm lợi sử làm thể. "Mạng trược" chỉ liên tục giữ gìn sắc tâm làm thể... Tướng, ấy là bốn trược tăng kịch liệt tụ tại ở thời đó, sân nhuế tăng kịch liệt, đao binh khởi, tham dục tăng kịch liệt, đói khát sinh khởi, ngu si tăng lịch liệt, dịch bệnh sinh khởi, tam tai khởi cho nên phiền não tăng gấp bội các kiến chuyển mạnh, sắc tâm thô xấu tệ ác gọi là "uế". Tuổi thọ giảm các trược kết hợp tụ họp, như nước thành lũ, trời tối tăm, gió dữ dội, biển động sóng cao, loài cá độc, rồng dữ quấy nhiễu, những việc như thế xảy ra không lúc nào ngớt. Như kiếp sơ, Quang-âm thiên đọa xuống đất, ở đất nên khiến tâm ham muốn như chúng trời Đao-lợi vào vườn hoa gai góc, ngắm hoa mà sinh tâm đánh nhau gọi là"tướng kiếp trược". "Tướng của phiền não trược" là tham như biển thâu nạp các dòng mà chưa từng no đủ, sân như rắn hổ phun độc nhiễu các thế gian, si ám như bướng bỉnh ương ngạnh tối tăm hơn cả mực; mạn cao ngạo hạ thấp người, khinh bỉ lăng mạ vô độ, lưới nghi ngờ chằng chịt không tin không thể bảo thật được; đó gọi là tướng phiền não trược. "Tướng Kiến trược": không người mà cho là có người, có đạo mà cho là không có đạo, mười sáu tri kiến, sáu mươi hai kiến chấp... cũng như lưới giăng, như rừng mây, trói buộc quanh co không thể ra khỏi được, đó gọi là "tướng kiến trược". "Tướng Chúng sinh trược": là ôm lấy sắc tâm lập một chủ tể, ví như nhựa keo không có vật gì là không dính, trôi dạt trong sáu đường thọ sinh khắp mọi nơi, như nghèo như yểu, hoặc gọi là giàu là thọ, đó gọi là tướng chúng sinh trược. "Tướng mạng trược" là sớm sinh chiều mất sáng hiện tối ẩn, như sóng chuyển khói bay xa chỉ trong nháy mắt liền dứt không trụ lâu dài, đó là tướng mạng trược.

Tướng của trược rất nhiều, không thể nói đủ. Nếu nói theo thứ tư, thì Phiền não và Kiến trược là căn bản. Từ hai trược này mà thành Chúng sinh trược. Từ chúng sinh có liên tục giữ gìn mạng, là Mạng trược. Bốn trược này trải qua thời gian, gọi là Kiếp trược.

Sau đây là phần Giải thích.

Hỏi: Năm trược nếu là chướng ngại lớn, thì trong thời Hoa Nghiêm người chưa trừ trược, làm sao có thể nghe pháp?

Đáp: Nên dùng bốn câu này để phân biệt:

1. Đại thừa lợi căn chướng nặng, do lợi căn cho nên chướng nặng không thể gây chướng, đây là những người ở cõi này, trong hội hoa Nghiêm ban đầu nghe Đại thừa.

2. Lợi căn chướng nhẹ.

3. Độn căn chướng nhẹ, đến cõi Tịnh độ phương khác nghe Đại thừa.

4. Căn độn chướng nặng, như ở cõi này những người đồng với Thân-tử trừ trược rồi mới nghe Đại thừa.

Hỏi: Năm trược có chướng Tiểu thừa không?

Đáp: Đây căn cứ Tiểu thừa, nên dùng bốn câu để phân biệt:

1. Tiểu thừa căn lợi chướng ngăn nhẹ không thể chướng là Thân-tử vậy.

2. Lợi căn chướng ngăn nặng cũng không thể chướng, như ngài Ương-quật vậy.

3. Căn độn chướng ngăn nhẹ cũng không bị chướng, là Bàn-đặc.

4. Căn độn chướng ngăn nặng, đây thì thành chướng không nghe Tiểu thừa không được độ.

Hỏi: Tự có người không ở thời Hoa Nghiêm không ở thời Tam Tạng mà được nghe Đại thừa Tiểu thừa, là vì sao?

Đáp: Đây căn cứ bốn giáo, trong mỗi một giáo dùng bốn môn phân biệt:

1. Người căn lợi ngăn cản nhẹ, nghe pháp môn "phi không phi hữu" mà nhập.

2. Căn lợi ngăn nặng, nghe pháp môn "cũng không cũng hữu" mà nhập.

3. Căn độn ngăn nhẹ, nghe pháp môn "không" mà nhập.

4. Căn độn ngăn nặng, nghe pháp môn "hữu" mà nhập. Hai giáo bốn môn căn cứ Tiểu thừa phân biệt, Hai giáo bốn môn căn cứ Đại thừa phân biệt, về chi tiết suy nghĩ có thể tự hiểu v.v...

Hỏi: Cùng là năm trược cớ sao chướng Đại thừa mà không chướng Tiểu thừa?

Đáp: Chúng sinh trược nặng, vọng chấp năm ấm làm bốn đức, nếu nghe "Thường, Ngã" thì chấp trái là phải. Như ông thầy thuốc cũ, không biết tính năng tốt, xấu của sữa, không biết căn nguyên khởi bệnh,

không biết bệnh nào thì nên uống, bệnh nào thì nên kiêng sữa, không chút hiểu biết nên năm trược chướng Đại. Văn nói: "Nếu ta tán thán Phật thừa thì chúng sinh bị chìm đắm trong khổ" tức nghĩa đây vậy. "Nếu nghe "vô thường, khổ, không" thì nhàm chán sinh tử ưa thích Niết bàn", tức phá tà chấp kia. Năm trược không chướng Tiểu. Văn nói: "Khi ta nghĩ như thế chư Phật khắp mười phương đều hiện phạm âm an ủi ta", tức nghĩa đây vậy.

Xét ngũ trược theo tứ Tất-đàn: Kiếp, Mạng trược là Thế giới Tất-đàn. Chúng sinh, Kiến trược là Vị nhơn Tất-đàn, Phiền não là Đối trị Tất-đàn. Dùng ba Tất-đàn trừ năm trược kia, rồi sau mới thuyết Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Nếu xét về Nhân quả của năm trược, thì có hai nhân ba quả. Có một là người và bốn là pháp. Có bốn pháp và một thời. Có hai báo chướng, hai phiền não chướng và Nghiệp chướng trong đó. Chúng sinh là nhân thành giả, Mạng là tương tục giả, đối đãi nhau giả, có thể biết. Chúng sinh là Thọ giả, bốn trược kia là Pháp giả, Danh giả chung cả hai nơi. Phiền não, Kiến ở phàm phu, ba trược còn lại chung cả phàm Thánh. Mạng ngắn, Kiếp dài, ba trược còn lại chung cả ngắn dài. Kiếp chỉ là thời, Mạng thì theo pháp mà luận về thời. Kiếp thì chung trong ngoài, Mạng chỉ ở bên trong. Ba tiểu hại người không hại vật, ba đại hại vật không hại người. Tiểu kiếp chỉ tại người, đại kiếp chung Sắc giới. Mạng thì thông năm đường ba cõi. Kiếp là cùng trược, bốn thứ kia mỗi mỗi đều trược. Tiểu kiếp là kiếp trược, đại kiếp thì chung trược và bất trược. Từ tám vạn tuổi đến mười tuổi là tiểu kiếp, tám mươi lần tăng giảm là một đại kiếp.

Hỏi: Đã nói năm trược vậy năm thanh thế nào?

Đáp: Chuẩn theo Tam độc tà chánh, Tà là năm trược chánh là năm thanh. Các cõi tịnh độ ở phương khác không có tà là ba độc thì năm trược chướng nhẹ, nghĩa đây có thể biết...

4. Phân biệt bỏ pháp giả (Quyền) đôn đốc tu pháp Thật: Từ "Nếu đệ tử ta tự cho mình" trở xuống. Nếu là đệ tử Phật thì tự có thể tin hiểu, nếu không tin hiểu thì không phải đệ tử chân thật cũng không phải La-hán, tức đôn đốc khiến chúng tin nhận hiểu. Văn chia làm hai:

1. Phân biệt chân, ngụy.
2. Khai trừ giải thích nghi.

Phân biệt có hai ý: Một là, nếu không nghe không biết thì chẳng phải chân thật đệ tử. Hai là, nghe mà không tin thọ thì thành tăng thượng mạn. Ý thứ nhất: Như đệ tử ở đời tùy thuận theo pháp của thầy mà tiếp nối truyền pháp cho hậu thế. Nếu không nghe không biết thì không có

pháp gì để tùy thuận, sao gọi là đệ tử? Xưa, các đức Như Lai thuyết năm trược khai ba thừa, các ông tùy thuận mà đắc Niết-bàn, vì được nghe được biết nên gọi là đệ tử. Nay năm trược đã trừ, ta sẽ vì ông mà thuyết Nhất thừa. “Không nghe không biết” là ý gì? “Không nghe” tức không nghe Giáo nhất, “không biết” tức không biết Hành nhất, “chẳng phải chân thật” tức chẳng phải Lý nhất, “chẳng phải đệ tử” tức chẳng phải Nhân nhất. Từ “Lại nữa, Xá-lợi-phất” trở xuống là ý thứ hai: Nêu không tin thì thành tăng thượng mạn. Đây là đôn đốc khiến cho họ tin, vì sao ông tự cho là thân sau cùng đắc Niết-bàn? Thân còn vô lượng, thật ra không phải thân sau cùng,mà các ông tự cho là cứu cánh. Thật ra còn hơn hai trăm do tuần không phải rốt ráo, “chưa đắc mà cho là đắc” há chẳng phải là tăng thượng mạn sao? La-hán chân thực thì đã trừ bỏ các trược, căn lợi, biết không phải là rốt ráo, tin chân thật là pháp ấy chưa phải là thân sau cùng nên không khởi thượng mạn. Biết cái chẳng phải rốt ráo, tin nơi rốt ráo tức tin Lý nhất. Không tăng thượng mạn tức thành Hạnh nhất. Tin ở giáo tức là Giáo nhất, là đệ tử Phật tức Nhân nhất.

Từ “Trừ sau khi Phật diệt độ” trở xuống là phần Khai trừ giải thích nghi. Trước là khai trừ,“Trừ sau khi Phật diệt độ” không thành tăng thượng mạn. Tiếp theo, từ “Vì sao? Sau khi Phật diệt độ” trở xuống, là nêu người ưa thích tu hành kinh này, tuy khó hiểu sâu kinh, khó thâm nhập, cũng không thành tăng thượng mạn. Nếu đức Phật tại thế (ở đời) chính thuyết kinh này, người không tin không thọ thì chẳng phải La-hán chân thật mà thành tăng thượng mạn. Nếu sau khi Phật diệt độ mới đắc La-hán là thiên chấp quyền kinh, không tin viên pháp, nghe tùy thuận thì chẳng phải tăng thượng mạn. Lại nữa, nếu đức Phật tuy nhập diệt mà kinh này còn tồn tại, thì người không tin không thọ nên gọi là thượng mạn chăng? Tức được khai trừ. Sau khi Phật diệt độ tuy có kinh này mà có người hiểu nghĩa kinh, thì người này khó gặp, đến khiến La-hán không tin không hiểu, cũng nghe theo, thì không phải tăng thượng mạn. Tiếp đến là giải thích nghi: Nếu sau khi đức Phật diệt độ, đối với kinh này người đọc tụng hiểu nghĩa, thì rất khó gặp, nhưng nếu người đắc La-hán thì vĩnh viễn nhập Niết-bàn ư? Tức giải thích: Người ấy tuy sinh tưởng diệt độ, nhưng sau khi xả thân mạng rồi thì sinh ở nước Hữu dư thuộc giới ngoại, được gặp Phật khác, được nghe kinh này liền nhất định hiểu rõ. Thích luận quyển chín mươi ba phẩm Tất Định nói: “La-hán thọ thân đời trước, thân ắt nên diệt, trụ ở chỗ nào mà đầy đủ Phật đạo? Đáp: La-hán thì lậu trong ba cõi nhân duyên đã diệt tận không còn sinh trở lại

ba cõi, vượt ngoài ba cõi có cõi Phật thanh tịnh không có danh từ phiền não, ở cõi nước ấy nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa đầy đủ Phật đạo". Tức dẫn kinh Pháp Hoa rằng: "có La-hán nếu không nghe Pháp Hoa mà tự cho được diệt độ, thì ta ở cõi nước khác vì họ mà thuyết việc này: ông đều làm Phật". Luận ấy đã dẫn kinh làm chứng. Nay giải thích kinh, trở lại dùng luận giải. Ngài Nam Nhạc nói:"Đức Phật khác là tứ y, La-hán gặp đó, nghe kinh liền quyết liễu. Lại, La-hán tu định niệm Phật thấy được mười phương chư Phật, chư Phật vì họ thuyết kinh này, họ liền đắc ngộ. Lại nữa, người phàm phu tu hành, khổ đến sám hối thấy được mười phương Phật, vì họ thuyết cũng được quyết liễu". Sư Dao nói: Thật La-hán ắt tự biết được Pháp Hoa chí cầu Đại thừa. Hàng lợi căn thì tự biết, hàng trung căn hạ căn thì cần phải nghe mới biết, cho nên nói "nghe biết", lẽ nào sau khi Phật diệt độ không nghe kinh Pháp Hoa, hoặc là nghe mà không tin, gặp đức Phật khác mới hiểu ư? Đời mạt pháp phàm phu mà còn có thể tin, huống chi là thánh nhân! "Trừ sau khi Phật diệt độ" là chỉ phàm phu. Có người nói: Phàm phu chưa chứng pháp tướng, sự thấy biết không sáng suốt, chấp tâm không kiên cố, do đó dễ tin, La-hán chứng pháp tướng, sự thấy biết rõ ràng, chấp tâm kiên cố, bỗng nghe thuyết khác thì chưa tiện tín thọ, cho nên nói không tin, nghĩa ấy là tất nhiên. Cho nên Thân-tử nói: "E chẳng phải ma giả Phật làm não loạn tâm ta ư!". Nếu theo nghĩa đây, thì chỉ La-hán không phải chỉ phàm phu... Đây thẳng giải nghĩa khác, không dùng nghĩa đây.

5. Không hư vọng: Từ "Xá-lợi-phất" trở xuống, ngăn chặn vật phỉ báng tâm. Đây gồm ba ý. Ban đầu khuyến tin đức Thích-ca thuyết Thật cho nên nói: "Các ông phải nhất tâm tin hiểu lời Phật dạy". Tiếp đến là khuyến tin chư Phật. cho nên, nói: "chư Phật nói không hư vọng",chư Phật đạo đồng càng thêm tin thọ. Sau cùng là kết thành không hư dối, cho nên nói "không có thừa nào khác chỉ có một Phật thừa thôi".

III. Kệ tụng có một trăm hai mươi mốt hàng phân làm hai phần:

1. Có bốn hàng và một câu tụng hứa đáp bên trên.
2. Có một trăm mười sáu hàng và ba câu tụng phần chánh đáp bên trên.

1. Hứa đáp trên có ba nghĩa: thuận, giới và giản. Nay không tụng thuận, chỉ tụng giản và giới (chọn răn dạy). Phần chọn chúng lại chia làm hai: Ba hàng rưỡi đầu, tụng bên trên nói năm ngàn người thoái lui. Hai câu tiếp, là tụng bên trên nói chúng đã thanh tịnh. Tiếp một câu,

tụng bảo (giới) lắng nghe. Thượng mạn ngã mạn không tin bốn chúng chung có, chỉ có hai chúng xuất gia, phần nhiều tu đạo đắc thiền, lầm cho là thánh quả, lại khởi tăng thượng mạn; tại thế gian thì kiêu căng cao ngạo phần nhiều khởi ngã mạn, người nữ trí tuệ nông cạn phần nhiều sinh tà kiến kỳ quặc không tự thấy lỗi mình. Ba điều lỗi này che tâm giấu cái sáng đẹp của ngọc, nêu cao đức của mình mà không tự tỉnh được, đó là người không biết tàm. Nếu tự thấy lỗi, thì là Tăng biết thẹn. "Nơi giới có thiếu sót", luật nghi có lầm lỗi gọi là "khuyết", định cộng đạo cùng có lỗi gọi là "lậu", không có đạo định... cho nên trong khởi ác giác như ngọc có ẩn chứa tỳ vết, không có luật nghi cho nên bên ngoài động thân khẩu như ngọc lộ tỳ vết, che giấu tội tự đắc cho nên gọi là "tiếc giữ tội quấy của mình". "Trí nhỏ" là không được trí học, vô học mà có trí nhỏ của thế gian, vọng coi hữu lậu là vô lậu. tiểu trong tiểu cho nên nói "tiểu trí". "Tao khang (tấm cám)", không có vô lậu thiền định thấm nhuần, cho nên như "tấm (tao)"; không có tuệ lý cho nên như cám (khang). Năm ngàn người này có thiền thế gian, coi như "tấm", có hiểu văn tự, coi như "cám", giỏi văn mà mất nghĩa lý ví như vỏ trấu không có gạo. Lại, "tấm cám" là thí dụ cho hạng người không có đại cơ. "Cành lá" là dụ cho không phải khí cụ tốt, hết thảy đều không thể dùng cho nên cần phải khiến đi. "Xá-lợi-phất! Khéo nghe" tức tụng phần giới hứa bên trên và khuyên khiến lắng nghe.

2. Từ " Pháp của chư Phật đặng" trở xuống có một trăm mười sáu hàng và ba câu, tụng phần chánh đáp bên trên, lại chia làm hai:

1. Từ "Chư Phật sở đắc pháp" trở xuống bảy mươi ba hàng và một câu tụng pháp môn của bốn đức Phật.

2. Từ "Nay ta cũng như vậy" trở xuống, bốn mươi ba hàng rưỡi tụng pháp môn của đức Phật Thích-ca.

Phần một lại chia làm bốn phần. Một là: từ "Chư Phật sở đắc pháp" trở xuống, có ba mươi bốn hàng và ba câu, tụng pháp môn của chư Phật; Hai là: từ "Quá khứ vô số kiếp " có hai mươi bảy hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật quá khứ; Ba là: từ "Chư Phật đời vị lai " có sáu hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật vị lai; Bốn là: từ "Thiên nhân đều cúng dường" có bốn hàng rưỡi, tụng pháp môn của Phật ở hiện tại.

Nay căn cứ ba mươi bốn hàng ba câu tụng pháp môn chư Phật, cùng văn trường hàng có ba điều sai khác:

1. Kia đây những cái "không có..." xen nhau.

2. Trước sau thay nhau xuất hiện.

3. Khai hợp không đồng.

Trên có tán pháp hy hữu mà không có năm trược, tụng có năm trược mà không có tán pháp. Trên thì trước tán pháp, tiếp đến nêu rõ không hư vọng, khai quyền hiển thật. Nay tụng thì trước là khai quyền hiển thật, sau mới nêu rõ không hư vọng. Trên thì khuyên tin cùng không hư vọng hợp thuyết, nay thì phân chia khuyến tin tách ra với nói không hư vọng. Có ý riêng cho rằng: Trên là đức Thích-ca dùng phương tiện giải thích thành pháp Quyền của chư Phật, trong kệ dùng pháp Thật của Phật Thích-ca, giải thích thành hiển Nhất thừa của chư Phật, tức thành bốn điều khác.

Ba mươi bốn hàng và ba câu tụng này chia làm năm phần:

1. Từ "Chư Phật sở đắc pháp" xuống năm hàng ba câu, tụng chư Phật thiết lập Quyền.

2. Từ "Ta bày phương tiện đó" xuống mười ba hàng, tụng chư Phật hiển thật.

3. Từ "Nếu người tin quy Phật" xuống bốn hàng rưỡi, tụng chư Phật khuyến tin.

4. Từ "Nếu ta gặp chúng sinh "xuống chín hàng rưỡi, là phần tụng riêng về năm trược.

5. Từ "Ta có sức phương tiện" xuống hai hàng, là tụng về không hư vọng ở trên.

Phần một giải thích khai Quyền, văn chia làm hai phần: Một, gồm bốn hàng và một câu, chính thiết lập pháp Quyền. Hai, gồm một hàng rưỡi, tụng kết ý lập pháp Quyền. Đây là phần đầu "Chư Phật sở đắc pháp" là tu đạo đắc các pháp Quyền ."Vô lượng sức phương tiện" trở xuống là tụng bên trên nói: "vô số phương tiện các thứ nhân duyên diễn thuyết các pháp". "Tâm của chúng sinh nghĩ" là tụng bên trên nói "tùy nghi thuyết pháp". Trong tụng rộng nêu ra tướng tùy nghi tức là chiếu soi căn cơ chúng sinh trong chín pháp giới, thuyết bảy phương tiện. Tổng nói chín, bảy không xét cụ thể cho nên nói "bao nhiêu". Tùy theo "dục" mà ứng dụng Thế giới Tất-đàn. Tùy theo "tánh" mà ứng dụng Vị nhân Tất-đàn. Tùy theo "ác nghiệp" mà ứng dụng Đối trị Tất-đàn. Hiện khởi hy vọng, gọi là "niệm". Pháp môn không đồng, gọi là "các thứ". Quá khứ huân tập gọi là "tánh". Hiện tại ưa thích, gọi là "dục". Hoặc là có thể huân tập dục thành tánh , thành tánh sinh dục theo thói quen... "Nghiệp thiện ác" là bảy phương tiện truyền truyền làm thiện ác... Đức Phật dùng quyền trí chiếu soi các phương tiện tánh dục, rồi mới dùng các nhân duyên thí dụ tùy nơi thích nghi mà thuyết chín bộ kinh, mười hai bộ như trong Huyền Nghĩa nói.

Từ "Độn căn ưa pháp nhỏ", trở xuống, gồm một hàng rưỡi, là phần hai, tụng kết ý lập pháp Quyền.

Đời trước căn độn đời nay không có cơ hội, không có khả năng nghe Đại thừa, cho nên nói "Chẳng tu đạo sâu mầu". Đời trước tham đắm chướng nặng, đời nay các khổ bức bách, chỉ có thể nghe pháp Tiểu thừa cho nên nói "Vì đó thuyết Niết-bàn".

Phần hai: từ "Ta bày phương tiện đó" trở xuống, gồm mười ba hàng, tụng chư Phật hiển thật. Văn chia làm bốn phần:

1. Ba hàng đầu tụng Lý nhất "Khiến được nhập Phật tuệ", là tụng phần bên trên nói: "vì một đại sự nhân duyên". "Quyết định nói Đại thừa", là tổng tụng khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. "Nhập Đại thừa làm gốc", là tụng phần bên trên nói "nhập tri kiến Phật".

2. Từ "Có Phật tử tâm tịnh" trở xuống, bốn hàng rưỡi tụng phần bên trên nói: "chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát" để nêu rõ Nhân nhất, trên thì nói chỉ giáo hóa Bồ-tát, trong tụng thì nói rộng, nêu các người phương tiện đều thành người thật. "Có Phật tử tâm tịnh" tức là người của Biệt giáo; "Vì hàng Phật tử này, thuyết kinh Đại thừa đây" đắc ký tâm hoan hỷ, tức là thành người chân thật của Viên giáo, "Thanh văn hoặc Bồ-tát" là Thanh văn bao gồm cả Duyên giác, như Bồ-tát gồm đắc lục độ, các Bồ-tát Thông giáo v.v... "Đều thành Phật không nghi", bảy phương tiện đều là đệ tử Phật, tức là tụng Nhân nhất nói bên trên.

3. Từ "Trong mười phương cõi Phật" trở xuống, gồm một hàng và ba câu, tụng trên nói "Như Lai chỉ dùng một Phật thừa vì chúng sinh thuyết pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác". Hoặc mười phương Phật chỉ nói một pháp tức là Giáo nhất, "Chỉ dùng danh tự giả, Dẫn dắt các chúng sinh" tức phương tiện giáo. Tạm nói ra ba giáo để hiển bày Phật tuệ nhất giáo. Kinh phân rõ: "Không có thừa nào khác", là không có Viên trong Biệt giáo, không có thừa khác nhập Biệt. "Không hai" là không có hai thừa Bán Mãn đối đãi nhau trong Thông giáo, "không ba" là không có ba thừa trong Tam tạng giáo. Hai thừa, ba thừa như thế là danh tự giả, để dẫn dắt các chúng sinh. Nay chỉ có một Phật thừa Viên giáo.

4. Từ "Chư Phật ra nơi đời, chỉ một sự này thật"... trở xuống, có ba hàng ba câu, tụng phần bên trên nói "những điều làm ra thường vì một việc", là văn Hạnh nhất. "Sự" tức là hạnh. "Trọn không dùng Tiểu thừa, Mà tế độ chúng sinh" tức tụng ý trên: "thường vì một đại sự", "Phật tự trụ Đại thừa, Dùng đây độ chúng sinh" là tụng trên nói "chỉ dùng tri kiến Phật thị cho chúng sinh ngộ". Một hàng sau giải thích ý

không dùng Tiểu thừa để độ chúng sinh.

Phần ba: từ "Nếu người tin về Phật" trở xuống, gồm bốn hàng rưỡi tụng bên trên: Chư Phật khuyên tin. Trên nói "Các ông phải tin lời Phật dạy". Văn chia làm hai phần:

Một: Hai hàng rưỡi đầu, nêu quả khuyên tin. Hai: từ "Xá-lợi-phất! Nên biết" trở xuống hai hàng, nêu nhân khuyên tin. Trong phần nêu quả, một hàng rưỡi đầu nêu nội tâm: "Nếu người tin về Phật, Như Lai không dối gạt" là nêu Phật tâm thanh tịnh, vô minh xan tham cấu uế các ác đã đoạn, trong tâm thanh tịnh thuyết, cho nên có thể tin. "Ta dùng tướng trang nghiêm" xuống một hàng là nêu rõ ngoại sắc của Phật: thân tướng sáng ngời, quang sắc đoan nghiêm, trong không có tối tăm mê-hoặc; ngoài có hào quang sáng chói, nói không dối gạt được chúng tôn trọng, thuyết Đại thừa ấn thì có thể tin thọ. Từ "Xá-lợi-phất! Nên biết, Ta vốn lập thệ nguyện" trở xuống, hai hàng nêu Nhân khuyên tin, cũng chia làm hai: Một hàng đầu "Ta vốn lập thệ nguyện " nêu thệ xưa của Phật. Một hàng sau: "Như ta xưa đã nguyện" nêu nguyện đã mãn, thệ nguyện của ta xưa chẳng những thệ tự chứng Bồ-đề mà còn thệ cho chúng sinh đồng nhập Phật tuệ, nay đáp lại lời thệ cho nên nói thì cũng có thể tin. Nay Bồ-đề đã mãn, chúng sinh cũng nhập, ông đã tự chứng Phật tuệ và cũng chứng nghiệm lời thề của ta không hư dối, kết thành nêu nhân khuyến tín.

Hỏi: Bản thệ đã khắp nay chúng sinh còn nhiều, nguyện tại sao mãn?

Đáp: Ba đời chư Phật lợi ích chúng sinh, nay nêu hiện tại luận về nguyện mãn.

Phần bốn: từ "Nếu ta gặp chúng sinh" trở xuống gồm chín hàng rưỡi, nêu năm trược, trên thì nói rõ năm trược ở sau khi nêu Thích-ca, nay ở tụng văn sau khi tổng nêu các đức Phật, trong môn Thích-ca lại nêu ra, đây nêu chư Phật đồng xuất hiện ở đời năm trược, đều trước ba sau một, văn đây chia làm bốn phần:

Phần một: một hàng đầu tổng nêu năm trược chướng Đại thừa. Phần hai: sáu hàng tiếp, nêu chi tiết năm trược chướng Tam thừa. Phần ba: một hàng tiếp, nêu vì năm trược cho nên Phật phương tiện thuyết Tiểu thừa. Phần bốn: một hàng rưỡi cuối, nêu rõ vì Đại thừa nên thuyết Tiểu thừa, dùng Tiểu thừa trị ngũ trược đại nguyện hưng thịnh.

"Nếu ta gặp chúng sinh" Trung A-hàm quyển mười hai nói: "Kiếp sơ Quang-Âm thiên sinh xuống thế gian, không có nam nữ tôn ty họ hàng; chúng cùng sinh sống ở thế gian, cho nên nói "chúng sinh". Đây

là căn cứ ban đầu. Nếu tập hợp các ấm mà có, giả danh chúng sinh, thì đây là căn cứ một kỳ hạn thọ báo. Nếu nói khắp nơi thọ sinh cho nên gọi chúng sinh, thì đây là căn cứ nghiệp lực mà lưu chuyển trong năm đường”. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Mười thứ chúng sinh, nghĩa là dài, ngắn, vuông, tròn, ba góc, xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Vì sao chúng sinh sinh tử lâu dài? Khi ở địa ngục thì thân thọ khổ bất khả tư nghì, tâm niệm vô lượng vô biên ác. Khi làm súc sinh thì thân đắp đổi tướng ăn nuốt, tâm đắp đổi tướng bức não. Khi làm ngạ quỉ thì thân như núi lửa, tâm tợ chảo dầu sôi, tà kiến rực cháy đụng chạm sân si hung dữ. Khi làm loài người thì thân khẩu ý thường làm việc không lợi ích để tự lao khổ, thân khẩu ý thường nghĩ nhớ việc không lợi ích để tự trói buộc. Khi ở cõi trời thì say đắm lục trần buông lung đùa giỡn, không nghe chánh pháp, làm bế tắc nguồn phước. Đó gọi là chúng sinh sinh tử lâu dài.

Vì sao chúng sinh sinh tử ngắn? Khi ở địa ngục thì năng nhất niệm tịch tĩnh tâm, giữ giới. Khi làm súc sinh, thì năng nhất niệm tĩnh tâm, nương tam bảo. Khi làm ngạ quỷ, thì năng nhất niệm tĩnh tâm, tịnh các căn. Khi làm người, thì năng tu lục độ, hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính tam bảo, lấy điều thiện để trang nghiêm thân khẩu ý. Khi ở cõi trời, thì xả bỏ sự vui của cõi trời, giữ giới, ưa thiền định, giáo hóa đọc tụng Kinh pháp, phạm hạnh, ít nói năng. Đó gọi là chúng sinh sinh tử ngắn.

Vì sao chúng sinh sinh tử vuông (phương)? Như cõi Uất-đơn-việt đối với tất cả vạn vật không có ngã sở, sau khi xả thân ắt lên cõi trời, từ trời lại lên trời cao hơn chỉ hướng lên đến chỗ thiện, đó gọi là chúng sinh sinh tử góc vuông (phương lăng).

Vì sao chúng sinh sinh tử tròn? Chỉ ở trong tam đồ tứ thú xoay vòng biến chuyển như đốt vòng lửa. Vì sao chúng sinh sinh tử ba góc? Nghĩa là thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, vô ký.

Vì sao chúng sinh sinh tử màu xanh? Là do thường vào trong địa ngục tối tăm nên thường sợ hãi. Vì sao chúng sinh sinh tử màu vàng? Vì ở trong ngạ quỉ, đói gầy yếu nên vàng. Vì sao chúng sinh sinh tử màu đỏ? Vì loài súc sinh đắp đổi tướng ăn uống máu huyết nên như vậy. Vì sao chúng sinh sinh tử màu trắng? Nghĩa là ở trong loài người, trời lấy bạch nghiệp làm nghiệp thiện, như chư thiên khi sắp chết thì các trời khác nói rằng: “ông sinh trong nhơn đạo đi!” Nếu là người khi sắp chết, thì người tri thức nói rằng “ông hướng lên cõi trời đi!” Nên biết hai chốn này là bạch sinh tử.

Lại đệ Ngũ nói: “Tâm vẽ màu đen Địa ngục, màu chim câu Quỷ đói, màu vàng Súc sinh, màu đỏ Người và màu trắng Trời”. Nghĩa này

thế nào?

Đáp: Trên nói quả báo năm đường, nay nói năm đường tạo nghiệp cho nên không đồng... Các chúng sinh như thế nếu cùng Phật tương ngộ, chúng sinh tự lấy khổ não nung nấu, chư Phật dùng đại bi cứu giúp chúng sinh, thì bi và khổ đối đãi nhau cho nên nói tương ngộ. Lại, Phật như chúng sinh như. Một như, không có hai như. Thiên tánh tương quan, cho nên nói tương ngộ. Luận rằng đại bi hằng thương xót chúng sinh, nếu dùng Nhân, Thiên thừa dạy thì Ngã rơi vào tối tăm mê hoặc. Chỉ tránh khỏi sinh tử xanh, vàng, đỏ, tía, vuông, tròn, ba góc mà không phải giáo Phật đạo. Nếu gặp chúng sinh khiến tu tiểu thừa, thì Ngã đoạ vào xan tham. Việc này thì không thể thoát khỏi hai mươi lăm cõi. Nếu gặp chúng sinh dạy khiến họ theo Thông Biệt giáo Ngã rơi vào thiên lệch mất tri kiến Phật. Nay đều khiến cho chúng sinh đắc thật tướng diệu tuệ, thể đạt tất cả đều là Phật pháp, đều là chánh đạo. Đây tức "Dùng Phật đạo dạy tận". Khổ sinh tử vĩnh viễn hết. Ta thường nói như vậy, chỉ vì chúng sinh căn độn tội nặng nên không thể như nguyện. Đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Trụ Vô Trụ phát nguyện mong muốn cho chúng sinh nước mình đồng ngày đồng giờ thành Phật tức là ngày diệt độ. Lại, trước Hiền kiếp có Đức Phật hiệu là Bình Đẳng cũng nguyện nước mình và chúng sinh trong mười phương cũng đồng một ngày thành Phật tức ngày diệt độ. Ngày nay có Phật lại có chúng sinh là vì sao ư? Phật dạy thôi thôi, ta trước đã nói chỉ đắc thân người thôi? Có thể có phát nguyện muốn chúng sinh trong năm đường đồng ngày thành Phật không? Phật dạy không thể dùng thân chẳng phải pháp khí mà thành vô thượng đạo, chủ yếu trước phải hóa độ chúng sinh trong ba đường đắc nhân thiên, rồi sau mới có thể ý như nguyện. Ba đường chẳng phải thiện đạo thì sao có khả năng thành Phật, như người cầu bảo vật mà không ở giữa trời cầu xin.

"Ta biết chúng sinh đó" tiếp xuống sáu hàng, nêu chi tiết năm trược, chia làm năm phần:

1. Hai hàng, nêu Chúng sinh trược. "Cội lành" là chân như thật tướng, không nương theo đây mà gieo trồng thiện căn nên không cảm đại. "Chấp chặt nơi ngũ dục" tức là gốc của mọi ác, từ si mà có ái thì bệnh Ngã sinh.

2. Từ "Thân mọn thọ bào thai" một hàng, riêng nêu Mạng trược. Quán tâm giải thích: Một niệm tâm khởi tức vì đời vị lai tạo nghiệp. Nghiệp tức thai. Thai nghiệp không cùng tận, đời đời nối tiếp không dứt, không dứt tức là tăng trưởng. Hình mọn thọ thai, hình tức là năm

ấm, ấm gọi là thế (đời). Thọ mạng liên tục duy trì các ấm nhập thế, ban đầu từ váng sữa rồi đến già chết, gọi là đời đời tăng trưởng đó là mạng trược. Kinh Thọ Ấm Thân nói: Phàm phu thọ thân bảy ngày đầu chưa đổi khác, hai tuần lễ mới có tướng sinh như váng sữa, ba tuần như sữa đặc, bốn tuần như bơ đông đặc, năm tuần như ngói nung, sáu tuần như cục thịt tròn, bảy tuần cục thịt ấy sinh ra ngũ bào, đầu, hai tay hai chân, tám tuần lại ngũ bào ấy sinh một đầu hai cổ tay, hai bắp tay, chín tuần liên tục sinh hai mươi bốn bào: bốn là tai mắt mũi lưỡi, hai mươi là hai mươi ngón, mười tuần chuyển hiện tướng bụng dần dần da cốt phân giải tạo các tướng sai khác, sinh bảy trăm gân, bảy ngàn mạch, tùy chỗ nên tướng mà dùng gió nhiễm có khác, cần tướng trắng thì gió trắng nhiễm, cho đến các gió khác cũng như vậy, gió thơm thổi cho nên an ổn đoan chánh, gió hôi thổi không an ổn thì xấu xí cong queo. Sau khi ra khỏi thai, ăn ngũ cốc thì sinh tám vạn vi trùng.

3. Từ "Vào rừng rậm tà kiến" xuống, một hàng là Kiến trược, năm kiến kết hợp càng thêm phát triển như rừng rậm dày đặc, "hoặc chấp có" là thường kiến, "chấp không" là đoạn kiến, nhân hai kiến đây mà sinh ra sáu mươi hai kiến chấp. Hoặc nói ngoại đạo chấp ngã có bốn câu: Sắc tức là ngã, ly sắc là ngã, sắc lớn ngã nhỏ ngã trụ trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ sắc trụ trong ngã. Bốn ấm kia cũng như vậy, thành hai mươi, nhân ba đời thành sáu mươi và hai cái căn bản tổng cộng là sáu mươi hai. Hoặc nói như trong kinh Đại Phẩm.

4. Từ "Chấp chặt pháp hư vọng" một hàng, tụng Phiền não trược, như văn.

5. Từ "Trong ngàn muôn ức kiếp" một hàng, tụng Kiếp trược, thời gian lâu dài không có Phật pháp tức là kiếp trược. Lại, bốn trược trên nhóm họp trong thời ấy, cho nên gọi Kiếp trược. "Người như thế khó độ "vì năm trược chướng ngại nên không tin nhất thừa, không thể độ. Quán giải thích: Niệm niệm ác giác, vĩnh viễn không có chánh quán tự giác, tức "không thấy Phật", tâm không có Bát chánh tức "không nghe pháp", tâm này "khó độ".

Phần ba: Từ "Cho nên Xá-lợi-phất" có một hàng, tức Quyền vì thuyết Tiểu thừa, như văn.

Phần bốn: Từ "Ta dầu nói Niết-bàn" có một hàng rưỡi, tức là cuối cùng khiến nhập Đại thừa, phá bỏ hết vọng của ba cõi. Diệt sắc chấp không thì chẳng phải chân diệt. Nếu thể đạt vô minh vốn là không, thì thường tịch diệt tức là chân diệt. Vốn không tuy tịch diệt, nhưng nếu không tu đạo thì không do đâu mà khế hợp cho nên nói: "Phật tử hành

đạo rồi, đời sau được thành Phật” .

Phần năm: Từ “Ta có sức phương tiện” có hai hàng, tụng trên nói không hư dối, trên nói “Các ông phải tin lời Phật dạy không hư vọng”, khuyến tin trước rồi tụng sau. Không hư dối, nay tụng lại. Hai câu đầu trước nêu Đức Phật Thích-ca trước khai pháp ba thừa, hai câu tiếp nêu rõ chư Phật sau hiển thật tức xen lẫn hiện. Một hàng sau chính nêu ý “không hư vọng”, trước Quyền sau Thật thành thật nói không hư dối, chớ sinh nghi ngờ.

Từ “Quá khứ vô số kiếp” trở xuống gồm hai mươi bảy hàng rưỡi, là phần hai tụng trên nói chương Phật quá khứ, văn chia làm hai:

1. Hai hàng đầu, tụng khai tam, như văn.

2. Từ “Các đức Thế Tôn đó” trở xuống, hai mươi lăm hàng rưỡi, tụng hiển nhất. Văn trên nói hiển thật, bao gồm có Tứ nhất.

Nay kệ đủ, trong văn tụng lại chia làm hai phần:

Phần một: Một hàng đầu tụng lược Tam nhất ở văn trên: “Đều nói pháp Nhất thừa” tụng Giáo nhất, “Độ vô lượng chúng sinh” là tụng Nhân nhất, “Khiến vào nơi Phật đạo” tức tụng Lý nhất, bao gồm cả Hạnh nhất.

Phần hai: từ “Lại các đại thánh chúa” trở xuống gồm hai mươi bốn hàng rưỡi, tụng rộng ngũ thừa hiển Nhất thừa. Văn này lại chia làm hai:

Một hàng rưỡi đầu, căn cứ chung năm thừa để hiển nhất. “Trời người loài quần sinh” là nêu các thừa để nói Nhân nhất, “Bèn dùng phương tiện khác” là nêu các hạnh để hiển Hạnh nhất gồm cả Giáo nhất. “Đệ nhất nghĩa” tức là Lý nhất. Từ “Phương tiện khác” trở xuống, là chánh nhân Phật tánh, tức đệ nhất nghĩa lý. Nếu dùng viên diệu chánh quán, thì đây tức là thật tướng phương tiện, không gọi là “khác”. Nếu dùng bảy phương tiện quán, trợ hiển đệ nhất nghĩa, thì gọi là “phương tiện khác”.

Từ “Nếu có loài chúng sinh“ trở xuống, gồm hai mươi ba hàng, căn cứ riêng từng thừa của năm thừa để hiển bày chân thật. Văn chia làm ba phần: hai hàng khai Bồ-tát thừa, một hàng khai nhị thừa, hai mươi hàng khai thiên nhân thừa.

Hai hàng từ “Nếu có loài chúng sinh”: khai Bồ-tát thừa. Nếu giải thích theo ngũ thừa, thì chỉ là lục độ Bồ-tát thừa. Nếu giải thích theo bảy phương tiện, thì gồm cả Thông Biệt Bồ-tát thừa. Vì sao tam giáo Đại thừa đều hành lục độ mà vận tâm có khác? Tướng tâm hành lục độ, tức Tam tạng Bồ-tát, vô tướng tức Thông giáo, phi tướng vô tướng thứ lớp hành lục độ tức Biệt giáo. Nay chỉ liệt nêu lục độ, nhưng chưa biết dự

định xét thuộc về giáo nào? Theo như văn trên nói: “lại dùng phương tiện khác” tức chẳng riêng lục độ Bồ-tát mà là phương tiện của tam giáo Bồ-tát tu. Xưa nghe pháp đều đã thành Giáo nhất, xưa hành lục độ đều đã thành Hạnh nhất, “những người như thế đó” đều đã thành Nhân nhất, “đều đã thành Phật đạo”, đều đã thành Lý nhất.

Một hàng, từ “Sau khi Phật diệt độ, nếu người lòng thiện nhuyễn” là khai Thanh văn Duyên giác đều nhập Nhất thừa. Làm sao biết được? như trong Đại Phẩm tán thán A La-hán tâm điều hòa nhu nhuyến. Lại, kinh Tịnh Danh nói: “Trụ tâm điều phục là hạnh Hiền Thánh”. Lấy đó biết họ . Xưa “tâm thiện nhuyễn” đều thành Hạnh nhất, “những người ấy” là Nhân nhất, “thành Phật đạo” là Lý nhất.

“Người cúng dường Xá lợi” trở xuống: khai nhân thiên thừa, không nêu rõ là nhân hay thiên thừa chỉ nêu tạo tượng xây tháp chuyên chú cho đến tán loạn, cho nên biết là nghiệp thiên nhơn. Địa sư giải thích rằng: “Đồng tử” là Đồng chân địa, không có tâm ham muốn nhị biên của nhị thừa và phàm phu. “Đắp cát sỏi làm tháp”, cát sỏi tiêu biểu không dính mắc (vô trước), “tháp” là nơi các hạnh tích tụ đều cất chứa trong tâm chánh giác, Kia cho rằng nghĩa hợp với vô sinh bởi vì nghĩa sâu xa. Nay thì cho rằng trái nghĩa thẳng hẹp của văn. Làm sao Đăng địa tự ứng thành Phật? như Tu-la qua biển thì đâu đủ làm kỳ lạ? Nay lấy việc đồng tử giởn nhóm cát thành tháp, mà người loạn tâm ca vịnh tán thán chỉ sự vi diệu, tức là chấp trước, như phàm phu qua biển thì không thể nghĩ bàn. Phật phân minh rộng hợp với ngũ thừa, chút ít thiện cũng không rơi sót, mà lại không thu góp ý rộng, chấp thẳng vô sinh? Nếu như hướng đến giải thích, thì e rằng không thâu nhiếp nhị thừa, huống là phàm phu ư! Cho rằng sâu thì chỉ là không mâu thuẩn nhau, xác định là rộng thì trái với kinh văn.

Hỏi: Hàng nhân thiên ít thiện lẽ ra trụ quả báo, tại sao đều nói đã thành Phật đạo?

Đáp: Đây nên nêu rõ ba nghĩa của Phật tánh. Đại kinh nói: Lại có Phật tánh, người thiện căn có, người xiển đề không có, tức là nhân thiên tiểu thiện cúi đầu, giơ tay. Góp từ ít ỏi thành nhiều, góp cây lên rừng, góp nước thành biển.

Xưa vì phương tiện chưa khai, cho là trụ nơi quả báo. Nay khai phương tiện hành, tức là duyên nhân Phật tánh năng hướng đến Bồ-đề, thành hiển nghĩa thật.

Căn cứ đây chia làm hai phần:

1. Mười chín hàng trước, nói thiên nhân tiểu thiện thành duyên

nhân chủng tử, để hiển Thật.

2. Một hàng sau, nói liễu nhân chủng tử để hiển Thật. Theo văn có thể hiểu.

- Mười chín hàng trước chia làm mười phần:

1. Ba hàng rưỡi: căn cứ việc xây tháp nêu Thiên thừa, nhân thời đến động tâm xả tài bảo, quả thì mặc sức tự nhiên thọ hưởng an vui (lạc), cho nên gọi Thiên thừa. "Gỗ mật" ở Trường An có cây tên là "mật", cũng có thể dùng làm tượng. Kinh Kim Quang Minh nói: Dùng Xá-lợi Phật như hạt cải hạt lúa, an trí trong tháp nhỏ, thì quả báo ở ba mươi ba tầng trời đã có tự nhiên, tức nghĩa kia vậy.

2. Từ "Cho đến đồng tử giỡn" có một hàng: đồng tử giỡn chơi đắp cát làm tháp tức là nghiệp nhân. Nhân thì mênh mông nhưng làm thiện, quả thì tác ý siêng cầu đắc lạc, cho nên gọi là nghiệp người (nhân nghiệp).

3. Từ "Nếu như người vì Phật" xuống bốn hàng, căn cứ sự chí tâm tạo tượng nêu nghiệp cõi trời. Kinh Ưu-bà-tắc Giới nói: "Không cho dùng keo, dùng thì phạm tội thất ý", mà kinh này dùng. Cổ sư nói: Ngoại quốc dùng nhựa cây. Ngài Quang Trạch nói: Hoặc có nơi dùng tượng, phải cho dùng keo bằng da trâu, nếu có vật khác thì không được dùng. Có người nói: Nhựa đậu nành có thể thay keo sạch, nhưng keo da trâu bò là vật không sạch, sau sẽ mắc quả báo bất tịnh. Đồng tiền bất tịnh (không sạch) không thể dùng đúc tượng, nên đổi lấy tiền như pháp thanh tịnh để đúc tượng. Lấy đất không dùng những thứ hôi hám, yếu đuối làm tượng. Giới Kinh không cho làm tượng nửa thân, phạm tội thất ý vì tướng thiện không sinh mà còn bị rơi vào đường sinh tử. Nhưng tạo tượng đều có sự tính toán. Nếu thờ ngay nơi nhà chính, thì nên tạo tượng ngồi, Phật nghỉ ngơi thì hoặc ngồi hoặc nằm. Phật hành động ắt phải đứng. Nhưng đệ tử thì trước tượng đứng, nơi tháp điện không được ngồi vì chỗ này quyết định thuộc của Phật. Nếu ở nhà bạch y có các tượng ngồi, thì không thể đứng trước tượng lâu, xin phép ngồi thì được, ở trước tượng đứng cũng không được ngồi v.v...

4. Từ "Cho đến đồng tử giỡn" xuống một hàng nêu nhân nghiệp.

5. Từ "Những hạng người như thế" một hàng rưỡi, kết thành hiển Thật, các người đều thành Nhân nhất. "Dần dần chứa công đức, đầy đủ tâm đại bi" tức thành Hạnh nhất. "Phật đạo" tức thành Lý nhất, "đã thành Phật" lại có thể là Tứ nhất."Chỉ dạy các Bồ-tát" tức là Giáo nhất.

6. Từ "Nếu người nơi tháp miếu" ba hàng rưỡi là ước về các cúng dường của trần gian nêu rõ nghiệp trời. "Đồng bạt" ở Trường An gọi

Lộ-bàn là đồng bạt, nơi kia kinh phiên dịch cho nên dùng tên gọi ấy.

7. Từ "Nếu người tâm tán loạn " một hàng, nói tán tâm dùng các trần cúng dường, nêu nghiệp cõi người.

8. Từ "Hoặc có người lễ lạy" một hàng nói thân nghiệp cúng dường, nêu nghiệp nhơn thiên. Câu thứ nhất nói: "Lễ lạy", là ngũ thể (năm vóc) gieo xuống đất, là thượng lễ, tức nghiệp trời. "Chắp tay, cúi đầu" là trung lễ, tức nghiệp người.

9. Từ "Dùng đây cúng dường tượng" một hàng rưỡi, kết thành, chẳng những hiển Thật "tự thành Phật đạo", mà còn có thể khai Quyền "Niết-bàn như củi hết lửa tắt" vậy.

10. Từ "Nếu người tâm tán loạn" một hàng, nói về khẩu nghiệp, theo như trên đáng lẽ đầy đủ nghiệp nhân thiên, nhưng nay chỉ nêu nghiệp nhân.

Chữ "Nam-mô" có nhiều nghĩa. Hoặc nói độ ngã, độ ngã có thể thiết lập ở chúng sinh. Nếu Phật đáp lời chư Phật thì nghĩa độ ngã không tiện. Kinh Ngũ Giới gọi là "Kinh bố". Kinh bố chính có thể thiết lập ở Phật, vì sinh tử hiểm nạn thật đáng kinh sợ, dùng Đại cứu không được, nay đồng chư Phật dùng Tiểu để cứu. Sợ hãi có thể thiết lập ở Phật, cho nên văn nói "vui xưng Nam-mô Phật", vui là vui được đồ lễ cứu chúng sinh. Kinh Ngũ Giới lại nói là nghĩa "quy mạng" đều là cho chúng sinh. Điều-đạt trước lúc lâm chung mới xưng "Nam-mô" chưa kịp xưng "Phật" liền đoạ xuống địa ngục, Đức Phật thọ ký ông từ địa ngục ra sẽ làm Bích-chi-phật. Gọi chữ "Nam-mô" do có chuyện ngoại quốc xây tượng Trời dùng vàng làm đầu tượng; giặc đến trộm lấy mà không được, chúng xưng: "Nam-mô Phật" liền lấy được. Sáng ngày mọi người tụ lại bảo rằng: Tượng Trời bị mất đầu, tức không có trời đến giữ. Nếu giữ thì tại sao mất đầu. Trời bèn giáng xuống một người nói: "Lúc giặc đến lấy đầu thì xưng "Nam mô Phật", chư thiên đều kinh động thế nên chúng được thuận tiện, thế nên tượng bị mất đầu". Mọi người nói: "Trời không bằng Phật sao?" Đã không bằng thì nay sao không thờ Phật? Giặc xưng "Nam mô Phật" mà còn được đầu Phật, huống chi hiền nhân xưng "Nam mô Phật", mười phương tôn thần không dám chống trả, chỉ cần tinh tấn chớ nên biếng nhác. Kinh Na-Tiên Tỳ-kheo nói: Người sắp chết, xưng "Nam mô Phật" thì được thoát khỏi địa ngục. Tại sao? Như người cầm một cục đá bỏ xuống nước, thì đá chìm không gì nghi, nhưng nếu đem hàng trăm viên đá bỏ trên thuyền thì thuyền chắc không chìm. Nếu vậy thì người chết nhất định vào địa ngục thì như đá bỏ vào nước, nếu khi sắp chết mà xưng Nam-mô Phật thì nhờ Phật lực nên không vào

địa ngục, như nhờ sức thuyền nên đá không chìm...

Kinh Thai Kinh Báo Ân nói: Ở Đại hội lần thứ ba tại Hoa Lâm Viên, có chín mươi hai ức người là sao? Tức trong cuối đời giáo pháp đức Thích Tôn người nào niệm một câu Nam-mô Phật, thì người đó được gặp đức Phật Di-lặc.

Từ "Nơi các Phật quá khứ" một hàng, nêu rõ liễu nhân chủng tử.

Nếu theo lệ thường như trên, thì tất cả cái hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, chí tâm, tán tâm... đều là chủng tử năm thừa. Nay đều khai nhập nhất thật v.v... "Chí tâm nghe một câu" là nghiệp cõi trời, "Tán tâm nghe một câu" là nghiệp cõi người...

Hỏi: Vì sao chỉ căn cứ Phật môn quá khứ rộng nêu năm thừa ?

Đáp: Chư Phật ba đời đều có khai Quyền, nhưng vì đời vị lai thì chưa sinh khởi, hiện tại thì mới hành, cho nên chứng minh nghĩa không đủ. Ở đời quá khứ thì khai Quyền đã lâu, nên người thọ hóa (nhận sự giáo hóa) đều thành tứ nhất, khắp cả mười phương dùng Quyền hiển Thật nên việc chứng nghĩa đủ mạnh. Liên lụy vì lời nói hư vọng, chi bằng chứng nghiệm là căn cứ vào sự thực. Cho nên, đời quá khứ Đức Phật đã rộng thuyết ngũ thừa.

Phần ba: Từ "Các Thế Tôn vị lai " xuống, sáu hàng rưỡi, tụng phần Phật vị lai nói trên. Văn chia làm hai phần:

1. Một hàng rưỡi, tụng khai tam.
2. Năm hàng, tụng hiển nhất.

Một hàng "Độ thoát các chúng sinh" là tụng Nhân nhất, một hàng "Các Phật vốn thệ nguyện" là tụng Hạnh nhất. Chư Phật hành đạo và muốn cho chúng sinh đắc đạo này, đâu chẳng phải Hạnh nhất ư? Từ "Chư Phật đời vị lai" xuống, hai hàng là tụng Giáo nhất."Biết pháp thường không tánh", là thật tướng thường trú không có tự tánh cho đến không có vô nhân tánh. Không có tánh cũng không có tánh. Đó gọi là "không tánh". "Phật chủng từ duyên khởi", là cái không của trung đạo, tánh tức là "Phật chủng". Nếu mê lý đây, do vô minh làm duyên thì có chúng sinh khởi, hiểu được lý đây, do giáo hạnh làm duyên thì có chánh giác khởi. Muốn khởi chủng tử Phật phải tu Nhất thừa giáo, đây tức tụng Giáo nhất. Lại "không tánh" tức chánh nhân Phật tánh, "Phật chủng từ duyên khởi" tức duyên liễu, do duyên phụ giúp liễu nhân, mà chánh nhân chủng tử sinh khởi. Một khởi tất cả khởi. Ba tánh như vậy gọi là nhất thừa. "Pháp ấy trụ pháp vị" một hàng, tụng Lý nhất. Chúng sinh chánh giác nhất như không hai, đều không ra ngoài như, đều như pháp mà gọi là "vị". "Tướng thế gian thường trụ". Chánh giác xuất thế

lấy như làm “vị”, cũng dùng như làm “tướng”. Vị, tướng đều thường trụ. Chúng sinh thế gian cũng lấy như làm vị, cũng lấy như làm tướng, đâu không thường trú ư? Tướng thế gian đã thường trụ, há chẳng phải Lý nhất? Lại, giải thích “thế gian” tức là ấm, giới, nhập, “thường trụ” tức chánh nhân. Nhưng chánh nhân đây không tức lục pháp, duyên liễu không rời lục pháp. Chánh nhân thường, nên duyên liễu cũng thường, vì thế nói “tướng thế gian thường trụ”. “Nơi đạo tràng biết rồi”, đây là nêu quả giải thích thành khai quyền hiển thật. “Đạo tràng” sáng tỏ lý này thông suốt đã lâu, chỉ do vạn vật hữu tình chướng nặng nên phương tiện làm ra ba thừa v.v...

Phần bốn: Từ “Hiện tại mười phương Phật, Được trời người cúng dường” xuống, có bốn hàng rưỡi, tụng phần Phật hiện tại. Văn trên có bốn nay tụng có ba phần; không tụng kết sau. Một hàng rưỡi đầu, tụng ý vì hóa độ, chính vì an ổn chúng sinh. Tiếp từ “Biết đệ nhất tịch diệt” xuống một hàng, tụng hiển Thật bên trên. “Biết đệ nhất tịch diệt” tức tụng Lý nhất. “Kia thật là Phật thừa”, hoặc tụng Giáo nhất, hoặc tụng Hạnh nhất. Sau từ “Biết các hạnh chúng sinh” xuống hai hàng, tụng khai Quyền như văn.

Phần kệ tụng thứ hai: Từ “Ta nay cũng như vậy” có bốn mươi ba hàng rưỡi, tụng phần Đức Phật Thích-ca. Văn trên không tán pháp hy hữu, trong tụng đầy đủ có sáu. Theo xưa giải thích chương Phật Thích-ca là điểm gốc xuất ra thí dụ, chỉ trên là gốc, dưới vừa nghĩa vừa văn. Theo sớ thì hoa mắt, nghe thuyết thì tâm loạn, người ngu độn đến nổi mê hoặc. Riêng người ghi chép thì trước là viết xếp đặt từ trước cho đến văn, tiếp theo nhau, sao cho thỏa đáng, thì gần như đã tự mình soi gương. Nhưng chương Thích-ca kệ này có hai ý: 1. Tụng ý trên. 2. Làm cơ sở văn dưới. Bậc thượng căn đã ngộ, trung căn chưa hiểu cho nên phải dẫn dụ trở lại thí dụ pháp nói trên, thí dụ không phải tự khởi xướng mà có nguyên do cho nên nói thí bản.

Theo xưa nói có năm loại thí dụ:

1. Thí dụ Trưởng giả.
2. Thí dụ suy nghĩ cách giúp.
3. Thí dụ quyền biến.
4. Thí dụ bình đẳng.
5. Thí dụ không gạt.

Nhưng ban đầu là Thí dụ chung không phải riêng Trưởng giả. Thí dụ suy nghĩ cách giúp, thì không được nghĩa cứu con trọn vẹn vì cũng còn một ít thấy lửa làm thí dụ cho nên không dùng. Sư Dao nói: Trong

Phẩm Phương Tiện từ câu: "Chư Phật tùy nghi thuyết pháp", đến hết văn trường hàng, chính là phần hiển nhất thừa chân thật, gồm có bốn chương:

1. Khai Tứ tam (Lý, Giáo, Hành Nhân của ba thừa) thành Tứ nhất nay.

2. Do vì năm trược, cho nên không thể thuyết nhất thừa.

3. Từ "Nếu đệ tử ta tự cho là đắc" trở xuống, là nêu người không đắc.

4. Từ "Ông nên nhất tâm tin hiểu" trở xuống là nêu lời Phật không hư vọng. Tuy trước sau nói có khác, nhưng đều vì ý cầu đó đều thật. Trong thí dụ Nhà lửa bên dưới chỉ thí dụ ba chương trong phẩm Phương Tiện.

Từ "Thí như" trở xuống đến "xin thì ban cho", là thí dụ thứ nhất nói ngũ trược. Từ "đều ban cho các con đồng một xe lớn" cho đến: "được điều chưa từng có", là thí dụ thứ hai nói pháp chân thật. Từ "trưởng giả đồng ban cho các con" cho đến "đâu có hư dối", là thí dụ thứ ba về Phật nói không dối gạt. Sư Huyền Sướng nói: Có sáu thí dụ:

1. Các tướng lửa tai họa trong nhà.

2. Người hiểu chỉ có Phật khởi niệm nhất thừa.

3. Chúng sinh không thọ, vì họ mà nói các việc sợ hãi.

4. Thuyết sự an vui của tam thừa.

5. Trở lại thuyết nhất thừa giáo.

6. Tổng kết không hư vọng.

- Sư Long nói sáu thí:

1. Cha con trong một nhà ví như Phật là vua ba cõi hóa độ chúng sinh.

2. Trưởng giả thấy lửa ví như trong kệ nói: "Ta dùng Phật nhãn thấy, chúng sinh trong sáu đường.

3. Trưởng giả cứu lửa ví như Phật trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ muốn độ chúng sinh, không được dùng Đại.

4. Trưởng giả phương tiện dẫn dụ dùng ba xe ví như Phật lập tam thừa giáo.

5. Trưởng giả ban cho một xe lớn, ví như Phật thuyết Diệu Pháp Liên Hoa.

6. Ví như Phật nói không hư vọng.

- Thí dụ nhà lửa gồm mười nghĩa:

1. "Nay ta cũng như vậy" hai hàng tổng tụng Quyền Thật trên, làm căn bản cho tổng thí dụ bên dưới.

2. “Xá-lợi-phất nên biết” bốn hàng, tụng năm trược trên, làm cơ sở cho thí dụ thấy lửa cháy bên dưới.

3. “Ta xưa ngồi đạo tràng” sáu hàng rưỡi, nêu dùng Đại thừa hóa độ không được, làm cơ sở cho thí dụ “cứu con không được” bên dưới.

4. “Liền nhớ Phật quá khứ” xuống mười một hàng, nêu dùng tam thừa hóa độ được, làm cơ sở cho thí dụ “cứu con thoát được” bên dưới.

5. “Ta thấy các Phật tử” xuống một hàng, nêu căn cơ Đại thừa phát khởi, làm cơ sở cho thí dụ “thấy con thoát nạn” bên dưới.

6. “Đều đem tâm cung kính” một hàng nêu rõ hàng tam thừa đòi quả, làm cơ sở cho thí dụ “các con đòi xe” bên dưới.

7. “Ta liền nghĩ thế này” xuống mười hai hàng và một câu nêu Như Lai hoan hỷ, làm cơ sở cho thí dụ Trưởng giả hoan hỷ bên dưới.

8. “Ở trong hàng Bồ-tát” xuống ba câu, nêu vì thuyết Đại thừa, làm cơ sở cho thí dụ cùng ban cho xe lớn bên dưới.

9. “Bồ-tát nghe pháp ấy” một hàng, nêu chúng sinh hoan hỷ, làm cơ sở cho thí dụ “các con được xe vui mừng” bên dưới.

10. “Các ông chớ có nghi” một hàng rưỡi, nêu Đức Phật không hư vọng, làm cơ sở cho thí dụ “trưởng giả không dối con” bên dưới.

- Có người bình luận: Nếu dùng câu phán xét thì nên có mười chín câu. Nếu dùng nghĩa phân rõ thì có sáu nghĩa:

1. Tổng.
2. Thấy lửa.
3. Nhất thừa hóa độ không được.
4. Tam thừa hóa độ được.
5. Trở lại thuyết nhất thừa.
6. Không hư dối.

Ngoài ra đều thu nhiếp trong sáu nghĩa. Lại, mười thí dụ thì pháp và thí có sai khác, trong nói pháp thì cầu xin xe trước cha hoan hỷ sau, còn trong nói thí dụ thì cha hoan hỷ trước cầu xin xe sau, tuy muốn hợp thông mà cuối cùng thành vòng vo. Lại, Đại Tiểu trái nhau. Nói pháp thì thấy căn Đại thừa chuyển nên vui, nói thí dụ thấy duyên tiểu khỏi nạn nên vui. Nói pháp thì nêu nhân Đại, nói thí dụ thì giới thiệu tiểu quả. Nói pháp thì các chướng Đại sẽ nghiêng đổ, nói thí dụ thì tiểu nạn đã lìa. Các nghĩa đều trái ngược. Lại, như có và không cũng khác: trong nói pháp thì hàng thượng căn dễ ngộ cho nên không có đòi xe, trong nói thí dụ thì hàng trung căn còn mê hoặc cho nên còn đòi xe. Nếu dẫn cung kính vì đòi xe thì khác xa, không thể hiện ý văn. Nay không có bốn lỗi này. Nhưng có hay không, thì văn trường hàng cũng có năm điều sau:

1. Khai tam.
2. Hiển nhất.
3. Ngũ trược.
4. Chân nguỵ.
5. Bất hư.

Văn kệ cũng có năm, nhưng văn trường hàng có Chân ngụy còn văn kệ thì không có. Văn kệ có tán pháp, Trường hàng thì không có, tức đắp đổi nêu ra.

Thứ lớp: Văn trường hàng thì trước khai tam sau hiển nhất, kệ thì trước hiển nhất sau khai tam. Khai hợp, là khai tam hiển nhất, là cơ sở chung cho thí dụ phần sau, hai kệ hợp mà không khai. Tiếp, văn nói lìa ngũ trược làm cơ sở cho bốn thí dụ Khai mà không hợp. Văn nói: Không hư vọng, làm cơ sở cho thí dụ không hư vọng, không hợp không khai, là nêu thủ xả. Bốn đoạn kinh văn làm căn bản cho sáu thí dụ, thủ mà không xả; chương tán pháp nhất chẳng phải sáu thí dụ cho nên xả mà không thủ. Xét về tổng biệt, ban đầu khai tam hiển nhất, tổng trình bày đức Thích-ca dùng Nhất thừa giáo môn hóa độ. Từ phần Ngũ trược trở đi, là thuộc về thí dụ riêng (biệt thí).

Tiếp, bản tích: Tổng trình bày giáo pháp của Phật, tổng bao hàm bản tích. Từ phần Ngũ trược trở đi, là nêu riêng bản tích. Một chương ngũ trược, chính nêu ở nơi gốc Pháp thân mà thấy chúng sinh khổ nên khởi tâm đại bi. Từ "Nhất thừa hóa độ chúng sinh không được" là thùy tích... Nay cho rằng đại ý của tích môn chính là khai tam hiển nhất. Trước hết thẳng nói pháp hàng thượng căn liền lãnh ngộ, hàng trung căn hạ căn chưa ngộ nên lập thí dụ, thí dụ ở ba Nhất, khiến được sớm hiểu. Trước trong nói pháp đã lược rộng khai tam hiển nhất, sau đến nói thí dụ cũng nên lược rộng hứa ba ban cho một. Trong nhân duyên, cũng nên dẫn ba nhập một. Nếu lập ba thí, sáu thí, mười thí, thì đối với văn nói ba vòng không hợp, đối với bốn người tín giải thì trái lìa, do đó nên không dùng.

Nay nêu tụng trong chương Thích-ca, chia làm hai phần lớn:

1. Từ "Ta nay cũng như vậy" xuống hai hàng kệ, lược tụng Quyền Thật bên trên, làm căn bản cho Tổng thí bên dưới.

2. Từ "Ta dùng Phật nhãn xem" xuống có bốn mươi mốt hàng rưỡi kệ, rộng tụng sáu nghĩa trên, làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

Xét phần lớn thứ nhất, lược tụng tức có sáu ý; được làm căn bản cho sáu nghĩa của Tổng thí. Kệ nói: "Ta nay cũng như vậy", "ta" tức đức Thích-ca là một Hóa chủ, làm căn bản cho thí dụ "Đại trưởng giả"

bên dưới. "An ổn" tức trụ xứ thường lạc đại Niết-bàn, nơi đó tịch tĩnh không có ngũ trược chướng nên gọi là "an ổn". An ổn tức đối lại bất an ổn. Bất an ổn tức ba cõi sinh tử, là chổ hành hóa. Có ngũ trược chướng, gọi là bất an ổn, tức làm căn bản cho thí dụ "Nhà lửa" bên dưới. "Chúng sinh" tức số đông người thọ hóa trong năm đường, làm căn bản cho thí dụ Năm trăm người bên dưới. Lại, "an ổn" tức là pháp an ổn, đối lại pháp bất an ổn. Pháp bất an ổn tức pháp ngũ trược, làm căn bản cho thí dụ "Lửa cháy" bên dưới, "Các loại pháp môn" tức đối lại "không có các loại pháp môn", làm căn bản cho thí dụ "Chỉ có một cửa" bên dưới. "Biết tánh dục chúng sinh", tức vì căn tánh chúng sinh trong năm đường nên có tam thừa sai biệt, làm căn bản cho thí dụ "Ba mươi người con" bên dưới. Hướng về trên tức là lược tụng, hướng dưới tức làm nền tảng cho Tổng thí dụ. Trên dưới nương nhau văn nghĩa đầy đủ, trong thí dụ lại còn dẫn trên chứng minh dưới...

Từ rộng tụng trong sáu nghĩa trên chia văn làm bốn phần: làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

1. Từ "Ta dùng Phật nhãn xem, thấy" xuống bốn hàng, là tụng mở rộng năm trược trên, làm căn bản cho thí dụ "Thấy lửa" bên dưới.

2. Từ "Xưa, ta ngồi đạo tràng" xuống mười bảy hàng rưỡi, là rộng tụng phần "Ở nơi một mà khai làm ba" bên trên làm căn bản cho thí dụ "Đình Đại thừa lại, thi hành Tiểu thừa " bên dưới.

3. Từ "Ta thấy các Phật tử" trở xuống, sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên, làm căn bản cho thí dụ "Đồng ban cho xe lớn" bên dưới .

4. Từ "Như chư Phật ba đời" xuống năm hàng rưỡi, rộng tụng phần "Khen pháp hy hữu" bên trên. Tiếp có hai hàng rưỡi, chính tụng "nói không hư vọng" bên trên. Tiếp có sáu hàng tụng "đôn đốc tin" bên trên. Ba ý này hợp làm cơ sở cho thí dụ "Trưởng giả không nói dối gạt" bên dưới, mà phần chính ở hai hàng rưỡi kệ tụng "Nói không hư vọng", làm cơ sở cho thí dụ dưới. Đại khái như vậy, chi tiết thì lại mở rộng ra.

Như trong phần đầu tụng Ngũ trược có ba ý:

1. Nửa hàng và một chữ, nêu Phật nhãn quán kiến, làm căn bản cho thí dụ "Trưởng giả có thể thấy" bên dưới.

2. Từ "Chúng sinh sáu đường" xuống, gồm hai hàng ba câu bốn chữ, nêu thấy năm trược, làm căn bản cho thí dụ "Thấy lửa" bên dưới.

3. Từ "Phật vì chúng sinh này" xuống, gồm nửa hàng, nêu Phật khởi đại bi tâm, làm căn bản cho thí dụ "Trưởng giả sợ cho các con nên vào nhà lửa" bên dưới.

Phần hai: từ "Xưa, ta ngồi đạo tràng" xuống, mười bảy hàng rưỡi:

tụng khai tam lại khai hai ý: Thứ nhất gồm sáu hàng rưỡi tụng: Phật suy nghĩ dùng Đại thừa hóa độ không được, làm căn bản cho thí dụ: "Trưởng giả không dùng sức lực chân tay cứu con ra khỏi nhà lửa" bên dưới. Thứ hai từ "Liền nhớ Phật quá khứ" xuống mười một hàng, tụng suy nghĩ giống chư Phật dùng tam thừa hóa độ, làm căn bản cho thí dụ "Thiết lập ba xe để các con vui Thích-cái "Nhỏ" mà ra" bên dưới.

- Phần ba: sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên, lại khai bốn ý:

1. "Xá- lợi-phất nên biết, ta thấy các Phật tử" xuống hai hàng nêu Đại thừa cơ động, làm căn bản cho thí dụ "Đòi xe" bên dưới.

2. Từ "Ta liền nghĩ thế này" xuống hai hàng một câu nêu Phật hoan hỷ, làm căn bản cho thí dụ "Thấy con khỏi nạn" bên dưới.

3. Từ "Ở trong hàng Bồ-tát" xuống ba câu, chính hiển thật, làm căn bản cho thí dụ "Đồng ban một thứ xe lớn" bên dưới.

4. Từ "Bồ-tát nghe pháp đó" xuống một hàng nêu thọ hành ngộ nhập, làm căn bản cho thí dụ "Các con được một thứ xe lớn vui mừng" bên dưới. Tụng trên "Nói không hư vọng" chỉ làm căn bản cho thí dụ" Trưởng giả không dối gạt" bên dưới, không luận chia ra.

- Lại nữa, nhất thời Đại khai làm ba thí dụ:

1. "Nay ta cũng như vậy" hai hàng, hợp mà chẳng ly, làm căn bản cho Tổng thí bên dưới.

2. "Ta dùng Phật nhãn thấy" xuống, thì ly mà không hợp, làm căn bản cho Biệt thí bên dưới.

3. Phật nói không hư vọng, thì bất ly bất hợp, làm căn bản cho thí dụ ông Trưởng giả không dối gạt. Nếu nương bên trên làm căn bản cho bên dưới, hai thứ lược tụng rộng tụng, thì thông cả ba vòng và trong Tín giải, văn cùng nghĩa thảy đều không thiếu sót. Nếu căn cứ phần tụng rộng, lại chia bốn ý tụng bốn nghĩa bên trên làm cơ sở cho bốn thí dụ dưới, thì đây cũng thông ba vòng và trong Tín giải, văn nghĩa không thiếu. Nếu chia nhỏ tụng Năm trược làm ba, chia tụng Phương tiện làm hai, chia tụng Hiển thật làm bốn, tụng Bất hư chỉ có một, hợp thành mười ý, làm căn bản cho mười thí dụ bên dưới. Mười ý này chỉ ở hai vòng Pháp và Thí, trong Tín giải và Nhân duyên văn kia thì thiếu, cho nên chia làm ba tiết khai chương nương trên làm căn bản cho dưới, không phải làm tản mạn.

Trong phần lược tụng thì một hàng đầu tụng Hiển thật bên trên, một hàng sau tụng Khai quyền bên trên, văn đây tuy chỉ hai hàng mà tụng đủ tứ nhất. "Ta nay cũng như vậy", tức như chư Phật đồng dùng nhất thật giáo hóa chúng sinh, đây là tổng tụng Hiển thật.

"An ổn": Niết-bàn bí tạng là nơi an ổn, đức Phật tự trú trong đó, cũng an trí chúng sinh vào tạng bí mật đó. Nơi "an ổn" tức tụng Lý nhất, "chúng sinh" tức tụng Nhân nhất, "chủng chủng pháp môn nhập Phật đạo" tức tụng Hạnh nhất, "chỉ bày tuyên thuyết" tức Giáo nhất. "Sức trí tuệ" tức sức Quyền trí. "Biết tánh dục chúng sinh" tức soi thấy căn cơ Tiểu thừa. "Phương tiện nói các pháp" là chính thi thiết quyền. "Đều khiến được hoan hỷ" là tùy nghi xứng hợp căn cơ. Hai hàng kệ tuy tóm lược nhưng thu gọn ý Phật giáo hóa Nhất thừa, khai quyền hiển thật vốn từ đầu đến cuối trọn vẹn bất tận, cho nên nói lược tụng mà làm cơ sở cho Tổng thí dụ phần sau.

Phần lớn thứ hai: Từ "Ta dùng Phật nhãn xem thấy" xuống bốn mươi mốt hàng rưỡi, rộng tụng sáu nghĩa trên. Xưa lấy bảy hàng cuối cùng làm pháp thuyết lưu thông, nay không dùng mà dùng làm tụng tán pháp đốc thúc tin theo. Chia làm sáu phần:

1. Bốn hàng, tụng năm trược trên, khai tam.

2. Mười bảy hàng rưỡi, tụng thiết lập phương tiện hóa độ.

3. Sáu hàng, tụng hiển thật trên.

4. Năm hàng rưỡi, tụng tán pháp hy hữu trên, tuy chương Thích-ca không có, chỉ có trong chương chư Phật.

5. Có hai hàng rưỡi, tụng "nói không hư vọng" trên.

6. Sáu hàng, tụng đôn thúc tin trên.

Phần một: Bốn hàng tụng năm trược, văn trên có bốn thứ: Xướng số, liệt danh, xuất thể, tổng kết giải thích. Nay chỉ tụng có ba thứ: số, danh, thể. Trên nói vì năm trược cho nên thuyết ba, nay nói vì năm trược cho nên xuất thế, xuất thế lẽ ra phải thuyết về Đại thừa, nhưng vì chướng ngại không thâu hoạch được, cho nên trước hết phải thuyết Tiểu. Đây lại chia làm ba:

1. Mười một chữ đầu, nêu Phật có Phật nhãn có thể thấy rõ tất cả.

2. Từ "sáu đường" xuống hai hàng ba câu bốn chữ nêu thấy rõ năm trược.

3. "Phật vì chúng sinh ấy"... xuống nửa hàng, nêu khởi đại bi tâm ứng phó.

- Mười một chữ đầu, "Ta dùng Phật nhãn xem thấy" tức văn dưới nói "trưởng giả đứng ở ngoài cửa"; nêu dưới chứng minh trên, biết Phật ở địa vị pháp thân dùng Phật nhãn thường tịch soi thấy trọn vẹn căn cơ chúng sinh. Nếu người có căn lợi trược nhẹ, thì dùng tượng Lô-xá-na thuyết pháp nhất thừa. Nếu căn độn trược nặng, thì cởi chuỗi anh lạc, dùng hình tượng lão Tỳ-kheo, kinh sợ cho chúng sinh mà vào nhà lửa,

phương tiện khai tam. Chỉ đối với thời quán sát căn cơ cho nên nói: "Ta dùng Phật nhãn xem thấy". Nếu quán sắc pháp thì nên dùng thiên nhãn, nếu phân biệt căn cơ thì nên dùng pháp nhãn, vì sao lại nói dùng Phật nhãn thấy ư? Vì Phật nhãn viên thông khắp cả thắng và liệt, và bốn nhãn kia nhập Phật nhãn, đều gọi là Phật nhãn...

- "Sáu đường chúng sinh" xuống, hai hàng ba câu bốn chữ nêu thấy rõ ngũ trược. "Nghèo cùng không phước tuệ" nửa hàng, tụng Chúng sinh trược. "Vào đường hiểm sinh tử, khổ liên tục không dứt" đây là tụng Mạng trược. "Tham đắm nơi ngũ dục" một hàng, tụng Phiền não trược. "Không cầu Phật thế lớn và pháp dứt sự khổ" đây tụng Kiếp trược. "Sâu vào các tà kiến, lấy khổ muốn bỏ khổ" đây tụng Kiến trược. Hoặc nói năm nhiệt đốt cháy thân, muốn bỏ khổ trở lại mắc khổ báo. Hoặc nói các kiến tức là thọ, thọ tức là khổ, hành nhân khổ này mà mong muốn xả khổ, há có thể được ư? Kinh Phổ Diệu nói: "Nguyên do có năm đường: giữ năm giới làm người, mười thiện sinh thiên, xan tham đoạ ngạ quỉ, sân giận đoạ vào súc sinh, mười điều ác đoạ địa ngục. Không có năm thú, năm ấm, sáu suy thì đó là Nê-hoàn (Niết-bàn). Không ở sinh tử không trú Niết-bàn, thì quyết định thọ Bồ-đề". Luận Tỳ-Đàm Tỳ-bà-sa quyển bảy nói: Người mới sinh trong địa ngục nghĩ rằng: Ta xưa nghe Sa-môn thuyết tham dục là nơi địa ngục ác đáng sợ, ta xưa không đoạn tham dục nên nay thọ sự khổ não vô cùng, đây nêu tham dục là nhân của địa ngục. Lại nói trong năm đường, mỗi đường đều có pháp tự nhiên, địa ngục sắc đoạn thì lập tức tiếp thân súc sinh, có thể bay lên hư không, ngạ quỉ khi dùng đoàn thực thì có thể đến trong loài người, trong loài người thì có niệm lực phạm hạnh khoẻ mạnh (dũng kiện). "Dũng kiện"là không thấy quả mà năng rộng tu nhân. "Niệm lực" là việc làm lâu xa mà có thể nhớ."Phạm hạnh" là người được phần giải thoát thông đạt, được chánh quyết định; trong cõi trời thì được tự nhiên tùy ý cần gì đều được. Trong địa ngục, thành tựu Tha hóa tự tại thiên phiền não nghiệp cho đến thiện, mà không hành hiện tiền. Tha hóa tự tại thiên thành tựu địa ngục phiền não nghiệp đến bất thiện, mà không hiện tiền hành. Nêu trên nêu dưới, thì trung gian có thể biết. Trung hoa dịch là "Địa ngục", tiếng Phạn là Nê-lê. Đời Tần gọi là "Vô hữu", nghĩa là ở cõi đó không có hỷ lạc, không có mùi vị, không có sự vui mừng ích lợi, cho nên nói "vô hữu". Hoặc nói "thấp hèn", hoặc nói "đoạ lạc", trung ấm đảo ngược vì các căn đều hủy hoại. Hoặc nói là "không", tức hoàn toàn không có buông tha, ngục tốt biến hóa khiến thấy chẳng phải số chúng sinh. Ban đầu đem người tội bị trói đến chỗ

Diêm vương, là số chúng sinh. Nếu thọ khổ, thì chẳng phải số chúng sinh. Hiểu như vậy, thì ban đầu đều là chánh ngữ. Nếu thọ sự thống khổ thì không còn có thể phân biệt âm thanh súc sinh, ấy là hình bàng hành bàng, cho nên gọi là súc sinh. Lại, súc sinh gọi là "khắp có"(biến hữu), khắp có trong năm đường, cõi trời Tứ thiên, Tam thập tam thiên đều có, mà trên trời cỡi voi ngựa... là do phước nghiệp hóa tác, chẳng phải chúng sinh số. Lại, súc sinh gọi là manh minh. Manh minh là nhiều vô minh, nên gọi là súc sinh. Thời kiếp sơ, chúng đều hiểu Thánh ngữ, sau ăn uống đổi khác, tâm dối nịnh mà lời nói đều trái ngược, hoặc không có thể nói. "Quỷ", tiếng Phạn gọi là Xà-ly-đa, đời Tần gọi là Tổ phụ, chúng sinh ban đầu sinh ở đường ấy gọi là tổ phụ, sau sinh cũng gọi là tổ phụ. Lại, do xan tham nên đoạ vào đường ấy, đường ấy phần nhiều đói khát cho nên gọi là ngạ quỉ, cũng bị chư thiên sai khiến, cũng mong chờ sự ăn uống cho nên gọi ngạ quỉ. "Nhân": Tiếng Phạn gọi Ma-nô-xà, Trung hoa dịch là "Ý", xưa Đỉnh Sinh Vương ban đầu dạy cho người có các hành động, phải khéo tư duy, khéo trù tính, khéo nhớ nghĩ tức như vua dạy bảo, trước tư duy so sánh nhớ nghĩ cho nên gọi nhân là ý. Lại, nhân (người) có thể dứt ý, năng tu đạo, được thông suốt từng phần. Lại, nói nhân gọi là "mạn", trong năm đường nhiều mạn nên gọi là nhân thú. "A-tu-la": Tu-la gọi là thiên, A gọi là phi, phi thiên cho nên gọi là A-tu-la. Lại, Tu-la gọi là đoan chánh, kia không đoan chánh, nên gọi A-tu-la. Tu-la gọi là tửu, A gọi là vô, kia vô tửu (không uống rượu) cho nên gọi A-tu-la. "Thiên": là thiên nhiên tự nhiên thắng. Lạc thắng, thân thắng, cho nên thiên gọi là thắng. Các việc đều thắng hơn các đường khác, thường dùng ánh sáng tự chiếu soi, cho nên gọi là thiên. Lại, thiên là thiên nhiên tự nhiên. Kinh A-hàm nói: Chúng sinh là giả danh, giới là pháp, năm đường chúng sinh cùng pháp giới hòa hợp. Nếu khi chúng sinh tâm hành bất thiện thì cùng cõi bất thiện đồng, khi tâm hành thiện thì cùng cõi thiện đồng, tâm hành thắng thì cùng cõi thắng đồng, tâm hành hèn mọn đáng khinh bỉ thì cùng cõi đáng khinh bỉ ấy đồng. Vì vậy, Tỳ-kheo thường học và làm các việc thiện sinh vào cõi thiện. Trước là dùng Nhân duyên giải thích sáu đường, sau như Quán tâm giải thích sáu đường v.v...

Từ "Phật vì chúng sinh ấy" xuống, nửa hàng, nêu khởi đại bi tâm. "Mà khởi tâm đại bi", trên nêu năng kiến, tiếp nêu sở kiến, nay nêu đại bi huân tâm ứng nhập tam giới, thi thiết phương tiện dẫn dắt chúng sinh nhập Phật tuệ.

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5
(Phần Thượng)

Phần hai: Từ "Xưa ta ngồi đạo tràng" xuống, mười bảy hàng rưỡi tụng thiết lập phương tiện hóa độ, đây chia làm hai phần:

1. Sáu hàng rưỡi, nêu Phật nghĩ dùng Đại thừa, dự tính hóa độ nhưng không được.

2. Từ "Liền nhớ Phật quá khứ" xuống mười một hàng, nêu niệm đồng chư Phật dùng tam thừa giáo hóa xứng hợp có thể được.

- Trong sáu hàng rưỡi của phần một lại chia làm ba:

1. Một hàng rưỡi, nêu nghĩ rằng dùng Đại thừa thích nghi.

2. "Chúng sinh" xuống ba hàng, nêu chúng sinh không có căn cơ.

3. "Ta liền tự suy nghĩ" xuống hai hàng nêu nghĩ rồi thôi dùng Đại thừa giáo hóa.

"Xưa ta ngồi đạo tràng", chí lý thì không có thời gian, tạm mượn thời gian để hóa độ chúng sinh, vì ban đầu hóa độ nên nói là "xưa". Giải thích theo sự:

1. Ban đầu ngồi nơi này tu trị đắc đạo, cho nên nói "đạo tràng", ngồi dưới gốc cây tu đắc Tam Bồ-đề cho nên nói "đạo thọ". Cảm ân cây, cho nên "quan sát" nghĩ đến đức của đất cho nên "kinh hành". Khi thành đạo báo đền ân, muốn dùng pháp Đại thừa, nghĩ rằng thích nghi chúng sinh. Quán tâm giải thích: Thọ tức đại thọ mười hai nhân duyên, quán sâu duyên khởi, tự thành Bồ-đề, muốn dùng rừng cây pháp vô lậu che chở chúng sinh, cho nên nói quán thọ (xem cây). "Kinh hành": Là pháp hành đạo trong ba mươi bảy phẩm Đại thừa, tự dùng đạo phẩm vượt tất cả địa, đắc thành Phật đạo, muốn dùng pháp này hóa độ chúng sinh vì vậy cho nên khởi hành. Thọ, địa không có phân biệt, đâu cần báo ân? Kinh Vị Tằng Hữu nói: Chỉ dùng thông hóa truyền pháp, gọi là báo ân. Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: Khi Đức Phật mới thành đạo, bảy ngày đầu tư duy pháp ta vi diệu không có người lãnh thọ, tuần thứ hai tư

duy chúng sinh thượng trung hạ căn, tuần thứ ba tư duy nên thuyết pháp cho ai nghe trước, liền đi đến thành Ba-la-nại vì năm anh em Kiều-trần-như mà thuyết Tứ đế, Kiều-trần-như đắc pháp nhãn tịnh. Ác-ty-bạc-đề, Thập lực Ca-diếp, Ma-ha-nam, Câu-lợi chưa đắc đạo. Phật thuyết Tứ đế lại lần nữa thì bốn vị ấy đắc pháp nhãn tịnh. Đức Phật lại thuyết pháp ngũ ấm vô thường, khổ, không, vô ngã, thì cả năm người đều đắc A-la-hán. Đức Phật là Phật bảo, Tứ đế là Pháp bảo, năm người và Phật là sáu A-la-hán, tức là Tăng bảo.

Sớ của ngài Tiểu Vân nói khi Đức Phật mới thành đạo thì ba tuần đầu Đức Phật đã thuyết kinh Pháp Hoa. Văn dưới nói Đức Phật Tú Vương Hoa Trí ngồi dưới gốc cây Bồ-đề bảy báu thuyết kinh Pháp Hoa, nên biết nay Phật dưới cây Bồ-đề cũng thuyết Kinh Pháp hoa mà chúng sinh độn căn không kham nổi, thuận đồng chư Phật khai tam thừa giáo hóa, sau ở tại thành Vương xá thuyết nhất thừa. Nếu tìm ý của bậc trí, thì xưa dưới cây Bồ-đề thuyết Phật tuệ, sau các chỗ khác cũng thuyết Phật tuệ. Theo lệ như nay Đức Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm, sau thuyết Kinh Pháp Hoa, cho nên văn nói “mới thấy thân ta, nghe pháp ta thuyết, liền nhập Như Lai tuệ, trừ bỏ sự tu tập học theo Tiểu thừa trước”, nay cũng khiến nhập Như Lai tuệ, cùng nghĩa đây đồng.

Năm Tỳ-kheo: Các người nữ nghe tiên nhân thuyết pháp. Ác sinh vương sân giận chặt hai cánh tay, xẻo mũi và hai tai của tiên nhân, máu huyết biến thành sữa. Ác sinh vương là Câu-lân (Kiều-trần-như), tiên nhân là Phật. Đức Phật thệ nguyện khiến người ấy được cam lồ, khiến là người nghe pháp đầu tiên.

Hỏi: Vì sao Đức Phật ban đầu vì năm người chuyển pháp luân?

Đáp: Vì Người trước thấy đế, vì người hiện tại thấy, vì người làm chứng, vì Đức Phật hành sự nghiệp cùng với người đồng, vì chư thiên từ trong loài người mà được thiện lợi, vì trong loài người có bốn chúng.

Hỏi: Luân vương xuất thế âm thanh vang dội đến trời Tha hóa tự tại, Kiều-trần-như đắc đạo âm thanh lên đến Phạm thiên, Đức Phật đắc đạo âm thanh vang đến hội Thủ Đà (cõi Tịnh cư thiên). Vì sao vậy?

Đáp: Vì nghiệp thiện, gọi là nghiệp ca tụng, nghiệp xưng tán cha mẹ Sư trưởng, có thượng trung hạ cho nên như vậy. Nếu khiến trời Hữu Đảnh có nhĩ thức, thì âm thanh Phật cũng vang đến tận nơi đó. Luân vương hành thập thiện, thiện sinh cõi Dục thiên, Dục thiên vui mừng vì quyến thuộc của ta tăng thêm. Kiều-trần-như ly dục cho nên âm thanh thấu đến Phạm thiên, Đức Phật tối thắng đến ni-tra... Nếu y Đại thừa thì

Đức Phật đắc đạo, âm thanh dội vang đến trăm ức ni tra, lại vang khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới ni-tra... Ban đầu chỗ chuyển pháp luân, nơi cội cây Bồ-đề, ban đầu ở dưới cung trời Đao-lợi, nơi dùng đại thần thông biến hóa, bốn nơi này chư Phật đều định, còn các chỗ khác không định. Lại, trừ một chỗ chuyển pháp luân, còn ba chỗ kia đều quyết định. Ba tuần lễ đầu: Xưa nói là Phật suy tư về Lý giáo. Lại, nói khuyên răn... Sư Dao nói: "Sự" rất sâu xa, cho đến Thánh còn tư duy. Sau một tuần tư duy Phật trí vi diệu, tuần thứ hai tư duy chúng sinh căn tánh không đồng, tuần thứ ba tư duy pháp dược vạn loại, liền nêu kệ làm chứng: "Trí tuệ của ta chứng đắc, vi diệu tối đệ nhất, Chúng sinh các căn độn, làm sao mà độ được?". Nay nêu Đức Phật ở địa pháp thân, tịch mà thường chiếu, thường dùng Phật nhãn nhìn thấu khắp không bỏ nơi nào, đâu phải mới đến đạo tràng trải qua ba tuần mới tư duy sự này! Nói ba tuần là nêu cái muốn tiêu biểu. Tiêu biểu Đức Phật ban đầu muốn ba vòng thuyết pháp, nên tạm nói ba tuần đó thôi! Tuần đầu tư duy pháp thuyết, tuần thứ hai tư duy thí thuyết, tuần thứ ba tư duy nhân duyên thuyết, đều không có căn cơ nào mà không đắc. Vì vậy cho nên dừng Đại thiết lập Tiểu. Đây là căn cứ riêng Đại thừa Viên giáo mà giải thích. Nếu thông thường căn cứ Đại thừa giải thích, thì tuần đầu tư duy muốn thuyết Đại thừa Viên giáo, tuần thứ hai tư duy muốn thuyết Biệt giáo, tuần ba tư duy muốn thuyết Đại thừa Thông giáo, đều không có căn nào mà không đắc, cho nên ngưng Đại thừa thuyết Tam tạng Tam thừa, là phương tiện giáo hóa.

Quán tâm giải thích: ban đầu muốn quán Trung đạo, nhưng Trung đạo vi diệu khó quán cho nên không dùng được. Tiếp đến muốn quán Tức giả, nhưng mà Tức giả thì quán phân biệt trí khó sinh cho nên không dùng được. Sau quán Tức không, nhưng Tức không thì khéo độ, lại cũng không dùng được. Thì mới quán phương tiện, phân tích pháp tiểu quán...

2. Từ "Chúng sinh các căn độn" xuống ba hàng nêu chúng sinh không có căn cơ phù hợp. Văn lại chia làm ba phần:

a. Nửa hàng nêu chướng nặng.

b. Từ "Các hạng người như thế" nửa hàng, nêu không kham nghe.

c. Từ "Bấy giờ các Phạm vương" hai hàng, nêu các Phạm vương thỉnh thuyết Đại thừa Đức Phật biết chúng sinh không có căn cơ cho nên không thuyết,

3. Từ "Ta liền tự tư duy" xuống hai hàng, nêu nhớ nghĩ muốn

không giáo hóa. Văn lại chia làm hai phần: Một hàng rưỡi đầu, nêu người không căn cơ mà gượng thuyết, thì người nghe bị tổn hại. Nửa hàng sau, nêu không giáo hóa.

Phần kệ tụng thứ hai : Từ "Liền nhớ Phật quá khứ" xuống có mười một hàng, tụng bên trên nói "đối với nhất Phật thừa phương tiện thuyết tam". Văn chia làm hai phần:

1. Mười hàng đầu, chính nêu hóa độ được.

2. Một hàng, giải thích nghi.

- Mười hàng đầu lại chia làm bốn phần:

1. Một hàng, nêu nghĩ rằng tam thừa thích nghi.

2. Từ "Lúc ta nghĩ thế đó" xuống sáu hàng rưỡi, nêu có căn cơ.

3. Từ "Tư duy việc đó rồi" một hàng rưỡi, nêu thiết lập giáo hóa.

4. Từ "Đó gọi chuyển pháp luân" một hàng, nêu thọ hành.

"Liền nhớ Phật quá khứ" tức suy nghĩ chúng sinh kia tuy không có căn cơ Đại thừa nhưng không thể chấp nhận vĩnh viễn bỏ chúng, nên cần phải dùng phương tiện mà dẫn dụ cứu giúp. Chẳng phải Phật không biết khai tam, mà muốn dẫn đồng chư Phật, cho nên nói "tầm niệm (liền nhớ)".

"Lúc ta nghĩ thế đó" sáu hàng rưỡi, nêu có căn cơ Tiểu thừa. Đây lại chia làm hai: Bốn hàng rưỡi đầu, nêu chư Phật tán thán. Hai hàng sau, nêu đức Thích-ca đáp thuận theo chư Phật. Trên muốn giáo hóa Đại thừa mà chúng sinh ấy không có căn cơ cho nên chư Phật không tán thán. Nay muốn thuyết Tiểu thừa hợp với căn duyên, thì từ đầu đến cuối đều được độ, do đó chư Phật tán thán.

Trong bốn hàng rưỡi "Chư Phật tán thán" chia làm năm:

1. Ba câu, đức Thích-ca tự trình bày chư Phật hiện. Phật hiện là do niệm Phật phương tiện lực, cho nên hiện. Hiện do thuận theo hai nghĩa: dự định pháp nói và hợp căn cơ cho nên Phật hiện.

2. Từ "Lành thay! Đức Thích-ca" xuống một hàng và một câu, nêu chính chư Phật tán thán đức Thích-ca năng ẩn Thật thiết lập Quyền, cho nên nói "Lành thay!". Vì một mà thiết lập ba dẫn nhập Phật tuệ, tức là:"Bậc đạo sư đệ nhất". "Đắc pháp vô thượng ấy" tức là đắc thật trí vi diệu đệ nhất. "Mà dùng sức phương tiện" là tùy theo tất cả Phật mà ẩn Thật dùng Quyền.

3. Từ "Chúng ta cũng đều được" xuống một hàng, nêu chư Phật cũng ẩn Thật dụng Quyền, như văn.

4. Từ "Trí kém ưa pháp nhỏ" xuống một hàng, song song giải thích hai nghĩa: vì chúng sinh trí kém không kham nghe Đại thừa cho

nên ẩn Thật, mà lại ưa pháp nhỏ cho nên thiết lập Quyền.

5. Từ “Tuy lại thuyết tam thừa” xuống nửa hàng, song kết hai nghĩa: tuy lại thuyết tam, cuối cùng là hiển Thật.

Từ “Xá-lợi-phất nên biết” xuống hai hàng, nêu đức Thích-ca đáp thuận theo, đã nghe chư Phật tán thán nên đáp lại nói ”Nam mô”. Nam mô, Trung hoa dịch ”Kính tùng”nghĩa là ”Xin tuân theo”. Lại chia làm hai:

1. Một hàng phát khởi lời đáp thuận theo.

2. Một hàng, nhớ nghĩ tùy thuận căn cơ chúng sinh.

Từ “Tư duy việc đó rồi” xuống một hàng rưỡi, chính nêu thi hành việc giáo hóa. “Các pháp tướng tịch diệt, không thể dùng lời bày” xuống, đây là tụng “lý trung đạo Phật chủng vô tánh” nói bên trên. Lý này chẳng tính số, cũng không thể nói, mà nay dùng phương tiện thuyết tam thừa. Lại, chẳng sinh chẳng diệt, mà dùng phương tiện thuyết sinh diệt. Lại, lý thiên chân cũng không thể chỉ bày tuyên thuyết, mà dùng phương tiện cho nên thuyết bốn môn. Ban đầu vì năm người mà thuyết Hữu môn vô thường.

Một hàng: từ “Đó gọi chuyển pháp luân” trở xuống, nêu thọ hành ngộ nhập. Chuyển pháp hóa tha trong tâm Phật, độ nhập vào tâm người khác, gọi là “chuyển pháp luân”. Kiều-trần-như ban đầu đắc Kiến đế, tức đoạn Kiến hoặc, phần chứng Diệt đế, cũng là phần đắc Hữu dư Niết-bàn. “Tiếng Niết-bàn” khởi tự nơi đây, do đó được thành Vô học, bèn có tên “La-hán“. Năng thuyết pháp tam thừa, gọi là Phật. Tam thừa được thuyết, tức là Pháp. Kiến đế La-hán..., gọi là Tăng. Tam bảo do đó xuất hiện ở thế gian.

Từ “Từ kiếp xa đến nay” trở xuống một hàng, giải thích nghi. Nghi thầy thì nói: Phật ban đầu chưa xem xét căn cơ liền nhớ chư Phật, mới biết căn tánh? Tức giải thích rằng: Chẳng phải ta không biết dùng phương tiện, đặt biệt muốn dẫn đồng chư Phật, cho nên “niệm (nhớ) chư Phật”, chẳng phải nhớ mới biết, mà“từ kiếp xa đến nay” ta đã thấu biết chúng “ưa chuộng pháp nhỏ”, và ta cũng vì chúng tán thán, chỉ bày khiến cho chúng hết các khổ, do đó nghe Tiểu thừa liền được giải thoát. Nghi đệ tử thì nói: Tại sao chúng sinh một đời vừa nghe liền chứng La-hán? Tức giải thích: “Từ kiếp xa đến nay” Phật đã vì chúng tán thán chỉ bày, nay xứng với huân tập xưa cho nên mau đắc đạo. Xưa nói, Kệ đây liên quan đến nghĩa thọ lượng. Nay nêu luận về ý bí mật, hoặc sẽ như đây nêu ý hiển lộ thọ lượng thì không đúng. Vì sao nhất định nêu thọ lượng? Đức Di-lặc còn tự không biết? Thế nào là huyền chỉ của một kệ

trong đây? Nay chỉ dùng giải thích nghi mà tiêu hóa được văn kinh.

Phần ba : Từ “Ta thấy các Phật tử” xuống sáu hàng, tụng hiển Thật bên trên. Văn có đủ Tứ nhất:

- “Ta thấy các Phật tử” trở xuống,hai hàng, tụng Nhân (người)nhất. Người tu hành tam thừa đều là Phật tử. Văn trên bao gồm các ý kia.
- “Ta liền nghĩ thế này” trở xuống, một hàng tụng Lý nhất. “Vì thuyết Phật tuệ”, tức là trên nói “nhất thiết chủng trí Phật tri kiến”.
- “Xá-lợi-phất nên biết” trở xuống, hai hàng, tụng Giáo nhất. “Chỉ nói đạo vô thượng” tức Giáo nhất.
- “Bồ-tát nghe pháp ấy” trở xuống, một hàng, tụng Hạnh nhất. “Cũng đều sẽ thành Phật” là Hạnh nhất.

Lại, sáu hàng tụng này chia làm bốn ý:

1. Hai hàng nêu rõ căn cơ Đại thừa phát sinh, cũng gọi là cầu quả.
2. Hai hàng và một câu nêu đức Phật hoan hỷ vì chúng sinh đắc đạo Đại thừa lợi ích.
3. Ba câu, chính nêu hiển Thật.
4. Một hàng thọ hành ngộ nhập.

Ý 1: Nói rõ do căn cơ phát sinh cho nên cầu quả, cầu quả do căn cơ sinh. Đây ứng với bốn câu:

1. Tự có chướng trừ, mà căn cơ chưa phát, như các La-hán ở trong thời Tam tạng, do ưa Tiểu (pháp nhỏ) cho nên trược chướng tuy trừ nhưng Đại căn còn ám độn, nên diệu cơ chưa phát.
2. Tự có Đại cơ phát, nhưng chướng chưa trừ, như các người phàm phu trong thời Pháp Hoa, tuy chưa đoạn kết nhưng do Đại căn lợi, cho nên căn cơ phát.
3. Tự có chướng liền trừ, cơ liền phát, như khi thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa, thì những người chứng quả nhị thừa ngồi tại pháp hội này, Đại cơ liền phát.
4. Tự có chướng chưa trừ, Đại cơ chưa phát, tức năm ngàn người bỏ đi.

“Chí quyết cầu Phật đạo”, tức là cầu Đại thừa chẳng cầu quả Tiểu thừa.

“Cầu” có ba ý:

1. Nghĩa Đại căn cơ, có cảm quả nên cầu. Đây là trong căn cơ luận nghĩa cầu.
2. Trong tâm bí mật cầu, là đắc hay là không đắc, tức ý đây.
3. Phát ngôn cầu, tức là ân cần ba phen thỉnh. Xưa trong giáo đã

có hai phen thỉnh cầu, nhưng chưa phát ngôn, đến ngày nay đầy đủ ba lần cầu xin.

Hỏi: Xưa nói ra khỏi nhà lửa cầu xin ba xe, là căn cơ, tâm tình cầu xin. Văn kinh nói: "Như lúc trước đã hứa cho", đây mới cầu xin ba xe, đâu có liên quan đến cầu một?

Đáp: Ra ngoài nhà mà không thấy, ắt có cách khác, đem xưa hứa cho ba để cầu ý khác đó thôi! Cũng được là cầu một.

"Đều đem tâm cung kính, đồng đi đến chỗ Phật", có ý kiến cho rằng: Hổ thẹn Tiểu, hâm mộ Đại thừa. Vì đại cơ cảm Phật, cho nên nói "đến chỗ Phật". Nay nói rõ không phải chỉ có Đại cơ đén chổ Phật, mà tất cả đều đến, như trong hội khi Phật sắp thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa thì bốn chúng vây quanh chấp tay cung kính muốn nghe đầy đủ đạo. "Từng đã theo chư Phật, nghe thuyết pháp phương tiện", đây là hàng Trung căn mới bắt đầu nếm vị điều phục thọ hành Tam tạng, Lục độ, Thông, Biệt... tam giáo phương tiện, do đây điều hòa thuần thục khiến cho chướng trừ, căn cơ phát sinh mà cầu Đại thừa.

Ý 2: "Ta liền nghĩ thế này" xuống hai hàng một câu, là nêu chướng trừ Phật hoan hỉ. Phật vì Phật tuệ cho nên xuất hiện. Xưa chúng sinh chướng nặng không có căn cơ, nên không thuyết Phật tuệ được, thời gian giữa tuy chướng trừ cũng chưa thuyết được, nay căn cơ phát sinh, chính là lúc thuyết. Xưa chúng sinh "căn độn trí nhỏ", sợ họ phỉ báng pháp rơi vào đường ác cho nên chưa phải thời thuyết. Nay căn lợi chí cầu Đại thừa, nghe ắt tin hiểu, cho nên Đức Phật hoan hỷ. "Vô úy": là không sợ chấp Tiểu phỉ báng Đại, khởi tội đoạ đường ác, cho nên nói vô úy.

Ý 3: "Ở trong hàng Bồ-tát" xuống ba câu, chính hiển Thật. Ngũ thừa là cong mà chẳng thẳng. Thông Biệt thiên một bên mà chẳng chánh. Nay thiên lệch cong đó đều xả, chỉ thuyết một đường chánh trực.

Ý 4: "Bồ-tát nghe pháp ấy" xuống một hàng, nêu thọ hành ngộ nhập. Hai hạng Bồ-tát là Lục độ và Thông giáo, ban đầu nghe lược thuyết thì động cái chấp cũ vướng cái nghi mới. Nay đều đã bỏ. Chẳng phải riêng Bồ-tát, mà hàng nhị thừa cũng như vậy. Nói "Thanh văn đều sẽ làm Phật", giáo xưa không nói nhị thừa làm Phật, nay do tu hành mà được thọ ký. Thọ ký đâu phải riêng hàng nhị thừa, trừ nghi đâu riêng hàng Bồ-tát. Bảo tồn lẫn nhau thì cả hai đầy đủ.

Hỏi: Bồ-tát vì sao nghi?

Đáp: Tam tạng giáo nói: "trải ba A-tăng-kỳ chưa đoạn Hoặc, một

khi đoạn liền nhập chân". Thông giáo nói: "Bồ-tát đoạn Chánh sử, còn Tập khí. Tập khí tận, thì thành Phật".

Ban đầu nghe lược thuyết đều gọi là phương tiện. Cái Chân thật xưa, cái thành tựu xưa, trọn biết thì an lạc thay! Lại, tam thừa đồng học một đạo, do ý gì mà có sai biệt! Nay nghe Pháp Hoa quét sạch các sự nghi ngờ, không còn một chút nhỏ như hạt cải.

Từ "Như nghi thức nói pháp, của chư Phật ba đời" xuống năm hàng rưỡi tụng tán pháp hy hữu, không phải chính vì làm cơ sở cho thí dụ "nói không dối gạt" bên dưới. Đây chia làm hai phần:

1. Một hàng tụng phần "diệu pháp như thị" bên trên, diệu pháp là quyền thật. "Như ba đời" tức là dẫn đồng chư Phật dùng Quyền. Quyền là nghi thức dẫn chúng sinh. "Thuyết pháp không phân biệt" là dẫn đồng chư Phật hiển Thật. Đã là thật, thì ngôn ngữ đạo đoạn đâu còn nghi thức? Lại, quyền thật vốn không phân biệt, do vì hạng độn căn tiểu trí nên mới phân biệt quyền thật. Nay trở lại ngộ nhập, Nhất, Tam không hai, tức biết Phật thuyết ba, một mà không phân biệt. Chư Phật đều như vậy, há riêng ta ?

2. Từ "Các Đức Phật ra đời" xuống bốn hàng rưỡi, tụng "Đúng thời mới nói" bên trên, cũng nêu hoa Ưu-đàm như trên. Tụng lại nói hai câu: "Các đức Phật ra đời, lâu xa..." thời lâu xa mới có Phật xuất thế, đây là nêu người khó gặp. Hai câu: "Chánh sử hiện ra đời, Nói pháp này khó hơn" , đây là nêu pháp khó gặp. Như nay Đức Phật xuất hiện hơn bốn mươi năm mới hiển bày chân thật. Hai câu: "Vô lượng vô số kiếp, Nghe...", đây là nêu nghe pháp khó. Như năm ngàn người chuyển động, phạm âm đầy tai bỏ pháp hội mà đi, nghe há không khó ư? Hai câu: "Hay nghe được pháp này, Người đó..." nêu người tín thọ khó. Khắp trong chúng chỉ có Thân-tử thông đạt trước, hàng trung hạ căn tuy nghe mà chưa hiểu. Nêu hoa Ưu đàm để thí dụ bốn thứ khó nói trên. Chỉ hợp khai là khó, ngoài ra theo lệ có thể hiểu.

Phần năm : Từ "Các ông chớ có nghi" xuống hai hàng rưỡi, tụng "nói không hư vọng" bên trên, lại chia làm hai phần:

1. Một hàng rưỡi, chớ có nghi người đáng tin (Phật).

2. Từ "Xá-lợi-phất các ông" xuống một hàng, đừng nghi pháp đáng tin. "Pháp vương": Phàm vua nhân gian thì nói đã không hai lời. Đức Phật là đấng pháp vương, thì đâu thể nói hư dối? Hể là phương tiện, tức quyền giả lập; chân thật đâu thể là vọng? Nghe pháp vương thuyết pháp, chớ sinh nghi ngờ.

Xưa nói từ "Xá-lợi-phất các ông" xuống bảy hàng, không tụng

đôn đốc tin chỉ là trong chương Thích-ca, ý khuyến tin hoằng truyền kinh. Văn này lại chia hai phần:

1. Năm hàng rưỡi, khiến hoằng dương kinh khiến chúng sinh hành nhân.

2. Một hàng rưỡi lược vì thọ ký. Trong phần một: Một hàng đầu khiến chúng sinh hâm mộ quả hành nhân ắt phải hoằng kinh. Hơn bốn mươi năm ẩn chứa tâm Phật không ai biết được, gọi là "bí", nhất thừa thẳng đường tổng thâu nhiếp vạn đường, cho nên nói "yếu". "Bởi đời ác năm trược" xuống một hàng, giải thích pháp bí yếu, nói rằng người chướng nặng trọn không thể hiểu cho nên khiến Như Lai bí mật không vọng tuyên thuyết. Từ "Người ác ở đời sau" xuống hai hàng, nêu thể hoằng kinh, một hàng đầu nêu: người bất thiện thì chớ thuyết cho họ, một hàng sau nói: người thiện thì nên thuyết cho họ. Từ "Xá-lợi-phất nên biết" xuống một hàng rưỡi, song kết hai nghĩa: một hàng đầu tổng kết bí yếu nêu rõ pháp này như vậy, trước "dùng vạn ức phương tiện" rồi sau mới chỉ bày chân thật. Nửa hàng sau tổng kết thể hoằng kinh. "Chúng kia không học tập, nên không hiểu pháp này", chính là tổng kết, người bất thiện thì chớ thuyết cho họ. Gồm "đối với người tập học thì có thể hiểu", đây mới có thể vì họ thuyết. Từ "Các ông đã biết rõ" xuống một hàng rưỡi, lược vì thọ ký. Ba câu trên, luận người kia có hiểu biết. Một câu giữa, nêu người kia không mê-hoặc. Nửa bài kệ dưới, nêu người kia được thọ ký, đã có hiểu không mê hoặc, chính nên hoan hỷ làm Phật. Trong đây thọ ký mở ra, làm căn bản cho phần văn dưới: "Thân-tử v.v... đắc ký". Trong đây hoằng dương kinh mở ra, làm căn bản cho văn dưới: "Phật bảo Xá-lợi-phất lưu thông". Đây là giải thích theo xưa.

Nay nêu từ: "Bởi đời ác năm trược" xuống sáu hàng, là phần sáu: tụng "chọn lọc chúng đôn đốc tin" bên trên. Trên vui mừng có văn này, vậy cần dùng sao không tụng? Lại chia làm hai phần:

1. Ba hàng tụng chọn chúng.

2. Ba hàng tụng đôn đốc tin.

Phần một: một hàng đầu, tụng trên "chọn lọc chẳng phải đệ tử Phật" bên trên. Vì sao? Vì "ưa các dục" là hành ma nghiệp, cần loại ra. Văn trên nói: "đắm chấp Niết-bàn mà còn chẳng phải đệ tử Phật", huống gì văn đây nói "đắm chấp sinh tử" thì sao có thể là đệ tử Phật? Lần lượt lựa chọn những người chẳng phải đó thôi! "Trọn không cầu Phật đạo" là tụng "chọn lọc tăng thượng mạn" bên trên. "Thượng mạn" là chưa đắc thượng pháp mà cho là đắc thượng pháp, vì vậy cho nên

người đó không cầu Phật đạo. Từ “Người ác ở đời sau” một hàng, tụng bên trên nói “sau khi Phật diệt độ, người hiểu nghĩa này là rất khó gặp”. Từ “Người tàm quí trong sạch” một hàng, tụng bên trên nói: “nếu gặp Đức Phật khác, thì được quyết liễu”. Ba hàng sau, tụng trên đôn đốc tin. Nếu không tin pháp này, thì không có việc đó. Một hàng rưỡi đầu, đôn đốc tin pháp Quyền. Một hàng rưỡi sau, đôn đốc tin pháp Thật. Thật, Quyền đều không nghi, thì “Tự biết sẽ làm Phật”...

Phẩm Thứ 3: **PHẨM THÍ DỤ**

Giải thích tổng quát: "Thí" là so sánh. "Dụ" là dạy bảo cho biết. Nhờ đây so sánh kia, nhờ chỗ nông cạn, bảo cho biết chỗ sâu xa. Văn trường hàng và kệ tụng bên trên rộng nêu năm Đức Phật, hàng thượng căn lợi trí trọn nghe thâu hoạch ngộ, hàng trung căn hạ căn mê chấp giữ chặt chưa thông đạt, đại bi không ngừng, xảo trí vô biên. Lại, như cây rung thì bảo cho biết là gió, đưa cái quạt lên để chỉ trăng, khiến cho chúng sinh hiểu ngộ cho nên nói "Thí dụ".

Giải thích nghĩa riêng: Dùng pháp thế gian so sánh với pháp xuất thế gian, nhân cái đã từng có mà nghe cái chưa từng có, vô cùng hoan hỷ. Như Kinh nói "cha con thế gian" dụ cho thầy trò xuất thế. Lại dùng sinh pháp của thế gian so với sinh pháp xuất thế gian, khiến được âm giáo của Phật, không lầm mất Đại thừa, Như kinh nói: Cha biết tâm trước của các con mỗi người đều ưa thích đồ chơi trân bảo. Lại, dùng pháp diệt của thế gian so sánh với pháp diệt xuất thế. Chỉ đắc vô lậu thì nghe cũng trừ ưu não. Như kinh nói: "Ta là cha của chúng, nên phải cứu chúng hết khổ nạn, khiến tránh khỏi lửa đốt". Lại, dùng pháp bất sinh bất diệt của thế gian so với pháp bất sinh bất diệt xuất thế, khiến an trụ trong thật trí và ta định rõ các ông sẽ làm Phật, như kinh nói "Cưỡi xe báu ấy thẳng đến đạo tràng". Nên biết Đức Phật dùng một âm thuyết Thí dụ, khéo khiến hàng trung hạ căn đắc lợi ích nhờ tứ Tất-đàn, cho nên nói phẩm Thí Dụ.

Căn cứ vào giáo giải thích: Ý Phật vốn tán thán Phật thừa, nhưng chúng sinh không kham nổi liền nhớ các Phật trước vì đại bi dùng phương tiện, nên đến vườn Lộc uyển khen ngợi ba xe (nói pháp ba thừa). Hàng nhị thừa do trung hạ căn tự cứu giúp, ân không sánh kịp với người. Bồ-tát dùng xe trâu đưa người khác ra khỏi lửa, cho nên gọi là Ma-ha-tát. Đây là Thí dụ trong Tam tạng giáo. Lại ba hạng người đồng sợ lửa đốt: Thanh văn như dê bỏ chạy thẳng không ngoảnh lại, Duyên giác như nai mẹ vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn. Bồ-tát như voi lớn tự mình chống cự đao tên, đưa số đông chúng sinh ra khỏi lửa, an toàn. Kinh Niết-bàn nói: "Thỏ, ngựa". Đây là Thí dụ trong Thông giáo. Lại, hàng tam thừa phát tâm gần, duyên lý nông cạn, trí tuệ yếu kém, đoạn Thông hoặc, chưa đến chỗ tột cùng, không phải Ba-la-mật. Bồ-tát phát tâm lâu xa, lý sâu trí mạnh, đoạn Biệt hoặc, cùng tột nguồn tận tánh. Đại Phẩm nói: "Hàng nhị thừa như lửa đom đom, Bồ-tát như ánh sáng mặt trời". Đây là Thí dụ trong Biệt giáo. Lại nữa, "xưa thấy thân ta nghe pháp

ta thuyết, thì đều tín thọ nhập Như Lai tuệ”, hạng người đó dễ hóa độ, không khiến cho Như Lai phải nhọc sức. Như trong Hoa Nghiêm, tức sự là chân, không cần thí dụ. Vì những người chưa chứng nhập, nên hơn bốn mươi năm Phật dùng phương tiện khác trợ giúp để hiển bày đệ nhất nghĩa, nay tại thành Vương Xá quyết định thuyết Đại thừa, khiến cho tất cả đều khai thị ngộ nhập Phật trí tuệ, không khiến một hạng người riêng được diệt độ. Như nay như xưa, như xưa như nay, không hai không khác. Hàng thượng căn lợi trí, nghe liền hiểu được, không khiến cho Như Lai khổ nhọc cũng không cần thí dụ. Chỉ vì hàng trung căn hạ căn động chấp sinh nghi, chần chừ đi vào đường rẽ, nên nay dùng thí dụ xe lớn khiến họ được lợi ích. Đó là Thí dụ trong Viên giáo.

Căn cứ vào Bản tích và Quán tâm để giải thích, thì theo lệ thường có thể hiểu, không cần ghi chép...

Pháp thuyết có năm đoạn kinh văn: Đoạn một mới vừa xong, bốn đoạn còn lại vẫn chưa rõ. Phẩm này đáng lẽ ở sau phần chư thiên thuyết kệ và trước thí dụ nhà lửa. Người soạn kinh phân quyển để đầu phần lãnh giải. Lại có người nói: vì phát khởi trung căn nên để đầu quyển thứ hai. Như sáu điềm lành vấn đáp là Pháp thuyết, làm tựa. Lãnh giải được thọ ký là Thí thuyết, làm tựa. Đây là thuận theo nhân tình đó thôi. Vì đặt phẩm này sau phần Pháp thuyết, hàng trung căn có thể không ngộ ư? Đây là đoạn Lãnh giải, thọ lãnh những điều đã nghe, thuật lại điều đã hiểu. Văn trường hàng thì lãnh cùng giải hợp thuyết, trong kệ thì lãnh và giải đều trình bày, cho nên nói đoạn lãnh giải.

Văn có hai phần: 1. Kinh gia trình bày. 2. Thân-tử tự trình bày. Phần Kinh gia trình bày lại có hai phần là trong hiểu, ngoài hiện uy nghi. Trong tâm hiểu gọi là “hỷ”. Hỷ cho nên động nơi hình thể, gọi là “hớn hở”. Từ diệu nhân mà nghe diệu pháp rồi đắc diệu giải. Nếu gặp một điều may mắn mà còn hoan hỷ, huống chi ba điều hoan hỷ đầy đủ, thì sao không hớn hở? Văn nói: “Nay theo đức Thế Tôn, nghe được pháp âm này trong lòng hớn hở“. Trong ngoài hòa hợp cho nên được cái hoan hỷ này, tức là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. Lại, thay đổi Tiểu học theo Đại, bỏ thảo am bần sự, thọ nhận gia nghiệp giàu sang. Văn nói “ngày nay mới biết thật là Phật tử”, vì vậy cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo Vị nhân Tất-đàn. Lại lo lắng hối hận cả hai nghi nạn đều trừ, chướng ngại trong ngoài đều dứt, rỗng thênh trong sáng bao la. Văn nói: “Con đã đắc lậu tận, nghe cũng trừ lo khổ” vì vậy cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo Đối trị Tất-đàn. Lại nói Phật tử đối với cái phải đắc thì đều đã đắc. Văn nói “An trú trong thật trí, con quyết sẽ

làm Phật”, đây là giải thích theo Đệ Nhất nghĩa Tất-đàn.

Căn cứ vào giáo: xét rằng hoan hỷ là vui mừng vì đã nhập vị. A-la-hán đã vượt sự trói buộc của ba cõi, phá quả nhỏ tứ trụ, đối hại không lo, gặp lợi không vui. Nay nói hoan hỷ thì quyết chẳng phải là hỷ của thế gian. Như Khổ nhẫn đã phát, hoặc là rốt ráo vô học trước đã chứng đắc, nay không nên lập lại cái vui đó. Như ba người đồng tu đạo vô ngôn thuyết, dù Thể pháp, Tích pháp khác nhau mà đồng chứng Nhất trí Tánh Không. Niềm vui Nhất trí ấy chứng đắc đã lâu cũng không vui lập lại. Nếu nhị Không quán làm phương tiện đạo, thì Giả quán dẹp sạch thiển cận của Nhị thừa. Không quán dẹp sạch huyên náo chật hẹp của phàm phu. Vượt qua cái lỗi Nhị biên, được đại hoan hỷ. Căn cứ theo Viên giáo về Ngộ, thì Sơ phát tâm trụ gọi là Hoan hỷ trụ, Sơ hạnh cũng gọi là Hoan hỷ hạnh. Sơ địa cũng gọi là Hoan hỷ địa. Thân-tử đã là bậc thượng căn lợi trí, ắt phải hoan hỷ vì siêu nhập. Nếu không siêu nhập, thì cũng gọi là hoan hỷ. Đây đều căn cứ giáo mà giải thích.

Căn cứ Bản tích mà giải thích: Thân-tử từ lâu xa đã thành Phật hiệu là Kim Long Đà, nay thùy tích thị hiện trợ giúp, đứng bên tay phải của Đức Phật Thích-ca, là đệ tử có trí tuệ đệ nhất. Ban đầu theo ngoại đạo, sau bỏ tà qui chánh. Chỉ bày Nhũ vị, hoan hỷ lợi ích phàm phu. Tiếp, chỉ bày Lạc vị, hoan hỷ lợi ích hiền thánh. Tiếp sau chỉ bày Sinh tô Thục tô, hoan hỷ lợi ích Bồ-tát. Nay làm Đề-hồ nhập tri kiến Phật, hoan hỷ lợi ích cho người học Phật đạo. Các sự hoan hỷ như vậy đều là thùy tích sở vi. Quán tâm giải thích, thì không nêu ra đây.

Trình bày uy nghi bên ngoài: “liền đứng dậy chắp tay” gọi là thân lãnh giải. Xưa thì Quyền Thật là hai, như hai tay không chắp lại. Nay giải Quyền tức Thật, như hai tay chắp lại. “Hướng Phật”: Xưa thì Quyền không phải nhân thành Phật, Thật không phải là quả Phật. Nay giải Quyền tức Thật, thành nhân Đại viên mãn, nhân ắt hướng đến quả, cho nên nói “chắp tay hướng Phật”. “Chiêm ngưỡng tôn nhan”: là tiêu biểu người giải (hiểu) Thật. Thật tức cảnh giới Phật, không phải pháp phương tiện. “Chiêm ngưỡng tôn nhan” thì không có nhớ nghĩ gì khác, là biểu thị “Khai Phật tri kiến”.Ý giải Thật, cũng tức là giải Quyền. Thân lãnh Quyền, cũng giải Thật. Nêu Nhất biên xen kẻ nhau.

Từ “Bạch Phật” trở xuống, là miệng lãnh giải, tức Thân-tử tự trình bày. Văn chia làm hai phần:

1. Trường hàng.
2. Kệ tụng.

Văn trường hàng chia làm ba phần:

a. Nêu chương tam hỷ.

b. Giải thích.

c. Kết thành.

- Phần một: Tam hỷ. "Nay con theo Đức Thế Tôn" là nêu thân con thấy thân Phật, cho nên gọi là "thân hỷ". "Nghe pháp âm này" là nghe từ kim khẩu của Phật mà hoan hỷ, cho nên nói "khẩu hỷ". "Được điều chưa từng có" là ý con hiểu ý Phật, cho nên gọi "ý hỷ". Đó là nêu chương tam hỷ.

- Phần hai: Giải thích. Từ "Vì sao" trở xuống, nêu xưa mất, hiển nay được. Từ "Vì sao" cho đến "vô lượng tri kiến": Nêu xưa không thấy Phật, là "mất". Xưa Phật thọ ký cho hàng Bồ-tát, mà chúng con không được dự việc đó, thấy Phật nghĩa là lâu xa đã không thấy Phật, cho nên không gọi là thân hỷ. "Nghe pháp như vậy", như khi mặt trời chiếu núi cao, là mật thì có nghĩa nghe mà hiển thì như điếc như câm, nghe pháp ấy không đắc đạo. Chỉ là trong giáo Phương Đẳng nghe Đại thừa thật tuệ, cùng với nay không khác cho nên nói "nghe pháp như vậy". "Thọ ký": Cũng là trong Phương Đẳng thọ ký cho Bồ-tát, hàng nhị thừa không được dự việc đó, nên "tự rất cảm thương" . Các kinh Tịnh Danh và Tư Ích nói: "Nghe tán dương Đại phỉ bỏ Tiểu, thì trong nghi mà ngoài khinh, gọi là cảm thương". "Mất vô lượng tri kiến Như Lai", là mất cái thấy (kiến) của Phật nhãn, mất cái biết (tri) của Phật trí. Từ "Thế Tôn" đến "chẳng phải Thế Tôn vậy" là nêu lỗi xưa không nghe pháp, bởi do thân thì ở chốn núi rừng, tâm thì chấp đạo Tiểu thừa, không nghe pháp, cho nên không có khẩu hỷ. "Con thường ở một mình" là chỗ tư duy lỗi, "đồng nhập pháp tánh" là chính nêu lỗi kia, chấp Nhất lý sở nhập, nghi năng môn của tam giáo. Nhất lý đã đồng, mà ta mất tri kiến. Tam giáo đã khác, mà Bồ-tát được biệt ký. Biệt ký thì Như Lai có thiên vị, do đó thành lỗi. Nay thuật lại lỗi lầm này, nên nói "hối lỗi". "Đó là lỗi của chúng con", do con mê Quyền đâu có liên quan gì đến lý giáo, do con mê Thực chẳng liên quan gì đến Phật thiên vị. Truy tìm thuật lại việc sai trái lúc xưa, kính mong Như Lai tha lỗi, đó gọi là dẫn lỗi về mình. Từ "Vì sao vậy"? cho đến "hằng tự trách mình" là nêu lỗi không hiểu ý, chính vì không đợi Phật thuyết pháp sở nhân, tức không hiểu Thật, lại không biết phương tiện cho nên cũng không hiểu Quyền. Không hiểu cho nên không có ý hỷ. Lỗi lầm xưa đã rõ ràng, nay được tự hiển bày. "Không đợi thuyết sở nhân", tự trách mình không hiểu Thật, "không hiểu phương tiện" là tự trách mình không hiểu Quyền. "Sở nhân" có hai nghĩa:

1. Trước đây không chịu đợi Phật nói pháp.

2. Không dừng lại, đợi về sau để nhận.

"Ban đầu chiếu cao sơn (núi cao)" là nêu trí tuệ tam đế là cái nhân được thành Phật, vì cái nhân này chờ đợi nhắm vào ta, mà ta không chịu thọ nhận, làm mất trước đó. Pháp của chư Phật về lâu sau cần phải thuyết chân thật, ta không dừng lại đợi giữa hai điều này, bỗng nhiên chấp Tiểu thừa không hiểu Quyền Thật, như văn.

"Mà nay theo Phật"... là kết thành tam hỷ, trước kết sau thành. "Theo Phật" là kết thân hỷ, "nghe pháp" là kết khẩu hỷ. "Dứt các nghi hối", là kết ý hỷ. "Mới biết thật là Phật tử", nghĩa thân cận Phật thành. "Từ miệng Phật sinh" là kết khẩu thành. "Từ pháp hóa sinh" là kết ý thành. Như đây là tiêu hóa hết văn, giải thích lý rõ ràng.

Lại dùng tứ Tất-đàn để hiểu văn "Nay con theo Đức Thế Tôn" là Thế giới Tất-đàn hoan hỷ. Từ "Vì sao vậy ?" là nêu xưa mất, hiển nay được, là Vị nhân hỷ. Từ "Thế Tôn! Con từ xưa đến nay" là Đối trị hỷ. Từ "Ngày nay mới biết"... là Đệ nhất nghĩa hỷ. Lại, căn cứ tâm hoan hỷ nêu rõ tứ Tất-đàn, Tâm hỷ động hớn hở thường chưa từng có, hỷ động giác quán và lại động nơi hình...

Kệ có hai mươi lăm hàng rưỡi chia làm ba phần:

1. Một hàng đầu, nêu ba điều mừng. Nêu "con nghe pháp này được nhân làm Phật".

2. Hai mươi hai hàng tiếp giải thích ba điều mừng.

3. Hai hàng rưỡi, tụng phần "kết thành" bên trên.

- Phần hai : hai mươi hai hàng, lại chia làm ba phần nhỏ:

1. Từ "Xưa nay nhờ Phật dạy" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thấy Phật hoan hỷ, văn trường hàng nêu mất tri kiến, trong tụng nêu "không mất Đại thừa". Trên nói "mất", đó là luận xa, tụng nói "được" , đó là luận gần. Xen nhau hiện.

2. Từ "Con ở nơi hang núi "trở xuống mười một hàng, tụng trên nói "không nghe pháp" , lại chia làm hai phần:

a. Chín hàng, tụng "thân viễn (xa) cho nên không nghe".

b. Từ "Con xưa chấp tà kiến"... xuống hai hàng tụng phần: "nhập pháp tánh" bên trên, cho nên không nghe. "Tà kiến" là chấp đắm của phàm phu, "nhập pháp tánh" là chấp đắm của nhị thừa, đều không nghe pháp.

"Con thường trong ngày đêm", sinh tử là đêm, Niết-bàn là ngày, là trong sinh tử có Niết-bàn, hay là ngoài sinh tử có? Nếu đắc ngộ, thì hai nghi vấn ấy được trừ bỏ. Lại, sinh tử Niết-bàn đều là đêm, nghi

này được trừ thì gọi là ngày, Khi mặt trời hiện thì hai nghi đều trừ. Lại người đời có hai hạng: 1. Mới bắt đầu học, thì học Đại thừa. 2. Tập Tiểu thừa trước rồi mới nhập Đại thừa. Nương sự tướng kia thẳng nhập, là người yếu kém. Theo như trong luận A-tỳ-đàm nhập, là người mạnh hơn. Hàng Bồ-tát cũng như vậy, ở trong Hoa Nghiêm nhập mà hóa đạo có thể yếu kém, từ Ngũ vị chọn lọc mà vào là mạnh hơn.

3. Từ "Mà nay mới tự biết" xuống chín hàng rưỡi, tụng trên nói "tâm đắc diệu giác hỷ". Trên nêu : "không đợi sở nhân, không hiểu phương tiện", trong tụng nêu : "đợi sở nhân và hiểu phương tiện". Nghe sẽ làm Phật, là "sở nhân". Nghe năm Đức Phật đồng đạo, hiểu ma chẳng phải ma, là hiểu phương tiện. Xen nhau hiển Nhất biên, chương năm Đức Phật, tức là hiểu văn.

Phần ba: từ "Nghe tiếng Phật êm diệu" trở xuống hai hàng rưỡi, tụng trên kết thành như văn.

Từ "Lúc bấy giờ Đức Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta nay" trở xuống, là đoạn thứ ba : Thuật thành. Bên trên thì Thân-tử trình bày đắc ngộ, ở đây thì Như Lai thuật giải chẳng hư dối. Văn chia làm ba:

1. Xưa đã từng giáo đại.
2. Trung gian vọng chấp tiểu.
3. Trở lại vì chúng sinh thuyết Đại thừa.

Sở dĩ dẫn xưa đã từng giáo hóa, thuật lại duyên kia thấy Phật, là vì có thời gian giữa vọng chấp Tiểu thừa, thuật lại duyên lo lắng hối hận nghe pháp kia, nay trở lại vì người mà thuyết Đại, thuật duyên kia ngộ giải không hư dối. Thuật thành ba ý trên. Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa nói: Thân vô thượng nghĩa là tướng hảo, Thọ trì vô thượng nghĩa là tự lợi lợi tha, Cụ túc (đầy đủ) vô thượng nghĩa là mạng kiến giới, Trí tuệ vô thượng nghĩa là tứ vô ngại, Bất tư nghì vô thượng nghĩa là lục Ba-la-mật, Giải thoát vô thượng là năng hoại hai chướng, Hạnh vô thượng nghĩa là thánh hạnh phạm hạnh. Lại, Thân vô thượng gọi là đại trượng phu, Thọ trì vô thượng gọi là đại từ bi, Cụ túc vô thượng gọi là đáo bỉ ngạn, Trí vô thượng gọi là nhất thiết trí, Bất tư nghì vô thượng gọi là A-la-ha, Giải thoát vô thượng gọi là đại Niết-bàn, Hạnh vô thượng gọi là Tam-miệu-tam Phật-đà.

Kinh Bồ-tát Anh Lạc quyển mười ba nói: Đạo nên thanh tịnh, uế trược chẳng phải đạo. Đạo phải nhất tâm, nhiều tưởng chẳng phải đạo. Đạo phải tri túc, nhiều ham muốn chẳng phải đạo. Đạo phải cung kính, kiêu mạn chẳng phải đạo. Đạo phải kiềm chế ý, buông thả chẳng phải đạo. Đạo phải hiển bày chiếu sáng, tự ẩn giấu chẳng phải đạo. Đạo

phải chuyên chú suốt, không hành chẳng phải đạo. Đạo phải giác ngộ, mê hoặc ngu si chẳng phải đạo. Đạo phải giáo hóa, kiêu căng ích kỷ chẳng phải đạo. Đạo nên thân gần bạn lành, huân tập theo ác chẳng phải đạo. Các thứ như vậy nêu "Đạo vô thượng". Kinh này lấy viên thông làm "Đạo vô thượng". Nếu thiên chấp hoặc thứ bậc, thì đều do các kinh khác luận bàn.

"Đêm dài theo ta thọ học": Xưa tuy được giáo hóa đại thừa mà chưa phá được vô minh, trong tâm tối tăm mê-hoặc theo Phật thọ học, liễu nhân tuy xa mà vẫn còn không mất, huống chi nay thật ngộ, đâu có hư dối, cho nên nói: "từng giáo hóa". Thuật sự thấy Phật không sai. "Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sinh vào trong pháp ta" đây có hai ý: Nếu xưa dùng Đại thừa hóa độ thì nay sinh sự hiểu biết về Đại thừa, đây thuộc ý đầu. Nếu khiến tránh thoát đường ác, thì quyền dùng Tiểu thừa dẫn dắt, đây là ý thứ hai. "Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên", tự mình giữa đường phế bỏ Đại thừa huân tập theo Tiểu thừa, gọi là giữa đường đều quên", "mà nay bèn tự nói đã được diệt độ" tức là "nay đều quên". Do ông quên Đại mà huân tập theo Tiểu thừa, cho nên có sự lo lắng hối hận và được nghe pháp không hư dối. "Ta nay lại muốn khiến ông nhớ nghĩ bản nguyện" tức là thuật kia được hiểu không hư dối. Trước thiết lập Quyền giáo, trở thành thiện nhỏ giữa đường, sau hiển chân thật, thỏa mãn tâm Đại thừa bản nguyện kia.

Từ "Ông đến đời vị lai" trở xuống, là đoạn lớn thứ tư: Thọ ký. Trước tự trình bày Phật ấn chứng xong cho nên nói thọ ký. Nếu hiểu được Đại thì tự biết đắc thành Phật, đâu cần phải thọ ký? Thọ ký có bốn ý:

1. Xưa chưa từng thọ ký nhị thừa mà nay phải thọ ký.
2. Hàng trung hạ căn chưa ngộ nên dùng thọ ký để khuyến khích.
3. Khiến cho người nghe kết duyên.
4. Mãn bản nguyện kia, vì vậy cho nên thọ ký.

Có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm mười ý:

1. Thời tiết.
2. Hành nhân.
3. Đắc quả. Có rất nhiều cách giải thích mười hiệu. Đây ghi lại một cách. Không hư dối, gọi là "Như Lai". Phước điền tốt, gọi là Ứng cúng. Biết pháp giới, gọi là Chánh biến tri. Đầy đủ Tam minh, gọi là Minh hạnh túc. Không còn trở lại đời sau, gọi là Thiện thệ. Biết quốc độ chúng sinh, gọi là Thế gian giải. Không ai bằng, gọi là Vô thượng sĩ. Điều tâm người khác, gọi là Trượng phu. Là mắt của chúng sinh, gọi là Thiên Nhân sư. Biết tam tụ gọi là Phật. Hoại diệt Ma Ba-tuần gọi là

Bà-già-bà (Thế Tôn).

4. Quốc độ.

5. Thuyết pháp.

6. Kiếp danh.

7. Chúng số.

8. Thọ lượng.

9. Bổ xứ.

10. Pháp trụ lâu mau. Đều như văn.

Đại luận quyển bốn mươi tám nói: Ngài Xá-lợi-phất chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp. Tam tai, tức là đói khát bệnh tật, đao binh, khiến cho chúng sinh diệt, gọi là tiểu kiếp. Lại, chính ngay thời tiết ấy gọi là tiểu kiếp. Như thuyết kinh Pháp Hoa trải qua sáu mươi tiểu kiếp, cũng là thời tiết số, chẳng phải tam tai diệt vạn vật bên ngoài mới là tiểu kiếp. Kệ có mười một hàng rưỡi chia làm hai phần:

1. Mười hàng đầu tụng chín ý trên, lược không tụng Bổ xứ, có thêm: cúng dường xá-lợi.

2. Một hàng rưỡi là kết tán.

- Phần một: gồm mười hàng. Giải thích chi tiết: Một hàng đầu, siêu tụng đắc quả. Từ “Cúng dường” xuống một hàng, truy tụng hành nhân. Từ “Quá vô lượng” xuống nửa hàng, siêu tụng kiếp danh. Từ “Cõi nước tên” xuống một hàng rưỡi, tụng cõi nước thanh tịnh. Từ “Bồ-tát trong cõi đó” xuống một hàng rưỡi, tụng số chúng Bồ-tát. Từ “Những đại sĩ như thế” xuống nửa hàng, tụng thuyết pháp. Từ “Lúc Phật làm vương tử” xuống hai hàng, tụng thọ lượng. Từ “Sau khi Phật diệt độ” xuống một hàng rưỡi, tụng pháp trụ lâu mau. Từ “Xá-lợi rộng truyền khắp” xuống nửa hàng, cúng dường Xá-lợi. Giải thích xong mười hàng tụng đầu.

- Phần hai: từ “Phật Hoa Quang” xuống một hàng rưỡi, kết tán. “Nên phải tự vui mừng” là thành sơ nhập Hoan hỷ vị. Sơ trụ có thể ở trong thế giới trăm vị Phật, mới làm Phật. Hạnh, Địa thì gấp bội.

Phần thứ năm: Bốn chúng lãnh giải có trường hàng và kệ tụng. Ban đầu kinh gia trình bày chúng hoan hỷ, tiếp đến trình bày cúng dường. Từ “Mà nói rằng” trở xuống, chính lãnh giải, ban đầu lãnh khai Quyền.

Từ “Nay mới lại chuyển pháp luân” trở xuống là lãnh hiển Thật. Kệ có sáu hàng rưỡi, chia làm hai phần:

1. Hai hàng, tụng trên khai quyền hiển thật.

2. Bốn hàng rưỡi, tự thuật được hiểu tùy hỷ hồi hướng. “Chúng ta cũng như vậy” là như Thân-tử lãnh giải, như Thân-tử được thành tựu

thuật, như Thân-tử được thọ ký.

Hỏi: Các đại Thanh văn như Ca-diếp, Thiện Cát (Tu-bồ-đề) mà còn chưa hiểu nổi, thì tứ chúng người nào ngộ trước được?

Đáp: Tứ chúng thiên nhân cũng đầy đủ ba phẩm, thượng căn đồng với Thân-tử, trung căn hạ căn có thể biết. Lại biết rằng Thân-tử, Ca-diếp đều là Quyền hạnh, vì hàng trung hạ căn chưa khai mở, Ca-diếp mãn nguyện thị hiện đồng như không hiểu. Kinh Tịnh Danh nói: "Chúng sinh chưa khỏi bệnh thì Bồ-tát cũng chưa khỏi bệnh".

Từ "Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng" trở xuống là đoạn lớn thứ hai: vì trung căn nói thí dụ. Văn có bốn phẩm: Một phẩm này chánh là Thí Dụ, khai tam hiển nhất, phẩm Tín Giải nêu hàng trung căn được hiểu, phẩm Dược Thảo là Như Lai thuật thành, phẩm Thọ Ký cùng quyết định. Bốn phẩm này đều thuộc phần Thí thuyết. Dưới bốn đoạn đều căn cứ nhân duyên, trình bày nêu rõ duyên buộc châu vào chéo áo mà lãnh ngộ, A-nan dẫn duyên Không Vương Phật mà được thọ ký... Lại, theo lệ thường thì pháp thuyết nên có hạng trung căn tứ chúng hoan hỷ, mà nay không có, thì thứ nhất là do kinh gia, có mà lược bớt, thứ hai là theo lệ, trước sau có thể biết tại văn sau trong phẩm Pháp Sư.

Văn Thí thuyết chia làm hai:

1. Thỉnh.

2. Đáp.

Phần Thỉnh lại có ba:

a. Tự thuật không nghi.

b. Thuật đồng hạng có hoặc.

c. Đều vì bốn chúng, tự thuật như văn.

Đồng hạng tức là đồng hành, nhớ việc xưa cho nên cần phải thỉnh. Tứ chúng là cảnh giáo hóa, nay mới vận tâm đại bi thì đều vì chúng mà thỉnh. Từ "Phật thường dạy rằng" trở xuống, là chấp tam giáo xưa. Từ "Mà nay ở trước đức Thế Tôn" trở xuống là chấp lý Nhất xưa. Xưa thuyết ba là cứu cánh, nay lại thuyết một là chân thật, mâu thuẫn dẫn đến mê muội, cho nên nói "đều rơi vào nghi lầm". Có người nói: "Thân-tử nghi cả hai mới và cũ, ngàn hai trăm người chỉ có nghi mới". Nay cho rằng hàng thượng căn nghi ít, trung căn hạ căn nghi nhiều, vì sao lại hiểu trái ngược? Từ "Lành thay Thế Tôn!" trở xuống, là vì bốn chúng mà thỉnh. "Nhân duyên" là nhân duyên trước ba sau một.

Từ "Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất" trở xuống, là phần hai: Phật đáp. Văn chia làm ba phần: Phát khởi, Thí dụ, Khuyên tin.

Phần một: Phát khởi lại có hai:

1. Ức.

2. Dẫn.

Ức chế khiến cho chúng uất ức, dũng cảm, dẫn khiến cho mau tiến. Từ "Ta trước há không nói rằng" xuống chỉ trên nêu Quyền, "đều là đạo Bồ-đề" chỉ trên hiển Thật, "đều vì dạy Bồ-tát" là hoặc Quyền hoặc Thật, đều nhập Phật đạo Niết-bàn Vô trụ. Trên đã nói rõ, tại sao còn chấp giáo mê muội tối tăm không hiểu? Trách như thế, chính là văn ức chế. Từ "Nhưng Xá Lơi Phất! Nay ta sẽ dùng một thí dụ" trở xuống, là dẫn dắt an ủi. Trước đã chê bai nghiêm khắc e rằng họ chìm đắm trong oán hận tự khinh mình, cho nên nay sẽ dùng thí dụ để nêu rõ lại nghĩa đó. Nếu người nào có thể hiểu, thì gọi là trí. Phần hai: Thí dụ, thuyết trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có Khai thí và Hợp thí. Phần Khai thí không đồng, như trên đã nói, nay chia làm hai: Tổng và Biệt. Tổng thí, ví như chương Thích-ca "nay ta cũng như vậy", hai hàng kệ lược tụng khai quyền hiển thật. Biệt thí, ví như trong chương Thích-ca, "ta dùng Phật nhãn xem thấy". Kệ tụng gồm bốn mươi mốt hàng rưỡi kệ, rộng tụng khai Quyền hiển Thật, có sáu ý.

Tổng thí có sáu phần:

1. Trưởng giả.

2. Nhà ở.

3. Một cửa.

4. Năm trăm người.

5. Lửa cháy lên.

6. Ba mươi người con.

1. "Trưởng giả" là thí dụ cho ta, ta tức Phật Thích-ca chủ Nhất hóa. "Nhà lửa" là thí dụ tam giới không an ổn đối lại nơi an ổn trên. "Một cửa" là thí dụ trên chỉ bày cửa Phật đạo. "Năm trăm người" là thí dụ chúng sinh trên. "Lửa cháy lên" là thí dụ đối với pháp ngũ trược bát khổ không an ổn trên. "Ba mươi người con" là thí dụ trên nói biết chúng sinh tánh dục người hành tam thừa.

Thí dụ Trưởng giả có ba: a. Danh, hạnh. b. Vị hiệu. c. Đức nghiệp.

a. Danh (tên gọi) như khách, hạnh như chủ. Hạnh có thân sơ, danh có gần xa, cho nên nêu xứ sở để hiển danh hạnh. Biên giới là nước rất xa, tể trị là ấp ở giữa, tụ lạc là làng xóm rất gần, danh hạnh của trưởng giả vang khắp ba nơi này. Gần thì không thấy sự thấp hèn nhỏ nhen kia, xa thì chỉ rút lui sự cao thượng kia. Miệng không phân biệt lời, thân không phân biệt hạnh, ý không phân biệt pháp. Danh hạnh tương xứng, chân thật là bậc đại nhân. Trong thì hợp với tam nghiệp Như Lai, theo

trí tuệ mà hành xứng hợp căn cơ mà bố thí giáo hóa, danh xưng vang khắp đức bao trùm pháp giới. Xưa dùng mười phương hư-không, nơi chốn được từ bi gia bị gọi là nước, tam thiên là ấp, một tứ thiên hạ là tụ lạc. Lại, đại thiên là nước, trung thiên là ấp, tiểu thiên là tụ lạc. Nay đều không dùng. Đại luận quyển sáu mươi nói: “Nhu thuận nhẫn làm tụ lạc, vô sinh nhẫn Tam-bồ-đề làm thành, nhân quả cùng làm thí dụ”. Kinh nay dùng thẳng quả đức làm thí, cõi Thật báo làm nước, cõi Hữu dư làm ấp, cõi Đồng cư làm tụ lạc. Từ bản thùy tích, nhiếp tích trở lại bản. Danh hạnh tương xứng, không có phân biệt chủ khách, sáng suốt rõ ràng tràn đầy biển lớn biến khắp ba cõi.

b. Nêu vị hiệu, chia làm ba: Trưởng giả thế gian. Trưởng giả xuất thế. Quán tâm Trưởng giả.

- *Trưởng giả thế gian đủ mười đức:* 1. Dòng họ tôn quí. 2. Địa vị cao. 3. Đại phú. 4. Uy mãnh. 5. Trí sâu. 6. Cao (niên) tuổi. 7. Tu hành thanh tịnh. 8. Đủ lễ nghi. 9. Trên tán thán. 10. Dưới nương theo. Dòng họ thì có dòng dõi Tam hoàng, Ngũ đế, gia tộc Tả Điêu Hữu Bộ. Địa vị cao tột thì đến chức Thừa tướng Diêm mai, A Vệ. Phú thì tiền bạc vàng đầy kho, giàu có dư dật, phung phí xa xỉ. Uy là nghiêm trang lạnh lùng long trọng nghiêm túc tự nhiên. Trí thì chứa trong lòng như kho chứa binh khí quyền biến kỳ đặc vượt bực hơn mọi người. Tuổi thì tóc hoa râm, oai phong chững chạc mọi người đều kính nể. Hành động thì trong sáng như ngọc khuê không một tì vết, việc làm như lời nói. Lễ thì chừng mực thứ bực làm phép tắc cho đời. Trên thì là người đáng kính bậc nhất. Dưới thì thiên hạ nương theo. Mười đức đầy đủ như vậy gọi là đại Trưởng giả.

- *Trưởng giả xuất thế gian:* Đức Phật ở trong ba đời chân như thật tế sinh ra, công thành đạo đủ mười hiệu vô cực, pháp thí tài thí, vạn đức thảy đều đầy đủ, thập lực hùng mạnh, hàng ma chế phục ngoại đạo, nhất tâm tam trí thảy đều thông đạt, sớm thành chánh giác lâu xa như đây, tam nghiệp theo trí vận động không lầm lẫn, đủ oai nghi Phật tâm lớn như biển, mười phương chủng giác cùng khen ngợi bảy thứ phương tiện cùng đến y chỉ, đó gọi là Phật đại trưởng giả xuất thế.

- *Quán tâm trưởng giả*: Quán tâm là trí tuệ từ nơi thật tướng xuất ra, sinh trong dòng Phật chủng tánh chân chánh, tam Hoặc không khởi, tuy chưa phát chân, đó là mặc áo Như Lai, gọi là Tịch diệt nhẫn, tam đế hàm chứa hết thảy công đức, trí tuệ chánh quán hàng phục ái kiến, trung đạo song chiếu Quyền Thật đều sáng tỏ. Đã lâu tích chứa căn lành, năng tu quán này, quán này vượt lên trên bảy thứ phương tiện.

Quán này là quán tâm tánh, gọi là thượng định. Ba nghiệp không lỗi, trải duyên đối cảnh oai nghi không mất. Năng quán như đây là tướng tin hiểu sâu xa. Chư Phật đều hoan hỷ, tán thán người trì pháp, thiên long bốn bộ cung kính cúng dường. Văn dưới nói: "Phật tử trụ địa này, tức là Phật thọ dụng, kinh hành và nằm ngồi". Đã gọi người này là Phật, đâu không gọi là Quán tâm trưởng giả?

Nay dùng mười đức ghi chép kinh nghĩa đầy đủ mà thiếu một điều. Quốc ấp tụ lạc có đại trưởng giả, ba chỗ xứng tán là Đại, sao chẳng phải tánh tôn quí? Trưởng giả sao không phải địa vị cao? Suy yếu sao không phải tuổi già? Tài phú vô thượng sao không phải giàu sang đầy đủ? Có nhiều ruộng vườn nhà cửa sao không phải trí tuệ thâm sâu? Có nhiều nô bộc hầu hạ sao không phải thế lực mạnh? Nhà kia rộng lớn sao không phải thầy đức hạnh? Chỉ có một cửa sao không phải lễ tiết dạy người một lối đi? Nhiều người ở trong đó, tức nói người dưới nương theo. Chỉ thiếu một điều là thượng nhân được cung kính, nay dùng chữ "Đại" bao gồm ý đó. Người mà mọi người đều biết, nên gọi là "Đại".

Từ "Tuổi đã già suy" trở xuống, là tán thán đức nghiệp. Đức có trong ngoài, trong thì trí lược ngoài thì của cải. Tuổi cao biết nhiều thông cả xưa nay ví như Trí đức của Phật. Căn già suy mà chí thuần thục, ví như Đoạn đức của Phật. "Tài phú" là dụ cho đức bên ngoài, "vô lượng" là tổng thí vạn đức, "nhà ruộng" là biệt thí. Ruộng (điền) năng nuôi mạng, dụ cho thiền định nuôi dưỡng Bát-nhã. Nhà là chổ để nương thân, cho cảnh thật là chỗ cho trí tuệ nương Tựa. Lược thì có mười tám cửa không, rộng thì vô lượng cửa không. Nếu luận về phước đức thì không hạnh nào mà không tu, nếu luận trí tuệ thì không cảnh nào mà không chiếu, cho nên nói: "Có nhiều nhà ruộng". "Đồng bộc (Tôi tớ)" là người giúp việc hầu hạ người khác, dụ cho phương tiện tri kiến đều đã đầy đủ. Hòa ánh sáng vào sáu đường chúng sinh, khéo thuận vạn căn cơ, tức tôi tớ của thật trí.

2. "Nhà ông rộng lớn", Nhà là dụ cho nơi an ổn đối với tam giới không an ổn bên trên. Chúng sinh trong hang hốc đều ở trong nhà tam giới, Như Lai ứng hiện giáo hóa tất cả giống như nuôi họ trong nhà, nên nói "rộng lớn".

3. "Chỉ có một cửa": Thí dụ văn trên các pháp môn tuyên bày Phật đạo. Đạo Tràng Quán nói: Lý Thật tướng thì không khác, tuệ cũng thích hợp với Nhất, thoát ra không có đường nào khác, cho nên nói "một cửa". Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch nói: Ba cõi tuy rộng, chín, mười giới tuy nhiều, nhưng nếu muốn thoát ra thì chỉ là Phật giáo, cho nên nói

"một cửa". Nay nêu rõ: Nếu riêng lý làm cửa, mà lý không có thông nghẽn thì nghĩa gì là cửa? Nếu riêng giáo là cửa, thì sao các kinh không nêu ra? Nay chọn lý làm giáo sở thuyên. Văn nói dùng Phật giáo môn, vượt khỏi ba cõi, đắc chứng Niết-bàn. Môn lại có hai loại: Trạch (nhà) môn, xa môn. "Trạch" là sinh tử, "môn" là con đường chính để thoát ra. Đây là thuyên bày giáo lý phương tiện. "Xa" là pháp Đại thừa, "môn" là thuyên bày viên giáo. Nếu Trạch môn là Xa môn thì ban đầu tam xa (ba xe) cứu con cũng tức là đồng ban cho Đại xa (xe lớn). Nếu "môn" là chỗ để mà ra, không phải là chỗ để mà vào, thì nghiệm ra rằng Xa môn và Trạch môn khác nhau.

4. "Năm trăm người" là dụ cho chúng sinh, tức năm đường chúng sinh.

5. "Nhà dưới lầu gác mục" là thí dụ văn trên pháp an ổn đối với pháp không an ổn là năm trược vậy. Trước nêu tướng nhà bị cháy, dụ cho quả báo trong sáu đường, tiếp nêu lửa năng thiêu, dụ cho tám khổ năm trược. "Nhà dưới" ví như Dục Giới, "Lầu gác" ví như Sắc giới và Vô sắc giới. "Vách phên" dụ cho bốn đại, "sụp đổ" dụ cho tổn giảm, "xiêu ngã" dụ cho biến đổi. "Chân cột" dụ cho mạng. "Kèo cột" dụ cho ý thức. "Hư nát" dụ cho nguy hiểm sắp đến. Muốn cho dễ hiểu thì hãy xem: "Nhà dưới" dụ cho thân là phần dưới "gác" dụ cho đầu... là phần trên, "tường vách" dụ cho da thịt, "sụp đổ" dụ cho già yếu, "chân cột" dụ cho hai chân," mục nát" dụ cho vô thường, "kèo cột" dụ cho xương cốt, "xiêu ngã" dụ cho trăm tuổi, "bốn bề che chắn co duỗi" là dụ cho đại tràng tiểu tràng, lại nói dụ cho tim vậy... "Giáp vòng bốn phía"... là nêu rõ lửa thiêu đốt, tám khổ biến khắp tứ đại tứ sinh cho nên nói "giáp vòng". Thảy đều vô thường cho nên nói "đồng một lúc". Bỗng nhiên là dụ cho xưa không nay có, xưa vốn không có khổ này mà do vô minh cho nên có.

6. "Các người con của trưởng giả" trở xuống. "Ba mươi người" là dụ cho bên trên nói: "biết chúng sinh tánh dục", từng tu tập Phật pháp, tương quan thiên tánh là nghĩa "con". Tánh dục có sai khác "hoặc mười" là Bồ-tát; "hoặc hai mươi hoặc ba mươi" là nhị thừa. Những căn cơ này đều được ra khỏi nhà, cho nên gọi là "con". Không có căn cơ này là "năm trăm người"; hoặc giả Bích-chi-phật ẩn hiện không đồng, hoặc thuộc Tiểu thừa hoặc thuộc Trung thừa. Đều nói "mười", là đều có tánh của Thập trí, cho nên nói: "Trong có trí tánh". Chỉ vì không có tánh của Như thật trí đó thôi! Ở phần trên thì ba bài kệ trước tụng Thật, sau tụng Quyền, nay trong Tổng thí thì trước Thật sau Quyền...

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5
(Phần Hạ)

Phần Biệt thí: Từ: "Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy" trở xuống, là Biệt thí (chi tiết) chia làm bốn phần:

1. "Trưởng giả thấy lửa" là dụ cho Phật thấy ngũ trược. "Xá-lợi-phất nên biết, Ta dùng mắt Phật xem" trở xuống, bốn hàng kệ ở phẩm Phương Tiện bên trên làm căn bản.

2. "Bỏ ghế, dùng xe" là dụ cho bên trên nói: đức Thích-ca vì chúng sinh đời ngũ trược mà thôi. Đại thiết lập Tiểu. "Xưa ta ngồi đạo tràng" trở xuống, mười bảy hàng rưỡi kệ bên trên làm căn bản.

3. "Đồng ban xe lớn cho các con" là dụ cho trên đức Thích-ca chỉ bày tướng chân thật. "Ta thấy các Phật tử, chí quyết cầu Phật đạo" trở xuống, sáu hàng kệ bên trên làm căn bản.

4. "Trưởng giả không nói dối gạt" là dụ cho "Ta là vua các pháp" trở xuống, hai hàng rưỡi kệ bên trên làm căn bản.

Phần một: "Trưởng giả thấy lửa" văn kia có bốn, ý kia chỉ có ba. Văn có bốn là: Một, năng kiến. Hai, sở kiến. Ba, sợ hãi. Bốn, rộng nêu sở kiến trên.

Nhưng thành ba ý:

1. "Trưởng giả thấy" là nêu ra năng kiến dụ cho trên nói: "Ta dùng Phật nhãn xem thấy". "Lửa từ bốn phía nhà bốc cháy" là nêu ra sở kiến dụ cho trên nói: "thấy sáu đường chúng sinh". "Liền rất sợ hãi", dụ cho trên nói "vì chúng sinh nên khởi tâm đại bi". "Nhưng các con ở trong nhà lửa"... rộng nêu ý thứ hai cảnh sở kiến là lửa, vẫn giải thích thành nghĩa sợ hãi. "Thân, thọ, tâm, pháp" tức "bốn phía nhà", từ bốn phía khởi tứ đảo: Tịnh, Lạc v.v..., lửa tám khổ, các khổ đều nhóm tập. Nếu biết thân bất tịnh khổ vô thường, thì lửa phiền não diệt. Xưa có ba ý giải thích "Bốn phía nhà": 1. Bốn đại làm bốn phía nhà, sáu thức đều gửi trong đó.

2. Tức Tứ sinh.

3. Gọi là Tứ đảo. Y văn dưới thì lấy “sinh, lão, bệnh, tử” làm “bốn phía nhà”. “Liền rất kinh sợ” là nghĩ đến chúng thôi tâm thiện Đại cho nên kinh, lo chúng sẽ khởi thêm ác cho nên sợ. “Kinh” đi đôi với tâm từ, nghĩ đến chúng không vui, “Sợ” đi đôi với tâm Bi, lo chúng sẽ khổ. “Nên nghĩ: Ta mặc dù có thể ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài được an ổn”, tức là giải thích thành nghĩa kinh sợ do từ bi. Tuy nhiên lời nói thì chưa hết. Nêu rõ Phật dùng sức trí tuệ tìm được chánh giáo, kiến đế sở thuyên, không bị ngũ trược bát khổ làm nguy hại, cho nên gọi là “an”, cuồng phong Tứ đảo không làm động được, cho nên gọi là “ổn”, ung dung ở ngoài sự trói buộc nên gọi là “ra ngoài được”, nhưng chúng sinh thì không như vậy mà bị lửa thiêu đốt, Như Lai từ bi còn bị lửa lo (ưu) thiêu đốt, cho nên nói “mặc dù”.

Kinh nói: “từ nơi cửa của nhà cháy này”, nay hỏi: Nếu lấy giáo làm môn (cửa), thì giáo này là bị thiêu hay không thiêu? Cứu xét đáp: Giáo môn không bị thiêu vì Phật giáo làm môn. Vì cửa là năng thông người bị thiêu, và sở thông là người bị thiêu, gọi là cửa năng thông là cửa bị thiêu. Như trong cửa có người chết, thì gọi là cửa bị suy tàn thật ra cửa không bị suy tàn.

Lại hỏi: Nếu như vậy thì giáo là thường trụ, chẳng phải pháp hữu vi. Nếu không như vậy thì cớ sao không bị thiêu? Nay giải thích không như vậy. Luận về cửa là có phân biệt có không, chẳng phải phân biệt cái “Không có gì” để chỉ cho cửa. Chẳng phải là Không, không có gì thì coi như thông tông thú. Phân biệt thì có thể là tro tàn, cái Không thì không thể thiêu đốt. Giáo thì có năng thuyên sở thuyên. Nếu chẳng thuyên giảng rõ ràng, thì không lấy làm giáo. Nếu chẳng có sở thuyên thì lấy gì để ra khỏi nhà lửa? Thuyên giảng có thể là vô thường, sở thuyên chẳng phải vô thường nữa. Vì đắc sở thuyên trong giáo, nên gọi là “ra ngoài được an ổn”. Năng thuyên phai nhạt cho nên nói “cửa bị thiêu”. Không từ cửa bị thiêu thì do đâu mà ra ngoài được an ổn, như nhờ vào ngôn giáo mà khế hợp với sở thuyên. Đại Kinh nói: “Nhân vô thường cho nên quả là thường”. Như đây giải thích thì như kinh nói “ở nơi cửa của nhà bị cháy”, là như tiểu thừa vô thường giáo môn, đây là từ cửa bị thiêu mà ra ngoài. Nếu Đại thừa thường trú giáo môn, thì văn tự tức giải thoát, giáo đây tức lý, thể nghiệm thấu đạt được thiêu không thiêu mà ra ngoài an ổn. Nếu căn cứ Quyền trí của Như Lai, thì là từ cửa của nhà bị cháy ra ngoài. Nếu căn cứ Thật trí, thì ở ngay trong nhà bị cháy mà ra ngoài an ổn. Cho nên, trước dùng vạt áo hoặc dùng cái bàn cái ghế mà ra ngoài không được, sau dùng vô thường mà ra, tức ý

đây vậy.

"Ưa vui chơi giỡn (lạc trước hy hý)", đắm chấp gọi là "hy", đắm ưa gọi là "hý", đam mê tứ kiến gọi "hy", bỏ công sức kia gọi là "hý", ưa đắm cũng như vậy. Ham vui ngũ trần gọi là "hy", trống không, không thâu hoạch được gì, gọi là "hý". Sống không, chết uổng, mà không nhàm chán thì như những đứa trẻ kia ham vui. "Không hay không biết" (bất giác bất tri), đều không nói có lửa thì gọi là "bất giác", không biết lửa nóng thì gọi là "bất tri". Đã không biết lửa cháy nóng, không sợ tổn thương thân gọi là "không kinh", không lo mất mạng gọi là "không sợ (bất bố)". Chúng sinh hoàn toàn không biết năm ấm tám khổ, không biết bốn đảo ba độc. Đã không biết Hoặc, thì vì sao lo lắng? Hoặc xâm tổn pháp thân, tổn thương tuệ mạng. Như vậy bất giác đối với Khổ, bất tri đối với Tập, không kinh tổn thương Đạo, không sợ mất Diệt, bởi vì không nghe giáo Tứ đế cho nên không có Văn tuệ, gọi là "bất giác". Không được Tư tuệ, gọi là "bất tri". Không được Kiến giải, gọi là "bất giác". Không được Tư duy giải, gọi là "bất tri". Kiến đế thì kinh ngạc và ngộ, Tư duy thì chán, sợ. Lại, bấc giác thì hiện tại khổ, bất tri thì vị lai khổ. Cho nên văn dưới nói: "Hiện tại thọ các khổ, về sau thọ các khổ ở địa ngục", tức là nghĩa đây. "Bức thân" là năm thức, Tâm là ý thức, tâm vương. Thân bị tám khổ bức bách mà tâm không nhàm chán phiền não. Cũng gọi là đã từng gieo giống Đại thừa công đức, chính pháp thân thí tuệ làm thể. Thân thể đảo bức bách mà không hay không biết. "Lòng chẳng nhàm lo", không nhàm cái Khổ do vô thường, không lo Tập nhân phiền não. "Không có ý cầu ra khỏi" là không tu Đạo cầu Diệt. Nay nói lấy Nhà lửa làm gốc thí dụ năm trược. Hy (nô đùa) dụ cho Kiến trược. Hý (chơi giỡn) dụ cho Phiền não trược. "Bất giác bất tri bất kinh bất bố" là dụ cho Chúng sinh trược. "Lửa đến làm bức thân khổ thống thiết" là dụ cho Mạng trược. "Lòng chẳng nhàm lo không có ý cầu ra khỏi" là dụ Kiếp trược. Đây cùng năm trược tương đương.

Từ "Trưởng giả ấy lại nghĩ rằng" trở xuống là thí dụ bỏ ghế dùng xe, dụ cho phần trên nói "thôi Đại thiết lập Tiểu", có sáu hàng rưỡi nêu rõ dự định dùng Đại không được, mười một hàng sau nói dùng Tiểu nghĩ được. Phần "Không được" bên trên có ba:

1. Tư duy Đại dự định thích hợp.
2. Không có căn cơ.
3. Thôi hóa độ.

Nay thí dụ chia làm hai: dùng Khuyến môn dự định thích hợp và dùng Giới môn dự định thích hợp. Khuyến và Giới mỗi phần có ba:

1. Dự định thích hợp.

2. Không thọ.

3. Buông bỏ.

- Khuyến môn có ba:

1. Từ: “Trường giả đó lại nghĩ: Thân và tay của ta có sức mạnh” trở xuống, dụ cho phần trên nói: Phật nghĩ dùng Đại thừa giáo hóa “Trong hai mươi mốt ngày, Suy nghĩ tư duy việc như vầy”.

2. Từ “Ông lại nghĩ” trở xuống: là nêu con không nhận được, dụ cho bên trên nói: không căn cơ, “chúng sinh các căn độn, Làm sao mà độ đặng?”.

3. Từ “hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy” trở xuống là buông bỏ, khéo dỗ dành, dụ cho bên trên nói: chúng sinh không căn cơ, “Ta thà không thuyết pháp, Mau vào cõi Niết-bàn”.

“Trưởng giả lại suy nghĩ” dụ cho bên trên nói: “Trong hai mươi mốt ngày tư duy”. “Thân tay v.v...” là dẫn dưới hợp thí nói chỉ dùng thần lực và trí tuệ lực để giải thích thí dụ này. “Thân” là dụ cho thần thông gánh vác phụ giúp, “tay” dụ cho trí tuệ nâng nhắc. Nương theo Tam-muội, Đoạn đức thì có thần thông. Nương theo trí tuệ, Trí đức thì có thuyết pháp. Lực của Trí đức và Đoạn đức, có thể thành tựu pháp thân. Trí, Đoạn đây lại từ hai môn Khuyến, Giới mà nhập. Khuyến tức Vị nhân Tất-đàn. Giới tức Đối trị Tất-đàn. Hai Tất-đàn này vì Đệ nhất nghĩa Tất-đàn mà làm phương tiện. Đức Như Lai ban đầu dự tính muốn dùng pháp môn khuyên nhũ, nghĩ là hợp căn cơ chúng sinh, khiến cho phụng hành các Thiện, thành tựu Thập lực, Vô úy, Nhất thiết chủng trí, mà chúng sinh không thể kham nổi, tiếp đến muốn dùng giới môn (răn bảo) nghĩ là thích hợp, khiến đừng làm các điều ác, chứng Đại Niết-bàn. Bởi chúng sinh không có căn cơ, không thể kham nổi, nên Phật mới nghĩ đến thôi hóa độ. Cho nên, biết niệm dụng Đại thừa chỉ là Khuyến Giới, hai thứ Tất-đàn, thần thông Trí Đoạn đó thôi. Văn trên nói: “Định tuệ lực trang nghiêm, Dùng đó, độ chúng sinh”, tức nghĩa ấy vậy.

Phần trước tán thán trưởng giả tuổi đã già suy, tức dụ cho Trí Đoạn. Trí Đoạn tức sức lực của tay và thân. “Vạt áo, bàn, ghế”, theo Tam Tạng Pháp Sư thì: “vạt áo” là vật dụng của người ngoại quốc dùng để đựng hoa dâng lễ bậc quí nhân. Xưa nói: “Vạt áo” là dụ cho nhân Đại thừa, “bàn ghế” là dụ cho quả Đại thừa. Ban đầu định dùng nhân quả Đại thừa nhưng không có căn cơ. Xưa lại nói: Đó thực chất dụ cho Đại thừa Giới Định Tuệ, tức là: Tuần đầu, tư duy pháp mà Phật đã

chứng đắc, đây như là dùng “vạt áo”. Tuần thứ hai, tư duy căn duyên của chúng sinh, như dùng “ghế”. Tuần thứ ba, tư duy ân của cây của đất, như dùng “bàn”. Nghĩa này rút ra từ Kinh A-hàm. Nay dùng văn hợp với thí dụ: Nếu ta chỉ dùng thần lực và trí tuệ lực, tán thán tri kiến lực Vô-sở-úy của Như Lai, thì chúng sinh không thể do đó mà được độ. Thần lực tức là “thân”, trí tuệ lực tức là “tay”. Như trước đã nói Tri kiến ví như “vạt áo”, Vô úy ví như “ghế”, Thập lực ví như “bàn”. Đức Như Lai dùng thần thông phát động ba pháp này, dùng trí tuệ tuyên thuyết ba pháp này, mà người không có căn cơ cho nên thôi không hóa độ. “Vạt áo, ghế, bàn” tùy nói lược, trung bình, rộng mà có nghĩa khác nhau! Lược thuyết gọi là Như Lai tri kiến, thì “tri” tức Nhất thiết chủng trí, “kiến” tức Phật nhãn. Tên gọi thì lược mà nghĩa huyền diệu, thí như “vạt áo”, một mảnh đủ chứa đựng nhiều. Nói trung bình, thì gọi là Vô sở úy, dùng nhắm vào Tứ đế như “ghế”, đối với pháp thì rộng ít, đối với người thì được an ổn ít. Nói rộng, thì gọi là Thập lực, ngang dọc bao quát như bàn nhiều chân thì không bị nghiêng úp, đối với pháp thì rộng, người thì đại an ổn. Trong ba tuần tư duy muốn nói Phật pháp rộng lược như vậy, nhưng chúng sinh không kham nổi, cho nên nói Trưởng giả dùng vạt áo, ghế, bàn.

“Ông lại nghĩ” trở xuống, nêu con không thọ chịu, thí dụ này hợp với tụng bên trên nói: chúng sinh không căn cơ. “Nhà này chỉ có một cửa mà lại chật hẹp”, “cửa” nghĩa như trên đã nói, nay lại nêu hai ý theo Biệt giáo và Thông giáo. Biệt, “một” nghĩa là lý Nhất, “một cửa” đạo thanh tịnh nghĩa là chánh giáo, thông cái đáng thông. “Nhỏ hẹp” nghĩa là không chứa Đoạn Thường bảy thứ phương tiện... Giáo lý rộng lớn thì chẳng phải hẹp nhỏ. Chúng sinh không thể dùng giáo lý đây mà tự thông suốt. Muốn nói hạng không có căn cơ, cho nên nói “hẹp nhỏ”. Theo Thông giáo, lý thuần không có lẫn lộn cho nên nói “nhất”, tức lý năng thông cho nên nói “môn”, vi diệu khó biết cho nên nói “hẹp nhỏ”. Giáo là tìm kỹ khắp mười phương hoàn toàn không có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa cho nên nói “nhất”. Giáo này năng thông, cho nên nói “môn”. Giáo này vi diệu, hàng phàm phu không thể biết được xuất xứ, đó là không biết Quyền, không biết nơi nhập, tức là không biết Thật. Hàng có nhân nhị thừa thì nghe Tiểu biết xuất yếu nên vĩnh viễn không biết nhập. Hàng Bồ-tát tuy tự biết ra mà không biết vào. Đoạt thất phương tiện đều không biết ra, vào. Văn trên nói: Nếu ta tán thán Phật thừa thì chúng sinh chìm nơi khổ, không thể dùng giáo để tự thông, nên đem thí dụ này nói về chúng sinh không có căn cơ cho

nên nói “hẹp nhỏ”. Hành là tự hành nhân viên mãn, như đi con đường rộng lớn ngay thẳng khỏi gặp chướng nạn cho nên gọi là “nhất”, khéo hành Bồ-tát đạo thẳng đến đạo tràng cho nên gọi là “môn”. Diệu hạnh khó hành phương tiện, không căn cơ cho nên nói “hẹp nhỏ”. Xưa giải thích: hàng Nhân thiên thân thiện Tiểu thừa, cho nên nói “ấu trĩ” (thơ bé), không thân thiện Đại thừa gọi là “chưa có hiểu biết”. Nay nêu hai vạn đức Phật dạy vô thượng đạo, vì Đại thừa thiện căn còn yếu kém gọi là “ấu trĩ” (thơ bé), nếu nghe Đại thừa thì sinh tâm hủy báng, gọi là “chưa có hiểu biết”. “Mê đắm chơi giỡn”, trước đã nêu thiện còn yếu, nay nêu các ác mạnh. Tức là khi ở nhân thì đắm sâu các kiến ái, ở quả thì đắm sâu y báo chánh báo. Ở Dục Giới thì đắm lục trần. Ở Sắc Giới thì đắm chấp thiền vị. Ở Vô sắc Giới thì đắm chấp định. Văn trên nói: Chúng sinh các căn độn, mê đắm ngu si mù quáng, không kham nghe Đại thừa.

“Hoặc sẽ vấp ngã bị lửa thiêu cháy”, chỉ hai câu này gọi là buông bỏ lời dẫn dụ khéo.

“Vấp ngã” (Đọa lạc) có hai:

1. Trẻ thơ nhớ chỗ vui cũ, cho nên “vấp ngã”.

2. Đều không hiểu biết, giữ vật không kiên cố, cho nên “vấp ngã”. Ví như đắm chấp ngũ dục, cho nên vấp ngã trong tam đồ. Hoặc là thiện yếu, không hiểu biết nên hủy báng Đại thừa, đọa lạc tam đồ.

Từ “ Ta nên vì các con mà nói những việc đáng sợ” trở xuống là dùng Giới môn, đối trị môn chia làm ba phần:

Nghĩ rằng thích hợp với đối trị, răn bảo sợ hãi khiến ra. Tướng đối trị như trong Đại Phẩm nói. Tứ niệm là Ma-ha-diễn, do bất khả đắc nên khác đối với Tiểu thừa. Đã ham đắm chổ vui chơi, nói việc sợ hãi khiến cho họ được thoát khỏi ngũ trược, lửa thiêu nhà ngũ ấm, cần phải xa lìa. Nếu đắm chấp lâu, ắt đoạn thiện căn, cho nên nói “chớ để bị lửa đốt hại”. Từ “Cha dầu thương xót” trở xuống, tức là răn bảo mà con không nghe theo. “Không kinh, không hãi” là không sinh Văn Tư như trên nói. Không biết năm trược tám khổ năng thiêu đốt thiện căn, ví như “không biết lửa”. Không biết các pháp ấm, giới, nhập là các dụng cụ gây khổ, ví như “không biết nhà”, không biết nguyên do tổn thất pháp thân, ví như “không biết vì sao bị tổn thất”. “Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi”, chỉ hai câu này là buông bỏ các lời khuyên là khổ, đều quay lưng lại ánh sáng, hướng đến chỗ tối tăm, ví như “chạy từ Đông sang Tây”, sinh tử qua lại nhanh chóng như ngựa chạy, trong đó khởi kiến ái, ví như “giỡn”. Tuy dự định dùng pháp Đại, mà chúng không theo Đại

giáo cho nên nói "nhìn cha mà thôi".

Từ "Trưởng giả liền nghĩ nhà này bị lửa lớn đốt cháy" trở xuống, là thí dụ dùng xe, phần hợp với mười một hàng kệ bên trên nói: "Ta liền nhớ Phật quá khứ hành phương tiện lực" . Văn trên có bốn, nay thí dụ cũng có bốn:

Một, là dùng ba xe dự định dẫn dụ, hợp với kệ bên trên: "Liền nhớ Phật quá khứ, cũng nên nói ba thừa".

Hai, là Thí dụ: "Cha biết tâm trước kia của các con, biết các thứ châu báu đồ chơi mà các con ưa thích", hợp với bên trên kệ nói "Lúc ta nghĩ thế đó, mười phương Phật đều hiện".

Ba, là Thí dụ Tán thán ba xe, hợp với "chánh thí tam thừa" bên trên kệ rằng: "Suy nghĩ việc đó rồi, liền đến Ba-la-nại".

Bốn, là Thí dụ Thích hợp sở nguyện con, hợp với trên nói "thọ hành ngộ nhập, đó gọi là chuyển pháp luân". Công Đại thừa giáo hóa là mạng của cha, đại thiện của chúng sinh là mạng của con. Đại thiện nếu tận, thì mạng con đoạn. Mạng con bị đoạn, thì công giáo hóa cũng phế bỏ, tức là mạng cha đoạn. Trước đã nói khổ thống thiết rồi nhưng chưa chết, nay nói "ắt là bị đốt cháy" tức có nghĩa chết.

Văn trên nói "nơi cửa của nhà cháy ra ngoài rất an ổn", nay nói "nếu không ra kịp thời thì sẽ bị cháy", nghĩa đây như thế nào? Trước nói được thoát ra an ổn, tức là pháp thân ra. Nay nói nếu không ra kịp thời, tức là ứng thân cùng nhanh chóng ra. Chúng sinh có thiện, thì cùng với ứng thân ra. Chúng sinh thiện bị đoạn, thì không cùng với ứng thân kịp thời ra, tức đều bị lửa đốt cháy. Nay muốn ứng thân thích hợp kịp thời khiến cho ra.

Từ câu:"Ta nay sẽ thiết lập phương tiện" tức muốn thi thiết quyền.

Từ "Cha biết tâm trước các con" trở xuống, là phần hai: nêu có căn cơ được độ. Những người kia xưa từng tu tập Tiểu pháp, là "biết tâm trước kia của các con", "tánh dục không đồng" là "biết các thứ châu báu đồ chơi mà các con ưa thích". Lại, biết chúng sinh xưa đã từng tu tập Đại thừa, nhưng chưa thuần thục, tu Đại thừa yếu đuối, nhàm chán lão bệnh tử cho nên dùng Tiểu thừa để tiếp dẫn, đó gọi là Tiểu mạnh, như Thân-tử lục tâm giữa đường thoái lui. Xưa từng tu tập theo Đại thừa, gọi là "biết tâm trước kia". Giữa nhàm chán lão bệnh tử, gọi là "các thứ mà các con đều ưa thích".

Từ câu "Mà bảo các con rằng" trở xuống là phần ba: Tán thán dụ ba xe hy hữu (hiếm có), hợp với trên nói "chánh chuyển pháp luân". Đây

có ba thứ là: Khuyến chuyển, Thị chuyển và Chứng chuyển. “Những thứ đồ chơi tốt đẹp hiếm có”... là Khuyến chuyển, “Các thứ xe”... tức là Thị chuyển, “Các con ở trong nhà lửa nên mau ra, cha đều sẽ cho các con tùy ý muốn” tức là Chứng chuyển.

Từ “Lúc bấy giờ các người con nghe cha nói” trở xuống là phần bốn: Thí dụ thích hợp sở nguyện của con, hợp với trên nói “thọ thành ngộ nhập”. Kệ trước bản lược, nay thí sự rộng, rộng nêu tu nhân đến quả.

Y vào sáu câu giải thích: Một, “Vừa ý mình” dụ cho cơ giáo tương xứng, đây tức là Văn tuệ. Hai, “Dũng nhuệ”(giỏi tinh tiến) tức là Tư tuệ. Tư duy tâm đồng lo nghĩ, là Tư tuệ phương tiện. Ba, “Xô đẩy lẫn nhau” Suy tìm bốn chân lý, “đẩy” lùi hàng phục kiến hoặc; Tà chánh chưa quyết, gọi là “lẫn nhau”, đây là nhập Tu tuệ, thuộc Noãn Đảnh vị. Bốn, “Đua nhau” là tranh lấy Lý thù thắng, đây là Nhẫn pháp vị tranh lấy lý thù thắng. Ban đầu quán ba mươi hai đế tranh đến chân đạo, sau thẳng quán đến Khổ pháp nhẫn. Năm, “Cùng” là vị Thế Đệ nhất pháp, đồng quán Nhất đế và Khổ pháp nhẫn bốn quán không sai biệt. Sáu, “Chạy nhanh”: Nhập Kiến đạo mười lăm tâm nhanh chóng kiến lý, dụ cho bên trên kệ nói: “Bèn có tiếng Niết-bàn”, trong Kiến đạo đắc Niết-bàn từng phần. “Tranh ra” là Tư duy đạo, tranh ra khỏi tam giới, thành quả vô học, đoạn tận tư duy rồi mới “ra khỏi nhà lửa”, tức dụ cho bên trên kệ nói “Cùng với A La-hán, Tên Pháp, Tăng sai khác”.

Giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán thẳng quán thật tướng, tâm pháp tương xứng gọi là “vừa ý mình” (thích hợp sở nguyện). Cảnh vô biên quán cũng vô biên, gọi là “dũng”(mạnh mẽ). Đối cảnh điều tâm lanh lợi, gọi là “nhuệ”. Tâm cảnh điều phục nhau, gọi là “xô đẩy lẫn nhau”. Tâm vương tâm sở duyên cảnh nhanh chóng, gọi là “cùng đua nhau chạy nhanh”. Thể nghiệm được khắp tất cả ấm giới nhập...thảy đều là thật tướng, gọi là “ra khỏi nhà lửa”.

“Lúc bấy giờ trưởng giả thấy các con...” là trong phần thứ ba: Biệt thí, thí dụ đồng ban xe lớn cho các con, dụ trên nói hiển tướng chân thật. Văn chia làm bốn phần:

1. Dụ cha thấy con khỏi nạn vui mừng. Văn trên (phẩm Phương tiện) nói: “Ta liền nghĩ thế này, sở dĩ Phật ra đời” đến “Nay ta vui vô úy” gồm hai hàng một câu kệ, làm cơ sở để thí dụ.

2. Thí các con đòi xe, dụ cho trên nói căn cơ Đại thừa phát. Văn trên từ “Ta thấy các Phật tử, quyết chí cầu Phật đạo, đều đem lòng cung kính, đồng đi đến chỗ Phật”, gồm hai hàng kệ làm cơ sở để thí dụ.

3. Dụ "Đồng ban xe lớn cho các con". Ba câu kệ bên trên: "Ở trong hàng Bồ-tát, chính bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng", làm cơ sở để thí dụ.

4. Dụ "Các con được xe vui mừng". Một kệ trên, từ "Bồ-tát nghe pháp này, đều đã trừ lưới nghi", làm cơ sở để thí dụ.

Trên trong phần Pháp thuyết, trước nêu cơ phát, tiếp nêu chướng trừ, đức Phật vui vô úy. Nay trong Thí thuyết, trước nêu thoát khỏi nạn, sau nêu xin xe. Nếu luận đủ nên dùng bốn câu:

1. Trước chướng trừ sau căn cơ phát, như bốn đại Thanh văn ở trong thời Tam tạng mọi chướng đã trừ, ở cuối thời Đại Phẩm đầu thời Pháp Hoa mới phát căn cơ Đại thừa.

2. Chướng chưa trừ, căn cơ Đại thừa phát, như trong thời Hoa Nghiêm và trong thời Pháp Hoa các chúng phàm phu đắc nhập Phật tuệ. Hai câu còn lại thì như trên đã nói. Nếu Đại cơ trước động, sau chướng trừ, thù như Phẩm Phương Tiện nói. Nếu trước trừ chướng, sau Đại cơ động, thì như nay nói. Cơ động chướng trừ hiện xen lẫn, cộng thành một ý. Lại, phẩm Phương Tiện nói "Phật vui vô úy", phẩm này nói "các con vui mừng", do con vui cho nên cha cũng vui, đây cũng bổ sung lẫn nhau, chung thành một ý.

Nói về sự thoát nạn, đầy đủ thì có hai nghĩa. Nghĩa là thoát nạn hoan hỷ, nếu con chưa thoát nạn thì cha rất lo buồn, nếu được thoát khỏi lửa thì tâm vui mừng, cho nên thoát nạn vui mừng được làm một ví du. Do con vui, nên cha cũng vui, được dụ cho Phật hoan hỷ.

"Ở giữa ngã tư đường" Xưa nói trừ bỏ bốn trược chướng thì như ở ngã tư đường thông suốt, lại trừ bỏ được một trược thì như "ngồi nơi đất trống". Nay nói không như vậy, năm trược chỉ nêu pháp cấu uế chướng ngại, chưa luận đến trị đạo, thì không nên ví như "ở giữa ngã tư đường". "Ngã tư đường" chính dụ cho Tứ đế, Tứ đế được xem như tên gọi khác của Tứ vệ (ngã tư). Tứ đế đồng hợp kiến đế, như đầu đường giao tiếp. Kiến hoặc tuy đã trừ, mà tư duy vẫn còn thì không gọi là ở đất trống. Tư duy dất chúng sinh đi trong ba cõi, tư duy dứt hết thì gọi là "đất trống". Trú quả không tiến cho nên gọi là "ngồi", không bị trói buộc vào Kiến Tư hoặc cho nên gọi là "thư thái an nhiên", tưởng là được diệt độ an ổn, cho nên gọi là "hoan hỷ".

"Đều thưa với cha rằng..." trở xuống là phần hai: thí dụ các con xin xe. Văn nói: Xin ban cho chúng con ba thứ xe báu. Văn không nêu chữ "sách" nghĩa là "đòi", dựa vào lời thỉnh nêu ý đòi xe mà thôi!.

Có người nói: Nhị thừa đòi xe, Bồ-tát không đòi, nêu mười vấn

nạn khó:

1. Hàng nhị thừa vượt ngoài tam giới đến chổ hứa cho xe mà đòi xe (dụ cho quả). Bồ-tát chưa đến chổ hứa, sao bỗng xin xe?

2. Kinh Đại thừa không có Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa, cho nên biết không đòi.

3. Sở hóa Bồ-tát từ sơ phát tâm cuối cùng đến Bổ xứ, đều là phàm phu chưa ra khỏi ba cõi, nghĩa là không đòi. Năng hóa Bồ-tát ba mươi ba tâm, Kiến hoặc khuynh đảo, Tư hoặc chưa hết. Ba mươi bốn tâm tức là Phật, Phật còn theo ai nữa mà đòi?

4. Nhị thừa quả tại chánh sử môn ngoại, Phật quả tại tập khí vô tri môn ngoại. Hàng nhị thừa đoạn tận chánh sư, không thấy xe, thế nên đòi, Bồ-tát chưa đoạn tập khí cùng vô tri, sao bỗng đòi?

5. Nêu rõ hai tức là phương tiện, thì có thể nói đòi. Văn nói: "Chỉ một sự này là thật, còn có hai tức chẳng phải chân" lấy đây mà suy thì chỉ có hai thì mới đòi, một thì không đòi.

6. Từ kinh Đại Phẩm về sau cho đến Pháp Hoa về trước, Phật nhân Phật quả đều là phương tiện. Giao phó gia tài cho cùng tử, đây là trân bảo, đều phải là phương tiện. Nếu giao phó gia tài là chân thật, thì trong kinh Đại Phẩm v.v... nêu Phật thừa. Đã là chân thật thù sao bỗng đòi nữa?

7. Kệ phẩm Phương Tiện trình bày xưa thuyết Tiểu là phương tiện, không ghi chép Đại là phương tiện, nên biết Phật tử Đại thừa chẳng phương tiện, sao bổng có đòi?

8. Nếu ba hạng người đòi, thì sao không lãnh giải? Vì không lãnh giải, cho nên biết là không đòi.

9. Cùng ban xe. Văn nói: "thấy các chúng sinh vượt thoát khổ tam giới được vui Niết-bàn, cho nên ban cho Đại thừa". Bồ-tát không chứng Niết-bàn, sao bỗng đòi?

10. Các con ngồi yên cho nên theo cha xin, hàng nhị thừa quả mãn không tu hành, cho nên ngồi yên có thể có đòi được. Bồ-tát thì hạnh chưa dứt, không ngồi yên, sao bổng đòi? Nay riêng dùng Tổng, Biệt để chuyên chở. Đòi là tên khác của cầu thỉnh, tại ý thì gọi là cầu đòi, tại miệng thì gọi là đòi thỉnh, tại thân thì gọi là đòi xin. Như người ngu tối cầu biết, người đói xin ăn, như người mê hỏi đạo. Phàm ở chổ không thông đạt, thì sao có lý không đòi? Do có đòi cho nên ban cho, ban cho cho nên hoan hỷ, nay văn có đủ thỉnh và hoan hỷ.

Trong phần Pháp thuyết, trong chúng một ngàn hai trăm người thì Thân-tử làm đầu, ân cần thưa thỉnh ba phen, trong chúng Bồ-tát thì ngài

Di-lặc làm đầu. Con từ khẩu Phật sinh thì số rất lớn, có đến tám vạn, chắp tay dùng tâm cung kính muốn nghe đạo đầy đủ. Ban đầu của phần Thí thuyết thì Thân-tử vì hạng trung căn mà thỉnh. Lại, tổng thì vì bốn chúng mà thỉnh, riêng vì hàng hạ căn mà thỉnh. Văn nói: "Lành thay Thế Tôn! Nguyện xin vì bốn chúng mà thuyết nhân duyên kia". Pháp thuyết nói rằng: "Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, đâu đặng không nói". Thí thuyết nói: "Nên dùng thí dụ làm rõ nghĩa này". Nhân duyên nói: "Ta và các ông có nhân duyên đời trước, ta nay sẽ nói". Cuối phần Pháp thuyết thì Thân-tử hoan hỷ. Nói Thí dụ xong thì Ca-diếp hoan hỷ. Nói túc thế nhân duyên xong thì Phú-lâu-na hoan hỷ. Lại hợp thí văn nói: Khiến cho các con kiếp số ngày đêm thường được cưỡi xe dạo chơi. Cho các Bồ-tát cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng. Do vui nên biết có cho, có cho nên có thỉnh. Cả ba vòng ba nghĩa sáng tỏ văn rõ ràng, vì sao thiên nói hai thì đòi một thì không đòi, Biệt chuyên chở một kia? Vì Tề Tam tạng nêu Bồ-tát không đoạn Hoặc, y Pháp Hoa có bốn câu: Nghĩa là chướng trừ đại cơ động, chướng chưa trừ đại cơ động, cơ động thì biết cầu xin.

Vấn nạn thứ hai nói: Kinh Đại thừa không có Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa. Đại Phẩm nói: người tam thừa đồng dùng đạo vô ngôn thuyết, đoạn phiền não, nhập Niết-bàn. Đoạn phiền não nhập Niết-bàn đã đồng, vì sao không đòi?

Vấn nạn thứ ba: Ba mươi ba tâm gọi là Bồ-tát. Ba mươi bốn tâm đoạn tận Tư hoặc, tức thành Phật, Phật thì theo ai nữa mà đòi? Đây cũng như nghĩa Tam tạng, thấy chướng chưa trừ mà đại cơ còn động, huống chi ba mươi ba tâm mà không động? Động, thì biết là đòi.

Vấn nạn thứ tư nói: Bồ-tát chưa đoạn tập khí vô tri, thì không nên đòi. Nếu đoạn tận thì thành Phật, mà Phật thì đòi ai? Đây là nghĩa Tam thừa Thông giáo, đủ trói buộc chướng tồn tại mà đại cơ còn động, huống chi tập khí còn sót lại mà không động ư?

Vấn nạn thứ năm nói: Chỉ một sự này thật, "thật" tức là chân, sao bỗng lại cầu xin? Hiểu được dứt đối đãi là duy nhất, ngoài một lại không có pháp. Xưa thì đối đãi với hai là duy nhất, tức ngoài một lại có pháp. "Nhất" danh đồng mà thể khác, như kẻ trong tối nhìn thấy mảnh sành, mắt cá mà cho là bóng trăng dạ quang. Đã ngu như thế đâu thể không cầu xin trí tuệ?

Vấn nạn thứ sáu nói: Bát-nhã về sau cho đến Pháp Hoa về trước, thì cùng giao phó tài pháp đồng, không nên có đòi? Ông không nghe Cộng, Bất cộng Bát-nhã? Bất cộng thì không cần xin, Cộng thì cần

xin.

Vấn nạn thứ bảy nói: Đầu phẩm Phương Tiện nói: "Xưa thuyết Tiểu là phương tiện mà không nói xưa thuyết Đại là phương tiện". Vì Đại không phải phương tiện, nên không đòi. Ông không nghe trong phẩm Thọ Lượng nói: "Ta lúc trẻ xuất gia chứng đắc Tam-bồ-đề, cho đến trung gian hoặc Tiểu hoặc Đại hoặc nói việc mình hoặc nói việc người khác đều là phương tiện của ta. Chư Phật cũng như vậy", đâu được không đòi.

Vấn nạn thứ tám nói: Nếu Bồ-tát đòi, thì Bồ-tát phải lãnh giải (hiểu biết), mà đã không lãnh giãi, cho nên biết là không đòi. Ông không nghe "pháp thuyết xong thì thiên long tứ chúng đều lãnh giải", kia chẳng phải Bồ-tát thì gọi là gì? Lại trong phẩm Pháp Sư nói: "Hàng tam thừa đều được thọ ký". Nếu không lãnh giải, thì sao bổng thọ ký?

Vấn nạn thứ chín nói: Vượt thoát khổ tam giới, được vui an ổn mới ban cho, mới có đòi. Bồ-tát chưa thoát, chưa chứng nên không đòi, cũng là nghĩa của Tam tạng đó thôi!

Vấn nạn thứ mười nói: Các con ngồi yên vậy mới ban cho xe. Hàng nhị thừa hành dứt, mới gọi là an tọa. Bồ-tát hành chưa dứt, nên chẳng an tọa, sao bỗng xin xe? Đây cũng là nghĩa trước đó thôi! Tự có hành dứt mới đòi, hành chưa dứt cũng đòi. Lại, Bồ-tát hành các hạnh, tức là vận chuyển các thừa. Thừa do đòi mà có được, sao nói là không đòi?

Bởi xem các điều xảo biện nêu trên liên quan đến Tam tạng, cho nên lập mười vấn nạn này. Các cái nhìn thiển cạn chỉ thấy một đốm, đều chẳng phải là đại thể. Vì vậy nay sẽ phân biệt thuyết: Tự có không đoạn Hoặc, không đòi xe, là Tam tạng Bồ-tát. Tự có đoạn Hoặc, đòi xe, là Thông giáo Bồ-tát. Tự có cũng đoạn Hoặc cũng không đoạn Hoặc, cũng đòi cũng không đòi, là Biệt giáo Bồ-tát. Tự có chẳng đoạn Hoặc chẳng không đoạn Hoặc, chẳng đòi chẳng không đòi, là Viên giáo Bồ-tát. Lại, trải qua năm vị: Nhũ vị có hai ý:

1. Cũng đoạn cũng không đoạn cũng đòi cũng không đòi.

2. Chẳng đoạn chẳng không đoạn, chẳng đòi chẳng không đòi. Lạc vị có một ý: Là không đoạn không đòi. Sinh tô đầy đủ bốn ý, Thục tô chỉ có ba ý, Đề-hồ một ý. Cương lĩnh rộng lớn, thâu tóm tất cả nghĩa kia như đây. Trong mỗi một câu mỗi một ý đều bao trùm bốn câu: nghĩa là chướng trừ, cơ động, chướng chưa trừ, cơ động, chướng cũng trừ cũng chưa trừ, cơ động, chướng chẳng trừ chẳng không trừ, cơ động. Tông này không kiến chấp một chẳng phải ba, rất đáng thương xót. Người đời

chấp số lượng xe không đồng, nói thể của xe không đồng, hoặc nói ban đầu thuyết (tam) ba xe, sau hợp hai qui một, hoặc nói ban đầu thuyết có ba, sau hợp ba qui về một, hoặc nói ban đầu thuyết có bốn, sau hợp ba qui về một. Do đó nên lấy ở trong kinh chớ tin người nói. Văn đây dẫn đức Phật xưa vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp Tứ đế, vì hàng Duyên giác thuyết mười hai nhân duyên, vì Bồ-tát thuyết lục Ba-la-mật pháp, nay Phật thuyết số lượng ba cũng như đây. Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ tám nói: Đức Phật vì hạng hạ căn thấp kém, chán thế gian muốn ẩn thân, mà dạy đạo Thanh Văn, vì hàng độn căn ưa Duyên giác mà thuyết Duyên giác đạo, vì hàng lợi căn có từ bi mà thuyết Bồ-tát đạo, vì hạng vô thượng ưa Đại sự mà thuyết vô lượng Phật pháp. Quyển ba mươi sáu lại nói: Ba pháp giải thoát mở ra Thanh văn thừa, pháp Vô tránh mở ra Duyên giác thừa, Lục độ tứ nhiếp pháp mở ra Đại thừa, Tri nhất thiết pháp mở ra Phật thừa. Lại, Địa thứ chín nói tướng Thanh văn thừa, tướng Bích-chi-phật thừa, tướng Bồ-tát thừa, tướng Như Lai thừa. Địa luận giải thích địa thứ hai, coi mười điều bất thiện là nguyên nhân rơi vào ba đường, mười điều thiện là nguyên nhân sinh trên cõi trời. Mười điều thiện trên cùng Tứ đế quán trí, hợp thành Thanh văn. Lại, mười điều thiện trên và không nghe từ người khác, quán trí, hợp thành Duyên giác. Lại, mười điều thiện trên và cụ túc thanh tịnh quán trí, hợp thành Bồ-tát địa. Lại thượng thượng thập thiện và nhất thiết chủng nhất thiết Phật pháp, hợp thành Phật.

Kinh Anh Lạc quyển mười ba nói: Chư Phật mười phương thuyết tam thừa, trong mỗi một thừa lại mở ra ba, hợp thành chín thừa. Chín thừa đều hội nhập đại bi bình đẳng. Thánh thuyết như thế, không nên dung thông, xen lẫn nhau thì chẳng phải phi pháp hủy hoại người, lỗi chẳng lớn ư? Nay căn cứ vào giáo mà phân biệt: Nếu nói tam thừa pháp môn là khác mà chân đế đồng, thì là Tam tạng giáo. Nếu nói pháp môn của tam thừa đồng, chân đế cũng đồng, thì là Thông giáo. Nếu nói tam thừa, ba lần ba là chín thừa, nếu nói tứ thừa cạn sâu giai cấp mỗi mỗi đều không đồng, mà đồng nhập đại bi bình đẳng, thì là Biệt giáo. Nếu nói ba thừa, chín thừa, bốn thừa, mỗi mỗi đều bình đẳng với đại tuệ tương ứng không hai không khác, thì là Viên giáo. Lại, trải qua ngũ vị phân biệt: Nhũ vị, chỉ nêu Bồ-tát thừa Phật thừa. Lạc vị, chỉ nêu khác tam thừa. Sinh tô vị, nêu đủ tam thừa tứ thừa cửu thừa, mỗi mỗi có phần hạn riêng không lẫn lộn nhau, Thục tô vị, chỉ trừ khác tam thừa, ngoài ra như Sinh tô. Trong Đề-hồ thuần thuyết Phật thừa, không còn thừa khác. Nếu biết được ý này, thì có thuyết khác cũng không ngăn

ngại, còn không biết thì chỉ tăng thêm sự tranh luận mà thôi! Người đời nói Phật thừa, thể thừa có khác. Ngài Quang Trạch chọn Phật quả cứu cánh, hai trí là Tận trí và Vô sinh trí làm thể của xe, vượt xuất ngoài năm trăm do tuần đối với xưa gọi là "cao", đủ bao hàm vạn đức đối xưa gọi là "rộng". Lại, trang nghiêm thủ nhân tổng nhiếp vạn hạnh làm thể, thượng cầu là "cao", hạ hóa là "rộng". Xưa không chọn công đức, vì công đức cùng đồng với phàm phu, chỉ chọn trí tuệ làm thể. Xưa lại chọn phước tuệ cùng làm thể. Văn nói: Thừa là ba xe. Dùng vô lậu căn lực, giác đạo thiền định giải thoát Tam-muội, mà tự vui thú, đâu chỉ riêng có trí tuệ ư? Lại, khi thì chọn "Hữu giải" làm thể "Không giải" không động cho nên không chọn, Tận trí và Vô sinh trí, tức Hữu giải. Lại, khi thì Tiểu thừa chọn "Không tuệ" làm thể. Văn nói: "Chúng ta từ lâu tu tập pháp không"... Đại thừa cũng dùng thật tuệ phương tiện làm thể của xe. Thể xe dụ cho hữu, vì hữu nên có vận động. Nay cho rằng các sư giải thích thể của Phật thừa mà đua nhau phỏng đoán, thì có khác gì những người mù rờ voi tranh luận đuôi hoặc ngà voi... Theo Ngài Thiên Thai Trí Giả thì thật tướng các pháp, chính là thể của xe, hết thảy các thứ bảo vật trang sức đều là những vật trang nghiêm. Cho đến trong văn "ban cho xe" được giải thích rằng: Xưa giải thích xe nhỏ Tiểu quả, quả có hữu vi vô vi công đức, chính chọn hữu vi để dụ xe vận chuyển, vận chuyển nhập vô dư, trong quả hữu vi có đủ phước tuệ, lấy tuệ làm chánh, phước là phụ thuộc cụ độ (đầy đủ độ). Tuệ kia có mười mà, tám trí thì thông nhân quả, còn hai trí là Tận trí và Vô sinh trí thì chỉ là quả vị, cho nên chọn hai trí này để dụ quả xe. Vì nghĩa ấy, cho nên xe ở ngoài cửa. Nếu y Đại Phẩm thì nói: Xe ấy từ tam giới xuất, đến trú trong Tát-bà-nhã. Nếu khi chưa xuất, thì đã cưỡi xe ấy tranh nhau ra khỏi nhà lửa, vì sao lại nói xe ở ngoài cửa? Nếu trước xe đã ở ngoài cửa, thì nhờ cái gì mà ra? Chỉ vì thừa thì thông nhân quả, ba mươi bảy phẩm đoạn Kiến Tư hoặc đều là nhân thừa, Tận trí và Vô sinh trí đều gọi là quả thừa. Chủ yếu do ở nhân thừa đoạn trừ Hoặc tận, mới được quả thừa Tận trí và Vô sinh trí, cho nên nói xe ở ngoài cửa. Chỉ vì quả là chính, nhân là phụ, căn cứ vào quả nên nói xe ở ngoài cửa. Nếu bên trong tu nhân đoạn Kết (phiền não), có nghĩa là vận chuyển, nên gọi là "thừa", thì quả bên ngoài chẳng có nghĩa vận chuyển, sao được gọi là "thừa"? Quả thì không có vận chuyển đoạn Hoặc, chủ yếu dùng Tận trí và Vô sinh trí nhập Vô dư Niết-bàn, mới là vận chuyển tốt. Nếu thừa từ nhân đến quả, thì ý gì mới lại đòi xe? Người xưa nói: có căn cơ đòi, và tình thức đòi. Căn cơ đòi, thì có thể hiểu. Tình thức đòi: Phật thuyết giáo

Tận Vô sinh, La-hán chứng quả này, rồi dùng thần thông thiên nhãn thử quán đời vị lai thì thấy còn biến dịch sinh tử rõ ràng, cho nên tự nghi chỗ chứng đắc Tận Vô sinh. Nếu thật vô sinh, thì làm sao thấy có? Như sự rõ ràng ấy thì xưa chẳng phải cứu cánh, trong tình theo Phật mà đòi điều mà trước kia Phật đã hứa cho, đó gọi là vì tình xin. Nếu tìm văn kinh, thì văn không có câu nói này. Nếu tìm nghĩa đòi, thì nghĩa không đúng vậy. Văn không có, nên có thể hiểu suy tìm ở văn dưới rằng: "Tự nơi mình sở đắc sinh tưởng diệt độ". Đã dùng thiên nhãn thấy có sinh tử, vì sao lại khởi tưởng diệt độ? Đây là tự tướng mâu thuẩn. Lại nữa, sau khi đức Phật diệt độ A-la-hán không gặp các Phật khác, thì không thể quyết liễu. Đã tự dùng thiên nhãn soi thấy sinh tử, thì đâu cần gặp Phật mới quyết liễu?! Lại, thiên nhãn của hàng Sơ thiền còn không thấy Nhị thiền, huống chi thấy Biến dịch. Thế thì trái ngược với Nhiếp Đại Thừa. Lại, La-hán đắc vô lậu nghiệp, dùng thiên nhãn thấy Biến dịch sinh tử quả báo đời vị lai, mà có người tu ngũ giới thập thiện có thể tự thấy quả báo vị lai kia. Nên biết quả báo ngoại giới đâu phải do thiên nhãn thấy? Không nên dùng đây để phán xét các yêu sách theo tình thức. Nay nói các yêu sách theo tình thức là: Ngày xưa y giáo cho rằng tận Vô sinh nhập Vô dư, nhưng ở trong thời Phương Đẳng thấy Bồ-tát bất tư nghì nghe Tịnh Danh bài xích. Nếu điều ta chứng đắc là thật, thì Đại Sĩ không nên gạt bỏ. Nếu ngã chẳng phải thật, thì Phật không nên thuyết chân. Cho nên nói mờ mịt không biết gì. Đến trong Đại Phẩm lĩnh hội Đại pháp, nghe điều này vui mừng tâm Đại thừa sinh khởi, mới muốn tiến tu Đại thừa mà không thể biết đắc cùng không đắc. Những điều này đều là nghĩa theo tình thức đã đòi Đại thừa. Cho nên, Thân-tử lãnh giải nêu lên nghi tình ngày xưa, thấy các Bồ-tát được thọ ký làm Phật, còn mình thì không can dự việc này. Than ôi! Tự trách, muốn đem hỏi Thế Tôn là "mất hay không mất?", tức là chỉ xưa trong thời Phương Đẳng đã có yêu sách theo tình thức. Nay thêm miệng cầu xin, tức nhân nghe các bài kệ đầu của Phẩm Phương Tiện, lược nghe Phật thuyết thảy đều là Phương tiện, tức còn chấp phương tiện này, nghi xưa chưa rốt ráo, cho nên nói: "Ta nay không biết nghĩa ấy về đâu?". Động nghi tình xưa kia, cho nên thốt lên ba phen thỉnh, cầu đòi điều thật mà Phật đã thuyết khi xưa. Vì căn cơ Đại thừa nên tình cầu đòi điều thật trước đây. Lại tình cầu Đại thừa, miệng hỏi pháp thật xưa, tức Lục độ Thông giáo theo lệ thường mà thôi!

Từ "Xá-lợi-phất! Khi đó..." trở xuống là phần thứ ba: Đồng ban xe lớn cho các con. Có hai chương, hai phần nói rộng, hai phần giải

thích:

l. Con bình đẳng.

2. Xe bình đẳng.

Vì con bình đẳng, cho nên tâm bình đẳng, dụ cho tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, Phật tánh đồng, cho nên đồng là con. Xe bình đẳng, do pháp bình đẳng cho nên không gì chẳng phải là Phật pháp, thí như tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn. Ma-ha-diễn đồng, cho nên đồng là xe lớn. Nói: "đều ban cho", là xưa đều tùy theo tu tập Tứ đế, Lục độ, vô lượng các pháp, xưa đều huân tập khai thị chân thật. Xưa huân tập không đồng, cho nên nói "đều". Đều là Đại thừa (Ma-ha-diễn), cho nên nói "xe lớn".

Từ câu: "Xe kia cao rộng" trở xuống, là phần nói rộng có hai:

1. Rộng nêu thể của xe.

2. Giải thích nguyên do có xe.

Trong phần Thể của xe trước hết trình bày cao rộng, tiếp nêu xe trâu trắng, sau nêu có tôi tớ hầu hạ. Giả danh "xe có tướng cao rộng", ví như tri kiến Như Lai sâu xa, ngang thì khắp pháp giới là biên tế, dọc thì thấu triệt cùng nguồn tột đáy tam đế, cho nên nói "cao rộng"; "trang sức bằng các thứ châu báu" dụ cho vạn hạnh trang điểm; "lan can bao quanh" dụ cho tổng trì giữ gìn vạn điều thiện, ngăn ngừa các điều ác; "bốn phía treo chuông" dụ cho dùng bốn biện tài để giáo hóa chúng sinh; "dùng màn lọng giăng che" dụ cho tứ vô lượng tâm, trong các đức từ bi là tối cao bao phủ tất cả; "dùng đồ báu đẹp tốt kỳ lạ mà trang sức" dụ cho vạn điều thiện chân thật trang sức từ bi này. Đại Kinh nói: "Tâm Từ nếu đầy đủ Thập lực, Vô úy, thì gọi là Như Lai từ, trong tâm từ hành bố thí..." "dây bằng báu kết" dụ cho tứ hoằng thệ nguyện kiên cố đại từ tâm, "các dãi hoa rũ xuống" là dụ tứ nhiếp thần thông... làm vui lòng cảm động chúng sinh, cũng dụ cho bảy giác vi diệu tươi đẹp, "nệm chiếu mềm mại trải chồng" dụ cho quán luyện huân tu, tất cả các thiền thứ lớp tiếp nhau uyển chuyển, "gối đỏ để trên", xe nếu vận chuyển đến đâu thì gối đỏ cũng theo đến đó, là dụ cho tức động mà tịnh, tức tịnh mà động. Trong xe có "gối" để cho đầu thân dựa vào nghỉ ngơi, là dụ cho Nhất hạnh Tam-muội là chổ dựa để nghỉ ngơi của Nhất thiết trí Nhất thiết hạnh, "Đỏ" tức là ánh sáng đỏ, là dụ pháp vô phân biệt, "dùng trâu trắng kéo" là dụ trí vô lậu Bát-nhã năng dẫn dắt đế duyên qua hết thảy vạn hạnh đến Tát-bà-nhã, "Trắng" là màu gốc, tức cùng bản tịnh vô lậu tương ưng. Thể đầy đủ vạn đức ví như "đẫy đà", không bị phiền não làm ô nhiễm như "sắc sạch". Lại, Tứ niệm xứ làm Trâu

trắng, trong Tứ chánh cần thì hai pháp thiện thế gian đầy đủ ví như "đẫy đà", hai ác thế gian tận, ví như "sắc sạch". Tứ như ý túc xứng với tâm của hành gỉa, ví như "thân hình đẹp đẻ", "Có cân lực lớn": "Cân" dụ cho ngũ căn trụ lập nghĩa năng sinh, "lực" dụ cho nghĩa ngũ lực hàng phục và có tài năng hữu dụng. "Bước đi chững chạc" dụ cho định tuệ quân bình, lại dụ bảy giác chi điều hòa quân bình, "phóng nhanh như gió" dụ cho hành trong bát chánh đạo thì nhanh chóng đến Tát bà nhã. "Đông tôi tớ" dụ cho những phương tiện Ba-la-mật năng khuất phục uyển chuyển, "theo người hầu hạ để cho người sai khiến" dụ cho các ma ngoại đạo nhị thừa hành Tiểu thừa, đều tùy phương tiện trí dụng. Kinh Tịnh Danh nói: "Đều theo hầu ta". Lại, quả địa thần thông vận dụng sai khiến tùy ý, tức là "tôi tớ theo hầu".

Tiếp "Vì cớ sao?" trở xuống, giải thích nguyên do có xe. Do gia tài giàu có, kho đụn đầy ngập, là dụ cho quả địa phước tuệ viên mãn, gọi là "giàu có vô lượng, các thứ kho tàng đều đầy ngập". Hành, chứa Lý, tất cả pháp hướng đến Đàn Ba-la-mật, Thi la Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật hướng đến không lỗi lầm, đó là căn cứ Hạnh nêu Như Lai tạng. Tất cả pháp hướng đến ấm, nhập, giới, căn, trần... là hướng đến không lỗi lầm, tức là căn cứ Lý nêu Như Lai tạng. Tự hành nơi Hạnh Lý này, gọi là "đầy", giáo hóa chúng sinh gọi là "ngập", Thật trí đầy đủ gọi là "đầy" quyền trí dụng gọi là "ngập". Nhập trung đạo gọi là "đầy", song chiếu cho nên gọi là "ngập". Chẳng những nhiều kho tàng lại đều đầy ngập pháp nào chẳng là Ma-ha-diễn? Cho nên Đại thừa vô lượng.

Từ "Ông nghĩ rằng" trở xuống, tức phần nói rộng về tâm bình đẳng. Văn có hai:

1. Tâm rộng lớn bình đẳng.

2. Giải thích.

Tâm rộng lớn bình đẳng, ấy là giàu có vô lượng, đối với các con không thiên vị, cho nên gọi là tâm bình đẳng. Nếu cha giàu mà chúng không phải con, hoặc là con mà cha nghèo thì không bình đẳng được. Nay vô số xe lớn bằng bảy báu, hoặc Giáo hoặc Hạnh đều là Ma-ha-diễn, tức tài của nhiều. "đều cho chúng nó, chẳng nên sai biệt", không thay đổi bản tập mà chỉ bày chân thật, như Thân-tử nhờ trí tuệ mà khai mở tri kiến Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp, Mục-liên nhờ thiền định mà khai tri kiến Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp. Các người khác cũng vậy. Lại Phương Đẳng Bát-nhã, Niệm xứ, Chánh cần, Căn, Lực, Giác, Đạo, các tên khác nhau nhưng đều khai thị thật tướng. Khắp tất cả pháp cũng như vậy, cho nên nói "vô lượng".

Từ “Vì sao...” trở xuống, giải thích hai nghĩa bình đẳng: Ban đầu, giải thích “tài vật nhiều có thể chu cấp cho người khắp cả nước huống chi chỉ các con”, là dụ cho nhân Đại Viên Giác khắp bao trùm thiện ác huống chi tri kiến Phật! Tiếp đến, giải thích các con bình đẳng: không phải con mà còn cho đủ huống chi là con! Dụ cho đối với chúng sinh vô duyên mà Phật còn độ, huống chi là Phật tử có duyên! Theo văn có thể biết.

Từ “Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn” trở xuống, là phần thứ tư: các con vui mừng vừa ý. Dụ cho trên nói “thọ hành ngộ nhập”, vốn cầu mong xe dê, xe hưu, xe trâu nước mong ra khỏi Phần đoạn sinh tử. Nay được xe trâu trắng, ra khỏi hẳn Biến dịch sinh tử, vượt quá sự mong muốn xưa, đâu không hoan hỷ?!

Từ “Ý ông nghĩ sao?” trở xuống, là phần thứ tư: không hư dối, dụ Pháp vương không hư vọng. Văn chia làm ba phần: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Thuật lại khen ngợi.

Phần một: Hỏi như văn. Từ “Xá-lợi-phất thưa” trở xuống, là phần hai: Đáp, có hai phần:

1. Vì thoát nạn, nên không dối. Cũng gọi là dùng trọng bỏ khinh, nên không dối.

2. Không trái bản tâm không dối gạt, cũng gọi là vượt quá điều mà chúng trông mong, nên không dối.

Mỗi phần lại chia làm ba:

1. Nêu chương.

2. Giải thích.

3. So sánh, kết.

Đây là phần một: Nêu khỏi nạn, như văn. Từ “Vì sao” trở xuống, là giải thích: mạng trọng thân khinh, toàn thân khỏi lửa rồi được đại bảo vật. Cứu mạng là trọng, đâu có dối. Kết: khỏi lửa tám khổ, toàn thân năm phần đã là đại bảo, huống chi ở chổ hai vạn đức Phật đắc Đại thừa tuệ mạng viên nhân thành tựu, khai Phật tri kiến, đâu thể là dối gạt. Từ “Thế Tôn! Dù ông trưởng giả” trở xuống ban đầu nêu không trái bản tâm, vốn biết không có ba, ý muốn cho không phỉ báng. Đã không phỉ báng, nên không trái bản tâm. Giải thích rằng: Vốn biết không Tiểu thừa ý muốn cho không phỉ báng để khỏi đọa vào đường ác. Đã không có cái nhân phỉ báng, thì không có quả rơi vào đường ác. Không cho xe nhỏ cũng không trái với ý muốn xưa. Kết luận: “Tự biết của cải nhiều vô lượng, muốn lợi ích cho các con nên đồng ban cho một thứ xe lớn” vượt quá sự trông mong trước, cho nên không dối. Kết chương trước nói:

"Phương tiện cứu giúp", dụ cho Đoạn đức thần thông lực. Kết chương sau nói: "Tài phú vô lượng" dụ cho Trí đức biện thuyết lực. Trước là, các con bình đẳng nên không dối gạt, sau là, các tài vật bình đẳng nên không dối gạt.

Từ "Phật bảo Xá-lợi-phất" là phần ba: Thuật lại khen ngợi. Văn chia làm hai phần:

1. Thuật lại.
2. Hợp thí.

Đây là phần một: Thuật lại. "Hay thay!" là thuật lại hai việc không dối kia. Hỏi: Đức Phật vì sao không tự nói việc đó là không dối? Đáp: Đức Phật hứa ba mà cho một, tự nói là không dối thì khó. Thân-tử nói việc đó không dối, vì tin nên dễ. Từ "Xá-lợi-phất Như Lai cũng lại như vậy" trở xuống là phần hai: Hợp thí. Ngài Quang Trạch khai mười thí dụ, chỉ hợp có bảy còn ba không hợp. Trong bảy, chính hợp có năm, và nghĩa thứ năm thứ tám, không hợp với thứ bảy thứ chín. Cho nên biết mười thí dụ tuy nhiều mà không hội chung. Nay hợp hai thí dụ Tổng và Biệt.

Phần (1): Hợp Tổng thí, có sáu: Nay văn đều hợp chung các phần nhỏ, không thứ lớp. Nay câu đầu, nghĩa thứ nhất hợp với nghĩa thứ nhất bên trên. Trên nói danh, hạnh, vị, hiệu, đức nghiệp của Trưởng giả hợp nói Như Lai cũng lại như vậy. Trước hợp vị hiệu, Như Lai vô lượng đức hiệu, lược nêu mười nghĩa như trên nói, "tất cả thế gian" là đem nơi chốn để định danh hạnh, trên nói: "quốc ấp tụ lạc", thẳng hợp nói "tất cả thế gian" tức chỉ chung tự thể cõi Đồng cư Hữu dư, đều là chỗ quả báo diệu sắc diệu tâm. Như Lai biến ứng ba chỗ, tức tất cả thế gian, hợp trên là quốc ấp tụ lạc vậy. "Ở nơi các sự sợ hãi..." là hợp trên tán thán đức trong ngoài của Trưởng giả. Trong là tuổi cao suy yếu, hiểu biết thấu đạt thì nhiều, dụ cho Như Lai trí đoạn. "Đối với các sự sợ hãi, vô minh hết hẳn không còn thừa", hợp trên nói suy yếu, hiển bày Đoạn đức. "Thành tựu vô lượng tri kiến", hợp với tuổi cao kia, hiển bày Trí đức. "Trí lực, vô sở úy..." hợp trên ngoại đức, giàu có vô lượng. "Thần lực" là tu sâu thiền định có thể đắc thần thông, hợp trên nói ruộng nương. "Trí tuệ lực" có trí ắt có chiếu cảnh, như chỗ của thân nương nhờ, hợp với trên nói Nhà. "Đầy đủ phương tiện Ba-la-mật" hợp trên nói "các người tôi tớ". Từ "Đại từ đại bi" trở xuống, là câu thứ hai hợp với nghĩa thứ tư trên, từ bi là gốc bố thí giáo hóa. "Tất cả" là năm đường. Hằng vì từ bi cứu giúp, hợp với trên năm trăm người. "Mà sinh vào nhà lửa..." là câu thứ ba hợp với nghĩa thứ hai trên, nói nhà ông trưởng giả. "Để độ chúng

sinh...” là câu thứ tư, hợp với nghĩa thứ sáu trên, chúng sinh có duyên thân cận được độ trước, hợp với ba mươi người con nói trên. “Sinh già bệnh chết...” là câu thứ năm hợp với nghĩa thứ sáu, dụ cho “bổng nhiên lửa bốc cháy”. “Dạy bảo cho họ khiến đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác” là câu thứ sáu hợp với nghĩa thứ ba trên, giáo năng thuyên lý, tìm lý khởi hạnh, tức đắc Bồ-đề. Cho nên biết Giáo Lý cùng dụng, hợp trên dụ chỉ có một cửa. Nếu giảng thuyết khiến trước sau có thể hiểu, mà nhất nhất cứ phải đề cao phẩm Phương Tiện như là gốc cho các thí dụ để so sánh đối chiếu thì về sau bỏ cái lệ như vậy.

Phần (2): Từ “(Ta) Thấy các chúng sinh” trở xuống, là Hợp Biệt thí. Biệt thí có bốn: Đây hợp thí dụ thứ nhất thấy lửa, dụ có ba ý: văn kia có bốn hợp cũng bốn. Trong thí dụ thì sự sợ hãi ở trước, các con đắm ưa đùa giỡn ở sau. Trong phần hợp, thì “không kinh, không sợ” ở trước, “dứt khổ, ban vui” ở sau. Xen nhau mà hiện, biết việc đó không nhất định. Nay dùng một chữ “Thấy”, là câu thứ nhất hợp với nghĩa thứ nhất trên nói mắt năng thấy, tức là Như Lai tịch chiếu trí nhãn năng kiến. Từ “Các chúng sinh bị sinh tử” trở xuống, là câu thứ hai hợp với dụ thứ hai trên nói “thấy lửa từ bốn phía khởi lên”. Trong đây nói rõ tám khổ là lửa, bốn khổ như văn. Tham đắm truy tìm, tìm cầu không được cho nên khổ, sau thọ khổ địa ngục, trên trời nhân gian thì ngũ ấm khổ, ái ly, oán gặp thì khổ như văn, đây là tám khổ. Từ tứ đảo, là bốn phía lửa cháy lên. Từ “Chúng sinh đắm chìm trong đó” trở xuống, là câu thứ ba hợp với dụ thứ tư trên nói thấy cảnh “lửa cháy mà các con không hay, không biết”... Do không quán Khổ, Tập cho nên “không nhàm chán”, không quán Đạo, Diệt cho nên “không cầu giải thoát”, “dầu bị khổ nhiều vẫn không lo lắng”, hợp trên nói “tâm không nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi”. Từ “Đức Phật thấy việc nầy rồi liền nghĩ rằng” trở xuống, là câu thứ tư hợp dụ thứ ba trên nói sinh “khởi kinh sợ”, hợp với ý trên: “ta dầu có thể ở nơi cửa của nhà cháy nầy ra ngoài rất an ổn”, “phải cứu chúng nó ra khỏi khổ nạn kia”, tức đại bi lực, “ban cho vô lượng sự an vui” tức đại từ lực. Từ “Đức Như Lai lại nghĩ” trở xuống, hợp với dụ thứ hai trên “bỏ ghế dùng xe”. Thí dụ trên thì có Khuyến có Giới, nay chỉ hợp Khuyến không hợp Giới. Trong phần Pháp thuyết cũng khuyến khích thiện mà không răn bảo ác. Cho nên khuyến tu là chánh, răn ác là phụ. Cũng là khuyến thiện tức là răn ác, răn ác tức là khuyến thiện. Nay hợp khuyến thiện, thì biết tức hợp răn ác.

Ở văn Khuyến bên trên có ba phần: dự định thích nghi, không căn cơ và thôi hóa độ. Phần Dự định thích nghi: ông Trưởng giả có thân tay,

vạt áo v.v... “Chỉ dùng thần lực”, hợp dụ trên nói lực của thân, “và trí tuệ lực” hợp dụ trên nói lực của tay. “Khen ngợi tri kiến Như Lai” hợp dụ vạt áo. “Lực vô sở úy” hợp dụ bàn ghế. Nếu như đức Phật ban đầu xuất hiện liền dùng các thứ như dự định này để độ chúng sinh, thì chúng không thể do đây được độ. Từ “Vì sao?” trở xuống, là giải thích không được độ, hợp dụ thứ hai ở trên: các con không chịu nhận lời khuyên. Chính do ngũ trược chướng nặng, “chưa tránh khỏi lửa sinh tử v.v...” thì không thể được vào Đại thừa vi diệu, cho nên văn nói: “làm sao có thể hiểu được trí tuệ Phật”. Một câu này hợp dụ trên nói “chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ”, nhỏ cho nên không thể hiểu được trí tuệ Phật. Không thể hiểu trí tuệ Phật, tức hành làm ý môn. “Như trưởng giả kia, tuy thân và tay có sức mạnh mà không dùng”, hợp dụ thứ ba trên: buông bỏ lời dẫn dụ tốt, vì không căn cơ, nên thôi không giáo hóa, hoặc sẽ bị rơi vào lửa cháy. Văn đây không có danh từ: “buông bỏ”, nhưng trong thí dụ và trong văn làm cơ sở cho thí dụ, thì ý thôi hóa rất rõ ràng. Văn thôi hóa độ có hai: Một là ghi chép ba thí dụ trước và sau, Hai là chánh hợp thôi hóa. Ghi một thí dụ trước chánh ghi chép hợp với ý thôi hóa, ghi chép hai thí dụ sau phụ thêm thành ý thôi hóa. “Dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng”, đây là ghi chép thí dụ bên trên: “tay thân cứu con không được”, để hợp với nghĩa thôi hóa độ. Đức Như Lai cũng thôi hóa Đại thừa. Từ “Chỉ ân cần phương tiện” trở xuống là ghi chép dụ cho ba xe. “Sau đều ban cho xe báu”... ghi chép thí dụ thứ ba trước đồng ban cho xe lớn: Từ “Đức Như Lai cũng lại như vậy” cho đến “mà chẳng dùng đến”, gồm mười sáu chữ trong bản Hán văn, chính hợp với ý thôi hóa thứ ba. Từ: “Chỉ dùng trí tuệ phương tiện” trở xuống, hợp dụ dùng xe cứu được. Văn trên có bốn, văn đây cũng chia làm bốn: “Chỉ dùng trí tuệ”... trở xuống, là hợp thứ nhất bên trên: dự định dùng ba xe. Từ “Vì chúng sinh thuyết tam thừa” trở xuống, hợp với ý thứ hai bên trên: biết tâm trước của các con. Từ “mà bảo rằng” trở xuống, hợp với ý thứ ba bên trên: tán thán ba xe hi hữu.

Trên có khuyến chuyển, thị chuyển, chứng chuyển, nay cũng hợp đủ nhưng không theo thứ tự. Thứ nhất, hợp thứ hai trên. “Các ông không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới...” là chỉ chỗ Tận trí và Vô sinh trí, “tam giới” là chỉ bày Khổ đế, “chớ tham đắm sắc... thô hèn” cho đến “sinh ái nhiễm” là chỉ bày Tập đế, “mau ra khỏi ba cõi” là chỉ bày diệt đạo, diệt đạo tức là chỉ bày ngoài tam giới có quả Tam thừa Trí Đoạn, cho nên khiến họ mau ra khỏi ba cõi sẽ đắc tam thừa. Tam thừa chính lấy đạo diệt làm thể. “Ta nay vì các ông mà bảo đảm việc đó quyết không

hư dối" là câu thứ hai hợp với ý thứ ba bên trên, quyết cùng chứng đắc không hư dối. Từ "Lại bảo: "các ông nên biết..." trở xuống, là câu thứ ba hợp với ý thứ nhất trên, tán thán việc hiếm có. Tam thừa như đây là phương tiện của chư Phật, là nghi thức dẫn dắt chúng sinh cho nên được các bậc thánh khen ngợi, đắc Vô sinh trí gọi là "tự tại", đắc Tận trí gọi là "không bị ràng buộc". "Sự sinh ra ta đã tận, không còn bị thọ thân đời sau" gọi là "không còn nương tựa", việc làm đã xong phạm hạnh đã lập, gọi là "không còn tìm cầu". Từ "Nếu có chúng sinh nào trong có trí tánh" trở xuống, hợp với thí dụ thứ tư nói phù hợp sở nguyện của con. Trên có bốn địa vị Chân thật, Tương tợ v.v... nay hợp cũng bốn, nhưng trên Tổng, đây Biệt. Tam thừa đều chia làm bốn, đều dẫn thí dụ trên đến nay ghi chép hợp. "Trong có trí tánh" tức xưa kia tu tập tam thừa và ưa muốn, trở thành trí tánh tam thừa cho nên đức Phật dạy giáo tam thừa. "Trong có trí" cho đến "theo Phật nghe pháp tín thọ", là hợp dụ trên nói "nghe cha nói cho những đồ chơi tốt đẹp phù hợp sở nguyện của con", hợp với Văn tuệ trên. "Ân cần" hợp trên nói "tâm đều mạnh mẽ" là Tư tuệ, "tinh tấn" hợp trên nói "xô đẩy"(suy bài). Suy là suy lý, bài là bài bác ác. Ác trừ cho nên "tinh", lý sáng cho nên "tấn", hợp với Tu tuệ bên trên. "Muốn mau ra khỏi"... hợp với trên "cùng đua nhau ruổi chạy", "đó gọi là Thanh văn thừa" hợp vơi vị thứ tư bên trên: "tranh ra khỏi nhà lửa". Tam thừa tu hành đều có bốn thứ này. Bích-chi-phật "cầu tự nhiên tuệ", Bích chi là người hành theo pháp, là ít theo người khác nghe pháp, phần nhiều tự suy tìm nghĩa, cho nên chọn dụ như xe nai, nai không nương người. "Tự nhiên", là từ cửa mười hai duyên mà vào, cửa này vốn tự có, chẳng phải do Phật hay trời người làm ra, cho nên gọi là "tự nhiên tuệ", không do nghe từ người khác, gọi là "tự nhiên tuệ". Bồ-tát gọi cửa đó là Nhất thiết trí, không đồng hàng nhị thừa thì mới là Phật trí. Bồ-tát mong tu nhân này, tức là ý xe lớn và vận chuyển.

Từ "Như trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa" trở xuống là hợp dụ thứ ba bên trên: đồng ban xe lớn. Văn trên có bốn nghĩa:

1. Thoát nạn.
2. Đòi xe.
3. Đồng ban cho.
4. Vui mừng.

Nay lược không hợp với nghĩa thứ hai và thứ tư, chỉ hợp nghĩa Thoát nạn có cả Đòi xin xe, và hợp nghĩa Đồng ban cho có cả Vui

mừng. Nay ghi chép hai dụ Thoát nạn và Ban xe, rồi sau hợp hai thí dụ. "Như trưởng giả kia" trở xuống, là ghi chép Thoát nạn. "Ông tự nghĩ: ta của giàu vô lượng" trở xuống, là ghi chép Đồng ban cho xe. Từ "Như Lai cũng như vậy" trở xuống, là hợp dụ Thoát nạn. "Cửa" có ba nghĩa: Nghĩa nhập, nghĩa xuất, nghĩa biệt. Nếu như ba cõi là nhà lớn rộng (trạch), ngũ ấm là quán trọ (xá), thì do mê sắc tâm mà nhập sắc tâm, tức là vào nhà mà sinh tử là cửa. Nếu xuất ra khỏi nhà là xuất khỏi ba cõi, thì theo Thông giáo của Phật, lấy sở thuyên làm cửa. Nếu nghĩa Biệt, thì theo Biệt giáo của Phật lấy sở thuyên làm cửa. Nay nói "cửa Phật giáo" chính là hai giáo: Tạng giáo và Thông giáo, mà Lý trong hai giáo đó cùng làm cửa để ra khỏi ba cõi mà thoát nạn. Từ "Bấy giờ đức Như Lai liền nghĩ" trở xuống, là hợp dụ đồng ban cho xe. Trên nói đồng ban xe thì trước là nêu hai chương môn.

1. Phần nói rộng.

2. Giải thích xuất ra.

Nay hợp thì lược bớt, vì văn ít nên không có thứ lớp. Từ "Đức Như Lai khi ấy liền nghĩ ta có vô lượng trí tuệ, lực" trở xuống, là câu thứ nhất hợp với ý thứ tư bên trên: nguyên do có xe. Trên nói: "của giàu có vô lượng các thứ kho tàng đều đầy ngập". "Các chúng sinh này đều là con của ta" là câu thứ hai hợp với ý thứ năm trên, nói "tâm rộng rãi bình đẳng", trên nói "của cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu mà cho các con". "Chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sinh diệt độ", đâu chẳng hợp với nghĩa tâm bình đẳng? "Những chúng sinh đã thoát khỏi ba cõi đó", là câu thứ ba hợp với chương môn thứ nhất trên nói tâm bình đẳng, trên nói: "đều đồng ban một thứ xe cho các con". "Pháp thiền định giải thoát của chư Phật..." là câu thứ tư hợp với chương môn thứ hai: nêu xe. "Đều là một tướng một loại" là câu thứ năm hợp với ý thứ ba bên trên, chính là rộng nói về xe lớn, cùng hợp với nghĩa "cao rộng" bên trên cho đến "lại có đông tôi tớ theo hầu hạ". "Một tướng" là thật tướng, tức là Pháp thân. "Một loại" là chủng trí, Bát-nhã năng sinh lạc tịnh diệu, "lạc" tức không còn khổ, gọi là Giải thoát. Tam đức cao rộng đầy đủ trang nghiêm, thu nạp các đức, gọi là Ma-ha-diễn, hợp dụ xe lớn bên trên.

Từ "Như trưởng giả kia ban đầu dùng ba xe dẫn dụ con" trở xuống, hợp với thí dụ thứ tư không dối gạt bên trên. Phần đáp ở trên có hai:

1. Toàn thân mạng.

2. Không trái bản tâm.

Mỗi phần có ba ý. Nay chỉ hợp phần Không trái bản tâm bao gồm

đắc toàn thân. Vì sao bản ý của Phật là trừ ngũ trược kia! Ngũ trược đã tận, thì đại thiện tự đầy đủ.

Trên nói về Không trái bản tâm có ba ý:

1. Nêu.

2. Giải thích.

3. So sánh.

Nay chỉ hợp giải thích và hợp so sánh. Ban đầu nêu ba xe để dẫn dụ, sau ban cho xe lớn. Tiếp, hợp với "đức Như Lai ban đầu thuyết tam thừa dẫn dắt chúng sinh, rồi sau chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát", đây là hợp giải thích Không trái bản tâm, trên nói trưởng giả suy nghĩ ta nên dùng phương tiện khiến cho các con được ra khỏi. Từ "Vì sao?" trở xuống, hợp ý thứ ba trên, nói so sánh vượt ra khỏi không dối gạt, tức là "trưởng giả tự biết của giàu vô lượng muốn làm lợi lạc cho các con", cho nên hứa ba cho một chẳng phải là dối gạt. Đây giải thích có chút ít sai khác đối với trước. Trước ý là khiến các con thoát ra được, ý không ở chỗ ba xe, đã ra khỏi mà không cho ba xe thì cũng chẳng phải dối gạt. Nay nêu rõ Như Lai xuất thế vốn muốn thuyết Đại, nhưng vì hàng tiểu trí ưa đắm ba cõi, cho nên dùng phương tiện dẫn dắt mới được ra khỏi, đã ra trở lại ban cho Đại thừa tức xứng hợp với bản tâm, cho nên nói "có thể ban pháp Đại thừa cho tất cả chúng sinh, chỉ vì chúng sinh không thọ được hết". Nếu trong thời Hoa Nghiêm, thì có thể thọ, tức là ban cho Đại thừa không đợi khai một làm ba. Vì không thể thọ, cho nên "các đức Như Lai dùng sức phương tiện ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba". Nói thành ba đó là do chúng sinh, chẳng phải bản ý của Phật. Cho nên, dùng đây để giải thích "Không trái bản tâm, không dối gạt" vậy.

■

VĂN CÚ DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6
(Phần Thượng)

Phần thứ hai: Kệ có một trăm sáu mươi lăm hàng, chia làm hai phần: Phần một: một trăm hàng, tụng phần trường hàng bên trên. Phần hai: sáu mươi lăm hàng, nêu phương pháp lưu thông kinh.

I. Văn trường hàng trên có khai thí hợp thí, kệ tụng cũng có hai: l. Sáu mươi lăm hàng rưỡi, tụng khai khí; 2. Ba mươi bốn hàng rưỡi, tụng hợp thí. Sáu mươi lăm hàng rưỡi cũng chia hai:

l. Ba mươi ba hàng kệ, tụng Tổng thí.

2. Ba mươi hai hàng rưỡi, tụng Biệt thí.

Tụng Tổng thí có sáu ý, trong sáu ý chỉ tụng bốn ý mà bao gồm hai ý kia. Tụng nhà thì bao gồm ý chỉ có một cửa. Tụng năm trăm người thì bao gồm ý ba mươi người con.

Một câu đầu nêu trưởng giả, tức tụng vị hiệu trên, tức gồm cả danh hạnh tán thán đức, đã có đức của người lớn, tức biết danh hạnh vang khắp, được mọi người trong nước tôn kính, cũng biết đức độ tuổi tác trong ngoài đều cao, trong hợp với Bà-già-bà (Phật), tức vị hiệu, tự biết đầy đủ Trí đức Đoạn đức, từ bi vạn đức.

"Có một một nhà rất lớn"... trở xuống, ba hàng và một câu, là tụng dụ thứ hai bên trên nói về nhà, chia làm hai: Một câu đầu tụng nhà rộng lớn. "Nhà đó đã lâu, cũ" xuống ba hàng là rộng nêu ra thể của nhà nêu rõ tướng nhà cháy, cho nên biết đây là thể của nhà. Ba cõi từ vô thủy là "lâu", chẳng phải nay mới tạo, gọi là "cũ". Vô thường thấp kém, gọi là "xấu xa". Cũng nói đầu, bụng, lưng là "phòng, nhà". Niệm niệm tương tục vô thường gọi là "cao, nguy". Có người nói Sắc giới là "phòng", Dục giới là "nhà". Không tránh khỏi rơi xuống gọi là "cao, nguy". Mạng căn chống đỡ giữ gìn, như "gốc cột". Quá khứ hành nghiệp là "nền móng". Cũng nói: hai chân là "gốc cột", ba tướng biến đổi là "gãy mục", ý thức ràng buộc dụ như "trính xuyên", các khổ hủy hoại như bị "xiêu vẹo". Cũng nói xương sống là "trính xuyên", mạch máu là "nền móng", khi

suy yếu già cả là "nát rã". "Vách phên", có người nói bốn đại là "vách phên", lớp da bọc ngoài là "đất bùn". Bốn oai nghi bất chính là "sụp đổ". Năm thức không thông minh, không làm chủ cảnh, là "rời khớp". Cũng nói "vách phên sụp đổ" như lớp da nứt nẻ, mục nát, sắc tráng kiện tốt đẹp sạch sẽ ví như đất bùn còn ướt, già cả ví như bùn khô rơi lả tả, râu tóc già suy thì đều rơi rụng, như "tranh lợp sa tán loạn", gân cốt già yếu chi tiết không níu kéo được ví như "kèo đòn tay rời khớp, bốn bề đều cong vẹo (Chuyên lữ sai thoát, Chu chướng khuất khúc)". Ẩn sư nói: Ba mươi sáu vật không hợp nhau làm chướng ngại cho nên nói "chu chướng", ruột già, ruột non chằng chịt uốn khúc nên nói "khuất khúc". Chẳng những vô thường biến đổi mà cũng có bất tịnh khổ... cho nên nói "tạp uế đầy khắp". Nay nói "chu chướng" là sáu thức, "khuất khúc" là sáu căn. Sáu thức duyên sáu căn chấp cảnh, khó khăn nguy hiểm cho nên nói "khuất khúc". Sáu trần nhiễm sáu căn, cho nên nói "khắp đầy những tạp dơ". Nhân duyên, Quán tâm hai phen giải thích.

Nửa hàng kệ nói: "Có đến năm trăm người" trở xuống, tụng ý thứ ba của thí dụ trên: "Năm trăm người". Căn tánh Tam thừa là năm đường sở nhiếp, bao gồm dụ ba mươi người con.

Từ "Chim sí hiêu" trở xuống,có hai mươi chín hàng kệ, chính tụng ý thứ năm của thí dụ trên: lửa bốc cháy.

- Đây lại chia làm bốn phần:

l. Hai mươi hai hàng kệ, nêu việc trên đất, dụ cho cõi Dục bốc lửa.

2. Ba hàng rưỡi, nêu việc trong hang huyệt, dụ cho cõi Sắc bốc lửa.

3. Hai hàng rưỡi, nêu việc trên không, dụ cho cõi Vô sắc bốc lửa.

4. Một hàng kệ, tổng kết nhiều nạn không phải một.

- Đây nói cõi Dục bốc lửa, lại chia làm bốn:

1. Mười bảy hàng rưỡi, nêu loại bị thiêu, dụ mười sử của chúng sinh.

2. Một hàng kệ, nêu nguyên do lửa bốc cháy, dụ nguyên do sinh khởi ngũ trược.

3. Hai hàng, chính nêu sức mạnh của lửa bốc cháy, dụ chánh khởi ngũ trược.

4. Một hàng rưỡi, nêu tướng bị cháy, dụ cho thọ bát khổ ngũ trược.

- Mười bảy hàng rưỡi ấy lại chia làm hai:

a. Mười sáu hàng đầu, chính nêu cảnh bị cháy.

b. Một hàng rưỡi tiếp, tổng kết.

- Mười sáu hàng tụng cảnh bị cháy lại có hai:

a.1. Sáu hàng nêu cầm thú bị thiêu, dụ năm độn sử của chúng sinh

a.2. Mười hàng tiếp nêu rõ quỷ thần bị thiêu, dụ năm lợi sử của chúng sinh.

- Năm độn sử chia làm hai:

1. Năm hàng rưỡi, nêu năm độn sử.

2. Nửa hàng, tổng kết

- Đây là phần đầu, năm độn sử chia làm năm:

1. Nửa hàng đầu, dụ Mạn sử, chúng sinh tự nâng mình khinh người, như tánh của chim chích trên cao nhìn xuống. Tám loại chim dụ cho tám mạn. Kinh Văn-thù Vấn nêu rõ tám kiêu, nay dùng phối hợp với tám loại chim. Mạnh mẽ kiêu ngạo như chim "Sí", tánh kiêu ngạo như chim "hiêu", giàu có kiêu ngạo như "điêu", tự tại kiêu ngạo như "thứu", thọ mạng kiêu căng như chim "quạ", thông minh kiêu ngạo như "chim thước", hành thiện kiêu căn như chim "cưu", sắc đẹp kiêu căng như chim "cáp". Xâm lấn hiếp người khác là kiêu, tự tôn quý mình là kiêu, tự yêu mình là tham, ái người khác là dâm, tự phẫn hận là nhuế, phẫn hận người khác là sân, tự mê hoặc là ngu, mê hoặc người là si...

2. Nửa hàng tiếp, từ: "Loài ngoan xà..." dụ cho Sân sử. Sân có ba: Rắn "Ngoan" có độc mạnh, không xúc chạm mà phun độc, dụ cho phi lý sinh sân, loài "phúc yết (bọ cạp)", xúc chạm thì chích nọc độc ngay dụ cho chấp lý mà sân. Loài "ngô công (rít)" dụ cho hý luận sân. Người đời nói loại có cổ màu đỏ thì gọi là "ngô công", cổ không đỏ thì gọi là "du diên".

3. Hai hàng tiếp, từ: "Loài thủ cung"... trở xuống, dụ cho Si sử. Si có tự mình khởi, tương ưng khởi. "Loài thủ cung" có một trăm chân, ngu si, dụ cho Độc đầu vô minh. "Vượn, chồn và chuột" dụ cho Tương ưng vô minh. "Các loài độc trùng dữ" do từ căn bản si sinh khởi các kết, nêu các sử tương duyên, hoặc duyên tam giới như "ngang dọc xen", khởi lên nhanh chóng như "ruồi chạy". "Chỗ phân tiểu" trở xuống, một hàng nêu cảnh tâm si chấp đắm, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, do si mê không hiểu biết nên ở trong đó mà chấp là tịnh v.v... sinh nhiễm đắm cho nên gọi là "Các loài trùng khương lang, bu nhóm ở trên đó".(Khương lang là con bọ hung).

4. Hai hàng tiếp: "Cáo, sói ..." nêu rõ Tham sử. Tham có hai loại:

a. Hữu lực (có sức): là dùng uy thế đoạt lấy như loài "cáo sói".

b. Vô lực: chỉ có thể theo người khác để cầu xin những thứ bỏ xấu,

như loài "dã can".

"Gặm nhấm" là nêu tham chấp cảnh, dẫn vật hướng về mình, ví như "gặm nhấm". Không dùng đạo lý, ví như "dày đạp". Tham tâm chấp cảnh, hoặc chấp một thành, hoặc chấp một nước, kia có bờ ruộng, ví như "cắn xé". Cũng nói tham tâm chấp cảnh có dụng không dụng, có dụng nên chấp, ví như "gặm nhấm", không dụng mà chấp, ví như "dày đạp". Lại, ít thì "gặm nhấm", nhiều thì "dày đạp". "Xương thịt bừa bãi ra" là tích tụ ngũ trần không biết dừng đủ. "Do đó mà bầy chó đua nhau đến ngoạm lấy", đây là tham có sức. "Ngoạm lấy không có sức" là dụ cho giặc vua. "Ốm đói và sợ sệt": thường không biết đủ, ví như "đói"; cầu mà không được, ví như "ốm"; mưu tính đủ thứ tìm kiếm, ví như "sợ sệt". Nên nói: người tham muốn nhiều thì dù giàu mà nghèo vậy. Ái tâm tham, tham "thịt" ngũ trần. Kiến tâm tham, tham "xương" đạo lý. Tìm cầu tri kiến cho nên nhiều sở giải, tức là "nhiều xương" nên bầy chó đua nhau đến ngoạm lấy xương kia. Các kiến giải trong tâm thì chưa ăn được chánh pháp, gọi là "đói". Không thể hàng phục đoạn kiến, gọi là "ốm". Ở khắp nơi tìm cầu sự giải thoát, gọi là "sợ sệt". Có người nói: "Ốm đói và sợ sệt" là dụ cho người tham hay mong cầu nhớ tưởng hy vọng trông mong.

5. Từ "Giành giựt cấu xé nhau" trở xuống, hai câu dụ do Nghi sử. Do dự hai bên, gọi là nghi. Chưa quyết định phải trái, gọi là "giành giựt"; ý cho là đúng, gọi là "cấu"; lại cho là sai, thì gọi là "xé". "Gầm gừ gào sủa rân", là phát ra lời nói quyết định lý phải trái.

Hai câu tiếp theo: "Nhà đó sự đáng sợ..." là tổng kết ngũ độn sử bên trên.

Từ "Khắp chỗ đều có những" trở xuống, mười hàng nêu Ngũ lợi sử, chia làm hai: Nửa hàng đầu, tổng nêu lợi sử. Lợi sử duyên khắp năm ấm Tứ đế, cho nên nói khắp mọi nơi đều có. Quỷ thần thì có thần thông có trí, loài cầm thú thì không, cho nên dùng "lợi sử" dụ cho "quỷ thần", "độn sử" dụ cho "cầm thú".

- Chín hàng rưỡi tiếp, nêu chi tiết năm lợi sử chia làm năm:

1. Ba hàng đầu nêu "Dạ-xoa" là Tiệp-tật quỷ, ví như tà kiến bác không nhân quả. Người là quả báo thiện, ví như nhân quả xuất thế, không xen lẫn phiền não. Vì chúng bác không nhân quả, tức như ăn thịt người. "Các loài trùng độc dữ" là ác báo, như nhân quả thế gian xen lẫn các phiền não, bác bỏ không có lý này thì như ăn nuốt các loài độc dữ. "Ấp, cho bú sản sinh" là pháp thế gian, từ nhân tự loại mà sinh quả tự loại. "Đều tự giấu, giữ gìn" tức nhân năng có quả gọi là cất "giấu";

chắc được không mất, gọi là “giữ gìn”. Lại, ăn thịt người là thiện độc, trùng độc là ác. Tâm tà kiến bác bỏ không có nhân quả thiện ác, ví như việc nuốt ăn. “Ấp, cho bú sản sinh” là tổng nói thiện ác đều có cái dụng của nhân quả tương sinh. “Ăn đó no nê rồi” là kiến tâm thành tựu. “Tâm hung dữ thêm hăng”, tà kiến tăng rộng. “Tiếng mắng đánh chửi nhau”, là trong tâm thành tựu, bên ngoài hiện rõ ngôn giáo tức là tuyên bày pháp không nhân không quả, có thể khiến cho người nghe đọa lạc ba đường, cho nên nói “rất đáng sợ”.

2. Hai hàng rưỡi tiếp từ: “Những quỷ Cưu-bàn-trà” trở xuống dụ do Giới thủ. Cưu-bàn-trà là quỉ thắng, ví như hữu lậu thiện năng thắng các độc trùng. “Ngồi xổm trên đống đất” là tu thập thiện giới năng sinh cõi trời Lục dục, là chỗ cao của Dục giới. Sự như “trên đống đất”. Lại, ngoại đạo trì giới năng tu thiền định, ban đầu đắc định Dục giới hoặc đắc định vị lai, định vị lai chưa thoát khỏi Dục giới. Trên đỉnh Dục giới ví như “trên đống đất”. “Hoặc cách đất một thước hai thước”, đắc định Sắc giới như “cách đất một thước”, đắc định Vô sắc giới như “cách đất hai thước”. Đắc lên các cõi trên, gọi là “đi qua (vãng)”, thoái lui rơi xuống gọi là “đi lại (phản)”. Khởi lên các Kiến chấp, che lấp tâm thanh tịnh, ví như “Buông lung cùng chơi giỡn, nắm hai chân của chó”. Có người nói: hủy báng không có nhân khổ, ví như “nắm lấy hai chân của chó”; Bác không có quả khổ, ví như “lấy chân đạp lên cổ”. Tập nhân xưa trổ quả, ví như “âm thanh chó”. Lợi kiến bác bỏ, nói lý “không tập nhân, không đắc quả khổ”, ví như “Đánh cho la thất thanh”.

Giải thích theo Quán tâm: tu hành sáu quán hàng phục tâm tham. Tham không hành tựa như bị đoạn mất âm thanh(thất thanh), “chó” là dục tham, “hai chân” là giác quán. Giác quán qua lại thường ở nơi cảnh tham. Quán sổ tức, nghĩa là đình chỉ tâm năng trói buộc, là nắm được giác quán. Lại “đánh” là giác tham, nếu mạnh thì hướng đến cảnh bất tịnh, cho nên quán bất tịnh để hàng phục tham giác. Tham giác bẻ gãy hàng phục, ví như chó bị đánh vì vậy “la thất thanh”. Lại, nói quán bất tịnh ví như “đánh chó”, có thể sinh thiền định như chó bị “đánh cho la thất thanh”. “Đè chân lên cổ” như chó bị đánh mà còn vùng vẫy không phục, nên đè thêm chân. Cũng vậy, tham tuy dùng quán bất tịnh để đình chỉ, nhưng tham vẫn còn vẫn chưa tĩnh, lại dùng quán vô thường ví như “chân” để đè lên cổ, “cổ” dụ cho chấp thường, thì sinh sợ hãi thì tham giác không khởi. Lại nói: một khi hướng về chế phục tâm, ví như hướng xuống đất mà “đánh”. Thường buộc tại duyên, ví như “chân đè lên cổ”, khiến không khởi được. “Làm chó sợ để tự vui”, là do tu vô

thường giác ngộ tham tâm, ví như “làm chó sợ”, do vậy đắc thiền vị, gọi là ”tự vui”.

3. Một hàng rưỡi, từ “Thân nó rất cao lớn” trở xuống, dụ cho Thân kiến. Theo chiều dọc, đời chấp ngã cả ba đời, gọi là “trưởng” (cao), theo chiều ngang chấp ngã khắp ngũ ấm, gọi là “đại” (lớn). Chấp ngã tự tại, không tu thiện pháp, tức không biết tàm quý cho nên nói “loã hình”. Dùng pháp ác để trang nghiêm, cho nên nói “hắc” (đen), không nuôi dưỡng công đức, cho nên nói “sấu” (xấu xí). Người chấp ngã thì không ra khỏi ba cõi, cho nên nói “thường trụ ở trong đó”. Chấp ngã tại tâm, phát ra lời nói có ngã tướng, cho nên gọi là: “rền tiếng hung ác lớn”. Hy vọng do nói như thế mà đắc đạo quả, cho nên nói “kêu la tìm món ăn”.

4. Nửa hàng, từ “Lại có các giống quỉ” trở xuống, dụ cho Kiến thủ. Cổ rất nhỏ tưởng chừng nguy hiểm đến sinh mạng mà vẫn bảo đảm thọ mạng, phi tưởng vô thường mà chấp Niết-bàn, cho nên nói “cổ nó nhỏ bằng kim”.

5. Hai hàng tiếp, từ “Lại có các giống quỷ, Đầu nó như đầu trâu” trở xuống, dụ cho Biên kiến, suy tìm ngã đoạn thường. Nhị biên đoạn thường như đầu trâu có hai sừng, vì thân là Ngã, hay Ngã là thân, dựa vào Ngã kiến khởi biên kiến, ví như đầu có hai sừng. Lỗi chấp đoạn thường, năng đoạn thiện xuất thế, ví như “ăn thịt người”; hay đoạn thiện căn thế gian, cho nên nói “hoặc lại ăn thịt chó”. Hoặc có khi chấp thường, hoặc lại chấp đoạn, trước sau xoay chuyển, ví như “đầu tóc rối tung lên”. Chấp thường tức phá đoạn, chấp đoạn tức phá thường, ví như “Rất tàn ác hung hiểm”. Không có trí, định,ví như không có thức ăn thức uống để tự nuôi sống, nên nói “Bị đói khát bức ngặt”.

Một hàng rưỡi sau, từ “Dạ-xoa cùng quỷ đói” trở xuống, tổng kết tướng phiền não cõi Dục giới, cũng là tổng kết tướng lợi độn của chúng sinh. Đều là tâm hữu lậu, thường không có đạo vị, cho nên nói “Đói gấp rảo bốn bề”. “Rình xem nơi cửa sổ” là tà quán lý “Không”, ngưỡng mộ đạo vị tuy lại quán sát mà tâm đắm chìm, phần nhiều không hiểu lý chánh, như dòm cửa sổ thấy Không, không thể được vô ngại.

Từ “Nhà cũ mục trên đó, thuộc ở nơi một người” trở xuống, một hàng kệ nêu nguyên do không bị cháy. Tam Giới là chỗ của Phật hóa ứng, phát tâm rồi lại thệ nguyện độ thoát, cho nên nói “thuộc ở nơi một người”. Trưởng giả ở nhà hay khiến cẩn thận lửa, do ông đi ra khỏi nhà rồi, về sau các con không biết cho nên khiến lửa bốc cháy. Bên trong hợp với nguyên do chính, là vào thời đức Phật Đại Thông Như

Lai thường giáo hóa những người ấy, khiến cho hàng phục chúng sinh thời ngũ trược. Tuy cảm tận hết Như Lai dạy bảo, nhưng bỏ, nên những người này sau bèn khởi ngũ trược. Phật đến cõi khác hóa duyên, chẳng phải vĩnh viễn bỏ đi, cho nên nói "vừa mới ra". Lại nói, từ khi đắc Vô sinh rồi thì không còn sinh trong tam giới, cho nên nói "ra", không lâu lại đến cho nên nói "vừa mới". Phẩm Thọ Lượng nói: "thường hiện Niết-bàn", tức là ý nói "ra khỏi nhà".

Từ "Rồi sau nhà cửa đó" trở xuống, hai hàng chính nêu rõ sức mạnh của lửa bốc cháy. "Bốn mặt", tức là ở nơi "thân, thọ, tâm, pháp" đẳng khởi Tứ đảo ngũ trược bát khổ, cho nên nói "nhất thời". Liên tục tăng dần, gọi là "hừng hực". Mạng căn đoạn, gọi là "nổ", gió như dao "chẻ tách thân thể ra"(liệt). Lại nói, tiếng kêu la rên rĩ thương xót gọi là "tiếng nổ". Hơi thở đứt đoạn, gân cốt chia lìa, như "nát gãy rơi rớt xuống", tứ đại rã tan như "tường vách đều sụp đổ".

Từ "Các loại quỷ thần thảy" trở xuống, một hàng rưỡi, nêu tướng bị thiêu. Hoặc nói thân thuộc là "quỷ thần", khóc lóc là "tiếng kêu to", nay theo lệ như trên dùng "lợi sử" để dụ cho "quỷ thần". Người lợi sử hoặc chấp đoạn hoặc chấp thường. Nếu chấp thường, thì cho rằng pháp nhất định không; đã có rồi lại không, thì không tức là thường. Người chấp đoạn thì cho rằng pháp nhất định đoạn, chỉ có một đời này chết rồi thì không còn tiếp nối. Cả hai đều xướng lên định thuyết, thì việc kia đã hiển bày, cho nên nói: "đồng cất tiếng kêu to". Nếu là độn sử và các giới thủ, thì vốn không chấp đoạn, nay thấy vô thường chỉ sinh nghi sợ, không biết phương pháp xuất ly cho nên nói "Kinh sợ chạy sảng sốt, vẫn không tự ra đặng".

Từ "Loài thú dữ độc trùng" trở xuống, ba hàng rưỡi, nêu việc trong hang, dụ cho cõi Sắc giới bốc lửa. Các bộ giải nghĩa sân chung cả ba cõi, tức văn này vậy. Văn chia làm bốn phần:

1. Một hàng đầu, nêu loại bị thiêu. Định tứ thiền dụ như "lỗ hang", dù không sánh bằng ngoài cửa mở rộng nhưng cũng còn có thể thoát khỏi lửa dữ, vào trong thiền định này cũng có thể thoát khỏi thô ác của Dục giới. Chúng sinh lợi sử cũng đắc thiền định này, như "quỷ Tỳ-xá-xà" cũng có ở trong đó.

2. "Vì phước đức kém vậy", một câu, nêu nguyên do lửa bốc cháy, do phước ít nên gần ác gặp khổ.

3. "Bị lửa đến đốt bức", một câu, nêu thế mạnh của lửa cháy, trong lỗ hang tuy không có lửa dữ nhưng vẫn bị hơi nóng bức não, tứ thiền tuy không có ác Dục giới nhưng cũng có vị ái và khổ vi tế, cho nên

nói "Bị lửa đến đốt bức".

4. Từ "Cùng tàn hại lẫn nhau" trở xuống, hai hàng nêu tướng bị thiêu đốt, nêu lợi độn lấn đoạt lẫn nhau. Các sử chúng sinh đắc thiền thì đồng, nhưng sở chấp thì khác, khác cho nên xen lẫn phải trái, nên nói "tàn hại lẫn nhau". Đã ở trong thiền khởi các kiến thì không thể phát sinh định tuệ vô lậu, chỉ chấp nơi sự im lặng, nên ví như "uống máu", lại đắm năm chi, cho nên ví như "ăn thịt". "Loài thú dã can" là tham ở Dục giới, định vị lai đã đoạn cho nên nói "đều đã chết trước", cũng gọi là "ăn nuốt". Tham thiền định như "đại ác thú" năng "nuốt" tham ở Dục giới. Tứ đảo, bát khổ ở Dục giới, ví như lửa dữ. Tứ đảo, các khổ ở Sắc giới, ví như "khói tanh", cũng chung cả thân, thọ, tâm, pháp, tứ đại da thịt... cho nên nói "phủ bít khắp bốn bề".

Từ "Loài ngô công, du diên" trở xuống, hai hàng rưỡi, nêu Sự trong Không, dụ cho cõi Vô sắc lửa bốc cháy, chia làm hai phần:

1. Một hàng, nêu rõ loại bị thiêu.

2. Một hàng rưỡi, nêu tướng bị thiêu.

Nhàm chán định cõi Sắc, vượt thoát hướng đến Vô sắc. Chán cảnh thô cõi Sắc, quán pháp Vô sắc, ví như loài rắn độc bị lửa cháy chạy ra khỏi hang. Như vậy, tức là sân chung cả ba cõi. Nếu đắc định Vô sắc, thì diệt các duyên thấp ở dưới, cho nên nói "liền bắt lấy mà ăn". Nơi cõi trời Phi tưởng tối cao còn không thể tránh khỏi các khổ điên đảo, ví như "trên đầu lửa bốc cháy". Cõi Phi tưởng cũng có lửa bát khổ, tâm sinh niệm sai khác, gọi là Sinh khổ, niệm niệm không dừng, gọi là Lão khổ; tâm hành nhiễu loạn làm ngăn ngại định, gọi là Bệnh khổ, thoái lui định, gọi là Tử khổ, cầu định không được, gọi là Cầu bất đắc khổ, cầu định không được ắt có chướng, tức Oán tắng hội khổ, tâm bốn ấm, tức ngũ ấm xí thạnh khổ. Không thể liền đoạn hạt giống cõi Hữu-đảnh, cho nên "trên đầu lửa bốc cháy", không có vô lậu cho nên "đói khát rất nóng khổ". Do luân hồi bao phủ sầu muộn, nên "sảng sốt chạy quàng lên".

Từ "Nhà lửa đó như vậy" trở xuống, một hàng, tổng kết tam giới nhiều nạn chẳng phải một.

Tụng tổng thí dụ đã xong.

Từ "Lúc bấy giờ chủ nhà đứng ở nơi ngoài cửa" trở xuống, ba mươi hai hàng rưỡi kệ, tụng Biệt thí. Biệt thí có bốn, nay tụng chỉ có ba:

1. Hai hàng rưỡi đầu, tụng trưởng giả thấy lửa.

2. Mười ba hàng, tụng bỏ ghế dùng xe, dụ cho tạm thôi Đại thừa, thiết lập Tiểu thừa.

3. Mười bảy hàng, tụng dụ ban cho xe lớn.

- Hai hàng rưỡi đầu, tụng thấy lửa, có ba:

l. Năng kiến.

2. Sở kiến.

3. Khởi kinh sợ, trong đây tụng đầy đủ.

Ba câu đầu từ "Chủ nhà" trở xuống, tức là người năng kiến, bên trên nói "thấy", đây nói "nghe", dùng nghe thay vì thấy, nghe ắt từ người khác. "Đứng ngoài cửa", chính là tụng ý bên trên: "Ta tuy có thể ở cửa nhà cháy mà ra ngoài được an ổn". "Đứng" là tại pháp thân địa thường có tâm đại bi, vì muốn cứu độ chúng sinh nên không trú nơi tòa Đệ nhất nghĩa không. Xưa nói: Mười phương Phật bảo Phật Thích-ca rằng: "Các người con của ông có duyên ở trong tam giới", tức là thiện căn sắp diệt. Lại, nói: "Chúng sinh có căn cơ cảm Phật, tức là vì người khác". Nay nói: pháp là thầy của Phật, gọi là pháp Tam-muội. Pháp này làm thầy, tức là người khác. Nếu nhập Tam-muội, thì có thể thấy căn cơ. Vì Tam-muội khiến Phật thấy, cho nên nói "có người mách rằng". Lại nói: Đại bi là người khác v.v...

Từ "Các người con của ông" trở xuống, một hàng một câu, tụng thấy lửa cháy.

Hỏi: "Con vốn chưa ra, tại sao nói "vì dạo chơi mà vào nhà này"?

Đáp: Hoặc từng phát tâm, gọi là ra khỏi Tam giới, vì còn thoái lui trở lại nên gọi là "vào", như người cất chân muốn ra khỏi cửa nhưng đến gần bên cửa mà trở lại thì cũng gọi là "ra" cũng gọi là "vào". Lại nữa lý tánh vốn tịnh, không phải pháp của Tam giới, do vô minh mà khởi hý luận liền có sinh tử, cho nên nói "trước đây vì dạo chơi mà đến vào nhà này". Đại thiện chưa tích chứa, nên nói là "thơ bé". Bị vô minh che lấp nên "không hiểu biết".

"Trưởng giả vừa nghe xong, kinh sợ vào nhà lửa". Hai câu này tụng "tức rất sợ hãi mà khởi tâm đại bi" bên trên.

Từ "Tìm phương nghi cứu tế" trở xuống mười ba hàng, tụng thí dụ bỏ ghế dùng xe, chia làm hai: Năm hàng rưỡi đầu, tụng thí dụ "cứu con không được"bên trên. Trong phần Khai thí bên trên có hai nghĩa khuyên và răn, trong phần hợp bên trên chỉ hợp khuyên, nay chỉ tụng răn. Văn răn có ba, nay tụng cũng có ba:

1. Bốn hàng rưỡi, tụng phần "ta sẽ nói sự sợ hãi nghĩ nghi" bên trên.

2. Từ "Các con nhỏ không hiểu" trở xuống, ba câu, tụng các con

không nhận lời răn.

3. Một câu: "Vui chơi mãi không thôi",chính tụng dứt hóa. "Phương nghi": là dự định dùng Đại thừa để giáo hóa. "Dù có nghe cha dạy" tức là nghĩa bên trên nói về các hoạn nạn, nghĩa là răn dạy. Chỉ một câu "Vui chơi mãi không thôi" là tụng trên nói "Cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi", nghĩa là bỏ mặc cha khổ nhọc khuyên răn.

Từ "Khi ấy Trưởng giả kia liền nghĩ như thế này" trở xuống bảy hàng rưỡi, tụng thí dụ "dùng xe" bên trên. Trên có bốn:

l. Dự định thích hợp ba xe.

2. Biết tâm lúc trước của con.

3. Tán thán ba xe hiếm có.

4. Thích hợp sở nguyện của con.

Nay trong tụng chỉ có ba nghĩa, lược bớt nghĩa: "biết tâm lúc trước của con". Ba hàng tụng đầu là dự định thích nghi. Từ "Bảo với các con rằng" trở xuống, ba hàng, là khen ngợi ba xe hiếm có. Bên trên có ba nghĩa: khuyên, chỉ bảo, chứng minh. Nay tụng cũng ba nghĩa đó và thêm nghĩa thứ tư là khuyên thành: Một hàng đầu tụng ý khuyên nhủ. Ba câu kế từ câu "Nào xe dê, xe hươu" tụng ý chỉ bảo. Một câu tiếp "Các con mau ra đây" tụng ý khuyên. Một hàng tiếp từ "Cha chính vì các con" trở xuống, là chứng minh. Từ "Các con nghe cha nói" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng hợp sở nguyện của con. Sáu câu này tụng tổng bên trên. "Rảo chạy" tức Kiến đế bên trên. "Đất trống" là địa vị Vô học bên trên.

Từ "Trưởng giả thấy các con được ra khỏi nhà lửa" trở xuống, mười bảy hàng kệ, tụng thí dụ đồng ban xe lớn bên trên. Văn trên có bốn:

1. Khỏi nạn.

2. Đòi xe.

3. Đồng ban xe lớn.

4. Được xe hoan hỷ.

- Nay tụng cũng có bốn:

l. Năm hàng tụng khỏi nạn hoan hỷ.

2. Ba hàng tụng đòi xe.

3. Bảy hàng rưỡi, tụng đồng ban xe lớn.

4. Một hàng rưỡi, tụng được xe hoan hỷ.

- Năm hàng tụng các con khỏi nạn lại có hai:

l. Một hàng, tụng khỏi nạn.

2. Từ "Ông bèn tự mừng rằng" trở xuống, bốn hàng tụng hoan

hỷ.

- "Ngồi tòa sư tử" có hai ý giải thích: l. Các con ngồi tòa được ra khỏi tam Giới cho nên không còn sợ. 2. Trưởng giả ngồi tòa, thấy con được thoát nạn thì không còn sợ. Ban đầu ở ngoài cửa còn lo lắng cho nên nói là đứng, nay được ra khỏi cửa mới ngồi không sợ hãi. Cho nên, phẩm Phương Tiện nói: "nay ta vui vô úy". Văn khỏi nạn đã xong "Ông bèn tự mừng rằng" bốn hàng, tụng trưởng giả hoan hỷ, như văn.

Từ "Khi ấy các người con, biết cha đã ngồi yên" trở xuống, ba hàng, tụng đòi xe, như văn.

Từ "Trưởng giả giàu có lớn" trở xuống bảy hàng rưỡi, tụng là thí dụ Đồng ban cho xe lớn bên trên. Văn trên có hai phần nêu chương, hai phần nói rộng, hai phần giải thích, hợp lại là sáu. Nay chỉ tụng bốn, không tụng phần nói rộng và phần giải thích tâm bình đẳng. Một hàng đầu siêu tụng thứ tư giải thích xe lớn. Nhà đầy đủ gọi là "khố" (kho), đất ruộng nhiều gọi là "tàng". Hành đủ tất cả pháp, gọi là "tàng", nhãn nhĩ lục căn đầy đủ tất cả pháp, gọi là "khố". Từ "Dùng các thứ vật báu" trở xuống sáu hàng, tụng nói rộng xe lớn. Tiếp hai câu tụng hai chương môn. "Đem xe đẹp như thế", một câu, tụng chương môn xe lớn phần thứ hai bên trên. "Đồng ban cho các con", một câu tụng chương môn tâm bình đẳng phần đầu bên trên.

Từ "Các con lúc bấy giờ, rất vui mừng hớn hở" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng các con được xe vui mừng. "Dạo đi khắp bốn phương" tức vận chuyển tuệ Trung đạo, theo chiều ngang dạo chơi khắp tứ chủng, Tứ môn, tứ chủng Tứ đế, theo chiều dọc dạo khắp bốn mươi mốt vị, rốt ráo bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh cho nên nói "vui chơi tự tại".

Từ "Bảo Xá-lợi-phất này, Đức Phật cũng như vậy" trở xuống, ba mươi bốn hàng rưỡi, tức tụng Hợp thí.

Bốn hàng đầu tụng hợp Tổng thí, chỉ làm bốn ý mà bao gồm được sáu thí dụ. "Đức Phật cũng như vậy", một hàng tụng hợp trưởng giả, nửa hàng trên tụng hợp vị hiệu, nửa hàng dưới tụng hợp danh hạnh, kiêm nghĩa tán đức. "Tôn cả trong hàng Thánh" bảy thứ phương tiện, "Cha lành của (chín loài) thế gian, tất cả chúng sinh đều là con của ta", một bài kệ tụng hợp năm đường, nghĩa bao gồm ba mươi người con. Ba mươi người con là con duyên nhân, tất cả chúng sinh là con chánh nhân. "Ba cõi hiểm không an", nửa hàng tụng hợp nghĩa nhà ở kiêm nghĩa được một cửa, "Các nạn khổ đầy dẫy" một hàng rưỡi, tụng hợp thí lửa khởi. Hợp tổng thí xong.

Từ "Đức Như Lai đã lìa nhà lửa ba cõi đó" trở xuống, ba mươi

hàng rưỡi, tụng hợp Biệt thí, trên tụng Khai không hư dối, nay tụng Hợp thì có. Ba hàng kệ đầu tụng thấy các chúng sinh bị sinh già v.v... là hợp thí dụ thấy lửa. Bên trên tụng dụ thấy lửa, văn có ba nay hợp cũng có ba:

l. Một hàng tụng Như Lai năng kiến bên trên, chính do nhàn cư lặng lẽ vô tư lự, năng thấy các con đắm ngũ trược, tức hợp với "Nghe có người mách rằng".

2. Từ "Hiện nay ba cõi này" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng trên thấy các chúng sinh bị sinh lão bịnh tử thiêu cháy, hợp thí dụ trên thấy cảnh lửa cháy. 3. Từ "Chỉ riêng một mình ta" trở xuống, nửa hàng tụng "Phật thấy việc này rồi suy nghĩ rằng" bên trên, hợp với "kinh hãi vào nhà lửa".

Từ "Dù lại đã dạy bảo" trở xuống, bốn hàng, tụng thí dụ Bỏ ghế dùng xe, có hai phần: Một hàng, tụng bỏ ghế... Phần Khai thí có ba: Nghĩ nghi, Không có cơ duyên và Thôi giáo hóa. Nay một hàng kệ này cũng có ba ý: "Dù là đã dạy bảo", một câu tụng Nghĩ nghi "Mà vẫn không tin nhận" tụng không có duyên, hai câu dưới tụng Thôi giáo hóa. Hoặc có thể hai câu dưới tụng ý không có duyên. "Rất sinh lòng tham mê" tụng "chưa thoát khỏi sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não" bên trên.

Từ "Bởi thế nên phương tiện" trở xuống, ba hàng tụng hợp thí "dùng xe cứu được con", văn trên có bốn, nay chỉ tụng ba, hợp cũng có ba, lược bớt không hợp, "biết tâm trước của con".

l. "Bởi thế nên phương tiện" một câu tụng trên "chỉ dùng trí tuệ phương tiện dự định muốn thích nghi".

2. Từ "Vì chúng nói tam thừa" trở xuống, một hàng và một câu tụng hợp với ý thứ ba bên trên khen ngợi ba xe hiếm có.

3. Từ "Các người con đó thảy" trở xuống một hàng rưỡi, tụng hợp ý thứ tư trên "thích ứng sở nguyện". Trên hợp tam thừa đều có bốn câu, nay thì tổng tụng. "Nếu nơi tâm quyết định", là từ Khổ pháp nhẫn trở lên là chân quyết định, một câu này tổng tụng vị tam thừa rảo chạy. Từ "Đầy đủ cả tam minh" trở xuống, một hàng, đều tụng địa vị tam thừa tranh ra.

Từ "Xá-lợi-phất phải biết, ta vì các chúng sinh" trở xuống tám hàng, tụng hợp với thí dụ thứ ba trên "đồng ban cho xe lớn". Văn trường hàng không hợp đòi xe và cùng hoan hỷ, tụng khai thì tụng đủ, nay hợp với ý đồng ban xe hoan hỷ, không hợp ý thoát nạn đòi xe. Bỏ trước lấy cuối cùng thành có hai văn, lại chia làm hai:

l. Năm hàng, tụng hợp "đồng ban xe".

2. Ba hàng, tụng sau là hoan hỷ...

Trên hợp “đồng ban xe” có bốn, không tụng hai thứ kia, nay hợp lại lược bớt, chỉ hợp hai chương môn và phần thứ ba nói rộng “xe lớn”; lại tụng giải thích nguyên do có xe. Đầu tiên từ “Xá-lợi-phất phải biết” trở xuống một hàng, tụng chương môn về xe lớn. Văn trên nói “chư Phật thiền định”...Từ “Các ông nếu có thể” trở xuống, một hàng tụng hợp chương môn “tâm bình đẳng”, trên nói “các chúng sinh này được thoát khỏi ba cõi”. Từ “Phật thừa đây vi diệu” trở xuống hai hàng, tụng hợp chánh phần nói rộng về xe lớn, trên nói” đều nhất tướng nhất chủng v.v...”. Từ “Đủ vô lượng ngàn ức các trí lực giải thoát” trở xuống một hàng, tụng “nguyên do có xe” bên trên.

Từ “Chứng đắc thừa như thế” trở xuống ba hàng, tụng được xe hoan hỷ. Đây lại chia làm hai: 1. Hai hàng nêu đều được xe lớn. 2. Từ “Vì bởi nhân duyên đó” trở xuống,một hàng, kết khuyên tin. Nay hai hàng kệ đầu: “Ngày đêm”: ban đầu đắc tri kiến Phật, Trung đạo trí sáng như phần ngày, vô minh như ban đêm. Tự đắc Trung đạo trí, ví như ban ngày. Từ bi nhập dòng sinh tử, ví như ban đêm. Thường hành hai pháp nên nói “vui chơi”. Hàng tam thừa đồng nhập Phật trí, cho nên nói: “Cùng các hàng Bồ-tát cùng với chúng Thanh-văn”. Lại đây nêu rõ tự hành hóa tha, tự thâu hoạch thừa này cho nên nói “ngày đêm dạo chơi”. Lấy đây hóa tha, cho nên nói “Cùng các hàng Bồ-tát cùng với chúng Thanh văn”, năng hóa tam thừa cùng cưỡi xe báu này. Tiếp đến một hàng nói nhân duyên Phật nói nhất thừa không nói ba thừa, ở trong mười phương cõi xét thật mà cầu “chỉ có một không hai, trừ Phật phương tiện thuyết” tức là không cốt ở nói năng. Người khác nói: Bồ-tát nếu không đòi xe, thì do đâu mà cưỡi xe hoan hỷ?

Từ “Bảo với Xá-lợi-phất, bọn ông các người thảy” trở xuống, mười lăm hàng rưỡi; tụng ý thứ tư bên trên hợp với dụ “không hư dối”. Hợp bên trên có hai: trước nêu hai thí dụ, sau hợp không hư dối. Nay chỉ tụng hợp “không hư dối”.

- Văn chia làm hai:

l. Ba hàng rưỡi đầu, chính tụng hợp với chương môn không dối gạt.

2. Từ “Nếu có Bồ-tát nào” trở xuống mười hai hàng, tụng hợp giải thích không dối gạt. Thân-tử nêu thí dụ “xứng với bản tâm không dối gạt”. Cha muốn cho các con được thoát nạn, cho nên bày đặt ba xe, các con đã được thoát nạn, thậm chí không cho xe nhỏ cũng không trái với tâm trước kia, cho nên nói “không dối gạt” nêu rõ bản ý của Phật, tức chỉ muốn thuyết nhất nhưng vì chúng sinh ngũ trược không chịu tự

nhận, cho nên thuyết tam; trược chướng đã trừ, nên lại thuyết Nhất đại, tức xứng bản tâm.

Nay chương môn không dối gạt chia làm ba:

1. Một hàng trước định cha con, nêu rõ bản ý muốn cho Đại thừa cho nên văn nói "đều là con của ta", theo lý nên bình đẳng cho xe lớn.

2. Từ "Các ông trải nhiều kiếp " trở xuống một hàng nêu liền thuyết tam thừa, ý vì trừ chướng cho nên nói "các ông trải nhiều kiếp bị các sự khổ đốt".

3. Từ "Ta dù ngày trước nói" trở xuống một hàng rưỡi, nói chướng đã trư, trở về bản tâm tham dự pháp Đại thừa, cho nên nói: "Nay việc phải nên làm, chỉ có trí tuệ Phật".

- Từ "Nếu có Bồ-tát nào" trở xuống mười hai hàng tụng hợp thích, lại giải thích ba ý trước:

1. Hai hàng giải thích đều đồng là con, lý nên bình đẳng.

2. Từ "Nếu có người trí nhỏ" trở xuống bảy hàng, giải thích: không thể thọ nhận, cho nên mới thuyết tam thừa.

3. Từ "Kỳ thiệt chưa phải được" trở xuống, ba hàng, giải thích sau nếu có khả năng thọ nhận thì có thể trở lại cho pháp Đại thừa.

Nay hai hàng đầu, nói "Nếu có Bồ-tát nào", là chúng sinh được Phật dùng Tam thừa làm phương tiện để hóa độ, đều là Phật tử kết duyên ngày xưa, cũng đều đồng có chân như Phật tánh, cho nên nói "đều là Bồ-tát cả". Từ "Nếu có người trí nhỏ" trở xuống bảy hàng, nêu hạng trí nhỏ chướng nặng không thể tin thọ, vì vậy nên dùng phương tiện khai Tam tiếp dẫn. Vì hàng trí nhỏ này mà thuyết Khổ đế, hàng Thanh văn ở trong tam thừa rất nhỏ, lại dùng Khổ đế làm sơ môn. "Chúng sinh nghe lòng mừng", là xứng với nguồn gốc tu tập thì vui, vốn nhàm chán sinh tử tự cầu Niết-bàn, nay nghe xuất ly hiểu xưa có tu tập cho nên vui mừng. Trong đây chính nêu Hữu tác tứ đế. "Chỉ xa rời hư vọng", vì vô minh đã là không thực, "Thông hoặc" phụ giúp vô minh khởi lên, cho nên gọi đó là "hư vọng". Hữu tác tứ đế chỉ trừ "Thông hoặc" này, gọi là giải thoát, mới thoát Phần đoạn, mà chưa thoát Biến dịch cho nên chẳng được tự tại.

Từ "Kỳ thật chưa phải được" trở xuống ba hàng, giải thích: chướng đã trừ, tình căn lại lợi, trở về bản tâm ban cho pháp Đại thừa. Đức Phật vốn muốn "giải thoát hẳn tất cả", nay ông mới chỉ đoạn trừ Phần đoạn sinh tử, chẳng phải Đại Niết-bàn. Bởi vì chưa được giải thoát tất cả, trọn chưa xứng với bản tâm, cho nên nói "Ý của ta không muốn cho đó đến diệt độ". Nay thì lại khiến đắc vô thượng đạo, nhập Đại Niết-bàn,

mới là cứu cánh xứng bản tâm Phật. "Giải thoát hẳn tất cả" tức là Vô tác Diệt đế. "Vô thượng đạo" tức là Vô tác Đạo đế. Dùng nhị đế phá Vô tác Khổ Tập. Xưa muốn thuyết điều này nhưng vì chúng sinh không kham nổi, nay chướng đã trừ nên mới thuyết điều này. Phật là đấng pháp vương, đối với pháp quyền thật đã được tự tại, khai tam hiển nhất thật, đâu có hư dối.

II. Từ "Xá-lợi-phất phải biết, pháp ấn của ta đây" trở xuống sáu mươi lăm hàng kệ, khuyên tín lưu thông Tín, là tin Phật thuyết hay không thuyết. Khuyến, khuyến có thể thông suốt và không thể thông suốt. Đây có hai nghĩa này,cho nên nói "khuyến tín". Văn chia làm hai.

l. Nêu hai chương.

2. Giải thích.

Một hàng đầu, nêu pháp Phật nói và không nói. Đức Như Lai nói pháp ấn này, vì lợi ích thế gian cho nên "nói". "Không nói" là hơn bốn mươi năm chưa đúng thời nói, năm ngàn người chưa rời khỏi pháp hội, cho nên không nói.

"Tại chỗ ông đi qua" trở xuống, nửa hàng, nêu chương có thể thông và không thể thông, là "Chớ có vọng tuyên truyền". Đối kẻ ác mà gượng thuyết thì khiến họ rơi vào đường khổ. Đối người thiện mà không thuyết thì bỏ lỡ cơ hội, khiến họ mất lợi lạc. Nếu vì đại bi thương kẻ ác mà nói pháp, thì họ không thể lưu thông kinh. Nếu đại từ nghĩ đến người thiện thì họ cảm ứng có thể lưu thông, đó gọi là chương nêu có thể thông, không thể thông.

Từ "Nếu có người nghe đến" trở xuống, là phần giải thích, lại chia làm hai:

1. Tám hàng, giải thích có thể thuyết, không thể thuyết.

2. Năm mươi hàng rưỡi, giải thích có thể thông, không thể thông.

Tám hàng đầu, nêu tướng Như Lai làm lợi ích thế gian. Thông luận lợi ích ba đời, biệt luận khiến hàng nhị thừa nhập tín. "A-bệ-bạt-trí" là quán lợi ích hiện tại. "Đã từng thấy" là quán thiện quá khứ vì thuyết. "Tin chịu lời ông nói, thời chính là thấy ta" là quán thiện vị lai vì thuyết. Văn dưới nói: "Nếu tin hiểu sâu xa là thấy Phật thường ở núi Linh Thứu", tức nghĩa ấy vậy.

Từ "Phật vì người trí sâu, thuyết Kinh Pháp Hoa này" trở xuống một hàng kết trên khai dưới, đức Như Lai quán sát biết lợi ích ba đời, thế nên vì họ mà thuyết. Người trí cạn không hiểu, thì không thuyết cho họ, đây là giải thích chương Như Lai nói và không nói.

Từ "Kẻ kiêu mạn biếng lười" trở xuống, giải thích chương nói hành nhân thông và không thông. Văn có hai:

1. Ba mươi sáu hàng rưỡi đầu, nêu nếu dùng Đại bi môn thì đừng vì kẻ ác mà thuyết, trước dẫn tâm số ác ắt khởi ác phỉ báng, thâu hoạch quả báo ác, cho nên vì đại bi không thể thuyết cho họ. "Đoạn mất hạt giống Phật ở thế gian", theo kinh Tịnh Danh thì coi phiền não là hạt giống Như Lai, đây là chấp tánh cảnh giới. Kinh Đại Phẩm thì dùng Nhất thiết chủng trí học Bát-nhã, đây là lấy liễu nhân Phật tánh làm Phật chủng. Kinh Niết-bàn thì dùng lý tâm tánh chẳng đoạn, đây là lấy chánh nhân Phật tánh làm Phật chủng. Nay kinh nêu "tiểu thiện thành Phật", đây là lấy duyên nhân làm Phật chủng. Nếu không tin "tiểu thiện thành Phật" thì đoạn Phật chủng thế gian.

Từ "Nếu có người lợi căn" trở xuống, mười chín hàng, giải thích khi hoằng kinh dùng tâm Đại từ vì người thiện mà tuyên thuyết, khiến họ không mất lợi lạc. Xét rằng hoằng thông kinh thì cốt yếu hài hòa hai môn khiến kia hiểu được, tức khéo lưu truyền, nếu không được thì là vọng tuyên truyền. Văn có hai: l. Mười bảy hàng, có năm cặp, mười tướng người thiện riêng có thể vì họ tuyên thuyết. 2. Hai hàng tổng kết nên thuyết. Năm cặp: "Quá khứ- hiện tại" là một cặp, "lợi căn" là hiện tại, "Trồng các cội đức lành" là quá khứ. "Học rộng và nhớ dai" là hiện tại. "Thấy trăm ngàn ức Phật" là quá khứ. "Thượng hạ" là một cặp thứ hai, tu từ là thương xót người dưới, cung kính là tôn trọng người trên. "Nội ngoại" là một cặp thứ ba, xả ác gần gũi thiện là cầu bên ngoài, giữ giới như giữ hạt châu là gìn giữ bên trong. "Tự hành, hóa tha" là một cặp thứ tư, chất trực kính Phật là tự hành, thí dụ thuyết pháp là hóa tha. "Thủy chung" là một cặp thứ năm, cầu pháp khắp bốn phương thỉnh ích, là "thủy", cúi đầu lãnh thọ chuyên tu, là quay về nương tựa, gọi là "chung"...

Từ "Bảo cùng Xá-lợi-phất" trở xuống hai hàng, tổng kết: thiện tín rất nhiều, lược nêu mười tướng trạng, chỉ bày phương pháp lưu thông. Hiển bày hai môn Từ Bi, có thể thông và không thể thông, là chủ yếu.

Phẩm Thứ 4: **TÍN GIẢI**

Có người nói: Tín giải ba pháp: Nghĩa là: Nhất vãng hóa (một lần đã hóa độ), Tùy trục hóa (theo đuổi hóa độ), Tất cánh hóa (cuối cùng hóa độ). Xưa thuyết Đại là Nhất vãng, trái với đại sau là Tùy trục, cha con gặp nhau là Tất cánh. Lại, nói Nhân thiên thiện là Nhất vãng, thuyết Tiểu thừa cùng Pháp Hoa là Tùy trục, thuyết Pháp Hoa đắc thọ ký là Tất cánh. Lại, sơ thuyết Nhị thừa là Nhất vãng, chuyển giáo là Tùy trục, Pháp Hoa là Tất cánh. Lại, chuyển giáo là Nhất vãng, trải qua Phương đẳng là Tùy trục, ngộ Nhất thừa là Tất cánh. Lại, thuyết Pháp Hoa là Nhất vãng, Thập địa thường giáo hóa là Tùy trục, đến Kim cang tâm là Tất cánh. Lại, kết liền vơi Tứ hoằng thệ nguyện (kết Tăng-na) là Nhất vãng, trung gian là Tùy trục, đắc Phật là Tất cánh. Riêng cho rằng: các sự hiểu biết lớp lớp như trên, chồng chất như ngọc vụn, chẳng phải bảo vật. Nhất vãng thì chẳng phải bản hoài, Tất cánh là tông cùng cực. Thuyết Nhân thiên Nhị thừa là Nhất vãng, có thể chẳng phải bản hoài. Xưa vì thuyết Đại nay thuyết Pháp Hoa, ấy là Tất cánh, đâu được gọi Nhất vãng? Nếu Pháp Hoa Tất cánh mà lại thành Nhất vãng, nhân thiên Nhất vãng lại thành Tất cánh thì đại điên đảo. Lại, hàng Nhị thừa là Nhất vãng, thảo am nên phá, xưa Đại là Nhất vãng, buộc hạt châu cũng nên phá. Hoặc là một phá một không phá, một là Nhất vãng một chẳng phải Nhất vãng. Lại, nếu cha con tương kiến là Tất cánh, thì trước Tất cánh phải ngộ Nhất, tức là về sau Tất cánh không còn dùng. Nếu sau Tất cánh mới ngộ Nhất, thì cái Tất cánh trước như thế không phải là Tất cánh. Liên tiếp có ngăn ngại, cho nên nay đều không dùng.

Có người nói: Phẩm này là Tích. Vì sao? Vì Như Lai thành đạo đã lâu, cho đến trong thời gian giữa, dừng lại cũng là Tích. Riêng cho rằng: nghĩa lý đúng như thế, nhưng ở văn không thuận tiện. Vì sao? Phật chưa thuyết bản tích, thì sao bỗng vui mừng nhận lãnh? như chưa hội Tam đã phải ngộ Nhất v.v...

Nay giải thích phẩm: xét rằng căn cơ thì có lợi độn, hoặc có dày mỏng. Thuyết thì có Pháp thuyết, Thí thuyết. Ngộ thì có trước sau. Trước tòa Pháp Hoa thì cũng như oản đậu. Văn nói "Như Lai thuyết pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa thân thể mỏi mệt, chỉ nhớ ba pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đối với các pháp của Bồ-tát thì không một niệm ưa thích". Ban đầu nghe lược thuyết thì động chấp sinh nghi, rộng nghe năm đức Phật thì mông lung chưa hiểu. Nay nghe thí dụ thì vui mừng hơn hở, "Tín" phát "Giải" sinh, nghi trừ, lý sáng. Vui mừng là

Thế giới Tất-đàn, Tín phát là Vị nhân, nghi trừ là Đối trị, lý sáng là Đệ nhất nghĩa. Do nhân duyên đó, cho nên đặt tên phẩm này là Tín Giải. Lãnh thọ giáo từ Tiểu đến Đại, ban đầu đổi phàm thành Thánh, đều có thứ bậc. Nhưng Tiểu thừa Tín hành thì từ nghe mà sinh Giải. Khổ nhẫn phát sinh tín, thì gọi là hành. Pháp hành trải qua pháp quán sát. Khổ nhẫn phát sinh pháp, thì gọi là hành. Nếu người Tín hành chuyển nhập tu đạo, thì chuyển gọi là Tín giải. Người Pháp hành nhập tu đạo, thì chuyển gọi là Kiến đắc. Chuẩn Tiểu thừa hướng về Đại cũng như đây. Hạng người trung căn nghe thuyết Thí dụ, ban đầu phá nghi- hoặc nhập Đại thừa Kiến đạo cho nên gọi là "Tín", tiến tới nhập Đại thừa Tu đạo cho nên gọi là "Giải". Văn nói: "Vô lượng trân báu không tìm cầu mà tự được", "Chúng con ngày hôm nay, Mới thật là Thanh văn, Dùng âm thanh Phật đạo, Khiến tất cả đều nghe". Nghe Viên giáo, nhập Viên vị, cho nên gọi là phẩm Tín Giải.

Bản Tích: Bốn đại đệ tử từ lâu nhập Đại thừa thành tựu Phật pháp, Tích môn dẫn trung căn chỉ bày ban đầu tín giải cho nên gọi "phẩm Tín Giải".

Đây là đoạn lãnh giải, gần lãnh Nhà lửa, xa lãnh Phương tiện. Văn chia làm hai: l. Kinh gia trình bày sự hoan hỷ. 2. Bạch Phật tự trình bày. Trước trình bày nội tâm, tiếp nêu sự cung kính bên ngoài.

Thiện Cát riêng xưng là Tuệ mạng. Ba người kia đều là "Ma-ha", là Đại, là Tuệ. Riêng luận về Thiện Cát giải Không, Không Tuệ là Mạng, đây là căn cứ hành. Trong các trí tuệ của loài người thì trí tuệ Phật là bậc nhất. Phật lấy trí tuệ làm thọ mạng để chuyển giáo, là mạng của người trí tuệ cho nên gọi là Tuệ mạng. Ba đệ tử bị Tuệ mạng ít, chẳng dùng Không làm Tông yếu để tu hành. Đây là căn cứ vào giáo. Giải thích chữ "Ma-ha" thì như trước đã nói...

Nguyên do "hoan hỷ", là xa nghe phương tiện, năm đoạn pháp thuyết. Kinh gia chỉ trình bày hai loại: nghe pháp hiếm có và nghe thọ ký. Hoặc có thể nghe pháp hy hữu trình bày bốn đoạn, thấy thọ ký là đoạn thứ năm. Nghe thấy như đây xưa nay chưa từng có, đó là nguyên do hoan hỷ. "Phát tâm hy hữu", là trình bày gần nghe thuyết bốn phen thí dụ, thì tâm hy hữu phát. Tâm phát cho nên gọi là tín, do tín cho nên nhập, nhập vị Hoan hỷ, tức là ý của phẩm Tín Giải. "Từ chỗ ngồi đứng dậy" là trình bày ngoại kính, như văn. Theo lệ Thân-tử cũng nên ba nghiệp lãnh giải. Căn cứ phần trước thì có thể hiểu.

Từ "Bạch Phật" trở xuống, là miệng tự trình bày. Văn chia làm hai phần:

I. Trường hàng và bảy mươi ba hàng rưỡi, chính trình bày được hiểu.

II. Mười ba hàng tán thán ân sâu của Phật. Sự hiểu biết đây do đức Phật, cho nên trước trình bày sau tán thán.

Trường hàng lại có hai: Lược Pháp thuyết và Rộng Thí thuyết.

- Lược lại có hai: 1. Pháp thuyết; 2. Lược nêu thí dụ.

- Pháp thuyết lại có hai:

a. Xưa theo Tam cho nên không cầu.

b. Nay hiểu Nhất cho nên tự được.

Trong không cầu có hai: Nêu và giải thích.

- Nêu có ba:

l. Đứng đầu chúng Tăng.

2. Tuổi đời già nua.

3. Chứng đắc.

"Đứng đầu chúng Tăng" là trong Phật pháp thì hạ lạp cao, học theo pháp của Phật làm mô phạm bỗng thay đổi đường hướng bỏ Tiểu cầu Đại, bị hậu học chê gièm, tự cố gắng giữ gìn do đó không cầu tìm. Tuổi đời già nua, nếu làm Bồ-tát phải chuyên gánh vác Đại đạo, rộng độ chúng sinh, thì già yếu không thể gánh vác nổi, cho nên không tìm cầu. "Đã đắc Niết-bàn", chánh vị vô vi không thể phát tâm Đại thừa, như cao nguyên đất liền thì không thể sinh hoa sen. Tận trí và Vô sinh trí đã lập, không còn chỗ nương cầu.

Từ "Vì sao vậy?" trở xuống, là giải thích ba thứ không cầu trên, văn không có thứ tự này. Trước giải thích ý đắc Niết-bàn nên không cầu. Tiếp đến, giải thích tuổi già, tức bao gồm đứng đầu trong Tăng, hoặc chỉ xưa nói pháp đã lâu mà không sinh tâm ưa thích. Giải thích đứng đầu Tăng chúng, không cầu: Đã nói "ngồi nơi tòa, lại tuổi già yếu" là biết giải thích đứng đầu Tăng chúng, giải thích không cầu thì như văn.

Từ "Chúng con hôm nay ở trước Phật" trở xuống, là trình bày nguyên do được hiểu: Do xa nghe năm chương, lược, rộng, khai tam hiển thật, cho nên "vui mừng vì may mắn". "Được thiện lợi lớn" là chánh nêu được hiểu; gần nghe bốn phen pháp thí dụ hy hữu mà được khai ngộ, khai ngộ thiện lợi.

Từ "Vô lượng trân bảo" trở xuống, là lược nêu thí dụ. Dụ cho xưa không cầu mà nay tự được pháp bảo hy hữu. Từ "Thế tôn! Chúng con hôm nay muốn nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó" trở xuống, là rộng lãnh giải; có khai thí và hợp thí, muốn khai trước hết hỏi han triễn khai.

Thí dụ chia làm năm phần:

1. “Bỏ cha trốn đi” trở xuống, gọi là dụ “Cha con thất lạc nhau”, nghĩa gần là lãnh hội Tổng thí Nhà lửa, nghĩa xa là lãnh hội lược tụng của phẩm Phương Tiện.

2. Từ “Cùng tử làm thuê làm mướn” trở xuống, gọi là dụ “Cha con gặp nhau”, gần lãnh hội thấy lửa trong dụ Nhà lửa, xa lãnh hội “Ta dùng Phật nhãn xem thấy” trong phẩm Phương Tiện.

3. Từ “Liền sai người hầu đuổi theo gấp bắt lại” trở xuống, là dụ “Đuổi theo khuyên về”, gần lãnh hội bỏ ghế dùng xe trong dụ Nhà lửa, xa lãnh thôi Đại dạy Tiểu trong phẩm Phương Tiện.

4. Từ “Qua đó về sau tâm tướng thể tín” trở xuống, là dụ “Cho con biết gia nghiệp”, đây chẳng phải lãnh gần xa như trên, chính là lãnh ý “nhớ lại dùng giáo Phương đẳng quở trách Tiểu thừa và Bát-nhã chuyển giáo”.

5. “Lại trải qua ít lâu sau, cha biết ý chí con” trở xuống gọi là dụ “Giao phó gia nghiệp”, gần thì lãnh ý ban cho một thứ xe lớn trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh ý ngay thẳng bỏ phương tiện trong phần Pháp thuyết. Lại, hợp phần thứ tư thứ năm lại làm một dụ “giao phó”, ở dưới lại nêu rõ ý kia.

Xưa cho rằng: Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương ví như Trưởng giả. Nay không quan niệm như thế, vì ở Tây phương Phật biệt duyên khác. Phật biệt, cho nên nghĩa ẩn hiển không thành; duyên khác cho nên nghĩa cha con không thành. Lại, kinh này từ đầu đến cuối hoàn toàn không có ý chỉ này như nhắm mắt xuyên tạc. Nay dựa theo văn phụ thêm nghĩa.

Nếu giải thích “cùng tử”, thì lấy nghĩa “người Nhị thừa” trong pháp môn Tiểu thừa để tiêu hóa kinh văn. Nếu giải thích “Trưởng giả”, thì chọn nghĩa Phật Lô Xá Na trong pháp môn Đại thừa để tiêu hóa kinh văn. Vì sao? Vì Trưởng giả ở trong nhà, cởi hết châu ngọc áo tốt, mặc áo thô xấu. Áo anh lạc có khác, còn người chỉ một. Dụ đức Phật Lô Xá Na ẩn vô lượng thần đức, hiện tướng một trượng sáu vàng sáng chói, tay cầm đồ hốt phân, thiết lập Tam thừa giáo. Ẩn hiển có khác, đâu có quan hệ gì đến thể biệt? Đức Lô Xá Na mặc áo, cởi áo gần mà còn không biết, thì Đức Di Đà ở xa sao biết thay đổi...

Đây là phần một: Dụ cha con thất lạc nhau, lại có bốn đoạn:

1. Con bỏ cha trốn đi.

2. Cha tìm kiếm con, giữa chừng dừng lại tại một thành.

3. Con gặp phải quê hương.

4. Cha nhớ thương lo lắng.

- Bốn đoạn mỗi đoạn đều có hai ý. Đoạn một có:

1. "Con bỏ cha mà đi", là lãnh "Năm trăm người" trong Tổng thí (chữ "lãnh" nghĩa là hiểu được ý). Xưa đã kết cha con trong Đại thừa rồi lại quên, là hiểu chúng sinh lưu lạc trong năm đường cho nên nói: "hoặc mười năm hai mươi năm cho đến năm mươi năm". Nói chung đều là con Phật, nhưng nghĩa con còn yếu ớt, cho nên nói "thơ dại", chẳng kết duyên kỹ giới cho nên nói "ở lâu nơi nước khác".

2. Hướng bản xứ trở về, lãnh "ba mươi người con" trong Tổng thí. Đây vì có nghĩa tích chứa vi diệu cho nên nói "tuổi trưởng thành". Vì đã trải qua khổ, liên quan lòng Đại bi của Phật, cho nên nói "gặp đường trở về nước mình".

Đoạn hai: Cha tìm kiếm con, giữa chừng dừng lại tại một thành có hai ý: 1. "Cha tìm con không được", lãnh "Trưởng giả" trong Tổng thí, từ sau khi chúng sinh thoái thất Đại thừa, dò xét cơ Đại thừa của chúng, thì thấy họ chưa hội được cho nên nói "không được". 2. "Dừng lại tại một thành Nhà ông" là lãnh "nhà" trong Tổng thí. "Giàu có lớn" là lãnh ý "Trưởng giả đức nghiệp trong ngoài giàu có" trong Tổng thí.

- Đoạn ba: Người con đến thành của cha, có hai ý:

1. Nguyên do đến thành, lãnh hội tướng khổ não qua thí dụ lửa bốc cháy. Từ khi thoái Đại thừa về sau thì trải qua khắp nơi, đủ mùi cay đắng.

2. "Cuối cùng đến thành nơi cha ở", tức là coi cái Khổ là cơ duyên hợp với Đại bi, cho nên nói: "cuối cùng đến thành nơi cha ở".

- Đoạn bốn: Cha lo buồn và vui mừng, có hai ý:

1. Mất con nhớ khổ.

2. Được gặp lại con vui, lãnh "một cửa"trong Tổng thí, con đã nhỏ dại chọn cửa không đúng làm cho cha lo lắng, giỏi dùng cửa này để đi ra cho nên nói làm cho cha vui.

Phân chương đã xong.

- Giải thích văn: Ban đầu con bỏ cha trốn đi có hai:

1. "Thí như có người", lãnh "hai mươi người con" dụ cho "hàng Nhị thừa". Hạnh vị của Bồ-tát thì khó biết, hơn nữa đều đã lãnh. "Tuổi còn thơ dại". Xưa nói: nghe pháp ít, gọi là "thơ dại". Nếu như vậy thì văn dưới nói "trưởng thành" tức là nghe pháp nhiều?! Nay cho rằng: do vô minh sâu dày che lấp làm chướng ngại Tâm hiểu biết, tâm hiểu biết không đủ sức cho nên nói "thơ dại". Thiện căn huân tập gia bị dần dần cần phải tích chứa, gọi là "trưởng thành". "Bỏ cha trốn đi mất":

Thoái đại là “bỏ”, vô minh tự che lấp là “trốn”, hướng đến sinh tử là “đi mất”.

Hỏi: Đức Phật bỏ, lẽ ra về sau chúng sinh khởi Hoặc, tức là cha bỏ con chứ không phải con bỏ cha? Đáp: Do chúng sinh không cảm đến Phật bỏ thế gian, mà ngược lại thành nghĩa con bỏ cha.

“Ở lâu nơi nước khác”: Pháp giới Niết-bàn là cõi Phật của mình, sinh tử ngũ dục là “nước khác”. Vốn cầu xuất ly mà thoái đoạ không trở lại, cho nên nói “ở lâu”. “Hoặc mười” là Thiên đạo, “hai mươi” là Nhân đạo, “năm mươi” là Ngũ đạo (năm đường). Căn cứ nơi “một người” luân hồi khắp các đạo.

2. Từ “Tuổi đã lớn” trở xuống, là ý thứ hai: hướng trở về nước.

- “Thơ ấu” có hai nghĩa:

1. Si mê Tiểu thừa.

2. Chưa gặp khổ nên không biết trở về.

Dụ kết duyên về sau chưa hiểu nhiều về Đại thừa, như si mê không trở về, người thiếu phước thì đam mê không trở về. Nay tập nghiệp ngầm huân vi diệu biết đường hướng, gặp khổ mất vui tư duy mong cầu xuất yếu. Hai điều này làm cơ duyên hợp với Phật, gọi là “du hành dần dần tình cờ gặp đường hướng về bản quốc”. Văn trên nói: Nếu người gặp khổ thì vì họ thuyết Niết-bàn. Nếu ở hai đường thiện nhân thiên mà chẳng cảm Phật duyên, thì ở trong ba cõi không thấy Phật ví như cha, gọi là “cùng”. Không biết cách xuất yếu, gọi là “cùng”. Lửa bát khổ thiêu đốt, gọi là “khốn”. “Rong ruổi bốn phương để cầu ăn mặc”. Xưa nói: Nhân, Thiên ngũ giới thập thiện đều có nhân quả, coi đó là vật dụng bốn phương để tự cung cấp nuôi dưỡng, lại mưu sinh trong bốn loài (tứ sinh) để cầu ăn mặc.

Văn dưới nói: Một trăm ba mươi kiếp nay mới thấy được một lần, trong các kiếp ấy chẳng phải không có quả báo nhân thiên nhưng không năng cảm Phật. Cho nên, biết thiện đây chẳng phải cơ duyên để thấy Phật. Nay Phật chưa xuất thế, những người phàm phu khởi bốn kiến về thân thọ tâm pháp, ở trong đó cầu chánh đạo như “cầu ăn”, cầu trợ đạo như “cầu mặc”. Lấy “sự nhàm khổ mà cầu lý” làm duyên được độ. Khi đức Phật mới xuất thế, chúng ngoại đạo đều được độ trước, tức ý đây vậy. Đại Kinh nói: “Đế quán bốn phương dụ cho Tứ đế”. Căn cứ theo đây thì có thể biết.

“Du hành dần dần tình cờ gặp đường hướng về đến bản quốc”, là nói kia chán khổ hy vọng thoát tà cầu đắc Niết-bàn, tuy chẳng phải bản ý mà cũng nhờ đó được gặp Phật, cho nên nói “tình cờ gặp đường

hướng về bản quốc" như trên nói. Dưới đây nêu "thành, xá" làm sao phân biệt? Hết thảy Phật pháp là nước (quốc), nghĩa này thì rộng, nói "thành" thì nhỏ hơn và thân thiết hơn. Coi "Đoạn đức Niết-bàn, ngăn ngừa điều trái chống lại việc ác" là "thành". "Xá" là tự thân, đồng thể đại bi làm "Xa".

Từ "Người cha từ trước đến nay tìm con không được" trở xuống, là đoạn hai: thí dụ "Tìm con, giữa chừng dừng lại tại một thành", cũng chia làm hai:

1. Từ thoái Đại thừa sau tìm cơ duyên mà không gặp. Không gặp cho nên gọi là "không được".

2. "Giữa chừng dừng lại tại một thành", không vì một người con mà phế bỏ gia nghiệp, dụ cho Phật không vì một chỗ không có cơ duyên mà phế bỏ việc giáo hóa các phương khác. Xưa nói: Sau hai vạn đức Phật và trước Phật Thích-ca, thì giữa hai mốc thời gian này là "giữa chừng dừng lại". Nay cho rằng nghĩa "giữa chừng" thì có thể như vậy, "dừng lại tại nước, thành nhà" thì đều không thể dùng. Nay chọn Phương tiện hữu dư độ là "nước". Giữa hai cõi Đồng cư và Thật báo là "giữa chừng". Hữu dư Niết-bàn là "thành" Trụ nơi thành Niết-bàn này gọi là "dừng lại". Ở Niết-bàn này làm "nhà", khởi hai ứng thân Thắng, Liệt. Liệt ứng thì ứng với Thanh văn, Thắng ứng thì ứng với Bồ-tát. Năm hạng người đoạn Thông hoặc, đồng sinh ở cõi Phương tiện hữu dư kia, đều là Bồ-tát. Phật dùng Thắng ứng thân mà ứng phó, thuần dùng gia nghiệp Đại thừa mà dạy bảo khiến tu học. "Giữa chừng dừng lại" ở đây là dò xét tìm con căn cơ ở cõi Đồng cư, không phải chỉ nghĩa "giữa chừng" được hợp, mà "nước, thành, gia nghiệp" thảy đều phân minh. "Nhà ông giàu lớn": Cảnh thật tướng là "nhà", đầy đủ vạn đức gọi là "giàu", ngũ độ phước đức gọi là "của cải", trí tuệ Bát-nhã gọi là "của báu". Chỉ dẫn cho hết thảy biết Ma-ha-diễn, gọi là "vô lượng". "Vàng, bạc, châu báu v.v...". Là ba mươi bảy phẩm trợ đạo của Đại thừa. Đây tức lãnh hội nghĩa "trưởng giả đại phú" bên trên. "Kho đụn đầy tràn", ở trong là "đầy", ở ngoài là "tràn". Nhiều lúa gạo gọi là "đụn (thương)", nhiều vật gọi là "kho". "Đụn" dụ cho thiền định, thiền phát sinh một trăm lẻ tám Tam-muội. "Kho" dụ cho thật tướng, có thể sinh mười tám Không trí tuệ. Tự nuôi gọi là "đầy", ngoài giáo hóa gọi là "tràn", lãnh hội nghĩa "có nhiều ruộng nhà" trong thí dụ trên. "Tôi tớ" là phương tiện tri kiến Ba-la-mật thảy đều đầy đủ, uyển chuyển tùy cơ duyên xứng sự xứng lý, đây là lãnh hội nghĩa trên: "lại nhiều người theo hầu hạ". Căn cứ địa vị mà nói, Nhị thừa cho đến Thông giáo Bồ-tát, Biệt

giáo tam thập tâm đều như “tôi tớ”, Biệt giáo, Viên giáo Thập địa như “đại thần”(bầy tôi của vua), Thập hồi hướng như “trợ tá”, Thập hạnh như “tùy phái”, Thập trú như “dân”. Ban đầu vào cảnh giới Phật, là khách của Suất độ, đều là dân của vua. Tuy được làm dân, nhưng so với trợ tá, tùy phái thì còn cách xa. Thập hạnh trải qua việc biệt tu tập các pháp, chạy vạy đủ thứ như “tùy phái”. Thập hồi hướng thì sự lý sâu dần, chức vị gần bên vua như “trợ tá”. Thập địa phụ giúp đức Phật hành hóa, hàng phục ma ngăn địch, cho nên như “đại thần”. Nhất tâm tam quán như “voi”, vận chuyển Đại thừa Viên giáo. Thứ đệ tam quán như “ngựa”, vận chuyển Đại thừa Biệt giáo. Tức Không, Tích Không quán như “trâu”, vận chuyển Đại thừa Thông giáo... Tích pháp quán thì tự hành như xe hươu dê... vận chuyển pháp nhị thừa.

“Vô số” các pháp Quyền, Thật đều gọi là “xe cộ”. Quyền, Thật trí quán gọi là “voi, ngựa, trâu, dê”, chẳng những giáo pháp rất nhiều mà quán trí cũng lại “vô số”. “Xuất nhập” nghĩa là: hai mà không hai, gọi là “nhập”, không hai mà hai, gọi là “xuất”. Lại, không hai mà hai, gọi là “nhập”, hai mà không hai, là “xuất”. Vô lượng trở lại một, gọi là “nhập”, vô lượng trong một, gọi là “xuất”. Dụng hóa tha, gọi là “xuất”, dụng tự hành, gọi là “nhập”. Xuất pháp lợi ích chúng sinh gọi là “tức”, công sức hóa tha quy về mình gọi là “lợi”. “Khắp đến nước khác” tức khắp cả ba cõi, hành nơi phi đạo thông đạt Phật đạo tức là nghĩa ấy vậy. Chỉ có pháp tánh là nước mình mà thôi! “Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều”: Các Bồ-tát là người buôn bán, lại nhập khắp ba cõi để cầu pháp lợi, cho nên nói “đông nhiều”. Bồ-tát cõi này đến cõi khác nghe pháp, Đại sĩ ở các phương khác đến đây nghe kinh, như buôn bán qua lại kiếm lời. Lại, hai thân Ứng, Hóa như khách bán, đem Thật pháp nhập khắp trong ba cõi, giáo hóa làm lợi ích chúng sinh khiến họ trở về pháp thân, cho nên nói “rất nhiều”, như người ở thế gian khiến người khác mua bán với mình, đôi bên cùng lợi.

Từ “Bấy giờ cùng tử kia dạo đến các làng xóm”, trở xuống, là đoạn ba: thí dụ con trở về gần cha. Đây cũng có hai ý:

1. Cầu cơm áo.

2. Đến thành cha.

Ý thứ nhất: bên trong hợp nghĩa thoái thất Đại thừa đã đầy đủ, gặp các sự khổ sinh tâm rất lo, chán muốn cầu ra khỏi, chấp lý, chẳng đúng dẫn đến thành tà tích. Vì tà tuệ đã trải qua, nên tâm dễ có thể nhập chánh, muốn cầu xuất thế là nguyên do cảm Phật. Quán sát năm ấm làm “làng xóm”, mười hai nhập làm “ấp”, mười tám giới làm “nước”,

trải qua đây để cầu lý gọi là "cầu y thực". Ý thứ hai: "Lần hồi đến thành chỗ cha ở", đây là chánh hướng đến thành của người cha ở, cảnh khổ làm cơ duyên cảm Đại bi của Phật gọi là "đến thành". "Thành" tức Niết-bàn, Niết-bàn chung cả Tiểu thừa và Đại thừa. Chúng sinh quen hiểu nghĩa có thể có được Niết-bàn, cho nên nói "đến thành".

Từ câu: "Người cha hằng nhớ con" trở xuống, là đoạn bốn: dụ lo lắng nhớ đến con; đây cũng có hai ý: Ý thứ nhất: Khổ nhớ mất con, đức Như Lai từ xưa đến nay thường tư duy đến cơ duyên Đại thừa của con, cho nên nói "hằng nhớ". "Hơn năm mươi năm" là năm đường. Trừ bỏ loài quỷ, vượt xuất loài Tu-la, nên gọi là "hơn". "Chưa từng hướng người mà nói việc như thế": là chưa từng hướng đến đại thần, trợ tá, tùy phái, dân (thần, tá, lại, dân) trong cõi Phương tiện hữu dư, mà nói có con cơ duyên như thế. Lại, từ khi ứng hiện ở đời về sau, từ xưa qua các thời Hoa Nghiêm, Phương đẳng, Đại Phẩm, ở các pháp hội đó chưa từng hướng đến các Đại sĩ mà nói rằng: hàng Thanh văn này vốn là con của Đại thừa. Đã không phải con Phật thì không hiểu Phật pháp, hoặc như điếc như câm, hoặc dâng hoa kính lạy Tòa, hoặc bỏ bát mà mờ mịt không biết gì, bao nhiêu thứ không theo kịp. "Ôm lòng hối hận". "Hối" xưa kia không ân cần dạy bảo, để đến nổi chúng không được dạy mà trốn bỏ đi, "hận" con không nghĩ đến ân nghĩa, xa lạ với cha mà thân cận người khác.Trong hợp với Như Lai "hối" không ân cần khiến nhập nội phàm đến nổi thoái thất bản giải; "hận" chúng vô tâm không thể tinh tấn cố chí mà bỏ trốn, mê muội không trở lại, cho nên nói "hối hận". "Tự nghĩ mình đã già yếu": Kỳ hạn hóa đạo sắp hết mà không có người để truyền trao pháp Đại thừa, như người thế gian già yếu mà không có con.

Hỏi: Đối tượng được Pháp thân giáo hóa là các Bồ-tát đều có khả năng bổ xứ, thì cần gì phải lo sợ?

Đáp: Đối tượng được Pháp thân giáo hóa, vốn không có hưng phế, sao lại bàn luận về việc già yếu? Đây chẳng phải điều đáng luận bàn.

Nay nêu rõ quyến thuộc Hóa thân có hai thứ:

1. Pháp thân đại sĩ hiện tướng làm chúng ảnh hưởng trong pháp hội kia, tích tuy là đệ tử, nhưng bản thì có khi là thầy, cũng không căn cứ đây tự nghĩ già yếu.

2. Phàm phu ở cõi Đồng cư, bắt đầu theo hóa Phật đến sơ phát đạo tâm, gọi đây là con. Con kế tiếp gia nghiệp của cha, nối dõi giống nòi không dứt. Nếu Thân-tử thọ quyết định làm Hoa Quang Phật, thì hạt giống một phương Phật tiếp nối không dứt, gia nghiệp Đại thừa lần

lượt nối tiếp truyền phó. Nếu Thân-tử không có cơ duyên được hóa, thì tài pháp Đại thừa hiện không có phó chúc, thì chúng sinh đời sau hạt giống Phật nương cậy nơi nào? Vì già yếu nên cất tiếng than, chính là đây vậy!

Ý thứ hai: Từ “Ông lại suy nghĩ: Nếu ta gặp được con” trở xuống, là vui tìm gặp được con vì căn cơ có thể độ gọi là “được con”, được Phật thọ ký gọi là “giao phó pháp tài”, xứng với bản tâm, cho nên nói: “khóai lạc”. Lãnh hội Tổng thí bên trên đã xong.

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6
(Phần Hạ)

Từ "Lúc bấy giờ cùng tử làm thuê làm mướn" trở xuống, là phần hai: dụ Cha con gặp nhau. Gần thì lãnh hội nghĩa "thấy lửa" trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh hội nghĩa "ngũ trược" trong phẩm Phương Tiện. Có ba ý:

l. Nêu cùng tử làm thuê làm mướn, lãnh "thấy lửa cháy" trong dụ Nhà lửa và "thấy ngũ trược" trong phần Pháp thuyết.

2. Cha thấy con, lãnh "trưởng giả thấy" trong dụ Nhà lửa và "Dùng Phật nhãn thấy" trong Pháp thuyết.

3. Hoan hỷ thích ứng sở nguyện, lãnh hội nghĩa "kinh bố" trong dụ Nhà lửa và "khởi tâm Đại bi" trong Pháp thuyết.

Trong Pháp thuyết và Thí thuyết đều nêu cha trước thấy con, ở đây thì nêu con trước thấy cha. Căn cứ đức Phật tức trí tuệ linh thiêng sáng suốt, thì trước hết biết căn cơ rồi sau mới khởi ứng, cho nên nói cha trước thấy con. Nếu căn cứ chúng sinh, thì ắt trước có căn cơ sau mới ứng, cho nên nói con trước thấy cha. Cơ ứng bất khả tư nghì, không sau không trước, cho nên trước sau hỗ tương nêu ra. Dựa theo ý đó, nay để thuận tiện chỉ chia văn làm hai đoạn.

1. Con thấy cha.

2. Cha thấy con.

- Trong hai đoạn này mỗi đoạn có bốn ý.

Đoạn một: Con thấy cha, có bốn ý:

1. Nguyên do thấy cha, là do cầu y thực.

2. Nơi thấy cha, đứng cạnh cha.

3. Thấy tướng cha ngồi giường sư tử.

4. Sinh tâm lo sợ tránh, hối hận đến nơi này.

- Ý thứ nhất: Nguyên do thấy cha. Do chán khổ ưa vui, tìm cầu vị lý, tích tập dần dần, rốt cuộc thành thiện căn xuất thế, cho nên nói "làm thuê làm mướn lần hồi". Dùng thiện căn này có thể gỏ cửa từ bi của

Phật, cho nên nói "tình cờ đến nhà cha". "Cha" dụ cho đạo hậu pháp thân, "Nhà" dụ cho vô duyên đại từ bi. Hai căn cơ Đại, Tiểu đều bám lấy nhà này, do có Đại cơ cho nên nói "xa thấy cha", có Tiểu cơ nên nói "đứng ở cạnh cửa". Nếu căn cơ chỉ có Tiểu mà không có Đại thì lẽ ra không thấy thân đặc tôn và cha không nên nói "tài vật của ta đầy kho tàng, nay có người để giao phó". Nếu chỉ có Đại mà không có Tiểu, thì không nên đứng ở cạnh cửa và con không nên nói "đây chẳng phải là chỗ để ta làm thuê mướn kiếm được tiền vật".

Nơi thấy cha tức đứng cạnh cửa. Nhị quán là phương tiện, tức hai bên cửa. Nếu căn cơ trong Viên giáo, thì chính diện cửa nhìn thẳng. Nhị thừa thiên chân, cho nên nói "cạnh cửa". Chỉ vì Không Tam-muội thiên chân tuệ nhãn, cho nên đứng bên mà trộm nhìn pháp thân. "Xa thấy cha", tức chánh kiến có hai thứ:

1. Gần thấy.

2. Xa thấy.

Nay nói Đại cơ bắt đầu phát, dẫn đến việc xa, cho nên nói là "xa". Lại, căn cơ nhỏ thì chẳng nên giao phó, gọi là "xa".

"Ngồi giường sư tử": là Báo Pháp thân Viên giáo an trú nơi lý Không, không còn bị Thông hoặc, Biệt hoặc, tám ma... làm sợ hãi, cho nên nói "ngồi giường sử tử". Kinh Hoa Nghiêm nói: Đệ nhất nghĩa không, tứ vô sở úy là "giường". "Ghế báu đỡ chân": Định tuệ làm "chân", Thật đế làm "ghế", định tuệ vô sinh dựa cảnh chân như. "Bà-la-môn", xưa gọi là dòng họ lớn cao quý lương thiện từ Bát địa trở lên.

"Sát-lợi": Là từ Thất địa trở lại. "Cư sĩ" là nội phàm phu...

Xưa nói: trong kinh này nêu Pháp thân. Chẳng phải Pháp thân Bồ-tát thường trú, chính là ứng thân ở các cõi khác cũng sẽ ứng thân ở cõi này, tức là Pháp thân Bồ-tát cõi này vậy, cho nên có các người nội phàm bao quanh. Nay nói không như vậy. Nếu tác Phật phương khác, thì cha con căn cơ cảm ứng, thể dụng thoát khỏi sự chấp trước (trước thoát), đều không thành như trước nói. Lại không bao hàm Tiểu cơ, khế hợp Đại cơ cõi này, khế hợp cõi khác, cũng không nên kết Đại duyên ở nơi phương kia, kết Tiểu duyên ở nơi đây, cũng không nên kết cả hai tại đây, ứng cả hai tại kia, như vậy là đại hoặc loạn. Nay nêu Thắng ứng thân Bồ-tát tức thân đặc tôn Lô-xá-na là nơi Đại căn cơ khế hợp. Liệt ứng thân ứng với Tiểu thừa là thân một trượng sáu, mặc áo xấu là nơi Tiểu cơ khế hợp. Nay kinh nêu thường trú Đề-hồ cùng Niết-bàn đồng, Pháp thân viên đốn cùng Hoa Nghiêm đồng. Dụ trưởng giả oai đức đặc

tôn kẻ hầu người hạ, Sát-lợi Bà-la-môn đều cung kính bao quanh, thảy đều chỉ quyến thuộc trong Hoa Nghiêm đều không khác. Pháp tướng được thuyết như kia đã nói lại không sai khác. Bà-la-môn gọi là Tịnh hạnh, hàng quý tộc cao khiết tức là Đẳng giác Ly cấu Bồ-tát. "Sát-lợi" tức là dòng dõi vua chúa, là từ Cửu địa trở xuống Sơ địa trở lên. Cư sĩ giàu mà không tôn quý, tức tam thập tâm. Chân châu anh lạc, tức giới định tuệ, Đà-la-ni Tam-muội tứ anh lạc vậy. "Giá trí ngàn vạn" tức công đức của bốn mươi địa, dùng trang nghiêm pháp thân. "Các dân lại tôi tớ", là khác môn mà rõ nghĩa, tức là thọ lãnh phương tiện giáo. Đoạn Thông hoặc, gọi là "dân". Bẩm thọ Biệt giáo đoạn Thông hoặc, gọi là "lại". Hoặc đồng môn rõ nghĩa, rốt cuộc là phương tiện Ba-la-mật. Trong đồng với thật trí, ngoài đồng với cơ duyên. Dụ như "lại dân", có nghĩa là trong tôn phụng, ngoài sai khiến. "Tay cầm phất trần trắng": tức là dụng quyền trí. "Tả hữu": Hữu tức nhập dụng Không trí, phủi bụi Tứ trụ. Tả tức nhập dụng Giả trí, phủi bụi vô tri. Hai thứ này là phương tiện Trung đạo, cho nên nói "đứng hầu". "Màn báu che trên": là chân thật từ bi. "Treo hoa phan đẹp rũ xuống": "hoa" tức Tứ nhiếp. "Phan" tức thần thông. "Nước thơm rưới đất": Rót nước pháp thân rưới khắp đất tâm của các Bồ-tát, làm trôi đi các bụi bặm phiền não, cũng là nước định rưới tâm tán loạn. "Rải các thứ danh hoa": là rải đầy bảy thứ hoa đẹp sạch nghĩa là: giới, định, tuệ, đoạn nghi, đạo phi đạo tịnh, tri kiến tịnh, đoạn tri tịnh. Giới: ba loại giới: nhiếp luật nghi v.v... Định: Thủ Lăng-nghiêm v.v... Tuệ: thật trí tuệ. Đoạn nghi: đã vượt qua cái nghi của nhị đế. Đạo phi đạo tịnh: hành nơi phi đạo thông đạt Phật đạo. Tri kiến tịnh: Trí đức viên mãn thấy rõ Phật tánh. Đoạn tri tịnh: Đoạn đức, thành tựu vĩnh tận vô minh. "Các vật báu trưng bày" là công đức chân thật khắp các địa. "Phát ra thâu vào", như trước đã giải thích... "Uy đức đặc tôn" là sắc tượng vô biên, tướng hải vô biên, lồng lộng rực rỡ. Nghĩa này phải như đức Phật Xá-na, đâu được giải thích khác ư!

Từ "Cùng tử thấy cha có thế lực mạnh" trở xuống, là ý thứ tư: thấy cha sợ tránh. "Lực thế lớn" trí đại cho nên gọi là "lực lớn", thần thông đại cho nên gọi là "thế lớn", như nghĩa "thân tay có sức mạnh" ở phẩm trên. "Sợ hãi": hạng Tiểu cơ yếu kém khiếp sợ Đại đạo. "Hối hận vì đã đến đây": tức Phật vốn muốn dùng Đại pháp, dự định là thích ứng, nhưng không xứng cơ, chỉ có ý thoái đại, cho nên nói "hối hận vì đã đến đây". "Thầm nghĩ rằng": trong cơ duyên tiềm ẩn ngầm có việc này, chẳng phải hiển bày đối diện thấy Thắng ứng thân. "Hoặc là vua hoặc là đồng vua": Ma Ba-tuần là "vua", bọn ma lính là "đồng", nên nói là

"đồng vua". Căn cơ Tiểu thừa đã đoạn dứt, mà đạo vô ngôn thuyết thì tuyệt sắc tượng, đã thấy tượng Thắng ứng thân chẳng phải thiên nhân sánh kịp, pháp được thuyết thì tướng khác xa nhị thừa, hàng tiểu trí đức mỏng chưa từng thấy nghe, liền cho đó là "ma", là "do ma thuyết". Lược khai tam hiển nhất, Thân-tử hồ nghi "E chẳng phải là ma giả Phật để não loạn tâm ta"? Nếu ban đầu dùng Đại để hấp dẫn Tiểu, thì nghi Phật là ma, còn quá hơn ngày nay.

Lại nữa, Thắng ứng thân dụ cho trưởng giả. Trưởng giả tức tiêu biểu báo thân Phật, cho nên là "đồng vua". Pháp thân là báo Sư. Sư tức như "vua", trong các kinh phần nhiều gọi là vua kinh. Trí khế hợp với pháp, tức là trí và pháp đồng, cho nên gọi báo Phật là "đồng". Đây chính là Đại thừa pháp báo, chẳng phải chỗ Tiểu thừa được lợi ích, cho nên nói "hoặc là vua hoặc là đồng vua" vậy.

"Chẳng phải là chỗ mà sức mình làm thuê làm mướn có thể kiếm được tiền vật": Tiểu cơ không thể thọ Đại hóa. "Chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo, có chỗ cho ta ra sức làm để dễ kiếm áo cơm": Kinh Tịnh Danh nói: "Có thể nhờ nghèo nàn mà tu đắc pháp", là nói hạng thấp kém này vậy. Nhưng lý Không không phù hợp vạn đức, chẳng phải Như Lai tạng, cho nên nói "xóm nghèo". Vì thiên Không thì xứng với tiểu trí, cho nên nói "có chỗ cho ta ra sức làm". "Dễ kiếm áo cơm"(Y thực dị đắc): năng đắc hữu dư Niết-bàn, vô lậu y thực, hành hạnh là "y", tuệ hạnh là "thực". "Nếu như ta đứng lâu ở đây, nhỡ họ bức bách ép sai ta làm": hành đạo Đại thừa trải qua vô lượng kiếp cho nên nói "đứng lâu". Ta vốn nhàm chán sợ sinh tử, nếu tu Đại thừa thì phải vào sinh tử, rộng học vạn hạnh, cho nên nói "bức bách". Ta vốn ưa Tiểu thừa mà nay khiến ta phát tâm Bồ-đề Đại thừa, là "ép sai ta làm". Xả bỏ Đại chấp Tiểu, cho nên nói "chạy mau".

- Đoạn hai: từ "Lúc bấy giờ Trưởng giả" trở xuống, là dụ "Cha thấy con" cũng có bốn ý:

1. Nơi cha thấy con.
2. Thấy con liền biết.
3. Thấy con hoan hỷ.
4. Thấy con, hợp sở nguyện của cha.

Nơi cha thấy con: tức "tòa sư tử", Pháp thân Như Lai ở cảnh đệ nhất nghĩa Không vô úy, chiếu rõ căn cơ.

"Thấy con liền biết": Biết là chúng sinh đã kết duyên ngày xưa

"Tâm rất hoan hỷ": Đức Phật thường xem xét căn cơ chúng sinh. Nay căn cơ đến xứng hợp lòng từ, cho nên "hoan hỷ", tức là lãnh hội

nghĩa pháp thuyết mà khởi đại bi. Nhà lửa thì rất sợ hãi, kia nêu ý cứu khổ cho nên nói "sợ hãi". Đây nêu ý ban vui, cho nên nói "hoan hỷ".

"Liền nghĩ rằng: Của cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó": thấy con thích hợp sở nguyện. Xưa thấy chúng sinh thoái Đại chấp Tiểu, đến xóm nghèo cầu lương thực để nuôi sống rất khó khăn gian nan, thường muốn ban cho tài vật, nhưng không có căn cơ nên không được. Ngày nay căn cơ đến, xứng với Đại bi tâm, cho nên nói "của cải kho tàng nay đã có người giao phó". "Ta thường nhớ nghĩ": nêu người con kia chẳng những nghèo khổ không có của nhiều, lại còn lưu chuyển trong vòng sinh tử bị các khổ bức bách, vì lòng đại bi thương xót cho nên nói "thường nhớ nghĩ". Dù muốn cứu vớt nhưng không có cơ duyên nên không thể cứu giúp, cho nên nói: "không sao gặp được". Nay có thể độ chúng sinh có cơ duyên cho nên nói: "nay nó bỗng tự đến". Xứng với tâm đại bi, cho nên nói: "rất hợp điều ý muốn của ta". "Ta dù tuổi già vẫn còn tham tiếc" : giải thích nguyên do thích hợp sở nguyện, do sự giáo hóa một đời đã xong cho nên nói "tuổi già". Chưa thấy đại cơ, nên pháp không có người ủy thác, đời sau chúng sinh nương vào đâu mà được giải thoát? Vì những người đáng độ cho nên nói "tham tiếc". Nay căn cơ tự đến, không còn có sự lo nghĩ này, cho nên "rất hợp ý muốn của ta".

- Phần thứ ba: từ "Liền sai người hầu đuổi theo gấp bắt lại" trở xuống, nêu dụ "Đuổi theo khuyên về". Gần thì lãnh hội nghĩa "bỏ ghế dùng xe" trong dụ Nhà lửa, xa thì lãnh hội nghĩa "thôi Đại dạy Tiểu" trong Pháp thuyết. Văn đây chia làm hai:

1. Sai người hầu đuổi theo.

2. Sai hai người dẫn dụ. Trước đuổi theo lãnh hội nghĩa trên nói "thân tay có sức mạnh mà không dùng", chỉ vì phẩm Phương Tiện nêu chung Giới (răn bảo) và Khuyên làm một, văn giải thích có ba: Nhà lửa khai Khuyến xuất Giới, giải thích mỗi mỗi chia làm ba, mà lược phần văn nói về buông bỏ. Trường hàng hợp Khuyến, không hợp Giới mà văn Thôi hóa lại nói rộng. Trong kệ, chỉ tụng Giới, không tụng Khuyến, lại không tụng ý Thôi hóa, đều có nêu ra và không nêu ra. Nhà lửa phần trường hàng thì Giới Khuyến giải thích mỗi mỗi có ba. Nay thì đều lãnh hội, tức "sai người hầu chạy mau qua bắt lại", lãnh hội ý dự định thích nghi ở môn Khuyến bên trên, "cùng tử kinh ngạc" là lãnh hội ý trên: không có cơ duyên ở môn Khuyến. "Cưỡng dắt đem về" là lãnh hội ý trên: dự định thích nghi ở môn Giới, "cùng tử tự nghĩ vô tội" đến "ngất ngã xuống đất" là lãnh hội ý trên: không có cơ duyên ở môn Giới.

Từ "Người cha xa thấy vậy" trở xuống, là đều lãnh hội "thôi hóa" Khuyến, Giới. Đây là ý Phật muốn dò xét để áp dụng. Đức Phật tuy Khuyến môn dự định thích nghi không có cơ duyên, mà ý vẫn chưa thôi hóa độ. Lại dùng Giới môn dự định thích nghi, sự không thâu hoạch rồi, sau đó mới thôi hóa độ. "Sai người hầu": ban đầu Khuyến môn dự định thích nghi. Trí là năng khiến, giáo là sở khiến. Lý nghĩa, là chánh; giáo nghĩa, là phụ. Từ khi đức Phật nêu ra Đại thừa thập nhị bộ kinh, dự định thử xem coi có thích nghi với chúng sinh hay không (Nghĩ nghi) nhưng vì không có cơ duyên nên không thọ lãnh, giáo này ví như "sữa", cho nên nói "sai người hầu". Lại,"người hầu" là đại thần, trợ tá... bầy tôi của vua... Tức là sai pháp thân Bồ-tát vì thuyết Đại thừa. Như trong kinh Hoa Nghiêm sai bốn vị Bồ-tát thuyết bốn mươi địa, tức "sai người hầu". "Chạy mau qua bắt": Đại thừa nêu nghĩa hiển lộ chánh trực, dùng đây ứng cơ mau đến Bồ-đề, cho nên trong Phẩm Phương Tiện nói xe lớn kia "phóng nhanh như gió". Nếu coi Bồ-tát là "người hầu", thì Bồ-tát tự có thần lực, lại được Phật gia hộ thêm cũng có thể khiến kia mau nhập Bồ-đề. "Cùng tử kinh ngạc" tức Khuyến môn không có cơ duyên. Vì hiện tại không có cơ duyên, dù xưa đã từng phát nhưng bỏ lâu không nhớ, chợt nghe Đại giáo trái tâm, cho nên "kinh", không biết cho nên "ngạc". "Lớn tiếng kêu oan": Tiểu thừa coi phiền não là kẻ thù (oán), sinh tử là khổ, nếu khuyên "phiền não tức Bồ-đề" thì "lớn tiếng kêu oan uổng", nếu nghe "sinh tử tức Niết-bàn" thì "lớn tiếng kêu khổ quá", tức không có cơ duyên, không nhận lời khuyên. "Tôi không hề xúc phạm": tôi không dự vào cầu xin, thì ý gì mà dùng Đại thừa giáo hóa tôi? Đây là lãnh hai ý Khuyến môn, chưa lãnh ý Thôi hóa. Tiếp lại kêu lớn không đến "bắt nó càng gấp" là lãnh ý Nghĩ nghi Giới môn. Trước nêu khuyến thiện cũng là chấp nhận cho,"ta sẽ vì thuyết việc sợ hãi" tức là rất cần thiết; "cưỡng dắt đem về", là răn bảo, dùng lời nói khổ, khiến cho chúng sinh xa điều ác. Trong đã không có căn cơ, ngoài thì bức Đại hóa là "cưỡng dắt đem về". "Tự nghĩ mình vô tội": là lãnh hội không nhận Giới môn. "Tội" là từ bi vậy. Chúng sinh mắc tội nên vào ngục sinh tử, Bồ-tát cũng đồng tội vào ngục. Người Nhị thừa không có đại bi, gọi là "vô tội" khiến nhập sinh tử, tức là "lại bị bắt bớ". Không có đại phương tiện mà vào sinh tử, ắt phải vĩnh viễn mất tuệ mạng Tam thừa cho nên nói: "ắt phải chết". Suy nghĩ những việc như vậy cho nên nói: "lại càng sợ sệt" ép dùng đại giáo hàng tiểu trí không hiểu cho nên nói "mê ngất", tức khởi phỉ báng ắt đọa ba đường, cho nên nói: "ngã xuống đất", cũng là mê muội chìm trong vô minh địa.

Từ "Người cha xa thấy vậy" trở xuống, là phần thứ ba: buông bỏ Khuyến, Giới môn và Thôi hóa độ Đại thừa. Đây chia làm bốn phần:

1. Tư duy Thôi hóa.
2. Giải thích Thôi hóa.
3. Chánh Thôi hóa.
4. Thôi hóa được thích nghi.

Phần một: Tư duy thôi hóa, có hai ý: a. Biết chí Đại thừa yếu. b. Biết chí Tiểu thừa mạnh. Đây là ý thứ nhất: "Cha xa thấy": tiểu cách xa đại, cho nên gọi là "xa", là kết duyên con, cho nên gọi là "thấy". "Bèn nói với sứ giả": Nếu coi Giáo là sứ giả, thì trí là gốc thuyết giáo, trí biết không có cơ duyên, trí thôi cho nên giáo cũng dừng nghỉ. Nếu coi người là sứ giả thì nói: các Bồ-tát không cần hiện thân tôn quý tuyệt diệu của các ông khiến cho hàng nhị thừa thấy. Trong kinh Tịnh Danh nói: "Giữ gìn hương thơm nơi thân của các ông, không để cho các chúng sinh kia khởi mê đắm". Phổ Hiền nhập cõi Ta-bà thì hiện thân khiến nhỏ, đều là nghĩa này. "Chớ ép đem đến": đã không có đại cơ, e rằng tổn thương thiện căn kia cho nên nói "chớ ép". Riêng cho rằng không cần người đó, mới tư duy thôi Khuyến môn nghĩ nghi. "Chớ ép đem đến" là tư duy thôi Giới môn nghĩ nghi. Ý thứ hai: "Lấy nước lạnh rưới trên mặt": biết có chí Tiểu thừa, thích nghi dùng nước lý thôi đoạn để trừ nhiệt Kiến hoặc Tư hoặc. "Mặt"(Diện): chán sinh tử thì gọi là lưng (bối), hướng Niết-bàn như "mặt" (diện). "Cho tỉnh ngộ": Khai Tiểu thừa đậu cơ thì được lìa phiền muộn, "ngộ" tứ chân đế. "Đừng nói chi với nó": quyết định phải thôi giáo hóa Đại thừa.

Từ "Vì sao vậy?" trở xuống, là phần hai: Giải thích ý thôi hóa: chính nhàm chán khổ, ưa thích Không, thân cận hạng thấp kém không có tâm từ bi, sợ Đại pháp khó lại mặc cho hạng Tiểu chí kia ức chế bản hoài của Phật, do đó thôi hóa. Xét biết nó (cùng tử) ở chỗ hai vạn ức đức Phật đã từng phát đạo tâm, chẳng phải hoàn toàn không có đại cơ. Vả lại tạm thôi dùng pháp Đại thừa hóa độ, ý Phật chưa thôi, mà còn đợi kỳ sau. "Chẳng nói với người khác": khi xưa trong Tiểu thừa giáo, tùy ý người khác mà nói phương tiện bảo vệ che chở, gọi là Thanh văn, không nói theo ý mình gọi nó là Bồ-tát.

"Sứ giả nói với cùng tử" trở xuống, là phần ba: chính nêu thôi hóa. "Ta nay thả ngươi": tức là biết Đại cơ yếu. "Đi đâu tùy ý": tức là biết Tiểu thiện mạnh. Do hai duyên này cho nên tạm thôi giáo hóa pháp Đại thừa.

Từ "Gã cùng tử vui mừng" trở xuống, là phần bốn: Thôi hóa được

thích nghi. Không bị giáo Đại thừa bức bách, cho nên "vui mừng". Không có tội phỉ báng Đại thừa, được miễn ba đường ác, cho nên nói "từ dưới đất". Có Tiểu thiện sinh, cho nên nói "mà đứng dậy".

Lại, lúc trước nghĩ nghi Đại pháp, mà mê muội không hiểu ví như "nằm dưới đất vô minh". Nay đậu cơ, dùng Tiểu pháp thì tỉnh ngộ được, cho nên nói "từ dưới đất mà đứng dậy".

Đối với lý Tứ đế, thì muốn cầu đạo pháp, cho nên nói "qua đến xóm nghèo để kiếm áo cơm". Hoặc là ở trong Tứ kiến mà cầu đạo, cho nên nói "xóm nghèo".

"Toan muốn dụ dẫn" trở xuống, là "ngầm sai nhị nhân" dẫn dụ. Đây chia làm hai phần:

1. Tề giáo: gần thì lãnh ý "ba xe cứu con". Xa thì lãnh ý "ở Ba-la-nại dạy Quyền".

2. Thủ ý: từ "Lại, vào ngày khác" trở xuống, lãnh ý "Pháp thân địa cửu chiếu phương tiện, chẳng phải tại cây Bồ-đề mới bắt đầu dùng Tiểu giáo". Từ lâu đã xem xét chúng sinh, thấy rằng không thể dùng thân Tôn-đặc để gần gũi được, mà phải dùng áo dơ xấu mới điều khiển nổi. Lãnh hội được những điều trước đây, bây giờ giải thích.

Hỏi: Bốn đệ tử lớn vì sao mà biết được Pháp thân cửu chiếu?

Đáp: Từ việc gần mà suy ra thì biết việc xa. Nếu lúc đầu tại cây Bồ-đề biết không có cơ duyên Đại thừa, thì không cần phải từ Đâu suất mà giáng thần chính tuệ thác thai, cho đến thị hiện có phiền não, có vợ sinh con, có ba mươi bốn tâm hậu thân đoạn phiền não. Cái Biết mà Phật chứng nghiệm thì thoát khỏi tướng lớn nhỏ, như biển anh lạc vi diệu. Mà lại khóac áo dơ vào thân một trượng sáu thô xấu. Thế thì biết: Pháp thân cửu chiếu (chiếu đã lâu) vậy!

- Sau đây là giải thích phần Tề giáo. Phẩm Thí Dụ văn có bốn ý:

1. Dùng phương tiện, dự định thích hợp.

2. Biết tâm lúc trước.

3. Ca ngợi ba xe.

4. Hợp với sở nguyện của con.

- Phẩm Phương Tiện cũng có bốn ý. Nay lãnh hội cũng bốn ý:

1. Từ "Toan muốn dụ dẫn" trở xuống, là lãnh ý "Dự định thích hợp (Nghĩ nghi)" bên trên.

2. "Khi đó nhị nhân được sai, liền đi tìm gã cùng tử, dã tìm được rồi": lãnh ý "Biết tâm lúc trước của con, có cơ duyên" bên trên.

3. "Thuật đủ việc như trên": lãnh ý "Ca ngợi ba xe hy hữu" bên trên.

4. Từ “Gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả” trở xuống, là lãnh ý “Hợp với sở nguyện của con, tranh nhau ra khỏi nhà lửa” bên trên.

Bây giờ xét ý thứ nhất: “Toan muốn dụ dẫn” Đã thôi Đại hóa, nhưng không phải là vứt bỏ hết không dạy gì, mà muốn dùng phương tiện, cho nên nói “toan muốn”.

“Ngầm sai khiến nhị nhân”: bốn đệ tử đều đã lãnh hội tùy theo khả năng của mình, chẳng liên quan Bồ-tát, cho nên nói “nhị nhân”.

“Nhị nhân”: nếu căn cứ vào pháp, thì Nhân duyên và Tứ đế. Nếu căn cứ vào lý, thì Chân đế và Tục đế. Nếu căn cứ vào hạng người, thì Thanh văn và Duyên giác.

Ban đầu dự định dùng Đại thừa giáo hóa, nên nói “liền sai khiến người hầu”, tiêu biểu “nhất Thật đế, nhất Đại thừa giáo, nhất Bồ-tát nhân”. Nay nêu phương tiện, ẩn Thật nên gọi là “ngầm”, chỉ dạy thiên chân nên gọi là “sai khiến”.

Nếu căn cứ vào giáo, thì ẩn Đại thừa gọi là “ngầm”, chỉ dạy Tiểu thừa gọi là “sai khiến”. Nếu căn cứ vào hạng người, thì hạnh Bồ-tát ẩn bên trong, cho nên gọi là “ngầm”, bên ngoài hiện tướng Thanh văn cho nên gọi là ”sai khiến”.

“Hình”: trong giáo của Nhị thừa không tu tướng hảo, chỉ nói “Khổ, Vô thường, Bất tịnh”, tức là “hình sắc tiều tụy”. Nếu căn cứ hạng người thì các Bồ-tát ẩn Bản sắc của mình, mà biểu hiện thoe Tích hình. Chẳng thuyết liễu nghĩa, không có Thập lực vô úy, cho nên nói “không có oai đức”.

“Các ngươi nên qua xóm kia”: tức dùng Tiểu giáo, nghĩ Tiểu cơ. Đại giáo nêu lý trực Thật, cho nên nói “chạy mau qua bắt”. Tiểu giáo nêu lý ẩn quanh co, cho nên nói “từ từ nói”.

“Đây có chổ làm”: Kiến đạo và Tu đạo là “chổ làm” đoạn lậu hoặc.

“Trả giá gấp bội”: Ngũ giới Thập thiện chỉ thoát ba đường ác. Nay Tứ đế, Mười hai nhân duyên có thể thoát sinh tử, đây là “nhất bội’. Lại, Lục hạnh của ngoại đạo thì chỉ có thể chế phục lậu hoặc. Nay tu Tứ đế thì có thể đoạn dứt lậu hoặc được đến Niết-bàn, đây là “nhị bội”.

“Cùng tử nếu chịu”: có cơ duyên, gọi là “chịu”, tức là thiết lập giáo. Không có cơ duyên, là không chịu, không lập giáo.

“Muốn sai làm gì?” Nhị thừa chỉ muốn trừ lậu hoặc, thủ chứng, mà không bàn đến Tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, cho nên nói “thuê nhà ngươi hốt phân”.

“Nhị nhân chúng ta cũng cùng làm với nhà ngươi”: Nhị thừa độn

căn nhờ vào Giáo và Hạnh, thực hành rồi mới có thể tu nghiệp. Nếu căn cứ vào lý, thì là Trí để giúp nhau. Nếu căn cứ vào hạng người, thì là Quyền nhân cùng tu hành với Thật nhân.

"Khi đó nhị nhân được sai liền tìm gã cùng tử" là ý thứ hai: xét biết có cơ duyên cho nên nói: "được rồi", lãnh ý là "biết tâm trước của con" ở Thí dụ trên.

"Thuật đầy đủ việc như trên" là ý thứ ba: thuê người cùng chung làm, lãnh ý "ca ngợi ba xe" bên trên. "Dọn" phân Khổ Tập để "lấy tiền công" Diệt Đạo.

"Cùng tử trước hỏi lấy giá tiền công, theo lời dạy mà làm công việc dọn phân" trở xuống, là ý thứ tư: lãnh "Hợp với sở nguyện của con, tranh nhau ra khỏi nhà lửa" bên trên. "Tầm" là "làm".

Hàng Nhị thừa hâm mộ quả mà hành nhân do đó nên "trước hỏi giá tiền công". "Người cha thấy con thì thương xót mà trách nó":"Trách nó" không cầu Phật đạo, "thương xót" nó ham chọn A-la-hán, chỗ mất thì lớn, chỗ được chỉ có chút ít, cho nên "trách".

Phần Tề giáo, lãnh ý trong văn Pháp thuyết và Thí thuyết xong.

"Lại, vào ngày khác" trở xuống, là phần hai: Thủ ý lãnh hội phẩm trước: Linh trí trước đã chiếu soi, từ lâu đã thiết lập Quyền, mưu tính lăn bánh xe pháp gập ghềnh đuổi theo, chẳng phải chỉ dưới gốc cây mới thấy nhân duyên. Như đã nói trên. Đây văn có bốn ý: 1. "Lại vào ngày khác": thủ ý lãnh hội trước dùng Quyền trí từ lâu muốn Nghĩ nghi. 2. "Thấy con tiều tụy": từ lâu biết phương tiện là thứ đồ chơi mà các con ưa thích. 3. "Cởi áo tốt mặc áo xấu": lãnh ý từ lâu biết nên tán thán ba xe. 4. "Thân gần dạy con làm": từ lâu đã biết hợp với nguyện của con, nó sẽ nhận làm.

Đây là ý thứ nhất: chữ "Lại" là từ có ý trịnh trọng, sắp muốn thủ ý lãnh Pháp thân địa, từ lâu đã biết căn cơ Đại tiểu (ba thừa, một thừa) mà thiết lập giáo hóa. Đây thuật lại ý Phật, cho nên gọi là "Lại". "Ngày khác" (Tha nhật): hàng Nhị thừa tự cho rằng phương tiện là vì mình, không phải pháp Nhị thừa vì người khác, tức so sánh Pháp thân. "Ngày"(Nhật) là thời gian cũng là trí. Y thời pháp thân, dùng trí chiếu soi căn cơ, cho nên nói "ngày khác". Nếu theo nghĩa này, thì Thật trí chiếu thật, gọi là "tự", Quyền trí chiếu phương tiện, gọi là "tha". Tề giáo lãnh: Lãnh hội ý hóa thân dụng sự làm "kỷ nhật", không phải hóa thân dụng sự làm "tha nhật". Nếu căn cứ đức Như Lai tự hành trí quyền thật, thì đều gọi là vì mình, Như Lai hóa tha chiếu soi quyền thật, đều gọi là vì người khác. Như Lai tự tha quyền thật chiếu, chiếu Thật

là vì mình, chiếu Quyền là vì người khác. Đây là dò xét lãnh ý thời pháp thân, dùng quyền trí hóa tha, chiếu quyền cơ hoặc có hoặc không, chiếu dụng Quyền sự hoặc có thể hoặc không thể, đều là Quyền trí sở chiếu, cho nên nói "tha nhật". Nếu theo nghĩa này thì Tề giáo lãnh là lãnh Quyền sự hóa tha, cho nên hàng Nhị thừa gọi là "kỷ sự" (việc của mình). Dò xét lãnh, là lãnh Quyền của tự tha, Quyền này chẳng phải sự của nhị thừa, cho nên gọi là "tha sự". Tuy có hai ý nhưng đều thành nghĩa "tha nhật". Nay dựa theo chỗ lãnh hội của Nhị thừa như trên, lại theo văn nói: "tha nhật" để dò xét lãnh, lãnh ý trong pháp thân chiếu căn cơ. "Cửa sổ": thiên kiến thì nhỏ, tiêu biểu Quyền trí chiếu căn cơ thiên lệch. "Xa": tiểu cách đại rất xa, cho nên nói là "xa". "Thấy con": xưa từng gieo trồng Đại căn, gọi đó là "con", vì định dùng Đại hóa độ cho nên nói là "thấy". Cửa sổ hẹp, ở một bên nhà, nên chưa thích hợp Đại hóa, cho nên "thôi Đại mà dạy Tiểu".

Từ "Gầy yếu" trở xuống, là ý thứ hai: lãnh "biết tâm trước của các con thích đồ chơi nhỏ" bên trên. Vì tu nhân trí lực ít, gọi là "yếu"; tu nhân phước lực kém, gọi là "gầy". Trong thì sợ vô thường, gọi là "tiều", ngoài thì gặp tám khổ gọi là "tụy". Tứ trụ là "phân đất", vô tri là "bụi bặm".

Từ "Ông liền cởi chuỗi anh lạc" trở xuống, là ý thứ ba: lãnh "biết tâm trước của các con nên tán thán ba xe hi hữu". "Cởi y phục tốt đẹp": dụ cho ẩn Báo thân vô lượng công đức. Bốn mươi hai địa, giới định tuệ, Đà-la-ni v.v.. là "chuỗi anh lạc". Tịch diệt nhẫn là "áo tốt mịn màng". Tướng hải đại tiểu là "đồ trang sức". Nếu dung mạo, trang phục đầy đủ thì làm con sợ hãi, hàng nhị thừa không thích hợp thấy tướng hảo này, cho nên nói "cởi". "Lại mặc áo thô rách": hiện hình một trượng sáu, là "thô", Sinh nhẫn Pháp nhẫn là "rách". "Đất bụi lấm thân": hiện có phiền não hữu vi hữu lậu. "Tay phải cầm đồ hốt phân" trở xuống, chỉ trị pháp hữu lậu Kiến hoặc Tư hoặc, không luận đến trí tuệ thanh tịnh của các địa. "Tay trái" dụ Thật, "tay phải" dụ Quyền. Quyền dụng thuận tiện dễ tự dùng pháp này để đoạn kết thành Phật. Lại, dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. "Bộ dạng có vẻ e sợ": thị hiện đồng sợ sinh tử. Lại, có quả báo gió lạnh, lúa ngựa.

"Bảo những người làm" trở xuống, là ý thứ tư: dụ thân cận dạy con cùng làm, tức là bảy khoa pháp môn trong đạo phẩm, để hiển bày "tướng dọn phân", lãnh ý trên nói "tâm các con đều mạnh mẽ, xô đẩy lẫn nhau, cùng đua nhau ruổi chạy tranh ra khỏi nhà lửa".

1. Dụ "bảo những người làm": dụ Tứ niệm xứ là địa vị Ngoại

phàm.

2. “Các ngươi phải siêng làm việc, chớ có lười nghỉ”: dụ Tứ chánh cần.

3. “Ôi! Gã nam tử này! Chớ bỏ đi nơi khác”: dụ Tứ như ý túc.

4. “Nên tự an tâm” trở xuống, gọi là dụ an ủi, dụ cho Ngũ căn.

5. “Vì sao?” Trở xuống, gọi là dụ không có năm lỗi, dụ cho Ngũ lực. Bốn câu trước đây là địa vị Nội phàm thứ hai.

6. “Tức thời Trưởng giả đặt tên cho cùng tử, gọi là con,” dụ Bát chánh đạo.

7. “Dù mừng việc tình cờ đó” trở xuống, gọi là dụ dạy thường làm tốt công việc dọn phân, dụ cho Thất giác. Hai câu cuối này là ngôi Thánh vị thứ ba.

- *Khoa thứ nhất:* “Bảo những người làm”, tức nói Tam tạng giáo dạy Tứ niệm xứ, là công cụ để dọn phân, đoạn trừ cảnh kết sử. Kinh Di Giáo nói: “Thường nương Niệm xứ mà hành đạo, thì có thể phá Tứ đảo”, lãnh ý “hợp sở nguyện mạnh mẽ” trong dụ Nhà lửa, tức là Văn tuệ.

- *Khoa thứ hai:* “Chớ có lười nghỉ” tức khiến siêng tu Tứ Niệm xứ. Nếu sinh lười nghỉ thì không thể diệt hai điều ác, không thể sinh hai điều thiện. Do hai việc siêng năng cho nên có thể phát sinh Noãn hỏa, xô đẩy lẫn nhau để ra khỏi nhà lửa là nhập Noãn vị Tu tuệ. “Dùng phương tiện đó nên đến được gần con”: là Niệm xứ chưa được lửa Lý làm ấm lòng, cũng như xa lạ bên ngoài, không thể thân cận phụ giúp. Do ban đầu được Noãn phương tiện, thì có thể thân cận phụ giúp.

- *Khoa thứ ba:* “Ôi! Gã nam tử này”: “Ôi” là tiếng kinh hãi, làm cho thức tỉnh, cũng là trách phận. Trong Chánh cần trên thì động nhiều, tức là Trí pháp, như nam tử là dương tính. Như ý túc là Định pháp, như nữ nhân là âm tính. Bởi do Chánh cần tác động, nên không được cùng Chân đế tương ưng, cho nên kêu: “Ôi!” trách phận nó, khiến xả tán nhập tĩnh, cho nên kêu: “Ôi! gã nam tử này!”. “Ngươi thường làm ở đây, chớ đi nơi khác”: Niệm xứ, Chánh cần mà động, không chuyên nhất, thì không gọi là “thường”. Trong Tứ như ý, định không lìa duyên, tư duy thì định, tư duy thì đoạn, định đoạn chuyên nhất, cho nên “thường”. Không động nhiều cho nên nói “chớ đi nơi khác”. Đây cũng trong ý “xô đẩy lẫn nhau”, tức là vị Đảnh pháp. “Ta sẽ trả thêm tiền công cho ngươi”: là trong Noãn pháp ý quán không thể phát chân, trong Như ý quán năng phát vô lậu cho nên nói “thêm tiền công”. “Những đồ cần dùng”: là lậu, vô lậu thiện trợ đạo, chánh đạo đều từ Như ý quán mà cầu, muốn

cần tức được. Thể Tứ thiền bao hàm nơi tu hành, ví như "bồn chậu". "Sinh không" thì thô ví như "gạo". "Pháp không" thì tế ví như "bột", đây tức là chánh đạo. Quán mười sáu hành tướng của Tứ đế để diệt trừ các kiến chấp. Vô thường ví như "muối", khổ ví như "dấm", đây tức trợ đạo. Như gạo bột khó ăn cần phải có muối dấm hòa vào, chánh đạo khó hiển bày, cần phải có trợ đạo trợ giúp. "Chớ tự nghi ngại": là kết chánh đạo, trợ đạo bên trên. Thật rõ ràng trong quán Như ý, nên "chớ nghi", và quyết định có thể làm tưởng như vật của mình, cho nên nói: "chớ ngại". "Cũng có kẻ tớ già yếu": Nếu muốn gánh vác mà dùng thần thông để thay thế tay chân, thì ví như "kẻ tớ". Trong quán Như ý cũng có thần thông này, nhưng thần thông còn yếu kém cho nên nói "già yếu", tuy không là trai tráng mạnh nhưng cũng có khả năng vận động phục dịch. Lại, dùng chánh đạo cầu lý, chánh đạo yếu chưa có thể phát chân, muốn cần trợ đạo: cửu tưởng (9 tưởng), thập tưởng, bát bối xả v.v... Trợ đạo ví như người đầy tớ, trong quán Như ý cũng có pháp này. Nếu đắc trợ trợ chánh, thì thành người cộng giải thoát.

- *Khoa thứ tư:* "Nên tự an tâm": đắc ngũ căn an ổn kiên cố khó hoại. "Ta như cha ngươi": là Nhẫn giải gần giống như Chân nhưng chưa phải là Thật, cho nên nói "như cha" cũng là như con. "Chớ có sầu lo": khiến cho ý nó yên tĩnh, phá hoại Kiến Tư hoặc.

- *Khoa thứ năm:* "Ta tuổi tác già lớn mà ngươi thì trẻ mạnh": Đức Phật an trú nơi đạo trọn đã đầy đủ Trí đức và Đoạn đức cho nên nói "già lớn", ngươi trong đạo ban đầu chưa có Trí Đoạn, cho nên gọi là "trẻ mạnh", đây tức Nhẫn pháp vị. "Không có năm lỗi": Đắc ngũ lực lìa năm pháp ác, đắc Tín lực cho nên "không dối", Tinh tấn lực cho nên "không biếng trễ", Niệm lực cho nên "không sân", Định lực nên "không hận", Tuệ lực nên "không nói lời thán oán". "Như các người làm công khác": Xa thì chỉ ngoại đạo các kiến cầu tìm lý gọi là "các người làm công khác". Gần thì chỉ bốn vị: Noãn v.v... chưa tránh khỏi năm lỗi, cũng gọi là "các người làm công khác". Văn đây không nêu "lìa năm pháp ác" tức đắc ngũ lực. "Từ nay về sau như con đẻ của ta": hạ nhẫn mười sáu sát na thời tiết còn dài, trung nhẫn tuy lại thẳng quán cũng chưa là một sát na, như thượng nhẫn thế gian một sát na tâm cuối cùng bên cạnh Chân, gần giáp Thánh, cho nên gọi vị này là "như con đẻ của ta", tức vị Thế đệ nhất pháp.

- *Khoa thứ sáu*: "Tức thời trưởng giả lại đặt tên cho cùng tử, gọi nó là con": Được Bát chánh đạo, nhập Kiến đạo, cùng đua nhau ruổi chạy, cho nên "gọi vị này như là con trẻ". Thế đệ nhất pháp và Chân,

cách nhau không lâu, cho nên nói "tức thời". Kinh A-hàm nói có năm loại con Phật: Tứ quả và Bích-chi-phật gọi là con thật của Phật. Bồ-tát không đoạn kết, nên nghĩa con chưa thành tựu.

- *Khoa thứ bảy*: "Khi ấy cùng tử dù mừng việc tình cờ đó" trở xuống, là dụ "thường làm tốt công việc dọn phân". Ví như tuy là con, mà tư duy nó chưa thấu đáo, như còn ở Học vị chưa thoát khỏi nạn cho nên "trong hai mươi năm thường làm tốt công việc dọn phân". Cũng lại tự biết không có khả năng nối dõi Đại thừa, chính là y giáo tu hành hết khổ đó thôi! Cho nên nói: "vẫn còn tự cho mình là khách, là người làm công hèn".

Nếu đắc sơ quả, thì nhàm chán Tiểu ưa thích Đại. Cơ duyên Đại thừa phát sinh, thì được trao cho Đại thừa. Lại, không cần tiến lên đoạn các kết sử còn sót lại. Chính do không xả Tiểu chí, nên Đại cơ không phát, vì thế tạm khiến nương giáo để tận trừ các lậu. Cho nên, nói "do đó mà trong hai mươi năm thường làm tốt công việc dọn phân". "Hai mươi năm": Kiến đế một giải thoát một vô ngại, Tư duy thì chín giải thoát chín vô ngại, cho nên nói "hai mươi năm". Lại, nói trong Kiến đạo và Tư đạo đoạn kết, gọi là "hai mươi năm". Hoặc là nói ngũ hạ phần kết và ngũ thượng phần kết, là "hai mươi năm". Lại, nói cũng như trong pháp nhị thừa đoạn Tư hoặc gọi là "hai mươi năm". Lại nói nương tựa nhị nhân được sai khiến, cùng đoạn các kết còn lại, gọi là "hai mươi năm". Từ khi có cơ duyên Nhị thừa đến khi cảm Phật thì gọi là: "Từ khi thấy con đến nay đã hai mươi năm". Nếu trú trong địa vị Nhị thừa chuyển Đại thừa giáo, gọi là trong hai mươi năm thường làm việc nhà. Nói: "hai mươi" thảy đều có nguyên do. Chỉ một câu này tức là vị tranh ra khỏi nhà lửa tam giới.

"Qua đó về sau" trở xuống, là dụ lãnh giao phó gia nghiệp. Gần thì lãnh ý "đồng ban cho xe lớn" trong dụ Nhà lửa. Xa thì lãnh ý "Vô thượng đạo" trong Pháp thuyết. Văn đây chia làm hai phần: Trước, Lãnh hội. Sau, Giao phó. Mỗi phần lại chia làm hai: cùng lãnh bốn ý trong dụ Nhà lửa đồng ban cho xe lớn, cũng là trong phẩm Phương tiện hiển thật bốn ý. Chương đầu có hai:

1. "Lòng dần thể tin (Tâm tướng thể tín)", tức lãnh ý "thoát khỏi nạn" bên trên.

2. Ủy thác cho gia nghiệp, dần dần con đã thông thạo bình yên, thành tựu chí Đại thừa, tức lãnh ý "đòi xe" bên trên.

- Chương sau có hai:

1. Giao phó gia nghiệp, tức lãnh ý "đồng ban cho xe lớn".

2. Được giao phó vui mừng, tức lãnh ý trên "được xe hoan hỷ".

Do "tâm tướng thể tín" cho nên được ủy thác giữ lấy gia nghiệp, gia nghiệp đã thông thạo, đều đầy đủ tri kiến, thì thành tựu chí Đại thừa. Bởi ý chí thông thái, cho nên được giao phó gia nghiệp, được giao phó gia nghiệp cho nên hoan hỷ. Nguyên do có từ xa đến gần. Nếu trước không dạy làm thuê, trả công từng ngày, thì làm sao thể nghiệm được thực chất mà được ủy thác gia nghiệp giao phó tài sản? Nội hợp: do thời Tam tạng giáo thì đoạn kết, kham các việc đều nghe Đại giáo, đều thọ thời Tịnh danh phá chấp, chuyển giáo Bát-nhã, mà đạt được giao phó gia tài. Nên biết: "làm thuê nhận tiền công" tức là nguyên do xa, "thể nghiệm tin theo", được giao phó gia nghiệp, tức là nguyên do gần.

Lại, trong thí dụ Dẫn dụ ở trước, có Tề giáo lãnh ý, bắt đầu là từ gốc cây Bồ-đề đến cuối cùng là ra khỏi nhà lửa. Lại, có Dò xét lãnh, bắt đầu là từ pháp thân đến cuối cùng là suy nghĩ xong. Nay lãnh ý cũng có hai: Ban đầu dò xét lãnh ý từ bi bốn vị điều hòa thuần thục, cuối cùng lãnh giao phó gia tài một vị rốt ráo. Xa gần đầu cuối hợp luận năm vị. Nghĩa là gì?

1. Nhũ vị: Tức "sai người hầu cận"(bàng nhân)."Bàng nhân sở thuyết" chính là dụ cho giáo Hoa Nghiêm viên đốn, giáo này là tối sơ. "Bàng nhân" dụ cho "trâu" sở thuyết dụ cho "sữa". Nội hợp: từ khi đức Phật xuất ra mười hai bộ kinh, tức vị ban đầu. Lại, lấy pháp ban đầu này dự định cho người Nhị thừa, nhưng họ không có cơ duyên nên không thọ nhận, mà "mê ngất ngã xuống đất". Pháp ấy hoàn toàn nguyên chất như hương vị sữa tươi mới vắt chưa qua chế biến (Nhũ vị).

2. Lạc vị: nêu "ngầm sai khiến nhị nhân"(mật khiển nhị nhân) nói pháp dọn phân, đây là dụ cho "sau khi thôi hóa Đại thừa, Phật đến vườn Lộc uyển nói tam thừa". Tiểu thừa liền tin, chuyển phàm thành thánh như chuyển "sữa" thành "lạc". Nội hợp: từ mười hai bộ xuất Tu-đa-la, tức vị thứ hai.

3. Sinh tô vị: nêu "tâm tướng thể tín nhập xuất vô nan" là dụ sau thời Tam tạng thì thuyết kinh Phương Đẳng như kinh Tịnh Danh... tán dương Đại bắt bẻ Tiểu, hàng Nhị thừa nghe Đại mà không hủy báng dẹp bỏ Tiểu, không thoái. Bởi đã trải qua thời Tam tạng đã đoạn kết sử, như được giá tiền công một ngày, cho nên kham nổi sự khen chê đó. Nếu chưa đoạn kết, thì không kham nghe tán dương Đại, như ở trước không thọ Khuyến môn, cũng không kham nghe bắt bẻ Tiểu, như trước không thọ Giới môn. Nay không hủy báng không thoái lui, là vì "tâm tướng thể tín" vậy. Tự thân đã chứng Tiểu, thì tin Đại không hư dối,

được giá trị của Niết-bàn, vì thể nghiệm được cho nên bị bắt bẻ mà không sân, tuy chẳng việc mình mà không nghi ngờ phỉ báng. Tâm này thuần thục, như từ Lạc làm ra Sinh tô. Nội hợp: từ Tu-đa-la xuất kinh Phương-đẳng, là vị thứ ba.

4. Thục tô vị: nêu "Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết" trở xuống, là dụ Phương-đẳng, "tâm tướng thể tín ra vào không ngại" về sau là giao phó giữ gia nghiệp, khiến cho kia lãnh giáo làm Đại Bồ-tát thuyết Ma-ha Bát-nhã, đã lãnh biết các vật, thông suốt tất cả pháp môn, tâm sáng, thuyết pháp hay, chỉ ân hận trụ Tiểu thừa chẳng phải phận mình, nay bỗng mở kho ra hứa cho, lẽ nào không vui ư?! Do đó tâm dần dần thông thái, thành tựu Đại chí, giống như từ Sinh tô tạo ra Thục tô, là từ Phương-đẳng xuất sinh Ma-ha Bát-nhã là vị thứ tư.

5. Đề hồ vị: nêu "Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến": đây là dụ sau Bát-nhã, phân rõ thiên tánh, định cha con, hội tam qui nhất, giao phó gia tài, thọ ký thuyết giáo Pháp Hoa, khai tri kiến Phật, chỉ bày tướng chân thật, Bồ-tát nghi trừ, Thanh văn làm Phật đều dùng pháp Như Lai diệt độ mà mình diệt độ, như từ Thục tô làm ra Đề-hồ, là từ Ma-ha Bát-nhã xuất sinh Đại Niết-bàn, tức vị thứ năm.

Bốn đại đệ tử hiểu sâu ý Phật, lãnh sâu giáo một đời gồm năm vị, từ đầu đến cuối thứ lớp mà văn đã nêu ra đây. Lãnh gia nghiệp, văn chia làm hai:

1. Tương thể tin.
2. Ra lệnh lãnh gia nghiệp.

- Phần "Tương thể tin" lại có hai phần:

1. Nêu thể tin.
2. Còn ở bản vị.

Đây là phần đầu: Nêu thể tin. "Tương" là tin lẫn nhau, nghĩa là ở trong Tam tạng giáo được giá trị Niết-bàn, biết đây đã không hư dối, nay vì Bồ-tát thuyết Đại thừa, biết đây cũng lại chẳng hư dối, đây là con tin cha. Đức Phật biết các hàng đã đoạn Kiến Tư hoặc này, nghe ắt không hủy báng, hàng vô lậu lợi căn nghe, ắt sinh lòng tin, đây là cha tin con. Do đó thấy thân đặc tôn, nghe Đại thừa giáo, gọi là "vào". Lại bị quở trách vì thấy thân trượng sáu thuyết pháp Tiểu thừa, gọi đây là "ra". "Vào ra" Đại thừa Tiểu thừa mà "không nghi nan" là nghĩa đó vậy.

Phần hai: Còn ở bản vị. "Nhưng chỗ của cùng tử vẫn ở chỗ cũ": Tuy ra vào không ngăn ngại, được nghe Đại thừa mà cho là việc của

Bồ-tát, chẳng phải phần trí của mình, không khẳng định hồi Tiểu hướng Đại. Còn ở nơi La-hán, thì không nói đời vị lại sẽ được làm Phật, đây là lãnh giáo các kinh Đại tập, Tịnh Danh v.v... như vị Sinh tô.

Phần thứ hai: Ra lệnh lãnh gia nghiệp. Từ "Thế Tôn! Khi đó Trưởng giả có bệnh" trở xuống, là ủy thác giữ gia nghiệp, đây lãnh hội ý kinh Đại Phẩm, Phật bảo chuyển giáo Bát-nhã, giáo Thục tô. Đây chia làm hai chương: 1. Ra lệnh biết gia sự. 2. Nhận lệnh lãnh biết. Mỗi chương mỗi đều có bốn ý: Chương một có bốn ý: 1. Nêu thời tiết. 2. Chánh thức bảo cho biết gia sự. 3. Răn bảo khiến theo ý cha. 4) Ra lệnh không để sót mất.

- Ý thứ nhất: "không bao lâu sẽ chết": có cơ duyên thì nên hiện hữu, là sống; cơ duyên hết thì nên từ tạ là chết, nay cơ duyên giáo hóa sắp xong, nên từ tạ "không bao lâu".

Từ: "Nói với cùng tử rằng: Ta nay có nhiều" trở xuống là Ra lệnh biết gia sự. "Vàng" là lý Biệt giáo, "bạc" tức lý Thông giáo. Đại Phẩm nêu rõ chân đế không ngoài hai lý này, mà nói "có nhiều" tức xét theo lý thì chẳng phải nhiều, xét theo các loại pháp môn thì cũng được nói "nhiều", ví như lý Không chẳng phải mười tám, căn cứ vào việc phá mười tám pháp mà gọi là mười tám Không. Trong Khuyến học nêu tất cả pháp môn đều là trân bảo. "Kho" là định môn, một trăm lẻ tám Tam-muội. "Đụn" là tuệ môn, mười tám cảnh không, Thông Biệt hai thứ "kho đụn" định tuệ gồm chứa tất cả thiền định trí tuệ không thiếu sót món nào. Trong đầy ngoài dư tràn, cho nên nói "tràn đầy". "Trong đó nhiều ít": thuyết Bát-nhã thì có rộng lược hai môn. Bồ-tát hành Bát-nhã nên biết tướng lược rộng, lược thì "ít", rộng thì "nhiều". Tự hành là "giữ lấy", hóa tha là "đem cho". Trong kinh Đại Phẩm nói: "Ông nên vì Bồ-tát mà thuyết", cho nên nói: "Ngươi phải biết hết".

Từ "Lòng ta như thế" trở xuống, là Răn bảo khiến hiểu thấu tâm ta. Đức Phật dùng Bát-nhã làm tâm, ông nay nối tiếp đèn Pháp nên theo ý Phật mà thuyết. Lại, hàng Nhị thừa vốn hiểu là phân tích pháp không; bảo phải "thể theo ý đây": là bảo khiến chuyển giáo dùng răn bảo khiến đồng thể pháp không của ta. Xưa thì được lệnh rằng: Sự nối tiếp đèn pháp giao cho người khác, nay mới biết Phật khiến ta biết cách thể nghiệm, nên nói: "nên thể theo ý ta". "Nay ta cùng ngươi bèn là không khác": Giải thích đây có ba:

1. Được gia bị tốt nên nói cùng Phật không khác.

2. Theo lý, vì các pháp đều như, cho nên "không khác", Thiện Cát như , Như Lai như, Nhất như, không có hai như, cho nên nói: "bèn

là không khác".

3. Căn cứ thời nay, mới ngộ ra thiên tánh cha con xưa nay không khác, mà người Nhị thừa tự cho được gia bị là có khác đó thôi. "Nên gắng dụng tâm" trở xuống là lệnh "chớ để sót mất". Ông vì Bồ-tát thuyết giáo Bát-nhã chớ để sót mất, đối với Nhị thừa thì đây tức pháp của ông sau sẽ dùng, vì vậy cho nên không để sót mất.

Từ "Liền nhận lời bảo" trở xuống, là chương thứ hai, cũng có bốn ý:

1. Nhận lệnh lãnh biết.

2. "Không mong cầu lấy", Thiện Cát tuy nói Bát-nhã tự cho là ta không có phần đó.

3. Chưa bỏ tâm thấp kém, "vẫn còn ở chỗ cũ": trú La-hán vị, tuy hâm mộ Đại cũng chưa định nói muốn làm Bồ-tát. "Chưa bỏ tâm thấp kém": Tuy thẹn vì tâm Tiểu thừa cũng chưa quyết định nói bỏ chứng Tiểu thừa.

4. "Lại trải qua thời gian ngắn cha biết ý con" trở xuống, tức là lãnh ý dụ "đòi xe" bên trên. "Tự chê tâm ngày trước": muốn cầu Đại đạo, tức là Đại cơ phát.

Hỏi: Thế nào gọi là thời gian ngắn?

Đáp: Có người nói thuyết Bát-nhã xong, ở nơi khác dạo xem, Tầm tư pháp môn Đại thừa đã lãnh thọ, sinh tâm vui thích, như thế là sót hay không sót? Tầm tư như thế tức là thời căn cơ Đại thừa phát, thời đó cách Pháp Hoa chưa lâu, cho nên nói là "thời gian ngắn". Lại nữa, lúc đang thuyết Vô Lượng Nghĩa thì căn cơ Đại thừa phát, làm sao biết? Trong Vô Lượng Nghĩa nêu bảy thứ phương tiện, vô lượng tiệm đốn từ một pháp sanh. Vì nghe đây thuyết, tư duy xưa Tam tạng Tam thừa đều từ một pháp sanh. Như thế Tam thừa nay cũng nên nhập vào nhất, tư duy như vậy dần dần đã thông thái tâm Đại thừa, liền phát, cho nên nói "thành tựu Đại chí".

Từ "Đến giờ sắp chết" trở xuống, là chính giao phó gia nghiệp, lại chia làm hai phần:

1. Giao phó gia nghiệp.

2. Hoan hỷ.

- Giao phó gia nghiệp có bốn ý:

1. Thời gian giao phó gia nghiệp.

2. Bảo con mời mọi người làm chứng.

3. Kết hội cha con.

4. Chánh giao phó gia nghiệp.

Ý thứ nhất: "Khi sắp chết" nêu thời tiết, hóa duyên sắp xong, ở núi Linh Thứu tám năm thuyết kinh Pháp Hoa, thời gian xướng nhập Niết-bàn.

Ý thứ hai: Từ "Gọi người con đến" trở xuống, là tập hợp mọi người, tức là đồ chúng được thọ hóa từ hai vạn ức Phật, gọi là con, người có căn cơ Đại thừa thuần thục khắp mười phương đều đến vân tập, mà trên nói là "bốn chung vây quanh" vậy. "Hội cả thân tộc": Xưa nói phân thân Phật như "thân tộc", Thập địa như "quốc vương", Cửu địa như "đại thần", Bát địa như "Sát-lợi", Thất địa như "Cư sĩ". Người ở phía Bắc dùng phân thân làm "thân tộc", Đa Bảo làm "quốc vương", Thập địa làm "đại thần", Bát địa làm "Sát-lợi", Tam thập tâm làm "cư sĩ". Nếu vậy, lúc Tích môn thuyết pháp, thì Phật phân thân và Phật Đa Bảo đều chưa hiện tiền, sao được nói như vậy? Kia giải thích rằng: chính là lúc Thân-tử hoài nghi, ở trong Pháp Hoa chưa thể sinh lòng tin, vì vậy cho nên Đa Bảo phân thân nhất thời đến làm chứng. Nếu nghi trừ, tin hiểu thọ ký đã xong, thì dùng Đa bảo để làm chứng chỗ nào? Cho nên biết vào thời Pháp thuyết thì Phật Đa Bảo đã xuất hiện. Chỉ vì lời Kinh gia nói không để trùng lặp mà muốn cho thứ tự sắp xếp Nhân môn về sau đó thôi. Nay cho rằng đây là do lòng người, không nên lấy làm căn cứ. Vì thuyết Tích môn việc gần, chưa dùng đến xưa làm chứng. Nếu thuyết Bản môn việc xa, thì cần phải trước lấy xưa làm chứng. Nay không dùng giải thích kia, y Tát Vấn kinh v.v... Nay nêu Pháp thân Bồ-tát khắp mười phương, là chúng ảnh hưởng, làm "thân tộc". Chúng ảnh hưởng, phần nhiều là đồng nghiệp đức Thích-ca ngày xưa, đều cùng Như Lai ở nơi hai vạn đức Phật cùng được khai hóa, đối với kia đều là chú bác cùng tu hành, cho nên dùng đây làm "thân tộc". "Quốc vương": hết thảy các kinh tiệm đốn, kinh nào cũng gọi nơi sở thuyên là Kinh vương. Vì lợi ích cho đương cơ nên hưng phế có thời, bộ bộ không đồng, gọi đó là "quốc", đều nói Đệ nhất tức là "vương". Lại, kinh này hội thông các giáo, đâu chẳng phải tụ tập quốc vương? Cho nên, trong lúc thuyết Vô Lượng Nghĩa trước đã thâu tập. Kia nói: Ban đầu thuyết Tứ đế, Thập nhị duyên sinh, tiếp thuyết Phương đẳng Thập nhị bộ kinh, tiếp thuyết Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm Hải Không, đây tức tập hợp khắp các kinh, dung thông tiệm đốn, hội nhập Kinh điển này cho nên gọi là "hội cả quốc vương". Các Đại Bồ-tát như Di-lặc... đều là Đẳng giác, làm "đại thần", Sơ địa đến Cửu địa làm "Sát-lợi", tam thập tâm sinh trong chủng tánh Pháp vương làm "cư sĩ". Các hạng này đều theo đức Thích-ca thọ hóa.

Từ "Các ngài nên biết" trở xuống, là kết hợp cha con: thật theo ta thọ học thật "là con ta", từ nơi ta mà khởi hiểu là "ta sinh ra", Ta đã từng ở Pháp hội của hai vạn ức đức Phật, thường giáo hóa pháp Đại thừa cho nó, cho nên ta thật là cha. "Ngày trước trong thành nọ": kinh này đối văn ở các nước phương Tây phần nhiều ít bỏ qua chi tiết này, hoặc có thể nêu tên riêng của cõi nước thời trước như nhân duyên Đại Thông Trí Thắng v.v... Nay giản lược danh tự, chỉ nói "thành nọ". Chính vì chúng sinh trái với Đại thừa đây, khởi vô minh tối tăm, vào đường sinh tử, cho nên nói "bỏ ta trốn đi". Trải qua đủ sáu đường, cho nên nói "hơn năm mươi năm". "Xưa ta ở tại thành này lòng lo lắng tìm kiếm": từ xưa ở trong Pháp thân địa, thường dùng nhị trí quán tìm kiếm cơ duyên để hóa độ, bắt đầu ngày nay cảm ứng đạo giao, cho nên nói "bỗng ở nơi này gặp được nó".

Từ "Nay ta cơ bao nhiêu" trở xuống, là chính giao phó gia nghiệp: hết thảy vạn hạnh vạn đức Đại thừa, cho nên nói "tất cả của cải". "Các thứ xuất ra nạp vào trước kia, là thứ mà con đã biết": Tức nhớ lại ý chỉ ngày xưa đã lãnh giáo trong Đại phẩm. Cái được ủy thác có rộng có lược, như cộng Bát-nhã, bất cộng Bát-nhã. Là thứ mà ông đã biết, tức là ông có. Cho nên Pháp Hoa chỉ nêu tri kiến Phật, không còn rộng thuyết tất cả hành tướng.

Từ "Cùng tử nghe cha nói như vậy" trở xuống, tức là được giao phó hoan hỷ, lãnh hội ý trên nói "đều cưỡi xe lớn, được điều chưa từng có". Tự xét mình vốn không có tâm mong cầu Phật đạo, mà nay bỗng nghe được thọ ký làm Phật, cho nên nói không cầu mà tự được. Trong thời Tam tạng thì tâm vốn không cầu. Trong thời Phương Đẳng thì thẹn Tiểu thừa tuyệt dứt hy vọng, cho nên không cầu. Trong thời Bát-nhã tuy lãnh nhận mà chẳng phải phần mình, cho nên không cầu. Như thế không cầu, mà nay tự được.

Từ "Thế Tôn! Ông trưởng giả đại phú đó" trở xuống, là phần Hợp thí. Theo ngài Quang Trạch thì hợp với Thí dụ trước hoặc sau, giải thích rất sơ lược. Nay chỉ nương văn điểm ý không nói lại quan hệ của con. Hợp thí lược, quí ở đạt ý, không cần phí lời. "Trưởng giả đại phú": là hợp với Thí dụ cha con lạc nhau. Văn thí dụ chia làm bốn. Chỉ hợp thí dụ cha con mà tổng được ý khác. "Như Lai" hợp cha, "tương tự" hợp con. "Tương tự" có hai nghĩa:

1. Chọn Đại cơ làm con, xưa chưa bỏ trốn đã chẳng phải địa vị chân thật, mà còn ở ngoại phàm, cho nên nói "tương tự".

2. Chọn Tiểu cơ làm con, bởi vì Tiểu cơ gần giống căn tánh Đại

thừa. Con đã trốn cha, đáng trách, nên nói “tương tự”.

Hỏi: Ban đầu giải thích phẩm này nói rằng “đã được nhập chân”, sao đây nói là “tương tự”?

Đáp: Hợp lúc con bỏ cha trốn, cho nên nói “tương tự”. Đầu phẩm nói “khi con khai ngộ”, ông hỏi sai rồi vậy.

Từ “Như Lai thường nói chúng con là con” trở xuống, là hợp ý cha con gặp nhau, chỉ hợp Trưởng giả thấy con liền biết. Từ “Chúng con vì ba món khổ” trở xuống, là hợp ý truy tìm dẫn dụ đem về. Trên có hai dẫn dụ sai người hầu đuổi theo, nay hợp cũng có hai. Trên ban đầu sai người hầu đuổi theo, tiếp lại lần nữa truy tìm, tiếp lại phóng xả, nay hợp hai môn và không có căn cơ. Sao gọi là thấy bắt tự nghĩ không có tội? tức hợp không có Đại cơ. “Ưa Thích-các pháp Tiểu thừa”, là hợp có Tiểu chí, không hợp ý phóng xả. “Ngày nay đức Thế Tôn khiến chúng con” trở xuống, là hợp hai dẫn dụ. Bên trên có Tề giáo và Dò xét lãnh. Nay hợp hai ý. Từ “dẹp trừ” trở xuống, là hợp Tề giáo trình bày đầy đủ việc trên. “Chúng con ở trong đó siêng năng tinh tấn”: hợp “Theo lời dạy mà làm công việc dọn phân” bên trên. Từ “Được đến Niết-bàn” trở xuống, hợp ý trên “trước hỏi lấy giá tiền công”. “Nhưng đức Thế Tôn biết trước là chúng con” trở xuống, hợp Dò xét lãnh bên trên. Thí dụ trên có bốn, nay hợp ba, không hợp Chánh thức dạy làm, tức chỉ ý trên siêng năng dọn phân, bao gồm đủ ý, không hợp nữa. Trên nói “xa thấy con”, nay nói “biết trước”, trên nói “xấu xí tiều tụy”, nay nói “tâm chấp trước vào cái ham muốn tệ xấu”, trên nói “liền cởi chuỗi anh lạc... lại mặc áo thô xấu”, nay nói “bị Phật buông bỏ không vì phân biệt rằng: Các ông...bửu tàng tri kiến Như Lai”. Từ “dùng sức phương tiện nói bày trí tuệ của Như Lai” trở xuống, là hợp thí dụ giao phó gia nghiệp, trên thì có nguyên do, có giao phó, nay hợp cũng có hai. Nguyên do có hai phần:

1. Tin nhau.
2. Ủy thác gia nghiệp.

- Nay hợp cũng có hai: Tin nhau có hai: trước hợp “thể tín” dùng phương tiện lực nói bày trí tuệ của Như Lai, Xưa nói: nhân trí tuệ Như Lai, đem làm quả nhị thừa. Nay nêu: mang phương tiện tam thừa, thuyết thật tướng Đại thừa, cho nên nói “dùng sức phương tiện... Phật vì chúng con mà thuyết pháp Đại thừa”, cũng là hợp “xuất nhập không nghi ngại”. Dùng sức phương tiện để xuất biện Nhị thừa, dùng trí lực Phật để nhập, rõ thật tướng. Nếu không “thể tín” thì làm sao mà “đối trước con nêu rõ trí tuệ Phật”. Từ “Chúng con theo Phật, được Niết-bàn giá một

ngày công" trở xuống, là hợp "vẫn còn ở chỗ cũ".

"Chúng con lại nhân trí tuệ của Như Lai" trở xuống, là hợp lãnh gia nghiệp. Trên có ra lệnh và nhận lệnh. Nay chỉ hợp nhận. Nhận có bốn ý:

1. Nhận mệnh lệnh.
2. Không mong lấy.
3. Không bỏ tâm thấp kém.
4. Dần thông thái.

Nay chỉ hợp hai: ban đầu hợp nhận lệnh lãnh nghiệp. "Mà tự chính mình" trở xuống, là hợp không mong giữ lấy và được các sở hữu... "Không có chí nguyện": nêu Phật thêm oai lực khiến như tâm Phật mà thuyết, cho nên nói "con không có chí nguyện". "Vì sao vậy?"... là giải thích ý không mong cầu. Bởi Phật dùng sức phương tiện tùy tâm Tiểu thừa mà thuyết pháp, nên nói "không có phần". Do đó "chúng con không tự biết thật là Phật tử", cho nên không lấy. "Đức Phật dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp": Phật dùng sức phương tiện đem pháp Thật tướng cho Nhị thừa, chúng con không biết ý "bất cộng" cho nên chẳng phải Phật tử. Từ "Ngày nay chúng con mới biết" trở xuống, là hợp giao phó gia nghiệp. Trên có hai ý: giao phó và hoan hỷ. Nay hợp cũng có hai. Trên giao phó gia nghiệp có bốn, nay thì hợp chung ý giao phó, có hai:

1. Nêu rõ Đức Phật vốn đối với Đại thừa không xẻn tiếc.
2. Giải thích nghĩa không xẻn tiếc.

Chính do ưa pháp Tiểu thừa, cho nên không thể sớm giao phó Đại thừa đó thôi! Trong kinh này, nêu việc nay để chứng minh việc xưa. Nay lý chỉ có Nhất thừa, cho nên biết Tam thừa xưa là chẳng phải thật, chỉ vì chưa kham nổi cho nên đối trước Đại thừa hủy báng Tiểu tâm, muốn cho bỏ ngụy chọn chân, nhất định "biết Phật không xẻn tiếc", nhưng đức Phật thật dùng Đại thừa mà giáo hóa. Từ "Chúng con nói vốn không có tâm mong cầu" trở xuống, là hợp "hoan hỷ", cũng là ý không mong cầu Tam thừa.

Kệ có tám mươi sáu hàng rưỡi. Bảy mươi ba hàng rưỡi đầu, tụng các phần trên. Mười ba hàng tiếp, tán thán ân sâu của Phật.

- Bảy mươi ba hàng rưỡi lại chia làm hai:

1. Hai hàng, tụng Pháp thuyết.
2. Bảy mươi mốt hàng rưỡi, tụng Thí thuyết.

- Trong tụng Pháp thuyết, không tụng ý không cầu, chỉ tụng ý tự được.

- Tụng Thí thuyết, Bảy mươi mốt hàng rưỡi chia làm hai phần:

1. Bốn mươi mốt hàng, tụng Khai thí .

2. Ba mươi hàng rưỡi, tụng Hợp thí .

- Phần Khai thí trên có bốn:

a. Cha con thất lạc.

b. Gặp nhau.

c. Ủy thác gia nghiệp.

d. Giao phó tài vật. Nay đều tụng.

- Mười ba hàng tụng Cha con thất lạc, thí dụ trên có bốn ý:

1) Con trốn cha.

2) Cha tìm con.

3) Con lần hồi trở về.

4) Cha nhớ con. Nay tụng cũng bốn ý nhưng không theo thứ tự, như sau:

Một hàng rưỡi, tụng ý thứ nhất: con trốn cha đi. Bảy hàng, tụng ý thứ hai: cha tìm con không được. Hai hàng, tụng vượt qua ý thứ tư: lo nhớ càng nặng. Hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba trước: con lần hồi trở về gần cha. Bốn ý này văn trên đều có hai:

Đây là tụng Khai thí. Từ “Thí như gã cùng tử” trở xuống, một hàng rưỡi chỉ tụng ý “con trốn cha đi”, không tụng ý “hướng bản nước mà trở về”. Trong thí dụ Nhà lửa, nêu “trưởng giả sở hữu vương quốc ấp tụ lạc” là nói rộng. Trong đây nêu cùng tử luân hồi trong ba cõi, gọi là “các nước”; sáu đường gọi là “hơn năm mươi năm”.

“Cha gã lòng buồn nhớ” trở xuống, bảy hàng, tụng “Cha tìm con không được”.

- Trên có hai ý. Nay tụng cũng có hai:

1. Nửa hàng, tụng ý tìm con không được.

2. “Kiếm tìm đó đã mệt” trở xuống, sáu hàng rưỡi, tụng ý không vì lạc một đứa con mà phế bỏ việc gia nghiệp. “Tìm kiếm khắp bốn phương”: không giống bên trên, “bốn phương” bên trên là căn cứ Tứ đế suy tìm lý. Nay “bốn phương” là quán trong Tứ sinh, để tìm kiếm căn cơ đáng độ. “Tạo dựng nên nhà cửa”: là Hữu dư Niết-bàn trong quốc độ Hữu dư, xây nhà từ bi, ở nương nhà tánh Không. “Người lui tới rất đông”: là Bồ-tát các cõi qua lại nghe pháp.

“Mà tuổi đã già nua” trở xuống, hai hàng, tụng vượt qua ý thứ tư: lo nhớ con càng nặng. Văn trên có hai, đây chỉ tụng ý “trước mất con nên nay khổ”, không có ai để giao phó cho nên buồn!

“Bấy giờ gã cùng tử, đi tìm cầu ăn mặc” trở xuống, hai hàng rưỡi,

tụng ngược lên ý thứ ba: lần hồi hướng về gần cha. Văn trên có hai, nay tụng cũng có hai:

1. Hai hàng, tụng nguyên do gần cha, do cầu y thực.

2. "Dần dần đi trải qua" trở xuống, nửa hàng tụng chính đến gần thành của cha. Trong phần đầu "nguyên do gần cha" nói: "Ấp này đến ấp khác": căn trần liên quan với nhau ví như "ấp", thập bát giới như "nước". Tu hữu lậu thiện ví như "có được của", tu nhị thừa thiện ví như "không được gì", không được pháp thực Đại thừa nên bị "đói khát", không dụng Đại lực nên "yếu", không có Đại công đức nên "gầy". Trên cái thiện Có, Không đó mà khởi Kiến, Tư, ví như "ghẻ lác".

"Xoay vần làm thuê mướn" trở xuống, bảy hàng rưỡi, tụng ý thứ hai trong phần Khai thí: "cha con gặp nhau". Văn trên có hai, nay tụng cũng hai:

1. Sáu hàng rưỡi, tụng Con thấy cha.

2. Một hàng, tụng Cha thấy con.

- Trong phần con thấy cha, văn trên có bốn, nay tụng có ba:

1. Nửa hàng, tụng nguyên do thấy cha, do làm thuê làm mướn mà đến nhà cha.

2. "Lúc ấy ông trưởng giả" trở xuống hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba thấy tướng cha. Trên nêu chỗ thấy cha, chỗ ấy là bên cửa. Nay nói trưởng giả "đang ở trong nhà ông", là gồm ý chỗ được nhìn thấy. "Giăng màn châu báu lớn v.v...": chỗ mà thấy tướng cha, là "tòa sư tử". Pháp thân là thầy là vua. Báo, Ứng thân là trưởng giả. "Biên chép ghi giấy tờ"(Chú ký khóan sớ), tức thọ ký nói rõ sự tu hành. Theo ý riêng: dùng quảng hiển lược là "chú", trao quyết định gọi là "ký". Tứ hoằng thệ nguyện là "khóan", tu hành là "sớ". "Gã cùng tử thấy cha" xuống ba hàng rưỡi, tụng ý thứ tư Sinh tâm sợ lánh. "Lúc bấy giờ trưởng giả" xuống một hàng tụng ý thứ hai: cha thấy con.

- Văn trên có bốn:

1. Chỗ thấy.

2. Thấy liền biết.

3. Thấy hoan hỷ.

4. Hợp với sở nguyện.

- Nay chỉ tụng hai:

1. Nửa hàng tụng chỗ thấy con.

2. "Xa trông thấy con mình" xuống nửa hàng, tụng thấy con liền biết.

Từ "Ông liền sai kẻ sứ, Đuổi theo bắt đem về" trở xuống, mười

hàng rưỡi, tụng phần "truy tìm dẫn dụ đem về" bên trên.

(1) Nay, ba hàng đầu, tụng sai người hầu đuổi theo. Trên "sai người hầu đuổi theo" văn có ba:

1. Gọi con không đến.
2. Gọi lại cũng không đến.
3. Thả ra.

Nay ba câu đầu, tụng ý lần đầu kêu, không có cơ duyên nên không đến. Tiếp "Mê ngất" một câu tụng lại kêu cũng không đến. Tiếp nữa "Người này theo bắt tôi" trở xuống, hai hàng tụng không có cơ duyên, tức trên giải thích ý buông bỏ.

(2) "Ông liền dùng phương tiện" trở xuống, bảy hàng rưỡi, tụng mật khiển nhị nhân dẫn dụ. Văn trên có hai nay tụng cũng hai:

1. Ba hàng đầu tụng dụ thuê làm.
2. Bốn hàng rưỡi tụng dụ dạy cho làm.

- Văn thuê làm bên trên có bốn:

1. Thiết lập phương tiện.
2. Cầu liền được.
3. Trình bày công việc.
4. Chọn giá cả hốt phân.

Nay chỉ tụng hai: Hai hàng đầu, tụng ý thứ nhất "thiết lập phương tiện". "Gã cùng tử nghe rồi" trở xuống, một hàng, tụng ý thứ tư chọn giá cả hốt phân. Đây giải thích phần đầu thiết lập phương tiện, "mắt chột" là chấp thiên Không. "Thân lùn" là theo chiều dọc thì ngắn, không đến tận cùng nguồn thật tướng. "Xấu" là theo chiều ngang thì hẹp không có Ma-ha-diễn các Thiện để trang nghiêm. Không có Tứ vô úy gọi là "không oai". Khác với thường lạc ngã tịnh, gọi là "không đức". "Gã cùng tử nghe rồi" trở xuống, chọn giá cả, tức thanh tịnh phòng sáu nhà năm ấm. "Trưởng giả trong cửa sổ" trở xuống, bốn hàng rưỡi, tụng dụ "dạy cho làm" bên trên.

- Văn trên có bốn, nay cũng có bốn:

1. Nửa hàng, tụng "Trong cửa sổ"...
2. "Nghĩ con mình ngu dại" trở xuống, một hàng, tụng ý gầy gò.
3. "Lúc đó ông trưởng giả" trở xuống, một hàng, tụng "cởi áo đẹp mặc áo thô rách".
4. "Phương tiện lần gần gũi" trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng chính dạy làm. Trên có bảy khoa pháp môn. "Bảo rằng" tức Tứ niệm xứ, "siêng làm tốt" tức Tứ chánh cần. "Đã thêm giá cho ngươi" trở xuống, một hàng, tụng Tứ như y túc. "Dầu xoa chân": có thể lội nước sâu, ví

như thần thông. Lại, "dầu" có thể trừ bệnh phong tê, khiến định thì không loạn. "Đồ ăn uống đầy đủ", tức gạo bột ở trên. "Thêm đệm chiếu dầy ấm" tức là quán luyện huân tu định, có thể trừ tán động. "Cặn kẽ nói thế này, ngươi nên siêng làm việc": nửa hàng, tổng tụng pháp thứ tư "an ủi", thứ năm "không có năm lỗi" bên trên. Căn lực đã thành mới có khả năng nhận lời cặn kẽ. "Lại dùng lời dịu dàng": nửa hàng, tổng tụng pháp thứ sáu "đặt tên" và thứ bảy "khiến thường làm" bên trên. Đều là con ta vậy.

Từ "Ông trưởng giả có trí" xuống, mười hàng, tụng ý thứ tư lãnh giao phó gia nghiệp trong phần Khai thí. Văn trên có hai nay tụng cũng hai:

1. Ba hàng rưỡi, tụng nguyên do giao phó gia nghiệp.

2. Sáu hàng rưỡi, tụng chánh thức giao phó gia nghiệp.

Phần đầu nguyên do, văn trên có hai, nay tụng cũng có hai:

"Ông trưởng giả có trí" trở xuống, nửa hàng, tổng tụng "tâm tương thể tin", tức nhập xuất.

"Trải qua hai mươi năm" trở xuống, ba hàng, tụng ủy thác lãnh gia nghiệp. Bên trên, ủy thác gia nghiệp có ra lệnh, có nhận lệnh, nay chỉ tụng ý nhận lệnh. Trên nhận lệnh có bốn, nay chỉ tụng ba:

1. Một hàng rưỡi, tụng ý nhận lệnh.

2. "Gã vẫn ở ngoài cửa" trở xuống, một hàng tụng ý còn ở chỗ cũ chưa bỏ tâm thấp kém.

3. "Cha biết tâm con mình" trở xuống, nửa hàng, tụng thông thái Đại chí cơ duyên Đại thừa khởi động. Đây giải thích phần đầu, "hai mươi năm" không được giống như trên. Trên trừ Kiến Tư hoặc, gọi là "hai mươi", đây nêu làm việc nhà. Hoặc là nói chuyển Đại thừa giáo, dạy các Bồ-tát, đoạn Đại thừa Biệt hoặc Kiến Tư, gọi là "hai mươi năm". Hoặc là nói thuyết Bát-nhã là thời gian dài, gồm hai mươi năm. Hoặc là nói trụ vị Nhị thừa chuyển Đại thừa giáo, gọi là hai mươi năm. Kinh Nhân Vương Bát-Nhã nói: "Hai mươi tám năm thuyết Ma-ha Bát-nhã".

Từ "Muốn giao tài vật cho" trở xuống, sáu hàng rưỡi tụng giao phó gia nghiệp. Văn trên có hai, nay tụng cũng hai:

1. Bốn hàng rưỡi đầu, tụng chính giao phó gia nghiệp.

2. Hai hàng tiếp, tụng được giao phó hoan hỷ.

- Trên chánh giao phó có bốn, nay chỉ tụng ba, không tụng thời tiết:

1. "Muốn giao tài vật cho" trở xuống một hàng, tụng ý thứ hai

trên: hợp thân tộc.

2. "Rồi ở trong đại chúng" trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba bên trên: định thiên tánh cha con.

3. "Phàm của cải ta có" trở xuống, một hàng, tụng ý thứ tư trên: chính giao phó cho.

"Người con nhớ xưa nghèo" trở xuống, hai hàng, tụng được giao phó hoan hỷ.

Từ "Đức Phật cũng như thế" trở xuống, ba mươi bài kệ rưỡi, tụng Hợp thí. "Đức Phật cũng như thế" hợp với ý thứ nhất: cha con thất lạc nhau."Biết con ưa Tiểu thừa": một câu, hợp với dụ cha con thấy nhau. "Nên chưa từng nói rằng" trở xuống hai câu, tụng hợp dụ thứ ba đuổi theo gọi lại. Trên hợp có hai:

1. Gọi lần nữa không đến.

2. Hợp ý phóng xả.

Nay tổng tụng ý kia! "Mà chỉ nói chúng con" trở xuống, một hàng, tụng hợp thí mật khiển nhị nhân dẫn dụ. Trên hợp với hai chương Tề giáo, Dò xét giáo. Nay một hàng này, chỉ tổng tụng ý kia. "Đức Phật bảo chúng con" trở xuống, hai mươi tám hàng rưỡi, tụng hợp thứ tư lãnh gia nghiệp. Trên hợp có hai: tin nhau và ủy phó gia nghiệp. Nay ban đầu mười tám hàng rưỡi, chỉ tụng hợp ủy thác gia nghiệp. Tiếp mười hàng, tụng hợp chính giao phó. Trên trong phần nhận lệnh chỉ có hai:

1. Nhận lệnh.

2. Không mong cầu lấy.

Nay một hàng đầu, tụng vâng lệnh lãnh biết, trên tụng không gì không biết, đạo tối thượng tức là Bát-nhã không. Lại không vượt qua ý trên. Tiếp đến mười bảy hàng rưỡi, chánh tụng vâng lệnh và không mong cầu. Không nơi nào không xả bỏ và thông thái. "Chúng con vâng lời Phật" trở xuống năm hàng, tụng vâng lệnh trên. "Phật tử nghe pháp được thọ ký", là nêu chuyển giáo làm lợi tha. Lúc bấy giờ gọi là chuyển giáo giáo hóa Bồ-tát, không nói vì chúng con. "Như gã cùng tử kia" trở xuống, mười hai hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: không mong cầu, văn đây rộng hơn trên.

- Trong đó lại có hai:

1. Một hàng ghi ý hợp của thí dụ trước.

2. Từ "Chúng con dầu diễn nói" trở xuống, mười một hàng rưỡi, chính hợp ý không mong cầu.

- Phần này lại chia làm ba:

1. Hai hàng, chính tụng ý không mong cầu.

2. “Chúng con diệt bề trong” trở xuống, chín hàng rưỡi tụng đầy đủ Trí đức và Đoạn đức nên không mong cầu, lại chia làm ba: Nêu lên, Giải thích, và Tổng kết. Nêu lên lại chia làm hai:

a. Một hàng đầu, nêu Đoạn đức đầy đủ cho nên không mong cầu.

b. Từ “Chúng con dầu có nghe” trở xuống, một hàng, nêu Trí đức đầy đủ cho nên không mong cầu. Từ “Như thế là vì sao?” trở xuống, sáu hàng, giải thích hai chương Trí đức, Đoạn đức.

c. Từ “Chúng con dầu lại vì” trở xuống, một hàng rưỡi, tổng kết giải thích tự không mong cầu.

3. Từ “Đấng Đạo sư buông bỏ” trở xuống, một hàng, nêu đức Phật bỏ chúng con, hợp không mong cầu.

Từ “Như ông trưởng giả giàu” trở xuống, có mười hàng tụng chính giao phó gia nghiệp. Trên hợp có hai:

1. Chánh giao phó gia nghiệp.

2. Được giao phó hoan hỷ.

- Nay tụng cũng có hai:

1. Ba hàng, tụng chánh giao phó.

2. Bảy hàng, tụng được giao phó cho nên hoan hỷ. Trong ba hàng đầu, trên tổng hợp chính giao phó gia nghiệp, nay cũng tổng tụng, nhưng một hàng rưỡi đầu ghi chép hợp với dụ trước. Tiếp, một hàng rưỡi chính tụng hợp. Từ “Chúng con ngày hôm nay” trở xuống, bảy hàng được giao phó hoan hỷ. “Đắc đạo”: Đắc thật tướng đạo. “Đắc quả”: Phần đắc quả tập Đại thừa. Hai câu này nêu khai tri kiến Phật. “Ở nơi pháp vô lậu, đắc được nhãn thanh tịnh”: hai câu này nêu khai Phật kiến, thấy lý thật tướng. Ngày xưa thấy vô lậu, không rơi vào phàm phu. Ngày nay thấy vô lậu, không rơi vào nhị thừa. Ngày xưa tuệ nhãn thấy Không, nay tịnh nhãn thấy Trung đạo. Giữ gìn tịnh giới được quả báo. Xưa trì giới phạm hạnh cùng hiển vô lậu, khôi thân diệt trí, không có người thọ quả báo này. Ngày nay “phạm hạnh” năng đắc vô lậu, tức là nghĩa liễu nhân nhận lấy quả, “trì giới” tức nghĩa duyên nhân. Lý mà thấy được do nhãn thanh tịnh, tức nghĩa chánh nhân. “Chúng con ngày hôm nay mới thiệt là Thanh văn”: tức địa vị chân thât Đại thừa. Hàng thập tín dùng một âm biến vang khắp ba ngàn cõi, tương tự Đạo, không chân. Nhập Thập trụ, tức là chân. “Chân A-La-hán” có ba nghĩa trong đây chỉ nêu một nghĩa Ứng cúng. Nếu không sinh Biến dịch, sát Thông Biệt hoặc, thì không sinh nghĩa Sát tặc, có khả năng làm phước điền trong mười pháp giới tức nghĩa Ứng cúng. Ứng cúng Sát tặc xen nhau hiển bày.

Mười ba hàng kệ cuối tán thán ân sâu của đức Phật khó báo đáp, như văn. Theo ý riêng cho rằng: "Ân lớn của Thế Tôn" là:

1. Đức Phật ban đầu nêu từ bi, cứu khổ cho lục đạo chúng sinh, ban vui cho Tứ thánh, khắp mười pháp giới nhập trong Tứ hoằng thệ nguyện, đây là ân ở nhà Như Lai.

2. Như Lai hành đạo Bồ-tát dạy bảo làm lợi ích vui vẻ, từng dạy Đại thừa cho chúng con, dù chúng con giữa chừng quên nhưng trí nguyện không mất, bởi nhà Như Lai mát mẻ ấm áp, tức ân đại từ ban vui.

3. Chúng sinh gặp khổ thân cận cha mà thôi, như con nghé con theo trâu mẹ đức Phật xem xét căn cơ để thích nghi, hành đủ lục độ làm lợi ích chúng sinh, bởi nhà Như Lai ngăn che lạnh nóng, là ân đại bi cứu khổ.

4. Đức Phật thành đạo rồi, lẽ ra thọ lạc vô vi tịch diệt, mà ẩn thần đức kia lại dùng pháp lạc nghèo nàn như ngũ giới thập thiện, như dùng nước lạnh dội vào mặt khiến chúng sinh được tỉnh ngộ. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì áo Phật ngăn nhiệt não do tham dục;

5. Thị hiện hình bóng Tỳ-kheo già, phương tiện gần gũi trả công thuê mướn từng ngày. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì trừ bỏ "thấy lạnh ưa nóng".

6. Qua đó về sau, "tâm tướng thể tín", quở trách chê bai khiến thẹn Tiểu hâm mộ Đại, Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì ngăn che sự xấu xí thấp kém.

7. Ra lệnho lãnh gia nghiệp, vàng bạc đầy kho đều khiến biết hết. Đây là ân mặc áo Như Lai, bởi vì trang nghiêm cho chúng con; 8. Hội tụ thân tộc quyết định cha con, giao phó dùng gia nghiệp, vô thượng tài bảo không cầu mà tự được. Đây là ân ngồi tòa Như Lai

9 & 10. Đã ngồi tòa rồi, thân ý thản nhiên, mau được an ổn, dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe, tất cả hàng thiên nhân đều ở trong đó nên thọ sự cúng dường. Đây là ân được ngồi tòa Như Lai, bởi vì khiến cho chúng con đầy đủ Tự hành và Hóa tha. Ân lớn của Thế Tôn, hai vai cùng gánh vác cũng không thể báo đáp, là nghĩa đây vậy.

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7
(Phần Thượng)

Phẩm Thứ 5: **DƯỢC THẢO DỤ**

Phẩm này nêu đầy đủ mây, mưa, núi, sông, mà chỉ riêng dùng Dược Thảo (cỏ thuốc) làm tên phẩm là sao? Đất đai là năng sinh, mây mưa có khả năng thấm nhuần, cỏ cây được đất đai sinh ra (sở sinh), được thấm nhuần mây mưa (sở nhuận). Sở sinh và sở nhuận, nói chung đều hữu dụng, mà vì dụng của Dược thảo mạnh. Các thiện hữu lậu đều năng trừ ác, nhưng vô lậu là trên hết. Bốn Đại đệ tử, trong chúng Vô lậu, đã đem Thí dụ diễn bày sự lãnh hội của mình đối với thí dụ của Phật, hiểu sâu Thánh ý.

Đức Phật khen: "Lành thay! Rất là hiếm có!" Phẩm này thuật lại điều chứng đắc hiểu biết của các vị đó. Để thí dụ các hạng người đó cho nên lấy tên phẩm là Dược Thảo Dụ. Luận rằng: "Dược thảo" ở trong rừng rậm lâu ngày, một khi nhờ mây mưa, bên trong thấm nhuần tươi mát, bên ngoài nảy lộc đâm chồi, Ví như bậc vô lậu trú nơi thân cuối cùng Hữu dư Niết-bàn. Lại không nguyện cầu vô thượng Phật đạo, nay được nghe kinh này, được tự cưỡi xe Phật thừa chuyên chở con người. Văn nói : "Chúng con ngày hôm nay, mới thật là Thanh văn, đem âm thanh Phật đạo, cho tất cả đều nghe", trong ngoài tự tha đầy đủ lực dụng thù thắng, nên gọi là phẩm Dược Thảo Dụ.

Luận rằng "Dược thảo" năng trừ gió lạnh vào trong Tứ đại, bổ dưỡng ngũ tạng, khiến hình sắc được trẻ, khỏe lại. Nay nhờ mây mưa bỗng thành Dược vương, như thuốc quý, trị khắp các bệnh, biến thể thành tiên, ví như bậc vô lậu nghe kinh, phá Vô minh hoặc, khai tri kiến Phật. Văn nói: "Chúng con ngày hôm nay, chân thật là Phật tử. Vô thượng các bảo vật, không cầu mà tự được". Cái mà Phật tử nên được thì đều đã được ; đối trước Phật được thọ ký. Nay đối diện trước Phật riêng được thọ ký vui mừng hớn hở được xứng chỗ vi diệu, cho nên nói

phẩm Dược Thảo Dụ. Trước một phen là thầy trò lãnh thuật là ý Thế Giới Tất-đàn, tiếp một phen sinh thiện là Vị nhơn Tất-đàn, tiếp một phen nữa là ý Đối trị và Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, đó gọi là nhân duyên giải thích phẩm. Ngoài ra căn cứ giáo, bản tích, Quán tâm mà giải thích, thì theo lệ có thể biết, không phải ghi lại.

Phẩm này là đoạn thuật thành thứ ba trong phần Thí thuyết. Xưa nói: "thuật lại mười ba hàng kệ cuối trong phẩm Thí dụ tán thán ân sâu của Phật, lại thuật dụ Trưởng giả dạy người làm, như văn nói rõ ràng khéo léo". Sư cho rằng: Không nên thiên chấp như vậy. Kinh gọi là "khéo nói công đức chân thật của Như Lai", thuật lại đầy đủ về lãnh Quyền lãnh Thật, văn nêu rõ điều này. Mười ba hàng kệ chỉ là hàng nhị thừa tề giáo chịu ân. Thí dụ dạy người làm, là Quyền công đức của Phật. Nay nói đều thuật sự lãnh giải cùng khắp, bắt đầu là thiên tánh kết duyên, đoạn giữa là truy tìm đuổi theo dẫn dụ, cuối cùng là giao phó tài sản. Thật là vi diệu, thật là xuất sắc, vô lượng vô biên các ân đức. Văn kia chia làm hai phần.

I. Lược thuật thành.

II. Rộng thuật thành.

Lược thuật lại có hai:

1) Thuật lại hai lần "Thiện tai".

2) Sự lãnh hội không kịp.

- Thuật lại hai lần: lần một "Thiện tai" thuật hai chỗ lãnh hội pháp Thật. Lần kế tiếp "Thiện tai" thuật hai chỗ lãnh hội pháp Quyền.

"Khéo nói được công đức chân thật của Như Lai": "chân thật" là thuật lại pháp Thật, "công đức" là thuật lại pháp Quyền. Lại, thời Hoa Nghiêm thì dự định thích nghi lãnh hội pháp Thật, thời Tam tạng thì dụ dẫn lãnh Quyền, thời Phương Đẳng thì "thể tín", thời Bát-nhã thì lãnh giáo, đều lãnh Quyền Thật. Thời Pháp Hoa thì giao phó tài bảo, chuyên luận về Thật. Ngôn từ rất rõ ràng khéo léo, cho nên gọi là "khéo nói", đều là Phật pháp cho nên nói "chân thật". "Đúng như lời các ông nói": tức là ý chỉ ấn định. Lại, từ "Đức Như Lai lại còn có" trở xuống, là thuật ý lãnh hội không kịp. Vì sao không kịp? Nghĩa là tiến thoái ngang dọc, cũng ngang cũng dọc, chẳng ngang chẳng dọc, đều không kịp. Vì sao? Vì mây dầy bủa giăng che khắp khiến cho mát mẻ, mưa lớn đều thấm nhuần, không nơi nào là không thấm nhuần, đều khiến cho thế gian đều được thấy biết pháp chưa từng có, sao bỗng tề giáo chỉ có lãnh hội ý Nhị thừa được lợi ích, không nói đến nhân thiên, ví như cỏ nhỏ được lợi ích? Đó gọi là điều không hiểu kịp về thoái. Bồ-tát như là cỏ bậc thượng,

cũng gọi là “cây nhỏ cây lớn”, đều sum suê tươi tốt, mình và người đều được lợi ích, mà lại không lãnh hội, đó gọi là điều không hiểu kịp về tiến. Lại, mười pháp giới đồng thành Phật pháp giới, sao bỗng chỉ có lãnh hội Nhị thừa, tám pháp giới còn lại đều không nói đến, đó gọi là không hiểu kịp theo chiều ngang của Phật pháp. Lại, bảy phương tiện từ cạn đến sâu, đều nhập chân thật, năm phương tiện còn lại đều không nói đến, đó gọi là không hiểu kịp theo chiều dọc. Lại, lợi ích cả ba đời chưa từng tạm bỏ, đó gọi là không hiểu kịp cũng ngang cũng dọc. Phàm nói “núi, sông, khe, hang”... gọi chung là “một đất”. “Một đất” có thể sinh trưởng cỏ cây, chưa từng có chọn lựa từ chối kia nhận đây. Chủng tử cây cỏ đều nương nơi đất, hoàn toàn không nương nơi khác. Một đám mây đen giăng mù mịt, không chỗ nào là không tối tăm. Một trận mưa một vị, không phân biệt khô tươi đều thấm nhuần, đã đồng thì đều được tăng trưởng. Đức Như Lai bình đẳng bất khả tư nghì, thật không có “trước đốn sau tiệm, đầu ba cuối một”. Như rồng dấy mây lành mưa thấm khắp tất cả thân tâm mà không cố ý làm mưa để trừ nóng bức được mát mẻ. Đó gọi là năm thừa bảy phương tiện. Mười phương ba đời bình đẳng, rộng lớn, sâu thẳm xa vời, không thể nghĩ bàn, không có sai biệt đó gọi là không hiểu kịp chẳng ngang chẳng dọc. Ý chỉ không kịp không phải đều thuộc về đốn, đặc biệt dùng sơ tâm hướng về hậu tâm, vì địa chưa cùng tột cho nên gọi là “bất tận”. Lại, ban đầu ngộ chữ A đầu tiên cũng đầy đủ công đức như chữ Trà sau cuối (Tứ thập nhị Tự môn), chỉ lãnh hội tề giáo thì chưa rảnh rang tiến đến lãnh hội ngang dọc cùng khắp. Lại, về Quyền hạnh thì đại sĩ thích ứng như đây.

Rộng thuật thành tựu có hai: Trường hàng và kệ tụng.

Trường hàng lại có hai:

1) Thuật thành khai tam hiển nhất.

2) Từ “Ca-diếp! Các ông” trở xuống, là kết thán.

- Khai tam hiển nhất có Pháp, Thí hợp. Trong Pháp hợp lại có hai:

1) Trước nêu “Pháp vương”: không hư dối để khuyến tin.

2) Từ “Phật đối với tất cả pháp” trở xuống, chính thuật khai tam hiển nhất. Xét rằng Nhân vương thì bên ngoài không sợ hãi, trong không nói hai lời. Pháp vương cũng vậy, các điều ác đã tận, phát ra lời nói thành thật. Xưa nói: Thuật cho hàng trung căn không hư dối, khuyến khích hàng hạ căn tín thọ. Nay nói Phật pháp tuy nhiều nhưng không ra ngoài quyền thật. Ngoài quyền thật hoàn toàn không có pháp khác, mà nói “vô lượng” thì ý này khó tin. Cho nên, nêu “Pháp vương” để khuyên

tin. Lại, vì thí dụ “mây lớn” bên dưới làm bản. Từ “Phật đối với tất cả pháp” trở xuống, là căn cứ giáo nêu khai quyền hiển thật. Từ “Đức Như Lai xem biết” trở xuống, là căn cứ trí nêu khai quyền hiển thật. Do hai giáo hiển hai trí, do hai trí thuyết hai giáo; trí giáo thành tựu lẫn nhau. “Nhất thiết pháp”: nghĩa là bảy phương tiện theo chiều ngang, đối nhất thật theo chiều dọc. Nếu nói không phải như vậy, thì cớ sao ở nơi hai vạn ức Phật ban đầu phát đại tâm, thời gian giữa lại theo Tiểu thừa? Lại, lưu chuyển trong năm đường, lại mười pháp giới một người còn đủ, huống chi bảy phương tiện! Pháp này dù nhiều, nhưng phương tiện Ba-la-mật chiếu hết sạch không gì không tận. Dùng loại tiếng giống như của chúng mà thuyết pháp, cho nên không nơi nào là không phù hợp. Vì hàng Nhân thiên mà nói giới thiện, vì hàng Nhị thừa mà nói Tứ đế Thập nhị nhân duyên, vì hàng Tam tạng mà nói “sự độ”, vì hàng Thông giáo mà nói Vô sinh, vì hàng Biệt giáo mà nói thứ lớp khai Như Lai tạng. Đó gọi là thuật lại sự lãnh hội ý Phật khai Tam thừa.

Từ “Pháp của Phật nói” trở xuống, căn cứ giáo mà thuật lại sự hiển thật. “Địa” là thật tướng, cứu cánh chẳng phải hai cho nên nói “nhất”, tánh kia rộng lớn cho nên nói “thiết”(hết thảy). Tịch mà thường chiếu, cho nên nói “trí”. Từ bản vô trụ mà lập tất cả pháp, cho nên gọi “địa”, đây là Thật tướng theo Viên giáo. Phàm pháp Phật thuyết đều khiến chúng sinh đạt đến “trí địa” này. Văn hiển thật, rõ như ban ngày, vì sao mê tối mà hiểu sai khác? Ví như trong Đại Phẩm rộng nêu các pháp đều là Ma-ha-diễn. Diễn tức Đại thừa, Thừa tức Thật tướng, Thật tướng tức “Nhất thiết trí”. Văn trên nói: “Chỉ một sự này là thật” là chỉ “địa” này, “có cái thứ hai nào khác thì không phải chân” là chỉ cho bảy phương tiện. Đây là căn cứ hai giáo tiệm đốn mà thuật ý khai quyền hiển thật.

Từ “Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp” trở xuống, là căn cứ trí mà thuật ý Phật khai Quyền hiển Thật, xem biết chỗ trở về của tất cả pháp là năng chiếu Quyền, “rốt ráo rõ biết” là năng chiếu Thật. Hai trí chiếu hai cảnh Thiên Viên thông đạt vô ngại, cho nên năng thuyết hai giáo Quyền Thật. Đây là nêu trí để giải thích giáo. “Biết chỗ quy thú” là biết “dược” (thuốc), biết tâm sở hành là biết bệnh. Bệnh và thuốc đều là pháp quyền, pháp quyền đều có chỗ hướng về. Các thứ giới, thiện v.v... là gần hướng hàng nhân thiên. Nếu tạo tác duyên như cúi đầu chắp tay là xa hướng Phật quả, thì Niệm xứ, đạo phẩm... là gần hướng đến Niết-bàn. Nếu tạo phước đức trang nghiêm thì việc các ông làm là đạo Bồ-tát, tức xa hướng đến Bảo sở, cho đến các pháp

lục độ Thông Biệt v.v... Đường lối hướng về gần xa không đồng có thể hiểu. Lại, giới thiện là thuốc của hàng trời người. Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, là thuốc của hàng Tam thừa, cho đến Thông Biệt... cũng có thể biết.

"Thâm tâm sở hành" có hai thứ:

1. Thâm tâm chấp đắm nơi y báo chánh báo.

2. Thâm tâm đắm nơi pháp sở chấp.

Chấp đắm y báo chánh báo: là khởi mười ác sâu nặng làm chướng ngại nhân thiên thừa. Đắm pháp sở chấp: là khởi bốn điên đảo, ba đường, sáu tệ, bốn trụ, năm trụ... làm chướng ngại các Thánh thừa. Nên biết thâm tâm tướng bệnh không đồng, Quyền trí chiếu soi thông đạt vô ngại. Lại, "đối với các pháp rốt ráo rõ biết (cứu tận minh liễu)": thật trí sở chiếu. Tất cả Quyền pháp thảy đều nhập Thật cho nên nói "rốt ráo"(cứu cánh). Thật trí sở tri, cho nên nói "liễu", Phật nhãn sở kiến, cho nên nói "minh". Nếu trí đây chiếu thuốc này bệnh này, mà không chiếu thuốc kia bệnh kia, trí kia chiếu kia mà không thể chiếu đây, thì chủng loại sai khác không đồng là Quyền trí chiếu. Nhất trí chiếu khắp tất cả bệnh, tất cả dược, là Thật trí chiếu. Năng chỉ bày cho chúng sinh viên cảnh trí như vậy, cho nên nói "nhất thiết trí tuệ". Lại, "nhất thiết pháp" nghĩa là mười pháp giới. Mười pháp mỗi mỗi tướng dục không đồng, mỗi mỗi thâu hoạch quả báo, quy thú cũng khác. Biết cùng tận các pháp, gọi là biết bệnh; biết tất cả thâm tâm sở trước, gọi là biết thuốc và thuốc có sâu cạn. Kinh Đại Phẩm nói: "Trí như thật biết tâm tham dục tâm sân si, dùng trí như thật để biết thì gọi là "biết thâm tâm", như lý thông đạt không có chướng ngại. Nếu giới, thiện, Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ... tất cả pháp dược đều dùng trí như thật để biết, thì gọi là "thông đạt vô ngại". Lại, trong văn nói về Quyền trí, thì "thông đạt vô ngại" là căn cứ Quyền mà luận về Thật. Trong văn nói về Thật trí thì nói "lại đối với các pháp", "các pháp" là căn cứ Thật mà luận về Quyền. Hai văn xen lẫn hiển bày, đây nêu Thật là thật của quyền, Quyền là quyền của thật. Nên biết cứu cánh phi quyền phi thật, chẳng sai biệt chẳng không sai biệt. Vì trí phương tiện quyền thì có sai biệt, cái biết mà đạt đến trí địa thì không còn sai biệt, như đất (địa) không sai biệt, bao nhiêu cỏ cây, bao nhiêu không bao nhiêu, không bao nhiêu bao nhiêu. Lại, như căn cứ tâm mà luận về pháp, căn cứ pháp mà luận về tâm. Tâm có các số, pháp không có các số. Tâm không lìa pháp, pháp không lìa tâm. Vô số mà số, số mà vô số. Quyền Thật cũng vậy v.v...

Phần thứ hai Thí thuyết: Từ "Ví như" trở xuống, văn chia làm hai:

1. Nói Thí dụ. 2. Lại nói tôn chỉ, Khen ngợi.

Nói thí dụ có hai: 1. Khai. 2. Hợp.

Khai chia làm hai: 1. Thí dụ sai biệt, thí dụ trên thuật lại quyền giáo, quyền trí. 2. Thí dụ không sai biệt, thí dụ trên thuật lại Thật giáo Thật trí: Đưa ra ba loại cỏ, hai loại cây nhỏ lớn không đồng, cho nên nói sai biệt. Một đất, một mưa mà tải khắp nhuận khắp, cho nên nói không sai biệt. Nếu xem ngọn nhánh kia, thì là mỗi mỗi không đồng. Nếu xét gốc kia tươi tốt, thì đều nhờ đất và mưa. Nội hợp: trí phương tiện chiếu thì có bảy, có năm khác nhau. Thật trí chiếu qua, thì cuối cùng đều trở về nhất thật. Nhất thật là bảy là năm. Bảy, năm, là nhất thật. Sai biệt mà không sai biệt, không sai biệt mà sai biệt...

- Thí dụ sai biệt có sáu:

1. Đất đai.
2. Cây cối.
3. Mây dầy.
4. Mưa xối.
5. Thọ nhuận.
6. Tăng trưởng.

Thí dụ thứ nhất: "Đất đai". Xưa cho rằng: Nói chung thì ba ngàn thế giới là đất đai, riêng đưa ra bốn loại: Núi, sông, ngòi, khe làm tập nhân cho ngũ thừa. "Khe (cốc)": nhận nhiều nước, dụ cho Bồ-tát. "Ngòi (khê)": dụ cho Bích-chi-phật. "Sông": dụ cho Thanh văn. "Núi": cao, thọ nhuận ít, dụ cho Nhân Thiên thừa. Nay cho rằng: tập nhân nên ví như chủng tử, thọ nhuận, tăng trưởng. Đất đai, núi, sông tuy có nghĩa thọ nhuận nhưng thiếu hai nghĩa: chủng tử và tăng trưởng. Lại, văn dưới hợp thí có nói: "Khắp cả thế giới Trời, Người, Tu la", tụng kệ nói: "Ở trong tất cả chúng Trời Người", đều không thể dùng đất đai... dụ cho tập nhân. Nay không dùng nghĩa đó, mà dùng "đại thiên thế giới" ví như Chúng sinh thế gian, "núi, sông, ngòi, khe, đất đai" ví như Ngũ ấm thế gian. Thế giới không có pháp riêng, vì do núi, sông, ngòi, khe, đất đai tạo thành. Chúng sinh không có pháp riêng, vì do ngũ ấm tạo thành. Đất đai vì chung, cho nên ví như thức ấm. Núi, sông, ngòi, khe thì ví như bốn ấm kia. Cỏ cây năng y vào đất, tuy nương tựa vào đất đai v.v... mà đất đai v.v... không phải tức là cỏ cây, vì tính chất cỏ cây chỉ gọi là cỏ cây. Hạt giống cỏ cây hoàn toàn không có tên riêng, chỉ vì công năng sinh nên gọi hạt giống, vì tính chất sở sinh nên gọi là cỏ cây, đều là thực vật bám rễ ở đất, nên đất là căn bản.

Nội hợp: tập nhân tập quả, tuy nương ngũ ấm, mà ngũ ấm chẳng

phải tức nhân quả. Cần phải nương nơi ấm để có tập nhân, tăng trưởng thành tựu gọi là tập quả. Quả nhân nương nơi ấm mà sinh khởi, thì núi sông đất đai dụ ấm thành, cỏ cây chủng tử thọ nhuận tăng trưởng dụ ấm đều thành. Lại, Biệt thí: Núi tuy có cao chót vót cũng có năm tướng: đào, tụt xuống dần..., cho đến đất tuy bằng phẳng cũng có năm tướng: gò đất, ao... tức dụ cho ngũ ấm theo Ngũ thừa. "Núi" ở trên cao, dụ cho ngũ ấm của Bồ-tát, "sông" dụ cho Bích-chi-phật, "ngòi" dụ Thanh văn, "đất đai" dụ Trời, "khe" ở dưới thấp, dụ cho Người. Mỗi một ngũ ấm đều có tập nhân tập quả làm chỗ nương, cũng như "núi, sông, ngòi, khe, đất đai" đều làm chỗ nương của hạt giống, tính năng sinh... Lại dùng Tam thiên đại thiên thế giới dụ cho lý chánh nhân, chung làm chỗ nương cho tất cả. "Núi, sông, ngòi, khe, đất đai" dụ cho ấm, giới, nhập quả báo, sắc, tâm của chúng sinh. "Cỏ cây lùm rừng" dụ cho tập nhân của chúng sinh. Ba pháp này không lìa nhau, tu tập dựa vào ấm nhập, ấm nhập không ra ngoài pháp tánh, như cỏ cây nương núi sông, núi sông nương thế giới. Sáu thứ văn rõ ràng, vì sao tác nghĩa? Lại, thứ lớp như đây, tại sao phân chia lẫn lộn kinh văn, sao chép trước sau?

Từ "Sinh ra cây cỏ" trở xuống, là Thí dụ thứ hai: Cỏ cây. "Cỏ" là tên chung các cỏ, "cây" là tên chung của các cây. Nhiều cỏ thành lùm bụi; nhiều cây thành rừng. Lực dụng trị bệnh tốt, gọi là "thuốc" (dược). Như trong thiện pháp đều năng trị ác, mà vô lậu thiện trị Hoặc nghĩa tốt hơn, gọi là "thuốc". Cỏ dưới thấp, cây cao vừa, rừng cây cành gốc che phủ bóng râm rộng lớn, có công dụng lớn, cho nên ví như hai loại Bồ-tát. "Chủng loại rất nhiều": nhân quả chủng tử của Ngũ thừa Thất thiện nên nói "rất nhiều". Bao nhiêu chủng loại đều có bấy nhiêu tên gọi, tức là "danh", đều có thể tướng, tức là "sắc".

- Từ "Mây dầy bủa giăng" trở xuống, là thí dụ thứ ba: Mây dầy đặc. Mây có hình sắc che mát. Văn dưới có nói thêm: "Tiếng sấm xa vang động". "Che mát" dụ cho tâm từ bi của Phật, "hình sắc" dụ cho đức Phật ứng thế, "tiếng sấm" dụ cho ngôn giáo của Phật. "Mây dầy"(mật vân), tức tam mật, từ bi tức ý mật, hình sắc tức thân mật, tiếng sấm tức khẩu mật. "Bủa giăng" là giăng khắp. Đã dầy lại khắp cho nên nói "bủa giăng". Vì từ bi, huân Ứng thân thuyết pháp khắp mười pháp giới cho nên nói "bủa giăng". Kinh Luật Dị Tướng nói: Mây có năm màu sắc. Xanh: gió nhiều, Đỏ: lửa nhiều, Vàng, Trắng: đất nhiều, Đen: nước nhiều. Có bốn Điện sư: Đông: Thân vị, Nam: Bách chủ, Tây: A-kiệt-la; Bắc: A-chúc-lam. Bốn vị này đánh nhau, nên có tiếng sấm.

Lại, nước lửa gió đất đấu nhau, cho nên có sấm. Có năm việc

không có mưa:

1. Gió thổi.

2. Lửa bốc cháy.

3. A-tu-la dùng tay khuấy động biển.

4. Vũ sư dâm loạn.

5. Quốc vương không có lý trị, Vũ sư giận nên không mưa...

- "Đồng thời mưa xối xuống" là thí dụ thứ tư: Mưa xối. Ví như Phật dùng khẩu mật, Bát âm, Tứ biện mà tuyên diễn, mưa pháp xối xuống thấm nhuần lợi ích chúng sinh.

Từ "Khắp nơi thấm nhuần" trở xuống, là thí dụ thứ năm: Thọ nhuận. Mưa pháp báu rưới khắp tâm địa của bảy loại chúng sinh, có tập nhân chủng tử tức sinh Văn tuệ, gọi là "thấm nhuần". "Gốc thân nhánh lá": Tín là "gốc", Giới là "thân", Định là "nhánh", Tuệ là "lá", thứ lớp trợ giúp nhau cho nên dụ bốn thứ này. "Gốc nhỏ, thân nhỏ, nhánh nhỏ, lá nhỏ" tức Tín giới định tuệ của hàng Nhân Thiên. "Gốc vừa, thân vừa, nhánh vừa, lá vừa" tức Tín giới định tuệ của Nhị thừa. "Gốc lớn, thân lớn, nhánh lớn, lá lớn" tức Tín giới định tuệ của hàng Bồ-tát.

- Từ "Các giống cây lớn nhỏ" trở xuống, là Thí dụ thứ sáu: Tăng trưởng. Lại lược ghi nêu cỏ cây kia tùy phần thọ nhuận. Hai nhân Tập Báo thiện pháp đã nhờ mưa pháp thấm mà hai quả Tập Báo đều được tăng trưởng. "Xứng theo chủng tánh": nêu dùng Quyền giáo xứng hợp căn cơ. Cây nhỏ thì không quá phần hạn, cây lớn không giảm thiểu, tức là bảy thứ Tập Báo hai nhân. "Đơm hoa kết trái": hai quả Tập Báo. Lại, nói tăng trưởng tức ba nghĩa:

1. "Xứng theo chủng tánh": nguyên do tăng trưởng; do dùng giáo xứng hợp căn cơ.

2. "Đều được sinh trưởng": chính nêu tăng trưởng.

3. "Đơm hoa kết trái" tươi tốt: tướng tăng trưởng.

Từ "Dầu rằng một cõi đất sinh" trở xuống, là đoạn lớn thứ hai: Thí dụ một đất, một mưa không sai biệt, để hiển bày Nhất thật. Đây có ba:

1. Một cõi đất sinh: Ở giai đoạn Đạo tiền thì tâm địa sinh, ở giai đoạn tu nhân cuối cùng, tức Đạo hậu, thì Trí địa sinh.

2. Một vầng mây mưa: một âm thanh tuyên diễn pháp môn Nhất thừa mà khai phát năm loại thiện căn ở giai đoạn Đạo trung, cuối cùng là một âm giáo bình dẳng.

3. Ba cỏ hai cây bẩm thọ lợi ích mà không tự hiểu biết: năm loại thiện căn nhờ mưa Phật pháp tùy phần tăng trưởng. "Mà không tự biết":

Nhân của năm loại đều nương một Phật tánh. Cũng không tự biết: ngũ thừa giáo đều là Đại thừa. Cũng không tự biết: đồng qui về Phật tuệ. Chỉ có đức Như Lai mới có thể biết.

Từ "Ca-diếp nên biết! Đức Như Lai" trở xuống, là hợp thí. Hợp Thí sai biệt, chia làm hai:

1. Chánh hợp.

2. Đề ra Thí dụ, nhấn mạnh nghĩa hợp.

Thí dụ sai biệt có sáu: Nay hợp không theo thứ tự đó. Khai thí nêu căn cơ, trước luận về chúng sinh, Hợp thí nêu ứng, trước hợp Như Lai vì Như Lai là vị hóa chủ. Trong đây thứ nhất chánh hợp với thí thứ ba "mây dầy" cũng hợp với thí thứ nhất "thế giới" bên trên. Trong đây thứ hai hợp trên thí thứ tư "mưa xối" bên trên; trong đây thứ ba hợp thí thứ nhất "thế giới, núi, sông, ngòi, khe" bên trên, trong đây thứ tư hợp thí thứ hai "cỏ cây" bên trên, trong đây thứ năm hợp thí thứ năm "thấm nhuần" bên trên, trong đây thứ sáu hợp thí thứ sáu "tăng trưởng" bên trên. Hợp thí thứ lớp: nêu đức Như Lai ứng ở đời thì có tám âm thanh thuyết pháp, thuyết pháp tức có chúng sinh thọ hóa, chúng sinh nghe pháp đều thấm nhuần đạo, được thấm nhuần là đồng, nhưng sự tăng trưởng có sai biệt.

Hợp với nghĩa "mây dầy": Trước nêu thân Phật mật, hợp với "mây có hình", sau nêu Phật khẩu mật hợp "mây có tiếng". "Như Lai cũng lại như vậy xuất hiện ở đời", tức là chánh hợp ứng thân xuất thế. "Như vầng mây lớn nổi lên" tức nêu thí thuận hợp, nêu Như Lai đại từ hiện thân che chở nuôi dưỡng hết thảy. "Dùng âm thanh lớn" tức là nêu Phật khẩu mật, hợp thí "mây có tiếng". "Thiên, nhân, A-tu-la" là riêng nêu ba đường thiện, vâng lời khẩu mật thì được lợi ích, tức là ba mươi người con căn tánh Tam thừa. "Như mây lớn kia" tức là nêu thí thuận hợp "mây có tiếng". Trùm khắp cõi tam thiên đại thiên: nêu chung tất cả đều là Phật tử, đều nhờ khẩu mật mà được lơi ích. Hoặc có khi chỉ hợp năm thí dụ. Đem "trùm khắp thế giới..." gồm hợp với "thế giới đất đai". "Thế giới" tức là Quốc độ thế gian. "Thiên, nhân, A-tu-la" tức là giả danh Ngũ ấm thế gian. Giả danh hợp "thế giới" bên trên, ngũ ấm hợp "sông, núi, ngòi, khe" bên trên.

Từ "Ở trong đại chúng mà xướng lời này" trở xuống, tức là hợp thí thứ tư "mưa xối" ở trên. Trước nêu chương môn, tiếp khuyên nghe nhận. Chương môn có sáu:

1. Mười hiệu, tức là "Như Lai, Ứng cúng v.v.."

2. Bốn hoằng nguyện, tức là "Người chưa được độ thì khiến được

độ...”

3. Tam đạt, tức là “đời nay đời sau...”

4. Nhất tâm tam trí, tức là biết đầy đủ.

5. Ngũ nhãn, tức là thấy tất cả.

6. Tam nghiệp cùng trí tuệ hành: “Tri đạo” nghĩa là ý không hộ, “Khai đạo” nghĩa là thân không hộ, “Thuyết đạo” nghĩa là khẩu không hộ. Cũng gọi là Đạo sư, nghĩa là “bực Tri đạo”. “Các ngươi, hàng trời...” là khuyên chúng sinh nghe nhận. Tám âm thanh của Phật giảng giải sáu thứ pháp môn. Dựa vào số nhiều, mới nói rằng khuyên ba đường thiện, thích ứng đến nghe pháp.

Từ “Bấy giờ có vô số ngàn muôn ức loài chúng sinh” cho đến “chỗ đức Phật mà nghe pháp”, Trong đây thứ ba hợp thí “núi sông” bên trên, dẫn đến quả báo mà có chúng sinh, như nương “núi sông” mà có được thế giới... “Trăm ngàn vạn ức” tức là chúng sinh trong mười pháp giới. Nay chính nói thất phương tiện chúng sinh sai biệt, phối hợp như trên nói. Hoặc từ “Các ngươi trời người”... là đều hợp thí dụ Núi sông.

“Lúc đó đức Như Lai xem xét các căn lợi độn tinh tấn hay giải đãi của chúng sinh đó” đây là thứ ba hợp thí thứ hai “cây cỏ” bên trên. Xưa nói: Văn đây nhiều ra, không hợp dụ trên. Nay nói trong Thí dụ trên có cây cỏ sai biệt lớn nhỏ không đồng, trong đây nêu căn có lợi độn, hành có siêng năng biếng nhác, chính là tập nhân sâu cạn, đồng với nghĩa cây cỏ lớn nhỏ, đâu chẳng phải hợp thí mà nói “nhiều ra”?! “Lúc đó”: Nếu luận tiệm sơ, tức là tại vườn Lộc Uyển thời đầu tiên thuyết tam thừa, nếu luận trung gian, thì mọi nơi đều được coi như “lúc đó”. “Lợi, độn”: Xét chung thì nhân ác quả khổ trong ba đường, không thể thọ đạo gọi là “độn”, bảy loại phương tiện khai giáo được lợi ích, gọi là “lợi”. Xét riêng thì nhân thiên chỉ thọ quả báo không chịu thọ đạo, gọi là “độn”, tam thừa căn tánh đoạn Hoặc xuất giới, gọi là “lợi”. Lại, hàng Thanh văn quán sinh diệt, gọi là “độn”, Bồ-tát quán bất sinh diệt, gọi là “lợi”. Thông Biệt Viên... Ba đường phóng dật, gọi là “giải đãi”. Nhân thiên trì ngũ giới thập thiện, gọi là “tinh tấn”. Nhân thiên không nhàm chán khổ, gọi là “giãi đãi”, Nhị thừa sợ vô thường, gọi là “tinh tấn”. Hàng nhị thừa tham chứng không cầu làm Phật, gọi là “giãi đãi”, Bồ-tát chí cầu Phật đạo gọi là “tinh tấn”.

Từ “Tùy thuận sức nó kham nổi mà vì chúng sinh nói pháp” cho đến “khiến hoan hỷ được thiện lợi”: đây là thứ năm hợp Thí thứ năm “thọ nhuận” bên trên. “Tùy sức nó kham nổi” tức là xứng hợp cơ nghi, không có lỗi tăng giảm. “Hoan hỷ được thiện lợi”: được thấm nhuần

pháp, được lợi ích.

"Các chúng sinh này nghe pháp rồi" đây là thứ sáu hợp Thí thứ sáu "tăng trưởng" bên trên. "Hiện đời an ổn, đời sau sinh về chỗ lành" tức là báo nhân cảm báo quả, hợp với "hoa nở tăng trưởng". "Cũng được nghe pháp" cho đến "nhập đạo": tức là tập nhân lôi kéo tập quả, hợp với "quả thật tăng trưởng" bên trên. "Đã nghe pháp rồi": hợp "nguyên do tăng trưởng" bên trên. "Hiện đời an ổn": chánh hợp "tăng trưởng". "Đời sau sinh về chỗ lành": hợp nghĩa "tướng tăng trưởng" bên trên.

Đức Phật như mây lớn che khắp tất cả, chúng sinh trong ba đường cũng được thấm nhuần tăng trưởng, như thuyết Bát-nhã Phương Đẳng nêu rõ địa ngục được lợi ích. Lại, trong các kinh cũng nói rồng, chim, quỉ thần... nghe pháp được lợi ích. Nếu lửa tắt nước nóng nguội tức là "hiện đời được an ổn". Nếu sinh lên cõi trời trong cõi người, thì là "đời sau sinh về chỗ lành". Ở trong hàng nhân thiên tu đạo tức là "do đạo được thọ hưởng vui". Nếu hàng nhân thiên nghe pháp, trì giới, có phước đức giúp thân, thì quỉ rồng không xâm phạm, tức là "hiện đời an ổn", hoặc Trời trở lại sinh vào cõi trời, cõi người trở lại sinh vào cõi người, hoặc trời người sinh lẫn nhau, tức "đời sau sinh về chỗ lành". Chúng sinh năng ngộ giải, tức là "do đạo được thọ hưởng vui". Hàng nhị thừa nghe pháp đắc Hữu dư Niết-bàn, là "hiện đời an ổn". Như văn dưới nói: "Người ấy đối với công đức mà mình được lại sinh diệt độ tưởng", "ta ở cõi khác làm Phật". "Lại không có tên khác, người ấy ở nước kia được nghe kinh này" tức chỉ cõi Phương Tiện hữu dư là "chỗ lành", ở nước kia nghe kinh này là "do đạo được thọ hưởng vui". Nếu sinh thân Bồ-tát nghe đức Phật Lô-xá-na thuyết pháp thì đắc Vô sinh nhẫn, tức "hiện đời an ổn", đời sau sinh thế giới Tịnh Mãn làm quyến thuộc Pháp thân, tức là "chỗ lành", "do đạo được thọ hưởng vui". "Lìa các chướng ngại" tức là hiện đời an ổn. "Theo sức mình kham được, dần dần được nhập đạo" tức là đời sau do đạo được thọ hưởng vui.

Ngũ thừa: Ngũ giới thừa xuất ba đường khổ. Thập thiện thừa xuất tám khổ trong Nhân đạo, Thanh văn thừa xuất vô thường khổ trong ba cõi. Duyên giác thừa xuất khổ do nghe pháp từ người khác. Bồ-tát thừa xuất khổ do bên trong không lợi trí, bên ngoài không có tướng hảo; đó là Ngũ thừa.

Hỏi: Chỉ nên dùng Nhân Thiên làm thế gian thừa các thừa khác là thừa xuất thế gian. Lại Phật là Thật thừa, các thừa khác là Quyền thừa. Lại, Phật là Quả thừa, các thừa khác là Nhân thừa. Lại, nên làm tam thừa: Nhân thiên là hạ, Nhị thừa là trung, Phật là thượng. Lại, Nhân

thiên gọi là Bất đoạn phiền não thừa, Nhị thừa gọi là Đoạn phiền não thừa, Phật gọi là Phi đoạn phi bất đoạn thừa. Lại, Nhân thiên gọi là Bất đoạn, Phật gọi là Đoạn, hàng Nhị thừa gọi Cũng đoạn cũng bất đoạn. Lại, phàm phu hiền thánh, phi phàm phi Thánh, hữu không, phi hữu, phi không thừa... Đại luận nêu rõ năm thiện căn, kinh Thắng Man nêu bốn tạng, cùng ba cỏ hai cây là thế nào?

Đáp: Nhân thiên là hai thiện, Nhị thừa là một thiện, và Phật và Bồ-tát, là năm là khai đại hợp tiểu, Ngũ thừa thì khai tiểu hợp đại. Bốn tạng hợp phàm khai Thánh, Ngũ thừa thì phàm thánh đều khai, tùy duyên không đồng.

Từ "Như mây lớn kia" trở xuống, là đề ra thí dụ thuận hợp sáu ý: "Mây lớn" thuận hợp thứ nhất: hình sắc âm thanh hai thứ lợi ích. "Mưa rưới khắp tất cả": thuận hợp thứ hai: sáu chương pháp môn. "Cỏ cây lùm rừng": thuận hợp thứ tư: chúng sinh thọ hóa có lợi độn, giải đãi tinh tấn, tập nhân sâu cạn. "Như chủng tánh kia đều được thấm nhuần đầy đủ": thuận hợp thứ năm: thọ nhuận đắc pháp lợi."Đều được sinh trưởng": thuận hợp thứ sáu: hiện đời an ổn tăng trưởng.

Từ "Đức Như Lai nói pháp một tướng một vị" trở xuống, là hợp Thí không sai biệt. Trên khai ba, nay hợp cũng ba, nhưng không theo thứ tự. "Một tướng một vị": song hợp một cõi đất một trận mưa. Từ "Nghĩa là" trở xuống, là song thích một cõi đất một trận mưa. Từ "Có chúng sinh nào" trở xuống, hợp trên là "các cỏ cây đều có sai biệt". Từ "Vì sao?" trở xuống, giải thích sai biệt. Như Lai năng biết sai biệt, không sai biệt. "Một tướng": là tâm chúng sinh đồng một tướng chân như, là một địa. "Một vị": là pháp nhất thừa đồng thuyên giải Nhất lý, là một trận mưa. Xưa đối với nhất thật tướng mà phương tiện khai làm bảy tướng, đối với nhất thừa pháp mà phân biệt thuyết có bảy giáo, vì Phật biết rốt ráo trọn qui về một tướng một vị. Từ "Nghĩa là" trở xuống, song thích một tướng một vị, tâm tánh chúng sinh tức là tánh đức. Ba loại tướng: "giải thoát, xa lìa, diệt". Một âm thanh của Như Lai thuyết ba pháp này, tức là ba vị. Ba tướng đây dùng làm cảnh giới, duyên sinh hành trung đạo, cuối cùng thì được gọi là quả nhất thiết trí, cho nên nói "rốt ráo đến nhất thiết chủng trí". Hợp thí dụ cỏ cây sai biệt như sau giải thích, không ghi chép lại. Có khi làm ba ý hợp:

1. Ý không sai biệt, hợp "một cõi đất một trận mưa" bên trên.

2. Ý sai biệt, hợp "cỏ cây sai biệt" bên trên.

3. Như Lai năng biết, giải thích thành hai ý. Không sai biệt: nghĩa là một tướng một vị. Một tướng hợp "một cõi đất" bên trên. "Tướng

giải thoát" là không có tướng sinh tử. "Tướng xa lìa" là không có tướng Niết-bàn. "Tướng diệt" là không có tướng cũng vô tướng. Chỉ có thật tướng, cho nên gọi "một tướng". Một tướng tức bản Vô trụ, lập tất cả pháp. Vô trụ vô tướng, tức không sai biệt. Lập tất cả pháp tức có sai biệt. Sai biệt thì như cây cỏ, không sai biệt thì như một cõi đất. Đất tuy không sai biệt mà năng sinh cây đào, cây lý, cỏ cây, lùm rừng sai khác, tuy có sai khác mà đồng là một tướng vững chắc. Nếu biết đất có đủ đào lý, tức biết trong thật có quyền, hiểu không sai biệt tức là sai biệt. Nếu biết tướng vững chắc của đào lý, tức biết trong quyền có thật, hiểu sai biệt tức không sai biệt. Do vì nghĩa này, cho nên dùng một tướng hợp Thí "một cõi đất" bên trên. "Một vị" tức là Thật giáo thuần nhất không xen tạp, theo lệ "một tướng" có thể hiểu. "Giải thoát": không có hai biên Phần đoạn và Biến dịch, không bị nghiệp trói buộc cho nên gọi là "tướng giải thoát". "Tướng xa lìa": đắc trí tuệ trung đạo, trí tuệ này có khả năng xa lìa hai biên, không còn chấp trước, nên gọi là "tướng xa lìa". "Tướng diệt": là nhân hai biên diệt, đắc Hữu dư Niết-bàn, quả hai biên diệt, đắc Vô dư Niết-bàn nên gọi là "tướng diệt". Mỗi mỗi câu theo lệ như nghĩa sai biệt, không sai biệt, căn cứ theo "một tướng" thì có thể hiểu. "Rốt ráo đến nhất thiết chủng trí": Nếu đắc tướng diệt nhị biên, tức là hai hoặc Thông Biệt tận, nhập tri kiến Phật, vì nhất thiết chủng trí trong tâm hành Bát-nhã. Ban đầu phát và cuối cùng, hai thứ này không sai biệt, cho nên nói "cứu cánh". Đây tức trí tuệ Phật, cho nên nói "nhất thiết chủng trí".

Từ "Có chúng sinh nào nghe pháp Như Lai" cho đến "tự mình không hay biết" nêu sai biệt. Từ đây sắp xuống là nêu rõ nghĩa sai biệt. "Chúng sinh" là núi sông sai biệt giả thật, cũng là sai biệt chủng tử. "Như Lai" tức là mây. "Nghe pháp" tức là mưa. "Đọc tụng, tu hành" tức là thấm nhuần. "Công đức" tức là tăng trưởng. Các thứ sai biệt như đây đều không thể biết.

- Văn chia làm năm:

1. Chúng sinh không biết.
2. Như Lai năng biết.
3. Nêu dụ thuận hợp: chúng sinh không biết.
4. Nêu tổng kết giải thích Như Lai năng biết ở trên.
5. Giải thích nghi.

1. "Có chúng sinh nào": là nêu người không biết. "Nghe pháp của Như Lai": nghe pháp âm Nhất thừa. "Thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói": chính nêu không biết. "Thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói": thì

không đồng, cho nên “tu hành” đều sai khác. Hàng Nhân Thiên giải theo thiện giới. Tam thừa giải Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ. Giải đã không đồng, tức là sai khác. “Được công đức tự mình không hay biết” nêu năm thừa dù vâng lãnh giáo mà không biết giáo lý Phật một vị không sai biệt, cũng không biết bảy thứ phương tiện mỗi mỗi đều hiểu, mà chấp hiểu của mình là thật. Đây là không biết Quyền, cũng không biết Thật, tức là sai biệt, “không tự hiểu biết”.

2. Như Lai năng biết: Lược giảm số chỉ nêu mười cảnh hợp làm bốn ý: a. Căn cứ bốn pháp biết. b. Căn cứ ba pháp biết. c. Căn cứ hai pháp biết. d. Căn cứ một pháp năng biết.

Căn cứ bốn pháp: nghĩa là “chủng, tướng, thể, tánh”. “Chủng”: ba đạo là chủng của ba đức. Kinh Tịnh Danh nói : “Tất cả lũ phiền não cũng là chủng của Như Lai”, đây nêu do đạo phiền não mà có Bát-nhã. Lại nói: “Ngũ vô gián đều sinh tướng giải thoát”, đây do bất thiện mà có thiện pháp giải thoát. Tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, không thể diệt nữa. Đây tức sinh tử là pháp thân. Đây là căn cứ đối đãi nhau mà luận về chủng. Nếu căn cứ loại luận về chủng, thì tất cả cúi đầu giơ tay đều là chủng giải thoát, tất cả thế trí tam thừa giải tâm tức chủng Bát-nhã. Phàm người có tâm thảy đều sẽ làm Phật, tức chủng Pháp thân. Các chủng sai biệt Như Lai đều biết. Tất cả chủng chỉ là một chủng, tức là không sai biệt, Như Lai cũng năng biết. Sai biệt tức không sai biệt, không sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết. “Tướng, thể, tánh”: căn cứ Thập pháp giới, Thập như, mà giải thích. Nếu luận về sai biệt, tức thập pháp giới tướng. Nếu luận không sai biệt, tức một Phật giới tướng. Sai biệt, không sai biệt, Như Lai năng biết. Sai biệt tức không sai biệt, không sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết. “Thể, tánh” theo lệ như vậy, có thể biết.

Từ “Nhớ việc gì?” trở xuống, là căn cứ ba pháp nêu Như Lai năng biết. Ba pháp tức là ba tuệ, vẫn có ba lớp:

1) Cảnh ba tuệ.

2) Thể ba tuệ.

3) Nhân duyên ba tuệ. “Nhớ việc gì?”: nêu công dụng của ba tuệ. Niệm chấp sự sở niệm, tức là cảnh ba tuệ. Từ “Nhớ thế nào?”: nhớ là ghi chép pháp được nghe, chính là thể của niệm tuệ. Từ “Dùng pháp gì để nhớ?” trở xuống, tức là ba tuệ chấp cảnh nghe pháp là nhân duyên. Lại, ba tuệ cảnh trí, nhân duyên hợp, cho nên được có pháp ba tuệ, lại vẫn gọi là nhân duyên. Như “Tam thừa tam tuệ” đây, xưa gọi là “cảnh thể nhân duyên” có khác, tức là sai biệt. Nếu nhập viên diệu tam tuệ,

thì không sai biệt. Có sai biệt, không sai biệt này, thì Như Lai năng biết. Lại, sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết.

"Dùng pháp gì đắc pháp gì?": căn cứ hai pháp, nêu Như Lai năng biết. "Dùng pháp gì" tức là nhân, "đắc pháp gì" tức là quả. Nhân ngũ thừa đều đắc quả của nó, tức là sai biệt. Chúng sinh như, Phật như, nhất như, vô nhị như. Chỉ là một nhân một quả, tức không sai biệt. Sai biệt, không sai biệt, thì Như Lai năng biết. Sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt, Như Lai cũng năng biết.

"Chúng sinh ở nơi các bậc": căn cứ một pháp, nêu Như Lai năng biết. Bảy phương tiện trú nơi bảy vị, cho nên nói "các bậc", đây tức sai biệt. Như Lai dùng Phật nhãn như thật mà thấy, như các dòng chảy vào biển, mất vị riêng của chúng, thì không sai biệt. Tùy ý người khác mà nói, là dùng trí phương tiện mà diễn thuyết, thì Như Lai năng biết sai biệt. Pháp Như Lai thuyết đều đạt đến nhất thiết trí địa, thì Như Lai năng biết không phân biệt...

3. Từ "Như cây cối lùm rừng cỏ thuốc" trở xuống, nêu dụ thuận hợp: chúng sinh không biết.

4. Từ "Như Lai biết pháp" trở xuống, nêu tổng kết năng biết ở trên. "Một tướng một vị" như trước giải thích, "một tướng một vị" là giải thoát, ly, diệt. Vì duyên mà phân biệt, tức là vô lượng trong một. "Cứu cánh Niết-bàn cuối cùng trở về không", tức một trong vô lượng. Đây là nêu trước lập lại giải thích không sai biệt. Vì sao ? Vì "một tướng một vị" là giải thoát, ly, diệt. Nếu là pháp thể nhị thừa, thì còn là ngôn thuyết diễn bày sai biệt. Nay cho rằng Đại thừa cứu cánh Niết-bàn chung qui Không, tức thông không sai biệt. "Cứu cánh Niết-bàn" là kết các câu trước, đều chẳng phải hai thứ Niết-bàn Hữu dư, Vô dư của Nhị thừa mà chính là "cứu cánh Niết-bàn". Thường tịch diệt tướng: kết các câu chẳng phải Tiểu thừa tịch diệt, mà chính là thường trú tịch diệt. Văn trên nói: "Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt" tức nghĩa đây vậy."Cuối cùng trở về Không": chẳng phải là Không của thiêu thân diệt tâm, mà chính là trung đạo đệ nhất nghĩa Không, trịnh trọng cúi đầu chấp tay là giản lược nghĩa thật khác quyền. Xưa nói: "Cuối cùng trở về Không: tức Phật tuy có thần thông kéo dài tuổi thọ vô lượng, thị hiện lại gấp bội số trên, mà thọ mạng hết cuối cùng trở về thiêu thân đoạn tâm, cho nên nói "cuối cùng trở về Không". Đây thực là khổ Phật khổ kinh, sao có thể nói?! Ngài Quang Trạch nói: "Cuối cùng trở về nhập Hữu dư, xả trí thân vô thường". Có người nan vấn về giải thích này: "Nếu vậy,

thì cùng nhị thừa đâu có khác gì?”! Kinh văn nêu hai thứ cứu cánh: Thứ nhất cứu cánh đến nhất thiết chủng trí, đây là nêu trí quả đối nhị thừa trí, chẳng phải cứu cánh. Thứ hai, nêu cứu cánh Niết-bàn thường tịch diệt tướng, cuối cùng trở về Không, đây là nêu đoạn đối nhị thừa đoạn, chẳng phải cứu cánh. Văn nói nghĩa cứu cánh, biết chẳng phải Không của Tiểu thừa. Ngài Long Ấn nói: Không của Đại Niết-bàn thì không có pháp tướng, không có phiền não, cho nên gọi là Không. Cuối cùng trở về thường trú đệ nhất nghĩa Không”. Trung sư nói:”Cuối cùng trở về trí tuệ đệ nhất nghĩa Không”. Có người nói: “Phật quả không hệ lụy, cho nên nói Không”. Có người chú giải: “Không và Có đều được nhìn thấu và trừ bỏ, thì mới gọi là Không”. Xưa các sư đều không giải thích theo nghĩa Tiểu thừa. Riêng ngài Quang Trạch sao lại như vậy.?!

5. Từ “Đức Phật biết như thế rồi xem xét tâm chúng sinh” trở xuống là Giải thích nghi. Phật xưa đã biết đầu đuôi đều là một, sao không nơi vườn Lộc Uyển vì chúng sinh thuyết Thật? Giải thích: Xem xét tâm ham muốn của chúng sinh, tùy ba Tất-đàn mà ủng hộ, sợ chúng hủy báng cho nên không thuyết ngay.

Từ “Ca-diếp các ông” trở xuống: chủ yếu lại là xứng thuật muốn giải thích nghi. “Nghi”: được nghe vô lượng công đức của đức Phật, nghĩa là bốn vị đệ tử đều tề giáo lãnh giải, đâu cần phải Thật. Cho nên, đức Phật xứng thuật: tuy chúng chưa đạt đến Phật địa mà đều tề giáo không hư đối, cũng là dẫn phát hạ căn, khiến đồng được ngộ. Văn chia làm hai: 1. Thuật. 2. Giải thích.

Trước tiên tán thán “hy hữu”: Hàng phàm phu có nghe lại có thể được lợi ích, Bồ-tát thì đã hiểu sự không lạ gì nhiều, không vì chánh vị mà có thể xả bỏ chứng nhập, thật rất là hy hữu. Thuật lại ý năng biết Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng lãnh hội ý khai tam. Tiếp nói năng tín thọ: Tức thuật các đệ tử lãnh hội ý hiển nhất. “Vì sao?” là giải thích thuật ý. Là nêu đức Phật đối với một đạo mà thuyết ba, sâu xa vi diệu “khó hiểu khó biết”, mà các ông có thể tin. Riêng cho rằng: văn trước nói “Như Lai lại có vô lượng công đức, các ông nói không thể cùng tận”. Văn sau nói: “Các ông rất là hy hữu” tức là: Ân Phật bao trùm khắp, như mây mưa không nơi nào là không phủ thấm. Ân Phật che chở khắp, như đại địa không chỗ nào mà không sinh thành. Sao lại riêng vì một căn cơ một phương mà thôi? Cho nên, nói “các ông nói không cùng tận”. Ân Phật tuy phủ khắp mà chúng sinh thường ngày không tự hiểu biết. Như ba cỏ hai cây sinh trưởng, gốc rễ trong đất thọ nhuận ân mưa mà không thể biết. Các ông có thể biết từ đầu đến cuối mười ân rất là

hy hữu: Người chưa được độ thì khiến được độ... thuật cho chúng biết bốn hoằng nguyện của đức Phật, ân rất là hy hữu. Chúng sinh hiện đời an ổn, đời sau sinh chỗ thiện, do đạo mà thọ hưởng vui, thuật cho chúng biết Đại từ ban vui, ân rất là hy hữu. Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại, có đủ năng lực dần dần được nhập đạo, thuật cho chúng biết Đại bi cứu khổ, ân rất là hy hữu. Luân vương, Thích, Phạm, là cỏ thuốc nhỏ, thuật cho chúng biết khuyến thiện trừ nhiệt não, ân rất là hy hữu: Biết vô lậu pháp, năng đắc Niết-bàn và chứng Duyên giác, là cỏ thuốc vừa; thuật cho chúng biết trừ các nhiệt kiến ái, ân rất là hy hữu. Cỏ bậc thượng, cây nhỏ, như là thẹn Tiểu hâm mộ Đại, thuật cho chúng biết ngăn ngừa xấu, ân rất là hy hữu. Cây lớn, là thuật cho chúng biết trang nghiêm ân rất hy hữu. Sự thật trên hết là "một cõi đất, một trận mưa", thuật cho chúng biết "giao phó tài vật, ngồi tòa, thân tâm tài pháp tự tại an lạc", ân rất hy hữu. Đức Phật thuật bày sự sai biệt đó và tán thán mười ân, văn đã tận. Nếu thuật bày nghĩa Không sai biệt và tán thán, tức là tán thán một đại ân.

Kệ có năm mươi bốn hàng rưỡi, tụng ý khai hiển bên trên. Khai hiển có pháp, thí, nay đều tụng. 1. Bốn hàng đầu, tụng Pháp thuyết. 2. Năm mươi hàng rưỡi, tụng Thí thuyết.

- Tụng Pháp thuyết lại có hai:

1. Nêu Pháp vương.

2. Khai hiển.

a. Nửa hàng, tụng Pháp vương không hư dối.

b. Ba hàng rưỡi, tụng khai hiển.

Văn trên hai giáo hai trí nay cũng tụng đủ. Ban đầu một hàng rưỡi, tụng hai giáo, sau hai hàng, tụng hai trí. Đầu "Theo tánh của chúng sinh" xuống, nửa hàng tụng Quyền giáo. Tiếp "Đức Như Lai tôn trọng" xuống, một hàng tụng Thật giáo. Tiếp "Người trí nếu được nghe" xuống, một hàng tụng giải thích Quyền trí. Sau cùng "Ca-diếp! Vì cớ đó" xuống, một hàng tụng giải thích Thật trí.

Tùy các món nhân duyên mà thuyết các thứ giáo, đều là khiến đắc Đại thừa chánh kiến. Từ trước đến đây, đều gọi là tà kiến. Đây ý tụng là Như Lai tứ Tất-đàn: "Pháp vương phá các cõi" : Đối trị Tất-đàn. "Theo tánh của chúng sinh" :Thế giới. "Người trí nếu được nghe" cho đến "Thời bèn là mất hẳn": Vị nhơn. "Khiến chúng được chánh kiến": Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Ba Tất-đàn thì tụng "dùng trí phương tiện mà diễn thuyết" ở trên; "Khiến chúng được chánh kiến" là tụng "đạt đến nhất thiết trí địa" ở trên.

Từ “Ca-diếp! Ông nên biết, thí như...” xuống, năm mươi hàng rưỡi, tụng Thí thuyết ở trên.

Ban đầu mười hàng rưỡi, tụng Khai thí.

Tiếp bốn mươi hàng, tụng Hợp thí. Trên khai hai thí. Nay chín hàng rưỡi đầu, tụng thí dụ sai biệt, tiếp một hàng, tụng thí dụ Không sai biệt.

Chín hàng rưỡi tụng nghĩa sai biệt, trên sai biệt có sáu, nay cũng tụng sáu, nhưng không như trường hàng khai thí, như hợp thứ tư. Ban đầu ba hàng, tụng thí dụ Mây. “Trận mưa đó cùng khắp” trở xuống một hàng tụng thí dụ Mưa xối. “Nơi núi sông hang hiểm”, một câu, tụng thí dụ Đất đai núi sông. “Chỗ rậm rạp sinh ra”: hai câu, tụng thí dụ Cỏ cây lùm rừng. Từ “Các thứ cây lớn nhỏ” trở xuống, hai hàng ba câu, tụng thí dụ Thọ nhuận. Từ “Tất cả các giống cây” trở xuống, hai hàng tụng thí dụ Tăng trưởng. Mây dụ Ứng thân, Ứng thân tùy trí tuệ mà hành, cho nên nói “mây trí tuệ”, có thể đầy đủ mười hai bộ pháp gọi là “chứa nhuần”. Nếu Ứng thân không thể thuyết pháp, như Phật Tu-Phiến-Đa, Phật Đa Bảo thì mây này không thể chứa nhuần. Thân phóng hào quang lớn như điện sáng chói, miệng chấn Tứ biện tài như “tiếng sấm”. Chín mươi lăm thứ ánh sáng tà không hiện, cho nên nói “che khuất”, trừ chín mươi tám thứ não nhiệt ví như “trên mặt đất mát mẻ”. “Dường có thể nắm tới”: là ứng thân giáng thế giống như tam hữu, người có tâm đến lấy thực không thể được. Tám âm thanh, bốn biện tài, diễn thuyết pháp như mưa xối. “Bốn phương đều xối xuống”: đồng thời đều được nghe, cũng nói “tứ đẳng”. Phàm người có tâm đều nhờ lợi ích thấm nhuần, cho nên nói “cõi đất đều thấm đầy”. Đây thì thành trên. Lại, thành thí dụ núi sông ở dưới.

Một câu “Nơi núi sông hang hiểm”, tụng thí dụ đất đai, tức là bảy phương tiện chúng sinh ngũ ấm, nay nhờ mưa pháp thân khẩu mềm mại như đất đai được thấm nhuần. “Chỗ rậm rạp sinh ra”, là tụng “chúng sinh tập nhân sai biệt” bên trên, dụ cho chúng sinh từ lâu gieo trồng tập nhân ẩn trong ấm giới nhập cho nên nói “rậm rạp”, nay nhờ mưa pháp mà đều được khai phát cho nên nói “sinh ra”. “Trăm giống lúa” là nói chung ngũ cốc, dụ cho Ngũ thừa năng sinh trăm điều thiện. “Các thứ mía cùng nho” là dụ cho định tuệ. “Đất khô khắp được ướt”: dụ người chưa tin khiến cho họ tin, các thí dụ khác như văn.

Từ “Theo thể tướng của nó, tánh loại chia lớn nhỏ” trở xuống, một hàng tụng thí dụ không sai biệt. Văn trên có ba, trong đây lược không tụng một cõi đất, mà “sinh ra” bao gồm nghĩa đó. Hai câu đầu tụng

"được sinh ra, được thấm nhuần". Tiếp một câu tụng năng thấm nhuần, là tụng không sai biệt, "Mà đều được sum sê": tụng "sai biệt không thể tự biết".

Từ "Đức Phật cũng như vậy, xuất hiện ra trong đời" trở xuống, bốn mươi hàng, tụng Hợp thí, chia làm hai:

1. Ba mươi lăm hàng đầu, tụng hợp sai biệt.

2. Năm hàng sau, từ "Như thế Ca-diếp này" trở xuống, tụng hợp không sai biệt. Trên hợp thí dụ sai biệt, thì trước chánh hợp, sau thí thuận. Nay tụng cũng trước hợp, sau tiện nêu thí thuận.

Hàng tụng đầu hợp thí dụ mây: hai câu trên dùng thân hợp với nghĩa mây. hai câu dưới nêu thí dụ thuận hợp.

Tiếp: "Đã hiện ra trong đời" trở xuống, tám hàng rưỡi, tụng hợp thí dụ mưa. Trên thì trước nêu chương môn, sau khuyên nghe nhận. "Đã hiện ra"... xuống, ba hàng lược tụng mười hiệu, tiếp một hàng rưỡi, tụng bốn hoằng nguyện, trong sáu chương môn chỉ tụng hai chương.

Từ "Thấm nhuần khắp tất cả" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng bốn hoằng thệ.

Từ "Các hàng trời người này" trở xuống, bốn hàng, tụng khuyên nghe nhận.

Từ "Ta xem tất cả chúng" trở xuống, bốn hàng, tụng hợp thí dụ Núi sông bên trên. Núi sông dụ bảy thứ ngũ ấm chúng sinh. Như mưa xối không chọn lựa ngòi, khe, đức Phật bình đẳng thuyết cho nên nói "không có lòng đây kia". Có căn cơ, gọi là "đây", không căn cơ, gọi là "kia". Gieo trồng thiện là "yêu", ghét nghịch là "ghét". Phật sự là việc mình, ma sự là "việc khác". Ứng ban đầu là "đến", ứng sau là "đi". Nhập thật là "ngồi", xuất quyền là "đứng". Phật quán chúng sinh là như thế, tức là ý mưa bình đẳng xối xuống núi sông, tụng "vô số ức loại chúng sinh đi đến chỗ Phật mà nghe pháp" bên trên.

Từ "Sang hèn cùng thượng hạ" trở xuống, hai hàng tụng "Đức Như Lai lúc bấy giờ xem xét chúng sinh ấy" bên trên hợp với "sinh ra cỏ cây lùm rừng", tức từ "sang hèn" cho đến "lợi độn" là căn cứ bảy phương tiện truyền truyền tạo tác.

Từ "Tất cả các chúng sinh, được nghe pháp của ta" trở xuống, mười một hàng tụng "chủng chủng vô lượng đều khiến hoan hỷ" bên trên hợp thí dụ Thọ nhuận. Văn chia làm ba phần:

1. Một hàng, tổng nêu thọ nhuận.

2. Từ "Hoặc là ở trời người" trở xuống, bảy hàng, nêu chi tiết thọ nhuận.

3. Ba hàng, kết sở nhuận năng nhuận.

Có người giải thích: “Nhân thiên là cỏ nhỏ, Nhị thừa là cỏ vừa, ngoại phàm là cỏ lớn. Nội phàm là cây nhỏ, sơ địa cho đến thất địa là cây lớn”. Có người cho rằng “nội phàm là cỏ lớn, sơ địa đến thất địa là cây nhỏ, bát địa là cây lớn”. Có người “coi tam thập tâm là cỏ lớn, sơ địa đến lục địa là cây nhỏ, thất địa sắp lên là cây lớn”. Nhưng ba cỏ hai cây thì Phật tự hợp dụ, văn nêu rõ ràng, vì sao tâm các sư lại trái Phật trái kinh ư?!

Phần nêu chi tiết thọ nhuận, văn chia làm năm: 1. Một hàng đầu: nhân thiên đều chưa đoạn Hoặc, hợp làm “cỏ nhỏ”. 2. Từ “Rõ biết pháp vô lậu” trở xuống, hai hàng: nêu Nhị thừa đều có đoạn chứng, hợp làm “cỏ vừa”. 3. Từ “Hoặc cầu bậc Thế Tôn” trở xuống, một hàng nêu rõ lục độ, chí cầu làm Phật hóa độ chúng sinh, hơn hàng nhị thừa, riêng làm “cỏ lớn”. 4. Từ “Lại có hàng Phật tử “ trở xuống, một hàng rưỡi: nêu Thông giáo, đã đoạn Thông hoặc, thệ nguyện dìu dắt người khác tu tập, dần đến chỗ có hóa tha. So với dưới thì ưu việt, nhưng sánh với trên thì kém, cho nên gọi “cây nhỏ”. 5. Từ “Hoặc an trú thần thông” trở xuống, một hàng rưỡi: nêu Biệt giáo, tự hành hóa tha, cao rộng làm hơn, cho nên gọi là “cây lớn”. Căn cứ ba vị Bồ-tát đều ví như ba loại cây. Lục độ căn cứ ba Tăng kỳ. Thông giáo căn cứ thất, bát, cửu địa. Biệt giáo căn cứ tam thập tâm.

Từ “Phật chỉ bình đẳng thuyết” trở xuống, ba hàng: kết sở nhuận năng nhuận. Văn chia làm hai phần: 1. Một hàng rưỡi, nêu thí thuận giải thích sở thọ nhuận. Tuy nêu rõ bảy thứ, bảy thứ là ít “như một giọt trong biển”. Từ “Phật dùng thí dụ này” trở xuống, một hàng rưỡi, dụ đây nêu năng nhuận, Phật trí nhiều như biển cả.

Từ “Ta rưới trận mưa pháp” trở xuống, tám hàng rưỡi, tụng “các chúng sinh nghe pháp này rồi” hợp thí dụ “hoan hỷ tăng trưởng”. Văn chia làm hai phần: 1. Hai hàng đầu. 2. Sáu hàng rưỡi sau.

1) Hai hàng đầu: tổng tụng tăng trưởng. Lại chia làm hai:

a. Một hàng, tổng tụng nghĩa trưởng.

b. Một hàng, nêu dụ thuận giải thích.

2) Sáu hàng rưỡi, từ “Pháp của các Đức Phật” trở xuống: nêu chi tiết tăng trưởng. Văn chia làm bốn:

a. Một hàng rưỡi, nêu nhân thiên tăng trưởng đều được đầy đủ, là tụng “hiện đời được an ổn”. “Dần dần siêng tu hành”: tụng đời sau do đạo mà thọ hưởng vui.

b. Từ “Hàng Thanh văn Duyên giác” trở xuống, một hàng rưỡi,

tụng Nhị thừa tăng trưởng. "Trụ thân hình rốt sau" có hai giải thích: b.1) Nhị thừa thân này, nếu không gặp Phật thì chưa hẳn không có thân sau. Do thấy Phật cho nên thành thân rốt sau, tức là nghĩa tăng trưởng. b.2) Nhị thừa đắc Hữu dư Niết-bàn "trụ thân rốt sau", đắc Phật ngũ vị, điều hòa thuần thục, đắc nhập Pháp Hoa. Nghe pháp Đại thừa được hiểu tức là tăng trưởng.

c. Từ "Nếu các vị Bồ-tát, trí tuệ rất vững bền" trở xuống, một hàng rưỡi: tụng tăng trưởng theo Thông giáo. "Vững bền": thể pháp tuệ. "Rõ suất cả ba cõi": đoạn Hoặc tận.

d. Từ "Lại có vị trụ thiền" trở xuống, hai hàng: tăng trưởng theo Biệt giáo.

Hỏi: Một đám mây một trận mưa cùng một âm đồng hay khác?

Đáp: Các vị ở bậc thấp dùng một âm, khiến người khác nghe một pháp. Phật dùng một âm tùy loại đều hiểu. Nay một đám mây một trận mưa, chính là một âm tùy loại.

Có người giải thích: Pháp thân bất nhị, gọi là "một", từ Pháp thân xuất ra âm thanh cho nên nói "một âm". Có người nói: "Nhất thời đều xuất ra các tiếng, cho nên nói một âm". Có người nói: "Trong năm âm tùy dùng một âm". Đại luận nêu rõ: "Một âm báo hiệu các tiếng, không nói đều xuất, cũng không nói là pháp thân xuất âm thanh". Luận Tỳ-bà-sa nói: Phật dùng một âm nói Tứ đế, năm người nghe tiếng nói của loài người, tám vạn chư thiên nghe tiếng nói của (chư) thiên, địa ngục, dạ-xoa đều nghe đồng tiếng nói của chúng, đề xướng dạy bảo đến Phạm thiên đó là Phạm âm, cũng là Phật báo được âm thanh rất thanh tịnh vi diệu, gọi là "Phạm âm". Nếu báo được Phạm âm thì loài người không nghe được, có nghe cũng không hiểu.

Từ "Như thế Ca-diếp này" trở xuống, năm hàng tụng Thí không sai biệt bên trên. Văn chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu, tụng không sai biệt mà sai biệt. Ba hàng rưỡi sau, tụng sai biệt mà không sai biệt. "Thí như vầng mây lớn, dùng nước mưa một vị" : tụng hợp một vị mưa không sai biệt bên trên. "Được nhuần nơi hoa người, đều được kết trái cả": tụng sai biệt bên trên.

Từ "Ca-diếp ông nên biết" trở xuống: nêu Quyền. Quyền tức sai biệt, hợp sở sinh bên trên. "Nay ta vì các ông": hiển Thật. Thật tức không sai biệt, hợp một cõi đất bên trên. "Đều chẳng phải diệt độ", là chưa vượt qua Biến dịch sinh tử. Riêng nói Nhị thừa, là do nhị thừa kia sẽ chứng chắc chắn, hàng Nhân Thiên không chấp quả làm Niết-bàn, Bồ-tát không thể trung gian thủ chứng. "Là đạo của Bồ-tát", tức Bồ-

tát hành đạo cũng cần đoạn Thông hoặc. Ông đã đoạn tận, tức là đạo của Bồ-tát. Pháp Hoa luận nói: Phát tâm thoái rồi trở lại phát, trước đã tu thiện không diệt đồng sau được quả. Nhị thừa Trí Đoạn là đạo của Bồ-tát, là Nhị thừa chấp quả của họ bài xích nói là đạo Bồ-tát, đạo tức nhân vậy.

Hỏi: Bồ-tát cũng có quả. Phẩm Tín Giải nói: đắc đạo đắc quả. Kinh Đại Phẩm nói: "Hữu pháp là đạo Bồ-tát, vô pháp là quả Bồ-tát". Cớ sao không nói là quả Bồ-tát?

Đáp: Nghĩa đây cũng nên được. Nay nói: hoặc đạo hoặc quả đều là nhân Phật, nhân tức là đạo.

Phẩm Thứ 6: **THỌ KÝ**

Tiếng Phạn là Hòa-già-la, Trung hoa dịch Thọ Ký.

Hỏi: Các kinh phá nghĩa Thọ Ký. Kinh Tịnh Danh nói: “Từ Như sinh đắc ký, từ Như diệt đắc ký, Như không sinh diệt thì biết vô ký”. Kinh Tư ích nói: “Nguyện không nghe danh thọ ký”. Đại Phẩm nói: “Thọ ký là hý luận”. Nay kinh này như thế nào?

Đáp: Nếu Kiến chấp có thọ ký, thọ ký cho người, thì Kiến chấp này nên phá. Bồ-tát vì thệ nguyện được thọ ký, thì ký này nên cho. Theo Thế đế thì có thọ ký, theo Đệ nhất nghĩa thì không. Tứ Tất-đàn thích ứng theo thời như dưới nói. Nếu thọ ký chung, thì như đầu phẩm Pháp Sư. Nếu thọ ký riêng, thì như sau khi thuyết ba vòng. Nếu chánh nhân ký, thì như Thường Bất Khinh. Nếu duyên nhân ký, thì như mười thứ cúng dường trong Phẩm Pháp Sư. Nếu liễu nhân ký, thì như thọ ký cho hàng ba căn. Nếu chánh nhân ký thì rộng; nếu liễu nhân ký thì hẹp. Hoặc thọ ký chậm, hoặc thọ ký nhanh. Hoặc Phật ký như văn đây, hoặc Bồ-tát ký như ở phẩm Thường Bất Khinh. Dù không có kiếp số quốc độ nhất định, cũng được là thọ ký. Lại, huyền ký như trong phẩm Hóa thành, làm đệ tử đời vị lai. Các kinh khác chỉ thọ ký Bồ-tát, không thọ ký Nhị thừa, chỉ thọ ký thiện, không thọ ký ác, chỉ thọ ký nam, không thọ ký nữ; chỉ thọ ký hàng nhân thiên, không thọ ký cho loài súc sinh. Kinh này đều thọ ký. Như Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm nói bốn thứ thọ ký, kinh này có đủ. Người chưa phát tâm được thọ ký như Phẩm Thường Bất Khinh, phát tâm hiện tiền đắc Vô sinh tức là ba vòng thuyết pháp thọ ký. Kinh Anh lạc quyển thứ chín nói: có tám thứ thọ ký: 1. Mình biết người không biết. 2. Mọi người đều biết mình không biết. 3. Mình và người đều biết. 4. Mình và người đều không biết. 5. Gần biết xa không biết. 6. Xa biết gần không biết. 7. Xa gần đều biết. 8. Xa gần đều không biết.

1. Mình biết, người không biết: là do phát tâm tự thệ chưa rộng đến người, chưa đắc Tứ vô sở úy, chưa đắc thiện Quyền.

2. Mọi người đều biết, mình không biết: là phát tâm rộng lớn, đắc thiện Quyền vô úy.

3. Mình và người đều biết: tại địa vị thất địa, vô úy thiện Quyền, đắc Không quán.

4. Mình và người đều không biết: là chưa nhập thất địa, chưa đắc Vô trước hạnh...

5. “Xa không biết”, là Di-lặc vậy, các căn đầy đủ không xả Như

Lai Vô trước hạnh.

6. “Gần không biết”, là người này chưa năng diễn thuyết hạnh hiền Thánh, là Sư tử ưng vậy.

7. Gần xa đều biết: Các căn đầy đủ, không xả Vô trước hạnh, là Bồ-tát nhu thuận.

8. Gần xa đều không biết: Chưa đắc thiện Quyền, không thể biết hết Như Lai tạng, là Đẳng hành Bồ-tát.

Các kinh lại nói: “Gần biết”: là từ được Phật hiện tại thọ ký, như Di-lặc... “Xa biết”: là không từ Phật nay mà từ Phật đương lai được thọ ký, như lời Phật bảo Tệ-ma: “đời sau đức Di-lặc sẽ thọ ký cho ông”. “Gần xa đều biết”: Đức Phật đời nay đời sau đều thọ ký. “Gần xa đều không biết”: Đức Phật đời nay đời sau, đều không thọ ký.

Chư Phật vốn vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện thế gian, khiến chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nay đại sự đã hiển, đức Phật đã thuyết xong, chúng sinh đã ngộ nhập, thích hợp với bản hoài của đức Phật. Chúng sinh nguyện đã mãn, pháp nên thọ ký, như cha gặp con há không giao phó tài vật?! Lại, hạnh nguyện của người tu hành trong vô lượng kiếp nguyện ở Phật hiện tại. Văn nói: Bản nguyện kia như đây cho nên được sự thọ ký này. Hai duyên này là nghĩa Thế giới Tất-đàn cho nên thọ ký. Lại hàng Nhị thừa nghe kinh đổi Tiểu nhập Đại, viên nhân đã đủ. Nhân ắt chiêu cảm quả, cho nên đức Như Lai thọ ký. Thời chúng đều biết phát nguyện, nguyện làm quyến thuộc nội ngoại của sinh thân, pháp thân, hoặc nguyện chỉ sinh về cõi kia làm lợi lạc chúng sinh. Hai điều này gọi là Vị nhân Tất-đàn thọ ký. Lại thọ ký Nhị thừa phá dục thoái Đại nhập Tiểu thừa Bồ-tát. Vì sao? Nếu định có nhị thừa thì có thể thoái làm Tiểu, nay không có nhị thừa thì làm sao có thể thoái. Lại, phá dục phát tâm Nhị thừa, kia chứng tự xả ngã, làm sao gọi là chấp thủ? Lại phá người chưa biến đổi tiểu, thì liền biến đổi tiểu, người sắp chứng Tiểu thì không thủ chứng. Bốn điều này là đối trị Tất-đàn thọ ký. Lại, Vô sinh hiện tiền, ắt do thật giải khai tri kiến Phật không lầm. Lại, hiểu rõ Phật tánh, cho nên cho thọ ký. Tiểu thừa nhập thật, quyết định làm Phật. Nếu vậy thì tất cả chúng sinh cũng có Phật tánh, sao không thọ ký? Nhưng chúng sinh chỉ có chánh nhân mà không có duyên nhân. Nay nghe kinh tin hiểu, thì duyên nhân và chánh nhân đều đầy đủ. Khai tri kiến Phật, biết Phật tánh, thấy Phật pháp thấy Phật tánh. Hai điều này là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn thọ ký. Bốn thứ thọ ký này thu nhiếp hết các thứ thọ ký trên... Ký (trao) Thọ cũng gọi là thọ (nhận) ký, thọ quyết thọ biệt. Thọ nghĩa là ban cho, Thọ nghĩa là được, Ký là ký

sự. Quyết là quyết định. Biệt là liễu biệt. Hàng trung căn nghe hai vòng Pháp thuyết và Thí thuyết khai tam hiển nhất, lãnh giải đầy đủ Như Lai thuật thành, tuy tự biết làm Phật mà thời sự chưa xét kỹ. Nếu được Phật thành thật nói trao cho đời sau quả báo, kiếp số, quốc độ, quyết định gần xa liễu biệt, thì rất hoan hỷ. Nay từ Phật thọ ký mà được tên, cho nên nói Phẩm Thọ Ký. Văn đây là thí thuyết đoạn thứ tư. Ba đoạn trên đều dùng thí thuyết, trong đây thọ ký cũng dùng thí dụ. Luận ký, không có đoạn thứ năm là ý gì?

Có người giải thích rằng: "Chỉ trên chỉ dưới lược không luận". Lại nói: "Trong phẩm Dược Thảo Dụ nêu tất cả đều thọ nhuận, đều được tăng trưởng. Xét biết bốn chúng đều thâu hoạch lợi ích, cho nên kinh gia lược không nêu ra". Văn chia làm hai:

1. Chính thọ ký hàng trung căn.

2. Hứa vì thuyết việc quá khứ cho hàng hạ căn.

- Phần chính thọ ký lại chia làm hai:

a. Thọ ký cho Ca-diếp.

b. Thọ ký cho ba người. Đều có trường hàng và kệ tụng.

- Trong phần trường hàng thọ ký cho Ca-diếp (a) có sáu:

a.1) Hành nhân.

a.2) Đắc quả.

a.3) Kiếp quốc danh tự trang nghiêm.

a.4) Thọ mạng.

a.5) Chánh tượng lâu mau (xa gần).

a.6) Quốc độ thanh tịnh, như văn.

- Trong phần ba đệ tử (b), lại có hai:

b.1. Thỉnh ký.

b.2. Thọ ký.

- Trong thỉnh ký có bảy hàng kệ:

b.1.1) Một hàng kệ đầu, là chánh thỉnh.

b.1.2) Hai hàng rưỡi tiếp, là Khai thí.

b.1.3) Hai hàng rưỡi tiếp là Hợp thí.

b.1.4) Một hàng, tổng kết ba người thọ ký. Mỗi mỗi đều có hành nhân, đắc quả, kiếp, quốc, thọ mạng, pháp trụ số lượng, đều như văn.

Từ "Các đệ tử của ta" trở xuống, hai hàng rưỡi: hứa vì hàng hạ căn nói việc quá khứ. Những người này đã nghe Pháp thuyết và Thí thuyết, lại thấy các hàng thượng căn trung căn được thọ ký, mà còn nghi không hiểu sâu, sinh ra hổ thẹn. Phật muốn cho họ tăng tiến đạo, cho nên trước hứa sẽ thọ ký cho tất cả, lại thuyết nhân duyên đời trước.

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 7
(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 7: **HÓA THÀNH DỤ**

"Hóa": Là do thần lực tạo tác. Dùng thần lực, cho nên không có mà chợt có gọi là "Hóa". Ngăn ngừa điều quấy, chế ngự địch, gọi là "Thành". Nội hợp: Niết-bàn của Nhị thừa là quyền trí tạo tác, do sức quyền trí, không mà nói có, dùng giáo làm hóa, ngăn ngừa Tư hoặc, chế ngự Kiến hoặc, gọi là Niết-bàn. Tô tức dẫn nhập thực, chưa rốt ráo mà nói là diệt độ, quyền giả thi thiết cho nên nói "Hóa thành", dụ như trước nói, đây là giải thích theo Nhân duyên.

Căn cứ về giáo: nếu nghĩa Tam tạng thì nơi Niết-bàn sinh an ổn tưởng, sinh diệt độ tưởng, nếu Thông giáo thì nhị thừa cùng Tam tạng đồng, Bồ-tát không như vậy.. Thích Luận nói: "Như cha vượt qua đường nguy hiểm một chân đã vào thành, một chân còn lại ngoài cửa, do nhớ vợ con cho nên từ thành mà vào đường hiểm, thệ nguyện giúp đỡ các tập khí còn sót lại cho nên vào đường sinh tử mà không lấy Không làm chứng. Biệt giáo thì không nói thành như biến hóa, dùng thành ngăn sự nguy hiểm. Từ cửa thành thẳng qua, dùng thành làm phương tiện đoạn trừ Kiến Tư hoặc, không nói đây là tột cùng. Viên giáo thì biết không có giặc cũng không cần thành, cho nên nói "Hóa thành". Nay là ý của Viên giáo. Cho nên, đầu đề gọi là "Phẩm Hóa thành Dụ". Bản tích quán tâm không chép.

Hỏi: Phẩm này nói sự nhân duyên hàng hạ căn được ngộ, lẽ ra nên gọi là phẩm Túc Thế (đời trước) chứ?

Đáp: Đầu phẩm nói rộng về nhân duyên, cuối phẩm thì kết, nêu thí dụ Hóa thành. Nếu theo trước thì nên gọi là Túc Thế, vì kinh theo sau, cho nên gọi là Hóa thành.

Lại hàng thượng căn thì nghi mỏng, chỉ lấy việc "Phật ngồi dưới gốc cây ba tuần tư duy" để nêu rõ cơ duyên. Hàng trung căn thì nghi

nặng hơn, cho nên dùng thêm thí dụ, dò lấy "đạo Vô thượng mà hai vạn ức Phật giáo hóa" để làm cơ duyên. Hàng hạ căn thì nghi lại càng sâu dày cho nên nêu "cơ duyên lâu xa từ đời trước". Nếu bắt đầu từ đời trước thì nói nhân duyên lâu xa, ở thời trung gian thì nói Hóa Thành, nêu cứu cánh thì nói Bảo sở. Các Kinh gia ở Khoảng giữa nêu tên phẩm, để thuận tiện thu tóm từ đầu đến cuối. Cho nên, nói "phẩm Hóa thành".

Hỏi: Hóa thành là quyền, bảo sở là thật, vì sao bỏ thật theo Quyền?

Đáp: Do biết Thành là biến hóa, thì biết Bảo sở là thật, cho nên nêu lên hóa mà không mất thật.

Đây là đoạn văn kinh gồm ba phẩm, theo trước lẽ ra có bốn, nhưng lãnh giải thuật thành đều ở đoạn thọ ký. Vì sao? Vì nếu không lãnh giải, thí sao được thọ ký thuật thành, cho nên nói thọ ký gồm được hai ý. Lại, lãnh giải thuật thành được thọ ký, hoặc trước sau không định. Lãnh giải thì hoặc là im lặng nhớ nghĩ hoặc là phát ra lời nói, không đồng. Văn kia lại ít, không đủ phân chia phẩm, chỉ nhập trong đoạn khác. Phẩm này chính thuyết nhân duyên, hai phẩm sau thọ ký.

- Ban đầu lại chia làm hai:

1. Nêu thấy biết lâu xa.

2. Nêu đời trước kết duyên. Đức Như Lai tam đạt, thấu suốt rất lâu xa rõ ràng như ngày nay, dẫn việc đã qua để quyết định không hư dối, rồi sau thuyết cuộc sống đời trước. Hai phần này đều có văn trường hàng và kệ tụng.

- Phần một: Trường hàng có ba:

1. Nêu ra những việc đã thấy, tức là nước tên Hảo Thành, kiếp tên Đại Tướng, đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng.

2. Nêu thí dụ để rõ lâu xa.

3. Tổng kết, thấy xưa như nay. Kệ có bảy hàng, tụng ba nghĩa trước, như văn.

- Phần hai: Từ "Đức Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức" trở xuống: chánh nêu kết duyên. Văn lại chia làm hai phần:

1. Nguyên do kết duyên.

2. Chánh kết duyên.

- Trong nguyên do lại có hai: Nguyên do xa, nguyên do gần. Nguyên do xa lại có hai:

1. Đại Thông Trí Thắng Phật thành đạo.

2. Phạm thiên khắp mười phương thỉnh pháp.

- Phần Đức Phật thành đạo chia làm năm:

l. Phật thọ mạng lâu xa.

2. Từ “Đức Phật đó khi trước lúc ngồi đạo tràng” trở xuống: Việc trước khi thành đạo. Chư Phật đạo đồng, vì duyên sự mà có khác. Đức Thích-ca sáu năm ngồi khổ hạnh, cỏ mọc từ đầu gối đến khủyu tay không biết, chư thiên kêu khóc, đất chấn động mà không nghe, dời đổi chỗ ngồi rồi đắc đạo. Đức Di-lặc ngay trong ngày xuất gia thì đắc đạo. Đức Phật kia ngồi mười tiểu kiếp mà Phật pháp vẫn không hiện tiền, chẳng phải căn có lợi độn, đạo có khó dễ, mà chỉ vì duyên thích nghi quá thúc hối nên thị hiện có dài ngắn.

3. Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng quá mười tiểu kiếp” trở xuống: nêu chánh thành đạo.

4. Từ “Lúc đức Phật chưa xuất gia” trở xuống: nêu sau khi thành đạo quyến thuộc cúng dường.

5. Từ “Bấy giờ mười sáu vị vương tử nói kệ khen” trở xuống: nêu thỉnh chuyển Pháp luân.

Phần một, văn kinh dễ hiểu. Phần hai: những việc trước Phật thành đạo, có hai: 1. Phật ngồi đạo tràng trải qua thời tiết. 2. Chư thiên cúng dường.

Phần thứ hai (của Nguyên do xa) Từ “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo... đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” trở xuống: Các Phạm thiên thỉnh, chia làm hai:

1. Uy quang soi khắp, sáu điệu chấn động.

2. Các Phạm thiên trong mười phương thỉnh.

Uy quang: Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói: “Lúc Thái tử Tất-đạt còn ở trong thai thì ba ngàn cõi nước hào quang lớn sáng chói, “chỗ tối tăm ánh sáng nhật nguyệt không soi tới được mà đều sáng rực, chúng sinh trong đó đều được thấy nhau”. Lúc mới thành đạo cũng như vậy. Sáng sớm vì các vị trời cõi Sắc, giữa ngày vì trời cõi Dục, chiều tối vì quỷ thần mà thuyết pháp, đêm cũng thư vậy. Quán giải “bỗng sinh ra chúng sinh”: tâm tánh vốn tịnh do ấm nhập giới che lấp nên tối tăm. Nếu tu quán Tuệ, thì lý bản tánh hiển bày. Lại hai núi là Nhị đế, trung gian là trung đạo. “Ánh sáng nhật nguyệt” là nhị trí, hào quang Phật là trung đạo, là ánh sáng vô phân biệt trí, chiếu soi Tam đế vốn có thấu suốt.

Từ “Bấy giờ phương Đông” trở xuống: Các Phạm thiên trong mười phương thỉnh. Văn chia làm hai: Trước chín phương, sau thượng phương. Chín phương chia làm bốn: 1. Đông. 2. Đông nam. 3. Nam. 4. Tổng nêu sáu phương.

- Ba phương trước, văn nói mỗi phương đều có bảy ý:

1. Thấy điềm lành.
2. Kinh hãi.
3. Hỏi nhau để quyết nghi.
4. Dựa vào hào quang tìm thấy Phật.
5. Tam nghiệp cúng dường.
6. Thỉnh pháp.
7. Im lặng hứa khả, đều như văn. Phương thượng, thì văn chỉ nêu có sáu ý, sau khi các Phạm thiên thỉnh thì Đức Thế Tôn liền thuyết, cho nên không có "Im lặng hứa khả". Xưa nói: Đông, Đông nam thỉnh Tiểu thừa, bảy phương kia thỉnh Đại thừa, thượng phương thỉnh Tiểu và Đại. Thích luận nói các Phạm thiên thỉnh Đại, đức Phật tuy thuyết Tiểu chưa thỏa mãn sở thỉnh, nếu thuyết Bát-nhã cũng đáp ứng được nguyện thỉnh của Phạm thiên. Nếu y theo văn Phẩm Phương Tiện, thì Phạm Vương thỉnh Đại; nhưng Phật pháp đạo đồng không nên có thiên vị thỉnh, chỉ vì các kinh luận còn tóm lược nên các sư căn cứ thiên lệch. Lại, như nay đức Phật từ đầu đến cuối chuyển pháp luân đủ ngũ vị, nhất nhất đều đáp ứng được điều Phạm thiên thỉnh. Kia cũng nên như vậy.

Ban đầu mười sáu vị vương tử thỉnh chuyển "mãn" giáo, như nay Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm. Hai phương Đông và Đông nam, thỉnh chuyển "bán" giáo, như nay Phật thuyết Tam tạng. Bảy phương sau thỉnh chuyển đối "bán" nêu "mãn", như nay Phật thuyết Phương Đẳng. Thượng phương Phạm thiên thỉnh mang "bán" nêu "mãn", như nay Phật thuyết Bát-nhã. Sau mười sáu vị vương tử thỉnh phế "bán" nêu "mãn", như nay Phật thuyết Pháp Hoa Đề-hồ giáo. Xưa nay tiết mục văn nghĩa tương ưng.

Từ "Lúc bấy giờ đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh" trở xuống: kết duyên, nguyên do gần: Do Phật nhận lời thỉnh thuyết pháp, cho nên sau được giảng giải chính làm kết duyên. Văn chia làm hai phần:

1. Chuyển "bán tự" pháp luân.
2. Các con thỉnh chuyển "phế bán nêu mãn" pháp luân. Phần Chuyển "bán tự" chia làm ba: a) Thọ thỉnh. b) Chánh chuyển. c) Nghe pháp đắc đạo. Trong đây, lẽ ra thuyết tam thừa như văn phẩm Tựa, mà nay không thuyết, chính vì hàng hạ căn, luận về kết duyên khai hiển... lược không nói lục độ. Tam chuyển: Nghĩa là thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Cũng đem tam phen chuyển đối thị giáo lợi hỷ. Thị tức Thị chuyển, giáo tức Khuyến chuyển, lợi hỷ tức Chứng chuyển.

Cũng đối Kiến đế Tư duy Vô học. Vì hàng Thanh văn mà tam chuyển, vì Duyên giác mà nhị chuyển, vì Bồ-tát mà nhất chuyển. Vì sao? Vì căn có lợi độn. Đây đã một lần nói rồi vậy. Chung ở các phương như tam chuyển. Vì sao? Vì chư Phật nói pháp pháp cho đến ba phen, vì chúng sinh có ba loại căn. Đại luận và Tì- Bà-Sa đều nói như vậy.

Hỏi: Ban đầu vì năm người, vì sao nói vì ba loại căn? Lại có tám vạn chư thiên vì sao không có ba căn?

Đáp: Vì chúng sinh có đủ ba huệ ba căn ba đường.

- Mười hai hành:

1. Căn cứ giáo Tứ đế.

2. Căn cứ mười sáu hành.

Giáo mười hai: Tức thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển. Hành mười hai: ba phen chuyển đều sinh nhãn trí minh, giác. Lại, giáo mười hai là Năng chuyển, Hành mười hai là Sở chuyển. Mười hai hành là luân, mười hai giáo là phi luân. Nếu làm thành nghĩa nhị luân, thì nhãn trí minh giác tức là căn cứ bốn mươi tám pháp, khai bốn tâm này thành mười sáu tâm, nghĩa là Khổ pháp nhẫn làm “nhãn”, Khổ pháp trí làm “trí”, Tỷ nhẫn làm “minh”, Tỷ trí làm “giác”. Ba đế còn lại cũng như vậy, cho nên thành mười sáu tâm. Người thuộc ba loại căn đều đắc mười sáu tâm, cho nên thành bốn mươi tám hành. Mười hai đế là giáo pháp luân, mười hai hành là hành pháp luân. Giáo luân thì năng chuyển, chỉ là một Quyền trí, sở chuyển thì có mười hai giáo. Nếu hành pháp luân, thì giáo năng chuyển có mười hai, hành sở chuyển cũng có mười hai. Hoặc là chung ba người, hoặc là căn cứ một người. Nay căn cứ ba hạng người ở giai vị Kiến đế đạo, đều lợi căn nghe Thị chuyển, tức sinh nhãn trí minh giác, ba người hợp nêu, cho nên nói mười hai hành. Còn người không thể chuyển, ấy là Sa-môn không nghe, còn không biết, huống chi năng chuyển. Bích-chi-phật tuy ngộ, nhưng miệng không thể thuyết pháp. Bà-la-môn tuy nghe tên pháp mà không hiểu lý. Ma, Phạm cũng như vậy. Xét rằng chuyển tức chuyển pháp này độ nhập tâm người khác, khiến cho họ được ngộ, phá sáu mươi hai kiến mới gọi là “chuyển pháp luân”. Vì không có nghĩa này, cho nên Ma, Phạm v.v... không thể chuyển. Có người giải thích: Đại thừa Tứ đế, tiếp chuyển nhị đế, tiếp chuyển nhất đế, tiếp chuyển vô đế, đều là ý thu hẹp hay mở rộng tùy cơ duyên. Tiểu thừa Tứ đế lấy sinh diệt làm thể, Đại thừa thì lấy vô sinh làm thể.

Mười hai nhân duyên: Lại là biệt tướng tế quán tứ đế. Căn cứ Khổ Tập, tức có Vô minh, Lão tử. Căn cứ Đạo Diệt, tức có Vô minh diệt cho

đến Lão tử diệt. Lại ba người chung quán mười hai duyên: Nhị thừa thì quán mười hai duyên sinh diệt. Bồ-tát thì quán mười hai nhân duyên không sinh. Mười hai duyên không sinh: xưa không sinh nay không diệt, tương sinh thì tương sinh truyền dẫn diệt.

Lại, Tam thừa cũng cùng luận về Tứ đế, Nhị thừa thì hữu lượng tứ đế, Bồ-tát thì vô lượng tứ đế. Lại, lục độ cũng chung cả tam nhơn (ba hạng người).

Kinh Đại Phẩm, phẩm Phát Thú nói: "A-la-hán, Bích-chi-phật do tu sáu Ba-la-mật mà đạt đến bờ bên kia". Nhiếp Đại Thừa nói: "Phàm phu, Nhị thừa đều có lục độ nhưng không đồng đó thôi"! Nếu vậy lẽ ra đều gọi là Ba-la-mật, nhưng Nhị thừa tu hành đạt đến bờ Niết-bàn bên kia cũng gọi là Ba-la-mật, chỉ vì không thể đạt đến bờ Phật quả bên kia, so với Bồ-tát có khác. Luận A-Tỳ-Đàm nói: "Có lục túc, tức lục độ". Kinh Bảo Vân nêu, tam thừa Tỳ ni...

Phần ba: Nghe pháp đắc ngộ. Ban đầu ít, giữa nhiều. "Không thọ" là không thọ tứ kiến, ngộ sơ quả vậy. "Đắc giải thoát" là thoát "tử quả" hai thứ trói buộc (Tử quả: phiền não như chủng tử. Khổ báo do phiền não sinh ra như quả.), là đắc vô học "Thiền định sâu mầu" tức là câu giải thoát...

Từ "Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử đều là đồng tử xuất gia" trở xuống: thỉnh "mãn tự" pháp luân, Văn chia làm bảy:

1. Xuất gia.
2. Thỉnh pháp.
3. Những người đến thấy cũng xuất gia.
4. Phật nhận lời thỉnh.
5. Lúc đó trong chúng có người hiểu, có người không hiểu.
6. Thời tiết.
7. Phật nói kinh xong thì nhập định.

"Các căn" là sáu căn. Sáu căn thanh tịnh, cho nên nói "thông lợi". Lại, sáu căn hỗ dụng nên nói "thông". Nhập cảnh giới Phật, cho nên nói "lợi". "Trí tuệ minh liễu": là khai thị ngộ nhập. Đức Phật kia ban đầu thuyết viên đốn, công đức đại thừa của các con thảy đều đầy đủ, thương xót các phương tiện lại thỉnh Phật khai quyền hiển thật. "Hàng Thanh văn đều đã thành tựu": nêu kia chướng đã trừ, căn cơ chuyển động, vì vậy cho nên gọi "thỉnh". "Chúng con có chí mong được tri kiến Như Lai": kinh Pháp Hoa này chỉ nêu tri kiến Phật, chí chỉ cầu nơi đây, tức văn nói "thỉnh mãn tự, phế bỏ bán tự" nên hiển rõ như đây.

"Trải qua hai vạn kiếp": trên khai tam đã lâu, không chấp nhận

trung gian vô sự, hướng xuống ý văn dưới: trong hai vạn kiếp, ắt thuyết Phương Đẳng Bát-nhã. Văn nói: Thuyết lục Ba-la-mật và các việc thần thông. Bát-nhã là hạnh, thần thông là sự. Các kinh Phương Đẳng phần nhiều nêu sự hạnh bất khả tư nghì. Trong văn tụng nói: "Phân biệt pháp chân thật", tức là "Thật tướng Bát-nhã" trong kinh Đại phẩm. Mười sáu vị Sa-di tin thọ và hàng nhị thừa thì tin được hiểu. Ngoài ra ngàn vạn người kia đều sinh nghi hoặc, đó là chúng không hiểu. Chúng không hiểu này, thì kết duyên Pháp Hoa với mười sáu người con.

Đức Phật thuyết pháp xong thì nhập định, chính là kết duyên, là nguyên do gần. Do Phật nhập định, không xuất định, cho nên các nghi hoặc chúng không thể hỏi. Mười sáu vị Bồ-tát Sa-di về sau vì những người không hiểu nên lại giảng thuyết kinh. Trong văn nêu nơi chốn nhập định tức là "Tịnh thất", chánh nhập định tức là "trụ thiền định", thời gian nhập định tức là "tám vạn bốn ngàn kiếp".

"Bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa-di biết Phật nhập thất" trở xuống, là phần hai: Chánh kết duyên. Văn đây có hai:

1. Pháp thuyết kết duyên.
2. Thí thuyết kết duyên.

Pháp thuyết có ba: a) Xưa cùng kết duyên. b) Trung gian thường gặp nhau. c) Nay lại thuyết kinh Pháp Hoa.

- Phần Xưa kết duyên có bốn phần:

a.1) Biết Phật nhập định.

a.2) Vương tử lại giảng.

a.3) Chúng được lợi ích.

a.4) Đức Phật từ định ra khen ngợi Bồ-tát.

Do Phật nhập định nên được thuyết. Đức Phật biết một phen hóa độ sắp xong không thể có người để điều phục nữa ở giai đoạn này, cho nên khiến vương tử cùng họ kết duyên. Lại biết các chúng sinh này đều do vương tử mà được độ cứu kính, do đó Phật nhập định lâu mà không ra. Từ "Mười sáu vị Bồ-tát Sa di" trở xuống là phần một: Biết Phật nhập định. Từ "Mỗi vị đều thăng pháp tòa" trở xuống là phần hai: Lại giảng kinh Pháp Hoa. Từ "Mỗi vị đều độ" trở xuống là phần ba: Chúng được lợi ích, đều phát Bồ-đề tâm cho nên nói "độ". Nếu ban đầu phát tâm thệ nguyện làm Phật, thì đã vượt qua thế gian, tức vượt qua bảy phương tiện đến bờ bên kia. Từ "Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám vạn bốn ngàn kiếp" trở xuống là phần bốn: Phật từ định ra khen ngợi khuyến tin. Trong đây lại có hai: 1. Chánh xưng tán Bồ-tát. 2. Từ "Các ông phải luôn luôn gần" trở xuống: Khuyên nên gần. Trong phần

Khuyên nên gần lại có hai: a. Khuyên thân cận. b. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: Giải thích ý khuyên.

Từ “Phật bảo các Tỳ-kheo! Mười sáu vị Bồ-tát” trở xuống là phần hai: Trung gian thường gặp nhau. Gặp nhau có ba thứ:

1. Nếu gặp gỡ nhau thường thọ Đại thừa, thì hạng người này khoảng trung gian đều đã thành tựu, không đến ngày nay.

2. Nếu gặp gỡ nhau, gặp người kia thoái Đại thừa nên dùng Tiểu thừa dẫn dắt họ, thì hạng người này khoảng trung gian còn cố chấp chưa hết, nay được trở lại nghe giáo Đại thừa.

3. Chỉ luận gặp Tiểu không luận gặp Đại, các chúng sinh mà trung gian chưa độ thì đến nay cũng không hết, mới bắt đầu thọ Đại thừa cho đến sau khi Phật diệt độ mới đắc đạo.

Hỏi: Như trên do tu tập trải qua số kiếp nhiều như vi trần đến nay mới đắc A-la-hán, phải biết Vô sinh pháp nhẫn đâu dễ gì đắc ư?

Đáp: Bậc Đại Thánh luôn khéo y tứ Tất-đàn mà thuyết như vậy, hoặc nói Phật đạo lâu xa, hoặc nói Phật dễ đắc. Đối trị người nhàm chán đạo lâu dài, thì nói ngắn, để đối trị người mà đối với đạo sinh tưởng khinh dễ thì nói dài. Hoặc là để phát sinh thiện đời trước, hoặc tùy sự ưa muốn của thế gian, hoặc vì nghe thuyết dài ngắn thì đắc Đệ nhất nghĩa. Phải biết như đã nói trải qua nhiều kiếp đến nay mới đắc A-la-hán, đây là Quyền hạnh dùng tứ Tất-đàn để dẫn họ Thật hành khiến nhập đạo.

Từ “Các Tỳ-kheo! Ta nói với các ông” trở xuống là phần ba: Nay lại thuyết kinh Pháp Hoa. Văn đây lại có hai: 1. Hợp xưa nay. 2. Trở lại thuyết kinh Pháp Hoa. Hợp xưa nay lại có hai: a) Kết xưa nay của Thầy. b) Hợp xưa nay của đệ tử. Mười sáu vị Sa-di là xưa. Tám phương làm Phật là nay. Từ “Các Tỳ-kheo! Lúc mỗi mỗi chúng ta làm Sa-di” trở xuống là hợp xưa nay của đệ tử. Phần này có hai: Một là Hiện tại; Hai là Vị lai. Phần Hiện tại có bốn ý:

- Bất thoái: trụ Tam-bồ-đề.
- Các chúng sinh thoái chuyển đó: nay trụ Thanh văn.
- Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích ý thoái trụ.
- Từ “Vô lượng chúng sinh được hóa độ lúc ấy” trở xuống: chánh kết ý xưa nay.

Từ “Và sau khi ta diệt độ” trở xuống, là hợp đệ tử vị lai, lại có hai:

- Chánh hợp.
- Từ “Sau khi ta diệt độ, lại có” trở xuống, là giải thích nghi. Nghi

hiện tại được nghe Phật thuyết kinh Pháp Hoa được nhập nhất đạo, tức có thể là dòng kết duyên? Nghi vị lai ấy không nghe Pháp Hoa mà tưởng là nhập diệt độ, đây đâu có thể xả Tiểu đắc nhập Nhất thừa? "Giải thích rằng: Dù Phật diệt độ, cuối cùng chúng cũng hợp được nghe kinh này. "Ta ở nước khác làm Phật", cho đến "cầu Phật tuệ mà được nghe kinh này". "Nước khác" là cõi nước Hữu dư của Tam thừa Thông giáo. "Trừ các Như Lai phương tiện nói pháp": đoạn nghi. Nói ba, đó chỉ là phương tiện mà nói, kỳ thật không có ba.

Từ "Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai tự biết" trở xuống: chánh nêu nay trở lại thuyết Pháp Hoa. Đây lại có ba:

1. Thời chúng thanh tịnh.
2. Chánh thuyết Pháp Hoa.
3. Giải thích ý khai tam ở trên.

"Biết đến giờ Niết-bàn": Chư Phật xuất thế thời gian dạy đạo sắp xong tức thời điểm thuyết kinh này. Như đức Phật Ca-diếp, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh v.v... thuyết kinh này xong, thì nhập Niết-bàn. Đức Phật Thích-ca thuyết kinh Pháp Hoa xong thì xướng rằng sẽ diệt độ. "Chúng lại thanh tịnh": tức Đoạn đức. "Tín giải kiên cố": "tín" tức bốn niềm tin bất hoại, "giải" tức vô lậu chánh giải, liễu đạt chân đế đủ các thiền định, đây là Trí Đoạn lập. Lúc ấy mới có khả năng dạy Đại đạo, người nghe chắc tín thọ. Lại nữa, "chúng lại thanh tịnh": do Tam tạng giáo được lợi ích, thoát nạn. "Tín giải kiên cố": đối với Phương Đẳng giáo thì tâm tướng thể tín; liễu đạt pháp Không khi nghe thuyết giáo pháp Bát-nhã. Ở trong pháp Không, tâm được liễu đạt, tức là ý Chuyển giáo. Từ "Liền nhóm họp các Bồ-tát" trở xuống, là chánh thuyết Pháp Hoa. "Nhóm họp các Bồ-tát" là tụ tập thân tộc để thuyết kinh này. Trên giải thích "thân tộc" là pháp thân đại sĩ, là chúng ảnh hưởng. Dùng văn đây để kiểm nghiệm nghĩa kia, thì rõ ràng. Tập họp Bồ-tát là hội họp thân tộc, và chúng Thanh văn là con nhận mệnh lệnh.

Từ "Các Tỳ-kheo nên biết! Đức Như Lai phương tiện" trở xuống, là giải thích ý khai tam. Nếu thế gian không có Nhị thừa được diệt độ, thì vì sao đức Như Lai trước thuyết Quyền giáo? Giải thích rằng: Tỳ-kheo nên biết! Như Lai phương tiện, biết rõ tâm tánh của chúng sinh nhỏ hẹp ưa pháp nhỏ, tham đắm ngũ trần ngũ trược xấu tệ, cho nên trước nói ba, khiến phá thói hư xấu, thoát nạn, sau mới nói một.

Từ "Thí như đường hiểm dài năm trăm do tuần" trở xuống, là phần Thí thuyết. Có khai có hợp.

- Khai thí chia làm hai:

1. Thí dụ Đạo sư ví như “lại lần nữa giảng cùng kết đại duyên” bên trên, tức phần lược tụng, dự định dùng phương tiện trong Tổng thí Nhà lửa ở trên.

2. Thí dụ Muốn dẫn dắt, ví như “trung gian gặp nhau, nay lại thuyết Pháp Hoa” ở trên. Nếu trung gian gặp nhau theo ta nghe pháp đều vì Tam-bồ-đề, thì không vì người này thiết lập thí dụ. Nếu trung gian gặp nhau, nay có trú nơi địa vị Thanh văn, thì chính vì người này thiết lập thí dụ thứ hai, tức là phần tụng rộng dự định dùng phương tiện trong Biệt thí Nhà lửa ở trên.

Phần một: Thí dụ Đạo sư. Văn có năm tức sáu ý trong phần lược tụng dự định dùng phương tiện trong Tổng thí Nhà lửa bên trên.

1. “Năm trăm do tuần”: dụ cho xứ sở mà chúng sinh chưa độ, tham đắm các hữu, luân hồi trong đó, tức nhà kia rộng lớn trong dụ Nhà lửa, như ba cõi không an ổn, là ý an ổn đối bất an ổn trong phẩm Phương tiện.

2. “Đường dữ hiểm nạn” ví như bên trên “Chưa vượt qua các phiền não chướng nặng, đối với trí tuệ Như Lai khó tin khó hiểu”, tức ví lửa cháy trong Thí dụ Nhà lửa, là pháp an ổn đối bất an ổn trong phẩm Phương Tiện.

3. “Nếu có chúng đông” là chánh thí dụ bên trên: “trăm ngàn vạn ức loại đều sinh nghi hoặc không hiểu”, là dụ ba mươi người con và năm trăm người trong Nhà lửa, là ý “biết tánh ưa muốn của chúng sinh” trong phẩm Phương Tiện.

4. “Muốn đi qua con đường này đến chỗ trân bảo” là thí dụ xưa không lấy, nay lấy, ví như “lại giảng kinh Pháp Hoa” bên trên, như “mưa nhất vị” trong phẩm Dược Thảo Dụ, như “chỉ có một cửa” trong thí dụ Nhà lửa, là ý tuyên giảng Phật đạo trong Phẩm Phương Tiện.

5. “Có một vị đạo sư” là Vương tử thứ mười sáu trong thí dụ trên, tức dụ “mây dầy đặc” trong phẩm Dược Thảo, là Trưởng giả, trong dụ Nhà lửa, là ý “Ta nay cũng như vậy” trong phẩm Phương tiện.

Hỏi: Trong đây làm ví dụ, sao không nói “cha con thất lạc nhau”, “trưởng giả kinh sợ vào nhà lửa”, “không hư dối”... ?

Đáp: Phàm nêu tên ví dụ đều tùy theo nghĩa thuận tiện. Trên chọn cơ cảm có và không, cho nên nói “cha con thất lạc, cha con gặp nhau”. Hoặc chọn cảm ứng, chỉ tùy căn cơ, cho nên nói “kinh sợ vào nhà lửa”, Trong đây nêu “muốn dẫn dắt mọi người đời đời gặp nhau”, thì đâu thể nói “thất lạc”. Từ lâu kết duyên, đâu được nói “bắt đầu ứng”, vì nghĩa đây cho nên không nói “xa lìa nhau và kinh sợ” đó thôi! Mà ý kia thì

thông.

Hỏi: Vì sao không nêu thí dụ “Không hư dối”?

Đáp: Từ trước đã có hai mươi hai phen khai Quyền hiển Thật, nghĩa kia đã rõ ràng. “Không hư dối” là để khuyên tin, hàng hạ căn tin không bao lâu nên không cần.

“Năm trăm do tuần”: theo Cơ sư nói: Tam giới kết Hoặc là ba trăm, hàng Thất địa đoạn tập khí là bốn trăm, hàng Bát địa trở lên đoạn vô minh là năm trăm. Nay nói chẳng phải nghĩa chánh biệt, lại chẳng phải nghĩa thông Tam thừa.

Lại có người nói: Có bốn thứ: Lưu lai sinh tử, Biến dịch sinh tử, Trung gian sinh tử, Phần đoạn sinh tử. Chỉ chọn ba thứ kia khai làm năm trăm, không chọn Lưu lai sinh tử. “Lưu lai” là lúc bắt đầu có thức thì trái với nguồn gốc ban đầu, cho nên không nói. Có người nạn vấn điều này rằng: Kinh Thắng Man nói: Nhân năm, quả hai. Quả hai là Phần đoạn và Biến dịch. Nhân năm nghĩa là năm trụ. Nói quả thì đã biệt khai Lưu lai và Trung gian, nói nhân thì cũng nên càng rộng thêm năm trụ. Lý luận này không căn cứ, không nên dùng. Đại luận nêu: “Nhục thân Bồ-tát tức Phần đoạn, Pháp thân Bồ-tát là Biến dịch”. “Lại nói A-la-hán xả báo thân tam giới, thọ thân pháp tánh”. Cho nên, biết sinh tử có hai. Có người nói: Ba trăm dụ ba cõi, Bốn trăm dụ Thất địa, trung gian hai nước khó vượt qua; Năm trăm dụ Bát địa trở lên.

Có người nạn vấn rằng: Bốn trăm dụ Thất địa, thì lẽ ra Ba trăm dụ Lục địa. Lục địa và Nhị thừa công bằng nhau. Đáp: Hàng Nhị thừa lâu tối đa chỉ có sáu mươi kiếp hoặc một trăm kiếp. Thời gian Bồ-tát đến Lục địa là hai mươi hai đại tăng-kỳ, hàng Nhị thừa loanh quanh trở về đạo, cho nên không ngang bằng được. Nay nói đây không phải nghĩa riêng cũng không phải nghĩa chung. Có người nói: “Tam giới là Ba trăm. Thất trụ và nhị thừa là Bốn trăm, Thất trụ trở lên là Năm trăm”. Như Đại Kinh nói: “Sơ quả tám vạn kiếp đến Bồ-đề tâm xứ”. Như người hàng tam căn đạt đến nơi này, liền lãnh giải. Năm hạng người đạt đến nơi này, gọi là vượt qua năm trăm. Đây lấy mức tối đa ngu độn nên nói “tám vạn kiếp đến”. Hàng lợi căn không hẳn như vậy. Như khi đức Phật tại thế, người đắc tứ quả nghe kinh Pháp Hoa thì đều phát tâm, hà tất phải tám vạn kiếp!

Có người nạn vấn: “Kinh nêu rõ vượt quá ba trăm do tuần lập Nhị địa, đâu phải là độ ba người. Nếu năm người đều phát Bồ-đề tâm, thì gọi là vượt qua năm trăm. Đáp rằng: Chính một ý trong Đại kinh nêu năm người phát tâm lìa năm vị, nhưng đó chẳng phải ý trong kinh này.

Trong đây nêu “ba trăm” là Quyền độ tại Hóa thành, “năm trăm” đến Bảo sở gọi là Thật độ. Bỏ Hóa thành, tiến đến Bảo Sở. Nếu năm người đều vượt đều tiến, thì mất ý nghĩa của thí dụ Hóa thành!

Có người nói: “Tam giới là ba trăm, Thanh văn là Bốn trăm, Duyên giác địa là năm trăm. Phàm phu chướng ở tam giới, Nhị thừa chướng ở Niết-bàn cũng là hữu không nhị kiến, Cây thuốc Hoa Nghiêm không thể ở sinh ở nước sâu, hầm lửa. Hầm lửa tức tam giới, nước sâu tức Nhị thừa. Tam Giới là lao ngục của Nhị thừa; Nhị thừa là lao ngục của Bồ-tát. Lại, chính cái phước trí nhị biên, thì không thể tự hành không thể hóa tha. Kinh Đại Phẩm nêu Bốn trăm do tuần, hợp nhị thừa làm một trăm. Pháp Hoa khai làm năm trăm. Đại Phẩm nêu Bồ-tát vượt hai địa phàm Thánh, mà chưa nêu Nhị thừa là Quyền, tức thiếu ý Hóa thành. Đã chưa luận đến Hóa thành, thì cũng chưa nêu Bảo sở”. Đáp: “Đại Phẩm đã hiển Thật, cho nên đã nêu Bảo sở; chưa khai Quyền, cho nên không nêu Hóa thành”.

Văn dưới nói: “Vì để nghỉ ngơi, cho nên nói hai thứ Niết-bàn”, tại đây là đã vượt qua ba trăm do tuần. “địa vị mà các ông trụ, gần với trí tuệ Phật”, đây khiến vượt khỏi hai trăm do tuần nữa.Văn đã nêu rõ, không nên khổ công mê hoặc. Lại, nêu rõ Nhị thừa có sáu nghĩa đồng và mười nghĩa khác. Sáu nghĩa đồng là:

1. Đồng xuất tam giới.
2. Đồng tận vô sinh.
3. Đồng đoạn chính sử.
4. Đồng đắc Hữu dư Vô dư.
5. Đồng đắc nhất thiết trí.
6. Đồng danh Tiểu thừa.

Do đó hợp thành một “Hóa thành”. Mười nghĩa khác là:

1. Hành nhân xa gần sáu mươi kiếp, một trăm kiếp.
2. Căn lợi độn.
3. Theo thầy và tự ngộ.
4. Không Bi và có Bi ví như xe hươu và xe dê.
5. Có tướng hảo và không tướng hảo.
6. Quán lược rộng.
7. Có thể thuyết pháp đắc tứ quả, và không thể thuyết pháp đắc Noãn pháp.
8. Ở đời có Phật và không có Phật.
9. Đốn chứng và tiệm chứng.
10. Duyên giác thì phần nhiều hiện thần thông, ít thuyết pháp, còn

Thanh văn thì bất định.

Ba xe ở dụ Nhà lửa nay là dụ "Hai trăm do tuần". Ba căn đồng bị thiêu trong nhà lửa, ba căn cầu thoát ra cho nên có ba xe. Phật đạo lâu dài, Nhị thừa vẫn là con đường nguy hiểm cho nên nói còn "hai trăm" cần phải lìa. Phật thừa không phải chướng chỉ nêu hai trăm, vì sao căn cứ phàm khai ba (trăm), ước về Thánh khai hai (trăm)? đây là dẫn tiến mà nói. Người được độ còn ít, người chưa được độ còn nhiều. Nếu vậy, thì chưa thành liễu nghĩa? Phật đạo tuy dài như đi vạn dặm, nhưng chỉ có năm trăm do tuần là khó, còn ngoài ra thì dễ.

Hỏi: Vượt hai trăm do tuần là việc khó của Nhị thừa, vượt tam giới là việc khó của phàm phu. Bồ-tát có khó không?

Đáp: Bồ-tát không coi nhà lửa là nạn, không cần cầu xe để ra khỏi nhà lửa. Nhị thừa đã cầu xe để vượt ra, thì sao không bị hai trăm làm chướng ngại!

Đại luận quyển sáu mươi sáu nói: "Đường hiểm là thế gian. Một trăm do tuần là Dục giới. Hai trăm do tuần là Sắc giới. Ba trăm do tuần là Vô sắc giới. Bốn trăm do tuần là Nhị thừa. Lại nữa, một trăm do tuần là Nhị thừa đạo, hai trăm do tuần là Vô sắc giới, ba trăm do tuần là Sắc giới, bốn trăm do tuần là Dục giới". Kinh này nêu năm trăm do tuần tức Bồ-tát đạo. Nếu vượt quá năm trăm, thì nhập Phật đạo... Nhân sư và kinh luận khác nêu ra như trước. Nay y kinh này mà phán xét, thì: nơi tam giới quả báo là ba trăm, nơi cõi Hữu dư là bốn trăm, nơi cõi Thật báo là năm trăm.

Văn dưới hợp thí nói: "Biết các sinh tử", sinh tử là nơi chốn, rõ ràng rồi vậy! Chỉ vì tôn chỉ của Phật khó biết, nên phải rộng giải. Kiến hoặc là một trăm. Ngũ hạ phần là hai trăm. Ngũ thượng phần là ba trăm. Trần sa là bốn trăm. Vô minh là năm trăm. Văn dưới hợp thí nói: "Phiền não hiểm nạn ác đạo" nghĩa đó phù hợp. Nhập Không quán thì năng vượt qua ba trăm. Nhập Giả quán thì năng vượt qua bốn trăm. Nhập Trung quán thì năng vượt qua năm trăm. Văn dưới hợp thí nói:

1. "Khéo rõ biết được tướng thông bít của con đường hiểm", tức là biết hai thứ nhân quả, phù hợp nghĩa năm trăm do tuần.

2. "Đường dữ hiểm nạn" là dụ cho nhân quả sinh tử. Phần đoạn và Biến dịch, đây tức là quả hiểm nạn. Tư hoặc, Kiến hoặc, Ngũ trụ phiền não, tức là nhân hiểm nạn. Do nhân quả này, cho nên nói "Đường dữ". "Chốn không người": đạo có hai loại: a. Trống rỗng vắng vẻ, có người để nương. b. Không có người để nương. Loại một: Trong sinh tử có Niết-bàn, trong phiền não có Bồ-đề, ví như chỗ trống rỗng vắng vẻ mà

có người để nương. Loại hai: Như sinh tử phiền não không có Niết-bàn Bồ-đề, trong thuốc không có bệnh, trong bệnh không có thuốc, đây tức chỗ trống rỗng vắng vẻ không có người dể nương.

3. "Nếu có nhiều chúng sinh", đây là dụ vương tử chúng được giáo hóa chưa độ.

4. "Muốn vượt đường hiểm này" cầu đến chủng giác, cho nên nói "đến chỗ trân bảo".

5. "Có một vị đạo sư", tức vương tử thứ mười sáu. Nhãn nhĩ thanh tịnh, nên gọi là "thông", ý thanh tịnh gọi là "lợi", tóm lại tức sáu căn thanh tịnh. "Trí" tức nhất tâm tam trí, "minh" tức đầy đủ ngũ nhãn. Lại, Tam minh là "minh", Thập lực là "đạt".

Từ "Dẫn dắt chúng nhân muốn vượt qua" trở xuống, là phần hai của Khai thí, tức thí dụ Muốn dẫn dắt. Đây giống với ý nhà lửa phương tiện biệt thí tụng rộng. Văn đây chia làm ba:

1. "Đám đông người được dẫn dắt": ví như những người đã kết bản duyên nhưng chưa được độ. Bản duyên không mất mà được đạo sư dẫn dắt, giống ý "trưởng giả thấy lửa sợ hãi" trong dụ Nhà lửa bên trên, là ý "thấy ngũ trược mà khởi đại bi tâm" trong phẩm Phương Tiện.

2. "Đi giữa đường lười mỏi muốn thoái lui": ví như "giữa đường gặp nhau thoái tâm Đại thừa, thì dùng Tiểu thừa dẫn dắt" bên trên, là ý "không dùng thân, tay, mà khen ngợi ba xe hy hữu" trong dụ Nhà lửa, là ý "thôi Đại thừa hóa, nghĩ đến dùng phương tiện" trong phẩm Phương tiện.

3. Từ "Khi ấy đạo sư biết đám đông người đó"trở xuống là thí dụ "diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở", ví như "trở lại vì thuyết kinh Pháp Hoa, liền tập chúng Bồ-tát và Thanh văn mà thuyết kinh này" bên trên, tức là ý "đồng ban cho một thứ xe lớn" trong dụ Nhà lửa, và giống như ý "chỉ thuyết vô thượng đạo" trong phẩm Phương tiện. Phân văn đã xong tiếp đến giải thích:

"Đám đông người được dẫn dắt": Nói chung là chúng kết duyên. Nếu luận riêng, thì những ai trước được lợi ích Đại thừa tức là đã được dẫn dắt xong; những ai chưa được Đại lợi, thì nay chính là người được dẫn dắt. Nếu căn cứ năm trăm người trong Nhà lửa, thì ba mươi người con là người chưa được khai ngộ.

"Giữa đường mỏi mệt thoái lui": văn chia làm hai: 1. Thoái Đại. 2. Tiếp Tiểu.

1. Thoái Đại: tức là ý "Phật dự định thôi hóa nhất Thực" bên trên. Tiếp Tiểu: dự định dùng Tam (quyền). Văn thoái Đại chia làm ba: a)

"Giữa đường mỏi mệt thoái lui" tức trên nói "không có đại cơ". b) "Bạch đạo sư rằng": trên nói "không thọ Khuyến, Giới". "Chúng con cực kỳ mệt mỏi" tức là không thọ Khuyến môn, "lại thêm sợ sệt" tức không thọ Giới môn. c) "Chẳng có thể đi nữa" tức là bên trên nói "thôi hóa". Phân văn đã xong.

Tiếp giải thích: "Giữa đường": Chẳng phải nửa đường nên gọi giữa đường (trung lộ), chỉ do coi phát tâm là đầu, đến thành Phật là cuối. Ở khoảng giữa hai đầu mút này mà khởi thoái lui hay dừng nghĩ, thì gọi "giữa đường". "Bạch đạo sư rằng": tự có đạo sư Từ bi thông thạo đường đi, như văn nói: "Có một đạo sư dẫn dắt mọi người". Tự có đạo sư Kết duyên như văn nói: "Đám đông người được dẫn bạch đạo sư rằng". Tự có đạo sư Quyền trí, như văn nói: "đạo sư có nhiều phương tiện". Tự có đạo sư Thật trí, như văn nói: "đạo sư biết đám đông người đó". Nay nói "bạch đạo sư" chính là bạch với đạo sư kết duyên. Vì chúng thoái Đại thì Đại diệt, tiếp Tiểu thì Tiểu sinh. Một sinh một diệt, cảm pháp thân gọi đây là "bạch". Vương tử biết chúng thoái Đại, tức nghe chúng tác bạch. Thiện căn yếu đuối, bị vô minh che lấp, cho nên nói "cực kỳ mệt nhọc". Chán sợ sinh tử, gọi là "sợ hãi". "Chẳng thể tiến tới nữa, đường trước còn xa": Kiến hoặc, Tư hoặc, Trần sa hoặc, Vô minh hoặc khó có thể đoạn ngay, thì dùng Tiểu thừa tiếp dẫn họ, không khiến lập tức trở về bản xứ, nhưng cũng có nghĩa "tiến tới".

2. Tiếp Tiểu: từ "Vị đạo sư có nhiều phương tiện": trở xuống, là thí dụ dùng Tiểu để tiếp dẫn. Trên trong dụ Nhà lửa phương tiện khai pháp Tam thừa, có bốn ý, trong đây đầy đủ. 1. "Có nhiều phương tiện" ví như dự định thích hợp. 2. Từ "Mà tự nghĩ rằng" trở xuống: bọn ấy đáng thương bỏ mất trân bảo, dụ biết có Tiểu không có Đại. 3. Từ "Nghĩ thế rồi dùng phương tiện" trở xuống: hóa làm một cái thành, dụ chính thức dùng phương tiện. 4. "Bấy giờ chúng cực kỳ mỏi mệt ấy rất vui mừng" trở xuống: nhập thành, ví như tam thừa ngộ nhập. Hai ý trên như văn. Hóa thành dụ lại chia làm hai: 1. Tác hóa; 2. Thuyết hóa. "Dùng sức phương tiện" trở xuống, chính là Tác hóa. "Bảo chúng rằng" trở xuống, chính là Thuyết hóa. Trong dụ Cho xe bên trên nói rằng: "Ta vì các ông mà làm các xe này". Nay thành là có cho nên phải trước tạo tác. Thuyết Hóa thành dụ, giống như "Khuyến chuyển Thị chuyển Chứng chuyển" bên trên. "Các ông chớ sợ, đừng lui về" là Khuyến chuyển, khiến tiến thẳng vào thành. Từ "Nay thành lớn này" cho đến "muốn làm gì thì làm" là Thị chuyển, bảo rằng thành này có thể dừng ở. "Nếu vào thành này sẽ được rất an ổn" là Chứng chuyển, khen ngợi thành an ổn. "Như

thế có thể thẳng đến Bảo sở, cũng có thể được đi", trong Tam tạng giáo chưa luận nghĩa "tiến thẳng". Có một thuyết nói: "Rõ ràng đây nói ở thời tam thừa giáo. Nếu người phát tâm Đại thừa cầu Phật thì cũng tốt. Nếu không thể như thế, thì chỉ làm Nhị thừa cũng tốt. Theo như kinh Thắng Man nói: "Sơ nghiệp của tam thừa không ngu đối với pháp, tự biết sẽ được làm Phật, chỉ vì sợ không có khả năng cho nên chấp vĩnh diệt". Nếu vậy thành Biệt giáo! Lại, có thuyết khác nói: "Chỉ khiến nhập Hóa thành, nhưng sau lại tiến thẳng". Trong các kinh Đại Phẩm, Tịnh Danh đều có ý đó. Đấy tức là ý Biệt tiếp Thông. Nhưng ở đây đức Phật chưa khai hiển cái "tiến lên" đó, do không được hiển lộ rõ ràng mà có câu nói này. Nếu tính theo đời trước, thì lẽ ra có nói như vậy. Vì sao? Vì biết thoái ý. Vương tử giáo hóa rằng: "Các ông nếu sợ sinh tử, thì hãy tạm dùng Niết-bàn để nghỉ ngơi, nhưng sau lại hành Đại đạo, cũng có thể tùy ý". Cũng như nay người muốn học Đại thừa mà sợ sinh tử muốn khởi thoái tâm, có người khuyên: "Ông hãy đoạn phiền não, chứng La-hán, nhưng sau lại tiếp thu Đại đạo, cũng có thể được". Nay hiện tại một đời hóa đạo chưa khắp thì không được bỗng có lời nói như thế. Nếu khai Quyền hiển Thật, thì được nói thế, như trong thời Niết-bàn các người thủ chứng quả La-hán đều là nghĩa kia.

"Đại hoan hỷ" tức văn tuệ. "Chưa từng có" tức Noãn vị. "Thoát khỏi đường dữ" tức Đảnh vị. "Vui thích được an ổn" tức Nhẫn vị. "Thẳng vào hóa thành" tức Kiến đế vị. "Tưởng đã diệt độ" tức vô học vị, đây giống như "thích hợp sở nguyện, các con mạnh mẽ xô đẩy để ra khỏi nhà" trong dụ Nhà lửa. "Nảy sinh cảm tưởng đã được diệt độ": như đắc Tận trí. "Nảy sinh cảm tưởng đã được an ổn": như đắc Vô sinh trí. Lại, đầy đủ Trí đức như "đã độ", chứng Đoạn đức như "an ổn".

Có người nói "Bảo sở" là tam giới mà nhị thừa nếu vượt qua thì đến Phật đạo, Phật đạo là Bảo sở. Đại kinh có ba lời văn: 1. Đến Bồ-đề tâm; 2. Đến Bồ-đề; 3. Đến đại Niết-bàn môn. Nếu đến Bồ đề tâm, thì quyết đến Bồ-đề và Niết-bàn. Dẫn ba lời văn đây: Đến Bồ-đề tâm gọi là đến nhân, Bồ-đề Niết-bàn gọi là đến quả, trong quả có Trí Đoạn. Bồ-đề là Trí, Niết-bàn là Đoạn.

Nói đủ đầu đuôi, nói đủ Trí Đoạn, cho nên nói ba lời văn. Vượt qua "năm trăm do tuần" có ba nghĩa: 1. Thoát đường dữ; 2. Được đường tốt lành; 3. Là Bảo sở. Bồ-đề tâm ví như vượt qua đường dữ, Bồ-đề hành ví như đường bằng phẳng. Đắc Phật đạo, ví như đến Bảo sở. Văn dưới nói: "Nay ta vì các ông nói thật rằng sở đắc của các ông chẳng phải chân thật". Đây nêu vượt qua đường dữ năm trăm do tuần. Vì nhất

thiết trí của Phật, nên phát đại tinh tấn nghĩa là đi con đường tốt Bồ-đề. Ông chứng Phật pháp như Nhất thiết trí, Thập lực v.v..., nghĩa là đắc Phật đạo, cớ sao cần phải vượt qua năm trăm do tuần, hàng Nhị thừa qua ba trăm, Bồ-tát qua bốn trăm, Phật thừa qua năm trăm?

Từ "Lúc ấy đạo sư biết đám đông người đó" trở xuống, là Phần ba: "Diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở". Trong đây có hai: 1. Biết đã nghỉ ngơi rồi. 2. Hướng đến Bảo sở. "Đã được dừng nghỉ ngơi rồi không còn mỏi mệt", là dụ trên nói "đến thời Niết-bàn chúng lại thanh tịnh". Thoát khỏi nạn thì Đại cơ phát sinh, tức diệt Hóa thành, dẫn hướng đến Bảo sở, ví như "chính thuyết Pháp Hoa chỉ bày tướng chân thật" bên trên. "Bảo sở" có hai nghĩa: Nếu dụng cứu cánh, thì lấy cực quả làm Bảo sở. Văn trên nói: Chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tột thật tướng của các pháp. Nếu phân nhập, thì lấy sơ phát tâm trụ làm Bảo sở. Cho nên, văn trên nói: "Kho báu vô thượng không cầu mà tự được". Lại nói "đắc phần Phật pháp, các pháp mà Phật tử cần được, đều đã được". Đại kinh nói: "Tu-đà-hoàn thì tám vạn kiếp mới đạt đến, đến chỗ sơ phát Bồ-đề tâm". Đây là chọn độn căn, mặc sức dụng tám vạn mười ngàn... mới đến. Nếu như tứ quả trong Tam tạng, thì không trải qua thời gian ngắn đều được nhập Đại thừa đâu cần đợi đến tám vạn mười ngàn ư !?...

"Bảo sở ở gần đây, thành lớn, trước đó là của ta biến hóa": nêu thí dụ Bỏ quyền để thuận thí dụ Hiển thật. Trên nói: Trí tuệ Như Lai khó tin khó hiểu, các hạng người ấy nên dùng pháp ấy dần dần nhập Phật tuệ. Giống như trong phẩm Phương Tiện nói: Khiến thoát khổ khỏi sự trói buộc, đạt tới đắc Niết-bàn, đức Phật dùng sức phương tiện chỉ bày tam thừa giáo.

Xưa hỏi: Xe và thành đều dụ cho Vô sinh trí, thì xe vì sao mà không, thành vì sao mà có, và xe thì ba thứ, mà thành thì chỉ một, xe thì động, thành thì tĩnh?

Đáp: Trưởng giả nói ngoài cửa có xe, vì có ngăn cách nên các con không thấy, nên có thể được giả thiết ngoài cửa có xe, xe thật không có. Còn thành thì nổi cao lên trên mặt đất, không thể giả thiết, cho nên thành là có. Căn cứ lý giáo, chấp tam giáo chọn lý thì tam giáo đều đắc lý, đây tức có nghĩa như "thành". Đem lý chọn giáo, lý đã duy nhất, thì giáo đây tức không có quả tam gia, tức nghĩa xe không có căn cứ. Có ba xe, một thành: Các người đồng dừng ở một chỗ, do đó thành chỉ một. Xe thì căn cứ ba hạng người, ba hạng người sở thích không đồng, cho nên có ba. Lý giáo: Tận, Vô sinh trí của Tam thừa giáo không khác, như

thành. Chánh sử phiền não của Tam thừa tuy cùng dứt hết, mà tập khí thì có hết và không hết, có người một bên đắc tri kiến, có người không đắc, cho nên dùng đây trang nghiêm Tận, Vô sinh trí, nghĩa đây không đồng, như ba xe. Tam gia Tận Vô sinh trí, nêu nhân tận quả vong, nơi đây tột cùng, như thành tĩnh. Tận Vô sinh trí vận nhập Vô dư, như xe động. Nay nêu căn cứ tâm chúng sinh, thì xe thành đều có, căn cứ Phật trí thì cũng có cũng không. Quyền trí được nêu là có, như thành. Thật trí được nêu là không, như xe... Hóa thành ý chính là vì người thoái Đại chọn Tiểu, bên cạnh đó vì thương xót người học Tiểu thừa. Hai đoạn trên ý chính là thương xót người học Tiểu thừa, đồng thời vì người thoái Đại. Ba xe thông xưa nay, Hóa thành ý chính là ý dẫn giáo, chưa được đạo là Hóa vậy.

Hỏi: Hóa làm ba xe cùng Hóa thành có gì khác nhau?

Đáp: Ba xe làm dụ cho Thuyết pháp luân, Hóa thành làm dụ cho Thần thông luân. Lại, Xe thì căn cứ âm thanh làm dụ, các con nghe mà không thấy. Thành là sắc làm dụ.

Hỏi: Thành cùng hai sứ giả trong phẩm Tín Giải là thế nào?

Đáp: Sứ là năng chỉ bày như giảng dạy lý, thành làm dứt sự lo lắng. Giáo động mà thành tĩnh. Giáo tức Tứ đế, Thập nhị duyên có khác. Thành là Nhị trí nhập Vô dư không khác. Giáo thông cả nhân quả, thành xe chỉ tại quả giáo thông hữu vi vô vi, thành xe chỉ tại vô vi. Quyền trí cho rằng xe là không có, gọi là giáo thiết lập ra. Thật trí cho rằng xe là có, vì không lìa văn tự nói giải thoát. Quyền trí chiếu thành là có, vì dẫn dắt chúng sinh. Thật trí chiếu thành là không, vì thiên chân chẳng thật. Cho nên, Quyền trí chiếu xe là ba, đậu ba duyên. Thật trí chiếu xe là một, đều hội Nhất thừa. Quyền trí chiếu thành là một, vì là thiên chân. Thật trí chiếu thành là ba vì Như Lai tạng. Quyền trí chiếu thành là tĩnh, vì là Khôi đoạn. Thật trí chiếu thành là động, cho nên diệt Hóa thành. Quyền trí chiếu xe là vận chuyển, vì vận chuyển nhập Vô dư. Thật trí chiếu xe là tĩnh, vì không động, không xuất. Giải thích như đây lẽ nào giống với xưa? Xưa chỉ giải nghĩa theo Tiểu thừa.

Hỏi: Năm chỗ khai tam hiển nhất có gì sai khác?

Đáp: Nói chung thì không khác, nói chi tiết thì có khác. Phẩm Phương Tiện căn cứ Giáo mà khai tam hiển nhất. Văn nói: “Như Lai chỉ dùng nhất Phật thừa, vì chúng sinh thuyết pháp không hai cũng không ba”. Dụ Nhà lửa thì căn cứ Hạnh mà khai tam hiển nhất, xe là nghĩa vận chuyển, vận chuyển dụ do hạnh. Văn nói: “Đều ngồi xe lớn, dạo khắp bốn phương, đùa giỡn vui vẻ”. Trong phẩm Tín Giải, căn cứ Người mà

khai tam hiển nhất, kết lĩnh hội người làm thuê tức là con của trưởng giả, chúng con xưa nay chân thật là Phật tử. Trong phẩm Dược Thảo Dụ, căn cứ sai biệt và không sai biệt mà nêu quyền thật, không đích xác bỏ hay lấy, chỉ nêu chúng sinh không biết Phật muốn cho họ biết. Nếu bảy thứ sai biệt thì biết Quyền. Đồng y một lý, không sai biệt, tức biết Thật. Sai biệt mà không sai biệt, không sai biệt mà sai biệt, khiến cho chúng sinh biết ý này thôi! Cuối cùng bất thuyết, nói không một, có một. Đây căn cứ tự hành quyền thật nhị trí, tùy tự ý nói. Cho nên, đức Phật có thể biết mà chúng sinh không thể biết. Cũng là thông trước thông sau, biết không biết nêu quyền thật. Nay Hóa thành chính là căn cứ lý khai tam hiển nhất. Bảo sở, Hóa thành đều là hai lý Tiểu, Đại. Phá Nhị thừa trừ hóa lý, hiển bày Bảo sở chân thật Nhất lý. Văn phần dưới nêu năm trăm vị lãnh giải, dùng hạt châu làm thí dụ, cũng là căn cứ Lý.

Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai” trở xuống, là hợp thí. Trước là chánh hợp, sau nêu dụ thuận hợp, mà không có thứ lớp. “Đức Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống, đầu tiên hợp thí dụ đạo sư thứ năm. “Nay vì các ông” trở xuống, là hợp thí dụ thứ ba: nhiều người. “Biết các đường dữ sinh tử hiểm nạn” trở xuống, là hợp với thí dụ “đường ác nguy hiểm” thứ hai. Hai chữ “dài xa” là hợp với thí dụ “Năm trăm do tuần” thứ nhất. “Nên bỏ nên vượt qua” là hợp với thông tuệ minh đạt, cũng là hợp với thí dụ thứ tư “muốn vượt qua đường hiểm ác đến chỗ trân bảo”. “Nếu chúng sinh chỉ nghe” trở xuống, hợp thí dụ thứ hai “sẽ dẫn”. Thí dụ vốn có ba, nay cũng hợp ba. “Nếu chúng sinh” là hợp thí thứ nhất số đông người được dẫn dắt. “Chỉ nghe nhất Phật thừa” là hợp thí dụ thứ hai “thoái đại tiếp tiểu”. “Nếu chúng sinh trú nơi nhị địa” trở xuống là hợp thí thứ ba “bỏ Hóa thành dẫn đến Bảo sở”. Thí dụ thứ hai vốn có thoái Đại tiếp Tiểu nay hợp đủ. Trên thoái Đại có ba ý. “Chỉ nghe nhất Phật thừa”: Hợp thí “giữa đường biếng nhác thoái lui”, là ý không có căn cơ. “Chẳng muốn thấy Phật không muốn nghe pháp”, hợp thí “bạch đạo sư, không nhận khuyên răn”. “Liền suy nghĩ rằng”: Hợp thí “không thể tiến tới” bên trên, là ý thôi hóa. “Phật biết tâm chúng đó” trở xuống, hợp thí “dùng Tiểu tiếp người thoái lui”. Thí dụ vốn có bốn, nay hợp chỉ có ba. “Phật biết tâm chúng đó“ là hợp thí “đạo sư nhiều phương tiện” bên trên, ý dự định thích hợp. “Khiếp nhược hạ liệt”, hợp thí “những người này đáng thương” bên trên, biết họ có căn cơ Tiểu thừa. “Mà ở giữa đường vì để nghỉ ngơi” trở xuống, là hợp thí dụ thứ ba “hiện làm Hóa thành, để mọi người vào thành”. Mà ở giữa đường vì họ thuyết hai thứ Niết-bàn: Là tam giới hoặc thì hết, mà Trần sa và Vô

minh hoặc thì chưa phá, ở giữa hai cực ấy mà đặt ra Hữu dư Niết-bàn và Vô dư Niết-bàn, cũng là Niết-bàn của Thanh văn và Niết-bàn của Duyên giác. Lại Phần đoạn sinh tử đã tận, Biến dịch sinh tử chưa trừ, giữa hai thứ sinh tử đặt ra làm Hữu dư và Vô dư cho nên nói trung đạo (giữa đường). “Nếu chúng sinh trú hai thứ Niết-bàn này” trở xuống, hợp thí thứ ba “dẫn đến Bảo sở”. Văn trên có hai nay hợp cũng hai. “Nếu chúng sinh trú hai thứ Niết-bàn”, đây là hợp biết đã dừng nghỉ ngơi. “Đức Như Lai lúc bấy giờ liền vì nói” trở xuống, đây hợp dẫn hướng đến Bảo sở. “Như vị đạo sư kia” trở xuống, là thứ hai nêu thí dụ thuận hợp, trình bày thí dụ tiếp thoái đại đến hợp thiết lập Tam thừa. Nêu thí dụ “diệt hóa” hợp hiển Nhất, như văn...

Kệ tụng có bốn mươi chín hàng rưỡi kệ tụng phần văn trên. Trên có hai. Đây cũng có hai:

1. Hai mươi hai hàng rưỡi, tụng nguyên do kết duyên.

2. Hai mươi bảy hàng, tụng chánh kết duyên.

Trên nguyên do có gần, xa. Đây cũng vậy:

Mười hai hàng tụng nguyên do xa bên trên. Tiếp mười hàng rưỡi, từ “Thế Tôn tuệ vô lượng” là tụng nguyên do gần. Nguyên do xa có hai. 1. Sáu hàng, tụng Đức Đại Thông thành đạo. 2. Sáu hàng, tụng mười phương Phạm thiên đến thỉnh chuyển pháp luân.

Trong Thành đạo có năm: 1. Ba hàng, tụng ý thứ hai: dẫn việc trước khi thành đạo. 2. “Trải qua mười tiểu kiếp” trở xuống, một hàng tụng ý thứ ba: chính thành đạo. 3. “Mười sáu người con Phật” trở xuống, hai hàng tụng ý thứ năm: Mười sáu người con thỉnh Phật chuyển pháp luân kiêm ý thứ tư thành đạo rồi quyến thuộc thân cận cúng dường. Lược không tụng ý thứ nhất: thọ mạng đức Phật lâu dài.

- Từ “Thế Tôn rất khó gặp” trở xuống, sáu hàng, tụng mười phương Phạm thiên thỉnh. Trên có hai. Đây cũng chia hai: 1. Một hàng tụng uy quang sáng chói. 2. “Các thế giới phương Đông” trở xuống, năm hàng tụng mười phương Phạm vương theo ánh sáng tìm đến chổ Phật. Trong đây ba hàng trước tụng phương Đông, hai hàng sau tụng chung cả chín phương.

- Từ “Thế Tôn tuệ vô lượng” trở xuống, mười hàng rưỡi, tụng nguyên do gần. Trên có hai. Đây cũng chia hai: 1. Năm hàng tụng ý thứ nhất: chuyển nhị thừa pháp luân. 2. Từ “Bấy giờ mười sáu vị” trở xuống, có năm hàng rưỡi, tụng ý thứ hai lại thỉnh chuyển Đại thừa pháp luân.

Phần tụng Chuyển nhị thừa, lại có ba: 1. “Thế Tôn tuệ vô lượng” trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ nhất: thọ thỉnh. 2. “Vì nói các món pháp” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: chánh chuyển nhị thừa pháp luân. 3. “Tuyên nói pháp đó rồi” trở xuống, ba hàng tụng ý thứ ba: thời chúng nghe pháp đắc đạo.

- Từ “Bấy giờ mười sáu vị” trở xuống, năm hàng rưỡi, là phần hai: vương tử lại thỉnh. Trên có bảy ý: 1. Hai câu đầu, tụng ý thứ nhất: vương tử xuất gia. 2. “Đều đồng thỉnh Phật kia” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng ý thứ hai: chính thỉnh chuyển Đại thừa. 3. “Phật biết lòng đồng tử” trở xuống, hai hàng, tụng ý thứ tư: Hai vạn kiếp trung gian thuyết Phương Đẳng Bát-nhã. 4. “Thuyết kinh Pháp Hoa này” trở xuống, nửa hàng, chánh tụng ý thứ tư: thọ thỉnh thuyết Pháp Hoa. 5. “Phật kia thuyết kinh rồi” trở xuống, một hàng, tụng ý thứ bảy: thuyết kinh rồi nhập định. Lược không tụng ý thứ ba: phụ vương dẫn tám vạn người cầu xin xuất gia, ý thứ năm: chúng nghe kinh có người hiểu có người không hiểu, ý thứ sáu: thuyết kinh thời tiết lâu dài.

Từ “Các vị Sa-di đó” trở xuống, hai mươi bảy hàng, tụng chánh kết duyên. Văn trên có hai. Đây cũng có hai: 1. Tám hàng, tụng Pháp thuyết. 2. Mười chín hàng, tụng Thí thuyết.

Bên trên Pháp thuyết có ba. Đây cũng có ba: 1. Ba hàng tụng ý thứ nhất: xưa kết nhân duyên. 2. Một hàng, tụng ý thứ hai: trung gian gặp nhau. 3. Bốn hàng, tụng ý thứ ba: ngày nay lại thuyết kinh Pháp Hoa.

Bên trên xưa kết nhân duyên có bốn ý. Đây cũng có bốn: 1. Nửa hàng, tụng Phật nhập định. 2. “Vì vô lượng ức chúng” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng chánh thức giảng lại. 3. “Mỗi một vị Sa-di” trở xuống, một hàng, tụng nghe pháp được lợi ích. Lược không tụng ý thứ tư: đức Phật ra khỏi định xưng tán.

Từ “Sau khi Phật diệt độ” trở xuống, một hàng, tụng trung gian gặp nhau.

Từ “Mười sáu Sa-di đó” trở xuống, bốn hàng, tụng ngày nay thuyết kinh Pháp Hoa. Văn trên có hai ý : Kết hợp xưa nay, có hiện tại vị lai. Đây cũng có hai: 1. Ba hàng, tụng kết hợp hiện tại thầy trò. 2. “Do bản nhân duyên đó” trở xuống, một hàng, tụng lại thuyết Pháp Hoa. Văn trên lại có ba ý: Một câu đầu, tụng ý thứ nhất: thời chúng thanh tịnh, do Bản nhân duyên đó mà ngày nay chúng thoát nạn, cơ duyên phát sinh. Ba câu sau, tụng ý thứ hai: vì thuyết kinh này. Lược không tụng ý thứ ba: giải thích ý “khai tam”.

Từ "Thí như đường hiểm dữ" trở xuống, mười chín hàng tụng dụ khai hợp. Đây chia làm hai phần: 1. Mười một hàng rưỡi đầu, tụng khai thí. 2. Bảy hàng rưỡi sau, tụng hợp thí.

Phần Khai thí chia làm hai: 1. Ba hàng, tụng dụ Năm trăm do tuần. 2. Tám hàng rưỡi, tụng dụ dẫn dắt.

Phần dụ tụng Năm trăm do tuần có năm: 1. Một hàng tụng ý thứ hai: đường dữ hiểm nạn. 2. "Vô số ngàn muôn chúng" trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ ba: đám đông người. 3. "Đường đó rất xa vời" trở xuống, nửa hàng, tụng ý thứ nhất: Năm trăm do tuần. 4. "Bấy giờ một đạo sư" một câu, tụng ý thứ năm: Một đạo sư. 5. Từ "Nhớ dai có trí tuệ" trở xuống, ba câu tụng thông tuệ minh đạt. Không tụng ý thứ tư.

Từ "Mọi người đều mỏi mệt" trở xuống, tám hàng rưỡi, phần hai của Khai thí: tụng thí dụ dẫn dắt. Văn trên có ba ý. Đây cũng tụng ba: 1. Hai chữ đầu, tụng ý thứ nhất trên: Muốn dẫn dắt. 2. Từ "Đều mỏi mệt" trở xuống, năm hàng ba câu ba chữ, tụng ý thứ hai: mọi người biếng nhác thoái lui quyền lập Hóa thành. 3. Từ "Đạo Sư biết nghĩ xong" trở xuống, hai hàng rưỡi tụng ý thứ ba: diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở. Phần hai trên có hai ý: 1. Biếng nhác thoái lui. 2. Tiếp dẫn người thoái lui. Đây cũng có hai: 1. Ba câu ba chữ, tụng biếng nhác thoái lui. 2. Năm hàng, tụng làm Hóa thành tiếp dẫn người thoái lui. Trong biếng nhác thoái lui lại có ba, nay lược không tụng ý thứ nhất: giữa đường. Văn trên tiếp dẫn người thoái tác Hóa thành, đây tụng đủ. 1. Một hàng, tụng ý thứ hai: đáng thương bỏ mất Đại thừa. 2. "Liền lại nghĩ phương tiện" hai câu, tụng thứ nhất: nghĩ thế này. 3. "Hóa làm thành quách lớn" trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba: làm Hóa thành. Văn trên lại có hai: 1. Một hàng rưỡi, tụng chánh làm hóa thành. "Các nhà cửa": là các cảnh Không quán. "Vườn rừng": rừng pháp vô lậu tổng trì của Nhị thừa. Cửu thứ đệ định là " sông ngòi", bát giải là "ao tắm". "Trùng môn" là Tam không môn. Lại, là Trùng Không Tam-muội, Tận Vô sinh trí, là "lầu gác cao". "Nam nữ" là định tuệ.

Quán tâm giải thích: Trí thể đầy khắp như "thành hào", thiện pháp viên mãn đầy đủ như thành ngoài bao vây quách. Tất cánh không là "nhà cửa". Chân thiện năng thành tự hành, như "nam" tử năng gánh vác gia sự. Từ bi bên ngoài giáo hóa, như "nữ" thích hợp bên ngoài. 2. "Hóa ra thành đó rồi" trở xuống, một hàng, tụng thuyết hóa bên trên. 4. "Mọi người đã vào thành" trở xuống, một hàng, tụng vào thành. 3. "Đạo sư biết nghỉ xong" trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng ý thứ ba: diệt Hóa thành đến Bảo sở. Trên văn có hai: 1. Một câu tụng ý thứ nhất: biết

nghỉ xong. 2. “Nhóm chúng mà bảo rằng” trở xuống, hai hàng một câu, tụng diệt Hóa thành dẫn đến Bảo sở.

Từ “Ta cũng lại như vậy” trở xuống, bảy hàng rưỡi, là phần thứ hai, tụng hợp hai thí dụ: 1. Nửa hàng, tụng hợp dụ thứ nhất: Năm trăm do tuần. 2. Bảy hàng, tụng hợp dụ thứ hai: dẫn dắt. Phần hợp dụ Năm trăm do tuần bên trên có bốn. Đây nửa hàng, tổng tụng mà thôi!

Từ “Thấy những người cầu đạo” trở xuống, hai hàng tụng hợp thí dụ biếng nhác thoái lui. Trong phần tụng Khai thí bên trên không tụng: giữa đường. Đây một hàng hợp giữa đường biếng nhác thoái lui. Tiếp một hàng, tụng tiếp dẫn người thoái lui, làm Hóa thành.

Từ “Đã biết đến Niết-bàn” trở xuống, năm hàng tụng hợp thí diệt Hóa thành đến Bảo sở. Văn trên hợp có hai ý. Đây tụng cũng có hai: 1. Nửa hàng tụng ý thứ nhất: biết nghỉ xong. 2. Từ “Giờ mới nhóm đại chúng” trở xuống, ba hàng rưỡi, tụng ý thứ hai hợp: diệt Hóa thành dẫn hướng Bảo sở. Trong phần kệ hợp diệt Hóa thành có nghĩa ba đức bí mật tạng: “Ông chứng nhất thiết trí” : Bát-nhã đức. “Đủ ba mươi hai tướng”`: Pháp thân đức. “Mới là chân thật diệt” : Giải thoát đức. Ba pháp không dọc không ngang, tức là thấy Phật tánh. Từ “Chư Phật là đạo sư” trở xuống, một hàng, tụng thuận hợp.

Phẩm Thứ 8: NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Phẩm này thọ ký đủ một ngàn hai trăm vị A-la-hán mà chỉ nêu năm trăm, là vì sao? Năm trăm vị được thọ ký danh đồng vì năm trăm vị này trình bày sự lãnh giải, nên dùng nêu tên phẩm. Phẩm này là đoạn thứ hai trong thuyết Nhân duyên. Căn cứ đắc ký có hai:

I. Một ngàn hai trăm.

II. Hai ngàn.

Phần một ngàn hai trăm lại có hai: 1. Thọ ký cho ngài Mãn Nguyện. 2. Thọ ký cho một ngàn hai trăm người.

1. Mãn nguyện lại có hai:

a.Trình bày sự im lặng lãnh giải.

b. Như Lai thuật lại và thọ ký.

- Phần a Trình bày im lặng lãnh giải, lại có hai:

a.1) Hoan hỷ.

a.2) Im lặng lãnh giải.

Hoan hỷ lại có hai:

a.1.1) Nguyên do được lãnh giải.

a.1.2) Được lãnh giải hoan hỷ.

Nguyên do được lãnh giải có bốn:

- Nghe hai vòng Pháp thuyết và Thí thuyết, khai tam hiển nhất.
- Thọ ký cho năm đại đệ tử như Thân-tử v.v...
- Lại nghe việc kết duyên đời trước.
- Lại nghe đức Như Lai có ba đức thông đạt vô ngại, thấy biết việc lâu xa cũng như ngày nay, tức là đại tự tại thần thông lực, khác hẳn Nhị thừa chỉ thấy đến tám vạn kiếp. “Từ nơi đức Phật nghe trí tuệ”: lãnh giải được cái ý hiển Thật trong phẩm Phương Tiện và dụ Nhà lửa. “Phương tiện tùy cơ nghi nói pháp như thế” lãnh giải được hai chỗ khai quyền. Nghe “Các vị đại đệ tử” thì lãnh giải khai quyền. Nghe “Thọ ký Bồ-đề” thì lãnh giải hiển thật. Nghe “Nhân duyên đời trước” thì lãnh giải hiển thật. Nghe “thần thông lực” thì lãnh giải khai quyền.

Từ “Được điều chưa từng có” trở xuống : trình bày được lãnh giải hoan hỷ. Trước nêu bên trong thì lãnh giải hoan hỷ, tiếp nêu bên ngoài thì cung kính. Do xưa chưa nghe khai Quyền hiển Thật mà nay được nghe, cho nên nói “được điều chưa từng có”. Trừ ái Niết-bàn, đoạn phá Biệt hoặc, cho nên nói “tâm tịnh”. Khai mở tri kiến Phật, nên nói “hớn hở” (dũng dược). Được hiểu biết là nhờ Phật, cho nên khởi cung kính. Nếu căn cứ bản tích, thì vui mừng các việc thật hành.

Từ "Mà nghĩ thế này" trở xuống: chính nêu rõ im lặng lãnh giải. Ban đầu, nêu im lặng suy nghĩ lãnh giải, tiếp theo, nêu im lặng cầu phát tích thỉnh thọ ký. Các vị được ngộ ở hai vòng bên trên đều phát ra lời lãnh giải, đây vì sao im lặng suy nghĩ? Trên vì hạ căn chưa ngộ sự, cần phải nói rõ để khuyến động. Nay hạ căn đã ngộ, thì không có đối tượng để khuyến động, cho nên im lặng không nói. Lại, từ trước chỉ lãnh giải không cầu phát tích, cho nên nói thì không nghi ngờ. Nay thì cũng hiểu cũng phát. Cũng hiểu cho nên suy nghĩ, tránh người chế giễu cho nên im lặng, im lặng suy nghĩ chánh đáng thích hợp. Lại, im lặng suy nghĩ lãnh giải là đại lãnh giải, như ngài Tịnh Danh im lặng là chân nhập pháp môn bất nhị. Lại, Quyền Thật bất khả tư nghì, chẳng nói chẳng nghĩ mà nói mà nghĩ. Chẳng nói mà nói, cho nên bên trên thì khẩu trình bày lãnh giải. Chẳng nghĩ mà nghĩ, cho nên ở đây im lặng suy nghĩ lãnh giải. Trên vì sao không cầu phát tích? Vì hạ căn chưa ngộ cho nên không cầu phát tích, nay hạ căn đã hiểu, quyền hóa sự đầy đủ. Nếu hạ căn phát tích thì biết trung căn thượng căn cũng quyền, nếu căn cứ trung thượng thì đối với hạ không tiện.

"Đức Thế Tôn rất kỳ diệu đặc biệt, việc làm ít có": lãnh Thật trí. "Tùy thuận thế gian bao nhiêu chủng tánh... mà vì đó nói pháp": lãnh Quyền trí, đó là căn tánh của bảy thứ phương tiện. Đây là lãnh ý "khai Quyền hiển Thật" trong phẩm Phương Tiện. "Cứu vớt chúng sinh ra khỏi các chỗ tham trước": lãnh ý "khai Quyền hiển Thật" trong dụ Nhà lửa. "Chúng con đối với công đức của Phật, không thể dùng ngôn ngữ tuyên bày được", tức lãnh ý "Đức Như Lai có vô lượng công đức các ông không thể sánh kịp" trong phẩm Dược Thảo Dụ. Đã nói không thể tuyên bày cũng suy nghĩ không sánh bằng. Từ "Chỉ có đức Phật Thế Tôn mới hay biết" trở xuống: im lặng suy nghĩ cầu phát tích thỉnh thọ ký. "Chúng con": nói chung mọi người suy nghĩ thỉnh phát tích. "Thâm tâm" là bản, hiện tại tạo tác là tích. "Bản nguyện" là đại từ thệ nguyện. Đại từ hạ hóa chúng sinh cho nên ta thệ, thượng cầu làm Phật cho nên ta nguyện. Thỉnh thượng cầu tức là cầu thọ ký, thỉnh thuyết hạ hóa tức là cầu phát tích. Lại, dựa theo "thâm tâm" cho nên nói "ba đời trợ giúp Phật tuyên bày giáo hóa", dựa theo "bản nguyện" cho nên liền thọ ký cho.

Từ "Đức Phật bảo" trở xuống là đức Như Lai thuật và ký, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai phần: 1. Thuật bản tích. 2. Thọ ký.

- Thuật có ba: a) Hành nhân phát tích vào thời đức Thích-ca. b)

Hành nhân hiển bổn vào thời Phật quá khứ. c) Tu nhân hành mãn, ở nơi chư Phật ba đời.

Phần một: Hành nhân phát tích vào thời đức Thích-ca, lại có ba phần: a.1) Chỉ cho chúng biết người kia. a.2) Tổng nêu chương bản tích. a.3) Biệt giải thích bản tích.

Phần 1: Chỉ cho chúng biết người kia. Nói "Các ông thấy... chăng?" Có hai ý: a1.1) Thấy tích kia là Tiểu chăng? a.1.2) Thấy bản công đức kia chăng? Mọi người chỉ thấy tích là Thanh văn, mà không thể biết bản là Bồ-tát cho nên nói "thấy chăng?". Từ "Ta thường khen ông" trở xuống, là phần hai

Tổng nêu Bản Tích. Trong Tích môn là bực nhất trong hàng người thuyết pháp. Nếu chẳng phải pháp thân diệu bản, thì không thể thùy tích thù thắng đệ nhất. Xưa nay chỉ nói trong tích là thuyết pháp đệ nhất. Đây thì không như vậy, đối với pháp vô thượng thì từ lâu đã được đệ nhất, đây là nêu tích để hiển bản. Từ "Cũng thường khen các thứ công đức" trở xuống là nêu bản địa kia. Phước Tuệ vạn hạnh pháp môn, nên gọi "chủng chủng". Bản địa đã có chủng chủng pháp môn, vì sao chỉ cần Tích là nhị thừa? Đây là nêu bản để rõ tích. Từ "Siêng năng hộ trì" trở xuống là phần 3. Biệt giải thích "Trợ giúp tuyên bày pháp của ta": trong Tích môn trợ giúp tuyên bày pháp "bán, mãn". Tích vì hạ căn Thanh văn, tức là hộ trì tuyên bày pháp Lạc vị. Tích tại Phương Đẳng chỉ bày thọ "quở trách" tức là hộ trì trợ giúp tuyên bày pháp Sinh tô. Tích lãnh Bát-nhã, tức là hộ trì tuyên bày pháp Thục tô. Tích tại Pháp Hoa đắc ngộ tức là hộ trì trợ giúp tuyên bày pháp Đề-hồ .

Trên trong phần tổng nêu bản địa nói: "Ta thường khen các thứ công đức của ông" tức là ý đây vậy. Đầy đủ công đức quyền thật, mà tích khởi năm vị, trợ giúp đức Phật điều phục chúng sinh thuần thục thật hành, há chẳng phải ý tinh cần trợ giúp tuyên bày ? Biệt giải thích công đức Tích : "Có thể chỉ dạy lợi ích bốn chúng": phân biệt Bán tự giáo. "Giải thích đầy đủ": Trợ giúp tuyên bày mãn tự Bát-nhã giáo. "Mà làm nhiều lợi ích": Là trợ giúp Phật làm lợi ích chúng sinh bán mãn. "Cùng đồng phạm hạnh": là đệ tử được giáo hóa độ bán mãn trong Tích môn. Từ "Ngoài đức Như Lai ra" trở xuống, là biệt thuật bản địa công đức. "Ngoài ra": sau Diệu Giác trở đi. "Không ai có thể biết": bảy thứ phương tiện.

Từ "Các ông chớ cho rằng chỉ hay hộ trì trợ tuyên pháp của ta thôi" trở xuống : hiển bản hạnh của Mãn Từ Tử vào thời Phật quá khứ. Chẳng phải chỉ trực tiếp ở chổ ta trợ giúp tuyên bày pháp bán mãn, mà

ở chỗ chư Phật lâu xa cũng lại trợ tuyên pháp bán mãn. Coi việc ngày nay trợ giúp tuyên bày là phát Tích, coi quá khứ trợ tuyên là hiển Bản. Hiển Bản có hai: 1. Bản xa. 2. Bản gần. Bản xa: xa tít vì khó tin tốt, nên lược không thuật, Bản gần chỉ nêu chín mươi ức Phật. Có Túc mạng trí thì có thể biết Bản gần, cho nên nêu gần để chứng minh xa. Căn cứ văn chín mươi ức, đủ nêu trợ Phật tuyên dương giáo ngũ vị điều phục chúng sinh thuần thục. "Hộ trì trợ tuyên": nghĩ trợ giúp tuyên bày pháp bán tự ví như vị lạc. "Chánh pháp của Phật": nghĩ trợ giúp tuyên bày pháp Phương Đẳng ví như vị Sinh tô. "Lại ở pháp Không thông suốt rõ ràng": nghĩ trợ tuyên pháp ví như vị Thục tô. Như nay Phật chuyển giáo thuyết Bát-nhã, nêu lục Ba-la-mật xen nhau thâu nhiếp phát huy không ngăn ngại. Ở nơi chín mươi ức Phật, cũng trợ giúp đức Phật tuyên dương chánh pháp như nay không khác. "Người đời thuở đức Phật đó đều gọi ông thật là Thanh văn", thời ấy vì chưa phát tích, chỉ nói được gia bị thêm sứ mệnh chuyển Bát-nhã, không nói là đại Bồ-tát. "Lại giáo hóa vô lượng chúng sinh khiến trụ đạo vô thượng chánh giác": trợ giúp tuyên bày pháp ví như vị Đề-hồ, tại văn có thể hiểu...

Từ "Cũng đặng bậc nhất trong hàng nói pháp thời bảy đức Phật" trở xuống tu nhân ở chổ chư Phật ba đời, như văn. Đây cũng như trước trợ tuyên pháp bán mãn ngũ vị, làm lợi ích Đại thừa, Tiểu thừa.

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8
(Phần Thượng)

Từ “Dần dần đầy đủ đạo Bồ-tát” trở xuống, là thọ ký. Văn chia làm bảy:

1. Nhân viên.
2. Từ “Qua vô lượng” trở xuống: Quả mãn.
3. Quốc độ rộng lớn thanh tịnh.
4. Tên của quốc độ kiếp số .
5. Thọ lượng của Phật.
6. Pháp trú nơi Đại thừa lâu xa.
7. Sau khi Phật diệt độ cúng dường xá lợi.

- Phần ba: Quốc độ rộng lớn thanh tịnh. Lại chia làm năm:

1. Quốc độ rộng lớn nghiêm tịnh. “Đất bằng phẳng như bàn tay”, kinh đặc biệt nói “như bàn tay” mà không nói cánh tay. Vì cánh tay không bằng phẳng thì không thể dẫn dắt được. Đáy biển có loại đá gọi là “bàn tay”, đá này không có một chút đất bám, đều bằng phẳng, đúng là loại như “bàn tay biển”. Lại, kinh Hiền Kiếp nêu như bàn tay Phật, chẳng dẫn bàn tay người.

2. Toàn là đường thiện.

3. Nhân thiên phước tuệ đầy đủ. Kinh Nguyệt Tạng quyển chín nói “pháp thực, hỷ thực, thiền thực”. Kinh văn đây nói chung “pháp hỷ thực và thiền duyệt thực”. Phân biệt nên có ba thứ khác nhau.

4. Chúng Bồ-tát Thanh văn số rất nhiều.

5. Tổng kết. Kinh Nguyệt Tạng quyển năm nói: Không sát sinh thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Đối với tất cả chúng sinh được vô sở úy (không sợ), cho đến Thứ mười: Khi mạng chung sinh vào đường thiện sau được làm Phật. Nước của Phật đó không có công cụ binh khí để giết hại, người trong nước sống lâu. Không trộm cắp được mười thứ công đức: Thứ nhất: Quả báo đầy đủ mà lớn (đại), làm việc quyết đoán không có khó khăn ngăn ngại, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào

đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy hoa báu trang nghiêm đầy khắp. Không dâm dật thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Các căn luật nghi, làm việc quyết đoán cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy không có người nữ. Không vọng ngữ thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Chúng sinh tin lời nói của người ấy, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi của Phật ấy không hôi hám, thường đầy hoa báu. Không lưỡng thiệt (nói hai lưỡi) thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Thân không bị hoại, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi của Phật ấy ma không làm hại được quyến thuộc. Không ác khẩu thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Lời nói êm diệu cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, nước của Phật ấy pháp âm vang khắp. Không ỷ ngữ (nói thêu dệt) thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Được trời người thương kính, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, chúng sinh cõi ấy ghi nhớ lâu không quên mất. Không tham thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Thân căn không thiếu khuyết, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, cõi nước của Phật ấy không có ác ma ngoại đạo. Không sân thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Xa lìa tất cả sân, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, người ở cõi nước của Phật ấy đều đắc Tam-muội. Không tà kiến thì được mười thứ công đức: Thứ nhất: Tâm tánh nhu thiện, cho đến Thứ mười: Chết sinh vào đường thiện, sau làm Phật, người ở cõi của Phật ấy có chánh tín.

Kệ có hai mươi mốt hàng rưỡi, tụng Phát tích Thọ ký bên trên. Chia làm hai phần : 1. Mười bốn hàng, tụng Phát tích. 2. Bảy hàng rưỡi, tụng Thọ ký.

Tụng Phát tích lại có hai: 1. Bảy hàng, tổng phát tích Thanh văn, tụng ý "chúng con" bên trên. 2. Bảy hàng, tụng phát tích Mãn Nguyện bên trên.

Trong Tổng Phát tích chia làm năm: 1. Một hàng, tổng nêu: Phật tử vì thực hành khó nghĩ bàn, đã chứng đắc pháp thùy tích. 2. Từ "Biết chúng ưa pháp nhỏ" trở xuống một hàng, nêu nguyên do phát tích. 3. Từ "Dùng vô số phương tiện" trở xuống hai hàng, nêu lợi ích của thùy tích. 4. Từ "Trong ẩn hạnh Bồ-tát" trở xuống, hai hàng, nêu bên trong ẩn chứa Đại đạo, ngoài hiện lầm lỗi của Tiểu thừa. 5. Từ "Ta nghe nói đủ cả". trở xuống, một hàng, chỉ lược ức chế rộng. "Tiểu dục": cầu Tiểu thừa, "giãi đãi" : thoái Đại thừa. Không ngững thị hiện làm Thanh văn, mà còn làm ngoại đạo và làm phàm phu với ba độc. Thân-tử hiện sân,

Nan-đà hiện tham, Điều-đạt hiện si v.v...

Từ "Nay Phú-lâu-na đây" trở xuống, bảy hàng tụng phát bản tích của Mãn Nguyện. Văn trên có ba, nay lược tụng hai: 1. Năm hàng: tụng hiển Bản quá khứ. 2. Từ "Đời sau cũng cúng dường" trở xuống, hai hàng: tụng hành nhân ở nơi ba đời chư Phật, lược không tụng bảy đức Phật và Phật hiện tại.

Từ "Cúng dường chư Như Lai" trở xuống, bảy hàng rưỡi: tụng Thọ ký. Văn trên có bảy, nay tụng bốn: 1. Nửa hàng đầu, tụng nhân viên. 2. Nửa hàng, tụng quả mãn. 3. Từ "Nước đó tên Thiện Tịnh" trở xuống, ba câu: tụng tên nước, kiếp. 4. Từ "Chúng Bồ-tát rất đông" trở xuống, năm hàng ba câu: tụng quốc độ rộng lớn thanh tịnh. Lược không tụng thọ mạng, pháp trụ, sau khi diệt xây tháp.

Phần thứ hai: Thọ ký một ngàn hai trăm vị. Văn chia làm ba phần: 1. Niệm thỉnh. 2. Thọ ký. 3. Lãnh giải. Phần Niệm thỉnh: như văn. Phần Thọ ký có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba phần: 1. Tổng chấp nhận thọ ký cho một ngàn hai trăm vị. 2. Biệt thọ ký cho Kiều-trần-như, Trần-như là người đầu tiên ngộ đạo, Thượng tọa đứng đầu, cho nên biệt thọ ký. 3. Biệt thọ ký cho năm trăm vị. Năm trăm vị tên đồng, nên phải biệt thọ ký.

Hỏi: Chỉ thấy năm trăm vị được thọ ký, sao không thấy một ngàn hai trăm?

Đáp: Năm trăm đây tức là số một ngàn hai trăm. Trong phần kệ tụng, một hàng rưỡi cuối là tổng thọ ký cho bảy trăm, cho nên nói một ngàn hai trăm.

Lại, Phẩm Trì nói: "Ta trước nói chung tất cả hàng Thanh văn đều đã thọ ký" tức là chỉ một hàng rưỡi đó, chẳng phải chỉ thọ ký cho bảy trăm Thanh văn thôi.

Kệ tụng có mười một hàng chia làm hai: 1. Chín hàng rưỡi, tụng thọ ký Kiều-trần-như và năm trăm vị. 2. Một hàng rưỡi, tổng thọ ký hết thảy Thanh văn.

Văn nói về năm trăm vị lãnh giải có Trường hàng và Kệ tụng. Phần Trường hàng chia hai phần: 1. Kinh gia trình bày hoan hỷ. 2. Tự trình bày lãnh giải.

Phần Kinh gia trình bày, chia làm hai phần: 1. Vui mừng: nay được hiểu cho nên hoan hỷ. 2. Hổ thẹn vì xưa không hiểu, cho nên tự trách. Trong phần Vui mừng lại có hai : Một : trong tâm vui mừng; Hai : bên ngoài thì cung kính. "Ăn năn lỗi mình mà tự trách": tức là hổ thẹn vì xưa không hiểu.

Từ “Thế Tôn! Chúng con” trở xuống, là phần hai: Tự trình bày lãnh giải. Có hai phần: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

Trong Pháp thuyết lại có hai: 1. Hối hận vì được Tiểu trí cho là đủ. 2. Trách mình căn độn khó ngộ. Từ “Thế Tôn” cho đến “diệt độ” là: Hối hận tự trách lúc trước mình mê, được Tiểu mà cho là đủ mà không biết cầu Đại. Từ “Nay mới biết” là Trách căn độn bắt đầu ngộ không biết sớm hơn. Nay biết Tiểu thừa chẳng phải cứu cánh, Đại thừa là chân thật.

Trong Thí thuyết có hai: 1. Lược; 2. Chánh nêu thí dụ. Từ “Như người vô trí” trở xuống, là Lược nêu Thí dụ để so sánh. Từ “Vì sao?” trở xuống: giải thích ý vô trí.

Thí thuyết có hai:

1. Thí dụ Say rượu: Ví như “tự hối hận, được Tiểu mà cho là đủ, không biết cầu Đại” trong phần Pháp thuyết bên trên; lãnh hội được ý “trong đời trước thiết lập quyền” ở phần Pháp thuyết trước.

2. Thí dụ Bạn thân giác ngộ cho: Ví như “tự trách căn độn khó ngộ, nay mới biết” trong phần Pháp thuyết bên trên; lãnh hội được ý “trong đời trước hiển thật” ở phần Pháp thuyết trước.

Thí dụ đầu lại có ba ý: 1. Cột châu trong áo, lãnh hội ý trên: “vương tử kết duyên”. 2. Say nằm không biết gì, lãnh hội ý trên: “gặp kia thoái Đại thừa”. 3. Say xong dậy đi đến nước khác, lãnh hội ý trên: “dùng Tiểu để dẫn dắt”.

Ý thứ nhất: Cột châu trong áo. “Ví như có người”: người hàng nhị thừa. “Bạn thân”: vị vương tử thứ mười sáu ngày trước. “Nhà”: Đại thừa giáo là nhà. “Say rượu mà nằm”: Lúc bấy giờ đại cơ bỗng phát sinh, vô minh tạm thời bị hàng phục. Được nghe kinh thì trong tâm hiểu chút ít, do vô minh nặng cho nên mê lầm trở lại. “Say” có hai nghĩa: 1. Say nặng, hoàn toàn không biết gì. 2. Say nhẹ, hiểu biết chút ít, có tư duy thô đối với sự lý rồi thì quên mất, cũng gọi là không biết. Tuy có hai nghĩa cuối cùng vẫn thành tựu nghĩa buộc châu vào áo như dụ “Tiếng trống độc”(độc cổ). “Người bạn thân có việc quan phải đi”: vương tử vì ở chỗ khác có cơ duyên thích hợp đến ứng, cho nên nói “phải đi”. Hoằng pháp giáo hóa chúng sinh, đây chẳng phải việc riêng, cho nên nói “việc quan”. “Châu báu vô giá”: Nhất thừa thật tướng, chân như trí quí báu. “Cột trong áo”: là tàm quí nhẫn nhục có thể ngăn ngừa sân nhuế và phòng ác bên ngoài tức là “áo ngoài”; trong tâm tín ưa là thiện căn bên trong, tức là “áo trong” (lót). Lúc ấy nghe pháp, có chút tin hiểu ưa muốn, tức liễu nhân trí nguyện chủng tử.

Ý thứ hai : “Say nằm không biết gì”. Vô minh tâm khó suy lường, có tư duy thô đối với sự lý rồi lại không nhớ, đây là lãnh hội ý “giữa đường biếng nhác thoái lui, không thọ Đại pháp”.

Ý thứ ba “Say xong dậy đi dạo đến nước khác”: lãnh hội ý: “giữa đường dùng Tiểu dẫn dắt, thọ giáo hóa Tam thừa bên trên”. Thiện căn muốn phát, chán khổ cầu vui, cho nên nói “sau khi dậy đi dạo”. Do vô minh che lấp, không hiểu biết hướng bản xứ cầu cơm áo Đại thừa, cho nên nói: “hướng đến nước khác cầu cơm áo Tiểu thừa”. Nếu ma Phật đối nhau, thì cõi ma sinh tử là “nước khác”, Phật pháp Đại Tiểu đều là “nước mình”. Nếu căn cứ Tiểu Đại đối nhau, thì Tiểu thừa chưa thoát khỏi sinh tử, cũng là “nước khác”, Đại thừa vĩnh viễn thoát sinh tử, chính là “nước mình”, cuối cùng cũng trở lại cội nguồn. Rõ ràng trái với nước Đại thừa hướng đến nước Tiểu thừa, là không biết lấy hạt châu để tự nuôi, mà đi làm thuê làm mướn tự nuôi thân, nhận lấy tiền công từng ngày được chút ít cho là đủ.

Từ “Về sau người bạn thân gặp lại” trở xuống, là thí dụ Bạn thân giác ngộ cho, lãnh hội ý “vì bản nhân duyên đó, nay thuyết Pháp Hoa, đồng ban cho xe lớn” bên trên. Đây chia làm ba phần: 1. Quở trách. 2. Chỉ bày hạt châu. 3. Khuyên đem đổi sử dụng. Quở trách: dụ cho “động chấp sinh nghi” bên trên. Chỉ bày hạt châu: dụ cho nhân duyên đời trước. Khuyên đổi sử dụng : dụ cho được thọ ký làm Phật. Ba vòng đều có ba ý này. Trong Pháp thuyết ta khiến thoát khổ phược, tức là Quở trách. Chương năm đức Phật tức là Chỉ bày hạt châu, Thân-tử được thọ ký tức là Khuyên đem đổi sử dụng. Trong Thí thuyết : “Ta trước không nói đều là Bồ-đề ư ?”, là Quở trách. Ba xe một xe, tức là Chỉ hạt châu. Hàng trung căn được thọ ký, tức là Khuyên đem đổi sử dụng. Lại nữa, nói về Nhân duyên đời trước của hàng hạ căn: “Các ông khéo lắng nghe”, tức là Quở trách. Lại giảng kết duyên trở lại vì họ mà thuyết Đại thừa, tức là Chỉ bày hạt châu. Hạ căn được thọ ký, tức là Khuyên đem đổi sử dụng.

Đối chiếu ba ý trong dụ “Buộc châu trong áo” với ba vòng thuyết pháp, như sau: Ban đầu đức Phật ngồi dưới gốc cây dự định dùng Đại thừa để hóa độ tức là “Buộc hạt châu”. Không có cơ duyên, thôi hóa, tức là “say nằm”. Suy lường thiết lập phương tiện, tức là “đứng dậy đi”. Trong các thí dụ trước: Ở nơi hai vạn ức Phật, tức là “Buộc hạt châu”. Sai người đuổi theo, mê ngã xuống đất, không nhận, tức là “say nằm”. Ba xe dẫn đắc, tức là “đứng dậy đi”. Trong phần nói về Nhân duyên: Ở chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, tức là “buộc hạt châu”. Giữa đường

biếng nhác thoái lui, tức là “say nằm”. Dùng Tiểu tiếp dẫn, tức là “đứng dậy đi”. Những thứ này, đều gọi là lãnh hội Quyền. “Ngày tháng năm đó”: là chỉ ở nơi đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

Từ “Đức Phật cũng như vậy” trở xuống, là Hợp thí. Thí vốn có hai, nay đều có ba ý. Hợp thí dụ trươc : Từ “Giáo hóa chúng con” trở xuống, hợp ý thứ nhất “buộc hạt châu”. Từ “Mà chúng con liền bỏ quên” trở xuống, hợp ý thứ hai “Say không biết gì”. Từ “Đã đắc La-hán” trở xuống, hợp ý thứ ba “đứng dậy đi du hành”. Từ “Tất cả trí nguyện” trở xuống, hợp thí dụ sau: Bạn thân giác ngộ cho. Trên có ba ý, đây cũng có ba. Từ “trí nguyện chẳng mất” trở xuống, là hợp ý thứ nhất : Quở trách. Từ “Ta từ lâu đã khiến các ông” trở xuống, hợp ý thứ hai “Chỉ hạt châu”. Từ “Chúng con nay mới biết” trở xuống, hợp ý thứ ba “Khuyên đem đổi sử dụng”.

Phần Kệ tụng tiếp mười hai hàng rưỡi, chia làm hai phần: Phần một : Một hàng rưỡi, tụng trong tâm được hiểu ; lại gồm có hai ý: 1. Một hàng, tụng ý vui mừng. 2. Nửa hàng, tụng ý hối hận tự trách.

Phần hai: Từ “Trong Phật báu vô lượng” trở xuống, mười một hàng, tụng tự trình bày lãnh giải. Trên văn có hai ý. Đây thì : Nửa hàng đầu, tụng hối hận tự trách được chút ít cho là đủ. Lược không tụng “khó ngộ, nay mới biết”. “Như người ngu vô trí” trở xuống nửa hàng tụng lược nêu thí dụ, “Bèn tự cho là đủ” tụng giải thích ý vô trí. Tiếp mười hàng, tụng thí thuyết khai hợp. Sáu hàng đầu tụng khai, bốn hàng sau tụng hợp. Phần Khai bên trên có hai ý.Đây cũng có hai: 1. Bốn hàng đầu, tụng Bỏ báu mà không biết. 2. Hai hàng sau, tụng Bạn thân giác ngộ cho. Phần còn lại văn dễ hiểu.

Phẩm Thứ 9: THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Nghiên cứu Chân đoạn Hoặc, gọi là "Học". Chân đến tột cùng, Hoặc đoạn trừ hết, gọi là "Vô học". Nghiên cứu tu chân lý, hâm mộ cầu tri kiến thù thắng gọi là "Học". Học vị tại ba quả, bốn hướng chân vô lậu tuệ. Quả A-la-hán thì nghiên cứu lý đã cùng, Thắng kiến đã rốt ráo, không còn học nữa nên gọi là "Vô học". Căn cứ giáo giải thích tên phẩm: Phân tích pháp, nghiên cứu Chân, gọi là Hoặc tận, Chân cùng, thì gọi là "Vô học". Đây là ý của Tam tạng giáo. Lĩnh hội pháp, nghiên cứu Chân, gọi là "Học". Không có Chân không có Hoặc, gọi là "Vô học". Đây là ý của Thông giáo. Nghiên cứu từ cạn đến sâu, gọi là "Học", thông biệt Hoặc tận, Quyền Thật lý cùng, gọi là "Vô học". Đây là ý Biệt giáo. Nghiên cứu cùng tận Như Lai tạng hữu học vô học, pháp tánh thật tướng phi học phi vô học, mà học mà vô học v.v... Chính hai ngàn người này, hoặc là người học, hoặc là người vô học, đồng là một hạng, một thời thọ ký đồng một danh hiệu, cho nên riêng làm một phẩm. Phẩm này là đoạn thứ hai trong văn Thọ ký.

Văn phẩm này chia làm hai: 1. Thỉnh ký. 2. Thọ ký. Trong thỉnh ký lại có hai: 1. Hai người thỉnh. 2. Hai ngàn người thỉnh. Hai người thỉnh ký lại có hai: 1. Im lặng suy nghĩ. 2. Phát lời thỉnh ký. Phát lời thỉnh ký lại có hai: 1. Dẫn theo lệ cũng nên có phân chia. 2. Dẫn vọng. Hai người rất thân là đối tượng mà chúng trong pháp hội bấy giờ hướng về. La-vân là con của đức Phật khi còn ở đời rất thân trọng, A-nan hộ trì pháp tạng trong đạo rất thân nhiều, hai người rất thân, trọng mà không được biệt ký, thì chúng không đủ để trông mong.

Hỏi: Hoặc trọng hoặc thân hơn lẽ ra đồng bậc thượng, vì sao lại ở đây? Nếu như nêu số chúng hai người ở trong số đứng đầu được thọ ký sao lại ở dưới?

Đáp: Tổng cùng một ngàn hai trăm người được thọ ký, hai người đã đồng hạng ở trên, nay lại thọ ký riêng thôi.

Hai ngàn người thỉnh ký chỉ có mặc niệm dẫn theo lệ, hai ý đồng cho nên nói như sở nguyện của A-nan. Không phát ngôn: Là các việc không trọng không thắng... Thọ ký lại có hai: Trước thọ ký hai người, sau thọ ký hai ngàn người. Trong phần A-nan được thọ ký lại có năm: 1. Trường hàng. 2. Kệ tụng. 3. Tám ngàn Bồ-tát sinh nghi. 4. Như Lai phát tích giải thích nghi. 5. A-nan hiển bản thuật tán thán.

Nghi: Chung nghi Thanh văn ngày nay phát tâm liền nhờ Phật thọ ký ở nước thanh tịnh như đây. Trước trong Phương Đẳng thọ ký các

Bồ-tát, trải qua vô lượng kiếp tu hành mới được Phật thọ ký, đức Phật liền phát tích giải thích nghi. Ngày xưa cùng ta đồng phát đại tâm, tức là đồng học, do ta tinh tấn nên siêu vượt trước làm Phật, còn kia thì đa văn nên hộ trì kinh, Tích môn thì làm thị giả (A-nan), Bản địa thì như đây. Nay thọ diệu ký, sao đủ để nghi? Thọ ký các vị khác, thảy đều như văn.

Phẩm Thứ 10: **PHÁP SƯ**

Phẩm này có năm hạng Pháp sư: 1. Thọ trì. 2. Đọc. 3. Tụng. 4. Giải thuyết. 5. Thư tả (sao chép). Trong Đại luận nêu sáu hạng pháp sư, Tín lực cho nên "Thọ", Niệm lực cho nên "Trì", xem văn là "Đọc", không quên là "Tụng", tuyên truyền là "Thuyết", kinh sách thánh nhân khó hiểu cần phải "Giải thích". Sáu hạng Pháp sư, kinh này hợp Thọ trì làm một, hợp Giải thuyết làm một, chia Đọc tụng làm hai, và Sao chép, tổng cộng là năm. Nói theo Biệt giáo thì: bốn người tự hành, một người hóa tha. Đại kinh phân ra chín hạng: bốn người trước không giải thích, là địa vị đệ tử, năm người sau có giải thích là địa vị Thầy. Nói theo Thông giáo thì: Nếu tự tuân theo hành năm pháp, thì pháp thì là Pháp sư tự hành. Nếu dạy người khác năm pháp, thì là Pháp sư hóa tha. Tự mình tuân theo hành, thì Thông giáo gọi là đệ tử. Hóa tha, thì Thông giáo gọi là Pháp sư. Nay theo nghĩa của Thông giáo, cho nên gọi là Phẩm Pháp Sư. Nếu giảm số mà nói, thì tóm lược năm làm bốn, tức Bốn An lạc hạnh như sau nói. Nếu tóm lược bốn làm ba, thì"thọ" thì là ý nghiệp, "đọc, tụng, thuyết" là khẩu nghiệp, "Sao chép" là thân nghiệp. Nếu theo Biệt giáo thì khẩu nghiệp là hóa tha, thân ý nghiệp là tự hành. Theo Thông giáo thì: ba nghiệp tự tuân theo, tức là Pháp sư tự hành; ba nghiệp dạy bảo, tức là Pháp sư hóa tha; cho nên nói "Phẩm Pháp Sư".

Lại, chính tam môn hành năm pháp này: Chỉ có tự huân tu, tức là Phước đức môn. Hoằng tuyên năm pháp, rộng làm lợi ích, tức là Hóa tha môn. Tự tu làm lợi ích chúng sinh, đều thuận với Phật giáo, tức là Báo ân môn. Nói theo Biệt giáo thì: Tự tu báo ân gọi là tự hành, lợi ích chúng sinh tức hóa tha. Nói theo Thông giáo thì: Tự tuân theo, khiến người khác tuân theo đều gọi là Pháp sư, cho nên nói Phẩm Pháp Sư. Lại, đọc tụng sao chép là hành ở ngoài, tức áo Như Lai. Thọ trì là hành ở trong, tức tòa Như Lai. Giải thuyết làm lợi ích cho người khác là nhà Như Lai. Nói theo Biệt giáo, thì Nhà Như Lai là làm thầy của người khác. Áo, tòa Như Lai là làm thầy của chính mình. Nếu nói theo Thông giáo thì không như vậy. Từ bi che chở chúng sinh, trí tuệ sắc bén trở về mình gọi là nhà Như Lai. Ngăn ngừa ác kia, che chắn khiến mình không xấu hổ, gọi là áo Như Lai. Tự mình đã an tâm nơi Không thì mới có thể an tâm người khác; an người an mình gọi là tòa Như Lai. Đây là tự tuân theo ba pháp, cũng gọi là Pháp sư. Muốn làm lợi ích chúng sinh thì phải dùng tâm từ bi để vào nhà Như Lai làm đầu tiên, trải qua sự nhẫn nhục làm nền tảng, cứu giúp người, dùng quên bản ngã làm gốc, năng hành

ba pháp tuyên thông giáo pháp Đại thừa, tức là thế gian y chỉ, cho nên gọi là Pháp sư. Lại, tóm lược làm hai, nghĩa là : Tự hành và hóa tha, đây thì dễ hiểu không kể ra. Lại, tóm lược làm một, nghĩa là Như Lai hành đầy đủ tất cả hạnh. Bi tâm cứu hết thảy khổ, nghĩa là các thứ khổ của bốn đường, ba cõi, Nhị thừa, Bồ-tát v.v... Từ tâm ban tất cả vui, nghĩa là các thứ vui của nhân, thiên, Niết-bàn, thường trú v.v... Áo nhu hòa ngăn tất cả xấu ác, là ngăn tứ trụ vô tri vô minh... xấu ác. Tòa "Không": quên tất cả tướng, nghĩa là hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, đây là ý của Thông giáo. Ý của Biệt giáo: "Từ bi" sinh tất cả thiện, "nhu hòa" ngăn tất cả ác, Tòa Không làm hết sạch tất cả tướng. Lại, Từ và Nhẫn lập tất cả phước đức. Tòa "Không" thành tựu tất cả trí tuệ. Trí tuệ là mắt, gọi là ngũ nhãn, phước đức thì đủ cái gọi là Lục độ. Lại, từ bi thắng tất cả Thanh văn Duyên giác, nhu hòa thắng hết thảy phàm phu ngoại đạo. Tòa "Không" thắng Bồ-tát Tích, Thể, thiên v.v... cho nên Kinh Tịnh Danh nói : "Ví như thắng oán thì mới có thể gọi là dũng cảm". Lại, Từ bi phá thiên ma, nhu hòa phá ấm ma, tòa "Không" phá phiền não, tử ma. Kinh Đại Phẩm nói: "Hóa tất cả chúng sinh, quán hết thảy là Không, thì ma không thể hại...." Lại, Từ bi và Nhẫn nhục cho nên năng vấn, "Không" tòa cho nên năng đáp, đủ hai thứ trang nghiêm. Lại, quán Không cho nên năng vấn. Từ và Nhẫn cho nên năng đáp. Từ và Nhẫn cho nên năng gieo trồng, năng lập, năng nuôi dưỡng. Không tuệ cho nên năng nhổ, năng phá, năng dẫn dắt. Lại, Từ bi cho nên đâu có ngăn cách, nhu hòa cho nên đâu có chướng ngại, tòa "Không" cho nên đâu có tranh luận. Vượt xuất tam đế, cho nên gọi là Thắng Tràng. Bao hàm phổ nhiếp, gọi là Ma-ha-diễn. Vì chính Như Lai hành, cho nên nói là Tam-muội vương. Kinh dạy: "Tất cả thiện pháp thì Từ làm căn bản, Nhẫn nhục là đệ nhất đạo vô tướng tối thượng". Nếu luận về hành theo Viên giáo, thì nói không thể hết...

Hỏi: Vì sao dựa theo ba pháp, để nêu Pháp sư ?

Đáp: Theo sự mà luận thì ắt phải lên nhà, chỉnh y phục, ngồi tòa mới có thể rộng diễn bày, cho nên dựa vào ba pháp.

Lại, sự lý hợp luận: Mê hoặc thì không ngoài ba thứ: 1. Dựa vào khổ quả khởi Hoặc. 2. Dựa vào kết nghiệp khởi Hoặc. 3. Dựa vào đế lý khởi Hoặc. Cho nên dùng ba môn mà khai thị dẫn dắt. Lại, theo lý: Do mê chân mà đoạ vào khổ, cho nên dùng Từ bi môn. Do mê thế tục mà chìm đắm trong Không, thọ lạc, cho nên dùng Hòa nhẫn môn. Do ở trong mê mà thành chướng trí, cho nên dùng Không môn...

Pháp là phép tắc, Sư là bậc thầy giáo huấn. Pháp tuy có thể làm

phép tắc qui chế, mà không thể tự nó mở rộng; lưu thông là do người. Năm cách để lưu thông kinh điển, mở rộng Phật pháp đều được gọi là "Sư". Nêu pháp thành tựu tự hành, đều lấy diệu pháp làm thầy (Sư). Sư đối với diệu pháp, tự hành thành tựu, cho nên gọi "Pháp Sư". Lại, năm hạng người có thể dùng diệu pháp làm bậc thầy huấn dạy người khác, cho nên nêu pháp coi là Sư, nên gọi là Phẩm Pháp Sư. Hoặc là tự mình tuân theo pháp, hoặc là pháp là bậc thầy dạy người khác, đều gọi là Pháp sư ; thì đây là giải thích tên phẩm theo nghĩa Nhân duyên. Phàm có nhiều cách giải thích, đều căn cứ pháp môn Viên giáo mà giải thích tên phẩm.

Ba vòng trước là Chánh thuyết, Lãnh giải, Thọ ký của Tích môn đã xong. Từ đây trở xuống năm phẩm là phần Lưu thông của Tích môn. Chẳng những làm lợi ích cho đương thời mà còn muốn phổ biến thấm nhuần cho đời sau, cho nên nói năm phẩm Lưu thông. Hai phẩm Pháp Sư và Bảo Tháp, hoằng kinh công sâu phước nặng, lưu thông thì chưa truyền ra Đại thừa lợi ích to lớn. Một phẩm Đề-bà-đạt-đa dẫn việc trước: hoằng kinh ta người đều lợi ích, để chứng minh công đức sâu nặng. Phẩm Trì nêu tám vạn đại sĩ do sức nhẫn mà thành tựu, ở cõi này hoằng kinh, mới được thọ ký ở cõi khác hoằng kinh. Một phẩm An Lạc Hạnh, người xưa nói: "Lưu thông tiếp dẫn người thoái lui". Có lẽ nên như đây, chưa hẳn hoàn toàn như thế. Bồ-tát Thập tín (ngoại phàm) sơ tâm ưa thích phước thù thắng này, thấy Thanh văn sợ hãi, nghe Bồ-tát nhẫn nhục ruồng bỏ tất cả, ngoái nhìn lại mình sức yếu đuối không làm lợi ích gì được cho mình và người khác, liền sinh thoái lui, đức Phật vì hạng người này thuyết hạnh an lạc, y pháp hoằng truyền không lo nguy khổ. Lại, phẩm Pháp Sư đức Thích Tôn tự thuyết công phước hoằng kinh, bảo xem phần lưu thông. Phẩm Bảo Tháp thì Đa Bảo phân thân vừa chứng minh vừa trợ khuyên xem phần lưu thông. Phẩm Pháp Sư phần văn trường hàng kệ tụng đầu: khen ngợi năm loại Pháp sư và người năng trì pháp, phần trường hàng kệ tụng sau: tán thán pháp sở trì.

Lại chỉ bày phép tắc lưu thông kinh, lại có hai: 1. Theo đạo là đệ tử môn, công sâu phước nặng. 2. Truyền đạo là Sư môn, công sâu phước nặng.

Phần Đệ tử môn lại có hai: 1. Đệ tử lúc Phật còn tại thế. 2. Đệ tử sau khi Phật diệt độ.

Đây là phần một của Đệ tử môn. "Nhân Bồ-tát Dược Vương để bảo tám vạn Đại sĩ". "Nhân" là căn cứ vào để truyền đạt, muốn đem

diệu pháp căn cứ vào Dược Vương mà truyền đạt khiến cho đại chúng được lãnh thọ. “Bảo với các Đại sĩ”: đều thuộc lưu thông. Chỉ vào mọi người và hỏi : “Có thấy trong đại chúng đây chăng?”: chỉ bày người trì kinh được phước.

Đức Phật còn tại thế lại có hai: 1. Từ “Phật bảo Dược Vương” trở xuống, là chọn lựa ra loại người. 2. Từ “đều ở trước Phật” trở xuống, là chọn lựa đưa ra người có duyên được thọ ký. “Nhiều loại như thế ở trước Phật” là chúng đương cơ diệu ngộ, là chúng đa văn hiểu sâu gồm 2500 vị, đều đã hiện tiền được Phật thọ ký chung riêng xong. Đây loại được lựa chọn, hoặc là loại Bát bộ, hoặc là loại tứ chúng Tam thừa, đều ngồi trong hội Pháp Hoa. “Đều ở trước Phật” là nêu thời tiết gặp Phật tại pháp hội. “Một câu một kệ” là nghe pháp rất ít. “Cho đến một niệm” là thời gian rất ngắn. “Ta đều thọ ký sẽ đắc đạo Bồ-đề”: chúng kia nghe pháp rất ít, có công tùy hỷ trong thời gian rất ngắn, thì cuối cùng đều đắc Phật quả, huống chi được nghe đầy đủ suốt đời thọ trì, năm thứ lưu thông, ba nghiệp cúng dường... “Nghe một câu một bài kệ” là loại nghe ít hiểu cạn, nay đều thọ ký, ít mà còn thọ ký huống là nghe nhiều hiểu sâu. Do ít huống chi nhiều rộng khắp như đây. Vòng sau đã như vậy, thì vòng giữa và vòng trước cũng vậy, có thể dùng ý mà hiểu không cần phải nói lại. Kinh Kiến Thực Tam-muội: “Riêng thọ ký cho Tứ thiên vương đồng tên Hoả Trì, Tam thập tam thiên đồng tên Nhân-đà-la Tràng Vương, Câu-dực đồng tên là Vô Trước. Diễm thiên đồng tên Tịnh Trí, Đâu-suất đồng tên Thích Pháp Vương. Hai cõi trời trên cũng thọ ký chung, không hiển rõ tên riêng, Phạm Thiên tên là Đại Trí Lực”. Đó là hạng nghe nhiều hiểu sâu . Đây thọ ký cho hạng nghe ít hiểu cạn. Xưa nói: “Bích-chi-phật, Bồ-tát không được thọ ký” Văn này nói tam thừa đều được thọ ký, không cần nghi ngờ.

“Một bài kệ một câu”: Tăng Nhất Tập nói: Tùy chọn kệ cốt yếu trong kinh như loại tứ đế. Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Ác tiện gọi là “chán”, không cầu mong gọi là “không muốn”, tâm vô cấu gọi là “giải thoát”, bỏ gánh nặng xuống gọi là “Niết-bàn”, ác tiện đối với Tập, không cầu đối với Khổ, vô cấu là Đạo, bỏ gánh xuống là Diệt. Lại nói: Phật dạy Mãn Túc, Ta có bốn câu là nói Tứ đế Tứ niệm xứ... Theo

Quán tâm: Dùng mỗi một câu dùng mỗi một kệ, không câu không kệ mà không phải một... Nếu chọn câu chủ yếu về khai thị ngộ nhập trong tích môn, thì như là : “Ngồi xe báu này dạo chơi khắp bốn phương”, “Bốn an lạc hạnh khuyến phát bốn ý” v.v...

“Nhất niệm tùy hỷ”: Tự chưa có hành, chỉ tùy hỷ pháp và người,

mà công báo đáp còn nhiều, huống chi hành đạt đến! Tâm tùy hỷ có hai: Nếu nghe khai quyền hiển thật, thì trong tâm nhất niệm, hiểu sâu lý phi quyền phi thật, tin tri kiến Phật. Lại, có thể hiểu cả hai Quyền Thật sự lý viên dung. Tuy đầy đủ phiền não tánh mà năng biết tạng bí mật của Như Lai. Đây là luận về tùy hỷ theo chiều dọc. Lại, nếu nghe ý khai quyền hiển thật, thì đối với nhất tâm, rộng hiểu là hết thảy tâm và tất cả pháp đều là Phật pháp, không có chướng ngại, Nếu muốn phân biệt, thì biện thuyết không cùng, có thể một tháng, bốn tháng, một năm xoay quanh cũng chưa hết. Tuy chưa đắc chân thật mà tâm tùy hỷ có thể hiểu như đây. Pháp đã như thế, người cũng như thế. Đây là căn cứ theo chiều ngang luận về tùy hỷ, tức ngang mà dọc, tức dọc mà ngang. Cho nên Đại kinh nói : "Thà nguyện nghe ít, hiểu nhiều", nghĩa vị tức là ý đây vậy, sau sẽ lại nói.

Từ "Phật bảo Dược Vương! Lại sau khi đức Như Lai diệt độ" trở xuống, là nêu đệ tử sau khi Phật diệt độ, cũng chia làm hai: Thứ nhất, nêu loại đệ tử, lược nêu đối với người, theo như trên có thể biết. Thứ hai, từ "ta cũng thọ ký" trở xuống, công báo như trước đã giải thích.

Từ "Nếu lại có người" trở xuống, là phần thú hai: Sư môn, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: Trước biệt, sau tổng. Biệt: người, bàn về hạng thượng hạ, thời hiện tại và vị lai. Tổng: không bàn về thượng hạ và hiện tại vị lai, mà nêu chung nghịch đắc tội, thuận được phước. Phần Biệt lại có hai: 1. Hiện đời. 2. Đời sau. Phần Hiện đời lại có hai: Một: Hạ phẩm Sư. Hai: Thượng phẩm Sư. Phần Hạ phẩm Sư lại có hai: Một: Tướng của Sư. Hai: Công báo của Sư.

Tướng của Sư: năm hạng pháp Sư, mười thứ cúng dường.

Từ "Dược Vương nên biết! Các ngươi như trên đã từng cúng dường" trở xuống, nêu Công báo của hạ phẩm Sư. "Từng cúng dường" là nhân đời trước sâu, "vì thương chúng sinh mà sinh vào nhân gian" là đời nay công lớn. Từ "Nếu có người hỏi" trở xuống, nêu báo trọng ở đời vị lai.

Từ "Huống lại là người hết sức thọ trì" trở xuống, nêu Thượng phẩm Sư, cũng có hai: Thứ nhất, so sánh, nêu Tướng của thượng phẩm Sư. Từ "Dược Vương nên biết! Người đó tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh" trở xuống, nêu Công báo của thượng phẩm Sư, Từ "Nếu người thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sau khi ta diệt độ có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa" trở xuống, nêu Sư sau khi Phật diệt độ, cũng có hạ phẩm, thượng phẩm. Hạ phẩm cũng có hai: 1. Trước nêu ra người hạ phẩm, tức là chỉ được ý kia theo chiều dọc, có trí tuệ mà vô văn, chỉ

kham nói riêng, chưa thể nói trước chúng, cho nên gọi là Hạ phẩm Sư. "Riêng vì một người nói một câu": tuy được hiểu một câu, nhưng đã không nghe rộng học nhiều các nghĩa khác, cho nên không thể ở trong chúng mà nói. Hết thảy nạn vấn có chỗ không thông, thì khiến chánh lý không được tuyên bày rộng. Như Thích luận nói: Rõ ràng người có trí tuệ mà vô văn, ví như mưa nhỏ không có sấm, nếu muốn trình bày một câu kinh này chánh ngôn, thì phải riêng nói mà thôi! "Phải biết người ấy là sứ giả của Như Lai": là nêu rõ Công báo của hạ phẩm Sư. Kinh thì từ Như trí thuyết, thuyết về Như lý. Ngày nay hành nhân nương giáo Như này mà tuyên thuyết Như lý, tức là "sứ giả của Như Lai". "Làm việc của Như Lai": Như trí chiếu như lý là "sự" (việc). Ngày nay hành nhân nương giáo Như mà hành lý Như, tức là làm việc của Như Lai. Nhất Như trí nhất Như lý hóa độ chúng sinh tức là "sư". Ngày nay hành nhân có tâm Đại bi, đem lý chân như trong kinh này, vì chúng sinh mà thuyết, khiến họ được lợi ích, cũng gọi là "làm việc của Như Lai".

Giải thích theo Quán tâm : "Sứ giả của Như Lai": Trí tâm quán cảnh, cảnh tức chân như, cảnh đến phát sinh trí, trí là sứ giả của Như Lai. "Như Lai sở khiển": Quán trí từ trong "Như" đến. "Làm việc Như Lai": Có kinh nghiệm với tất cả pháp đều là chân như, chân như tức Phật sự.

Từ "Huống là ở trong Đại chúng" trở xuống: là thượng phẩm Sư, lược không nêu Công báo, ý đây có thể biết.

Từ "Nếu có người ác" trở xuống, là tổng nêu năm hạng Pháp sư: Nghịch thì đắc tội, thuận thì được phước. Trong đây tội phước không luận về phước điền có tốt, xấu; mà chỉ căn cứ tâm từ đầu đến sau để rõ sự khinh, trọng. Người sơ tâm học đạo bởi vì còn đủ thứ phiền não, nếu thêm chướng ngại thì họ sẽ phế bỏ việc làm và học, cho nên đắc "tội nặng". Phật thì bình đẳng, việc ác không hề hấn gì, há có thể làm chướng ngại, cho nên nói "tội nhẹ". Cúng dường cũng như vậy. Người đó còn trong phân biệt đối đãi, nếu được cúng dường, thì sự tu thành tựu cho nên người bố thí được phước thù thắng. Đức Phật thì đã dứt đối đãi, các sự đầy đủ, mặc dù hiến cúng mà Phật không thêm lợi ích, cho nên nói báo kém. Ví như Vương tử trong thời có nạn đói khát mà cúng dường những thứ cần dùng cho đức Phật, thì công đức kia rất lớn. Nếu hủy báng Vương tử kia thì tội chẳng nhẹ, cho nên tội phước đều nặng. Nếu có người hiến cúng y thực cho đại vương làm việc trọng yếu hoặc vi tế, thì ông muốn xâm tổn người đó cũng không thể đến làm tổn hại được, cho nên tội phước đều nhẹ.

Từ "Dược Vương" trở xuống, nêu "đọc tụng" như "trang nghiêm của Phật" tức là thuận thì được phước, Phật dùng định tuệ để trang nghiêm, "người đó" có thể tu định tuệ. "Gánh được cái gánh trên vai Như Lai" tại lưng là "mang", tại vai là "gánh". Tu cái thể của pháp thân chẳng Quyền chẳng Thật là "mang được cái mà Như Lai mang trên lưng". Dùng được hai trí năng Quyền năng Thật, tức là "gánh được cái mà Như Lai gánh trên vai". "Người đó đến đâu mọi người nên hướng theo làm lễ", trên nêu coi pháp là thầy (Sư), nay nêu kham làm thầy của chúng sinh. Người ấy có thú hướng đều cùng thật tướng tương ưng, đều đáng kính thuận. Thuận tức là hướng theo, kính tức là làm lễ. Kính và thuận cho đến khởi việc cúng dường...

Kệ có mười sáu hàng chia làm ba: 1. Hai hàng đầu, không tụng văn trường hàng, riêng nêu khuyên tự hành và lợi tha. 2. Mười ba hàng, tụng Sư môn, ý riêng và chung bên trên. 3. Một hàng, tán thán kinh. Trong phần tụng Sư môn biệt tổng lại có hai: 1. Bảy hàng tụng Biệt. 2. Sáu hàng tụng Tổng.

Biệt môn bên trên có hiện tại và vị lai. Đây bốn hàng đầu, tụng hiện tại ; ba hàng sau, tụng vị lai. Hiện tại vị lai, mỗi Sư bên trên đều có thượng hạ.

Đây nói về Biệt môn, từ "Nếu người hay thọ trì" trở xuống, một hàng tụng hạ phẩm, trong đó nửa hàng trên nêu pháp sư. "Nên biết là sứ Phật"... nửa hàng, nêu công báo. Từ "Những người hay thọ trì" trở xuống, ba hàng: tụng hiện tại thượng phẩm Sư, trong đó nửa hàng đầu nêu thượng phẩm Sư. "Xả bỏ cõi thanh tịnh" trở xuống, hai hàng rưỡi: tụng công báo. Từ "Đời ác, sau ta diệt" trở xuống, ba hàng: tụng vị lai, trong đó hai hàng đầu tụng vượt qua phần so sánh nêu ra thượng phẩm, chia làm hai: Một: nửa hàng đầu: tụng pháp Sư. Hai : từ "Phải chắp tay kính lễ" trở xuống, một hàng rưỡi: nêu công báo. Trong trường hàng vốn thiếu công báo, nay kệ thì có. Từ "Nếu người ở đời sau" xuống một hàng, tụng hạ phẩm Sư. Trong đó, nửa hàng đầu nêu người, nửa hàng sau tụng công báo.

Từ "Nếu ở trong một kiếp" trở xuống, sáu hàng tổng tụng Tổng môn bên trên, chia làm hai: 1. Hai hàng, tụng người nghịch đắc tội. 2. Từ "Có người cầu Phật đạo" trở xuống, bốn hàng, tụng người thuận được phước.

Từ "Dược Vương! Nay bảo ông" trở xuống, một hàng, tán thán kinh tôn quý vi diệu.

Từ "Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo ngài Dược Vương" tán thán

pháp sở trì và phương pháp hoằng kinh. Pháp sở trì là tự tuân theo phép tắc, phương pháp hoằng kinh là phép tắc cho người. Có Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Tán thán kinh pháp. 2. Phương pháp hoằng Kinh.

Tán thán chia làm năm: 1. Tán thán pháp cũng cách lượng tán thán. 2. Tán thán người. 3. Tán thán xứ. 4. Nhân tán thán. 5. Tán thán quả. Pháp vi diệu cho nên người quí, người quí cho nên xứ tôn kính, xứ tôn kính cho nên nhân tròn đầy, nhân tròn đầy nên quả cùng cực.

Tán thán pháp: "Trong vô lượng kinh điển mà ta đã nói, hiện nói, và sẽ nói, thì kinh này rất là khó tin khó hiểu". Có Sư giải thích rằng: "Đã nói" là Bát-nhã, "sẽ nói" là Niết-bàn, trước Pháp Hoa thì Tiểu Đại cách nhau, Pháp Hoa về sau thì đã được hội giống nhau. Kinh này chính là bắt đầu hội tam, bắt đầu qui nhất, cho nên nói đệ nhất. Kinh tán thán rằng Pháp Hoa ở ngoài "đã, hiện, sẽ". Sư ấy thiếu một chi tiết. Nay ban đầu nói "đã": các thuyết tiệm đốn từ kinh Đại phẩm về trước. "Hiện": Đồng trong một pháp hội, nghĩa là Kinh Vô lượng Nghĩa. "Sẽ": các kinh Niết-bàn. Đại Phẩm... tiệm đốn, đều mang phương tiện, dễ tin. Nay đây Vô lượng nghĩa, một sinh vô lượng, vô lượng chưa trở lại một, thì cũng dễ tin. Ở đây Pháp Hoa, luận về pháp thì hết thảy pháp sai biệt dung thông quy về một pháp, luận về người thì thầy trò bản tích đều lâu xa. Hai môn đều ngược lại với xưa, cho nên " khó tin, khó hiểu ". Ngay sự khó hàng đầu đó, nói Kinh Pháp Hoa rồi sau mới thuyết Niết-bàn, thì dễ có thể tin. "Tạng bí yếu": Ẩn mật mà không thuyết gọi là "bí", tổng quát tất cả gọi là "yếu", chân như thật tướng bao hàm ẩn chứa gọi là "tạng". "Không thể phân bố": Pháp vi diệu khó tin, chỉ nên trao truyền cho người có trí tuệ. Nếu trao cho hạng vô trí, thì càng thêm tội, cho nên không thể vọng thuyết. "Từ xưa đến nay chưa từng hiển thuyết": Trong thời Tam tạng không nói Nhị thừa thành Phật cũng không nêu thầy trò bản tích. Thời Phương Đẳng Bát-nhã tuy nói ẩn chứa thật tướng cũng không nói Ngũ thừa làm Phật, cũng chưa phát Tích hiển Bản. Các kinh đốn tiệm đều chưa dung hợp, cho nên gọi là bí. Kinh này thuyết đủ bí pháp xưa, tức là khai bí mật tạng, cũng chính là bí mật tạng, bí mật như đây chưa từng thuyết bày. "Khi Như Lai đang ở đời, vẫn có nhiều kẻ oán ghét": Hơn bốn mươi năm không thể thuyết, nay tuy muốn thuyết mà năm ngàn người bèn thoái lui. Đức Phật đang hiện đời mà còn như vậy huống chi đời vị lai, theo lý rất khó giáo hóa.

Từ "Sau khi Như Lai diệt độ, người nào có thể biên chép thọ trì" trở xuống: Tán thán người. Pháp này tại người, thì người tôn quí. "Như

Lai lấy y trùm cho": tu học đại nhẫn là y, như văn bên trên nói : "Như Lai trang nghiêm". "Được chư Phật hộ niệm" : thật tướng làm Phật, thật trí làm con, tôn sùng thật tướng, phát sinh thật trí, tức "được chư Phật hộ niệm". Tứ tín làm "tín lực", Tứ hoằng làm "nguyện lực", đại trí làm "thiện căn lực". Tín thì tin lý, lý tức Pháp thân. Chí nguyện là lập hạnh, hạnh tức giải thoát. "Thiện căn": căn kiên cố, khó chuyển động, đây tức Bát-nhã, phải biết Tam lực tức là Tam đức là bí mật tạng. Hàng sơ tâm nhờ vào đây mà cùng Phật không khác, cho nên nói: "cùng Như Lai ở chung". Lại, tín lực tu Tất cánh Không Như Lai trí. Như Lai nương Tất cánh Không làm nhà, người này tín lực cũng học Tất cánh Không, cho nên "cùng Như Lai ở chung". "Được Như Lai lấy tay xoa đầu": Người này dùng nguyện lực thiện lực tự hành quyền thật, coi đó là cơ cảm, cơ cảm gọi là "đầu", Như Lai dùng hóa tha quyền thật nhị trí gọi là "tay". Khai phát người trước tự hành quyền thật tức là "đầu", cảm ứng đạo giao cho nên nói "xoa đầu". Xoa đầu tức thọ ký vậy.

Từ "Nơi nơi chốn chốn" trở xuống: Tán thán xứ: Pháp này ở nơi nào, tức nơi ấy tôn quí. Những nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn và cả nơi Pháp vương du hóa đều nên xây tháp. "Kinh này" là nơi Pháp thân sinh trưởng, nơi đạo tràng đắc đạo, là thể chính của pháp luân, là chứa đựng đại Niết-bàn, cho nên nói "chỗ có quyển kinh này đều nên xây tháp cúng dường". "Chẳng cần để xá lợi": Thích luận nói: "Xương vụn là sinh thân xá-lợi, kinh quyển là pháp thân xá-lợi". Không cần để lại sinh thân xá-lợi. Sinh thân và Pháp thân đều có xá-lợi toàn vẹn (toàn thân) và vụn nhỏ (toái thân), có thể hiểu.

Từ "Nếu có người xuất gia" trở xuống: Tán thán nhân. "Chưa khéo hành đạo Bồ-tát": Hành theo ba giáo trước, tức là Pháp thân xá-lợi toái thân, chưa có thể khéo độ. Nếu nhập Viên giáo tức là xá-lợi toàn thân thì khéo độ. Khóe độ là "khéo hành".

Từ "Có chúng sinh nào" trở xuống: Tán thán quả. Văn chia làm năm phần: 1. Nêu quả gần. 2. Khai thí. 3. Hợp thí. 4. Giải thích gần. 5. Nêu cái sai.

Nêu quả gần: "Nên biết người đó được gần đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác". Trong phẩm An Lạc Hạnh gọi là "Cận xứ", đây là quả Bồ-đề. Phật trí Phật nhãn tri kiến xứ làm thể thì có hai thứ: 1. Sơ tâm Bồ-đề. 2. Hậu tâm Bồ-đề. Đây nói "gần", chính là gần Sơ trụ Bồ-đề. Lại, hướng về Viên quả mà tu Viên nhân, đắc tương tự giải thoát, gọi đó là "gần". Trong phần Tán thán nhân bên trên, là tu Thông Biệt nhân, tức là "chưa khéo", thì cách xa Viên quả. Nếu tu Viên nhân, tức

là "Khéo hành", thì cách gần Viên quả. Đây dùng Viên như thật trí làm nhân, rồi lại dùng làm quả. Chân như Đạo tiền, tức là chánh nhân. Chân như Đạo trung, tức là duyên nhân, cũng gọi là liễu nhân. Chân như Đạo hậu, tức là viên quả. Cho nên, kinh Phổ Hiền Quán nói: "Nhân Đại thừa tức là thực tướng, quả Đại thừa cũng là thực tướng". Thích luận nói: "Bắt đầu quán thật tướng gọi là nhân, quán xong gọi là quả". Luận theo lý, thì chân như thực tướng không có nhân quả hiện tại, cũng không có trước sau. Nếu căn cứ chúng sinh tu hành, thì có trước sau và nhân quả.

Từ "Thí như có người" trở xuống: là phần hai: Khai thí. Có hai cách giải thích: 1. Theo Quán môn. 2. Theo Giáo môn.

1. Giải thích theo Quán môn: Tâm chúng sinh đầy đủ các phiền não, gọi là "cao nguyên" (gò cao), tu tập quán trí gọi là "khoét đào"; mới chứng vị lý, ví như được nước trong. Theo Thông quán: Can tuệ địa như "đất khô", tánh địa như "đất bùn ướt", Kiến đế là được nước trong. Theo Biệt quán: từ Giả nhập Không, chỉ thấy Không mà chẳng thấy bất Không, đoạn Tứ trụ như "đào đất khô cách nước còn xa". Từ Không xuất Giả, trước biết chẳng phải Giả, nay biết chẳng phải Không. Do hai phép quán này mà được nhập Trung đạo. Năng hàng phục vô minh thì ví như "Chuyển sang thấy đất ướt", cách nước gần. Theo Viên quán: trung đạo phi Không phi Giả mà chiếu Không, Giả ví như như "dần đến bùn", tức Tứ trụ đã tận, vô minh đã hàng phục, đã đắc Trung đạo, tương tự viên giải, cho nên nói "như bùn". Nếu nhập Sơ trụ, phát khởi chân tánh sẵn có của chính mình, hiểu biết Trung đạo, thì phá vô minh ví như bùn được lắng lóng cho trong, được thấy Trung đạo thì ví như "thấy nước trong". Pháp Hoa luận nói : "Nước Phật tánh phải biết thứ lớp".

2. Giải thích theo Giáo môn: "Đất" dụ cho Kinh giáo, "nước" dụ Trung đạo, giáo giải thích Trung đạo, ví như "đất bùn chứa nước". Tam tạng giáo môn chưa giải thích Trung đạo, ví như "đất khô". Phương Đẳng Bát-nhã nương nơi phương tiện thuyết nghĩa Trung đạo, ví như "thấy đất ướt". Pháp Hoa giáo chánh trực hiển lộ thuyết Vô thượng đạo, ví như "thấy bùn". Do giáo Pháp Hoa mà sinh Văn Tư Tu, tức ngộ Trung đạo, thật sự thấy Phật tánh. Trí tuệ chân thật phát sinh không còn dựa vào văn, ví như thâu hoạch nước trong, không còn tướng đất. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm nói: "Hàng Thập trụ Bồ-tát có tuệ thân, không do người khác mà ngộ". Có người nói: "Sơ giáo như gò cao đất khô, Đại Phẩm như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước". Có người nói: "Các kinh Duy-Ma Tư-Ích như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất

ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Có người nói: “Đại Phẩm như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, Phật quả như nước”. Cả ba kinh gia này đều có nói ngũ thời. Sinh sư nói: “Thọ trì Pháp Hoa cầu Phật đạo, muốn được thì phải như người khát nước tìm nước. Tam thừa thì đối với Nhất thừa khó tin, nơi Pháp Hoa cầu tìm hiểu thì ví như “gò cao”, thọ trì đọc tụng ví như “đào”, chưa thể như nghe mà hiểu, vì chưa nghe nên như “đất khô”, năng hiểu ví như “đến đất bùn”; đồng với các nhà chú thích kinh. Có người nói: “Đây một giải thích cách xa Phật, một giải thích cách gần Phật”.

Vị sư đầu tiên trong ba kinh gia trên, thì nêu các giáo cách Phật xa, Pháp Hoa cách Phật gần; hai giải thích sau thì chỉ trong Pháp Hoa luận xa gần. Dựa vào kinh ứng với hai nghĩa: 1. Nêu kinh khác Pháp Hoa để nói xa gần. 2. Căn cứ Pháp Hoa mà luận xa gần. Các sư lầm ý chỉ kinh.

Hỏi: Kinh khác vì sao cách Phật xa?

Đáp: Vì chưa khai quyền, người cầu Phật chưa quyết định. Pháp Hoa chỉ có một, không có ba, vĩnh viễn vượt ngoài thoái tâm, cho nên cách Phật gần. Văn nói: “Quyết định rõ ràng pháp Thanh văn”.

Hỏi: Kinh Bát-nhã vì sao cách Phật xa?

Đáp: Chưa trừ bỏ giới hạn của pháp Quyền, thì xa; mới hành Bồ-tát, không biết Bát-nhã bí mật giáo hóa giao phó tài vật, thì đối với kia là xa.

Xét rằng Phương tiện Bát-nhã và Thật tuệ Bát-nhã là phụ mẫu pháp thân của Phật ba đời. Người cầu Phật ví như người già bệnh, nếu được cả hai phò trợ mạnh thì có thể đi xa khắp, nên biết Bát-nhã rất thù thắng. Pháp Hoa khai Quyền không khác Bát-nhã hiển Thật. Chẳng phải ngoài Bát-nhã mà riêng có Pháp Hoa. Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã đó thôi! Do vì các sư giải thích khác, cho nên ghi chép ra.

Từ “Bồ-tát cũng lại như thế” trở xuống, là phần ba: Hợp thí. Ở trong Pháp Hoa, thâu hoạch Văn Tư Tu tức là Viên quán Tam tuệ, thì mới có thể gần quả; chẳng phải Văn Tư Tu khô ướt... trong các giáo.

Từ “Vì sao vậy?” trở xuống, là phần bốn: Giải thích ý được gần. “Hết thảy Bồ-tát”: các nhân Quyền. “Tam Bồ-đề”: hết thảy quả Quyền. Nhân Quyền quả Quyền đều nhiếp thuộc kinh này, ví như đất khô đất ướt đều y nơi nước, cho nên nói thuộc về. “Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng”: Ngài Quang Trạch nói: “Xưa vào thời Lộc Uyển, vì căn cơ lẫn lộn cho nên thuyết đủ Tam tạng mà chưa nêu Nhất lý, bấy giờ dùng Quyền mà ẩn Thật. Nhất lý bị Quyền giáo làm bế tắc. Nay tại

thành Vương xá thuyết pháp cho Đại căn cơ, tức hiển bày pháp chân thật. Chân thật đã hiển bày thì trừ bỏ giáo xưa. Giáo xưa bị bỏ, cho nên phương tiện môn khai. Nhất lý đã lộ rõ, thì tướng chân thật hiển bày". Theo ý riêng thì giải thích như vậy chính là phá phương tiện, không phải khai mở phương tiện! Ngài Đạo Lãng đất Hà Tây nói: "Nói thẳng ba là phương tiện, tức là mở cửa phương tiện. Xưa không nói ba là phương tiện, cho nên cửa phương tiện đóng. Nay gọi ba là phương tiện, tức chỉ bày một là chân thực". Theo ý riêng thì kiểu giải thích này phù hợp với kinh văn. Có người giải thích: "Khai hai phương tiện Giáo Thân thị hai chân thật Giáo Thân; ba đời chư Phật chỉ có hình tiếng Quyền Thật". Theo như khai thị này thì mười hai bộ kinh, tám vạn đại sĩ rõ ràng đều là phương tiện! Theo ý riêng thì hai sư trước dựa vào Giáo mà khai thị, người sau thêm Thân vào, đây là trộm nghĩa của ngài Long Ấn mà làm giải thích của mình, tức trở lại là ý phá phương tiện, chẳng phải nghĩa khai!

Hỏi: Đương thể của phương tiện là môn, hay vì thông suốt thật tướng, cho nên gọi là môn?

Đáp: Theo ý riêng đều là đầy đủ cả hai nghĩa. Gọi thật tướng môn, thì có thể hiểu. Đương thể là môn, như Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm tìm học với thiện tri thức, đắc các thứ pháp môn như: tính hạt cát, quán v.v... Hai môn này đều có đóng mở: Xưa không nói ba là phương tiện, cho nên cửa kia đóng kín; nay nói ba là phương tiện, cho nên cửa kia khai mở. Xưa không nói một là chân thật, cho nên cửa chân thật đóng kín; nay nói một là chân thật, cho nên cửa chân thật khai mở. Cả hai phương tiện đều thông thật tướng, cho nên tam thừa phương tiện là nhất thừa môn. Thật tướng cũng có hai nghĩa: 1. Đương thể hư thông, cho nên gọi là "môn", như Bất nhị môn trong kinh Tịnh Danh, Pháp giới môn trong kinh Hoa Nghiêm v.v... 2. Năng thông phương tiện làm môn. Ngài Lưu Cầu nói: "Công thông suốt chính là do "một" đều nhau, cho nên "một" là phương tiện môn. Công hiệu của sự dẫn dắt phần nhiều nương tựa vào ba, cho nên ba là chân thật tướng. Nói chẳng phải ba, thì phương tiện môn được khai mở ; nói duy nhất, thì tướng chân thật được chỉ bày".

Có người nói: Luận đủ thì có ba nghĩa: 1. Dùng ba làm phương tiện, một làm chân thật. 2. Ba và một, đều là phương tiện; không phải ba và không phải một, là chân thật. 3. Ba và một, là nhị, không phải ba không phải một, là bất nhị. Nhị và bất nhị đều là Quyền. Không phải nhị không phải bất nhị, là Thật. Ba chương này được hỗ tương làm môn.

Như lấy tam làm nhất môn, thì đây là dùng Quyền để thông Thật. Nếu dùng nhất làm tam môn, thì đây là dùng Thật khởi Quyền. Cho đến nhị và bất nhị, cũng xen lẫn như vậy được, gọi là môn, cũng xen lẫn được gọi là tướng. Chỉ không được xen lẫn làm quyền thật đó thôi! Riêng cho rằng: Dùng tam làm nhất môn, thì hàng tam thừa có thông thật tướng không? Nếu không thông, thì không phải môn. Cần phải khai tam, mới được gọi là môn. Nếu khai tam, thì chẳng phải lại là tam; vì sao dùng tam làm thật tướng môn? Lại, tam chẳng phải Phật nhân, sao được gọi là thật tướng môn? Phá một nghĩa này, thì hai nghĩa còn lại theo lệ cũng bỏ đi.

Hỏi: Phương tiện và chân thật xen lẫn được làm môn; vậy thì phương tiện làm phương tiện môn, thật tướng làm thật tướng môn được chăng?

Đây có bốn câu: Hai câu đầu, như trên. Câu ba: Thật tướng làm thật tướng môn. Câu bốn: Phương tiện làm phương tiện môn. Như danh làm nghĩa môn, nghĩa làm danh môn. Do phương tiện danh mà hiển bày phương tiện nghĩa, cho nên danh làm nghĩa môn. Do phương tiện nghĩa ứng với phương tiện danh, cho nên nghĩa làm danh môn. Thật tướng cũng vậy. Tựa Trung luận nói: Thật mà không có danh thì không thể ngộ. Cho nên, ký thác trong đó để tuyên diễn việc kia.

Hỏi: Có được dùng tam hiển tam, dùng nhất hiển nhất không?

Đáp : Đây cũng có bốn câu: Hai câu như trên. Dùng tam hiển tam, tức là nói xưa tam khác với nay nhất, tam này ở ngoài nhất, nay nhất khác với tam xưa, nhất này ở ngoài tam. Cho nên, nhất không phải nhất của tam, tam không phải tam của nhất, đều là chấp kiến. Phá bệnh này, cho nên đối với nhất Phật thừa phân biệt nói thành tam. Cho nên, tam là tam của nhất. Các ông hành đạo Bồ-tát, cho nên nhất là nhất của tam. Tam nhất không khác nhau, là nghĩa nhân duyên. Dùng nhân duyên tam nhất để hiển bày tự tánh tam nhất, cũng dùng tự tánh tam nhất để hiển bày nhân duyên tam nhất. Cho nên, nói dùng tam hiển nhất, dùng nhất hiển tam. Có người dẫn mười lăm chỗ để nêu môn: Phẩm Phương Tiện có hai, phẩm Thí dụ có sáu, Phẩm Tín Giải có ba, Phẩm Hóa thành Dụ có hai, Phẩm Pháp Sư có một, Phẩm Quan Âm có một.

Phẩm Phương Tiện có hai: Trí tuệ môn, Quyền trí làm Thật trí môn. Sinh Sư nói: "Ngôn giáo làm môn, ngôn giáo thuyết Thật trí cho nên ngôn giáo là Thật trí môn", Pháp Hoa luận đồng ý kiến này. Tiếp nói: Dùng các thứ pháp môn tuyên bày Phật đạo, đây là dùng Đại thừa giáo làm môn. Phẩm Thí Dụ có sáu: 1. Nhà kia rộng lớn chỉ có một cửa,

vẫn dùng Đại thừa giáo làm môn. 2. Nói cửa bị thiêu cháy, đây là căn cứ bờ cõi ranh giới của tam giới làm môn, như gọi nhà là môn. 3. Chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ, vẫn là Đại thừa giáo làm môn. 4. Ba xe ở ngoài cửa, vẫn dùng tam giới làm môn. 5. Dùng Phật giáo môn để vượt khổ ba cõi, đây là dùng Tiểu giáo làm môn. 6. Đứng ở ngoài cửa, y Đại thừa dùng giới hạn của hai thứ sinh tử làm môn. Tiểu thừa cũng xuất ngoài tất cả phiền não, chánh sử và tập khí đã tận gọi là đứng ở ngoài cửa. Phẩm Tín Giải có ba: 1. Đứng ở bên cửa Đại thừa lý giáo làm môn. 2. Nói còn ở ngoài cửa, cũng như trên. 3. Nói Trưởng giả ở trong cửa, như trên.

Phẩm Hóa thành có hai : 1. Thỉnh khai mở cửa cam lộ, cũng là giáo môn Đại, Tiểu. Nhiều lớp cửa, lầu gác cao, cũng dùng Tiểu thừa tam không môn. 2. Phương tiện môn, giải thích như trên. Phẩm Quán Âm, cũng dùng Đại thừa làm môn. Nay giải thích "khai phương tiện môn": Những điều xưa đã không nói, thì nay đều nói. Xưa nói sự sinh hoạt hàng ngày và nghề nghiệp sinh nhai của tất cả thế gian, có bao giờ là phương tiện đâu? Nay đều khai đó chính là thật tướng, không chống trái nhau. Xưa nói Tiểu thừa phương tiện như Tiểu thừa quả. Tiểu thừa quả mà còn chẳng phải Thật tướng môn, huống chi Tiểu phương tiện mà sẽ là môn! Nay đều khai đó chính là thật tướng. Việc các ông làm là đạo Bồ-tát, quyết định bỏ pháp Thanh văn, là vua của các kinh.

Xưa nói Nhị thừa là phương tiện môn. Nay đều khai đó chính là thật tướng, đâu là môn nữa, đều khiến cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nhất sắc nhất hương thảy đều là Phật pháp. Hoặc môn hoặc phi môn, thảy đều khai nó để thị tướng chân thật, hiển bày nước Phật tánh. Nếu không khai nó, thì "sâu xa kiên cố thâm diệu không người nào đạt đến được", mà nay khai nó thì được thấy nước, không phải đất khô.

Lại giải thích theo Tam tuệ thì "tất cả đều thuộc kinh này", tức Viên Văn tuệ. "Kinh này khai phương tiện" tức Viên Tư tuệ. "Thị chân thật tướng" tức Viên Tu tuệ. Ba thứ này sâu xa mầu nhiệm, đức Phật nay khai thị liền được thấy chân thật.

Từ "Dược Vương! Nếu Bồ-tát nào nghe kinh Pháp Hoa" trở xuống là phần năm: Nêu cái sai: "Nếu Bồ-tát nghe thuyết kinh này mà kinh nghi sợ sệt,... Thanh văn tăng thượng mạn", đều là "đất khô", còn chẳng phải đất ướt, huống chi là thấy được nước ư !?

Từ "Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn nào, sau khi đức Như Lai diệt độ" trở xuống, là lược nêu phương pháp hoằng kinh, lại chia làm

hai: 1. Phương pháp. 2. Lợi ích.

Phương pháp lại chia làm ba: 1. Nêu chương môn. 2. Giải thích. 3. Khuyên tu. Tu "nhà Như Lai là đại từ bi": Nếu căn cứ đồng thể tức Pháp thân. Nếu căn cứ chúng sinh được gia bị tức Giải thoát, năng khiến cho chúng sinh hợp với đồng thể tức là Bát-nhã. Tu "y áo Như Lai": Nếu căn cứ cái được che trùm, tức Pháp thân. Nếu căn cứ năng che trùm trang nghiêm thân, tức Tịch diệt nhẫn. Nếu căn cứ hòa quang lợi vật, tức Giải thoát. Tu "tòa Như Lai" Nếu căn cứ năng tọa, tức Bát-nhã. Nếu căn cứ sở tọa, tức Pháp thân. Thân tòa minh xứng (xứng hợp mà mắt thịt con người không thể thấy biết được) tức Giải thoát. Lại, "Đại từ" an lạc tức giúp đỡ thành tựu, "nhu hòa" là hàng phục sân, đoạn Hoặc tức quán chiếu, "ngồi tòa" tức Pháp thân. Phẩm An Lạc Hạnh lại rộng nêu ba pháp này. Văn trên nói: "trang nghiêm của Phật" tức là "áo Như Lai" Trên nói "Cõng và gánh được cái gánh nặng trên lưng và vai Như Lai", tức là "ngồi tòa Như Lai". "Đảm" (gánh vác) tức gánh vác, vận chuyển, chính là "vào nhà Như Lai".

Từ "Bấy giờ ta ở nước khác" trở xuống: nêu năm việc lợi ích, khuyến khích lưu thông. 1. Sai khiến hóa nhân. 2. Sai khiến hóa bốn chúng. 3. Sai khiến Bát bộ. 4. Thấy thân Phật. 5. Cùng tổng trì. Nếu hàng sơ tâm chưa thuần, thì chỉ có thể sai khiến hóa nhơn, chưa thể sai hóa tứ chúng Bát bộ. Nếu thấy thiên long, thì họ bèn dựa vào đây mà tự cao ngạo, làm ngăn ngại tổn hại đạo kia, cho nên không thể để cho họ thấy, huống chi thấy Phật. Nếu tâm không ỷ dựa chấp trước, thì có khả năng thấy Phật, huống chi thấy thiên long, huống chi đắc tổng trì tự chứng lợi ích!

Kệ có mười tám hàng rưỡi, chia làm ba: 1. Một hàng đầu, tổng khuyên, không tụng trường hàng. 2. Mười sáu hàng rưỡi, tụng trường hàng trên. 3. Một hàng kết khuyên.

Trên trong phần Tán thán quả văn chia làm năm: 1. Một hàng rưỡi đầu, tụng khai thí. 2. Từ "Dược Vương! Ông nên biết" trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng hợp thí. Lược không tụng ba thứ còn lại, cận quả, giải thích lựa, nêu cái sai. Trong phương pháp lưu thông kinh bên trên có hai: Phương pháp và Lợi ích. Nay mười hai hàng rưỡi tụng cũng chia làm hai: Thứ nhất: ba hàng rưỡi, tụng Phương pháp. Trên trong đó có ba, đây cũng tụng ba ý. Thứ hai : từ "Ta trong muôn ức cõi" trở xuống, chín hàng tụng Lợi ích: một hàng đầu tổng nêu rõ ý Như Lai dùng năm việc lợi ích, chính do ứng thân biến khắp mười phương, có thể làm năm việc giữ gìn bảo hộ người hành trì. Từ "Sau khi ta diệt độ" trở xuống,

một hàng rưỡi tụng sai khiến tứ chúng. Từ “Dẫn dắt” trở xuống, một hàng rưỡi tụng: sai người hóa. Từ “Nếu người thuyết Pháp Hoa” trở xuống, hai hàng tụng khiến đắc tổng trì. Từ “Nếu người đủ đức này” trở xuống, một hàng, tụng khiến được thấy Phật. Từ “Nếu người ở chỗ vắng” trở xuống, hai hàng tụng sai khiến Bát bộ...

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 8
(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 11: **KIẾN BẢO THÁP**

Tiếng Phạn gọi Tháp-bà hoặc nói Du-bà, Trung hoa dịch Phương phần cũng gọi là Linh miếu, lại nói là Chi-đề, thì không có cốt thân. Tháp này vì có thân toàn vẹn không tan rã, cho nên không gọi là Chi-đề. Kinh A-hàm nêu rõ "tứ chi trưng" (chứng tích) nghĩa là bốn chỗ xây tháp: những nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Bốn chỗ xây tháp, nay bảo tháp là chứng tích Phật trước nhập diệt. Kinh dạy: Ba loại thân Phật đều từ kinh này mà sinh trưởng. Chư Phật ở đây mà tọa đạo tràng, chư Phật ở đây mà chuyển pháp luân, chư Phật ở đây mà bát Niết-bàn. Chỉ kinh Pháp Hoa này, chính là tứ chi trưng của chư Phật ba đời. Chư Phật quá khứ đã ở, chư Phật hiện tai đều ngồi, chư Phật vị lai cũng vậy. Tháp này xuất hiện nêu rõ việc này, bốn chúng đều thấy, cho nên gọi là phẩm Kiến Bảo Tháp.

Trong kinh Anh Lạc, ngài Thiện Cát hỏi: "Sinh thân, toàn thân, toái thân công đức bằng nhau ư?" Đức Phật dạy: "Không đồng. Bởi vì sắc thân thì ngôn giáo hóa, huấn, ba nghiệp đầy đủ thanh tịnh khiến chúng sinh được đến đạo tràng. Xá-lợi toàn thân hoặc toái thân, chính là khả năng uy thần sáng suốt, cúng dường thì được phước. Cho nên, không đồng". Lại hỏi: "Đảnh Vương Như Lai trải qua mười hai na-do-tha kiếp thuyết pháp giáo hóa, xá-lợi cũng vậy, thế thì phải đồng?" Phật dạy: "Đều do thần lực của Đảnh Vương Như Lai tạo ra". Kinh đó cho rằng xá-lợi toàn thân và toái thân đều do sinh thân Phật lực. Kinh này cho rằng Xá-lợi của sinh thân dù toàn thân hay toái thân, xá-lợi của pháp thân dù thiên hay viên, đều từ kinh này mà ra, hiển bày công đức của kinh này lực hoằng trì sâu rộng. Từ đất vọt lên để chứng minh việc này, bốn chúng đều thấy, cho nên nói Phẩm Kiến Bảo tháp.

Bắc Địa sư nói: "Khi đức Phật vì Thân-tử mà thuyết kinh, thì bảo

tháp đã hiện để chứng minh. Nếu thuyết kinh xong mới đến, thì làm chứng những gì? Vì kinh gia theo thứ lớp xếp đặt sau ba vòng". Đây chính là tình người thì không thể tin! Nay y theo Kinh Tát-Vân Phân-Đà-Lợi nói: "Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa vô số kệ, có tháp bảy báu từ đất vọt lên, trong tháp có giường vàng, trên giường có Phật. Chữ Bào-hưu-lan-la, Hán dịch là Đại bảo, tán thán đức Thích Tôn, nói vì ta mà đến cúng dường, nguyện ngồi giường vàng của ta, lại vì ta mà thuyết Tát-Vân Phân-Đà-Lợi." Y kinh này chứng minh, tức là sau khi thuyết ba vòng, lại thỉnh Thọ lượng. Văn nêu rõ thánh thuyết mà không chịu dụng, người xuyên tạc đâu có thể theo ư ?! Tháp này chính làm chứng, trước đã được thỉnh, sau mới từ đất vọt lên. Bốn chúng đều thấy cho nên nói phẩm Kiến Bảo Tháp. Địa Sư nói: "Đa bảo là pháp thân Phật".

Thích Luận nói: Đa Bảo thệ nguyện hóa thân đến chứng minh kinh. Văn đây cũng vậy. Sư (Thiên Thai Trí Giả) nói: Pháp thân không đến không ra, báo thân nguy nga đường đường, Ứng thân ứng khắp tất cả, hoặc tức đây gọi là tam Phật, chưa nói hết thể của ba Phật, chỉ là biểu thị mà thôi. Đa Bảo tiêu biểu pháp thân, Thích Tôn tiêu biểu Báo thân, phân thân tiêu biểu Ứng thân Phật. Tam Phật tuy ba mà không khác một. Nên nói như thế , tin hiểu như thế. Đây là bốn phen giải thích thấy Đa bảo theo Tứ Tất-đàn.

Tháp hiện ra có hai việc: 1. Phát âm thanh để chứng minh trước, 2. Mở tháp để khởi dẫn việc sau. Việc thứ nhất: Chứng trước, chứng ba vòng thuyết pháp đều là chân thật. Nếu lược nói chân thật, thì đều cùng thật tướng tương ưng. Nếu rộng nói chân thật, thì ly tứ cú, tuyệt bách phi. Nếu nói theo lý Trung đạo, thì "bát bất" gọi là chân thật. Tháp từ đất vọt lên, chỉ bày Bất diệt. Phân chia tòa, cùng ngồi, tiêu biểu Bất sinh. Nhập tháp, tiêu biểu Bất thường. Hiện tháp, chỉ bày Bất đoạn. Phân thân, chỉ bày Bất nhất. Toàn thân, chỉ bày Bất dị. Đa bảo nhường tòa, chỉ bày Bất lai. Đức Thích-ca ngồi nửa tòa, chỉ bày Bất xuất. Bát bất hiển nhiên cho nên gọi chân thật. Lại, chứng minh phần lưu thông tích môn, trì kinh công sâu, hoằng tuyên lực lớn, đều chân thật. "Đại tuệ bình đẳng" cùng Bát-nhã như thế nào? Thích Luận quyển bảy mươi chín nói: "Bát-nhã là Diệu pháp của ba đời chư Phật, như một cửa thành thì bốn phương đều vào được, nên biết Bát-nhã cũng gọi là Diệu pháp, kinh này gọi là "bình đẳng đại tuệ". Hai danh đồng chỉ ý kia có thể biết. Việc thứ hai: Phát khởi việc sau: "Nếu muốn mở tháp, thì cần phải tập hợp phân thân" là nêu sự phó chúc mầu nhiệm. Âm thanh thông suốt hạ phương mời đệ tử "Bản môn" về để luận nghĩa thọ lượng. Tháp lâu

xa từ đất vọt lên, khai thần thông lực tự tại, hiển bày lợi ích chúng sinh đời quá khứ. “Phát âm thanh lớn” : phát ra lực Sư tử phấn tấn, hiển hiện tại mười phương khai quyền hiển thật. Có thệ nguyện lớn: “Chư Phật đời vị lai nếu thuyết kinh này, thì bảo tháp của ta đều đến nơi ấy để chứng minh”, tức khai đại thế lực oai mãnh, hiển hiện thường trú bất diệt đời vị lai. Lại, tháp giữa hư không cũng là chứng trước khởi sau. Hạng người Thất phương tiện thì ẩn tàng chưa khai mở vì bị vô minh che, ví như tháp ở dưới đất. Nghe ba vòng khai tam hiển thật, thì khai tri kiến Phật, hiển xuất pháp thân, ví như tháp vọt lên hư không, đây tức chứng trước. Tu đắc pháp thân đã rõ ràng từ lâu như tháp giữa hư không không thể mở, là tiêu biểu bản địa đã thành tựu lâu rồi mà chúng không biết. Nếu phát tích hiển bản, liễu đạt không nghi ngờ, thì đây là khởi việc sau. Nếu “tháp từ đất vọt lên” là tiêu biểu pháp thân hiển bày, thì các kinh cũng đồng cũng khác. Bồ-tát hiển bày pháp thân thì đồng, Nhị thừa hiển bày pháp thân thì khác. Nếu “tháp tại hư không, mở cửa thấy Phật” là tiêu biểu phát tích hiển bản, thì cùng các kinh vĩnh viễn khác. Nếu tháp đến chứng minh việc trước, thì quá rõ ràng không nghi nữa. Nêu tháp đến phát khởi việc sau, thì mật có ý chúng chưa biết. Nay chọn nghĩa sau dự liệu giải thích đây cũng lại không có lỗi.

Giải thích theo Quán tâm: Nương kinh tu quán, cùng Pháp thân tương ưng thì cảnh trí ắt hợp, như tháp đến chứng minh kinh. Cảnh trí đã hợp thì đại báo viên mãn, ví như Thích-ca và Đa Bảo đồng ngồi một tòa. Do đại báo viên mãn, cho nên tùy căn cơ ứng hiện, ví như phân thân đều tập hợp. Do Đa Bảo xuất hiện nên tam Phật được hiển bày, do trì Kinh tức đủ tam thân. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Ba loại thân Phật từ Phương Đẳng sinh”, tức nghĩa đây vậy. Có người cho rằng từ phẩm này xuống mười một phẩm, là thần thông thân luân khai bản tích; từ “Di-lặc hỏi” trở xuống, là thuyết pháp khẩu luân khai bản tích. Ý bản tích chưa rõ ràng, từ đây phân văn thì quá sớm.

Phẩm này có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba phần: 1. Tháp Đa bảo vọt hiện. 2. Phân thân từ xa tập hợp. 3. Đức Thích-ca kêu gọi khuyến mộ.

Đây là phần một, văn có sáu: 1. Tướng tháp hiện. 2. Chư thiên cúng dường. 3. Đa Bảo tán thán. 4. Thời chúng kinh nghi. 5. Đại Nhạo Thuyết hỏi. 6. Như Lai đáp.

- “Tháp bằng bảy báu”: Pháp thân địa do tánh mà đắc “bảy báu” thất giác thất thánh tài; “tháp” là cảnh thật tướng, chỗ pháp thân nương ở. “Cao năm trăm do tuần”, là hai vạn dặm, theo chiều dọc nêu vạn

hạnh trong nhân, vạn đức trong quả. “Rộng hai trăm năm mươi do tuần” tức là một vạn dặm, theo chiều ngang dùng vạn điều thiện trang nghiêm. “Địa”: Là vô minh tâm địa, dùng vô sở phá để phá vô minh, dùng vô sở trụ để trụ đệ nhất nghĩa Không. “Các món vật báu” là rất nhiều định tuệ dùng trang sức. “Bao lơn” là tổng trì. “Ngàn vạn phòng nhà”, là nhà vô lượng từ bi, cũng là nhà vô lượng Không. “Tràng phan” là tướng thần thông thù thắng. “Chuỗi ngọc báu rủ xuống”: là công đức của bốn mươi địa, trên trang nghiêm pháp thân, dưới cứu độ chúng sinh. “Vạn ức linh báu”: Là bát âm bốn biện tài. “Bốn mặt thoảng hương thơm”: là gió đạo tứ đế thổi hương thơm bốn đức. “Cao đến cung trời Tứ thiên vương” là cùng tột lý tứ đế.

Từ “Tam thập tam thiên trời Đao lợi” trở xuống, là phần hai: Chư thiên cúng dường: Giải thích sự có thể biết. Nếu căn cứ lý, thì ba mươi tâm là ba mươi, Thập địa là một, Đẳng giác là một, Diệu giác là một, hợp thành ba mươi ba, đồng nương cảnh thật tướng. “Rưới thiên hoa Mạn-đà-la”: Hàng sơ tâm cũng đủ công đức của bốn mươi hai địa, hàng hậu tâm cũng như vậy đều dùng công đức của bốn mươi địa làm hoa nhân, hướng về pháp thân. Từ “Các trời khác và rồng” trở xuống: tức là nội phàm ngoài phàm... cũng y thật tướng hướng quả hành nhân.

Từ “Bấy giờ trong tháp báu” trở xuống, là phần ba :Đa Bảo tán thán. Chánh chứng minh trước khai quyền hiển thật không hư dối. “ Bình đẳng đại tuệ “ tức là trí tuệ chư Phật, như nghĩa trước bước đi bình chính. Bình đẳng có hai: 1. Pháp bình đẳng, tức lý trung đạo. 2. Chúng sinh bình đẳng, hết thảy chúng sinh đồng đắc Phật tuệ. “Đại” như nghĩa cao rộng ở trước. Căn cứ vào Quán tâm: Không quán: bình đẳng theo chiều dọc. Giả quán: bình đẳng theo chiều ngang. Trung quán: bình đẳng theo chiều dọc và ngang. Bình đẳng song chiếu tức là “bình đẳng đại tuệ”. “Đúng thế! Đúng thế!” (Như thị ! Như thị !) 1. Như pháp tướng thị; 2. Như căn tánh thị. “Đều là chân thật” vì như pháp tướng thuyết, cho nên “chân thật”.

Từ “Bấy giờ bốn chúng thấy” trở xuống, là phần bốn: Thời chúng kinh nghi: Văn có hai: 1. Đắc pháp hỷ. 2. Nghi điều kỳ lạ.

Từ “Bấy giờ có vị Bồ-tát” trở xuống, là phần năm: Đại Nhạo Thuyết nhân nghi nên thỉnh hỏi. Nếu hướng về ý đáp bên dưới thì có ba câu hỏi: 1. Hỏi do nhân gì mà có tháp này? 2. Hỏi vì sao tháp từ đất nổi lên? 3. Vì sao phát ra âm thanh ấy?

Từ “Lúc đó Phật bảo” trở xuống là phần sáu: Như Lai đáp. Đây có ba phần: 1. Đáp câu hỏi thứ hai: Đức Phật đây có nguyện là chứng

Pháp Hoa, cho nên từ đất vọt lên. Từ “Khi đức Phật thành đạo” trở xuống, là đáp câu hỏi thứ nhất: Do theo mệnh lệnh của đức Phật ấy mà tạo tháp này. Từ: “Đức Phật đó dùng nguyện lực thần thông” trở xuống, là đáp câu hỏi thứ ba: Để làm chứng minh, cho nên phát ra âm thanh như vậy.

Thích luận nói : “Đức Phật Đa Bảo không cần phải thuyết pháp, mà chọn diệt đo”. Sư giải thích không như vậy. Vì Đức Phật ấy bảo các Tỳ-kheo; Tỳ-kheo tức là người thọ nhận sự giáo hóa, thì sao nói không thuyết? Nên biết Đa Bảo cũng cần phải khai tam mà không cần phải hiển thật, cho nên Thích luận nói “không cần phải thuyết pháp” đó thôi. Do vì nghĩa đây cho nên mặc dù diệt độ mà nơi nào chỗ nào có thuyết kinh Pháp Hoa thì đều tùy hỷ làm chứng.

Từ “Đại Nhạo Thuyết do sức thần của Như Lai” trở xuống, là phần thứ hai : Phân thân từ xa tập hợp. Đây chia làm bảy đoạn: 1) Nhạo Thuyết thỉnh cầu thấy Đa Bảo. 2) Ứng tập phân thân. 3) Nhạo Thuyết thỉnh vân tập. 4) Phóng quang xa gọi. 5) Chư Phật đồng đến. 6) Trang nghiêm thanh tịnh cõi nước. 7) Dữ dục mở tháp.

Giải thích đoạn một, thỉnh nói “Nương thần lực Phật”: muốn mở tháp phải tập hợp chư Phật. Chư Phật vân tập thì phó chúc, phó chúc tức gọi các phương dưới, phương dưới xuất hiện thì nên khai cận hiển viễn. Đây là do đại sự, đâu chẳng phải thần lực chư Phật khiến hỏi? Các đoạn khác như văn.

Từ “Lúc bấy giờ đức Phật phóng hào quang” trở xuống, là đoạn bốn: Phóng quang xa gọi đến. Ba lần biến cõi thanh tịnh. Đây chính do Tam-muội. Tam-muội có ba: 1) Biến cõi Ta-bà: là “Bối xả” có thể biến uế thành tịnh. 2) Biến hai trăm Na-do-tha : là “Thắng xứ” chuyển biến tự tại. 3) Biến hai trăm Na-do-tha: là “Nhất thiết xứ” đối cảnh không ngăn ngại. Lại, lần biến tịnh đầu tiên: biểu thị tịnh trừ Tứ trụ. Lần biến tịnh thứ hai : tiêu biểu tịnh trừ Trần sa. Lần biến tịnh thứ ba, tiêu biểu tịnh trừ Vô minh.

Từ “Khi ấy chư Phật đều ngồi tòa Sư tử” trở xuống, là đoạn bảy: Dữ dục mở tháp. Lại chia làm năm phần: 1) Sứ của chư Phật hỏi thăm và thuyết dục khai tháp. 2) Thích-ca mở tháp. 3) Bốn chúng đều đồng thấy nghe. 4) Hai đức Phật phân tòa mà ngồi. 5) Bốn chúng thỉnh thêm. Đây là phần một : “Chư Phật dữ dục khai tháp”, giống như ý trong đại chúng tăng “tác pháp dữ dục”. Kinh Đại Tập nói: “Bao nhiêu Phật dữ dục”. Kinh Hoa Nghiêm nói : “Mười phương bao nhiêu Phật đồng thuyết Hoa Nghiêm”. Kinh Đại Phẩm nói : “Ngàn Phật đồng thuyết Bát-nhã”. Đều

không nói là Thích-ca phân thân. Chuẩn theo kinh này, thì phải là phân thân. Vì các kinh kia mang phương tiện, cho nên trong thời ấy không nói rõ. Kinh này chẳng những nói "số nhiều" mà còn nói thẳng là "phân thân đều đến và đều dữ dục". Từ "Lúc bấy giờ đức Thích-ca thấy" trở xuống, là phần hai: đức Thích-ca mở tháp. "Khai tháp" tức là khai quyền, "thấy Phật" tức là hiển thật, cũng là chứng trước, lại sẽ khai sau. "Như tháo khóa chốt": tháo bỏ chướng, căn cơ chuyển động.

Từ "Dùng đại âm thanh" trở xuống, là đức Thích-ca đề xướng chiêu mộ tìm người lưu thông kinh, lại chia làm ba: 1. Dùng đại âm thanh diễn xướng chiêu mộ. 2. Từ "Như Lai không bao lâu" trở xuống, nêu đến thời phó chúc. 3. Từ "Đức Phật muốn đem Kinh Pháp Hoa": nêu "phó chúc hữu tại". "Hữu tại": nếu đức Phật tại thế, thì tùy cơ lợi vật, tự thuyết chánh pháp không đợi người khác. Nay cơ duyên hóa độ của Phật đã hết, muốn khiến pháp này lợi ích vô cùng, cho nên phải phó chúc lưu thông. "Phó chúc hữu tại"(Những người được phó chúc), có hai ý: 1. Gần thì phó chúc cho tám vạn hai vạn xưa đã trụ vị Bồ-tát, hoằng tuyên cõi này. 2. Xa thì phó chúc cho các đệ tử của mình ở hạ phương ngàn cõi nhiều như vi trần, khiến lưu thông khắp xứ, và cũng phát khởi nghĩa thọ lượng.

Về kệ có bốn mươi tám hàng, chia làm ba phần tụng ba ý trên: 1. Ba hàng rưỡi, tụng đức Đa Bảo diệt độ. 2. Tám hàng rưỡi, tụng phân thân vân tập. 3. Ba mươi sáu hàng, tụng đức Thích-ca phó chúc. Hai phần trước như văn. Phần ba: từ "Bảo cùng hàng Đại chúng" trở xuống, lại chia làm hai: 1. Tám hàng rưỡi, nêu ba đức Phật để khuyến lưu thông. 2. Hai mươi bảy hàng rưỡi, nêu pháp khó trì để khuyến lưu thông.

Tám hàng rưỡi, có ba ý: 1. Một hàng rưỡi, là khuyến mộ tìm người lưu thông. 2. Từ "Đức Phật Đa bảo kia" trở xuống, ba hàng, chánh nêu ba đức Phật vì khuyên trì kinh. 3. Từ "Có ai hay hộ trì" trở xuống, bốn hàng, nói năng trì Kinh này tức là cúng dường ba đức Phật cho đến thấy được ba đức Phật. Vì giải thích ý khuyên.

Từ "Các thiện nam tử này" trở xuống, hai mươi bảy hàng rưỡi, nêu pháp khó trì để khuyên lưu thông, lại chia làm hai: 1. Hai mươi hàng, chính nêu khuyên. 2. Bảy hàng rưỡi, giải thích ý khuyên.

Hai mươi hàng lại có ba: 1. Một hàng, răn khuyên. 2. "Bao nhiêu kinh điển khác" trở xuống, mười bảy hàng, chính nêu pháp khó trì để khuyên lưu thông. 3. "Ta vì hộ Phật đạo" trở xuống, hai hàng, giải thích ý khó trì. Nếu có người năng trì tức trì thân Phật, ý đây đâu dễ?!

Từ "Các thiện nam tử này, sau khi ta diệt độ" trở xuống, bảy

hàng rưỡi, nêu năng trì khó trì năng thành đức thù thắng để giải thích ý khuyên. Đây lại chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, lại khuyến mộ người trì kinh. 2. “Kinh pháp đây khó trì” trở xuống, một hàng rưỡi, nêu trì được pháp khó trì thì chư Phật hoan hỷ tán thán. 3. “Đó là rất dũng mãnh” trở xuống, bốn hàng rưỡi, nêu năng trì khó trì liền thành thắng hạnh. Thắng hạnh có tự có tha. “Ở trong đời kinh sợ”: Thiên Trúc gọi Sa-bội, Trung hoa dịch “kinh sợ”. Thiên trúc gọi Bạt-đà Trung hoa dịch Hiền Hộ, là tên khác vậy thôi.

Phẩm Thứ 12: **ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA**

Đề-bà-đạt-đa là âm tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là Thiên Nhiệt. Lúc ông sinh ra đời thì chư thiên cảm thấy tâm nóng nảy bứt rứt, nhân đây mà đặt tên, tức theo Nhân duyên mà giải thích tên. Nhân hạnh nghịch mà lý thuận, tức là ý của Viên giáo, chẳng phải ý của các giáo khác. Bản địa vốn thanh lương, Tích thì thị hiện Thiên Nhiệt, đồng bệnh với chúng sinh.

Kinh Bảo Xướng nói: Kinh Pháp Hoa gồm có bốn bản dịch, nay chỉ còn lại hai bản, hai bản đã thất lạc. Ngài Đàm-ma-la-sát, Trung hoa gọi ngài Pháp Hộ, vào đời Tây Tấn ở Trường An, dịch gọi là kinh Chánh Pháp Hoa. Ngài Pháp Hộ nhiều lần diễn giảng rộng, rất ổn định nhiều người nương theo. Cưu-ma-la-thập, Trung hoa dịch Đồng Thọ, ngài là người nước Qui Tư, ngày 23 tháng 4 niên hiệu Hoằng Thủy thứ năm đời Nguỵ Tần, ở vườn Tiêu Diêu Trường An ngài dịch xong kinh Đại Phẩm. Đến mùa hạ năm thứ tám, ngài ở chùa Thảo Đường dịch kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, sai học trò là Tăng Duệ giảng giải. Tăng Duệ chia làm chín vần, đương thời là hai mươi tám phẩm, người trong cung Trường An thỉnh phẩm này lưu giữ lâu ở nội cung, nên lưu truyền ở Giang Đông chỉ được hai mươi bảy phẩm. Đời Lương có Pháp sư Mãn giảng kinh một trăm lẻ tám biến, ở quận Trường Sa thiêu thân, vẫn dùng phẩm này để trước phẩm Trì, bản kinh ấy chỉ lưu hành nội bộ, chưa truyền ra thiên hạ. Đời Trần có ngài Nam Nhạc Thiền sư sắp xếp phẩm này sau phẩm Đa Bảo, sau dùng bản Chánh Pháp Hóa đối chiếu thì rất tương ưng. Đến nay đã bốn lần sắp xếp thay đổi, hiện đang giống bản cũ ở Trường An, cho nên biết hai sư hiểu sâu được ý kinh.

Đề-bà-đạt-đa cũng gọi là Đạt Đâu, Trung hoa dịch Thiên Nhiệt. Ông là người phá tăng, đem năm trăm Tỳ-kheo đi, ngài Thân-tử phục cho ngủ say, ngài Mục-liên vận thần thông dùng bàn tay đem họ trở về. Đề-bà ngủ dậy phát nguyện báo thù này, nên bưng ba mươi tảng đá to lớn để ném Phật, có thần núi dùng tay ngăn cản, đá nhỏ rơi rớt làm tổn thương chân Phật chảy máu, rồi xui khiến vua A-xà-thế thả voi say dẫm lên Phật, đánh Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc chết. Để độc trong mười móng tay rồi đến lễ chân Phật, làm tổn thương Phật, đó là tội ngũ nghịch. Nếu tội tam nghịch thì xúi vua, để độc trong móng tay đều là làm hại Phật, do đó nên gọi là hành nghịch. Lúc ông ra đời thì tâm chư thiên tâm nóng nảy, từ đó mà đặt tên gọi là Thiên Nhiệt, đây là giải thích theo Tích môn vậy.

Nêu giải thích theo Bản môn, thì chúng sinh phiền não cho nên

Bồ-tát cũng thị hiện nhiệt, đồng với hạnh bệnh của chúng sinh để độ thoát họ. Dụng ý của phẩm này là dẫn việc xưa, hoằng truyền kinh điển, làm lợi ích chúng sinh chẳng lầm lẫn. Chứng minh sự truyền bá giáo hóa này có hiệu nghiệm không hư dối. Nêu xưa khuyên nay, khiến lưu thông. Văn chia làm hai: 1. Từ đầu đến "Nếu sinh ở trước Phật, thì từ hoa sen hóa sinh": ngày xưa Đạt-đa thông kinh để đức Thích-ca thành đạo. 2. Từ "Bấy giờ, ở hạ phương vị Bồ-tát theo hầu đức Đa bảo Như Lai" trở xuống: ngày nay Văn-thù thông kinh thì Long nữ thành Phật. Vâng thọ giáo pháp mà còn như vậy, huống chi truyền bá lưu thông kinh, mà công ích sao không lớn ư?! Cho nên Đề-bà-đạt-đa được thọ ký, Văn-thù có thể dùng ý mà hiểu...

Phần thứ nhất, gồm có ba phần nhỏ: 1. Nêu tướng thầy trò trì kinh thuở trước. 2. Kết hợp xưa nay. 3. Khuyến tín.

Phần một: nêu rõ tướng thầy trò, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có bốn đoạn: 1. Nêu thời tiết cầu pháp. 2. Từ "Ở trong nhiều kiếp" trở xuống: chính nêu cầu pháp. 3. Từ "Khi ấy có vị tiên nhân" trở xuống: nêu cầu được pháp sư. 4. Từ "Vua nghe lời vị tiên nhân" trở xuống: nêu thọ pháp phụng hành.

Đoạn một: như văn. Đoạn hai: Chính nêu cầu pháp, lại có hai: 1. Nêu phát nguyện. 2. Từ "Vì muốn đầy đủ" trở xuống: nêu Tu hành. Trong Tu hành lại có hai: 1. Nêu muốn đầy đủ sáu pháp Ba la mật cần phải siêng năng hành bố thí, như văn. 2. Từ "Thuở đó nhân dân trong đời" trở xuống: nêu vì đầy đủ Bát-nhã tìm cầu diệu pháp.

Kệ có bảy hàng rưỡi, tụng phần trường hàng bên trên. 1. Hai câu đầu tụng Thời tiết cầu pháp. 2. Từ "Dầu làm vị quốc vương" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng Chính cầu pháp. 3. Từ "Giờ có tiên Trường Thọ" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng Cầu được pháp sư. 4. Từ "Khi vua nghe tiên nói" trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng Thọ pháp phụng hành. 5. Từ "Cũng không vì thân mình" trở xuống, một hàng rưỡi, tụng Kết chứng khuyên tin.

Từ câu: "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thuở ấy vua đó" trở xuống là phần thứ hai: kết hợp xưa nay, lại có hai phần nhỏ: 1. Chánh kết hợp xưa nay như văn. 2. Từ "Do Đề-bà-đạt-đa" trở xuống: công báo của thầy trò đều mãn, trong đó chia làm hai đoạn.

1. Nêu đệ tử nhân báo đã mãn. 2. Từ "Đức Phật bảo tứ chúng" trở xuống: nêu diệu quả của Pháp sư sẽ thành.

Trong đoạn Đệ tử nhân báo, lại có ba phần: 1. Nêu nhân mãn. 2. Từ "Ba mươi hai tướng" trở xuống: nêu quả mãn. 3. "Đều là nhân Đề-

bà-đạt-đa cả” là kết chứng do thông kinh mà được lợi ích.

Đây là phần một: “Đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật”: Độ có nghĩa rất nhiều. Như Đại luận nói: xả bỏ y và chính, gọi là “thí”, phòng chỉ thất chi, gọi là “giới”, bị đánh đập mắng chửi mà không báo thù, gọi là “nhẫn”, làm việc từ trước đến sau là “tinh tấn”, Tứ thiền Bát định, gọi là “thiền”, phân địa dứt tránh gọi là “Bát-nhã”. Lại, nếu lược mười điều thiện làm sáu, thì từ không sát đến không vọng ngữ, gọi là thí, không lưỡng thiệt gọi là giới, không ác khẩu là nhẫn, không ỷ ngữ là tiến, không tham sân là thiền, không tà kiến là Bát-nhã. Kinh Bồ-tát Thiện Giới nói: Sáu Ba-la-mật có ba thứ: 1. Đối trị, nghĩa là xan, ác, sân, đãi, loạn, si... 2. Tương sinh nghĩa là bỏ nhà trì giới gặp nhục phải nhẫn, nhẫn rồi tính tấn, tấn rồi điều hòa ngũ căn, căn điều hòa tức tri pháp giới. 3. Quả báo, nghĩa là giàu có đầy đủ sắc lực, thọ lâu, an ổn, biện tài. Lại các kinh khác nói: Bố thí quả báo giàu có, trì giới quả báo vào đường thiện, nhẫn nhục quả báo đoan chánh, tinh tấn quả báo thần thông, thiền định báo sinh lên cõi trời, trí tuệ quả báo phá phiền não. Như vậy là nêu tướng lục độ theo Tam tạng giáo. Nếu người thí, người nhận và tài vật, ba thứ đều không, thì gọi là đàn. Không thấy có trì có phạm, gọi là giới. Năng nhẫn và sở nhẫn đều không thể được, gọi là nhẫn. Thân tâm bất động, gọi là tinh tấn. Bất loạn bất vị, gọi là thiền. Phi trí phi ngu gọi là Bát-nhã. Đó tức là tướng lục độ trong Thông giáo. Nếu nói Thí có mười lợi ích: Hàng phục xan tham phiền não xả tâm tương tục cùng ban cho chúng sinh của cải tài sản sinh trong gia đình giàu có đời đời bố thí tâm hiện tiền, bốn chúng thương mến không sợ hãi, tiếng tốt vang khắp tay chân mềm mại, cho đến đến nơi đạo tràng thường gặp thiện tri thức. Giới có mười lợi ích: Đủ nhất thiết trí sở học như Phật, trí tuệ không hủy thệ nguyện không thoái an trú nơi hạnh, xả bỏ sinh tử ái mộ Niết-bàn tâm không trói buộc đắc Tam-muội thù thắng không thiếu tín tài. Nhẫn có mười lợi ích: Lửa đao nước độc đều không thể hại, loại phi nhân hộ trì thân tướng trang nghiêm, đóng chặn đường ác sinh vào Phạm thiên, ngày đêm thân thường an không lìa hỷ lạc. Tinh tấn có mười lợi ích: Người khác không thể chiết phục, được Phật hộ nhiếp, phi nhân ủng hộ, nghe pháp không quên, những điều chưa nghe sẽ được nghe, tăng trưởng biện tài, đắc tánh Tam-muội, ít bệnh tật phiền não tùy theo ăn gì cũng tiêu, tăng trưởng như hoa Ưu bát. Thiền có mười lợi ích: An trú nơi nghi thức, hành nơi cảnh giới từ bi, không hối hận bức não, giữ gìn các căn đắc hỷ lạc vô thực (không ăn uống) lìa ái dục tu thiền bất không, giải thoát ma quyến an trú nơi cảnh giới

Phật thành tựu giải thoát. Bát-nhã có mười lợi ích: Không chấp tướng thí, không dựa vào giới, không trú sức nhẫn, lìa thân tâm tinh tấn, thiền vô sở trụ ma không thể nhiễu loạn, người khác luận bàn không làm lay động, thông đạt cùng tận sinh tử, khởi lòng từ tăng thượng, không ưa địa vị Nhị thừa.

Bốn việc nên tu thí: 1. Người tu đạo phá xan tham. 2. Trang nghiêm quả Bồ-đề. 3. Tự tha đều lợi ích. Lúc muốn thí, lúc đang thí, thí cho rồi đều hoan hỷ, gọi là tự lợi. Đói khát của người khác được trừ, gọi là lợi tha. 4. Được quả đại thiện trong đời sau: đời sau được đại tôn quí, tài vật dư đầy. Bốn việc nên trì giới: Tự tu thiện pháp diệt trừ giới ác, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, ngủ thức yên ổn không hối hận, đối với chúng sinh không có tâm hại, đời sau thọ báo nhân thiên được vui Niết-bàn... Bốn việc nên tu nhẫn: Tu nhẫn trừ bất nhẫn, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, lìa hết thảy sợ hãi, đời sau không sân hận quyến thuộc không hoại không thọ khổ não, được quả báo an vui nhân thiên Niết-bàn. Bốn việc nên phải tu tinh tấn: Tấn phá giải đãi trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, tăng thiện pháp là tự lợi, không não loạn người khác là lợi tha, đời sau được đại lực đạt đến Bồ-đề. Bốn việc nên tu thiền định: Định phá loạn tâm, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, thân tâm tịch tĩnh là tự lợi, không não loạn chúng sinh là lợi tha, sau thọ thân thanh tịnh, an ổn đắc Niết bán. Bốn việc nên tu Bát-nhã: Trí tuệ phá vô minh, trang nghiêm Bồ-đề thu nhiếp chúng sinh, trí tuệ tự an lạc là tự lợi, năng giáo hóa chúng sinh là lợi tha, năng hủy hoại phiền não và trí chướng... là đại quả, theo lệ như đây là Biệt giáo nêu rõ tướng lục độ.

Kinh Nguyệt Tạng quyển thứ nhất nói: "Nếu chúng sinh chỉ nương đọc tụng cầu đạo Bồ-đề, người ấy còn chấp đắm thế tục, còn không thể điều phục phiền não của mình thì làm sao điều phục phiền não cho người, người ấy còn chấp đắm tật đố danh lợi phú quí, tâm tự cao khinh mạn hủy báng người, còn không được thiện căn cõi Dục giới, huống chi thiện căn cõi Sắc, Vô sắc, huống chi Nhị thừa Bồ-đề, huống chi vô thượng Bồ-đề, như lửa nóng sao Trời không thể làm khô cạn biển cả, như miệng thổi không thể chuyển động núi, tơ sen không thể sánh núi Thái Sơn. Vì sao thế tục không thể mãn nguyện Bồ-đề? Sao gọi là đệ nhất nghĩa! Nghĩa là tạo tất cả việc phước. Nếu tu thân tu tâm tu tuệ dùng đệ nhất nghĩa huân tu thì mau đủ lục Ba-la-mật, hoặc đi hoặc ngồi xả tưởng "phan duyên", gọi là Đàn, xả phan duyên, không hủy phạm gọi là Thi. Đối cảnh giới không sinh ghê tởm, là Nhẫn, không xả đối với

lìa, là Tinh tấn, đối với trong sự việc không phóng dật, gọi là Thiền, đối các pháp thể tánh không sinh, là Bát-nhã. Lại nữa, xả ấm gọi là Đàn, không chấp niệm ấm là Thi, đối với ấm không ngã tưởng là Nhẫn, đối với ấm khởi oán tưởng, gọi là Tấn, đối với ấm không đốt cháy gọi là Thiền, đối với ấm rốt ráo xả bỏ gọi là Bát-nhã. Đối với giới xả gọi là Đàn, đối giới không nhiễu trược gọi là Thi, đối giới xả nhân duyên là Nhẫn, đối giới thường thường xả là Tấn, đối giới không khởi tưởng gọi là Thiền, đối giới như huyễn tưởng gọi là Bát-nhã. Các thứ như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa đế là pháp yếu thiện xảo phương tiện thậm thâm vi diệu, năng đầy đủ lục Ba-la-mật, do pháp đây tự lợi lợi tha, ba đời Bồ-tát đều tu pháp ấy mà thành Bồ-đề, cho nên không phải thế tục. Pháp này năng dứt phiền não đạo khổ đạo cho chúng sinh, an trí đạo Bồ-đề. Hoa Nghiêm Thất địa mới nói rõ niệm niệm đầy đủ Thập Ba-la-mật tu tập hết thảy Phật pháp để cầu thiện căn Phật đạo cho tất cả chúng sinh gọi là Đàn, năng diệt tất cả phiền não nhiệt gọi là Thi. Đối với tất cả chúng sinh không làm tổn hại gọi là Nhẫn, cầu thiện không nhàm chán gọi là Tấn, tu đạo tâm không tán loạn thường hướng đến nhất thiết trí là Thiền, nhẫn các pháp bất sinh môn là Bát-nhã, năng khởi vô lượng trí môn là Phương tiện, cầu chuyển thắng trí là Nguyện, tà ma không thể cản trở là Lực, đối với tất cả pháp tướng như thật thuyết là Trí, là đầy đủ Thập Ba-la-mật. Tứ nhiếp đạo phẩm, Tam giải thoát, tất cả pháp trợ Bồ-đề, ở trong mỗi một niệm đều đầy đủ, các địa niệm niệm đều đầy đủ, địa đây thù thắng hơn, theo như đây là tướng lục độ của Viên giáo.

"Ba mươi hai tướng" là nêu quả viên mãn. Ba mươi hai tướng: Dưới bàn chân bằng phẳng như đáy hộp, mu bàn chân nổi cao như lưng rùa, hai tướng do chung tu một hạnh bố thí kiên cố. Dưới bàn chân có xoáy tròn như hình bánh xe chỉ vì tu một hạnh an ủi và khủng bố, Gót chân tròn trịa tay chân thon dài thân thể ngay ngắn, ba tướng cùng do tu một hạnh bất sát. Lòng bàn chân bàn tay hai vai và trên đỉnh đầu, bảy chỗ ấy đều đầy đặn cùng tu một hạnh thường làm thí chủ, tay chân mềm mại, hợp khít hai tướng do tu tứ nhiếp. Gót chân thẳng mắt cá chân không lồi ra, lông hướng về bên phải, ba tướng cùng tu một hạnh thường dùng thiện pháp làm lợi ích chúng sinh, bắp tay và ruột như tướng Lộc vương nhất tướng, dùng Kinh sách dạy người không tiếc, da mỏng và mịn không dính bụi dơ do tu một hạnh: như hỏi mà đáp, sắc tướng thân thể sáng chói như vàng do tu hạnh nhẫn nhục bố thí, y tốt tướng nam căn ẩn kín do tu hạnh hòa hợp sự tranh luận và tướng thân viên mãn phạm hạnh, tay quá đầu gối hai tướng do cùng tu, tâm Từ v.v... giáo hóa dẫn

dất, hai vai tròn đều, đỉnh đầu phát sáng, ngực như ức Sư tử ba tướng cùng tu hạnh: thường khiến bố thí được tăng trưởng phước, tướng chữ "Vạn" do tu hạnh không não loạn chúng sinh, mắt xanh biếc lông mi như ngưu vương, hai tướng do cùng tu: không nhìn yêu, ghét chúng sinh, trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao như hình búi tóc, hai tướng do cùng tu: các công đức tại người trước. Một lổ một sợi lông trắng, hai tướng do chung tu hạnh không vọng ngữ, có bốn mươi răng, trắng đều đặn, hai tướng do chung tu: không lưỡng thiệt, lưỡi dài rộng âm thanh vang như Phạm thiên, hai tướng do chung tu: không nói lời thô ác, hai bên má cao đầy đặn như sư tử do hạnh không ỷ ngữ, bốn răng cửa trắng lớn do tu lìa tà mạng. Hết thảy công đức chúng sinh bằng được một sợi lông của đức Phật, công đức các sợi lông của đức Phật bằng được một vẻ đẹp, các vẻ đẹp bằng được một tướng, các tướng bằng được tướng bạch hào, nhục kế, bạch hào nhục kế trăm ngàn trăm ngàn vạn ức kiếp mới thành tướng Phạm âm. Ba mươi hai tướng, nhân tuy có mỗi mỗi khác, mà nhân tu hành phải nói thực sự chính xác như: Trì giới tinh tấn, tinh tấn mà không có giới còn không được làm thân trời người, huống chi các tướng khác ư! Đây là bản tướng của Tam tạng giáo. Không vô sinh là bản tướng của Thông giáo. Đạo chủng trí là bản tướng của Biệt giáo. Thật tướng là bản tướng của Viên giáo.

"Tám mươi vẻ đẹp": Hai mươi ngón tay ngón chân tiêu biểu bên trong, tám chỗ đầy đặn bằng phẳng, mắt cá xương đùi, rắn chắc sáu chỗ tròn đẹp; vai, cổ tay, khủyu tay đẹp sáu chỗ đầy đặn, hai bên xương sườn và xương sống: ba chỗ tròn đẹp, hai bên xương mông và nam căn kín đáo nhất, hai đùi và eo lưng rún đầy tròn đẹp. Sườn, nách, vú: sáu vẻ đẹp. Ngực, lưng, bụng, cổ: bốn vẻ đẹp. Răng trên, dưới, môi trên, dưới, hàm trên, dưới xinh xắn. Hai gò má, hai nơi râu tóc, hai mắt, hai mi, hai lỗ mũi, hai bên trán, hai tai, và đầu đều viên mãn... tròn đẹp. Nếu phân biệt nghĩa bốn đẹp căn cứ ở tướng có thể biết.

Từ "Phật bảo hàng tứ chúng" trở xuống: nêu Pháp sư diệu quả sẽ thành. Trong đó lại có ba:

1. Nêu chánh quả thành: Kinh Phân-Đà-Lợi nói: "Điều-đạt làm Phật hiệu là Đề-hòa-la-da, Hán dịch là Thiên Vương, nước tên là Đề-hòa-việt, Hán dịch là Thiên địa.

2. Từ "Lúc đó đức Phật Thiên Vương trú ở đời hai mươi trung kiếp" trở xuống: nêu hóa độ.

3. Từ "Sau khi đức Phật Thiên Vương nhập Niết-bàn" trở xuống: nêu lợi ích sau khi Phật diệt độ.

Từ “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo” trở xuống: khuyên tu, như văn.

“Hoa sen hóa sinh”: Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: “Hoa sen sinh: Chẳng phải là hóa sinh của thai, noãn, thấp, hóa. Không phải hóa mà nói hóa đó thôi. Thực ra không như loài hóa sinh trong Tứ sinh”. Kinh Thỉnh Quan Âm nói: “Hoa sen hóa sinh là cha mẹ”. Kinh Vô Lượng Thọ Quán nói: “Ở lâu trong đài sen là thai sinh, thật ra không phải thai”. Theo lệ, “Hoa sen sinh” cũng gọi là thấp sinh noãn sinh, mà chẳng phải là thấp noãn...

Từ “Bấy giờ, ở hạ phương vị Bồ-tát theo hầu đức Đa Bảo Như Lai” trở xuống: nêu ngày nay Văn-thù thông kinh lợi ích, lại có hai phần: 1. Nêu Văn-thù thông kinh. 2. Từ “Văn-thù-sư-lợi nói: Ta ở trong biển” trở xuống: nêu lợi ích.

- Phần một lại chia năm phần:

1. Nêu Trí Tích thỉnh thoái: Kinh Phân-Đà-Lợi nói: “Hạ phương có vị Bồ-tát theo Phật Đa Bảo tên là Bát-nhã-câu-la”, Trung Hoa dịch là Trí Tích.

2. Từ “Đức Thích-ca” trở xuống: nêu đức Thích-ca giữ lại để chờ chứng minh lợi ích của việc thông kinh. Trí Tích thỉnh Phật Đa Bảo làm chứng kinh, cho nên xuất hiện. Khuyên chúng sinh lưu thông đã xong, cho nên xin trở về. Đức Thích-ca giữ Trí Tích bảo đợi khoan về, là tuy việc Tích môn đã xong mà Bản môn chưa nêu rõ, cho nên nhờ ngài Văn-thù lưu giữ đức Đa Bảo. Đây là mật ý của Phật, mà Bồ-tát không thể biết được.

3. Từ “Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi” trở xuống: nêu Văn-thù tìm đến.

4. Từ “Trí Tích Bồ-tát” trở xuống: Trí Tích hỏi “Số chúng sinh được hóa độ bao nhiêu”, như văn.

5. Từ “Văn-thù Sư Lợi nói” trở xuống, là Văn-thù đáp: “Chẳng thể nói hết”.

- Phần này chia làm bảy:

1. Đáp lợi ích rất nhiều.

2. Từ “Ngài Văn Thù nói chưa dứt lời” trở xuống: các vị được lợi ích vân tập để chứng minh.

3. Từ “Các vị Bồ-tát đây” trở xuống: đều do Văn-thù hóa độ.

4. Từ “Vốn là người hàng Thanh văn” trở xuống: vốn hàng Thanh văn, trước vâng lãnh Quyền giáo, trụ nơi đạo Nhị thừa. Kinh Phân-Đà-Lợi nói: “Hoa sen mọc lên từ ao, nếu xưa phát tâm Bồ-tát, thì hoa kia giữa hư không thuyết Ma-ha-diễn sự. Nếu xưa phát tâm Thanh văn, thì hoa giữa hư không chỉ thuyết việc đoạn sinh tử”.

5. Từ “Nay đều tu hành” trở xuống: nay nghe Thật giáo, đều an

trú nơi pháp Đại thừa.

6. Từ “Văn-thù nói với Trí Tích rằng” trở xuống: Văn-thù tổng kết sự lợi ích.

7. Từ “Lúc bấy giờ Trí Tích” trở xuống: Trí Tích nói kệ tán thán.

Từ “Văn-thù nói : Ta ở trong biển” trở xuống, phần hai : nêu lợi ích. Văn chia làm chín phần: 1. Văn-thù tự trình bày. 2. Trí Tích hỏi. 3. Đáp. 4. Trí Tích chấp Biệt giáo, là nghi ngờ. 5. Long nữ nêu Viên, giải thích nghi. 6. Thân-tử dựa Tam tạng Quyền giáo mà nạn vấn. 7. Long nữ dùng Nhất thật trừ nghi. 8. Chúng bấy giờ nghe thấy được lợi ích. 9. Trí Tích Thân-tử im lặng tin phục.

Phần năm: Long nữ nêu Viên, giải thích nghi : ban đầu là văn trường hàng, trình bày sự cung kính. Tiếp đến là kệ, có ba hàng rưỡi, chia làm ba: 1. Nửa hàng, nêu trì kinh được giải. 2. Hai hàng, nêu thành tựu hai thân. 3. Một hàng, dẫn Phật làm chứng.

“Tội phước”: Căn cứ Thất phương tiện truyền tác, kệ này “thâm đạt” (thấu rõ) vô tội vô phước, nhập nhất thật tướng, gọi là “thâm đạt”. “Mười phương” tức mười pháp giới, đồng dùng thật tuệ chiếu sáng cho nên nói “biến chiếu”. “Đủ ba mươi hai tướng” thâm đắc lý Pháp thân, tức đầy đủ tướng hảo. Như kinh Đại Phẩm nêu: “Muốn đắc tất cả pháp thì phải học Bát-nhã, như được ngọc như ý”. Nhị thừa chỉ đắc Không, Không thì chẳng có tướng hảo...

Phần sáu: Thân-tử nạn vấn: Trước tổng nêu việc khó tin, sau giải thích nêu ra năm chướng ngại.

Phần bảy: Long nữ hiện thành chứng minh, lại có hai: 1. Hiến châu là tiêu biểu đắc Viên giải, viên châu là tiêu biểu tu đắc Viên nhân, “dâng lên Phật” là đem nhân được quả, “Thế Tôn nạp thọ mau” là thâu hoạch quả nhanh, đây tức nhất niệm tọa đạo tràng, thành Phật không hư dối. 2. Chánh nêu bày nhân viên quả mãn. Bồ-tát Xử Thai kinh nói: “Ma, phạm, Thích, nữ đều không xả thân không thọ thân, đều hiện thân được thành Phật”. Kệ nói: “Pháp tánh như đại hải, không nói có thị phi (phải trái)”. Hàng phàm phu Hiền Thánh bình đẳng không cao thấp, chỉ ở tâm cấu, diệt, thủ chứng như lật bàn tay.

Phần tám: Từ “Khi ấy trong cõi Ta bà” trở xuống, nêu Chúng thấy nghe được lợi ích, lại có hai: 1. Nêu thấy nghe. 2. Nêu Nhân, Thiên hoan hỷ, kia đây được lợi ích. Phương nam, duyên thuần thục nên dùng tám tướng thành đạo để truyền bá. Cõi này duyên chưa thuần thục, cho nên chỉ dùng Long nữ giáo hóa. Đây là sức phương tiện khéo léo, được một thân tức tất cả thân, được Tam-muội phổ hiện sắc thân.

Phẩm Thứ 13: **TRÌ**

Hai vạn Bồ-tát phụng mệnh hoằng kinh này, nên gọi là phẩm Trì, lại khuyên tám mươi vạn ức na-do-tha người hoằng kinh, cho nên gọi là phẩm Khuyến Trì.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Hai vạn là số ban đầu được lệnh riêng trong phẩm Pháp Sư nên phụng chỉ thọ trì; tám mươi vạn ức na-do-tha đồng với trước nhưng không được lệnh riêng, chỉ là chung tìm kiếm. Nay Phật nhãn thấy, khiến họ phát thệ nguyện lưu thông kinh ở cõi này. Sự lưu thông kinh chứng minh ý Phật rất sâu xa có hiệu nghiệm, cho nên ân cần khuyến trì. Thế nên nhờ khuyên mà hoằng kinh, vốn có hai ý. Văn chia làm hai phần: 1. Thọ trì. 2. Khuyến trì.

Phần Thọ trì chia làm ba: 1. Hai vạn Bồ-tát phụng mệnh ở cõi này trì kinh. 2. Năm trăm La-hán, tám ngàn Thanh văn phát nguyện ở cõi khác lưu thông. 3. Chư ni thỉnh Phật thọ ký.

Hỏi: Các Thanh văn này đã thành Đại sĩ, vì sao không thể ở cõi này hoằng kinh?

Đáp: Do vì dẫn hàng sơ tâm mới hành đạo Bồ-tát, chưa thể ở trong đời ác khổ hạnh lưu thông kinh, lại muốn khai mở phẩm An Lạc Hạnh.

Phần Khuyến trì có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có năm ý: 1. Phật nhãn nhìn thấy. 2. Bồ-tát muốn được phép lưu thông kinh. 3. Đức Phật im lặng. 4. Bồ-tát biết ý. 5. Phát thệ nguyện lưu thông kinh. “Đức Phật chỉ nhìn im lặng khuyên mà không nói”, nghĩa là “hãy làm” từ trước đến nay tuy không ra lệnh cụ thể, mà nêu công đức trì kinh sâu dày, dẫn chứng rõ ràng. Đức Đa Bảo và phân thân từ xa đến khuyến phát. Đây là sự ân cần, nghĩa đã đủ. Có muốn tức ứng với ra lệnh truyền bá, liền phát nguyện không phiền nói lại. Lại, nguyện sẽ hộ trì hàng Thanh văn ở phương khác, cho nên không nêu lên.

Kệ có hai mươi hàng: thỉnh hộ trì kinh, chia làm bốn phần, không cần phân chia nhỏ hơn, theo văn có thể hiểu. 1. Mười bảy hàng, tụng: Mặc áo Nhẫn hoằng truyền kinh. 2. Một hàng, vào nhà hoằng kinh. 3. Một hàng, ngồi tòa hoằng kinh. 4. Một hàng, tổng kết thỉnh Phật biết.

Kinh Trung A-hàm quyển sáu nói: “A-lan-nhã” Trung hoa dịch Vô sự. “Đầu-đà”, Trung hoa dịch Đẩu Tẩu. Kinh Bảo Vân quyển sáu nói: “Tỳ-kheo ở chỗ A-luyện-nhi thấy vua, con vua, Bà-la-môn và tất cả mọi người đến, Tỳ-kheo nói: “Lành thay! Có thể ngồi đây”. Các vị kia đến liền cùng ngồi, nếu họ không ngồi thì Tỳ-kheo cũng không

ngồi, vì họ thuyết pháp khiến họ hoan hỷ. Sau khi Phật diệt độ, ở đời ác, Tỳ-kheo không giữ đúng pháp. Tuy thuyết giới pháp mà là để được vật thực. Đối với giới pháp thì không ưa hành trì, thứ đến năm phần pháp thân và hết thảy đạo pháp khác cũng như thế. Như người ngạt mũi, nói gỗ chiên-đàn thơm, tự mình không ngửi được hương thơm mà cũng không tự biết gỗ chiên-đàn. Thiên, nhân long, thần, Cưu-bàn-trà mãi mãi không cúng dường người không trì giới. Bốn phần còn lại cũng nói như vậy. Không có ai đem diệu pháp đến, vì không có tịnh giới sinh khởi. Bốn phần còn lại cũng như vậy. Giả sử có người sắp chết, bệnh rất nặng, đau đớn khổ não bức bách không thoát khỏi được. Niệm Phật Tam-muội bình thường cũng không xả bỏ được tất cả khổ. Tâm mình quyết định tất cả. Người kia nếu tự hiểu pháp ấy, thì biết tất cả pháp Không.

Mặc áo giáp nhẫn nhục: Kinh Trung A-hàm quyển năm nói: "Có vị Tỳ-kheo tên Hắc Sỉ mách với đức Phật: Xá-lợi-phất mắng con, chửi con." Đức Phật liền gọi ngài Xá-lợi-phất đến, hỏi "thật có mắng chửi vị kia không?". Xá-lợi-phất thưa: "Bạch Thế Tôn! Người tâm không định thì đôi khi có mắng chửi, tâm con đã định thì sao có thể mắng chửi, như con trâu đã bị bẻ gãy sừng thì không thể húc quấy rầy con người, như trẻ con tàn tật hổ thẹn thì không làm phiền não người. Tâm con ví như đất, dù cho nước, gió, lửa, tịnh hay bất tịnh, đại tiểu tiện lợi, nước miếng, khạc nhổ thì đất đều thọ nhận mà không mắng chửi. Tâm như chổi quét, tịnh bất tịnh đều quét. Lại nữa, như cái bát nứt đựng sáp để giữa trời nắng, thì từng giọt từng giọt luôn rơi xuống, con tự quán sát chín lỗ thường chảy bất tịnh, thì tại sao con lại mắng chửi người khác? Lại, như xác rắn, chó chết... buộc vào cổ sạch của trẻ con, xấu hổ tự thẹn thì chẳng mắng chửi người khác".

Đức Phật hỏi: Đối với người ác như thế, ông quán thế nào?

Đáp: Người có năm hạng: 1. Đối với người mà thân thiện, khẩu ý bất thiện, thì ta chỉ nghĩ đến thân thiện của người ấy, mà không nghĩ đến khẩu ý bất thiện của người ấy. Như Tỳ-kheo may y, thấy tấm lụa rách nơi đống phân dơ, tay phải cầm lên, tay trái căng ra, cắt bỏ chỗ dơ lấy chỗ sạch mà dùng. Nghĩ đến dùng thân thiện của người đó, để trau giồi thân mình. Xả bỏ khẩu ý bất thiện kia để răn bảo khẩu ý mình. 2. Đối với người khẩu thanh tịnh, thân ý bất tịnh, thì con chỉ nhớ đến khẩu của họ và bỏ thân ý kia, như người khát nóng mà gặp ao nước đầy cỏ, dùng tay mang cỏ nhúng nước rưới lên thân cho mát đỡ khát. 3. Ý tịnh, thân khẩu bất tịnh, thì cũng niệm ý kia không niệm thân khẩu, như

người đi bộ nóng khát, chỉ có ít nước ở dấu chân trâu nếu ta dùng tay vốc lên thì nước đục, nghĩ vậy nên hai chân quỳ xuống hai tay chống đưa miệng hớp uống để trừ nóng khát. 4. Có người nếu ba nghiệp đều bất tịnh, nếu không thể dùng nên nghĩ đến nổi thống khổ của họ, như giữa đường thấy người bệnh bèn để nằm yên ổn, lại nghĩ bất tịnh đây khiến được gặp thiện tri thức trị lành ba nghiệp kia chớ khiếp, đoạ lạc vào ba đường. 5. Cả ba nghiệp đều tịnh: Thường niệm người này để huấn thị bản thân mình huống chi người ấy hoàn thiện, lại càng mong cứu giúp, như ao nước trong mát có hoa cỏ, người nóng khát vào trong đó nghĩ ngơi thoả thích. Thường niệm cảnh giới để xả bỏ ác của tự thân, đây là ý trong Tam tạng dùng khổ, vô thường, bất tịnh, vô ngã, Không, làm áo giáp vậy.

Luận Tỳ-Bà-Sa quyển tám nói: "Nghĩ đến mắng là một lời nói, còn ngoài ra là tiếng kêu gọi, suốt ngày tiếng kêu gọi ấy đối với ta có nghĩa gì? Lại lời nói phương đây là thấp kém xấu xa, phương khác là lời xưng tán. Nếu ta nghĩ đây là lời thấp kém, thì không có chỗ nào vui. Lại nên quán chữ "mắng" đây như đảo ngược, thì chữ này liền thành lời tán thán. Lại mắng là một chút ít phần của "giới", một chút phần của "nhập", một chút phần của "ấm". Mắng là phần ít, không mắng thì nhiều. Lại ai thành tựu mắng? Người mắng đã thành tựu. Thành tựu tự nơi người ấy thì đối với ta là gì? Lại "mắng" là một chữ, một chữ không thành mắng, hai chữ thành mắng, không thể một lúc mà nói hai chữ, khi nói chữ sau, thì chữ trước đã mất. Lại năng mắng (chủ thể) và sở mắng (khách thể) nhất thời đồng một sát na đều diệt, ở ta là gì ? Các thứ như vậy đều dùng "Không" làm áo giáp. Quyển mười bảy nói: "Phàm, Thánh đều có ba loại thọ, khác biệt thế nào? Phàm phu thì đối với khổ thọ có hai: 1. Thân thọ khổ. 2. Tâm thọ ưu bi, như mũi tên tam độc, mất vui thì giận, được vui thì mừng không khổ không vui thì si. Hàng Thánh nhân thì chỉ có thân thọ mà không có tâm thọ, đối với khổ thì không sân, đối với vui thì không tham ái, đối với cảnh không khổ không vui thì không si, ba sử không thể sai khiến, đối với sử được giải thoát. Cho nên giữa phàm và Thánh có sai khác". Các thứ như đây bình đẳng có không sai khác với nhau, đây là dùng Biệt giáo làm áo giáp. Kinh này nêu áo giáp, là dùng niệm Phật làm áo giáp, là niệm pháp Phật Đệ nhất nghĩa, vì Phật tức là pháp. Văn nói: "Niệm (nghĩ) lời Phật dạy bảo, tức là Pháp vậy. Phật tức là Tăng, Tăng tức sự lý đều hòa, tức Tỳ-lư-giá-na Phật biến khắp tất cả chỗ. Như thế mặc một áo giáp này, tức mặc tất cả áo giáp, là áo giáp Viên giáo vậy".

Phẩm Thứ 14: **AN LẠC HẠNH**

Giải thích tên phẩm này theo ba cách: Y sự, phụ văn, pháp môn.

1. Y sự: là thân không nguy hiểm nên "an", tâm không ưu não nên "lạc", thân an tâm lạc cho nên năng tiến "hạnh".

2. Phụ văn: mặc y Như Lai thì Pháp thân "an", vào nhà Như Lai cho nên giải thoát tâm "lạc", ngồi tòa Như Lai cho nên Bát-nhã dẫn "hạnh" tiến. Đây là phụ văn phẩm trên giải thích. Trụ nhẫn nhục địa cho nên thân "an", mà không bộc phát cho nên tâm "lạc", quán thật tướng các pháp cho nên "hạnh" tiến.

3. Pháp môn: "An" gọi là bất động, "lạc" gọi là vô thọ, "hạnh" gọi là vô hành. Bất động: đối với lục đạo sinh tử, nhị thánh Niết-bàn đều không thể động, vì không duyên nhị biên thì thân không lay động. Văn trên nói: Thân thể và tay chân yên lặng an ổn bất động, tâm kia thường chẳng động, chưa từng có tán loạn, thì an trú bất động như đảnh Tu-di, thường trú pháp môn bất động. "Lạc": diệu dụng rộng lớn của Tam-muội không tho. Không thọ năm thọ của phàm phu, cho đến trong Viên giáo năm thọ sinh kiến cũng đều không thọ. Vì có thọ thì có khổ, không thọ thì không khổ, không khổ không lạc thì mới gọi là đại lạc. Vô hành: nếu có sở thọ thì có sở hành, không thọ thì không sở hành. Không hành hạnh phàm phu, không hành hạnh Thánh hiền, cho nên nói vô hành, mà hành Trung đạo, cho nên gọi là hành, tức pháp môn vậy.

Đây lại giải thích rộng theo sự: "An lạc", tức Đại Niết-bàn, từ quả đặt tên. "Hạnh" tức đạo Niết-bàn, từ nhân mà đặt tên. Các nhân quả khác đều khổ. Như hạng ngoại đạo chấp thường kiến, hành khổ hạnh, lại đắc quả khổ. Hoặc nhân lạc quả khổ, như hạng ngoại đạo chấp đoạn kiến, buông lung tình ý, hưởng lạc, sau đắc báo khổ. Hoặc nhân khổ quả lạc, như nhị thừa chiết phục pháp, vô thường vụng độ gia công khổ đến tột bực rồi mới nhập Niết-bàn. Nay nói "An lạc hạnh" là nhân quả đều lạc, tức là như thật khéo độ trong kinh Đại Phẩm. Đại Kinh nói: "Quyết định khổ mà tu hành, gọi là phàm phu; khổ vui tu hành là Thanh văn Duyên giác, quyết định vui mà tu hành, là các Bồ-tát". Nêu thất phương tiện thô nhân thô quả, đều không phải An lạc hạnh. Riêng chỉ diệu nhân, diệu quả, gọi là "An lạc hạnh".

Lại rộng Phụ văn giải thích: "An lạc hạnh" là đạo Niết-bàn, Niết-bàn có ba nghĩa, gọi là ba đức bí tạng. "Hạnh" có ba nghĩa, gọi là Chỉ hạnh, Quán hạnh, Từ bi hạnh. Chỉ hạnh: ba nghiệp nhu hòa, trái ngược với cái từ trước đến nay, đêu vắng lặng tức là thể Pháp thân hạnh, tức

văn trên nói “mặc áo Như Lai”. Quán hạnh: Trí tuệ nhất thật tướng vô phân biệt quang, tức thể Bát-nhã hạnh, tức là văn trên nói “ngồi tòa Như Lai”. Từ bi hạnh: bốn hoằng thệ nguyện rộng độ hết thảy, là thể Giải thoát hạnh, tức văn trên nói “vào nhà Như Lai”. Tổng quát ba hạnh này là đạo Niết-bàn, tổng ba đức là cảnh của hạnh. Cảnh gọi là “An lạc”, đạo gọi là “hạnh”.

Đại luận nói: “Bồ-tát từ khi sơ phát tâm thường quán Niết-bàn, khi hành đạo nhân thì dụng ba hành pháp này dẫn dắt ba nghiệp làm hạnh. Ba nghiệp tịnh tức là tịnh sáu căn. Sáu căn nếu tịnh thì phát sinh tương tự giải và được nhập chân. Quả khi ấy gọi là Phật nhãn nhĩ... Nhân gọi là Chỉ hành, quả gọi là Đoạn đức. Nhân gọi là Quán hạnh, quả gọi là Trí đức. Nhân gọi là Từ bi hạnh, quả gọi là Ân đức. Lại nữa, nhân gọi là tam nghiệp, quả gọi là tam mật. Nhân đó là từ bi dẫn dắt ba nghiệp lợi tha, quả đó gọi là tam luân hóa độ bất tư nghì. Khi quán như vậy, thì không còn phân biệt, trong tất cả pháp đều có tánh an lạc. Hết thảy chúng sinh tức đại Niết-bàn, không thể lại diệt, hành ở phi đạo mà thông đạt Phật đạo, đây tức tuyệt đãi mà nêu An lạc hạnh. Hạnh này hợp nghĩa Niết-bàn. Kia nói: “Lại có một hạnh là Như Lai hạnh, Như Lai là người, an lạc là pháp. Như Lai là người an lạc, an lạc là pháp của Như Lai. Tóm lại mà nói thì nghĩa kia không khác, nghĩa riêng cũng không khác. Đây nêu pháp Tịch diệt nhẫn, tòa Không, nhà Như Lai. Kia nêu cây báu vàng bạc, cây báu tức rừng báu vô lậu. Vô lậu hợp với Không, Tịch diệt nhẫn. Cát bằng vàng ở sông lớn chảy thẳng vào biển Tây, tức nhất thật tuệ hợp với các pháp Không. Nữ nhân đắc đạo thì không còn siểm khúc, đây là vô duyên đại từ hợp với nhà Như Lai. Kia gọi là nghĩa vô dư, đây gọi là vô thượng đạo. Lại, năm nghĩa của hạnh cũng cùng hợp với ý “áo, tòa, nhà của Như Lai”.

Hỏi: Đại kinh nêu như người thân cận phụ giúp quốc vương cầm cung mang tên để hàng phục người ác, Kinh này thì nói: Bồ-tát xa lìa nhà hào thế, khiêm hạ từ thiện. Sự cương nhu trái ngược, vì sao không khác?

Đáp: Đại kinh thiên luận về sự chiết phục trụ ở giai vị “Nhất tử địa” (thương chúng sinh như đứa con duy nhất của mình), có bao giờ không nhiếp thọ đâu? Kinh này thiên nói nhiếp thọ, ban đầu phá bảy phần không phải không có chiết phục, đều nêu lên một đầu mối thích hợp thời mà thôi. Về lý ắt đầy đủ Tứ Tất-đàn: làm sao thích ứng thời xứng hợp, tức là ý Thế giới Tất-đàn, nhiếp thọ tức ý Vị nhân, chiết phục tức ý Đối trị, ngộ đạo tức ý Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Rộng giải thích theo pháp môn: Đáng lẽ nêu Bất động môn, Bất thọ môn, Bất hành môn, mà lược không ghi chép. Phẩm đây là ý thứ tư trong phần Tích môn lưu thông. Nếu hai vạn, tám mươi ức na-do-tha Bồ-tát nhận sứ mệnh hoằng kinh, hiểu sâu quyền thật, rộng biết tiệm đốn. Lại, thấu đạt cơ duyên, thần lực tự tại, đời ô trược não loạn cũng không ngăn chướng việc lưu thông kinh, Không cần đợi lại thêm chỉ bày phương pháp. Nếu ban đầu nương vào sơ tâm, muốn tu viên hạnh, vào đời ô trược hoằng truyền kinh điển, bị ô trược làm não loạn, tự hành không vững cũng không có công hóa độ, thì vì hạng người này mà chỉ bày phương pháp nói rõ hạnh an lạc, cho nên có phẩm này. "An lạc hạnh" này có thứ lớp gì? Tuy nhiên, Pháp Hoa là viên hạnh, một hạnh là vô lượng hạnh, bất khả tư nghì, làm gì có định trước sau? Nay tạm nêu một mối, phẩm Pháp Sư lược nêu hoằng kinh, thì lấy sự lợi ích cho người khác làm căn bản. Như ánh sáng vào nhà, trong đây phân rõ đời ác hoằng kinh an ổn, không bức não. Trước mặc áo Như Lai, tức trước sau xen nhau hiện đó thôi! Nếu căn cứ thứ lớp của các hạnh, thì "các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt". Nếu khởi tướng trái ngược tịch diệt, thì nên trước dùng Bát-nhã mà dẹp sạch mọi liên lụy, tức là ban đầu ngồi tòa các pháp không sinh, mà Bát-nhã sinh đồng thể từ bi, vì thương xót chúng sinh mà hành đạo, tức tiếp theo là "vào nhà Như Lai". Vì dùng từ bi hóa độ chúng sinh ắt phải tiếp xúc nghịch cảnh đi theo, quyết phải an nhẫn, tức tiếp "mặc áo Như Lai". Tuy nói "tiếp theo" như thế nhưng đây chẳng phải thời gian của hành vi, vì khi vào nhà Như Lai tức đầy đủ tất cả pháp, huống chi là từ bi nhẫn nhục ư?

Bốn hạnh an lạc:

- Xưa nói:

1. Giả thật nhị không làm thể.
2. Thuyết pháp làm thể.
3. Lìa lỗi làm thể.
4. Từ bi làm thể.

- Sư Cơ nói:

1. Không.
2. Lìa kiêu mạn.
3. Trừ tật đố.
4. Đại từ bi.

- Sư Long nói:

1. Thân xa lìa các việc ác, dần dần gần lý Không.
2. Trừ lỗi của miệng.

3. Trừ ý tật đố.

4. Khởi từ bi.

- Sư Nam Nhạc nói:

1. Không chấp đắm chánh tuệ.

2. Miệng không nói lỗi.

3. Kính trên nhường dưới.

4. Đại từ bi.

- Sư Thiên Thai nói: Chỉ, Quán, Từ bi dẫn dắt ba nghiệp và thệ nguyện. Thân nghiệp có Chỉ, cho nên lìa thân nghiệp thô, có Quán cho nên không đắc thân, không đắc thân nghiệp, không đắc năng ly. Vì không sở đắc, cho nên không rơi vào phàm phu, có Từ bi nên siêng tu thân nghiệp, rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh không rơi vào nhị thừa. Có Chỉ hạnh cho nên "mặc áo nhẫn nhục", có Quán hạnh cho nên "ngồi tòa Như Lai", có Từ bi cho nên "vào nhà Như Lai". Chỉ hạnh lìa lỗi, tức thành Đoạn đức. Quán hạnh không chấp, thì thành Trí đức. Từ bi lợi tha, tức thành Ân đức. Ân đức giúp thành Trí đức, Trí đức năng thông đạt Đoạn đức, đó gọi là thân nghiệp an lạc hạnh. Khẩu nghiệp, ý nghiệp, thệ nguyện cũng lại như vậy".

Văn của phẩm này có hỏi có đáp. Trong câu hỏi thì trước tán thán các vị Bồ-tát trong phẩm trước hành sâu hạnh Bồ-tát có thể hoằng truyền kinh như thế, sau mới hỏi các Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát còn nông cạn vào đời ác tuyên thuyết kinh này như thế nào?

Từ "Phật bảo" trở xuống, là phần đáp, lại chia làm ba phần:

1. Nêu chương hành bốn hạnh.

2. Giải thích phương pháp tu hành.

3. Tổng nêu tướng hành thành tựu.

Phần một: Nêu chương, như văn. Từ "Một, an trụ" trở xuống, là phần hai: Giải thích phương pháp, tức là bốn loại riêng.

- Văn lại chia làm hai:

1. Giải thích phương pháp tu hành.

2. Kết hạnh thành.

Phần phương pháp tu hành có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng lại có hai:

1. Nêu Hành xứ, Cận xứ.

2. Từ "Văn-thù" trở xuống: giải thích Hành xứ, Cận xứ.

Phần Nêu: như văn.

Phần Giải thích, lại chia làm hai: Hành xứ, Cận xứ. Hoặc nói nội phàm ban đầu hành, gọi là "Hành xứ". Nếu từ lâu đã tu tập thuần thục,

dần dần có thể gần lý, thì gọi là “Cận xứ”, dẫn “hành cận quả” trong phẩm trước làm ví dụ. Hoặc nói Hành xứ căn cứ nhân, Cận xứ căn cứ quả; Hành xứ nêu trí, Cận xứ nêu cảnh. Sư Dao nói: “Thất trụ trở lên, tâm thể ở nơi lý”, gọi là “Hành xứ”. Đã vượt qua Phần đoạn, từ đây đã trở lại vô sinh, nhưng chưa có thể hiện tiền, dần dần gần với lý, gọi là “Cận xứ”. Đồng là phân đoạn, hai thứ này là hạnh ban đầu chung làm một an lạc hạnh. Theo ý riêng, thì nhà sư đầu tiên giải thích coi Hành xứ là cạn, như Đại kinh nói: “Hàng Thập địa Bồ-tát dùng Hành xứ, cho nên thấy không rõ ràng”. Nên biết Hành xứ thì không cạn. Nhà sư sau giải thích coi Cận xứ là cạn. Như kinh Tịnh Danh nói: “Cận trí tuệ Phật tự tại vô đẳng đẳng”. Đây thì Cận xứ lại thành sâu. Nếu hai hạnh đều sâu, thì thành hạnh hoằng kinh của Bồ-tát ở phẩm trước mà không liên quan đến phương pháp của hàng sơ tâm. Nếu hai hạnh đều cạn, thì sở hành của người thất phương tiện đâu có liên quan gì đến phương pháp Viên hành, cho nên không thể căn cứ thiên lệch vào sâu cạn. Nhưng “hành” gọi là tiến thú, “cận” gọi là gần gũi làm quen. Gần gũi làm quen cho nên tiến thú, tiến thú cho nên gần gũi làm quen, thì có gì là cạn với sâu?!

Lại nữa Hành xứ và Cận xứ là phương pháp bậc thượng. Hành xứ là áo Như Lai. Cận xứ là tòa Như Lai. Tòa áo đã không sâu cạn, thì Hành xứ cận xứ đâu được hơn kém. Lại, nhẫn nhục ắt bên trong thì ôm ấp chí lý, trải duyên thì nhẫn nại mọi sự; gọi đó là “Hành xứ”. Tòa Không, ắt thể nghiệm thấu đạt ngoại duyên, dừng lại nghỉ ngơi ở chân cảnh; gọi đó là “Cận xứ”. Bởi sự lý hỗ tương hiển hiện, thì có gì sâu cạn? Nếu vậy, vì sao phân biệt Hành xứ và Cận xứ? Vì đến lý lược thuyết, gọi là Hành xứ, phụ thêm sự rộng thuyết, gọi là Cận xứ. Thuyết thì có rộng lược, lý thì không có sâu cạn.

Dưới đây là ba cách giải thích Hành xứ:

- Thứ nhất: Trực duyên nhất đế, nhất đế làm chỗ quay về của tất cả, làm nguồn gốc cho tất cả mà cùng khắp không phân biệt. Chỗ quay về của tất cả: tức “Nhẫn nhục địa”. Địa tức trung đạo, các pháp đều trở về đó, cho nên gọi là “địa”. Các hành dừng nghỉ, cho nên gọi là “nhẫn nhục”, đây tức là hạnh “hành mà bất hành”. Làm nguồn gốc cho tất cả: như vạn vật từ đất mà sinh trưởng, các hạnh đắc lý mà thành. Nếu đắc lý bản, thì ở cương mà năng nhu, ở nghịch mà năng thuận, ở bạo mà năng trị, ở kinh sợ mà năng an ổn. Vô lượng công đức từ địa Trung đạo mà sinh. Địa vô sở sinh mà sinh công đức, tức hạnh “bất hành mà hành”. Cùng khắp không phân biệt: tức không phân biệt tướng sai biệt

giữa bất hành và hành, cho nên nói: “Lại nữa, không hành là không phân biệt...” tức là phi hành phi bất hành, không có ba hành mà ba hành, cho nên gọi là “hành”. Đồng nhất thật đế, cho nên gọi là “xứ”. Hành xứ như thế thì hợp với văn kinh bên trên. Dừng nghỉ các hành, thì hợp với áo Như Lai. Tùy sinh công đức, thì hợp với nhà Như Lai. Cùng khắp không phân biệt, thì hợp với tòa Như Lai. Đây là căn cứ một pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

- Thứ hai: Căn cứ hai pháp, tức Sinh nhẫn và Pháp nhẫn, hai nhẫn tức Sinh không và Pháp không. Hai Không này khác với Nhị thừa. Vì sao? Vì Nhân không và Pháp không của Nhị thừa thì căn cứ chân tục giả thật. Ở đây hai Không, hai Nhẫn đều kiến Trung đạo, cho nên không đồng Nhị thừa. Nếu lại khai, thì là bốn nhẫn. Nếu làm năm nhẫn, thì chỉ chữ “thiện” làm Tín nhẫn. Nếu làm sáu nhẫn, thì chỉ chữ “hòa” làm Hòa tùng nhẫn. Nếu đối địa, thì chia làm bốn mươi hai nhẫn. Một địa vẫn có công đức của bốn mươi mốt địa kia, thì một nhẫn sao lại không có pháp của bốn mươi mốt nhẫn kia? Nay tạm căn cứ bốn nhẫn để giải thích văn, đó là Phục nhẫn, Thuận nhẫn, Vô sinh nhẫn, Tịch diệt nhẫn. Bốn nhẫn đây khác với Biệt giáo; hai nhẫn trước ở giai vị Sinh nhẫn, là cạn; hai nhẫn sau ở giai vị Pháp nhẫn, là sâu. Nay theo Viên giáo, thì Sinh, Pháp đều thông, bốn nhẫn cũng thông. Vì sao? Vì lý nhị Không tức là Trung đạo. Hàng Sơ trụ tu bốn nhẫn vào Trung đạo kiến lý nhị Không cho đến hàng Hậu tâm cũng cùng tột lý nhị Không. Đại kinh nói: “Phát tâm và Tất cánh, cả hai không có sai biệt”. Nếu căn cứ cạn sâu mà xét bốn nhẫn, thì: Từ sơ phát tâm, viên phục ngũ trụ phiền não cho đến Kim cang đỉnh, đều gọi là Phục nhẫn. Từ đầu đến cuối đều không trái với thật tướng, gọi là Thuận nhẫn. Từ đầu đến cuối đều không khởi tâm nhị biên, gọi là Vô sinh nhẫn. Từ đầu đến cuối đều thôi dứt các hành, gọi là Tịch diệt nhẫn. Nghe sinh tử mà không vội bộp chộp sợ khổ, nghe Niết-bàn mà không vội bộp chộp chứng lạc, nghe đức Phật nói thường và vô thường, nhị thừa thành Phật, không thành Phật, nghe sinh tử Niết-bàn khác và không khác, nghe Phật đạo lâu mau, dài ngắn, khó dễ, không dài không ngắn, chẳng khó chẳng dễ... mà đều không kinh sợ. Hành hạnh này, từ đầu đến cuối dùng lý nhị Không, nhẫn các pháp, tức là mặc áo Như Lai. An trú lý nhị Không, tức là ngồi tòa Như Lai. Thương xót chúng sinh, tức là vào nhà Như Lai. Nhị không và bốn nhẫn, gọi là “Hành”, lý tức là “xứ”. Đây là căn cứ hai pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

- Thứ ba: Căn cứ ba pháp. Ba pháp tức Tam đế bất tư nghì, trụ

Nhẫn nhục địa mà tổng luận tam đế, như có địa có thể căn cứ thì mới năng nhẫn nhục. “Nhu hòa khéo thuận”: Khéo thuận chân đế, năng nhẫn hư vọng kiến ái lạnh nóng..., cho nên nói “khéo thuận”. “Mà không bộp chộp, không ngang ngược, tâm không kinh sợ”: An nơi tục đế, nhẫn các căn duyên, xứng thích cơ nghi, cho nên nói “không bộp chộp, không ngang ngược”. Vì thể nghiệm được sự nhẫn khi gặp cảnh trái ngược, cho nên “tâm không sợ”. “Đối với các pháp không còn sở hành”, tức an ở Trung đế, năng nhẫn nhị biên, cho nên nói “không còn sở hành”. Chánh trụ Trung đạo, cho nên nói “quán thật tướng”. Cũng không đắc trung thật, cho nên nói “không phân biệt”. Đây là căn cứ vào địa của tam đế, gọi là “xứ”, nhẫn nhục ngũ trụ gọi là “hành”.

Hành cũng có ba:

1. Chỉ hành: tức hành mà bất hành.

2. Quán hành: tức phi hành phi bất hành.

3. Từ bi hành: tức bất hành mà hành, hợp với nghĩa áo, tòa, nhà Như Lai bên trên. Đây gọi là căn cứ ba pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

Sư Long nói: “Trú Nhẫn nhục địa, tổng nêu Sinh Pháp hai nhẫn”. Tức dưới phân rõ nhị nhẫn. “Nhu hòa khéo thuận” là nêu thân nghiệp. “Mà không vội vàng” là nêu khẩu nghiệp, “Tâm cũng không sợ” là nêu ý nghiệp. Đây căn cứ ba nghiệp mà nêu tu Sinh nhẫn. “Đối các pháp không còn sở hành” là không có hành hữu tướng. “Mà quán như thật tướng” là hành “Không” bình đẳng. “Cũng không hành không phân biệt”, là không có hành vô tướng. Có và không, cả hai đều mất thì hợp với Trung đạo. Ba câu này nêu tu Pháp nhẫn, đắc hai nhẫn ấy, kết là “Hành xứ”. Sư Long nêu hai nhẫn, chưa biết căn cứ vào đâu? Nếu hai nhẫn theo Tam giáo, thì hoàn toàn chẳng phải nghĩa Pháp Hoa. Nếu căn cứ Viên giáo, thì không nên cách biệt không dung nạp.

Từ “Thế nào gọi là Thân cận xứ” trở xuống, là giải thích Cận xứ. Văn chia làm ba phần. Phần một: Viễn y mười thứ làm não loạn, tức là nêu viễn để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Giới môn, trợ quán. Phần hai: Tu nhiếp tâm kia, tức là nêu cận để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Định môn, trợ quán. Phần ba: Quán tất cả pháp “không”, tức là nêu chẳng viễn chẳng cận để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Tuệ môn, trợ quán. Bên trên là trực duyên lý, trụ Nhẫn nhục địa. Đây là Giới môn, rộng nêu các duyên xấu nên tu viễn ly, chẳng cầm đao trượng cũng không xả bỏ, chỉ dùng chánh tuệ mà viễn ly nó. Nên biết nêu viễn cận là để rộng nêu nghĩa “hành sở bất hành” bên trên. Bên

trên nêu thẳng không bộp chộp, không ngang ngược, không kinh sợ. Ở đây Định môn rộng nêu tu định tâm, tu định xứ, tu định yếu môn, do vì định lực nên ở chỗ ngang ngược mà trị, ở chỗ kinh sợ mà an. Nên biết tức cận luận cận, rộng nêu nghĩa bất hành mà hành. Trên nêu thẳng "vô sở hành", nay rộng quán tất cả không, đầy đủ trải qua các cảnh, vô lượng vô biên vô ngại vô chướng. Nên biết là chẳng viễn chẳng cận, rộng nêu nghĩa phi hành phi bất hành bên trên.

Thứ nhất: Có mười thứ nên xa lìa:

1. Hào thế.
2. Người tà, Pháp tà.
3. Hung dữ nguy hiểm hý loạn.
4. Hạng Chiên-đà-la.
5. Chúng nhị thừa.
6. Dục tưởng.
7. Hạng không phải nam.
8. Sự nguy hại.
9. Hạng người cơ hiềm.
10. Hạng người nuôi súc sinh....

"Lộ-già-gia", Trung hoa dịch Ác luận, cũng gọi là Phá luận. "Nghịch lộ": Là luận về nghịch với vua cha. Lại, "Lộ" gọi là thiện luận, cũng gọi là Sư phá đệ tử. "Nghịch lộ" gọi là Ác luận cũng gọi Đệ tử phá sư. "Na-la": người múa hát diễn kịch, cũng gọi là "Thải họa" (người hóa trang với nhiều màu sắc lòe loẹt, người xăm mình), thân biến hóa sai khác. Lại nói: Gồm cả hạng người làm trò xiếc, ảo thuật. Phân mười thứ làm hai bên: chín thứ thuộc sinh tử, một thứ thuộc Niết-bàn. Cả hai đều viễn ly, tức là tên khác của Tịch diệt.

Quán tâm giải thích mười thứ... Phần hai: Cận cận xứ, có ba ý...(Không chép ra đây. Độc giả tự tìm hiểu vậy.)

■

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9
(Phần Thượng)

Phần ba: Cận xứ phi viễn phi cận. Văn lại chia làm ba phần:

1. Tổng nêu cảnh trí.
2. Giải thích.
3. Kết thành.

"Quán" là Trung đạo quán trí. "Hết thảy pháp" là cảnh mười pháp giới. Nếu riêng luận về trí, thì trí vô sở quán, cho nên nêu "hết thảy" để hiển bày "đều không". "Như thật" là giải thích chi tiết. Nhị biên tam đế không một không khác, gọi là "như"; chẳng phải thất phương tiện, cho nên gọi là "thật". Dùng thật làm tướng, cho nên gọi là "Như thật tướng". "Không điên đảo": không có tám thứ đảo. "Bất động": không bị hai thứ sinh tử làm động. "Bất thoái": Tâm tâm tịch diệt nhập biển Tát-bà-nhã."Bất chuyển": không như phàm phu chuyển sinh tử, không như Nhị thừa chuyển phàm thành Thánh. "Như hư không": chỉ có danh tự, mà danh tự thì bất khả đắc. Trung đạo quán trí cũng chỉ có danh tự, cầu bất khả đắc. "Vô sở hữu tánh": không có tánh tự, tha, cộng, vô nhân v.v... "Hết thảy ngôn ngữ đạo đoạn": bất khả tư nghì. "Bất sinh": Hoặc (phiền não), trí, lý đều không sinh. "Bất xuất": Như Lai sở trị rốt ráo không còn phát lại. "Bất khởi": các phương tiện đều tịch diệt. "Vô danh": danh bất năng danh. "Vô tướng": tướng bất năng tướng. "Vô sở hữu": không có hữu nhị biên. "Vô lượng": không phải số pháp. "Vô biên": không có phương sở. "Vô ngại vô chướng": cùng khắp tất cả. "Chỉ do nhân duyên mà có": kết.

Trên nêu thẳng Trung đạo quán tuệ, nay nêu song chiếu nhị biên, lý tánh rốt ráo thanh tịnh như trên nói, chẳng giải thoát chẳng mê hoặc mà từ nhân duyên mê hoặc mà sinh ra sinh tử, từ nhân duyên giải thoát mà sinh Niết-bàn. Lại, nhân duyên hữu có đối với Niết-bàn. "Từ điên đảo sinh": sinh ở sinh tử. Đây là hiển bày ý song chiếu. "Thường ưa quán sát pháp tướng như thế": tức các pháp Tam đế. Lại,

"Chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo sinh": kết cảnh Tam đế bất tư nghì. Cho nên, nói là giáo bất tư nghì. Lại, "quán tất cả pháp "không", như thật tướng": tiêu biểu thể quán. "Bất điên đảo..." chín câu: giải thích tướng quán, không bị nhị biên bát đảo làm động, gọi là "bất đảo bất động". Không rơi vào nhị thừa phàm phu nhị địa, cho nên gọi "bất thoái bất chuyển". Hai câu này nêu trí dụng. Lý chẳng phải vị lai, cho nên "bất sinh", chẳng phải quá khứ, cho nên "bất xuất", chẳng phải hiện tại, cho nên "bất khởi". Thích luận quyển năm mươi mốt nói: "Như hư không, không nhập, không xuất, không trụ tướng". Nhiếp Đại Thừa luận cũng nói: "Không có vị lai nhập xứ, không có quá khứ xuất xứ, không có hiện tại trụ xứ". Quyển bốn mươi ba nói: "Nhân biên không khởi, gọi là bất xuất, duyên biên không khởi, gọi là bất sinh".

Đây có mười chín câu: một câu đầu tổng, mười tám câu sau phù hợp với "mười tám Không" trong kinh Đại Phẩm. "Như thật tướng" tức đệ Nhất nghĩa Không. "Bất điên đảo" tức nội không, bên trong không có lục nhập, ngã, ngã sở, bất điên đảo. "Bất động" tức ngoại không, bên ngoài không bị lục trần lưu động. "Bất thoái" tức nội ngoại không, vì thập nhị nhập không cho nên nói bất thoái. "Bất chuyển" tức Không không. "Không" phá các pháp, các pháp là sở phá, "Không" là năng phá, không còn các pháp, chỉ có "Không" tồn tại. "Không" này cũng không, cho nên nói "Không không". "Không" đã không, cho nên không còn năng chuyển, cho nên nói "bất chuyển". "Như hư không" tức là đại không, vì để phá chấp phương kế cho nên nói như hư không."Vô sở hữu tánh" tức Tất cánh không, các pháp không dư sót cho nên gọi Tất cánh không, vì tất cánh không cho nên Vô sở hữu tánh. "Hết thảy ngôn ngữ đạo đoạn" tức Nhất thiết không, hết thảy không bất khả thuyết cho nên "ngôn ngữ đạo đoạn". "Bất sinh" tức Hữu vi không, hữu vi là nhân duyên hòa hợp, đã không hợp tức bất sinh. "Bất xuất" tức Vô vi không, không có tên gọi "xuất ly", vì pháp xuất ly là không, cho nên gọi bất xuất. "Bất khởi" tức Vô thủy không, cầu nguyên sơ bất khả đắc cho nên không khởi. "Vô danh" tức Tánh không, có thể hiểu. "Vô tướng" tức Tướng không. "Thật vô sở hữu" tức Bất khả đắc không, "Vô lượng" tức Hữu pháp không, hữu pháp tức hữu lượng; hữu lượng đã không, cho nên nói "vô lượng". "Vô biên" tức Vô pháp không, vô pháp tức là tiêu biểu biên, nay Không, cho nên "vô biên". "Vô ngại" tức Hữu pháp vô pháp không, hai thứ bất khả đắc cho nên nói "vô ngại". "Vô chướng" tức Tán không, phòng ngăn chướng bất khả đắc, cho nên nói "vô chướng".

Mười tám không đều là Trung đạo chánh tuệ, đều gọi là Không.

Tùy mười tám thứ cảnh cho nên nói mười tám đó thôi! Đại kinh nói: "đức Như Lai thường tu mười tám nghĩa Không", cho nên dụng mười tám Không để giải thích mười tám câu.

Kệ có hai mươi tám hàng và ba câu, chia làm ba:

1. Một hàng, tụng nêu chương.
2. Hai mươi hai hàng, tụng tu hành.
3. Năm hàng và ba câu, tụng Hạnh thành tựu.

Trong phần trường hàng thì Hành xứ, Cận xứ, giải thích riêng, trong kệ thì hợp tụng chung, là để nói ý đồng khai hợp xen lẫn hiện bày, giải thích rộng lược lại trọn có thể nương. Bên trên mỗi phần Hành xứ, Cận xứ văn đều chia làm ba, nay kệ hợp tụng không có thứ lớp.

Phần thứ hai: tụng Tu hành, chia làm hai phần:

Phần một: từ "Nên trụ vào Hành xứ" trở xuống, mười bốn hàng, tụng sự viễn cận. Trên có mười thứ viễn ly, trong tụng lược không thứ lớp, tại văn có thể thấy. Cũng là tụng "nhân Không hành xứ", lấy ý tức bao gồm tụng ba ý Cận xứ, cho nên kệ nói: "Đây thời gọi tên là Hành xứ, Thân cận xứ". "Thường xa rời quốc vương": Tỳ-kheo thân cận quốc vương có mười điều phi pháp:

1. Âm mưu (sai) xúi giục vua.
2. Vua giết đại thần.
3. Giữ kho mất báu vật.
4. Cung nhơn ôm lòng dâm.
5. Độc trong thân vua.
6. Đại thần cạnh tranh.
7. Hai nước giao chiến.
8. Vua tiếc, không bố thí cho dân.
9. Thu góp vật của dân.
10. Nhiều tật dịch.

Nghĩa là Tỳ-kheo hành chú, khi có mười việc này thì tất cả thần dân cho là Tỳ-kheo làm, cho nên hủy báng Tỳ-kheo, tức là hủy báng pháp, cũng là hủy báng Phật. Cho nên, đức Phật không cho Tỳ-kheo thân cận quốc vương.

"Hàng ngoại đạo, Phạm chí": Kinh Ma-Đăng-Già nói: "Ban đầu, có người tên là Phạm Thiên tạo một bộ sách Vi-đà, sau có một vị tiên tên gọi là Bạch Tịnh biến một thành bốn Vi-đà:

1. Tán tụng Vi-đà.
2. Tế tự.
3. Ca vịnh.

4. Cầu đảo.

Mỗi mỗi đều có ba mươi hai vạn bài kệ hợp thành một trăm hai mươi tám vạn bài kệ, gồm một ngàn bảy trăm quyển. Tiếp sau có vị Bà-la-môn tên là Phất-sa có hai mươi lăm người đệ tử, đều đối với một bộ Vi-đà có thể rộng phân biệt, liền có hai mươi lăm Vi-đà. Tiếp, lại có người tên là Anh Vũ, biến một Vi-đà thành mười tám. Tiếp có người tên Thiện Đạo, có hai mươi mốt người đệ tử, biến thành hai mươi mốt Vi-đà. Cứ như vậy, dần dần biến thành một ngàn hai trăm sáu mươi sáu Vi-đà. Tỳ-Đà luận, Trung hoa dịch Trí luận, do Bà-da-sa làm, gồm có bốn thứ:

1. Tín lực Tỳ-đà, nêu thờ hoả diệt tội (lửa dập tắt tội).

2. Da-thọ Tỳ-Đà, nêu cúng dường Bà-la-môn thì được phước.

3. Sa-na Tỳ-đà, nêu hòa hợp hai nước.

4. A-đà-bà Tỳ-Đà nêu đấu chiến.

Đọc bốn thứ luận này tự xưng là người nhất thiết trí. Tỳ-già-la, Trung hoa gọi là Ký luận, do Bà-ni-ni tạo, nêu các thứ kinh sách và các tạp ngữ. Vệ Thế Sư luận do Ưu-lưu-khư tạo, Trung hoa dịch là Tối Thắng luận, xuất thế tám trăm năm, nêu lục đế. Ca-tỳ-la, Trung hoa dịch Hoàng đầu cũng gọi là Qui Chủng, tạo luận tên Tăng-khư. “Tăng khư”, Trung Hoa dịch là Vô Đảnh. Do tên người mà lập tên luận, cho nên gọi luận là Ca-tỳ-la, nói về hai mươi lăm đế.

“Học Tiểu thừa Tam tạng”: Lúc Phật ở thành Ba-la-nại, ban đầu vì năm người mà thuyết khế kinh Tu-đa-la tạng. Đức Phật ở thành La-duyệt, ban đầu vì Tu-na-đề thuyết Tỳ-ni tạng. Đức Phật ở nước Tỳ-xà-ly bên ao Di hầu, ban đầu vì Bạt-kỳ Tử thuyết A-tỳ-đàm tạng. Năm trăm vị La-hán đầu đêm tập A-tỳ-đàm tạng nối tiếp Giải Thoát kinh đây là Tam tạng.

“Đam mê năm món dục”: Nói về Tướng dục thì người ở Tứ Thiên hạ, Rồng, A Tu la, Chuyển Luân, Tứ Thiên vương đều do tướng căn đến thành sự dục. Đao-lợi thiên dùng gió là sự dục. Diệm thiên gần gũi nhau là sự dục. Đâu-suất lôi kéo nhau làm sự dục. Hóa-lạc thiên nhìn nhau là sự dục, Tha-hóa Tự-tại nghĩ đến nhau là sự dục. Các cõi Trời trên đều ly dục.

“Những gái goá, gái trinh”: Ngài A-nan hỏi: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu chúng con thấy người nữ thì phải làm thế nào? Phật dạy: Chớ cùng họ gặp gỡ, nếu gặp thì chớ cùng nói chuyện, nếu phải nói chuyện, thì cũng nên chuyên tâm niệm Phật”.

“Và các kẻ bất nam”: Tiếng Phạn gọi là Ban-tra, Trung hoa dịch

là Huỳnh môn. Huỳnh môn: Có hình dáng nam nữ mà không phải khả năng nam nữ.

"Khi vào xóm khất thực": Kinh Tạp A-hàm nói: Có một con dê riêng đến đống phân ăn no, khi về với đàn dê thì tự cao, bảo là "ta được thức ăn ngon". Tỳ-kheo cũng như vậy, được tứ sự cúng dường rồi khởi nhiễm trước tưởng, không biết xuất yếu (nguyện lực cốt yếu thoát ly sinh tử). Nếu như không được, thì thường sinh tưởng. Nếu được thì hướng đến các Tỳ-kheo mà cống cao hủy miệt người khác, nói là "ta năng được, kia không năng được". Đây gọi là Tỳ-kheo dê khất thực. Sư tử vương gặp thú lớn liền ăn nuốt, không mùi vị nào không bắt ăn, gặp được thú nhỏ cũng liền ăn không khinh chê thấp hèn. Tỳ-kheo cũng vậy được tứ sự cúng dường mà không khởi tâm đắm nhiễm, không có dục tưởng, tự biết xuất yếu. Nếu không được lợi dưỡng thì cũng không khởi loạn tưởng, tâm không tăng giảm. Đó gọi là Sư tử vương Tỳ-kheo khất thực. Khất thực tu hành bốn việc trừ bệnh tật, mà trước sau tám thời nêu tám sự tinh tấn tám việc giải đãi. Khất thực trước nên nghĩ như vầy: " vì tu đạo mà cứu bệnh đói khát", xin tuy chưa được nhưng không phế bỏ niệm tu hành. Khất thực được rồi thì phải vì báo ân mà niệm đạo không nghỉ, trước sau hai thời gấp bội càng thêm tinh tấn, ba việc còn lại trước sau cũng như vậy. Trái ngược với đây, thì gọi là tám việc giải đãi.

Kinh Bảo Vân nói: "Các thứ xin được trong khi khất thực đều chia làm bốn phần: một phần phụng cúng bậc phạm hạnh, một phần cho người ăn mày, một phần thí cho quỉ thần, một phần tự ăn".

Phần hai: từ "Lại cũng chẳng vin theo" trở xuống tám hàng, tụng lý phi cận phi viễn và viễn cận xứ.

Phần thứ ba: từ "Nếu có vị Tỳ-kheo" trở xuống năm hàng và ba câu, tụng Hạnh thành, lại chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, tụng Hạnh thành, sự thành uy nghi bên ngoài không lầm lỗi, lý thành trong tâm không vướng đọng cho nên nói "Không có chút khiếp nhược". 2. Từ "Vị Bồ-tát có lúc". trở xuống, ba hàng, tụng: Hạnh thành mà được an lạc. "Bồ-tát vào tịnh thất..." là giải thích nhân của sự an lạc. Do tu thiền định mà dừng các ác lỗi, được Nhân (người) vô ngã, ngoài thì không tổn hại. Do tu trí tuệ mà lìa các chấp trước, được Pháp vô ngã, trong không điên đảo, thì tâm không khiếp nhược, không khiếp nhược gọi là an lạc. 3. Từ "Văn-thù" trở xuống một hàng và một câu, tụng tổng kết trường hàng.

Thứ hai: Khẩu an lạc hạnh, cũng có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng làm hai: 1. Nêu chương. 2. Giải thích hành pháp. Nêu

chương như văn. Từ "Hoặc miệng tuyên nói" trở xuống, là Giải thích hành pháp. Lại có hai môn: Chỉ hạnh, Quán hạnh.

Chỉ hạnh môn, chia làm bốn: 1. Không nói lỗi lầm. 2. Không khinh mạn. 3. Không khen chê. 4. Không oán hiềm.

1. Không ưa nói lỗi của người và Kinh điển: Người nghe có lỗi, pháp có lỗi gì! Pháp Thất phương tiện là Phật tùy ý người khác mà nói, gọi là bất liễu nghĩa. Nếu nói lỗi của pháp kia, thì xúc não người kia, chẳng phải tướng của an lạc hạnh. 2. Không khinh mạn: Không ỷ Viên mà khinh khi Thiên, trọng Thật mà khinh Quyền. 3. Không nói người khác hay, dở: Ban đầu không nói với hết thảy mọi người, tiếp đến riêng nêu hàng Thanh văn. Phàm là người thì ai cũng ghét nghe lỗi của mình, bởi vậy không nên đàm luận điều dở của người. Trước mặt người này khen, nhưng đối người kia thì đó là chê bai, cho nên không xưng tụng điều hay, cũng không dựa vào phô trương nói trả lại điều hay. Trả lại tức cho rằng vì người khác hay chê mình dở, dựa vào người kia để nói dở người này. Cũng không được hoàn toàn phô trương nói trả lại điều dở, sau lưng chê người kia, tức ngược lại là chê ta. Vì nghĩa này, cho nên thiện ác đều dừng. Lại, "Không nói nói hay, dở": Kinh Nhật Tạng quyển thứ nhất nói: "Đầu hôm, giữa hôm, cuối hôm, ít ngủ tỉnh táo, tinh tiến ngồi thiền tụng kinh tu đạo, quay lưng bỏ lại sinh tử, hướng đường Niết-bàn. Không nói người dở, không nói mình hay, khiêm hạ thấp mình, không nên tự cao kiêu ngạo. Biết đủ trong việc ăn mặc, Đầu-đà tinh tiến hành không phóng dật, buộc niệm tư duy, tâm không dong ruổi tán loạn. "Đối với tất cả chúng sinh thì khởi tâm từ bi". Lại, như Tu-đa-la thuyết "Không hạnh", tự đọc tụng và dạy người đọc tụng, không chê người, không nói lỗi của người, không khen mình. Đối với hạng Thanh văn căn tánh bất định, nếu tán thán Nhị thừa thì có thể khiến cho họ thoái tâm Đại thừa mà chọn Tiểu thừa; nếu chê trách Nhị thừa thì hoặc khiến họ mất cả hai Đại, Tiểu thừa, không chọn được. 4. Không sinh tâm oán hiềm: Nếu cho rằng Nhân, Pháp của họ hại đến đạo ta thì là tâm oán, cho rằng họ thấp kém xấu xa, tức là tâm hiềm. Tâm cơ một khi chuyển động, thì tiếng nói liền phát ra. Chấm dứt nói lỗi, là nguồn gốc không sinh oán hiềm.

Từ "Khéo tu như vậy" trở xuống, là Quán hạnh môn. Quán các pháp "Không", chẳng có gì để chấp trước, tâm không chấp cẩu thả, không trái với ý người, không trái pháp tướng, thì "không dùng pháp Tiểu thừa để đáp, mà chỉ dùng pháp Đại thừa đáp". Nếu gặp người không có căn cơ Đại thừa thì thuyết Tiểu thừa, thì họ được lợi ích

phương tiện. Nếu hiện đang không có người không có căn cơ Đại thừa, mà thuyết Tiểu thừa, thì làm ngăn ngại cơ duyên Đại thừa của người nghe kia. Trong trường hợp này nếu chỉ nói Đại thừa thì không có lỗi.

Văn kệ có mười sáu hàng rưỡi, chia làm ba phần: 1. Hai hàng, tụng nêu chương. 2. Chín hàng rưỡi, tụng Hành pháp. 3. Năm hàng sau, tụng Hạnh thành.

Hai hàng đầu tụng Trụ an lạc hạnh. Bên trên tổng nêu nên trụ, trong tụng thì nêu chi tiết hành tướng. Hành tướng có ba: "An ổn thuyết kinh pháp": nửa hàng, là muốn khiến cho người trước đắc đạo an ổn và quả, tức nghĩa vào nhà Như Lai. "Ở nơi chỗ thanh tịnh"... nửa hàng, tức nghĩa ngồi tòa Như Lai. "Dùng hương dầu xoa thân"... một hàng tức nghĩa mặc áo Như Lai. Ba pháp dẫn dắt khẩu nghiệp, gọi là "An lạc hạnh".

Từ "Ngồi an nơi pháp tòa"... chín hàng rưỡi, tụng Hành pháp, chia làm hai: 1. Năm hàng rưỡi, tụng Chỉ hạnh. 2. Bốn hàng, tụng Quán hạnh.

Bên trên Chỉ hạnh có bốn: Nay tụng đủ: 1. "Theo chỗ hỏi mà nói" nửa hàng, tụng không khinh mạn, mạn thì không tùy theo. 2. Từ "Nếu có vị Tỳ-kheo" đến "Theo đúng nghĩa mà đáp": hai hàng rưỡi, tụng không nói tốt xấu, chỉ y nghĩa không luận bàn việc tốt xấu của người. Nếu có người nạn vấn thì theo nghĩa mà đáp, có hai trường hợp: 1. Có thể đáp. 2. Không thể đáp. Hỏi đáp chất vấn nhau trên đến dưới, nếu hơn thua thì tự biết, đó là lời của bậc trí. Nếu buông ý, dám có trái ngược trách phạt, đó là lời của vua. Nếu tốt xấu phải trái đều không biết, chỉ muốn cho hơn mà thôi, đó là lời của người ngu. 3. Từ "Nhân duyên hoặc thí dụ" đến "Vào ở trong Phật đạo": một hàng rưỡi, truy tụng không ưa nói lỗi của người và của pháp. Nếu nói lỗi của người, thì sinh niệm độc ác với người. Nay không nói lỗi, khiến phát tâm nhập Phật đạo. Phật đạo từ hỷ lạc mà sinh. 4. Từ "Trừ tâm biếng nhác trễ" xuống một hàng, tụng không oán hiềm. Tâm oán hiềm khởi, thì biếng nhác ưu não. Nay dùng tâm từ nói pháp, không oán hiềm, tinh tấn không ưu não. Trên văn trường hàng đều căn cứ khéo "Chỉ" mà nói, trong tụng đều căn cứ khéo "Hành" mà nói.

Từ "Ngày đêm thường tuyên nói giáo pháp Vô thượng đạo" trở xuống, bốn hàng tụng Quán hạnh. Trên nói: "Chỉ dùng Đại thừa đáp", tụng nói: "thuyết vô thượng đạo". Trên nói: "Khiến đắc nhất thiết chủng trí", tụng nói "nguyện thành Phật đạo".

Từ "Sau khi ta diệt độ" trở xuống năm hàng, tụng khẩu an lạc

hạnh thành tựu. 1. Một hàng, nêu hành thành. 2. Từ "Lòng không chút ganh hờn" trở xuống hai hàng, nêu trong không lỗi thì nạn ngoài không sinh, ví như không có vật hôi thôi thì ruồi không đến. 3. Từ "Người trí khéo tu tập" trở xuống một hàng, nêu trong có thiện pháp cho nên hạnh thành tựu . "Như ta nói ở trên", tức trong trường hàng nói. "Nếu bên trong không lỗi", như trong kệ nói: Hoặc bên trong có thiện. 4. Từ "Công đức của người đó" trở xuống một hàng, tụng suy lường công đức, như văn kinh.

Phần thứ ba: Ý an lạc hạnh. Cũng có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng cũng có ba: 1. Nêu chương. 2. Giải thích hạnh. 3. Kết thành. Trong phần giải thích, cũng trước Chỉ hạnh sau Quán hạnh.

Trong Chỉ hạnh có bốn: 1. Không hiềm siểm. 2. Không khinh mắng. 3. Không não loạn. 4. Không cạnh tranh. Xét rằng Nhị thừa muốn nhanh vượt thoát sinh tử, thì trước hết trừ tham dục. Bồ-tát thì trước trừ sân kiến. Tật là sân cấu, siểm là kiến cấu. Tật nộ trái với tâm từ bi, không phải pháp hóa tha. Siểm cuống trái với đạo trí tuệ, chẳng phải pháp tự hành. Trí tuệ bị chướng ngại thì làm sao mà thượng cầu? Từ bi bị cấu uế ngăn ngại thì làm sao mà hạ hóa? Để được an lạc hạnh thì Bồ-tát rất cần phải vứt bỏ các thứ gây chướng ngại này. "Cũng chớ khinh mắng..." là không nên dùng Viên hạnh mà trách Biệt hạnh. Biết căn cơ thì có thể trách, không biết thì chớ mắng, chấp nhận có nghĩa thoái thất thiện căn. Từ "Nếu hàng Tỳ-kheo" trở xuống: là không nên dùng Viên mà trách Thông, vì họ vốn không có căn cơ Đại thừa. Nếu gượng dùng Viên mà quở trách, thì trái với tâm, thành phiền não. Thông đã bị quở trách, Viên lại chưa hiểu, trước nghi ngờ sau hối hận, Đại Tiểu đều mất. "Cách đạo" xa quanh co, gọi là "rất xa", đây là não Biệt hành nhân. "Trầm Không, thủ chứng" gọi là "bất đắc", đây là não người Thông giáo. Nhàm chán sinh tử, gọi là "giãi đãi". Kinh Bi Hoa nói "Tiểu thừa, gọi là giãi đãi".

Từ "Khởi tâm đại bi" trở xuống, nêu Quán hạnh, cũng có bốn, căn cứ bốn điều ác trước mà khởi hành thiện: 1. "Đối với nhất thiết chúng sinh thì khởi tâm đại bi", trái với tật siểm. 2. "Đối với các đức Như Lai thì khởi tưởng như Cha lành", trái với khinh mạn. Phàm cầu Phật đạo tức là người học Phật, kính người học như Phật, không được khinh mạn, các vị ấy thông ba đời, đây tức là Như Lai đời vị lai. 3. "Đối với Bồ-tát thì khởi tưởng là bậc đại sư", trái với não loạn. Theo Lý mà luận thì Tam thừa đều là Bồ-tát, có công đức dạy bảo hóa độ, đều là thầy của chúng sinh, cho nên khởi tưởng là thầy, chớ cho rằng họ xấu. 4. "Bình

đẳng thuyết pháp”, trái với tranh luận. Bình đẳng phá sự tranh luận do thiên chấp. “Chẳng nói nhiều chẳng nói ít” với người lợi căn, độn căn.

Từ “Văn-thù-sư-lợi” trở xuống, là kết Hạnh thành, chia làm hai: 1. Do đình chỉ ác, ác không tăng thêm, cho nên nói “không thể não loạn”. 2. Do quán hạnh cho nên người giỏi đến tụ tập, gọi là “được bạn đồng học tốt”.

Kệ có sáu hàng: 1. Năm hàng, tụng hai hạnh Chỉ Quán bên trên, mỗi hạnh đều có bốn ý. 2. Một hàng, tụng Hạnh thành.

Phần thứ tư: Thệ nguyện an lạc hạnh có hai: Trường hàng. Kệ tụng. Trường hàng lại có hai: trước nêu Hành pháp, sau nêu Tán kinh.

1. Hành pháp lại có ba: 1. Nêu chương. 2. Hành pháp. 3. Kết thành. Nêu chương như văn. Hành pháp lại có ba: 1. Từ “Tại gia xuất gia” trở xuống, nêu cảnh thệ nguyện. 2. Từ “Suy nghĩ thế này” trở xuống: là nêu nguyên do khởi thệ nguyện. 3. Từ “Lúc ta đắc” trở xuống: chánh lập thệ nguyện. Ban đầu nêu cảnh Từ nguyện. Gọi chung mọi người từng phát tâm phương tiện mà chưa ra khỏi ba cõi, là “tại gia”, đoạn hết Thông hoặc thì gọi là “xuất gia”. Đây là thâu nhiếp được hai thứ Nhị thừa, ba thứ Bồ-tát. Những hạng người này cũng đầy đủ vô minh, cũng nên là cảnh đại bi, chỉ vì họ đều từng phát tâm, tương ưng với Từ nguyện, cần phải cho họ sự an lạc của Viên đạo Viên quả, cho nên nói “sinh đại từ tâm”. Cảnh bi ấy, chẳng những người hàng Bồ-tát mà còn chung cả người chưa từng phát tâm phương tiện, tức gọi là “chẳng phải Bồ-tát”. Họ hoàn toàn không hướng về phương tiện, huống lại chân thật. Đây là cảnh Bi thâu nhiếp hết thảy chúng sinh trong tam giới, những người này cũng nên được ban vui, chỉ vì họ lưu chuyển sinh tử không giới hạn, chính là cùng thệ nguyện Bi tương ưng, cần phải bạt trừ tội nhân tội quả kia cho nên nói “sinh đại bi tâm”. Từ “Nên nghĩ thế này” cho đến “tùy nghi thuyết pháp”: nguyên do khởi Từ tâm. Do các người chuộng Tiểu thừa chấp vào phương tiện của Phật coi đó là chân thật, không hiểu Viên đạo cho nên nói “mất lợi lớn”. “Mất lợi lớn” là nguyên do khởi Từ tâm thệ nguyện. Từ “không nghe không biết” trở xuống: nguyên do khởi Bi tâm thệ nguyện. Do chưa phát tâm Thiên, Viên chưa nghe hai đạo Thiên, Viên. Vì “không nghe” Thiên đạo, nên không có Văn tuệ. “Không biết” là không có Tư tuệ. “Chẳng giác” là không có Tu tuệ. Lại, không có tam tuệ Viên giáo. Vì sao? Vì “không hỏi” nên “không nghe”, “không tin” cho nên “không biết”, “không hiểu” nên “không tu”, Thiên Viên tam tuệ Quyền Thật đều không có, rất đáng thương xót, do đó mà khởi bi tâm. Từ “Người ấy dù chẳng hỏi chẳng tin kinh

này” trở xuống chính là phát thệ nguyện. Kia dù không hỏi không tin hai đạo Thiên Viên, mà hàng Bồ-tát không căn cứ Thiên để phát thệ, chỉ muốn cho họ Viên đạo tam tuệ cho nên nói “Người đó dù không hỏi không tin kinh này, lúc ta đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... dẫn dắt khiến người ấy trụ trong pháp này”. Thệ nguyện Bồ-đề, Trí tuệ, Thần thông, đều căn cứ An lạc hạnh mà đắc. Vì sao? Vì quán sâu tòa Như Lai, cho nên đắc Trí tuệ lực, tứ biện tài trang nghiêm có thể dùng trí cứu giúp. Quán sâu nhà Như Lai, áo Như Lai, thì đắc đại thiện tịch lực, không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi. Thần thông phước đức trang nghiêm, thì đều trước dùng định để động.

Từ “Văn-thù” trở xuống: là kết Hạnh thành, chia làm ba phần:

1. Tổng kết không lỗi lầm, tức là Hạnh thành. Hạnh làm sao thành? Do kia lập đại thệ nguyện, vào nhà Như Lai hạnh thành, do kia biết tứ chúng mất Viên đạo, tức tòa Như Lai hạnh thành, do kia thệ chế tâm mình, không giãi đãi, tức áo Như Lai hạnh thành. Ba hạnh lập đủ, nên nói Hạnh thành. “Không có lầm lỗi”: Từ bi thành cho nên không có lỗi sân cấu, áo Như Lai thành cho nên không giãi đãi, tòa Như Lai thành cho nên không dối nịnh.

2. Từ “Thường được hàng Tỳ-kheo” trở xuống: biệt kết Từ bi hạnh thành. Do Từ thành, cho nên nhiếp được tứ chúng thiên nhân, cúng dường nghe pháp. Thệ nguyện thành cho nên cảm Phật thần thông, chư thiên ủng hộ. Tòa Như Lai thành, cho nên người nghe hoan hỷ.

3. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích Thệ hạnh thành. Ba đời chư Phật còn thủ hộ huống chi chư thiên ư !

Từ “Văn-thù Sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này” trở xuống: tán thán kinh khó được nghe, chia làm hai: Pháp thuyết và Thí thuyết. Pháp thuyết có hai: 1. Xưa chưa từng nói rõ, cho nên xưa không đắc. 2. Ngày nay mới đắc. Thí thuyết cũng có hai: 1. Thí dụ không ban cho viên châu, ví như xưa chưa từng nói rõ. 2. Thí dụ ban cho viên châu, ví như ngày nay được nghe. Cả hai thí dụ này đều có khai hợp.

Thí dụ không ban cho hạt châu, lại có sáu phần: 1. Uy phục các nước. 2. Tiểu vương không phụng mệnh lệnh. 3. Khởi binh đến đánh dẹp. 4. Có công hoan hỷ. 5. Tùy công mà ban thưởng. 6. Mà không ban hạt châu. “Luân vương” là dụ cho đức Như Lai hiện hóa ở đời. “Hàng phục các nước” là dụ các cảnh ấm giới nhập. “Tiểu vương” là dụ các phiền não; chưa đắc vô lậu điều phục, gọi là “không thuận mệnh lệnh kia”. “Khởi các đạo binh” : dụ phương pháp trong Thất hiền là đạo quân

trước; phương pháp trong Tu-đà-hoàn Tư-đà-hàm là đạo quân tiếp theo; phương pháp trong A-na-hàm A-la-hán là đạo quân sau. Sở phá, là ba độc, đồng phần với tám vạn bốn ngàn giặc cướp. Năng phá, là tám vạn bốn ngàn pháp môn làm chiến sĩ. Từ “Vua thấy binh chúng” trở xuống: người có công hoan hỷ. Từ “Tùy công ban thưởng”... là tùy công ban thưởng. “Ruộng” tức Tam-muội, “nhà” tức trí tuệ, “tụ lạc” là sơ quả nhị quả, “ấp” tức quả thứ ba, “thành” tức Niết-bàn, “y phục” tức Tàm, Nhẫn thiện pháp, “trang nghiêm nơi thân” tức thiện pháp trợ đạo. “Các thứ bảy báu” tức thất giác chi. “Voi ngựa xe cộ” tức Nhị thừa Tận trí Vô sinh trí. “Nô tỳ” tức thần thông, đắc hữu lậu thiện pháp như “nhân dân”. Từ “Chỉ viên minh châu trong búi tóc” trở xuống, là phần sáu không ban hạt châu. Có xuất căn cơ Phần đoạn, là lập công trạng Tiểu thừa. Có xuất căn cơ Biến dịch, là lập công trạng Đại thừa. “Rất kinh lạ”: Là chưa có công lớn mà bỗng ban cho viên minh châu trong búi tóc, thì các quyến thuộc của vua đều cho là lạ, ví như cơ duyên Đại thừa của chúng sinh chưa lay động mà bỗng nói kinh này, thì làm cho hàng nhị thừa nghi hoặc, hàng Bồ-tát kinh lạ. Hợp sáu thí dụ mỗi mỗi như văn.

Từ “Văn-thù-sư-lợi! Như luân vương” trở xuống: là Thí dụ ban cho viên châu, lại có hai: 1) Có công trạng lớn. 2) Ban cho viên minh châu. “Viên minh châu”: “Minh” là dụ cho trí Trung đạo, “viên” là dụ cho thường. “Ở trên đỉnh đầu” là cực quả. “Trong búi tóc” là Thực được giấu ở Quyền. “Mở búi tóc” tức mở Quyền, “ban cho viên minh châu” tức hiển Thật.

Hợp thí cũng có hai phần, như văn. “Có thể khiến chúng sinh đạt đến nhất thiết trí”. Trí tức là quả, gọi là “Hạnh nhất”. Lời nói đệ nhất của Như Lai là “Giáo nhất”, tạng bí mật là “Lý nhất”, bao gồm được “Nhân nhất”.

Kệ có mười bốn hàng rưỡi, chia làm hai: 1. Bốn hàng đầu, tụng hành pháp bên trên. 2. Mười hàng rưỡi tiếp, tụng tán thán kinh. Đầu tiên tụng hành pháp lại chia làm hai: 1. Một hàng đầu tụng Hạnh thành tựu. Bên trên tổng nêu Hạnh thành, nay tụng hiển riêng. “Thường tu hạnh nhẫn nhục” tụng mặc áo Như Lai hạnh thành. “Thương xót tất cả chúng”: tụng vào nhà Như Lai hạnh thành. “Mới có thể diễn nói”: tụng ngồi tòa Như Lai hạnh thành. 2. Từ “Đời mạt thế về sau” trở xuống, ba hàng: tụng tu hành pháp. Trên có ba cảnh do thệ nguyện..., kệ tụng đủ.

Từ “Như vua Chuyển luân Thánh vương có sức mạnh” trở xuống, mười hàng rưỡi: tụng tán thán pháp khó nghe bên trên. Trên có Pháp,

Thí, Hợp. Đây chỉ tụng Thí và Hợp. Tụng Thí có hai: 1. Ba hàng đầu, tụng không cho viên minh châu. 2. Từ "Nếu có người mạnh mẽ" trở xuống, một hàng, tụng cho viên châu. Từ " Đức Như Lai cũng vậy" trở xuống là phần Hợp thí: 1. Ba hàng rưỡi, tụng hợp không cho viên châu. 2. Từ "Đã biết loài chúng sinh" trở xuống, ba hàng tụng hợp cho châu. Trong đó lược khai v.v...

Từ "Sau khi ta diệt độ" trở xuống, hai mươi ba hàng là đoạn thứ ba của phẩm này, tổng kết Hạnh thành tựu tướng cảm hóa răn bảo. Khuyên tu hành chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, kết khuyên bốn hạnh. 2. Hai mươi hàng rưỡi, nêu ba báo để khuyên cũng gọi là ba chướng thanh tịnh. 3. Một hàng, tổng kết.

Phần Ba chướng thanh tịnh: chuyển dứt hết ác nghiệp đời hiện tại và đời sau, tức đắc quả báo thù thắng đời hiện tại và đời sau. Phần này lại chia làm ba phần: 1. Một hàng: "Không ưu não" là báo chướng chuyển, chuyển hiện báo. 2. Nửa hàng: "Không sinh nhà bần cùng", là nghiệp chướng chuyển, chuyển sinh báo. 3. Từ "Chúng sinh thường ưa thấy" trở xuống, mười chín hàng, là phiền não chướng chuyển, chuyển hậu báo. Đây là phần đầu "Người đọc tụng kinh này" trở xuống, một hàng, là diệt ưu não hiện tại, tức trừ quả báo khổ thọ, đây là chuyển hiện báo tâm, không có bệnh đau tức là chuyển báo sắc. 2. "Không sinh nhà bần cùng" xuống nửa hàng, là chuyển ác nghiệp, nhân ác nghiệp ứng cảm ác quả, do nhờ lực của kinh chuyển nhân ác xấu đắc quả tốt tức chuyển sinh báo. "Không sinh", tức không sinh ác nghiệp. Hiện tại trì kinh, không tạo nghiệp bần cùng thì đời sau không sinh nơi thấp kém nghèo cùng. 3. Từ "Chúng sinh thường ưa thấy" trở xuống, mười chín hàng, nêu hậu báo chuyển, chuyển ba phiền não chướng, chia làm hai phần: 1. Ba hàng đầu, riêng nêu ba phiền não chướng chuyển. 2. Mười sáu hàng tổng nêu tất cả chướng chuyển.

Ba hàng đầu lại chia làm ba: 1. Từ "Chúng sinh thường ưa thấy" trở xuống, một hàng, riêng nêu tham chướng chuyển. Người nhiều ham muốn thì bỗng nhiên kiêu mạn, lại chướng sinh cõi Phạm thiên. Vì dục chướng chuyển, cho nên được người ưa thấy và sai khiến được các đồng tử cõi trời. 2. Từ "Dao gậy chẳng đến được" trở xuống, một hàng rưỡi, riêng nêu sân chướng chuyển, xả sân thì trừ được đao tên bên trong, vào trận thì đao bên ngoài không làm tổn thương. 3. Từ "Trí tuệ rất sáng suốt" trở xuống, nửa hàng, riêng nêu ngu si chướng chuyển.

Từ "Nếu ở trong chiêm bao chỉ thấy các việc tốt" trở xuống, mười sáu hàng, tổng nêu tất cả phiền não chướng chuyển, cũng là hậu báo

chuyển. Do trì kinh mà hiện tại cảm được tướng này, nên biết do quá khứ lâu xa tu tập đã thành tựu, nay nhờ duyên mà phát sinh. Lại có các tướng nhân quả thành Phật, đều là hậu báo. Ở trong mộng thấy tướng hậu báo đời vị lai. Việc trăm ngàn vạn ức kiếp chỉ nhất niệm trong mộng, dùng để tiêu biểu pháp vi diệu bất khả tư nghì, một trong vô lượng, vô lượng trong một. Tướng ấy trước hiện sau được quả, lại chia làm sáu: 1. Từ sơ tín tâm cho đến Diệu giác tám tướng thành Phật, đều là Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm, tức Nhẫn nhục báo. Căn cứ ba hàng đầu, mộng nhập Thập tín, lại có hai: Hai hàng rưỡi đầu: Từ bi báo, nữa hàng sau: Chánh kiến là Vô si báo. 2. Từ "Lại thấy các đức Phật" trở xuống, sáu hàng rưỡi, mộng nhập Thập trụ. 3. Từ "Lại thấy tự thân mình" trở xuống ba câu: mộng tu Thập hạnh. 4. "Chứng thật tướng các pháp" một câu: mộng ngộ Thập hồi hướng. 5. Từ "Sâu vào trong thiền định" trở xuống nửa hàng: mộng nhập Thập địa. 6. Từ "Chư Phật thân sắc vàng" trở xuống năm hàng: mộng nhập Diệu giác.

Đã nói chứng Bất thoái trí tức là thọ ký, nên biết được nhập địa vị Sơ trụ Vô sinh được thọ ký. "Lại thấy tự thân mình ở trong núi rừng vắng", biết là Thập hạnh tu tập thiện pháp. "Chứng thật tướng các pháp", biết là Thập hồi hướng, ở địa vị chánh quán Trung đạo. "Sâu vào trong thiền định" tức Vô cấu Tam-muội, trong địa thứ mười, nhập kim cang định, chư Phật đều hiện xoa đầu cho thọ chức vị. Mộng thấy tám tướng thành Phật, thì biết là nhập Diệu giác. Trong đây hoặc là Sơ trụ có thể có tám tướng thành Phật, vẫn là các địa vị theo thứ tự trước dựa vào để luận về giác tột cùng.

Từ "Nếu ở đời ác sau" trở xuống, một hàng: tổng kết Hạnh thành. Tín căn: đối với Tam bảo được lòng tin kiên cố, tất cả không thể cản trở hủy hoại. Tinh tấn căn: đắc Tứ chánh cần. Niệm căn: đắc Tứ niệm xứ quán, Cần phương tiện điều phục tham ưu. Định căn: đắc Tứ thiền. Tuệ căn: đắc giải Tứ đế, như thật biết. Lại, tín căn: đối với Như Lai phát Bồ đề tâm sở, đắc tâm tịnh tín. Tinh tấn căn: đối với Như Lai, phát tâm sở khởi tinh tấn. Niệm căn: đối với Như Lai, phát tâm sở khởi niệm. Định căn :đối với Như Lai sở, khởi Tam-muội. Tuệ căn: đối với Như Lai sở, khởi trí tuệ. Bát chánh là đạo Sa-môn, cũng là pháp của Sa-môn. Thành tựu của công việc tham sân và tất cả phiền não đều tận diệt, là nghĩa Sa-môn. Tứ quả là quả Sa-môn. "Mộng": từ Tu-đà-hoàn đến Bích-chi-phật thảy đều có mộng, chỉ có đức Phật là không có mộng. Do không nghi ngờ, không có tập khí, cho nên không có mộng. Từ năm việc mà có mộng, như kệ nói: Do nghi ngờ, tâm phân biệt; học, ôn lại nhân đó

mà hiện các việc, Phi nhân đến nói với nhau. Nhân năm việc này mà có mộng. Lại, các điều được nghe thấy trở lại, và các lo lắng, cộng thành bảy việc cho nên có mộng.

Hỏi: Hiện tại ý thức còn không thấy sắc, tại sao trong mộng ý địa thấy sắc?

Đáp: Đều là từng thấy từng nghe, cho nên tưởng đó thôi! Lại mộng thấy tướng lành, tướng không lành đó thôi!

Hỏi: Trong mộng không có thần thông, không có Túc mạng trí, làm sao có thể thấy việc đời vị lai?

Đáp: Đây chẳng phải cảnh giới nguyện trí, chính là so sánh mà biết. Có những người đã từng có mộng như vậy thì quả như vậy, nay dùng đó để so sánh đó thôi!

Hỏi: Ai ngủ?

Đáp: Chúng sinh trong năm đường và trung ấm, đều có ngủ. Ở trong thai các căn đầy đủ, cũng gọi là ngủ, cho đến Phật cũng ngủ.

Hỏi: Ngủ là ngu, một trong "ngũ cái", đây làm sao thông?

Đáp: Đức Phật thì tâm luôn tỉnh thức hiện tiền, vì muốn điều thân cho nên ngủ, chứ chẳng phải "cái", chẳng phải ngu mà ngủ.

Phẩm Thứ 15: **TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT**

Sư nghiêm, Đạo đáng tôn trọng. Đệ tử tận tụy vâng theo. Một khi đức Như Lai ra lệnh bốn phương đều vội vàng xuất hiện, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Ba đời giáo hóa dẫn dắt, ban cho lợi ích không bờ bến, như một vầng trăng muôn bóng hiện, ai có thể suy lường? Mời qua để thị hiện, hoằng kinh để lợi lạc đương lai, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Lại, như hư không vắng lặng không sớm không chiều. Hoặc là do chấp Tích mà lờ mờ nơi Bản, nên mời xưa thị hiện nay để phá Cận mà hiển Viễn, cho nên nói Tùng Địa Dũng Xuất. Lại, nêu ra ý Cha trẻ ở đạo tràng tịch diệt, con già ở cõi Tịch quang, chỉ bày công lực thuốc kia, khiến đều được biết, cho nên nói Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Văn nói: “Các Bồ-tát từ đâu đến? Nhân duyên gì mà tập họp nơi đây?”. Nay dùng các nghĩa giải thích phẩm, hiển bày giải thích theo nghĩa Nhân duyên, Tứ Tất-đàn. Cho nên, nói: Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Từ đây sắp xuống là đoạn lớn mở ra phần Cận tích của Sư môn, hiển bày Viễn bản của Phật địa. Văn chia làm ba:

I. “Từ đây xuống đến “các ông tự phải nhân đó mà được nghe” là đoạn Tựa.

II. Từ “Bấy giờ đức Thích-ca bảo ngài Di-lặc”... đến hết phần Di-lặc thuyết mười chín hàng kệ trong phẩm Phân Biệt Công Đức, là đoạn Chánh thuyết.

III. Từ sau kệ trở xuống, mười một phẩm rưỡi, là đoạn Lưu thông.

Đoạn văn Tựa chia làm hai: 1. Dũng xuất. 2. Nghi vấn.

Dũng xuất chia làm ba: 1. Bồ-tát phương khác thỉnh hoằng kinh. 2. Đức Như Lai không chấp nhận. 3. Hạ phương dũng xuất. Bồ-tát phương khác nghe lưu thông kinh được phước lớn, đều muốn phát nguyện ở cõi này hoằng tuyên, cho nên xin được làm việc đó. Như Lai không chịu, bởi vì ba lý do: 1. Các ông mỗi vị đều tự có trách nhiệm riêng, nếu trụ cõi này thì bỏ lợi ích ở cõi kia. 2. Lại, cõi khác và cõi này việc kết duyên nông cạn, dù muốn tuyên bày truyền trao cũng không có lợi ích lớn cho cả hai. 3. Lại nếu hứa thuận cho, thì không được gọi phương dưới. Nếu các vị Bồ-tát ở phương dưới không đến, thì Tích không được phá, Viễn không được hiển. Đó là ba lý do mà Như Lai không chấp thuận. Gọi hạ phương đến cũng có ba nghĩa: Là đệ tử ta thì nên hoằng pháp của ta, do

duyên sâu rộng có thể làm lợi ích khắp cõi này, khắp cõi của phân thân được lợi ích, khắp các cõi khác được lợi ích. Lại, được khai Cận hiển Viễn, vì vậy cho nên không chấp thuận cõi kia mà gọi cõi dưới.

Từ "Khi đức Phật nói lời đó" trở xuống, là Hạ phương dũng xuất, chia làm hai đoạn: 1. Kinh gia trình bày tướng. 2. Hỏi thăm. Mỗi đoạn đều có năm môn:

Năm môn của đoạn đầu: 1. Dũng xuất. 2. Thân tướng. 3. Trụ xứ. 4. Nghe mệnh lệnh. 5. Quyến thuộc.

Trụ xứ: cõi Thường Tịch Quang. Thường tức Thường đức, Tịch tức Lạc đức, Quang tức Tịnh và Ngã. Đó là bốn đức bí mật tạng. Chính trụ xứ kia dùng pháp Bất trụ mà trụ trong Bí tạng. "Hạ phương": Như đáy sâu của pháp tánh, như địa vị cùng cực của huyền tông, cho nên nói "hạ phương". Ở hạ phương thì không thuộc đây, ở không trung thì không thuộc kia, chẳng đây chẳng kia tức Trung đạo. Ra khỏi đây, không ở trên, không ở dưới đây, không trên không dưới trụ tại không trung, cũng là Trung đạo.

Nguyên do đến: Là nghe lệnh cho nên đến, vì hoằng pháp cho nên đến, vì phá chấp cho nên đến, vì hiển Bản cho nên đến, đều như trên nói. "Đều đem theo quyến thuộc": Nếu vì nhân tình đến xem, thì nói lãnh sáu vạn năm vạn hằng sa người, gọi là nhiều; lãnh ba, hai, một người thì gọi là ít; riêng một mình đến, gọi là đơn độc. Nếu y văn đến tìm, thì sáu vạn năm vạn là ít, riêng một mình là nhiều. Văn nói: "Có những vị riêng một mình", số này chuyển vượt cả số trên. Nếu dựa vào pháp môn, thì mỗi mỗi đều là đức của Đạo sư, có khả năng dẫn dắt mọi người đến Bảo sở. Nên biết "một mình" không phải chỉ là một, "sáu vạn" không phải là nhiều. "Một" tức một đạo thanh tịnh. "Hai" tức định, tuệ. "Ba" tức giới định tuệ. "Bốn" tức Tứ đế. "Năm" tức Ngũ nhãn. "Sáu" tức Lục độ. Mỗi một độ đủ mười pháp giới, mỗi một giới đều có mười, mười tức có trăm, trăm tức có ngàn, ngàn tức có vạn. Một độ đủ một vạn, sáu độ đủ sáu vạn pháp môn. Nhiều không gọi là nhiều, một không gọi là ít. Chẳng nhiều chẳng ít, mà là nhiều mà là ít.

Từ "Các vị Bồ-tát đó từ dưới đất lên" trở xuống, là phần thăm hỏi, chia làm năm phần: 1. Ba nghiệp cúng dường. 2. Lời trình bày thăm hỏi. 3. Phật đáp an lạc. 4. Kệ tụng tùy hỷ. 5. Như Lai thuật tán.

- Phần một: Ba nghiệp cúng dường: "Trải qua năm mươi tiểu kiếp mà cho là như nửa ngày", "bốn chúng thấy khắp", đây chính là ẩn dài mà hiện ngắn, nhờ vào thần lực kia khiến hẹp mà thấy rộng, đều là bất khả tư nghì. Lễ bái nhiễu quanh là thân nghiệp. Tán thán pháp là

khẩu nghiệp, chiêm ngưỡng là ý nghiệp. Năm mươi tiểu kiếp đồng nửa ngày, đây là thời tiết bất khả tư nghì. Đức Như Lai thấy không dùng hai tướng, Bồ-tát hạ phương thường khen ngợi, Như Lai im lặng thọ nhận lời khen. Người hiểu, tức ngắn mà dài, nghĩa là năm mươi tiểu kiếp. Người mê, tức dài mà ngắn, nghĩa là như nửa ngày. Đây là vì Bản Tích mà làm lộng dẫn. Khi Như Lai chưa thuyết thì lờ mờ Bản mà chấp Tích, đức Phật nếu khai hiển thì ngộ Cận mà đạt Viễn, cũng biết bất tư nghì nhất. Bốn chúng thấy khắp các Bồ-tát, cũng là bất khả tư nghì. Xét rằng nhục nhãn, thiên nhãn thấy không xa, mà nay thấy đầy khắp cả hư không, thấy mưa mạnh biết rồng lớn, thấy hoa đầy biết ao sâu, thấy ứng khắp hư không thì biết chân thật đầy khắp pháp giới.

- Phần hai: Lời trình bày thăm hỏi: trước là Nêu bốn đạo sư, sau là Trình bày lời hỏi thăm, lại chia làm hai: Trường hàng và kệ tụng. Trường hàng lại có hai: 1. Hỏi Như Lai an lạc. 2. Hỏi chúng sinh dễ độ... Chỉ nêu bốn người: là muốn so sánh khai thị ngộ nhập bốn mươi vị. Như Hoa Nghiêm chỉ nêu Pháp tuệ, Công đức lâm, Kim tràng, Kim tạng bốn mươi vị.

- Phần ba: Như Lai đáp đủ. "An lạc dễ độ", hai việc nương nhau mà thành, dễ độ thì an lạc, an lạc thì dễ độ. Dễ độ chia làm hai hạng: 1. Căn lợi đức dày, đời đời đến nay thường nhận được sự hóa độ Đại thừa. Ban đầu thấy thân ta, liền bẩm thọ Hoa Nghiêm nhập Như Lai tuệ, như quả chín dễ rụng, là chúng sinh dễ độ. 2. Căn độn đức mỏng: Đời đời đến nay không thọ Đại hóa, nên vì hạng người này mà khai độn nói tiệm giáo như: Tam tạng, Phương Đẳng Bát-nhã mà điều phục, cũng khiến cho hạng người này nay nghe Pháp Hoa vào Phật tuệ. So với hạng trước thì tuy là khó, nhưng đối với Phật thì rất dễ vì Phật hiểu kia thích ứng phương tiện nên được. Nếu đức mỏng thì cần phải tô đắp trí tuệ, còn ngộ thì đồng.

Nay lược nêu mười ý giải thích: 1. Ban đầu thấy nay thấy. 2. Khai hợp, không khai hợp. 3. Theo chiều dọc rộng, theo chiều ngang lược. 4. Bản một, Tích nhiều, Tích chung, Bản chỉ một. 5. Nói thêm, không nói thêm. 6. Biến cõi, không biến cõi. 7. Nhiều chỗ, không nhiều chỗ. 8. Loại bỏ, không loại bỏ. 9. Trực hiển thật, khai quyền hiển thật. 10. Lợi căn thuần thục trước, độn căn sau mới thuần thục.

Ý thứ nhất: Ban đầu thấy, nay thấy: Lúc ban đầu mới thành đạo, gọi là ban đầu thấy, ngồi tòa Pháp Hoa lâu sau chân thật gọi là nay thấy.

Ý thứ hai: Mặt trời chiếu lên núi cao tức là thuyết Đốn giáo,

không khai không hợp. Vì người không thể nhập được, cho nên khai Đốn thuyết Tiệm, ngũ vị điều phục khiến Tiệm qui về Đốn.

Ý thứ ba: Đốn thẳng theo chiều dọc (thời gian) nhập pháp giới, cho nên nói "dọc rộng"; không trải qua phương tiện cho nên nói "ngang lược". Nay trải qua ngũ vị, tức là "ngang rộng". Được nhập Phật tuệ cũng là "dọc rộng".

Ý thư tư: Chỉ một đài, cho nên Bản một, ngàn cánh hoa cho nên Tích nhiều. Tích cùng các kinh đồng, cho nên nói Tích cùng chung. Bản cùng các kinh khác nhau, cho nên nói Bản chỉ một mình.

Ý thứ năm: Thêm bốn Bồ-tát nói bốn mươi vị, tự nói khai thị ngộ nhập không thêm người khác.

Ý thứ sáu: Hoa Vương thế giới cho nên nói cõi không biến, hai lần biến đổi cõi đất cho nên nói cõi biến.

Ý thứ bảy: Thất xứ, Bát hội cho nên gọi là "nhiều chỗ", núi Kỳ-xà-quật viễn xứ hư không cho nên "không nhiều chỗ".

Ý thứ tám: Diệt Hóa thành, đổi khách làm con, cho nên nói "loại bỏ", không có việc như thế, thì nói "không loại bỏ".

Ý thứ chín: Đi con đường thẳng lớn, gọi là "trực hiển thật", quyết liễu pháp Thanh văn gọi là "khai quyền hiển thật".

Ý thứ mười: Căn lợi, duyên thuần thục thì lúc ban đầu nhập Phật tuệ, căn độn thì về sau mới thuần thục, nay mới nhập Phật tuệ.

Vì duyên thích nghi không đồng, nên lược làm mười ý sai khác, nhưng chủng trí pháp giới bình đẳng vô sai biệt. Cho nên, văn nói: "Vừa thấy thân ta nghe ta thuyết pháp tức đều tin thọ nhập Như Lai tuệ, trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa, nay nghe kinh này mới nhập Phật tuệ". Văn đây nêu rõ, không còn nghi ngại. Các sư thấy duyên kia sai khác, bèn duyên theo cái sai khác mà giải thích mê mờ không biết, trái lại cách đạo càng xa. Nếu hiểu lý đồng, thì như ngàn xe cùng chung dấu vết. Phật tuệ thì không sai khác.

Xưa nói: "Hoa Nghiêm thì liễu nghĩa, mãn tự, thường trú. Pháp Hoa thì không liễu nghĩa, chẳng mãn, chẳng thường". Nay dùng văn đây bao gồm. Nếu đầu tiên nhập là liễu nghĩa, nay nhập không liễu nghĩa, thì đầu tiên nhập là Phật tuệ, nay nhập không là Phật tuệ ư ? Nếu Phật tuệ đã đồng, thì liễu nghĩa cũng đồng và mãn tự, thường trú cũng đều như thế... Địa nhân gọi Hoa Nghiêm là viên tông, Pháp Hoa là bất chân tông. Nay cũng dùng văn đây bao gồm nghĩa đó.

- Phần bốn: Bồ-tát lãnh giải tùy hỷ. Năng vấn tức là bốn vị đại sĩ trong Hoa Nghiêm; trong Pháp Hoa thì Thân-tử ba phen thỉnh đều là

năng vấn. Sở vấn: tức là hỏi trí tuệ Phật.

- Phần năm: Như Lai thuật tán, cùng với hỏi sai khác nhiều. Người hỏi và người tùy hỷ theo năng vấn đều là các Bồ-tát và người được hóa độ "nghe pháp rồi tin làm, chúng con đều tùy hỷ". Đây Như Lai thuật tán người năng hóa độ sinh tùy hỷ, nghĩa đây thế nào? Nhưng người năng vấn đều là cổ Phật, "Ông năng tùy hỷ" tức là Như Lai, nghĩa là Bồ-tát tùy hỷ theo Tích, Như Lai thuật tán Bản, đây cũng là bí mật nêu ý thọ lượng.

Từ câu: "Lúc bấy giờ đức Di-lặc và tám nghìn hằng hà sa đại sĩ" trở xuống, là Tựa nghi vấn. Từ đạo tràng Tịch diệt đã giáng xuống, đến tòa Pháp Hoa này cũng đã đến, các đại sĩ trong mười phương đến hội không dứt, tuy không thể giới hạn nhưng con (Di-lặc) dùng trí lực Bổ xứ đều thấy đều biết, mà nơi chúng đây không biết một người. Con cũng từng du hóa khắp mười phương, thân cận hầu hạ chư Phật, chư Phật đại chúng thảy con đều biết; mà đối với việc hiện nay lai lịch cũng không biết, hoặc đến hoặc đi suy tìm như vậy con đều không biết. Lại các vị đại sĩ kia đều là do nhiều đời tu tập trước đã thông đạt, Di-lặc là người học sau, học sau không có trí như trước nên không biết. Lại, các vị đại sĩ kia Bản thật tướng tột cùng ứng hiện khắp mười phương, riêng ban đầu giáo hóa có ứng chân thật, chẳng phải cảnh giới của Di-lặc, cho nên không biết. Lại, đức Phật uỷ thác hoằng kinh, gọi các đại sĩ. Đại sĩ nghe lệnh thầy, cho nên đến mật nghe thọ lượng, chẳng phải là điều mà chúng lúc ấy biết được, cho nên nói không biết. Đây là căn cứ Tứ Tất-đàn mà giải thích Tựa nghi vấn.

Nghi vấn chia làm hai: 1. Bồ-tát cõi này nghi. 2. Bồ-tát các cõi khác nghi. Cõi này nghi lại có hai: Một, văn trường hàng: niệm nghi. Hai, kệ tụng.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: chánh nghi vấn, lại chia làm năm phần: 1. Một hàng và một câu, hỏi từ đâu đến. 2. Một hàng và ba câu tiếp theo, hỏi "Do nhân duyên gì nhóm". 3. Từ "Mỗi mỗi các Bồ-tát" trở xuống, chín hàng trình bày số lượng Bồ-tát. 4. Từ "Các vị oai đức lớn" trở xuống, hai hàng, hỏi các Bồ-tát kia, ai là Thầy? 5. Từ "Các Bồ-tát như vậy thần thông trí lực lớn" trở xuống, năm hàng rưỡi kết thỉnh, lại chia làm năm: 1. Hai câu: kết tán. 2. Từ "Đất bốn phương rúng nứt" trở xuống, hai hàng: thỉnh đáp từ chỗ nào đến. 3. Từ "Con ở trong chúng đây" trở xuống, một hàng: thỉnh đáp do duyên nào đến. 4. Từ "Nay trong đại hội này" trở xuống, một hàng rưỡi: đại hội cùng thỉnh. 5. Từ "Thế Tôn đức vô lượng" trở xuống, hai câu: thỉnh Sư chủ đáp.

Bồ-tát các cõi khác nghi: Phân thân quyến thuộc theo chiều ngang khắp tại mười phương, cùng Di-lặc đồng nghi. Hai cõi đều không biết Bản địa, tức muốn hiển bày nghĩa thành đạo rất lâu. Mỗi mỗi thị giả đều nghi và trình bày với Phật của mình, Phật đều bảo nán đợi đức Di-lặc...

Từ "Bấy giờ đức Thích-ca Mâu-ni bảo ngài Di-lặc" trở xuống, là chánh thuyết. Văn chia làm hai phần:

- Phần một: trước trường hàng, sau kệ tụng răn hứa.

- Phần hai: Chánh thuyết trường hàng, trước thuật tán, sau răn bảo. Răn bảo chớ loạn chớ giãi đãi chớ thoái lui, tiếp hứa nêu quả trí. Quả trí là tri kiến Như Lai, tri kiến diệu quả. Tiếp, khai giáo hóa là tuyên bày. "Tự tại thần lực" là quá khứ làm lợi ích chúng sinh. "Như sức mạnh nhanh của sư tử" là sức phân thân để giáo hóa khắp cả mười phương. Hoặc nói: "Mạnh, nhanh" là báo trước tướng trạng ở tương lai, tiêu biểu tướng lợi ích chúng sinh thường trụ mãi sau. "Lực uy thế mạnh lớn" là vị lai làm lợi ích chúng sinh. Hoặc cho rằng đây chỉ việc hiện tại: chấn động khắp mười phương, tùy ý người dùng mà giải thích. Mong y theo thứ lớp trong kinh văn thì tốt vậy. Theo ý riêng: Sự "tự tại của Như Lai" là (đức) Ngã. "Thần thông" là Lạc. "Sức sư tử mạnh nhanh", mạnh nhanh trừ bỏ cấu uế, là Tịnh. "Lực uy thế mạnh lớn", đời vị lai làm lợi ích chúng sinh, tức Thường. Đây là nêu bốn đức Thường Lạc Ngã Tịnh.

Bốn hàng kệ chia làm hai phần: Ba câu đầu, tụng răn bảo. Ba hàng và một câu sau, tụng hứa nói: một câu đầu nêu quả trí tuệ, tiếp ba hàng tụng ba đời.

Từ "Lúc bấy giờ đức Thế Tôn" trở xuống: đoạn Chánh thuyết. Văn chia làm ba phần: 1. Từ đây đến hết phẩm Thọ Lượng, là Chánh khai cận hiển viễn. 2. Phần đầu của phẩm Phân Biệt Công Đức, là tổng thọ ký pháp thân. 3. Đức Di-lặc tổng trình bày sự (hiểu biết) lãnh giải.

Phần Chánh khai... có hai: 1. Lược khai cận hiển viễn, động chấp sinh nghi. 2. Rộng khai cận hiển viễn, đoạn Hoặc sinh tín.

Lược khai có hai: 1. Lược khai. 2. Nhân nghi lại thỉnh. Phần Lược khai có trường hàng và kệ tụng, trong đây chỉ đáp hai nghi vấn, không đáp do nhân gì mà tụ tập, do không đáp cho nên lại thỉnh. Văn trường hàng đều đáp cả hai, giải thích cả hai như văn.

Giải thích "hạ phương trụ ở không trung". Thích luận nêu "Hữu Để tán Tam-muội", ứng với bốn cách giải thích. Hữu là tam hữu (ba cõi), Để là phi tưởng phi phi tưởng, do có thể đạt tới chỗ sâu thẳm, cho

nên gọi là Để. Lại, Hữu là danh tướng. Để là Không, do Không tịch cho nên gọi là Để. Lại, Hữu là nhị biên tục. Để là biên tế trí đầy đủ, cho nên gọi là Để. Nay kinh dùng hư không ở hạ phương làm Để. Không phải cõi trên không phải cõi dưới, là tiêu biểu Trung đạo làm Để, đây là căn cứ giáo mà phân biệt. Từ "Ở trong các kinh điển" trở xuống, là giải thích. Sư biết đệ tử đầy đủ hai đức Trí Đoạn. Ban đầu là song tu Trí Đoạn, tiếp là song chứng Trí, Đoạn. "Đối các kinh điển phân biệt", là tu Trí. "Chánh ức niệm" là tu Đoạn. "Chẳng ưa ở trong chúng" là chứng Đoạn. "Siêng tu tinh tấn", là chứng Trí.

Từ "Không nương tựa nhân thiên mà ở", là giải thích nơi chốn, nhân thiên là nhị biên, không trú không trước (đắm). "Trí tuệ sâu không chướng ngại", là nương trí bất khả tư nghì. "Ưa ở trong pháp của Phật", là ưa cảnh bất tư nghì, cảnh trí rất vi tế. Không phải Cận xứ và Hành xứ của Bồ-tát.

Kệ có tám hàng rưỡi chia làm hai: Năm hàng rưỡi đầu, tụng đáp hai nghi vấn. Ba hàng sau, tụng giải thích hai nghi vấn.

Từ "Lúc bấy giờ ngài Di-lặc" trở xuống: nhân nghi lại thỉnh, có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Nghi. 2. Thỉnh. Nghe trên nói đức Phật dưới cây Bồ-đề mới giáo hóa, mà nay các vị Bồ-tát đều trụ Bất thoái. Lại nghe: "Ta từ lâu xa đến nay giáo hóa chúng ấy". Nghe hai câu này mà động chấp sinh nghi. Từ "Liền bạch Phật rằng" là khởi nghi, lại thỉnh. Có hai: 1. Pháp thuyết . 2. Thí thuyết.

- Pháp thuyết chia làm ba: 1. Từ "Liền bạch Phật rằng" trở xuống: nghi Phật thành đạo gần đây mà sao người được hóa độ rất nhiều, chấp Cận mà nghi Viễn. 2. Từ "Thế Tôn! Chúng đại Bồ-tát này" trở xuống: Bồ-tát được hóa độ đã nhiều, hạnh vị rất vi diệu, là chấp Viễn mà nghi Cận. 3. Từ "Thế Tôn! Việc như thế đời rất khó tin": kết thỉnh.

- Thí thuyết có khai có hợp. Khai chia làm ba: "Sắc đẹp tóc đen", dụ cho "Thành đạo gần". "Chỉ người trăm tuổi" trở xuống, dụ cho "người được hóa độ rất nhiều". Các sư ở phương Bắc thì dùng thí dụ để giải thích thí dụ: Cha uống thuốc cải lão hoàn đồng, cho nên diện mạo đồng hai mươi lăm tuổi; con không uống thuốc đó, cho nên hình dáng như trăm tuổi. Nếu biết sức mạnh của thuốc thì không có nghi ngờ cha con. Không biết việc đó cho nên nghi ngờ. Đức Như Lai theo chiều ngang uống thuốc thuỳ Tích, thị hiện mới sinh tại thành Già-da. Các Bồ-tát luận thẳng Bản địa, từ lâu phát đạo tâm nay trụ nơi Bất thoái. Chỉ Phật và Phật mới biết được việc này; tự mình thấp kém không thông đạt thì không thể không nghi. "Việc này khó tin" là kết thí dụ.

Từ "Đức Phật cũng như thế" trở xuống: Hợp thí. Văn chia làm hai phần: Một, hợp thí dụ Cận, như văn. Hai: từ "mà các đại chúng" trở xuống là hợp thí dụ Viễn. Xem đây thì Bồ-tát từ lâu đã gieo trồng thiện căn, chẳng phải chỉ mới phát tâm tại thành Già-da. "Khéo nhập, xuất, trụ" chín loại định theo thứ lớp, là "khéo nhập", "Sư tử phấn tấn" là "khéo xuất", "siêu việt" là "khéo trụ". Đây là ý của Thông giáo Tạng giáo. Từ Sơ địa đến Thập địa gọi là "khéo nhập", Thập địa nhập trùng huyền môn. Đảo ngược sự tu theo kiểu phàm phu, gọi là "khéo xuất". Diệu giác đầy khắp, gọi là "khéo trụ". Đây là ý của Biệt giáo. Hoàn thiện Pháp tánh Tam-muội gọi là "khéo nhập". Hoàn thiện Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, gọi là "khéo xuất". Hoàn thiện Tam-muội vương gọi là "khéo trụ". Đây là ý của Viên giáo. "Khéo theo thứ lớp tu tập các thiện pháp", căn cứ nhân thì mới khéo tập, căn cứ quả thì mới khéo nhập... "Khéo đáp nạn vấn" là đủ hai thứ trang nghiêm. Thất phương tiện tôn quí, cho nên gọi là "báu quý trong loài người".

Từ "Ngày nay đức Thế Tôn" trở xuống: thỉnh đáp, lại chia làm ba phần: 1. Từ "Ngày nay" trở xuống: nêu lời Phật. 2. Từ "Chúng con" trở xuống: thỉnh ý, thỉnh ý chia làm hai: Một: là hiện tại con tuy chưa thông đạt nhưng tin lời Phật nói mà thôi. Hai: từ "Nhưng các Bồ-tát" trở xuống: đời vị lai, người tu hành nông cạn sẽ sinh phỉ báng. "Các Bồ-tát mới phát tâm" hủy báng thì đoạ vào đường ác. Còn hạng bất thoái tuy tin không hủy báng nhưng không thể tăng trưởng đạo, hoặc là phân biệt, thì người hủy báng sẽ sinh lòng tin, người tin thì tăng trưởng đạo. 3. Từ "Kính thưa Thế Tôn!" trở xuống: chính thỉnh đáp. Thỉnh đáp cũng có hai: Một: Trừ lòng nghi của chúng con. Hai: từ "Và chúng sinh đời vị lại" là trừ nghi cho đời vị lai.

Kệ có mười bốn hàng tụng Pháp thuyết Thí thuyết trên. Năm hàng đầu, tụng Pháp thuyết, chín hàng sau tụng Thí thuyết.

Trong Pháp thuyết có ba: 1. Một hàng, tụng chấp Cận. 2. Từ "Các hàng Phật tử này" trở xuống, hai hàng và ba câu, tụng nghi Viễn. 3. Từ "Thế nào mà tin được" trở xuống, một hàng và một câu, tụng kết thỉnh.

Trong tụng Thí thuyết có hai: 1. Hai hàng, tụng khai thí. 2. Từ "Thế Tôn cũng như vậy" trở xuống, bảy hàng, tụng hợp thí, lại có ba: 1. Hai câu, tụng hợp Cận. 2. Từ "Các chúng Bồ-tát này" trở xuống, ba hàng rưỡi, tụng hợp Viễn. 3. Từ "Chúng con từ Phật nghe" trở xuống, ba hàng, tụng hợp thỉnh đáp.

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9
(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 16: **NHƯ LAI THỌ LƯỢNG**

Trước nêu ra một số giải thích khác nhau: Bài tựa của sư Duệ nói: "Thọ vô lượng kiếp chưa đủ để chứng minh sự lâu dài kia, phân thân vô số không đủ để khác với Thể kia, vậy thì thọ lượng kia nhất định chẳng thể tính số, phân thân rõ ràng cùng với cái Thể kia không khác (bất dị). Phổ Hiền hiển bày cái Thể kia không thành, Đa Bảo chứng minh cái Thể kia bất diệt". Sư Đạo Lãng ở Hà Tây nói: "Rõ ràng pháp thân chân thật và biến hóa không khác, còn và mất là lý Nhất, Đa Bảo hiện chứng minh pháp thân thường tồn, thọ lượng rõ ràng cùng sánh ngang bằng với thái hư". Đạo Tràng Quán nói: "Hội tam qui nhất thừa là ban đầu. Diệt ảnh lắng thần thừa là cuối cùng. Diệt ảnh, nghĩa là dứt Tích. Lắng thần thì Bản lộ ra. Cho nên Tích thì vô thường mà Bản thì thường". Có người chú giải: "Không bị chi phối bởi qui luật tồn vong, là "Thọ", vượt ngoài giới hạn của dài ngắn, là "lượng". Pháp thân chẳng thuộc về hình dáng tuổi tác, nếu đại sĩ tu thì thực hành soi chiếu đến cùng tột, không thể cho rằng tại thành Già-da mới làm Phật và trăm tuổi là người già". Trúc Đạo Sinh nói: Sắc thân đức Phật kia ứng hiện mà có, không có thật hình. Hình đã không thật, thì đâu có thọ ư? Thế thì vạn hình đồng đến chỗ xưa nay là một, xưa cũng như nay, nay cũng như xưa. Không lúc nào không có, không nơi nào không tồn tại. Nếu có lúc không có, có chỗ không tồn tại, thì đối với chúng sinh như vậy, đức Phật không như vậy. Đây là dùng chỗ tột cùng mà luận bàn trường thọ, nói "Già-da" là như thế vậy. Già-da là như thế, thì chẳng phải là Già-da nữa. Già-da đã không, thì trường thọ kia làm sao riêng có một mình được? Ngắn dài ở đây mất, ngắn dài thường còn ở nơi đó sao!

Các sư thế hệ trước nói như trước nay, phần nhiều căn cứ vô lượng để chứng minh "thường". Các sư thời gần đây, thì phần nhiều nói thọ là

lượng, pháp trước vượt quá hằng sa, sau gấp bội số trên, cuối cùng qui về giới hạn cùng cực chứng minh "vô thường". Lại người mê hoặc chấp phẩm nói Thọ lượng. Lượng là vô thường, sao dùng giải nghĩa thường? Nay vì trả lời: Phẩm nói thẳng Thọ lượng, không nói Thọ hữu lượng, không nói Thọ vô lượng. Ông giải thích vô thường, người khác giải thích thường. Đây sao mà tệ vậy, như "cò hến tranh nhau". Ta căn cứ tệ hại kia mà giải thích đầy đủ bốn điều:

1. Thật hữu lượng mà nói vô lượng, là Di-đà.

2. Thật vô lượng mà nói lượng, như phẩm này và kinh Kim Quang Minh.

3. Thật vô lượng mà nói vô lượng, như kinh Niết-Bàn nói: "Chỉ có Phật cùng với Phật mới thọ vô lượng".

4. Thật hữu lượng mà nói lượng, như tám mươi tuổi kêu là diệt. Phẩm văn có đầy đủ nghĩa đây, đâu có thể là một mà chẳng phải ba ư!

Hỏi: Nếu phẩm Thọ Lượng nêu thường, thì kinh Niết-Bàn vì sao khác? Nay lại chất vấn: "Pháp Hoa nhất thừa cùng Thắng Man nhất thừa có gì sai khác"?

Đáp: Nếu phân biệt đáp, thì Pháp Hoa lược nêu thường, Niết-Bàn rộng nêu thường. Thắng Man là nhất nêu nhất, Pháp Hoa hội tam nêu nhất...

Hỏi: Thành đạo cận là phương tiện, thành đạo viễn là chân thật, Kinh Hoa Nghiêm nêu tịch diệt đạo tràng, Đại kinh nêu vượt trước chín kiếp, đều là thành phương tiện, Nếu như vậy thì Pháp Hoa khai viễn xong, Thường Bất Khinh sao lại cận? Nên biết Pháp Hoa đã trở lại phương tiện. Nếu vậy thì hội tam qui nhất xong, cũng nên không hội tam qui nhất. Nếu vậy thì khai tam hiển nhất chư Phật đạo đồng, khai Cận hiển Viễn chư Phật đạo đồng. Nếu vậy thì chư Phật cũng vậy, đâu phải chỉ riêng đức Thích-ca. Nếu riêng đức Thích-ca, thì các nghĩa trước hoại.

Đáp rằng: Phương tiện của Phật Thích-ca và chư Phật cũng vậy.

Lại nữa, các Bồ-tát nghe Thọ lượng thì phát nguyện, nguyện ta ở đời vị lai thuyết Thọ lượng cũng như vậy. Đây tức chư Phật đạo đồng, cũng không riêng nói nhất cận nhất viễn. Cho nên, biết nhờ vô thủy vô chung, vô cận vô viễn để hiển Pháp thân thường trú, nhờ hữu thủy hữu chung, hữu cận hữu viễn để luận bàn kia ứng với Tích. Dùng nghĩa này mà nhìn các kinh, đối duyên tuy khác cuối cùng không khác. Đã hiểu rõ các kinh, các sư bất khả sư.

Hỏi: Theo nghĩa thì suy cứu "thường" có thể như thế, nhưng dẫn

chứng văn kinh thì căn cứ vào đâu?

Đáp: Người hiểu biết thì quí ở lý. Người không hiểu biết thì chấp văn, chỉ tìm giải thích hợp với tông là chánh ý của giáo. Nếu chấp những cái vụn vặt mà hỏi những điều cao xa thì có ích gì?! Lại giáo vốn là duyên, duyên khác thì nói khác, hoặc là tùy vui thích, tùy nghi, tùy trị, tùy ngộ, ngộ thì đạt đến rồi, sao lại lo lắng mông lung làm gì? Cho nên nói "Nê-hoàn chân pháp bảo, chúng sinh đủ loại môn nhập" là nghĩa đây vậy. Lại văn có nhiều ít, kinh Niết-Bàn lấy vị lai thường trú làm tông chỉ, nên văn kia nói nhiều, không dùng "từ quá khứ lâu đã thành Phật" làm tông chỉ, nên văn kia ít. Nếu theo nhiều bỏ ít, thì là ma thuyết chẳng phải Phật thuyết. Kinh này lấy "quá khứ đã thành Phật" làm tông, số cõi trải qua nhiều như vi trần, nên văn nói nhiều, vị lai thường trú văn kia nói ít. Nếu theo nhiều bỏ ít, thì như đầu phá làm bảy phần, như cành cây A-lê. Ví như lệnh của thiên tử, dù nhiều hay ít đều không thể trái, trái lệnh thì mắc tội. Phẩm Phương Tiện nói: "Thế gian tướng thường trư, nơi đạo tràng biết rồi, đức Phật phương tiện nói". Văn đây tức nói vị lai thường trú bất diệt. Lại, nói "ta thường trú nơi đây". Lại, nói "thường ở núi Linh-thứu" và các trú xứ khác. Kinh Phổ Hiền Quán nói: "Nơi Thường Ba-la-mật thu nhiếp thành tựu, nơi Ngã Ba-la-mật an lập. Như đây văn nói nghĩa Thường cũng lại không ít. Lại nữa, kinh này nơi nơi đều nêu pháp thân, pháp thân há chẳng thường ư ?

Hỏi: Đã nói pháp thân thì nên luận tam đức?

Đáp: Quyền, Thật nhị trí há chẳng phải Bát-nhã? Ba đời thị hiện há chẳng phải Giải thoát? Thật tướng Bản địa chính là Pháp thân. Ba đức được nêu trong văn là như thế.

Giải thích tên Phẩm: "Như Lai": là danh hiệu chung của mười phương ba đời chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật. "Thọ lượng" là thuyên lượng, thuyên lượng công đức của mười phương ba đời chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật. Đây chính thuyên lượng bản địa công đức của Phật, cho nên nói phẩm Như Lai Thọ Lượng. Như Lai nghĩa rất nhiều, ở đây tạm nêu nhị, tam Như Lai, ngoài ra theo lệ có thể biết.

Nhị Như Lai: Thành luận nói: Thừa Như thật đạo, Lai thành chánh giác, cho nên gọi là "Như Lai". Thừa là pháp như như trí, thật là pháp như như cảnh, đạo là nhân, giác là quả. Nếu riêng luận về thừa, thì như như vô sở tri, riêng luận về thật, thì như như vô năng tri. Cảnh trí hòa hợp thì có nhân quả. Chiếu cảnh chưa cùng, thì gọi là nhân, tận nguồn thì gọi là quả. Nghĩa đạo giác thành tựu tức là thừa Như thật đạo,

Lai thành chánh giác. Đây là "Chân thân Như Lai". Dùng trí như thật, nương đạo như thật, đến sinh trong cõi, thị hiện thành Chánh giác, tức là "Ứng thân Như Lai".

Tam Như Lai: Đại luận nói: Như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết, cho nên gọi là Như Lai. "Như": pháp như như cảnh, chẳng nhân chẳng quả, dù có Phật hay không có Phật thì tánh tướng thường như vậy, khắp tất cả xứ mà không có khác, gọi là "Như". Bất động mà đến, gọi là "Lai". Chỉ đây là Pháp thân Như Lai. Pháp như như trí nương nơi đạo như như chân thật, "lai" thành Diệu giác. Trí xứng như lý, theo lý gọi là Như, theo trí gọi là Lai, tức Báo thân Như Lai. Cho nên luận nói: Như pháp tướng giải, nên gọi là Như Lai. Vì cảnh trí như như hợp, cho nên có thể ở khắp nơi thị hiện thành Chánh giác. Thủy ngân hòa với chân kim thì có thể tô bồi các sắc tượng, công đức hòa pháp thân thì có thể hiện đến khắp mọi nơi. Tám tướng thành đạo chuyển diệu pháp luân, tức Ứng thân Như Lai. Cho nên Đại Luận nói: "Như pháp tướng thuyết cho nên gọi là Như Lai".

Pháp thân Như Lai gọi là Tỳ-lô-giá-na, Trung hoa dịch Biến Nhất thiết xứ. Báo thân Như Lai gọi là Lô-xá-na, Trung hoa dịch Tịnh Mãn. Ứng thân Như Lai gọi là Thích-ca Văn, Trung hoa dịch Độ Ốc Tiêu. Đây là tam Như Lai, nếu riêng chọn thì không được. Đại kinh nói: Pháp thân cũng phi, Bát-nhã cũng phi, Giải thoát cũng phi. Ba pháp đầy đủ xứng bí mật tạng, gọi là Đại Niết-Bàn, không thể là một hay khác, là dọc hay là ngang. Quan sát theo Viên giáo, thì ba pháp gọi là giả danh Như Lai. Kinh Phạm Võng kết thành Hoa Nghiêm giáo, đài hoa làm gốc, cánh hoa làm ngọn. Biệt làm một duyên thuyết như đây mà gốc ngọn không được lìa nhau. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi kết thành Niết-bàn. Văn nói: "Hoặc thấy đức Thích-ca là Tỳ-lô-giá-na hoặc là Lô-xá-na. Bởi do duyên trước mà thấy khác chẳng phải Phật có ba. Kinh Phổ Hiền Quán kết thành Pháp Hoa. Văn nói: "Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na chính là khác tên chẳng phải khác thể". Tổng quát ý của các kinh, nên biết ba Phật chẳng phải một hay khác, rõ ràng vậy!

Hỏi: Phẩm này không có tên của ba Phật sao giải thích?

Đáp: Tuy không nêu tên mà nghĩa kia đầy đủ.

Văn nói: "Chẳng như chẳng khác, chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi". Đây chẳng Thiên như mà hiển bày Viên như, tức nghĩa Pháp thân "Như Lai". Lại nói: "Như Lai như thật tri kiến (thấy biết) tướng tam giới, tức là như như trí xứng như như cảnh. Cái thấy biết của Nhất thiết chủng trí, tức Phật nhãn, đây là nghĩa Báo thân Như Lai". Lại nói: "Hoặc chỉ

bày thân mình việc mình, hoặc chỉ bày thân người việc người", đây tức nghĩa Ứng thân Như Lai. Nếu chỉ tánh đức của ba Như Lai là ngang, chỉ tu đức của ba Như Lai là dọc, thì "trước Pháp thân, tiếp Báo thân, sau Ứng thân" là dọc. Kinh này là Viên giáo, thuyết không dọc không ngang ba Như Lai. Nêu Như Lai ngang dọc còn chẳng phải nghĩa này, huống chi nghĩa Như Lai theo Tam tạng và Thông giáo! Lại, trước Pháp Hoa cũng nêu Viên Như Lai, đồng là thuyết trong Tích môn. Phát Tích hiển Bản ba Như Lai, vĩnh viễn khác với các Kinh. Luận nói rằng: "Thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng cho nên thị hiện ba thứ Bồ-đề: 1. Ứng hóa Bồ-đề tùy chỗ ứng hiện, tức là thị hiện, như kinh nêu xuất thân từ cùng dòng họ Thích. 2. Báo Phật Bồ-đề: Thập địa mãn túc đắc Thường Niết-bàn, như kinh nói: "Ta thật từ lúc thành Phật đến nay, trải qua vô lượng vô biên kiếp". 3. Pháp Phật Bồ-đề: Nghĩa là Như Lai tạng tánh tịnh Niết-Bàn bất biến, như kinh nói: "Như Lai thật thấy biết tướng của tam giới". Kinh nói đủ nghĩa, luận nêu đủ tên, không giải thích như trên thì đâu hợp với kinh luận!

Tiếp đến giải thích hai chữ "Thọ lượng": "Thọ" là nghĩa thọ nhận. Chân như không ngăn cách các pháp, cho nên gọi là thọ nhận. Lại, cảnh trí tương ưng nên gọi thọ nhận. Lại, môt kỳ báo được trăm năm không đoạn, nên gọi là thọ nhận. "Lượng" là thuyên lượng. Chữ "lượng" thì chung không có mục đích riêng biệt để căn cứ. Thuyên lượng Pháp Như Lai thì dùng như lý làm mạng, Báo Như Lai thì dùng trí tuệ làm mạng, Ứng Như Lai thì đồng duyên lý làm mạng. Thuyên lượng các mạng, hoặc hữu lượng hoặc vô lượng, hoặc phi lượng phi vô lượng.

Pháp thân Như Lai như lý mạng: Có Phật không Phật, tánh tướng thường như vậy. Không luận tương ưng và bất tương tục, cũng không hữu lượng và vô lượng. Văn nói: "Phi như, phi dị, phi hư, phi thật", đó là thuyên lượng Pháp thân như lý mạng.

Thuyên lượng Báo thân Như Lai: Vì như như trí khế hợp như như cảnh, cảnh phát trí làm Báo, trí biết cảnh bao la làm thọ. Cảnh đã vô lượng vô biên thường trú bất diệt, trí cũng như vậy, như hộp lớn thì nắp lớn. Văn nói: "Trí lực của ta như vậy, nghiệp tu tập lâu mà được. Tuệ quang soi chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp". Đây là thuyên lượng Báo thân Như Lai trí tuệ mạng.

Thuyên lượng Ứng thân: Ứng thân đồng duyên, duyên dài cùng dài, duyên ngắn cùng ngắn... tự kia đối với ta làm gì! Văn nói: "Thường thường hiện sinh, thường thường hiện diệt. Hoặc lại tự thuyết danh tự không đồng, số tuổi lớn nhỏ". Đây là thuyên lượng Ứng Phật đồng

duyên mạng.

Lại nữa, Pháp thân phi lượng phi vô lượng. Báo thân trước Kim cang hữu lượng, sau Kim cang vô lượng. Ứng thân tùy duyên thì hữu lượng, ứng dụng không đoạn thì vô lượng. Con đường chung về thuyên lượng thì ba câu tại Thánh, một câu thuộc phàm. Hữu lượng vô thường đều chẳng phải nghĩa Phật. Xưa đến nay, các cách giải thích chính là tăng giảm, cả hai đều hủy báng vu khống Phật thêm, chẳng phải ma là gì ! Bốn câu thuyên lượng nghĩa kia đã rõ. Vì người chưa hiểu, lại chọn lựa phân ra làm bốn câu thường v.v... trước nêu riêng, sau nêu chung. Riêng: là phi thường phi vô thường, cả hai phi lý tột cùng tức Pháp thân. Thường tức Báo thân. Báo trí cảnh hợp cũng phi thường phi vô thường. Chỉ lấy chánh trí viên mãn bất sinh bất diệt, vượt qua trước Kim cang tâm, cho nên lấy “thường” làm Báo thân, lấy “cũng thường cũng vô thường” làm Ứng thân. Ứng dụng vô tận là “cũng thường”, Phật nhiều lần nói: “Ta sẽ Niết-Bàn”, gọi là “cũng vô thường”. Vô thường thì Kim cang tâm trở về trước, trí dụng tăng tiến cho đến phàm phu sinh diệt ẩn hiện đều là vô thường. Ba thân Phật thì mỗi thân một câu, phàm phu chung một câu, Đây là căn cứ Biệt giáo mà phân biệt riêng.

Còn nói chung theo Viên giáo thì mỗi một Như Lai đều đầy đủ bốn câu. Pháp thân có bốn câu: Phi thường phi vô thường, cả hai cùng phá bát đảo của phàm Thánh. Thường, là như hư không thường. Vô thường, là không có phàm phu sinh diệt đảo loạn. Cũng thường cũng vô thường: là tịch mà song chiếu. Báo thân có bốn: Phi thường phi vô thường: Trí biết cảnh bao la, cho nên Thường là vượt quá Nhị thừa. Vô thường: Không có sinh diệt đảo loạn. Cũng thường cũng vô thường: năng song chiếu. Ứng thân có bốn: Phi thường phi vô thường: là phi báo phi sinh tử. Thường: là thường ứng thân đồng. Vô thường: là đồng vô thường. Cũng thường cũng vô thường: là cả hai đều tồn tại. Phàm phu đã được một câu vô thường, theo cách chung cũng làm bốn câu. Chỉ có lý tánh đức còn không có danh tự bốn câu, huống chi là hành dụng ư! Có thể hiểu, khỏi phải nói ra.

Một thân tức ba thân, không một không khác. Phải biết một thân Phật tức dầy đủ công đức thọ mạng của các thân, tùy duyên cảm mà thấy ngắn dài không đồng. Đại kinh nói: “Hàng phàm phu, Nhị thừa thấy thọ mạng của Phật giống như ngày mùa đông, Bồ-tát thấy giống như ngày xuân, chỉ có Phật thấy thọ mạng của Phật vô lượng giống như ngày hạ”. Sở dĩ có như vậy, là do hàng phàm phu thì bác địa mê mờ chướng ngại mông lung, Tạng Thông Nhị thừa thì tuy đoạn Tứ trụ mà

vẫn không thấy Trung đạo. Hoặc xả Phân đoạn, thọ Pháp tánh thân, mà chưa phá vô minh, ở cõi kia phụng trì cũng là Ứng thân thù thắng, nên biết Nhị thừa chỉ thấy như ngày đông. Nếu các Bồ-tát chưa đến (địa vị thập trú) thì thấy đồng như trước, nếu phá vô minh cho đến thọ phần Pháp thân, thì đều gọi là được thấy Báo thân thọ mạng, quyết định mà nói thì cũng là thắng Ứng thân, chưa cùng tận cội nguồn báo thân, chưa cùng tận cực pháp tánh, nên thấy thọ mạng Phật cũng giống như ngày xuân. Chỉ có Phật cùng Phật mới cùng tánh tận nguồn, thấy pháp thân thọ mạng như ngày hạ. Đại kinh nêu ba ví dụ để dụ: 1. Trong các cái Thường thì hư không là đệ nhất, trong tất cả thọ mạng thì Như Lai là đệ nhất, đây là thí dụ Pháp thân thọ mạng vô thủy vô chung tánh tướng vắng lặng, không đồng Ứng, Báo thân. 2. Thí dụ như bốn con sông đều chảy về biển lớn, đây là dụ Báo thân tu vạn điều thiện đều cảm Phật báo thân trong biển thọ mạng. 3. Trong ao A-nậu-đạt chảy ra bốn con sông lớn, đây là dụ Ứng thân thọ mạng từ Pháp Báo xuất ra đồng tha dài ngắn. Phẩm này thuyên lượng nêu thông suốt cả ba thân, nếu theo ý Biệt giáo thì chánh tại Báo thân. Vì sao? Vì nghĩa tiện văn hợp. Nghĩa tiện: là Báo thân trí tuệ trên thì sâu dưới thì hợp, ba thân rõ ràng đầy đủ, cho nên nói nghĩa tiện. Văn hợp: "Từ khi ta thành Phật đến nay rất là lâu xa", cho nên năng làm lợi ích cho chúng sinh ba đời. Sở thành tức Pháp thân, năng thành tức Báo thân. Pháp thân và Báo thân hợp, nên năng lợi ích chúng sinh, cho nên nói văn hợp. Lấy đây mà suy, thì ý chính là luận công đức Báo thân Phật.

Lại nữa đủ mọi công đức của ba thân như vậy, đều là lúc xưa (bản) ở dưới cây Bồ-đề trước lâu đã thành tựu gọi là Bản. Trung gian ngày nay ở Tịch diệt đạo tràng thành tựu, gọi là Tích. Các kinh nói Bản Tích ấy: Tức Tịch diệt đạo tràng thành tựu Pháp Báo thân, là Bản. Từ Bản mà sinh khởi hai Ứng thân thắng liệt, là Tích. Kinh này nêu chọn Tịch tràng và trung gian thành tựu ba thân, đều gọi là Tích, chọn Bản xưa ngồi đạo tràng chứng đắc tam thân, gọi là Bản, cho nên khác với các kinh. Nếu không có Bản thì không thể thùy Tích. Nếu không có Tích thì không thể hiển Bản. Bản Tích tuy khác mà là bất tư nghì nhất. Triệu sư nói: Ý tại Tịch diệt đạo tràng đó là Bản. Lại nữa, Bản Tích tại Tịch diệt đạo tràng lại có nhiều thứ: Hoặc là dùng Niết-bàn làm Bản, từ chân khởi ứng làm Tích. Tích Bản đều không, nói năng suy nghĩ đều dứt, cho nên bất tư nghì nhất. Hoặc là dùng tục làm Bản, từ tục khởi ứng làm Tích, Tích Bản sâu rộng, địa vị thấp kém thì không thể tư duy luận bàn bờ mé, cho nên nói bất khả tư nghì nhất. Hoặc là dùng Trung làm

Bản, từ Trung khởi ứng làm Tích, Tích Bản đều ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, cho nên nói bất tư nghì nhất. Lại nữa ba thứ đây, không phải ba cũng không phải một. Không phải ba không phải một, làm Bản, mà là ba mà là một, làm Tích, đều là ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, bất tư nghì nhất. Chưa biết các sư chỉ nơi nào làm Bản Tích bất tư nghì nhất?! Nay nhiếp luôn bốn phen đều là bất tư nghì nhất trong Tích. Xa chỉ bản địa mà ba phen bốn phen bất khả tư nghì, dùng làm Bản kia, từ Bản ấy mà thùy Tích, đem Tích mà hiển Bản. Bản tích tuy khác mà bất tư nghì nhất. Bản Tích như, thế thì sao được không khác các kinh, sao được không khác các sư ?

Hỏi: Các kinh đều nói thứ bậc địa vị, hoặc nhiều hoặc ít, kinh Hoa Nghiêm bốn mươi mốt vị, kinh Anh Lạc năm mươi hai vị, danh nghĩa đều rộng. Kinh này từ đầu đến cuối, đều không có việc này. Vì sao nói khác?

Đáp: Ví như người ở đời làm đủ mọi nghề, tích tụ đủ mọi bảo vật, cầu đủ mọi địa vị, nếu không có thọ mạng thì dùng tài vật địa vị làm gì? Đại kinh nói: “Ví như Trưởng giả sinh nuôi một đứa con duy nhất, thầy tướng xem tướng đứa con, nói mạng nó ngắn ngủi không thể nối dõi, cha mẹ biết rồi bỗng xem như cỏ”. Pháp môn cũng như vậy, hành đủ mọi nhân, thâu hoạch đủ mọi quả, hiện đủ mọi thần thông, hóa độ đủ mọi chúng sinh, thuyết đủ mọi pháp, độ đủ mọi người, mà tất cả đều ở trong biển thọ mạng của Như Lai. Ở trong biển thọ mạng, thì chủ yếu là pháp tánh và trí tuệ tương ứng. Chủ yếu nước cùng đổ về một nơi, còn danh xưng là cỏ, thì chẳng khác là gì!

Phần rộng khai cận hiển viễn, văn chia làm hai: 1. Răn tin. 2. Chánh đáp. Đức Phật chỉ luận bàn răn bảo, chúng thọ nhận, là tin. Văn đây có ba lần răn bảo, ba lần thỉnh, một lần thỉnh lại, một lần răn lại Tích môn: ba lần thỉnh, một lần răn bảo. Trong đây bốn lần thỉnh, bốn lần răn bảo. Trước sau hợp lại có năm lần răn bảo bảy phen thỉnh. Đây là việc lớn đặc biệt, có sự ân cần trịnh trọng như vậy.

“Thành” là trung thành, “đế” là thẩm thực, lời nói không dối chúng sinh, tức là chân thật. Xưa thất phương tiện tùy ý người khác mà nói, chẳng bảo thành thật. Nay tùy ý mình mà chỉ bày là chủ yếu, nên nói “thành đế”. Bồ-tát đã phụng mạng, thành thật khuyên răn không dám nghi ngờ, nghe ắt phải tin, tin nhận lời nói thành thật.

Phần Chánh đáp có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

Pháp thuyết có hai: 1. Ba đời lợi vật. 2. Tổng kết ý không dối gạt.

Cận tình chỉ thấy hiện tại tám mươi năm, mà không biết quá khứ vô số, vị lai bất diệt, cho nên căn cứ ba đời khai cận hiển viễn. Như thế lợi ích chẳng riêng gì ta, mà chư Phật cũng vậy. Cho nên, tổng kết ý không dối gạt. Trong Pháp thuyết vị lai nói ít. Trong kệ Thí thuyết văn nói nhiều...

Phần Quá khứ lợi vật, văn chia làm hai: 1. Từ "Sức bí mật thần thông của Như lai" trở xuống: tình chấp (gần) cận. 2. Từ "Nhưng, Thiện nam tử" trở xuống: phá cận hiển viễn. Phần một lại chia làm ba: 1. Pháp sở mê. 2. Chúng năng mê. 3. Mê viễn.

"Bí mật": một thân tức ba thân, gọi là "bí", ba thân tức một thân, gọi là "mật". Lại, điều mà xưa không thuyết, gọi là "bí", chỉ có đức Phật tự biết, gọi là "mật". "Thần thông lực": là dụng của ba thân. "Thần" là lý thiên nhiên, bất động, tức Pháp tánh thân. "Thông" là trí tuệ bất tư nghì không bị ngăn che, tức Báo thân. "Lực" là tài năng ứng dụng tự tại, tức Ứng thân. Đức Phật ba đời đồng có ba thân, ở trong các giáo đã bí mật không truyền, cho nên tất cả thế gian thiên nhân Tu-la cho rằng "nay đức Phật mới ở nơi cây Bồ-đề đắc ba thân này, cho nên chấp gần vì nghi xa". Trong đây thuyết vốn không đề cập đến Nhị thừa mà chỉ đối với Bồ-tát. Bồ-tát nhiếp gồm Nhân, Thiên, Tu-la trong ba đường thiện, còn ba đường ác tội nặng căn độn ít trí không biết nghĩa nói như đây. Cho nên kinh Đại Phẩm chỉ nói Ma-ha-diễn thắng xuất Thiên, Nhân, A-tu-la, cũng không nói ba đường.

Bồ-tát có ba hạng: Hạ phương, Tha phương, Cựu trú. Hạ phương tức các Bồ-tát được hóa độ ngày xưa, cho nên gọi là không chấp. Tha phương, Cựu trú đều có hai thứ: 1. Từ Pháp thân ứng sinh, đời trước đã đắc Vô sinh, hoặc trước đã nghe phát Tích hiển Bản, nếu chưa được nghe thì báo tận, thọ pháp tánh thân. Ở nơi pháp thân địa, tự ứng được nghe thuyết lâu dài, cho nên ứng sinh Bồ-tát, phần nhiều gọi là không chấp gần. 2. Đời nay mới đắc Vô sinh nhẫn và người chưa đắc, đều có nói ở đây.

Từ "Nhưng, thiện nam tử! Ta thật thành Phật đến nay"trở xuống: nêu phá chấp bỏ mê để hiển Bản lâu xa, văn trên nói "lời răn bảo chắc thật" là đây vậy. Phần này chia làm hai: 1. Hiển viễn. 2. Từ: "Từ đó nhẫn nại" trở xuống: nêu quá khứ lợi vật thích nghi. Phần Hiển viễn chia làm hai: 1. Pháp thuyết hiển viễn. 2. Nêu thí dụ cách lượng pháp thuyết. Thành Phật đến nay rất là lâu xa. Nghĩa Thành-già-da cận tức phá. Phá cận hiển viễn, lược có mười ý, như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói v.v... Văn đây chính dùng phá cận hiển viễn. Phá cận, nghĩa

là tình phế cận. Hiển viễn, tức phế bỏ cận giáo vậy.

Trong Thí lại có ba: 1. Nêu thí dụ và hỏi. 2. Đáp. 3. Hợp hiển bày nghĩa: lâu dài. Các kinh khác hoặc nêu số bất khả thuyết, trần sa... làm dụ. Phương pháp như đây, đây chính là nhiều. Các thế giới bị điểm bằng một bụi trần, đã là bất khả thuyết. Huống là các thế giới không bị điểm bằng một bụi trần, mà có thể tính được sao? Các thế giới bị điểm và không bị điểm bằng một bụi trần đó, đều nghiền thành vi trần, thì số vi trần ấy há có thể tính được ư? Huống là vượt quá số vi trần ấy, thì làm sao nói? 2. Từ " Di-lặc Bồ-tát"trở xuống: đáp. Nêu ba hạng người không biết. 3. Hợp thí, như văn.

Từ "Từ đó nhẫn lại" trở xuống: nêu rõ lợi vật thích nghi, lại có ba: 1. Nơi lợi vật. 2. Quét sạch mối nghi chấp Tích bên trên. 3. Từ "Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta" trở xuống: chính nêu lợi vật thích hợp.

Cần phải hiển bày nơi chốn: Trên dẫn dụ "rất lâu xa", thì lâu ở nơi nào? Cho nên nói: "thường ở cõi này và cõi khác" mà làm Phật sự, như văn. Từ "Ở chặng giữa đó" trở xuống: quét sạch nghi chấp tích, nghi nhân nghi quả. Giáo xưa thuyết xứ xứ đều hành nhân, lại xứ xứ được thọ ký tức là nghi quả. Nay quét trừ nghi này. "Ta nói Phật Nhiên Đăng" tức quét trừ nghi nhân. Lại nữa, nói "có các đức Phật nhập Niết-bàn" tức quét quả nghi. Nhân quả như thế không phải một điều nữa, đều là do ta phương tiện chẳng phải thật thuyết, cho nên nói quét nghi.

Hoặc có người nói: "Phương tiện nói đức Phật Nhiên Đăng là thầy ta, nhưng thật là đức Thích-ca hiện làm. Chẳng phải sinh mà hiện sinh, chẳng phải diệt mà hiện diệt, cho nên "lại nói có các đức Phật kia nhập Niết-bàn". Nay nói không như vậy chỉ chọn giải thích trước. Vì sao? Vì vào thời đức Phật Nhiên Đăng thế các chúng sinh duyên thuần thục, dùng Phật tượng hóa độ, duyên ta chưa thuần thục nên chỉ làm Bồ-tát theo hầu Phật và được thọ ký, được thọ ký tức là nghĩa quả. Hành hạnh tức là nhân, hiểu được văn thì tự đầy đủ. "Nói các vị kia" tức là "ở chặng giữa đó" người thiết lập giáo hóa chẳng gọi là đức Phật Nhiên Đăng. Lại nữa, ở chặng giữa lợi vật tức là có hình sắc có âm thanh cả hai đều lợi ích. Nếu nói: "Gặp Phật Nhiên Đăng", đây tức có ích về hình. "Lại nói có các đức Phật kia nhập Niết-bàn", nghĩa là đức Phật kia sau khi diệt độ, trợ giúp Phật hoằng hóa tức có lợi ích về âm thanh. Nếu vậy hình sắc và âm thanh đều lợi ích, đều thuộc nhân trung gian. Đã có hình sắc và âm thanh là sinh, có sinh ắt có tử, tử tức nhập Niết-bàn, gọi đây là quả. Không được nói "ở chặng giữa đó" đã thành Phật quả. Vì sao? Vì trước Pháp Hoa chưa nói thành Phật, sao lại nghi

có Phật quả! Xưa cho là "đức Phật Nhiên Đăng là do ta hiện làm", đây cũng không phải là hiểu. Vì các kinh trước kinh Pháp Hoa chưa luận "xưa đã thành Phật". Vì sao giáo nói đức Nhiên Đăng là ta hiện làm, mà quét trừ cái nghi này ư ?

Từ "Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta" trở xuống: chính nêu lợi ích thích nghi, lại chia làm hai: 1. Cảm ứng. 2. Thiết lập giáo hóa. "Đến chỗ ta" tức là chúng sinh trong quá khứ có hai căn cơ tiệm đốn ngầm bám lấy Pháp thân. "Dùng Phật nhãn quán sát" tức là từ lâu đã thành Phật, dùng Phật nhãn soi chiếu không có sai sót, sắp muốn khởi hai Ứng thân thắng liệt mà làm lợi ích. Căn cơ thiện gồm có hai lực: 1. Cảm Nhân Thiên hoa báo. 2. Cảm Phật đạo quả báo. Nếu dùng Pháp nhãn quán sát, thì biết vạn thiện duyên với chúng sinh dù nhiều hay ít, đều được hoa báo, mà không thể rốt ráo biết, chúng sinh ấy cuối cùng đắc quả báo là Chủng trí. Nếu dùng Phật nhãn Viên chiếu vạn thiện, thì biết chúng sinh từ đầu đến cuối. Kinh này hoàn toàn nêu Phật nhãn quán sát biết chúng sinh vạn thiện cứu cánh đắc Phật, ý chính là vì một đại sự xuất thế. "Các căn Tín v.v..." tức năm căn: Tín v.v... Tuệ căn tức liễu nhân, các căn còn lại tức duyên nhân. Hai thiện căn này đều có lợi độn, thông nhiếp cơ duyên đốn tiệm. Đốn cơ lợi độn, tức là căn cơ Viên giáo, Biệt giáo. Tiệm cơ lợi độn, tức là cơ duyên theo Tạng giáo, Thông giáo. Lại, căn Tiểu thừa gọi là độn, căn Đại thừa gọi là lợi. Lại, căn Tiểu thừa gọi là lợi, nhân thiên thừa gọi là độn. Chúng sinh trong mười pháp giới có thiện căn lợi độn, làm cơ. Không dùng ác pháp, vì ác pháp chẳng phải là duyên nhân và liễu nhân. Đức Như Lai đều chiếu soi căn cơ thiện khắp mười pháp giới, "tùy theo chổ đáng độ" mà hiện hình sắc và âm thanh làm lợi ích.

Từ "Nơi nơi tự nói" trở xuống: chính nêu ứng hóa thích nghi, lại có hai: 1. Hình sắc và âm thanh làm lợi ích. 2. Được lợi ích hoan hỷ. 1. Hình lợi ích lại có hai: 1. Nêu rõ phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt. "Tự nói danh tự không đồng": hình kia đã hiện thì có danh tự, do danh tự mà dẫn đến hình thể. Cơ có tốt xấu, hình có hơn thua. Hình sai khác nên danh không đồng. "Niên kỷ lớn nhỏ", tức hình hơn thua. Hình hơn tức Thắng ứng thân, hình kém tức Liệt ứng thân. Danh không đồng tức là hai đức Phật hiện thọ hữu lượng vô lượng. "Nơi nơi": luận theo chiều dọc thì các cõi nước hành nhân ở khắp nơi trong quá khứ; luận theo chiều ngang tức cõi nước mười phương. "Danh tự không đồng" căn cứ nơi chốn theo chiều dọc, cũng có "Sinh pháp" danh tự không đồng, như ứng thân nay hướng về đức Phật Nhiên Đăng quá khứ... Căn cứ cõi

nước theo chiều ngang thì cũng có “Sinh pháp” danh tự, như nay hướng về phân thân. Cũng như thập hiệu trong kinh Hoa Nghiêm liệt nêu đức Thích-ca bao nhiêu tên khác không đồng. Lại, các kinh nêu Phật có ba thân danh tự không đồng, dẫn đến pháp thể cũng đều khác. Hoặc nói Tỳ-na, hoặc Xa-na hoặc Thích-ca, pháp thân Phật hoặc gọi Như như thật tướng, Đệ nhất nghĩa, Bát-nhã, Lăng-nghiêm v.v... cùng bày ra. Đây là căn cứ thân Phật thị hiện khắp pháp giới mà danh tự không đồng. Nếu hiện thân trong chín pháp giới danh tự không đồng, thì “vô lượng vô biên” có thể dùng để đạt ý. “Niên kỷ lớn nhỏ”: đây là nêu thọ mạng dài ngắn, theo ứng thân hiện như trên. Hoặc nói thọ hai vạn năm, như thời Phật Ca-diếp; hoặc nói thọ tám vạn như thời Phật Di-lặc, truyền nêu xen lẫn lớn nhỏ dọc ngang, có thể biết. Căn cứ Pháp, Báo, Ứng thân Phật, thọ mạng lớn nhỏ như Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói v.v... Hoặc là ba thân hướng vào nhau mà phân rõ lớn nhỏ. Hoặc là ba thân, mà mỗi thân phân biệt đều là nhỏ, hợp thuyết gọi là lớn. Ví như ba phen im lặng... Đây đều tùy đối tượng đáng độ mà vì họ hiện thân và thọ mạng dài ngắn đó thôi! “Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn”: Nên dùng diệt độ mà độ người đáng độ, thì hiện diệt độ, khiến họ quyến luyến, ngưỡng mộ mà được giải thoát. Nghĩa này được nêu trong Thí thuyết bên dưới.

“Lại, dùng các thứ phương tiện mà thuyết pháp vi diệu”: là hiện âm thanh làm lợi ích. Thân nhỏ, thọ mạng ngắn, tức là thuyết Tiệm giáo, cho nên nói “các thứ phương tiện”. Thân lớn, thọ mạng dài, tức là thuyết Đốn giáo, cho nên nói “thuyết pháp vi diệu”. Tuy ban đầu dùng Tiệm giáo mà cuối cùng khiến nhập Đại thừa, cho nên nói “đều khiến được hoan hỷ”. Nhưng hoan hỷ ở đây là thiết lập giáo hóa được lợi ích. Đức Phật y tứ Tất-đàn thiết lập hai điều lợi ích về hình sắc và âm thanh, làm cho chúng sinh thâu hoạch bốn điều lợi, xứng căn cơ thì vui, trái căn cơ thì buồn. Văn dưới nói “đều thật chẳng dối”, tức là nghĩa đây.

Từ “Các thiện nam tử ! Như Lai thấy những chúng sinh”trở xuống: là hiện tại Sư tử phấn tấn lợi vật, Tam-muội này có mười công đức: 1. Phân biệt người khác các căn thuần thục hay không thuần thục, thanh tịnh hay không thanh tịnh. 2. Dùng pháp luân Như Lai giáo hóa cho người chưa được độ đều nhập pháp luật. 3. Hoằng thệ cùng khắp mười phương, âm thanh cũng như vậy. Hoặc một âm thanh vang khắp hoặc trăm ngàn vạn âm thanh cũng vang khắp, dạy bảo khắp các loài. 4. Chuyển Vô thượng luân giáo hóa chúng sinh đều được diệt độ. Những người khác không thể chuyển, chỉ có đức Phật mới có thể chuyển. 5.

Năng chỉ bày người cắt tóc xuất gia giữ gìn tịnh giới, cũng có thể khiến người an vui. 6. Tánh hạnh hợp Không. 7. Phóng hào quang thị hiện diệt, hoặc còn hoặc mất, hoặc bày tướng tốt hoặc ẩn tướng tốt. 8. Hàng phục bốn ma. 9. Khiến người khác đắc nhập trọng yếu, tăng trưởng Chỉ, Quán. 10. Tôn trọng đầy mười điều thiện là căn bản, thân ba khẩu bốn v.v...

Văn đây chia làm hai: 1. Cơ cảm. 2. Ứng hóa.

"Như Lai thấy" tức Phật nhãn soi chiếu. "Các chúng sinh ưa pháp Tiểu thừa": đối tượng bị thấy là căn cơ chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Đại chúng tuy thanh tịnh, nhưng những người ưa pháp Tiểu thừa ấy hoặc sinh nghi hối hận, đêm dài lo buồn. Đức Phật vì thương xót họ, nên im lặng". Kệ nói: "Bọn ấy hành chưa lâu, trí tuệ chưa sáng suốt, y thức bất y trí, nghe rồi sinh lo hối, họ sẽ đọa đường ác, thương họ nên không nói". Xét rằng: Kinh kia không có Thanh văn nhị thừa, nhưng chỉ "người tu hành không lâu" là "người ưa pháp Tiểu thừa" đó vậy. Sư nói: "Ưa tiểu thừa, chẳng phải là người Tiểu thừa, mà người ưa Cận thuyết là người Tiểu thừa". Nay sẽ nói chung, cái gọi là "Tham ái hai mươi lăm cõi" tức căn cơ nhân thiên, "đến chỗ ta" gọi là "ưa Tiểu pháp". Tham ưa Niết-bàn cầu tự giải thoát, tức căn cơ nhị thừa "đến chỗ ta", cũng gọi là "ưa tiểu pháp". Ưa tiệm thứ cách xa Phật đạo, tức căn cơ thứ ba Bồ-tát "đến chỗ ta", cũng gọi là "ưa Tiểu pháp". "Đức mỏng": là cả hai duyên nhân và liễu nhân công dụng thiện thấp kém. Văn dưới nói: "Các con thơ dại" là nghĩa này. "Tội nặng": Kiến hoặc và Tư hoặc chưa trừ.

Hỏi: Phi sinh hiện sinh, thiết lập đầy đủ hai cách giáo hóa đốn tiệm. Thất phương tiện... có thể "ưa Tiểu pháp", viên đốn hợp căn cơ thì phải "ưa Đại pháp". Vì sao gọi chung là "ưa Tiểu pháp" ?

Đáp: Hướng lược ý kia nay rộng giải thích, phàm làm bốn nghĩa: 1. Căn cứ ngày trước tuy phát tâm Đại thừa mà không chuyên tinh, phần nhiều mê đắm dục xấu không được xuất thế. Gọi dục xấu là pháp Tiểu thừa. 2. Căn cứ hiện tại, như Phật chưa xuất thế các hàng Thiên, Nhân tuy có căn cơ Đại thừa mà tâm ham đắm thế gian tà kiến, cho nên gọi là "ưa Tiểu pháp". Hai nghĩa đây đồng với ý trong thí dụ bên dưới: "lăn lộn trên đất". 3. Căn cứ sự tu hành, tuy không ưa dục xấu Tiểu pháp trong tam giới, mà ưa "Khôi đoạn" của Tam thừa, cũng gọi là Tiểu pháp. Tuy không ưa cận quả tam thừa, mà ưa trải qua Biệt tu nhất thừa, nhưng không thể nhất tâm Viên đốn phổ tu, cho nên gọi "ưa Tiểu". Ba ý này là căn cứ nhân môn mà nêu ưa pháp Tiểu thừa. 4. Căn cứ quả môn,

ưa nghe Tiểu thừa Cận thành, tức là ra khỏi cung họ Thích mới đắc Bồ-đề, mà không muốn ưa nghe đạo Đại thừa lâu xa, cho nên nói "ưa Tiểu pháp". Những người tâm Tiểu thừa này chẳng phải mới ngày nay. Nếu trước ưa Đại thừa, thì đức Phật không nói "mới thành". Nói "mới thành" ấy, đều là vì những người ưa pháp Tiểu thừa.

Từ "Đức Phật vì người đó nói" trở xuống, là hiện tại ứng hóa, chia làm hai: 1. Phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt.

Phi sinh hiện sinh lại có hai: 1. Hiện sinh. 2. Lợi ích.

Hiện sinh lại có hai: 1. Hiện sinh. 2. Phi sinh.

Hiện sinh: Tích hiện tại sinh, phi sinh là chẳng phải mới sinh. Vì người ấy mà nói "ta mới đắc Bồ-đề" nên trước nêu hai hạng căn cơ lợi độn cảm đến Pháp thân, nay thì hiện Thắng và Liệt ứng thân. Liệt ứng thân ứng với độn căn, Thắng ứng thân ứng với lợi căn. Ứng với hai hạng này đều có Sinh thân Pháp thân sinh. Liệt ứng hai thân sinh, dùng chánh tuệ thác thai, (xuất) sinh ra đi bảy bước như Ca-chiên-diên tử thuật lại, cho đến sáu năm khổ hạnh trở lại đó gọi là Sinh thân sinh. Pháp thân sinh tức ba mươi bốn tâm đoạn kết, tập khí tận, đắc ngũ phần Pháp thân. Thắng Ứng sinh thân sinh: như các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm nói: "Cùng các Bồ-tát ở trong thai Ma-da, thường thuyết Đại thừa, sinh ra đi khắp mười phương mỗi mỗi đều bảy bước, đó gọi là Sinh thân sinh. Pháp thân sinh: Là ở nơi Tịch diệt đạo tràng, tâm sau Kim cang, đoạn tận vô minh, đắc Diệu giác tương ưng tuệ, chiếu cùng tận pháp tánh, vạn đức chủng trí tròn đầy sáng suốt cùng khắp, đó gọi là Pháp thân sinh.

"Xuất gia": Liệt ứng thân thì ra khỏi nhà Phân đoạn sinh tử, Thắng ứng thân thì ra khỏi hai nhà sinh tử . "Đắc Bồ-đề: Liệt ứng thân đắc "Hữu tác Tứ đế" phát khởi Vô lậu trí, Tận trí, Vô sinh trí, gọi là Bồ-đề; Thắng ứng thân tức chiếu đạo Nhất thật của Tam đế, Nhất thiết chủng trí làm Bồ-đề. Từ "Nhưng thật sự ta thành Phật" trở xuống: là nêu Bản thật bất sinh, chỉ thiên nhân tu-la, thấy hai thứ Sinh Pháp hai thân, gọi là mới sinh. Đây thì không như vậy,ta từ lâu đã đắc hai thân Sinh, Pháp này. Ngày nay sinh chẳng phải thật sinh cho nên nói: "lâu xa dường ấy". "Dường ấy" là " lâu dài" như thí dụ trên. "Chỉ dùng phương tiện" trở xuống: nêu đã chẳng phải thật sinh vì sao hiện sinh? Vì lợi ích cho người ưa Tiểu pháp đức mỏng tội nặng, khiến họ thành Phật đạo, cho nên nói: "Chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh. "Nên nói như thế": phi sinh mà hiện sinh cho nên nói "nên nói như thế".

Các kinh khác phá Liệt ứng Sinh thân sinh phi sinh, chứ không thể

phá Liệt ứng Pháp thân sinh phi sinh. Kinh này chính phá Thắng ứng Pháp thân sinh phi sinh. Vì sao? Vì "từ ta thật thành Phật đến nay, lâu xa dường ấy", cho nên biết ngày nay cả hai Liệt và Thắng pháp thân sinh đều bị phá, nên sinh phi sinh vĩnh viễn khác với các kinh khác.

Từ "Kinh điển của Như Lai nói ra" trở xuống: nêu dùng hình sắc và âm thanh làm lợi ích cho chúng sinh đời hiện tại, chia làm hai phần: Trước nêu hình sắc và âm thanh, tiếp nêu Không dối. "Thuyết" tức dùng âm thanh thuyết giáo. "Thị" tức dạy bằng hình thức qui cũ. Hình sắc và âm thanh không ngoài mình và người khác. Nếu nói Pháp thân, thì "nói thân mình". Nếu nói Ứng thân, thì là "nói thân người". Lợi ích nói "gặp đức Phật Nhiên Đăng", tức là "nói thân mình", "Phật Nhiên Đăng là thầy ta", là "nói thân người". Thị hiện chánh báo là "chỉ việc mình", thị hiện y báo là "chỉ việc người". Tùy ý người mà nói là "nói thân người", tùy ý mình mà nói là "nói thân mình"."Chỉ việc người" và "chỉ việc mình" cũng giống như đây. Từ "Các lời nói ấy đều thật chẳng dối"trở xuống, là phần hai: không dối, lại có hai: Trước, nêu Không dối, tiếp Giải thích không dối. Ban đầu riêng căn cứ âm thanh lợi ích không dối mà giải thích, tức cả hai giải thích không dối. Ban đầu không dối: hai loại căn cơ tiệm đốn vâng theo hai thứ hình sắc âm thanh này, đều lợi ích chẳng dối. Chương nói quá khứ bên trên nêu đều hoan hỷ, tựa như lợi ích thế giới, nay nêu đều không dối. Hình tiếng của Thắng và Liệt ứng thân hợp với hai hạng căn cơ, thâu hoạch tứ Tất-đàn đều chẳng dối. Đại luận nêu tứ Tất-đàn đều thật, Thế giới tất nhiên thật, Đối trị, Vị nhân tất nhiên thật. Thuần nhất mà luận làm ba, là thế gian thật thì thật này tức giả dối, trong duyên cũng có thế gian ba thật và Đệ nhất nghĩa tức giả dối, Nếu dùng cái thật giả này dựa vào hai môn Bản Tích, thì tiệm đốn lợi ích là giả thật. Xưa tu hành theo phương tiện, chưa được lợi ích của đạo thật, tức là nhân kia hư dối. Chấp vào cận Tích chưa được lợi ích Bản địa chân thật, tức là quả hư dối. Nay nghe thuyết Tích môn đồng nhập thật tướng, tức được lợi ích thật trong Nhân. Nghe thuyết Bản môn tức trừ tình chấp cận, được lợi ích thật của quả địa lâu dài. Nay đắc hai thật đối với hai dối xưa là căn cứ vào chúng sinh viên đốn. Đối với Tích môn Bản môn, một thật một dối, mà đắc hành Trung đạo, đó là đắc lợi ích thật trong Nhân mà chấp quả cận, là giả dối về quả. Nay nghe thuyết nhân lại không riêng được lợi ích chân thật, nghe thuyết quả viễn (xa) thì được lợi ích quả thật. Xưa có một giả dối, nay đắc một thật, cho nên nói "đều thật chẳng dối".

Hỏi: Xưa nay Đại thừa hiển thật tướng, mà người ngộ thì có trước

sau, vậy phải có sai khác?

Đáp: Ban đầu nhập, kế tiếp nhập, cho đến phá bỏ thảo am, cùng nhập Trung đạo. Chỉ vì nhập có tiệm đốn cho nên phân hai giáo, ví như nhập Chân đế, người độn căn thì dựa vào quán phân tích pháp vô thường... Người lợi căn thì quán thể pháp không, cho nên phân ra làm Tạng, Thông vậy.

Từ "Vì sao? Vì Như Lai đúng như thật thấy biết" trở xuống, là tổng giải thích lợi ích vật chẳng hư dối. Trước hết là giải thích hình sắc lợi ích, tiếp theo là giải thích lời nói lợi ích không dối. Trong đây có sáu câu hiển bày Ứng thân không lìa Pháp thân, Pháp thân không hình tướng cũng không khởi diệt, căn cơ chúng sinh có khởi diệt cảm Pháp thân, vì nguyện lực Như Lai nên tương ứng đồng khởi diệt. Cái thấy khởi ra từ chúng sinh, cho nên căn cứ ba cõi mà nêu các câu. Lại chia làm hai: 1. Chiếu lý không dối. 2. Từ "Bởi vì các chúng sinh"trở xuống: nêu Xứng cơ không dối. Đạt lý xứng cơ thiết lập giáo hóa chúng sinh chắc chắn chẳng dối gạt.

"Đúng như thật thấy biết" tức là thật trí. Như lý mà chiếu sự thật của ba cõi, thật thì không có nhân tướng của ba cõi. "Không có sinh tử": là không có khổ của hai thứ sinh tử. Khởi Tập gọi là "thoái", vô thường quả hiện gọi là "xuất". Cũng "không ở đời" sinh tử "và nhập diệt" Niết bàn. Hai thứ này đều diệt, cho nên nói "cũng không ở đời và diệt độ". Chẳng phải diệt độ là thật, chẳng phải sinh tử là hư, cho nên nói "chẳng phải thật chẳng phải hư". Chẳng phải thế gian là riêng biệt khác thường, chẳng phải xuất thế là chân như, cho nên "chẳng phải như chẳng phải khác". Bốn câu này nêu rõ Trung đạo. Nếu cả hai chẳng phải nhị biên, thì kết câu nhất định là nhất biên, ví như phi sinh phi tử thì kết câu là sinh, là sinh là tử thì kết câu là tử, là thoái là xuất thì kết câu là thoái, phi thoái phi xuất thì kết câu là xuất; phi hư phi thật thì kết câu là thật, là hư là thật thì kết câu là hư. Lưu truyền như thế, nay đều chẳng phải thế, cho đến đơn phức và đầy đủ cũng đều chẳng phải như thế, mới hiển ý Trung đạo. "Chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi", không như hai loại chúng sinh trong ba cõi mà thấy tướng ba cõi. Chỉ có đức Phật là người duy nhất biết rõ đến cùng đúng như thật về thật tướng của ba cõi. Trong đầy đủ dụng của Thật trí cũng là "tùy ý mình nói", cũng là "hoặc nói việc thân mình". Cho nên kinh Đại Phẩm nói: "Trong Đệ nhất nghĩa không còn phân biệt". Như Lai Quyền trí như lượng thấy biết tướng tam giới, tức như thấy chúng sinh tam giới, thấy biết như thật không có hai thứ tử mà tùy ý người chỉ bày hai thứ tử thân, nói có hai

thứ tử, không thoái không xuất mà tùy ý người cho nên nói có thoái có xuất, cũng không ở đời và diệt độ mà tùy ý người cho nên thị hiện sinh tử thế gian thị hiện nhập Niết-bàn. Thuyết "có ở đời có đắc diệt", là không thật mà nói Niết-bàn là thật, không hư dối mà nói tam giới là hư dối, tam thế không khác mà nói có khác, không có như của chân đế mà nói có như, "giống như tam giới mà thấy tam giới" đều là tùy ý người nói, gọi là "hoặc nói thân việc người, hiện thân việc người". Nhị trí của Như Lai biết rõ nhị đế, do đó hình tướng lời nói cả hai đều lợi ích, đều là chân thật không hư dối.

Từ "Bởi vì các chúng sinh" trở xuống: giải thích xứng hợp căn cơ, không hư dối. Trước, nêu cơ cảm. Tiếp, luận về thiết lập giáo hóa. Bởi vì các chúng sinh căn cơ lợi độn, tiệm đốn không đồng, các thứ tánh dục hạnh trí đủ loại sai biệt, muốn khiến cho họ được tăng trưởng các thiện căn cho nên nói về mình và người để cho thấy là không dối gạt, dùng nhân duyên thí dụ. Căn tánh tiệm đốn có đủ mọi thứ, đây nên dùng Vị nhân Tất-đàn.Vị nhân Tất-đàn chính làm sinh trưởng các thiện căn. Thiện căn cũng là "tánh", tập dục thành tánh, nay vì sao trước tánh sau dục? Giải thích rằng: "Nhân có căn tánh ngày xưa mà năng khởi ưa muốn ngày nay. Như nhân phiền não cho nên có ngũ ấm, lại nhân ngũ ấm lại có phiền não, không trước không sau. Tánh dục cũng như vậy, chủ yếu là do huân tập dục mà thành tánh. "Dục": Là hai căn cơ tiệm đốn, hoặc là các thứ ưa muốn không đồng, đây cần phải dùng Thế giới Tất-đàn. "Hạnh": là khởi làm hạnh nghiệp, tùy ưa muốn mà tu các hạnh, đây nên dùng Vị nhân Tất-đàn. Trong hạnh mà ham nhiều ái trước đến nổi có sự ngăn chướng, thì đây cần dụng Đối trị Tất-đàn. "Nhớ tưởng": là trí tuệ tức tương tư giải, do tu hành cho nên năng được giải sinh, đây là phương tiện cũng chưa xứng lý vô ngôn thuyết đạo, cũng là quán niệm tưởng. Chúng sinh tiệm đốn ở địa vị nội phàm, ngoại phàm có các thiện căn ưa muốn, vì ưa muốn cho nên tu hành, vì tu hành cho nên đắc tương tự giải, đây cần phải dùng Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Tùy kia được hiểu nhớ tưởng lại mà vì họ thuyết pháp, liền được sáng tỏ ngộ Đệ nhất nghĩa cho đến khi ở Sơ địa mà ưa muốn tu hành Nhị địa, cũng nhớ tưởng cảnh nhị địa tức là "niệm tưởng". Nếu phát sinh thấu hiểu một cách chân chánh về nhị địa, tức là niệm tưởng quán trừ ngôn ngữ pháp diệt, thì cho đến Phật mới chứng đắc cứu cánh lìa nhớ tưởng, thâu hoạch thường tịch chiếu.

Từ "Muốn làm cho sinh các thiện căn" trở xuống: chánh đối căn cơ thiết lập lợi ích do hình tướng và lời nói của mình của mình và của

người. Đối với các thứ căn cơ tiệm đốn, khiến sinh các thứ thiện căn, cho nên hiện bao nhiêu việc thân mình việc thân người, bao nhiêu âm thanh của mình của người để giáo hóa, bao nhiêu nhân duyên thí dụ. Nếu đối căn cơ tiệm, thì dùng bốn môn trong Tam tạng, biết bao nhân duyên thí dụ, ở trong mỗi mỗi môn lại có dường ấy. Như vì người giải đãi nói Khổ nhẫn, vì người ngã mạn mà nói Vô thường nhẫn... Bốn môn Thông giáo cũng như vậy. Nếu đối với hạng căn cơ đốn như Biệt, Viên... thì cũng có bốn môn biết bao nhiêu thứ, như ba mươi hai vị Bồ-tát đều thuyết nhập pháp môn Bất nhị trong Hoa Nghiêm, các thứ hạnh loại tướng mạo, đều vì các thứ căn cơ mà thiết lập "bao nhiêu thí dụ ngôn từ, cac cách thuyết pháp". "Làm các Phật sự chưa từng tạm phế bỏ": Tổng kết ý không dối: Như trên bao nhiêu hình tướng và âm thanh của mình của người đều khiến cho chúng sinh nhập tri kiến Phật không vì việc nhỏ của Nhân, Thiên, Nhị thừa cho nên nói: "làm các Phật sự" Nếu chỉ riêng một người được diệt độ, những người khác không được, thì chỗ làm Phật sự có phế bỏ tức khiến cho chúng sinh không được thật lợi ích, thì sao hợp với "đều thật chẳng dối" được? Thế nào là "đều thật"? Xưa nói: Ta ngồi đạo tràng không đắc một pháp thật, Thất phương tiện đều chẳng phải cứu cánh diệt. Hai thứ Niết-bàn là phương tiện, là nắm tay không (không quyền). Cho nên chỉ biết có hư dối chưa thấy "đều thật". Nếu xưa thiết lập bảy quyền bèn không được nhập một thật thì có thể nói đó là hư dối. Dối gạt dẫn ra, không có dối gạt ra mà không nhập thật, cho nên biết xưa dối gạt làm thật. Đều là thật chẳng hư dối làm Phật sự không bỏ phế là nghĩa đây vậy.

Từ "Như thế từ ta thành Phật đến nay rất lâu xa" trở xuống: nêu phi diệt hiện diệt, lại có hai: 1. Phi diệt hiện diệt. 2. Từ "Đức Như Lai dùng phương tiện" trở xuống: lợi ích của hiện diệt.

Phi diệt hiện diệt lại có hai: 1. Nêu Bản thật bất diệt. 2. Từ "Nhưng nay" trở xuống: trong Tích xướng diệt.

Từ "Từ ta thành Phật đến nay" trở xuống: nêu quả vị thường. "Thường trụ bất diệt", dựa vào bốn chữ này nêu rõ đời vị lai thế lực oai mạnh "thường trụ" lợi ích chúng sinh. "Ta xưa tu hành..." là nêu nhân so sánh quả để nêu rõ "thường trụ". Người xưa căn cứ đây để chứng minh vô thường nói: "Trước trải qua hằng sa số kiếp, sau gấp bội hơn số trên, thần thông kéo dài tuổi thọ cũng là vô thường". Đây là chấp thủ ý văn một cách kỳ quặc, phạm lỗi lầm lớn! Kinh nêu nhân so sánh quả, quả chẳng tính được. Kinh dạy: "Từ lâu tu hành nghiệp đắc thọ mạng vô số kiếp, chẳng phải thần thông kéo dài thọ mạng. Vì sao? Vì đức Phật tu

Viên nhân, khi đăng Sơ trụ thì đã đắc thường thọ. Thường thọ thì rất hơn thọ, đã gấp bội số trên, huống chi lại là quả! Tại sao lại bỏ so sánh quả! Nếu chấp nhân có thể so sánh, ví dù làm tốt nhân này thì đã là thường, tức không phải vô thường. Như Thái tử lúc bấy giờ lộc hưởng không thể hết, so với lên đến địa vị tôn quí tột cùng thì lộc dùng sao có thể hết!. Văn đây nêu rõ, đâu cần quay lại nghi lầm đời sau!

"Nhưng nay chẳng thật"... là nêu trong Tích xướng diệt. Ba thân đều có nghĩa phi diệt xướng diệt. Như kinh Tịnh Danh nói: "Pháp vốn bất sinh, nay thì vô diệt" tức là Pháp thân phi diệt. Lại nói: là nghĩa tịch diệt tức là xướng diệt. Vì sao? Vì nếu đã hiểu rõ nghĩa, thì không xướng tịch diệt; vì người chưa hiểu nên xướng đó thôi! Nếu nói chiếu tịch tức là xướng diệt, nếu nói tịch chiếu tức là xướng sinh. Phàm là Pháp thân tuy phi sinh phi diệt mà cũng có sinh diệt. Nếu mê tâm chấp trước, thì phiền não sinh mà trí tuệ diệt. Nếu giải tâm không nhiễm, thì trí tuệ sinh phiền não diệt. Diệt hoặc sinh giải, đây tức là Vô thường diệt. Nếu giải sinh, hoặc diệt thì tức là Tịch diệt. Sinh diệt đây đều căn cứ pháp tánh mà nói. Nếu không có hai duyên mê và giải, thì không xướng có sinh diệt này. Báo thân phi diệt xướng diệt: Ai có trí tuệ, ai có phiền não mà nói trí tuệ năng phá? Đây tức sáng tối không loại trừ nhau, tức nghĩa Báo thân bất diệt. Chúng sinh chưa hiểu, nghe đây liền cho đó tức là Phật mà sinh tâm kiêu mạn phóng túng, không còn tu đạo, cho nên Phật lại xướng nói: "Đạo năng diệt hoặc". Khi có phiền não thì không có trí tuệ, khi có trí tuệ thì không có phiền não. Lẽ nào chẳng phải trí tuệ mà diệt được phiền não ư? Ứng thân phi diệt xướng diệt: Ứng thân là dụng của Pháp, Báo thân. Thể đã không diệt thì dụng lẽ nào cùng tận? Tức Ứng thân bất diệt. Nhưng vì chúng sinh nếu thường thấy Phật thì sinh kiêu mạn phóng túng, cho nên Phật xướng rằng: "Ta trong đêm nay sẽ diệt độ". Lại, Pháp thân đương thể rõ ràng là bất diệt. Báo thân nói bất diệt, ắt căn cứ Pháp thân. Dùng lý mà luận trí tuệ năng phá. Vì "đến" cho nên phá "không đến", phá vì chung hay vì riêng? Như đây mà suy, thì lý không có công năng phá, tức nghĩa trí tuệ không diệt hoặc. Có trí tuệ thì không có phiền não, tức là trí tuệ năng diệt hoặc. Ứng thân nói bất diệt, cần phải dựa vào Pháp Báo thân. Pháp, Báo thân thường nhiên, Ứng thân dụng không dừng; chúng sinh không hết, thì không diệt độ. Nếu Pháp thân đương thể luận bất sinh diệt, Báo thân liễu đạt không năng sinh diệt, thì Ứng thân tương tục không sinh diệt...

Từ "Đức Như Lai dùng phương tiện đó giáo hóa" trở xuống, nêu thị hiện diệt làm lợi ích chúng sinh. Lại có hai phần: 1. Không diệt độ

thì chúng sinh có tổn hại. 2. Từ "Đức Như Lai dùng phương tiện nói: Tỳ-kheo phải biết" trở xuống nêu: Nếu xướng diệt độ thì lợi ích cho chúng sinh.

Phần đầu lại chia làm hai: 1. Không diệt thì có tổn hại. 2. Rộng giải thích không diệt độ.

- Có tổn hại: Như trước nói "người ưa Tiểu pháp", thấy Phật thường còn, cho nên "không gieo trồng thiện căn, bần cùng hèn hạ". Không sinh hai thứ thiện, cho nên không có lợi ích. Kiến, Tư hoặc không đoạn; không đoạn hai thứ ác, thì có tổn hại. "Tham trước ngũ dục, sa vào trong lưới nhớ tưởng": Nhớ tưởng tức là Kiến hoặc, ngũ dục tức Tư hoặc. Do các chúng sinh tội nặng này, cho nên cần phải xướng diệt. Không xướng diệt thì hai món ác sinh mà không diệt, hai món thiện tổn hại mà không sinh. Nếu giải thích theo nghĩa Tứ Tất-đàn: Hiện diệt thì hai ác diệt, hai thiện sinh. Vì diệt hai ác nên dùng Đối trị và Đệ Nhất nghĩa. Đệ Nhất nghĩa thì diệt cái ác chưa sinh. Đối trị thì diệt cái ác đã sinh. Thế giới Tất-đàn và Vị nhân Tất-đàn sinh hai món thiện: Thế giới sinh cái thiện chưa sinh, Vị nhân sinh cái thiện đã sinh. Lại, Thế giới diệt cái ác đã sinh, Đối trị diệt cái ác chưa sinh. Như thiền ngũ ấm thì diệt cái ác của Dục giới, tức là Thế giới Tất-đàn thì diệt cái ác đã sinh, Vị nhân thì sinh cái thiện đã sinh. Đệ nhất nghĩa thì sinh cái thiện vô vi chưa sinh.

Từ "Nếu thấy đức Như Lai" trở xuống: giải thích rộng. "Nếu thấy Phật thường còn, thì sinh tâm buông lung kiêu mạn", cho nên có tổn hại, "không thể sinh lòng cung kính", cho nên không lợi ích. "Buông lung, kiêu mạn" thì tăng Kiến hoặc. "Nhàm trể" thì sinh Tư hoặc. "Không sinh tưởng khó gặp Phật", tức không thể sinh giải kiến đế. "Không cung kính" tức không thể sinh tư duy đạo, vì nghĩa này, cho nên cần phải thị hiện diệt độ. Nếu chúng được nghe ba đức Phật bất diệt thì chúng sẽ buông lung kiêu mạn", liền cho rằng chúng sinh như Di-lặc, như một, như không có hai, như bình đẳng, tức chân. Do đó mà sinh tâm thượng mạn kiêu căng, cho rằng tất cả phiền não vốn tự không sinh, nay cũng không diệt cần gì tu đạo, tức liền mặc tình phóng túng. Vì thế lời Phật xướng lên là nghĩa tịch diệt. Lại, nghe tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, tướng Bồ-đề tức tướng phiền não, như sáng tối không loại trừ lẫn nhau, hiển xuất Phật Bồ-đề, chúng sinh nghe điều này liền khởi tâm kiêu mạn, buông thả, không còn tu thiện, biếng nhác phóng túng. Vì những hạng người này cho nên Phật xướng lên nói: Trí tuệ Báo thân năng diệt phiền não, trí Phật Bồ-đề năng diệt sức vô minh lớn. Ứng thân phi diệt hiện diệt thì dễ hiểu. Hoặc xướng nói: "Pháp vốn không

sinh nay cũng không diệt, chủ yếu cần phải diệt Hoặc, mới là tịch diệt". Kinh dạy: "Trí tuệ không diệt phiền não nhưng khi sáng thì không có tối". Ông nay đầy đủ phiền não thì làm sao có trí tuệ được? Phải biết trí tuệ năng diệt chướng hoặc. Chúng sinh nghe xướng diệt như vậy, liền đối với ba đức Phật khởi tưởng khó gặp, khởi tâm cung kính.

Từ "Cho nên, đức Như Lai dùng phương tiện" trở xuống: nêu xướng diệt có lợi ích, chia làm hai phần: Một, tán thán Phật khó gặp. Hai, giải thích khó gặp. Ba Phật đều khó gặp. Chúng sinh ưa đắm pháp Tiểu thừa thì Kiến Tư chướng nặng, nghe ba thân bất diệt, thì không tu đạo, khó được khế hợp. Từ "Vì sao?" Trở xuống, là giải thích khó gặp. "Những người đức mỏng trải qua trăm ngàn kiếp, hoặc có thấy Phật hoặc không thấy": nếu thấy ba đức Phật thì là người kia nhiều thiện ít ác, không vì người đó mà xướng diệt độ. Người đó thấy Phật thường ở núi Linh-thứu. "Hoặc không thấy Phật", là người chướng nặng thiện nhẹ, vì họ mà nói ba thân Phật khó gặp. Chúng sinh đó nghe liền nghĩ rằng: ba thân Phật tuy lại phi sinh phi diệt, ắt phải sinh thiện diệt hoặc thì mới được chứng kiến. Việc này không dễ, cho nên nói "khó gặp". "Mang lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật": đây nêu ý hiện diệt không tổn hại. Diệt Kiến hoặc và Tư hoặc, gọi là không tổn hại. "Trồng các cội lành" gọi là có ích.

Từ "Lại, thiện nam tử !" trở xuống, là đoạn lớn thứ hai: Kết, ba đời lợi chúng sinh. Chúng sinh được lợi ích thật. Lại chia làm ba: 1. Chư Phật xuất thế đời ngũ trược, ắt trước ba sau một, trước cận sau viễn. 2. Đều là vì độ chúng sinh. 3. Đều chẳng hư vọng.

Từ "Ví như vị lương y" trở xuống là nói thí dụ. Có Khai thí và Hợp thí. Khai thí chia làm hai phần: 1. Dụ Lương y trị bệnh cho con, ví như trên "ba đời ứng hóa thích nghi". 2. Dụ trị bệnh con thật lợi ích, ví như trên "ba đời lợi vật không dối". Văn trên nói vị lai ít, ở đây có đầy đủ.

Phần một chia làm ba: 1. Dụ Thầy thuốc đi xa, ví như nghĩa trên "quá khứ lợi vật" 2. Trở về rồi lại đi, ví như hiện tại ứng hóa. 3. Từ xa trở về, ví như vị lai ứng hóa.

Phần thầy thuốc đi xa lại chia làm hai: 1. Phát cận hiện viễn. 2. Nêu ứng hóa quá khứ thích nghi, ở đây chỉ thí dụ ứng hóa thích nghi. Thích nghi có ba: 1. Xứ sở. 2. Quét trừ nghi Tích. 3. Chánh ứng hóa. Nay chỉ thí dụ ứng hóa. Ứng hóa lại có hai. 1. Cơ cảm. 2. Chánh ứng hóa.

Nay thí dụ đầy đủ "Như có lương y": là thí dụ vượt hơn bên trên: Ta dùng Phật nhãn quán thấy người có trí năng ứng. Từ "Người đó nhiều con cái" trở xuống là thí dụ trở lại nghĩa "Nếu có chúng sinh nào

đến chỗ ta" bên trên, là những người mà căn cơ có thể cảm hóa. Trên ứng hóa thích nghi lại có hai: 1. Lợi vật. 2. Hoan hỷ.

Nay chỉ thí dụ lợi vật. Trên lợi vật có hai: 1. Phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt. Đây chỉ thí dụ hiện diệt. Ban đầu nói "vị lương y", Thầy thuốc có mười loại. 1. Trị bệnh thì bệnh tăng không giảm, hoặc có khi đến chết, dụ cho ngoại đạo"Không kiến", ý buông lung hành ác, dạy người khởi tà đoạn thiện căn, pháp thân đã mất tuệ mạng cũng chết. 2. Trị bệnh thì bệnh không tăng không giảm, dụ cho ngoại đạo "Hữu kiến" khổ hạnh, "đầu uyên, phó hoả" khổ hạnh hành thiện, không đắc thiền định không thể đoạn kết, tức bệnh không giảm, cũng không năng đoạn thiện, tức bệnh không tăng. 3. Trị bệnh thì bệnh giảm mà không tăng, chỉ thầy thuốc gia truyền trị khỏi bệnh rồi bệnh sinh trở lại, tức là ngoại đạo tu định đoạn kết. 4. Trị bệnh có thể khiến khỏi bệnh rồi không còn phát trở lại, mà đối tượng được trị không cùng khắp, tức hàng Nhị thừa chỉ trị một, hai hạng người có duyên, không thể trị khắp hết tất cả mọi người. 5. Tuy có thể trị khắp nhưng không khéo dùng thuật trị bệnh đau khổ. Thích luận gọi đó là chuyết (vụng) độ, tức là Bồ-tát tu Lục độ từ bi trị rộng. 6. Có thuật trị bệnh rất mầu nhiệm, trị không còn đau đớn khổ sở mà không thể trị người phải chết. Ví như Bồ-tát Thông giáo thể nghiệm được pháp, chỉ trị bệnh. "Có trở lại phàm phu", mà không thể trị mất hạt giống Nhị thừa. 7. Tuy trị bệnh khó chữa, mà không một lúc trị tất cả bệnh, tức là Bồ-tát Biệt giáo. 8. Có thể một lúc trị tất cả bệnh, mà không thể khiến bình thường lại như cũ, tức Bồ-tát Viên giáo Sơ tâm Thập tín. 9. Năng trị khắp tất cả bệnh, cũng có thể trở lại bình thường như cũ, mà không thể khiến vượt quá tình trạng cũ (mạnh hơn...) tức Bồ-tát Viên giáo hậu tâm. 10. Một lúc trị tất cả bệnh, không những làm cho bình thường trở lại, mà còn khiến vượt quá hơn cũ, tức là Như Lai. Ba loại thầy thuốc trước tức trong Đại kinh nói "thầy xưa dùng thuốc sữa", bảy loại sau là "thầy mới", không có phương thuật mà chỉ dùng thuốc cay đắng chát, dụ cho các pháp vô thường, khổ, không... Người có phương thuật từ xa về, lại cho uống sữa, là vị lương y tối hậu cứu cánh.

"Lương": thiện. Bên trong có "Tam đạt, ngũ nhãn", tức là tám thuật khéo hiểu được tánh thuốc; "Khéo trị các bệnh" bên ngoài thì biết nguyên nhân gây bệnh, có thể dùng thuốc. "Trí tuệ": quyền thật nhị trí biết sâu Nhị đế. "Thông đạt": Ngũ nhãn quán sát căn cơ đốn tiệm không sai lầm. Mười hai bộ giáo văn lý rất sâu, như "giỏi luyện phương thuốc" nương Tứ Tất-đàn trị bệnh chúng sinh, như "khéo trị các bệnh". Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Y vương đại y vương, vì đại y cho nên gọi

là “lương y”.

“Có nhiều con cái”, “hoặc mười” tức Thanh văn, “hai mươi” tức Bích-chi-phật, “hàng trăm” tức Bồ-tát. Bồ-tát là con. Có ba loại nghĩa con: 1. Căn cứ tất cả chúng sinh đều có tam chủng tánh đắc Phật tánh, tức là Phật tử, cho nên nói: “Chúng sinh trong đó đều là con ta”. Văn đây nói: “Người đó nhiều con”. Căn cứ mười tâm sở pháp tức là “trăm con”, tâm vương là chánh nhân Phật tánh, tuệ là liễu nhân Phật tánh, chín thứ còn lại nương nhau mà khởi, thuộc duyên nhân Phật tánh, khi một tâm sở khởi thì chín tâm sở còn lại phò trợ, như vậy thành một trăm. Tánh đức Phật tử chẳng thiện chẳng ác mà thông thiện ác, cho nên mười tâm sở này cùng tâm vương làm thông tâm sở. Chính do tánh mà đắc “tam nhân”, thì đều thuộc Chánh nhân Phật tử. 2. Căn cứ xưa kết duyên làm Phật tử, như mười sáu vị vương tử giảng lại kinh Pháp Hoa, người nghe pháp lúc ấy cũng sinh hiểu ít, tức thành Liễu nhân Phật tánh, xưa có tu hành ít gọi là Duyên nhân Phật tánh. Chánh tánh làm gốc. Tam nhân này đều thuộc duyên nhân giúp để phát sinh hiểu biết nhất thật ngày nay, cho nên dùng những chúng sinh đã kết duyên ngày trước làm Duyên nhân Phật tử, tức là ba mươi người con trong Nhà lửa vậy. Đây là căn cứ Thập tín. Khi một tín khởi, thì đủ chín tín còn lại khởi, tức là có một trăm tín cho nên được kết duyên làm Phật tử. 3. Liễu nhân Phật tử: tức là ngày nay nghe kinh Pháp Hoa, an trụ trong Thật trí. Ta nhất định sẽ thành Phật, quyết dứt bỏ pháp Thanh văn. Kinh này là vua của các kinh. Từ khẩu Phật sinh, đắc pháp phần của Phật, cho nên gọi là chân tử (con chân thật). Đây cũng có tam nhân phật tánh, nay đã hiển rõ thấy Phật tánh, đều thuộc Liễu nhân Phật tử. Nghĩa “trăm con” lại đem mười tâm sở nhập trong mười thiện pháp, Thập tín nhập trong Sơ trụ, vì vậy cho nên Chánh nhân thông cả bản mạt. Văn đây nêu “trăm con” không dùng nghĩa Liễu nhân Phật tử. Thuộc Liễu nhân Phật tử thì văn dưới sẽ rõ ràng nói: tâm không thể lầm uống thuốc.

“Do có sự duyên đi xa đến nước khác”: là dụ thị hiện diệt độ trong quá khứ ứng hóa.

Từ “Sau lúc đó các người con” trở xuống: nêu trở về rồi lại đi, dụ cho hiện tại lợi vật, chia làm hai phần: 1. “Sau lúc đó các con uống thuốc độc khác”, là dụ căn cơ ứng tương quan thấy các chúng sinh đức mỏng tội dày, chúng sinh sau khi Phật diệt độ ưa đấm pháp của tà sư trong tam giới, cho nên nói: “uống thuốc độc khác”, tức là dạo đi đến nước khác luân chuyển trong các đường đọa vào ba cõi, cho nên nói “lăn lộn trên đất”. 2. Từ “Bấy giờ người cha trở về nhà” trở xuống: dụ

cho ý “ta lúc nhỏ xuất gia đắc tam Bồ-đề” bên trên, tức là Phi sinh hiện sinh.

Trên có hai: Hình tiếng và lợi ích không dối, nay nói: “Các con uống thuốc độc” là dụ cho hình lợi ích bên trên. Tin thọ pháp tà sư gọi là “uống thuốc độc”. “Mất bản tâm” là chúng sinh không có cảm ứng với cơ Đại Tiểu, “không mất Bản tâm” là chúng sinh có sảm ứng với cơ duyên Đại Tiểu. Lại, “mất bản tâm”: là tham đắm tam giới, mất thiện căn tam thừa đã gieo trồng từ trước. Vì hạng người ấy, cho nên phi diệt mà xướng diệt. “Không mất bản tâm”: tuy đắm ngũ dục mà không mất thiện căn tam thừa, vì hạng người ấy cho nên phi sinh mà hiện sinh. Thiện mạnh, ác yếu, thấy Phật thì có thể tu đạo đoạn kết, ví như “con thấy cha cầu xin cho thuốc uống để lành bệnh”. Thiện nhẹ, ác nặng, được thấy Phật, cũng cầu gia hộ mà không tu đạo, thì ví như “con thấy cha thì cầu cứu mà không chịu uống thuốc”. Cha vì những người con này mà xướng nói “ta... sắp chết”. “Xa thấy”: là khi Phật xuất thế chúng sinh cũng thấy sắc thân, nhưng vì Kiến Tư hoặc chướng ngăn ngũ phần không được thân gần phụng sự pháp thân, cho nên nói “xa”. Thấy nghe việc Phật xuất thế, thì đều vui mừng cung kính, thể hiện các kinh văn Phạm vương thỉnh... ví như “lời cầu cứu”.

Từ “Cha thấy các con khổ não như thế”... là dụ cho: “lợi ích của âm thanh” bên trên, lại chia làm hai phần: 1. Thí dụ: Phật nhận lời thỉnh, chuyển Nhị đế pháp luân. 2. Từ “Mà nói rằng” trở xuống dụ khuyên răn “Y theo các kinh phương”: tức mười hai bộ giáo. “Dược thảo”: tức tám vạn bốn ngàn pháp môn mà Phật đã thuyên giải. Từ Phật nói mười hai bộ cho đến nói Niết-Bàn, đây là bào chế ra dược thảo Tiệm Đốn. Thẳng từ Phật nói mười hai bộ kinh, đây là sản xuất dược thảo Đốn. Từ Phật xuất Tu-đa-la, đây là sản xuất dược thảo Tiệm. “Sắc” là dụ cho Giới, giới ngăn phòng thân khẩu, sự tướng hiển rõ ràng. “Hương” là dụ cho Định, hương công đức xông thơm tất cả. “Vị” là dụ cho Tuệ năng đắc mùi vị lý. Giới, Định, Tuệ đây tức Bát chánh đạo, tu Bát chánh đạo có thể “kiến” Phật tánh. Lại, “sắc” là Bát-nhã chiếu soi sắc pháp tánh rõ ràng không ngăn ngại. “Hương” là giải thoát, đoạn đức lìa mùi hôi. “Vị” là Pháp thân là mùi vị của lý. Ba pháp không dọc không ngang, gọi là Bí mật tạng. Y giáo tu hành đắc nhập tạng này. Thuyết tam thừa Không Tam-muội lực như “đâm nghiền” Vô tướng như cái “sàng lọc”, Vô tác như “hòa hợp”. Mỗi một Tam-muội đều có đầy đủ Giới, Định, Tuệ. Lại, Không quán như “đâm nghiền”. Giả quán như “sàng lọc”. Trung quán như “hòa hợp”. Ba quán này đều không lìa Giới, Định, Tuệ.

Đem pháp này cho chúng sinh tiệm đốn khiến tu hành, gọi là “uống (thuốc)”. Từ “mà nói rằng” đến “nên uống” là Khuyến môn. “Mau trừ khổ não không còn lại có các bệnh hoạn” là Giới môn (răn bảo). Đem hai giáo này dạy bảo, là khiến các chúng sinh uống pháp dược.

Từ “Trong số các con có những người không mất bản tâm” trở xuống: là dụ cho “được lợi ích không dối” bên trên. Trên có hai: 1. Không dối. 2. Giải thích không dối. Ở đây nói “trong các con, những người không mất bản tâm, thì uống thuốc được lành bệnh”, tức dụ cho “đều thật chẳng dối” bên trên. Giải thích không dối thì không có thí dụ.

■

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

QUYỂN 10
(Phần Thượng)

Từ "Ngoài ra, những người mất bản tâm" trở xuống là dụ cho "phi diệt hiện diệt" bên trên. Trên có hai, đây cũng có hai:

1. "Không bao lâu sẽ chết," dụ cho "phi diệt hiện diệt" bên trên.
2. "Các con tỉnh ngộ", dụ cho "lợi ích của xướng diệt" bên trên.

Lại, xướng nguyên do chết, do con không chịu uống thuốc, dụ cho "chúng sinh đức mỏng, thấy Phật thường còn thì chỉ tăng kiêu mạn phóng túng" bên trên.

Trên trong Hiện diệt có hai ý:

1. Vốn thật không diệt.
2. Phi diệt mà xướng diệt, không nêu nguyên do hiện diệt, nguyên do cũng là trong lợi ích của xướng diệt. Ở đây dụ thì không thí dụ ý thứ nhất, mà nêu rõ nguyên do hiện diệt. Chính do chúng sinh đức mỏng thấy Phật thường còn thì không tu hành, tức là "không chịu uống thuốc".

Từ "Ta nay bày chước phương tiện" trở xuống: chánh xướng sắp chết, dụ cho phi diệt xướng diệt. Trong đây nêu già yếu, chia làm hai:

1. Dự định nên rời bỏ đi. Dụ cho"trụ có tổn hại, diệt có lợi ích" bên trên.
2. Từ "Liền nói rằng" trở xuống: xướng sắp chết, tức chánh thí dụ hiện diệt, kỳ hạn hóa độ sắp xong.

"Giờ chết đã đến": sẽ nhập Niết-Bàn. Để lại kinh giáo, cho nên nói: "thuốc tốt này nay để ở đây". "Lại đi đến nước khác": tức là hiện diệt ở phương này hiện sinh ở phương khác. Văn trên nói: "Nguyện ở phương khác xa thấy giữ gìn ủng hộ" tức nghĩa này vậy. "Sai sứ": Hoặc như trong kinh Niết-Bàn dùng "âm thanh lớn bảo khắp" làm sứ giả, hoặc dùng thần thông, hoặc dùng xá-lợi, hoặc dùng kinh giáo... làm sứ giả. Nay dùng Bồ-tát Tứ y nói với chúng sinh rằng: "Phật đã diệt độ chỉ lưu lại pháp này, ta nay rộng tuyên dương, các ông nên thọ nhận thực hành". Về sau, chúng sinh nếu không có Tứ y truyền thuật kinh pháp

thì đâu có thể tự biết Phật đã diệt độ, cho nên dùng Tứ y để làm sứ giả (Như Lai). Từ “Lúc bấy giờ các con” trở xuống: các con tỉnh ngộ, dụ cho lợi ích của hiện diệt.

Văn trên có hai ý: 1. Nêu tổn ích. 2. Giải thích tổn ích. Ở đây chỉ thí dụ được lợi ích. Trong đây nói: “Tự nghĩ mình nay côi cút” trở xuống: nêu sau khi diệt được lợi ích, như dòng phái được Ưu-ba-cúc-đa hóa độ, lại chia làm hai: 1. Hiện diệt lợi ích. 2. Đời vị lai cơ cảm. Bởi do sau khi Phật diệt độ, chúng sinh tỉnh ngộ uống thuốc tu hành, lấy đó làm nhân duyên năng cảm ứng hóa đời vị lai. Như kinh Di Giáo nói: “Người chưa được độ thì làm cho có nhân duyên được độ”, cũng có hiện đời được cảm thấy. Kinh Phổ Hiền Quán nói: “Siêng năng khổ tu, cuối cùng thì được thấy đức Thích-ca phân thân, Đa Bảo, Đông Phương, Thiện Đức... và bảy đức Thế Tôn.

Từ “Người cha nghe các con đều đã lành mạnh” trở xuống: tức sức mạnh lợi ích đến đời vị lai. “Cha nghe các con khỏi bệnh” tức là cơ cảm, khiến cho con thấy, tức là khởi ứng hóa đời vị lai, mới có hai thứ lợi ích về hình và tiếng, như văn. Từ “Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Trở xuống: là lập lại thí dụ không dối bên trên, nêu ba đời lợi vật không dối. Từ Phật nói: “Ta cũng như thế” trở xuống: là nêu hợp thí. “Thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp”: hợp đời quá khứ. “Dùng sức phương tiện nói sẽ diệt độ”: hợp đời hiện tại. Văn lược không nói hợp đời vị lai. “Cũng không thể nói ta hư vọng”, là hợp lợi vật không dối.

Kệ có hai mươi lăm hàng rưỡi, tụng Pháp thuyết và Thí thuyết bên trên. Hai mươi hàng rưỡi đầu, tụng Pháp thuyết. Năm hàng tiếp theo, tụng Thí thuyết. Trên pháp thuyết có hai: nay tụng cũng chia hai: 1. Mười chín hàng rưỡi, tụng ba đời lợi vật. 2. Một hàng tiếp, tụng đều thật không dối.

Bản đầu bốn hàng tụng đời quá khứ lợi vật chia làm ba: 1. Một hàng, tụng “Thành Phật đã lâu” bên trên. 2. Từ “Thường thuyết pháp giáo hóa” trở xuông một hàng: tụng “Chặng giữa làm lợi chúng sinh” bên trên. 3. Từ “Vì độ chúng sinh vậy” trở xuống, hai hàng: tụng “Trú xứ “ bên trên.

Từ “Chúng thấy ta diệt độ” trở xuống, năm hàng, tụng hiện tại. Văn trên có hai ý, đây có hai: 1. Hai hàng rưỡi, tụng: phi sinh hiện sinh. 2. Từ “Ta nói với chúng sinh” trở xuống hai hàng rưỡi, tụng phi diệt hiện diệt.

Từ “Ta thấy các chúng sinh” trở xuống, mười hàng rưỡi, tụng trên “vị lai”, bên trên. Trên chỉ dựa vào bốn chữ: “thường trụ bất diệt”,

ở đây thì tụng rộng, văn chia làm bốn: 1. Từ “Ta thấy” trở xuống một hàng rưỡi, nêu đời vị lai cơ duyên ứng. 2. Từ “Sức thần thông như thế” trở xuống bốn hàng, tụng “thường trú bất diệt” bên trên. “Thường ở núi Linh Thứu”, đây là cõi Thật báo. “Và các trụ xứ khác”, là cõi Phương tiện Hữu dư, tức nghĩa ”các nước khác” bên trên. “Người trời thường đông vầy”: tam thập tâm là “người”, Thập địa là “trời”. “Đánh trống trời”: vô vấn tự thuyết. “Mạn-đà-la hoa”: là địa vị hiền thánh. 3. Từ “Tịnh độ ta chẳng hư” trở xuống, hai hàng, nêu không thấy nhân duyên. 4. Từ “Có tu các công đức” trở xuống ba hàng, nêu được thấy nhân duyên.

Từ “Các ông người có trí” trở xuống, một hàng: tụng “lợi ích không dối” bên trên.

Năm hàng tụng Thí, có hai:

- Một hàng, tụng Khai thí, chia làm ba: 1. “Như lương y chước khéo” một câu đầu, tụng quá khứ. 2. “Vì để trị cuồng tử” trở xuống hai câu, tụng hiện tại, không tụng vị lai. 3.“Không thể nói hư dối” một câu, tụng không dối.

- Từ “Ta là cha trong đời” trở xuống bốn hàng: tụng hợp thí, trên hợp Bản không hợp vị lai. Ở đây: 1. Nửa hàng đầu, tụng hợp quá khứ. 2. Từ “Vì phàm phu điên đảo” trở xuống, hai hàng rưỡi, tụng hợp hiện tại. 3. Từ “Hằng tự nghĩ thế này” trở xuống, một hàng, tụng hợp nghĩa không dối, khai tam hiển nhất, khai cận hiển viễn, muốn khiến cho chúng sinh mau nhập Phật đạo, việc này chắc chắn là không dối.

Phẩm Thứ 17: **PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC**

Phật thuyết thọ lượng hai đời đệ tử được các thứ lợi ích, cho nên nói "Công đức". Vì sâu cạn không đồng, cho nên nói "Phân biệt" thứ bậc. Văn đây là Bản môn đoạn thọ ký thứ hai. Luận phân biệt văn này có Pháp lực, Tu hành lực.

Pháp lực có năm: 1. Chứng. 2. Tín. 3. Cúng dường đều như phẩm này. 4. Nghe pháp, như phẩm Tùy Hỷ. 5. Đọc tụng, trì thuyết. Đọc tụng, như phẩm Pháp Sư Công Đức. Trì, như ba phẩm Pháp Sư, An Lạc Hạnh, Khuyến Trì. Thuyết như phẩm Thần Lực và Chúc lụy.

Tu hành lực: Khổ hạnh lực như Dược Vương, giáo hóa như Diệu Âm, cứu nạn như Quán Âm và Đà-la-ni, chỉ bày công đức như Diệu Trang Nghiêm Vương, hộ pháp như phẩm Phổ Hiền.

Ngài Quang Trạch nói: 1. Căn cứ Công đức môn, thọ ký cho kia tu hành tinh tấn hiện tại tu nhân. 2. Căn cứ Trí tuệ môn, thọ ký kia giảm số lần sinh, đời vị lai đắc quả. 3. Nêu ngoại phàm phát tâm. Xét rằng thọ ký thông nhân quả, ba điều này thông suốt tức là thọ ký. Tám thế giới vi trần số chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được nêu ra ở đầu. Bởi vì, ngoại phàm nghe kinh phát tâm trụ Tam thập tâm. Tam thập tâm nghe kinh thì bắt đầu vượt ra Nội phàm, đăng Sơ địa, đắc Vô nhẫn. Hàng Sơ địa nghe kinh thì tiến nhập Nhị địa, đắc Văn trì. Hàng Nhị địa nghe kinh, thì đắc nhập Tam địa gọi là Nhạo thuyết biện. Tam địa nghe kinh thì nhập Tứ địa, đắc Vô lượng Triền Đà-la-ni. Hàng Tứ địa nghe kinh, thì đắc Ngũ địa, gọi là Bất thoái. Ngũ địa nhập lục địa, gọi là Thanh tịnh luân. Tiểu thiên đã qua căn cứ Tổn sinh môn được thọ ký. Thất địa đã đoạn Vô minh hoặc. Hoặc có chín phẩm. Có thể dùng chín lần sinh làm nhân. Từ Thất địa trở lên, quả báo không có kỳ hạn khó có thể phân biệt được. Chỉ đoạn chín phẩm phiền não để nói, phiền não phẩm số có trăm ngàn vạn thứ, nay căn cứ một thứ chín phẩm làm nghĩa. Thất địa sở đoạn là hai phẩm thượng hạ, cho đến Thập địa sở đoạn cũng là hai phẩm thượng hạ. Kim cang tâm sở đoạn là một phẩm. Hàng Lục địa nghe kinh đăng Thất địa hạ Nhẫn đoạn một phẩm, tám phẩm còn lại làm nhân cho tám lần sinh cho nên nói: Bát sinh (tám đời) sẽ đắc Bồ-đề. Thất địa thượng Nhẫn lại đoạn một phẩm tức giảm hai lần sinh, bảy phẩm còn lại làm nhân cho bảy lần sinh, bảy đời sẽ đắc Bồ-đề. Các phẩm theo lệ có thượng hạ. Đoạn được một phẩm phiền não, thì giảm được một lần sinh. Văn lược nói. Cho nên từ Bát địa cho đến Tứ sinh, còn lại có Nhất sinh tức pháp Kim Cang tâm đoạn.

Pháp Hoa Luận nói: "Đắc Vô sinh nhẫn nghĩa là nhập sơ địa chứng trí; nên biết từ tám đời cho đến một đời sẽ đắc Bồ-đề, nghĩa là các phàm phu quyết định có thể chứng Sơ địa tùy phần sinh đến một đời sẽ chứng Bồ-đề. Bồ-đề: tức lìa Phần đoạn sinh tử của ba cõi, tùy phần năng kiến chân như Phật tánh gọi là đắc Bồ-đề, không gọi là Bồ-đề cứu cánh đầy đủ". Nay cho rằng Luận trước sâu sau cạn, ngài Quang Trạch nói trước cạn sau sâu, hai ý kia chống lại nhau, người đời làm sao phân biệt! Xét rằng Vô sinh Pháp nhẫn kinh luận không đồng, Ngài Ca-chiên-diên Tử nêu năm pháp thành tựu thâu hoạch Bất thoái chuyển, địa vị lục độ Bồ-tát, Tu-đà-hoàn, hoặc Trí hoặc Đoạn là Bồ-tát, Vô sinh Pháp nhẫn là địa vị chung Tam thừa. Đăng Sơ địa đắc Vô sinh nhẫn là địa vị Biệt giáo Bồ-tát. Đăng Sơ trụ đắc Vô sinh Pháp nhẫn là địa vị Viên giáo Bồ-tát đều là Thánh giáo, văn nêu rõ, không thể lầm lẫn. Lại kinh Tịnh Danh nói: "Cận "vô đẳng đẳng" đắc Vô sinh nhẫn". Kinh Nhân Vương nói: "Đến Kim cang đảnh đều gọi là Phục nhẫn, cũng gọi là Tịch diệt nhẫn, bởi là các địa của Biệt, Viên. Theo ý thì không thể quyết định dùng chung, tức Quang Trạch dùng phát tâm làm địa vị Tam thập tâm của Nội phàm, làm Vô sinh nhẫn. Sơ địa ấy đều là danh giáo của Biệt gia, chẳng phải cửa ra vào của Thông gia. Từ Sơ địa đến Lục địa gọi là Phước đức môn, Đại kinh gọi hữu vi hữu lậu là Thanh văn tăng, tức là ý của Thông giáo. Thất địa trở lên đoạn chín phẩm sinh nhân, Tiểu thừa Đại thừa là người ở vị trí Nhập, ai chưa đoạn hoặc thì chưa đủ để định phán. Nếu nói Thất địa đoạn vô minh, thì chẳng phải Thông lại chẳng phải Biệt, chính là ý của Biệt tiếp Thông. Ý của Ngài Quang Trạch không định không hợp với kinh này. Ngài Thiên Thân dùng phát tâm làm Vô sinh nhẫn. Từ Bát sinh đến Nhất sinh phàm phu quyết định đoạn quả báo sinh, tận đắc nhập Sơ địa. Thâu hoạch Vô sinh nhẫn, thì chuyên căn cứ nghĩa Biệt cũng không hợp kinh.

Nay chia văn làm ba phần: 1. Tổng tựa của kinh gia. 2. Như Lai phân biệt. 3. Thời chúng cúng dường. Phần Tổng tựa, như văn. Phần Phân biệt: Lời phật viên diệu không thể dùng Quyền vị giải thích kinh, cho nên khai thị ngộ nhập tri kiến Phật như văn trên. Nay Bản môn tăng đạo tổn sinh đều căn cứ Viên vị mà giải thích. Văn nói: "tám thế giới vi trần số chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", là hạng người sáu căn thanh tịnh, ban đầu nhập vị Thập tín. Cho nên, kinh Nhân vương nói: "Thập thiện Bồ-tát phát đại tâm thì vĩnh biệt biển khổ luân hồi của ba cõi", tức nghĩa đây vậy. Đắc Vô sinh nhẫn thì nhập vị Thập trụ. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: "Sơ phát tâm trụ một phát thì

hết thảy phát, đắc Như Lai một thân là vô lượng thân”. Pháp thân vắng lặng thanh tịnh vi diệu ứng khắp tất cả, tức nghĩa đây vậy. Đắc Văn trì Đà-la-ni thì nhập vị Thập hạnh; đắc Nhạo thuyết biện tài thì nhập vị Thập hồi hướng. Đắc Vô lượng Triền Đà-la-ni thì nhập Sơ địa, đắc Bất thoái nhập Nhị địa, đắc Thanh tịnh nhập Tam địa. Bát sinh nhập Tứ địa, Thất sinh nhập Ngũ địa, Lục sinh nhập Lục địa, Ngũ sinh nhập Thất địa, Tứ sinh nhập Bát địa, Tam sinh nhập Cửu địa, Nhị sinh nhập Thập địa, Nhất sinh nhập Đẳng giác Kim Cang tâm. Nếu luận về tăng đạo tổn sinh, thì không như Quang Trạch đoạn sinh của nhân sinh, không như Thiên Thân đoạn sinh của quả báo, chỉ căn cứ Trí đức mà luận Tăng, căn cứ Đoạn đức mà luận Tổn, căn cứ Pháp thân mà luận Sinh, căn cứ Vô minh mà luận Diệt. Giống như thí dụ Trăng trong Đại kinh: “Từ đêm mồng một đến đêm rằm thì ánh sáng trăng tăng dần, từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi thì ánh sáng trăng giảm dần”. Căn cứ một tháng mà luận tăng giảm, dụ cho căn cứ Pháp thân mà luận Trí, Đoạn. Hoặc một người có thể đồng thời có tám phen tăng giảm, hoặc có thể một đời hoặc có thể tám đời, hoặc vô lượng đời, hoặc có thể một niệm, hoặc tám niệm, hoặc vô lượng niệm, hoặc có thể vô số người nhiều như vi trần cũng như vậy. Cho nên, không thể dùng nhân sinh, quả sinh mà hạn cuộc, không thể lìa ngoài Trí Đoạn mà giải thích. Song, Bản môn đắc đạo số gấp bội chúng nói ở kinh, chẳng những số nhiều mà lại còn huân tu lâu ngày, nguyên Bản theo tích nơi nơi khai dẫn, trung gian gặp nhau luôn luôn thành thục. Đời nay ngũ vị liên tiếp điều phục, thâu tóm kết hợp qui về Pháp Hoa. Ví như nhà nông mùa Xuân gieo trồng, mùa Hạ sinh trưởng cày cấy làm cỏ... mùa Thu thâu hoạch, mùa Đông cất chứa. Một lúc gặt lúa, cắt cỏ như từ thời Pháp Hoa về sau có người đắc đạo như thu hoạch nhanh đó thôi.

Phần Thời chúng cúng dường: Nghe pháp sâu xa được lợi ích lớn, muốn báo ân Phật mà thiết lập cúng dường, cũng là nhờ vào sự để biểu thị sự lãnh giải. Trong Tích môn bên trên, thì Bồ-tát cũng ngộ mà việc lớn chưa xong do đó không trình bày. Trong phần Bản môn thì đã xong, Di-lặc tổng trình bày lãnh giải. Nêu “các Bồ-tát cầm phướn lọng, thứ tự mà lên đến trời Phạm thiên”. “Phướn” là nghĩa chuyển. “Lọng” là nghĩa che. Đất (địa) là nghĩa khởi thủy. “Phạm thiên” là nghĩa tịnh. Trí, Đoạn lần lượt chuyển, Từ bi lần lượt che chở, cao thấp sâu cạn không mất thứ lớp đến Phạm thiên, tiêu biểu các Bồ-tát tăng đạo tổn sinh, lân cận Diệu giác, tột cùng sự thanh tịnh. Nếu giải thích theo Ngài Thiên Thân tức chỉ đắc Sơ địa một phen, sao hợp với văn này được?

Kệ có mười chín hàng chia làm ba: 1. Hai hàng, tụng Thời chúng được hiểu. 2. Chín hàng, tụng Như Lai phân biệt. 3. Tám hàng, tụng Thời chúng cúng dường.

"Đặng quả báo vô lượng, vô lậu rất thanh tịnh": chọn khác với Nhị thừa hữu lượng, nên nói "vô lượng", do Nhân vi diệu mà cảm được, cho nên nói "thanh tịnh", cõi không chướng ngại nên nói "quả báo", khác với quả báo Nhị thừa. Nghe thọ mạng vô lượng của đức Phật, văn đây quyết định phán xét là vô lượng, sao được dùng kiểu xưa giải thích hữu lượng?

Các sư phương Nam chia từ văn trường hàng sau phần kệ trở xuống, thuộc đoạn lưu thông, dẫn Tích môn bên trên, Văn Thù hiện tại cũng là lưu thông. Các sư phương Bắc coi phần Tứ tín đệ tử hiện tại nghe kinh, là thuộc về Chánh thuyết, từ "Lại, sau khi Như lai diệt độ" trở xuống, là phần lưu thông. Quan điểm của hai nhà đều có thể dùng hết.

Ở đây dựa theo sư phương Nam: Từ sau phần kệ nêu trên gồm có mười một phẩm rưỡi phân làm hai: 1. Từ đây xuống đến hết phẩm Thường Bất Khinh, nêu công đức hoằng kinh sâu xa là khuyến lưu thông. 2. Từ phẩm Thần Lực xuống tám phẩm, là phó chúc lưu thông. Mỗi phần lại có ba: 1. Nửa phẩm này và phẩm Tùy Hỷ nêu rõ nhân công đức của hạng đầu, là khuyến lưu thông. 2.Từ phẩm Pháp Sư Công Đức nêu rõ quả công đức hạng đầu, là khuyến lưu thông, phẩm Bất Khinh dẫn tội phước của tin chê, là chứng khuyến lưu thông. 3. Phẩm Thần Lực và Chúc Lụy, chúc lụy là lưu thông. Từ phẩm Dược Vương trở xuống năm phẩm, là căn cứ hóa tha khuyến lưu thông. Phẩm Phổ Hiền, là căn cứ tự hành khuyến lưu thông.

Sanh khởi: là hiện tại nghe kinh được hai lợi ích Chân giải thoát và Tợ giải thoát như trên nói. Nêu trực tiếp nghe một câu mà sanh tùy hỷ, như hiện tại Tứ tín là tiêu chuẩn công đức kia, thì đời vị lai không có Phật, sợ người nghi phước ít, cho nên thuyết sau khi Phật diệt độ năm hạng công đức. Nhân công đức nhỏ nhiệm, chưa bằng quả công đức ảnh hiện rõ ràng, cho nên nói Phẩm Pháp Sư Công Đức nhân quả nêu cả hai chưa bằng dẫn chứng rõ ràng, cho nên nói phẩm Thường Bất Khinh. Tuy nêu người xưa nhưng chưa bằng hiện tại biến hóa cho nên nói phẩm Thần Lực. Tuy thị hiện thần lực nhưng chưa bằng xoa đầu phó chúc, cho nên nói phẩm Chúc Lụy. Tuy chúc lụy chung chưa bằng chỉ cho họ phương pháp trọng yếu để "bỏ thân còn đạo", cho nên thuyết phẩm Dược Vương.

Tuy răn bảo năng hóa nhưng chưa bằng răn bảo sở hóa kia. Tùy

chỗ nghe pháp ứng sanh tâm tưởng nhớ Phật, cho nên nói hai phẩm Diệu Âm Quán Âm. Nếu sơ tâm hoằng kinh, thì vì không có thần lực phải dựa vào nội cấm, cho nên thuyết phẩm Đà-la-ni. Lại phải ngoại hộ, cho nên thuyết hai phẩm Trang Nghiêm Vương và Phổ Hiền. Từng lớp nối tiếp nhau khiến đại pháp được hoằng thông.

Phần trường hàng sau kệ, chia làm hai: 1. Hiện tại Tứ tín. 2. Sau khi diệt độ năm phẩm (hạng). Thế nào là Tứ tín? Lược giải ba người, rộng thuyết hai người, quán thành một người. Tín chung cả bốn người, cho nên nói "Tứ tín". Tứ tín: 1. Nhất niệm tín giải, chưa có thể diễn thuyết. 2. Lược giải ngôn thú. 3. Rộng vì người khác mà thuyết. 4. Thâm tín quán thành.

1. Nhất niệm tín giải: có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có ba: 1. Nêu chỉ bày người ấy. 2. So sánh công đức. 3. Vị hành bất thoái. Nay giải thích "nhất niệm tín giải": nghĩa là tùy chỗ nghe mà sáng tỏ khai ngộ, tùy lời mà tự thâm nhập không có gì ngăn ngại, tin tất cả pháp đều là Phật pháp. Lại, tin Phật pháp không ngăn cách tất cả pháp, không đắc Phật pháp, không đắc tất cả pháp mà thấy tất cả pháp, cũng thấy Phật pháp tức một mà ba, tức ba mà một; cũng là hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo, hành nơi Phật đạo mà thông đạt hết thảy đạo, không đắc Phật đạo tất cả đạo, mà thông đạt Phật đạo tất cả đạo, không có mà có, có mà không có, chẳng có chẳng phải không có. Như đường trước cửa thông suốt đến tất cả đông tây nam bắc, không gì ngăn ngại. Nhãn nhĩ tỹ thiệt thân ý, phàm có sở đối đều cũng như thị. Không có nghi, gọi là "tin", hiểu rõ gọi là "giải", đó gọi là "tâm nhất niệm tín giải". Nếu ngồi tư duy, thì tùy chỗ tư duy mà sáng tỏ khai ngộ. Thông đạt Tam đế cũng lại như vậy. Tín giải như đây gọi là Thiết luân vị. Lại, nhất giải thì chưa phải đầy đủ Thiết luân, mới là sơ tâm Thập tín, người ấy chưa được lục căn thanh tịnh cho nên không phải chánh thức vị Thiết Luân.

Tiếp là phân lượng: 1. Tổng luận vô lượng. 2. Phân lượng nhiều ít chia làm hai: 1. Nêu năm độ làm cơ sở phân lượng, Bát-nhã tức là chánh tuệ hiện nay, cho nên nói "trừ Bát-nhã".

Hỏi: Đã lìa Bát-nhã thì năm thứ còn lại không gọi là Độ?

Đáp: Đều vì cầu trí tuệ Phật nên dốc lòng thực hành Bố thí, Trì giới,... không ngằn mé, cũng được gọi là Độ, bởi ý thứ lớp.

Từ "Đem công đức này" trở xuống là phần hai: Chánh so sánh nhiều ít.

Từ "Nếu thiện nam tử" trở xuống, là phần ba: Vị hành bất thoái.

Theo Biệt giáo thì sáu tâm còn thoái, bảy tâm mới bất thoái. Sơ tâm Viên giáo tức bất thoái, nghe công đức thọ lượng từ ngoài mà trợ giúp, Viên thuận với tín giải từ bên trong mà huân tập, do đó bất thoái. Kinh Đại Phẩm nói: "Có Bồ-tát thoái, có bất thoái, có ma, không ma" đều là nghĩa đây.

Kệ có mười chín hàng rưỡi : 1. Mười hai hàng, trước tụng phân lượng nhiều ít. 2. Hai hàng, truy tụng tướng người. 3. Năm hàng rưỡi, tụng hành vị bất thoái. "Vô lượng kiếp hành đạo": tức từ lâu tu các Ba-la-mật. "Nguyện ta thuở vị lai": khởi nguyện từ bi. Nhờ từ lâu tu hành nguyện, nghe kinh tin hiểu. Đây là hạng người thứ nhất, mới nghe kinh này, nhất niệm tin hiểu, thì công ngang bằng người tu hành lâu, cũng là quá vậy. Từ "Lại A-dật-đa nghe thọ mạng của Phật lâu dài" trở xuống, là hạng người thứ hai, trước chỉ tín giải chưa có khả năng diễn thuyết, thuyết hợp được danh số cần phải giỏi cách nói năng, hạng này có đủ khả năng, cho nên nói "vì người khác giải nói", từ sự vượt trội mà đặt tên gọi là hạng người thứ hai. Do vì sức nói, có thể sinh khởi trí tuệ vô thượng cho mình và người. Văn đây, trước là nêu tướng người, tiếp là cách lượng. Từ "Huống là người rộng nghe kinh này" trở xuống, là hạng người thứ ba: rộng nghe rộng hiểu, rộng vì người nói, rộng tu cúng dường. Cúng dường là trợ giúp bên ngoài, khiến cho trí bên trong mau nhập, năng sinh Nhất thiết chủng trí. Trước là nêu tướng người, tiếp là cách lượng.

Từ : "A-dật-đa! Nếu thiện nam" trở xuống, là hạng người thứ tư, có đủ khả năng của ba hạng trên, thêm tu quán hạnh, nhập thiền dùng trí tuệ quán tưởng thành tướng khởi, có thể thấy tướng mạo của hai cõi Hữu dư và Thật báo. "Thấy Phật cùng Tỳ-kheo tăng thường tại núi Kỳ-xà-quật": là tướng cõi Phương Tiện Hữu dư. "Lại thấy cõi Ta-bà... các Bồ-tát đều ở trong đó" là tướng cõi Thật báo. Hai hạng đầu là vị Văn tuệ. Rộng nghe rộng nói, là vị Tư tuệ. Quán hạnh tưởng thành là vị Tu tuệ. Từ cạn đến sâu thành tựu sáu căn thanh tịnh, địa vị Thập tín. Từ "Lại, sau đức Như Lai diệt độ" trở xuống, là nêu hạng thứ năm, văn chia làm hai: Thứ nhất, nêu năm hạng phân lượng bốn phẩm công đức. Thứ hai, phẩm Tùy Hỷ phân lượng công đức của hạng thứ nhất.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bốn phẩm là phân lượng thô, phẩm đầu là phân lượng nghĩa rộng. Rộng phân lượng rồi so sánh người vượt hơn, thì có thể hiểu được. Phật không phiền văn, khéo nói như đây.

Năm hạng người: 1. Khởi ngay tâm tùy hỷ. 2. Thêm tự thọ trì đọc

tụng. 3. Thêm khuyên người khác thọ trì đọc tụng. 4. Thêm kiêm hành lục độ. 5. Thêm chánh hành lục độ. Năm hạng người này luận chung thì đều tự hành hóa tha. Văn dưới nói: "Năm mươi người dạy bảo cho nhau" tức đã đều có tự hành, gọi chung là đệ tử, đều có hóa tha gọi chung là Pháp sư. Nếu luận riêng thì hạng người thứ hai chỉ có tự hành, hạng người thứ ba đủ hạnh hóa tha làm Pháp sư. Xưa gọi Pháp sư, là nhằm vào hạng người thứ ba, không nhằm vào hạng thứ năm. Tự hành đã chung do đó đều gọi là đệ tử. Phẩm đầu nêu người mà thôi, cách lượng nói ở sau. Từ "Huống chi" trở xuống, là hạng người thứ hai Huống chi ngoài ra, người năng thọ trì đọc tụng, là nêu người có thể hiểu. "Người này đầu đội đức Như Lai", không phải cách lượng. Hàng sơ tâm, sợ duyên làm tán động tâm mình, làm cản trở sự tu chánh nghiệp, chỉ chuyên trì kinh này, tức cúng dường bậc thượng. Phế bỏ Sự, giữ gìn Lý làm lợi ích hoằng dương rộng. Hàng hậu tâm, lý quán nếu thuần thục thì bên ngoài hợp, bên trong không ngăn ngại. Về Sự, phụ giúp đạo như dầu nhiều lửa mạnh, như thuận dòng mà giương buồm, lại thêm công lực cho nên thuyền càng chạy nhanh. Chỉ rõ kinh văn là Pháp thân xá-lợi, không cần thờ Sinh thân xá-lợi. Kinh văn là phương tiện để "thuyên" (diễn bày giải thích) cái "sở thuyên" (nghĩa lý). "Năng thuyên" (tức chủ thể có khả năng sử dụng phương tiện kinh văn để thuyên cái sở thuyên), ở đây được coi là Tháp, cho nên không cần đến Tháp thờ (có hình tướng), văn kinh có thể bao hàm Đệ nhất nghĩa Tăng, không đợi Tăng có hình tướng.

Hỏi: Nếu vậy thì người trì kinh tức là trì giới Đệ Nhất nghĩa, vì sao lại nói năng trì giới?

Đáp: Đây là nói về hạng người đầu tiên, không nên dùng hạng người sau mà nạn vấn. Nếu muốn giải thích, thì người trì kinh tức là thuận lý giới, cũng là tự nhiên trì được thiên đầu và thiên thứ hai của Luật nghi; nay nói năng trì giới, là thiên thứ ba trong rời bỏ sự, không có thiếu sót.

Hạng người thứ ba lại có khả năng giáo hóa người, trước nêu người. Từ "Dựng tháp tạo lập tăng phường" trở xuống, là cách lượng. Từ "Huống lại có người" trở xuống, là hạng người thứ tư, lại năng kiêm hành Lục độ. Trước là nêu người, từ "công đức của người này rất thù thắng"... là cách lượng. "Nếu có người đọc tụng" trở xuống là hạng người thứ năm, lại năng chánh hành lục độ. Trước là nêu người, từ "nếu sau khi ta diệt độ" trở xuống là cách lượng. Kết năm hạng người này, ba hạng người trước là vị Văn tuệ, Kiêm hành Lục độ là vị Tư tuệ, chánh

hành Lục độ là vị Tu tuệ, đều là trước Thập tín. Hoặc nói đầu phẩm Tùy Hỷ là nhập “tín tâm vị”, phân một hạng làm hai tâm, năm hạng tức là mười tín tâm tức là vị Thiết luân sáu căn thanh tịnh.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: năm hàng rưỡi đầu, tụng hạng người thứ hai. Từ “Nếu năng trì kinh này” trở xuống, ba hàng, tụng hạng người thứ ba. Từ “Nếu có người tin hiểu” trở xuống bốn hàng, tụng hạng người thứ tư. Từ “Cung kính nơi tháp miếu” trở xuống bảy hàng, tụng hạng người thứ năm. “Sinh lòng tưởng như Phật”: là ban đầu nương người hiệu là Như Lai. “Chẳng lâu đến đạo thọ”: là ở địa vị Thiết Luân, không bao lâu sẽ đắc nhập Đồng luân. Khả năng có tám tướng thành Phật. “Đã đến đạo tràng” là Hành xứ. Tam Bồ-đề là Cận xứ. Hạng người thứ năm này cùng với Tín thứ tư, ngang đồng là địa vị Tu tuệ. Nếu luận về nhập vị, thì đồng là vị lục căn thanh tịnh, mà có quả hiện tại vị lai và sau khi Phật diệt độ.

Phẩm Thứ 18: **TÙY HỶ CÔNG ĐỨC**

"Tùy": là tùy thuận sự lý không hai không khác. "Hỷ" là vui mình vui người. Nghe giáo pháp sâu mầu, thuận Lý thì có công đức thật. Thuận Sự thì có công đức quyền. Vui mình là có trí tuệ, vui người là có từ bi, Quyền Thật, Trí Đoạn hợp lại mà thuyết, nên nói, "phẩm Tùy Hỷ Công Đức". Lại, thuận Lý, thì nghe Bản địa của Phật sâu xa, tin thuận sâu xa không trái ngược, không một mảy may nghi ngờ. Thuận Sự, thì nghe chư Phật ba đời làm lợi ích ngang dọc bao trùm biến khắp tất cả mọi nơi, cũng không một mảy may nghi ngờ, tức Sự rộng mà đạt Lý sâu, tức Lý sâu mà đạt Sự rộng, không hai mà hai, không khác mà khác, tuy hai tuy khác mà không hai không khác. Tin hiểu như đây, gọi là "Tùy". Như Lai xuất thế hơn bốn mươi năm mà không hiển bày chân thật, người thất phương tiện không nói Chân lý thật. Vui mình và người, vì các tâm phàm phu thì Phật đều biết, dùng mắt sở sinh mà đồng cái thấy của Như Lai. Tri kiến như thế cứu cánh pháp giới, rộng không bờ đáy. Vô đẳng vô đẳng đẳng thì hoàn toàn không vượt qua điều trên. Nay Phật thuyết như thế, ta được nghe như thế, cho nên gọi là "phẩm Tùy Hỷ Công Đức".

"Người thứ năm mươi": người đầu tiên của hạng thứ nhất, mới chỉ có nhất niệm lý giải, chỉ có một niệm vui mình vui người, chưa có hạnh sự, ân không thể sánh với người đã thâu hoạch công đức. Như Lai khéo dụ công bởi vì hàng vô học huống chi lại là người đầu tiên nhất ở hội nghe pháp, huống lại là hạng người thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, huống lại nhập địa vị Thập trụ, Thập hạnh cho đến hậu tâm, ai nghe công đức sâu xa vi diệu như vậy mà không hâm mộ? Đức Như Lai thuyết điều này khiến chúng sinh quý trọng đó, cho nên nói phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Từ trước đến nay, xưng tụng công đức trì kinh tốt đẹp, thì chúng lúc đó đều cho rằng phải nhập địa vị Nhân chân thực thì mới được đến công đức này. Đối với hàng sơ tâm, ban đầu khởi tưởng yếu đuối bỗng nghe như mầm nơi đất cứng tốt đã nảy sinh trăm vườn, như chim Ca-lăng-tần-già tuy còn trong trứng mà âm thanh đã đặc biệt kỳ lạ hơn các loài chim khác, mọi khinh khi, nghi hoặc đều tiêu tan, cho nên gọi là "phẩm Tùy Hỷ Công Đức". Ngoại đạo đắc ngũ thông, có thể dời núi làm khô biển mà không thể hàng phục kiến ái, thì không bằng người đắc Noãn pháp. Hàng Nhị thừa Vô học, quả hạt đều thoát nhưng còn bị Niết-bàn trói buộc, không biết nhân quả kia đều là Quyền. Người Thông giáo tu nhân tuy khéo phát tâm, nhưng không biết "Năm trăm

do tuần”, được quả dừng trừ Tứ trụ. Người Biệt giáo tuy hơn hàng Nhị thừa, tu nhân thì lại “đứng bên cửa”, vụng về chẳng được Phật khen, đều không sánh bằng người bắt đầu Tùy hỷ. Nay đức Phật nêu chữ “A” đầu để để so sánh với chữ “Trà” sau, đều thù thắng hơn các giáo, cho nên gọi là “phẩm Tùy Hỷ Công Đức”.

Hỏi: Tùy hỷ này cùng với tùy hỷ trong kinh Đại Phẩm thế nào?

Đáp: Đây là pháp, kia là người, người và pháp nêu xen nhau. Văn có vấn đáp, đều có trường hàng kệ tụng. Phẩm trước đã nêu bốn hạng người mà không nói hạng người ban đầu. Di-lặc được dịp hỏi nêu nghĩa này, như văn. Đức Phật đáp chia làm hai: 1. Đáp: người trong tâm tùy hỷ. 2. Thẳng nêu người ngoài nghe pháp.

Phần một chia làm năm: 1. Lần lượt dạy bảo nhau. 2. Cách lượng Bản. 3. Hỏi. 4. Đáp. 5. Chánh cách lượng.

Các sư phương Nam giải thích: Năm mươi người chia làm ba: 1. Lần lượt thù thắng. 2. Lần lượt bình đẳng. 3. Lần lượt kém yếu. Thù thắng khó được, ngang bằng cũng hiếm có, kém yếu thì so sánh. Tức là phân ra yếu để so sánh mà nêu ra bằng, hay hơn. Người phương Bắc giải thích: Ban đầu thì bậc Diệu giác vì người hàng Thập địa nói, người Thập địa vì người Cửu địa nói, lần lượt như vậy cho đến Thập tín, nêu người sau để so sánh với người đầu tiên. Nay nói không như vậy. Đức Phật dạy rõ người hạng thứ nhất ở trong pháp hội nghe rồi truyền lại dạy bảo nhau, lần lượt đến người thứ năm mươi, tức nêu người sau để so sánh với người ban đầu. Sau chẳng phải là bắt đầu của Thập tín, ban đầu chẳng phải là sau của Diệu giác. Sao lại dùng giải thích như thế? Giải thích như thế thì cực kỳ sâu sắc, nhưng không hiểu ý chỉ của kinh.

Nay chia làm hai: 1. Theo chiều ngang, căn cứ các giáo tứ chúng. 2. Căn cứ trực Viên giáo. Tam tạng có bốn môn, mỗi một môn có bốn chúng, lại khai thêm Sa-di, Sa-di-ni hợp thành sáu hạng người, bốn môn thì có hai mươi bốn hạng người. Căn cứ Tín hành và Pháp hành thì có bốn mươi tám hạng người, cộng thêm ban đầu và cuối cùng hợp thành năm mươi hạng người. Thông, Biệt bốn môn cũng như vậy.

Căn cứ trực tiếp quy luật của Viên môn: pháp số có tiểu bảy, đại bảy. Đại bảy có bảy lần bảy thành bốn mươi chín, đều là thầy trò đầy đủ đức tự hành hóa tha. Một hạng người cuối chỉ là tự giải thoát mà không có đức giáo hóa người khác, cho nên nêu dưới để hiển trên. Trong cách lượng, trước là ban vui cho đời và dứt quả khổ, sau mới ban vui Niết-bàn và dứt khổ sinh tử, đây là lược nêu phước Phạm, nay lại nói rộng nghĩa này. Phước của người khắp cõi Diêm-phù không bằng phước của một

người ở Tây Ngưu-hóa châu. Phước của người khắp cõi Tây Ngưu-hóa châu, không bằng phước một người Đông Thắng-thần châu. Phước của người đầy khắp ba thiên hạ, không bằng phước của một người Bắc Câu-lô châu. Phước của người khắp bốn thiên hạ không bằng phước của một Tứ thiên vương. Phước của Tứ thiên vương không bằng phước của một Đế-thích. Cho đến phước của Trời thứ sáu không bằng phước của một Phạm thiên. Phước của Phạm thiên có định tán. "Tán" là nơi không có tháp thì làm tháp, tháp hư hoại thì sửa chữa, hòa hợp tăng chúng, thỉnh chuyển pháp luân. Chúng tán, trở lại hợp đó gọi là bốn phước, bằng phước của cõi Phạm thiên, cho nên gọi là phước Phạm. Phước Thánh, nghĩa là A-la-hán trụ thân sau cùng, đắc Hữu dư Niết-bàn. Lại, có người hàng Tam thừa thể nghiệm pháp, đồng học Vô sinh, đoạn tận phiền não như đốt cây cháy thành tro. Lại, Tát-đỏa Thánh phước tự hành hóa tha, đều dùng vô ngôn thuyết đạo, đoạn phiền não, nhập Vô dư. Lại, Tát-đỏa phước, nghĩa là từ sơ phát tâm thứ tự giáo hóa người nhập đại Niết-bàn. Cách lượng như thế thì phước Phạm không bằng phước Thánh. Phước Thánh không bằng phước của thể Thánh. Phước của thể Thánh không bằng phước tiểu Tát-đỏa. Phước tiểu Tát-đỏa không bằng phước đại Tát-đỏa. Phước của đại Tát-đỏa không bằng "người tối sơ ở trong hội nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ". Vì sao vậy? Vì kia chẳng phải Phật pháp cho nên chẳng phải thật, chẳng viên mãn. Tuy trú quả sau cùng mà không bằng sơ tâm của ta, nghĩa kia như vậy. Riêng cho rằng: Đây là khuyên người nghe pháp vậy.

Từ "cùng với Đà-la-ni Bồ-tát sinh chung một chỗ" cho đến "tướng người đầy đủ", hợp có năm mươi công đức. Dùng công đức khen người cũng thành năm mươi. Chỉ trên năm mươi luận bên trong giải tùy hỷ, nay chỉ luận việc bên ngoài là khác. Lại, văn đây cũng có công đức của sáu căn. "Lợi căn trí tuệ", là công đức của ý căn. "Chẳng câm ngọng" là công đức của thiệt căn. "Mũi lớn cao thẳng" là công đức của tỹ căn. "Thấy Phật" là công đức của nhãn căn. "Nghe pháp" là công đức của nhĩ căn. Các thứ còn lại là công đức của thân căn. Trên là công đức Tương tự vị, đây là công đức trước Tương tự vị. Nghe kinh, văn chia làm bốn: 1. Tự đến; 2. Phân tòa; 3. Khuyên người; 4. Đủ nghe và tu hành.

Kệ có mười tám hàng chia làm hai: Một: chín hàng, tụng tùy hỉ. Hai: từ "Nếu có khuyên một người" trở xuống, chín hàng, tụng nghe kinh tùy hỷ. Phần một chia làm ba: 1. Một hàng rưỡi, tụng năm mươi người. 2. Từ "Người rốt sau đặng phước" trở xuống, năm hàng rưỡi, tụng cách lượng Bản. 3. Từ "Người năm mươi rốt sau" trở xuống, hai

hàng tụng cách lượng, lược không tụng phước rất nhiều. Chín hàng sau tụng nghe kinh Tiểu, không thứ lớp chia làm bốn: 1. Năm hàng đầu tụng, vượt lên ý khuyên nghe kinh. 2. Từ “Nếu cố đến Tăng phường” trở xuống, hai hàng tụng lại ý: tự đến. 3. Từ “Nếu trong chỗ giảng pháp” trở xuống, một hàng, tụng phân tòa. 4. Từ “Huống là một lòng nghe” trở xuống, một hàng, tụng tu hành.

Phẩm Thứ 19: **PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC**

"Pháp sư" nghĩa như trên đã nói. "Công đức": Trước nói là công đức đầu tiên của hạng người thứ nhất, ở đây nói hạng người thứ năm là cao cấp, tức là sáu căn thanh tịnh, trong ngoài trang nghiêm. Năm căn thanh tịnh, gọi là ngoài trang nghiêm, ý căn thanh tịnh gọi là trong trang nghiêm. Lại, từ địa ngục trở lên cho đến cõi Phật trở lại, tất cả sắc tượng đều trong thân hiện ra, gọi là trong trang nghiêm. Từ địa ngục trở lên cõi Phật trở lại, tất cả sắc tượng do "Tam-muội Phổ hiện sắc thân" mà biến hóa ra bên ngoài, gọi là ngoài trang nghiêm. Thân căn đã vậy, năm căn còn lại cũng vậy. Đọc tụng đã vậy, bốn loại kia cũng vậy. Hạng người thứ nhất đã vậy, bốn hạng người kia thêm rõ ràng. Tương tợ đã vậy, phần chân gấp bội rõ ràng. Hành giả nghe nói công đức này lợi hỷ, không tự thắng, siêng cầu không nhàm chán, tin tưởng, tinh tấn gấp bội, nhận thức rõ rằng Đại thừa có thế lực lớn quyết không còn lưới nghi. Tợ như hiểu sơ sơ, vượt quá Nhị thừa cùng tột gấp bội trăm ngàn vạn lần, chỉ ban đầu hiển bày, cuối cùng hiểu sâu rốt ráo Đệ nhất nghĩa đế bất khả tư nghì. Phẩm này nêu rõ đầy đủ bốn ý này, cho nên gọi phẩm Pháp Sư Công Đức.

"Lục căn công đức": Ngài Quang Trạch nói: "Ba nghiệp hợp mười điều thiện, một điều thiện có dủ mười hạnh, thành một trăm. Tự hành, hóa tha, tùy hỷ, tán thán hợp thành bốn trăm. Căn cứ năm loại Pháp sư, thành hai ngàn. Lại có ba bậc tu (thượng, trung, hạ) nhân lên thành sáu ngàn công đức. Cõi này, ba căn có công dụng yếu hơn thì công đức bị bớt đi, mỗi căn chỉ có tám trăm công đức. Ba căn có công dụng mạnh hơn thì công đức được tăng thêm, mỗi căn có một ngàn hai trăm công đức. Dù có bớt đi và tăng thêm, nhưng hợp lại thì công đức của sáu căn vẫn là sáu ngàn. Có người nêu số cùng ngài Quang Trạch đồng: hạ phẩm tám trăm, trung phẩm một ngàn, thượng phẩm một ngàn hai trăm. Các sư giải thích thiên lệch, không hợp với kinh này cũng không hợp với các giáo. Kinh Đại Phẩm nói: "Sắc tịnh nên Bát-nhã tịnh, Bát-nhã tịnh nên sắc tịnh. Sắc tịnh thì ngũ căn tịnh, Bát-nhã tịnh thì ý căn tịnh". Nếu lục căn đồng đẳng tại sao phân biệt ba bậc thượng trung hạ, dụng có mạnh yếu? Nếu một mạnh một không mạnh, một tịnh một không tịnh, một thượng phẩm, còn lại chẳng phải thượng phẩm... thì Chánh Pháp Hoa đã chỉnh sửa lại đủ sáu ngàn công đức, không luận thượng trung hạ...

Pháp Hoa luận nói: "Phàm người dùng kinh lực cho nên được cái

dụng của căn thù thắng, tuy chưa nhập Sơ địa, chỉ dùng nhục nhãn do cha mẹ sinh ra mà có thể thấy trong ngoài đại thiên”. Đại kinh nói: “Một căn của Như Lai có khả năng thấy sắc, nghe tiếng, phân biệt vị, ngửi mùi hương, cảm giác xúc và tri pháp”. Kinh này nói sáu căn thanh tịnh, cùng kinh Đại phẩm đồng, dùng công đức này trang nghiêm sáu căn, cùng Chánh Pháp Hoa đồng. Mũi thấy sắc nghe tiếng giác tri, cùng kinh Niết-Bàn đồng. Nhục nhãn có công dụng bằng Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, cùng luận đồng. Văn nghĩa như thế, không thể lấy thiên kiến mà kiềm chế chánh kinh. Nay phải nói việc này, ngài Quang Trạch đã tính toán sửa lại cho đủ các căn mà không dựa văn kinh. Xét ba nghiệp an lạc hạnh tức có mười điều thiện, một điều thiện có đủ mười tức thành một trăm điều thiện. Trong một điều thiện có mười Như, tức thành một ngàn điều thiện. Căn cứ hóa tha thì thành hai ngàn. Căn cứ nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai tức thành sáu ngàn. Năm hạng pháp sư đều đủ sáu căn thanh tịnh, mỗi một căn đều có một ngàn công đức. Lại nữa, trong nhất tâm có đầy đủ mười pháp giới, mỗi một giới đều có mười Như tức thành một trăm. Một căn dùng chung sáu trần, tức thành sáu trăm. Căn cứ Định Tuệ hai thứ trang nghiêm thì có một ngàn hai trăm. Mỗi một căn đều dùng định tuệ trang nghiêm, đồng là một ngàn hai trăm. Nếu luận về thanh tịnh của sáu căn, thanh tịnh thì không nói công đức hoặc ít hoặc nhiều. Nếu nói trang nghiêm thì có thể đầy, có thể thiếu, có thể bằng nhau. Trang nghiêm bằng nhau thì các căn có sáu ngàn. Nếu nói một ngàn hai trăm thì hiển bày khả năng kia thừa. Nếu nói tám trăm thì hiển bày khả năng kia thiếu. Nếu nói thanh tịnh thì không đầy, không thiếu, không bằng, Sáu căn là hỗ dụng căn thì tự tại, bất khả tư nghì. Nếu xét thiên lệch thì mất ý chỉ. Tương tự vị, nếu y Tứ luân, tức Thiết luân vị. Nếu y năm mươi hai vị, tức Thập tín tâm. Nếu y kinh Nhân Vương, tức thập thiện đại tâm. Nay đối Bồ-tát Thường Tinh Tấn, tức tâm thứ ba trong Thập tín. Các kinh tên gọi tuy khác, nhưng đồng là Viên giáo tương tợ vị.

Văn chia làm hai: 1. Liệt kê tổng quát số công đức thừa thiếu của sáu căn. 2. Giải thích chi tiết gồm sáu chương, mỗi chương có trường hàng và kệ tụng.

Chương Nhãn căn: mắt do cha mẹ sinh gọi là “Nhục nhãn” mà thấy vượt quá Thiên nhãn. Quả báo cõi Phạm vương được Thiên nhãn, ở cõi mình mà thấy khắp đại thiên, ngoài đại thiên vì có phong luân làm chướng ngại nhãn nên không thể thấy ngoài, nếu ở cõi khác thì không thấy khắp đại thiên vì không phải cõi mình thống lĩnh. Tiểu La-hán

thấy tiểu thiên, đại La-hán thấy đại thiên, Bích-chi-phật thấy một trăm thế giới Phật không bị phong luân làm ngăn ngại cũng không bị ngăn cách bởi cõi mình cõi người. Nay kinh nói về nhãn có thể thấy trong ngoài đại thiên lẽ ra phải là thiên nhãn, sao gọi là nhục nhãn? Đây là Tợ vị theo Viên giáo, do lực của kinh mà có dụng thù thắng của căn. Vì chưa phát chân, cho nên không được gọi là “thiên nhãn” mà vẫn gọi là “nhục nhãn”. Ví như Tiểu thừa phương tiện, chưa đắc thần thông thì không gọi là “thiên nhãn”, còn là thân Phần đoạn cho nên gọi là “mắt do cha mẹ sinh”. Tuy gọi là nhục nhãn mà đầy đủ công dụng của ngũ nhãn. Thấy trong ngoài đại thiên, là dụng của Thiên nhãn. Thấy tất cả chúng sinh và nghiệp nhân duyên, là dụng của Pháp nhãn. Cái nhìn kia rất thanh tịnh là công dụng của tuệ nhãn. Đồng thời thấy tất cả trong ngoài đại thiên, thấy nghiệp thấy tịnh, lại chiết hoàn toàn thượng phục Hoặc của pháp giới, là dụng của Phật nhãn. Đại kinh nói: “Tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn, vì Phật nhãn gọi là thanh tịnh”. Đầy đủ ngũ nhãn thường nói là trang nghiêm. Khả năng thừa hoặc thiếu, gọi là dụng của căn thù thắng, gọi là độ tự tại của căn. Sao có thể chỉ giải thích là tám trăm hay là một ngàn hai trăm?

Chương Nhĩ căn: nghe tất cả âm thanh của mười pháp giới khắp trong ngoài đại thiên. Nghe âm thanh trong sáu đường, tức Nhục nhĩ, Thiên nhĩ. Nghe hàng nhị thừa tức tuệ nhĩ. Nghe Bồ-tát tức pháp nhĩ. Nghe Phật tức Phật nhĩ. Lại, do cha mẹ sinh là Nhục nhĩ, có thể nghe trong ngoài tức Thiên nhĩ, nghe mà không đắm chấp tức Tuệ nhĩ, không lầm lẫn tức Pháp nhĩ, nhất thời hỗ văn tức Phật nhĩ. Vì nhĩ cũng như nhãn, nhãn cũng như thế. Thấy hàng thiên nhân là nhị nhãn, thấy nhị thừa là Tuệ nhãn, thấy Bồ-tát là Pháp nhãn, thấy Phật tức Phật nhãn.

Chương Tỹ căn: cũng như vậy. Do cha mẹ sinh ra Nhục tỹ, ngửi khắp trong ngoài đại thiên tức Thiên tỹ, không nhiễm không đắm tức Tuệ tỹ, phân biệt không lầm lẫn tức Pháp tỹ, nhất thời hỗ dụng chung tức Phật tỹ. Chương này nêu hỗ dụng. Tỹ biết tốt xấu, phân biệt giàu sang nghèo hèn, biết rõ các thứ trang nghiêm ở cung trời thì tỹ có công dụng của nhãn. Đọc kinh thuyết pháp nghe mùi đều biết, tỹ có công dụng của nhĩ. Biết các loại trái cây hoa và mùi hương thơm của tô dầu, tỹ có công dụng của thiệt. Nhập thiền xuất thiền, thiền có bát xúc, đùa vui ngũ dục cũng là xúc pháp, tỹ có dụng của của thân. Nhiễm dục si nhuế tâm cũng biết tu thiện là tỹ có công dụng của ý. Tỹ căn tự tại thắng dụng như thế. Năm căn còn lại cũng giống như vậy.

Chương Thiệt căn: cũng như vậy. Do cha mẹ sinh là Nhục thiệt,

có thể nói mười ngôn ngữ của pháp giới. Căn cứ đây tức là nêu nghĩa ngũ thiệt. Năng nói ngôn ngữ của mười pháp giới tức Thiên thiệt, không hoại tức Tuệ thiệt, không lầm lẫn tức Pháp thiệt, nhất thời hỗ dụng tức Phật thiệt...

Hỏi: Các món đắng chát dở đến lưỡi đều biến thành thượng vị, thì các sắc đến mắt sao đều không biến thành diệu sắc?

Đáp: Xưa cho rằng nhãn không có lệ đó, Vị có tổn ích, tổn thì biến, không tổn thì không biến. Các sắc không hoại nhãn nên không theo lệ, nay giải thích không như vậy. Tất cả sắc đồng sắc Phật, tất cả âm thanh đồng âm thanh Phật, các thứ đều thanh tịnh, theo lệ thì không ngăn ngại, biết khắp tất cả sắc pháp, thanh pháp, không loạn, không lầm, phân biệt cũng không ngăn ngại. Các căn tự tại, sao lại ngang bướng giải thích như thế?

Chương thân căn: cũng như vậy: Sở hữu của thế gian đều từ trong thân hiện, là cái dụng của nhục thân. "Trên đến trời Hữu-đảnh", là từ trong thân hiện cái dụng của Thiên thân. Trong thân nhị thừa hiện cái dụng của Tuệ thân. Bồ-tát từ trong thân hiện cái dụng của Pháp thân. Phật từ trong thân hiện cái dụng của Phật thân, nhất thời viên hiện nhất thời hỗ dụng, nhất thời không lầm lẫn, nhất thời không chấp đắm...

Chương ý căn: cũng như vậy. Trí tuệ, đời sống, tài sản, nghề nghiệp thế gian đều thuận với chánh pháp, là Nhân (người) ý thanh tịnh. Thiên tâm sở hành, thiên sở động tác đều biết, là Thiên ý thanh tịnh. Tứ nguyệt tức Tứ đế. Một năm tức mười hai tháng, là Thập nhị nhân duyên cùng Thật tướng không trái nghịch nhau, tức Tuệ ý thanh tịnh. Nhất nguyệt (một tháng), tức Nhất thừa Bồ-tát ý tịnh. Có suy nghĩ điều gì thì đều là những điều mà Phật trước đã nói trong kinh điển, tức Phật ý thanh tịnh. Nhất thời viên minh, nhất thời viên hỗ, nhất thời không nhiễm, nhất thời không lầm lẫn, căn dụng tự tại có thể thừa, có thể thiếu, có thể bình đẳng, đều thanh tịnh.

Phẩm Thứ 20: **THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT**

Hiểu trong lòng không khinh, cảnh bên ngoài cung kính không khinh, thân đi đứng không khinh, miệng dạy bảo không khinh, gọi là không khinh người. Giải không khinh: Pháp Hoa luận nói: "Vị Bồ-tát này biết chúng sinh có Phật tánh, cho nên không dám khinh khi họ". Phật tánh có năm: Chánh nhân Phật tánh thông suốt từ xưa nay. Duyên liễu Phật tánh, chủng tử vốn có từ xưa chẳng phải mới đây. Quả tánh, quả quả tánh, quyết định sẽ đắc, quyết không hư dối, đó gọi là Hiểu không khinh. Sẽ giải thích rõ ràng người kia cũng như, vậy đó gọi là cung kính cảnh không khinh. Cung kính cảnh này, cho nên gọi là Hạnh không khinh. Tuyên bày lời này, nên gọi là Giáo không khinh. Xưa do bị người gọi như thế để hủy báng, nên lấy đây để đặt tên người, nay kinh gia dùng nghĩa này để đặt tên phẩm. Kiến thật Tam-muội nói: "Đức Phật vì vua cha mà nói: tất cả đều là Phật. Vua hỏi: tất cả chúng sinh tức Phật ư!? Phật đáp: Nếu như thật mà thấy chúng sinh, thì chúng sinh đó tức là Phật". Theo ý riêng giống như câu nói này: "Nếu không như thật mà thấy Phật, thì người đó chẳng phải Thánh". Ví như người mới học bắn cung. Nhắm đích bắn trật nhiều trúng ít, dùng đất làm đích thì không lần nào bắn không bám đất. Nếu phân biệt Hiền Thánh thì ai phải ai không phải, như thật quán sát tức là Phật. Ban đầu là giải thích theo Nhân duyên, sau là giải thích theo Viên giáo. Phẩm này dẫn người làm chứng, chứng ngũ phẩm công đức sâu xa, lục căn báo trọng. Ta xưa tùy hỷ thâu hoạch quả báo hiện đời và đời sau để chiêu mộ lưu thông.

Văn có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm ba: 1. Song chỉ tội phước phẩm trước; 2. Song khai tin chê phẩm này; 3. Song khuyên thuận nghịch phẩm sau.

1. Song chỉ: trước chỉ tội như phẩm Pháp Sư nói; tiếp, chỉ phước như phẩm Công Đức nói, như văn. 2. Song khai tin chê: có Sự bản và Bản sự. 1. Sự bản: có thời tiết, danh hiệu, kiếp, quốc độ, thuyết pháp... đều như văn. 2. Từ "Đức Oai Âm Vương Như lai đầu tiên" trở xuống: nêu Bản sự, lại chia làm ba: 1. Thời tiết. 2. Từ "Trong đời tượng pháp" trở xuống: là nêu tên hai hạng người. Hủy báng, do đó gọi là "Tăng thượng mạn", Tin, do đó gọi là "Thường Bất Khinh". 3. Từ "Đắc Đại Thế" trở xuống: nêu được mất.

Phần Được mất lại có hai:

1. Căn cứ Tin mà luận về được, được tông chỉ rộng của chính thuyết, được lợi ích vi diệu của lưu thông. "Tên Thường Bất Khinh" là

Nhân nhất. “Phàm khi ngó thấy” là Lý nhất. “Thảy đều lễ lạy” là Hành nhất, “mà nói như vầy” là Giáo nhất. Đây là tứ Nhất của “khai Quyền hiển Thật”. Từ “nhẫn đến xa thấy...” là bản Lý nhất, “cố qua lễ lạy là bản Hành nhất, “mà nói rằng”... là bản Giáo nhất. Thiếu Nhân nhất, nghĩa kia có thể hiểu. Đây là tứ Nhất của khai Cận hiển Viễn.

Văn nói: “Không chuyên đọc tụng kinh điển mà chỉ đi lễ lạy”, đây là địa vị người sơ tùy hỷ. Tùy hỷ tất cả pháp đều có tánh an lạc, đều là nhất thật tướng. Tùy hỷ tất cả mọi người đều có tam Phật tánh. “Đọc tụng kinh điển” tức Liễu nhân Phật tánh. “Đều hành Bồ-tát đạo” tức Duyên nhân Phật tánh. “Không dám khinh mạn mà lại cung kính sâu” là Chánh nhân Phật tánh. Kính người, kính pháp, không khởi tâm cạnh tranh, tức ý tùy hỷ. Không khinh mà lại cung kính sâu sắc, là ngồi tòa Như Lai. Nhẫn nhục đối với sự đánh mắng là mặc áo Như Lai. Dùng tâm từ bi thường hành không quên, tức ở nhà Như Lai. Lại, cung kính sâu xa là ý nghiệp; nói “không khinh”, là khẩu nghiệp; cố qua lễ lạy là thân nghiệp. Ba nghiệp này cùng có với từ bi, tức thệ nguyện an lạc hạnh. Như thế với ba, bốn nghĩa này mà chẳng phải lợi ích vi diệu của lưu thông, thì gọi là gì ?

2. Từ “Ở trong tứ chúng” trở xuống, là phần hai: Mất Hủy báng thì mất. “Sinh tâm sân nhuế bất tịnh”, là không nhận tứ Nhất. “Mắng nhiếc nói vô trí”, trí biết Lý, đã nói “vô trí” tức không nhận Lý nhất. “Mắng nhiếc nói Tỳ-kheo”tức không nhận nhân nhất. “Nói từ đâu mà đến” là không nhận Hạnh nhất, “Thọ ký hư dối” là không nhận Giáo nhất. “Trải qua nhiều năm thường bị mắng nhiếc” là tổng kết không nhận tứ Nhất của khai Quyền hiển Thật: “Chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xướng rằng” cũng lại là không nhận. Đây là không nhận tứ Nhất của Bản địa khai Cận hiển Viễn. “Bởi ông thường nói lời đo” là kết tín, tin sâu không ngừng; “Bốn chúng thường gọi ông là Thường Bất Khinh” đây là kết phần hủy báng, mắng nhiếc không ngừng.

Hỏi: Đức Thích-ca khi xuất thế thì do dự không nói, Thường Bất Khinh một khi thấy thì lại hấp tấp nói, là vì sao?

Đáp: Vốn đã “có thiện”, cho nên đức Thích-ca dùng Tiểu mà dẫn dắt gia hộ. Vốn chưa “có thiện” cho nên Thường Bất Khinh dùng Đại mà ép trị chúng sinh. (Có thiện” là có biết chư Phật luôn dùng phương tiện để giáo hóa.)

Từ “Vị Tỳ kheo ấy lúc sắp chết” trở xuống: song nêu quả báo của tin chê. Quả báo của tin, văn chia làm hai: 1. Nói rõ quả báo. 2. Kết hợp xưa nay. “Tin”: luận về ba thứ báo. Hiện báo được sáu căn thanh tịnh.

Sinh báo gặp đức Phật Đăng Minh. Hậu báo gặp hai ngàn ức vị Phật. Thần thông lực là thân nghiệp thanh tịnh. Nhạo thuyết biện lực là khẩu nghiệp thanh tịnh. Thiện tịch lực là ý nghiệp thanh tịnh. Phần Kết hợp lại có hai: 1. Kết hợp: như văn. 2. Từ "Nếu ta ở đời trước" trở xuống: nêu tin và khuyên thuận, như văn.

Từ "Thủa đó bốn chúng" trở xuống: quả báo của chê, lại có hai: 1. Đắc quả. 2. Kết xưa nay. Chê bai được hai quả thiện ác, vì phỉ báng nên rơi vào đường ác, nghe danh Phật tánh như sức trống độc thâu hoạch được quả báo thiện. Kết xưa nay, lại có hai. 1. Kết xưa nay. 2. Từ "Phải biết" trở xuống: nêu nghịch để hiển thuận, khuyên trì để ngăn chê bai. Kinh có đại lực, cuối cùng sẽ cảm được đại quả, phải siêng năng tu tập thực hành năm thứ.

Kệ có mười chín hàng rưỡi: mười lăm hàng rưỡi đầu, chỉ tụng nhân quả của tin chê. Bốn hàng sau, tụng khuyên trì. Tại văn có thể thấy không chia nhỏ. "Mê chấp pháp" là pháp ấy không thể chỉ bày, nếu nhất định cho là có, thì là đắm chấp pháp; cho đến nhất định cho là "chẳng có chẳng không" thì cũng gọi là đắm chấp pháp. Phật Tạng nói: "Đao luân hại người ở cõi Diêm-phù, thì tội đó còn ít, người có tâm sở đắc mà nói Đại thừa thì tội hơn tội kia". Đại luận nói: "Chấp có và chấp không, tranh luận nhau, cho đến "chấp chẳng có chẳng không" cùng với chấp có chấp không, tranh luận nhau, như "da trâu, dây long tu" đều không tránh khỏi lỗi "Da trâu" và "Dây long tu" là dụ ngôn Phật học, được giải thích trong từ điển Huệ Quang, xem mục từ "Ngưu bì" và "Long tu thằng". Trung luận nói: "Chư Phật thuyết pháp "Không", vốn là vì hóa độ người chấp Có, nếu có người chấp Không, thì chư Phật không dạy như thế. Nếu nhất định nói các pháp chẳng có chẳng không, thì đó gọi là ngu si luận. Nếu mất ý tứ Tất-đàn, thì tự hành hóa tha đều gọi là chấp pháp. Nếu đắc ý tứ Tất-đàn, thì tự hành hóa tha đều không chấp trước.

■

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

QUYỂN 10
(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 21: NHƯ LAI THẦN LỰC

"Như Lai": trên đã giải thích. "Thần" là không thể đo lường, "Lực" là tài năng lực công dụng. Không thể đo lường tức bản thể sâu xa tự nhiên, tài năng công dụng tức sức mạnh chuyển biến. Trong đây vì phó chúc Pháp sâu xa, hiện mười thứ đại lực cho nên gọi là "phẩm Thần lực". Từ phẩm này trở xuống gồm có tám phẩm là Phó chúc lưu thông. Phẩm này nêu Bồ-tát nhận sứ mệnh hoằng kinh, phẩm tiếp là Như Lai xoa đầu Chúc Lụy. Văn có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng chia làm ba: 1. Bồ-tát nhận sứ mệnh. 2. Phật hiện thần lực. 3. Kết luận cần khuyến trì. Phần đầu: Trước, là kinh gia trình bày nghi thức cung kính. Tiếp, là phát thệ nguyện hoằng kinh.

Hoằng kinh chia làm ba: 1. Thời tiết: sau Phật diệt độ. 2. Nơi chốn phân thân: các nước. 3. Thệ nguyện: chẳng những phụng mạng lợi tha, mà còn tự lợi, nguyện đây là chân thật thanh tịnh đại pháp gồm cứu giúp đều tốt đẹp.

Từ "Lúc đó Đức Thế Tôn" trở xuống, là phần hai: Hiện mười thần lực, chia làm hai: 1. Nêu đại chúng. 2. Chánh hiện thần lực. "Văn-thù-sư-lợi v.v..." là Tích hóa chúng. "Cựu trú": là hạ phương Bản hóa chúng. "Nhất thiết": là chúng phương khác đến và theo Phật phân thân đến.

Hỏi: "Chỉ thấy hạ phương phát nguyện mà không thấy Văn-thù v.v... phát nguyện, là sao?"

Đáp: Văn trên nói: "Cõi ta tự có Bồ-tát năng trì kinh này", tức đã gồm Văn Thù v.v...

- Mười thần lực:

1. "Bày tướng lưỡi" Kinh này diễn "khai tam hiển nhất", trong bí ngoài hiện, "phế cận hiển viễn", nêu ba đời lợi vật đều chắc thật chẳng

hư dối, người có phước đức thì lè lưỡi chạm đến mũi, theo Tam tạng thì Phật lè lưỡi chạm đến mé tóc. Kinh này thì nói lưỡi Phật dài lên đến cõi Phạm thiên, xuất vượt ngoài Phàm Thánh, cùng cực đến đảnh Tịnh thiên, tướng đã khác thường, thuyết càng đáng tin.

2. "Khắp các lỗ chân lông trong thân thể phóng ánh sáng chiếu khắp mười phương" không nơi nào là không sáng, là tiêu biểu trí cảnh tận cùng. Bên trên nói đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chặn mày phóng ánh sáng vi diệu bắt đầu phương Đông, là tiêu biểu Thất phương tiện ban đầu thấy nhất lý. Nay Bản môn đã xong, phóng tất cả hào quang chiếu khắp tất cả cõi, có thể khiến nhân ban đầu cuối cùng đến Đẳng giác cứu cánh Phật tuệ, phân thân chư Phật cũng lại như vậy.

3. "Tằng hắng": là trạng thái sắp nói, cũng là tướng thông suốt. Cái chân thật bí mật ẩn dấu hơn bốn mươi năm, nay được giải bày không còn sót đọng. Ta xuất thế chính vì thông suốt đại sự. Vì vậy cho nên, Tằng hắng là muốn đem pháp này giao phó cho các Bồ-tát khiến dẫn dắt lợi ích chúng sinh đời sau, chuẩn bị nói việc này cho nên tằng hắng. Tằng hắng có đủ hai nghĩa: a. Tằng hắng hiểu rõ sự việc. b. Tằng hắng phó chúc cho người.

4. "Khảy móng tay (đàn chỉ)": là tùy hỷ. Tùy hỷ Thất phương tiện đồng nhập viên đạo, tùy hỷ viên đạo tăng trí tổn sinh, tùy hỷ các Bồ-tát trì đại pháp chân thật thanh tịnh, tùy hỷ đời sau thâu hoạch báu vô thượng. Một đàn chỉ này, theo chiều dọc thì suốt ba đời, theo chiều ngang thì khắp mười phương.

5. "Đất chấn động sáu cách", tiêu biểu sơ tâm đến hậu tâm sáu phen chấn động vô minh. Ở đây lại tiêu biểu chấn động sáu căn của tất cả mọi người, khiến được thanh tịnh.

6. "Thấy khắp đại hội": tiêu biểu chư Phật đạo đồng, mà nay cho đến về sau cũng lại như vậy. Bên trên kinh văn đã nói: "Năm ngàn người đứng dậy rời bỏ pháp hội" (phẩm Phương Tiện) và "Ba phen dời trời người để ở cõi khác, hai lần biến mỗi phương (của tám phương) thành hai trăm muôn ức na- do-tha cõi nước" (phẩm Hiện Bảo Tháp), bởi vì đã mất bản tâm thì hiện tại không được lợi ích. Để thích nghi cho nên dùng phi diệt hiện diệt, theo các Bồ-tát hoằng kinh đắc đạo, nhập Phật tuệ, như ở pháp hội đây không khác. Cũng tiêu biểu đời vị lai có Cơ nhất.

7. "Ở giữa hư không lớn tiếng xướng": tiêu biểu đời vị lai có Giáo nhất.

8. "Nam mô", qui mạng làm đệ tử Phật là tiêu biểu đời vị lai có Nhân nhất.

9. “Các vật rải đó như mây tụ mà đến”: là tiêu biểu vị lai có Hạnh nhất.

10. “Mười phương cõi nước thông đạt không ngại như một cõi Phật”: là tiêu biểu Lý nhất.

Hỏi: Vì sao biết mười tướng tiêu biểu ý hiện tại, lại tiêu biểu ý vị lai?

Đáp: Văn nói: “Ta dùng thần lực Như Lai”, vì phó chúc kinh này vẫn còn không thể tận, là tiêu biểu nghĩa hiện tại tương lai.

Từ “Bấy giờ Phật bảo đại chúng bậc thượng hạnh” trở xuống, là Kết luận, cần phó chúc. Văn chia làm bốn: 1. Tán thán phó chúc. 2. Kết luận cần phó chúc. 3. Khuyến tương phó chúc. 4. Giải thích phó chúc. Tán thán như văn. Phần kết luận có bốn câu. “Tất cả pháp”: tất cả đều là Phật pháp, đây là kết tất cả đều là diệu Danh. “Tất cả thần lực”: thông đạt, vô ngại đủ tám Tự tại, đây là kết diệu Dụng. “Tất cả bí tạng”: biến khắp mọi nơi đều là thật tướng, đây là kết diệu Thể. “Tất cả việc rất sâu” nhân quả là việc rất sâu, đây là kết diệu Tông. ”Đều tuyên bày nói rõ trong kinh này”. Tổng kết một kinh chỉ có bốn mà thôi! Tóm tắt điểm trọng yếu mà trao cho. Từ “Cho nên các ông” là tương khuyến phó chúc, như văn. Từ “Vì sao vậy?” trở xuống: giải thích phó chúc. Trên nói “nơi nào có kinh quyển thì nên xây tháp”, trong kinh chủ yếu nói bốn việc. “Đạo tràng”: giải thích “việc rất sâu” bên trên. “Đắc Bồ-đề”: giải thích “tạng bí mật” bên trên. “Chuyển pháp luân”: giải thích “tất cả pháp” bên trên. “Nhập Niết-bàn”: giải thích “thần lực” bên trên. Bốn điểm trọng yếu này thâu nhiếp hết văn kinh, cho nên đều cần phải xây tháp. Tóm lại mà nói: “Đắc Bồ-đề” là Pháp thân. “Chuyển pháp luân” là Bát-nhã. “Nhập Niết-bàn” là Giải thoát. Ba pháp thành bí mật tạng, đức Phật trú trong đó tức là nghĩa “tháp”. Kinh A-hàm nói: “Đức Phật xuất thế chỉ có bốn nơi cần xây tháp: nơi đản sinh, nơi đắc đạo, nơi chuyển pháp luân, nơi nhập Niết-bàn”. Ngồi đạo tràng là nơi Pháp thân sinh, các nơi khác đều như văn.

Kệ có mười sáu hàng: 1. Bốn hàng đầu, tụng mười thần lực. 2. Mười hai hàng, tụng kết yếu. “Vì chúc lụy kinh này” trở xuống,hai hàng: công đức của người, tổng tụng bốn pháp. Từ “Người trì được kinh này, thời là đã thấy ta” trở xuống, tám hàng rưỡi, biệt tụng bốn pháp. Một hàng rưỡi đầu, tụng “tất cả pháp”, trì pháp tức trì thân Phật... Từ “Khiến ta và phân thân” trở xuống, hai hàng: tụng “thần lực”, thần lực khuyến Phật khiến vui mừng. Từ “Chư Phật ngồi đạo tràng” trở xuống, một hàng tụng “bí yếu”. Từ “Có thể hiểu đối các pháp” trở xuống bốn bài kệ, tụng việc rất sâu, thuyết pháp phá sự tối tăm nhập nhất thừa đó là việc Phật rất sâu. Một hàng rưỡi cuối cùng, tổng tụng kết.

Phẩm Thứ 22: **CHÚC LỤY**

"Chúc" là Phật phó chúc, "Lụy" là phiền tuyên truyền như thế. Đây là từ ý chỉ của Thánh mà đặt tên, nên gọi là "Chúc Lụy". "Chúc" là cúi đầu thọ nhận lời dặn dò, "Lụy" là bằng lòng mà chẳng lao nhọc, đây là từ Bồ-tát kính thuận mà đặt tên, cho nên nói "Chúc Lụy". "Chúc" là từ kim khẩu của Như Lai dặn dò, "Lụy" là Bồ-tát thành tâm gánh vác, đội trên đầu. Đây từ trao cho và thọ nhận hợp luận cho nên nói "phẩm Chúc Lụy". Vì vậy cho nên đức Như Lai tự thân từ tòa đứng dậy, dùng tay xoa đầu trao pháp khó đặng này. Đại chúng cúi mình chắp tay như lời Thế Tôn dạy mà phụng hành, sự trao và nhận đều ân cần đầy đủ, nên gọi là "phẩm Chúc Lụy". Văn chia làm hai: 1. Phó chúc; 2. Thời chúng hoan hỷ.

Phó chúc chia làm ba: 1. Như Lai phó chúc. 2. Bồ-tát lãnh thọ. 3. Xong việc xướng giải tán.

Như Lai phó chúc lại có ba: 1. Chánh phó. 2. Giải thích phó. 3. Răn phó. - Chánh phó: đức Phật dùng một bàn tay quyền trí thiện xảo xoa trên đầu các Bồ-tát thật trí trong ba ngàn ba trăm na-do-tha cõi nước khắp hư không. Như Lai trao cho họ đạo hóa tha, cho nên gọi là tay Quyền trí. Bồ-tát tự hành thọ đạo, cho nên gọi là đảnh Thật trí. Dùng tay xoa đầu như thế tức "thân phó chúc". Quyền trí đến gần Thật trí, tức "ý phó chúc". "Mà nói rằng" tức "khẩu phó chúc". Văn có ý tứ Tất-đàn. "Ta ở trong vô lượng kiếp tu pháp khó được này": đây là thọ học từ Phật trước "nay đem trao các ông, các ông phải trao truyền pháp này cho tất cả chúng sinh". Ba lần liên tiếp bảo như thế, tức Thế giới Tất-đàn. "Nhất tâm lưu bố rộng rãi pháp này" tức Vị nhơn Tất-đàn. "Rộng khiến cho đạo tăng trưởng" tức Đối trị Tất-đàn, làm lợi ích chúng sinh tức Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Từ "Vì sao vậy?" trở xuống, là giải thích lý do vì sao mà phó chúc. "Có lòng đại từ bi": là ở nhà Như Lai; "không bỏn xẻn": tiếc là mặc áo Như Lai, "cũng không sợ sệt": là tòa Như Lai. "Trí tuệ Phật" là nhất thiết trí, "Trí tuệ Như Lai" là đạo chủng trí, "Trí tuệ tự nhiên" là nhất thiết chủng trí. Ở trong nhà Như Lai, thì năng thí cho chúng sinh ba thứ trí tuệ, cho đến ngồi tòa Như Lai cũng lại như vậy. Là thí chủ như thế cho nên không có tánh bỏn xẻn, cũng không sợ sệt. "Các ông cũng nên thọ học pháp này của Như Lai", đó gọi là giải thích nêu ý Phật mà phó chúc.

Từ "Ở đời vị lai" trở xuống, là răn phó: Nếu căn sâu trí lợi thì trực

thuyết Phật tuệ. Nếu người nào không kham nổi, thì dùng các pháp sâu xa khác của Như Lai mà chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng. Phật tuệ rất sâu xa, chẳng như các pháp khác. Sáu phương tiện là các pháp khác mà chẳng phải sâu xa. Biệt giáo thứ lớp là các pháp khác, cũng là sâu. Ông có thể dùng các pháp sâu xa khác để trợ giúp giải bày Phật tuệ, tức thiện xảo báo ân Phật, đó gọi là răn phó chúc.

Từ "Lúc đó các vị đại Bồ-tát" trở xuống, là lãnh thọ.

"Hoan hỷ" là ý lãnh thọ, "nghiêng mình cúi đầu" là thân lãnh thọ, "đều lên tiếng bạch rằng" là khẩu lãnh thọ bao gồm đắc ý lãnh thọ. "Như lời Thế tôn dạy": là lãnh thọ ý đại thí chủ, tức ở nhà Như Lai. "Sẽ vâng làm đầy đủ" là lãnh thọ ý không bỏn xẻn, tức mặc áo Như Lai. "Xin Thế Tôn chớ lo" là lãnh thọ ý không sợ sệt, tức ngồi tòa Như Lai. Phật đã ba phen phó chúc Bồ-tát ba phen thọ lãnh, đều như văn.

Từ "Lúc bấy giờ đức Phật Thích-ca" trở xuống, là xướng giải tán. Phật Đa Bảo vì làm chứng kinh cho nên đến, nay Tích Bản hai môn đã xong, cho nên phải xin mời trở về như cũ. Phân thân vì mở tháp cho nên tụ tập, việc mở tháp đã xong cho nên khiến phân thân trở về nước cũ. Tháp không thể mở lại, cho nên phân thân đi mà không hiện, tháp còn nghe pháp cho nên đóng mà vẫn còn.

Hỏi: Tháp nếu nghe pháp thì lẽ ra cũng không đóng?

Đáp: Chứng Chánh thuyết kinh rồi cho nên đóng, nghe Lưu thông cho nên còn.

Từ "Phật nói lời đó rồi" trở xuống, là đại chúng hoan hỷ. Chư Phật vì việc hóa tha toại nguyện cho nên vui vẻ. Bồ-tát vì tự hành đắc pháp cho nên vui vẻ. Lại, nói người thanh tịnh cho nên vui vẻ, là Phật vậy. Nghe pháp thanh tịnh cho nên vui vẻ, tức Diệu kinh. Nghe pháp thâu hoạch chứng cho nên vui vẻ, tức hiện tại vị lai được lợi ích. Ba việc đầy đủ cho nên "rất vui mừng".

Phẩm Thứ 23: **DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BẢN SỰ**

Quán kinh dạy: Ngài xưa tên là Tinh Quang, theo tôn giả Nhật Tạng nghe thuyết Phật tuệ, dùng thuốc trên núi Tuyết Sơn cúng dường chúng tăng và nguyện tôi ở đời vị lai có thể trị hai thứ bệnh thân và tâm cho chúng sinh, tất cả chúng sinh thảy đều hoan hỷ gọi là Dược Vương.

Văn đây nêu rõ ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ-tát hoàn toàn xả bỏ thân mạng, lại vào đời sau thì đốt hai tay coi nhẹ sinh mạng, trọng pháp bỏ mạng giữ đạo, là nêu xưa hiển nay cho nên gọi "phẩm Bản Sự". Nếu suy tìm nghĩa đây, thì ngài Tinh Quang lẽ ra là thân sau của ngài Hỷ Kiến Bồ-tát, từ khi xả bỏ thân mạng phát thệ cứu bệnh cho chúng sinh về sau, gọi là Dược Vương.

Năm phẩm dưới đây đều là phần lưu thông hóa tha. Phẩm này nêu Sư hóa tha, xin nguyện đắc pháp Đại thừa hoằng truyền rộng rãi, đại nguyện chúng sinh thâu hoạch lợi ích lớn, nên Khát Khao thần lực đó, trọn cả thân mạng, cuộc đời ân cần chí thành cũng còn chưa đủ, hầu mong khiến cho đệ tử tông pháp như (thầy) sư. Ta truyền trao sáng tỏ, các người lại truyền trao sáng tỏ, sự sáng tỏ đó của thầy không thôi cho nên biết phẩm này khuyến khích thầy hoằng pháp. Hai phẩm Diệu Âm và Quan Âm bên dưới, nêu ở phương khác các bậc Đại sĩ vâng lời Phật dạy hoằng kinh, hiện khắp sắc thân hình tướng không nhất định. Không thể dùng mắt trâu dê mà thấy, không thể dùng cái nhận thức xoàng xỉnh của phàm phu mà đo lường. Đối với những điều nghe biết đó chớ sinh tâm coi thường. Coi thường thì pháp không nhiễm tâm, cho nên biết phẩm dưới khuyến khích đệ tử thọ pháp.

Có người nói: "Các phẩm trên chư Phật làm Phật sự, phẩm này trở xuống là Bồ-tát làm Phật sự, đây là nhất vãng. Phẩm trên cũng có Bồ-tát, các phẩm dưới này cũng có chư Phật v.v... Nay nêu phẩm Phương Tiện khai tam hiển nhất, viên nhân đã xong. Phẩm An Lạc Hạnh nêu pháp các Thừa theo. Phẩm Thọ Lượng nêu thừa quả đã xong. Phẩm này trở xuống nêu người theo các Thừa. Cho nên Thập Nhị Môn luận nói: Đại thừa là pháp mà các đại nhân như Phổ Hiền, Văn-thù nương theo. Dược Vương dùng cỗ xe Khổ hạnh để đi, Diệu Âm Quan Âm dùng cỗ xe Tam-muội để đi. Đà-la-ni dùng Tổng trì làm cỗ xe đi. Diệu Trang Nghiêm dùng Thệ nguyện làm cỗ xe để đi. Phổ Hiền dùng Thần thông làm cỗ xe đi. Giải như đây thì đối với sự lưu thông hóa tha nghĩa rất tiện. Văn chia làm bốn: 1. Vấn. 2. Đáp. 3. Lợi ích. 4. Phật Đa Bảo

khen: Hay thay!

1. Vấn chia làm ba: a. Hỏi chung việc du hóa. b. Hỏi riêng sự khổ hạnh. c. Thỉnh đáp như văn.

Đáp lại có hai: 1. Chỉ đáp khổ hạnh, du hóa thì chỉ sắc thân Tam-muội, hoặc chỉ hai phẩm dưới. 2. Tán kinh. Trong phần đáp Khổ hạnh, trước nêu Sự bản, tiếp nêu Bản sự. Sự bản chia làm ba: Nghĩa là thời tiết có Phật, Thanh văn, quốc độ... đều như văn. Bản sự chia làm ba: 1. Phật thuyết pháp. 2. Tu cúng dường. 3. Kết hợp. Nhưng đức Phật khắp vì tất cả, đâu riêng gì ngài Hỷ Kiến Bồ-tát, vị kia là trực tiếp tuyên dương nên phải phó chúc lưu thông, như nay Thân-tử nương một mà nói nhiều.

Khổ hạnh lại có hai: 1. Hiện tại. 2. Vị lai.

Hiện tại lại có hai: 1. Tu hành đắc pháp. 2. Tác niệm báo ân. Báo ân lại có hai: 1. Tam-muội lực. 2. Chánh báo thân lực. Thân lực lại có ba: 1. Thiêu thân. 2. Phật xưng tán. 3. Thời tiết.

Chân pháp cúng dường: phải là bên trong vận trí quán để quán phiền não nhân quả, đều dùng Không tuệ để dẹp sạch phiền não, cho nên nói chân pháp. Lại quán hoặc thân hoặc lửa, năng cúng sở cúng đều là thật tướng, cái gì đốt cái gì bị cháy năng cúng sở cúng đều không thể được, cho nên nói chân pháp.

Từ “Ngài Nhất Thiết Chúng Sinh” trở xuống là vị lai khổ hạnh, lại có năm: 1. Sinh vương gia. 2. Thuyết bản sự. 3. Vãng sinh đến cõi Phật. 4. Như Lai phó chúc. 5. Phụng mạng gánh vác giữ gìn. Đều như văn. Gánh vác giữ gìn lại có bốn: 1. Xây tháp. 2. Đốt tay. 3. Lợi ích. 4. Hiện báo. Đều như văn.

Từ “Đức Phật bảo” trở xuống là kết hợp xưa nay, lại có hai: 1. Kết hợp. 2. Khuyên tu. Khuyên tu: “Có thể đốt một ngón tay hơn xả bỏ ngoại thân, ngoài khinh trong trọng cho nên công phúc có khác. Văn nói: vợ con là ngoại thân, quốc thành là ngoại tài.

Từ “Nếu lại có người dùng bảy báu” trở xuống, là tán thán kinh. Trước tán thán người năng trì, tiếp tán thán pháp sở trì, sau nêu trì được phước sâu. Dùng bảy báu dâng cúng tứ Thánh không bằng trì một bài kệ. Pháp là thầy của Thánh năng sinh, năng dưỡng năng thành, năng tốt tươi, chẳng có gì qua pháp. Cho nên, người khinh, pháp trọng. Từ “Tú Vương Hoa” trở xuống, là tán thán pháp sở trì lại có hai: 1. Tán thán thể của pháp. 2. Tán thán dụng của pháp. Trong các sông ngòi dòng nước chảy thì biển là đệ nhất. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “Bốn dòng nước dụ cho Giáo, trong Dược Thảo Dụ một vầng mây có thể mưa là dụ cho

Thuyết. Ở đây lại nói các dòng nước, tức tổng tất cả giáo. Riêng nêu bốn là thí cho bốn vị giáo Nhũ, Lạc, Sinh tô, Thục tô. Pháp Hoa giáo này dụ cho biển Đề-hồ , thuyết tột cùng bản địa là nghĩa sâu, khắp tất cả xứ là nghĩa lớn, chỉ thuần nêu Phật pháp mà không nói các pháp khác là nghĩa vị mặn. Nghĩa sâu nhất lớn nhất, là nghĩa Như thị. Mười núi báu gọi là kinh Hoa Nghiêm và các kinh v.v... Thổ sơn, Hắc sơn, núi Thiết vi đều chẳng phải là báu, mười ngọn núi tuy báu mà một hoặc hai núi thần, long ở lẫn lộn, Núi báu Tu-di với bốn báu (bốn gò cao) ở bốn phía tạo thành, là chỗ ở chỉ của chư thiên. Ví như các giáo khác thuyết năng y: Thập địa, Tứ thập tâm, hoặc Phàm hoặc Hiền hoặc Thánh; thuyết sở y: hoặc Tục hoặc Chân hoặc Trung đế, đó gọi là pháp thuyết cho hạng thấp. Kinh Pháp Hoa này thuyết đế lý Thường, Lạc, Ngã, Tịnh như bốn báu tạo thành, là sở y cho người khai thị ngộ nhập. Vì vậy cho nên nghĩa này là cao thượng nhất. Tinh, Nguyệt (các ngôi sao, trăng) đồng là tính chất âm đều xuất hiện ban đêm. Các ngôi sao thì không có tướng tròn khuyết, không sánh bằng mặt trăng. Các kinh nói quyền trí không được tự tại, kinh này nêu quyền tức thật, thật tức quyền. Tướng tròn khuyết của mặt trăng là ý chỉ không hai mà hai. Như đây nói quyền, trí thù thắng hơn các giáo khác. Mặt trời là tính dương, một mình có thể phá tan bóng tối. Các kinh nêu “Thật trí phá mê hoặc”, vẫn chưa bằng “tức thật mà quyền”, đâu được cả đến “tức quyền mà thật”. Cho nên biết kinh này nêu thật trí, là đệ nhất hơn cả. Luân vương hiệu lệnh chỉ tại bốn châu thuộc Núi Tu-di, giải thích ngang bằng tầng trời thứ ba mươi ba. Phạm hiệu lệnh thì tổng từ trên đến dưới, ví như các kinh khác nói Tam đế Tam-muội đều không thu nhiếp nhau, không được tự tại. Kinh này nói dùng thật tướng nhập chân, quyết bỏ pháp Thanh văn, là vua các kinh. Thật tướng nhập Tục đế, thì tất cả việc quản trị đời sống nghề nghiệp đều không chống trái nhau. Thật tướng nhập Trung đế, thì các pháp đều là Phật pháp.

Văn nói: “là cha của tất cả hàng Hữu học, Vô học và hàng phát tâm Bồ-tát”, đó nghĩa là như thị. “Trong tất cả phàm phu thì Tứ quả và Bích-chi-phật là bậc Nhất”, đây nêu nhậm vận vô công dụng. Các kinh khác thì nói chủ yếu do dụng công mới được nhập lưu, như người tứ quả nhờ Văn, Tư, Tu mà được ngộ. Kinh này nêu Vô tác Tứ đế không lẫn lộn phương tiện, tự nhiên chảy vào biển Tát-bà-nhã như “trâu trắng lớn mạnh khỏe nhiều sức có thể phóng nhanh như gió”. “Trong tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, thì Bồ-tát là bậc nhất”: đây nêu Nhân đệ nhất, các kinh khác nêu nhân là Thất phương tiện, kinh này nêu rõ nhân

vượt ngoài phương tiện, cho nên Nhân đệ nhất. Như Lai đệ nhất: Đây là nêu quả. Các kinh khác nói quả Cận tại đạo tràng tịch diệt, kinh này nói quả Viễn, chỉ Bản địa nên là tối đệ Nhất. Từ "Kinh này có thể cứu tất cả chúng sinh" trở xuống, là tán thán dụng của pháp: Ban đầu, tán thán công dụng cứu khổ; tiếp, Mười hai việc tán thán công dụng ban vui; sau, kết đều như văn. Từ "Nếu người được nghe kinh Pháp Hoa này" trở xuống, là nêu trì kinh được phước sâu: Trước nêu phước của nghe trọn quyển, tiếp nêu phước của nghe một phẩm, có cách lượng có chúc lụy, như văn. "Miệng thường thoảng ra mùi thơm" là hiện báo, các thứ khác là hậu báo. "Được nghe kinh này thì không già, không chết" là sao? Đây phải quán để hiểu. "Không già" là Lạc,"không chết" là Thường. Nghe kinh này mà thấu hiểu được Thường Lạc, thì thản nhiên tự tại, không ôm lòng kiêng sợ. Từ "Lúc đức Phật nói" trở xuống, nghe phẩm này được lợi ích như văn. Đức Đa Bảo khen " Hay thay!", như văn.

Phẩm Thứ 24: **DIỆU ÂM BỒ TÁT**

Trong văn tự giải thích. "Xưa đã từng cúng dường đức Phật Vân Lôi âm Vương mười vạn thứ kỹ nhạc, nay khi du hóa đến các cõi khác thì âm nhạc tự đi theo. Xưa cúng dường tám vạn bốn ngàn bát báu, nay làm bậc Đạo khí có tám vạn bốn ngàn Bồ-tát quyến thuộc vây quanh. Xưa đắc Giải Nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn Đà-la-ni, nay dùng các thứ sắc thân hiện khắp, dùng "Âm" thanh vi "Diệu" rống khắp mười phương rộng tuyên bày kinh giáo này, cho nên gọi là "Phẩm Diệu Âm". Phẩm này nêu Bồ-tát dùng lực khó nghĩ bàn, tùy loại mà lưu thông kinh. Chúng sinh thấy Tích kia mà chẳng thể đo lường được Bản, chỉ có vị ngọt kia không lựa chọn hình tướng, như đất kia thấp tự ngăn hộ các dòng tức là ý thứ hai trong môn Hóa tha.

Văn chia làm sáu:

1. Phóng quang chiếu phương Đông.
2. Phụng mạng đến phương Tây.
3. Mười phương hoằng kinh.
4. Hai cõi được lợi ích.
5. Trở về Bản quốc.
6. Nghe phẩm này tiến đạo.

"Tướng đại nhân": là biển tướng lớn. Công đức biến thể không bằng một công đức tốt. Các công đức tốt không bằng Nhất tướng công đức. Các tướng từ dưới lên trên, tướng triển chuyển thù thắng không bằng công đức tướng bạch hào. Công đức tướng bạch hào không bằng công đức tướng nhục kế, cho nên gọi "tướng đại nhân". Nghiệp tướng này do hiếu thuận sư trưởng mà phát sinh, nay phóng hào quang là gọi đệ tử xưa khiến hoằng dương kinh Trung đạo, làm lợi ích cho chúng sinh có căn cơ đại thừa. Bạch hào từ Nhất đạo thanh tịnh sinh khởi, nay phóng hào quang này khiến cho truyền rộng pháp này.

Hỏi: Mỗi mỗi tướng của Phật đều là pháp giới hải, vì sao có hơn thua?

Đáp: Kinh khác đã nêu rõ tại sao nói như thế.

Hỏi: Đức Phật có duyên nên đệ tử đầy khắp mười phương, vì sao gọi Đông nói Tây mà không luận tám phương?

Đáp: Đây có chỗ tiêu biểu. Kinh Tịnh Danh nói: "Nhật nguyệt vì sao đi khắp cõi Diêm-phù-đề? Vì muốn dùng ánh sáng chiếu trừ các sự tối tăm". Đông thì ánh sáng bắt đầu, Tây thì kết thúc. Có bắt đầu có kết thúc đó thì chỉ có Thánh nhân! Khiến cho người chưa phát tâm thì

phát tâm, người chưa cứu cánh khiến họ cứu cánh. Một vị Bồ-tát đã vậy các chúng cũng vậy, một phương đã vậy các phương cũng vậy. Thánh không rườm rà, văn nêu một mà bao hàm nhiều, cho nên chỉ nói Đông Tây thôi.

Phần hai: Phụng mạng đến phương Tây, chia làm hai: 1. Duyên đến. 2. Chánh đến. Duyên đến có sáu phần: 1. Kinh gia trình bày phước đức trí tuệ kia. 2. Được chiếu soi. 3. Lời bạch. 4. Phật răn. 5. Thọ ý chỉ. 6. Hiện tướng đến. Trình bày nguyên do phước, nguyên do gặp nhiều Phật đời trước. "Trí tuệ rất sâu" tức trí tuệ trang nghiêm. Mười sáu Tam-muội tức phước đức trang nghiêm, hào quang chiếu thân, lời bạch Phật, đều như văn. Phần bốn: Phật răn bảo. Pháp thân Đại sĩ không do nghiêm túc mà thành. E rằng quyến thuộc tùy tùng có kẻ chưa thông đạt, cho nên nhờ kia mà khuyên răn đây. Xét rằng thân Phật cùng lý tương xứng, không được thấy thấp bé mà quên sự tôn nghiêm kia, đây căn cứ tòa Như Lai mà răn bảo. Xét rằng thầy và đệ tử Trí, Đoạn đều đầy đủ, thầy đã dùng Quyền thì đệ tử cũng ẩn Thật, đây là căn cứ áo Như Lai mà răn bảo. Xét rằng y báo quốc độ đều do chánh báo cảm thành, Như Lai dùng tâm Từ đến tận đại thiên tùy nghi mà hiện cao hay thấp, chớ có thấy y báo mà quên chánh báo, đây là căn cứ nhà Như Lai mà răn. Đức Phật đây hoằng kinh cũng dạy ba ý: Lời đức Thế Tôn kia răn dạy chứng tỏ chư Phật đạo đồng. Phần năm: Thọ ý chỉ: lực Như Lai là lực tòa, lực thần thông là lực của nhà Như Lai, lực trang nghiêm là lực của áo Như Lai. Đây là thọ tôn chỉ đại thừa của việc hoằng truyền kinh, là tông yếu của việc làm lợi lạc chúng sinh, cho nên có thể không rời khỏi pháp hội này mà du hóa khắp mười phương.

Phần sáu: Hiện tướng đến, văn có sáu: 1. Hoa sen xuất hiện. 2. Hỏi. 3. Đáp. 4. Thỉnh. 5. Tìm công. 6. Mệnh lệnh bảo đến, đều như văn.

Hỏi: Nếu Văn Thù là Bồ-tát ở địa vị thấp thì trong lời bạch Phật đáng lẽ không có mong được thấy Bồ-tát Diệu Âm? Nếu Văn-thù ở địa vị cao thì tại sao khi hoa sen xuất hiện mà ngài quên không biết?

Đáp: Tuy đồng một địa vị mà có đầu giữa cuối. Chỉ một việc này không biết, thì chẳng phải không xứng đáng ở địa vị cao. Lại, lúc ấy trong chúng thấy điềm lành mà không biết, Văn Thù muốn cho chúng biết cho nên hỏi Phật đó thôi!

Từ "Lúc bấy giờ" trở xuống là đến có sáu. 1. Cùng quyến thuộc dời qua. 2. Trình bày tướng lên đài. 3. Hỏi han truyền ý chỉ. 4. Thỉnh được thấy Phật Đa Bảo. 5. Thế Tôn truyền thông. 6. Trong tháp khen

"Hay thay!", đều như văn.

Từ "Lúc bấy giờ ngài Hoa Đức" trở xuống, là phần ba: Hoằng kinh, chia làm hai; hỏi và đáp. 1. Hỏi: Trồng thiện căn gì? 2. Hỏi: Sao có thần lực như thế? "Thiện căn" là hỏi việc xưa, "thần lực" là hỏi việc nay. Đức Phật liền đáp hai ý: Do xưa hiến âm nhạc, dâng bát báu, và kết nhân xưa quả nay, đều như văn. Đây là trả lời câu hỏi: gieo trồng thiện căn kia. Từ "Hoa Đức" trở xuống, là trả lời câu hỏi "thần lực" kia, cũng là hiện ba mươi bốn thân phàm, bốn thân Thánh nhân, kết thành thập pháp giới, lục đạo. Từ "Lúc bấy giờ ngài Hoa Đức bạch Phật" trở xuống là hỏi: Nay trụ Tam-muội gì mà có thể tự tại lợi ích như thế? Phật đáp, như văn.

Từ "Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát này" trở xuống, là hai cõi được lợi ích. "Tam-muội" và "Đà-la-ni" thể một mà dụng khác. Tịch dụng gọi là "Tam-muội". Trì dụng gọi là "Đà-la-ni". Lại, sắc thân biến hiện gọi là "Tam-muội", âm thanh biện thuyết gọi là "Đà-la-ni". Phẩm trên nói: "Ban đầu đắc Nhất thiết sắc thân Tam-muội, chuyển thân thì đắc Nhất thiết ngữ ngôn Đà-la-ni". Phải biết âm thanh cũng là sắc pháp, cho nên nói thể một mà dụng khác. Lại, Thiệt căn thanh tịnh gọi là "Đà-la-ni", các căn khác thanh tịnh gọi là "Tam-muội", đều là pháp môn Lục căn thanh tịnh.

Từ "Khi ngài Diệu Âm" trở xuống, là trở về bản quốc. "Đất chấn động sáu cách, mưa hoa": Bồ-tát đi qua các nước mà còn có thể làm lợi ích, huống chi bên trên "Phật phóng hào quang chiếu trăm vạn ức na-do-tha các cõi Phật ở phương Đông" cũng là luận về sự lợi ích.

Phần thứ sáu: Nghe phẩm tiến đạo, như văn.

Phẩm Thứ 25: **QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN**

Phẩm này là Đương Đồ Vương kinh (là bài kinh tôn quý nhất) thời nay, người giảng rất nhiều, nay giải thích không đồng với các người khác. Riêng có ghi chép hai quyển, nay lược tóm ý đó để giải thích tựa đề. Có chung có riêng, chung có mười cặp, riêng có năm cặp. Mười cặp: Thứ nhất là Nhân Pháp cho đến cặp thứ mười là Trí Đoạn.

1. "Quán Thế Âm" là Nhân (người), "Phổ môn" là pháp. Nhân có nhiều thứ. Pháp cũng có nhiều thứ. Căn cứ vào hỏi đáp trước để luận về người Quán Thế Âm. Căn cứ vào hỏi đáp sau để luận pháp Phổ Môn. Nhân và Pháp hợp đề, cho nên nói "phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn".

2. "Quán Thế Âm" là đại bi cứu khổ, là căn cứ vào hỏi đáp trước "trăm ngàn khổ não đều được giải thoát". "Phổ Môn": là đại từ ban vui, là căn cứ vào hỏi đáp sau "người đáng dùng thân gì đặng độ thoát liền hiện thân ấy mà vì đó nói pháp".

3. "Quán Thế Âm" là trí tuệ trang nghiêm, trí năng đoạn hoặc, như khi sáng thì không có tối. "Phổ Môn": Phước đức trang nghiêm, phước năng chuyển thọ mạng, như mưa tuôn châu báu.

4. "Quán Thế Âm": Quán cảnh sâu xa tức Pháp thân. "Phổ Môn": là tùy nơi ứng hiện tức Ứng thân.

5. "Quán Thế Âm": ví như Dược Thọ vương trị khắp bệnh được khỏi. "Phổ Môn": ví như ngọc Như ý tùy ý mong cầu mà ban cho.

6. "Quán Thế Âm": Ngầm làm lợi lạc không còn chỗ thấy nghe, ba độc bảy nạn thảy đều xa lìa, hai cầu hai nguyện đều viên mãn. "Phổ Môn": Hiển bày lợi ích, mắt thấy hình dáng ba mươi ba vị Thánh, tai nghe mười chín tôn giáo.

7. "Quán Thế Âm": Tùy tự ý chiếu thật trí. "Phổ Môn": Tùy tha ý chiếu quyền trí.

8. "Quán Thế Âm": Bản tế bất động. "Phổ môn": Tích tùy ý vuông tròn.

9. "Quán Thế Âm" Căn bản là Liễu nhân chủng tử. "Phổ Môn": Căn bản là Duyên nhân chủng tử.

10. "Quán Thế Âm": Cứu cánh là Trí đức, như ánh sáng trăng đêm mười bốn. "Phổ Môn": Cứu cánh là Đoạn đức, như trăng đêm hai mươi chín ánh sáng sắp hết. Phần vấn đáp trong kinh văn hàm chứa vô lượng nghĩa mà lược dùng mười cặp, bắt đầu từ Nhân Pháp đến cuối cùng là Trí Đoạn giải thích chung tên phẩm, nghĩa đó như vậy.

Luận riêng có năm cặp: Quán, quán có nhiều thứ: Chiết quán,

Thể quán, Thứ đệ quán, Viên quán. Chiết quán: Diệt sắc nhập Không. Thể quán: tức sắc là Không. Thứ đệ quán: từ Chiết quán cho đến Viên quán. Viên quán: tức Chiết quán là Thật tướng, cho đến Thứ đệ quán cũng Thật tướng. Nay lược qua tam quán, chỉ luận về Viên quán. Văn nói: "Phổ môn", quán nếu không viên môn thì không gọi là "Phổ", tức nghĩa đây. "Thế": Nếu căn cứ thực hành thì trước Thế sau Quán, nếu căn cứ ngôn thuyết thì trước Quán sau Thế. Nay theo thuyết thì tiện, cho nên luận Thế ở sau. "Thế": cũng có nhiều thứ: Hữu vi thế, Vô vi thế, Nhị biên thế, Bất tư nghị thế. Hữu vi thế: là Tam giới thế, Vô vi thế: là hai loại Niết-bàn. Nhị biên thế là Sinh tử và Niết-bàn. Bất tư nghị thế: là cảnh thật tướng. Lược bỏ các Thế kia chỉ lấy chọn Bất tư nghì thế. "Âm": là cơ vậy. Cơ cũng có nhiều thứ: Nhân thiên cơ, Nhị thừa cơ, Bồ-tát cơ, Phật cơ. Nhân thiên cơ: Các ác chớ tạo, các thiện vâng làm. Nhị thừa cơ: Chán sợ sinh tử, vui chuộng Vô vi. Bồ-tát cơ: Trước người, sau mình từ bi nhân nhượng. Phật cơ: đối với tất cả các pháp đều dùng bình đẳng quán, hết thảy không ngăn ngại người, nhất đạo vượt sinh tử, loại bỏ căn cơ các âm khác, chỉ chọn cơ Phật âm mà thiết ứng, dùng cơ này ứng nhân duyên cho nên gọi "Quán Thế Âm". "Phổ": cùng khắp, các pháp vô lượng. Nếu không được cùng khắp thì là pháp thiên lệch. Nếu được khắp thì là pháp viên mãn. Cho nên kinh Tư Ích nói: "Hết thảy pháp tà, hết thảy pháp chánh". Lược căn cứ mười pháp để nêu "Phổ". Đạt ý này rồi thì đại khái tất cả các pháp không pháp nào không "Phổ": Từ bi phổ, Hoằng thệ phổ, Tu hành phổ, Ly hoặc phổ, Nhập pháp môn phổ, Thần thông phổ, Thuyết pháp phổ, Phương tiện phổ, Thành tựu chúng sinh phổ, Cúng dường chư Phật phổ. Bắt đầu từ nhân thiên cho đến cuối cùng là Bồ-tát, đều có từ bi, nhưng có cơ phổ có cơ không phổ. Sinh pháp hai duyên Từ thể đã thiên, duyên gia bị không rộng, cho nên không được gọi là "Phổ". Vô duyên cùng thật tướng thể đồng, lý kia đã viên mãn, tâm Từ không đâu không khắp?! Như đá nam châm hút sắt tự nhiên tương ưng, từ bi như thế, thấm nhuần khắp tất cả gọi là Từ bi phổ. Hoằng thệ phổ: Hoằng là rộng, thệ là mong cầu, tâm mong cầu làm ra những điều rộng rãi, gọi là hoằng thệ.

Hoằng thệ dựa vào Tứ đế mà sinh khởi. Nếu căn cứ Hữu tác, Vô sinh, vô lượng Tứ đế thì pháp thu nhiếp không hết, cho nên không thể gọi là phổ. Nếu căn cứ Vô tác Tứ đế thì gọi là hoằng thệ phổ. Tu hành phổ: Ví như Phật chưa gặp Phật Định Quang Nhiên Đăng, trước đó phàm có sở tu đều không khế hợp với lý. Từ khi được thọ ký rồi thì xúc sự tức lý. Đạt lý trí thì lịch pháp mà tu hành, không hạnh nào không phổ. Đoạn

hoặc phổ. Nếu dùng Nhất thiết trí, Đạo chủng trí để đoạn Tứ trụ Trần sa hoặc v.v... như bỏ cành lá thì không gọi là Đoạn hoặc phổ. Nếu dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn vô minh, thì ngũ trụ đều tận như bỏ gốc rễ, gọi là Đoạn hoặc phổ. Nhập pháp môn phổ: Ở địa vị Đạo tiền gọi là tu phương tiện, Đạo hậu sở nhập gọi là nhập pháp môn. Nếu Nhị thừa dùng nhất tâm nhập nhất định, nhất tâm làm một không được nhiều, lại bị định trói buộc, không gọi là phổ. Nếu trải qua từng địa cạn sâu thứ lớp sai khác, cũng không gọi là phổ. Nếu nhập Vương Tam-muội thì hết thảy Tam-muội đều nhập trong đó, không khởi Diệt định mà hiện các oai nghi, cho nên gọi Pháp môn phổ. Thần thông phổ: Thiên nhãn của đại La-hán chiếu khắp đại thiên, của Bích-chi-Phật chiếu hàng trăm thế giới Phật, của Bồ-tát chiếu hằng sa thế giới Phật. Tất cả đều do duyên cảnh hẹp hòi nên phát thần thông cũng thiên lệch. Nếu duyên thật tướng tu, một phát tất cả phát, thì thần thông tương tự như trên nói, huống chi thần thông chân chánh mà chẳng phổ ư! Phương tiện phổ : có hai thứ: Đạo tiền phương tiện tu hành thâu nhiếp trong đó, Đạo hậu lại có hai: 1. Pháp thể, như nhập trong pháp môn nói. 2. Hóa dụng, như nay nói, phù hợp căn cơ lợi vật xứng hợp duyên nhất thời viên mãn khắp, mặc dù vận động tạo tác đủ thứ mà đối với pháp tánh thật tế không bị tổn giảm, đó gọi là Phương tiện phổ. Thuyết pháp phổ: Năng dùng một diệu âm mà xứng hợp căn cơ của chúng sinh trong mười pháp giới, tùy loại thích hợp đều khiến được giải thoát, như Tu-la đánh đàn, gọi là Thuyết pháp phổ. Thành tựu chúng sinh phổ: Tất cả sở hữu sự nghiệp thế gian và xuất thế gian đều do Bồ-tát tạo tác như đào giếng, làm thuyền, nếm thuốc, mây che mát, mặt trời chiếu sáng lợi ích chúng sinh cho đến lợi ích tất cả Hiền thánh, chỉ bày dạy bảo làm lợi ích vui mừng khiến nhập Tam Bồ-đề, đó gọi là Thành tựu chúng sinh phổ. Cúng dường chư Phật phổ: Nếu tạo ngoại sự cúng dường, dùng một thời một món thức ăn một bó hoa một cây hương khắp cúng dường hết thảy chư Phật, không trước không sau nhất thời đều cúng, trong một vi trần xuất ra các thứ vi trần cũng lại như vậy. Nếu tác nội quán thì viên trí dẫn dắt các hạnh. Viên trí gọi là Phật, các hạnh giúp cho Viên trí tức cúng dường Phật. Nếu các hạnh trợ giúp trí khác, thì không gọi cúng dường phổ , các hạnh trợ giúp viên trí thì gọi là cúng dường phổ.

"Môn": từ Giả nhập Không, Không thông mà Giả bị tắc nghẽn, từ Không nhập Giả, Giả thông mà Không bị tắc nghẽn. Thông thiên lệch thì chẳng phổ, vì bị tắc nghẽn nên không phải môn. Trung đạo thì phi Không phi Giả, chánh thông Thật tướng song chiếu Nhị đế, cho nên

gọi là “phổ”. Chánh thông, cho nên gọi là “môn”. Phổ môn viên thông nghĩa thì vô lượng. Lược nêu mười loại kia thì có thể biết. Phẩm này cũng là Phổ hiện Tam-muội hóa tha lưu thông.

Văn chia làm ba: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Nghe phẩm được lợi ích.

Hai lần hỏi đáp: Hỏi lần đầu có hai: 1. Kinh gia trình bày thời: là nói Bồ-tát Đông phương đã xong. 2. Nói thời của Bồ-tát Tây phương. Nói Đông phương sinh thiện xong. Tiếp nói thời Tây phương sinh thiện. Nói Đông phương đoạn nghi xong, tiếp nói thời Tây phương đoạn nghi. Nói Đông phương đắc đạo, tiếp nói thời (lúc) Tây phương đắc đạo.

“Vô Tận Ý”: kinh Đại phẩm nêu: “Không thì vô tận”. Kinh Đại Tập nêu “Tám mươi môn Vô tận”. Kinh Tịnh Danh nói: “Vô tận, là phi tận phi vô tận, cho nên nói vô tận”. Tổng quát thì ba kinh, dùng ba quán ba trí để giải thích “Vô tận”. “Ý” là trí, “Vô” tận là cảnh. Trí khế hợp với cảnh. Riêng theo cảnh, nên nói “Vô tận”. Riêng theo trí, nên gọi là “Ý”. Cảnh trí hợp xứng cho nên nói “Vô Tận Ý”.

Cũng có thể giải thích: 1. Ý là gốc của thế gian và xuất thế gian. 2. Ý tức pháp giới Trung đạo, cho nên nói năng quán tâm tánh gọi là thượng định. 3. Đây căn cứ tam trí tam quán mà giải thích tên.

Nêu câu hỏi, Đại kinh nói: “Đầy đủ hai thứ trang nghiêm năng vấn năng đáp.” Vô Tận Ý trước dùng tuệ trang nghiêm mà hỏi: “Bồ-tát Quán Thế Âm tuệ trang nghiêm?”. Phật dùng tuệ trang nghiêm trả lời: Bồ-tát Quán Thế Âm có tuệ trang nghiêm.

Phần Phật trả lời chia làm ba: 1. Tổng đáp. 2. Biệt đáp. 3. Khuyên trì danh đáp.

Tổng đáp có bốn: 1. Số người. 2. Gặp khổ. 3. Nghe danh xưng hiệu. 4. Được giải thoát. Tự có nhiều khổ, khổ một người, nhiều người thọ một khổ, một người thọ nhiều khổ, một người thọ ít khổ. Văn đây “có trăm ngàn vạn ức chúng sinh” là nhiều người, “thọ các khổ não” là nhiều khổ. Nêu nhiều để hiển ít, nhiều mà còn có thể cứu huống chi ít khổ. “Gặp khổ” là ác, “xưng danh hiệu” là thiện. Thiện ác hợp, là nghĩa “cơ”, mà được giải thoát là ứng. Đây là cơ cảm nhân duyên, gọi là “Quán Thế Âm”. Cũng là Nhân Pháp nhân duyên, cho đến Trí Đoạn nhân duyên, gọi là “Quán Thế Âm”. Phần sau giống như đây, tổng kết danh hiệu không phiền văn giải thích.

Biệt đáp chia làm ba: 1. Khẩu cơ ứng. 2. Ý cơ ứng. 3. Thân cơ ứng. Khẩu lại có hai: 1. Nêu bảy nạn. 2. Kết. Hỏa nạn có bốn: 1. Trì danh là thiện. 2. Gặp lửa là ác. 3. Ứng. 4. Kết.

Ở trong một nạn theo lệ chia làm ba phen: 1. Quả báo lửa: Địa

ngục trở lên Sơ thiền trở lại, đều luận về căn cơ ứng. 2. Lửa ác nghiệp: Địa ngục trở lên Phi tưởng trở lại đều luận về cơ ứng. 3. Lửa phiền não: Địa ngục trở lên Đẳng giác trở lại, đều luận về cơ ứng. Bảy nạn ba độc hai cầu theo lệ đều như đây. Nghĩa đây đã rộng có thể dùng ý biết, không thể ghi văn.

Thân cơ chia làm hai: 1. Hai cầu. 2. Kết. Cầu con trai, có lập nguyện tu hành đức nghiệp. Cầu con gái, văn lược tu hành. Chánh nói lễ bái là đồng cho nên lược, nguyện nghiệp mỗi mỗi sai khác cho nên lại nêu ra. Kết như văn.

Từ "Cho nên chúng sinh đều phải thọ trì" trở xuống, là Khuyến trì. Chia làm ba phần: Khuyến trì, Cách lượng, Kết tán. Trên thuật danh thù thắng, đức tốt đẹp, mà không nêu rõ hình chất. Nếu muốn qui thuận tôn kính thì phải trì danh tự, thế nên khuyên trì. Nhập Đại thừa luận nói: "Pháp thân chỉ có một, ứng sắc thân thì nhiều, phân ra sáu mươi hai ức Ứng thân đồng một Pháp thân." Ngài Trí Giả nói: "Người Viên giáo chỉ có một, người Thiên giáo thì nhiều, phân sáu mươi hai ức Bồ-tát Thiên giáo bằng một Bồ-tát Viên giáo".

Lần thứ hai hỏi, có ba: "Bồ-tát Quán Thế Âm dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào?" là hỏi về Thân. "Thuyết pháp cho chúng sinh như thế nào?" là hỏi về miệng. "Sức phương tiện thế nào?" là hỏi về ý! Thánh nhân đây tam mật, không có dự tính Quyền, tùy căn cơ thích ứng. Đức Phật đáp cũng có ba:

1. Biệt đáp.
2. Tổng đáp.
3. Khuyên cúng dường.

"Người đáng dùng..." là đáp: câu hỏi về Sức phương tiện, "hiện thân..." là đáp câu hỏi "dạo đi trong cõi Ta bà", "vì họ thuyết pháp" là đáp câu hỏi về miệng. Gồm có ba mươi ba thân, mười chín câu "vì họ thuyết pháp".

Từ "thành tựu công đức" trở xuống, kết biệt, khai tổng. Biệt thì văn rộng ý hẹp. Tổng đáp thì văn hẹp ý rộng. Từ "Cho nên các ông phải" trở xuống, là khuyên cúng dường. Trong đây, thấy hình nghe pháp cho nên khuyên cúng dường. Ban đầu khuyên, tiếp là thọ ý chỉ. Thọ ý chỉ có sáu: Phụng mạng, không thọ, dâng lại, Phật khuyên, liền thọ, kết, đều như văn. Từ "Trì Địa Bồ-tát" trở xuống, là công đức nghe phẩm này. "Vô đẳng đẳng": tâm ở chín pháp giới thì không thể đồng lý, tâm ở Phật pháp giới thì năng đồng với lý đây, cho nên vô đẳng mà đẳng. Lại, lý cứu cánh là vô đẳng, ban đầu duyên lý cứu cánh mà phát

tâm, năng đồng với lý cho nên gọi là "vô đẳng đẳng". Lại, tâm va lý đều bất khả đắc, đem vật gì đồng vật gì mà nói vô đẳng đẳng? Tâm và lý đều bất khả thuyết, bất khả thuyết mà thuyết, thuyết tâm này đồng lý này, cho nên nói "vô đẳng đẳng". Giải thích ban đầu là theo chiều ngang, tiếp theo là một giải thích theo chiều dọc, tiếp theo nữa là một giải thích không phải ngang dọc...

Phẩm Thứ 26: **ĐÀ LA NI**

Đà-la-ni, Trung Hoa dịch Tổng trì. Tổng trì là ác không khởi, thiện không mất. Lại dịch Năng chặn Năng trì. Năng trì thiện năng chặn ác, Đây là năng chặn ác ra rìa năng trì thiện ở trong. Các kinh khai, giá không đồng. Hoặc là chuyên dùng trị bệnh như Na-đạt cư sĩ. Hoặc là chuyên hộ pháp như kinh này. Hoặc là chuyên dùng diệt tội như kinh Phương- Đẳng. Hoặc là dùng chung trị bệnh, diệt tội, hộ kinh, như kinh Thỉnh Quan Âm. Hoặc là Đại minh chú, Vô thượng minh chú, Vô đẳng đẳng minh chú, thì chẳng trị bệnh, chẳng diệt tội, chẳng hộ kinh. Nếu theo phương pháp chung thì cũng nên kiêm dùng. Nếu luận riêng, thì để được hạnh phúc cần nương kinh chớ trái lời dạy. Các sư có khi nói rằng "Chú" là tên các vua quỷ thần, xưng gọi tên vua kia, thì các dân quỷ thần vì kính chủ không dám làm trái, cho nên có thể hàng phục tất cả quỷ mị. Có khi nói "Chú" như mật hiệu trong quân trận, xướng hiệu tương ứng thì không bị trị tội, nếu không tương ưng thì bị trị tội. Nếu không thuận chú thì "đầu vở làm bảy phần", nếu thuận chú thì không có lỗi lầm. Có khi nói rằng Chú là im lặng bí mật trị ác, ác tự dứt. Ví như có người hèn mọn thấp kém từ nước này trốn qua nước khác nói dối là vương tử, vua nước ấy đem công chúa gả cho. Người ấy thường giận dữ, xử sự khó khăn. Có một người sáng suốt từ nước đó đến, công chúa hỏi chuyện, người kia bảo công chúa: Nếu khi chồng giận, nên nói kệ này: "Không thân thích qua đó, lừa dối hết mọi người, thô ăn là việc thường, sao nhọc lại phải sân?". Khi công chúa nói kệ ấy xong thì người chồng im lặng hết sân. Về sau, người chồng không còn sân nữa. Công chúa và mọi người chỉ nghe bài kệ ấy mà đều không hiểu ý. "Chú" cũng như vậy, im lặng bí mật ngăn ác, còn các việc khác không biết. Có khi nói "Chú" là mật ngữ của chư Phật như vua đòi "Tiên-đà-bà", tất cả quần thần bên dưới không thể hiểu biết, chỉ có vị thần nào có trí tuệ mới có thể biết được. "Chú" cũng như vậy, chỉ là một pháp mà khắp có các lực, bệnh lành, tội trừ, thiện sinh, đạo hợp. Vì nghĩa này cho nên vẫn giữ nguyên bản âm, người dịch không dịch ý nơi đây. Vào đời ác hoằng truyền kinh gặp nhiều nạn phiền não khó khăn cho nên dùng chú hộ khiến cho đạo lưu thông.

Văn chia làm bốn:

1. Hỏi công đức trì kinh.
2. Đáp rất nhiều.
3. Xin dùng chú ủng hộ.

4. Nghe phẩm này được lợi ích.

Phần hỏi: như văn. Phần Đáp có cách lượng Bản. Hỏi: nhiều không? Đáp: rất nhiều, nêu ra công đức như văn. Xin được thuyết chú có năm phen. 1. Dược Vương. 2. Dõng Thí. 3. Tỳ-sa-môn. 4. Trì quốc thiên vương. 5. Mười vị La-sát nữ.

Phần Dược Vương chia làm bốn: 1. Thỉnh. 2. Thuyết. 3. Tán. 4. Ấn. Dưới theo lệ có ba, như văn.

Phần mười La-sát nữ chia làm năm. 1. Liệt danh. 2. Thỉnh thuyết. 3. Tán. 4. Thệ. 5. Ấn.

"Dạ-xoa" dịch là Tiệp-tật quỷ. "La-sát", Trung hoa dịch là quỷ ăn thịt người. Hai bộ này là Bắc phương sở lãnh. "Phú-đơn-na" là Nhiệt bệnh quỉ, Kết giá là Khởi thi quỉ, hoặc nhân hoặc Dạ-xoa đều có quỉ này. "Tỳ-đà-la" là quỉ sắc đỏ, "Kiền-đà-la" là quỉ sắc vàng, "Ô-ma-lặc" là quỉ sắc đen, "A-bạt-ma-la" là quỉ sắc xanh. Như nhánh cây A-lê rơi xuống đất đầu vở làm bảy phần, giết cha mẹ phá Tăng là ba nghịch tội. "Hoa ép dầu": phong tục Ấn Độ, ép dầu thì trước giã nhỏ mè, ủ khiến sinh trùng rồi sau mới ép, làm như thế để chất dầu tiết ra càng béo. Vì sát hại quá nhiều trùng, nên tội này càng nặng. Nếu cân lường dối người thì tội đây cũng không nhẹ.

Phẩm Thứ 27
DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BẢN SỰ

Nhân duyên này rút ra trong kinh khác. Vào thời mạt pháp của Phật xưa có bốn vị Tỳ-kheo đối với kinh Pháp Hoa rất kính trọng, tuy thường mở kinh mà bí giáo cam lộ chưa thấm nhuần, ngày đêm chí thành thời khắc không quên, bèn than rằng: “Đó chẳng phải người kia ư? Địa chẳng phải nơi đó ư?” Thế gian bối rối buồn bã, tĩnh và tán chống trái lẫn nhau, người trực tiếp cầu sự an nhàn mà còn phải chán bỏ, huống chi tôn sùng đạo ư!

Do đó kết hợp rừng núi, chí ưa Phật tuệ ở nơi u tịch, ban ngày đi xin y phục lương thực, có khi chẳng được gì, chờ đợi nhiều ngày phiền não, không lúc nào là không thiếu thốn. Được bữa ăn ít ỏi mà phải đi vạn dặm, mười tuần chín bữa, chí ở Trời cao, có đáng được nói ư? một người trong số đó nói: “Chúng ta bốn người cùng quẫn thân còn không giữ được, pháp làm sao yên giữ? Các ông ba người chỉ đem thân mạng mà giữ đạo, đừng lo hai bữa sớm trưa, để một mình tôi nguyện bỏ thân này cung cấp những thứ cần dùng”. Nói thế, ngày ngày chống gậy vào cung xin thức ăn, hết xuân rồi đông, khắp chốn đi xin, như người đầy tớ phụng sự cho đại gia, cam khổ vô cùng không quản ngại. Ba vị kia nhờ đó mà tu công đức viên mãn làm lợi một đời này và vô lượng đời sau. Một người kia bởi vì thường ở chốn nhân gian, hay gặp thanh sắc giống như kim loại, gạch ngói chưa gặp lửa. Khó có thể giữ gìn. Một hôm, bỗng gặp vua ra khỏi thành, ngựa xe, cờ xí, trống vang rầm rộ, thấy vậy nên động lòng tâm ưa đắm sự vinh hoa kia, công đức huân tu tùy theo niệm mà thọ báo. Sinh ở người trời thường được làm vua, phước tuy không lường nhưng cũng có hạn. Ba người đắc đạo kia cùng nhau bàn bạc: “Chúng ta thoát khỏi “lồng này” là nhờ vị vua đó. Do vì tham đắm quả báo hữu vi tăng trưởng vị ấy từ đây chết rồi không còn làm vua nữa, mà chìm trong hầm lửa khó có thể cứu được. May mắn, nay người ấy chưa khổ, chính là lúc có thể khai hóa”. Một người nói: “Vị vua này do đắm dục mà lại tà kiến, nếu chẳng bị ái dẫn dắt thì không do đâu có thể cứu được. Một người có thể làm người vợ đoan chánh và hai người làm hai đứa con thông minh, vợ con nói thì ắt phải nghe theo”. Đúng như vậy mà thi hành giáo hóa và đã chuyển hóa được vua. Người vợ chính là Bồ-tát Diệu Âm, còn hai người con nay là Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát. Vua lúc ấy, nay là chính Hoa Đức Bồ-tát.

Sở dĩ bạch hào chiếu ở phương Đông, lên trên đài hướng đến

phương Tây dẫn dắt thần chú ủng hộ kinh khiến cho lưu thông, là vì lợi ích chúng sinh. Nói chuyện đời trước của bốn vị Thánh, nên gọi là "Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự". Lại nữa, "Diệu Trang Nghiêm": Diệu pháp công đức trang nghiêm các căn. Vị vua này ngày trước đối với Diệu pháp có duyên, đạo huân đến khi thuần thục các căn thanh tịnh, sinh thời tuy chưa thâu hoạch lý kia mà quyết thông thái, điểm linh cảm thông danh tốt sớm lập, ví như Thiện Cát tuy chưa được Vô tránh Tam-muội mà hiệu đã là "Không sinh", cho nên văn dưới nói: "được môn Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam-muội". Vì nghĩa này nên gọi là "Diệu Trang Nghiêm Vương". Phẩm trước nói "Chú" hộ trì, phẩm này nói Người hộ trì. Người hộ trì còn như vậy, huống chi "Chú" hộ trì càng tốt hơn, tức khuyến lưu thông khắp.

Văn chia làm sáu: 1. Nêu rõ sự bản. 2. Cùng nêu năng sở. 3. Năng hóa phương tiện. 4. Sở hóa được lợi ích. 5. Kết hợp xưa nay. 6. Nghe phẩm ngộ đạo. Phần Sự bản như văn. Từ "Trong pháp hội của Phật" trở xuống, là phần hai: Cùng nêu năng sở. Sở hóa là một người, năng hóa là ba người, đều nêu tên. Riêng nêu hai người con có đủ phước tuệ, lục độ, tứ hoằng nguyện. Các kinh khác thì chỉ đây là Thập Ba-la-mật, là pháp môn theo chiều ngang. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là pháp môn theo chiều dọc, các kinh khác gọi đó là chánh đạo, hành hạnh làm trợ đạo. Kinh này chỉ Thập độ làm chánh, gọi đó là trợ đạo. Trong Thiền độ có đủ Tam-muội, trong đạo phẩm mỗi mỗi có Tam-muội. Lại, nêu bảy Tam-muội, rộng hiển bày pháp môn.

Từ "Lúc đó đức Phật kia" trở xuống, là phần ba: Năng hóa phương tiện, văn chia làm ba: 1. Thời đến. 2. Luận nghị. 3. Hiện hóa. Thời đến: đức Phật kia xuất thế thường tuyên diễn chánh pháp, đối với vua vì duyên yếu thì chẳng phải thời kia, nếu thuyết Pháp Hoa thì là thời kia. Văn nói: "Đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua nên thuyết kinh Pháp Hoa này", tức nghĩa kia vậy. Trong phần Luận nghị, con thưa với mẹ thời đến, mẹ bảo con giáo hóa cho cha, con kêu rằng đã sinh ra trong nhà tà kiến, mẹ trách khiến con lo lắng suy nghĩ, đều như văn. Phần Hiện hóa: Từ "Lúc đó hai người con" trở xuống, là phần ba: Hiện hóa ứng mười tám phép biến hóa, có thể giải thích đủ. Từ "Lúc ấy người cha thấy các con" trở xuống, là phần bốn: Sở hóa được ích.

Văn chia làm mười: 1. Tin con kính phục thầy của con: muốn cho tà kiến của vua hoặc một hoặc hai tiêu mòn, vua thấy con biến hóa như vậy tán thán việc chưa từng có, tin con và phục thầy của con, hỏi thầy con là ai? Ta cũng muốn ra mắt thầy con. 2. Vua cha đã tin, trong

cung có tám vạn bốn ngàn người đều có thể tin. Hai người con liền đến chỗ mẹ xin cho xuất gia, mẹ đồng ý. 3. Thúc giục cha mẹ: nay chính phải thời, đức Phật khó gặp. 4. Công giáo hóa đã thành tựu, Phật tán thán công đức. "Pháp hoa Tam-muội": thâu nhiếp tất cả các pháp trở về Nhất thật tướng như trước nói. "Ly-chư-ác-thú Tam-muội": xưa coi tam đồ là ác thú, luận đủ hai mươi lăm cõi, đều là trái chân khởi vọng đều là ác thú, nay thảy đều xa lìa, tức thành hai mươi lăm Tam-muội, phá hai mươi lăm cõi. " Chư Phật tập Tam-muội": tức bí mật tạng mà đức Phật tu tập trong đó, là hành xứ chỉ của Phật chẳng phải của người khác. 5. Đều đến chỗ Phật: nghe pháp cúng dường thấy tướng tốt hoan hỷ. 6. Được Phật thọ ký. 7. Xuất gia tu hành. 8. Xưng tán hai con. 9. Đức Phật thuật lại công hạnh cao sâu. 10. Tán thán Phật, tự thệ, Phật tán thán thiện tri thức công đức lớn có ý nghĩa, Thiện tri thức năng làm Phật sự, đây là ngoại hộ thiện tri thức. Chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng, đây là giáo thọ thiện tri thức. Có chỗ nói "giáo hóa dẫn dắt khiến được thấy Phật", đây là Đồng hành thiện tri thức. "Khiến nhập Bồ-đề", đây là Thật tế thật tướng thiện tri thức. Kinh Tạp A-hàm nói: "Thiện tri thức như người phụ nữ trinh tiết lương thiện", đây tức nghĩa Ngoại hộ. Lại, "Thiện tri thức như tông thân tài (tiền bạc và người thân)", đây tức nghĩa Đồng hành. Lại, "Thiện tri thức như người chủ buôn dẫn dắt đường", đây là nghĩa Giáo thọ. Lại, "Thiện tri thức như con nằm trong lòng cha", đây là nghĩa Thật tế.

Từ "Phật bảo đại chúng" trở xuống, là kết hội xưa nay: trước kết hội, tiếp kết tán hai vị Bồ-tát.

Từ "Lúc đức Phật nói" trở xuống, là nghe phẩm đắc đạo, như văn.

Phẩm Thứ 28 PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

Đại luận và Quán kinh đều gọi là "Biến Cát", kinh này gọi là "Phổ Hiền", đều là Hán ngữ Tiếng Phạm: Bật-thâu-bạt-đà, Trung Hoa dịch Phổ Hiền. Kinh Bi Noa nói: "Ta thề ở cõi uế ác hành Bồ-tát đạo khiến cho được trang nghiêm thanh tịnh, ta tu hành chủ yếu phải hơn các Bồ-tát". Đức Phật Bảo Tạng dạy: "Do nhân duyên đó nay sửa tên ông là Phổ Hiền", đây là ý của tam Tất-đàn, lại là giải thích theo nhân duyên. Lại, do hạnh nguyện mà đặt tên. Do đời trước tu Tứ niệm xứ cho đến Tứ thiện căn, xưng chung là "Phổ Hiền". Riêng căn cứ Thế đệ nhất pháp, thì được gần Chân cận Thánh gọi là "Hiền", đây là trong Tam tạng thuyết.

Nay nói rằng: tột bực của Phục đạo, nhân kia cùng khắp thì gọi là "Phổ"; sau Đoạn đạo, gần cực Thánh thì gọi là "Hiền". Nếu Thập tín là bắt đầu Phục đạo, thì chẳng phải đầu chẳng phải cùng khắp, lân cận hàng sơ Thánh là sơ. Chẳng sau chẳng cùng cực, cho đến hàng Thập địa cũng chẳng cùng khắp cùng tột, huống chi các vị trước ư! Nay luận về địa vị Đẳng giác, tột bực trong các Phục đạo, Phục đạo cùng khắp cho nên gọi là "Phổ". Đoạn đao vừa tận, so sánh không có ai bằng, gần cùng cực rốt cuối, nên gọi là "Hiền". Thích luận dẫn "trăng đêm mười bốn như trăng đêm mười lăm", nghĩa đây sáng tỏ. Đây căn cứ địa vị Viên giáo giải thích hậu vị Phổ Hiền.

"Khuyến phát": là ngôn từ để chỉ cho sự luyến mộ pháp, ở nước khác xa nghe đủ kinh này từ đầu đến cuối đủ khắp muốn làm tốt việc tự hành hóa tha vĩnh viễn không dứt, cho nên từ đông từ tây mà đến. Khuyến phát có đầy đủ ý của tứ Tất-đàn. Văn nói: "Con vì cúng dường kinh Pháp Hoa, nên tự hiện thân. Nếu người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa đặng thấy thân con liền rất vui mừng lại càng tinh tấn, liền đắc Tam-muội và Đà-la-ni. Đặng chú Đà-la-ni này thì không có loài phi nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ làm hoặc loạn. Tam thiên đại thiên thế giới vi trần số các đại Bồ-tát đầy đủ đạo Phổ Hiền". Như văn đây nêu tức dùng tứ Tất-đàn mà khuyến phát.

Bên trên đã phân rõ lưu thông chia làm ba: từ mười chín hàng kệ về sau, ba phẩm rưỡi nêu đại lực của kinh để khuyến lưu thông. Từ phẩm Dược vương trở xuống năm phẩm, nêu đại lực hóa đạo của Bồ-tát để khuyến lưu thông. Một phẩm này nêu đại lực thệ nguyện của ngài Phổ Hiền để khuyến lưu thông. Phân văn làm bốn: 1. Phát lai. 2. Khuyến phát. 3. Thuật phát. 4. Phát ích.

Phần một: kinh gia trình bày Phát lai, chia làm ba: 1. Thượng cúng dường. 2. Hạ hóa độ. 3. Tu kính. "Tự tại" là Lý nhất, "thần thông" là Hạnh nhất, "oai đức" là Nhân nhất, "danh văn" là Giáo nhất. Lại, "tự tại" là Thường, "thần thông" là Lạc, "oai đức" là Ngã, "danh văn" là Tịnh. Ngôn thuyết như đây tức một mà bốn đức, không gì là không đầy đủ nghĩa tự tại. Tịnh lực cho nên "mưa hoa". Lạc lực cho nên "tấu nhạc", "thần thông" cho nên "động đất", tự tại lực cho nên tùy ý mà mưa, tùy đi, tùy mưa, tùy động, tùy tấu, ví như con rồng lớn bay đi không ngừng, thân phun mây mưa tuôn chảy không cùng. Phổ Hiền và quyến thuộc, dùng thân Bồ-tát, dùng lực bốn đức đến khuyến phát tứ Nhất. "Các nơi đi ngang qua" trở xuống, là tự hành, là thượng cúng dường, việc đó như thế. Từ "Lại cùng vô số đại chúng trời rồng" trở xuống, là ngang qua các nơi, là hạ hóa chúng sinh lợi ích. Tùy nơi thích nghi mà hiện tướng Bát bộ, lược dùng hai lực, tùy khả năng gánh vác, việc đó như thế. Tu kính: đầu mặt lễ bái, như văn.

Khuyến phát có hai: 1. Thỉnh vấn khuyến phát. 2. Thệ nguyện khuyến phát. Có hỏi có đáp. Hỏi: xa nghe kinh xong luyến pháp không dứt, xa đến ý muốn khuyến phát vì vậy nên lại thỉnh chánh thuyết khuyến phát tự hành, lại thỉnh lưu thông khuyến phát hóa tha. Đức Như Lai nếu thuận theo hai đường, thì lại diễn thuyết phóng quang không cùng cực, cho nên song thỉnh. Phần Đức Phật đáp: Trước tổng, tiếp biệt, sau kết. Biệt nêu bốn pháp, tên gọi như văn. Vì Phổ Hiền song thỉnh, đức Như Lai khéo đáp, lược nêu bốn để bao quát nhiều, Vì sao? Vì lược bốn pháp bao quát Chánh thuyết và Lưu thông Vì sao? Vì Phật tuy đáp mà không thiên lệch! Nếu có thể xa lìa ác, theo thiện, bỏ mê trở về chánh, khai quyền tri kiến hiển Phật tri kiến thì xứng với Thánh tâm gọi là "được chư Phật hộ niệm". Nếu tri kiến Phật được khai mở thì Bát-nhã chiếu sáng, là "trồng các cội công đức", cũng là "nhập chánh định tụ", không loạn không vị không thủ không xả, cũng là "phát tâm cứu tất cả chúng sinh". Phải biết bốn pháp này cùng với "khai quyền hiển thật", danh khác mà thể đồng, không hai không khác. Lại "Phật hộ niệm": là Khai tri kiến Phật. "Trồng các cội công đức" là Thị tri kiến Phật. "Phát tâm cứu tất cả chúng sinh" là Ngộ tri kiến Phật, "Nhập chánh định tụ" là Nhập tri kiến Phật. Trọng yếu của Tích môn được thu trong bốn pháp này.

Lại nữa, Tích thì có Bản. Từ Bản mà khai thị ngộ nhập, cho nên có khai thị ngộ nhập trong Tích. Nay khai Tích tức hiển Bản, bản tích không hai không khác. Dùng bốn pháp đáp lời thỉnh Chánh thuyết, thì

nghĩa đã rõ ràng. Dùng bốn pháp đáp lời thỉnh Lưu thông, phương pháp lưu thông dù ba dù bốn. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là vào nhà Như Lai. “Nhập chánh định tụ, được Phật hộ niệm” là mặc áo Như Lai. “Trồng các cội công đức” là ngồi tòa Như Lai. Cốt yếu của hoằng tuyên tức bốn mà ba. “Phát tâm cứu tất cả chúng sinh” là thệ nguyện An lạc hạnh. “Nhập chánh định tụ” là ý An lạc hạnh. “Trồng các cội công đức” là khẩu An lạc hạnh. “Được Phật hộ niệm” là thân An lạc hạnh. Phải biết bốn pháp sau tức là bốn pháp trước. Một lời đáp hai lời thỉnh kia nêu bốn cái Nhất của một kinh, diễn lại Pháp Hoa, lại một lần nữa diễn kinh này. Xa đến khuyến phát, nghĩa đó như thế. Sau kết: “Sau khi Như Lai diệt độ quyết đặng kinh này”. Xưa nói: “Năng hành bốn pháp thì trong đời vị lai, tay thường cầm kinh này” Nay nói không như vậy. Văn trên nói: “Nghĩa thật tướng của các pháp, đã vì các ông nói”, Lại nói: “Đều khiến cho chúng sinh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”, bởi chánh thể Pháp Hoa năng hành bốn pháp ắt được hiểu biết như thế, gọi là kinh.

Đây là kết lời hỏi thỉnh Chánh thuyết kia. Nếu có thể vận dụng giải hạnh này truyền cho người khác. Người khác được tín giải này thành người nương tựa đầu tiên. Người có thể được hiểu chân thật, thành người nương tựa thứ ba, thứ tư. Đây là kết lời hỏi thỉnh Lưu thông. Ý này không thấy nói ở các kinh khác.

Thệ nguyện khuyến phát: từ “Bạch Phật” trở xuống. Văn chia làm hai: 1. Hộ người. 2. Hộ pháp.

Hộ người có sáu:

1. Dẹp trừ được nạn ngoài. Ban đầu tổng trừ nạn kia, cho nên nói “khiến không ai được tiện lợi rình tìm làm hại”. Tiếp là biệt trừ nạn kia: nêu mười hai loại phi pháp.

2. Dạy nội pháp cho họ, gồm ba phen dạy bảo: Một, người kia đi đứng đọc tụng, con cỡi voi trắng sáu ngà đến an ổn tâm kia. Hai, người kia ngồi tư duy, con lại cỡi voi trắng sáu ngà chỉ bày kinh kia cùng Tam-muội kia. “Triền Đà-la-ni” là Giả nhập Không, “Trăm ngàn vạn ức triền Đà-la-ni”, triền Không xuất Giả. “Phương tiện” nhị là đạo phương tiện để đắc nhập Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Sau ba tuần nhất tâm tinh tấn, lại cỡi voi trắng sáu ngà chỉ dạy làm an vui lợi ích; nói chú, như văn.

3. Lại dùng thần lực: hoặc nghe hoặc giữ gìn đều là thần lực, như văn.

4. Chỉ bày nhân thù thắng: Hoặc có khả năng như năm hạng pháp

sư, tức ở ba đời Phật gieo trồng căn lành thuần thục được giải thoát, người này đồng được giải thoát vào thời Phật đời vị lai, nên nói "đồng hạnh Phổ Hiền". Người này đã gieo trồng căn lành ở thời Phật trước, cho nên nói "sâu trồng căn lành". Người này hiện đời được thuần thục cho nên nói "được Phật lấy tay xoa đầu".

5. Chỉ bày cận quả: chỉ có thể biên chép thì sẽ sinh ở cõi trời Đao-lợi. Đủ khả năng của năm loại pháp sư, thì sẽ sinh ở cung trời Đâu-suất, như văn.

6. Tổng kết: "Cho nên người trí phải một lòng tự chép"...

Từ "Thế Tôn! Con nay dùng sức thần lực" trở xuống, là thệ nguyện hộ pháp, như văn.

Thuật phát: Tức là Như Lai nêu lên nghĩa hơn, thuật thành ý kém. Tăng tiến hạnh: là mạnh mẽ hoằng kinh. Trước thuật hộ pháp, nói "Ông có thể như thế làm nhiều lợi ích" bên ngoài, bên trong thì "tích chứa từ bi". Lại, từ nhiều kiếp đến nay hộ trì như đây, ta cũng dùng thần lực của Phật hộ trì pháp này, huống chi là ông! Như văn. Từ "Nếu có người khinh chê" trở xuống, là thuật Hộ người, tuy không thuật theo thứ lớp mà ý thành đầy đủ. "Phải biết người đó thời là thấy Đức Thích-ca Mâu-ni", là thuật chỉ bày thân giáo pháp kia. Người đó còn thấy thân quả vạn đức của ta huống chi ông vì cỡi voi trắng sáu ngà, lại còn từ miệng Phật nghe kinh đầy đủ, huống chi ông nhắc nhở khi họ quên mất chương câu. Người kia còn được Phật tán thán, lấy tay xoa đầu, được Phật hộ niệm, huống chi ông vì do nhân Đà-la-ni che chở.

Từ "Người ấy không còn tham đắm sự vui của thế gian" trở xuống, là thuật nêu nhân kia. Rộng nêu trong nhân không còn có các lỗi ác, ít ham muốn biết đủ, tu hạnh Phổ Hiền thuật thắng nhân. Từ "Sau khi Như Lai diệt độ" trở xuống, thuật nêu cận quả. Người kia sẽ đến đạo tràng cũng thành viễn quả, huống chi cận quả! Cũng trong đời hiện tại đắc cận quả kia được sinh cõi trời. Từ "Nếu có người khinh chê" trở xuống, là thuật năng trừ ngoại nạn. Đức Phật rộng chỉ tội hủy báng, khiến cho biết lỗi ắt sửa đổi không làm não loạn nhau, chẳng những người trì kinh diệt được nạn mà còn muốn tội hủy phước sinh. Không hủy không nạn, kia đây an lạc cứu giúp rộng rãi, là từ bi không thiên lệch. Từ "Nên đứng dậy xa rước phải như kính Phật" là thuật kết công đức của người tin.

Từ "Lúc Phật thuyết" trở xuống là Phát ích, có hai:

1. Nghe phẩm được lợi ích: "Triền Đà-la-ni" là vị sơ địa, "đầy đủ đạo Phổ Hiền" là vị Thập địa.

2. Nghe kinh được lợi ích: là đại chúng hoan hỷ như trước nói. Trong đây vì sao còn gọi là Thanh văn? Chính kinh gia còn giữ bản vị kia. Lại nữa, kinh gia gọi kia là Đại thừa Thanh văn. "Dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe", nghĩa này càng rõ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 119

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

SỐ 1719

(QUYỂN 1 →15)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1719

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

Đời Đường Tông Thiên Thai Sa môn Trạm Nhiên thuật

QUYỂN 1
(Quyển Thượng)

GIẢI THÍCH PHẨM TỰA THỨ NHẤT

"Văn cú": "Văn" là văn tự, một bộ từ đầu đến cuối, cho nên nói: "Văn" tức là tự, là hai sở y. "Cú": là cú đậu (là dấu ngắt giọng, tức là dấu chấm phết trong sách), để biết nghĩa thông dài ngắn, cho nên nói: danh thuyên tự tánh, cú thuyên sai biệt. Đây cũng không luận về hình thức cấu trúc và thể loại sáng tác văn thơ. Nay chỉ dùng câu mà phân biệt văn kia, cho nên nói "Văn cú". Chương sớ xưa thì hoặc riêng đề Sớ hoặc riêng đề Chương. Chương: là văn chương hoa mỹ. Kinh Thi nói: "Văn chương ấy đều do nhân sĩ (người có học vấn) phát ra lời nói thành chương, cũng gọi là chương đoạn. Phân đoạn giải thích thành bao nhiêu chương. Sớ: là lời ý thông suốt, cũng là biên chép. Lại, sớ âm sơ, tức sơ thông sơ điều sơ lũ, nay đều không nói ý như trước nói. Đề dưới giải thích ý trong sáu nạn, đây dùng văn dưới trong phần Pháp thuyết tán thán pháp hy hữu. Chư Phật xuất thế xa xôi khó gặp, dù cho xuất thế nói pháp ấy lại khó, vô lượng vô số kiếp nghe pháp ấy cũng khó, năng nghe pháp ấy người này cũng lại khó. Chương an trí nơi kinh đối với pháp nghe và người năng nghe trong hai việc khó, nghĩa chia làm bốn nghĩa là truyền dịch... hợp thành sáu nạn. Nhưng trong nghe pháp thì tại thời Chánh pháp A-nan nghe trong pháp hội, nghĩa thông đời Tượng pháp Mạt pháp, cho nên nhờ truyền dịch thời có thể được nghe. Đức Phật

xuất thế rồi mà người vô duyên vẫn không gặp, cho nên trải qua nhiều kiếp người nghe còn khó huống chi tu hạnh khai ngộ, nói biên chép lưu thông. Khó thứ nhất và hai căn cứ ở chủ và vị, ba, bốn tán thán giáo, hạnh, năm, sáu tự may mắn tỉnh ngộ. Cho nên thứ nhất và hai tại Phật, ba, bốn thuộc Sư, năm, sáu bài xích mình. Trong ba cặp, mỗi một cặp đều là trước chung sau riêng. Vả lại, khó thứ nhất và hai: xuất thế cũng như chung vì chung một đời. Tiếp đến nói riêng, riêng ở kinh này. Tiếp, trong khó thứ ba, bốn, thì đầu tiên là Sư truyền dịch chung tất cả giáo, tiếp Sư dạy bảo riêng cho ta noi theo. Tiếp, trong khó thứ năm, sáu, thì nghe giảng vẫn thông vì chung với người khác. Một lần ghi nhận riêng chỉ thuộc mình cho nên trong ba cặp từ rộng đến hẹp, càng về sau càng hẹp so với trước. Cho nên từ khi đức Phật xuất thế đến nay, cho đến nghe tự ngộ, vì nói một lần ghi nhận, thế nên ghi nhận Phật thừa thật là rất khó!

Nói chủ vị: Chủ hưng khởi không dễ, lại trải qua bốn vị mới diễn nói kinh này, cho nên nói cái thứ nhất và thứ hai thật là không dễ. Nói tán thán Giáo: Truyền dịch không dễ, trải qua núi biển tuy đến cõi này dân chủ đạo hợp, nước không có các nạn mới có thể truyền. Nói tán thán Hạnh: Là vâng lãnh lời dạy của Nam Nhạc: “chứng không (nhờ) do người khác, mà do từ lâu gieo trồng thiện căn diệu ngộ đến nay phát sinh”. Nói tự tỉnh: Là tự vui mừng được nghe thỏa thuê rồi liền nhớ. Cho nên Huyền Tự nói: “Ở Giang Lăng bẩm thọ tôn chỉ mầu nhiệm, ở Kiến Nghiệp mới nghe kinh văn bổ tiếp mới thành một biến mà thôi! Huống chi hai mươi bảy phen nghe, sáu mươi chín phen chữa trị, từ đầu đến cuối hơn bốn mươi năm, chính là tu bổ phục nạn thứ bảy. Lại đối với sự truyền dịch trước cộng thêm nạn kết tập, trở thành tám nạn. Vì khi kết tập cũng nhờ vương thần đại chúng hòa hợp, khiến cho hoặc ma hoặc ngoại đạo không xâm phạm được. Thiêm: là thêm phá bỏ cổ sư và dẫn kinh luận. Nghĩa là bác bỏ nghĩa sai, hiển bày nghĩa đúng. Tước là gọt bỏ sự rườm rà dài dòng cho đến thành văn thể, khiến văn tóm lược mà nghĩa phong phú. Phá Cổ sư không hoàn toàn thuộc về riêng mình, mà còn thêm các ý kiến khác, cho nên chỉ gọi là thêm. Tước là chỉ ở riêng mình, ban đầu ghi chép rườm rà cho nên nói là tước. Huyền Tự nói: “Hoặc dùng kinh luận nói phù hợp với nghĩa sâu xa vi diệu đây, hoặc nêu các kiến giải khác nhau của các sư, nghiệm chứng nghĩa kia sai hay viên mãn”. Lưu tặng hậu hiền nghĩa là: Bài Tựa Huyền Văn nói: “Văn đây nếu rơi mất thì tương lai thật đáng thương!”. Kinh Niết-Bàn nói: “Hoặc cây hoặc đá”. Kinh này nói: “Hoặc ruộng hoặc làng”. Đời sau

hạnh giả biết cam lộ môn chính ở nơi đây. "Cùng hy vọng Phật tuệ" là tự mình chẳng phải ở núi Linh Thứu, thân gần đạo tràng khế ngộ, mà tìm tòi một lời giáo chỉ hiển bày tông chỉ tột cùng của năm vị, vả lại làm sao để làm nền móng Phật tuệ cho bậc hiền sĩ đời sau ư! Cho nên nói Phật tuệ cần phải khai mở tam giáo quả đầu Quyền Thật, phát bốn vị bao gồm Đại Tiểu thì Nhân, Lý, Giáo, Hạnh có chỗ quay về, Khai Thị Ngộ Nhập không khác, chính là Phật tuệ của Kinh này.

Hỏi: "Viên giáo trong các kinh có khác gì kinh này, mà cần phải nói "Khai" mới là Phật tuệ"?

Đáp: "Viên thật không khác, chỉ khác ở chổ chưa khai hiển". Người sơ tâm cho là Viên cách Thiên, nên cần nghe khai hiển thật tướng các pháp.

Nếu đã nhập Thật chỉ luận tăng tiến, thì Quyền nhân (người) đến kinh này, hoàn toàn cần phải khai (mở). "Ủy Thích"... là, biệt giải tên đề khắp cả bảy, tám quyển. Vì trong phần đầu tên tổng đã có ba pháp, ba pháp từ đầu đến cuối chỉ nêu bày một bộ. Vì sao? Vì trong một bộ chẳng gì qua được bản tích. Tổng, biệt của Bản tích lại vượt qua các thuyết. Ba, một trong Tích công cao hơn một kỳ nói pháp, bởi vì ba trong một vĩnh viễn khác với giáo trước, tức ba là một không đồng các kinh khác. Tức là Tích mà Bản đến phẩm Thọ Lượng mới bàn đến, tức Tích của Bản đầy đủ nói ở đây. Vả lại, như thể trong Tích, chẳng phải nhân quả, mà dựa vào thể đó để biện minh nhân quả, nhân quả nhận lấy thể mới có thắng dụng. Như vậy, ba pháp đều do khai hiển. Nếu không trước hiểu rõ diệu lý năng khai, thì làm sao hiểu rõ sự thô của sở khai, cho nên đối Tích biện rõ lý Bản cần phân định, phán xét, do đó giải thích đề không thể không cẩn thận như vậy. Đề kinh trở xuống, biệt giải thích lý chẳng dễ dàng, vì bởi giải thích đề phần lớn nghĩa thuận theo, nên đến kinh văn chỉ thô phân chương đoạn, đề tên "Văn Cú", chính lý do này. Cho nên, chỉ phân văn cú thì phần lớn lý không được hiện rõ. Chỉ đàm luận yếu chỉ huyền diệu thì mê nên khởi hết, nếu đeo nhau để nói thì kia đây không có điểm quy tụ, cho nên khiến hiểu rõ mà giải thích (tiêu thích), phàm đến nghĩa Đại đều chỉ huyền văn gọi là Thể, Tông, Dụng ba thứ.

1. Tổng biệt gửi theo hành, căn cứ giáo cho nên biết hoàn toàn mê nơi đại tôn chỉ của huyền văn, mà muốn dùng "Văn cú" để hiểu kinh, cố nhiên che lấp lý quán sâu vi tế mà chỉ dùng sự tướng giải thích nghĩa, nói rộng kinh này thì lại xa. Nay hỏi người hoằng kinh vì danh lợi che tâm hay vì đại bi lợi ích người? Tự hành mờ tối nơi Diệu tông thì đâu

khác người mù dẫn lối! Kia, đây đều mê, lợi mình, người đều mất. Lại nữa xướng Diệu Pháp chẳng phải chỉ có chánh tông, mà cả hai mươi tám phẩm đều gọi là Diệu, trong mỗi phẩm đều hàm đầy đủ thể v.v... Trong mỗi một câu thông kết Diệu danh, Giáo, Hạnh, Nhân, Lý kia đây nhiếp giữ với nhau, khiến cho diệu chỉ không mất mà dần tựa như mở ra thông suốt. Áo, tòa, nhà, răn bảo tư duy tự khắc ghi, song liệt kê khắp việc khó không thể thường như vậy. Nay tùy nghĩa tiện rộng lược Thích hợp thời, cho nên các phẩm Phương Tiện, An Lạc, Thọ Lượng, Phổ Môn đều là nguồn gốc của bản tích là điểm trọng yếu của kinh này cần phải xác thật phân biệt, ngoài ra thì tùy nghi.

Tự trở xuống một bộ phần lớn tên đã chỉ ở giải thích trước, gọi riêng một phẩm trở xuống là lược trình bày. Ngài Duệ Công cũng nói có hai mươi tám phẩm sinh khởi thứ lớp, nay tùy các vị giải thích căn cứ ý có thể biết. Nhưng mỗi một phẩm ban đầu đều có bốn ý: Thích danh, Lai ý, Thích phương, Thích văn. Thích danh cần phải có bốn nhân duyên v.v... Lai ý, Thích phương hoặc có hoặc không. Có khi trong Thích danh gồm cả Lai ý, có ngăn ngại nên phải giải thích (Thích phương), đâu có lệ như vậy ư? Lại Thích danh cùng nghĩa xen lẫn có không, cho nên Thích danh một thứ hoặc ở trước nghĩa giải thích riêng, hoặc kèm theo danh để giải thích nghĩa. Dù ở trước nghĩa giải thích riêng, mà tức trở lại đem ý riêng để quán xuyến nghĩa, danh nghĩa nếu hiển thì một phẩm có thể theo. Cho nên, khiến mỗi một phẩm hoàn toàn đồng tôn chỉ của bộ. Giải thích như vậy mới sáng tỏ đường mê tùy mình, kia đây hỗn loạn, nếu hiểu được ý nầy thì đến dưới dễ biết.

Nay ban đầu giải thích danh gọi là Huấn, Tường, Tự. Trước giải thích chữ Huấn, tiếp giải thích chữ Nghĩa, nhưng giải thích trong Huấn lại giống như theo nghĩa. Tường là an tường, Học xá, Dưỡng cung (nhà học, cung nuôi dưỡng) đều chẳng phải ý nay. Bộ Nhĩ Nhã nói: “Vách Đông Tây gọi là tựa, phân biệt trong ngoài”. Đây có thể mượn dùng để giải thích biệt tựa, như do biệt tựa mới khác các kinh. Thông tựa khác ngoài cũng có thể bao gồm dùng, do đó ban đầu dùng chữ Huấn, chính là từ biệt tựa. Cho nên nói: Có cấp bậc... Kiêm dùng an tường tức không phải bỗng nhiên nhảy vượt ý thứ tự, cũng là hai tựa cùng có. Nếu đối biện ắt trước chứng tín sau mới phát khởi, hay trước phát khởi sau mới chứng tín, hay trước hai tựa sau mới chánh tựa, nên hai tựa đều có, trước sau cũng vậy. Cho nên ngài Quang Trạch nói sinh khởi chẳng hoàn toàn sai ý, chỉ thiếu chỉ rõ báo cho nên bác bỏ. Cho nên nói cấp bậc... nghĩa bao gồm Thông, Biệt. Lời hỏi đáp không thiếu nghĩa thông, trước

thụy sau vấn, thứ lớp như vậy. Di-lặc, Văn-thù tứ vị khách chủ, hoặc hỏi hoặc đáp đều là Tường tựa, phục nghi, phục nạn khách chủ vẫn còn như vậy. Kinh gia đoạn dưới theo chữ Nghĩa giải thích. Ba nghĩa phân hai, tiếp thông hai biệt, thông trong hai bài tựa thông lại biệt đứng đầu. Hai tựa đều đứng đầu thông thì được tên vị đứng đầu ở dưới. Vậy thì hai mươi bảy phẩm mới gọi là kinh. Do Tựa theo Chánh, Thông gọi là kinh, cho nên nói "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Phẩm Tựa".

Nói nguyên do thuật: Lý do nghi điềm lành, thuật lời hỏi đáp, trong văn không dùng nghi niệm đối với nguyên do thuật, cũng có thể bao gồm cả hai, nghĩa là phát lời nói bày tỏ nghi cũng gọi là thuật. Tập chúng cũng có thể lấy làm nguyên do xa. Vì ít cho nên lại sắp xếp. Nói "lộng dẫn": là dùng dụ hiển bày, giảng giải dẫn lộng gia nên gọi là "lộng dẫn". Cũng có thể chánh lộng cũng được gọi là dẫn, như ca dẫn múa, tựa nghĩa có thể biết. Cho nên Chánh thuyết như lộng, hai tựa như dẫn, cho nên dẫn cũng là ca, nghĩa là đàm thuật, cũng là dẫn phát nghĩa. Chương sớ người xưa lấy âm "Dận" cho thuận tiện để làm "Dận Thích" (giải thích tiếp nối). Lại mê ở "Chương thảo" lấy lộng làm Hô (kêu gọi), lấy Dận làm Triệt. Sự lầm lẫn này từ xưa đã có như thế, chữ Triệt thành chất chồng hai lỗi. Đầy đủ ba nghĩa đây, tức là mỗi phẩm bao gồm thông biệt cho nên phải đầy đủ ba.

Phẩm: Tựa danh ở biệt, nghĩa phẩm thì thông xuống dưới các phẩm để thông theo biệt, không giải thích lại, cho nên chỉ giải thích biệt để sắp xếp nơi thông. Trong đây, trước là dịch tên, tiếp là giải thích nghĩa, sau là nêu nguyên do lập phẩm. Nói nghĩa ấy: Là giải thích nghĩa của chữ Phẩm, chẳng phải nghĩa đề của phẩm, cho nên chữ nghĩa thì thông tên đề theo biệt. Nói nghĩa loại đồng, tức các phẩm đều như vậy. "Tụ" là vì cái gì nên xuất ra người đó, ban đầu phiếm chỉ các kinh khác, như Phẩm Tâm Địa Phật tự xướng. Như Đại Luận tức luận thuật một bộ Đại Phẩm các nhà kết tập xưa chỉ ba phẩm: 1. Tựa. 2. Ma sự. 3. Chúc lụy.

Nói người dịch: Cũng chỉ Đại Phẩm vốn chỉ ba phẩm. Ngài Cưu-ma-la-thập đời Ngụy Tần năm Hoằng Thủy thứ năm ngày 23 tháng 4 dịch xong. Lại nương bốn ý đại khái thêm thành chín mươi phẩm gọi là Nhân, Nghĩa, Pháp, Sự: Nhân như Lâu-na, Nghĩa như quán không, Pháp như tam giả, Sự như ma sự. Cũng như trong Đại kinh nói Thuần-đà thương tiếc than thở... lại chẳng phải người dịch chỉ hỗ trợ cho người dịch tức phải cảm ơn thêm ngài Cưu-ma-la-thập; căn cứ đây nên biết các kinh không phải đức Phật tự xướng mà cho đến kẻ kết tập, và người dịch thêm vào.

2. Tiếp chánh nêu kinh này, như phẩm Dược Vương nói: Phật bảo Tú Vương Hoa: “Nếu có người nghe phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự này năng tùy hỷ tán thiện”... Lại nói: “Tú Vương Hoa! Vì thế ta đem phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự giao phó cho ông”. Cho nên nói: “Nếu có người trì phẩm này, sau khi hết thân nữ không thọ trở lại”. Cuối Phẩm Diệu Âm các nhà kết tập kinh nói: “Lúc nói phẩm Diệu Âm lai vãng này có bốn vạn hai ngàn thiên tử đắc Vô sinh Pháp nhẫn. Cuối phẩm Phổ Môn, kinh gia cũng nói: “Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này có tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác”. Cho đến cuối phẩm Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm Vương khuyến phát đều như vậy cho nên nói “đẳng”. Người dịch chưa nghe thì kinh này không nói, nếu không có các tập gia nói và không có Phật tự xướng nói, thì giống như thuộc về người dịch, do trong văn các phẩm trước đầy đủ, nên biết đều là kết tập sắp đặt, tin rằng không có người dịch là rõ. Cho nên kinh này từ các phẩm khác trở đi, phần nhiều là người kết tập đặt để, do không có nói lợi ích nghe phẩm nên ở sau phẩm không có kết đó thôi. Dùng thông theo biệt nên đầy đủ bốn giải thích, do trong thông tựa mỗi một câu đều có bốn thứ nhân duyên v.v... khi biệt tựa hoặc thiếu một, hai thứ, cho nên giải thích chữ Tựa thiếu bốn nghĩa. Nếu hai bài tựa tương đối thì nghĩa lập cũng có thể, hai tựa không đồng, là nghĩa Thế giới. Biệt tựa phát khởi hâm mộ tức là Vị nhân, thông tựa chứng tín trừ nghi là Đối trị, hai tựa giới thiệu chánh là đệ Nhất nghĩa Tất-đàn. Căn cứ giáo... ba thứ đầy đủ, như giải thích trong ba đoạn. Nếu riêng căn cứ ở thông tựa thì năm nghĩa không đồng là Thế giới, thông đều trừ nghi là Đối trị, thông đều sinh tín là Vị nhân, thông đều Tựa Chánh là đệ Nhất nghĩa. Ba thứ còn lại và biệt tựa, căn cứ đây có thể biết.

Từ “Đức Phật phó duyên” trở xuống, là muốn phân tiết kinh văn, trước biện rõ phân văn có không được mất, trong đó có bốn: Một, rộng dẫn các kinh luận. Hai, xưa giải thích sai lầm. Ba, nêu phẩm chẳng có chương đoạn. Bốn, rộng nêu phân tiết. Đầu văn hoàn toàn chẳng phải phân văn. Tiếp đến lỗi xưa tức là các vị giảng xưa phần nhiều không có phân chia tiết, đến An Công kinh không có Đại tiểu mới bắt đầu phân ba đoạn: Tựa, Chánh, Lưu thông. “Đãi” là nguy vậy, chẳng phải ý chính nay cũng gần như vậy. Tây Kinh Vũ nói: “Đời người bao nhiêu lần mất”. Nói khởi tận: Từ đầu đến cuối chương vậy. Nếu phân tiết rồi thì đại tiểu đều có tổng biệt khởi tận. Phần ba, từ “Lại đức Phật nói” trở xuống, ý nêu rõ lập phẩm, chỉ theo nghĩa loại không theo văn tướng, cho nên xét theo hai tướng “quán, tán” không thể lập phẩm, cũng chẳng

phân tiết. Phần bốn, từ “Kinh Tăng Nhất A-hàm” trở xuống, kinh luận cũng có phân tiết, huống chi đời mạt pháp hoằng kinh cần phải hiểu biết khách chủ, cho nên Tiểu thừa tam tạng đều có sở khai. Bài tựa Kinh Tăng Nhất nói: “A-nan nói kinh vô lượng, số nay lại tổng lược làm nhất tụ, ta nay chia làm ba phần: Khế kinh một phần, luật hai phần, A-tỳ-đàm kinh làm ba phần”. Khế kinh nay sẽ chia làm bốn đoạn: 1. Tăng Nhất A-hàm. 2. Trung. 3. Trường A-hàm, nhiều Anh lạc. 4. Tạp A-hàm. Chính dùng bốn kinh A-hàm, gọi là bốn đoạn, cho nên nay nương theo ý đó chia làm bốn tiết. “Luật khai năm bộ”: Sau khi Phật diệt độ một trăm năm, có ngài Cúc-đa trì pháp giáo hóa chúng sinh, không có tướng thị phi chỉ làm một bộ không có Tỳ-ni tạng, tức Bát Thập tụng luật. Một trăm năm sau, năm đệ tử của Cúc-đa mỗi người có mỗi kiến chấp riêng không thể dung hòa làm một, liền phân một tạng ra làm năm tạng khác, như chẻ gậy vàng mà không mất dụng của vàng. Nay phân chia văn cũng như vậy, tuy phân chia làm nhiều đoạn mà biết đại ý chỉ vốn có một. Vì sự phân ra là đối với bản cũ nên nói là “kịp”. A-tỳ-đàm chia ra Lục túc, trong văn tự dẫn A-hàm lục độ không phải Lục Túc luận. Như kinh Tăng Nhất nói “Bồ-tát phát khởi Đại thừa pháp, Như Lai nói chủng chủng pháp này, người tôn kính nói lục độ vô cực: Bố thí, Trì giới, Nhẫn, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ lực, như trăng bắt đầu rồi đến độ vô cực soi thấy các pháp, Đức Phật nói các pháp không ra ngoài sáu thứ này”. Cũng giống như ý phân chương, nên Lục Túc luận hoàn toàn chẳng phải ý đây, như nói: l. Tập Dị môn túc, một vạn tám ngàn bài kệ do Xá-lợi-phất trước tác. 2. Pháp uẩn túc, có sáu ngàn bài kệ do Đại Mục-kiền-liên tạo. Hai luận này đời Đường ngài Tam Tạng dịch. 3. Thi-thiết túc, một vạn tám ngàn bài kệ do Ca-đa-diễn-ny Tử tạo, Đường Tam Tạng tương lai chưa dịch. Ba luận đây được tạo khi Đức Phật còn tại thế. 4. Thức Thân túc có bảy ngàn bài kệ do Bà-thiết-ma tạo, tức sau khi Phật diệt độ một trăm năm. 5. Phẩm loại túc, sau khi Phật diệt độ ba trăm năm do Thế Hữu tạo. 6. Giới thân túc, có sáu ngàn bài kệ, cũng do Thế Hữu tạo. Ca-đa-diên-ny tử tạo Phát Trí luận, dùng sáu nghĩa trước ít như chân; Phát Trí nghĩa nhiều như thân, tức chân có trước mà thân có sau, phân nghĩa không tiện, huống chi sáu luận đây đều là đời Đường Tam Tạng tương lai, đời Tùy chưa có nên không hợp chỉ (ngón tay), huống chi không có tướng phân tiết (lóng). Trong đó phá rằng: ba luận trước đã tạo ở thời Phật tại thế, vì sao tiếp cùng luận được tạo sau khi Phật diệt độ làm Túc? Chưa hẳn hoàn toàn như vậy, vì thân nhiếp chân (Túc) đó thôi. Lại Thành Thật luận nói: “Như Lục túc A-tỳ-đàm nói là

chỉ Lục túc A-tỳ-đàm luận, cho nên không đối với Phát Trí luận làm thân, nghĩa là căn tánh lược nêu làm Kiền-độ. “Kiền-độ” là âm Tây vực, đây gọi là “Pháp tụ”, vì phân một bộ làm tám tụ: Nghĩa là Nghiệp, Sử, Trí, Định, Căn, Đại, Kiến, Tạp. Văn nói: “Căn tánh đạo định”, căn tánh là Căn, đạo tức là Trí. Chỉ lược nêu ba, ngoài ra như trước nêu.

Đại luận hỏi: “Tám Kiền-độ ai tạo? Lục phần A-tỳ-đàm xuất xứ từ đâu? Đáp: Đức Phật tại thế không mất, sau khi Phật diệt độ một trăm năm vua A-thâu-kha hội các luận sư vì sinh các bộ riêng, có người lợi căn, đọc hết Tam tạng muốn giải kinh Phật làm tám Kiền-độ, sau các đệ tử vì người đời sau không thể giải hoàn toàn mà chỉ lược làm A-tỳ-đàm. Người làm đầu tiên là Ca-chiên-diên. Ngài Thiên Thân trở đi tiếp dẫn luận nay có bảy công đức năm thị hiện... để liệt phân chương.

Bảy công đức: Luận nói pháp môn đây, đầu tiên phẩm thứ nhất nêu bảy thứ công đức thành tựu: l. Tựa thành tựu. 2. Chúng thành tựu. 3. Từ câu: “Vì các Bồ-tát nói kinh Đại thừa” trở xuống là muốn nói, tức Thời chí thành tựu. Nếu nói kinh Vô Lượng Nghĩa thì muốn nói đến Pháp Hoa, là Thời chí. 4. Từ “Nói kinh này” trở xuống, là pháp sở thuyết, tức Tùy thuận oai nghi trụ thành tựu. Do nhập định nên gọi là oai nghi trụ. 5. Từ “Phóng quang” trở xuống, là y chỉ thuyết Nhân thành tựu, do phóng quang nên thấy thuyết ở các cõi khác. 6. Từ “Di-lặc niệm nghi” trở xuống, nêu đại chúng muốn nghe pháp, tức Hiện tiền thành tựu. Do hỏi nên đáp, cho nên nói “muốn nghe”. 7. Từ “Văn-thù đáp câu hỏi” trở xuống, gọi là Vấn đáp thành tựu. Luận nói: “Tựa thành tựu lại có hai thứ: Thứ nhất, thù thắng trong tất cả các pháp môn, là các thứ Như thị nghiệm biết luận chủ hoàn toàn chấp nhận một bộ, vì thù thắng trong pháp môn, mới chỉ các thứ Như thị là thù thắng trong tất cả pháp môn, mà tất cả pháp môn tức một đời giáo, nếu không như vậy thì đâu có giải thích nói là tất cả pháp môn. Đã là tối thượng trong một đời giáo hóa, đầy đủ như trong phẩm Dược Vương. Thứ hai, văn tán thán giáo. Còn lại sáu thành tựu dưới đều có phân tiết.

Năm thị hiện: Luận cũng nói có năm phần: l. Tán thán pháp thắng diệu. 2. Từ “Ta thành Phật đến nay” trở xuống, là Tán thán công đức Pháp Sư. 3. Từ “Bấy giờ trong chúng” trở xuống,là Trí chúng định nghi. 4. Từ “Đức Phật bảo Xá-lợi-phất” trở xuống, là Định ký. 5. Từ “Xá-lợi-phất! Chư Phật xuất hiện đời ngũ trược” trở xuống, là Đoạn nghi.

Từ “Hà Tây” trở xuống, là chánh nêu phân tiết. Hà Tây như bản truyện, Giang... Diêu tức Ngô hưng Tiểu sơn tự (đầy đủ như biệt truyện). Quang Trạch chuyển tế: Như Đông An pháp sư (đời Đường

Đông Dương Vĩnh An Tự Khoáng Pháp Sư) giảng tam luận và các kinh Pháp Hoa... đều biên tập chương sớ, đến ngày mười lăm tháng giêng năm Trinh Quán thứ mười ba thì nhập diệt. Trở lại chịu khuất tam chỉ tức là quả nhân (người) thứ ba, biên chép Pháp Hoa sớ bốn quyển: Đầu nói: từ đời Lương Trần đến nay giải thích Pháp Hoa chỉ lấy theo ngài Quang Trạch riêng chọn nghĩa hay, các học giả sau chỉ đại khái giống như sấm. Sư Vân tuy có xem qua mà văn còn luộm thuộm. Ta suy xét lâu năm chỉ thấy văn cú nhiều lộn xộn chương đoạn trùng lắp, tìm văn nghĩa kia chưa rõ ý chỉ. Nay đối với nghĩa của sư Vân để nghiên cứu pháp thật, đại sư chuyên phá bởi có nguyên do. Cho nên biết sư Vân so với trước càng phức tạp. Nay đây không có hai lỗi kia, chỉ còn đại, chỉ không có sự phiền toái.

Từ "Trùng phân" trở xuống, là chương an bài bác xưa. "Phân": là tuyết đọng nhiều lớp sương nặng che lấp khí trong xanh của thái hư khiến tam quang ẩn mất sự chiếu sáng, cho nên phân văn lộn xộn làm mất đại đạo của kinh, ba phép tắc ẩn mất mà chẳng dụng. "Tân": Là bến bờ, nơi cứu vớt. Nếu phân nhỏ đoạn ngắn, thì không thích nghi cho người cầu ý chỉ của kinh, ví như giữa ngã ba đường có người hỏi đường, không đáp câu hỏi mà chỉ rộng luận rộng bàn con đường lớn rộng thông bốn phương tám ngã, đó không phải là điều cần thiết cho người hỏi. Ngài Đàm Loan người Bắc Tề chê rằng: Kinh văn khoa điều phân nhỏ như khói mây... bị gió thổi bay đi. Dương: Là gió bay. Che khuất thái hư rộng lớn lẫn lộn... căn cứ nghĩa trên kia nên dùng chữ "điều lệ", nghĩa là khoa điều như vi trần, hoặc là chuyển lời nói ấy mượn thế dùng lời chẳng hoàn toàn đồng với kia. Cát đá tinh chất gọi là đá mài, thô gọi là khoáng, tạp vi trần tùy theo gió thổi bay đồng với khói kia che lấp. Nói "nếu quá..." là đem đây so với xưa, tiến thoái đều sai lầm. Vậy thì ngài Đàm Loan cũng chưa hoàn toàn chưa chịu phân tích rõ kinh văn. Lô Sơn Long có hai giải thích: Trước nói thân phương tiện... ý nói từ phẩm Bảo Tháp về trước nói quyền nói thật, cũng do trước Pháp Hoa là pháp Quyền vì nói phương tiện, đến Pháp Hoa là nói chân thật. Từ phẩm Bảo Tháp về sau, cổ Phật hiện toàn thân, nay Phật nhóm tập phân thân. Thân xưa ra lệnh bảo thân nay, thân nay đến thân xưa, hai thân đều ở trong tháp là tiêu biểu pháp xưa nay đồng thân phương tiện. Phẩm Thọ Lượng nói từ lâu đã thành đạo, số kiếp như trần đếm còn gấp bội, trung gian rũ áo ở Già-da chẳng phải chân thật, thân chân thật. Đạo lý ắt như vậy, thiên lập thành sai lầm. Trước có thể không có thân, sau đâu thể không nói! Chỉ dựa vào Quyền Thực Bản Tích tự nhiên đều thu về nói

thân. Nếu chỉ nói thân thì Bản Tích sự hôn mê, chỉ luận Bản Tích thì thân nói tự hiển bày. Cho nên trong phẩm Thọ Lượng nói: “Hoặc nói thân mình hoặc nói thân người”, nên thân nói đầy đủ. Từ Phẩm Phương Tiện trở xuống nói ắt có thân, đâu cần phải dẫn đến mê hoặc.

Trong giải Thích thứ hai, Huyền văn rộng phá, do hai môn này mỗi mỗi đều có nhân quả. “Tề Trung Hưng ấn” là: “Chùa Trung Hưng (đầy đủ trong Biệt truyện) Ngài Huyền Sướng lấy phẩm Đề-bà-đạt-đa và Trì làm Tích môn lưu thông, và đem các phẩm Thần Lực v.v... trong phần Lưu thông ở sau phẩm Thọ Lượng của Bản môn, cùng làm phần quả, quả tại Bản môn. Lại phân hộ trì, hộ trì là tên khác của lưu thông cho nên không thể. “Lại có Sư” trở xuống, ý Sư này lấy chánh tông làm thể, chỉ dùng chánh của Tích không biết lấy chánh của Bản môn trở lại làm lưu thông, mà nói thọ trì công đức. Tích cùng giáo xưa dung hợp có thể giống, Bản cùng kinh trước hoàn toàn vĩnh viễn sai khác, trở lại vĩnh viễn sai khác hỗn loạn lưu thông cho nên không thể dùng. Có sư nói bốn đoạn chỉ hợp hai, ba làm chánh, rất phù hợp kinh văn, chỉ thiếu lập hai môn Bản Tích, ý nói đều có ba đoạn đó thôi! Kia danh đã thiếu, thì nghĩa sợ không đủ. “Ngài Quang Trạch nói có hai mươi bốn đoạn, đầy đủ trong lời sớ kia nói v.v...”, là tượng khí phân tán như mây trên trời không thể mất lượng. “Ý nói” trở xuống, là chưa nói còn nhiều như mây. Dưới có liệt nêu ngài Quang Trạch phân văn phần nhiều cùng nay giống nhiều khác ít.

“Lan cúc”: Chương an phá chấp. Đức Phật phó cơ nói đương thời xứng hội, đời sau phân tiết nương đây hiển bày lý, cố chấp thành tranh cãi tiến thoái đều trái, dù có khác đồng lan cúc kia “nhưng vẫn tùy thuận được ý” là nói, dù không hoàn toàn trái với tâm thánh mà cuối cùng chỉ là kiến giải tùy tình của người. Hoặc được thông dụng thô thiển, không nên khổ đấu tranh sợ mất bốn lợi ích. Kinh Dịch nói: “Mùi kia như hoa Lan”. Người xưa đều lấy hơi làm mùi. Thiên Thai: Chương an đối xưa cho nên phân biệt nói. Tên gọi Thiên Thai, nói đủ như Chỉ quán ký. “Nay ký...” tuy lại hiện có hai ý, mà dụng ý ban đầu, cho nên nói “theo trước”.

Hỏi: một kinh có nói những gì? Hỏi: Ý hiện có hai giải thích? Hỏi giải thích sau có ngăn ngại gì? Cho nên trong hai giải thích không chuyên giải thích sau tức là dùng Bản chánh trước lập lưu thông, lại nhất vãng (một phen) đó thôi. Trong phần trả lời nói: “Hoa Nghiêm mỗi mỗi nơi tập chúng”, là xứ hội đầy đủ như dẫn ở Thích Thiêm, mỗi một hội xứ đều trước là Tựa, tiếp theo là Chánh. Do trú xứ trang nghiêm nghĩa

sẽ nơi Tựa. Nói tập chúng: Như Phẩm Diệu Nghiêm phẩm Danh Hiệu, phẩm Quang Minh Giác và mỗi một hội, đều trước tiên phải tập chúng. Ý nêu rõ một kinh đầy đủ nhiều biệt tựa. “A-hàm mỗi mỗi thiên như vậy”, đây là nêu rõ một kinh nhiều thông tựa. Bốn kinh A-hàm kia đều hợp với nhiều ít kinh lấy làm một bộ. Mỗi một kinh nhỏ không ra ngoài một tờ giấy nửa tờ giấy, chỉ Trường A-hàm Du Hành kinh văn riêng có hai quyển, lại có Đại bản kinh tự làm một quyển. Mỗi một đầu kinh đều có năm nghĩa, đã dùng A-hàm mà làm thông hiệu, cho nên dùng kinh nhỏ trong một bộ làm thiên. “Đại Phẩm trước sau phó chúc”, là nêu trong một kinh có nhiều lưu thông, cho nên trong quyển hai có phẩm Lũy giáo làm phó chúc trước. Thứ hai mươi bảy có phẩm Chúc Lụy làm phó chúc sau, căn cứ ba kinh hai tựa kia đâu có gì ngăn ngại.

“Nói năm nghĩa của không an” là giải thích phục nạn, nạn rằng: “Nếu vậy thì sao không đồng với A-hàm kia, nay bản tích cũng an như vậy... ư!” Giải thích ý: Tuy trình bày kinh này Bản môn chẳng phải ở đầu, nhưng cần phải giải thích A-hàm phòng ngại. A-hàm nhiều thông tựa, Bản môn cũng như vậy; nhưng A-hàm bao gồm nhiều kinh khác cho nên không phải tiếp phần đầu cũng được an năm việc. Kinh này đồng một kinh cho nên chỉ biệt mà không thông, vì vậy chỉ lấy Hoa Nghiêm để so sánh. Bởi vì A-hàm duyên khởi đều riêng, duyên khởi của kinh này không khác, nên Bản môn không an năm nghĩa. “Tích môn chỉ riêng lưu thông”, là dùng Tích vọng Bản, dùng Bản để ước lệ Tích. Bản môn chẳng phải ở đầu, nên chỉ an biệt tựa. Tích môn chẳng phải sau, nên chỉ riêng lưu thông, nên chỉ có khuyến trì, mà không có chúc lụy. Cho nên từ phẩm Pháp Sư đến phẩm An Lạc Hạnh gồm có năm phẩm nêu rõ hoằng kinh phước sâu để khuyên lưu thông. Nếu trong Bản môn trước dùng năm phẩm sau khi Phật diệt độ xuống ba phẩm rưỡi làm khuyến trì lưu thông thì từ phẩm Thần Lực... xuống gồm có tám phẩm nêu rõ chúc lụy lưu thông, vì sau Tích môn kinh đã chưa xong, chẳng phải lưu thông, tiếp chưa cần phó chúc. “Nói như vậy”, là như sau hiểu rõ văn. “Nói giải thích”: là chỉ nay với cách phổ thông hiểu kinh còn khác các kiến giải, huống chi bộ Pháp Hoa lại khác các kinh, cho nên mỗi mỗi câu bốn ý giải thích cho rõ. Vẫn sợ người đời sau không hiểu thấu bốn ý, nên dự định làm bốn điều quan trọng để giải thích cho rõ bốn ý. “Nói đắc ý”, là đến khi giải thích văn, hoặc bốn ý không đủ, chỉ còn một, hai ngoài ra so sánh biết. Tiếp giải thích nguyên do bốn ý: Ý hỏi thứ nhất: Nếu lược chỉ là một, rộng thì vô lượng, đã chẳng phải rộng lược thì hai đường không thành. “Phỉ” là không phải. Vì sao chỉ làm

bốn giải thích này ư? Đáp: Trong một văn đầy đủ có hai ý: l. Tổng nêu nguyên do bốn nghĩa. 2. Nêu trong bốn nghĩa mỗi một đều có nguyên do. Hai nghĩa đều được lấy làm chỗ giữa. l. Chỉ bốn không nhiều không ít. 2. Nhân duyên... nêu rõ mỗi mỗi không sai không lầm. Một tuy ở giữa vẫn cần đến bốn. Bốn nhiếp nghĩa đầy đủ, nên không cần quá. Cho dù hơn đây mà đều nhiếp nơi bốn nghĩa, cho nên bốn và một đều gọi là ở giữa. Như thập diệu... thì trong mỗi một diệu cũng đầy đủ bốn ý. Mười cũng nhập bốn, cũng gọi là ở giữa. Nay chỉ cần bốn thứ này, cho nên được gọi là giữa, cho nên ý đầu nói: “Rộng thì...” Nếu không có ý thứ nhất thì vẫn không khác ngoại chấp, huống chi nhân duyên nói thông, thông nơi “một hóa”. Bắt đầu từ địa ngục, cuối cùng đến Phật giới, trung gian đốn tiệm hoặc giáo hoặc vị, cho nên phải biết việc lớn tứ Tất-đàn chẳng ngoài cảm ứng, khai hiển tứ Tất-đàn Nhất đạo không ngoài. Từ lâu xa các kinh không có tứ Tất-đàn, quán tâm, tứ Tất-đàn, nhất quán biến thâu bốn thứ: nhân lý... chuẩn theo lời nói có thể thấy. Dùng tứ Tất-đàn đây thông từ đầu đến cuối. Căn cứ ba thứ: Giáo... cũng cần thuật khắp. Ý thì có thể biết, nếu không có ý tiếp thì không biện rõ Thiên Tiểu giáo, cho nên dùng tứ giáo hay bát giáo phân chọn khai bỏ... đối với bộ giáo xưa, nay mới chân thật, tất cả giáo lý năng thuyên lại không có khác danh xưng. Cho nên phải nêu rõ điều đó để làm sáng tỏ Diệu Kinh. Không có ý thứ ba thì ai biết tìm ra? Trong một kỳ giáo đã luận đàm thân cõi, trung gian ngày nay không gì không là Tích thiết lập. Chỉ đức Đại Thông kia cũng như tin từ trước, trước đã mật dạy lại mê thân Tích, đến phương này sự cố chấp vẫn còn mê muội. Nếu không có ý thứ tư, thì làm sao để biện rõ công giáo năng thuyên, làm sao cho là từ lâu thành hạnh bản? Cho nên mỗi một câu nhập tâm thành quán. Cho nên nói: “Quán cùng kinh hợp, thì không phải đếm của báu của người khác”. Mới biết một bộ Chỉ Quán là chuyên đề của Pháp Hoa Tam-muội. Nếu hiểu được ý này thì mới hội nhập yếu chỉ của kinh. Tổng bốn nghĩa đây thì mới có thể lược hiển bày yếu chỉ quy tụ của một bộ, cho nên nói lược thì ý không cùng khắp. Nên biết hai ba còn lược, thì một đâu có thể bằng, ở giữa đến bốn khiến nghĩa dễ hiểu, cho nên mỗi một câu được bốn nghĩa này thì khiến mỗi một câu đều khác các giáo, thì nghĩa Pháp Hoa thật là không khó cho nên nói dễ hiểu.

“Tiếp nhân duyên...”, nêu mỗi mỗi biệt giải thích, trong đó ban đầu là nhân duyên. Tiếp, “Nếu mười phương...”, là ước về giáo. Tiếp, “Nếu ứng cơ...” là bản tích. Tiếp “Nếu suy tìm...” là quán tâm. Ban đầu nhân duyên: Đầu văn chánh giải thích, ban đầu từ “Như thị...” cuối đến

"mà lui", thì không gì không là chân thật cảm ứng đạo giao, cho nên biết kinh này cảm ứng vi diệu. Pháp Hoa về trước Tiểu thừa và độn căn nhất hướng không có cơ duyên. Lý đúng mà mê, nên nói "tuy gần". Căn cơ sinh mà chưa khế hợp, nên nói "không thấy". Từ phô bày từ đầu đến cuối gọi là "thiện căn lực". Sự lý không đồng, gọi là "xa". Không mưu mà hội, gọi là "tự thông". Cho nên trước lúc ấy cảm ứng diệu đạo chưa giao kết, các bộ có khác có đồng, giáo chủ có hơn có kém, lợi vật tiệm đốn thi thiết không đồng, nhất nhất thảy đều là ý cảm ứng. Tuy chung gọi là "cảm ứng", mà hiển lợi ích chưa cùng khắp, tuy chung gọi là Tứ Tất-đàn mà sâu cạn có sai biệt, hoặc bao gồm hoặc riêng dư thiếu không quen, đến Pháp Hoa mới thành một vị.

Nói "không có căn cơ": Xét lại vì xưa không có mà giải thích nay có. Từ "Từ thiện căn" trở xuống, là chánh nêu nay cảm cho nên có, nay ứng nêu xa mà thông suốt thời không sai khác, lòng từ vô duyên biến khắp đâu lựa chọn xa gần. Chỉ không có cơ duyên thì gọi là "xa", có cảm ắt thông. Chư Phật không có đến, chúng sinh không có qua, chỉ cơ ứng tương xứng, gọi là "đạo giao". "Từ thiện căn lực": là tương thông sự biệt, sự kia lược như Chỉ Quán quyển thứ sáu ký dẫn, Đại kinh quyển mười bốn phẩm Phạm Hạnh nói: chư Phật thần biến đều lấy Từ làm gốc, cho nên tất cả pháp lập đều do từ. Cho nên kinh nói: Nếu có người hỏi cái gì là căn bản của tất cả pháp, thì nên nói là Từ". Vì thế, dùng cảm ứng nhiếp tất cả pháp.

Tiếp: "Phàm chúng sinh..." trở xuống, là nghi vấn ý: Đã nói bốn nghĩa rồi nói ở giữa, chỉ một nghĩa nhân duyên mà cơ duyên rất nhiều (chúng), ứng với chúng nghĩa kia lại rộng sao gọi là ở giữa? Nghĩa tợ như vượt quá bốn, nên gọi là lại (cánh). Nói chúng: tức năm thừa chín giới... Tiếp: "Đại Kinh..." trở xuống, là đáp ý, bốn còn ở giữa thì một rộng đâu có sai, cho nên trong nghĩa rộng của Sự cũng gọi là ở giữa. Cho nên dẫn Đại Kinh nói môn tuy vô lượng thần thông nhiếp hết, mà thần thông là tên khác của ứng, đối cảm tức gọi là cảm ứng. Nhưng danh nghĩa thần thông bao gồm Đại Tiểu, nói cảm ứng chỉ hạn cuộc nơi Đại. Trong Đại thông ở Địa, Trụ trở lên. Nay đây chính đang là dụng của cực quả, cho nên một danh xưng thần thông thâu nhiếp tất cả, mà còn được gọi là lược, nghĩa chẳng rộng lược đâu không ở giữa ư! Năng ứng đã vậy, sở ứng chuẩn theo đây, cho nên dù ứng tuy chúng mà không quá nơi Từ, cầu thoát tuy nhiều đâu ngoài nơi cảm, cho nên hai chữ "cảm ứng" ở giữa là rõ ràng vậy.

Tiếp: "Nếu mười phương..." là căn cứ trong giáo trước nêu rộng

thoát ngăn ngại, Tiếp: “Nay luận...” giải thích ra ngoài “ở giữa”. Đầu tiên thoát khỏi ngăn ngại, tức hai tên “Cảm, Ứng” mặc dù là việc ở giữa mà luận chung là Hóa sự, mười phương, sáu trần giáo pháp càng rộng, vậy thì căn cứ giáo “ở giữa” không thành.

Tiếp giải thích: Nay luận về cõi Sa-bà chỉ thọ lãnh Thanh giáo (dùng âm thanh để giáo hóa), tuy có hiển mật hoặc khai hoặc phế mà đối với các cõi kia cũng gọi là “ở giữa”, vậy thì khiến Thanh giáo trước cảm ứng “ở giữa” lại rõ ràng thì cam lộ môn khai tức chính nêu lợi ích của tiếng. Cho nên, thật tướng là cam lồ, các giáo gọi đó là môn, môn không khai mở lý chẳng thông tắc. Cõi đây thích hợp chẳng mượn các trần, do thông lý nên gọi là môn khai. Nói “y giáo”: lẽ ra gọi là thanh giáo, chỉ là nói lược. Tuy có diệt hậu sắc kinh cho đến danh cú hành uẩn sở nhiếp. Trong kinh Tịnh Danh dùng cơm thơm và pháp hành tư duy mà ngộ... đều dùng tiếng từ kim khẩu dạy bảo làm gốc, không ít không nhiều, nên gọi là minh (rõ).

Căn cứ Bản tích: trước nêu rộng biện minh sự ngăn ngại, tiếp từ “thuận phải an trí chỉ” trở xuống, là giải thích thoát khỏi “ở giữa”. Tiếp, “Cho nên Triệu” trở xuống, là dẫn Triệu chứng thành. Đầu văn: Ứng cơ nêu nhân duyên trước, thiết lập giáo nêu trước ước về giáo. Cơ nhiều giáo khác, Tích kia ắt rộng, nên biết Bản tích không gọi là ở giữa. Nếu căn cứ môn khai mà nói, thì chỉ viên ở giữa đã như trước nói, nay đem Bản hướng về Tích là trung gian ngày nay. Thanh giáo cảm ứng khai rồi lại thí, phế xong lại thiết lập, cho nên nói Quyền thật. Một đời còn rộng, huống chi thật thành về sau, ở chặng giữa thi hành giáo hóa đối cơ sai biệt. Nói “cạn sâu”: Quyền thật về lý thì nhất định là nghĩa thông sâu cạn, cho nên nói lập lại. Tiếp nêu “ở giữa”: trước dùng thanh giáo hướng đến cảm ứng, cho nên đem Sa-bà mà đối mười phương thì thanh giáo Sa-bà, nghĩa ở giữa đủ. Nay muốn luận một là Bản cho nên lại đối nhiều là Tích, tích nhiều tuy rộng, như ngón tay chỉ cho thấy một mặt trăng thì các bóng tự trở về, đâu có thể dùng năng chỉ (là bốn ngón tay) là có bốn, để khiến sở chỉ (một mặt trăng) chẳng phải một, cho nên an trí Tích xét tìm Bản thì ở giữa thật rõ ràng.

Tiếp, “dẫn lời Triệu sư”: chỉ mượn lời kia không dùng sự kia. Ngài Triệu dùng chín Triệt dung thông. Chín Triệt chưa thích hợp dẫn thì như thế nào? Cho nên “Bản tích vô sinh Triệt” nói: Đa Bảo chẳng diệt, Thích-ca chẳng sinh, Đa Bảo là Bản Thích-ca là Tích, Bản không diệt, Tích cũng chẳng sinh, bất sinh bất diệt, bản Tích tuy sai khác mà là bất tư nghì Nhất, đâu được dùng Đa Bảo làm bản, thùy tích ở Thích-ca?

Nếu mượn kia hiển nay, lấy lâu làm Bản, hướng về nay là Tích, thì Bản Tích tuy sai khác mà bất tư nghì đều là một.

Tiếp nêu “Quán tâm”: Cũng trước nêu rộng phân biệt lỗi. Tiếp, từ “Chỉ quán...” trở xuống, là chánh nêu ở giữa. Đầu tiên nói tìm Tích v.v... là nói ba ý trước. Có hiểu mà không hành thì đâu có lợi ích tự tha. Tích biến khắp mười phương, cho nên gọi là “rộng”. Bản chỉ cái đầu tiên, cho nên gọi là “cao”. Luống xét tìm quả của người khác là cao rộng, thì có ích gì cho sự sâu rộng của nhân tu của mình. Nếu dùng Tín hành làm thừa và biết thường trú thọ mạng lâu dài, thì xét tìm cao rộng của người khác có gì mà không thể ư! Chỉ thiết lập giáo là để hiển Bản, bản khiến khế hợp với Ly, cho nên không khế hợp lý thì gọi là “đếm báu của người khác”. Kệ trong kinh Hoa Nghiêm đầy đủ như Chỉ Quán Ký và Thích Tiêm. Chỉ quán tâm cho nên thấu đạt tâm mình cao sâu, thấy được Bản của mình. Dùng Lý thâu nhiếp cho nên thấu đạt tâm mình bao quát rộng lớn, thấy được Tích của mình. Nhất niệm tâm khởi thì thấu triệt nguồn gốc thật tướng, cho nên gọi là “cao”, đầy đủ các pháp nên gọi là “rộng”. Lại, tức quyền mà thật cho nên gọi là “cao”, tức thật mà quyền cho nên gọi là “rộng”. Nếu không phải là quán này thì chỉ cảm ba ứng trước. Từ “thì giáo...” trở xuống, là cần khai quả, Quyền thì nên bỏ, cho nên giáo bị hội gọi là “hữu cùng”, quyền quán nên cải đổi, căn cơ chẳng diệu cảm, cho nên cơ thành thân cận, mới có thể cảm, quán thành nhập vị thì lợi mình chẳng phải người. Vì vậy cho nên quán tâm đầy đủ ba ý trên, huống chi nhập vị có Bản thùy Tích thiết lập giáo? Ba nghĩa đầy đủ, đâu được không dùng? Cho nên, quán tâm ở giữa. Tuy là bốn ý mà lần lượt tương sinh, lấy trước trước làm “rộng”, sau sau làm “giữa”, chỉ còn đương phần đều gọi là “giữa”. Cho nên bốn ý này theo sự mà có tên khác, ứng với sau sau chuyển nhập trước trước, luận chung quán ấy không vượt qua cảm ứng. “Chỉ ban đầu gọi là cảm ứng”, nghĩa là: bỏ thông theo biệt, do không có ba thứ dưới, thô diệu chẳng phân biệt, cho nên tứ Tất-đàn sâu cạn chưa phân rõ, nên được Thanh giáo mới biện rõ cảm ứng quyền thật không đồng, là công hội qui viên cực giáo. Tuy biết viên cực đều ở kinh này, mà còn che lấp lâu thành mê bản kia. Nếu rũ Tích ứng đều do Bản hiện, trong khai Tích cảm ứng, tức Bản địa cảm ứng, bản tích chỉ là nhất diệu cao rộng. Tuy biết cao rộng mà cơ thành do quán, quán thành có cảm chân thật cảm ứng. Cho nên biết cảm ứng thông suốt ba thứ dưới, huống lại nhất nhất lần lượt thu nhiếp nhau, về lý tuy tương nhiếp mà sự ắt phân biệt.

Ba dẫn chứng: “Thứ nhất” là dẫn chứng cảm ứng. Từ “Lại nói”

trở xuống là dẫn chứng giáo tướng. Từ “Thọ lượng” trở xuống, là chứng Bản tích. Từ “Thí dụ...” trở xuống, là chứng quán tâm. Văn thứ nhất dẫn chứng cái thứ nhất. Từ “Nếu nhân thiên...” trở xuống, là giải thích. Thứ nhất nói nhân duyên tức tên khác của cảm ứng, tên khác mà nghĩa đồng, cho nên gọi là chứng. Chỉ nhân duyên danh thông, không hạn cuộc năng sở, cho nên sách Chỉ Quán quyển thứ nhất nói: “Hoặc là nhân ở thánh, duyên ở phàm, hoặc là nhân ở phàm, duyên ở Thánh”. Dù không có mạnh yếu cũng có thể đắp đổi. Vì sao? Vì theo cơ thì cơ thân mà ứng sơ, theo ứng thì ứng thân mà cơ sơ, cho nên khiến đắp đổi qua lại, thọ danh không đồng, chỉ gọi là cảm ứng thì không thể đắp đổi lập. Đại sư nhân duyên tuy ở Tích môn, nhưng căn cứ lý thì nên chỉ cả hai Bản tích. Chỉ vì Phật xuất thế chính là để hiển thật, cho nên lại theo Tích. “Lại nữa, nhường” trở xuống, là vì là Bản tích. Trong giải thích thì trước là nêu “phi” (không phải), tiếp từ “thật tướng” trở xuống, là hiển “thị” (phải). Trong phần đầu nêu “phi”, cho nên không phân biệt Bồ tát tam giáo mà chỉ bài bác nhân thiên Tiểu thừa, đầy đủ thì như Huyền văn. “Tùy theo nạn vấn tùy cốt yếu” trở xuống, là theo lệ như vậy. Nói “không thành cơ cảm”: là bởi chẳng phải kinh này rộng nêu thật tướng nhân duyên. Tiếp, trong phần nêu “thị”: Vì dùng thật tướng nhất Đại đối phân biệt Tiểu lý, nghĩa kia tức đủ cho nên không rỗi để khai và kiêm, mà ược bớt đi. Đã được nói Đại thì cũng nên nói thâm sâu. Nói “Phật chỉ đây là sự”, lý thì không gọi là sự, nhưng Phật muốn dùng lý này để giáo hóa người, cho nên gọi là “sự”. Năng hóa sở hóa nên gọi là nhân duyên. Tiếp, dẫn chứng trong giáo: thứ nhất là chánh dẫn; thứ hai, từ “Nên biết...” trở xuống, là kết ý giáo, thứ ba, “đại kinh” trở xuống, là lập lại dẫn.

Thứ nhất, chánh dẫn: Nói “chủng chủng”, nghĩa là bao gồm một đời, nếu ở bộ khác thì ý chưa hẳn vậy. “Phật đạo”: là riêng chỉ giáo hiện nay, cho nên từ đây về trước ý qui về nơi đây. Tiếp, kết ý: “Vi” là các giáo sơ tâm nhân thiên tiểu thiện. “Trước” là các giáo quả đức. Quyền Thật Vi Trước đều là độc hiển, cho nên nói thuyên đề (cái nơm, bẫy để bắt cá bắt thỏ). Nói “chủng chủng” và dùng “Vi trước” ắt phải dùng tám giáo mới hiển bốn vị làm đề hồ thuyên đề, cho nên thuyên đề đều thí dụ cho năng thông. Quyền giáo quyền bộ đều vì một thật (ví như cá, thỏ) mà thiết lập, hoặc tác đề (bẫy). Thiên Trương Hiệt nói: “Được thỏ là đã đủ”. Trang Tử nói: “Được thỏ quên bẫy”. Dùng chữ “Đề” (bộ túc, nghĩa là chân loài vật, cũng có nghĩa là bẫy để bắt thỏ) như ở đây, là hiện thời theo thế tục mà nói. Sách Thuyết Văn nói chữ “Đề”

(bộ võng, là lưới để bắt thỏ). Nếu nói đề là túc (chân), thì năng thuyên không thành. Nếu nói đề là tích, thì nghĩa kia cũng lạ; tìm tích được thỏ, nghĩa há như vậy ư? Nay phải theo nghĩa dùng Đề (bộ võng) là chính. Tiếp, "dẫn Đại kinh": dẫn Đại kinh kia để mà lần nữa làm chứng cho bộ này, tức là dùng Nhất thật làm Đệ nhất nghĩa. "Thô, nhuyễn" lại chỉ bốn vị quyền thật. Dẫn chứng Bản tích, trong đó chia làm ba: Thứ nhất căn cứ Sư, thứ hai căn cứ đệ tử, thứ ba, kết.

Phần thứ nhất văn lại có hai: Một, là chánh dẫn văn Bản. Hai, từ "Phương tiện..." trở xuống, dẫn văn Tích. Trong văn Tích đây mật bày bản ý. Nếu hiển lộ mà nói thì tức Bản tích trong Tích. Văn dưới hiển rồi thông thì được dụng dẫn. "Đệ tử" cũng là nêu tư cách mật hiển nơi thầy, đệ tử còn chẳng thật, nghiệm một chút thì biết Sư không phải cận thành. Hàng lợi căn dù đã biết, cũng phải đợi Di-lặc mở miệng nói, thấy bản quyến thuộc, nghe thuyết mới không nghi. Nói "v.v...", là rộng nêu ở văn dưới gồm bài xích các sư xưa nay, còn không biết bản tích nhân quả của Thầy, đặc biệt xuất ra các giáo, huống chi đệ tử ư? Lại bản của đệ tử các kinh đều có, như Văn-thù, Quan Âm... Bản lâu xa của sư thì xuất tự kinh này. Chứng trong phần "Quán tâm", trước là dẫn. Tiếp từ "Nên biết..." trở xuống là kết ý. Phần đầu, dẫn: Sự luận, chỉ là tin Thân-tử nói, nghĩa sẽ thấy Phật. "Điều ông nói" ắt nghe từ Phật, người năng nghe ắt là Thanh văn Bồ-tát, cho nên "nghe ông nói tức là thấy Phật". Tiếp, kết ý: Sở văn là pháp, nơi tâm năng quán tức gọi là Phật, nghĩa sẽ thấy Phật, tâm sở tức là đệ tử.... Tức nơi tâm mình biết Tam bảo nhất thể, lý kia rõ ràng đầy đủ. "Đầy đủ như nghe nói..." trở xuống, như văn. "Chú v.v..." là sắp hướng đến nghĩa quán. Đối với văn "đã nghe nói" trở xuống, chỉ tại nhất niệm. Lại, nếu đầy đủ nên căn cứ nhân duyên, căn cứ giáo Bản tích. Để nêu rõ quán tâm, thì có tam quán đối cảnh nhân duyên. Các giáo lý quán Bản cảnh Tam bảo, quán Tích, và thí khai... tư duy có thể thấy.

"Chỉ bày tướng": Chỉ căn cứ kinh này chỉ bày bốn thứ tướng, tuy đầu tự như vậy cuối cùng mà thoái lui, đều dùng bốn ý, chỉ thế văn khởi tận dụng và không đồng. Như giải thích thông tựa thì mỗi một câu cần có bốn, thông suốt chánh tông đến lưu thông. Nếu giải thích chánh tông thì Bản tích đều có ba, nghĩa thông suốt bốn thứ. Nếu giải thích lưu thông thì lại phải đầy đủ bốn, chung thu nhiếp chánh tông. Lại, trong chánh tông tích môn đã thiếu Bản tích lâu xa, do đó nhờ dùng thể dụng bản tích thì bốn tên không thiếu. Lại, trong tựa căn cứ giáo phải quán thế văn, hoặc phải dùng "Năm thời phân biệt" thì giáo ở trong

đó, hoặc nếu phải dùng các giáo để phân biệt thì đem Thời để phán xét. Trong chánh căn cứ giáo thì nhất hướng nêu rõ khai, trong Bản căn cứ giáo thì không theo giáo để phê phán mà chỉ chỉ điểm Bản xa, diệu xa tự bày rõ. Nếu hiểu được văn này thì một bộ kinh tâm như xem chỉ trong lòng bàn tay. Bốn ý giải thích đã hiểu, không nhọc tư duy lại. Cho nên nay nương vào ba đoạn văn lớn chung chỉ bày tướng kia. Đã hiểu chung rồi lại đem ý đây uyển chuyển thì đều riêng hiểu rõ. Đầu trong nhân duyên chưa nêu rõ phẩm, lại chỉ ba đoạn tức "chủng-thục-thoát". Nhưng ba thứ chủng v.v... cũng phải căn cứ nơi ba pháp tựa v.v... để biện rõ nhân duyên. Nếu chỉ có các tựa, thì chưa có thềm bực nhân quả quá khứ vị lai. Nếu chỉ có các chủng, thì nghe không biết từ đâu. Dùng ba thứ chủng ở nơi ba thứ tựa thì từ đó được lợi ích không đồng. Lại như Thông tựa trong tựa sau khi Phật diệt độ, Biệt tựa thông quá khứ hiện tại. Nếu Phật tại thế thì biệt tựa trong năm thời mỗi một tiết lợi ích có sai khác, như nói kinh Vô Lượng Nghĩa thì mật đắc ba thứ lợi ích chủng v.v... không đồng. Cho nên, thấy định thấy ánh sáng, giác động, được hoa, cho đến vấn đáp cũng có ba lợi ích chủng v.v... có thể biết. Trong Chánh tông các phẩm Bản Tích không đồng, cho nên Thông tựa Biệt tựa đến sau Phật diệt độ được người lưu thông kinh khuyên trì tụng nói, cũng có các chủng... huống chi là Chánh tông ư? Cho nên nương ba cặp nầy mới hiểu nhân duyên.

Thứ nhất, căn cứ các chủng... phải nương giáo tướng mới phân rõ có không, cho nên các giáo nhân duyên ngắn dài không đồng. Như người tu theo Tam tạng giáo trải qua ba A-tăng-kỳ, trăm kiếp, chỉ nói tự tu lục độ nuôi công đức thân, tướng hảo trang nghiêm cùng Phật kết duyên làm "chủng thục thoát". Thông giáo sơ tâm tự hành, gần thì từ thất địa lưu hoặc nhuận sinh, cùng vật kết duyên nói "sơ hạ chủng". Hai giáo nhập diệt không có vị lai hóa, chỉ khi thành Phật mà thục thoát. Giáo quyền lý quyền, thì không phải là ý kinh này. Biệt giáo sơ địa còn có thể đầy đủ, huống chi quả mãn. Biệt giáo tuy đủ giáo mà cuối cùng là quyền, huống lại năng có bản nhân viễn chủng. Kinh này hai môn bản tích thi hóa đều khác với các kinh khác. Văn đây bốn tiết vốn có nguyên do, cho nên trong bốn tiết chỉ hai tiết đầu gọi là bản quyến thuộc. Tiết thứ nhất tuy thoát hiện tại mà đầy đủ vượt lên bản chủng cho nên gọi là bản quyến thuộc. "Nay không gọi là bản" bởi vì đồng tại nay mới thoát. "Bản chủng, cận thoát", là do Di-lặc không hiểu phát sinh nghi, cho nên mới được gọi một cách thiên lệch là bản. Nhưng người hiện thoát, nếu chưa đắc Phật trí thì vẫn chưa biết chủng. Nay nêu ra ý

kia đó thôi! Trong đó chia làm hai phần: Đầu, nêu ba thứ chủng, tiếp, nêu ba thứ tựa. Phần đầu văn có bốn: 1. Chánh nêu nhân duyên. 2. Tiếp, từ “Tuy chưa” trở xuống, là giải thích nghi. 3. Từ “Trong đó...” là căn cứ ba đời chín đời để giải thích nhân duyên. 4. Từ “Vì sao vậy” trở xuống, là dẫn chứng nhân duyên ba đời, chín đời.

Phần đầu: tức bốn tiết chỉ bày tướng. Tiết đầu, là bản nhân, quả chủng, quả về sau mới chín (thục) Vương Thành mới thoát được. Tiết hai, từ “Lại nữa...” trở xuống, là bản nhân quả chủng, quả về sau cận thuần thục thích hợp đời quá khứ thoát. Chỉ đất vọt hiện lên nói bổn quyến thuộc chính là bản chủng cận đời mới thoát. Di-lặc đã không biết chẳng phải rất gần (cận). Tiết thứ ba, trung gian chủng, xưa giáo thục, ngày nay thoát. Tiết thứ tư, từ “Lại nữa” trở xuống, là ngày nay chủng, vị lai thục, vị lai thoát. Bốn tiết này lại chọn đại khái. Bản nhân bản quả đều đến trung gian cận thế ngày nay. Dọc sâu ngang rộng đâu chỉ có bốn tiết, cho đến vị lai vĩnh viễn không dứt. Nếu không như vậy, thì hiện quả không nhân, hiện nhân không quả, mà còn đồng với đốt nhục thân thành tro, dứt bặt tâm trí (khôi đoạn), biến thành không có bắt đầu không có kết thúc. Cho nên biết tiết tiết trùng trùng không cùng cực. Như thế cuối cùng dùng Phật thừa tam đoạn làm căn bản, dùng nhân thiên tam giáo trợ giúp hiển bày.

Phần hai: từ “Tuy chưa...” trở xuống, là giải thích nghi. Nay nêu nhân duyên căn cứ văn thứ lớp, lại hợp tại Tích. Xét căn cứ bản địa trung gian chính là bao gồm Bản tích chỉ bày tướng một bộ, lấy ý văn sau, lấy ý nghi thức hóa độ.

Phần ba: căn cứ ba đời chín đời, đầy đủ thì như trong Chỉ Quán quyển một ghi dẫn các kinh Hoa Nghiêm, Anh Lạc. Cho nên biết tận đời vị lai ba đời chín đời “chủng thục thoát” ba thứ: Vậy thì niệm niệm tam mật, niệm niệm ba đời chín đời, niệm niệm ba đoạn, niệm niệm thuận nghịch, niệm niệm thân độ, mỗi mỗi không đồng, mỗi mỗi nhập thật.

Phần bốn: dẫn văn Bản làm chứng, chứng ba đời. Nếu có ba đời thì có chín đời. Chín chỉ là ba, cho nên thông chứng đại thể ba đời. Niệm niệm ba đời, căn cứ theo lệ có thể biết. Thần thông thuộc quá khứ, thông nghĩa kỳ thật thông ba đời, đối hai thứ còn lại biệt. “Sư tử” là hiện tại, “oai mãnh” là vị lai. Vì khiến cho biết đức Phật hóa duyên xa cho nên lại dẫn văn Bản. Nêu xa nhiếp gần để chứng minh bốn tiết.

Phần nêu ba thứ chủng xong.

Bây giờ là phần nêu ba thứ tựa. Từ “Do như vậy...” trở xuống, là

căn cứ ba thứ tựa. Đầu văn trước là Thông tựa chỉ hai tựa cho nên nói tựa phần, thông không thể nêu. Từ "Chúng thấy..." trở xuống là biệt, chỉ biệt tựa làm nguyên do sinh phần Chánh tông, cho nên nói: "chúng thấy hy hữu". "Ngung ngung" là có vẽ ngưỡng mộ.

Từ "Căn cơ Phật thừa..." trở xuống, là Chánh tông. Từ "Chẳng những..." trở xuống, chính là nêu Chánh tông làm căn bản cho lưu thông. Ba đoạn kia đã đều sinh các chủng..., thì biết câu câu chữ chữ hội hội vị vị, thế thế niệm niệm thường vì chúng sinh mà tác nhất Phật thừa chủng thục thoát. Văn đây lại từ bộ này phân biệt sâu rộng. Như nay khi đức Thích-ca nói kinh này thông năm, biệt năm đều là nhân duyên, tức nhân duyên chứng tín, nhân duyên phát khởi. Lại, thông năm nhân duyên hòa hợp, biệt năm nhân duyên theo thứ lớp, cho nên từ Tựa đến Chánh đều được thoát, cho nên nói "khai thị ngộ nhập". Ngoại trừ các thứ đây ra, thì đều là chủng thục. Người chưa thoát thì lợi ích ở lưu thông, cho nên nói "xa thấm diệu đạo", đều là cảm ứng của kinh này.

Nói "Năm trăm năm về sau": Nếu căn cứ luận Tỳ-ni Mẫu, đặc biệt nêu năm trăm năm nói rằng: trăm năm thứ nhất là Giải thoát kiên cố, trăm năm thứ hai là Thiền định kiên cố, trăm năm thứ ba là Trì giới kiên cố, trăm năm thứ tư là Đa văn kiên cố, trăm năm thứ năm là Bố thí kiên cố. Nói năm trăm năm về sau là trăm sau cùng vậy. Có người nói: "Căn cứ trong kinh Đại Tập có năm thứ Năm trăm: Thứ nhất cho đến thứ tư, thì đồng như trước, chỉ có thứ năm gọi là Năm trăm năm đấu tranh kiên cố". Nói "Năm trăm năm về sau": là năm trăm năm sau cùng. Hoặc riêng luận Năm trăm còn tại chánh pháp. Tuy rút trong văn luận, lý kia dần dần che lấp, nhưng năm trăm năm thứ năm lại từ nhất vãng (một phen): Đầu thời mạt pháp, chúng sinh lợi độn không thể không có, lại căn cứ thời gian mà Đại giáo có thể lưu hành, cho nên nói Năm trăm năm. Cho nên ba thứ tựa v.v... không đâu không cảm ứng.

Chỉ bày giáo tướng: Tướng giáo gia, nên gọi là giáo tướng. Năm vị phân biệt là hiển đề-hồ, luận chung thì lời thánh vì chúng sinh... đều gọi là giáo. Nay giáo đặc biệt có công hiển thật, cho nên gọi là tướng. Lại riêng căn cứ ba đoạn chỉ bày tướng đề-hồ, cho nên gọi là tướng, cho nên ba đoạn đều lựa chọn thiên về tiểu, đây lại thông làm một thứ ba đoạn, khiêm nhượng bản tích nên nói chưa phân hai thứ ba đoạn.

Hỏi: Nếu vậy thì cùng hướng nhân duyên ba đoạn có gì sai biệt?

Đáp: Trước trực tiếp nương ba thời đối người cảm ứng để nêu các chủng... Nay thuận theo biện minh các dụng pháp sâu cạn đã thuyết, cho nên lược căn cứ bốn giáo để phân biệt ba đoạn. Nói tóm lại, vẫn là

nhân duyên diệu ba đoạn đó thôi! Huống chi Quán tâm Bản tích đều thuộc nhân duyên, thuận theo phân chọn giáo tướng đầy đủ như Huyền văn. Trước, căn cứ tướng đối đãi để phân biệt thô; tiếp, căn cứ dứt đối đãi để biện rõ diệu.

Hỏi: Thông tựa năm nghĩa, biệt tựa hoa địa, những thứ này là Sự, đâu được ba đoạn đều gọi là chỉ bày giáo?

Đáp: Luận chung thì đều là chánh thuyết tướng trước, luận riêng thì chỉ vấn đáp là giáo. Lại từ thuyết chung, không gì không tiêu biểu giáo. Cho nên văn phân biệt nói: chẳng phải vì nhân thiên làm tựa... Nhị thừa tam tạng, tức Không, là Thông, riêng Bồ-tát là Biệt.

Chánh trực... là khai quyền giáo. Chánh và lưu thông căn cứ đây có thể biết thấy. "Huỳnh quang" (ánh sáng đom đóm): kinh Đại Phẩm nói: "Bồ-tát hành Bát-nhã một ngày, như mặt trời chiếu thế gian hơn ánh sáng lửa đom đóm". Đây là chê Tam tạng, cho nên dùng đèn đuốc để thí dụ Thông giáo. Đèn như Nhị thừa, đuốc như Bồ-tát, tuy đồng Bát-nhã mà có sáng tối. Đạo chủng trí là Biệt. "Như trăng sao": Địa tiền như "sao", đăng Địa như "trăng", bởi vì "sao" tuy có ánh sáng mà không chiếu xa được bằng "trăng" khiến xa thấy. Phàm trí tuy chiếu mà không sáng tỏ bằng Thánh trí, tâm Thánh sâu xa hơn. Mặt trăng không bằng mặt trời, bởi vì có vẻ giáo đạo. Cũng nên làm rõ lại ba trí, ba đế, theo thứ tự, không theo thứ tự v.v... để hiển giáo tướng, nơi đây chẳng gấp. "Dương diệp (lá cây dương)": là ý của Đại Kinh phẩm Anh Nhi Hạnh nói: Văn nay lược xuất nhân thiên: nói "Anh nhi" (đứa trẻ con) là nghĩa Tiểu thừa thông các giáo, lại từ cực tiểu cho nên chỉ nhân thiên, chỉ vì kinh kia dụ từ đốn đến tiệm. Đầu tiên nói: không thể đứng dậy đến đi nói năng, là Viên Anh nhi. Chữ "Đại" là Tạng vậy. Không biết khổ lạc, là Thông. Hạ mình xuống làm các việc đại tiểu... là Biệt. Kêu khóc... là nhân thiên. Kinh đã thông dùng Tiểu thiện làm "Anh nhi", cho nên Viên nhân vị cũng gọi là Anh nhi. Kinh nói: "Bán tự, nghĩa là chín bộ. Mãn tự, nghĩa là luận Tỳ-già-la". Trung Hoa dịch là Tự Bản. Hà Tây nói: "Căn bản của văn tự thế gian, tuy là ngoại luận mà không phải tà pháp, chẳng phải do Bồ-tát làm, cho nên Thí dụ Diễn môn mười hai bộ kinh. Người xưa chỉ biết Diễn môn Nhất đại. Nay thì không như vậy, lựa chọn cùng Biệt sau chỉ dùng Viên môn mà làm Mãn. Y nghĩa, không y ngữ, chính là đây.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 1
(Phần Trung)

Tiếp, chỉ Bản tích chia làm hai phần: Trước pháp, sau dụ. Phần pháp chia làm năm:

1. Chỉ Bản nhân nhận được.
2. Từ "Chỉ có đức Phật..." trở xuống, là chỉ bản quả sở thuyết.
3. Trung gian hành hóa.
4. Ngày nay sở thuyết.
5. Vị lai sở thuyết.

Từ bản nhân thọ lãnh chẳng gì không chân thật, ba đoạn tuy đều chân thật mà Bản không thể nhiều. Cho nên, ba văn dưới đều đồng một bản nhân quả chân thật ba đoạn giáo tướng. Trong đây chính là sơ lược cái chân thật vốn có từ lâu, cho nên nói vậy. Nhưng vì bản nhân nhận được cũng là cái mà Đức Phật kia tích nói, sợ lý không cùng, cho nên chỉ tại nhân quả đức Phật nay làm bản, căn cứ lý thì chẳng phải không thọ lãnh các đức Phật khác hóa. Nhân duyên căn cứ giáo đã chỉ đức Phật nay, cho nên nêu Bản tích. Lại phế bỏ nơi khác, cho nên nêu Thọ lượng ở kinh này là Bản của Phật Thích-ca, không được lại chỉ sở thuyết của Đức Phật trước. Phật trước lại có Phật trước nữa, cho nên nói không cùng, chỉ một đức Phật thì không có lỗi này. Chiếu cố ở đây một Bản, còn lại đều là Tích.

Hỏi: Sợ rơi vào lỗi không cùng, chỉ luận đức Thích-ca, nay muốn luận về giáo lần lượt nhận được từ Chư Phật. Rốt cuộc có một đức Phật vào thời đầu tiên (tại sơ) không có giáo, không có giáo làm Bản thì có gì không cùng. Nếu chấp nhận có cùng thì rơi vào lỗi không nhân?

Đáp: Rũ tích cầu bản, bản cầu sở thuyết để thâu hoạch lợi "Thật". Dù có đầu tiên hết (tối sơ) không đồng với đầu tiên hiện tại (kim sơ), thì Hành và giải có ích lợi gì?

Hỏi: Nếu chấp nhận có tối sơ không có giáo, thì đâu cần bẩm thọ giáo Phật nay?

Đáp: Thời không có giáo thì bên trong huân tu tự ngộ, ngày có giáo thì đâu được chấp mê? Như trăm người mê mù đều không biết đường. Một người mê thông suốt trước dùng dạy các người mê khác, các người mê khác chấp ngu, không nhận lời dạy trước, thì ai có lỗi ư?

Lại nữa nghiệm đức Thích-ca một phen hóa được lợi ích khó nghĩ bàn, huống chi lại như trước lúc ấy lợi ích khó xứng biên chép? Đâu thể không bẩm thọ giáo, nhưng cuối cùng thành bàn luận vô ích! Không thể lấy đây làm cùng; đo không có ích đối với sự bẩm thọ giáo, cho nên lại ở mười phương thế giới cũng có ngửi mùi hương, giác biết xúc, thấy sáng mà được ngộ, đâu dùng thanh giáo cầu sơ kia ư?!

"Sư tử phấn tấn vị lai vĩnh vĩnh": Phấn tấn đầy đủ hai nghĩa: Tả hữu như hiện tiền trở lại, như vị lai. Sớ văn dưới nói: "Giải thích câu đây, nên đủ hai cách: tức hiện tại và vị lai". Nay theo cách sau, cho nên nói vị lai; trước theo cách trước, cho nên nói hiện tại. "Ví như đại thọ", tổng thí dụ ba tiết trước là Bản tích trong dạo chơi. Nói "v.v...", là dễ hiểu nên không hợp dụ nữa.

Tiếp, chỉ bày tướng Quán tâm: Đầu tổng, sau biệt. Trong tổng có hai lớp: 1. Căn cứ tu hành. 2. Căn cứ pháp môn. Hành là pháp sở hành, tức sở dụng. Hành thì đầu giới, tiếp định, sau tuệ. Dụng thì đầu dùng tuệ để chọn lựa, sau mới định giới. Định là gốc của giới, cho nên giới lại ở sau. Lại, Quán tâm như trong Huyền Văn nói: hoặc căn cứ hành tướng hoặc căn cứ pháp môn, hoặc theo quán cảnh, cho nên hiểu văn liệt bày ra, cũng đối ba phần nghĩa sẽ quán tâm. Tiếp, biệt ý: ba phần đều có ba: Đầu tiên, giới có ba tức là phương tiện như Tựa, "bạch tứ Yết-ma" như Chánh, kết xong như Lưu thông. Nói "tiền phương tiện": Đơn bạch về trước, đều là phương tiện. Định ba phần: Hai mươi lăm phương tiện làm Tựa, nhập quán oai nghi ngồi làm Chánh, đi đứng trải qua duyên làm Lưu thông. Cũng có thể coi tập học là Tựa, tự hành là Chánh, dạy cho người là Lưu thông. Hai thứ còn lại đều như vậy.

Tiếp, lại căn cứ "khéo nhập, xuất, trụ...": đây là y kinh nêu bày. Nếu theo ba phần thì nhập là Tựa, trụ là Chánh, xuất là Lưu thông. Ba phần Tuệ cũng như vậy. Theo văn theo nghĩa thứ lớp đều không đồng. Ba phần nên nói: Không là Tựa, Trung là Chánh, Giả là Lưu thông. Nói "mà thoái lui": Cuối kinh chỉ nói "mà lui", lui chỉ là thoái. "Chỉ chuẩn theo hướng về bình đẳng", là khiến dùng hết bốn ý, tức lời nói kia là khó, mà chỉ muốn cho không lầm tông chỉ. Như cùng dấu vết "hàm"(mặn) hiểu chữ "hàm", sợ lầm, chỉ nên làm nghĩa riêng. Hoặc sợ hiểu nghĩa như dòng chảy vào biển đồng một vị mặn, văn thể nói ngược, cho nên

biết không hẳn đều dùng bốn ý. Lại một chữ “quán tâm”, trừ trong An lạc hạnh tu nhiếp tâm kia..., ngoài ra đều là nghĩa lập. Lại Bản môn, tuy Bản chỉ một chữ Thọ lượng, Chánh nêu Bản tích, ngoài ra cũng nghĩa lập. Lại trước, Tích môn chuẩn theo bộ là có, cho nên nghĩa lập. Về sau trong Bản môn trừ Thọ lượng xong, thì lý hợp có, cho nên nghĩa lập. Lại quán tâm, văn Tựa và Lưu thông là căn cứ theo Chánh tông, lý cần nghĩa lập. Ở trong Chánh tông chỉ có An lạc hạnh lý nhất định cần, cho nên còn lại đều là nghĩa lập. Tích môn thì phần Chánh thuyết đã nói “khai hội”. Nếu mê, thì quán cảnh khai quyền hiển thật, trong Bản môn thì tăng niệm Phật quán, tăng đạo tổn sinh, trong lưu thông thì Tùy Hỷ Bất Khinh, chỗ y cứ của Tam-muội, chỗ nương nhờ của các hạnh, tất cả không thành. Dùng tên gọi “Quán tâm” chung cho các pháp quán. Trung gian quán “tam tức” (tức Không, tức Giả, tức Trung), là pháp quán thông dụng của chúng đương cơ và chúng kết duyên, là công hóa độ của chúng ảnh hưởng và chúng phát khởi. Nếu thành, thì thành phần chứng quán, do đó một chữ “Quán tâm” người ta sẽ cho là rất rộng, đối với lý rất trọng yếu. Huống chi nay Đại sư lại làm thành đối với học giả sơ tâm! Bắt đầu từ “Như thị” cho đến “mà lui”. Thấy văn khác biết một quán, cũng biết kinh văn xưa đồng mà quán khác và văn quán đều khác, cũng biết đương giáo văn quán đều đồng. “Kiêm” v.v... “Khai” v.v... theo lệ có thể biết. Vì vậy nên, cần phải quán tâm để giải thích. Giải thích theo nhân duyên, thì tùy thế của nghĩa kia cần phân ra xưa, nay. Trước, giải thích trong phần Tựa trên biện minh thông biệt, tiếp, chánh giải thích Thông tựa.

Phần đầu, văn lại có hai: Trước chia làm hai văn, tiếp chánh biện sai khác. Trong đó nói: Thông tựa thông các giáo, cũng có thể nói Thông tựa chung các bộ. Biệt tựa riêng một bộ. Cũng có thể nói Thông tựa chung các kinh, Biệt tựa riêng một giáo. Bộ giáo kinh này chỉ tại một giáo cho nên lại dùng giáo đối kinh mà nói. Lại, Thông tựa thì danh thông mà thể biệt; Biệt tựa thì sự biệt mà nghĩa thông. Nghĩa thông cho nên thông có biệt tựa. Thể biệt cho nên biệt tại kinh này. Cho nên biết kinh này thông biệt đều biệt, biệt tại Phật thừa. Do các “Như thị” không liên quan đến các kinh, mới có thể được gọi là Tựa của các Chánh văn. Chánh văn được gọi là Chánh văn của các Tựa. Thế nên, một và nhiều nương nhau, ba đoạn có thể biết. Cho nên, giải thích như vậy xong một bộ rõ ràng. Nếu không như vậy, thì đâu có Tựa tiễn khách mà trình bày du sơn, văn bia thiền tổ mà luận bàn luật tụng. Cho nên, phải nghiền ngẫm từ đầu đến chân đều là một thân, đâu dùng cách thông thường nói

mà có thể hiểu rõ hai Tựa thông biệt. Nếu không khác, thì chúng phát khởi chẳng dùng. Ở trong đó, trước nêu ly hợp nói: hoặc năm hoặc sáu hoặc bảy. Năm thì như văn hợp Phật và xứ. Sáu thì tách lìa Phật và xứ. Bảy thì tách lìa "Ngã" và "văn". Phần đầu Thông tựa vốn khởi nguyên do là A-nê-lâu-đậu khiến A-nan hỏi Phật, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu chép.

Tiếp lược giải năm nghĩa: "Nghĩa là thể của pháp...", lược ý giải thích hiển bày, cho nên trước nêu như thế. Dưới trong phần giải thích rộng dù có giải thích bao gồm cũng chỉ bên cạnh nghĩa chung thôi! Phần đầu, nói "Thể của pháp được nghe", bốn giải thích ở văn dưới chỉ thông một bộ, Biệt ở chánh tông, lưu thông cũng có thể bao gồm Biệt tựa, thì hoài nghi đáp hỏi và vô lượng nghĩa, chung gọi là "nghe". "Mưa hoa, động đất", là tiêu biểu lời nói, chung đều là tiêu biểu "nghe", cho nên từ đầu đến cuối một kinh là thể của pháp được nghe. Nói "Văn trì hòa hợp v.v...", là nhân duyên hợp. Luận chung năm nghĩa đều là nhân duyên, như trước đã nói trong phần Thông biện bốn ý. Bên dưới tổng kết năm nghĩa, nói: "đều là nhân duyên". Nay lại từ Biệt căn cứ nghĩa "Thời" mạnh, riêng nêu hòa hợp. Nói "văn, trì" chỉ ở A-nan, nói "hòa hợp" nghĩa thông hai hướng, do cơ hội nên "văn trì hòa hợp".

"Thứ đệ tương sinh": lại căn cứ nhất vãng. Nếu nghe "Như thị v.v..." và hóa chủ ở phần đầu cũng có thể thông dụng. Tiếp, "Lại, như vậy..." là rộng giải thích. Trước giải thích như thị. Đầu trong nhân duyên, thế giới tức là hoan hỷ cho nên nói "không tránh", chư Phật đều như vậy chưa đủ biệt hiển. Nếu căn cứ kinh này, thì trước thi thiết, tiếp khai, mới gọi là "không tránh". Sự thì căn cứ giáo cho nên ở đây chưa luận. Nay dẫn chư Phật dùng khác để hiển đồng, cũng là nghĩa thế giới. Nêu thời phương: "Như vậy" là có thể tin, bởi có thời phương, tức nói "như vậy" được lợi ích thời xứ. Phương: là núi Kỳ-xà-quật cũng như chung với xưa. Thời: hiển biệt vị khiến xứ không phải chung, tức là sinh thật tín. Phương là kinh này Vị nhân Tất-đàn. "A Âu": A là không, Âu là có. Tất cả các kinh ngoại của ngoại đạo đều đặt hai chữ này lên đầu, vì chấp hai chữ này là gốc; trong bộ nêu rõ không ngoài sở chấp. Cho nên lập hai chữ "Như thị", để đối phá ngoại đạo là bất như, bất thị. Chuẩn theo bên dưới ước về giáo, thì ngoại điển hoàn toàn không, cho nên nói phá ác. Bách luận nói: Ngoại đạo hỏi: Ông chỉ cho biết thiện pháp là gì? Nội đạo nói: Dừng ác, làm thiện. Ngoại đạo nói: Kinh ông có lỗi, ban đầu không tốt lành; kinh tôi không như vậy, từ đầu đến cuối đều tốt lành. Nội đạo nói: Phàm tất cả pháp có ba thứ là: tự, tha, cộng. Bởi

vì pháp tốt lành của ông không có tự..., cho nên tôi trước phá hữu, vô, tự sinh và tha cộng... Bởi vì chấp hữu vô làm tự tha..., gọi đó là ác, cho nên kinh tôi trước nói Chỉ (dừng). Nếu vậy Trung luận phá đủ bốn câu, kia vì sao không phá tự nhiên ư ? Đáp: Chấp tự nhiên là thuộc về hữu vô. Cũng có tự nhiên chẳng thuộc về hữu vô. Lại, theo một con đường, cho nên Trung luận nói: Từ nhân duyên sinh còn không thể, huống lại không nhân duyên, tự nhiên dễ phá cho nên chỉ so sánh thì biết, chỉ bốn chấp nghĩa thông. Nếu chỉ phá ngoại, thì vẫn chưa lìa Tiểu, đâu hợp với kinh này. Vả lại, dẫn luận văn thành nghĩa "phá ác". Nếu y kinh này, còn phá cả các cái ác của "Kiêm, Đãn, Đối, Đới" (tức là bốn thời giáo trước trong năm thời phán giáo của Tông Thiên Thai), đâu riêng gì ngoại điển ư? Trong đệ nhất nghĩa lại thông chỉ đạo biên, chưa phân sâu cạn cho nên biết văn gồm tứ Tất-đàn, chẳng phải không riêng phá các giáo cạn sâu, mà ý ở chỗ nêu hoan hỷ... bốn thứ, cho nên lại cần căn cứ giáo để phán xét đồng và khác. Lại trong phần giải thích Tựa thì ba Tất-đàn trước phần nhiều căn cứ sự, trong đệ nhất nghĩa thì hoặc đã nhập thật hoặc lại thông phương. Lại ba Tất-đàn trước thì hướng về biên hạn của Viên thật, gọi đó là sự, đối với ba giáo trước có lúc cũng tại lý. Nếu trong chánh tông đều tùy bản văn, thì văn tứ Tất-đàn đây tại Đại luận. Đầu tiên nói trong duyên khởi kinh tổng có hai mươi ba. Lại nữa, trong đó trước hỏi: "Có nhân duyên gì mà nói kinh này?". Đáp: "Trong đó nói Đệ nhất nghĩa", là biệt chỉ Diễn môn làm đệ nhất nghĩa, nhân liền giải thích ngoài ba Tất-đàn trước. Lại chỉ Tam Tạng luận nói: Tứ Tất-đàn nhiếp tám vạn bốn ngàn pháp tạng, cho nên nay thông dụng, đầy đủ như Huyền văn dùng khai mười môn. Lại, "Tịnh Danh Tiền Huyền" tổng có mười quyển, nhân vì Tấn vương biên soạn Tịnh Danh sớ, riêng chế lược huyền, mới tách "Tiền huyền" chia làm ba bộ, riêng lập đề mục gọi là Tứ giáo sáu quyển, Tứ tất hai quyển, Tam quán hai quyển. Trong hai quyển kia văn rất bề bộn. Nói "rất rộng": 1. Lời Đại sư nói. 2. Thu nhiếp nhiều ý, huống gì kinh này như vậy. Phải trải qua tám giáo để nêu rõ tứ Tất-đàn mới hiển bày kinh này duy nhất Như thị Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, cho nên nói "rất rộng". Lại, các nhà khác giải thích động tức ba, bốn như bản, phần nhiều ở nghĩa nhân duyên mà Đệ nhất nghĩa còn ít, huống lại căn cứ giáo Bản tích... ư? Căn cứ trong giáo đầu kinh nói: Ở trong Phó Pháp Tạng, đây cũng gọi là Kinh Phó Pháp Tạng, trong đó chia làm ba: Đầu thông giải, tiếp biệt trách, sau từ "Lại y..." trở xuống là chánh giải thích.

Văn phần đầu lại có bốn: 1. Nêu chung kinh Phật ba đời làm gốc,

2. Dẫn tám giáo của Phật xưa. 3. Dẫn giáo của Phật nay đồng. 4. Nêu kinh nay tiêu biểu khác. Ba đời: Trước nêu quá khứ hiện tại so sánh đương lai, chánh dùng quá khứ vị lai so sánh hiện tại, hoặc chánh dẫn quá khứ, để làm chuẩn cho nay. Cho nên, chỉ tám giáo của Phật xưa. Nói tám giáo: Đem bốn thứ: Tạng, Thông, Biệt, Viên nhập vào bốn thứ: Đốn, Tiệm, Bí mật, Bất định, thì "Như thị" trong bốn vị đều sai khác, huống chi trong "Đốn, tiệm, bí mật, bất định", bốn giáo thông, tất mỗi mỗi không đồng. Trước hiểu rõ bất đồng Như thị bất nhất, mới biết Pháp Hoa Như thị bất dị, thi thiết và khai phế thì căn cứ theo lệ có thể biết. Hết thảy chư Phật thị hiện ở đời ngũ trược thảy đều như vậy, cho nên nói "cũng như vậy", còn lại như Huyền văn. Tiếp "Các kinh..." trở xuống, nêu kinh này tiêu biểu cái sai khác, lại có hai: Trước pháp, sau dụ. Pháp Hoa vượt hơn tiêu biểu một thời kỳ giáo. Nếu đem giáo đây để so sánh giáo xưa, thì giáo đã sai biệt, bộ lại không đồng. "Kiêm, Đãn, Đối, Đới" Quyền Thật, Viễn Cận, đủ biết tiến hay không, mới hiểu được kinh này. "Như thị" đã vậy, các nghĩa khác đều chuẩn theo đây. Đâu được như các Sư chỉ dùng một chìa mà đòi mở tám cửa giáo, hợp với các giải thích của Sư xưa không ra ngoài một ý nhân duyên, cho nên nói một chìa. Huống chi một, hai Sư đâu thể mở tám giáo, huống chi căn cứ ba giáo v.v... tin xưa nay sâu rộng.

"Lại nữa Phật A-nan...": lập pháp biệt trách, lại có bốn: 1. Lập pháp thông: Nếu hai văn không khác thì gọi là "Như", 2. "Như hạ sở thuyên" gọi là "thị". Tám giáo đều như vậy. "Tiếp, nay A-nan...": nêu kinh này A-nan để trách. Kinh này thuộc giáo nào trong tám giáo ư? Nếu chẳng vượt tám thứ như vậy, thì cái gì là sở văn của kinh này? 3. "Không thể dùng..." là kết trách, cho nên nói "không thể dùng Tiệm...", lược nêu Tiệm, Thiên. Đáng lý phải nêu đầy đủ rõ Bí mật, Bất định và chọn Đốn bộ. Các sư đã không biết tám giáo khác nay, cho nên hai văn truyền thuyên bất như, bất thị. 4. "Truyền thuyên..." là kết lỗi. "Nghĩa đây..." là khuyên gắng sức. Nếu hiểu được ý đây thì không nhọc công nêu lại, lý kia tự xét kỹ.

Thứ ba, từ "Lại y..." trở xuống, là chánh giải thích, lại có ba phần: 1. Căn cứ Tiệm giáo, tránh nhiều văn rườm rà nên nhờ Tiệm để nêu rõ bốn. 2. "Như đốn..." giải thích ba thứ Đốn v.v... 3. "Khai diễn tám giáo..." là kết trách Sư xưa. Phần một văn lại có hai: Đầu, căn cứ truyền thuyên tương đối để giải thích, tiếp "Nếu động..." là trực tiếp căn cứ sở thuyên quán đế để giải thích. Ở thời sở văn đều đầy đủ năng sở, cũng là dùng lý để kết giải thích lược trước. Cho nên, bốn giải thích đều lấy

“Như” đặt tên. Lại, trước dùng văn khế hợp lý, gọi đó là Như, chỉ sở thuyên xứng văn là “thị”. Đây dùng trí như cảnh làm “Như”. Như thông hai Chân như, cho nên hai giáo trước Tục đối Thiên Chân, hai giáo sau Tục đối Trung đạo. Hai văn đều có hai tùy nghĩa mà hiểu. Cho nên, trước căn cứ truyền thuyên trong mỗi một văn đều dựa theo đế và văn tự. Năng thuyên đã đồng, nghiệm thì biết lý sở thuyên tương đương. Sở thuyên sở truyền đều là thể của sở văn. Cho nên, hai giáo đầu đều dùng văn tự làm Tục, sở thuyên làm Chân, chỉ có tức và bất tức dị, chính là biện rõ hai giáo truyền thuyên không đồng. Hai giáo sau đều dùng năng thuyên đối tam đế sở thuyên mà nói, cũng tức bất tức dị. Dùng bốn lệ bốn cũng có thể thấy. Nếu không như vậy, thì đâu dùng A-nan truyền giáo vô thuyên của Phật. Cho nên văn kia pháp lý tương xứng, đó là Ngã sở truyền. Cho nên dưới mới nói “nghe v.v...”. Nói “v.v... (vân vân)”, tức lẽ ra dùng đây đối hướng bốn văn và dùng giáo đầy đủ ở trong Tiệm có nhiều ít, mà vì chuẩn theo trước có thể biết cho nên không liệt kê. “Tiếp, ba giáo: Đốn v.v...”: Nói “Đốn là đồng với Viên”. Lại từ phần ít vì giáo kia có kèm cả Biệt, nay lại theo nghĩa thù thắng cho nên nói “đồng với Viên”. Đáng lẽ lại nói: Biệt giáo trong Đốn đồng với Biệt giáo trong Tiệm. “Không nói Tiệm giáo có đồng, khác”: Tiệm đã lìa bốn, nêu Viên tức thu nhiếp Viên trong các bộ. Ba giáo tức là sự khác nhau trong các bộ, cho nên chỉ đối ba giáo còn lại. Trong Bất định giáo nói: lại xen kẻ, tức đều căn cứ bốn giáo tiệm, đốn mà nói. Sâu cạn đối nhau, cho nên nói trước sau. “Bí mật bất truyền”: Bồ-tát giáng sinh làm Phật về sau, chẳng thuật lại, nếu không phải A-nan năng thọ lãnh, thì người hoằng giáo há lường được! Lại A-nan không phải không truyền bí mật, mà vì phó cơ là bí mật, không phải sở truyền, cho nên sở dụng của bí mật toàn là hiển giáo, truyền bí mật chỉ là truyền hiển.

Phần ba: “Khai diễn tám giáo...” là kết trách. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giăng lưới Phật giáo chạy dài biển pháp giới như lọc hết cá nhân thiên đặt lên bờ Niết-bàn”, cho nên biết Phật giáo không ra ngoài tám thứ này. Sở thuyên không ngoài cho nên nói “pháp giới”. Lưới giáo đã chạy dài nơi pháp giới, thì Niết-bàn ắt biến khắp Thiên Viên. Bờ chỉ cho quả địa Nhất như, giáo ắt có Quyền thật Bản tích. Thiên nhân cơ đầy đủ các giáo, lọc đến Niết-bàn cứu cánh. Cho nên, các sư giải thích thiên lệch thì không thể một mình giăng lưới nổi. Ví như người đọc trộm, mà còn nói: Thiên Thai chỉ có bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Thật quá mê muội thay! Thật quá mê muội thay! vậy nên phải biết phương pháp hiểu rõ kinh. Đốn... là đại cương phán giáo của tông

này, Tạng... là cương mục một nhà giải thích nghĩa. Nếu hiểu các giáo chỉ dùng Tạng..., thì văn đó ít thông. Nếu giải thích Pháp Hoa không có tám thứ: Đốn v.v... thì nêu ra chỉ sai lầm. Lại nêu dụ trách, nói: "tiếp bốn mũi tên...". Vì trong Đại kinh, Bồ-tát Ca-diếp hỏi: "Vì sao người trí quán niệm niệm diệt?" Phật dạy: Ví như bốn người đều giỏi thuật bắn cung tụ họp chung một chỗ, mỗi người bắn một phương, nghĩ rằng: Chúng ta bốn mũi tên đều bắn, đều rớt. Lại có người nghĩ: cho đến khi mũi tên chưa rớt, ta có thể đồng một lúc dùng tay tiếp nhận. Phật dạy: Loài quỷ Tiệp-tật thì nhanh hơn người ấy; như là quỷ bay đi, Tứ thiên vương, thần Nhật Nguyệt, Kiên-thật thiên lần lượt nhanh hơn trước, vô thường còn nhanh hơn nữa. Nay mượn ý "tiếp bốn mũi tên" để dụ tám giáo, mà chưa dám xưng là đảm đương, huống chi xưa chỉ có một, hai như lừa què ư ! Nếu hiểu sâu ý này thì vào văn tự mình thông suốt.

Nói "v.v... (vân vân)": là lẽ ra nêu tám giáo để dùng ý hợp thí dụ, huống chi nếu không hiểu khai quyền thị hiện cận, thì không biết tám giáo và ý chỉ kinh chưa phân rõ. Sở dĩ văn nay phần nhiều không nói mở ra, vì đầy đủ trong Huyền văn. Lại Khai Hiển Viên và Kiêm Đới Viên, hai lý không khác cho nên nói Đốn và Viên đồng đẳng, cho nên nghĩa Bí mật, Bất định đều hàm chứa bốn, Hiển và Mật, Định và Bất định, chỉ là luận đối nhau.

Tiếp "Căn cứ Bản, Tích": Văn tuy chưa đến chứng tín mà nghĩa đã thông, như trước nói, lại chia làm năm: 1. Nêu chung ba đời mười phương. 2. Nêu chung ba đời. 3. Riêng nêu đức Thích Tôn. 4. Chánh căn cứ truyền thuyên. 5. Lại nêu bày Tích. Hai phần đầu, đã chung ý một Bản khó định, cho nên lại căn cứ dưới duy nhất chỉ đức Thích-ca. Tiếp, "Lại A-nan...", là căn cứ truyền thuyên, nghĩa Thầy trò đối nhau để lập Bản Tích. Từ "Sư đệ...", là hiển A-nan bản. Cho nên, trong năm phần văn chính là dùng phần thứ ba thứ bốn, hiển Như thị nay. Văn đầu nói ngang dọc: "mười phương" là ngang, "ba đời" là dọc. Mười phương chư Phật đều tự có dọc chẳng phải ý văn nay, cho nên lại căn cứ bên dưới nêu đức Phật nay. Quá khứ một Bản, còn lại đều thuộc về Tích. Trong "Sư đệ" cũng chỉ Bản lâu xa, ngoài ra thuộc về Bản Tích trong Tích mà thôi! Lại lần nữa nêu rõ: Muốn thuật Bản địa cũng là Sư đệ, cho nên nói "chẳng phải mới ngày nay". Nên biết thời Đức Phật Không Vương cũng chẳng phải A-nan Bản.

Tiếp, "Căn cứ Quán tâm": ba giải thích trước đều là sở quán, cho nên nói "quán trước". Tất-đàn là nhân duyên trước. Giáo là ước giáo trước. Tích là Bản tích trước. Bình đẳng lấy ba thứ giải thích đều đầy

đủ các nghĩa. Bản tuy lâu xa, Viên đốn tuy thật, Đệ nhất nghĩa tuy lý, mà đối với quán thuộc sự cho nên đều thành cảnh. Cho nên, đối ba là quán (liền) thành bốn giải thích. Trong đó lại có ba: 1. Chung lập tướng quán 2. Dẫn văn chứng thành. 3. Ước văn hiển bốn. Phần đầu, nói "tức thông": Đầy đủ nên nói "duyên sinh tức Không", tức chỉ ba thứ trước đều duyên sinh, huống cảnh duyên sinh trước thông Tam đế. Từ "tức Không biên", lại phán thuộc Thông. Nên biết, Không quán thông tất cả, "Không Giả thành biệt", Địa tiền theo biệt chứng, đạo ắt đồng. "Cũng thông cũng biệt": là phàm thông, Thánh biệt. Phàm thì thông giáo trước, Thánh thì hạn cuộc trong chứng. Không, Giả vẫn thông, Trung mới biệt. Địa tiền, thì Không Giả thông nơi sở phi và sở chiếu. Đăng địa, thì biệt tại năng phi năng chiếu, chân thật. Đây là Biệt gia đối Thông Biệt khác, hoặc chỉ Biệt giáo cùng trước vĩnh viễn sai khác. "Chẳng Thông chẳng Biệt" đều là pháp giới. Cả hai phi, biện minh rõ thì Biệt cùng trước lại khác. Trong đây đã dùng nhân duyên, giáo, tích, mà làm cảnh quán, không thể lại dùng Tạng Thông quán để quán, vì vậy cho nên chỉ nương bốn câu thông biệt, nhờ căn cứ giáo, nghĩa mà tạm phân biệt. Lại làm thành bốn câu, cho nên nhờ Biệt giáo tách làm hai câu, câu thứ tư tức là diệu quán của kinh này.

Tiếp, văn dưới nói "lui": Dẫn phẩm Thí Dụ chứng thành tướng quán, ba tín thì dưới lại căn cứ Quán tâm thành nhân duyên... mà giải thích kinh văn. Nhất tâm tức đủ bốn thứ: cảm ứng v.v... "Tín cơ kiến ứng": Trong nhất tâm thì năng tín như "cơ", giác tâm như "ứng". Nói "cạn sâu": nghĩa đương phán giáo. Tin thật tướng tâm chẳng đồng với quyền, thật tướng sâu chẳng đồng các thứ cạn khác. "Lại, tin..." là căn cứ quán mà luận Bản, thì diệu giáo là Tích, sở thuyên là Bản. Thấy bản thật tướng tức thấy thầy trò trong kinh là Bản, vì chủ và bạn đều đắc thật, vì Long Đà đã thành từ lâu, từ nơi sở chứng làm bản. Nói "Long Đà Phật": Chân đế nói: Tu-bồ-đề là Đông phương Thanh Long Đà Phật. Có người dẫn Kinh Đại Bảo Tích nói: Xá-lợi-phất thành Phật, hiệu là Kim Long Đà. Chưa xem xét kỹ. Chỉ đây thì biết tất cả Thanh văn đều như vậy, bởi vì thấy Tích của Không sinh (Tu-bồ-đề) và Thân-tử thì biết Bản của tất cả Thanh văn. "Lại, nghe kinh...", là chính dùng quán tâm giải thích thành quán tâm, tâm năng giác gọi là "Phật", tức tâm giác đây gọi là "tuệ", cũng tức giác tâm thông số đầy đủ, tức giác tâm đây cùng đều có hoằng thệ, gọi là "từ tâm tịnh".

"Căn cứ tâm..." là kết. "Tiếp, nếu giải thích..." là phân biệt đồng khác. Trước nêu bỏ lấy. "Tiếp, nên biết..." là chính phân biệt. "Cái gọi

là tha”: Tức bộ khác. Ở bốn vị trước chỉ trừ Lộc Uyển hiển lộ không có Viên. “Cái gọi là đồng”: Chỉ nói Viên nay đồng với Viên kia. Lẽ ra nói “Kiêm, Đãn, Đối, Đới”, lại thành khác. Lại, nói “khác”: Kia không phải Bản từ lâu. Các kinh cũng có thể dụng... bản tích, danh đồng mà thể khác. Từ thể khác biên nên nói là “khác”. Nên biết cũng có thể dùng chung bốn giải thích, chỉ biết các kinh không có nghĩa Bản lâu xa thì có thể. “Vân vân”: bốn giải thích đây đối với bộ giáo liên quan nhiều, cho nên bốn thứ: nhân duyên v.v... đối với kinh trước, đều có thiết lập ra “Kiêm, Đãn, Đối, Đới” đều biệt cho nên sở truyền cũng biệt.

Tiếp, trong phần giải thích “Ngã văn” có ba phần: 1. Biện rõ xen lẫn sai khác. 2. “Nay theo lệ...”: chuẩn theo lệ như vậy. 3. “Đại luận...”: Chánh giải thích. Phẩm đầu, trong nhân duyên trước nói rõ thế giới. Đầu, dẫn luận giải thích nói: “nhĩ căn bất hoại...” là trước nêu căn trần, căn tức tứ đại thanh tịnh. Xứ là trần, chẳng phải các thứ khác thiếu duyên cho nên nói “có thể nghe”. Tuy lại có thể nghe mà phải phát ý thức, cho nên nói: “muốn nghe”, lại nhờ vào các duyên, cho nên dưới tổng nói: “các duyên hòa hợp”, chỉ trừ duyên “Không”. Tiếp, trong phần vấn đáp, có người không chấp nhận loại kinh sau khi Phật diệt độ, chỉ nói danh cú thuộc nơi hạnh uẩn. Nếu kia hoàn toàn không chịu “thấy” kinh từ đầu đến cuối hợp, thì đổi thành “nghe”, nên biết đều là trước do nhãn nhĩ sở đắc. Tiếp mới lưu nhập tưởng hành, hoặc khiến một chữ, một âm thanh, nhãn nhĩ hai thức đều không có thì danh cú văn đều không thành tựu, nói “hòa hợp” không thể dối. “Cái gọi là chủ”: Là tổng nêu thức tâm, tức lưu bố ở đời vẫn nhờ nguyện lực của A-nan và do thệ nguyên xưa của Như Lai. Sau khi Phật diệt độ chúng sinh có căn cơ mới có thể khiến hòa hợp thành “nghe”. Cho nên, lại do “ngã”(ta) là chủ các duyên, các duyên hòa hợp “ta” mới có thể nghe, cho nên nói “Ta nghe”. Văn nêu duyên đầy đủ, cho nên chỉ nói “nghe”. Nhân duyên hòa hợp, tức Thế giới. “Hàng Vô học bay bổng nói kệ”: Khi đức Phật mới diệt độ các A-la-hán đều nói kệ rằng: “Đã vượt qua biển ân ái phàm phu, nhà lão bệnh tử đã được phá dẹp kiến trong hòm thân có bốn con rắn, nay nhập Vô dư Bát Niết-bàn”. Ở trong rừng sâu lại nói kệ rằng: “Phật đã tịch diệt nhập Niết-bàn, các diệt kết chúng đều theo đi, thế giới như vậy Không vô trí, đường si tối tăng, đèn trí mất”. Lúc ấy bay lên hư không thuyết kệ rằng: “Chao ôi! Các hữu khổ, luân chuyển như trăng nước, không chắc như ba tiêu, cũng như bóng, vang huyễn. Như Lai đại hùng mãnh, công đức vượt tam giới, còn bị gió vô thường, phiêu lưu mà không trụ”. “Phật thoại... Văn-thù kết tập”: Đại luận nói:

Văn-thù kết tập các kinh Đại thừa cũng đều trước nêu năm thứ: Như thị... Kinh luận hai văn đều khéo sinh luyến mộ, các A-la-hán rất luyến mộ cho nên đều theo đi. Ngón tay Phật rộng hai tấc.

Ba nghi: "Trước chúng nghi..." văn: Nếu ba đức Phật đây đều ứng với tự nói thì đều không thích hợp để nói là "nghe", vì vậy nên "nói ta nghe thì ba nghi đều trừ", trừ nghi tức phá ác. "Trong đệ nhất nghĩa thì không có ta, không có nghe", như Kiều-trần-như nói "đệ nhất nghĩa đế không có chữ thanh". "Xưa nay..." là chung bài bác xưa. Trong nhân duyên ba nghĩa trước còn tự không cùng khắp, huống là đệ nhất nghĩa, huống là căn cứ ba giáo v.v... "Phàm phu có ba thứ ngã": "Kiến ngã" tức Ngã trong lợi sử, "Mạn ngã": tuy chung tất cả lợi độn phàm phu, nhưng các phàm phu đều ở nơi thân mình để lập tể chủ, tuy không phải ngoại chấp mà đều thuộc Kiến, Tư. Nếu cái mà người học điều phục chỉ thuộc độn sử, thì tuy không có Kiến ngã mà vì tư duy chưa hết cho nên nói hai thứ "Thế gian gọi là ngã": lưu bố ở đời một thứ mà phàm Thánh đều có, chỉ vì Thánh không có hai Ngã trước. Nay cũng không rảnh để biện minh tướng Kiến hoặc và Tư hoặc, đến văn khác sẽ nói. "Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa nói bốn câu gọi là ngã", tức là bốn câu: Hữu v.v... Bởi vì luận kia quyển một phẩm Địa Tướng, hỏi rằng: Sao gọi là Vô ngã? và nói kệ tổng có tám hàng rưỡi, sau cùng nói: "Vậy nên ngã phi ngã, cũng ngã cũng vô ngã, phi ngã phi vô ngã, ngã sở phi ngã sở, cũng ngã cũng ngã sở, phi ngã phi ngã sở", đó đều là tà luận. Cho nên lìa bốn câu thì mới gọi là vô ngã. Đây chỉ nói: Vô ngã chính là "tức ngã vô ngã", không nói chiết phá, cho nên ở Thông giáo.

Hỏi: Luận giải thích Biệt địa, sao phán xét thuộc Thông?

Đáp: Đăng địa về trước thì các quán đầy đủ, chỉ nói "tức Không" nghĩa thuộc về Thông, huống lại Địa tiền thì nghĩa đương nhiên Thông giáo.

Dẫn "Đại kinh", kinh nói:"A-nan là bậc đa văn tự nhiên năng hiểu rõ thường và vô thường, nghĩa "thường, vô thường" giống như "ngã, vô ngã". "Bất nhị", là đăng địa song chiếu địa tiền. Chiếu và phân biệt, danh khác mà nghĩa đồng. Viên giáo tột cùng, nên nghĩa bao gồm quyền thật, vì thù thắng thu nhiếp yếu kém cho nên hướng về một đời. Năm vị đã riêng khác, thì sở văn cũng không đồng. "Trong Chánh Pháp Niệm có ba A-nan": cùng Tập Pháp Truyện, ba người rất giống.

Hỏi: Kinh Chánh Pháp Niệm và A-hàm, hai kinh đều là Tiểu thừa làm sao dẫn chứng bốn để truyền bốn giáo ư?

Đáp: trong Tiểu thừa một người đã phân bốn hạng, nay diễn Tiểu

khiến Đại, dùng Đại làm theo Tiểu, thì sao không thể truyền bốn ư? Huống lại là danh thông nghĩa viên, đối lý không sai. Tiểu ở Tam tạng chung với Thông thừa, cho nên cũng gọi là tạp, huống chi Thông Bồ-tát độn lại lẫn lộn.

"Vân vân" là một người bốn đức để dùng đối giáo và khai hiển... nghĩa như thường nói.

"Không Vương...": Đối với Phật cũng là Bản tích trong Tích, nếu đối A-nan, hoặc chưa phải thật bản, chủ còn mờ tích, đệ tử chưa hiển rõ, cho nên cũng không nói Không Vương kiếp số. Nói "vân vân" là lẽ ra nói đầy đủ bốn nhân duyên v.v... bên trên để hiển rõ ngã quán, cũng cần phải nương vào bốn thứ: nhân duyên v.v... để biện minh thứ tự và không thứ tự. Văn đây đã đang căn cứ Giáo, Quán tâm, tâm cảnh đối nhau là nhân duyên quán, chân diệu hướng về cái còn lại là Bản Tích quán, dùng tâm quán tâm là Quán tâm quán. Giải thích nhân duyên nghe, thì không phân ra Tứ Tất-đàn mà chỉ kết chung nói "nhân duyên". Nếu muốn phân ra thì phần đầu là thế giới, "Xưa giải..." là Vị nhân, "Kinh Báo Ân..." là đối trị, "Văn đây..." là Đệ nhất nghĩa. Đầu, là hỏi, tiếp "Đại luận..." là đáp, trong đó nói kết tập pháp. Nói kết tập thông thường có ba chỗ: Nghĩa là Một ngàn, Bảy trăm, Năm trăm, Một ngàn là chánh đương kết tập lần đầu tiên. Bảy trăm là sau khi Phật diệt độ một trăm năm, nhân Bạt-xà chuyên hành mười việc, Xá-na-ca-na bạch bảy trăm. Bảy trăm vị mới đến nước Tỳ-xá-ly, trùng kết Tỳ-ni nêu lỗi Bạt-xà. Nói Năm trăm năm là sau bốn trăm năm nhân Ca-nị-tra vương thỉnh tăng cúng dường luận đạo không đồng, nhân đây năm trăm vị đến thành Vương Xá kết tập Tam tạng lại. Nay đây từ đầu rộng như các văn, lần lượt từ tha tự tha biệt, cho nên nghe không nghe sai khác. Chưa nghe thì ưa muốn nghe, đã được nghe thì sinh vui, đều là thế giới Tất-đàn. Tam-muội là do thiện và sức năng nghe. Theo hai cách giải thích xưa và nay, thì nhập ở nghe mà Thiện sinh.

Nói "Phật giác": Chỉ là Phật gia (thêm), giác lực như Phật nên gọi là Phật giác Tam-muội. Đã chứng không phải từ Phật nghe, cho nên gọi là khả năng tự có, dùng bản nguyện lực vì trì Phật pháp sinh thiện đời sau, cho nên xưa giải lý đương phán thuộc Vị nhân Tất-đàn. Kinh Báo Ân nói: Đệ lục, Phật tìm người làm thị giả, hứa rồi, A-nan vẫn cầu xin bốn điều: 1. Không thọ y cũ. 2. Không thọ biệt thỉnh. 3. Không giống các Tỳ-kheo, cần gặp Phật liền gặp. 4. Trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, nay nên vì con nói lại, Phật mới chỉ nói sơ (thô) A-nan đều hiểu, trí nhanh căn lợi lực trì mạnh. Lại, "mật thuyết": Biện minh khác giác

lực và Phật thuyết lại thì chỉ mình biết người khác không biết, gọi là "mật".

Lại, trong Đại kinh, Phật bảo Văn-thù: "A-nan hầu Phật hai mươi năm, đầy đủ tám thứ bất khả tư nghì: 1. Không thọ biệt thỉnh. 2. Không nhận y cũ. 3. Không phi thời diện kiến Phật. 4. Thấy hết thảy nữ nhân không sinh dục tâm. 5. Trì tất cả các pháp chưa từng hỏi lại, chỉ trừ hỏi dòng họ Thích bị sát hại. 6. Biết Phật nhập định. 7. Biết chúng sinh đến chỗ Phật lợi ích không đồng. 8. Những pháp bí mật của Phật ông đều biết rõ." Kinh Thai Tạng thì nêu lúc sơ sinh để so sánh về sau. Ở tướng thai còn nghe huống các kinh sau. "Mặt như trăng sáng đầy": Rút ra từ kinh Dục Vương, trong đây cũng dùng bốn tên trước và bốn câu ở Đại kinh, nhưng Đại kinh hiển Viên. Nay chính là nghĩa khai dọc căn cứ bốn giáo, tùy danh cho tiện, nên không có thứ lớp, cũng nên hiểu bốn nghĩa "nghe" đầy đủ do đó khiến thuận với ý Giáo.

Cuối phần giải thích theo Bản tích, nói "vân vân" là: 1. Bản sự cao khó lường, 2. Bản lý sâu khó nghĩ. 3. Bản tích hóa khó sánh. Đầy đủ như trong giải thích "Như thị".

Trong phần giải thích theo Quán tâm, thì chữ "vân vân" sau cụm từ "bất văn bất văn" có nghĩa là: lẽ ra dùng đủ bốn thứ trên, lại đối thứ lớp phân thuộc bốn người, đầy đủ như "kinh xưa Tôi nghe". Nếu y văn nay thì dùng diệu quán. Trong câu "Nhất niệm quán là Diệu quán vân vân", thì chữ "vân vân" nghĩa là khai thô hiển diệu để nêu rõ ý "dứt đối đãi".

Tiếp giải thích "Nhất thời". Đầu tiên dẫn ý Triệu Sư: "Khải" là mở đầu, "vận" là hợp nghi, phước là thiện. Phật hóa Đại, vận dụng ắt xứng cơ duyên chúng sinh, cho nên nói "thiện hội" (khéo hợp). Xứng căn cơ chỉ là nhân duyên hòa hợp, xứng cơ hoan hỷ nên gọi "Thế giới Tất-đàn". Trong đây "thế giới" thuộc kinh này, không đồng các văn khác, khác với các thời khác. Dẫn văn Đại luận nói: "Sinh thiện thế gian trị ác thế gian". Nêu rõ hai Tất-đàn, là dựa vào đó chỉ bày tướng. Lại trong luận đó giải thích chữ "Nhất thời" cho nên lại dẫn, nhưng đây thẳng nói "thời và phương kia" có hai cách giải thích: hoặc nói "Ca-la là thời thật", hoặc nói "Tam-ma-da là thời giả".

Luận hỏi: Thiên Trúc giải thích thời có bao nhiêu thứ? Đáp: Có hai danh xưng. Hai chữ "Ca-la" phát âm cạn, dễ. Ba chữ "Tam-ma-da" phát âm nhiều, khó nói. Nếu trừ tà kiến thì không nói hai chữ, tức là dùng thời giả. Nếu trong đệ tử y thời ăn, hộ trì minh tướng thì dùng thời thật. Nên biết chỉ là một thời mà hai tên riêng, cho nên tiếng có khó

dễ. Vì vậy cho nên ngoại nhân chấp thời là thật mà nói kệ rằng: “Thời đến chúng sinh thục, thời đi thì thúc giục, thời năng giác ngộ người”, vì vậy thời là nguyên nhân, nên phải phá tà thuyết Tam-ma-da. Nay trong văn dùng “thời thật” chỉ bày nội sinh thiện, dùng “thời giả” phá ngoại đoạn ác.

Trong câu “Nếu thời cùng đạo hợp, thì là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn vân vân” thì chữ “vân vân” nghĩa là: Nói đạo hợp, chính là đang thiện hội (khéo gặp), sở phát thiện căn là nói Thông ý Biệt, phải căn cứ giáo vị để phán định Thiên Viên, tức là bốn vị ba giáo, Quyền Nhân (người) lý v.v... Tuy có đạo hợp vẫn phải khai hiển, cho nên bên dưới căn cứ giáo vẫn còn bốn biệt. Trong phần dưới đây các thứ cũng như Đại kinh, bốn nhân duyên trí. Kinh này nói cũng lược Khai v.v... Bản thời tự hạnh chỉ cùng Viên hợp, hóa tha bất định cũng có tám giáo. Trong câu “Bản tích giả, tiền chư nhất thời tích dã” thì hai chữ “tiền chư” là chỉ từ trước đến nay bốn giáo đều ở trong Tích.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” trở xuống lẽ ra phải nêu “vân vân” (v.v...). Văn không nêu, là thiếu. Đó là thô diệu quán đều có quán cùng cảnh hợp, gọi là “nhất thời”. Tương tức quán, là quán của kinh này. Nếu đem quán đây căn cứ ba văn trước, thì theo lệ nói có thể biết.

Tiếp giải thích chữ “Phật”: Trong nhân duyên chỉ ứng giải thích giác, mà chỉ nói thời xứ..., là nêu rõ giác cảm ứng thời và xứ đó thôi! Chẳng phải thời xứ đó không cảm Phật hưng khởi, thời xứ khác, nên là giải thích theo Thế giới Tất-đàn. “Kiếp sơ, kiếp tận” là thời rất dài, rất ngắn, rất khổ, rất vui tột cùng. Ba thiên hạ còn lại thì giàu, thọ, vô ngã, không phải duyên cảm Phật, nhiều bệnh là giảm cực. Tiểu tam tai khởi: là đao binh, tật dịch, đói khát, tật ở trong đó nên lược nói bệnh. Luận Câu-xá nói: Đao, tật, cơ như thứ lớp bảy ngày, tháng, năm. Chỉ thời gian trường thọ, vui nhiều đều là “kiếp sơ”, thời gian thọ ngắn, khổ nặng đều là “kiếp tận”. “Đông thiên hạ” trở đi, là nêu nơi “Phật không hưng khởi”, đều do thọ lượng định, lạc định bảo đảm an lạc bảo đảm thường, không thành cơ duyên nên không cảm Phật. Đây vẫn là căn cứ xứ trong cõi Người đó thôi! Nếu luận trên cõi Trời thì Tiểu thừa cũng có người đắc tiểu quả, như Phạm vương đắc Tam quả... Nếu căn cứ kinh Hoa Nghiêm thì Tứ thiên vương, Hóa lạc thiên và Vô sắc xứ đều không cảm Phật. Các kinh khác đều chỉ trừ nạn xứ.

Nói “Giàu và thọ”: Đông gọi là Thắng thân, tức thù thắng hơn Nam châu, bởi vì giàu và thọ vậy. Tây tên là Ngưu-hóa, dùng Trâu

làm ra của cải, nên nói châu này nhiều trâu dê. Bắc gọi Câu-lô, đây gọi Thắng-xứ, cũng gọi Thắng-sinh. Trong bốn châu, thì châu này chỗ hữu tình ở, của cải đều tối thắng. Nam tên là Thiệm-bộ từ cây đặt tên. Trong Nam châu chỉ nêu đầu và cuối, trung gian cũng có sáu, bốn, hai vạn. Lại nói tám vạn là bắt đầu giảm, một trăm năm là phương cực giảm. Sau bắt đầu giảm thì Di-lặc, nay phương cực giảm thì Thích-ca. "Chưa thấy quả..." là nói rõ duyên cảm Phật, tuy lược nói địa cũng nên nói thời. "Ly-xa..." Đại kinh quyển hai mươi sáu nói: "Phật vì Ly-xa nói không phóng dật. Ly-xa nói: Chúng con tự biết mình là người phóng dật, vì sao vậy? Nếu không phóng dật thì đức Như Lai nên sinh trong nước chúng con, cớ gì bỏ chúng con đến Na-kiệt-đề. Lúc bấy giờ con của Bà-la-môn tên là Vô Thắng, nói với Ly-xa rằng: Đại vương Tần-bà đã được lợi lớn, Đức Phật xuất thế ở nước ấy, cũng như ao lớn sinh ra hoa sen lớn, tuy hoa ở trong nước bùn mà hoa không bị nhiễm bùn. Đức Phật cũng như vậy, tuy sinh trong nước kia mà không bị pháp thế gian nhiễm. Ông mê ngũ dục, không biết thân cận, gọi là người phóng dật. Chẳng phải Phật xuất thế nơi nước kia, thì gọi ông là phóng dật (Vô Thắng: A- dật-đa). Ông đam mê ngũ dục, dù Phật sinh ở nước ông, ông cũng không thấy được". Cho nên thời xứ đây cũng căn cứ nhiều phần. Xá-vệ ba ức chẳng liên quan đến khổ lạc. Ma-kiệt-đề: Trung Hoa dịch là Bất Hại, từ sơ kiếp đến nay không có hình phạt xử tử, đến vua A-xà-thế mới có hình phạt chặt ngón tay, sau tự ông bị sứt ngón tay đau đớn cho nên ra lệnh bỏ hình phạt này. Phật sẽ sinh nước kia nên điềm lành dự báo rõ, do đó trước đặt tên Bất Hại.

"Mặt trời nếu không xuất hiện..." dẫn lời của Đại luận. "Mặt trời" dụ cho Phật xuất hiện, "ao" dụ cho Ma-kiệt, "hoa" dụ cho căn cơ chúng sinh. Đức Phật nếu không xuất hiện, thì hai Thiện đã sinh và chưa sinh thảy đều không thành. Thiện chưa sinh là hạ chủng, Thiện đã sinh là thục thoát. Nhưng trong hợp dụ lại căn cứ thiện pháp hữu lậu của thế gian, nên nêu Sát-lợi... huống là thiện xuất thế. Cho nên khinh suất thì bị buộc ở địa ngục, nhưng vẫn còn nhân để Phật xuất thế. Chỉ có cái nhân là một niệm nhàm chán ác thì về sau mới được thoát ly, huống lại là nhân thiên. Cho nên luận nói: "Nếu người trì giữ năm giới, thì Thích-ca Văn Phật ở trong nhà ông". Bốn tánh (họ) nêu hai, lại theo nghĩa hơn mà nói. Trong phần giải thích theo Đối trị Tất-đàn thì "đoạn chủng Hữu đảnh" tức là đoạn ác trong tam giới, cho nên gọi là phá ác.

Hỏi: Vị nhân Tất-đàn chỉ đến Hữu đảnh, Đối trị làm sao phá ác tam giới ư ?

Đáp: Vì Chân đế sự lý. Ở lý trung đạo thì đều gọi là sự. Nêu hai giáo trước không được dùng lý này để làm phá ác, thì do nhường lý. Nay đây là Viên giáo nên được dùng.

Nói "Tam thừa": tức thu nhiếp tam giáo, dùng Bồ-tát thu nhiếp Biệt giáo. Nói: "ngoài ra không thể cảm" là căn cứ Tám tướng hóa, ắt căn cơ xuất thế mới có thể cảm Phật, là chỉ rõ thân trong chín đường tuy là cảm Phật mà không gọi là Phật hóa, nên "không cảm Phật". Nói "khéo đoạn", là tại trí vô lậu, "chủng" là nghĩa năng sinh, rũ hết phi tưởng lại đọa vào ba đường ác, gọi là sinh trở lại. Một phen đi không đến lại gọi là "vĩnh viễn". Trong Đệ nhất nghĩa đã nói "pháp tánh", phiền não tức Bồ đề cho nên nói "không động", sinh tử tức Niết-bàn cho nên nói "không xuất". Phật không khổ tập, đã trụ nơi pháp tánh, tuy không động xuất. Không động mà động, động núi pháp tánh, thị hiện đoạn nhân sinh cho nên gọi là "động". Không xuất mà xuất, xuất ra khỏi biển sinh tử, hóa chúng sinh trong chín đường cho nên gọi là "xuất". Lý này thì trước đều gọi là "thật động thật xuất", đến đây mới biết là "chẳng sinh mà sinh, không động mà động", thì hai giáo trước và biệt địa tiền chỉ thuộc tam Tất-đàn, dẫn nhập kinh này thuộc Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, căn cứ trong Giáo giải thích trước.

Tiếp, "Cho nên, kinh nói..." là dẫn chứng: Trước, căn cứ nhân duyên nói tướng cảm ứng; nay vì căn cứ giáo, căn cứ bốn cực quả, tướng ban đầu thành cho nên đều nói "giác". Lại, nói tự giác giác mãn thì căn cứ ban đầu, giác tha thì thông cả đầu lẫn sau. Tây Trúc nói Phật-đà, Trung Hoa gọi là "Giác giả, Tri giả". Đối mê gọi là "tri", đối ngu gọi là "giác", danh đồng đối biệt đều thuộc tự giác. Cho nên căn cứ Tứ đế, tức dùng tự giác mà "năng giác tha", cho nên nói "cũng". "Tổng tướng, biệt tướng": "Tổng", đều là Vô thường, "Biệt" tức quán Tứ niệm xứ, nghĩa là tam giới ràng buộc và Tứ thánh đế, "Biệt" đây là thảy đều quán vô thường. "Lão Tỳ-kheo" tức theo sau có sai khác, do Thông giáo Phật cũng có thể gọi là "lão". Mà nói "Đới" (Tỳ-kheo): là biện rõ khác giáo trước, như A-hàm nói: "Đức Phật sắp Niết-bàn như lão Tỳ-kheo đến nhà Thuần-đà". "Ba mươi bốn tâm": tám nhẫn, tám trí đoạn kiến, chín vô ngại, chín giải thoát, đoạn Tư, đoạn phục không đồng, đầy đủ như Chỉ Quán quyển ba, quyển sáu, có ghi, hoặc ở luận Bà-Sa, Câu-Xá và các A-hàm nói. Các giáo này cầu sự giải thích còn lại không được "nhất niệm tương ưng, đoạn trừ các tập khí còn sót lại". Theo ba mươi bốn tâm mà giải thích thì cuối cùng không có lý đó; đầy đủ như trong kinh Đại Phẩm, Đệ thập địa. Biệt Phật nói đầy đủ như trong kinh Anh Lạc và Đại

thừa năm mươi hai vị, Sơ địa đoạn vô minh. Viên Phật đầy đủ như Hoa Nghiêm, Sơ trụ đoạn vô minh. Nhưng trong Tiểu thừa lập hai thứ Vô tri: Nhiễm ô vô tri, thì vô minh làm thể, Bất nhiễm vô tri, thì liệt tuệ làm thể, nghĩa là vị thế thuần thục, đức số thời lượng như vậy. Nhưng bốn Phật (theo Tạng, Thông, Biệt, Viên) đều nói "Tự giác, Giác tha", chỉ là đương giáo tự hạnh mãn vị, giác trí không đồng, hóa cảnh rộng hẹp, vậy thì tìm khắp Đại, Tiểu thừa giáo chỉ có bốn tướng thành đạo này; đầy đủ như trong "Huyền văn" nói nhân quả lưỡng diệu. Nơi khác giải thích chỉ có ba thứ: Tự giác v.v... Đã không có bốn giáo mỗi giáo đều đầy đủ ba nghĩa, thì làm sao phân biệt Đại Tiểu giáo chủ? Tóm lại mà nói không ra ngoài hai giáo. Hoặc nói "ngồi Liên hoa tạng", hoặc nói "ba đời chư Phật đều sắc cứu cánh thành Vô thượng đạo", đều là tướng Biệt Phật. Nếu ẩn ba tướng trước, nói theo nghĩa thù thắng thì chẳng phải vì thái hư gọi là Viên Phật. Biệt Phật đã nói đơn luận tức là ẩn hai tướng trước, như Mục-liên không cùng tận âm thanh kia... Nếu Pháp Hoa trở về trước, ba Phật lìa minh (sáng) cách Thiên Tiểu, thì đến kinh này từ liệt (kém) biện rõ thắng (hơn), tức ba mà một. Nơi khác mê nhất gia mà nêu bốn Phật, là do bỏ kinh luận cựu dịch. Như bốn thềm thang thành Phật, Tam thừa cùng địa vị, Anh Lạc Hiền Thánh, Hoa Nghiêm dung môn. Đây bốn tướng thành đạo không thể không đều như nhau, bởi do thiết lập tích không đồng, ẩn thật che bản, cho nên khai quyền hiển bản mới biết không sai khác. Lại trong các giáo đều có năm người nói kinh. Như Đại luận nói: Phật, Thanh văn, Thiên, Tiên, và hóa nhân, trong Hoa Nghiêm thêm các Bồ-tát, lại có chúng sinh khí thế gian mà đều coi Phật là giáo chủ. Nhưng căn cứ trong Đại luận thì tứ ấn định tức gọi Phật nói. Lại trong Hoa Nghiêm, thì Sát thuyết, Trần thuyết, Bồ-tát được gia bị cũng không ấn thuật, còn lại ba Phật lực thông được tên Kinh ("Sát thuyết, Trần thuyết", là hai thuật ngữ, xem Từ điển Phật học). Cho nên trong Đại luận, sở phá đều năng thông đủ bốn giáo, nếu được ý thật thì mới biết bốn Phật thể đồng dụng khác. Các người giảng kinh Hoa Nghiêm đều nói "ngã Phật". Người đọc Duy thức không chịu theo các kinh khác, cho nên đến kinh này mới biết chỉ xưa, chỉ có đức Phật mới biết rõ hết lời nói đây là có.

Tiếp, dẫn kinh: Trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Thông Phật là Đại thân tiểu thân, cho nên nói "Đới lão Tỳ-kheo". Trong phần "Giải thích theo Bản tích", ban đầu dựa vào thể dụng trong Bản, cho nên nói "Bản một Tích ba". "Trung gian..." là tiếp nêu ứng hóa thắng liệt trong Tích, Tha thọ dụng báo đều tại Tích, chỉ nói sinh diệt phần

nhiều tại ứng hóa. “Duy bản địa bốn đức Phật đều Bản”, là căn cứ theo lệ mà nói thì thể dụng trong Tích đều là Tích, thể dụng của Bản địa đều là Bản. Nói đầy đủ thì như Huyền văn bản nhân quả diệu... trong phần giải thích. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, giác chỉ là trí, lục tức phán xét. Có bản không có “vân vân”, hoặc là chép sót, đáng lẽ trước biện rõ Tạng Thông rồi khi đến trong phần Biệt Viên mới được nói đến Thiên Viên hai giác, nhưng trong thứ lớp cũng có thể nhiếp được Tạng Thông hai Phật, hoặc là lược bớt đó thôi! Nếu đối với ba thứ trước thì giải thích “Phật” theo cảnh, trí, nhân duyên. Nếu căn cứ Tạng v.v.. thì giải thích “Phật” theo quán tứ giáo. Trung đối với Không Giả là giải thích “Phật” theo Bản tích, tâm mình tức là quán tâm Phật.

Tiếp, trong phần “Giải thích nghĩa Trụ”, trong đó hoàn toàn dùng Đại luận, sợ người khác không hiểu nên ban đầu nêu “năng trụ sở trụ”, hoặc chỉ thân, cõi (độ) chỉ thành thế giới, tâm pháp dựa nhau mới thành ba Tất-đàn, người khác chỉ chấp nhận thân y nơi cõi, mới thành Phật tâm vô sở y pháp. “Nhẫn độ (cõi)”: Kinh Bi Hoa quyển năm nói: “Do nhân duyên gì gọi là Sa-bà? Do các chúng sinh nhẫn chịu ba độc và các phiền não”, Năng, sở sai khác, nên gọi là thế giới. Cho nên Đại luận nói: “Trụ: là bốn oai nghi trụ thế (Nay gọi là Thế giới). Lại có ba thứ: 1. Thiên trụ, là Dục thiên. Nay nói thập thiện. 2. Phạm trụ, tức Sắc thiên, nay nói Tứ thiền, chỉ là tên khác. 3. Tịnh trụ, tức ba quả trở lui, nay nói Tam Tam-muội. Luận nói: “Nhập Tam Tam-muội, tức đắc sơ quả”. Tam Tam-muội là đối trị, lấy làm tam minh cận đối trị môn, đủ như Chỉ Quán quyển bảy nói. Luận lại nói: “Bố thí trì giới thiện tâm là Thiện trụ, tứ Vô lượng tâm là Phạm trụ, Tam Tam-muội là Thánh trụ, Thánh trụ chỉ là Tịnh trụ. Luận lại nói có bốn trụ: Thiên, Phạm, Thánh, Phật. Lại thêm Phật trụ, tức là Thủ Lăng-nghiêm trong văn này. Cho nên, bốn trụ này thâu nhiếp hết các luận văn. Nếu lấy giáo thâu bốn giáo thì đều có nghĩa bốn Tất-đàn bên trên. Bốn Phật đều là Đệ nhất nghĩa thiên, chỉ hai Phật trước không được nói dùng Thủ Lăng-nghiêm.

Hỏi: Nếu như vậy, thì nay giải thích Phật trụ, vì sao dùng ba Tất-đàn chỉ căn cứ Dục Sắc thiên và dùng ba quả, năng trú sở trú đều chẳng phải Phật ư ?

Đáp: 1. Từ Thông hướng đến Biệt. 2. Đem thắng để nhiếp liệt. Nói “Từ Thông”: là từ rộng nói hẹp. Nói “Đem thắng”: là Phật ở Vương Xá thành ắt nhiếp Dục Sắc thiên và dùng ba quả.

Có người bài xích nói: “Nay giải thích trụ thành Vương Xá, vì sao dẫn Thiên trụ Phạm trụ v.v...?”. Người này chưa từng đọc tụng Đại Trí

luận. Đây là luận kia giải thích trụ chánh văn. Luận đủ hai ý như trước đã trình bày. Nếu chỉ dùng sắc thân trụ cõi để giải thích chữ "trụ", thì đại Bồ-tát thần không có phương sở liền không có chỗ trụ, huống là Phật ư? Cho nên kinh Phổ Hiền Quán nói: "Cõi Thường-tịch-quang là trú xứ của Phật". Cho nên, bên dưới căn cứ giáo đều dùng Niết-bàn làm nơi trụ.

Tiếp, trong phần "Căn cứ Giáo", Niết-bàn đều là pháp sở trụ, đều căn cứ Đệ nhất nghĩa. Giải thích hai Phật trước đều nói "Hữu dư, Vô dư", khéo léo vụng về tuy sai khác mà sở diệt không khác. Hai "bí mật tạng" sau chứng đạo cũng là một. "Ba đức Phật trước" trở xuống, là phán xét Diệu thô, tức là Biệt giáo chứng đạo tuy diệu mà theo giáo đạo nên phán định là thô. Nói "năng sở": Nếu căn cứ lý mà phán xét thì như trước nói, nếu căn cứ sự mà phán xét thì chỉ là Y Chánh Tha thọ dụng độ, cho nên nói là "thô". Nếu căn cứ lý Trung đạo, thì tuy đều đủ bí tạng cũng là theo giáo. Nay kinh là Viên giáo, lại phải khai hiển cho nên gọi là "Diệu trụ".

Trong phần "Giải thích theo Bản Tích", nói "Tam tạng Phật ưng Niết-bàn", chữ "ưng" bình thanh. Nếu căn cứ "khôi đoạn" (nghĩa là thiêu thân đoạn tâm) tức ưng nhập diệt, thì nhập diệt là Bản. "Do từ bi" nên trụ thế, chỉ gọi là "trụ thế để làm thùy tích", đây Phật báo sinh không phân biệt lý bản. "Thông Phật, phò tập", đây là theo nhân mà nói dùng Lục, Thất địa nhập Không làm Bản, dùng thệ nguyện phù trợ tập khí còn sót lại để sinh trong tam giới mà lợi tha làm Tích. Quả đồng Tam tạng, nên cũng là nói theo Nhân. "Biệt Viên Phật", đồng nói "huân pháp tánh": giáo chứng có chút sai khác, nhưng đều nhân thời khởi bốn hoằng thệ nguyện sâu huân pháp tánh, chỉ nêu pháp tánh, tức ly không đồng. Trí, Đoạn tuy khác, pháp tánh không riêng biệt. "Nên biết...", là tổng phán xét văn trước để nêu rõ Bản Tích. Bản tích chẳng phải không do từ bi. Bốn Phật trước đều là Tích cho nên lại phải nói Bản Phật trụ. "Do từ bi...", là phán xét, đã khai Tích rồi, đây riêng có Bổn?

Tiếp, trong phần "Giải thích theo Quán tâm" thì coi trí là Phật, trí trụ vô thường và Không, Giả, Trung. Trước trực tiếp đối nhau nên bốn quán không đồng. Tiếp, căn cứ ý trụ cho nên nói "dùng pháp vô trụ mà trụ trong cảnh", cho nên nói "vô trụ thông bốn giáo". Thô trí, nghĩa là trụ nơi lý thật vô, nếu ở trong Viên thì liền thành dứt hẳn đối đãi.

"Vương thành": Chuẩn theo Tây Vức Ký: Thành này có bốn ngọn núi cao bao quanh dùng làm ngoài thành. Đông Tây dài, Nam Bắc hẹp. Chu vi một trăm năm mươi dặm, tử thành ba mươi dặm. Cửa Bắc cung

thành là nơi Điều-đạt thả voi say hại Phật. Phía Đông Bắc là nơi Thân-tử gặp Mã Thắng, đắc sơ quả. Phía Đông Bắc cách chừng mười bốn, mười lăm dặm thì đến núi Thứu Phong, là nơi đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa v.v..., là nơi Ban-túc duyên dược nói trong kinh Nhân Vương. Trong luận có giải thích sai khác.

Luận hỏi: Như thành Vương-xá thì Ca-tỳ-la, Ba-la-nại đều có Vương-xá, vì sao Vương thành này được nêu tên ư ? Đáp: Có người nói: "Vương tử nước Ma-già-đà này có một đầu hai mặt bốn tay. Người thời ấy cho là điềm không lành, bèn cắt thân đầu vương tử ấy bỏ ngoài đồng trống. Có La-sát nữ tên là Xà-la lượm nhặt chắp lại nuôi dưỡng, về sau lớn thành người có khả năng thu gồm các nước liền chọn các vua cùng tám vạn người làm một nước." Lăng-già lại nói: "Xưa có vị vua đi săn, ngựa kinh hãi chạy vào đường hiểm nơi không có người ở, vua cùng với sư tử cái hạnh hạnh xấu, sinh được một người con lớn đặt tên là Ban-túc, sau nối tiếp vương vị thống lãnh bảy ức chúng. Do còn tập khí ăn thịt nên không có thịt thì không ăn, sau liền ăn thịt người nên gọi là La- sát. Ngoài ra cùng văn nay đồng.

"Tứ phi thường kệ": chỉ là Tứ vô thường kệ, đầy đủ trong như Chỉ Quán quyển bảy. Nói "đắc Không bình đẳng địa tức là Sơ địa", kia đã cùng giáo Tiểu tức Sơ quả, Đại tức Can-tuệ địa, hoặc ở Kiến địa, Biệt tức Hoan hỷ địa, cùng Đại kinh Phạm hạnh ý đồng. Nếu vậy thì vì sao nghe vô thường mà ngộ Đại ư ? Đáp: Đã nghe Bát-nhã lại nghe vô thường, sợ còn tiếc nước kia, chánh trợ hợp hành nhân được lợi ích lớn. Đây căn cứ Ban-túc duyên sai khác, nên thuộc nghĩa Thế giới Tất-đàn. "Ngàn vua lấy máu..." tuy mất nước nhỏ lần lượt biết nước lớn, tức sinh thiện thuộc Vị nhân Tất-đàn. Trăm họ bỏ Xá (nhà) khỏi bị thiêu ác, tức Đối trị Tất-đàn. Ban-túc đắc đạo là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Trong câu "Nhân duyên này trích từ Đại luận và các kinh vân vân" thì "vân vân" là: Đại luận cùng các kinh nêu ra đã nhiều nhưng không thể đủ hết, tuy nhiều nhưng không ra ngoài Tứ Tất-đàn. Trong phần "Căn cứ Giáo mà giải thích",là nêu tứ kiến. Biện rõ cõi ngang dọc, thì đầy đủ trong Sớ Tịnh Danh, tức như văn dưới "Thuần các Bồ-tát...". "Theo lệ thì biết....": là dùng "Sa-la" để dụ cho Vương thành. "Giải thích theo Bản Tích Quán tâm ở sau": là sau cùng văn "Núi" hợp nêu Quán tâm, văn sau vẫn lược đều không ra ngoài Bản tích. Nếu theo lẽ trên dưới thì nên nói Bản trụ ở thành Vương Tam-muội Tam đức Tích, ở Vương thành Nhẫn độ. "Lương Võ...": chữ nên đổi thành "Tuy", chim kia tợ như chim ưng, nói tợ chim si, hoặc sợ lầm vui thú mà không dâm, ai mà không

thương loại cái đực đều ở chung muốn kết hợp đều hót lên, kết hợp rồi đều bỏ đi cho nên ví như là hoàng phi. Thi nói: “Quan quan thư cưu tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ quân tử hảo cầu”. Nay người Giang-đông gọi là ngạc (chim thư) ưa ở Giang châu. “Lương Võ” ý nói hình chim Tuy gần như chim Thứu, cho nên dẫn đó thôi! Đây thuộc nghĩa Thế giới. “Lại, giải thích “sơn phong...” là Vị nhân, bởi vì thấy sinh vui lòng. “Lại nói Núi.....” trở xuống, là Đối trị, vì năng diệt ác cũng là phải trị ác. “Lại giải thích....” trở xuống, là Đệ nhất nghĩa. Tam thừa thánh ở Đệ nhất nghĩa.

Tiếp biện rõ “năm ngọn núi” và phần “vấn đáp” sau đó, chỉ là trong Đệ nhất nghĩa giải thích nghi và phân biệt tướng núi, chẳng phải tứ Tất-đàn. Lại kinh Tăng Nhất quyển ba mươi mốt nói “Đức Phật ở núi Linh Thứu, bảo các Tỳ-kheo: Lâu xa đồng gọi là Linh Thứu, lại có biệt danh các ông biết không? Cũng gọi là Quảng-phổ sơn, Phụ-trọng sơn, Tiên- nhân-quật sơn. Núi này thường có La-hán, Bồ-tát đắc đạo có thần thông và các tiên ở, có năm trăm Bích-chi-phật ở. Như Lai muốn trước là khiến Tịnh-cư thiên tử đến đây, bảo khiến ở cõi tịnh này. Hai năm sau Phật hiện ở trong đó, Bích-chi-phật nghe rồi thì thiêu thân nhập diệt. Vì sao vậy? Vì đời không có hai đức Phật, nước không có hai vua, một cảnh giới Phật không có hai tôn hiệu. Núi này cao thấp cũng lại không đồng. Quyển bốn mươi bảy nói: “Đức Phật Câu-Lưu-Tôn bốn ngày bốn đêm đi đến đỉnh núi, Đức Phật Na-Xá ba ngày ba đêm, đức Phật Ca-diếp hai ngày hai đêm, đức Phật Thích-ca chỉ trong giây lát đến đỉnh núi, đều vì người La-duyệt-kỳ mà đi (hạnh). Thời dần dần mạt núi dần dần thấp xuống. Văn thiếu giải thích theo Bản tích. Lẽ ra nói Bản trụ tam đức đại Niết-bàn sơn, Tích ở Linh-thứu. Lại, Bản tích đều có Linh-thứu. Phẩm Thọ Lượng nói: “Thường tại Bản núi Linh-thứu”. “Căn cứ Quán tâm” , thì trước là giải thích “Vương-xá thành”, đầu tiên là lập quán cảnh. Nói “Tâm vương tạo xá”, nghĩa là thức ấm là “vương”, tạo nghiệp các tâm ắt có tâm sở. Nay muốn tiêu vương, lại dùng tâm vương thiện ác để đối xá (nhà) vô ký, cho nên nói “vương tạo”. “Nếu phân tích...”: là tứ quán, đây cho thấy quán giải khác với các kinh khác, nên như Thập thừa, Thập cảnh trong Chỉ Quán. Dưới đều như vậy nên nói “vân vân”. Hai lần sau nói “Hoặc là quán”, tức quán theo hai giáo sau. Cũng phải phân biệt tướng, riêng khác không đồng, đầy đủ như trong Chỉ Quán không thể tức đủ. “Giải thích “Núi” (sơn) theo Quán tâm”, cũng trước lập quán cảnh, chính là phải quán ấm, đầy đủ như Chỉ Quán quyển năm. Trong phần “quán theo hai giáo Biệt, Viên” thì đã nói “núi

tức chánh nhân pháp tánh”, hai đức còn lại ngoài pháp thân thì căn cứ các văn nói. Cho nên, biết quán đây không đồng ý kiến với người khác. Sở dĩ lại căn cứ núi để quán, là vì núi và thành tuy khác nhau, nhưng đồng là Y báo. Thế nên căn cứ Y báo để quán Chánh báo. Lại, các quán cảnh không ra ngoài năm ấm, nay ở đây núi... thì căn cứ ấm là tiện, bởi vì trong các văn thẳng nói: “cảnh trí”. “Tự trú trong đó...”: là dùng Đại kinh và ý kinh này cộng làm tự tha. Định tuệ lực trang nghiêm, tức “tự trú trong đó”. “Dùng đây để độ chúng sinh”: tức an trí các con. “Vân vân”: là cũng nên đối với đây để biện rõ tướng đồng khác của hai quán, phương tiện chánh tu phân biệt cảnh và tâm, và đối hai thứ trước, để biện quyền thật... cho đến bốn quán cũng phải khai hiển...

Tiếp, giải thích chữ “Trung” (trong câu “Phật trụ Vương-xá thành Kỳ-xà-quật sơn trung”) vì ở trong núi thành, giải thích theo Nhân duyên... bốn thứ đầy đủ như kia đã giải thích, nay chỉ giải thích nghĩa chữ “Trung” thôi! Muốn nói lại, trước hết căn cứ sở biểu. Do đầy đủ Tứ Tất-đàn; thường ưa Trung đạo, là Phó dục. Bay lên giữa trời, giữa ngày giáng xuống, là Vị nhân. Giữa đêm diệt, là Đối trị. Nói Trung đạo, là Đệ nhất nghĩa. Các giáo đều có Trung đạo, chỉ có cái khác nhau là hữu thể, vô thể. Giải thích theo Bản tích: Quán lý Viên, là “trung” Bản. Chỉ bày lìa đoạn thường, là “trung” Tích. Kinh này là khai hiển Trung đạo. Nếu giải thích theo Quán tâm, thì tức Không tức Trung đầy đủ cả hai “trung”.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 1
(Phần Hạ)

Giải thích phần “liệt kê chúng”. Đầu tiên, biện rõ thứ lớp, nói “nhiều như vậy”, nghĩa là trong kinh cũng có Bồ-tát sau sẽ liệt kê, đều có chỗ tiêu biểu. Như Kinh Hoa Nghiêm không liệt kê hàng Thanh văn, thuần là Bồ-tát không lẫn lộn. “Xưa giải”: Phần nhiều là ngài Quang Trạch cùng đồng ý với Đại luận cho nên không biệt phá, chỉ tổng kết nói “tợ như hai giải thích”. Trong câu “Nghĩa giải tự ước giáo v.v...” thì chữ “v.v...” là: Sự như nhân duyên, phải đầy đủ Tứ Tất-đàn, Nghĩa tợ ước về giáo lại phải luận tám. Sự tức thân, cho nên thân sơ, Nghĩa tức đế lý, cho nên nói Niết-bàn v.v... Hình phục sai khác nên là nghĩa Thế giới Tất-đàn, “Thân” sinh thiện, “sơ” phá ác, không thân không sơ tức Đệ nhất nghĩa. Trong “nghĩa có” đã dùng ba đế, do đế đối giáo thì bốn có thể biết. Đối với bốn: Tạng v.v... mà biện rõ bốn: Tiệm v.v..., nghĩa kia có thể biết. Lại hai cặp nghĩa đều ưa Niết-bàn và bốn Bồ-tát đều không ưa không đắm, cho nên đều ở Trung, chỉ đến thật lý mới gồm năng lợi người, cho nên ở Trung cầu tông chỉ siêu phàm thánh kia. Nếu coi “nhập Trung” là Bồ-tát, thì chỉ Biệt giáo địa thượng Viên giáo trước sau. Chú gia nói: Thanh văn học “sơ”, thúc giục bên trong, Bồ-tát đạo “thân”, quên bên ngoài. Đây chỉ được Sự mà mất Nghĩa, tợ Tích mà mê Bản, huống lại quán tâm nhân duyên ư?

“Giải thích theo Bản tích” kinh này liệt kê chúng vượt ra ngoài các kinh, bởi vì Nhân, Thiên, Nhị thừa người năng dẫn vốn chẳng phải hạ địa, chúng sở dẫn kham thông biệt ký. Nói “thông”, là ý bao gồm. Nên nói: “Nội bí “đều là Đại tát-đỏa”, vì có khả năng “tích dẫn Nhị biên”, phán định chẳng phải phàm phu, Tiểu thừa. Cho nên, nói Tát-đoả. Bồ-tát lạm Bản nên lại không luận; nên biết cũng lại căn cứ thể dụng luận.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, thì “hậu vân vân” là: Cũng nên căn cứ nhân duyên nêu rõ quán các giáo khai hiển và Bản

Tích quán.

Giải thích "liệt kê Thanh-văn", căn cứ Pháp Hoa luận dùng tám nghĩa: Trước nêu Thanh văn.

1. Hiển rõ tự thân nghe, sau không hủy báng.
2. Nhiếp bất định tánh, hồi tâm nhập Đại thừa.
3. Trừ tôn quí mạn chẳng cứu cánh.
4. Thường theo bên Phật.
5. Hình nghi đồng.
6. Khiến nội quyến bỏ sự ham muốn.
7. Khiến Bồ-tát cung kính.
8. Khiến chúng sinh tin.

Nhưng tám nghĩa trong luận chỉ có một nửa nghĩa thứ hai riêng thuộc kinh này. Do tánh bất định ở cõi này đắc, vẫn thiếu một nửa. Nếu tánh định thì cõi kia đắc, vị lai đắc. Bảy nghĩa còn lại luận chúng trước sau, thông các kinh. Dùng nghĩa thứ hai vào trong bảy nghĩa còn lại, khiến bảy nghĩa ấy mỗi một nghĩa đều có nghĩa thứ hai, mới khiến tám nghĩa hoàn toàn tại kinh này. Nếu nương ý này thì lại có ba nghĩa: muốn biệt ký, biệt khai quyền cho nên trước hiển Bản, bởi vì khiến các nghĩa còn lại vĩnh viễn khác với giáo xưa, cho nên luận về văn ý các kinh nhiều như vậy, do đó thông thích. Nay khiến các giáo tuy cùng lại khác. Phương Đẳng trước liệt vào hạng dùng bốn nghĩa: Vì muốn bài xích đoạt, muốn mật dẫn, khiến thể tin, khiến vị biến đổi. Bát-nhã cũng có bốn ý: muốn đào thải, muốn giáo phó nghiệp, mật dẫn tiến, thành Thục-tô. Cho nên, biết văn Luận thông hai vị trước, như đều có bốn loại khác trước sau.

Luận lại nói: Trước Tăng sau Ni cũng có tám nghĩa:

1. Nam tôn quí, nữ thấp kém.
2. Nhập đạo trước sau.
3. Thầy trò không đồng.
4. Truyền pháp có và không có khả năng.
5. Kết tập tiến thoái.
6. Đồng trụ được, không.
7. Nhiều ít nhường lại.
8. Đắc tán thán có không.

Tám thứ này hoàn toàn thông Tam-muội trước, phần nhiều tại giáo có vị Lạc. Nếu chuẩn đồng là Thanh-văn, thì vẫn thiếu ý thứ hai. Nay trong biệt chỉ trừ giao phó nghiệp, chuẩn theo nghĩa vẫn có, bởi vì đồng là Tỳ-kheo nghe chuyển giáo, nên khi giao phó nghiệp chẳng phải

hoàn toàn không có phần, các nghĩa còn lại đều đồng nghĩa Tỳ-kheo. Trong năm vị, chúng đương thời Tiệm giáo thì nghĩa đó không khác.

Tiếp, nêu xưa giải thích nói: "Đại Tiểu danh văn": ý nói: Danh tức là tên mình, văn tức người khác nghe, do đó danh lớn nghe lớn, danh nhỏ nghe nhỏ. Nay chỉ "y văn" nên phá bỏ giải thích không căn cứ kia. Nói "y văn": Chỉ căn cứ liệt kê nhiều ít để nêu rõ sự hiểu biết nhiều ít. Trước liệt kê "một vạn hai ngàn", lại nói là "chúng sở tri thức", sau nói "hai ngàn" lại không nêu "tri thức". Nếu dùng "danh văn" để giải thích tri thức, thì văn sau hoàn toàn không có "tri thức", làm sao có danh Tiểu, huống chi lại Đại Tiểu thừa hoàn toàn không nhờ vào đây? Đầu "giải thích loại", trước giải thích chung năm chữ, tiếp "Thích luận..." giải thích riêng bốn nghĩa, Tỳ-kheo hợp. Đầu giải thích chung năm chữ thâu nhiếp "các người có đức" cùng những người được nêu là "đại", đâu chỉ khác với chúng dưới mà thôi, trong chúng Tỳ-kheo tiêu chuẩn đó lại nhiều. Ví như: bốn môn, ba giải thoát, chiết thể, thông trí biện Không, chỉ được nói là danh dự cao, còn đức hạnh đâu có thể luận đủ. Nay nói như hạng người cao quí. Tiếp, riêng giải thích bốn nghĩa: Đầu, "Thích luận..." là giải thích riêng chữ "cùng với"(dữ). Đầu văn tức Nhân duyên giải thích. Nếu chia bảy nghĩa theo Tứ Tất-đàn, thì: Thời, Xứ là Thế giới; Giới là Vị nhân; Tâm, Kiến là Đối trị; Đạo, Giải thoát là Đệ nhất nghĩa. Nếu chuẩn theo ba thứ trước tại giáo xưa, thì bảy nghĩa chỉ có ba Tất-đàn "Đạo, thoát..." đều thuộc ý Đối trị. Viên giáo thì bảy nghĩa Nhất đều thuộc bốn Viên. Căn cứ giáo tuy Biệt cứu cánh mà chỉ có Viên, tuy bảy mà đồng cho nên bảy gọi là Nhất. Nhất tức là cùng chung. Tứ giáo chẳng đồng thông tại năm vị, đầy đủ thì như các kinh, không thể thuật hết.

Lại nữa, căn cứ tán thán đức ở Tam tạng giáo: Đồng cảm Phật "thời", đồng "xứ" Lộc uyển, đồng "giới" biệt giải thoát, đồng nhất thiết trí "tâm", đồng vô lậu chánh "kiến", đồng ba mươi bảy trợ "đạo", đồng hữu dư "thoát", đồng là người nghe. Khi nhập Thông tựa đã được thọ ký, toàn thành người Viên giáo bảy Nhất, đồng diệu cảm ứng"thời", đồng thấy diệu y "xứ", đồng đắc cứu cánh "giới", đồng chứng chủng trí "tâm", đồng vô tác chánh "kiến", đồng viên thật "đạo" phẩm, đồng bất tư nghì "thoát". Được thọ ký rồi, tức đồng Bồ-tát, đâu được lại dùng Thanh văn tán thán đức? Lẽ nào người kết tập lầm hạ thấp đức? Cho nên biết tại bốn vị, thời tùy vị mà biến. Kinh gia tùy theo Bản liệt kê ở Thanh văn, cho nên y Bản tán thán. Nếu không vẫn là Bản, thì sao biết Thanh văn có Quyền có Thật. Thật: thì được thọ ký, biết có chỗ theo.

Khi nghe Pháp Hoa thì Đại tiểu có khác nhau. Cho nên, căn cứ giáo phán xét phải thông suốt trước sau. Bảy nghĩa theo ba giáo, thì hoặc bản là ba, hoặc là chuyển nhập. Đầu, căn cứ Tam tạng giáo thì một thứ bảy Nhất vì sinh diệt đồng. Thông giáo thì có hai thứ bảy Nhất, vì phân lợi độn, lợi gồm Viên và Biệt, lẽ ra nói ba thứ bảy Nhất. Lại, Thông thì nói chung là đồng vì một tiêu chuẩn, Biệt thì nói vô lượng. Tự hành hóa tha ngang dọc đều bốn môn, mỗi một môn Tứ Tất-đàn nhập không đồng, Viên giáo nhất là Phát tâm và Tất cánh hai thứ không sai biệt. Nói nên đối bốn giáo vi tế nêu rõ cho đến giáo vị, trước phán sau khai. "Nếu chưa...": một câu ước về Bản tích giải thích, cũng là căn cứ thể dụng mà luận Bản tích. Biệt giáo thì không có Thanh văn, chỉ nói Tạng Thông, nếu Thông bao hàm Biệt cũng có thể luận, vậy thì lược. Lại, Thời và Xứ hai sự lại căn cứ giáo mà luận, cho nên nói Thời Xứ trong Tang tạng giáo lại là một. Nếu theo thời xứ nguyên sơ đắc đạo, hoặc nhiều người cùng xứ, thì lược nêu như văn này, hoặc một người nhiều xứ thì như trong A-hàm nhiều thời xứ.

Hỏi: Đến đây đâu được hai hạng Thanh văn ư ?

Đáp: Cũng là từ đầu nói, đầy đủ như Huyền văn. Rộng trải qua các vị, khó chuyển dễ chuyển. Lại, có khi không trải qua chiết pháp vì vốn người Thông giáo v.v...

"Trực tiếp nêu hai ý..." là muốn nêu rõ khai hiển. Trước lại biện khác. Nói khác ấy là an trí bảy thứ đồng. Lại bảy thứ trong Tạng Thông mà biện khác, thì có ba khác bốn đồng. Vì sao? Vì Thời, Xứ... bốn thứ không thể không đồng, như sở hội sở y sở bẩm sở chứng. Hoặc ba thứ: Tâm v.v..., sao có thể không riêng khác? Vì riêng tu, riêng kiến, riêng hành, đây vẫn là nhất vãng, cũng có thể giới pháp theo riêng mỗi mỗi đều đắc, giải thoát từ người mỗi mỗi đều chứng; vậy thì năm cái khác hai cái đồng. Lại, nếu từ người thì cũng có thể đều riêng biệt. Nay giải thích nghĩa chung, không hợp để luận. Nghĩa phân ra ba, bốn mới thành rộng rãi, Cho nên, lại từ bảy đồng để nói. Đồng và khác theo Biệt giáo, thì nói theo chuẩn có thể biết. Tiếp "Nếu đến..." chính là nêu rõ khai hiển. "Pháp Hoa luận" nói rõ: Được khai thì có quyền có thật, Chưa khai thì đầy đủ bốn, Khai rồi thì chỉ một. Nay "thêm hạng Phật đạo Thanh văn", vì căn cứ người mới nhập. Trong luận nêu "bốn hạng Thanh-văn" là quyết định, tăng thượng, thoái đại, ứng hóa. Luận tự giải thích: hai hạng sau được tbọ ký, hai hạng trước không thọ ký, vì căn độn chưa thuần thục. Lại căn cứ hội này tức trong kinh nói "Sinh diệt độ tưởng", là tánh quyết định. Nếu người kia được nghe mà trong luận

chưa nói, thì ngài Thiên Thân há có thể mê kinh ư ? Kinh nói: “Mà ở cõi kia được nghe Kinh này.” Luận lại một phen căn cứ hiện tại nói, vì vậy Sư nay chỉ loại trừ hạng thượng mạn, tức năm ngàn người đứng dậy bỏ đi. Tuy từ tòa bỏ đi vẫn phán trong Niết-bàn. Nếu bốn hạng Thanh văn y biên được nghe, thì hạng thượng mạn ấy cũng chẳng phải không nghe. Đã nghe lược khai và ở sau, chỉ vì không thể nói hội đây được thọ ký. Ba thứ chủng, thục, thoát từ đầu đến cuối không thể phế, cho nên chuẩn theo văn nay, viễn cận tương vọng, bốn hạng đều đắc. Nay nói “Trụ quả” bao gồm cả Quyết định và thoái Bồ đề. Vì “Trụ quả” biến đổi sai khác cho nên phân hai giáo, cho nên hai hạng tổng lập “Trụ quả”. Lại, “Phật đạo Thanh văn” căn cứ nghĩa kinh mà lập, nếu vậy thì hai hạng Phật đạo và Ứng hóa Thanh văn đều có Biệt Viên.

Hỏi: Ứng hóa và Phật đạo có gì khác biệt?

Đáp: Ứng hóa Thanh văn, là căn cứ thùy tích, toàn là các vị Thánh xưa. Phật đạo Thanh văn, là căn cứ lợi tha, là người mới được thọ ký.

Lại, “Ứng hóa” từ thân, “Phật đạo” từ thuyết. “Phật đạo” có nói lệnh khiến người khác, lại nói lợi tha. “Ứng hóa” có nghĩa phát khởi, lại nói thùy tích, đã dùng Thanh văn làm tên. Ở xưa không gọi là Ứng hóa và Phật đạo, tại nay không gọi là Trụ quả và Quyết định. Trong hạng tăng thượng mạn há không có Ứng hóa? Tứ nhiếp đồng sự sao có thể ngăn cách hạng này ư ? Huống chi trong luận thì hạng Quyết định và Thượng mạn đã đồng nói là chưa thuần thục. Không thể Thượng mạn căn cũng mục nát. Nơi khác nói: “Chưa” là “không” vậy, nên người chưa chết gọi là không chết. Hạ chủng chưa sinh gọi là không sinh, cho nên cả hai hạng Thượng mạn và Quyết định đều có thể phát, là nghĩa quyết định. Lại, trong đây dẫn luận giống như “Giải thích theo Bản tích”, Ứng hóa là Bản, ba hạng Thanh văn còn lại là Tích. Hóa vì ba hạng Thanh văn còn lại không có nghĩa khác! Chỉ thiếu quán tâm, tức bảy nghĩa Nhất của hai giáo trước là cảnh, bảy nghĩa Nhất của hai giáo sau là quán. Lại Thời, Xứ, Giới, là cảnh. Tâm, Kiến, Đạo, Thoát là quán. Nghĩa Thanh văn thì mênh mông, quí nhân chẳng luận, nhưng dùng giáo để nói Đại thừa Thanh văn thì chưa được thông hiểu. Nay nói Ứng hóa, là theo Bản mà nói, căn cứ chúng hoàn toàn ở trong Tiểu thừa. Nói “mênh mông” nghĩa là: Tạng Thông... tám môn, mỗi môn bốn thứ, mỗi môn đều có “Phật đạo Ứng hóa”. Tích tại giáo trước, lại đồng số trước. Căn cứ Bản, lại ứng với Địa, Trụ. Địa, Trụ và hành hướng Địa, Thượng mạn sở lạm lại đồng số trước. Nơi khác thì không căn cứ giáo, xưa nay, Bản tích, quyền thật, khai hợp v.v... để giải thích, mà chỉ nói

trụ quả và phương tiện v.v... Vì vậy, nên quí nói do chứng Niết-bàn. Nói “vân vân”, là đủ như trước nói.

Giải thích chữ “đại”: Trước đã giải thích chung với chữ “dữ” (cùng với). A-nan cùng hai vạn người kia: Không phải trực tiếp cùng với người mà nên cùng với người có bảy thứ. Trong bảy thứ ấy đều là “đại” cho nên nói “cùng với đại”. Chữ “cùng với” đã có bốn giải thích không đồng, nghĩa chữ “đại” theo lý phải căn cứ theo kia. Lại, trước nghĩa chữ “cùng với” bao gồm Thời v.v..., nay giải thích chữ “đại”, chỉ ở người đầy đủ bảy, lại gồm nghĩa Đa thắng. Lại, giải thích chữ “cùng với” nghĩa gồm năng, sở. Nay giải thích chữ đại chỉ có sở. Đây theo A-nan chỉ người khác là đại. Trong đây đầu tiên dẫn luận văn vì Đại phẩm tại tiểu tâm chưa chuyển. Tiếp, nay ý Sư cũng đầy đủ ba văn, do mỗi một văn cũng bao gồm ba nghĩa trong luận. Lấy ba nghĩa này thông gồm Tứ Tất-đàn. “Đại” tức Thế giới, “đa” tức Vị nhân và Đối trị, “thắng” tức Đệ nhất nghĩa. Lẽ ra nói rõ đầy đủ ba niệm cùng ngoại nhân có khác, và dùng ba niệm đối với nguyên do “đại, đa, thắng”, trở lại đem ba niệm để đối Tứ Tất-đàn, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển mười ghi. “Tứ Vi-đà”: Như dưới Kinh sớ quyển năm và Chỉ Quán quyển mười nói. Tiếp, trong phần “Căn cứ giáo để giải thích”, ghi lại phần đầu giải thích phán xét thuộc Tam tạng. Căn cứ văn trước, nên chỉ nói là “sở kính...” Trước từ: “Nay nêu rõ...” là ứng nghĩa thông thiên viên, do trong văn trước lại đối ngoại giải thích, cho nên nói “giải thích theo Tam tạng”.

Tiếp “Đại, là...” là căn cứ ba giáo sau. Đầu tiên nêu nghĩa “đa”, chỉ là căn cứ sự, ba thứ sau không thể lại thêm số kia, chỉ căn cứ sở tri để giải thích “đa” kia (nhiều). Trước là giải thích theo Thông giáo “đại đa thắng” ba chữ, mỗi chữ đều đủ ba nghĩa. Phần sau này về sau dần dần ưu việt hơn trước. Căn cứ Biệt Viên: Xưa tức từ ban đầu, nay từ khi được thọ ký, biệt còn giáo đạo. Nói “đại lực La-hán”: là “đại” trong hàng La-hán, tức là Vô nghi giải thoát.

Tiếp, trong phần “Giải thích theo Bản tích”, đầu tiên thuật ba thứ “đại, đa, thắng” trong Bản, tiếp từ “Trong Tích...” là thuật ba thứ “đại, đa, thắng” trong Tích. Đầu tiên nêu bản đại, tiếp “Bản đắc...” là nêu bản thắng; tiếp “trước đã...” là nêu bản đa. “Than thở”, mưu sự, mưu tính nên mới than chẳng phải thường như vậy. Nói “Thắng tràng” là mượn văn Đại phẩm. Nói “vượt qua (siêu) các ngoại đạo”: Chuẩn theo lý nên nói vượt qua các thiên, Tiểu, chỉ vì sở siêu tuy gần mà năng siêu thì xa, đối lý cũng thành. Tiếp, “trong Tích”, đầu tiên chỉ ái kiến tức

tại Nhũ vị, cho nên ở đây năm vị thông một vạn hai ngàn, hoặc Quyền hoặc Thật đều phải kinh qua. Nay theo Quyền, cho nên nói Tích. "Lâu rồi vậy vân vân": đều có Bản từ lâu, tùy Bản dài ngắn, trung gian thiết hóa ngày nay cũng tại Thích Tôn trải qua các vị.

Trong phần "Giải thích theo Quán tâm", trước trực đối ba, tiếp tuy căn cứ Trung nêu đầy đủ "đại, đa, thắng" mà cũng là ứng với căn cứ Không, Giả đều cả ba. Nói "nhất tâm, nhất thiết tâm": Tâm cảnh đều có tâm đều thâu nhiếp tất cả. Tất cả không ngoài Tam thiên; đầy đủ như văn Chỉ Quán quyển 5 nói. Nếu chẳng phải Tam thiên thu nhiếp thì không khắp. Nếu chẳng phải Viên tâm, thì không thu nhiếp Tam thiên. Cho nên, Tam thiên tổng biệt bao hàm Không Giả Trung. Một văn đã như vậy, văn khác căn cứ theo đây, cho nên hướng đến nghĩa năm vị thông cả trên dưới, văn nương trong đó.

"Giải thích nghĩa Tỳ-kheo", dẫn lời ngài Triệu Công trong Sớ Tịnh Danh nói ngài La-thập và bốn đệ tử thuộc đời Ngụy Tần, cho nên gọi là "Tần nói".

Triệu Công nói có bốn nghĩa:

1) Tịnh mạng khất sĩ.

2) Phá phiền não.

3) Năng trì giới.

4) Bố ma.

Ngài Cưu-ma-la-thập nói nghĩa một là "đầu", ba nghĩa sau là "cuối", đầy đủ hai thứ này thì ma bố (sợ), Phá phiền não và Năng trì giới là nhân Bố ma. Dẫn luận thiếu nghĩa Năng trì giới, phá ác chỉ là Phá phiền não. Cho nên, chỉ ba nghĩa mà thứ lớp không đồng và chung cả sơ tâm khiến ma sợ... cho nên nói phá ác. Vả lại tại thân khẩu, chẳng phải không đoạn hoặc. Đã đều ở ban đầu khiến nghĩa của ngài La-thập hoại, sao lại để Trì giới Phá hoặc ắt tại "cuối cùng"? Lại ngài Triệu Công chỉ dịch tên kia mà nói danh bao hàm, không nói đầu cuối, nay học giả sao khiến ma sợ ư ? "Ngũ hệ": Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. "Thứ nhất Điền...", Điền tức nông. Nên nói "tại gia bốn thứ như pháp" lại thêm Công. "Niết-bàn bảo lương..." nêu kinh nghĩa lược, tuy lại không đủ ba nghĩa bốn nghĩa, mà phá ác là căn bản. "Nay nêu rõ ba nghĩa này nên thông đầu cuối", là nghĩa thì nếu căn cứ giáo gồm bài xích hai ngài Triệu, Thập. Nay chẳng phải chỉ dùng luận văn thông sau, lại thông các giáo, huống chi luận chỉ thành một giải thích theo Nhân duyên. Nếu ở trong đó lập tứ Tất-đàn, thì Bố ma tức Thế giới Tất-đàn, Khất sĩ tức Vị nhân, Phá ác tức Đối trị, xuất giới tức Đệ

nhất nghĩa. "Y Kinh gia..." nghĩa ắt thông ban đầu, chứng tín ắt về sau, hướng đến trong giải thích Khất sĩ dùng "cầu" để giải thích "khất", mới dùng lìa tà trải cảnh cầu định v.v... là Tam tạng giáo. Chưa thể đối cảnh tức lý, cho nên đến Thông giáo mới nói lý cầu chân phá chướng... Biệt giáo nói tám ma mười ma: Phá ác đã giải thích nghĩa ma rất sâu, cần phải xa, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Trong Viên giáo, chẳng phải không phá tám phá mười, chỉ coi Thật tướng là chánh, Phá ác là phụ. Bố ma cũng vậy. Trong phần "Giải thích theo Bản Tích", các Tỳ-kheo ở đây sâu cạn chẳng lường cho nên chưa thể định phán địa vị kia. "Tích chỉ bày năm vị", nếu không căn cứ năm vị thì chẳng phải Tỳ-kheo của kinh này.

Trong phần "Giải thích theo Quán tâm" thì "Gông cùm": Là chân tay bị trói buộc. Hai đế như gông cùm, "đại tuệ" như cởi trói. Vận niệm là "vô trụ", vọng cảnh là "vô trước", cho nên không đắm trước cảnh trí thì ra khỏi hai nhà sinh tử. "Khất sĩ, Bố ma" căn cứ giải thích có thể thấy... Trong câu "tức là Bố-ma vân vân", thì chữ "vân vân" là: Trung quán đã vậy; Không, Giả và dùng thứ lớp không thứ lớp... đối giáo có thể thấy.

"Chúng": Dùng một vạn hai ngàn, sự pháp hòa. Nếu làm Tứ Tất-đàn, thì: phần đầu là Thế giới Tất-đàn, vì chúng hòa hợp. "Phật thường..." là Vị nhân, vì sinh vật thiện. "Thích luận..." là đối trị, vì phân biệt người ác. "Trong đó..." là Đệ nhất nghĩa, vì tại chân thật. Nói "Sự hòa...." là Tăng, giới, pháp... đều thuộc sự. "Pháp hòa": như bảy thứ cộng trước, đồng chân lý. "Chín mươi người đắc tam minh": Trong đó gồm hai mươi chín văn đồng. Xá-lợi-tử hỏi Phật: Trong năm trăm Tỳ-kheo có bao nhiêu người đắc Tam minh, bao nhiêu người Câu giải thoát, bao nhiêu người Tuệ giải thoát? Phật đáp, như văn. "Tam minh": tức vô nghi giải thoát, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. "Tịnh mạng", nói đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. "Năm phương tiện": Tứ niệm xứ và Tứ thiện căn. Ngũ đình tâm thì không phải pháp chánh quán. "Khổ pháp nhẫn trở đi": sau Thế đệ nhất có mười sáu sát na. Đệ nhất tâm trở đi, thì gọi là chân thật. "Thiên Viên năm vị": năm vị không ra ngoài Thiên Viên, Thiên Viên không ngoài bốn giáo. Nói "Nay chánh là...": Đương chứng tín thời, đã thâu hoạch thọ ký.

Trong phần "Giải thích theo Bản tích", thì trong câu "Dẫn các chúng sinh vân vân", chữ "vân vân" nghĩa là: Đầy đủ như Huyền văn quyển bảy nói, trong nhị đế thì quả thật là căn cứ năm vị để nêu ý giáo vượt ngoài tướng trạng kia.

Tiếp, trong phần "Giải thích theo Quán tâm", nói "Nếu khác..." là dựa vào kinh này thành pháp quán. Nếu không y trung đạo tuệ mạng quán hành thì nên gọi là "Tăng phá mười giới". Không giải tướng cứu cánh Ba-la-mật, nhất tâm thập giới thuyên lượng luật, gọi là "Tăng ngu si". Ngũ phẩm lục căn, gọi là "Tăng tàm quí". Sơ trụ trở đi gọi là "Tăng chân thật". Cũng hợp với chú thích... Trải qua nhị đế thập giới trước... và ước bốn giáo khắp làm tướng quán. Trong "phần thứ hai nêu Số" nêu thẳng số tức Nhân duyên. Cũng có thể trong nghĩa đó lập tứ Tất-đàn: Số sai khác là Thế giới Tất-đàn, nghe số sinh thiện là Vị nhân, phá ác nhập chân, theo lệ có thể biết. Không giải thích theo giáo, vì giáo biệt số đồng nên giải thích không sai khác. Nếu tùy số sinh giải tức là giáo sai khác.

Hỏi: Phàm liệt nêu chúng và người đắc đạo vì sao số kia chắc chắn hoàn toàn không thiếu?

Đáp: Đại luận trong phần giải thích câu kinh "Một phần năm ngàn trong số lớn", nói rằng: "hoặc tăng ít hoặc giảm ít vẫn còn là số lớn.

Trong phần "Giải thích theo Bản Tích" nói "Bản là..." thì có người thắc mắc:

Hỏi: Phàm nói Tích thì đều trước là có Bản, lẽ nào một vạn hai ngàn nguyên đều là đại quyền? Nếu vậy, thì chỉ có năng dẫn mà không có sở dẫn ư ?

Đáp: Lý thật như vậy, chỉ muốn chia đều dùng bốn nghĩa cho nên nói "đều có", nhưng Bản không đồng, sự cần phân biệt. Nếu đã nhập Viên vị, thì người năng dẫn thành hai chúng Phát khởi và Ảnh hưởng, rõ ràng Bản là Bồ-tát, giáng xuống đây rồi, ngoài từng phát đại tâm cũng gọi là Bồ-tát. Người vốn trú Tiểu thừa thì đối với kinh Đại thừa chưa từng phát tâm, còn gọi là Bồ-tát. Trong đây đầy đủ có Thoái đại, Ứng hóa và vốn trụ Tiểu thừa. Hạng Thoái đại, Trú tiểu thì sau được thọ ký đều có thể làm chúng Đồng nghe.

Hỏi: Tam chu thọ ký số người không nhiều, số đó không ở hội khiến vì chuyển nói , những người này lại chẳng phải, trong giới hạn của chúng Đồng nghe, vì sao trong đây một vạn hai ngàn ư?

Đáp: Trong tam chu số chánh tuy ít, như khi Xá-lợi-phất được thọ ký, bốn chúng tám bộ được chuyển theo, cho nên trong tam chu cũng có hạng Ứng hóa cùng thực hành, đồng thời được thọ ký, cho nên trong Luận nói: "Thoái đại Ứng hóa hai hạng cùng được thọ ký", tức ý kia vậy.

Như chúng Bồ-tát chỉ nêu tám vạn, phẩm Phân Biệt Công Đức thì

số được thọ ký có lẽ nhiều, nên biết hai chúng Đại tiểu liệt kê thành chúng Đồng nghe, không thể mong được thọ ký.

Trong phần "Giải thích Số theo Quán tâm", thì Giới, Nhập mỗi mỗi đều đủ mười giới, chính là đương diệu cảnh, các văn chỉ nương năng quán quán thôi! Núi và thành tuy căn cứ ấm làm sở quán, cũng chưa kết thành cảnh bất tư nghì. Lại đem số nhập vào Lý, số đó tức thành cảnh, cảnh quán tương đối đều gọi là "pháp môn". Lại, cảnh căn cứ Giả biên mà lại còn số kia. Không, Trung còn không có, thì số kia làm sao có? Nhưng phải căn cứ Giả để lập Không, Trung, quán cũng như vậy.

Trong "phần thứ ba: Giải thích Vị", ban đầu nói "đều là La-hán", căn cứ sau thì đều thành đại Bồ-tát, tức căn cứ giáo thì là người Viên vị. Trong đó trước dịch tên thì nghĩa đương nhân duyên, tiếp xen lẫn nhân duyên để thành sơ giáo. Trong nhân duyên đầu tiên nói rõ nghĩa "hữu phiên". Kinh A-Bạt nói nêu cả hai năng và sở. Ứng là trí năng ứng, chân là lý sở ứng. Người dùng trí ứng lý, cho nên nói "ứng chân". Kinh Thụy Ứng nói: "Tuy giống như nêu cả hai mà ý chỉ năng chứng, chân là sở chứng. Người chứng chân nên gọi là chân nhân. Ba nghĩa như sau giải thích. Tiếp. Trong "vô phiên" có ba": 1. Từ quả giải thích; 2. "Hoặc nói..." là từ nhân; 3. "Nếu luận..." là phân biệt danh sở tùng. Trong nghĩa đầu tiên nói "ruộng đời sau...": "Đời (thế)" chỉ là hữu, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói.

"Chín mươi tám sử", là trên tám mươi tám sử gia thêm mười tư duy. Nếu làm nghĩa Tứ Tất-đàn thì ban đầu nêu "hữu phiên" tức Thế giới, trong "vô phiên" chung nhân là Vị nhân, sở tùng là Đối trị, tùng quả là Đệ nhất nghĩa. Căn cứ trong giáo, nói "Bất tặc" cũng là theo Nhị thừa mà đặt tên. Nếu đối Viên Biệt thì vẫn còn gọi là "tặc", vì vậy nên phải "sát". "Bất sinh sinh": Thủ vô vi chứng, sinh nơi giới ngoại, bất sinh đó là sinh cho nên không khiến sinh. Cùng cho sở ứng kia, gọi là "Cung ứng". Như trong Kinh A-hàm nói: "đức Phật đến A-lan-nhã, nói với các Tỳ-kheo rằng...", đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. Lại, nên phân ra hai giáo trước pháp năng sát sai khác, hai giáo sau "Bất tặc" cũng sai khác. "Đều tán thán đức Sơ địa Sơ trụ": Trước các nhà hữu phiên (có dịch) thì dùng ba nghĩa để đặt tên, tiếp các nhà vô phiên (không dịch) thì dùng ba nghĩa làm nghĩa, nghĩa tức là "đức". Cho nên, căn cứ trong giáo thì dùng ba nghĩa làm đức. Nếu căn cứ nhập vị bất định thì đầy đủ nên nói Địa, Trụ trở lên, giáng làm Phật rồi trở lại, tức căn cứ Biệt Viên tán thán bản căn cứ trở lại.

Trong phần "Giải thích theo Bản tích", giải thích hai lần, đầu tiên

căn cứ ba nghĩa tiểu, tiếp căn cứ ba đức đại. Trước nương vào danh tích để trình bày Bản tích, sau là căn cứ danh Bản để thông đến Tích, muốn nêu rõ danh thông nghĩa biệt. Nếu căn cứ thể dụng giải thích, thì trước giải thích theo dụng để nêu rõ thể, sau giải thích theo thể để lập dụng. Lại trước giải thích ba nghĩa để thông xưa, sau giải thích ba đức mà chỉ nay. Nếu lâu xa bản tích thì bốn thứ đều là tích. Nay gồm hai lần cho nên đại tiểu đều lập tên Bản. Vì sức nghĩa vô tận, cho nên chú thích "vân vân". Sở dĩ Bản là bình đẳng đại tuệ, vô phá bất phá, mới năng chỉ bày tích các giáo Bất sinh. Bản chứng giải thoát vô tặc bất tặc, mới năng chỉ bày tích các vị Sát tặc. Bản đắc Pháp thân phi ứng bất ứng mới năng chỉ bày Tích làm "Ứng cúng".

Trong phần "Giải thích theo Quán tâm", trước trực tiếp dùng ba đức đối ba quán giải thích, do ba đức là cảnh nghĩa có thể thông quán. Tiếp trải qua quán để đối giải thích ba nghĩa trong danh, cho nên mỗi mỗi quán đều đầy đủ "Sát tặc"... ba thứ. Bên trên trong Bản tích, thì trước là đối giải thích danh, tiếp đối ba đức. Đây thì trước là đối đức, tiếp đối ba danh. Trong đó trước Không tiếp Trung. Trung lại có hai: Trước giải thích ba nghĩa, tiếp, dẫn kinh chứng minh để chỉ cúng dường, tán thán danh tự, quán hạnh, vị, nhân, công đức sâu. Dẫn kinh văn Phương Đẳng, đầy đủ như Chỉ quán quyển hai nói. "Văn dưới nói..." là Phẩm Pháp Sư nói: "Phật bảo Dược Vương! Nếu có người ác, do tâm bất thiện chê mắng người tại gia, xuất gia đọc tụng kinh Pháp Hoa, thì tội ấy rất nặng". Đầy đủ như văn dưới.

"Bát phong": Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. bốn nghịch bốn thuận. Phật còn phải lâu mới lìa vô minh nghịch thuận, huống chi nhân gian ư ? "Mất thời cơ tốt": nếu sinh ưu khổ thì lỡ dịp đạo hợp. "Đại tổn vân vân" Sở dĩ dẫn Phương Đẳng và kinh này vì hai kinh đây tức là danh tự quán hạnh bất sinh..., cho đến tất cả văn quán hạnh đều nên dẫn, chỉ vì trong đó quán hạnh vị thuận tiện. Trong đây "dẫn Pháp Hoa luận..." luận kia chính căn cứ tất cả mười sáu câu, đều có ba môn:

1. Thượng thượng khởi môn, dùng sau giải thích trước.

2. Tổng biệt môn, dùng một câu "đều là A-la-hán" gọi là tổng, các câu dưới giải thích trên cho nên dưới gọi là biệt. Nay trước căn cứ luận dùng Tổng biệt môn, không dùng các câu ở luận văn, chỉ dựa vào năm câu của diệu kinh để giải thích, vẫn hợp năm câu để làm ba đức.

3. Nhiếp thủ sự môn: Trong luận liệt kê đủ tất cả mười sáu câu để giải thích đối sự, luận văn chỉ đem mười sáu câu để giải thích năm câu, không nói kinh thiếu. Cho nên, mười sáu câu nay văn không dùng. Từ

đầu biệt cho nên tổng căn cứ giáo xưa tán thán.

"Tam lậu": 1. Dục lậu, là tất cả phiền não ở Dục giới, trừ vô minh. 2. Hữu lậu, là tất cả phiền não hai cõi trên, trừ vô minh. 3. Vô minh lậu, là vô minh ở ba cõi. Dẫn hai luận một luật: "Thành luận" căn cứ nghĩa mất, lợi thông nhân quả, "Luật" chuyên tại nhân, "Tỳ-đàm luận" chỉ quả. Do mất lợi nên nhân quả đều mất. "Bởi do..." là lại giải thích ba cái mất và nguyên do mất. Đầu tiên, giải thích mất lợi do nơi nghợp nhân, tức ý của "Thành luận". Tiếp "Tạo các..." là giải thích nhân chiêu cảm quả, tức khổ sinh tử, nhân tức "Luật văn", quả tức "Tỳ-đàm". Tiếp "Bỏ Pháp thân...." lại giải thích ba câu, do ba lỗi trên nên mất ba đức, đoạ sinh tử nên "bỏ Pháp thân", tạo nghiệp nên "mất tuệ mạng", lỗi đạo cho nên "mất báu quí trọng". Ý nói: trong kinh một câu "các lậu" tức là phiền não, ba tướng mất đạo v.v... do đó mà có, đồng gọi là "lậu", thế nên dẫn chứng. Tướng của "lậu" như thế nào? Cho nên ở đây biện minh rộng Kiến, Tư. Các câu dưới đều phá cổ nhân (người xưa) giải thích ba đức không đúng, cũng có thể thấy. "Phiền não..." giải thích câu tiếp, câu đầu căn cứ nhân quả tương đối, câu đây hoàn toàn nói nhân. "Sử... "là "chín mươi tám sử", thông làm năng sử, đoạ lạc sinh tử lấy đó làm sở sử. "Lưu" tức Tứ lưu nghĩa là Dục, Kiến, Hữu, Vô minh. "Ách" tên đồng với Lưu. "Triền" tức thập triền. Câu-xá nói: "Triền" có tám: Vô tàm, vô quí, tật, xan, hối, miên, trạo cử, hôn trầm, có khi là vì mười thêm phẫn, phú. "Cái" nghĩa là ngũ cái. "Đãi đắc" là đến kịp, chánh vì trừ hoặc nên công đức nói kịp (cập). Nói "Công đức Trí, Đoạn": là do trước "sát tặc" thành công đức Đoạn. Đoạn ắt đầy đủ Trí công, thành "lợi mình". Do "lợi mình" cho nên kham "ứng cúng". Tiếp, "Tận các hữu kết..." nêu nhân quả đều trừ nên rõ "tâm được tự tại". "La-hán chỉ nên kết tận...", "Hữu tận", Chẳng phải nay tán thán cho nên nói "chỉ là trong nhân nói quả". "Hữu": Nghĩa là báo tại hai mươi lăm hữu sinh xứ. "Tận tại không lâu": Ví như Ca-diếp đợi cho đến khi Đức Phật xuất thế, cũng không gọi "lâu". Nếu La-hán đều dùng biên tế định lực đem báo thân này nhập biến dịch, thì thân Phật sao nhập Niết-bàn ư? Nếu nói thân Phật quyền thị hiện, thì giáo kia văn nào nói quyền thị hiện ư? Hết thảy La-hán nếu đến thời Pháp Hoa đều hồi tâm, thì vì sao ngoại trừ bốn đại La-hán, mười sáu La-hán, còn lại đều nhập diệt. Nhục thân Bồ-tát đắc vô sinh lẽ ra đều không diệt. Câu "tâm tự tại" giải thích câu trên, hai giải thoát ắt lậu tận, nhân tận ắt quả vong, tuệ giải thoát tuy thoái mà đời nay ắt đắc. "Người câu giải thoát" ắt có tuệ, cho nên nói "cụ túc", cho nên coi phiền não là giặc, sinh tử là sinh. Sở dĩ người xưa

không hiểu ý chỉ đây, cho nên lầm lỗi. Thế nên, biết câu ngũ đức tam pháp chỉ là một. Y luận tổng biệt giải thích đã xong.

Tiếp, nếu y luận dùng “Thượng thượng khởi môn” thì ý luận dùng câu đầu giải thích câu La-hán xong, cho đến dùng câu năm giải thích câu bốn, còn lại không giải thích. Căn cứ đây chính là các câu dưới lần lượt giải thích-câu trên, cho nên được gọi là “Thượng thượng khởi môn”. Vậy thì năm câu đối với câu La-hán cũng thành Tổng biệt và Thượng thượng khởi.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, đầu tiên nêu năm câu là bản ba đức, tiếp “Tích chỉ bày...”, là chỉ nhị thừa, năm câu ba đức là Tích. Đầu tiên, trở lại y vào xưa là đức Bất sinh, cho nên Bản trụ bí tạng chỉ rõ ba đức La-hán. Niết-bàn là tổng dùng đối Bất sinh, tức hai câu đầu. Chữ “phiền não” là câu “phiền não tận”. Chữ “lậu lưu” là câu “Các lậu tận”. “Không còn...” là giải thích hai câu trên, nêu rõ lìa nhị biên tức “Bản bất sinh”. “Pháp thân...” là giải thích “Bản lợi mình”. Hai câu trên tuy tổng nêu Niết-bàn, mà nay nêu Niết-bàn là lợi mình, cho nên phải thuật riêng. Trong hai câu này, thì câu trên nêu tu, câu dưới nêu tánh, tu tánh tương đối. Trí Đoạn đối Pháp thân tu ba đức. Hai chữ “thật tướng” là tánh pháp thân, hai chữ “công đức” là tánh hai đức. Bản lợi tu tánh, cụ túc chỉ đủ nhị thừa ba đức. “Được Vương Tam-muội....” là nêu rõ Bản tích hai câu bốn và năm, cũng y Sư xưa làm đức “sát tặc, phá hữu” tức câu thứ tư, ngã tánh tức câu thứ năm do phá phiền não tặc. “Vương Tam-muội”: Huyền văn giải thích hai mươi lăm thứ Tam-muội đều đầy đủ bốn nghĩa:

1) Các hữu tội lỗi.
2) Bản pháp công đức.
3) Kết hạnh thành.
4) Từ bi phá hữu.

Bản địa công đức, từ lâu đã thành tựu bản ba đức. Tội lỗi tức là ba thứ tặc..., bản ba đầy đủ tức kết hạnh thành. Bản, thời ứng cúng là phá hữu. Nay lại dùng nghĩa xưa, do không mất Đại cho nên biết “đã tận”, cũng là “bất sinh”, tận kết nghĩa thông sát tặc. “Tám tự tại ngã” cũng gọi là tám thần biến đầy đủ như trong Chỉ Quán và Thích Tiêm nói.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” cũng đầy đủ năm câu: Đầu là hai câu nói đức đầu tiên. “Năng quán...” là một câu nói đức kế tiếp. “Chánh quán...” là hai câu nói đức thứ ba. “Tuy có phiền não...” là lập lại giải thích hai câu trong đức thứ ba. Đầu giải thích câu đầu. “Không đoạn...” là giải thích câu tiếp, “như không phiền não” là kết

tận, “mà nhập Niết-bàn” là tự tại. Căn cứ danh tự quán hạnh, đều được gọi là “như không có phiền não, nhập Niết-bàn”.

Trong “Phần thứ năm: Liệt danh”, đầu tiên tổng chia làm năm: 1. Hiện số. 2. Lập danh ý. 3. Chứng lập ý. 4. Tiêu Thích ý. 5. Dụng nghĩa ý. Trong dẫn chứng phần nhiều dẫn kinh A-hàm, như trong kinh Tăng Nhất liệt danh bốn chúng, đều có thiên về tốt để dẫn đồng loại. “Mỗi mỗi có bốn giải thích vân vân”: tức nhân duyên... bốn thứ không liệt kê nữa. Nhưng các thánh nhân duyên phần nhiều dựa vào sơ giáo vì là bắt đầu cảm ứng. Cho nên các Thánh ban đầu nhân đều ở ngoại đạo, vì phá ngoại đạo, ở trong Thích chủng được điều phục, được dẫn dắt làm chủ và sẽ dẫn dắt tiếp chúng. Vì vậy nói đầy đủ sự nhập thai, lập hạnh, quyến thuộc, Thầy bạn, hoặc nghịch, hoặc thuận, năng hóa sở hóa. Dù có thủy chung cố chấp không chuyển, cũng là nguyên do đời sau được phá. Hiển bày các Thánh thì Tích không chỉ lập ra, mỗi mỗi ở đều có cảm ứng, cho nên nghĩa Tứ Tất-đàn mỗi mỗi nên biết. Kinh Tăng Nhất kia nói chúng Tỳ-kheo liệt kê một trăm người, có người kiến lập phước, có người kiến lập doanh trại phòng xá, có người năng điều phục ngoại đạo, có người hay cung cấp vật dụng cho người bệnh, có người du hạnh giáo hóa, có người thôi làm việc, chấp tay ngay thẳng, có người ưa mặc y tốt, có người xấu bên ngoài không thẹn, có người ăn không chán đủ, có người nói năng thô vụng. Trong Ni chúng liệt kê năm mươi người: Như Câu-đàm-di Ni đầu đà khổ hạnh, Gia-thâu-đà-la hàng phục ngoại đạo. Trong hai chúng thế tục đều có điều tốt đẹp riêng. Chỉ nhân duyên các Thánh, thì văn nay lược, trong Đại luận nêu đủ rõ. Sự tích tuy biệt, đều là đại quyền.

Trong phần “Giải thích A-nhã Kiều-trần-như” thì phần đầu là Thế giới. “Nguyện...” là Vị nhân. “Hạnh...” là Đối trị. “Thái tử...” là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa đây vẫn tại giáo xưa chỉ do giáo lựa chọn tiến hay không hay không tồn tại, tùy sự chuyển mà giải thích khiến thuận tứ Tất-đàn. Đoạn dưới đều như vậy.

Trước kia thờ hỏa: tuy thờ hỏa nhiều chẳng phải ban đầu đắc đạo hỏa không thành đức, cho nên bắt đầu đắc đạo được tên Chiếu Thiêu tức phá tối tăm, nhân diệt vật diệt thì quả mất, ban đầu quả tuy chưa mất sau ắt mất. Như người rơi xuống hang núi, không biết chính là biết không, Phạm âm là đảo, biết được không tức là chân đế, cho nên dẫn Chân đế trong Nhị đế.

Tiếp dẫn hai kinh một luận: Bản tế chỉ là biết chân đế. “Nguyện”, là rút trong kinh Nhân Quả, tức Phật khi làm Bồ-tát bản nguyện độ

trước. Tiếp, “Lại, Ca-diếp...” tức là nguyện mình. “Xét rằng đêm dài...” là Trần-như hưng khởi so sánh, sinh tử như đêm dài của thế gian, mặt trời xuất hiện khiến thức tỉnh. “Nhật quang”: là các đại La-hán và các Bồ-tát, cho nên ánh sáng của sao, mặt trời đều phá sự tối tăm lớn của tự thân mình. “Vào núi học đạo....”: Kinh Trung A-hàm quyển năm mươi sáu và kinh La-ma nói: Đức Phật tại giảng đường Lộc Mẫu bảo các Tỳ-kheo: “Có hai thứ cầu: 1. Thánh cầu. 2. Phi thánh cầu. Thánh cầu: an ổn Niết-bàn. Lúc ta làm đồng tử mới mười chín tuổi, đi đến chỗ ông A-la- la-ca-ma-la hỏi rằng: Nương pháp ông hành Phạm hạnh có được không? Đáp: Có thể được. Hỏi: Vì sao pháp này tự biết chứng? Tiên đáp: Ta đã vượt qua Thức xứ, đắc Vô sở hữu xứ; tức liền đến viễn ly xứ tu chứng đắc rồi, thì trở lại đến chỗ tiên thuật lại việc mình đã chứng đắc. Tiên hỏi: Ông đã chứng Vô sở hữu xứ chưa! Ta đã đắc ông cũng đắc ư ! hãy cùng nhau lãnh nhận chúng. Ngài lại nghĩ pháp này không đi đến trí tuệ, không đi đến Niết-bàn, đâu có thể lại cầu chỗ an ổn ư! Vì vậy nên lại đến chỗ Uất-đà-la-la-ma tử, nói: Tôi muốn học theo pháp của ông! Vị kia đáp: Được! Ngài hỏi: Ông tự biết chứng ư? Đáp: Ta vượt quá Vô sở hữu xứ, đắc Phi tưởng định, ta từ lâu đã chứng đắc. Ngài liền tu theo và đắc định, v.v... cho đến lãnh nhận chúng. Ngài lại nghĩ rằng pháp này không hướng đến Niết-bàn, liền bỏ đi đến núi Tượng đầu thôn Bề-la-phạm-chí bên dòng sông Ni-liên-thiền, trải tòa ngồi thiền, thề không đứng dậy, sau Ngài đắc vô thượng an ổn Niết-bàn, đạo phẩm thành tựu bốn trí đầy đủ.

Tiếp đó, Ngài suy nghĩ ai đáng được độ trước, nghĩ rồi biết đâu có thể độ trước hai vị Tiên, trên hư không có tiếng nói: Hai vị ấy đã mạng chung, trải qua bảy ngày, ta cũng tự biết. Nghĩ rằng: Nên độ Uất-đà-la-la-ma tử. Chư thiên lại bảo vị ấy chết đã hai tuần, ta cũng tự biết. Nhân lại nghĩ rằng: Xưa năm người theo giúp ta rất khổ nhọc, nghĩ rồi quán biết năm người đó đang ở thành Ba-la-nại, rồi liền đi đến. Năm người kia xa thấy đức Phật tiến đến, liền bảo nhau rằng: “Sa môn ấy ham cầu nhiều ăn uống gạo lứt tô mật dầu mè xoa thân, nay lại đến đây chúng ta chỉ ngồi yên tại tòa mình, chớ có mời ông ấy ngồi”. Khi đức Phật đi đến rồi, với dung nghi đoan trang đĩnh đạc khiến mọi người cung kính đồng nói thỉnh mời ngồi và chia nhau đi lấy nước, trải tòa. Đức Phật ngồi xong trước hết dạy hai người, ba người đem thức ăn đến và sáu người cùng ăn. Tiếp sau dạy ba người, hai người đem thức ăn đến và sáu người cùng ăn. Phật lại dạy : Có hai thứ hành: 1. Đắm ngũ dục. 2. Đắm chấp khổ hạnh. Nên lìa hai thứ đó, gọi là Trung đạo. Tiếp vì năm

người, Phật nói ví dụ, tiếp nói Tứ đế, năm người đắc quả vô lậu. Nhiều luận nói : Phật vì ba người hai người nói pháp. Đi đứng không đồng: do ba người là bên phụ thân, hai người là bên mẫu thân. Muốn biết rõ việc khất thực và việc thuyết pháp Bất không, thì căn cứ trong luận Bà-sa: Ngày đầu chia làm hai người thì sáu người cùng ăn, ngày sau chia làm ba người thì năm người cùng ăn. Do Phật tánh thì lìa phi thời thực, lúc bấy giờ đức Phật chưa vì đệ tử mà chế ra phi thời thực, trải qua ba tháng giáo hóa, hoặc nói bốn tháng, ngoài ra như luận văn. Nói ba người bên phụ thân: Nghĩa là Mã-tinh, Ma-nam, Câu-lợi. Ngoài ra là bên mẫu thân.

Đầu tiên thấy Phật đạo tướng bình đẳng: Thấy đầu tiên là Kiều-trần-như, vì người sau tướng trước, nên nói: Phật như cái trống, cơ duyên như dùi trống, pháp luân như âm thanh. Nghe đầu tiên: năm người đều là ban đầu, nhưng Kiều-trần-như ngộ đầu tiên nên gọi là "người đầu tiên nghe, hương đạo phẩm". Cơ duyên xưa như thân, pháp luân như hương, đầu tiên ngộ gọi là uống cam lộ diệt lý. Pháp lưu tức Sơ quả, đăng chân tức Kiến đế. Phân biệt công đức luận nói: Vị trưởng tử đầu tiên của Phật tức Kiều-trần-như, vị đệ tử cuối cùng tức Tu-bạt, nay chưa thọ hóa nên không luận. Căn cứ trong giáo ứng biện rõ giáo sai khác chỉ nêu quán sai khác vì theo quán phán giáo, lý dễ phân chia nên uyển chuyển theo, dùng quán mà phân biệt. Huống chi một vạn hai ngàn người, thì Kiều-trần-như đứng đầu, Vô sinh chính là tông của các pháp quán, khiến nghe danh biết hạnh, theo người biết tâm, cho nên Đại sư tán thán Chương Sớ xưa nói: "Hận không thấy mặt kia chỉ hận không thấy người kia, nay thấy văn kia thì thấy tâm kia. "Nay như vậy..." tuy không thấy người mà chính thấy trí kia.

Trong phần "Giải thích theo Giáo": Ban đầu, người Tam tạng giáo không hiểu "bóng giả" cho nên dùng nghĩa mù trong A-hàm làm thí dụ.

1. Tổng lập thí dụ cảnh trí.

2. Tiếp, "Đầu v.v..." là thí dụ cảnh nhân quả, như sáu phần hòa hợp thành thân, như hòa hợp thành nghiệp, nghiệp nương gá cha mẹ như hình đối bóng sinh, bóng ắt không thật, do cho là thật khiến ấm sau sinh khởi. "Mù ví như vô sinh trí", không thấy ví như không chấp thủ.

3. "Nếu mở mắt..." là nói rõ nghĩa: "sinh bất sinh", trong đó đầu tiên do chấp nhân nên quả sinh. Tiếp, "nếu nhắm mắt..." là dụ cho không chấp nhân nên quả không sinh. "Kính" (gương), là giúp nhân đắc quả, lại do chấp tâm duyên theo đó, mới trợ giúp nhân mà sinh quả.

Văn dưới căn cứ theo đây.

Trong đó có hai: Đầu tổng sau biệt. 1. Tổng nêu Bất sinh; 2. "Không thấy..." là tổng liệt kê nhân quả bất sinh. Tiếp, "Cho nên kinh A-hàm..." là ba khoa trong biệt chia làm hai: Đầu quán ấm, sau nhập giới. Trong quán ấm, có hai: Trước nói rõ ấm sinh làm cảnh. Tiếp "Nếu có thể..." là Vô sinh quán trí. Phần đầu lại có ba: Pháp, Dụ, Hợp. Trong Pháp nghĩa gồm tổng biệt hai cảnh, nghĩa là nhân chấp sắc tịnh nên bốn thứ còn lại đều tịnh. Lạc... cũng vậy. Vậy năm ấm đều tịnh, thường..., tức tổng cảnh. Trong đây, tưởng hành lẽ ra nói cho đến thọ, thức nên nói cho đến tưởng hành. Văn lại nhất vãng.

Tiếp, trong phần "Giải thích theo Quán tâm", chia làm ba: 1. Chánh nêu dụng quán. 2. "Đã biết... " là nêu quán thành phá hoặc. 3. "Như vậy..." là căn cứ nhân phá quả. Đầu văn lại có ba: Pháp, Dụ Hợp. Nên biết trong thí dụ Gương nếu không đối, mù thì Bản ở diễn môn, cũng có thể thông dụng, đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Trong Pháp có hai: Giải thích và kết. Giải thích có hai: Đầu, là biệt. Sau, " Lại có thể..." là tổng. "Thảy đều vô thường..." biết trong sắc thiếu chữ "vô ngã". "Đó gọi là..." là kết. "Như mù..." là dụ. "Đó là..." là hợp. Tiếp, "Đã biết..." nêu quán thành phá kiến, trong đây tức phá hai mươi thân kiến. Tiếp, "Như vậy... " là căn cứ nhân phá quả, trong đó có pháp, dụ, hợp. Tiếp, trong phần "Quán nhập giới", trước nêu cả hai nhập giới; tiếp theo là Chánh giải thích. Trong giải thích, trước lại nương đây tiện nêu nhân duyên, cho nên biết tiền ấm tức là niệm xứ quán, thuộc Tứ đế. Trong đó, cũng trước đại hải dùng dụ cảnh sinh. Tiếp, "Vì sao..." là lấy khổ chủng dụ quán bất sinh. Trong cảnh đầu tiên thì trước là căn cứ nhập, tiếp là dùng giới theo lệ. Phần đầu, trước là căn cứ hai nhập sắc và nhãn, rộng nêu rõ. Tiếp, "Nhĩ, tỷ..." là nêu mười nhập theo lệ. Đầu căn cứ trong nhãn sắc nêu đủ mười hai nhân duyên. Đầu tiên, trong Vô minh, dụ văn tại trong kinh A-hàm.

"Ngũ bào": hai tay hai chân và đầu. Trong Thí dụ thiếu năm trần. Tiếp trong quán chia làm hai: Đầu nhập, tiếp dùng giới theo lệ. Trong phần nhập có hai: Trước nói rõ nhãn sắc, sau dùng mười nhập theo lệ. Trong phần nhãn sắc có ba:

1. Lược nêu bất sinh.
2. Tiếp, từ "Vì sao khổ ?" Trở xuống: Ngược lại giải thích sinh.
3. Từ "Nếu biết..." chánh nêu dụng quán.

Đầu, trong lược quán chính lấy mùi hôi dùng dụ nhân duyên, đã do sân nhuế niệm dục là mầm giống khổ tức vô minh. Lại do chấp pháp

trần thiện ác làm nước trùng giòi hôi thối là hành, hai thứ này không sinh nên mười nhập không sinh. "A-nhã tối sơ..." là kết, như văn. Trong Thông giáo quán dùng "cảnh tức" cho nên không cảnh lập trước, cũng chia làm hai: trước là ấm, sau là nhập giới. Trong ấm, cũng có hai : trước là tổng, sau từ "Lại, quán..." là biệt. Tổng là tổng dùng gương tượng dụ năm thứ, biệt là năm dụ đều biệt thí. Cả năm, đều là đầu dụ sau hợp. Trong tổng thì trước là căn cứ sắc ấm, tiếp là dùng bốn thứ theo lệ. Cũng như dùng khăn bịt mặt mà cầu thấy trăng thì không thể được, người cùng gương soi đều gọi là huyễn, nhân duyên đều từ nhân duyên sinh. Nhân thật duyên thật hòa hợp sinh, mà còn tự như huyễn huống chi cái do huyễn nhân duyên sinh mà không phải huyễn? Như khăn như dược đối với thỏ, gọi là thật, thỏ đối với khăn dược, gọi là huyễn. Gương tượng cũng vậy, huống chi nay trước thấy nhân duyên như huyễn, tượng không phải huyễn ư! Chi tiết đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Nay lại lược biện minh khiến biết quán biệt, cho nên không luận rộng. Nay cũng có đủ hai Không.

Tiếp, "Quán căn trần..." là quán Giới Nhập, cũng lại nương Giới Nhập để nêu rõ nhân duyên nên nói "vô minh v.v...". Trong đó có hai, trước là nói căn trần vô minh, tiếp "phiền não..." là nói ba đời tức mười một chi, đều có dụ và hợp. Trong dụ nói căn trần tụ lạc, là văn trong Đại Kinh quyển hai mươi mốt nói. Lại dùng cơ quan để giải thích thành nghĩa căn trần hòa hợp. Kinh nói: Ví như có vua đem bốn con rắn độc bỏ vào một hộp. Sai người nuôi dưỡng cho ăn và nhìn xem chúng nó nằm hay dậy, nếu để cho một con rắn nổi sân, thì ta sẽ theo pháp giết bêu ngoài chợ, người ấy nghe vua nói xong liền bỏ hộp rắn chạy trốn. Lúc bấy giờ vua lại sai năm người Chiên-đà-la cầm dao rượt theo, mật sai một người trá làm thân hữu mà nói rằng: Ông có thể trở về. Người kia không tin, nương tựa vào tụ lạc, đều không thấy người, cầu vật không được, liền ngồi xuống đất, nghe trên không trung có tiếng nói rằng: Đêm nay sẽ có sáu đại tặc đến. Người kia sợ hãi lại bỏ đi, cho đến giữa đường gặp một con sông chặn ngang dòng mà đi v.v... Hợp lại nói: Rắn nếu hại thì người không đọa vào đường ác, người không có sức tam học ắt bị ngũ ấm ví như năm người Chiên-đà-la hại, như không biết ái giả làm người thân dối trá. Phải quán, xem sáu người ấy như ở tụ lạc không người mà gặp đám giặc trụ ở sáu trần sáu nhập, muốn bỏ thì lại gặp dòng phiền não chảy nhanh, nên dùng thuyền đạo phẩm, vận tay động chân vượt qua sông Phân đoạn sinh tử, hàng Thập trụ chưa tránh thoát chỉ có Phật mới cứu cánh.

Kinh văn bản dụ tam thừa thủy chung, nay dụ Thông giáo Thanh văn quán pháp. Nói “cơ quan”: “Cơ” là cơ nhỏ nhiệm nghĩa có thể phát khởi, “quan” là chi tiết liên quan nhờ người mà động. Phàm kết thân khẩu đều do ý động mà thành tác nghiệp. Đã nói “tụ không” tức vốn không. Nói “vân vân” là bỏ bớt đi văn nói về Giới, đầy đủ như trên trong Tam tạng giáo đã nêu, nhất vãng lại như vậy. Nếu theo tu quán chẳng thể hiểu được như vậy. Tiếp, trong phần “Biệt quán”, cũng trước dụ cảnh trí. “Nếu muốn...” là khởi hành. Trong phần đầu thì trước là lập cảnh trí, tiếp “Màu xanh...” là nêu cảnh thể lượng, sau “Đều đối...” là kết ý. Trong phần đầu lập thì trước là cảnh, tiếp là quán. Trong phần cảnh, đầu nói “gương dụ cho pháp giới”. Thông giáo coi “mê ngộ, sự lý, trước sau, tự tha” đồng y một pháp giới. Chân như tại mê năng sinh cửu giới, tức chỉ quả Phật làm Phật pháp giới, cho nên, tổng nói mười. Vì vậy người Biệt giáo thì vô minh che lấp lý làm nhân của cửu giới. Cho nên, trong văn tự hành hóa tha đều phải đoạn cửu, cửu tận mới gọi là duyên liễu đầy đủ, vì đủ nên chánh nhân mới rốt ráo hiển. Tiếp, “thể lượng”: Trong đây chỉ dùng tám pháp “xanh v.v...” dụ cho mười giới, hoặc ly hoặc hợp tùy tiện mà nói, cho nên hợp nhị thừa và dùng nhân thiên, lại lược bớt Tu-la nhưng khai Bồ-tát cũng có thể Sơ địa làm Phật pháp giới. Các văn khai hợp tùy nghĩa căn cứ có thể biết. Lại “xanh, vàng v.v...” sơ tâm Biệt giáo cùng Tạng không khác biệt, cho nên được. Nếu dùng dụ trong kinh Chánh Pháp Niệm, thì chỉ thêm “ngắn, dài...” mà thôi! Nói “đều ở trong gương”: là không ra ngoài pháp giới, pháp giới không ngoài mê ngộ, mê ngộ không ngoài tâm.

Tiếp, “khởi hạnh” lại có năm phần:

1. Chỉ phần hạn tự hạnh hóa tha, do trong Biệt giáo không có tánh đức cửu, nên tự tha đoạn, biệt tu duyên liễu, mà nghiêm bản hữu thường trụ pháp thân.

2. Tiếp “Y nơi pháp giới...” là y cảnh khai hạnh cũng chỉ lý bị chín giới che lấp mà làm sở y. Pháp giới chỉ là pháp tánh, lại là sở y của mê ngộ, trong đó cũng nên nói: Từ vô trụ bản, lập tất cả pháp, vô minh lấp che (phúc) lý, năng phúc sở phúc đều gọi là vô trụ. Chỉ vì “tức và bất tức” khác nhau, mà phân giáo sai khác, nay ngược mê thành ngộ, chuyên duyên lý tánh mà phá chín giới.

3. “Thứ đệ....”, là nêu nhân diệt.

4. “Nếu không có...” là nêu quả diệt.

5. “Sinh cũng...” là tổng kết nhân quả.

Song nêu bất sinh, tức Giới nội ngoại hai sinh, bất sinh. Hóa vật

biện theo chiều ngang thì văn thiếu, không luận.

Tiếp, trong phần "Căn cứ Viên giáo quán Vô sinh trí ", thì trước dụ, sau là hợp. Trong dụ, nói "Quán gương" là nhất pháp giới. "Đoàn viên": là lý cảnh trí, "quán" tức là trí, "đoàn viên" là cảnh. Tiếp "Chẳng quán..." là nêu quán tướng, "sau lưng" tức vô minh, "trước mặt" tức trí minh. "Gương" là nhân mười giới. "Hình" là duyên mười giới. "Tượng" là quả mười giới. Lại "Gương" chiếu sáng tánh mười giới. "Tượng" sinh tu mười giới. Cho nên "hình, tượng, tu, tánh" đều đủ mười giới, đều không ra ngoài gương lý pháp tánh. Thấy rõ "hình, tượng, tu, tánh" bản như, trong ngoài gương một lần lìa tình tưởng phân biệt theo ba giáo, tổng dùng Bất nhị vô phân biệt trí, y lý thông suốt thì tiêu mất cái sáng tối của tâm cảnh, cho nên nói "chẳng quán". Quán cảnh không khác, lý không sáng tối nên nói "Chẳng phải sau lưng...". Căn cứ tu đắc mà thuyết, nên nói "Chẳng chấp....".

Tiếp, "Chỉ cần quán..." kết ý trung, "chỉ cần" là tổng lược xuất tướng quán kia, không mưu toan mà chiếu, "chỉ cần quán đoàn viên" vì "vô thủy chung" nên "không bờ bến". Vì bản hữu nên vô thủy, vì thường trú nên vô chung, sáng tối như trước. "Không một khác": là song phi tượng vô tượng. "Chẳng chấp...." là hợp. Đầu tiên, "Chẳng chấp...." là tiêu mất mười giới trước, thiện ác sáu giới, dùng sáu đối tiểu nên nói "tà chánh", do Bồ-tát Phật dùng đối nơi tiểu cho nên nói "Đại Tiểu". "Hết thảy đều tiêu mất", cho nên đều nói "không", không còn phân biệt hoặc "tánh" hoặc "tu". "Chỉ cần duyên..." là tiêu mất tâm cảnh trước, do "pháp tánh thật tướng" tức là tam đế tam quán, hết thảy Phật pháp đều đại. Hoặc "tiêu mất" hoặc "chiếu" đều là pháp tánh. Thể của pháp tánh thì lìa mất lìa chiếu, cho nên toàn là mất chiếu. "Quán phiền não...": Nêu quán thể, chỉ quán ba đường, sinh tức khổ đạo, ba đạo tức ba đức. Trong đó đầu tiên tổng nêu lập quán, từ "Ấm nhập giới tức Pháp thân" trở xuống, là dạy dùng quán pháp. Bản quán lý là bất quán nhiễm trừ ; thể của nhiễm tự hư, bản hư gọi là diệt, cho nên diệu thể diệt, không lập tên "trừ" Thể của chướng tức đức, không đợi chuyển trừ, cho nên nói "sinh tức vô sinh". Tiếp "Giải thoát tức nghiệp...." là kết thành vô sinh. Tiếp, "Chính tam Bất sinh..." là phức sơ tổng kết.

Tiếp "Huống chi biến dịch...": lấy trọng so sánh khinh, giới nội chướng nặng mà còn là diệu đức, huống chi ngoại giới nhẹ ư ! Nay vẫn căn cứ tột cùng là ba đường, nếu luận đủ thì nên căn cứ ba pháp, trong đây căn cứ Viên quán, không đồng với Tạng Biệt trước cảnh sau quán, bởi vì hoặc pháp hoặc dụ đều không hai, nói "tuy tợ Thông quán cảnh

Biệt”. Sở dĩ trong phần “Giải thích Kiều-trần-như”, giáo tướng căn cứ quán, vì nghĩa kia rộng dùng đó làm đầu tiên. “Nếu nghe chữ A hiểu tất cả nghĩa” trở xuống, là nói các Thánh tuy tùy sự riêng biệt, mà luận quán hạnh của họ không ra ngoài Vô sinh, như Đầu-đà Đẩu-tẩu cho đến Mật hạnh, cũng đâu có ngoài Trí Đoạn Vô sinh, cho nên văn dưới căn cứ đây có thể biết. Nói: “vân vân” là đáng lẽ phải nêu đủ mười thừa mười cảnh và phương tiện v.v..., hoàn toàn chỉ một bộ văn Chỉ Quán. Cho nên Chỉ Quán phá khắp, trong đó cũng lấy Vô sinh làm đầu, nên nay lược chỉ đại cương. Nếu đối A-nhã mà quyền thật thủy chung không mê, muốn dùng Viên quán để hiểu năm Phật trong kinh này thì tam chu, bản tích, lưu thông đều là đại thể của Vô sinh, tức năng gồm biết một đời quán cảnh. Cho nên, phần nêu tên thì lược chỉ khái quát, như người đời vì con lập hiệu còn có tiêu biểu huống chi các Thánh giả lẽ nào lại không? Nếu không như vậy, thì uổng phí thiết lập tên gọi Vô sinh, vĩnh viễn không có ý chỉ Vô sinh, Đại Tiểu lẫn lộn, quyền thật mờ mịt. Đây một đã rõ, ngoài ra theo lệ như đây.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, thì đầu tiên căn cứ năm vị, chính là chỉ bày Bản tích, trong đó chữ A hiển khắp tám giáo. Tiếp, “Chúng sinh...” là khuyên chúng sinh tư duy đủ thì công năm thời hoàn tất. Tiếp, “Chẳng phải bổn...” là nêu rõ công thể dụng bất tư nghì xong. “Cho nên văn dưới nói....” là dẫn khai tích chứng, nói các thứ cũng không ra ngoài năm thời tám giáo. Lại, tùy bản ngắn dài, tất cả kinh dù hạn độ bao nhiêu đều thuộc năm thời tám giáo, chỉ bày không sinh. Dẫn “A-hàm”, là dẫn Tích chứng Bản, nhờ Bản Tích trong Tích chỉ bày sự cao thấp kia, bản địa cao thấp chẳng phải đây có thể kể lại hết. Tạp A-hàm quyển ba mươi mốt nói: Phật ở Xá-vệ, vào một đêm tối trời mưa nhỏ, bảo với A-nan rằng: ông lấy lọng che đèn đi theo Phật, A-nan nhận lời dạy đi đến một nơi, đức Thế Tôn mỉm cười. A-nan bạch Phật, Phật dạy: “Không phải không có nhân duyên, ông nay cầm lọng đi theo ta, ta thấy Phạm Vương cầm lọng che đèn đi sau Kiều-trần-như, Đế Thích-cầm lọng che đèn đi sau Ca-diếp, cho đến Tỳ-sa-môn thiên vương sau Kiếp-tân-na... Do đó thiên thông tựa: “Như thị” cho đến các Thánh đệ tử đều đầy đủ bốn giải thích. Do “Như thị” thông chỉ một bộ, Ngã văn năng văn một bộ. “Thời, Xứ, Giáo chủ” ắt không cách khác, đều là đại lược kinh này. Huống chi các đệ tử tại Đại tại Tiểu, hoặc hiển hoặc tối, là chủ là bạn, thị hiện ấp úng hay lưu loát, có cong có thẳng, chán ngoài, ưa trong trái Đại hướng Tiểu, dẫn Tiểu nhập Đại, hội Thiên qui Viên, từ nhân quả đều vì chúng sinh làm “chủng, thục, thoát” quá

khứ, vị lai hiện tại đều lợi ích, chỗ trải qua đã nhiều thời xứ chẳng phải một. Bởi do cơ duyên chúng sinh thuần thục chưa đồng, nay đã đều hội, dùng xưa hướng về nay khiến Giáo, Nhân, Pháp nay tốt đẹp. Cho nên, dùng bốn cách giải thích khiến liễu cơ, ứng từ ngoài đến trong, sau nhập Pháp Hoa Bản Tích hai môn, trước sau ngộ nhập, đều nhờ chúng ảnh hưởng và chúng phát khởi dẫn dắt. Tùy nghe một câu hoặc nhân hoặc pháp, đều thành oai nghi hóa độ, đều có thể làm quán. Vì thế đối với một người đều giải thích theo các cách, huống khiến đời sau nghe danh khởi hạnh, thọ giáo biết thể, tư duy Tích thấy Bản, dùng nhân duyên kia rộng chiếu từ đầu đến cuối. Nếu hiểu được ý này, thì dù là nơi một người, một câu kinh đều có thể dùng làm cảnh thượng cầu, có thể để biết cơ duyên hạ hóa, có thể để hiểu Thánh giả hóa nghi, có thể để hiểu biết phàm phu bẩm thọ lợi ích, có thể để thông đạt danh nghĩa đồng khác, có thể để biết Lý, Hạnh v.v... sai khác, có thể để biết tùy nghe thành quán, có thể để hiểu nhân pháp tích bản, có thể để tin hóa sự lâu dài, có thể để ngưỡng mộ ân Thánh khó báo, có thể để biết chúng sinh khó hóa, có thể để biết hội lý rất khó. Người khác không thấy thì cho là phiền phức. Huống chi hiểu được ý này, hể nghe các kinh một pháp một sự một nhân một hạnh thì hiểu việc Phật trong mười phương ba đời, chỉ trừ Tịnh độ còn lại các trần thi hóa, huống lại cũng để Tỳ-kheo tư duy việc đó. Cho nên, biết chư Phật dụng giáo hiện thân tuy lại không đồng, nhưng môn Tư Tu thì lý không sai biệt.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 2
(Phần Thượng)

"Ca-diếp" trong Duyên Khởi truyện nói rất rộng, đâu có thể viết đủ ra đây. Ca-diếp là họ cho nên gọi là "Thị". "Phụ đồ": như bản đồ con sông ở phương này. Kinh Thập Nhị Du nói : "Đức Phật thành đạo rồi đến năm thứ ba mới độ năm người, năm thứ tư hóa độ đại Ca-diếp và ba anh em, năm thứ năm hóa độ Mục-kiền-liên và Thân-tử". "Tụ lạc": là chỗ nhiều người ở. Chỉ hơn người đương danh, "sợ hơn vua": dân chúng không thể hơn vua. Tam xả: Xả đây về sau. "Thời sau Phật nói..." là kinh Tăng Nhất nói: Đức Phật tại Ca-lan-đà cùng năm trăm Tỳ-kheo, lúc ấy Ca-diếp đi khất thực đến trước chỗ Phật trải tòa ngồi bên Phật. Phật dạy: "Ông nay tuổi đã già yếu, có thể bỏ việc khất thực và mười hai hạnh Đầu-đà, cũng có thể thọ Đàn-việt thỉnh và thọ trưởng y". Ca-diếp bạch Phật: "Con không theo Phật dạy. Nếu Như Lai không thành Phật, thì con làm Bích-chi-phật, pháp Bích-chi-phật suốt đời hành hạnh Lan-nhã". Phật dạy: "Lành thay! Lành thay! Lợi ích rất nhiều. Nếu Ca-diếp hạnh hạnh Đầu-đà ở đời, thì pháp của ta trụ thế lâu dài, tăng trưởng lợi ích nhân thiên, ba ác đạo diệt, thành đạo tam thừa". Luận Thập Trụ Bà-sa nói: Mười hai hạnh Đầu-đà, mỗi hạnh đều đầy đủ mười thứ công đức, rộng nói trong phẩm Thập Nhị Đầu-đà, quyển thứ mười bốn. Kinh Tăng Nhất quyển bốn mươi sáu ở trong Tăng Thập Nhất, văn nói : "Dưới gốc cây lộ tọa hợp đó làm một, cho nên biết pháp tướng không thể nhất chuẩn. Đại luận quyển bốn mươi chín nói : "Vô sinh nhẫn là mười hai hạnh Đầu-đà thuộc Thông chẳng phải Tạng". Cho nên nay "căn cứ Giáo" thì cùng tột ở Niết-bàn, có không đồng khác, như Chỉ Quán quyển bốn nói.

"Tứ thần Tam-muội": là Tứ thần túc định. Do tứ thần túc mà có bốn dụng này. "Vô hình": là năng ẩn mất. "Vô lượng ý": là biết tâm người khác. "Thanh tịnh tích": là năng biến uế. "Bất thoái": là có khả năng nhập ác. Nói "tứ định": đây là quyết định định đắc các thiền, và

do vô lậu mà năng khéo giảng trạch giới pháp đầy đủ; do các việc đó mà đắc bất thoái chuyển. “Văn-đà-kiệt Vương”: là Đảnh Sinh Vương. “Thiên nhân đều...” là kinh Tăng Nhất nói: Ca-diếp nghe Thiên nhân đều xưng là Phật Sư, nên khởi gọi Phật đầy đủ: Phật là thầy ta, ta là đệ tử. “Lại, Ca-diếp...” như biệt dịch A-hàm quyển hai mươi nói: Đức Phật ở tại Ca-lan-đà, Ca-diếp cùng với A-nan vào thành khất thực. A-nan nói: Chưa đến giờ khất thực, hãy đến Tịnh xá Tỳ-kheo ni. Ca-diếp đồng ý và nói: Các Ni xa thấy chúng ta đến rất vui mừng. Trải tòa ngồi xong, Ca-diếp liền vì Ni chúng thuyết pháp. Lúc bấy giờ Du-la-nan-đà tâm không vui, liền riêng nói : “Trưởng lão Ca-diếp ở trước A-nan thuyết pháp, như trẻ con mua kim châm đến Thầy châm muốn cầu bán kim, cuối cùng không thể bán. Ca-diếp cũng vậy ở trước A-nan mà nói pháp”. Ca-diếp có thiên nhĩ, từ xa nghe, bảo A-nan: “Đâu đủ đáng lạ!” Ca-diếp ở trước Tỳ-kheo ni làm sư tử hống. Từ tòa đứng dậy liền trở về chỗ ở, nay văn theo lời Ca-diếp nói với Ni, tức là “Ca-diếp Sư tử hống”.

Lại nữa biệt dịch pháp khất thực trong kinh A-hàm: Từ nhà đến nhà, không đủ liền thôi. Có chỗ nói: Đến bảy ngày không đủ liền thôi. Bốn đại đệ tử: Ca-diếp, Tân-đầu-lô, La-vân, Quân-đồ-bát-hán. Văn nêu bảy đại. Nếu bao gồm bản tộc đại và chư thiên luyến mộ là từ bi đại, thì hợp làm chín đại. Nếu lấy đây làm tứ Tất-đàn thì: tánh (họ) và xả thọ tức là Thế giới, ba hành đại tức là Vị nhân, nghe danh thấy hạnh đều sinh thiện, cho nên thứ tư ấn khả, tức là Đối trị, do Phật ấn khả dứt nghi quái lạ, nên địa vị cùng với từ bi tức Đệ nhất nghĩa. Bởi vì Kiến lý thì nhập vị, cho nên Tập pháp Trì pháp đều là công nhập vị. Trong Tập pháp, dẫn lời ngài Triệu Công nói “Tập pháp nhiều công”. Lại, văn nói “vị đại”: là không riêng luận địa vị vô học, mà do đức cao vọng trọng thì giữ chức vị đại. Nói “vân vân”, là nhân duyên dù nhiều đều thuộc về tứ Tất-đàn.

Tiếp, “Căn cứ Giáo giải thích Đẩu-tẩu”, trước là căn cứ sự cảnh, tiếp “Lại căn cứ khất thực...” chính là căn cứ đế quả để phân giáo biệt. Trong sự cảnh, nói lìa năm sự sợ hãi: Vương, tặc, nước, lửa, ác tử. “Hai, là áo...”: từ ban đầu theo thứ tự dùng số đối, chỉ trong văn thiếu “thứ tự Khất”. Ba giáo bên dưới đều lấy việc đầu làm cảnh. “Thuyết”: là phải theo giải thích. Mười hai hạnh Đầu-đà đều tác “tám mươi tám sử” ba mươi bảy phẩm... Đầu-đà đã vậy, huống chi các hạnh yếu kém khác, được tham dự vào dòng đạo, nghe thắng pháp này mà không tự tỉnh tâm hạnh ư? “Tương tợ tương tục”: Niệm niệm sinh diệt mê gọi là tương tục,

phàm phu không hiểu vọng cho là thường. Ba thọ đều khổ, thọ thích ý, đó thật là khổ. Động chẳng tự tại, động nên vô ngã. “Thông giáo”: Sự cảnh chỉ trước, chỉ căn cứ hành tướng để biện rõ đế quán, cũng ứng khả kiến. “Biệt giáo”: Pháp thân làm chỗ nương, kỳ vọng tâm pháp thân tu hai đức. Văn sau nói “vân vân” là không dựa theo nêu ngang dọc vị vị Đẩu-tẩu. Biệt vị, ngang dọc tự tha môn hộ không thể chợt đủ. Viên giáo đã nói trụ xứ tức hai, nghiệm biết tức là vốn có ba đức, tu đắc cũng như vậy. “Một tức tất cả...” không ra ngoài ba đức. “Một tức tất cả” là hạnh y (áo), “tất cả tức một” là tuệ thực. “Chẳng phải một chẳng phải tất cả” là thân xứ. Nói “vân vân (v.v...)” là chưa nêu hạnh tướng đối với Đầu-đà .

“Giải thích Đẩu-tẩu theo Bản tích”: nói “xả pháp ái”, đã nói “cùng với Như Lai đồng đắc” tức xả hai ái chân tợ, cho đến bất cứ tại địa nào, địa địa đều ly ái, cho nên luận bản từ lâu, tức bản địa ba đức. Tích, chỉ năm vị Đầu-đà trong sự như: áo... Phàm giải thích đại ý theo Bản tích như trước đã nêu trong phần nêu Số. Trong phần “Giải thích Đẩu-tẩu theo Quán tâm”, thì trong câu cuối : “Nhất tâm trung Đẩu-tẩu ngũ trụ vân vân”, nói “vân vân” là cũng không rảnh thuật đủ thứ lớp các quán. Viên Đầu-đà: Chánh đương ba đức của bất sinh bất sinh, cho nên bên dưới ba người lại đối ba đức. Lý kia rõ ràng đồng.

Trong phần “Giải thích tam Ca-diếp”: “Sát”: nên gọi là Sát-ma, Trung Hoa gọi là “điền”, tức cõi nước thuộc quyền giáo hóa của một đức Phật. Nay gọi “sát trụ”, là tiêu biểu điền vực. Cho nên trong các kinh phần nhiều nói “biểu sát”. Nếu muốn nói Tứ Tất-đàn, thì: Đầu tiên là Thế giới vì tộc, tánh trú xứ không đồng. “Tỳ-bà-thi...” là Vị nhân. Cùng lập “sát trụ” để làm thiện nhân. “Phật làm...” là Đối trị, vì thấy Phật liền có thể trừ ác. “Phật liền nói...” là Đệ nhất nghĩa, bởi vì có thể ở nơi tiểu thừa thấy chân lý. “Phật làm mười loại thần biến”: Trong văn đều hướng về liệt kê mười việc. Nhưng Luật, Luận văn không chuyên mười việc này. Lại trong văn tuy có liệt kê các sự nhưng chưa giải thích theo Tất-đàn. Trong kinh Tăng Nhất, “Thụy ứng” rộng nêu rõ việc ấy. Nay lược nêu khiến văn có thể thấy. Kinh Tăng Nhất nói: Đức Phật vào hang Ca-diếp thì độc long phóng lửa... Phật thâu độc long bỏ vào trong bát, đến chỗ Ca-diếp, Ca-diếp thỉnh trụ, cúng dường ba tháng, thời đến thỉnh thực. Phật dạy: Đi trước!. Liền đến cây Diêm-phù chọn quả Diêm-phù... cho đến, nói: Sa-môn tuy thần vẫn không bằng đạo chân thật của ta. Tiếp, đến Đồng-phất-bà-đề chọn quả Tỳ-lê-lặc, tiếp đến Cù-gia Ni chọn quả Ha-lê-lặc, tiếp đến Uất-đơn-việt chọn thức ăn tự nhiên. Lại ở

cõi Diêm-phù-đề chọn quả Ha-ma-lặc muốn cúng tế lớn. Năm trăm đệ tử muốn bửa củi thì nhấc búa lên, không giáng xuống được. Ca-diếp hỏi Phật! Phật dạy: Muốn hạ được búa xuống ư ? thì búa liền hạ xuống. Hạ xuống rồi không đưa lên được, như trước muốn đốt lửa lửa không cháy, muốn diệt lửa lửa chẳng tắt. Ca-diếp nghĩ: Ta muốn cúng tế lớn, tất nhiên có quí nhân và các vua đến. Cù-đàm đoan chánh, nếu mọi người thấy thì khiến ta mất lợi, nếu (minh nhật) sáng sớm Cù-đàm không đến thì ta rất may mắn. Phật biết thế, nên đến phương bắc xin lương thực, đến Cù-da-ni xin sữa, đến ao A-nậu uống, rồi chiều trở về trong hang đá. Ca-diếp hỏi: Hôm qua vì sao không đến? Phật đáp: Ta biết tâm ông, nên ta không đến, đầy đủ như nói việc trước. Lại, nhân Tứ thiên vương đến nghe pháp ban đêm có hào quang, sáng ngày Ca-diếp hỏi Phật, đức Phật nói đủ việc trước. Tiếp, Đế Thích Phạm Vương đến cũng vậy. Ca-diếp hỏi có thể thấy tổ phụ của con đến nghe pháp không? Đức Phật liền khiến đến... Nước sông Hằng chảy mạnh, Ca-diếp sợ đức Phật bị chìm liền sai đệ tử đến xem, thì thấy nước không quá chân ngài đi trên nước. Phật dạy: Ông là người mù mắt không thấy, thần biến như thế mà ông cứ ngoan cố nói không bằng đạo chân thật của ông. Phật hỏi: Ông có thể đi trên nước không? Nay cùng đi trên nước?... Ông nếu không bỏ tà kiến thì ông sẽ chịu khổ nhiều kiếp! Ca-diếp nghe rồi đầu mặt lạy chân Phật cầu sám hối, rồi bảo đệ tử hợp tùy thích nghi! Thế Tôn thầy ta, và nói các đệ tử: "Khi ta thấy hàng phục long, là đã có tâm qui Phật"... cho đến năm trăm đệ tử đều nghe "Thiện lai!" được thành quả Sa-môn, đều đem thuật cụ ném xuống nước theo dòng mà trôi... Hai em của ngài Ca-diếp lại có năm trăm đệ tử cũng thờ lửa... cũng đều "thiện lai" mà thành Sa-môn. Khi đức Phật muốn đến thành Ca-tỳ-la-vệ, có người hỏi Phật : Vì sao đến chỗ kia? Phật dạy: Tất cả chư Phật đều có năm việc: 1. Chuyển pháp luân. 2. Vì cha thuyết pháp. 3. Vì mẹ thuyết pháp. 4. Phải dẫn dắt phàm phu lập Bồ-tát hạnh. 5. Thọ ký cho Bồ-tát. Thế nên đến đó vì cha thuyết pháp, vua cha nhân đó khiến một ngàn người dòng họ Thích xuất gia tự vây quanh Phật.

"Xét theo giáo": Cũng nên liệt kê đủ bốn giáo giải thích hạnh đức của ba người, và bày ra năm vị bởi vì vị nhiếp giáo. Trong phần "Giải thích theo Bản tích" đem ba người đối ba đức. Viên đức ắt một người đầy đủ ba, chỉ vì mỗi người thiên theo một đức tiêu biểu mà đặt tên, vì là cùng biểu thể đồng tánh nhất. Trong phần "Giải thích theo Quán tâm" cũng vậy. Đầu tiên đắc trung đạo, tiếp ngăn biên đảo, sau chiếu biên đế, cho nên biết ba đức tất bất tư nghì Viên vô Sinh.

"Giải thích Xá-lợi-tử", dẫn kinh Bản Sinh... cũng đầy đủ Tứ Tất-đàn. Đầu là Thế giới Tất-đàn, do nêu việc đời trước và trong thai. "Nan-đà..." là Vị nhân, vì khiến người trong nước sinh tín, và thấy Át-bệ có thể sinh thiện. "Điều-đạt..." là Đối trị: năng trị Điều-đạt và độ vượt sai lầm. "Trong đó bao hàm..." là Đệ nhất nghĩa, vì tán thán cùng Phật bình đẳng nên xưa bình đẳng. Kinh ấy có năm quyển, rút ra từ quyển một, nay lại lược nêu ra khiến văn có thể thấy. Kia giải thích chấp ngã sở trong đó nói: Xưa vô số kiếp hai cậu cháu ngài làm quan may mặc trong cung. Thấy vật tốt trong kho liền sinh tâm tham mới bàn cùng nhau rằng: Chúng ta làm việc cực nhọc biết vật trong kho tốt xấu nhiều có thể lén lấy dùng, để khỏi bị thiếu thốn. Người sau biết bị trộm nhưng không biết đâu mà bắt. Quan giữ kho thưa với vua rằng: (Dưới như sớ văn nói)... Sau lại đến, cháu nói với cậu rằng cậu già yếu sợ người bắt được, khiến đào đất theo đó mà vào, nếu người khác thấy, thì con có sức mạnh liền có thể cứu cậu. Quả như lời cháu nói, cháu biết... Không thể cứu, sợ đến sáng người biết, liền chặt đầu cậu để lại thân mà trốn. Vua lệnh bêu thây... (như sớ) và rình... Vì người rình không giữ kín, nhân đó cháu sai lũ trẻ nhỏ cầm lửa đùa giỡn huyên náo, quăng lửa vào đốt. Người kia không biết... (như sớ). Vua lại sai gái đẹp trang sức châu ngọc lại dựng phòng xa bên bờ nước lớn... (như sớ). Vua trước dặn cô gái kia... (như sớ). Cô ấy nắm lấy áo người cháu. Cháu nói: "Lấy áo dùng làm gì, lấy cánh tay của ta đi." Người cháu khôn ngoan đã chuẩn bị trước cánh tay người chết... (như sớ) vua nói: "Người này phương tiện vô song, biết làm sao!". Cô gái ấy mang thai mười tháng, sinh đứa con trai đoan chính. Vua sai nhũ mẫu bồng đi khắp nước, thấy có ai kêu bắt lấy. Suốt ngày chẳng gặp. Người cháu lúc ấy là Thầy làm bánh, nhân lúc ấy đứa bé bò đến dưới lò la khóc. Người cháu cho bánh mà kêu lên. Nhũ mẫu thưa lại với vua, vua la: "Tại sao không bắt lấy?". Nhũ mẫu nói: "Vì đứa bé đói đòi ăn. Người ấy cho bánh, chứ không phải tên trộm giặc". Vua lại lệnh cho nếu ai đến gần đứa bé thì bắt. Người cháu lại bán rượu chuốc say nhũ mẫu và lính canh rồi trộm đứa bé bỏ trốn... (như sớ).

Trước sau tổng cộng hai trăm năm mươi người cởi ngựa đuổi theo, người cháu đứng ở giữa không xuống, vua nhân đến vào trong đó bắt và nói: "Ngươi là tên trộm trước phải không? Trước sau bắt ngươi vì sao không được ?". Người cháu cúi đầu xin tha mạng. Vua nói: "Khanh thông minh hơn người, thiên hạ vô song ta sẽ cho tùy ý muốn của khanh...". Bắt chước tướng mà không hiểu, tại đạo dùng tướng bắt chước. Tướng bắt chước phàm thuộc mình, thảy đều không biết.

Hầu thầy Sa-nhiên Phạm chí... Kinh Tăng Nhất nói: Xá-lợi-tử và Mục-kiền-liên hai người cầu đạo không thành liền tìm thầy hỏi. Thầy nói: tự ta trải qua nhiều năm cầu đạo không thành công, hay là đạo không có ư? Ngày khác, thầy bệnh Xá-lợi-phất đứng ở đầu, Mục-kiền-liên đứng dưới chân, lúc thầy sắp mạng chung liền cười, hai người đều hỏi: Vì sao Thầy cười?... (như sớ). Hai người ghi nhận lời thầy... Do đó phát nguyện nếu đắc cam lồ pháp vị thì quyết cùng nhau thưởng thức. Kinh Trung A-hàm quyển hai nói, há có thể hết. Kinh Dụ Bảy Xe nói: Xá-lợi-tử thấy Mãn-từ-tử... Trong phẩm Pháp thứ hai mươi bảy, rộng trình bày duyên khởi.

Nói "Sinh xứ an cư", kinh nói: Sinh địa tức nguồn gốc nơi chốn sinh, sinh xứ. Các Tỳ-kheo bạch Phật, xưng nói Mãn-từ-tử... bạch thệ Quang duyệt. Hoặc phân tích âm thanh mỹ sắc, cả hai nghĩa đều thông. "Giới tịnh..." là chuẩn theo sớ Tịnh Danh nói: "Giới tịnh": là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. "Tâm tịnh": là chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. "Kiến tịnh": là chánh kiến, chánh tư duy. "Đoạn nghi tịnh": là Kiến đạo. "Tri đạo phi đạo tịnh": cũng gọi là Phân biệt tịnh. "Đạo tích tri kiến tịnh": cũng gọi là Hạnh tịnh. Hai thứ này là tu đạo. "Đạo tích trí đoạn tịnh" cũng gọi là Niết-bàn tịnh, tức Vô học đạo, đến phần "Căn cứ giáo" mới phân chia giáo sai biệt. Hai thứ sau phải dùng đồng thể kiến tư. Đây dùng Hữu dư xưng Vô dư. Bảy tịnh, bắt đầu từ sự giới, cuối đến Trí Đoạn đều là Hữu dư, báo cuối cùng nhập diệt mới chứng Vô dư. Bảy tịnh chính là cửa vào vô dư. Nếu tức dùng bảy tịnh làm Vô dư, thì nên biết chính là dùng Hữu dư xưng Vô dư. Vô dư ắt nhờ bảy tịnh mới đến, cho nên nói ly bảy cũng không.

"Câu-tát-la": là Xá-vệ. "Bà-kê-đế": là địa danh, chưa biết số làng Tác Sư tử hống: Trong Tạp A-hàm, kinh Xá-Lợi-Tử Sư Tử Hống nói: Đức Phật nói nghĩa một câu ba phen hỏi, Thân-tử ba lần không thể đáp. Đức Phật khai thị rồi vào tịnh thất. Xá-lợi-tử nhóm tập các Tỳ-kheo nói: "Phật chưa chỉ dạy cho tôi nguyên nhân của sự việc, nên không thể đáp ngay, Tôi trong bảy ngày bảy đêm sẽ diễn pháp kia không cùng tận. Đức Phật sai Mục-kiền-liên đến Kỳ Hoàn gọi Thân-tử... Đức Phật ở nơi ao A-nậu-đạt cùng năm trăm Tỳ-kheo, đức Phật ngồi tòa sen vàng bảy báu làm cọng sen, A-nan đứng hầu, năm trăm Tỳ-kheo đều nhóm họp. Lúc bấy giờ Long vương nói: Chúng đây không thiếu, nhưng không thấy Xá-lợi-phất, xin Phật sai một Tỳ-kheo mời đến. Lúc ấy Xá-lợi-phất đang ở tinh xá Kỳ Hoàn vá y cũ... Xá-lợi-phất nói: Ông đến đó trước thì tôi liền đến! Mục-liên nói: Thần lực của ông có thể hơn tôi thì mới

khiến đi trước, nếu không hơn thì hãy cùng đi tôi nắm tay ông cùng đến ao kia! Xá-lợi-phất nói: Mục-liên khinh thường ta! Xá-lợi-phất liền cởi y trải trên đất nói với Mục-liên rằng: Ông có thể nâng y này nổi không? Rồi sau cầm tay tôi sẽ đi. Lúc ấy Mục-liên nghĩ: Xá-lợi-phất khinh thường ta! Mục-liên nói: đây chắc có ý sự không phí công, nên duỗi tay nắm lấy, mà không động một chút, gắng hết sức lực mà không thể động. Xá-lợi-phất lại đem buộc cành cây Diêm-phù khiến nâng lên, lúc bấy giờ hết thảy đất cõi Diêm phù đều chấn động. Xá-lợi-phất nói: Mục-liên còn có thể động đất cõi Diêm-phù-đề, huống chi mang theo y này, nay sẽ buộc các thiên hạ khác, cho đến ba thiên hạ đều năng động như động nhẹ y. Tiếp, buộc núi Tu-di tiểu thiên trung thiên đại thiên đều có thể động. Vì vậy trời đất động chuyển, chỉ có tòa Phật và ao A-nậu là không động. Long vương hỏi Phật: Vì sao động đất? Phật đáp... Long vương hỏi: Thần lực ai hơn? Phật dạy: Xá-lợi-phất hơn. Long vương hỏi: Trước kia vì sao nói Mục-liên thần thông đệ nhất? Phật dạy: Mục-liên năng trú một kiếp, Xá-lợi-phất trú nhiều kiếp.

Người khác nói: "Biên tế định": là chỉ định đây. Xá-lợi-phất nhập Tam-muội, Mục-liên không biết tên. Xá-lợi-phất lại suy nghĩ rằng: Mục-liên động đại địa, loài trùng nhỏ chết vô số, ta cúi mình nghe Phật thuyết, tòa Như Lai không thể dời động, nay lấy dây mang buộc. Mục-liên lại nhấc lên, cho nên không động. Nay nói đức Phật phương khác dưới tòa có chút sai khác. Mục-liên tự nghĩ: Không thể thần lực có thoái ư ! Muốn đến chỗ Phật mà hỏi việc kia. Mục-liên liền đến chỗ Thế Tôn, từ xa đã thấy Xá-lợi-phất ở trước tòa Phật, liền nghĩ: trong hàng đệ tử Phật ta là thần lực Đệ nhất nhưng nay lại không bằng Xá-lợi-phất ư ! Liền đến hỏi Phật: Con sắp mất thần lực ư! Tại sao con xuất phát trước, mà nay lại đến sau? Phật dạy: Thần lực của ông không thoái mất, chỉ vì Xá-lợi-phất nhập định mà ông không biết đó thôi! Long vương nghe việc này rất vui mừng. Các Tỳ-kheo riêng bàn luận : trong hàng đệ tử Phật thì Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất mà nay lại không bằng Xá-lợi-phất, liền đối với Mục-liên khởi tâm khinh thường. Đức Phật bảo Mục-liên: Ông hiện thần lực đi! Mục-liên lễ Phật rồi liền ở trước Phật hiện qua đến phương Đông bảy hằng sa cõi, là cõi của Đức Phật Kỳ Quang, đi trên bát. Chúng cõi kia thấy vậy, cho là trùng đậu nơi chỗ bát của đức Phật, đức Phật cõi ấy nói: Ở phương Tây cách đây bảy hằng sa cõi... đức Phật kia sai hiện thần lực chớ để cho các Tỳ-kheo khởi tưởng khinh; cho đến khiến trong bát đầy năm trăm Phạm thiên. Một chân đạp núi Tu-di một chân đạp đụng cõi Phạm thiên, rồi nói kệ âm

thanh vang đến tinh xá Kỳ viên. Các Tỳ-kheo nghe, không biết nơi nào liền hỏi Phật? Phật dạy: Ở thế giới kia... Các Tỳ-kheo bạch Phật khiến Mục-liên trở về... Các Tỳ-kheo kia muốn đến, Phật bảo Mục-liên dẫn. Phật vì chúng nói pháp lục giới rồi lại khiến Mục-liên đưa về.

Như trong kinh Bát-nhã nói: Phú-lâu-na nói phá Bồ-đề kiến, cho nên gọi là thông ý. Các hiền thánh tự nói pháp mình đồng: trong đây khi "giải thích theo Thông giáo", nhân dẫn Bát-nhã cùng Bồ-tát hạnh ắt phá kiến Bồ-đề pháp luân..., mới gọi là Bồ-tát. Cho nên, dẫn trong các Kinh Đại thừa rằng: phàm các Bồ-tát tự nói mình chứng, đều vì lợi sinh hoặc đối Phật thuật giải, chẳng như phàm phu tự cho là mình thấy mà xưng mình có khả năng, cho nên nói "vọng có sở thuyết".

Trong phần "Giải thích Mục-liên", nói: "Cát-chiêm...", cha tên Cát-chiêm. Cha ngài khi mới sinh, được thầy xem tướng nói là tốt, nhân đó mà đặt tên. "Mục-già-lược-hề-độ": năm chữ đều là âm Tây vực. Cho nên luận quyển mười giải thích trong Như Lai mật ngữ, dẫn Mục-kiền-liên tầm thanh. Đức Phật kia bảo: Mục-già-lộ-tử-độ vì sao đến? Mục-liên liền đáp..., chính là đức Phật kia xưng năm chữ này mà sai khiến Mục-kiền-liên, tức là âm của hai cõi có nặng nhẹ đó thôi! Trong văn chữ "lộ" là lầm nói chữ "lược". Chữ "tử" là lầm nói chữ "hề". Đồng danh rất nhiều. Như trong A-hàm quyển ba mươi lăm nói: Có toán số Mục-liên, khéo biết pháp tính. Kinh kia nói : Đức Phật ở nước Xá-vệ giảng đường Lộc Mẫu, toán số Mục-liên sau bắt chước đến chỗ Phật hỏi han, lui về chỗ ngồi, bạch Phật : xin cho con có việc hỏi? Phật dạy: Tùy ý ông hỏi,... cho đến, nói: ta dùng pháp tính khiến ông theo Phật xuất gia vẫn còn nghiệp thế tục cũ cho nên nói vậy. Cù-mặc khéo biết pháp tướng, Mục-liên chẳng phải một, cho nên biệt nêu "Đại". Thấy quí cùng chấp trọng văn lời, tuy sai khác kia nghĩa chỉ có một, đều coi trọng đức hạnh. Xá-lợi-phất tài cao mà trí sáng. Mục-kiền-liên dòng dõi cao quí trí tuệ sáng suốt mà thần lanh lợi, lanh lợi cũng là sáng suốt. "Nghệ" : là sáu nghề (tài năng) lược như Thích Tiêm. Nhưng "Trí Nghệ" ở Ấn-độ có khác Trung Hoa. Do có đắc thiền cho nên Tứ Vi-đà thu nhiếp rất rộng. Trong giải thích theo Nhân duyên đây cũng đầy đủ tứ Tất-đàn: Đầu tiên là Thế giới. "Thích luận" trở đi là Vị nhân. "ngoại đạo..." là Đối trị. "Niết-bàn..." là Đệ nhất nghĩa. "Đệ tử phía bên tả": Sở dĩ dùng Thân-tử và Mục-liên làm "Đệ tử tả hữu" chuyển pháp luân, là vì thông nhân ở định sinh, tức định tuệ một cặp, lấy hai pháp này làm căn bản của tất cả pháp, cũng là một cặp phước tuệ. Bi phần nhiều hiện thông, cũng một cặp Bi trí, thành phá pháp luân căn cứ đây có thể biết.

"Bá nga": Khuynh trắc mạo (dáng mạo nghiêng đổ), hữu tác phả nga hữu tác phả nga, đều không thấy nêu, căn cứ văn soạn Giang Hải Võ nói... nay nói "bá" là ý phiến động.

"Nan-đà v.v...": Kinh Tăng Nhất quyển hai mươi tám nói: Đức Phật tại vườn Cấp Cô Độc, Đế-thích bạch Phật: Như Lai tại thế ứng hành năm việc, mẹ ở cõi trời thứ ba mươi ba, cần hành thuyết pháp, đức Phật im lặng nhận lời... khi ấy liền đến v.v... Rồng sân hận phóng hỏa gió lớn cháy cõi Diêm- phù-đề. A-nan bạch Phật: Vì sao có khói lửa lớn ấy? Đức Phật đáp đầy đủ. Ca-diếp, Na-luật... đều đứng dậy bạch Phật, muốn hàng phục rồng này. Đức Phật dạy : Rồng này bạo ác khó điều phục, ông nên ngồi yên. Mục-liên bạch Phật. Đức Phật cũng bảo "Thôi"! rồi lại hỏi: Ông làm sao hàng phục? Mục-liên đáp: Trước hết dùng thân rồng rất lớn khiến cho rồng khiếp sợ, tiếp lại dùng thân rất nhỏ đục xoi trong răng miệng rồng, rồi sau mới dùng thân thường để hàng phục... Phật dạy: Lành thay! Ông có khả năng kham nổi. Đức Phật lại răn dạy: Tâm phải kiên cố chớ có loạn tưởng sợ hãi mà bị quấy nhiễu. Mục-liên lễ Phật rồi đến trên núi, hiện thân có mười bốn đầu, nhiễu quanh núi mười bốn vòng. Rồng thấy sợ hãi, tự cho rằng: Ta nay thử xem người kia có hơn ta không? Hai con rồng liền dùng đuôi vẩy nước trong biển lớn, nước không đến cung trời Đao lợi. Mục-liên dùng đuôi vẩy nước, nước đến cõi Phạm cung và rưới ướt cả hai con rồng. Hai con rồng biết sức yếu rất giận hiện mây sấm hung dữ phóng lửa lớn để đốt. Mục-liên tự nghĩ: Nếu cùng rồng đấu tranh, đều dùng lửa khói sấm sét, ta cũng làm vậy thì từ cõi Diêm-phù đến cung trời Đao-lợi sẽ bị hại. Nghĩ vậy rồi liền hóa thân hình nhỏ... cuối cùng hai rồng chịu thoái lui. Ngài nghĩ : Rồng trong tứ sinh không xuất gia, rồng này uy lực như vậy thân lông đều dài. Tôn giả biết rồng tâm đã phục, liền lại hiện thân thường ở trước mặt rồng. Hai rồng lúc ấy mới biết đối phương

chẳng phải là rồng, liền khen rằng: "Thật kỳ lạ đặc biệt!", rồi bạch với Mục-liên: "Làm sao Ngài hiện tướng ấy, có điều gì răn bảo?". Mục-liên nói: "Ông hôm qua có suy nghĩ ta là Sa-môn đầu trọc thường bay trên ta ư?". Rồng nói: "Đúng vậy!" Mục-liên nói: "Núi Tu-di là đường đi của chư thiên, chẳng phải chỗ ở của ông". Rồng nói: "Xin ngài tha lỗi cho con, từ nay về sau xin được làm đệ tử ngài". Mục-liên nói: "Ông chớ qui y ta, mà hãy qui y nơi ta đã qui y". Rồng nói: "Con xin qui y Như Lai". Mục-liên đem hai rồng đến nước Xá-vệ. Mục-liên nói: "Thế Tôn nay vì vô lượng Đại chúng nói pháp, chớ có hiện hình rồng". Rồng nói: "Như vậy thì con sẽ hiện hình người đoan chánh". Đức Phật

vì chúng nói pháp, độ làm Ưu-bà-tắc. Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc đến hỏi việc khói lửa kia... Đức Phật trả lời đầy đủ. Vua thấy hai rồng không đứng dậy. Hai rồng sân hận lại nghĩ : Nhân dân trong nước đối với ta không xấu ác... Hai rồng liền ở trên vương cung hiện sấm chớp lớn... Tôn giả biến làm hoa Ưu-đàm. Rồng giận dữ lại phun mưa lớn trên núi, Tôn giả lại biến thành bánh ăn. Rồng giận gấp bội, hiện mưa đao kiếm. Tôn giả lại biến làm y tốt. Rồng lại giận, biến làm bảy báu. Nặc vương không biết, liền hỏi: Diêm-phù có đức không hơn (quá) ta, trong cung thường có các báu vật, sẽ làm Luân vương ư! Rồng lại tự suy nghĩ: Sao không đủ sức lực lớn một phen đến như đây. Nghĩ rồi mới biết đây là sức lực của Mục-liên, thấy rồi liền đi. Vua được bảy báu và thức ăn mà không dám thọ nhận, đem đến chỗ Phật, bạch Phật mọi việc. Đức Phật dạy: Hãy đem cúng dường Mục-liên. Vua được thần lực của Mục-liên, vua hỏi: Vì sao như vậy? Đức Phật đáp đầy đủ, vua mới biết...

"Điều-đạt dẫn năm trăm Tỳ-kheo....", kinh Tăng Nhất quyển bốn mươi bảy nói: "Lúc Đức Phật ở vườn Câu lưu, khi ấy Đề-bà-đạt-đâu ba phen bạch Phật xin xuất gia. Đức Phật không nhận lời, ông liền nghĩ rằng: Sa-môn nay ôm lòng tật đố, ta nay phải tự cạo tóc tu phạm hạnh, đâu cần đến Sa-môn ấy. Có một Tỳ-kheo tên Tu-đà, hạnh đầu đà khất thực, Đạt-đâu bèn đến chỗ Tỳ-kheo ấy, đầu mặt lễ dưới chân, xin dạy oai nghi. Tỳ-kheo ấy liền dạy, tiếp theo học thần thông, dạy rằng: "Phải biết tâm ý thức khinh trọng, biết rồi lại biết bốn đại khinh trọng, biết rồi phải tu Tự tại Tam-muội, tiếp tu Dũng mãnh Tam-muội, tiếp tu Tam ý Tam-muội, tiếp tu Tự thức Tam-muội", như vậy không bao lâu liền đắc thần túc. Y lời nói tu tập danh vang xa đến tầng trời thứ ba mươi ba, hái hoa Ưu-Bát-la để lên trên đầu gối Thái tử... rộng thọ nhận sự cúng dường muốn phá tăng hạnh Xá-la..., đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển 1 nói. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cùng nghĩ rằng: Thử cùng đến chỗ kia nghe nói gì! Điều-đạt thấy hai ngài thì rất vui mừng, nghĩ là đến theo, hết thảy mọi người đều có ý nghĩ này, nên nói với Xá-lợi-phất: Ngài có thể vì các Tỳ-kheo nói pháp không? Tôi nay đau lưng. Nói rồi liền chồng chân mà nằm... Xá-lợi-phất vì chúng nói pháp rồi, Mục-kiền-liên đem các Tỳ-kheo đi... Sau nhân tạo nghịch... bị lửa thiêu đốt đọa vào địa ngục A-tỳ. A-nan hỏi Phật : Điều-đạt sẽ sinh vào đâu? Phật đáp:... Tạp A-hàm quyển hai mươi chín nói... văn kia rất rộng. Lại, kinh Tăng Nhất quyển bốn mươi bốn cũng nói: Đức Phật ở vườn Cấp Cô độc. A-nan hỏi Phật : Như đệ tử đức Phật Tỳ-bà-Thi sống nơi cõi uế thời gian được bao lâu? Phật dạy: Ban đầu thì tám vạn bốn ngàn (84.000)

năm, sau thì tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, ba mươi, hai mươi, đến mười hai năm, lần lượt đối bảy đức Phật. “Đế-thích cùng Tu-la đánh nhau”, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. “Phạm âm Phật rất xa”, như Chỉ Quán quyển một nói. Đức Phật tìm thị giả, như trong Chỉ Quán quyển sáu nói.

Trong phần “Căn cứ giáo mà luận thần thông”, nói “Mười bốn biến hóa”: đầy đủ như Thích-tiêm, dùng mười bốn tâm có công năng biến hóa để giải thích tứ thiền, đây chính là hết thảy La-hán đều đắc. Tiếp, “Quán v.v...”, người bốn câu giải thoát mới đầy đủ, do quán thiền đầy đủ ắt đắc Diệt thọ tưởng định. Tiếp, “Thập (10) nhất thiết” muốn khiến cho thần thông rộng khắp. “Luyện huân tu”, như Chỉ Quán quyển 9 và trong Pháp Giới Thứ Đệ. “Thập nhất thiết”, đầy đủ như trong Pháp Giáo Thứ Đệ. Sự thiền, đầy đủ như Huyền Văn và Thứ Đệ Thiền Môn. “Thập bát biến”, như Chỉ Quán quyển mười nói. Lại, có người nói “Thập bát biến là nghĩa chấn động v.v...”. Nay làm tụng rằng: “Chấn động và xí nhiên, lưu bố cùng thị hiện, chuyển biến và lai vãng, co duỗi các thân tượng, vãng đồng hướng ẩn hiển, tự tại và chế tha, thí biện cùng ức niệm, thí an cùng phóng quang”. Lại có người nói: trên thân ra lửa... “Y không khởi tuệ”: Không tức đế cảnh, y cảnh sinh trí thông thuộc trí tánh cho nên nói “dùng Không tuệ tâm”. “Thứ lớp...”: Công dụng ba đế thông, gọi là “thần thông”, Sơ địa trở đi, biệt gọi là “cảm ứng”. Ba đế thứ lớp, nên gọi là “thâm nhập”, riêng Bồ-tát pháp nên lại nói “vượt quá Nhị thừa”, kỳ thật siêu vượt hai giáo tam thừa. Nói “chẳng dùng nhị tướng”, Bất nhị tức “thật tướng”, “kiến độ (thấy cõi)” tức “thần thông”, y lý mà thấy nên nói “dùng tướng Bất nhị mà thấy”.

Trong câu“... tức là Viên giáo thần thông, vân vân”, thì “vân vân” là khiến phân biệt điều này: Trước là hai tu đắc, sau là hai phát đắc. Tạng, y sự thiền. Thông, y chân lý. Biệt địa tiền trợ. Viên tự tại phát. Hai danh trước thông, gọi là hóa. Hai danh sau mật, gọi là ứng. Hai loại trước điều phục chúng sinh. Hai loại sau thấy căn cứ chúng sinh. Hai loại trước có thể phá hoại, hai loại sau không thể phá hoại. Hai loại trước ở giáo đạo, hai loại sau ở chứng đạo. Hai loại trước thân thông chỉ hiện tại, hai loại sau thông ba đời. Hai loại trước Thánh vị mới tu thông, hai loại sau phàm vị đều tu thông. Hai loại trước tùy nương tựa đều có thể tu, hai loại sau ắt phải có nương tựa thù thắng. Nguyện được thông, lẽ ra ở văn trước, trong phần giải thích theo Nhân duyên, nhưng cũng có thể dùng bốn nguyện tiêu biểu giáo. Nay trong văn, Sơ giáo theo sự, Thông giáo theo chân, hai giáo sau thì tại lý, cho nên chấp nhận từ đây.

Trong câu “Phát nguyện đắc thần thông vân vân” thì “vân vân” là: lại có nhiều duyên đều tại nguyện đắc, cũng có thể không nguyện tùy duyên đắc, tức như Na-luật duyên mũi tên, khêu đèn, dẫn đến nhập địa vị cùng cực v.v... phân biệt năm vị như trước.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, thì “Chợt có...” là ý tam quán, thật tướng là cảnh Trung đạo, không có tâm hữu, vô, khế hợp cảnh Trung, nên nói “thông đến”.

Tiếp, “giải thích Chiên-diên”: Đầu tiên, giải thích theo Nhân duyên, gồm đủ Tứ Tất-đàn: Đầu tiên là Thế giới, từ “Kinh Tăng Nhất” trở đi, là Vị nhân. “Cùng ngoại đạo luận...” là Đối trị và Đệ nhất nghĩa, vì đoạn kiến và thế điển đều có phá tà và đắc đạo. Nói “Văn sức”: là khéo tán vịnh. Nói “phiến thằng” : là nếu nói hai chữ “kiên thừa” đều sai lầm, bởi vì khi vị ấy sinh thì cha đã lìa đời, người con này ngăn cản mẹ không được tái giá như dây buộc vào quạt, cũng có thể gọi là “Hảo kiên” bởi vì hảo kiên giáp. Nói “Tư thắng”: “tư” là tuệ số, luận nghĩa công mạnh, nên đặt tên là Tư thắng. “Dẫn kinh Trường A-hàm quyển mười, nhiều lần vấn đáp”: nhờ Ca-diếp đồng nữ Tỳ-kheo kia phá văn cũ xưa kia, lấy đó để so sánh. “Chấp đoạn”: chấp sau khi chết thần diệt cho nên dùng bất diệt làm vấn nạn. Nếu chấp thường thì trái lại làm tăng thêm sự chấp kia, cho nên biệt dùng “niệm niệm bất trụ” để phá. Trong phen thứ nhất, nói “Nhật Nguyệt nay là...” là phản biện trả lời, như Nhật, Nguyệt nay là vì mình mà lập hay là vì người khác ư? Nếu vì người khác, thì là vì trời hay là vì người. Chỉ duyên nhân thiên là người khác, cho nên có ngày mai. Nếu không có đời khác, thì nên chỉ có ngày nay. Nếu không có ngày mai thì cũng không có ngày hôm qua, vì ngày hôm nay là ngày mai của hôm qua. Nói “chẻ củi”: là đủ duyên thì có lửa như có thần, duyên tàn thì không lửa như không có thần, đâu phải chẻ thân không thần mà có thể thấy thần, như chẻ gốc thiếu duyên mà muốn thấy lửa thì rất xa. Nói “bối thanh”: Thân người là sắc, vì mắt thấy, thần thì phi sắc làm sao có thể thấy ? Như “bối” có thể thấy thanh không thể thấy. Nếu muốn ở nơi có thể thấy mà cầu cái không thể thấy, thì cần phải đủ duyên. Duyên đã thiếu rồi lại cầu trái ngược, thì quyết không đạt lý, thần cũng như vậy. Duyên đủ thì thần tại thân, duyên thiếu thì thần bỏ đi, đến phen thứ tám không lý lẽ để vấn nạn, chỉ nói chấp lâu chống cự mà cố trái.

Trong lần đáp thứ chín, nói “hai thương nhân”: là Chánh kiến và Tà kiến. Quỷ như thầy của ông, thầy của ông tuy kỳ quặc cũng giả xứng trí, cho nên dối trá làm giống người nói tà liên quan chánh, dùng

tà Niết-bàn mà nói an lạc, cho nên nói “đường trước nhiều gạo cỏ”. “Gạo cỏ cũ” là chánh kiến thế gian. “Gạo cỏ mới” là chánh kiến xuất thế gian. “Người” là năng thừa hành giả, “trâu” là trí sở thừa. Tin lời của tà sư quỷ nói, ví như ông bỏ gạo cỏ cũ thì vẫn chưa được làm nhân thiên, huống lại là Niết-bàn? Cho nên, nói “người trâu đều chết vì bị tà ăn nuốt”, hoại thế xuất thế cho nên nói “đều bị ăn nuốt”. “Thương nhân kế tiếp”: là người chánh kiến thế gian, đắc chánh kiến xuất thế gian rồi mới bỏ các pháp nhân thiên hữu lậu. Ta nói chánh kiến, sao ông không bỏ? Vì lý lẽ đã cùng, cố chấp phản đối cũng dứt. “Thế-điển”: kinh Tăng Nhất quyển tám nói: “Đức Phật ở thành Thích-sí vườn Ny-câu-lưu, cùng năm trăm người vân tập tại Phổ nghĩa đường. Lúc ấy, Thế-điển Bà-la-môn đến chỗ Thích chủng, nói rằng: Các người có ai cùng ta luận nghị không? Các Thích tử nói: Trong đây có hai người chánh giác trong chúng, không thông tuệ không học rộng, nói năng kỳ lạ vụng về, không riêng đi theo đến. Nếu cùng luận thì sẽ được ngàn lạng vàng ròng. Thế-điển tâm niệm : “Người trong nước này phần nhiều là hư ngụy, dù có thắng cũng đâu đủ làm lạ. Nếu họ thắng ta, thì ta là kẻ bị người ngu khuất phục”. Suy nghĩ như thế rồi liền nói: “Ta không luận nghị”. Nói rồi ra đi, giữa đường gặp Bàn-đặc. Thế-điển nghĩ: “Ta nay sẽ đến chỗ người kia hỏi nghĩa”, liền đến kia hỏi: Ông tên là gì? Ca-chiên-diên thiên nhĩ nghe từ xa, liền biến thành hình Bàn-đặc mà nói: Ông nếu nói ta có thần túc không kham luận nghị, ta sẽ đáp ông bằng toàn nghĩa, lại dẫn dụ ông, ông tên là gì?... Thế-điển nói: Phạm thiên. Lại hỏi : Trượng phu ư? Đáp: Trượng phu. Lại hỏi: Người ư? Đáp: Là người. Lại hỏi: Người cũng là trượng phu, đâu chẳng phiền lập lại, mù cùng không mắt nghĩa ấy không đồng. Thế-điển hỏi: Vì sao gọi là mù? Đáp: Cũng như không thấy, đời nay, đời sau sinh diệt, thiện nghiệp, ác nghiệp, không như thật biết, vĩnh viễn không thấy, gọi đó là mù. Thế nào là không có mắt? Đáp: Tức là không có trí nhãn như trên. Thế-điển nói... Lại hỏi: Năm ấm là có duyên sinh hay không duyên sinh? Đáp: Có, không phải là không có duyên. Lại hỏi: Năm ấm lấy gì làm duyên? Đáp: Ái làm duyên. Lại hỏi: Sao gọi là ái? Đáp: Sinh là ái. Lại hỏi: Thế nào là sinh? Đáp: Ái là sinh... Thế-điển nghe rồi đắc quả, khi mạng chung, Bàn-đặc báo cho các Thích chủng khiến chất củi thiêu... lại lập linh tháp. Trong Trường A-hàm nói các chấp của ngoại đạo rất rộng. Như nói không được tay ngăn che hình, không được ăn giữa hai tay, ăn giữa hai người, ăn giữa hai đạo, ăn giữa hai chày, ăn giữa hai nhà. Lại nói: Trước nói nghĩa là nói nghĩa không được ăn, không được ăn với hai

đồ đựng, một miếng đến cổ, bảy miếng ăn thôi, lại càng không quá ba lần, hoặc một ngày ăn một bữa, hai ngày hoặc đến bảy ngày một bữa ăn, ăn gạo ăn rau, phân trâu, phân hươu, rễ cây, hoa trái... tự rơi rụng được ăn; hoặc mặc áo bằng cỏ, cây, lông, da, cỏ gấu, để râu tóc dài... phải đứng một chân, thường ngồi tòa... thường ngồi chồm hổm , nằm trên gai, trên phân, trên quả dưa, ba ngày tắm một lần, một đêm ba lần tắm. Những pháp như vậy ở trong pháp của ta, gọi là pháp bất tịnh. Những pháp như vậy lược nên biết. Ví như có chấp " chuyên ngồi ", thì chưa khế hợp đại đạo.

Nói chuyên ngồi: Là lấy việc không nằm làm công, không thể lấy việc không đi làm đức, đâu thể ở trong nhà tối thì bốn oai nghi lại đồng phàm, thấy chúng đến thì chắp tay ngay ngắn như Thánh, hạnh quân tử còn thiếu, đạo Bồ-tát vĩnh viễn kém, tự lòng dạ không chút giáo nào đáng theo, khiến người đời sau không có chỗ nương. Nhẹ như hạt cải, Phật còn bốn oai nghi động tác, đâu thể người chưa học bỏ qua? Xét rằng đạo tại tâm, không tại pháp sự, do mình chẳng do người, vì không thể tự xét mình đức thiếu, nên lộ bày lỗi xấu, Vả lại hiển lộ, ẩn giấu đều bình đẳng.

Trong phần "Căn cứ giáo giải thích", đều nói "phá đoạn thường": Phàm nói luận lấy phá tà làm đầu, cho nên đều ở đương tông để lập năng phá. "Y tổng trì tứ biện": lại dùng tục đế Tam-muội mà làm tổng trì. "Tứ biện": Đầy đủ như trong luận Pháp Giới Thứ Đệ. "Dùng thuốc phù hợp bệnh để phá đoạn thường", là nhập ái kiến Giả, trước phá đoạn thường. Lại, phá đoạn thường có hai thứ nghĩa: 1. Dùng các quán cùng phá kiến hoặc giới nội đoạn thường, thì bốn giáo đều lấy kiến hoặc làm cảnh, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển mười nói... 2. Xoay chuyển ngắn dài không đồng, thì ba giáo đều phá kiến hoặc giới nội. Chỉ có Biệt giáo thì: trước, phá đoạn thường giới nội, tiếp, phá Không hữu đoạn thường, sau, phá Không giả đoạn thường. Viên giáo thì nhất niệm phá ba đoạn thường.

Trong phần "Giải thích theo Quán tâm", luận nghĩa nói "vãng phục" (qua lại), "trí nghiên cứu cảnh" là vãng, "cảnh phát trí" là phục, thường quán thường phát thường qua thường lại.

"Giải thích A-nậu-lâu-đà": "chủng tánh..." rộng nêu tại các kinh Hiền Kiếp v.v... Đại luận cũng rộng giải thích. Dòng họ Sát lợi. Hoặc nói "Cù-đàm", đầy đủ như dưới thuật. Nếu theo nghĩa Tứ Tất-đàn: Đầu tiên là Thế giới, "Nhân hiền kiếp...." là Vị nhân, "Na luật..." là Đối trị, "Phật quảng..." là Đệ nhất nghĩa. Nói " Vô-lạp ": Thỏ chẳng săn được

nên nói vậy, đầy đủ như văn sau. “ Cơm cỏ kê (bại phạm) “ tuy nhiên, nhưng dùng hết cái mình có và ruộng phước thắng, cho nên được gọi là “Thắng báo”, cũng có thể ở đây rộng nêu tướng thí. Chỉ ở trong đó chẳng gấp. Bắt đầu từ “Dân-chủ” đến “Thiện-tư”, Thiện-tư sinh “Ý ma” và cùng “Tứ-thiết-luân”, hợp có “tám vạn bốn ngàn hai trăm mười vua”, đủ như trong luật. Nói “Thảo sán”: “Thảo” cũng là bắt đầu, như bố thí áo lúc mới gặp “Ông phải cởi áo vua”: khiến cởi y phục vua, mặc y phục Cù-đàm, khiến theo họ của thầy. Đây là cổ tục phương này, đều theo họ của thầy. Như Trúc Đạo Sinh vốn không phải họ Trúc, chỉ hầu Trúc Pháp Thái, làm đệ tử đó thôi! Từ An Công đến nay, khiến đồng một họ Thích. Dịch trong luật Thập Tụng mới thấy văn kia. Luật nói : Bốn con sông chảy vào biển, không còn có tên sông. Bốn họ xuất gia đồng một họ Thích. “Bốn con bị nghi” là bốn người con của mẹ kế bị mẹ lớn nghi. Kinh Hiền Ngu nêu đủ chuyện xưa, các duyên thí thực gặp thỏ v.v... lược như văn nay. “Ngủ là thức ăn của mắt”, như Chỉ Quán quyển bốn nói. “Đức Phật cùng tám trăm Tỳ-kheo vì... ba y”. Đức Phật ở nước Xá-vệ, Na-luật nói với A-nan rằng thỉnh các Tỳ-kheo may ba y, y của ta đã rách. A-nan đến từng phòng nói với các Tỳ-kheo. Lại, xưa gọi núi Bà-la-la là “Câu-tát-la” vì âm Phạn không đồng.

Các Tỳ-kheo chiếu theo lời của A-nan. Đức Phật thấy A-nan, hỏi: Ông làm việc gì vậy? A-nan đáp đầy đủ. Phật dạy : Sao ông không thỉnh Phật? Bèn cùng các Tỳ-kheo trương vải cắt rọc, các Tỳ-kheo may một ngày xong. Nhân đây Đức Phật thuyết về nói Ca-hi-na (áo công đức)...

Trong phần “Giải thích theo Giáo”, nêu hai tầng: tầng đầu: luận phát, tầng hai: luận tu. Bốn giáo chung luận phát, ý nêu rõ tu thành, tuy có chút ít không đồng mà đại thể không sai khác. Nhục nhãn tuy mất mà thiên nhãn lại thành. Vọng sau, cho nên luận “tu thứ lớp, tu không thứ lớp”, đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói, cũng nên nêu rõ khai hiển.... Trong đây, chính là nêu “Thiên nhãn” mà kiêm cả bốn nhãn. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, không nói Tuệ nhãn, vì thiếu đó thôi! Lẽ ra nói quán Nhân duyên định tâm, tức Thiên nhãn, không tâm tức Tuệ nhãn.

“Giải thích Kiếp-tân-na”: Đầu tiên là Thế giới Tất-đàn, “Tỳ-kheo ấy...” là Vị nhân, “Giữa đêm....” là Đối trị, “Bỗng nhiên...” là Đệ nhất nghĩa. “Cầu đảo ngôi sao Phòng.....”: Sách Nhĩ Nhã nói: Thiên tứ Phòng. Chú thích rằng: Rồng làm ngựa trời, cho nên gọi là “Phòng”. Bốn ngôi sao nghĩa là Thiên tứ tinh, tức ngôi sao thứ tư trong bảy ngôi sao ở phương Đông, nếu căn cứ phương Tây, thì ngôi sao lại không

nhất định. Đầy đủ như Chỉ Quán quyển mười nói. Trong phần "Giải thích theo Giáo", đều nói "thê": y nơi gặp Như Lai mà được chứng, để giải thích "Túc", thì dương giáo nêu rõ Phật phân tề (phần hạn) không đồng.

"Giải thích Kiều-phạm": Đầu văn bao hàm tứ Tất cho nên không phân, đến sau tự kết. "Dịch là Ngưu Tứ": đời quá khứ từng làm Tỳ-kheo, do đi qua ruộng lúa người khác, ngắt bông lúa ăn thử xem lúa chín chưa, nên về sau trong năm trăm năm phải làm trâu để bồi thường, nay đắc Vô học còn có tập khí thừa. Kết tứ Tất-đàn gọi là tại trung gian, tổng giải thích văn trước sau, cho nên lại nói "khứ". Lần nữa lại giải thích ý tứ Tất-đàn trước. Tiếp "Sau khi Phật diệt độ..." là lập lai biệt giải thích Đệ nhất nghĩa. "Thủy thuyết kệ": Luận nói: "Kiều-phạm-ba-đề cuối đầu lễ, Diệu chúng Đệ nhất Đại đức tăng, nghe Phật diệt độ con tùy khứ, như voi lớn đi voi con đi theo". Trong phần "Giải thích theo Giáo", đều rõ là chỉ bày: nếu thị hiện chỉ bày thì nghĩa bao gồm Bản tích, nếu tác giáo chỉ bày thì chính là căn cứ giáo. Trong phần "Giải thích theo Quán tâm", chính là dùng trượng phu ngưu vương, và chung nhận xe Trâu trắng dẫn kéo.

"Giải thích Ly-bà-đa" : trong phần giải thích theo Nhân duyên, thì: Đầu tiên là Thế giới Tất-đàn, "Giả hòa hợp..." là Vị nhân Đối trị, "Tăng Nhất..." là Đệ nhất nghĩa. Cho nên lại căn cứ tranh chấp tử thi một duyên chỉ đầy đủ hai Tất-đàn. Nếu căn cứ duyên tranh tử thi mà tự đầy đủ tứ Tất, thì "Giả hòa hợp...." là nghĩa Thế giới; "dễ độ" tức Vị nhân, "hỏi người" tức Đối trị, "nghe nói" tức Đệ nhất nghĩa. Hai quỷ tranh nhau tử thi, trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Dẫn Tăng Nhất lập lại để chứng minh Đệ nhất nghĩa. Có lỗi do miệng thì duyên tai kinh tạng vàng ngọc. Trong phần "Giải thích theo Giáo", lại nương quỉ tranh chấp tử thi lấy làm nghĩa căn bản. Biệt giáo, nói "chẳng phải mình có...": phàm trong Biệt giáo lập Phật giới, có ba ý kia: 1. Lấy lý tánh làm Phật giới. 2. Lấy quả đầu làm Phật giới. 3. Lấy sơ địa để phân danh Phật giới. Nay nói mười pháp giới đều chẳng phải mình, chỉ sơ địa để phân Phật giới thôi! Nếu chỉ quả đầu thì nên nói chín giới, "chẳng phải mình có". Trong Viên giáo, "phi ngã phi tha", là phi chân phi duyên, lại phi cộng ly. Lại, "chẳng phải mình có" không đồng hai thứ trước, "không phải người khác có" không đồng Biệt giáo. Trước, căn cứ giáo thì dựa vào giả hợp, nay Bản tích Quán tâm đều căn cứ tinh tú thì đều tùy tiện. "Thấy Phật như thấy tinh tú" ý trong kinh Bát Chu. Trong phần "Giải thích theo Quán tâm", nói "như ban đêm thấy tinh tú vân vân", thì vân

vân là nên rộng dẫn trong kinh Bát Chu Tam-Muội.

"Giải thích Tất-lăng-già" rộng nêu mạn duyên, trong Chỉ Quán quyển hai nói. Nếu căn cứ đây làm tứ Tất-đàn thì : "Năm trăm đời...." là Thế giới, "Sám hối....." là đủ hai Tất-đàn, "Kinh Tăng Nhất...." tức Đệ nhất nghĩa. Trong phần "Giải thích theo Quán tâm", nói "...đều quy về Đệ nhất nghĩa vân vân" thì "vân vân" là : Tam quán tổng biệt đều là Đệ nhất nghĩa. Các hoặc sở phá đều đắc là thô thuyết...

"Bạc-câu-la", Giải thích theo Nhân duyên: Đầu văn là Thế giới Tất-đàn, "Năm một trăm sáu mươi tuổi..." là sinh thiện (Vị nhân), "Thân lạc..." là Đối trị, "Cho nên kinh Tăng Nhất nói thọ mạng..." là Đệ nhất nghĩa. "Xưa cúng thí trái Ha-lê-lặc": Thời quá khứ Phật Tỳ-bà-thi, ông dùng trái Ha-lê-lặc cúng cho một Tỳ-kheo bị bệnh đau đầu, từ đó về sau ông thường được phước không bệnh. Nói "trì một giới thì bốn giới trang nghiêm", là khi thọ chút phần Ưu-bà-tắc giới thì năm giới tâm đều kỳ vọng nhiều ít. Kinh Tăng Nhất nói: Phật dạy Ưu-ca-ni nếu ăn mà tăng thiện diệt ác thì nên ăn, nếu tăng ác diệt thiện thì không nên ăn, trì giới phá giới cũng lại như vậy. Trong câu "Phần nhiều hủy phạm vân vân" thì "vân vân" là nên phân biệt, như nói: Nếu phá một giới thì sẽ đọa vào địa ngục, nếu trì một giới thì được sinh trong loài người. Lại ba phen hỏi : "Có thể trì được không?" là khiến ba lần tự quy, cho nên trì một giới thì được gọi là "thiểu phần" cho đến "mãn phần". Kinh Báo Ân quyển thứ sáu nói: Người trì năm giới thì không cho mua bán năm loại: 1. Súc sinh, thẳng bán thì được. 2. Cung tên. 3. Bán rượu. 4. Ép dầu. 5. Năm màu nhuộm chính. Nước Kết Tân từ xưa đến nay trong cây gai không có trùng, được làm thuốc nhuộm, các nước Lưu sa nhuộm phần nhiều sát sinh, Nước Tần nhuộm màu xanh cũng phần nhiều sát trùng. Bốn điều trước nói không buôn bán thì được, trong tạng có một quyển Ngũ Giới kinh phân làm năm phẩm, rất quan trọng đối với người trì năm giới. "Tháp ấy cũng có lực như thế", có hai nghĩa: 1. Lực xá-lợi. 2. Thần lực hộ tháp. Trong phần "Giải thích theo Bản tích", "đại tịch diệt định" chỉ là Đại bát-Niết-bàn. "Trường thọ...": nhờ tích sự để lập bản đức, bản trụ chân thường, tích hiện trường thọ, bản ở cực lạc, tích thị hiện vô bệnh, bản tám tự tại, tích không yểu mạng, bản trụ viên tịch, tích thị hiện nhàn tĩnh.

"Câu-hi-la: Giải thích theo Nhân duyên": Tuy đối Thân-tử là thành đức cậu, lại theo cậu nói. Thọ tộc tức Thế giới, "Thấy chị" tức Vị nhân, "Bỏ nhà đến...." tức Đối trị, "Liền đê đầu..." đều thuộc Đệ nhất nghĩa. Trung A-hàm quyển năm mươi tám nói: Xá-lợi-phất cùng Câu-

hi-la luận có nhiều phen: Đầu tiên Xá-lợi-tử hỏi: Thế nào là bất thiện, thế nào là bất thiện căn? Câu-hi-la đáp: Thân là bất thiện, tham... là bất thiện căn. Hỏi: Thế nào là trí tuệ? Đáp: Tứ đế là trí tuệ. Hỏi: thế nào là thức? Đáp: Biết sắc thanh hương vị xúc pháp là thức. Hỏi: Thức nương chỗ nào? Đáp: Thức y thọ. Hỏi: Thọ nương chỗ nào? Đáp: Không riêng có chỗ nương, y thọ có hơi ấm, như nhân dầu có đèn. Lại có nhiều phen.

"Nan-đà, Giải thích theo Nhân duyên": văn rất lược. "Cũng gọi là Phóng Ngưu" (chăn trâu): Đại luận nói vua Tần-bà-sa-la thỉnh Phật và Tỳ-kheo tăng ba tháng an cư, nói người thả trâu khiến đến gần chỗ Phật ở hằng ngày cúng dường cho chúng tăng sữa lạc tô... Ba tháng xong, vua rất hổ thẹn, sai người kia gặp Phật. Người ấy cùng đồng bạn luận bàn rằng: Đã từng nghe bậc nhất thiết trí tức con của Tịnh Phạn Vương, vị ấy sinh ở cung vua có biết việc chăn trâu không? Bèn vào vườn trúc ngồi ngay ngắn hỏi Phật. Đức Phật vì ông mà nói về mười một việc chăn trâu, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói. Nhân đó ông phát tâm xuất gia, đắc quả Vô học, từ việc xưa mà đặt tên nên gọi là "Phóng Ngưu". Nói "Thiện Hoan Hỷ": là do từ đầu mộ đạo mà đặt tên, hoan hỷ thù thắng nên gọi Thiện, vui thích là tên khác của Thiện Hỷ. Nếu lấy nghĩa đây lập tứ Tất-đàn thì : "dịch..." gọi là Thế giới, "Mười vạn Thích..." tức là Vị nhân, "Phật nói việc phóng ngưu" tức Đối trị, "đắc quả" tức Đệ nhất nghĩa. Trong phần "Giải thích theo Giáo", nói "Hoan Hỷ trụ", là trụ danh không hoan hỷ, chỉ căn cứ Biệt địa, chứng đạo đã đồng cho nên mượn địa đặt tên "trụ".

"Tôn-đà-la-nan-đà, Giải thích theo Nhân duyên ": Đầu là Thế giới Tất-đàn, "Bốn tháng..." là Vị nhân, "Phụ tức..." là Đối trị. "Vân vân" là văn lược. Nghĩa sẽ thời gian sau đắc đạo, là Đệ nhất nghĩa. "Luật Di-sa-tắc" nói chính là Bạt-nan-đà, lại do danh đồng giải thích hãy đều đoan chánh. "Địa ngục thiên đường" trở về sau, văn rộng như trong Chỉ Quán quyển hai nói. "Giải thích theo Bản tích và Quán tâm, như trước", tức trong "giải thích Nan-đà" trước.

"Phú-lâu-na, Giải thích theo Nhân duyên": Đầu tiên là Thế giới Tất-đàn, "Người ấy..." là Vị nhân, "Kinh Tăng Nhất..." là Đệ nhất nghĩa, "Muốn trở lại bản..." là Đối trị. "Tán thán mãn": là lập lại lần nữa nêu Đệ nhất nghĩa.

"Giải thích Tu-bồ-đề": Đầu văn là Thế giới, "Thường tu..." là Vị nhân, Không là hạnh tối thắng tức nghiệp, hiện báo lại thắng, nên gọi là "Thiện Cát". "Trụ vô tránh..." là Đối trị, "Phật ở Đao-lợi..." tức Đệ

nhất nghĩa. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” nêu bốn câu, tuy thông các quán mà đối với tu hạnh Không, nghĩa ấy lại tiện. Nói “Pháp thân”: lại thuận trong ý Đệ nhất nghĩa bên trên, chẳng riêng trong đây cần phải nói Pháp thân.

“A-nan, Giải thích theo Nhân duyên”: Đầu tiên là Thế giới Tất-đàn, “Trong hàm chứa...” là Vị nhân, “Tự thệ...” là Đối trị, “A-dục vương...” là Đệ nhất nghĩa. “Tông xã”: đầy đủ trong Chỉ Quán quyển bốn nói. Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, căn cứ Hoan hỷ địa để giải thích bản trụ. Địa tức Trụ.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, nói “Tương tự tức Không tức Giả tức Trung tương ưng” là cũng có thể thông lấy danh tự. Trong câu “Cho đến chân quán tương ưng vân vân”, thì “vân vân” là thuật đủ tướng quán.

“La-hầu-la, Giải thích theo Nhân duyên”: Căn cứ đời xưa đời nay và tổ vương hoan hỷ, đều là Thế giới Tất-đàn. Các khả năng phá chướng biên nhiều, là Vị nhân. Các chướng biên sở phá nhiều, là Đối trị. Sau đắc đạo là Đệ nhất nghĩa. Căn cứ theo kinh Tạp Bảo Tạng thì La-vân vào đêm Phật đắc đạo mới sinh, do La-vân sáu năm trong thai mẹ. Nếu Phật mười chín tuổi xuất gia thì đến hai mươi bốn tuổi đắc đạo, nếu ba mươi tuổi thành đạo thì thành hai mươi lăm tuổi xuất gia, không đồng ý kiến riêng, không cần hòa hợp. Cho đến các giải thích khởi hủy báng và dứt hủy báng..., đầy đủ việc tại kinh kia không nêu đủ. Kinh Vị Tằng Hữu lại nêu quá đủ tất cả. “Bảo nữ...”, Cù-tỳ-la nói: ta thường cùng Da-du tiến chỉ cùng đồng chưa từng có lỗi. Nói “Bảo nữ”, là thiên chủng không mang thai. Phật nếu không xuất gia thì sẽ làm Chuyển luân vương. Trời đưa Bảo nữ để làm thị giả, hoặc nói La-sát nữ, như Thiên Đế-thích cũng có vợ là Tu-la nữ. Đại luận quyển mười chín nói: Da-du-đà-la, khi Bồ-tát xuất gia lúc ấy tự (giác) biết có thai, Bồ-tát sáu năm khổ hạnh, cho nên mang thai cũng sáu năm, liền khiến dòng họ Thích nghi ngờ. Nhân dịp đức Phật trở về nước, La-vân lấy một bình bát đựng một trăm vị thức ăn và thuốc hoan hỷ đem dâng cúng Phật. Đức Phật biến năm trăm vị La-hán cùng giống Phật không sai khác, La-vân bưng thức ăn đi thẳng đến chỗ Phật, các Tỳ-kheo bưng bình không mà ngồi. Chương An nói: “Bảo nữ có thể sinh một ngàn người con. Truyện Pháp Hiển nói: Vương Phi sinh cục thịt tròn như trái dưa, dưa có một ngàn hột, mỗi hột sinh ra một con thành một ngàn con. Đây cùng Đại luận văn có chút sai khác. “Mà Đức Phật muốn khiến xuất gia”: kinh Vị Tằng Hữu nói: “Đức Phật sai Mục-liên theo Cù-di khuyên, Cù-di không

chịu. Trên hư không có tiếng bảo rằng: Ngươi khi xưa vào thời đức Phật Định Quang làm người bán hoa, nguyện làm vợ người, xấu đẹp không lìa, sở hữu đều xả hết, chỉ lưu lại cha mẹ". Vì sao nay lại tiếc con ư?

Hỏi: Trong văn không nói Cù-di, chỉ nói Da-du?

Đáp: Thời xưa Cù-di là nay Da-du, ngày nay Cù-di chính là Thiên nữ. Cho nên La-vân xuất gia làm Sa-di. Trung A-hàm quyển ba nói: đức Phật khất thực xong đến suối nước nóng (ôn tuyền) chỗ La-vân ở, La-vân trải tọa cụ và múc nước rửa chân, rửa chân xong đức Phật đổ còn lại một ít trong chậu và hỏi La-vân: Có thấy không? La-vân đáp: Thấy. Phật dạy: Ta nói Đạo kia thiếu cũng lại như vậy. Tiếp, sai đem đổ hết nước rồi lại úp chậu... Phật dạy: Đạo kia hết. Đạo kia úp. Rồi bảo La-vân: Phải tác ý đây không được đùa giỡn vọng ngữ, và nói kệ rằng: Người cuồng một phen nói vọng ngữ, không sợ đời sau, không ác gì không làm. Phật nói kệ ấy xong, bảo La-vân rằng: Như người soi gương muốn thấy mặt mình, thấy sạch không sạch. Như thế, La vân! Đem thân nghiệp mình quán nơi tịnh bất tịnh, thiện, bất thiện, đã làm, phải làm, đều phải thọ nhận quả báo thiện ác, cho đến khẩu ý cũng lại như vậy. Phải nhất nhất quan sát.

Tên "bốn đại La-hán", như trước. "Đức Phật dạy: Sau khi Pháp ta diệt tận rồi thì bốn vị ấy mới Niết-bàn" là căn cứ kinh Bảo Vân quyển bảy nói: "Phật thọ ký cho mười sáu La-hán khiến trì Phật pháp, đến khi Đức Phật sau xuất hiện thì mới được nhập diệt". Kinh kia nhất nhất đều nêu trú xứ, tên người, chúng số... và "Các Thánh giả đều ở trước Phật phát thệ nguyện: Chúng con dùng thần lực, rộng hộ trì kinh này, không nhập Niết-bàn". Tân-đầu-lô La-vân ở thứ mười sáu, không nêu Ca-diếp.

Trong phần "Giải thích theo Bản tích", nói "Tám thứ chướng..." ý nói: Bản trú vô chướng, Tích thị hiện mười chướng. "Chướng Niết-bàn": Nghĩa là sinh tử chướng khiến không được nhập Niết-bàn, tức trong văn trước tám phen đầu. "Một thứ chướng sinh tử": Chướng khiến không được đến nơi sinh tử, tức là thứ chín. Tiếp, nhận lời Phật dạy không được Niết-bàn, cho nên "chướng Vô dư", tức là thứ mười, lại văn nói về tám chướng trước, nghĩa có chút sai khác. Các chướng thứ nhất, thứ hai, thứ ba bao gồm sáu năm ở trong thai, bị thai... chướng ngại cho nên gọi "Phú chướng". Thứ tư, là đời trước thường chướng, nên gọi là "Phú chướng". Thứ năm, bị nghi chướng, cho nên nói chướng. Thứ sáu, căn cứ theo cha không chịu bị cha làm chướng, nên gọi là chướng. Ngoài ra, căn cứ đây có thể biết.

"Quán tâm theo lệ trước", là đầy đủ như trong các văn. Nay nên nói : "Tức Giả, nên chướng Niết-bàn, tức Không, nên chướng sinh tử, tức Trung, nên chướng phi sinh tử phi Niết-bàn" cho đến tam hoặc, năng chướng tam quán, Hoặc sở chướng, có tư nghì, bất tư nghì.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 2
(Phần Trung)

Trong phần "Tiếp, giải thích chúng thiểu tri thức", chẳng những không tán thán lại không liệt danh, do ít người biết. Nói "Thánh cùng phàm...", giải thích nguyên do thiểu tri thức. Phàm phu không sánh được với Thánh, cho nên nói "tuyệt giao". Chẳng phải Thánh hoàn toàn không giao tiếp phàm mà gọi là "tuyệt". Như dùng phàm đối với phàm giao tiếp thì mới biết, huống chi dùng phàm hướng về thánh lý hợp tuyệt giao... Giao hảo đã tuyệt dứt thì đâu dùng thức mà nói nhiều ít ư! "Đặc biệt vì....", nghĩa là nay Thánh vì dẫn phàm mà thị hiện giống như họ, cơ duyên không đồng thì tùy loại dẫn dắt, cho nên hiện tích "làm thiểu tri thức" để tiếp dẫn "người ẩn đức". Không dùng năng tri năng thức của phàm phu để phán xét sở tri sở thức địa vị cao thấp, cho nên nói "không thể vì Tích là đa thiểu mà mất Bản kia". Vì thế không thể coi hạng đa tri thức là Bản cao, coi hạng thiểu tri thức là Bản thấp. Lại, không thể coi đa tri thức là có thật bản, thiểu tri thức là không thật bản. Thế nên phải biết: đa thức tiểu thức đều là Tích, mà riêng có lý Bản. Nếu từ lâu bản thì có thật thành. Nếu muốn trong đây biện tứ Tất-đàn, thì nhiều ít sai khác, là Thế giới, tùy thuận căn cơ chúng sinh là Vị nhân, giấu danh ẩn đức là Đối trị, cao thấp chẳng so sánh là Đệ nhất nghĩa. "Theo Tam tạng giáo, mười tám hữu Học...", đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói. Theo Thông giáo mà phân biệt hai địa vị Học và Vô học, thì trước là căn cứ Nhị thừa, sau là căn cứ Bồ-tát. Lại, trước là căn cứ Tam thừa chung vị, sau là căn cứ (độc) riêng vị Bồ-tát. Căn cứ Biệt Viên cũng phân biệt hai địa vị: một là nói công dụng vô công dụng, tức là căn cứ Địa, Trụ trước sau, hai là Bất cụ, tức Đẳng giác, Diệu giác. Đầu tiên nhập Vô công dụng cũng được gọi là Vô học, chỉ là phần đắc, cho nên lại căn cứ cụ túc. "Dẫn ý kinh A-hàm", là khai nghĩa câu thứ ba làm đầu, ngoại nhân do đó đặt câu hỏi này: Ông nói La-hán đã là vô học vì sao lại phải tùy theo Thế Tôn? "Nếu vậy..." là mượn

câu hỏi dẫn khởi, trong lời đáp tức thành câu thứ tư. Phàm nói Học, là tiến Đoạn, như Thất lai, Nhất lai, Bất hoàn đều là không còn học. Nếu trải qua quả tiến thì nghĩa thuộc câu trước, huống chi đã đoạn để xong không còn đoạn lại, cũng phải là câu thứ tư, lại thêm song phi tức năm câu. Hai giáo Thanh văn thảy đều như đây. Bốn giáo theo lệ. Thông giáo lại căn cứ Bồ-tát: hai câu trước như trước, hai câu sau Học, Vô học là đương Địa, Trụ. Vô học học: Vô học ở Phật không thể lại học, trở lại ứng thoái chọn lục địa làm vô học, xuất Giả gọi là học. Nếu căn cứ La-hán, thì Phật cũng trụ nơi thiện pháp làm vô học học. Biệt Viên hậu vị (địa vị sau) chỉ không đắc khiến Phật lại có sở học, thì thiếu câu thứ ba, chuẩn theo thông có thể biết, đều lấy phàm vị làm câu thứ năm, thì ba giáo sau đều có hai tiết đều thành năm câu.

Trong phần "Giải thích theo Bản tích" nói "ở mãn tự học vô học" Biệt Viên hai giáo đều chọn vị túc vị (vị chưa đủ), trong đó không ngại cũng có cổ Phật, tức là tiết thứ hai: người Vô học. Lại mãn tự: Mãn thông ba giáo lược hai theo Viên. "Chúng sinh nên dùng bán tự học vô học trang nghiêm song thọ": Đầu tiên từ bán tự dẫn nhập viên mãn, tức Lộc-uyển là thời thị hiện khô, thời Phương Đẳng thị hiện tươi tốt, bấy giờ đã là trang nghiêm Bất nhị. Bắt đầu hạnh chấp Tích mà mờ tối nơi Bản, sau đến Pháp Hoa Niết-bàn mới bắt đầu hiển thuyết, tức trong Đại kinh nêu nhân sáu người đã thấy Phật tánh đồng với Như Lai. Nhị mà bất nhị, cho nên nói "trang nghiêm". Trong phần "Giải thích theo Quán tâm" đã lập Học, Vô học hai câu, nên lại lập hai câu: Không duyên mà duyên, gọi là Vô học học, thường quán như vậy, gọi là Học Vô học. Đối người chưa tu, thành câu thứ năm, cũng có thể căn cứ lý làm câu thứ năm, cũng là đắc tam quán đều làm năm câu, tư duy thì có thể thấy. Trong phần pháp số theo Quán tâm, nói "giới như xen lẫn mà luận thì đủ hai ngàn" tức là trăm giới, ngàn như chỉ thành một ngàn, tức mười giới trăm giới, mỗi giới có mười Như. Lại, nên dùng trăm Như ngàn giới, lại gọi là một ngàn. Lại, như tướng mười Như đầu cuối tồn tại, thì mười Như làm trăm, dụng đối mười giới há chẳng phải ngàn giới? Đây lại một phen luận số đơn kia. Nếu ngàn giới trong trăm Như, mỗi giới có mười giới, ngàn Như trong trăm giới mỗi Như có mười Như, thì sao giới, Như đều chỉ có một ngàn ? Vậy thì lớp lớp vô tận không thể đếm biết, lấy gì để làm định số hai ngàn? Cho nên nói bất khả tư nghì. Các cảnh đều như vậy, lại tùy tiện nói cho nên nói "hai ngàn". Nhân duyên "trong Căn cứ giáo" đều chỉ liệt kê số, đối nghĩa tức đủ không cần biệt cầu. Cho nên, hai văn trước nêu thẳng mà thôi. Như thế muốn nghĩa lập,

nghe số để hoan hỷ, sinh thiện, phá ác, nhập chân. Các giáo dùng quán đối số giải sai khác, tức ý kia vậy.

"Nêu tích..." là bản tích, "nêu tích..." là tức tích pháp này là bản pháp. Bản tự có Tích, cho nên nói Bản tích. Không có Tích thì không có gì để hiển Bản. Tích đây tức là tích của bản gia. Không có bản thì không do đâu mà thùy tích. Cho nên, Tích trong hai ngàn tích, là Tích trong hai ngàn bản, trên dưới đều như vậy thích phương, như trong phần "Đa tri thức" ở trên.

Trong phần "Liệt kê Ni chúng", phá bỏ "cách giải thích xưa". Nói "Lại nữa, không có văn...": Cuối phần "Liệt kê chúng Tỳ-kheo", có câu kết rằng: "đó là hàng tri thức của chúng" (chúng sở tri thức), cho nên nói "đa": Trong phần nêu "chúng Học vô học" thì văn cuối không có câu kết ấy, cho nên đối với "đa" trước, thì đây được coi là "thiểu". Ni chúng hai văn bởi vì trước không có nói "chúng sở tri thức", cho nên sau không thể vọng gọi là "thiểu", cho nên nói "không có văn". "Nghĩa cũng không thể": là chúng Tỳ-kheo thì căn cứ tán đức và không tán đức, liệt danh không liệt danh, và số đa thiểu (nhiều ít), gồm có kết không kết, để phân biệt đa thức thiểu thức. Nay trong Ni chúng chỉ nêu tên chủ hai chúng, sau hai người chỉ nói "sáu ngàn" và "cùng quyến thuộc" và đều không có câu kết của phần liệt kê. Đâu thể nói "sáu ngàn" là được người khác biết và thẳng nói "quyến thuộc" là không được người khác biết ư! Còn không liệt kê hàng giấu danh ẩn đức thì đâu được gọi là "thiểu"?!

"Đại tiểu": Xưa gọi "đại tiểu danh văn..." đã như trước phá. "Da-du", đây dịch là "Danh văn", đâu được từ chối, coi là không có danh văn. Hai Ni đều thiếu giải thích theo giáo, chuẩn theo lệ hợp thì có, cũng nên căn cứ Tăng có đủ bốn giáo năm vị.

Hỏi: Tên Đại Ái Đạo vì sao dùng "trí độ" để giải thích Bản ư? Lại, chẳng phải Phật mẫu, vì sao dẫn Phật mẫu để giải thích?

Đáp: Do có trí nên mới năng "ái đạo", đã ái đại đạo thì trí độ cũng đại, huống chi phàm là người nữ thường năng sinh con, cho nên nhờ Tịnh danh pháp môn, coi như mẹ, khiến sinh thầy dẫn dắt tâm mình, coi như "con".

"Giải thích số": không căn cứ giáo, đại ý như trước.

Giải thích số "theo Quán tâm" thì lấy sáu căn làm sáu ngàn, chỉ nhờ văn trong phẩm Pháp Sư Công Đức, nay đây đều là nghĩa thông trước sau. Hoặc là các vị thuộc Ni chúng đều là hạng Thánh vị lục căn, đã đối ba chu được thọ ký, tức chánh dùng Hoa Nghiêm mười loại lục

căn. "Tiêu biểu Bản pháp môn" là bao gồm nghĩa Bản Tích. Trong phần giải thích "Da-du": lấy con nêu mẹ, phàm lấy con nêu cha mẹ hoặc lấy cha mẹ nêu con, đều có đức nghiệp được người khác biết, tức có thể dùng tướng hiển bày, Tỳ-kheo đều như vậy. Hoặc nói "không phiên dịch", chẳng phải riêng Da-du, hết thảy từ ngữ chưa phiên dịch phần nhiều đầy đủ có dịch và không dịch, ví như Tu-đa-la v.v... "Phật thê": là trong quả nói nhân, bởi vì khi xuất gia đã bỏ Da-du cho nên khi có hiệu là "Phật", thì không còn có thê (vợ). Quán giải tiêu biểu ba phu nhân: Lộc-dã bất sinh, nên tiêu biểu Không. Da-du có sinh, nên tiêu biểu Giả. Lại ở trong tam quán, Cù-di địa vị Đại là tiêu biểu Trung. "Thượng đương phần" trở xuống là hợp "nêu Bản tích Quán tâm", trong đó phần đầu nêu rõ "Lại ý" tiếp theo là "Chánh giải thích" Phần đầu lại có hai: Đầu tổng, sau biệt. Hai câu đầu tổng nêu, hai chữ "đương phần" đều bỏ tiếng gọi. Sở dĩ cùng nêu "Bản tích Quán tâm" là vì nhân duyên không thể hợp giải thích. Căn cứ giáo lý thì nên xen lẫn thông, nay muốn chủ bạn cùng luận, cho nên Bản tích Quán tâm thì tiện. Nhưng Bồ-tát tạp chúng đều có Bản tích Quán tâm không cùng nêu vì hình phục sơ, vì vô thủy chung, vì chẳng phải chúng sinh trọng, vì chẳng phải Kinh muốn riêng làm. Lại nhân duyên, giáo tướng không phân biệt rõ, tức là từ Bản thùy tích chỉ là cảm ứng. Cảm ứng không vượt qua giáo tướng, cho nên chỉ Bản tích tự nhiếp hai thứ còn lại. Nếu như vậy, thì văn trên đã có thứ này đâu cần nêu lần nữa? Đáp : Do hóa duyên không đồng, chớ chẳng phải không lợi ích chúng sinh, nhân duyên tương quan phải cùng thiết lập tích. Hoặc một người liên quan đến nhiều người, nhiều người liên quan đến một người. Hoặc một người liên quan đến một người, nhiều người liên quan đến nhiều người. Hoặc khiến thủy chung, thân sơ, chủ bạn, hiển mật, cùng thành nhất hóa. Lại, các thánh quán hạnh năng quán sở quán, một sát-na chứa cả một kỳ hạn, sự lý, quyền thật, nhân pháp, chủ bạn, ẩn hiển, thiện ác, đều do tâm này quán nhiếp. Vì vậy cho nên phải căn cứ tâm vương tâm sở để nêu rõ.

Tiếp "hiển thiện Quyền" trở xuống, là biệt thuật "Lai ý": Câu đầu nêu Bản tích Lai ý, câu tiếp nêu Quán tâm Lai ý. Nhất trong Quyền nên gọi là "thiện" (khéo léo). Không có một bậc Thánh giả nào mà không thuận theo cơ duyên, cho nên gọi là "khúc xảo". Không có một tâm sở nào mà không thành diệu quán cho nên nói "tinh vi". Tùy căn cơ nên dẫn dắt quanh mà tiến nên "xảo", không lẫn lộn nên chuyên "tinh", lý cùng tột gọi là "vi". Từ "Luận về Thủ Lăng-nghiêm" trở xuống: trước tổng giải thích Bản tích chia làm ba phần: Đầu, trình bày thùy tích tổng

luận đạo lợi vật, tiếp “Nay lại...” là nêu chủ bạn đồng lòng hóa phương, sau, “Do đây...” là tổng kết công Tam-muội. Đầu văn nêu Bản tích sở y, Bản địa sở y, Thủ Lăng-nghiêm bản, thị hiện tích. “Xứng thích”: Nêu rõ ý thùy tích, “chẳng cái gì không làm”: là nêu tướng thùy tích. Các đại tiểu giáo nêu các La-hán chỉ đắc Tứ trí, thẳng chịu chê trách đào thải mà thôi, không nêu rõ ý hóa. Bấy giờ ai nói : “Sinh ấm chưa tận, Phạm hạnh chưa lập, việc làm chưa xong, vẫn có biến dịch?”. Cho nên biết chỉ căn cứ giới nội để rõ tận. Nếu khai hiển rồi, thì Bản là đại quyền. Sở dĩ trước ngoài, tiếp tiểu truyền dẫn nhập Viên, cho nên chẳng phải bản Thủ Lăng-nghiêm. Không có gì để thùy nơi hóa tích, cho nên nói “chẳng cái gì không làm”.

Tiếp nêu Chủ bạn hóa phương, có sáu:

1. Chủ bạn giáng thần.
2. “Nếu ba mươi hai...”: nêu tư chất mới sinh của thầy trò.
3. Sau “Nếu hoàng hoàng...”: nêu cùng lãnh thọ đạo thế gian.
4. “Nếu pháp...”: nêu năng sở sinh thục, tức chỉ Lộc uyển Tiểu thừa.
5. “Cùng phụ...”: lại thuần thục chưa thuần thục, tức chỉ Phương Đẳng Bát-nhã.
6. “Tiếp nghe Pháp Hoa...” nêu chủ bạn công xong.

Phần đầu lại có hai: Đầu tiên là chủ, sau “Pháp thân...” là bạn. Phần thứ hai lại có hai: Đầu là thầy, sau “Các đại...” là trò. Phần thứ ba cũng có hai: Đầu, Sư dạy lãnh thọ đạo thế gian, sau “Các đại sĩ...” tiếp chỉ bày thọ giáo hóa tà. Phần thứ tư văn cũng có hai: Đầu biết sở hóa còn sinh, tiếp “Nếu sở...” là xem xét sở hóa cơ duyên thuần thục. Phần thứ năm cũng có hai: Đầu là Phương Đẳng, sau là Bát-nhã. Phần thứ sáu lại có hai: Đầu chánh nêu công xong, sau “Pháp vương...” là lập lại thuật bán mãn để hiển bày công hóa độ. Phân văn xong. Tiếp, lược giải thích.

Nói “Luận gần (cận)”: là lại xả trung gian để thuật Gia-da. “Thánh hậu”: là Thánh hoàng hậu. “Hậu” cũng là đức chánh bởi vì pháp thân bình đẳng. Cũng có cổ Phật, lại nói Bồ-tát. Chủ đã giáng thần, thì bạn cũng ở Tích. “Kim tư”: Sắc mạo vàng đẹp. “Đại sĩ”: Đại luận gọi Bồ-tát là Đại sĩ, cũng gọi là Khai sĩ. “Sĩ” nghĩa là gọi chung sĩ phu phàm nhân. Do Đại khai chọn lọc, nên gọi là “đại”... Như thế gian nói “Nhân sĩ, Chí sĩ...”, cũng do Nhân... chọn lọc. Nay trong loài người phát đại tâm gọi là “đại”. “Khai” là tên khác của phát, vì dẫn chúng sinh không đồng nên các tướng có khác. “Nhà Không”: Tu-bồ-đề khi sinh trong nhà đều

trống không, tiêu biểu giải Không. “Mưa báu”: là trường hợp của ngài Phú-lâu-na, “Nhờ biện tài thông mộng”: Xá-lợi-phất. “Thái tử...”: Đầu tiên đồng sau khác. Muốn đoạt thì trước cho, nên gọi là hoàng... Cư xử rất tôn kính mà vì trước dẫn dắt. Như Kinh Nhân Quả nói: “Lúc Phật sắp giáng xuống cõi Diêm-phù này, thì có chín mươi chín ức chúng”; bỏ đại chúng đây và quên tứ thiên hạ cho nên nói “bỏ nước”, bỏ địa vị Kim luân cho nên gọi là “bỏ ngôi vua”, dạy tập định thế gian cho nên nói “học đạo”. “Các Đại sĩ... cũng dạy thọ giáo hóa tà” cho nên nói “thỉnh nghiệp”. Quá sự tu tập kia nên nói “ kiêm thông”, thâu nhiếp chúng kia nên nói “tông tượng”. Như Thân-tử mười sáu âm thanh chấn động ngũ thiên, cùng Mục-liên cùng theo thầy Sa-nhiên Phạm chí, chưa trải qua tuần tháng Sa-nhiên đem hết đồ chúng giao phó. Đại pháp muốn khai mở thì trước phải khai thông thấu triệt như Kiều-trần-như... Biết sở hóa đã sinh, năng hóa cũng dự vào, “phân đình kháng lễ” (địa vị ngang nhau) như Ca-diếp... “Kháng”: Kinh Dịch nói: “Biết tiến mà không biết thoái, biết được mà không biết mất, cũng là đối”. Chưa chịu làm quan cho nên phân đình không thoái. “Tôn sùng đạo chân thật của”: đầy đủ như trong “Ca-diếp duyên”. Cơ thuần thục có thể giáo hóa, cho nên nói “dễ nhiễm...” Các Đại sĩ mỗi vị đều có một năng lực chủ yếu nổi trội như : trí tuệ Thân-tử, thần thông Mục-liên, biện tài Ca-chiên-diên, Tam-muội Phú-lâu-na. “Lại độ người chưa độ”: tuy thầy trò nhận hóa mà hóa đạo chưa dứt. “Độ” gồm hai nghĩa: Nếu hoàn toàn chưa thọ hóa, thì trong Phương Đẳng lại khiến nhập Tiểu thừa. Nếu các Bồ-tát thì chỉ khiến tận vô minh. Nói “lại thuần thục người đã thuần thục”, tức là cả hai địa vị Đại Tiểu thuần thục đã chưa trọn, đúng lý nên tiến nhập. Trong giải thích “hâm mộ Đại” nói “không biết”, chỉ lời nói “không biết” này tức căn cơ Đại thừa ngầm phát. Dưới nói “cơ, tình hai thứ đòi hỏi” tức ý đây vậy. “Đều hiệp...” nghĩa là trong Bát-nhã, Thông giáo nhị thừa, cho nên trong bộ kia Thông giáo chân thật trong đầy đủ Đại tiểu gọi là “hàm” (đều), Đại đới (mang) Tiểu nên gọi là “hiệp”, vì từ đầu đến cuối thông Đại Tiểu. “Xuất nạp...” là nêu rõ lãnh nghiệp, pháp tự tha đều khiến biết, “xuất nạp” đầy đủ như trong sớ dưới nói. Hai chữ “xuất nạp” ở Giang-nam phần nhiều đọc khứ thanh, đều có nguyên do. Nếu người xuất nhập thì chữ “xuất” có thể từ thanh “nhập”. Người là sở vận, có thể từ thanh khứ. Chữ “nạp” Nam, Bắc hai âm nghĩa đồng, chỉ sợ lạm dụng là “nội” (nội ngoại) cho nên theo Nam âm. “Cộng” nghĩa là Thông giáo. Nếu vậy thì sao không phó tạng? Đáp: Trước đã đắc, Biệt tức biệt Viên, Thiên Viên đầy đủ như Huyền văn phân biệt. Được

thêm vì "phụng mệnh" sở thuyết gọi là "lãnh biết". Gọi là "thuyết" vì lãnh cái không biệt lãnh, cũng như trụ trong Tiểu quả gọi là "không hy vọng lấy". Chuyển thành Thục-tô, gọi là "chưa đến xả", mong cực giáo ở sau nên gọi là "mặc dù", được lãnh thêm pháp, tâm kia không sợ gọi là "thông thái", cho nên nói "đã dần dần" (tiệm dĩ), thông xưa, thông thái chỉ tại Thục-tô.

"Tiếp, nghe Pháp Hoa..." là nêu đến thời thứ năm, đầy đủ như trong phẩm Tín Giải rộng nói. Hiển chân di thể cho nên "hội thiên tánh", vì thiên tánh định cho nên nghĩa cha con thành. Xưa kết đại duyên gọi là "chân thể", đắc thọ ký biệt thì nghĩa cha con thành. Định xưa ở chỗ hai vạn Phật mới có thể ký biệt. Một mình điều phục đạt Niết-bàn cho nên nói "độc diệt", còn không có một người riêng diệt, há lưu lại nhiều người? "Pháp vương..." lại thuật ý một đời giáo hóa. "Đầu tiên dùng..." là nhờ" bán, mãn, vinh, khô "để thành hóa sự, giải thích phương tiện nói quyền xảo bên trên, đại hóa công xong nên nói "Thân-tử..." không đợi Niết-bàn cho nên nói "dứt hóa", thục (chuộc) mạng như Thích Tiêm. Như đây giải thích, mới giải thích chúng của kinh Pháp Hoa tổng biệt hai lớp tiêu thích Bản tích mà còn sợ mất ý chỉ, trực tiếp như thế một câu dịch danh mà thôi! Đâu khác chúng Thanh văn của các giáo?!

"Xướng diệt..." chính là do công xong, nên khởi nói xướng diệt. Thế nên, duyên xướng diệt chính là ở kinh điển này. "Hai vạn Đăng Minh..." là căn cứ Văn-thù đáp vấn dẫn sở kiến xưa, đều không có hậu giáo, phải biết tức ở Pháp Hoa là xong hóa độ. Nếu thấy ở phương Đông thì đủ thấy Pháp Hoa Niết-bàn, chính là dẫn đồng Phật nay. Nếu Ca-diếp xuất thế cõi kia thì như lý tịnh đồng với kiến xưa, tuy Niết-bàn có không không đồng, đều ở kinh này hiển thật. "Vì học..." : "Nam" như Bảo Tích, Thiện Đức..., "nữ" như Nguyệt Thượng, Vô Cấu Thí... "Đạo" là hai chúng xuất gia, "tục" tức hai chúng tại gia. Cả bốn chúng " Phát khởi... thảy đều có, cho đến người hiền lương, nghèo giàu, thân sơ, cung mạn, sân hỷ, phàm Thánh, tướng kia chẳng phải một, cho nên nói "v.v...".

Tiếp, "Tổng nêu quán": Là tổng biệt ý chỉ đại theo như trước nói, dùng hai mươi tâm sở cùng phụ giúp tâm vương mà duyên cảnh thiện, như đầu khởi quán không lìa Tâm vương tâm sở. Thông số cũng thông, thông đến tâm sở thiện, do đại thiện này trải qua duyên đối cảnh, thiện kia chuyển sâu như đến kinh này, cho nên tâm sở thiện đây không phân biệt tâm thể. Trở lại chỉ chuyển tâm sở ác kia mà sinh, cho nên từ ngoại

nhập tiểu, từ tiểu nhập đại, từ thủy quy về chung, mới gọi là thiện cực. Thiện hạnh tuy nhiều nhưng không ngoài mười thứ này, cho nên nói “mười tâm làm gốc”. Chuyển đã tột cùng rồi, lại giống như tâm vương không thiện không ác. Như các đệ tử được thọ ký rồi, phần đồng pháp vương, cho nên nói “lập”. Lại, tiệm chuyển: như các Thanh văn. Nếu đốn chuyển: thì như đốn Bồ-tát, đều là thật tướng, khiến vua trở thành “cứu cánh Pháp vương”, con trở thành “Pháp vương chân tử”, đều có khả năng Bổ xứ chuyển hóa dư sinh. Vì vậy cho nên ở trong đó, trước chọn thiện tâm, nhưng nay liệt ra đều căn cứ cựu dịch. Tân dịch nói: Tín và không phóng dật, khinh an, xả, tàm quí, hai căn và bất hại, cần chỉ khắp các thiện tâm. Ba câu đầu và một chữ, là nêu, bốn chữ sau là kết. Nếu muốn đối cựu danh mà lược biện đồng và khác, thì tân nói” tín “nghĩa là đối Tam bảo nhẫn chịu, cho nên cùng cựu danh nghĩa đều đồng. Tân dịch “Không phóng dật”: nghĩa là tu các thiện chuyên chú làm tánh, thì cựu gọi là “niệm”, niệm nghĩa là ức trì, danh khác nghĩa đồng. Tân dịch “Khinh an”: nghĩa là khinh lợi, an thích, kham nhậm làm tánh, thì cựu gọi là “hỷ”, hỷ duyệt an khóai, cũng danh khác nghĩa đồng. Tân gọi là “xả”, nghĩa là lìa trầm, trạo, cùng cựu danh nghĩa đều đồng. Tân nói “tàm quí”, cựu nói “ỷ giác”, danh nghĩa đều khác. Tân nói “hai căn” là không tham không sân, cựu nói “định tuệ” danh nghĩa cũng khác mà đạo lý đại đồng, bởi vì không có hai tham sân này, thì định tuệ mới thành. Định tuệ cũng có sâu cạn không đồng, “hai căn” chẳng phải không có hơn kém. Tân nói “bất hại” nghĩa là không tổn não làm tánh, thì cựu nói là “giới”, danh khác nghĩa đồng. Tân gọi là “cần”, cựu gọi là “tiến”, danh nghĩa đại đồng. Danh nghĩa kia hoàn toàn không đồng, là do người dịch ý riêng biệt không hòa hợp. Nay đây quý ở chỗ từ danh nhập quán, cho nên tâm vương thiện, tâm sở thiện cùng chỉ đạo các ác, để thành diệu thiện. Thế nên, thông tâm sở giúp tâm vương cũng như vậy. Dùng tâm sở đối người, thì tùy hạnh tướng kia cũng có thể hiểu. Mười người đã vậy, lấy “mười” để hướng về số nhiều, cho đến vô số không ra ngoài tâm sở, đâu chỉ một vạn hai ngàn, cho đến “chưa thọ hóa” đến, thuộc về tâm sở ác cũng thu hết, đâu chỉ thiện và thông ư!

“Mười người đều đầy đủ...”: là nương Bản tích để nêu Quán tâm. Bản, chính là Pháp vương. Tích là chỉ bày thiện thông tâm sở, do thị hiện nhập đạo không đồng. Nói “ Trong mỗi một tâm đều có tâm vương tâm sở “: Vì cho rằng hai tâm đó không đồng. Nay nói “tương phù”, tức là đồng thời, cũng lại nên nói “thứ đệ tương sinh”. Chẳng những đồng

thời khác thời, mà còn là các tâm sở xen nhau có. “Tín” đủ các tâm sở từ “tín” đặt tên, chín thứ còn lại cũng vậy. Theo mạnh mà nói, cho nên thọ biệt danh. Mười thông tâm sở, căn cứ đây có thể biết, vì vậy lần lượt tương phù đánh phá ác. Nếu nhất tâm cải đổi, thì các tâm sở còn lại đều tùy theo. Nếu tương phù chuyển hết, thì đồng nhập cảnh thật, không gì không phải chân thật, vương mà chẳng phải vương chẳng phải sở. Cho nên, biết tùy người mà thiên về mạnh thế nào, mạnh là quán cảnh, yếu là theo đi. Khéo đạt ý này thì bốn oai nghi, ba nghiệp tu quán có nơi nương gá, huống lại năng quán phải biện rõ khác, đồng.

Nói “cùng công phá”: là thông tâm thiện tâm tức năng công phá. Nói “bất hành...”: là chỉ các ác còn lại... Năng công phá thuộc trí, cho nên nói “hành Bát-nhã”. “Dẫn kinh Phổ Hiền Quán”: Năng sở đều tận, cho nên tâm vô tâm, pháp không trụ pháp. Chấp có năng quán, gọi là ngã tâm. Có ngã tâm thì năng sở không mất. Ngã sở nếu không, thì tội phước vô chủ. “ Vô tâm vô sở, gọi là chánh quán “cho nên nói” nếu bất tận thì quán không xong”. Thế nên đến Diệu giác mới gọi là “xong”. Cái gọi là “tận”: Nhân là tâm sở tận, thì quả là tâm vô tận. Cũng như năm ấm nhân quả, danh đồng mà thể kia vĩnh viễn sai khác. Thông dẫn ý kinh nói: “Chúng sinh chưa độ...”: là mượn sự chứng lý: nếu sở quán, tức chúng sinh tâm, mà chưa chuyển, thì năng quán, tức tâm vương tâm sở Sư đệ chưa dứt... Trong câu “tức là ý này vậy, vân vân”, thì “vân vân” là rộng nêu tướng năng quán sở quán của tâm vương tâm sở, xong và không xong, thành và không thành, tên “Chánh giác” lại thông các địa...

“Tiếp, Liệt kê chúng Bồ-tát”: Đại luận quyển thứ tư trước hỏi: Vì sao gọi là Bồ-đề tát-đỏa? Đáp: Hết thảy Phật pháp, giới, định và trí tuệ, năng làm lợi ích tất cả, gọi là “Bồ-đề”. Tâm kia không thể động, năng nhẫn thành việc đạo; không đoạn cũng không phá, đó gọi là “Tát-đoả”. Lẽ ra căn cứ ba giáo để giải thích văn đáp này, đối với tiểu thành bốn. “Bồ-tát là thuộc bốn chúng xuất gia...”: Luận có hai câu hỏi: 1. Hỏi : trong Kinh (của) Thanh-văn nói có bốn chúng, không có chúng Bồ-tát, là vì sao? Đáp: Có hai thứ đạo: là Thanh văn và Bồ-tát. Bốn chúng là Thanh văn đạo, cho nên kinh Thanh văn không có chúng Bồ-tát. 2. Hỏi: đầy đủ như văn nay. Đáp: Thông tuy như thế, biệt thì không như vậy, đầy đủ như văn nay. Luận hỏi: Nếu vậy thì kinh Đại thừa vì sao không chỉ liệt kê riêng Bồ-tát? Ý đây hỏi là: trong Tiểu thừa giáo thì Bồ-tát chẳng phải chánh, cho nên chỉ liệt kê Thanh văn và bốn chúng, vì Bồ-tát thuộc về trong bốn chúng, trong Đại thừa giáo thì Thanh văn chẳng phải

chánh, lẽ ra chỉ liệt kê Bồ-tát, bốn chúng nhiếp ở trong Bồ-tát ư? Luận đáp: Thừa ấy rộng lớn, các thừa đều nhập. Như sông Hằng thì không thể tiếp nhận biển lớn, biển lớn thì có thể tiếp nhận sông Hằng. Ý luận đáp đúng như việc hỏi: Chỉ vì nhiếp lấy dần, khiến trở về đại, như sông Hằng vào biển lớn kia còn có phương tiện. Nếu y văn này, trước tiên biết các bộ cộng biệt có không, thì mới biết ý kinh này liệt bày chúng, chẳng quan hệ liệt kê chúng ly hợp, mà năng biện đại tiểu thiên viên. Như kinh Kim Cang thì chỉ liệt kê tiểu số, kinh Kim Quang Minh thì đại tiểu đều không có, há có thể năng phân biệt đại tiểu sai biệt ư? Cho nên biết : trước tiên dùng giáo để phán định, dùng giáo để biện người, thì cả trăm mà không sót một. "Cho nên nay...", là nói thông ý biệt. "Nếu tồn tại đủ...", là trước biện rõ tóm lược. "Bồ-đề..." là chánh giải thích danh, trước căn cứ thượng cầu. "Lại thành..." là căn cứ hóa tha. "Ma-ha" so trước cũng có ba nghĩa đại v.v... đầy đủ có bốn giáo, đạo biết dùng ba, cho nên nói "nhiều loại", đầy đủ như Huyền Văn... và trong Chỉ Quán. Mỗi mỗi tứ hoằng tức kia bắt đầu, nhất nhất lợi sinh tức dụng kia, nhất nhất đạo phẩm tức hạnh kia, nhất nhất pháp môn tức sở tri. Tứ hoằng nếu phân biệt bốn, ba ắt là theo kinh khác và phân biệt năm vị mới là Viên diệu Bồ-tát của kinh này. Từ "Như Thích luận..." cho đến "đề-hồ": là căn cứ danh năm vị để biện rõ bốn giáo Bồ-tát. Luận lại nói: Phàm xưng thiện pháp đều gọi là "Tát", thiện pháp thể tướng gọi là "Đỏa". Cho nên biết Bồ-tát tự lợi lợi tha đều là thiện pháp và thể tướng thiện tức là tứ chủng đạo A-nậu Bồ-đề. Hết thảy Hiền thánh được xưng tán, đó là tứ chủng Bồ-đề Tát-đỏa. Lại luận nói thông luận ba thứ đều xưng Bồ-đề. Cái gọi là Tam thừa: Người Nhị thừa trước tuy xưng Bồ-đề mà chẳng phải công đức Phật, cho nên không gọi là Tát-đỏa. Phàm vì tạp huyết điều hòa thành tam kỳ bách kiếp sữa tịnh.

"Dẫn Đại Phẩm" ba văn chứng bốn vị lại dùng nghĩa Tam giáo nhiếp bốn vị, huống chi nay năm vị đều phán xét Bồ-tát, cho nên dùng vị Lạc đối Thông, hai vị Tô đối Biệt, vị Đề-hồ đối Viên. Do các Bồ-tát trải qua bốn vị này nhập bất định, nên nghĩa đương tam quán, tức tam Tạng Bồ-tát. Khi chuyển nhập Thông giáo, nghĩa đương nơi Lạc, căn cứ thời thì đều tại Phương Đẳng về trước. Khi chuyển nhập Biệt thời tại hai vị, tức do trong hai vị đều có Bồ-tát sự bất tư nghì. "Dẫn kinh Tịnh Danh" đã nhập thật ở trong hai vị tâm xứng thoát lý, tám ngàn thọ chịu khuất phục, thị hiện làm độn căn và người Nhị thừa bị chê bai đào thải rồi mới đều nhập Biệt. Căn cứ ý Huyền Văn tức lìa hai vị để đối Thông Biệt. Tiến thoái, thừa thiếu đều có hai ý, cho nên nhập thật thì đều tự

lập thân như tòa tượng kia, tòa cao bốn vạn hai ngàn do tuần thì thân cũng xứng hợp. Mượn ý Bản tích để trợ giúp phần giải thích theo giáo. “Bồ-tát nghi trừ v.v...”: đều chứng bốn Bồ-tát, trong Quyền cần phải khai, cho nên đến Kinh này mới trừ ba lưới nghi của Bồ-tát mới là khéo hạnh Bồ-tát đạo. “Lại, kinh Niết-bàn...”: như thế hai kinh đồng vị, “ đều dứt mong cầu” vì vậy nên dẫn đồng, nói “lược có” là nay xưa hợp chỉ.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, chia làm ba phần: Trước nêu Bản tích chẳng gì so sánh, tiếp “Sở dĩ...” là nêu ý thiết lập Tích, sau “Như thế Bản địa kia...” chính chỉ bày Bản phủi xóa tích. Trong phần đầu, nói “Hoặc đều là pháp vương”: như Văn-thù bản là Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật, ngoài ra căn cứ đây có thể biết. “Tán ảnh thùy dung...” là đồng Thanh văn trước, tổng nêu Bản tích. Tiếp, trong phần ý thiết lập Tích, có pháp thí hợp. Trong thí dụ có nói “chày cối”: Hóa chủ là “ chày “, phụ là “ cối đá “, cho đến hỗ tương làm đều thành “khí cụ”. Xưa coi cổ chất là “thuần phác”, nay coi chưa trị là thuần phác khiến kia thành khí cụ, cho nên gọi là “khí”. “Thuần phác” không phải một, cho nên gọi là “các”. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm “nói” Phá ngũ trụ trần lao, gọi là thành tựu chúng sinh, vân vân”, thì “vân vân” là : Ngũ trụ đối ba quán theo thứ lớp và không thứ lớp. Quán cũng như vậy, suy nghĩ có thể biết.

Trong phần “ Giải thích Tám vạn người” nói “đồng mưu vân vân” thì “vân vân” là ứng hợp dụ nói: Nay khai bí tạng không liên quan đến quyền... cho nên người chứng tín đều chẳng theo như vậy. Cho nên, nay văn liệt kê không hẳn ở số nhiều, liệt kê chúng tuy như vậy mà Bản môn đắc đạo số gấp bội các kinh, tức trước đắc vô sinh tăng trưởng đạo vậy. Cho nên biết: lại là tùy theo điểm trọng yếu mà liệt bày đó thôi! Đây trong nêu số đã là nhân duyên, tuy tức không giải thích theo Giáo và theo Bản tích, mà nhân duyên người đã dự trong mưu tín bí mật, ắt là người Viên giáo và có viễn Bản. “Bát chánh tức là bát vạn”: đã là vô tác đạo phẩm bát chánh, thì đều là quán trăm giới ngàn Như kia. Thập thiện đã là sở quán, bát chánh tức là năng quán, năng sở theo nhau thì đều có tám vạn .

Tiếp, trong phần nêu “địa vị” : đầu là nhân duyên, tiếp “Ứng bốn thứ...” là căn cứ giáo. Trong phần đầu, nói “Vô thượng đạo như trong diệu cảnh”, tức lục cảnh sơ tứ Bồ-đề, cảnh bao hàm chỗ hướng đến của diệu đạo. Dùng sở để hiển bày năng, cho nên phải chỉ cảnh. Nếu biện rõ Tứ Tất-đàn: Tam bất thoái sai khác là Thế giới Tất-đàn, nhập vị công đức là Vị nhân, quyết trị vô minh là Đối trị, chứng nhất phần

chân là Đệ nhất nghĩa. Dưới căn cứ đây có thể biết, không thể viết đủ. Nói đủ gọi là “A-bệ-bạt-trí”: A” là vô, “Bạt-trí” là thoái. Thời tăng kỳ kiếp thứ ba, rộng đắc tam Bất thoái, khi lìa năm chướng thì ba nghĩa đều đắc tức là Tăng kỳ kiếp thứ ba thông đến một trăm kiếp, thông tam Bất thoái ấy, đến đây gọi là Thượng nhẫn.

Tiếp, địa vị thông giáo dẫn “lục tâm”: Thông giáo địa tiền không có vị có thể luận, mượn danh biệt vị để thông vị kia, tức chỉ Biệt giáo Thất tín trở lên, nhập Can tuệ địa. Cho nên nói Sơ địa đến Lục địa, mới gọi là Vị Bất thoái; hoặc chỉ địa tiền giả lập Thất hiền, tức lấy Nhẫn vị làm đệ lục tâm. Y tiểu thừa vị tuy nói Nhẫn vị gọi là Vị Bất thoái, mà đối với Bồ-tát thừa còn gọi là thoái. Tiếp, trong Biệt giáo “theo Địa luận sư” cho nên không phá. Viên vị: Các giáo viên vị không vượt quá Hoa Nghiêm, các văn khác tuy có nhưng nghĩa Vị không rõ ràng, mà hoặc lược nêu Sơ trụ mà thiếu các vị sau. Sơ trụ đã vậy, thì Hạnh Hướng đâu thể khác, đâu được cùng địa tiền kia mà phục hoặc. Nhưng lại Hoa Nghiêm, sau Trụ thì gồm Biệt, hoặc tiện nhất hướng làm thứ đệ giải, hoặc dùng nhất hướng làm Viên đốn giải, đâu chỉ một phen sai lầm ư? Đủ ba bất thoái: Nếu trước dùng không thứ đệ nương vào thứ đệ nói, thì Thất tín gọi là Vị Bất thoái, Bát tín trở đi gọi là Hạnh bất thoái, Sơ trụ trở đi gọi là Niệm Bất thoái. Nay từ Sơ trụ đã đủ ba đức, gọi là tam Bất thoái cho nên nói là “đủ”. Bát-nhã là vị lìa hai cách chết, Giải thoát là hành các hạnh đầy đủ, Pháp thân gọi là niệm chứng thật cảnh. Kinh kia phẩm thứ bảy Hiền Thủ rộng nêu tướng ấy. Quyển đầu, Đế-thích hỏi Pháp Tuệ rằng: Sơ trụ thành tựu bao nhiêu pháp, bao nhiêu công đức tạng? Pháp Tuệ đáp: Việc này rất sâu khó tin khó biết khó nói khó giải khó thông khó phân biệt, nhưng thừa Phật lực thì có thể diễn thuyết đầy đủ. Vẫn trước so sánh lượng nói: Cúng dường đầy đủ các thứ cho chúng sinh mười phương A-tăng-kỳ trải qua ngàn kiếp lại khiến chứng Bích-chi-phật, trăm ngàn ức phần không bằng một phần kia. Lại nói muốn biết mười phương thế giới một tức nhiều, nhiều tức một, một niệm tức vô lượng niệm... Đối với trong kinh Pháp Hoa, bố thí bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới lục thú tứ sinh, cho đến khiến họ đắc Vô học, cũng không bằng người sơ tùy hỷ. Kinh kia vẫn dễ, vì đó là Thánh vị cho nên nói “mười phương...”. Đối với Kinh này, thì người thứ năm mươi nhất niệm công đức mới hiển Viên vị bất khả tư nghì, kinh đây là khó. Vì đều là Viên từ đầu đến cuối không hai, cũng đâu có kia đây. “Còn chẳng phải Sơ trụ”, tức là các Bồ-tát đây đều là Nhất sinh Bổ xứ, còn là cổ Phật huống chi Sơ trụ. Từ tân dịch đến nay, chỉ dùng vị Du-già Duy

Thức, che lấp thuyết Viên thường của Hoa Nghiêm, ai biết Duy thức...? Văn chỉ nêu Biệt vị, đời sau ai khẳng định thấy đây đồng khác.

Lại nữa, có người hoàn toàn hủy tông Quyền Duy Thức luận, đây thì hoàn toàn mê nơi đường phương tiện. Không biết Tích, tích thì ở đầu các kinh, cho đến đầu kinh Pháp Hoa. Kiểm nghiệm thì biết có thể là người ở địa vị nông cạn ư? Đã mất Bản lý, mê mờ ở tích, huống chi từ bộ phận phê phán sự vi diệu của bậc đứng đầu được người tôn quí. Các Sư đã không hiểu năm thời, đâu biết Bồ-tát bản tích. Cho nên, nói "sở thán đã lầm...", dùng Tạng tán thán Thông cũng đã thành lỗi, dùng Thiên tán Viên thì lỗi chẳng gì lớn bằng, lại thành tăng giảm hai biên cùng hủy báng, chỉ đây một phen lầm nghĩa dẫn đến hai lỗi. Kinh không có tam giáo thì khổ muốn tăng, dìm Viên xuống thành Thiên thì là giảm, sao lại lầm như thế? "Tam quán tức tam bất thoái": quán Không tức Vị bất thoái, quán Giả tức Hạnh bất thoái, quán Trung tức Niệm bất thoái. "Nhất tâm": lại căn cứ diệu tam, nhất quán đều đầy đủ. Trong câu "tức nhất tâm tam bất thoái, vân vân", thì "vân vân" là thuận theo giải thích tướng theo thứ lớp và không thứ lớp, và do nhất niệm phải căn cứ Lục tức. "Cực hữu mi nhãn": vội vã mà đoạt tuy có mi nhãn nhưng đại thể hoàn toàn không có. Từ "Xem xét luận" trở xuống, là đoạt. "Không có thú hướng": Những hiện đức này giáo nào không có, tuy nói pháp báo nhưng không chọn lựa Viên Biệt, hoặc như phân Viên Biệt là đầu hay cuối, cho đến các câu là dọc hay ngang, cho nên tổng phá nói "không có tông thể". Nếu có tông thể thì vì người chứng vị y kinh lập vị. Sở y của vị, gọi là vị bản, bản tức là thể, vị tức là tông, huống chi kinh này đặc biệt xuất sinh trên các giáo các vị. "Căn cứ giáo tán thán đức", ý thì có thể biết. Cho nên bắt đầu từ Bất thoái đến cuối Độ sinh, thì trước định thể tông rồi mới có thể tán thán đức.

Hỏi: Kinh này vì sao theo chiều dọc tán thán vị Thập địa của Biệt giáo ư?

Đáp: 1. Ký gửi bản. 2. Chứng đồng. 3. Thuận luận. "Thế nào là Thất địa..." Người xưa phê phán nói: Thất địa e rằng khởi tâm Nhị thừa, đây tợ Thông vị, vì vậy cho nên vấn nạn kia không thành nghĩa theo Biệt giáo. Vấn nạn Viên cũng vậy. Nếu nói Thất địa mới nhập vô công dụng đạo, thì đây là Biệt giáo giáo đạo để rõ nghĩa, cho nên không thành Viên.

Nói "Tiến thoái..." là bài xích tiến không thành Viên, thoái chẳng phải Thông Biệt. Nay văn tán thán ngang dọc. Trong phần dọc tán thán: "tùy tình ý", bản tại Viên. Trước chánh giải thích, tiếp đến chọn lọc.

Song trong phần dọc trước, thì văn đầu tiên mượn danh ly nhị, phải khác với nhị ở kinh Anh Lạc vì là phương tiện. Trở lại y nhất niệm đầy đủ tam bất thoái, để làm Sơ địa. Viên lìa tam cấu viên phát tam trí, viên minh viên chuyển nhất niệm cúng dường, viên gieo trồng đức bản vì Phật viên tán thán. Đầy đủ viên tam từ bất nhị Phật tuệ... căn cứ đây có thể biết. Nếu không khai Đẳng giác thì bốn câu đồng tán thán Thập địa. Nay theo khai thuyết, cho nên ba câu sau tán thán Đẳng giác. Văn nói hai câu: là câu thứ mười một và câu thứ mười hai là nội ngoại đức của Thập địa đó thôi. Chỉ không từ Sơ địa tức đủ, cho nên tợ Biệt. Tiếp, trong phần ngang tán thán : câu đầu cũng nói vượt qua nhị biên, dọc còn đều Viên, huống chi đây ngang tán thán lìa nhị biên ư! Chỉ căn cứ phi dọc mà dọc như trước nói. Vượt qua nhị biên: Thô hoặc trước bỏ, lại từ thù thắng mà nói, từ Trung mà đặt tên. Các câu dưới căn cứ đây có thể biết.

"Chữ A...": đây Sư dùng theo..., đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Đến phần Vấn đáp: trong câu hỏi đầu tiên, câu đầu lập tông, "Tam tạng..." ví dù cho, "Thanh văn..." lập ước lệ, "Tích là..." lập nạn vấn. Lập tông ý: là đoạn hoặc. Địa Trụ trở lên đều căn cứ vị đoạn theo Viên giáo mà tán thán đức, Tam tạng Bồ-tát từ đầu đến cuối không đoạn, sao không tán thán kia? Ở trong đoạn hoặc còn tán thán Nhị thừa, tích làm Thông Biệt đoạn hoặc Bồ-tát thì đâu được không tán thán? Mà ngang dọc hai phần tán thán đều chỉ tán thán Viên? Đáp ý: Nghĩa thông Bản tích, ý chỉ ở Viên. Văn dọc tợ như tán thán Biệt, mà dựa vào bộ thì chỉ tán thán Viên, mượn tích hiểu văn kinh, ý theo Bản. Cho nên chuẩn tán thán Thanh văn từ tích, cũng nên Bồ-tát bốn giáo đều tán thán, chỉ muốn biết ý chỉ của Viên cho nên quên Tích để còn Bản và bỏ đầu để chọn cuối. Tiếp, hỏi có thể thấy? Trong phần đáp, chia làm ba: Một: chánh đáp. Hai: "Xưa nói..." là dẫn Biệt vị làm ước lệ, địa vị Bát địa đã chưa cùng cực. Xưa giải thích còn đủ đức không nghi, đâu ngăn ngại các vị của người Viên giáo, mỗi vị đều đủ các đức. Ba : "Pháp Hoa luận..." là dẫn chứng. Luận nói: đức của Bồ-tát kia có mười ba câu, hai văn nhiếp lấy, nên biết: 1. Thượng chi hạ chi môn. 2. Nhiếp thủ sự môn. Thượng chi hạ chi, nghĩa là tổng tướng biệt tướng, nên biết từ đầu tiên đến Bất thoái chuyển là tổng, còn lại là biệt. Luận kia nói: Bất thoái có mười loại thị hiện, đầy đủ như nay dẫn, chỉ trừ câu đầu tổng còn có mười hai câu, chính là dùng hai câu: cúng dường và gieo trồng đức hợp làm loại thị hiện thứ tư. Danh xưng và độ sinh, hai câu hợp làm loại thị hiện thứ mười, cho nên chỉ thành mười loại thị hiện, đều dùng Bất thoái

đặt tên. Cho nên biết Viên giải thích câu câu thông suốt lẫn nhau, mỗi một loại thị hiện đều có đủ mười loại thị hiện, đầy đủ tất cả các câu, đâu chỉ mười loại thị hiện, mười hai câu ư! Đây đồng với ý của bốn mươi hai tự môn.

Lại nữa Kinh nói: "Dùng Từ tu thân" trong câu đó luận nói đầy đủ tu hai nghiệp thân tâm. Kinh văn sở dĩ lược tu tâm bởi vì Từ tức là tâm, tâm huân nơi thân cho nên không nói riêng. Cho đến nương vào "ngã không, pháp không" bất thoái, cho nên biết Địa, Trụ đều chứng Nhị không. Sở dĩ trong giải thích theo chiều dọc, văn tuy đối biệt mà ý chẳng biệt là vì : 1. Do có thứ tự văn dọc giải thích là căn cứ dọc mà luận ngang. 2. Y luận nghĩa của mỗi một câu, ý dùng đối các Địa. Như Sơ địa nói không rơi vào nhị biên, tam quán đầy đủ tự lợi lợi tha, có không, song chiếu, hoặc phước hoặc trí không lìa nhất tâm; nội nhân ngoại duyên đâu từng không đủ? Sơ địa đã vậy, các địa sau hẳn đều như vậy. Tức trong Địa này ngang dọc đầy đủ, vì đối Quyền thứ lớp nên mượn tên "Địa", vì hiển bày Viên kia nên phải ngang giải thích. Cho nên trong luận, "Nhiếp thủ sự môn" tức đương dọc giải thích. Vì vậy văn đây dùng đủ cả hai môn trong luận để giải thích, chỉ trong văn đây căn cứ luận. Trong câu "hà đẳng cảnh giới hà đẳng ưng tác sở tác cố" thì dư thừa hai chữ "hà đẳng" đứng trước ưng tác. Luận chỉ nói: "hà đẳng cảnh giới trung ưng tác sở tác cố" dịch tiếng Việt nghĩa là: "Trong những cảnh giới như thế, những điều nên làm thì đã làm". Luận tự giải thích rằng: "Địa thanh tịnh": là Bát địa đến Thập địa, ba địa này vô tướng hành tịch tĩnh thanh tịnh. Nay ý văn dùng ba lần "Hà đẳng" (dịch tiếng Việt nghĩa là "Như thế") mỗi mỗi đều thuộc "các địa". "Thanh tịnh" tức đoạn được lậu hoặc thuộc các địa. "Phương tiện" tức tiến thú thuộc các địa. "Cảnh giới" tức sở y thuộc các địa. "Nên làm v.v..." tức công dụng các địa. Luận nói: "Phương tiện" có bốn loại: 1. Phương tiện nhiếp thủ Diệu pháp, nhậm trì diệu pháp dùng sức nhạo thuyết vì người mà nói, tức bốn câu đầu, tùy nghĩa mà tư duy. 2. Phương tiện nhiếp thủ thiện tri thức: Do nương vào thiện tri thức mà làm việc nên làm, tức câu thứ năm, sáu, bảy, tám tùy câu mà tư duy. 3. Phương tiện nhiếp thủ chúng sinh: Do không bỏ chúng sinh tức một câu thứ chín. 4. Phương tiện nhiếp thủ trí: Do giáo hóa chúng sinh khiến nhập trí kia, tức bốn câu sau, vì các câu đều đối.

Lại nói về "Hà đẳng": "Hà đẳng" (Như thế) là từ ngữ dùng để biện biệt, nay cũng thông lẫn nhau, mỗi mỗi phương tiện thông căn cứ Thập địa, thuận các kinh luận và trong kinh Anh Lạc. Sơ địa trở

lên nhập dòng pháp chảy, niệm niệm hướng đến nên nhập chứng đạo. Trong luận lại có nhiếp thủ sự, thị hiện các cảnh địa... đối kinh chẳng quan trọng, nên không thuật lại. Nói "Bát địa": Tuy không đồng với kinh Anh Lạc, nhưng các kinh chẳng phải không có, lại là trong Biệt thì giáo đạo khác nghĩa, bỏ hay chọn đều được. Nay lại y kinh Anh Lạc, đối luận đã chẳng trái với Đại, lại y cứ vào nhất gia mà nhận dùng. Nói "Cảnh giới như thế?": là nơi lợi vật.

Tiếp, trong phần "Giải thích Thán đức theo Quán tâm": Trong đây văn trước trình bày cổ phá cựu, nghĩa đương là Nhân duyên, nay văn hai cách giải thích nghĩa đương là theo Giáo, theo Quán tâm, tuy thiếu theo Bản tích, nhưng đức tùy nơi người, cho nên không nêu lại. Tam quán không khác, tùy sự gọi là khác. Nếu vậy thì cũng là các câu triển chuyển xen lẫn đầy đủ. Do đắc Bất thoái nhất tâm tam quán, mới đắc cho đến Độ sinh nhất tâm tam quán, cho đến do Đắc độ sinh nhất tâm tam quán, cho nên mới đắc cho đến Bất thoái chuyển nhất tâm tam quán, các câu trung gian thì chuẩn theo đây có thể biết. Nên biết trăm câu chỉ là một câu, cho nên Sơ trụ trở đi thì vị vị viên dung, câu biệt nghĩa đồng không cần giải thích quanh co. Trong Tiểu thừa, Phật vì Thân-tử khai đầu mối một câu nghĩa, mà Thân-tử còn nói vô cùng tận, huống chi đây là đức của Viên giáo Bồ-tát mà muốn phân chia rộng khiến làm khuôn định ư! Huống lại quán môn tức là đức kia, quán thông đức diệu đâu đáng nghi ư! Cho nên, cần phải căn cứ các câu để nói một cách tự tại.

Có người hỏi: Vì sao trong đây nói Văn-thù ở đầu?

Đáp: Trong phẩm Tựa, Văn-thù đã có thể giải quyết chỗ nghi của Di-lặc, chính là người phát khởi của một kinh nên nêu ở đầu, huống chi hai vạn Phật đều làm cho chúng bắt đầu nghi. Vì vậy liệt kê Văn-thù ở đầu tám vạn đại Bồ-tát.

"Pháp môn...": Y cứ vào danh nghĩa này, theo lệ lẽ ra làm bốn giải thích, mà nay thiếu, tức là một. Theo lệ thường có thể biết. Lại, Bồ-tát sự tích thì hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc chân hoặc tục, hoặc chủ hoặc bạn, không đồng Thanh văn sự tích hiển rõ. Tuy chẳng hiển rõ mà ắt đầy đủ các giáo, nhưng nay khai hiển nghĩa ắt ở Viên. Huống lại như trước căn cứ các Thanh văn tổng biệt rộng giải thích. Nhân đã đủ biết Bản tích của Bồ-tát, bản tích đã vậy nhân duyên giáo quán chuẩn theo loại có thể biết, cho nên không dựa theo thuật nói Bồ-tát tổng biệt. Nay đầu tiên, "Giải thích Văn-thù "dẫn năm văn: Ba văn đầu biện rõ danh, kinh Tư Ích nêu thuyết làm rõ hạnh: Bi Hoa luận nguyện lợi vật. Đầu tiên

Đại kinh là từ đức lập danh, tức dùng Kiến tánh lập danh “Diệu đức”. Đây căn cứ quyển mười bảy, phát nguyện văn sau khi A-xà vương hối lỗi. Tiếp hai kinh chỉ nêu Phạn âm không đồng. Kinh Tư Ích nêu rõ như thuyết mà quán, quán nghĩa là không khởi tưởng pháp phi pháp, quán tức hạnh, tức ngôn hạnh tương xứng mà được gọi là “Diệu”. Bi Hoa nhân dùng cõi diệu, ích vật sự rộng, sở hóa địa vị cao. Nguyện hạnh cao rộng, hết thảy đều diệu, gọi là “Diệu đức”. Bồ-tát lợi sinh thì tích do đâu mà quyết định? Đối trong văn này, theo nghĩa cũng có thể lập tứ Tất-đàn để giải thích, tức dùng “Diệu đức”, hoặc danh hoặc thể đều là tứ Tất. Chấp cõi tức Thế giới, thuyết pháp tức Vị nhân, lập hạnh tức Đối trị, Phật thọ ký... tức Đệ nhất nghĩa. Đây là người Viên giáo lại phải căn cứ giáo. Từ “Phương Bắc...” trở xuống tức giải thích theo Bản tích. Lại, như Kinh Lăng-nghiêm nói: Quá khứ vô lượng A-tăng-tỳ kiếp có Đức Phật hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương, cũng là Văn-thù.

Trong phần “Giải thích Bồ-tát Quán Thế Âm”, tác tứ Tất-đàn: Danh tức Thế giới, Tư Ích tức Vị nhân, xưng danh tức Đối trị, Bảo Tạng Phật... tức Đệ nhất nghĩa. Lại, “kinh Tư ích nói: Kiến... thì đắc Bồ-đề”, cũng là Đệ nhất nghĩa. Văn dưới chỉ phẩm Phổ Môn.

Trong câu “Văn dưới đây là tự thích danh vân vân”, thì “vân vân” là: thiếu căn cứ giáo và dùng Bản tích giáo tức là người Viên giáo vốn là Cổ Phật. Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, giải thích hai chữ đầu, cùng dưới không sai khác chỉ chữ thứ ba cùng dưới có chút sai khác. Dưới căn cứ sự mà giải thích, dùng “sở bị” (nghe) làm “âm”. Đây căn cứ năng quán, dùng “sở tuyên” làm “âm”. Do quán nên thiết lập giáo, cho nên nói : quán là Bản của ngữ.

Tiếp, “Giải thích Đại Thế Chí” : kinh Tư Ích căn cứ hạnh, kinh Bi Hoa căn cứ nguyện, Tư Ích căn cứ oai thế giải thích “Thế”,chánh đương nghĩa chữ. “Thủ đại thiên”: Dùng “thế giới” để giải thích “Thế”, thế lực chiếm lấy thế giới không trái với “Chí” kia. Do có chí lớn, nên được Phật thọ ký. Chí chiếm lấy thế giới, nên cũng gọi là “Thế Chí”. Nếu tác tứ Tất-đàn: Tư Ích là Thế giới, Bi Hoa là Vị nhân Đối trị, Bảo Tạng Phật... là Đệ nhất nghĩa. Cũng thiếu phần giải thích theo Giáo theo Bản, theo lệ trước mà nghĩ sau thì có thể biết. Văn thiếu Thường Tinh Tấn, như trong Kinh Đại Bảo Tích nói: “Bồ-tát vì một chúng sinh trải qua vô lượng kiếp đi theo không bỏ cũng không thọ hóa không có một niệm xả bỏ, vì thân tâm đều tinh tấn”. Nghĩa thông tứ Tất-đàn, giải thích theo Giáo, Bản tích, Quán tâm, đều căn cứ theo lệ trước thì có thể biết.

“Bất Hưu Tức”: Cùng Thường Tinh Tấn nghĩa ý lược đồng. Muốn

biện biệt, thì vô gián thú nhập gọi là “Tinh Tấn”, thời gian dài không phế bỏ gọi là “Bất Hưu Tức”, vì vậy nên giải thích theo Quán tâm thì gọi là “Bất trụ”, cho nên giải thích Bất Hưu Tức cũng căn cứ thời gian dài, chỉ có Thọ ký và Lợi sinh thì không đồng. Giáo tích căn cứ theo lệ có thể biết.

“Giải thích Bảo Chưởng”: Trước giải thích “Chưởng”, tiếp “khiến giải thích...” là giải thích “Bảo”. Chưởng là phần của thân, đã mặc áo giáp lên phần thân kiên cố, do tay kia nắm chắc phần pháp thân còn xuất ra vô thượng báu xuất thế, huống chi báu thế gian, cho nên hai báu này ắt đầy đủ tứ Tất-đàn. Trong đó nói “không chí hướng nhị thừa” là chọn nhiều pháp bảo. “Thông tuệ tâm”: Từ thật khởi thông, thông một tuệ tánh cho nên nói “thông tuệ”. Căn cứ giáo Bản tích...

“Giải thích Dược Vương”: Duyên thứ ba từ nghĩa của Y vương ở sau, hẳn phải là “Dược” (thuốc). Hai duyên trước mặc dù riêng biệt mà tức là sau khi Phật diệt độ đều lập hạnh sinh thiện. “Hỏa Tịnh”: Từ thiêu thân mà đặt tên. Trong văn lại dùng thế trị để tiêu biểu xuất thế trị...

Thiếu bảy Bồ-tát chưa giải thích qua.

“Giải thích Bạt-đà-bà-la”: Câu đầu là Thế giới Tất-đàn, tiếp “Tư Ích...” là Đệ nhất nghĩa, tên Bồ-tát này ở trong kinh Bát Chu, cũng gọi là Hiền Hộ, Thiện tức Hiền. Thiện xảo muốn hộ khiến kia không thoái lui. “ Giải thích Di-lặc”: Câu đầu là Thế giới, “Tư Ích...” là Vị nhân, “Hiền Ngu...” là Đối trị, “Bi Hoa....” là Đệ nhất nghĩa. “Lại nói” trở đi là nên hợp ở trong nhân duyên. “Hiền Ngu...”: Kinh kia quyển chín đức Phật ở Ca-lan-đà, A-nan bỗng nhiên tư duy: “Di-lặc Thế Tôn thuở trước tại sao phát tâm từ bi này?”, được gọi là diệu ích, từ thiền định khởi mà bạch Phật! Phật dạy: Quá khứ lâu xa ở cõi Diêm-phù này có một đại vương tên Ma-ha Ba-la-bà, làm chủ năm trăm nước nhỏ, một hôm cùng quần thần đi săn, voi nhà vua cởi, dục tâm xí thành, nhân thấy người quản tượng điều khiển voi, mà liền phát tâm nay làm Bổ xứ. Lại kinh cũng có nói duyên cứu giúp thỏ què qua sông, mà lập danh xưng “Từ”, vì bản nguyện lực huân tập thấy khổ thì sinh “Từ”. Trước trong kinh Bi Hoa chính dùng nghĩa “cứu khổ” mà giải thích “ban vui”, cho nên Viên cứu khổ ban vui, cho mà không có cái thể Biệt vân vân. “Vân vân” là căn cứ Giáo, Bản tích Quán tâm, cho đến Tích môn phát khởi chúng đẳng...

“Giải thích Bồ-tát Đạo Sư”: văn xả tứ Tất-đàn: Đạo Sư là xả, người nước Bà-đề, là bạch y cư sĩ. “Khiến nhập chánh đạo” là giải thích

chữ “Đạo”, “không cầu ân báo” là giải thích đức “Sư”. Do không để lòng vào việc gì nên mới ứng địa vị Sư. Đầy đủ danh bên ngoài, chỉ liệt kê số tức là nhân duyên, quán... đầy đủ như ý trước. Chỉ vì tên các vị Bồ-tát không thể nêu hết cho nên chỉ nêu số lớn. Tóm lại, chỉ do nước người phần nhiều là tri thức nên trước liệt nêu, chứng tín vì dễ. Trong một đời giáo hóa, các đại Bồ-tát thâu hoạch ghi nhớ duyên đời trước, phần nhiều được nêu trong kinh Bi Hoa quyển hai. Kinh nói: Có Bồ-tát tên là Tịch Ý bạch Phật rằng: Chư Phật đều có tịnh độ, Như Lai vì sao chọn cõi uế này? Phật dạy: Vì bản nguyện nên chọn, Ta trong quá khứ hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp ở thế giới tên San Đề Phong, kiếp tên Thiện, Luân vương tên Vô Tránh Niệm làm chủ bốn thiên hạ, vua có ngàn người con. Trong nước có một vị đại thần tên là Bảo Hải Phạm chí, chỉ có một người con, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thường có chư thiên đến cúng dường, cả nước nhân đó đặt tên là Bảo Tạng, cho nên xuất gia thành đạo cũng tên là Bảo Tạng, thuyết pháp độ người số kia vô lượng. Ngàn người con của vua mỗi vị đều cúng dường trải qua ba tháng. Quá ba tháng rồi, muốn thọ ký cho thí chủ, trước nhập Tam-muội hiện mười phương cõi Phật nhóm tập các Bồ-tát, trước hết thọ ký cho Bảo Hải, chúng sinh trong mười phương thế giới được Bảo Hải giáo hóa đồng thời đều thành Phật, tiếp thọ ký cho ngàn người con của Luân vương, thọ ký cho người con thứ nhất nói: Ông xem xét chúng sinh trong lục đạo khởi tâm đại bi đoạn các phiền não khiến trụ an lạc, nay sẽ đặt cho ông hiệu là Quan Thế Âm, sau khi đức Phật A-di-đà nhập diệt trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp, ở phần đầu đêm à thời chánh pháp diệt, ở phần sau đêm thì cõi kia chuyển gọi là Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu, cõi ấy có sự trang nghiêm thù thắng an lạc, chỉ trong một niệm ông liền thành chánh giác hiệu Nhất Thiết Công Đức Sơn Vương thọ chín mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn vạn ức kiếp. Thái tử thứ hai tên Đại Thế Chí (như sớ...). Vị thứ ba tên Văn-thù..., thứ tưu tên Phổ Hiền ở Đông phương mười hằng sa thế giới vi trần thế giới tên là Bất Thuấn, cho đến vị thứ chín tên là A-súc. Như vậy thứ lớp thọ ký cho một ngàn thái tử. Trong đó có nguyện chọn vào đời ngũ trược thì thành Phật, do đại bi nên cõi kia tên Ta-bà. Vì sao vậy? Vì các chúng sinh cõi ấy kham nhẫn chịu ba độc và các phiền não, năng nhẫn nơi cõi ác này nên gọi là Nhẫn độ, trong ngàn người đó chỉ trừ một người, số còn lại đều ở hiền kiếp mà được thành Phật.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 2
(Phần Hạ)

Tiếp, liệt kê "Tạp chúng": Xưa nói: Phàm các chúng như Bát, Long phần nhiều là Bát địa Bồ-tát cho đến trong Hoa Nghiêm đều đắc bất tư nghì giải thoát. "Trong đó có đạo": như vua A-xà-thế dẫn theo đâu riêng chỉ thế tục. Ngũ đạo: Không có địa ngục, tức thừa giới đều (chậm) hoãn. Nhị giới: Không có Vô sắc, tức giới gấp thừa chậm. Tám phen: Dục thiên, Sắc thiên, Long, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, A-tu-la, Ca-lâu-la, nhân, đầy đủ như dưới nêu. Kinh Phương Đẳng liệt kê cả địa ngục: Đầy đủ như trong Thích Tiêm quyển thứ tư nói, tức giới chậm thừa gấp. "Trung ấm hoa vô sắc": trong kinh Trung Ấm quyển thượng phẩm Phân Thân, Định Hóa Vương Bồ-tát bạch Phật rằng: Xin chóng nói nghĩa đây chúng sinh hiểu rõ nghe pháp dễ ngộ. Lại có người khó ngộ, hoặc có đối hoặc không đối, hoặc có thể thấy, không thể thấy, trước có đối có thể thấy, không thể thấy. Có thể thấy có đối, như trước. Không thể thấy có đối, như xú mao quỉ đến ngửi mùi hôi. Không thể thấy không đối, tức các quỉ thần. Hoặc ở hữu sắc hoặc ở vô sắc, hoặc ở phi hữu tưởng phi vô tưởng. Hữu sắc tức hai cõi Dục và Sắc. "Vô sắc" tức ba cõi Không xứ dưới. Tuy lại khó hóa nhưng Phật hoặc đến kia, hoặc nhiếp đến đây. Kinh này không có hoặc lược... cho nên nói không thể theo một ước lệ. Lại căn cứ theo thừa giới, luận đầy đủ nhỏ nhiệm như trong sớ Tịnh Danh nói. Xưa nói: "Người là chủ ở đất", là chỉ chúng A-xà vương trong tám chúng, nay cũng không dùng, cho nên dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa để phá. Lẽ nào có quỉ thần... ắt phải khách bên ngoài ư? Nói "Chưa tường tận" là tuy theo kinh Vô Lượng Nghĩa nhưng người không hẳn ở sau, hoặc sợ có ý. "Quỉ thần lại xuất hiện" tức Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, A-tu-la. "Căn cơ lẫn lộn": cũng nên nói các căn cơ không đồng, Tích cùng Thể lẫn lộn, Thiên và Viên lẫn lộn v.v...

Đây là căn cứ Giáo mà giải Thích: Nhị thừa tức hai giáo Nhị thừa, Bồ-tát tức tam giáo Bồ tát, tam giáo đều có xuất giả trí. Phật đạo đã nói:

Nhất nhiếp hết thảy, chỉ đắc Viên ấy. Nhị thừa, Bồ-tát đều là từ đầu. Phật đạo tức là từ ban đầu Viên, không từ tiệm mà đến. "Tam thập tam thiên và tam Quang tứ thiên vương", luận Câu-xá nói:

"Chúng của Đại vương theo thứ lớp ở bốn cấp cho nên trú nơi bảy ngọn núi còn lại, trên đỉnh núi Diệu cao cao tám vạn do tuần có Tam thập tam thiên, ở bốn góc có bốn ngọn núi, Kim cang trú ở đầu, cung ở giữa gọi là Thiện Hiện, chu vi vạn do tuần bên ngoài bốn cung điện trang nghiêm các xe thô tạp thích ý. Nếu tác tứ Tất-đàn: thì trú xứ được gọi là Thế giới, năng thí là Vị nhân, tư duy nghĩa là Đối trị, thiên chủ là Đệ nhất nghĩa. "Căn cứ giáo": A-hàm chứng Tam tạng, Bát-nhã chứng Thông. Kinh Hoa Nghiêm nói Đế-thích ở địa thứ hai, cho nên biết hai giáo đều nói "đắc Thủ-lăng-nghiêm định". "Quá hiền kiếp...", đầy đủ như trong kinh Bát-nhã. Trong câu "thành Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn vân vân" thì "vân vân" tức là được thọ ký nghĩa đương tam giáo Bồ tát. Trong phần Giải thích theo Bản tích, nói "cùng uống cam lồ" là Đại Kinh quyển sáu, phẩm Tứ Y nói: "Như tam thập tam thiên có thuốc (dược) cam lộ bất tử, ví như Sơ trụ trở lên", lý đồng.

"Danh Nguyệt v.v...": Bản tích đều rút ra từ Chánh Pháp Hoa, Bản ắt có giáo. "Quán giải" ý: tam đế tức đệ nhất nghĩa thiên, đế tức là cảnh, cảnh sinh trí, "trí như con vân vân" thì "vân vân" là: Cảnh biệt, trí biệt sinh con không đồng. Ở bốn núi báu: chỉ núi Tu-di. Chánh Pháp Niệm nói: bốn cấp đều có thập trụ xứ, đầy đủ như Huyền Văn. "Rộng hai mươi bốn vạn dặm": chưa biết chỗ xuất xứ. Nếu Câu-xá y giữa lưng chừng núi Diệu-cao mà trụ thì có bốn cấp. Tụng nói: Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn lượng, hướng lên mỗi mỗi đều giảm phân nửa. "Đông Đề-đầu....": Tên ở kinh Kim Quang Minh quyển hai, phẩm Tứ Thiên Vương: Bấy giờ Đề-đầu-lại-tra thiên vương, Tỳ-lưu-lặc-xoa thiên vương, Tì-lưu-bác-xoa thiên vương, Tì-sa-môn thiên vương bắt đầu từ phương Đông đến cuối là phương Bắc; Phẩm Quỉ Thần thứ ba liệt kê có hai mươi tám bộ. "Không khiến..." là Tích phòng tứ thọ, tứ thọ đã tiêu biểu tứ đức, dùng Tích tiêu biểu Bản, bản giữ gìn tứ đức song thọ. Tuy lại tứ khô tứ vinh, nhưng lý chẳng phải khô vinh, cũng không bỏ thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên giữ gìn bát thọ là giữ gìn tứ đức. Giữ gìn tứ đức có hai nghĩa: 1) Không cho phép thiên thủ, thiên thủ thì thành tà. 2) Không cho phép toàn thủ, toàn thủ thì thành chấp. Phải biết lý kia chẳng khô vinh. Nay nói "cành lá": lấy trong một đức đều đầy đủ bốn đức, nếu thiên chấp một danh, thì không biết đầy đủ đức, gọi là "chấp cành lá..." cho nên trong giáo của ngoại đạo đều có danh kia. Vì vậy

nên văn nói “cành gốc” dụ cho “thường...”, chính là hiển bày một đức đều đủ bốn đức.

“Hộ tám ái kiến”: Mỗi một đế đều có một ái kiến, bốn loại Tứ đế đều tùy giáo kia trừ ái kiến, cho nên bốn vua đều thống lãnh, không khiến não người như đều hộ kiến ái, không khiến chấp cảnh. Nếu theo sau nói “vương”, tức Vương Tam-muội. Giáo chủ của đương giáo, cũng có thể đều là vương, đều phá ái kiến. Trong câu “Tha hóa ngũ dục vân vân” thì “vân vân” là: nên nêu đủ thân lượng thọ mạng của Dục thiên. Luận Câu-xá nói: chiều cao của người ở Nam Thiểm-bộ châu là ba khủyu rưỡi đến bốn khuỷu tay, người ở Đông Tây Bắc châu gấp bội tăng theo thứ lớp, ở Dục thiên là Câu-lô-xá bốn phần nhất nhất đều tăng, ở Sắc thiên là do tuần sơ tứ tăng mỗi phân nửa, trên đây nói tăng gấp bội, chỉ có ở cõi Vô-vân thiên giảm ba. Năm mươi năm của Nhân gian thì bằng một đêm ngày của các cỏi Trời dưới, nương đây thọ lượng năm trăm trở lên tăng gấp năm lần. Sắc giới không có ngày đêm sai khác, kiếp số... thân lượng. Vô sắc, ban đầu hai vạn, sau sau tăng gấp hai. Trời trên dưới Thiểu Quang đại toàn bán làm kiếp. Nếu luận cao thấp thì nơi mỗi một cõi trời như lượng trở xuống thì trở lên cũng vậy. Biệt dịch A-hàm quyển sáu, rộng nêu các Phạm đến... quyển tám và mười một rộng nêu chư thiên tán thán Phật, chư thiên nếu đến thì đều đồng hình người. Quyển bốn nói: Phạm vương đến lễ Phật. Đức Phật nhập hỏa quang Tam-muội, ông không thể thấy được, cho nên ông đi đến cửa Cù-gia-ly mà kêu. Cù-gia-ly hỏi: Ai gọi ? Đáp: Phạm vương. Lại hỏi: Đức Phật thọ ký ông đắc A-na-hàm ư! Đáp: Đúng vậy. Lại hỏi: A-na-hàm gọi là Bất Lai, ông vì sao lại đến? Phạm vương nói: Người như vậy không nên cùng nói chuyện. Cho nên biết đều đồng nhân pháp, lại có việc trái lòng mà răn dạy Già-ly. Theo lệ có giáo môn... Đã vì một đời thỉnh chủ chuyển pháp luân, thỉnh đại thì đại, thỉnh tiểu thì tiểu.

“Bản Tích”: Bản trụ thanh tịnh diệu cảnh nhất thật, quán trừ hoặc uế đều được gọi là “tịnh”. Lại, trong văn giải thích chư thiên thì chỉ có Đế-thích là đầy đủ bốn giải thích. Tam Quang tứ vương Tự-tại v.v... Sắc thiên, dù có “theo nhân duyên” nhưng đều thiếu “căn cứ giáo”. Chư thiên thường theo Thế Tôn mọi nơi nghe pháp, cũng nên tùy các giáo vị để phân biệt sâu cạn và khai hiển... Như dẫn Thân-tử được thọ ký là để lưu truyền, chỉ việc hoằng giáo nêu một ít theo lệ mà thôi. Trong phần giải thích “Bát long” phần nhiều như vậy, chỉ “Khẩn-na-la” có giáo bởi vì nghĩa tiện thôi! Trong phần giải thích “Hòa-tu-kiết long vương” có câu “phân biệt vô lượng pháp môn vân vân”, thì “vân vân”

là: từ “Nhiều đầu” nên lại dùng Giả quán làm đầu, tức là Nhất giả nhất thiết giả. Nếu thông thuyết thì: Nhất không nhất thiết không, Nhất trung nhất thiết trung, cũng là “Nhiều đầu”. “Kinh Trường A-hàm...” kinh kia nêu đầy đủ: ao xuất ra bốn sông như Sớ. “A” là không, “Nậu-đạt” là hoạn, “không có ba hoạn” kia. Bản trụ Pháp Hoa Tam-muội, thật đạo sở chứng hết thảy đều gọi là Pháp Hoa Tam-muội. Nay lại dùng hoa để giải thích hoa đó thôi!

“Tứ Khẩn-na-la”: Tạp Tâm nói: là thuộc loài súc sinh. Khẩn-na-la một sừng, Càn-thát-bà không có sừng, thân tướng lược đồng. Nay nói “tấu tứ giáo”: Đã trải qua năm vị đều có Khẩn-na-la... Phải biết sở tấu cũng Thiên Viên Biệt, đến kinh này riêng hiển thật đế. Trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la nói: Đại Thọ Khẩn-na-la vương cùng vô lượng Khẩn-na-la và vô lượng Càn-thát-bà vô lượng chư thiên, tấu lên tám vạn bốn ngàn thứ âm nhạc thanh tịnh vi diệu khi đến chỗ Phật. Huyền ca một khi khởi động thì âm thanh chấn động khắp đại thiên, Tu-di Sơn vương vọt ẩn cúi ngửa, tất cả Thanh văn đều từ tòa đứng dậy cũng như múa giỡn. Thiên-quan Bồ-tát hỏi Ca-diếp rằng: Thiểu dục tri túc Đầu-đà đệ nhất hôm nay thì ra lại là cũng như trẻ con? Ca-diếp đáp: Chẳng phải bản tâm. Cho nên biết kinh kia thuộc Phương Đẳng bộ, dùng Đại để bài xích Tiểu. Khẩn-na-la tấu nhạc Biệt giáo Viên giáo, cho nên khiến Thanh văn không thể tự an. Cho nên đến Pháp Hoa thì lý hợp thuần diệu.

“Mười núi báu”: Hoa Nghiêm nêu đủ, như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Như trong Câu-xá trước nêu bảy núi và Diệu-cao là tám. Lại nói núi Tô-mê-lô ở giữa, tiếp là Du-kiền-đạt-la, ở ngoài Đại Châu... có núi Thiết-luân quanh, trước bảy lớp núi vàng thành Tô-mê-lô bốn báu và núi Tuyết hương hợp thành mười núi. Đã nói là chư thiên tấu nhạc trời, cũng là các cơ duyên không đồng. “Ca vịnh Thập lực”: Đã nói không khởi Diệt định tức Sở trụ trở lên, cho nên trong tích đàn sáo cũng nên ca bốn giáo, đều có thập lực. Nếu trong kinh Đại Thọ nói ở nam Hương sơn thỉnh Phật cúng dường, đức Phật nhân sự cúng dường rồi thọ ký cho kia làm Phật, hiệu là Công Đức Vương, lý ứng với pháp thân thọ ký. Nếu tại Sơ trụ thì tám tướng thọ ký cũng ở trong tích. Kinh này dẫn dắt chúng không sánh bằng số nhiều trong kinh Đại Thọ, bởi vì nghe thật kinh thì không dễ. Lại, kinh này nêu tám Long vương, Khẩn-na-la Càn-thát-bà đều có bốn, là có ý tiêu biểu. “Tám” nghĩ tám chánh, các giáo đều có tám chánh. Khẩn-na-la đã có bốn giáo, đại ý có thể biết, ngoài ra tục ưa dùng tục để nêu chân. Bốn Càn-thát-bà thì đối giáo tùy nghĩa giải thích nêu. Tràng nghĩa là duyên tràng tức các tre gỗ, đảo: là

trịch đảo ném nghiêng ngửa. “Bốn vị A-tu-la”, cũng nói “Vô thiên” là không có thiên đức, Phật Địa luận nói thuộc về loài trời. Chánh Pháp Niệm nói là loài quỉ, súc sinh. Đại quyền thị hiện đến, duyên đâu có định. Theo các kinh A-hàm thì bốn vị Tu-la thứ lớp trụ dưới đáy biển đều cách nhau hai vạn do tuần. Nói “thuộc loài súc sinh, loài trời v.v...”, là đều căn cứ nguồn gốc tổ tiên. “Ngũ hệ trói buộc ma ngoại đạo”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói.

“Ngũ trụ”: Nơi khác giải thích đó chỉ là giới nội Kiến Tư, nếu vậy thì cùng Tứ trụ đâu có gì sai khác. Tha nói: Tam giới kiến là kiến nhất xứ trụ địa, Dục tư là dục ái, Sắc tư là sắc ái, Vô sắc tư là vô sắc ái. Tam giới vô minh là vô minh trụ địa, nhưng y trong năm tánh tông thì lấy kiến nghi vô minh... chủng tử làm vô minh trụ địa, nay ý không như vậy. Ngũ trụ làm tác nhân của hai loại sinh tử tức dùng tam giới Thông hoặc làm tứ trụ, lại thêm Biệt hoặc làm trụ thứ năm. Cho nên, trong Biệt hoặc tổng bao hàm nội ngoại vô tri và do vô minh trong chướng. Đối với Duy Thức... chỉ thêm chủng tử là sai khác. “Chánh Bản” là Chánh Pháp Hoa. “Thủy tinh nhập thân”: Hoặc là hữu tình hoặc là phi tình. Nếu là phi tình thì nghĩa đồng thấp sinh và kiêm cả thai tạng, như kinh A-hàm nói có người nữ hướng vào trong lửa, hơi ấm nhập thân liền có thai. Người cha nghi trách mắng con, cho đến vua biết việc ấy liền bắt tội. Người nữ ấy nói: Vì sao nhà vua vô đạo, bắt người vô tội? Xin vua hãy xét lại. Vua biết người này vô tội liền nạp làm phi, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. “Sắc tâm Bản tịnh”: đối Tích xấu xí, Bản trụ sắc tịnh cho nên Bát-nhã tịnh, Bát-nhã tịnh tức tâm tịnh. Đây nói “chương trì” tức năng chương trì. Thế gian nói thường trì, là không có bằng cứ.

“Nhật thực”: Nếu hoàn toàn không theo thế tục có chấp, thì như lịch số cũng có thể dự tính biết là thế nào. Do khí thế gian pháp như vậy, cùng với người âm dương lý hợp, cho nên trong thân người ngũ hành cùng thiên địa số hợp. Cho nên pháp thiếu đủ cần phải lịch số, há ngăn ngại chánh nghiệp ư? Nói “các thứ tà thuyết”: nhật nguyệt chiếu tứ thiên hạ, tứ thiên hạ cũng là âm dương không đồng, không thể đủ thiếu, thì khiến hết thảy vua... tận đều suy yếu ư! Nước hạn tai biến cũng lại như vậy. Cho nên, biết: tuy một phần cùng lý âm dương hợp và một phần phải y nghiệp lực chúng sinh, phàm cõi y báo đều thuận chánh báo, như cõi Hoa-tạng ắt thuận báo thân Phật và các Bồ-tát, y báo chánh báo tự tại, phương tiện cũng như vậy. “Sợ nhật nguyệt thời...”: Đại kinh quyển mười một nói: Khi La-hầu muốn ăn mặt trăng (nguyệt), Nguyệt thiên tử sợ hãi chạy nhanh đến mách Phật mà nói kệ rằng: “Phật Thế Tôn

đại trí tinh tấn, con nay qui mạng cúi đầu lễ, La-hầu-la làm não loạn con, xin Phật thương xót đến cứu con”. Đức Phật vì La-hầu mà nói kệ rằng: “Nguyệt năng chiếu sáng và trong mát, ngọn đèn sáng lớn giữa hư không, sắc kia trắng trong muôn ánh sáng, ông chớ có nuốt, mau buông ra!”. Lúc ấy Bà-trĩ thấy La-hầu (mồ hôi chảy) nhả mặt trăng ra. Bà-trĩ nói kệ: “La-hầu người cớ sao run sợ, cũng như bệnh sợ tâm bất an”. La-hầu đáp: Ta nếu không nhả trăng (nguyệt), thì đầu bể làm bảy phần, cho dù được sống cũng không an ổn vì vậy nên ta nhả trăng ra. “Do xưa làm Bà-la-môn...”: như Câu-xá nói: Dục thiên Câu-lô-xá bốn phần mỗi mỗi tăng, đến đệ lục thiên chỉ một Câu-lô-xá rưởi. Đã nói thân dài tám vạn bốn ngàn do-tuần còn có thể được ở nơi Sắc thiên thứ nhất, do Sắc-cứu-cánh thiên thọ một vạn sáu ngàn kiếp, thân dài một vạn sáu ngàn du-thiện-na, ứng biến thì hóa thân có thể dài tám vạn bốn ngàn. “Ưa chiến đấu...”: Đây là bốn vị Tu-la cùng Đế-thích chiến đấu, thứ lớp bày trận đầy đủ như nay nêu. Trường A-hàm kinh số mười tám nói ở Nam Châu có núi Kim Cang trong đó có cung Tu-la, cai quản sáu ngàn do tuần. “Lan thuẩn hàng thọ (lan can hàng cây)...”: Như thế một ngày đêm ba thời chịu khổ, các khổ cụ tự đến nhập vào trong cung. “Thuộc tứ ác thú” đúng là có lý do. Biệt dịch A-hàm quyển ba, rộng nêu Tu-la cùng Đế-thích chiến đấu, cần phải kiểm xét lại. Nếu căn cứ giáo thì cũng có thể tùy danh lập nghĩa như sau: “Ngũ hệ”: Sơ giáo Bồ-tát đầy đủ ngũ trụ; Tiếp, “Quảng kiên”: Thông giáo tam thừa thông quán hơi rộng. Tiếp, “Tịnh tâm”: Biệt giáo Bồ-tát mới biết chân tịnh. Tiếp, nói “Chướng trì”: Viên giáo Bồ-tát chướng hoặc trì lý. “Bản quán vân vân”: là lược không tiện luận, cũng có thể nói: “Bản trụ Đệ nhất nghĩa thiên, Tích thì thị hiện vô thiên. Năng quán tức Không, cho nên không có tam giới nhân thiên. Tức Giả, cho nên không có Phương-tiện-độ nghĩa thiên. Tức Trung, cho nên không có Thật-báo-độ nghĩa thiên. Nhất tâm tam quán thường trú tịch quang nhân thiên phi nhân thiên”.

“Bốn vị Ca-lầu-la vương”, nói “trú xứ có cung điện...”: Trường A-hàm kinh số mười tám nói: Phía Bắc đại hải có cây đại thọ tên là Cứa-la-thiểm-ma-la, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá năm mươi do tuần, phía Đông cây có cung của rồng noãn sinh, lại có cung của kim sí điểu noãn sinh. Nam thai sinh, Tây thấp sinh, Bắc hóa sinh, mỗi phương đều có cung của rồng và điểu, đều có bảy lớp hàng cây, các chim đồng hòa kêu. Khi chim bắt rồng thì cánh quạt tát nước biển, chim noãn sinh thì cánh mở rộng hai trăm do tuần, thai sinh thì bốn trăm, thấp sinh thì tám trăm, hóa sinh thì một ngàn sáu trăm. Thai noãn thấp hóa

thứ lớp như vậy, ăn nuốt một, hai, ba, bốn loài rồng. Như vậy trú xứ ác đạo muốn sánh với thế giới Tây phương an lạc, cho nên biết phước dễ mà giới khó, giới dễ mà thừa khó, do không đến. Lại như A-hàm nói: Hương sơn có voi tên là Thiện Trụ thường trú nơi gốc cây, có sáu ngà trên ngà có ao... cùng voi của Phổ Hiền tướng mạo gần như đồng. Một cây một voi số kia tám ngàn. Thiện Trụ là vua, ngoài ra đều là quyến thuộc, hoặc cầm dù quạt bình múc nước, hoặc hát xướng kỹ nhạc, hoặc vì vua tẩy rửa... các loài, kia cũng như ác đạo. "Kim- cang-sơn": Nam châu đây. "Sắp thiêu Bảo sơn": lửa muốn đến thiêu đốt các Kim sơn. Nếu căn cứ giáo, thì: Sơ giáo, nói lũ chúng thù thắng, vì vượt qua các ngoại đạo. Tiếp, nói "Đại thân": là bắt đầu Đại thừa, tiếp là Đại mãn, vì xuất giả túc. Như ý: Như lý mãn...

Tiếp, "Liệt kê chúng nhân": "Vi-đề-hy": Cũng gọi là Tự Thắng. Nói "Vị sinh oán": Lúc ở trong mẹ đã thường có ác tâm với Bình-sa-vương, chưa sinh đã ác nên nhân đó đặt tên. "Vô chỉ": khi mới sinh đã có điềm xấu, nên vua cha sai đem lên lầu ném xuống mà vẫn không chết chỉ tổn hại một ngón tay "chỉ", cho nên lấy đó đặt tên. "Tám pháp": Hoặc là tám tà hoặc là tám gió hoặc là tám đảo. Kinh Phổ Siêu, phẩm Quyết Nghi thứ ba nói: Đức Phật nhân vì A-xà Vương phá chấp cố định về tội giết vua cha, rộng nói ba đời ba tâm không thể được, khiến trụ pháp giới, Xà vương nghe rồi thì đắc Nhẫn nhu thuận. "Khi thuyết Pháp Hoa": Căn cứ đắc nhu thuận ở trước thời Pháp Hoa, tại thời Pháp Hoa thì làm chúng thanh tịnh, đến thời Niết-bàn thì thân sinh ghẻ lở mới phát tâm sám hối và đắc Sơ quả, cho nên biết đó là dẫn nghịch tội. Đây chính là hoàn toàn dùng Đại Quyền mà giải thích, cho nên dẫn Ca-diếp làm lệ. Nếu theo thực hành thì: Ở hội Pháp Hoa tuy nói thanh tịnh, nhưng chưa thấy thâu hoạch lợi ích. Căn cứ theo lý, nên nói chướng chưa trừ, cơ chưa động. Đến thời Niết-bàn thì chướng muốn trừ cơ đã động, cho nên nghe Phật thọ ký thì lãnh giải hoan hỷ. Tiếp nói kệ tán Phật, cho nên phẩm thứ mười bảy nói: "Phụ vương vô tội, rộng thêm nghịch tội", cho đến "Tâm sinh hối nhiệt biến thân thể sinh ghẻ lở". "Ở đời không có lương y trị thân tâm", là không tin lục thần lục sư, tuân theo lời dạy của gia huynh Kỳ-bà, nghe Phật thuyết pháp, được thọ ký, phát nguyện. Phải biết hai nơi đều là tích, ở nơi bản địa có thuận nghịch gì.

Lại có Bà-la-môn tên là "Bất Hại", do giết vô lượng các chúng sinh cho nên tên là Ương-quật, do gặp Phật mà phát tâm Bồ-đề. Lại ở Ba-la-nại có con của trưởng giả tên A-dật-đa giết cha hại mẹ giết A-

la-hán thiêu đốt tăng phòng, sau muốn xuất gia, các Tỳ-kheo không độ liền tự phát Bồ-đề tâm đều là theo lệ. “Giải thích theo Quán tâm”: hại mẹ tham ái... như Chỉ Quán nêu dẫn kinh Lăng-già. Nói “hành nơi phi đạo...”: nghịch tức là thuận, phi đạo tức là đạo. Lại, đạo lấy thông đạt làm nghĩa, lý sở giác năng thông quán trí, từ nhân đến quả cho nên gọi là đạo, cho đến cửu giới tâm đều gọi là phi đạo, huống gì nghịch tâm ư?

Có người hỏi: Pháp Hoa nhất thừa cúi đầu dơ tay đều thành Phật đạo, đâu được Xà vương trọng tội không dứt? Đáp: Chỉ cần y hướng căn cơ động chướng trừ bốn câu... Phân biệt thời thuần thục trước sau, hóa duyên tùy cơ, không cần đây hỏi. Tiếp, hỏi: Có thể biết? Trong đáp tuy dẫn vô lượng nghĩa căn cứ theo lý lại nên dẫn Phân biệt công đức. Vì bốn thiên hạ cho đến đại thiên trần số đắc đạo, trong đó sao không có loại chúng nhân ư? Cho nên biết chỉ là lược. Một câu khai làm bốn câu đến như sớ Tịnh Danh, kia dùng bảy nghĩa giải thích bốn câu: 1. Nêu Thừa, Giới gặp Phật không đồng. 2. Tín pháp, hai hạnh không đồng. 3. Đại thừa Tiểu thừa sai biệt. 4. Căn tánh tiệm đốn. 5. Ứng Tích. 6. Quán tâm. 7. Hóa tha. Nghĩa đầu, nói Thừa Giới: Có Thừa thì gặp Phật, không Thừa thì không đến. “Tín pháp”: Tọa thiền nghe học giảng thuyết đều được gặp Phật chỉ tùy tu tập Đại, tiểu mà thôi!. “Tiệm đốn”: Đại thừa Tiểu thừa đều có tiệm đốn. “Ứng Tích”: Đã đắc hai mươi lăm Tam-muội ứng với hai mươi lăm cõi. Dẫn thực hành: Đến chỗ Phật. Quán tâm: Chỉ tùy quán hạnh để phán định thấy Phật. Hóa tha: Thấy cùng không thấy đều căn cứ lợi tha. Đại quyền hiện tích lược như văn nay. “Nếu đạt ý này...” dùng bốn câu đây thì có thể nhận rõ tự tha thời xứ gặp Phật, đắc đạo rất nhanh. Các kinh theo lệ chúng nhiều ít có không, để nghiệm thân mình đương lai sinh xứ như dấu ấn không sai. Xét tâm tự trách nơi kinh Tựa, đâu không thẹn lòng nơi Chánh tông?

Tiếp, “giải thích Biệt tựa”. “Biệt tựa”: là đối với Thông tựa mà đặt tên. Lại, căn cứ đương giáo đối nhau mà nói. Phật và đệ tử, trước sau của kinh, hai văn có thể biết. Nếu theo di chúc tối hậu của Như Lai, thì thông tựa chỉ là thông, biệt tựa chỉ biệt. Nếu Như Lai xuất thế cho đến kinh này, đối xưa mà biện rõ thì Biệt tựa đây ý biệt mà bao gồm thông, thông trình bày xưa cho nên chỉ tại kinh này, Thông tựa văn thông mà ý biệt, biệt tại nay nên các kinh thông như vậy. Nếu thẳng căn cứ xưa mà luận thông biệt thì Thông tựa văn thông và nghĩa thông, vì bộ bao hàm các giáo; cũng có nghĩa thông mà ý biệt, vì biệt tại các vị. Biệt Tựa văn biệt và nghĩa biệt không liên quan đến các bộ khác. Như

cầm bát hợp với dù, sự tại đương kinh cũng có nghĩa biệt mà ý thông, vì thông các giáo. Lại, cũng có thể Thông tựa, văn thông mà nghĩa biệt, vì tùy bộ đối giáo nhiều ít biệt. Biệt tựa, văn biệt mà nghĩa thông, vì thông trình bày giáo ở trong bộ có nhiều ít, vì muốn thông khắp thông biệt cho nên như vậy. Hai tựa đối nhau danh kia tự phân. Trong kinh này nói "thông trình bày xưa": là thuyết pháp thì quan trọng là trình bày ý xuất sinh, phóng quang thì tiệm đốn đều chiếu, chỉ có hoa địa chuyên tiêu biểu kinh điển này thì mật ý chưa tuyên bày rõ. Nhập định, thì nghĩa bao gồm khai hợp. Chúng vui thì đẹp lòng, cảm động khác xưa, căn cứ xưa khác nay. Nghi niệm chính là hai duyên quá khứ và hiện tại, do dự chánh đáng. Đáp hỏi thì rộng trình bày ba đồng thông thâu một đời, ý kinh đã xa thì Tựa cũng khác thường. Vì vậy nên các kinh khác thì trực tiếp phát khởi như thế.

"Nhĩ thời": là thời muốn hiện sáu điềm lành. Người xưa nói: "là thời chúng tập", thì không lĩnh hội được ý của lời nói. Phàm nói "Nhĩ thời", đều chỉ cuối việc trước, bắt đầu việc sau. Đây chỉ trước là hiện sáu điềm lành. Muốn nói kinh Vô Lượng Nghĩa, thời ban đầu chúng vây quanh. Nếu nói thời chúng tập, thì không thể nói khi chúng tập chúng vây quanh, như đầu phẩm Phương Tiện, tức là chỉ khi Văn-thù đáp vấn xong. Không thể nói là lúc Phật từ Tam-muội ra. Từ Tam-muội ra như nói : "sau lúc ấy, lúc ấy bèn v.v...", đều là sau "Nhĩ thời". Nếu tập chúng xong thì có thể nói "Lúc ấy bèn nói kinh Vô Lượng Nghĩa". Cho nên, biết: Biệt luận tức là thời muốn nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Thông luận thì có thể chỉ thời đức Phật chưa ra định. Ban đầu thì "bốn chúng vây quanh", cho đến "mưa hoa, động đất", cho nên nói "khi ấy trời mưa...". Sở dĩ lập lại nói "lúc ấy trời mưa", là vì biệt chỉ thời nhập định sau. Đây tuy việc nhỏ theo lệ kia thật nhiều, việc trở lại không thể khinh thường nên khiến khắp biết. "Phiên phúc": là kết nghịch thuận nêu ở trước. Từ trước hướng theo sau gọi là thuận, ngược trở lại hướng trước gọi là nghịch. Nói "sinh khởi": Từ trước hướng sau, thì trước sinh mà sau khởi, từ sau hướng trước, thì sau sinh mà trước khởi. Tức đáp sinh do nơi vấn khởi, cũng có thể nói đáp khởi do nơi sinh. Cho đến "tập chúng" cũng như vậy. Tuy chấp nhận sự thuận nghịch kia mà ý chê sự kia không có tôn chỉ, cho nên nói "chưa hiển bày". Tôn chỉ kia như thế nào? Nghĩa là tiêu biểu "Tứ nhất". Nhất kinh hiển bày không ngoài bốn, đây cũng dùng nghĩa Quang Trạch mà phá Quang Trạch. Nếu y Kinh gia này thì nên tiêu biểu Thập nhất. "Chỉ là một cách giải thích theo Nhân duyên..." "Trực thị nhân duyên...": là khiển trách để hiểu văn. Thuận nghịch chỉ

đắc một ý Thế giới Tất đàn trong nhân duyên, ba thứ còn lại hoàn toàn không có, cho nên, nói “còn tự không rõ”. “Huống chi hai ba bốn”, tứ là ba cách giải thích theo Giáo, theo Bản tích và theo Quán tâm “Nay nêu rõ...” là trong tứ Tất-đàn chỉ đối Tứ nhất, tiêu biểu Tứ nhất đương đồng, cho nên biết Nhất, thì kinh gia từ đầu đến cuối đắc ý chỉ. “Nhân (người) nhất” là Thế giới Tất-đàn, vì nhiều người hòa hợp đến nay đồng. “Lý nhất” là Đệ nhất nghĩa, vì danh đây rất thuận sáu điềm lành, nhất nhất đều tiêu biểu Trung đạo “Hạnh nhất” là Vị nhân, tu hạnh đến nay là vì lợi lạc cho chúng sinh, gây nghi khởi niệm khiến các hạnh thành. “Giáo nhất” là Đối trị, do đáp vấn nên trừ nghi, giáo hưng khởi, vấn đáp tức là giáo trừ nghi. Đây lại một phen luận đại ý kia. “Tập chúng...” đều đầy đủ Tứ nhất, có nêu rõ điều này thì mới có thể sinh khởi, nghịch thuận có nguyên do. Nếu không như vậy, thì vì sao kinh Đại thừa không tập chúng, phóng quang, mưa hoa, động đất? Chỉ vì không sinh nghi Đại thừa, thỉnh đáp không hẳn là diệu đức, đáp vấn không dẫn ba thứ đồng. Nay tuy chưa chánh nói, chỉ nhân nghi thỉnh vấn đáp sau mới biết, mà trước khiến điềm lành mưa hoa động đất tức đã nói định khác thường, trước nói định chúng không đơn độc nhóm tập, tuy từng nghe kinh Vô Lượng Nghĩa nhưng đã định không tán, là biết hướng nghe chưa vội, cho nên biết sau mưa hoa động đất từ định ra mà nói thì không thể xem nhẹ. Có trước sau là vì căn cứ cái ở giữa, nên mưa hoa động đất cũng khác, do đó nghe pháp là tiêu biểu người (Nhân) nhất thừa. Người do hiện điềm lành tiêu biểu Lý nhất thừa, vì hiển lý đây sinh nghi vấn đáp, Giáo Hạnh đây tại Nhân Lý rõ ràng. Lại, do trong điềm lành nói khai kinh là tiêu biểu hợp giáo, nhập hợp định là tiêu biểu Hạnh Trung đạo, phóng hào quang từ giữa chặn mày là tiêu biểu Lý Trung đạo. Mưa hoa thích hợp là tiêu biểu Vị trung đạo. Động đất thích hợp là tiêu biểu trừ hoặc Trung đạo tổng thành Nhân nhất, đúng là có lý do. Cho nên, “Thiên” tiêu biểu Đệ nhất nghĩa thiên, “địa” tiêu biểu địa thật tướng. Tuy đều có biểu hiện điềm lành mà thời chúng chẳng thể lường được, cho nên dù nghe khai kinh mà vẫn còn chẳng biết là khai bản tiêu biểu hợp, huống chi lại có thể biết lý quyết định ư! Cho nên đợi Văn-thù dẫn việc xưa thì mới biết là hóa đạo không sai khác. Thế nên phải biết: sinh nghi là bản để lập hạnh, bởi vì nghi mà được giải quyết thì hạnh xứng hợp dẫn đồng giáo xưa, bèn biết Phật nay mới nói Giáo nhất và khiến thời hội thành Nhân (người) nhất thừa. Như vậy mới có thể là kinh này do Tiệm hiển bày thật đầu tiên mới xảy ra. Nếu không như vậy, thì uổng nói giải thích Tựa nêu ý Pháp Hoa mà cho đến cuối cùng tự mình cũng chưa rõ.

Như đây, cũng là giải thích theo nhân duyên.

Trong phần "Căn cứ giáo" nên nêu rõ thiết lập khai, phế, hợp, thì mới hiển bày những gì được tiêu biểu trong phần Tựa. Nói "Không phải Tam Tạng...": tức lại căn cứ phế quyền cho nên đều nói "không phải". Trước phế sau khai lý số như vậy, cho nên lịch giáo chọn ba còn chưa gọi là một. Nếu khai hiển rồi, thì đều là kinh vương. Lại, khai rồi thì chỉ là Viên, cho nên nói "không phải". Cho nên, trước biện rõ năng khai mà không luận tạng... Năm vị bốn vị nghĩa cũng như vậy. Như đây giải thích vẫn thuộc Tích môn. Từ "Căn cứ Bản Tích" trở xuống: là tiêu biểu Bản môn, phải đến thọ lượng cũng có thể tiêu biểu trước, cho nên biết Tựa đây hiển thì tiêu biểu Tích bốn, mật thì tiêu biểu Bản bốn. Đã thành từ lâu không vượt qua bốn thứ này. Lâu và gần tuy khác, mà lý Tứ nhất thì bình đẳng... "Quán tâm có thể giải v.v...": Do đều tiêu biểu một lý quán dễ nêu rõ, nhưng phải lược biết để chỉ bày nói như vậy. Nhất tâm tam đế là Lý nhất. Nhất tâm tam quán là Hạnh nhất. Tác quán như thế, là Nhân nhất. Năng thuyên quán cảnh là Giáo nhất. Lại, thường quán tam đức năng sở đều có bốn, là lý Pháp thân, giáo Bát-nhã, hạnh Giải thoát, hòa hợp ba pháp thạnh tạm gọi là Nhân, tức quán hạnh Như Lai.

Căn cứ lục tức vị, mỗi vị Tứ nhất. Trong mỗi một niệm, niệm niệm Tứ nhất. Nhất sắc nhất hương đều là Tứ nhất. Quán hạnh như đây là chân thật Pháp Hoa Tam-muội. Tâm cảnh xen lẫn phát khởi tức nhân duyên quán Tứ nhất. Chẳng đồng tam giáo, tức căn cứ giáo quán Tứ nhất. Từ lâu xa đã đắc, tức Bản địa quán Tứ nhất. Đây chỉ hướng đến phá bỏ kiến giải của ngài Quang Trạch, để lập Tứ nhất. Tổng giải thích năm chương đã xong.

Tiếp, "Chúng tập..." là chánh biệt giải thích. Trong phần đầu "giải thích oai nghi": trước dẫn luận. Luận văn có bốn thành tựu: 1. Nhiễu quanh. 2. Trước sau. 3. Cúng dường. 4. Tôn trọng tán thán. Kinh văn thiếu "trước sau", lẽ ra phải nói "nhiễu quanh trước sau". Thiệp Công nói: "Tuy là luận văn mà không thuận kinh nghĩa". Thiệp Công còn nghi người dịch, nhưng nay người dịch phần nhiều y luận văn, chỉ một, hai chỗ không hoàn toàn dụng. Luận dùng bốn giải thích ba, không cần đây bài xích như thế, như tư duy năm câu dùng tám câu giải thích, năm câu tán thán đức La-hán, thì dùng mười lăm câu giải thích. Như giải thích điều "khó giải khó nhập thêm khó ngộ..." cho nên thêm không có lỗi, từng tìm sớ kia ba quyển, hai quyển đến đáng sợ vì nhiều, cho nên đây ngưng. Trong bốn oai nghi thì giản lược ba oai nghi còn lại, muốn có sở văn khác với phi thời trụ, cho nên nói "như pháp", cần gì phải đợi

kinh này mới nói "như pháp". Nếu thông luận, thì đương bộ đương cơ nhiễu quanh hay trụ, thảy đều "như pháp". Trong phần chánh giải thích thì trước bài xích xưa chỉ nói bốn chúng: Tỳ-kheo v.v... Có chỗ nói bốn chúng là: Thiên long v.v... hoặc bốn chúng là: Phạm ma v.v... Người Đại tiểu, tuy xưa có liệt ra đây nhưng không phân biệt phàm Thánh, thuận nghịch, quyền thật, nói nín. Nay xưa vi tế biên chép chung riêng, kiêm riêng, thiết lập khai Bản tích đều không có chỉ qui. Nay liệt bày bốn là biến khắp các thứ bốn ấy, thâu nhiếp hướng mười cặp, phàm Thánh cho đến bản tích không lạm dụng. Lại Thiệp Công nói: "Tông Thiên Thai lập chúng ảnh hưởng v.v..., có nghĩa không có văn, chưa thể dựa vào tin". Nếu nói "có nghĩa không có văn thì không dựa vào tin" như vậy, thì nếu "có văn không có nghĩa, thì có thể dựa vào" ư? Nay nói: "có văn có nghĩa" thì người tầm thường dùng, "không văn có nghĩa" thì người trí dùng, "có văn không nghĩa" thì người ngu dùng, "không văn không nghĩa" thì kẻ mê dùng. Cho nên kinh nói: "Y nghĩa không y lời", tức ý đây. Cho nên, "ngoại, Tiểu thừa quyền, tích" đối với "nội, Đại thừa, thật, bản", đều có danh không nghĩa. Đức Phật chê trách Ca-diếp: Ông xưa chỉ nghe danh Niết-bàn mà chưa nghe nghĩa kia. Pháp sư tự lập: Thanh văn Bồ-tát là hai Thánh chúng; long thần, người chủ là hai phàm chúng. Nay hỏi: Bốn chúng này lại có mặt trong bốn chúng của Thiên Thai không? Nếu kia không, thì liên quan gì đến Pháp Hoa? Còn chẳng phải người đương cơ được lợi ích, huống chi chúng phát khởi..., không có thì chưa phải. Nếu kia có, thì là "có văn có nghĩa", sao gọi là không có văn? Cho nên, kinh này liệt kê chúng ắt đủ bốn chúng đây tức văn kia. Nghĩa ắt có bốn chúng phát khởi v.v..., tức nghĩa kia. "Có văn có nghĩa" rất đáng nương tựa. Cái mà Pháp sư lập thì không nghĩa có văn, mà lại còn trách đây, huống chi lại bốn nghĩa vẫn tại khắp các kinh. Tại đây nên nói: Phát khởi, Bản Tích, Căn cứ giáo, Nhân duyên. Bốn theo thứ tự này tức căn cơ tuy có thể phát ắt nhờ bậc đi trước dẫn dắt, dẫn dắt căn cơ đã phát tức ảnh hưởng giúp đỡ. Ba lợi ích hoàn toàn không có chúng kết duyên. Nếu nói không văn, thì Văn-thù Di-lặc lẽ nào chẳng phải phát khởi? Ba vòng thâu hoạch thọ ký, lẽ nào chẳng phải đương cơ! Trừ chúng phát khởi ra, các đại Bồ-tát lẽ nào chẳng phải ảnh hưởng! Trừ chúng đương cơ ra, như những người đứng dậy đi lẽ nào chẳng phải chúng kết duyên! Huống chi trong tạp chúng tuy không kích động cũng năng dẫn đạo, gọi chung là phát khởi. Tuy chẳng trấn nghiêm cũng năng phụ tá gọi chung là ảnh hưởng. Kinh Tịnh Danh nói: "Mà sinh trong năm đường để hiện tự mình, và dẫn bốn chúng", nghĩa đã đủ.

Trong phần “giải thích chúng phát khởi” có pháp, dụ, hợp. Pháp: trước nói rõ đức bên trong, “kích dương...” là dụng bên ngoài. Ứng vật thi thiết nên gọi là “quyền”. Thuận thích nghi chế lập, nên gọi là “mưu”, có quyền thì có mưu, nên gọi là “quyền mưu”. Thật trí bên trong dung thông, không mưu mà thích đáng, nên gọi là “trí giám”. Giám xét thiện xưa kia đáng sinh đáng thành, cho nên gọi là “biết căn cơ”. Phù hợp cơ hội không lẫn lộn, cho nên gọi “biết thời”. Nói “kích dương” là nghĩa đương phát khởi, dùng để giải thích danh, vì phát căn cơ khiến khởi, cho nên nói “phát khởi”. Đầu văn là giải thích “phát”, “thành biện rõ ...” là giải thích “khởi”. Cũng có thể bốn chữ trước: “Kích dương phát động”, là chánh giải thích. Bốn chữ kế tiếp: “thành biện lợi ích”, là công năng. “Động” cũng là “khởi”. Lại phân tách rõ ràng: khiến khai nên gọi là “phát”; nhân kích dương, mở đầu mà động nên gọi là “khởi”, nghĩa bao gồm năng sở thông đến tự tha. Lại, “kích” đại bi bình đẳng, “phát” thời chúng nhất thiện “dương” (nêu cao) đại tuệ bất nhị, “động” theo ba nghiệp lợi ích. Lại, “kích” nhân đại hội xưa, “phát” lợi ích vi diệu của đương cơ, “dương” cao đại giáo của Như Lai, “động” cái cố chấp của thời chúng. Lại xin Phật đại bi nên gọi là “kích”, hỏi bày Thánh chỉ nên gọi là “dương”, khiến nghe điều chưa nghe nên gọi là “phát động”, khiến người nghe đắc quả nên gọi là thành tựu xong, theo ắt thâu hoạch ngộ nên gọi lợi ích. Tiếp, nêu Dụ: Đại quyền tượng vương ngồi dưới gốc cây pháp thân đến khi dậy đất chấn động, diễn xướng nhất thừa thật đầy đủ cơ duyên diệu hạnh. Tiếp, “Cái gọi là...” là trong Hợp nói phát khởi năm Tựa bao hàm lợi ích căn cơ chúng sinh, cho nên biết nhóm tập ắt không riêng chỉ đại quyền làm mệnh lệnh. Do nhóm tập nên hiện điềm lành. “Cho đến vấn đáp phát khởi vân vân”, thì “vân vân” là chỉ Chánh thuyết, ý Tựa đã rõ, chánh thuyết hiện bắt đầu. Cho nên, trong Tựa phát khởi vốn hy vọng Chánh tông, nghiệm biết Tựa này chưa thông nơi Bản. Tuy đứng đầu kinh Bản do biệt, mà hai chỗ phát khởi đều nơi A-dật-đa. Nhưng Tích sự thì chẳng xa, có thể nương Văn-thù. Bản lâu khó quyết đoán suy lường nên chỉ nương Phật.

“Giải thích chúng đương cơ”: cũng có Pháp, Thí, Hợp. Pháp: Do có phát khởi, đương cơ có thể thành. “Đương” là “đáng” (đọc khứ thanh), nghĩa là hợp, là thích đáng. “Túc”: là đã qua, xưa. “Thực” là chủng, nghĩa là gieo trồng. “đức” là các thiện. Là gốc của các thiện, nên nói “đức bản”. Do thiện có bản, nên được thành “cơ”. Đại quyền tác dụng lợi Thánh ích phàm. Như Lai có Tam đạt (tức Tam minh) cho nên nói xứng với chủng xưa. Lúc mới thành đạo thì hộ trì cho chúng ấy hết khổ.

Đến thời Phương Đẳng Bát-nhã, thì lo nghĩ cho cơ ấy sinh. Đến kinh này thì trước lược sau rộng. Ba chu dung nạp, dự định thâu nhiếp tất cả cho đến Bản môn thì địa vị đăng Vô cấu, không mảy may sai lầm, xứng hợp với nhân xưa đó, Trung ngã có thể phát khởi, nên gọi là "đương cơ". Nay căn cứ giải thích chúng. Hai chữ "đương cơ" đều thuộc sở hóa mà phải cơ ứng hợp luận, lý hợp nghĩa kiêm năng sở. Nay lại từ sở dĩ ứng sở hóa. "Xưa gieo trồng..." là trước giải thích chữ "cơ". "Duyên hợp..." là tiếp giải thích chữ "đương". Tiếp trong dụ "như ung nhọt" là thí dụ có căn cơ. "Muốn (ung nhọt) vỡ ra", là thí dụ có thể phát, vì Phật, đại Thánh và chúng phát khởi không mưu tính mà đè xuống. Phiền hoặc từng phần phá thì cơ duyên từng phần thuần thục, trí đức từng phần thành, pháp thân từng phần hiển. "Không khởi..." là hợp, không hợp căn cơ xưa, chỉ hợp hiện tại phát, hiện tại phát liền thành căn cơ hiện tại. Cho nên, không khởi từ nơi một tòa để xuất vô lượng tòa, mà tức thời nghe thâu tóm vô lượng để nói quy về một, đều đăng Sơ trụ, nên gọi là "đắc đạo". Đây là căn cứ thể quyết định mà luận đương cơ. Thông thâu nhiếp, chính là nhiếp lục căn ngũ phẩm.

Tiếp, "giải thích chúng ảnh hưởng": Hình tiếng của hóa chủ ắt trợ giúp bạn, do ảnh hưởng mới khiến phát khởi kích động sự theo, như vang theo tiếng bóng theo hình. Cũng có pháp, thí, hợp. Pháp: hai câu đầu nêu ảnh hưởng là Bản, tiếp "Ẩn..." nêu năng phụ (giúp) là tích. Sở phụ chỉ một, nên nói "Pháp vương". Năng phụ: giúp chỉ bày nhân, chỉ tiệm, chỉ thủy, chỉ chung, oai nghi của chúng Thánh. Chỉ nhân, nên Cổ Phật ẩn sự tột cùng mà hiện tu hành. Chỉ tiệm, nên pháp thân tiềm ẩn Viên mà hiện Thiên, Tiểu, đây đều là phụ giúp đức Thích-ca Pháp vương, phụ giúp chánh vậy. Ích Pháp nói: Tâm ngay thẳng đại độ gọi là giúp, phụ là trợ giúp. Tâm ngay thẳng trợ giúp chủ biết cơ duyên chúng sinh hiện có, nhường công chánh hóa nên nói "ảnh hưởng". Tiếp, dụ: Như dụng của sao cuối tháng độc chiếu, chỉ kiến lập công phụ mặt trăng, hiển đức sâu kín phụ giúp cho nên nói "tuy không hành tác mà có lợi ích rất lớn".

Trong Đại luận, hỏi: "Các Tỳ-kheo vì sao thường đi theo Thế Tôn?". Đáp: Như khỏi bệnh là nhờ theo thuốc, hiển công của thuốc. Đây nêu người thực hành còn có oai nghi ảnh hưởng, huống chi Pháp thân cổ Phật thị hiện hình trợ hóa. Cho nên biết bốn chúng như bệnh nhẹ được lành, Bát bộ như bệnh nặng được giảm. Nhẹ nặng đều có quyền thật ảnh hưởng.

Tiếp, "giải thích chúng kết duyên": "Kết" là kết cấu, lập khởi

đầu cho căn cơ; “duyên” tức duyên trợ, năng thành cuối cùng, là làm mầm trước cho đời vị lai tu đắc Tam đức. Không có ba lợi ích trước, cho nên nói “kết duyên”. Tức là ngoài ba chúng trước, trong hội còn có chúng này, cho nên đây một duyên gồm đủ hai nghĩa: là trợ hiện tại, trợ tương lai. Trong đó đối với ba chúng trước biện rõ không có. “Lực không có...”: là chẳng phải chúng phát khởi. “Đức không có...”: là chẳng phải chúng ảnh hưởng. “Mà quá khứ...”: là chẳng phải chúng đương cơ. Phàm là chúng phát khởi thì đều có đủ hai nghĩa: 1. Dẫn dắt đến hội sở. 2. Xin Phật thành tựu căn cơ. Pháp thân Bồ-tát đầy đủ hai dụng này, cho nên nói là “năng”. Mà chúng kết duyên thiếu sót sự thù thắng, thuận lợi kia cho nên nói “lực không có”. “Trấn”: là trấn giữ quí trọng, tức đức bên trong. “Nghiêm”: là trang nghiêm tức uy nghi bên ngoài. Đức trong đã cao, uy nghi bên ngoài ắt nghiêm chỉnh, nghiêm sức hóa sự vinh quang chủ dụng. Kết duyên thì ở nơi kia không có, nên nói “lực không có...” Lại, “trấn” để chấn chỉnh, “nghiêm” để hàng phục. Đã chấn chỉnh đã hàng phục thì hóa đạo có thể thành, cho nên nói “dụng”. Chúng kết duyên này thì tự lợi còn mỏng, đâu có chấn chỉnh hàng phục người khác được, cho nện nói “đức không có”. “Phúc lậu...”: Chữ “Phúc” đọc nhập thanh. Không có Văn tuệ, ví như cái bát đang úp xuống. Thiếu Tư tuệ, ví như cái bát đã bị rỉ. Không có Tu tuệ, ví như cái bát đựng đồ nhơ tạp. Như bát tuy để ngửa mà toàn đựng đồ bẩn, cho nên bị người dùng vứt bỏ đi. Cho nên, tổng kết nói “ba tuệ không sinh”. “Hiện đời...”: Hiện đời tuy được nghe mà không gọi là tuệ. Văn tuệ mà còn không, thì Tư tuệ, Tu tuệ làm sao có? Đây tức Thông thì chọn lục căn, ngũ phẩm, Biệt thì dòng người năm ngàn người đứng dậy bỏ đi. Những người đứng dậy bỏ đi, tuy không có ba tuệ, nhưng thâu nạp chủng tử ở tánh, được buộc hạt châu, nên biết cũng không có lợi ích theo Thế giới Tất-đàn trong quán hành vị. Cho nên, nói “không có tứ Tất-đàn lợi ích”. Căn cứ đây phân vị tứ Tất đều đủ, gọi là chúng đương cơ, nên Ngũ phẩm trước đến nay, là nghĩa Thế giới lợi ích. Lục căn trước đến nay, là Vị nhân Đối trị lợi ích. Sơ trụ trở đi là Đệ nhất nghĩa lợi ích. Vì vậy nên văn dưới cuối phẩm Tùy Hỷ còn chưa thành đương cơ Một câu một kệ cũng là chúng kết duyên đó thôi! Nhưng nghe lược thuyết thì có vượt qua một câu, một kệ. Vậy thì không luận nghe nhiều ít, hễ chưa nhập phẩm đều gọi là kết duyên. Cho nên trước năm phẩm thì không có ba tuệ bốn Tất-đàn lợi ích. Không nghe (Văn) nên không có Thế giới, không Tư nên không có Vị nhân, không Tu nên không có Đối trị, không chứng nên không có Đệ nhất nghĩa. Cho nên Đệ nhất nghĩa có thông có biệt, Thông nơi năm

phẩm, Biệt tại Sơ trụ, cho nên nói được độ cũng có thông có biệt, tức là thông biệt Đệ nhất nghĩa. Vậy thì tuy tứ Tất-đàn thì nghĩa thông, mà cuối cùng thành kết duyên vị biệt.

“Chỉ làm...” là chánh chỉ bày tướng của chúng kết duyên. “Tỳ-kheo...” là kết số làm mười sáu chúng. Nếu căn cứ Văn-thù Di-lặc thì chỉ trong chúng Tỳ-kheo. Chúng Ni tuy không có văn thỉnh pháp, văn dưới cũng có tướng thỉnh thọ ký, chỉ có hai chúng thế tục tuy không có chánh văn nhưng căn cứ theo lệ hợp có. Đã đến hội ắt được quyền dẫn dắt, hai chúng đã vậy thì tám bộ cũng như vậy. Nay từ tổng tướng chỉ nói bốn chúng, cho nên biết hễ nói “bốn chúng: Tỳ-kheo v.v...” thì sở nhiếp chưa cùng khắp. Nói “vô văn”: là không đạt đến thành tựu sâu xa.

Tiếp, “Căn cứ ba giáo...”: Bao gồm luận giáo xưa, ngũ vị truyền dẫn căn cứ trên có thể biết. “Bản tích có thể giải”: Nếu căn cứ thể dụng, thì Bản trú tôn quí cùng cực, hoặc thâm vị pháp thân. Tích là tứ Giáo nhất, mười sáu chúng. “Quán tâm” nêu vị, chọn năm phẩm làm kết duyên. Lại, căn cứ quán hạnh mà nói, cho nên dùng “danh tự Quán hạnh” mà làm kết duyên, để trong chúng đương cơ Sơ trụ liền nhập ảnh hưởng. Nên biết Sơ trụ đầy đủ có hai nghĩa: Hoặc cựu nhập, chỉ danh ảnh hưởng, cho đến nghe kinh siêu nhập hậu vị, ý cũng như vậy. Hoặc mới nhập, được là đương cơ cũng là ảnh hưởng và để phát khởi, tức như người học phát thệ nguyện hoằng kinh.

Trong câu “Nhập phần chân vị, tức thành chúng phát khởi chúng ảnh hưởng vân vân”, thì “vân vân” là: phân biệt bốn chúng này làm thành quán hạnh cao thấp không đồng, đến địa vị đây thì có khả năng làm bốn chúng đây. Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi còn được kết duyên, thế nên phải biết: không chuyên danh tự Ngũ phẩm, cho nên căn cứ Quán hạnh từ chỗ dung nạp mà giải thích. Ở đầu văn nói “nhiễu quanh” có đủ nghĩa tứ Tất-đàn, văn không nêu rõ chỉ dựa theo trên nói. “Tịnh Cư thiên...” tức Thế giới, “hóa làm giống như người” tức Vị nhân, “người lấy đó làm khuôn phép” tức Đối trị, “lễ rồi nghe pháp” tức Đệ nhất nghĩa. Từ “Tiêu biểu bốn môn” trở xuống, là căn cứ giáo. Nếu chỉ đem đương giáo mà luận chúng, thì tự có Phật trong các giáo. Nay từ “nhiễu quanh” Viên cực nghĩa biên, chính là tiêu biểu ba giáo bốn môn cơ động, động nên kiến lý. Vô Lượng Nghĩa thời vẫn là thiên tiểu can dự tiêu biểu đương nghe Viên bốn môn. Nay và xưa hướng về nhau bốn giáo nghĩa đầy đủ, nên chỉ nói theo lệ. Cho nên biết giáo xưa không phải không có bốn môn, đương giáo cơ động. Chỉ vì tiểu độn căn chưa

thông, đến đây mới gọi là “đại cơ động”. Nếu người Bản Viên đến đây mới tăng tiến thì cũng gọi là “động”. Chỉ không Biệt mà Biệt thì được gọi là bốn môn.

“Căn cứ Quán giải”: Tam giáo quán hạnh cũng như hành xoay chuyển, đều thành viên quán cũng như niệm Phật. Lại quán chỉ là niệm, dùng quán để chuyển, cho nên nói “tăng”. “Nếu quán...” là căn cứ quán để luận Bản tích. Nếu căn cứ thể dụng và lâu gần, thì: Bản trú pháp thân phi động phi bất động, Tích thì thị hiện các giáo cơ động nhiễu Phật. Giải Thích cúng dường: Cũng tại chúng kia vì nghe Kinh Vô Lượng Nghĩa, thời chúng nhóm tập mà tu cúng dường, cho nên giải thích “Nhĩ thời” không được nói thời chúng tập. Kinh kia nêu bày chúng phàm phu đều cầm phẩm vật cúng dường, có dẫn kinh Hoa Nghiêm có sự cúng dường mây từ mười phương kéo đến, cũng chưa hoàn toàn như vậy. Như “Đại Trang Nghiêm” sở hiến cúng dường, đây theo lệ tợ như vậy; như người trong nước an trí và dụng sức làm, nếu vậy thì vì sao đều nói “thiên trù...” ư ? Đáp: Theo sự thù thắng mà nói tán thán nên dùng danh “thiên”. Cho nên biết phẩm vật cúng dường của hai chúng ảnh huởng và phát khởi ắt sai khác. Chúng đương cơ và kết duyên lại phải liệu giản, địa vị không đồng cho nên phẩm vật cúng dường cũng khác. Các địa vị trên còn chẳng phải là điều mà Nhị thừa biết đến, đâu chỉ thiên cúng dường. “Nghiễm nhiên không giải tán”: nói kinh vừa xong liền nhập định kia, lúc ấy phóng hào quang trời liền mưa hoa, đất sáu điệu chấn động, lúc đó chúng thấy liền sinh niệm nghi ngờ, cho đến vấn đáp. Do đó biến đổi kéo dài “nghiễm nhiên không giải tán”. Đồng tòa lại nói, nên gọi là “vẫn”, phải hoàn toàn ý chỉ kia nên nói “không được có khác”, văn tuy rộng lược sự không có riêng biệt.

Hỏi: Trong ba nghiệp, thì hai nghiệp về sự đã xong, ý nghiệp như thế nào?

Đáp: Nói Chuyên chú là nói thông sự biệt. Nếu do từ đầu đến cuối chuyên chú do đó mà sinh niệm nghi thì ý chưa dứt. Nếu lại dùng thân khẩu tán thán cúng dường, thì một kỳ hạn việc xong, ý đủ hai thứ đây không thể nhất hướng.

Giải thích: “Tựa hiện tướng”: Trong đó ba phen trước chỉ bày văn, tiếp phá xưa trong đó trước chỉ bày xưa, tiếp nay... là lược phá, nhưng cũng theo văn kia vẫn phá nghĩa kia, nghĩa tức tiêu biểu báo. Nói “tiêu biểu báo” thì: “thụy” là năng biểu, biểu tức báo. Nói “chưa rõ”: Quang Trạch tuy tức kia đây đồng có sáu, đều nói ba cặp mà hoàn toàn không có sở biểu, cho nên biết: nói “động tĩnh” thì rất cạn, nói “trên dưới” đã

rõ ràng, huống chi trong lòng hoan hỷ không chỉ nhìn thấy ánh sáng, vậy nên nay không còn lập xưng kia, huống chi độ người quán lý đâu phải không có giáo. Do đó tướng lành dự báo khiến biết đương thiện, cho nên trước chỉ bày điều đặc biệt tỉnh ngộ loài hữu tình, gọi là "biểu báo". Nhưng chúng đã chưa biết rõ, nên quyết ở Văn-thù, Văn-thù đã biết nhất định khởi, sở thuyết không ra ngoài một nhiều tương tức, từ nhân đến quả cảm ứng đạo giao, cho nên dùng ba cặp mà trước biểu báo. Đã liệt kê giáo đầu tiên, thì giáo phải khác thường, trên dưới... nói sự thì dễ hiểu, đâu cần Văn-thù trù trừ Di-lặc ân cần? "Ba, Nay nêu rõ..." là ba phần trong Chánh giải thích: 1. Lược nêu giải thích, 2. "Đây sáu..." biện rõ hai thứ danh đồng khác. 3. "Lược nêu..." dùng điềm lành đối diệu. Đầu văn: trong sáu thứ trừ thuyết pháp còn lại năm thứ đồng thời; tuy lại khác đồng mà chung hiển theo một hướng, nhưng trong sáu tuy trước hai sau hai chính là thời chúng, lấy giữa hai làm tiêu biểu, chánh tại nhân quả. Do đó hoa tiêu biểu chân nhân địa, bao gồm phân biệt quả. Lại nói hiển lộ từ nhiều định, chính là mật ý từ nơi chốn, căn cơ Viên giáo đương phát Viên ứng chiếu. Cho nên biết sáu điềm lành đều khác với các kinh không đồng với Quang Trạch. Tiếp, nêu trong phần nêu đồng khác, trước dẫn văn nêu đồng, từ "Nhân tình phân biệt" trở xuống: biện rõ khác, tuy dùng cái khác làm tướng, biểu báo làm điềm lành, mà Khác với tướng lành bản báo diệu lý, theo nghĩa đồng mạnh lại có văn làm chứng, cho nên thuận nhân tình thì chưa gọi là tận lý. "Huyền": là sắc đen nghĩa đồng ẩn khuất. "Di" tức sâu. "Nói điều đó rất khó...": chư Phật xuất thế vốn vì Phật thừa, hơn bốn mươi năm giữ trong tâm, Viên âm sắphưng khởi, lo lắng chúng không tôn trọng. Lại nữa dùng điềm lành mà nâng cao lên khiến mọi người hâm mộ, tín sinh thì nghi đều trừ, hiểu rõ ràng.

"Biểu báo thập diệu": Nếu căn cứ theo văn trước, thì chỉ ứng biểu báo Tứ nhất mà thôi. Do văn Tứ nhất lược thuận với Quang Trạch. Nếu chuẩn đúng, khiến văn rộng thì vô lượng lược thì chỉ mười, lược tối đa thì chỉ có thể nói biểu nhất thừa. Nay tuy nói lược, nhưng chính là thành ở giữa (trung bình). Lại, "thập diệu": Kinh này dã dùng diệu báo đẻ giải thích điềm lành (thụy), diệu nghĩa đã mười sáu sở biểu, đạo lý cũng như vậy. Cho nên, cận thì biểu Tích, viễn thì biểu Bản, đầy đủ như Huyền Văn khai hợp. Nếu lại tiêu biểu tích thì cũng như Huyền Văn dẫn kinh nói sáu điềm lành. Nói: "trong Cảm ứng đã nói" tức sợ lầm văn. Huyền Văn liệt bày trong thần thông vi diệu, "nay lại nói" là vì biện rõ sai khác, nên lại nói lần nữa. Nay biên chép đầy đủ Huyền Văn

thần thông vi diệu, đối kinh nay biện rõ riêng biệt, vì mỗi mỗi đều có nguyên do. Huyền Văn nói: “Đất đều nghiêm tịnh” là tiêu biểu Lý diệu, “Giữa mày phóng quang” là tiêu biểu Trí diệu, “nhập Tam-muội” là tiêu biểu Hành diệu, “Trời mưa bốn thứ hoa” là tiêu biểu Vị diệu, “gió hương chiên đàn” là tiêu biểu Thừa diệu, “bốn chúng có nghi” là tiêu biểu Căn cơ diệu, “thấy tám ngàn cõi” là tiêu biểu Ứng diệu, “Cúng dường” tiêu biểu Cảm ứng diệu, “đất động” tiêu biểu Thần thông diệu, “trống trời” là tiêu biểu Thuyết pháp diệu, “chúng hoan hỷ” là tiêu biểu Quyến thuộc diệu, “tu hành” là tiêu biểu Lợi ích diệu. Huyền Văn thì chung thâu gió hương, đất tịnh sáu điềm lành kia đây, cho nên khắp chọn lựa. Nay văn không liệt kê văn nói về cõi khác, cõi đây tự đầy đủ. Phàm các văn được dùng đều có thông biệt, huống chi gió hương, đất tịnh chỉ là khai hợp. Đến dưới giải thích văn lại có liệu giản. Lại, trong các cõi khác. trên Thánh dưới phàm nghĩa đồng cảm ứng, nhân pháp lại cùng thuyết pháp nghĩa đồng, chỉ trong phần từ đầu đến cuối thì cuối đồng ứng dứt, Bồ-tát hành hạnh lại đồng nhân quả, cho nên văn nói về hành hạnh thì rộng, tổng nhiếp Tiệm. Phàm sở biểu ngữ ý đều bao gồm rộng lớn, vì vậy cho nên văn dưới nhiều phen giải thích. Từ xưa đến nay các giải thích đều không có ý như thế. Các điềm lành như ánh sáng v.v... mà lạm dụng nghi ngờ, trả lời không thật, trạng thái như sáng rực rỡ thời chúng đâu khác quỉ thần thần thông ngoại đạo. Cho nên, một nhà giải thích điềm lành ắt có sở biểu. Vậy thì, đại sự đại nhân tác đại cảm động, đại cơ đại ích hiển bày đại lý, phải cần đại quyến thuộc để phụ giúp đại hội, đều cảm đại thời đại vận thạnh thục. Tự mình chẳng phải ở Linh sơn cùng thọ bẩm, thế thì Thế Thân sao có thể khế hợp, sao có thể so sánh! Trong phần “Giải thích điềm lành thuyết pháp” lại phân chia kinh làm bốn: 1. Trình bày thể của pháp thuyết. 2. Liệt kê danh trên thể. 3. Nói rõ sở y của Bồ-tát. 4. Nêu sự hộ trì của Phật. Văn đầu tiên: trước lược dẫn kinh giải thích. Tiếp, “Nay đem...”: dùng thập diệu. “Sớ kinh...” là Lại đem năm trong thập diệu thuộc Tích môn đến. Chữ Sớ: có âm đọc là phiên thiết của hai chữ Sắc và Dụ, có nghĩa là trang nghiêm trang sức, đã dẫn kinh kia để trang sức đây khiến thành nay vi diệu. Do thiện giới kia chỉ từ tự hành nhân quả cho nên không có năm thứ còn lại, pháp đại cảnh. Thông là giáo pháp, Biệt dùng bộ Tì-Phật-lược trong mười hai bộ, là Phương Đẳng lý tâm giải trí, tịnh nghiêm hành. Tịnh nên đầy đủ bảy tức thủy chung hành, là thời vị, cũng là thủy chung vị, đầy đủ ba pháp vi diệu này. Do vì có nhân, quả sao lại không có chỗ? Cho nên chỉ có năm thứ trước ắt bao gồm năm thứ sau, huống

lại chỉ đo nhân quả danh đồng, nghĩa lý còn biệt, gồm riêng khai..., tư duy có thể biết... Huống chi tam kỳ nghĩa liên quan đến Tam tạng, số có đại Tiểu cho nên khiến như vậy.

Hỏi: Dùng thập diệu để giải thích kinh, chính là thành thô diệu không thể biệt?

Đáp: Từ một phía danh đồng thì có thể đối thập diệu. Nếu từ Tựa tiêu biểu thật, thì như đã hỏi, cho nên phải biệt giải thích để đối với văn Tựa. Tiếp, liệt kê danh trên thể, trước đã phá ý kiến xưa. Thiệp Pháp sư nói: Luận về chọn các tên của kinh, thì có mười bảy, Từ Ân rộng giải thích chính là quá phần. Nay trước phá quan điểm của hai Pháp sư Sinh và Quán, trong đó trước là thuật lập luận kia. Tiếp, "Nếu vậy..." là nay văn nạn vấn: Bát-nhã và Tịnh Danh vô tướng không phải Tựa, đâu được dùng vô lượng vô tướng làm tựa? Tiếp, ý bào chữa: Năm thời tương sinh thứ lớp sai biệt, tuy đều vô tướng trước sau có sai khác, sau hai kinh mới Vô Lượng Nghĩa, sau vô lượng nghĩa mới Pháp Hoa, nên chỉ vô lượng làm tựa Pháp Hoa, hai thứ còn lại vì xa nên nghĩa Tựa không thành. Từ "Nếu vậy" trở xuống: lại nạn vấn, bắt đầu từ sau Hoa Nghiêm về sau giáo khởi cho đến Pháp Hoa. Đây là cách thông thường, sau khi kinh trước sinh thì mới thành thứ lớp, lần lượt làm tựa cho nhau nghĩa biệt không thành. Nếu các kinh không như vậy, thì đâu riêng Vô Lượng Nghĩa làm biệt Tựa của Pháp Hoa? Tiếp, Cơ sư lập luận không khác hai sư Sinh và Quán, phá thì như trước đã nói. Tiếp đến là Ấn sư, Ấn sư thọ nơi Long sư, Long sư thọ nơi Viễn sư, sở chấp đã đồng phá lập cũng đồng. Nói "Vô tướng thiện có nghĩa thành Phật", ý nói: mười hai năm trước là hữu tướng giáo chẳng phải nhân thành Phật, chỉ vô tướng thiện có nghĩa thành Phật, ý nói: đến trong Pháp Hoa, hết thảy đều thành Phật đạo. Cái gọi là "nghĩa": là có thể thành. Cho nên dùng nghĩa thành Phật làm tựa của kinh Nhất thừa. "Lại nói...": nếu vậy, Phương Đẳng Bát-nhã cũng nêu vô tướng, thì cũng nên dùng Phương Đẳng Bát-nhã làm Tựa của Pháp Hoa? Ấn sư ngăn chặn và hàng phục vấn nạn này, cho nên lại thuật Vô Lượng Nghĩa cùng Đại Phẩm đối biện. Vô tướng trong Đại Phẩm còn nói có ba không ba, vô tướng trong kinh Vô Lượng Nghĩa không nói có ba không ba. Cho nên Đại Phẩm vô tướng không phải là kinh Vô Lượng Nghĩa được nói đến trong Pháp Hoa, vì kinh Vô Lượng Nghĩa chưa phiên dịch. Đây có ba lỗi: 1. Lầm giải vô lượng nghĩa nói: không thuyết có ba không ba. 2. Lỗi Vô Lượng Nghĩa chưa dịch. 3. Lỗi vọng phá cổ Sư lấy Đại Phẩm làm Vô Lượng Nghĩa. Nhưng lỗi đầu: Vô lượng nghĩa kia đã nói hai, ba từ vô tướng xuất, sao

gọi là khác nhau giữa có nói và không nói có không? Tiếp, "Nay nói..." là văn nay phá: chỉ phá lỗi thứ hai, còn lại hai có thể biết. Cho nên trình bày đầy đủ kinh đến niên đại phiên dịch, chú thích Tựa kinh Vô Lượng Nghĩa rằng: Kinh Vô Lượng Nghĩa đây tuy đầu Pháp Hoa biên chép danh mục kia mà giữa hạ chưa thấy, thường đến giảng bài, chưa từng không phế bỏ luận bàn mà tán thán. Chợt có Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở núi Võ Đang từ Ngụy đế Diêu Tần Lược từ tử (con). Lược là Trường tử, nhân vì quân Tấn đâu có được lặng yên. Dưỡng là giả tử, liền bỏ đi xuất gia cần khổ cầu đạo, đều ở Kiến Nguyên ba năm, đến chùa Triều Đình ở Quảng Châu gặp Đàm-ma-gia-đà-da-xá, muốn truyền kinh này, Biểu bèn đến thỉnh chỉ được một bản. Vẫn trở lại Vũ Đương, đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba ngày mười tám tháng chín mới lưu truyền ở đời. "Kinh đã đến như thế", thật đáng cười ngài Ấn sư nói Vô Lượng Nghĩa chưa dịch!

Tiếp, "Đả phá ý của Quang Trạch": cũng trước dựa vào ý của kia lập tức là: do Vạn Thiện Đồng Qui cùng Pháp Hoa vẫn có hai cái khác nhau. 1. Đồng qui chẳng phải không hai không ba. 2. Đồng qui chẳng phá ba cùng một. Tuy có hai cái khác do Đồng Qui nên có thể thành hai thứ đây, cho nên dùng Vạn Thiện Đồng Qui làm tựa cho nghĩa không hai, không ba v.v... "Nếu nói..." là trước phá câu đầu. Hỏi: Vạn Thiện Đồng Quy trong Vô Lượng Nghĩa, đâu khác Pháp Hoa nói không có hai, ba? Hai chỗ nếu đồng phá thì đều phá, qui thì đều qui. "Hai, ba...": là kết nạn vấn. Tiếp, "Nếu nói...": là phá câu kế tiếp, trước thì nêu Vô Lượng Nghĩa kia nạn vấn Pháp Hoa, nay thì nêu Pháp Hoa kia nạn vấn nơi Vô Lượng Nghĩa. Ý nạn vấn: là trước phá lời còn lược, phá ba chính là phá hai phá ba, cho nên nay nói "phá hai phá ba", chỉ thêm cho một khác ở câu trên, cho nên trước muốn phá dùng nạn vấn đồng qui, nên nói "Vì sao không phá Vạn?". Tiếp, "Phá hai...": song nêu hai nạn, đầu nạn chỉ có Chánh không có Tựa. Phá tức là không có, nên phá hai, ba, là không có hai, ba. Trong văn, lời đã lược. Cũng lại nên nói: Nếu phá hai, ba thì tức là phá vạn, tức kia phá vạn, vậy thì không có Tựa. Nếu lấy cúi đầu giơ tay làm vạn thiện, thì hai, ba còn không có, vạn thiện làm sao có? Nếu kia đều không có Tựa, thì nghĩa sao tồn tại? Tiếp, "Thủ kinh..." tức ví phỏng nạn. Nếu nói hai kinh đều qui đều phá, thì chỉ vì kinh này nêu phá, kinh kia nêu qui. Nay cũng phá nói không thành sai khác. Đã nói xen lẫn nêu qui ắt có phá, phá ắt có qui, xen lẫn nêu một bên đâu được gọi là khác? Tiếp, "Ý khác...": kết nạn. Phàm nói Tựa, thì phải khác Chánh tông, sai khác lại tiêu biểu đồng thì mới có thể gọi là

Tựa. Khác và đồng đã lẫn lộn, thì nghĩa Tựa như thế nào? “Lưu Cầu...”: là phá chú gia, cũng trước y sở lập kia. Tiếp, “Nếu bao hàm...” là phá kia không lượng tính, cùng vô tướng kia tự nói trái nhau, cho nên đem điều không lường tính kia nạn vấn vô tướng kia. “Dựa vào các sư...”: là tổng xem xét phá: Trước là tổng phá. Tiếp, “Nếu nói...” là bỏ chọn, phá Tựa không thành là bỏ, phân biệt thuộc phương tiện là chọn. Đầu tiên phê phán Ấn sư, trước đối với vô tướng kia, huống lập hữu tướng phán định nhập Tam tạng! Tiếp, “Nếu nói vô tướng...” là chính phê phán Ấn sư. Tiếp, “Nếu nói...” là phá chú gia (nhà giải thích). Hai thứ đây đã vậy, còn lại theo lệ có thể biết. Cho nên điều mà các nhà giải thích nói thì không ngoài ba giáo, nên chỉ quyền giáo thông gọi là tha. Tiếp, “Nếu Pháp Hoa luận...”: nay văn giải thích luận. Đã nói Pháp Hoa là tên khác của Vô Lượng Nghĩa, cho nên biết: Vô Lượng Nghĩa cũng là tên khác của Pháp Hoa, thì trong Tựa lập danh đối với lý không có lỗi, trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa để làm Tựa của Pháp Hoa xong. Lại dựa theo ý luận, tức là trước nói tên khác của Pháp Hoa, trở lại nhập diệu định Pháp Hoa. Nếu vậy, thì trước đã nói xong, nay cần gì nói lại? Đáp: Trước đã nói kinh rõ ràng thành Tựa, lập lại danh nghĩa kia bao gồm Chánh tông cho nên khiến luận dẫn đây là tên khác, danh nghĩa cả hai gồm Tựa và Chánh tông cả hai đều được.

Tiếp “Đại Phẩm...”: dẫn chứng trong Tựa lập danh không lỗi. Cho nên kinh Đại Phẩm phẩm Tựa nói: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nay đây đã hiện tại vì các Bồ-tát mà nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa”. Kinh Kim Quang Minh phẩm Tựa nói: “Kim Quang Minh là vua của các kinh”. Kinh Niết-bàn, phẩm Thuần-đà tự trình bày rằng: “Con nay có trí tuệ nông cạn đâu có thể tư duy nghĩa Như Lai Niết-bàn”. Kinh xưa, văn đây vốn thuộc phẩm Tựa, Tạ công sửa lại quyết định mới thêm tên phẩm Thuần-đà, Ai Thán. “Lại nói...”: lập lại dẫn, khác danh đồng danh đều trong tựa xướng. “Nay xét...”: là dựa kinh lập lại giải thích tên Vô Lượng Nghĩa, để chứng thành tựa, trước liệt kinh văn để biện rõ ý này. Tiếp “Lại nữa...” là dùng Vô Lượng Nghĩa đối Phổ Hiền Quán để phá cựu sư. Văn đầu tiên, trước nêu năng sinh, tiếp “Cái gọi là...”: là nêu sở sinh. “Nay giải thích...”: trong giải thích có Pháp, Thí, Hợp. Đều giải thích Vô tướng trên.

Hỏi: Trong kinh cũng dùng Vô tướng để giải thích, thế thì cùng các sư khác đâu có gì sai khác mà phải khổ công phá họ?

Đáp: Không đồng các sư khác, vì xưa dùng sở sinh vô lượng làm vô tướng. Kinh thì dùng năng sinh nhất thật làm vô tướng, từ thật sinh

các các gọi là vô lượng, vô lượng là tướng, sao gọi là Vô tướng? Cho nên, kinh nói: “Nói vô lượng ấy, là từ một pháp sinh”. Thế nên không đồng với xưa nói sở sinh vô tướng.

Chú thích: chỉ nói bao hàm pháp không lường, chỉ đắc sở sinh mất năng sinh. Kinh từ năng sinh đối sở dùng làm đề mục. Các người, Sư đem năng làm sở để giải thích đề mục. Cho nên nói: “Từ thật tướng này sinh vô lượng pháp”, nên nay lại giải thích năng sinh. Cho nên, biết: năng sinh trung đạo thật tướng và thật tướng mà kinh này nói, thì không sai khác. “Hai pháp tức là” trở xuống, là lại giải thích sở sinh vô lượng. Tuy nói nghĩa sở sinh bao gồm năng, mà theo nhiều đặt tên sở. “Đốn, nghĩa là...”: tức trong bộ đốn có đủ tiệm đốn năng sinh sở sinh, cũng chỉ sở sinh nên nói tất cả pháp trong đốn. “Tiệm, nghĩa là...”: tiếp nêu Tam-muội, trong Tam-muội đây cũng có năng sở, căn cứ theo đốn có thể biết...

“Tam đạo...”: Trong đây ba, bốn cũng đầy đủ năng sở, Viên Bồ-tát và Phật dùng làm năng sinh, ba Bồ-tát hai Nhị thừa lấy làm sở sinh, cho nên ba, bốn nhiếp pháp cũng khắp, theo lệ như tiệm đốn cũng đầy đủ năng sở, vậy thì lý nhất thực đều từ các giáo lưu xuất, trong kinh Vô Lượng Nghĩa thuật ý kia. Cho nên trong tam thừa thì nhị thừa bao hàm bốn, Bồ-tát gồm ba. Nếu tạo ba, bốn nghĩa thì thông bốn giáo như trước sở đối, nếu tạo ba, bốn đều là sở sinh thì Bồ-tát và Phật chỉ tại ba giáo, từ giáo phán quyền. Huyền Văn lại dùng bốn đức Phật làm bốn quả, thì Viên Phật là một mà sinh ba quyền. Năng sở tương đối, nên nói bốn đức Phật, vậy thì Bồ-tát danh thông đối nghĩa không lỗi. Cho nên đối độc nhất mà sinh kiêm nhất, tư duy có thể thấy. “Các pháp như thế...”: lại kết sở sinh để chỉ bày năng sinh, năng sinh biệt danh của Nghĩa Xứ Pháp Hoa, sở sinh vô lượng làm Tựa của Pháp Hoa, cho nên một danh trong Tựa nghĩa kiêm hai hướng. Nhưng nên biết từ một để xuất vô lượng, tuy nêu năng xuất mà thông đều thuộc tựa. Nếu vô lượng nhập một thì tuy liên quan sở sinh mà thông đều thuộc Chánh, cho nên nghĩa xứ một pháp cũng thành hai hướng, Nghĩa-xứ xuất sinh thì thuộc Tựa, Nghĩa-xứ thâu hội thì thuộc Chánh, tức từ một nghĩa xứ trở xuống hai câu văn là hai ý kia. Cho nên Phật nhập Nghĩa-xứ, nghĩa kiêm hai cách. “Thí dụ, Tựa như...”: từ một xuất nhiều, Chánh như trừ từ nhiều qui một. Cho nên biết giáo xưa thuyết pháp theo căn cơ làm lợi ích chúng sinh, như dùng tiền mua vật, mà đều chưa biết đại số kia. “Từ một...” là hợp dụ. “Như đây...” là kết năng sở trước để thành hai giải; năng sinh không trái luận, sở sinh không trái kinh, chỉ y hai giải thì lý kinh luận tồn tại.

Hiểu giải thích đã vậy, được ý thì sao? Tức sở sinh là năng sinh thì mới là tên khác, nhà năng sinh là sở sinh, đây mới thành Tựa. Nếu chuyên thì năng đâu khác Sinh sư... và một Viên xưa, nếu chuyên luận nghĩa sở sinh thì đâu khác các nhà chú thích và ba giáo xưa, vì vậy thãy đều tồn tại như cũ thành hai lỗi. Cho nên, các kinh gia nay năng sở phụ thuộc nhau, hai nghĩa đều lập. Nếu chuyên Tựa, thì Pháp Hoa về trước chẳng những chưa luận "hội nhiều qui một", cũng chưa từng nói "từ một xuất nhiều", cho nên Vô Lượng Nghĩa chỉ có ở Tựa kinh này.

"Lại nữa..." là dùng hai văn trước sau đối phá xưa. Đây chẳng phải chánh phá, mà các sư Quang Trạch v.v... nói trong những văn khác: Kinh Pháp Hoa không nêu rõ thường trú, nay nhân nêu Vô Lượng Nghĩa Tựa khác, tiện cứu kinh Pháp Hoa Chánh thường. Kinh Vô Lượng Nghĩa ở trước Pháp Hoa, kinh Phổ Hiền Quán ở sau Pháp Hoa. Tựa, kết đều thường đúng, đâu có gì khác, vì sao lại nói thần thông diên thọ là vô thường? Cho nên dẫn kệ kinh kia nói: "Như Lai thanh tịnh diệu pháp thân...", đâu chẳng thường ư? Nói "bách phi": kệ kia nêu ba mươi bốn phi lấy làm khuôn mẫu, các phi căn cứ theo lệ có thể biết. Đây nêu rõ tánh pháp thân lìa các phi, cho nên tổng nêu bách (một trăm) phi. Nói "tuyệt tứ ly bách" cũng thông sâu cạn, mỗi mỗi so sánh, nay ưng theo kinh Thâm Quán nói bốn Ba-la-mật. Kinh nói: Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na, Biến nhất thiết xứ, trú xứ của đức Phật ấy tên Thường Tịch Quang. "Thường Ba-la-mật" sở nhiếp thành xứ, "Ngã Ba-la-mật" sở an lập xứ, "Tịnh Ba-la-mật" diệt hữu tướng xứ, "Lạc Ba-la-mật" bất trú thân tâm tướng xứ. Đã dùng bốn thứ này thành thân thành cõi, vậy trước lý hợp thân thường cõi thường, cho nên Đại sư xét kỹ tổng quát năm thời thảy đều có kết đầy đủ như Huyền Văn. "Các vấn nạn khác..." các ý kiến khác vấn nạn nay, trong Tựa năng sinh đã nêu thường trụ thì Tựa đã là Chánh, Chánh cần gì nói? Nay lại chất vấn rằng: Tựa và Chánh đều thường, về lý thì đâu có lỗi? Lại liệt nêu các người khác lạm dụng dẫn nói: "Ví như trong kinh Tịnh Danh Tựa nói thường, Chánh không nêu thường tức là vô thường, cho nên đem Pháp Hoa theo lệ như kinh kia, lẽ ra kinh Pháp Hoa Tựa thường thì Chánh nên vô thường". Nơi khác nói kinh Tịnh Danh Tựa thường Chánh vô thường. Là kinh Tịnh Danh ở phẩm Đệ Tử quở trách A-nan rằng: "Thể Kim-cang đang có bệnh tật gì?" cho đến "thân Phật vô vi không số bị chi phối bởi các quy luật". Người xưa cho rằng phẩm Đệ Tử và phẩm Bồ-tát đều thuộc Tựa. Lại chấp Thông tựa tán thán đức Bồ-tát, tin sâu kiên cố cũng như Kim-cang, nay cũng hỏi ngược lại: Nếu

dùng Pháp Hoa sánh với Tịnh Danh, thì cũng nên dùng kinh Niết-bàn theo lệ như kinh Tịnh-danh, thế thì kinh Niết-bàn Tựa thường Chánh vô thường. Cho nên biết chỉ có thể dùng kinh Tịnh-danh chiếu theo lệ kinh Niết-bàn, Tựa Chánh đều thường. Ông tự không hiểu tông thể của Tịnh Danh, nghĩa là Chánh vô thường mà làm ước lệ. Nên biết Tịnh Danh thì cũng Tựa thành Chánh đều thường, nên trong phẩm Vấn Tật nêu Đệ nhất nghĩa không, Không tức thường, phẩm Bất Nhị Pháp Môn chánh nêu Trung đạo thường, phẩm Bất Tư Nghì nêu dụng của thường, phẩm Quán Chúng Sinh và phẩm Phật Đạo thì dùng Không và Giả để hiển bày Trung, phẩm Hương Tích Phật nói rõ thể của cơm thơm là thường, phẩm Bồ-tát Hạnh trở đi thì chủ ý nêu thường. Cho nên, biết Chánh tông từ đầu đến cuối đều thường. "Nay luận..." là kết nạn vấn. Nếu như vậy, thì các bộ đâu có gì sai biệt? Đáp: Nói Tựa và Chánh đều thường, từ lý cùng cực mà nói, nếu phải biện rõ sai khác năm thời tự phân, đầy đủ như Huyền Văn quyển một nói. Nếu vậy thì Tựa và Chánh có gì sai khác? Đáp: Mỗi phần đều có cái tinh tế riêng của nó. Lại luận trong Tựa kinh đây tuy thường nhưng chưa nêu hội sở, trong Chánh phải do hội sở thì mới thường, ngoài thường ra không có Tựa Chánh khác mà lại biệt. Các kinh khác theo lệ đều có cái tinh tế của kinh đó.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3
(Phần Thượng)

“Giáo Bồ-tát Pháp” nêu rõ nhân người sở y. Từ đây trở đi vẫn kèm (đới) danh khác để giải thích, nên thêm dùng “xứ”. “Xứ” là một pháp năng sinh, một pháp chỉ là tướng cứu cánh, cho nên nói “đế lý”, đế lý mới cùng Pháp Hoa không sai khác, cho nên Đức Phật Đăng Minh tán thán kinh Pháp Hoa cũng gọi là “Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. “Cho nên được dẫn...” đều khiến các văn lấy đó làm chứng, chứng nghĩa xứ. Do đó, tên kinh nơi Tựa chỉ nói Vô Lượng Nghĩa thôi! Vì kiêm Chánh nên “Giáo Bồ-tát Pháp” thêm “xứ”. “Thủ... Tam-muội” là đến Thông giải thích khiến hai “Xứ Nghĩa” đều cùng có ở Tựa và Chánh. Gia Tường nói: “Đây có hai nghĩa: 1. Thật tướng gọi là vô lượng. 2. Thật tướng sở sinh gọi là vô lượng”. Nay nói tên “Vô lượng” có thể gọi là sở sinh, xưng “Thật tướng” nên coi là năng sinh. Tuy lập năng sở mà đều gọi là “Vô lượng” thì chưa thể được, nếu đối pháp khác gọi là năng sinh gọi là thật tướng, đây thì có thể được. Chỉ giải thích ý Tựa như vậy thì đều không đúng. Kinh tự giải thích nói: “Vô lượng nghĩa từ một pháp sinh, sinh tức sở sinh một pháp, năng sinh tức thật tướng”. Xưa nay người tài giỏi sao được dùng năng sinh giải thích? Cho nên luận nói: Đây là lúc Như Lai muốn nói pháp đến chỗ thành tựu. Vì nói “muốn nói”, thì chẳng phải tức hoàn toàn giống. Nếu hoàn toàn giống, thì tức là “đã nói”, cho nên luận tồn Tựa, mới nói rằng muốn nói. Ý kiêm nơi Chánh, tức làm tên khác. Luận hai đường kia nay giải thích-căn cứ theo kia, cũng thuận hạ văn Tam-muội làm tán thán. Nếu sở nhập Tam-muội chỉ y sở sinh liệt danh thì nên chỉ nói vô lượng. Cho nên biết tên kinh văn tại sở sinh, ý kiêm năng xuất, thì sở nhập Tam-muội nghĩa ắt song hợp. Do đó trước hiểu, luận nói: Muốn nói kinh này thì phải trước nhập định này. Nay từ kinh tiêu biểu biên hạn, lại dùng nghĩa xứ tán thán, và dẫn văn chứng hoàn toàn tại kinh này. “Phật hộ niệm”: Quả nhân (người) sở hộ, đã là năng sinh Vô lượng nghĩa xứ, lại là Phật sở chứng

đắc, lẽ nào Phật sở chứng mà không phải thật tướng? Cho nên dẫn tự trụ mà lấy làm chứng. Xưa chưa nói, nên gọi là "hộ", căn cứ pháp căn cứ cơ đều "hộ niệm". Từ "Tuy muốn" trở xuống là nêu rõ ý hộ niệm, bản ý Phật muốn chỉ nói năng sinh, cho nên nói Vô Lượng Nghĩa mà thời cơ vẫn chưa phát, ẩn mà không nói, cho nên nói "hộ niệm". "Cho nên Vô Lượng Nghĩa..." nói một hộ niệm cũng thành hai hướng. Chỉ vì kinh kia văn tuy nói "từ một xuất nhiều", chưa nói "từ nhiều qui một", cũng là tướng che chở, gọi là "hộ niệm". Nếu không vậy, thì đã thuyết Pháp Hoa sao gọi là Tựa. Do vì chưa nói, nên nói "tuy muốn khai thị...". Do chưa nói nên "hộ", chưa tùy thích nên "niệm". Nói " Im lặng lâu "là từ xưa đến nay, tóm lược ý đây tư duy có thể biết. Nếu chỉ từ sở sinh chẳng chuyên Phật hộ niệm, thì tại xưa Thông thuyết không thời nào không như vậy. Cho nên Pháp Hoa luận nói: "Liên hoa" có hai nghĩa: 1. Ra khỏi mặt nước. 2. Mở bày. Kia như Hoa ra khỏi mặt nước, đây như Mở bày, do đó vẫn gọi là "liên", cho nên, "hoa" chỉ có sai khác là chưa nở sẽ nở ra.

"Giải thích nhập định": trước nêu định sở nhập, tiếp nêu thân tâm năng nhập. Trong phần đầu có ba: 1. Kết ý nhập. 2. Từ "Phi thiền..." : giải thích kết ý. 3. Từ "Người nghi..." : giải thích nghi. Kết ý nhập: Lại căn cứ kinh kia và định kia mà tương thành, lý có thể thấy. Tiếp, Giải thích kết ý, lại có hai: Đầu, nêu dụng của định tuệ, xen lẫn có giúp đỡ lẫn nhau đều có lực dụng. Tiếp, nêu tương tức, tức thể của định tuệ. Đầu, "tương thành": "trước nói, sau định" là từ Tựa mà nói, "trước định, sau nói" thì như phần giải thích nghi bên dưới. Quả vị Đức Phật ắt không có trước sau, vì thuận nghi thức giáo hóa mà hiện có trước sau, xét kỹ mà luận thì thể kia tương tức. Tiếp, lập nghi: Lại y Tựa hỏi: Phàm các nghi thức giáo hóa đều "trước định, sau nói", trong đây sao lại dùng trước nói sau định? Trong phần đáp, trước thuận ý hỏi, đáp là nghi thức thông thường của Phật, tiếp, trình bày định ý, muốn nêu một định mà nghĩa phân hai cách. Tiếp, "Thuyết kinh này....": thuật làm ý tựa, thời nay, vì sao "trước nói, sau định"? Nghi thức thông thường thì thuyết rồi thì hội chúng đáng lẽ giải tán, cho nên lại nhập định đây để chấn chỉnh hiện chúng, chúng đã không tan được gọi là Tựa nay. Tiếp, "Vì sao..." là thuật làm Chánh ý, do nghĩa trong một định bao gồm hai ý. Ý tuy lại có hai: mà chúng lúc ấy chỉ thấy sau khi nói kinh Vô Lượng Nghĩa, Phật liền nhập định, không biết sở nhập gọi là định gì! Không biết sau định thì Phật nói pháp gì! Cho nên người kết tập lại phù hợp ý chỉ của Phật thuật lại kinh mà Phật đã thuyết, chỉ nói "Vô Lượng", thuật

sở nhập định tức thêm "Xứ". Hoặc từ Nghĩa Xứ để xuất Vô Lượng, hiển thành ý Tựa. Hoặc thâu Vô Lượng để nhập Nghĩa Xứ, mật thành Chánh tông; tuy thêm Nghĩa Xứ nhưng chúng cũng chẳng ai biết. Nói "Nếu theo thứ tự..." cũng là thuận với nghi thức giáo hóa mà biện rõ định trước sau, tức dùng không thứ tự mà luận thứ tự, đối với Phật nội chiếu đâu có thể phân biệt giải bày. "Nếu nêu rõ văn...": nghĩa là Như Lai lúc bấy giờ không trước chỉ bày thể định, cho nên khiến Di-lặc siêng năng đặt câu hỏi, chính là kinh gia đối trong Biệt tựa, vả lại che Biệt để theo Thông.

Hỏi: Như Đức Phật Đại Thông Trí Thắng sau khi thuyết pháp thì nhập định, gọi là định gì?

Đáp: Văn tuy nói chung: "Tĩnh thất nhập định", nhưng lẽ nào sau khi nói Diệu Pháp, lại nhập định khác ư?!

Hỏi: Đức Phật nay sao không chuẩn theo Đức Đại Thông Trí Thắng, cũng "trước nói, sau định", vậy thì đều dùng thuyết trước khi khai định, hay vì thuyết sau khi hợp định, làm Tựa?

Đáp: Đức Phật kia nhường Vương tử kết duyên, nay đức Phật chỉ La-vân thông hóa, nghĩa kết duyên đồng thông hóa đâu có ngăn ngại. Cho nên khiến Phật nay Tựa định kiêm Chánh, liền thành trước định sau nói. Trí định tương thành thì trước sau tại đâu? Nếu vậy thì đức Phật kia trước định lẽ nào không bao gồm hai? Chuẩn theo có nghi niệm thì kia và đây đều như vậy.

"Di-lặc..." : "ân cần" là chỉ bốn phục nghi, "lần lửa bền bỉ" là chỉ bốn phục nạn, đều kéo dài đến bốn lần, nên gọi là "ân cần", chữ "lần lửa" nghĩa như bền chắc. Hai quyết định đều được làm Tựa, cho nên nói "nghĩa kia chuyển rõ". "Thân tâm..." là nêu thân tâm sở y: Trước là nêu duyên do bất động, do đắc sở duyên thật tướng khiến thân tâm bất động. Tiếp, "Nói thân..." là giải thích chỗ thân tâm sở y nói trên, cho nên biết thân tâm bất động cũng do Nghĩa Xứ, nên nguồn gốc lý tánh đều gọi là "Xứ", đối thân tâm kia giả lập hai danh xưng. Như Lai thật chứng sắc tâm thể nhất, tức sắc tâm đây là ba đức, muốn nói kinh Bản Hữu Lý Diệu Thường thì trước hết sùng sắc tâm bất động để tiêu biểu. Lại thân cùng tâm đều tiêu biểu chỉ bày Tích, nay dùng Tích tiêu biểu Bản cho nên nói "hư không thường tịch".

Tiếp, "dẫn Phật Đại Thông nhập Pháp Hoa định, chứng thân tâm", cho nên thể của định đây, danh thì khác mà lý thì đồng, nếu phân sở nhập thì tướng đồng thời khác. Hai câu trên chứng thân hai câu dưới chứng tâm. "Thân nếu...": lập lại thí dụ thân tâm xứng lý. Không phải

thường trụ Pháp thân thì không thể dùng Kim cang để thí dụ; không phải Bản hữu lý định, thì không thể dùng hư không để so sánh. "Vô lượng nghĩa...": kết thân tâm này công qui về Nghĩa xứ. "Xứng làm..." là giải thích nghi. Nghi rằng: Định nếu dựa xứ, thì lẽ ra chỉ gọi là "Xứ", đâu được lại còn gọi là "Vô lượng"? Định này, dưới sẽ giải thích. Nói "Vô lượng": là Sở chiếu mà được tên. Sở chiếu là gì? Tức là sở sinh, cũng chẳng phải khác thời nên nói: "mà chiếu". Vô lượng tức xứ tồn tại cũng đâu ngại gì! "Nếu tác..." : lại còn cả tên khác, định thể thân tâm bất động; hoặc đem các tướng đây để tiêu biểu tựa, tức dùng bất động đây... Chánh tiêu biểu sau Tựa sẽ nói nhất thật, nay chỉ bất động không phân biệt thời, như Nghĩa xứ. Câu trên giải thích thân, câu dưới giải thích tâm, vậy thì trở lại đối trước định, thân tâm động vận dụng phân biệt như vô lượng, trước khai sau hợp Tựa nghĩa rõ ràng.

Tiếp, lại hỏi đáp để giải thích nghi: Trước là hỏi, có thể biết. Tiếp là đáp ý: Nếu theo nghi thức thông thường khi thuyết pháp rồi thì chúng liền tan, đâu đủ làm khác thường? Nay nói pháp rồi thì nhập định biết về sau không uổng vậy, sau nếu không uổng phí thì tức trước thể định nên riêng biệt. Cho nên chúng nhóm tập, thuyết pháp, nhập định đều tiêu biểu sẽ nghe, cho nên khiến thời chúng nghiêm túc chờ đợi. Chữ "túc": có âm đọc là phiên thiết của hai chữ "Tức" và "Lục", có nghĩa là nghiêm túc, chấn chỉnh. Bộ Nhĩ Nhã nói: Túc túc là cẩn thận cung kính. Cẩn thận cung kính tâm có sở đắc.

Hỏi: Cuối kinh kia nói "Thọ trì mà đi", nay vì sao nói "không tan, có chờ đợi"?

Đáp: Đó là lời của người kết tập lưu thông kinh, cung kính vâng thừa tôn nghiêm ý chỉ nghe ắt phải lưu thông cho nên nói "mà đi". Nay căn cứ kinh này không có văn tập chúng. Nói pháp rồi thì nhập định, khi xuất định liền bảo, bảo chúng tập hợp lúc trước đến nay "không tan", đâu có gì nghi! Cho nên các kinh Hoa nghiêm v.v... đều trước dùng âm thanh, hào quang để tập chúng. "Tuy nhập, khai định..." nói khai định vẫn là ý của Tựa trước, chưa tận chỉ kia cho nên nói "tuy". Ý đã tại hợp định thể, lẽ nào trái? Thường định mà còn chưa từng nói "từ một xuất nhiều" huống chi có ai nói "từ nhiều trở về một", tức khai biểu hợp, cho nên cùng thường có khác. Văn-thù dẫn chuyện xưa, đã nói đều có việc như thế, cho nên biết: một định hai nghĩa không nghi, nên nói "lấy gì để chứng minh nay?" "Lẽ nào có thể lấy...": người xưa không coi thuyết pháp và nhập định là điềm lành, bày bác chung việc đó, chính là kết tập kinh đại quyền sắp xếp, cho nên chẳng phải phàm phu thấp kém lường

sánh được.

“Giải thích bốn loại hoa”: Trước nêu người xưa và kinh luận nói tên hoa bất định. Lại, Đại Bát-nhã cũng nói: “Thích ý, đại thích ý, nhu nhuyến, đại nhu nhuyến”. Nhưng các giáo không đồng, văn phần nhiều liệt kê bốn thứ. Hoặc Vân công sở cảm, nói như Vân mẫu, đây chính là nhất thời trưng dẫn mà thôi! Trong phần giải thích căn cứ theo sở biểu, bác bỏ ý xưa nói “hẹp mà không hợp”, trong đó trước là bài xích kia hẹp hòi, tiếp là bài xích không hợp. Đầu bài bác hẹp: nay mỗi một giáo có mười sáu chúng, đâu thể so sánh như xưa! Cho nên, trách rằng “thâu mười sáu chúng thuộc Tam tạng giáo mà còn không hết”, chỉ có bốn, huống chi chỉ nói mười sáu, làm sao giáo một thành mười sáu ư? Cho nên phải trải qua giáo phân một thành mười sáu, cũng có thể trách rằng: vì chúng phát khởi mười sáu cho đến kết duyên mười sáu, cho nên nói “huống gì bốn mươi tám”. Nên biết nói “bốn chúng Tỳ-kheo v.v...” tuy bao hàm phát khởi... mà không có lý hiển bày. Nếu nêu “bốn chúng phát khởi v.v... “nhiếp” bốn chúng Tỳ-kheo v.v...”, so sánh Thanh văn Bồ-tát và dùng tạp loại, thì trong loại mỗi mỗi đều đầy đủ chúng phát khởi v.v... Nhân xưa thuật bốn, cho nên phải nói “đối với các Tỳ-kheo v.v...” “Xét hoa...” là giải thích “không hợp”: Hoa đây mật báo hiện được nhân Diệu đang hướng đến quả Diệu. Xưa chỉ nói bốn là tiêu biểu cho Tỳ-kheo... cho nên dẫn đến vấn nạn hiện nay. Mưa là hoa, hoa nên tiêu biểu nhân, bốn chúng đã được, đâu cần lại tiêu biểu? Đây trách người xưa không biết rằng: mưa hoa tiêu biểu diệu nhân hiện có, khác với nhân xưa. Nếu tiêu biểu bốn chúng, chỉ hy vọng quả mới thì đâu cần mưa hoa? Đây là trách người xưa không biết rằng: tán Phật (rải hoa cúng Phật) tiêu biểu diệu quả hiện tại và đương lai, khác với quả xưa. Xưa nay nhân quả thô diệu vĩnh viễn trái, lẫn lộn đồng nhất xứng nay, xưa không theo. Lại, Sinh công cũng nói: “Biểu thị bốn quả không thật”. Đây chính là dùng văn nói Tam tạng Bồ-tát bài xích Tiểu thừa, thì biết bốn quả không thật. Còn chưa hiểu Thông giáo, thì sao có khả năng, hiển Pháp Hoa?

Tiếp, “Nay nói...” : là chánh giải thích. Trước nêu xưa Thiên nhân đối nay Viên nhân. Xưa Viên nhân không riêng biệt cho nên chỉ bài xích tam giáo... “Trong Tam tạng chỉ nói Nhị thừa” là không thể tiếp nối, nên như Huyền Văn nói: “Xưa ba nhân đại mà có khác...”. “Phật nhân”: Chỉ là viên nhân. “Tứ luân nhân”: tức Sơ trụ trở lên. “Đồng, Ngân, Kim, Lưu”: Chỉ quán quyển một nói dẫn đầy đủ trong kinh Anh Lạc. Huyền Văn lại dùng bốn câu phê phán vị. Khai trước hợp sau,

như Tam thập tam thiên... Khai sau hợp trước, như Thập tứ Bát-nhã. Đều khai, như Bốn mươi hai chữ. Đều hợp, như trời mưa bốn loại hoa. Tiếp "Văn dưới...": dẫn các văn của kinh này, đều là nghĩa Vị. Ý trong "phần vấn đáp", là mượn Biệt để hiển Viên. Nói "mượn Biệt": là Viên chẳng phải không có vị, nhờ nơi thứ lớp cao thấp để hiển bày cái không thứ lớp, bình đẳng. Đây là mượn nghĩa để thỉnh hậu học lưu tâm, lấy đây làm tông chỉ. Học giả có khi cũng không phân biệt được rằng trong kinh Anh Lạc, thì "Tứ luân" là nghĩa mượn biệt. Nếu luận Viên vị Lục tức, thì cũng đủ, cần gì phải liệt kê bốn mươi hai? Do phân chân vị thì lớn, nên mượn Biệt vị để phân ra phẩm bậc, ví như hư không thì đồng một thể mà bay thì có cao thấp... Cho nên, Chỉ Quán cuối quyển sáu nói: "Có khi mượn cao để thành tựu thấp...". Huyền Văn còn dùng danh Thông nghĩa Viên, huống chi danh Biệt nghĩa Viên ư!

Tiếp hỏi: Đã nhờ Biệt vị, Biệt có Hiền Thánh, Viên cũng có hay không? Đáp: Chỉ Huyền nghĩa tức đầy đủ trong Huyền Văn quyển chín nói. Đều là Hiền Thánh, chỉ cao thấp không đồng. Lại trong Tứ niệm xứ cũng có bốn câu phân biệt. Nếu định phê phán thì trước Trụ thuộc về Hiền. Nếu bốn câu phê phán thì chỉ là nghĩa lập, lại xen lẫn được tên. Trụ là Hiền vị, lại cách Thánh xa, cho nên gọi Hiền Thánh. Biệt địa gọi là Thánh, người Hạnh Hướng Viên cách địa đây gần cho nên gọi là Thánh Hiền. Đối với văn nay nói Viên thì Hạnh Hướng là Thánh, lại nhập Địa nữa, cho nên nói Thánh Thánh. Nếu không đối nhau thì tên đương giáo quyết định. Nếu nói trở đi, lại trải qua các giáo để đã phá luận xưa, thì tuy nói một nhân nên biết thể của nhân. Bốn giáo Bồ-tát, đều đối đức Phật kia, đều là một nhân và một nhân khác. Cho nên, Huyền Văn quyển mười nói: "Từ một khai một, từ một trở về một". Đã không biện rõ khác thì Thông giáo có gì nghi! Cho nên Thông giáo nói: tam nhân đại đồng, vì đồng cho nên nhất, nên nói không ra ngoài Thông giáo. Nếu nói bốn chúng đồng là nhân Bồ-tát, thì từ sơ phát tâm không cùng với Tiểu. Ý Pháp Hoa như trước, đầy đủ như Tứ luân cho đến khai hiển.

Trong phần "Giải thích khắp cõi Phật đất chấn động sáu cách": Đầu tiên bác bỏ ý xưa. Dùng sáu tiêu biểu cho sáu nghĩa ấy thì có thể đúng. Nói thẳng Tam thừa chỉ phá Tam tạng, thì nghĩa Nhân Quả Tam thừa chưa chu toàn hết. Cho nên dùng Tam thừa theo hai giáo Tạng, Thông và ngang dọc của Biệt để so sánh mới hiển bày Viên trải qua sáu phen phá. Thiệp Pháp sư nói: "Địa thần khiến động", kiến giải này rất cạn. Căn cứ trong Biệt phá nói theo hai chiều ngang dọc. Lại như

Chỉ Quán quyển ba dẫn. “Nay giải thích...” là chánh giải thích. Đầu văn giống như Căn cứ giáo, Kinh Thanh Tịnh Hạnh giống như Nhân Duyên. Trong đầu văn giải thích, nói “bàn bạc”: tức dáng mạo cứng chắc rộng lớn, tức người Thất phương tiện chưa phá đại vô minh. Đến hội này mới phá vô minh, vô minh khó động cũng như đá lớn. Lại, trước chẳng phải không phá bởi vì khó phá, đến nay đều phá, cho nên nói “bàn bạc”. Nếu căn cứ Trường A-hàm thì nhiều duyên đất động cũng có thể làm tiêu biểu. Kinh nói: Có sáu duyên đất động là: Nhập thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Tiểu giáo tuy tức không nói sở biểu mà đã là sáu tướng sau trong tám tướng, tức công dụng của địa vị sơ trụ Sơ địa. Cho nên địa vị đây đứng đầu sáu phen. Tứ luân chỉ có nhân nên từ nhân lập danh, lục động bao gồm quả nên từ quả lập danh. Lại, quả tột cùng phân biệt quả đều được gọi quả, nên gọi là quả. Phá xưa đối nay thì đầy đủ bốn giáo. Lại, Diệu giác: Tuy chưa tức nhập, đến tại không lâu, từ đầu đến cuối gồm nêu cho nên nói từ quả.

Cuối phần “Giải thích theo Bản tích” nói “vân vân”: là lẽ ra dẫn bản văn, lúc xưa ta vốn hành Bồ-tát đạo, tức bản Tứ luân, ta thành Phật đến nay, xưa sáu phen (chấn động) bổn sơ thật thành, cũng dùng tướng lành đây tiêu biểu sáu phen, cho nên hiển bày trong giáo. Văn-thù dẫn việc xưa của Đức Phật khác đồng với việc nay của Đức Phật ta trong phần Tựa, mật ý Chánh nêu Phật xưa ắt có như nay. Phật nay lẽ nào không có như xưa, xưa đã thành lâu rồi cho nên không phải là lần thứ nhất. Trong “Giải thích theo Quán hạnh”, câu đầu tổng nêu. Tiếp trong phần chánh giải thích, thì đầu tiên căn cứ động làm tiêu biểu, tiếp là căn cứ sáu làm tiêu biểu. Trong văn đầu tiên, nói tuy gồm sáu nhưng chủ yếu nói về “động”, đều tiêu biểu đương phá vô minh, gọi là “động địa khó động” tức năng biểu. “Tịnh căn chưa tịnh” tức sở biểu.

Tiếp “Phương Đông dềnh phương Tây chìm” trở xuống, là giải thích “Lục động” theo sáu phương. Đều căn cứ số sáu tiêu biểu. Tiêu biểu tịnh sáu căn, là căn cứ quán giải thích, cho nên đắc thông các vị căn cứ quán hạnh tương tợ phần chân v.v..., đều tịnh sáu căn. Trong đây, đầu tiên giải thích “Lục động” theo sự. “Phía Đông dềnh phía Tây chìm...” đầy đủ như kinh Trung Ấm v.v... Nay xét theo Quán tâm thì nghĩa lại phù hợp. Nói tiêu biểu căn: Nhãn, tĩ đã tiêu biểu hai phương Đông Tây, nhĩ, thiệt lý đối hai phương Nam Bắc, trung ương là tâm, tứ phương là thân: Thân đủ bốn căn nhãn nhĩ tỷ thiệt, tâm cũng duyên khắp bốn căn, cho nên dùng tâm đối thân mà làm dềnh chìm (dũng một), nghĩa là ở giữa (trung) đối với một bên dềnh lên và một bên chòm

xuống. "Dềnh lên, ở giữa, chìm xuống", có thể tiêu biểu sáu đến mười hai nhập. Lại "Lục động": Nghĩa bao gồm mười tám, trong sáu kia thì ba loại trước là hình, ba loại sau là tiếng, hình thật tiếng hư. Sáu căn cũng tợ ba hình ba tiếng. Giải thích "Lục động" này theo sự, thì tân cựu giải thích không đồng. Tân nói: Động, dũng, chấn, kích, hống, bạo. Nay lại dùng theo Cựu, dao động không an gọi là "động", tự dưới bay lên cao gọi là "khởi", dập dềnh lồi lõm gọi là "dũng", sáu phương ẩn chìm nổi cũng gọi là "dũng", ngấm ngầm có tiếng gọi là "chấn", va chạm phát ra âm hưởng gọi là "hống", khiến chúng sinh giác ngộ gọi là "giác". Tân dịch: "kích" như đánh đổ, "bạo" như tiếng lửa, Kinh luận lược nêu phần nhiều nói "chấn động", tức hình tiếng ba thứ đều nêu một. Đại Kinh nói: "Sau khi Thuần-đà rời khỏi, thời gian chưa bao lâu thì đất kia bỗng nhiên có sáu thứ chấn động". Lại, "mỗi loại chấn động đều có ba bậc" là để tiêu biểu một căn đều có ba thứ căn, thức, cảnh. Đầu văn tiêu biểu sáu cái ở giữa (trung), tiêu biểu tuy xen lẫn mà phá ắt đồng thời. "Tịnh mười tám giới": là tiếp, biện rõ sở biểu đều phá vô minh. Cho nên, biết: chỉ là thấy ấm, giới, nhập đều thường trú. Trong câu "Tịnh mười tám giới vân vân" thì "vân vân" là lẽ ra thuật đầy đủ sở biểu để thành quán tâm, chỉ lược còn số và thiếu khuyết tâm cảnh biện rõ tướng trạng vi diệu theo thứ lớp và không thứ lớp... Cũng có thể mỗi căn đều tu tam quán như "mười tám loại động". Trong đây chỉ căn cứ tướng năng động, sở động chỉ là một địa mà thôi! Như căn tuy sáu, mà dùng tâm phá thì hết thảy đều phá.

Trong phần "Giải thích Đại chúng tâm vui mừng": Trước là giải thích theo Nhân duyên: Giáo xưa ở đâu từng không thấy các tướng mưa hoa v.v..., nay vui mừng hớn hở khác thường, lý ưng như "cam lồ sắp giáng xuống". Lúc ấy chúng tuy không lượng được, ắt biết cơ duyên thành không còn lâu nữa, cơ cảm tương ưng sao nghi không giải thích. Hỏi: Như văn. Đáp: Trong lời đáp thông suốt khác thường. Dẫn Đại kinh để chứng minh như văn. Tiếp, "Nếu nói...": là căn cứ giáo, tuy nêu đủ bốn giáo đối xưa bốn hỷ không đồng, nay thuần nhất thật hỷ không còn sai biệt. Bốn "nghĩa Nhân thiên v.v..." đều nói "động" là vì Quyền làm Thật động.

Hỏi: Thật lý không động, nay sao nói động? Đáp: Động tức là phát. Viên cơ đương thành, gọi là "động thật tướng", dùng bốn động còn lại sẽ hướng đến thật.

Văn không có giải thích theo Bản tích, Quán tâm. Nếu giải thích theo Bản tích thì: Bản, trú bất động Tam-muội; Tích, do đất động tiêu

biểu phát. Nếu theo Quán tâm giải thích nghĩa “động”: thì như trong Hai mươi lăm loại Tam-muội phá tứ thiên vương Không Giả Trung động.

Trong phần “Giải thích hào quang”: Đầu văn tổng nêu phóng quang. Trong giải thích, đầu tiên là giải thích “bạch hào”, tiếp là giải thích “phóng quang”. Đầu văn chỉ có hai giải thích. Đầu song nêu hai giải thích, ứng cơ nêu Nhân duyên, thiết lập giáo nêu căn cứ Giáo. “Phá hoặc...” : nêu sự ý, hiện hào quang vốn bày tỏ hai thứ đây, đầy đủ hai thứ mới trừ nghi hoặc. Trong “Bạch hào”, đầu là theo Nhân duyên; “Lại nữa...” là căn cứ giáo. Đầu văn nêu tứ Tất-đàn: Đầu là Thế giới, “Hào quang kia...” là Vị nhân, “Phóng quang...” là Đối trị, “Hào quang chiếu...” là Đệ nhất nghĩa, bốn thứ đều tại kinh này. Tiếp căn cứ trong giáo bài xích đầy đủ tam giáo, “Nhị thừa” tức đương hai giáo trước, tuy có Bồ-tát mà đồng kiến nhị đế. “Lại nữa...” là nêu “phóng quang”, có đủ bốn cách giải thích. Trong phần giải thích theo Nhân duyên chia làm ba: Một là phóng quang, hai là thâu, ba là ý thâu phóng. Phần một ứng đủ tứ Tất-đàn, văn tướng không hiển, chỉ có thể thông khiến thấy được bốn lợi ích. Kinh Đại Phẩm nói: Mỗi một tướng đều phóng quang: Dùng thân luân tiêu biểu Bát-nhã khắp. Đại kinh nói: “Phật phóng quang từ diện môn”, Diện môn là khẩu, tiêu biểu Phật khẩu mật thuyết bí tạng. Kinh này xác định “phóng quang từ giữa chặn mày” là tiêu biểu ý tùy cơ duyên đều hiện, đều đầy đủ lợi ích tam mật tứ Tất-đàn. Tuy cả một đời đến nay, Phật dùng “tam luân” để giáo hóa, đương nhiên là có lợi ích thích đáng, nhưng không gì bằng ngôn giáo. Đến khi sắp diệt độ thì Phật phóng quang từ diện môn là tiêu biểu ngôn giáo đây lưu truyền đến đời sau. Đây lại là thông luận phóng quang. Nếu biệt luận thì căn cứ các văn nói, không chiếu vô sắc nghĩa đồng tập chúng.

Tiếp, “Thâu quang”: Đầu dẫn “kinh A-dục Vương”, phần nhiều là giải thích theo Nhân duyên, trong đây chỉ có một câu nói về “việc hiện tại” là nêu theo ý riêng. Từ “Nhập vào chân” trở đi, đều là kinh văn, đều biểu ký đương giới kia. Do đó các kinh khác thì thọ ký làm Phật đều kiêm các cõi, chỉ có Pháp Hoa này chuyên biểu Phật ký. Nói “đương giới” là nêu các cõi đều có tử đây, sinh kia và quả vị đại tiểu. Dùng hình ảnh thu quang vào các thân phần bên dưới để biểu thị việc của các hạng chúng sinh thấp kém, là thuộc kinh Phương Đẳng, cho nên đối nhiều duyên. “Mà kinh này...”: Phật từ định dậy ắt thâu quang, thâu ắt vào nhục kế. “Lược thôi” : Cho đến khi đức Phật từ định dậy ắt phải thâu quang, vì sở biểu sự đủ để thu liễm tâm của chúng trong pháp hội khiến nhập nhất thật, cho nên phải có “thâu quang”, chỉ là văn lược.

"Lại, giải thích...": là lại giải thích ý thâu quang phóng quang, có thể thấy. Cũng là một đường, chẳng cùng tận. Dùng hiện tại chánh khiến hội tam quy nhất làm chánh, vị lai sẽ đắc làm phụ.

"Nếu một trượng sáu..." căn cứ trong giáo: Trước, là chánh giải thích ; tiếp, là nêu hào quang tiêu biểu. Trong phần Quang biểu thì trước là phá cựu, cựu nêu tuy ngang chiếu một vạn tám ngàn cõi đến Ny-tra thiên (trời Hữu đảnh) đều là điềm lành ở cõi này. Nay ý không như vậy. Phóng quang một điềm lành nghĩa thông hai cõi. Nói "do người": Không thể hoàn toàn phá. Tiếp, "Xưa..." là xưa giải thích chỉ căn cứ một phương nêu mãn không mãn (đủ không đủ). "Nếu chiếu..." là phá, đã thuận hứa thật chiếu mười phương thì đâu được riêng dùng phương Đông làm tiêu biểu. Có người nói: "Mi (lông mày)" là chỗ phóng quang. "Mi" là mị (đẹp). Nếu người không có mi thì không đẹp. Cái gọi là "phóng": 1. Không hạn chế chỉ chiếu đại thiên. 2. Tác ý phát động thì chiếu một vạn tám ngàn, cũng nói tiêu biểu nhất thừa. Đây là vì không biết rằng chư Phật không mưu tính mà làm, cho nên dùng do tác ý phóng quang mà giải thích công dụng của chư Phật.

"Nay nêu rõ..." là phần Chánh giải.

Tiếp, "Nếu căn cứ..." là giải thích theo Bản tích, nêu "bốn vị tăng trưởng" là bốn phương biểu thị bốn sự tu tập tăng trưởng. Nói "tăng trưởng": Từ Tín nhập Trụ, cho đến Đẳng giác. Cho nên văn dưới nói: còn lại một đời. Tiếp, trong phần "Giải thích theo Quán tâm"nói "Các cảnh giới như thế" tức mười tám giới đều có trăm giới ngàn như. Uẩn tại mười tám, thì Phật tuệ chưa khai mở, cho nên dùng hào quang chiếu là tiêu biểu "khai", khai tức Biệt tại Sơ trụ. "Văn nói..." dẫn cơ duyên chúng sinh trong mười cõi đều khai mười tám giới. Nói "phân văn thuộc cõi này...": Đầu từ "Nhĩ thời" cuối đến "châu biến", đều thuộc điềm lành thứ sáu ở cõi này, các cõi khác thì tướng lành thứ nhất chỉ từ dưới lên đến Ni-tra thiên. Văn nay dùng phóng quang này là văn thông gồm kia đây, cho nên văn kia thế mạnh cũng bao hàm dài ngắn. Nếu chấp (đoản) ngắn thì như trước liệt bày, nếu chấp dài thì phải đến cõi Ni-tra, lại đem điềm lành thứ sáu đây mà làm tổng chung các cõi khác. Nếu là tổng các cõi khác cũng có ngắn dài, chuẩn đối nhau nên biết.

"Tiếp, nêu..." : chánh nêu sáu điềm lành ở các cõi khác, chia làm hai: Trước lược, sau rộng. Trong phần lược chia làm bốn: 1. Nêu. 2. "Một là thấy...": là liệt chương, tức đương chánh giải thích. 3. "Đã có...": là sinh khởi sáu điềm lành. 4. "Nếu đây..." : là đối đây để nêu sở biểu của điềm lành. Tiếp, trong phần liệt chương thì chỉ nói thượng hạ

mà không nói cảm ứng, bởi vì nghĩa cảm ứng thông ba cặp. Không đồng cõi này hai cặp trước đều tại sở ứng, cho nên cặp thứ ba được gọi là cảm ứng. Lại, cõi kia điềm lành đến trong cặp thứ ba sinh khởi. Nói "hành ban đầu ắt đến cuối" là chỉ xen lẫn nêu mà thôi, nêu Bồ-tát có thủy mà ắt có chung, Như Lai đã chung mà có thủy. Lại, trong cặp Nhân pháp tuy nhân chưa thông Lộc uyển, pháp chỉ đầu của nhũ vị, nhưng pháp ắt có nhân, nhân ắt đối pháp, cho nên lại đối biện. Lại, trong "cặp thượng hạ", tuy bậc thượng nói pháp để gia-bị cho bậc hạ, mà chúng sinh được gia-bị chưa hiển, tức là tuy chưa hiển mà thủy mạt vẫn như thế, cho nên được đối đó để luận thượng hạ. Huống chi phàm các thủ đối đều là nhất vãng. Vì vậy càng phải cầu thủy chung kia. Trong "cặp đầu" có "lục thú" là rộng giải thích chương môn chẳng phải ý trong đây, cho đến ly hợp lấy làm tứ sinh, ngũ đạo, thất thức trụ... như luận rộng giải thích... Nói "tổng báo": Điềm lành tuy có sáu nhưng lấy hào quang làm gốc (bản), hào quang tiêu biểu trí giác, hào quang chiếu kia đây. Trước, tiêu biểu hai giác, tiếp, tiêu biểu ba đồng. Trong ba đồng có hai : trước tổng, sau biệt. Trước tổng nêu đạo đồng, tướng đồng tại sao không ngoài ba loại đồng? Vì đây đồng nhưng ẩn chỉ thành hai thôi! Nếu trong sở kiến cũng thấy thọ ký cho Thanh văn. Nói thọ mạng lâu dài thì nếu Như Lai đều không sở tác, thì nghi thức giáo hóa không thành. Tuy nhiên dù thấy thọ ký tiểu trường thọ thì chúng đây cũng nghi, không biết cõi này Thanh văn được hợp thọ ký không? Đã giáo Dũng Xuất, còn Thọ lượng nghĩa như thế nào lại chưa biết, cho nên đều ẩn để sinh nghi vấn. Văn-thù rộng đáp thuật đủ ba loại đồng, chúng cơ lược biết tướng sau định, cho nên biết Thông tựa văn thông mà giải thích khế hợp với Biệt lý. Do bốn cách giải thích nên Biệt tựa văn biệt mà nghĩa diệu. Do ngũ thời mà việc đáp vừa xong thì định khởi nơi đây, do sự phù hợp nơi đáp, nên biết rằng Văn-thù thấy cùng cực. Từ "tận kiến..." là biệt, tức tam đồng.

Tiếp, trong phần Rộng nói, văn đầu trước xuất cõi khác, tiếp "Nên biết..." dẫn kia theo lệ, đây là kết đầu cuối đồng. Tướng xây tháp tuy tiêu biểu hai kinh, tướng Pháp Hoa còn chưa nêu rõ, vì vậy nên chỉ thành đầy đủ đối với đã và đương hai đồng, cõi này ba đồng sẽ vẫn chưa khởi. Nói "hai cõi xuất thế ý đồng": là đồng ngũ trược cho nên thí... không sai khác. "Khai quyền" tức là tướng Pháp Hoa, "dứt hóa" tức là trưng cầu Niết-bàn. "Chẳng phải đốn..." Pháp Hoa nhất thừa chẳng phải đốn tiệm nhiếp, nơi một khai xuất mới sinh đốn tiệm, vì vậy nên nay nói "phi đốn mà đốn, phi tiệm mà tiệm", căn cứ đây có thể biết. "Xây tháp bảy báu": hai kinh vị đồng, ẩn là chưa nói. Kinh Thập Nhị

Nhân Duyên nói: Tám người nên được xây tháp là: Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, Tứ quả, Luân vương. Tháp Phật thì tám lộ-bàn, tháp của bảy người còn lại thứ lớp giảm một. Cõi đây đã vậy, các cõi khác căn cứ đây thì biết, cho nên đây phải đều là tháp Phật. "Phải biết..." dẫn kia lệ đây, tổng kết văn trước. Nói "từ một xuất vô lượng": là bắt đầu từ Hoa Nghiêm đến Bát-nhã đến nay đều từ một pháp khai xuất. Đến thời Bát-nhã thì "đốn tiệm đã xong", mà người không biết Pháp Hoa xuất vượt ngoài đốn tiệm. Thỉnh xem chữ "xong". Pháp Hoa chỉ là thâu vô lượng để quy một.

Trong phần Giải thích "Chủng chủng nhân duyên": Trong văn, tự có hai giải thích theo Thông và Biệt. Đầu nói thông, thông nơi tiệm đốn khắp bốn thời, trong bốn thời đều có cảm ứng, đối nay thì không có gì chẳng phải là nhân duyên của giáo nay, cho nên biết nhân duyên có nhiều thứ, tự hành hóa tha tự tha tương đối. Văn từ tự hành cho nên nói "thiện xưa giáo nay". Tiếp, "Biệt thuyết..." là chánh nêu nhân duyên hiện tại, cũng có thể đây ba phen triển chuyển tương sinh, do nhân duyên phát tâm nên tin hiểu, do tin hiểu nên hành hạnh. Nếu Biệt thuyết, thì biệt chỉ tam giáo trong Bát-nhã là "chủng chủng", cho nên nói sau Tam tạng, vì Bát-nhã bộ là Bồ-tát hạnh. "Lại căn cứ..." :vì tam giáo trong Bát-nhã mỗi một giáo đều có bốn môn và bốn Tất-đàn..., cho nên nói "lại có vô lượng tướng mạo".

Nói "Năm trăm" : là nêu trong "cộng" môn "chủng chủng" (các thứ) rất nhiều. Năm trăm tuy là Tam tạng hữu môn, căn cứ sở chứng đồng, mà lại chứng nơi cộng, đến Bát-nhã đều thành Thông nhân, âm thầm được lợi ích Biệt. Nay lại từ hiển nên được dẫn đồng, vẫn cựu mới thành "chủng chủng" (các thứ). "Bất cộng" thì dễ biết, chỉ theo lệ mà thôi! "Cộng, bất cộng" danh được rút ra từ Đại luận. Đã nói sau Tam tạng, lý nên thông chỉ Phương-đẳng Bát-nhã. Chỉ nói Bát-nhã: Do Phương-đẳng ba đồng Bát-nhã ba, Tiểu đồng Lộc uyển cho nên không biệt chỉ. Người khác đối với điều này chia làm ba môn: Nhân duyên môn, tín giải môn, tướng mạo môn. Nay ngôn từ tuy như vậy mà nghĩa lý không như vậy. Nhân duyên nghĩa là cảm ứng sai biệt, Tín giải nghĩa là năng cảm bất đồng, "Tướng mạo" nghĩa là sau tín là hạnh sai khác. Các thứ bất đồng này đều gọi là "chủng chủng". Tuy lại khác đường mà không vượt qua hai vị, cảm ứng thì xen lẫn có thưa, có dày nên gọi là nhân duyên ", năng cảm thì trong lòng lãnh thọ nên gọi là "Tín giải", tu hạnh thì thân khẩu ngoài hiện rõ nên nói "tướng mạo", ngoại tướng nghi mạo, nên nói "tướng mạo".

Hỏi: Hạnh nhất giải khác tại sao hạnh biệt?

Đáp: Thấy ngoài biết bên trong, nên nói là bất đồng.

Nói "Kia nêu rõ tướng như thế": Kia là cõi kia, hiện tướng ở cõi kia cho nên nói tướng như thế.

Tuy lại chủng chủng đồng đến Pháp Hoa, không còn các tướng nào khác. Chỉ vì chưa thấy ngồi tòa Pháp Hoa để nhập diệt tiêu biểu điều đó, cho nên chỉ nói "một nhân một duyên..." Nói "Một nhân..." cũng là cõi kia, Pháp Hoa trở về trước được gọi là "chủng chủng". Đã hội nhập thật đồng một nhân duyên tướng mạo..., đây là tướng cảm ứng v.v...

Hỏi: Trong hào quang, sở chiếu đồng thời ngang thấy, sao được nói trước đốn sau tiệm, cho đến hội quy? Lại, trong đó thấy không hoàn toàn đốn chỉ có tiệm... ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, thời chúng chỉ biết nhân hào quang mà được thấy. Đại thuật tại Thế Tôn, cái trông thấy chẳng phải là cảnh giới kia, nhưng khiến thấy, ý vốn làm chứng đồng. Sở phóng quang làm thành nhất thật. Sự sai khác, lý tuyệt dứt, thì chẳng phải là chỗ hào quang thấm nhuần, xa gần đã đều khiến chúng thấy nghe. Quá khứ vị lai cũng đâu có ngăn cách nơi thấy nghe, cho nên khiến cho mười phương từ đầu đến cuối sáng tỏ như trước mắt, đâu dùng phàm tình mà lường Thánh cảnh, đâu riêng gì hóa chủ Phật lực khiến thấy, đồng nghe trong chúng và để tập kinh, thời có cổ Phật ẩn tích trong đó. Trí sáng soi đương thời, thuật bày ngang dọc đây, thêm khiến cái trông thấy là phàm thánh đồng đẳng, cho nên biết chỉ y văn thứ lớp, ý kinh rõ ràng.

Tiếp "Lúc bấy giờ..." là giải thích nghi niệm trong phần Tựa. Đầu tiên, nói "chỉ thành một nghi": Vốn nghi về sáu điềm lành, tự sức mình không gánh vác nổi mới tư duy đáp, lại tư duy có tôn kính nhờ cậy Văn-thù, Văn-thù khởi tâm suy nghĩ có địa quyết nghi, cho nên niệm thứ hai ở đây tự mất, đã được có người đâu thì cần suy nghĩ lại, cho nên niệm thứ ba lúc ấy tự dứt, cho đến khi nghi vấn đầu tiên vẫn còn, cho nên nói "một nghi".

Hỏi: Kinh gọi Văn-thù là Pháp vương tử, vậy thì các Bồ-tát đây vị nào không phải là Pháp vương tử ?

Đáp: Có hai nghĩa: 1. Trong các vương tử, suy về đức thì chỉ có Văn-thù. 2. Trong các kinh thì Văn-thù đều là vị đứng đầu trong chúng Bồ-tát.

Tiếp, trong phần giải thích "Sơ niệm", đầu tiên là giải thích theo Nhân duyên. Nói "thần biến nội ngoại": đây nêu biểu khác, nên đây

biệt giải thích. Nếu thông giải thích, thì như kinh Đại Bảo Tích nói: “hết thảy các pháp đều gọi là thần biến”, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một dẫn rõ. “Thần gọi là...” giải thích danh kiêm biện tướng. “Thủ Lăng...” là nêu pháp sở y. “Pháp vương...” là công dụng, cũng là vấn nguyên do. Tiếp, “Đến như...”: tức là căn cứ giáo cũng là lại giải thích công dụng và để vấn nguyên do. Lại, ở đây hỏi nguyên do, tuy do không thể lường thần biến, mà chánh do tự quyết vì để lợi tha cơ phát cho nên ứng phó, nhân duyên hòa hợp mà thiết lập sự hỏi này, khiến biết Di-lặc không hiểu nguyên nhân, cho nên cần phải các vị lần lượt so sánh quyết định. Tán giả, là khổ hạnh ngoại đạo và các phàm phu. Định giả là đắc thiền ngoại đạo và tín giả tập định. Thánh giả, là trong Tam tạng trừ Thân-tử ngoài các Thanh văn. “Đây là căn cứ cực xứ cũng không biết”: Phàm, nói “đến như” là chứng minh ý kia thông, cho nên bên dưới thì mỗi mỗi không biết bên trên. Nếu là cực vị, thì tất cả vị dưới đều không biết. Cho nên Bồ-tát Bổ xứ cho đến vị Tôn cực, ba vị đây, nếu còn giáo đạo ứng thông bốn giáo lần lượt xen lẫn so sánh, thì trong văn lại đúng. Nay tối cùng ở nơi địa vị cực, cho nên Bổ xứ cực không biết Tôn cực. “Lại, Di-lặc...” nghĩa đương nơi Bản tích, ẩn Bản trí sáng suốt, Tích thì đồng tối tăm chậm chạp.

Nếu giải thích theo Quán tâm, thì: Trí chiếu linh thông, lục tức tùy biến. Đầu văn nhân duyên nghĩa đối bốn Tất-đàn, nghĩa kia rõ ràng, trong ngoài sai khác cho nên thấy nghe hoan hỷ. Sáu điềm lành bên ngoài ảnh hiện rõ chúng sinh thấy thì sinh thiện. Y lý biến thông điều hòa khắp tất cả, pháp vương lý cùng cực cho nên không quá trên.

“Nếu đem kệ dưới”: hiển bày nghi niệm của đại chúng đồng Di-lặc có ba: Các đại chúng cùng thấy sáu điềm lành, từ lúc nhập vị đến nay khắp trải qua nhiều hội, nên từ lâu đã biết Văn-thù thần dụng chẳng ai sánh kịp, cho nên đến khi Di-lặc hưng khởi niệm thì chúng cũng tinh thành, chuyên chú ở Diệu-đức (tức Văn-thù), khiến Di-lặc phát vấn. Trước quán Đại chúng mới tuyên bày điều nghi bền bỉ, xét biết Văn-thù là địa quyết nghi. “Cựu giải” có thể biết. Căn cứ theo ý vấn đáp nay dẫn kệ đã nói: ba niệm không chuyên Di-lặc chỉ ở nơi một việc, mặc cho phát vấn ở trước. Nói vấn đáp: Văn-thù rất có khả năng đâu riêng Di-lặc. Lẽ ra nói căn cơ chúng sinh ở nơi người hỏi và đáp, cho nên dùng bốn cách giải thích mà hiểu văn kia, tức nhân duyên... Vấn đáp đầu tiên là nhân duyên, như Văn-thù xét có khả năng vấn tật bệnh nơi Vô Cấu Thí (Duy-ma-la-đạt), vẫn bị chê trách cho nên nói: “tại vô” (ở không có). “Lại, pháp môn...” là căn cứ giáo, bốn giáo không ra ngoài

quyền thật. “Lại Tích...” là Bản tích. “Lại danh...” là Quán tâm. Trong văn đầu giải thích theo Nhân duyên, văn kia tuy hẹp mà nếu nghĩa lập cũng đầy đủ tứ Tất-đàn, vấn đáp tùy thuận an vui tức là Thế giới, phó chúng hân hoan là Vị nhân, bao hàm giải thích chúng nghi là Đối trị, lập hạnh bình đẳng là Đệ nhất nghĩa.

Tiếp “Phát vấn Tựa”: Trong phần đầu trước phân biệt chọn kệ văn có không. Trước “Ý gì ...” là hỏi, tiếp “Long Thọ...” là đáp. Luận văn có mười nghĩa, nay chỉ lược nêu sáu: Năm nghĩa trước tức năm văn đầu. 6. Khiến người đời sau đối với kinh sinh lòng tin. 7. Dễ đoạt ngôn từ chuyển thế thuyết pháp. 8. Chỉ bày nghĩa vô tận. 9. Nêu rõ đến người có, mà không có cách nói. 10. Như văn nay. Văn thứ sáu ấy là tổng luận tức giải thích theo Nhân duyên. Hai văn đầu là Thế giới. Văn thứ ba, năm là Vị nhân. Văn thứ tư là Đệ nhất nghĩa. “Lại vì....” thứ sáu là Đối trị, năng trừ nghi cho đời sau, còn thiếu bốn văn, thứ sáu đồng Vị nhân, thứ bảy đồng Đối trị, thứ tám, chín đồng Đệ nhất nghĩa, cho nên lược không luận. Trong Chánh giải thích, thì trước là thuật xưa, tiếp “Quán văn....” là lại tổng tâm không đúng, “Thuyết pháp...” là giải thích xuất hiển bày đúng. Trong đó, trước nêu không thiếu, tiếp nêu không thừa. Văn đầu căn cứ nghĩa ở trong hai câu đầu cho nên nói “không thiếu”, trong đó trước là lập, chỉ nêu “phóng quang, động đất” là ngọn, thì biết “thuyết pháp, nhập định” là gốc. Nếu không có định tuệ, thì đâu thể hiện biến ?

Tiếp, “Người khác không thấy...” là trách, “Nay trở lại...” là dẫn đáp để hỏi. “Lại hỏi...” là hạch xuất nơi hỏi (vấn), “Nay chỉ...” là đáp. Trước trường hàng chỉ tổng hỏi phóng quang. Nếu chấp chỉ có phóng quang là hỏi, ngoài ra không hỏi, thì ứng với không phải điềm lành, thì mưa hoa động đất còn không thành điềm lành, đâu riêng gì thuyết pháp và nhập định ư? Phóng quang đã là điềm lành cuối cùng ở cõi này, vẫn ở các cõi khác là đầu sáu điềm lành, cho nên tổng nêu một hào quang mà thông thâu sáu điềm lành ở hai cõi. Huống chi “Nếu lại...” là biệt vấn hai chữ “đạo sư” nghĩa tự bao gồm điều đó.

Tiếp nêu “Không thừa”: “Gió, đất” hai điềm lành đều có sở y. Sở y đúng, điềm lành năng y lẽ nào không đúng? Cho nên, nay nêu “không thừa”, trong đó cũng trước thuật ý không phải. Tiếp trong phần phá, một câu đầu lược bài xích. Tiếp “Gió vốn...” là phá, chia làm hai: Trước, nêu gió có hương còn gọi là điềm lành, huống chi “gió, đất” vốn để hiển bày hoa, tuy mỗi thứ có tên điềm lành mà chung thành đức hoa. Trong Chánh Pháp Hoa chỉ nói thẳng “hương”, không nói “gió”, cho

nên biết gió nếu không có hương thì không thành điềm lành. "Luận về hoa trời..." là nêu rõ hương vốn thuộc hoa, hoa hương như mùi gỗ chiên đàn, cho nên nói "gió chiên đàn". Nếu gió hương không phải điềm lành thì hoa cũng không phải điềm lành. "Đất tịnh" căn cứ đây thì biết. Trong đó chia làm bốn: 1. Tổng nêu có hương... 2. "Đây tiêu biểu..." là giải thích nguyên do xuất, nói "nhân vận chuyển đến quả" là nêu rõ hoa hương vào gió như gió đạo hương đức xông khắp cả. 3. "Kim Quang Minh..." là dẫn chứng. 4. "Cho nên dùng..." là kết thành. Dùng "hai sự" trên quả để hiển công của nhân. Do hoa có hương thơm chẳng phải riêng mình gió. Do gió thơm nên đất kia phải tịnh. Nói "hai sự": là công đức pháp thân, công đức là nhân, pháp thân là quả. Do đạt đến quả nên thành tựu hai nghĩa: 1. Đến quả. 2. Quả tịnh. Do nhân đến quả nên khiến quả tịnh. Tiếp, hai câu là điềm lành đất động. Tiếp một hàng chúng hoan hỷ, tuy không dựa vào thứ lớp trước mà sáu điềm lành đầy đủ. Tiếp "Ba hàng đầu..." nói nghiệm chứng các điềm này. Trong phần trường hàng bên trên thì điềm lành hào quang chính là điềm lành thứ sáu ở cõi này. Theo đây tức nêu sáu điềm lành ở các cõi khác, không ánh sáng nào chiếu tới mà không thấy, cho nên cần phán định làm tổng điềm lành của cõi khác, sợ người không hiểu đến điểm xuất này, cho nên nói "nghiệm đây". Vì thế, trong kệ nói hào quang điềm lành ở cõi này là: "Đại quang phổ chiếu" (hào quang lớn chiếu khắp).

Trước đã nói xong, đến đứng đầu điềm lành ở cõi khác, lập lại nói "Ánh sáng giữa chặn mày" là lập lại văn tổng nói điềm lành. Thiệp công đều không lập sáu điềm lành ở hai cõi. Chỉ nói đây trong hàng đầu, nửa hàng dịch đúng nửa hàng dịch sai. Lẽ ra phải nói đức Phật ở trong đại chúng nhập Tam-muội, Tam-muội đại sự, mà không nói phóng quang bởi vì văn dưới tự có. Nay cho rằng văn đây tự nó chính là tổng nêu điềm lành cõi khác, cho nên biết tự chưa hiểu ý chỉ của kinh, huống chi người dịch sai! Đã là tổng điềm lành cõi khác, do đó không phân biệt chỉ chép tại bắt đầu trong lục thú. Tức một hàng đầu tụng tổng điềm lành, tiếp tụng riêng điềm lành. Đầu tụng trong lúc thú nói lục sáu là năng thú nhân là bốn thú, và Thiên tuy tức phi nhân mà chỉ chung chủ tể chính là khắp lục thú (sáu đường). Trong đó hai câu đầu lược nêu trên dưới. "Các thế giới..." là nêu đầy đủ y báo chánh báo nhân quả. Đầu, "các thế giới": là chỉ một vạn tám ngàn, chẳng những thấy hữu tình năng thú mà còn thấy các hữu sở thú, chẳng những thấy quả báo tốt xấu mà còn biết nghiệp duyên thiện ác, cho nên thấy lục thú chỉ là chỗ chọn căn cơ. "Lại thấy...": nói "đấng Thánh chúa sư tử...": "Thánh" tức là

chủ “cho nên nói” Thánh chủ. Có người nói: Là chủ trong Thánh, nghĩa là chủ đối với ngoại đạo, Bích-chi-phật, La-hán, Pháp thân Bồ-tát, các Thánh. Nay gọi là chủ của Hoa Nghiêm, chủ bạn mười phương thế giới, chẳng liên quan đến ngoại đạo nhị thừa, chỉ là chủ trong các bạn Bồ-tát. “Thánh chủ” như “Sư tử” cho nên nói vậy. Sư tử nói đủ như trong Đại kinh Đại luận nói Pháp môn Sư tử. Lại, “sư tử hống”: gọi là “Quyết định thuyết”. Trong các trận mưa giáo trước thì chủ chẳng phải Sư tử hống, thuyết chẳng quyết định, không bàn luận Đệ nhất nghĩa chân thật. Tuy nói kiêm Biệt, nhưng tối sơ đầu thuần Đại, cho nên nói Đệ nhất. Các trận mưa giáo trước cũng là tạp phiền não, cho nên chẳng “thanh tịnh”. Phó cơ chưa cùng khắp thì không gọi là “nhu nhuyến”. Đều thuyên giảng Trung đạo, cho nên nói “thâm diệu”. Xứng lý đương cơ, nên gọi là “ưa nghe”. Có chỗ nói: “Trong lòng Như Lai chủng Đại thừa hưng khởi, nên gọi là “thanh tịnh”, không hung bạo nên gọi là “nhu nhuyến”. Đây là lấy báo chất của phàm phu thuộc cõi Dục và cõi Sắc để giải thích Phạm thanh của Phật, thật khổ biết bao! “Đều ở thế giới mình” : 1. Dùng một vạn tám ngàn làm “đều”. 2. Chủ bạn không đồng làm “đều”. Tin biết phải phán là Hoa Nghiêm giáo. Trước thì hai giáo và giữa thì ba vị, đều không có việc này. Hai giáo tám môn gọi là “chủng chủng”. Không có việc nhị thừa, gọi là “Phật pháp”.

“Nếu người....” là tụng Tứ đế... Người khác nếu không dùng Hoa Nghiêm để tiêu văn thì “ gặp khổ “ rồi. Nếu trước bắt đầu từ Lộc-uyển thì lẽ nào có câu văn “Đều ở thế giới mình”? Bởi vì trong tiểu thừa không có mười phương Phật. Sau đốn thì tiệm bắt đầu chỉ có Lộc-uyển Tam tạng tam thừa. Sơ thừa Tứ đế cho đến Phật tử ba tướng rõ ràng, vì sao không dùng năm thời để tiêu văn? Trong văn trước nêu hạnh năng chán, chán không khắp nên chưa được gọi là “tận”. Chán cả hai nhân và quả cho đến “nói Niết-bàn”, mới chính là chán tận cùng. Tại văn rõ ràng, khổ gồm nhân quả tức khổ Tập đế, “chán lão bệnh tử” tức Đạo đế, “nói Niết-bàn” tức Diệt đế. Cũng có thể nói : “vì nói” là kiêm Đạo đế, đạo Niết-bàn tức Đạo đế, sở chứng lý diệt tức Diệt đế. Lại, “gặp khổ” là tổng nêu, nhàm “chán lão bệnh tử” là biết Khổ, biết khổ nên đoạn Tập, “vì nói Niết-bàn” là biết Diệt, biết diệt vì tu Đạo. “Nan-đà trì giới”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. “Bích-chi-phật”: chỉ nói nguyên do đắc quả và để “cầu pháp thù thắng”. Nếu theo lệ Thanh văn thì cần phải nêu hành tướng...

“Nếu có Phật tử...”: là khai lục độ Đại thừa, “tu chủng chủng hạnh”và “vô thượng tuệ”, các giáo cùng có. Nay bắt đầu hình phàm

phu Tiểu thừa cũng được tên "chủng chủng" và "vô thượng". Không lẫn lộn phàm phu, Tiểu thừa, được gọi chung là "tịnh". "Chẳng phải Tất cánh tịnh" : lại căn cứ Tam tạng giáo Lục độ mà nói, "như trong dược không có bệnh", gọi là "tịnh". Nếu muốn nơi đây biện rõ tứ Tất-đàn thì: Tam thừa hạnh khác là Thế giới, Duyên giác là Vị nhân, Thanh văn là Đối trị, Bồ-tát là Đệ nhất nghĩa. Huống chi mỗi mỗi đều đầy đủ tứ Tất-đàn. Tam thừa căn cứ giáo, chuẩn theo lệ có thể biết. Giải thích theo Bản tích Quán tâm thì cũng có thể hiểu. Văn dưới trở xuống các độ tùy văn lược để hiểu. "Lại, Thanh văn..." là căn cứ một đường đương giáo mà nói. Nên biết: Thông giáo Tam thừa, đều dùng giới nội Diệt đế làm sơ môn, Biệt giáo Bồ-tát thì dùng giới ngoại Đạo đế làm sơ môn, người Viên giáo thì dùng lấy giới ngoại Diệt đế làm sơ môn. Trong đây nêu rõ do hào quang mà tạm thấy, không hợp ý rộng cầu pháp tướng, chỉ lược có thể tiêu biểu đồng nơi lý, tức đủ. Nếu luận tu hạnh mới có thể biện rộng, thì dùng ba mươi mốt hàng rưỡi bên dưới để rộng nêu hai vị, cho nên phán định văn đây chỉ có Tam tạng. "Kết trước khai sau": Trong kết trước, nói thấy nghe và sự, căn cứ giáo tiệm đốn đều nói: "diễn thuyết" và "vì thuyết...", tức là nghe...

"Lại thấy có Phật tử..." tức là thấy, trong phần thấy "chủng chủng" phần nhiều đều là sự. Đại cương lược đủ nên gọi là "dường ấy đó". Các điểm đồng thì lược cho là "ngàn ức việc". Nói "khai sau" là tiếp sau mà nói, cho nên nói: "nay sẽ", và trong văn "ngàn ức việc" đã xếp đặt. Nay nên cả hai buộc, cũng có thể bốn câu trước là kết trước. "Như thế..." : hai câu khai sau, nói lan cúc đây hữu tại. Từ đây xuống ba mươi mốt hàng rưỡi tụng, là phần văn chỉ nói Bồ-tát tu hành. Đã ở sau Lộc uyển lại ở trước Niết-bàn, căn cứ dưới giải thích Bát-nhã bao gồm hai tô, do Pháp Hoa tướng chưa quyết liễu. Từ chấp nhận giải thích đó, tuy căn cứ hai tô mà giáo phần nhiều tại tam, như trước phân biệt. Nên các độ căn cứ giáo trước Biệt Viên, phần nhiều không nói giáo, bao hàm hai ý: 1. Như vậy. 2. Giải thích nghĩa. Chuẩn theo bộ thì thông bốn khiến biết như trước mắt, bởi vì trong trường hàng đã nói đủ Phương-đẳng Bát-nhã. Trong phần tổng vấn, kinh nói "hằng sa", tức là bốn phía ao A-nậu-đạt đều xuất một sông. Cửa khẩu Đông Ngân-ngưu chảy ra sông Căng-già, cửa khẩu Nam Kim-tượng chảy ra sông Tín-độ, cửa khẩu Tây Lưu-ly-mã chảy ra sông Phược-sô, cửa khẩu Phả-chi-ca chảy ra sông Đồ-đa, đều nhiễu quanh ao một vòng rồi chảy vào bốn biển. Trong số đó, sông Căng-già cát nhỏ mà nhiều, người ngoại đạo chấp cho là sông Phước, vào sông đó tắm rửa thì sẽ được diệt tội, đức Phật cũng thuận theo thế

tục cho nên thường nói đến. Lại đức Phật thuyết pháp phần nhiều gần con sông này, cho nên lấy làm thí dụ. Dưới đây lục độ chỉ lược chỉ bày đại thể, nếu y hai vị thì nêu đầy đủ tướng kia như trong Chỉ Quán quyển hai và quyển bảy dẫn rõ.

Hỏi: Đã nói Phương-đẳng Bát-nhã thì cũng nên có đầy đủ hai giáo Nhị thừa, đâu được hỏi tổng chỉ cầu Phật đạo?

Đáp: Thật như đã hỏi, chỉ sợ văn rườm rà, lại đồng Lộc-uyển, cho nên lược không nói.

"Xe tứ mã": Xe bốn ngựa cùng kéo nên gọi là "tứ".Chữ "Hiệp" có âm đọc là phiên thiết của hai chữ "Hồ" và "Thiếp", có nghĩa là hào phóng. "Văn-thù...": Kinh dạy: "Qua đến chỗ của Phật": tiêu biểu không phải qua chỗ khác, cho nên chỉ "chỗ của Phật". Điều được hỏi là tôn quý cùng cực, nên nói "vô thượng đạo", cái bị vứt bỏ không nhẹ, nên nói "bỏ nước vui vẻ", thân tâm đều lìa nên nói "cạo sạch râu tóc" Như vậy hiểu giải thích, thế tục cùng có. Phàm các giải thích nói quý tại giáo tông, hiển lý tinh vi dứt sự rườm ra. "Kinh Ngũ Vương": Đây là một quyển Tiểu kinh. Kinh nói: "Xưa có năm nước năm vua thân cận không đấu tranh, có một vị đại vương tên là Phổ An tu tập Bồ-tát hạnh, bốn vua còn lại theo tà kiến mãnh liệt. Vua Phổ An thương xót gọi đến trên điện bảy ngày bảy đêm vui thú thọ lạc. Bốn vị vua ấy nói: Việc nước rất nhiều, xin để chúng tôi về nước. Đại vương Phổ An tự tiễn và sai người hầu tiễn, đến giữa đường thì hỏi rằng: Các vị ưa thích điều gì? Một vị nói: Mong được trẻ mãi hằng ngày vui chơi xuân. Một người nói: Mong thường làm vua các thứ nghiêm (trang) sức, nhân dân theo hầu, trên đường mọi người nhìn theo. Một người nói: Mong được vợ con đẹp đẽ đoan chánh vô song. Một người nói: Mong cha mẹ thường còn, có nhiều anh em, thức ăn ngon quý, âm nhạc đầy đủ các thứ cùng nhau vui thú giải trí. Mỗi người đều nói ý mình rồi hỏi lại: Đại vương muốn gì? Đáp: Ta trước nói sở nguyện các ông không thể kéo dài, nếu ưa trẻ mãi vui chơi xuân thì đông đến khô héo, nếu ưa làm vua thì đến khi hết phước sát phạt lẫn nhau, nếu ưa vợ con đẹp... thì một sớm một mai tật bệnh chịu khổ vô lượng. Nếu ưa cha mẹ thường còn thì một sớm hữu sự, bị người bắt lấy. Bốn vị vua lại hỏi: Đại vương mong muốn thế nào? Đáp: Ta mong muốn không sinh không diệt, không khổ không vui, không đói không khát, không lạnh không nóng, còn mất tự tại. Bốn vua lại hỏi: Mong muốn như vậy ở đâu có? Nơi nào có thầy? Đại vương nói: Thầy ta là Phật, ở tại Kỳ Hoàn. Các vua vui mừng liền cùng đến chỗ Phật ngồi một bên bạch Phật và tự trách mình. Đức Phật liền vì các

vua mà dạy tám khổ. Các vua và những người theo hầu, trăm ngàn vạn người đều đắc quả Tu-đà-hoàn, bỏ nước tu đạo. Tướng Đại lược đồng. Đã nói “hỏi vô thượng đạo” thì chẳng liên quan đến Tiểu quả, nhưng căn cứ “bỏ nước xuất gia” sự đồng, cho nên nay dẫn. Trong hào quang thấy cũng có tám thứ khổ, lấy làm trợ hạnh, các giáo cùng chung cho nên bỏ nước là sự đồng. Quán hạnh phải phân biệt để phân các giáo. Lại, như Trường A-hàm nói: Có bốn Luân vương, phân nơi một nước mượn người cạo đầu. Đã nói các vua căn cơ đây chẳng phải một. Văn dưới lại thấy cũng thông các căn cơ.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3
(Phần Trung)

Kinh nói: "Mặc y pháp phục": như kinh Anh Lạc nói: "Nếu Thiên Long bát bộ đấu tranh, nhớ nghĩ đến ca-sa thì liền sinh tâm từ bi", ý muốn cho Tỳ-kheo sao có thể không nhẫn được? Cũng khiến chúng sinh thế tục kinh mộ ưa thích, long được một sợi tơ, sừng trâu một phen chạm đến... Vua kia mến mộ cùng đây đại đồng. Trong đây chỉ hợp nêu ý sở kiến, lấy Tựa nêu Chánh. Các độ, hạnh tướng, công đức và ca-sa... chỉ là nương vào đây để rộng nêu rõ đó thôi! Nhưng chắc cần phải biện rõ hành thể hiển giáo để phân vị sai khác. "Sinh nhẫn...": Trong văn có hai giải thích: Đầu thông dùng ba câu để giải thích ba nhẫn. Tiếp, mỗi một câu biệt đối ba nhẫn, cần phải phụ văn giải thích nêu nguyên do. Nếu phân ba nhẫn đối bốn giáo thì: Sinh nhẫn, Khổ nhẫn biệt tại sơ giáo, thông làm bốn cảnh, người nào không cần đủ hai thứ này ư! Biệt tại địa tiền. "Cầu Phật đạo": Trong đây tuy không có mà chỉ nói ước lệ. Văn kế tiếp, tức dùng tụng kinh làm Đệ nhất nghĩa. Nếu không cầu Phật, thì nhẫn không liên quan đến tụng, cho nên lấy tụng kinh đồng nghĩa cầu Phật đạo. Đệ nhất nghĩa nhẫn thông cũng tại ba, biệt chỉ Viên Biệt cho nên khiến ba câu các giáo không đồng, như kinh Biệt Dịch A-hàm. Khi Phật ở Xá-vệ có một Phạm chí đi đến chỗ Phật, dùng các lời lẽ thô ác hủy mắng để xúc não Phật. Đức Phật bảo Phạm Chí: Như ông dùng các món thức ăn dâng lên vua và để lại cho thân tộc, các vị ấy không thọ nhận, thì vật ấy thuộc về ai? Phạm chí nói: Thuộc về tôi. Phật bảo: Đây cũng như vậy, ta không thọ nhận lời nói của ông, chúng lại thuộc về ông. Cho nên, đây không thọ nhận cũng là Sinh nhẫn, cho nên đây riêng thuộc Tam tạng giáo tại A-hàm. Thông ở Thông giáo, về lý không thọ nhận, huống chi thông dụng. Các giáo cộng đó, danh kia đã thông, cần phải giải thích tướng trạng. Tiếp đến, trong phần nói về "Tinh tấn", thật tướng cũng có thể thông bốn biệt hai. Trong phần nói về "Thiền nói" "cách chung đều có căn bản tu": là các giáo đều tu. Nếu thông

đạt căn bản thì thành xuất thế và xuất thế thượng thượng, đầy đủ như Chỉ Quán Thiền Cảnh nêu, nay văn nói lược chỉ nói “Xuất thế Thượng thượng” và dùng “căn bản”. “Căn bản” tức Tam tạng, “Xuất thế” tức Thông giáo, “Thượng thượng” tức Biệt Viên. Lại bốn giáo đều dùng căn bản làm cảnh, cho nên giải thích hàng trước thông liên quan đến các giáo. Trong hàng trước nói “ly dục”: là theo Thông giáo. “Lại, căn bản...” là hai giáo Tạng Thông bởi vì hai giáo này đều tu căn bản bối xả... Nhưng cần phải biết: quán hạnh vẫn còn là Biệt, để biện rõ hai giáo. Biệt thì lìa Nhị thừa lại theo nạn thuyết, trung đạo ly dục, nghĩa trung đạo thông Viên Biệt, theo Viên mà thọ tên.

Lại lần nữa giải thích “thâm tu” (tu sâu): Do thâm tu nên ly dục không đồng, tức là trong Căn bản cũng nên truyền truyền làm thâm. Trong đây căn bản cho đến Nhị thừa đầy đủ sáu đến nay cũng đủ ý hai giáo Tạng Thông. Biệt giáo “ngũ thông” như văn. Cũng có thể nhường ở sơ địa trở lên. Viên giáo thì từ đầu đến cuối đều đủ lục thông, chỉ căn cứ lý viên, chẳng có lỗi thiếu sót cho nên nghĩa lập lục thông. Nếu theo Thật thuyết, thì Sơ địa, Sơ trụ phần đắc Vô lậu thông. “An thiền...” Trước trong thông giải thích thì thông sâu cạn. Nay Thượng thượng thiền thì biệt tại Biệt Viên. Trong phần giải thích “Bát-nhã hóa tha”, nói “Định tuệ đầy đủ”: là người Biệt giáo làm lợi ích cho chúng sinh, nói theo chiều ngang thì đủ các giáo cho đến Viên giáo. Nay theo Cực thuyết cho nên lần lượt so sánh cho đến Địa, Trụ thì mới đầy đủ. Vì vậy trong văn, đầu từ Sắc định cũng gọi là “đẳng”, đẳng cho nên đầy đủ, hữu lậu mà còn “đẳng” huống chi các thứ khác ư! Bối xả... gọi là “đẳng bất đẳng”, là căn cứ “Vô lậu sự thiền” để phán xét. Đã nói chán bối cho nên phần nhiều thuộc tuệ. Cửu định gọi là định, là từ danh phân biệt, bởi vì vô gián nhập. Thập nhất thiết xứ, thì tám xứ trước thuộc tuệ, hai xứ sau thuộc định. Lại, tám thứ trước tại sắc trong Sắc giới, cũng tự đắc đẳng đã như trước nói. Trước là nhân duyên. “Lại, Nhị thừa...” là căn cứ giáo phê phán, Nhị thừa tức hai giáo trước, Bồ-tát và Phật tức bốn giáo nghĩa đầy đủ. “Không quán...” : là căn cứ quán mà phê phán. “Phá ma...”: Bốn đức Phật đều có bốn tướng hàng phục ma, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Nếu đối giáo: Quán Không quán Giả thuộc Biệt giáo, quán Trung thuộc Viên giáo tức đầy đủ hai nghĩa giáo quán, cho đến Địa Trụ đều có “phá tám ma mười ma”, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Rốt ráo phá tận, cho nên nói “phá nhất thiết ma”.

“Kích phạm...”: Tức Phạm âm chân thật vi diệu là Sở chuyển.

Đã hàng phục ma rồi thì nên chuyển pháp luân. Văn theo Thật thuyết, chỉ nói Sơ trụ. Thông luận bốn Đức Phật đều năng chuyển, cho đến chân diệu cũng thông bốn Đức Phật. Tiếp, căn cứ "không thứ lớp" nói "tùy thấy mà hỏi" là: Hỏi: Trước nêu sở kiến, phải chăng không là tùy thấy? Đáp: Đều là tùy thấy, chỉ vì hai cách không đồng. Từ biên không thứ lớp thì tùy thấy, là hơn cả. Nếu một phen thấy như thế, thì đủ trải qua năm thời, đâu ngăn ngại việc thấy theo thứ lớp hay không thứ lớp. "Sau Tam tạng...": Đây thì hoàn toàn do đức Phật kia nói. Vả lại, như thấy người thấy hạnh thì không ngăn ngại thấy nói. "Xả thiền": là đệ tứ thiền, cũng có thể theo Biệt Viên thì không nhớ là "xả", quên thiền kia nên gọi là "xả". "Bi thiền": Luận Bà-sa nói: Sơ thiền tu Bi dễ, Nhị thiền tu Hỷ dễ, Tam thiền tu Từ dễ, Tứ thiền tu Xả dễ. Trong đây Bi thiền đã nói hóa tha, đâu riêng gì sơ thiền, cho nên trong luận Bà-sa còn có thông biệt huống chi đại giáo ư. Cho nên mỗi một thiền đều nên nói Từ cho đến Hỷ Xả. "Kinh Hoa nghiêm Tư Ích...": Hoa Nghiêm đầy đủ có hai. Tư Ích đầy đủ có bốn. Bởi vì Tư Ích đầu quyển hai nói rõ Bồ-tát phóng quang chiếu khắp mười phương A-tăng-kỳ nước, hết thảy phiền não hết thảy tật bệnh gặp hào quang thì an lạc, phiền não bệnh khổ đều nói "hết thảy", cho đến Phật tự phóng hào quang lục độ, người xúc chạm đến thì đều được lợi ích, cho nên đều đầy đủ bốn. Do sơ địa theo lệ Phật cũng nên không ngăn ngại, nên được dẫn. Thứ nhất nói: Đức Phật bảo Tư Ích Phạm Thiên: Năng giáo chúng sinh nhất thiết trí tâm, đó gọi là Bố thí, không xả Bồ-đề tâm gọi là Trì giới, không thấy tâm tướng sinh diệt gọi là Nhẫn, cầu tâm bất khả đắc gọi là Tiến, trừ thân tâm thô gọi là Thiền, lìa các lý luận gọi là Tuệ, lẽ nào chẳng phải Tam tạng lục độ ư? Thứ hai nói: Ta nói bố thí gọi là Niết-bàn, ngu nghĩa là đại phú, bởi vì nhập các pháp thật tướng của các pháp. Trì giới là Niết-bàn, vì không tác không khởi. Nhẫn là Niết-bàn, vì niệm niệm diệt. Tiến là Niết-bàn, vì vô sở thủ. Thiền là Niết-bàn, vì không tham trước. Tuệ là Niết-bàn, vì bất đắc tướng. Lại nói: Bố thí bình đẳng tức Tát-bà-nhã, cho đến Bát-nhã tức Tát-bà-nhã. Lại nói: Bố thí không thí không xam tham, cho đến Bát-nhã không trí không ngu, các thứ đây lẽ nào chẳng phải đều là tướng Thông giáo lục độ ư? Thứ tư nói: Năng thông đạt tất cả pháp không còn cái gì để xả, gọi là Đàn; thông đạt tất cả pháp không còn lậu thất, gọi là Thi, thông đạt tất cả pháp không còn thương tổn, gọi là Nhẫn, thông đạt tất cả pháp bình đẳng, gọi là Thiền, thông đạt tất cả pháp không có tướng sinh khởi, gọi là Tuệ, lẽ nào chẳng phải tướng lục độ theo Biệt Viên ư? Hoa Nghiêm nói đầy đủ như trong Chỉ

Quán quyển bảy dẫn.

Lại như Địa Trì lục độ đều có chín, đây đều là tướng nhờ hào quang mà được lợi ích, do Phật đạo danh thông bi thiền không hạn cuộc. Sơ địa, Sơ trụ và thông Thất địa đều đắc nhập, cho nên làm thông giải thích. Bốn tướng đã phân, năm thời có thể biện rõ cho nên không mượn các luận rườm rà khác. "Chưa từng có ngủ nghỉ": đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói, nhưng kia là phương tiện trong đây chánh tu, cũng là thông bốn giáo. Nếu trong Tiểu thừa thì như Na-luật, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. Trong đây ở Đại thừa để cầu Phật đạo cho nên dẫn "Bát-chu" lấy làm hành nghi. Bát-chu dịch là Phật vị, đây nêu ra để trừ bỏ "thụy cái", là đúng nhất bởi vì chín mươi ngày thường hành. Căn cứ theo bộ lại thông, vì thông các giáo. Không thiếu sót cho đến cứu cánh, chỉ mười giới đây danh rút ra từ Đại luận, cũng là thông các giáo, đầy đủ như trong Chỉ Quán và Huyền Văn. Nay "mười giới" trước sau đều là Bồ-tát, cho nên đều "cầu Phật đạo". "Sinh nhẫn, Pháp nhẫn": hợp hai nhẫn trước làm Sinh nhẫn, Đệ nhất nghĩa làm Pháp nhẫn. Nửa hàng đầu là người năng nhẫn, nửa hàng tiếp là cảnh sở nhẫn, nửa hàng dưới là dùng ý nhẫn. Ý tức kiêm Sinh pháp, cho nên biết Sinh nhẫn danh thông nghĩa biệt. Trong Tam tạng thì sinh diệt sự nhẫn làm Sinh nhẫn. Trong Diễn môn, thì Sinh nhẫn Pháp nhẫn vĩnh viễn khác Tam tạng. "Lực": A-hàm nói: Lực có sáu thứ: Trẻ con khóc là lực, người nữ sân là lực. Quốc vương kiêu ngạo là lực, La-hán tiến là lực, chư Phật bi là lực, Tỳ-kheo nhẫn là lực.

"Lìa các sự...": Là lìa ngũ cái, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói... Một hàng rưỡi đầu, tụng nêu đối tượng lìa. Tiếp nửa hàng, nêu ý lìa. Do các giáo thiền đều lìa ngũ cái, ý tại Phật đạo. Như trong Kinh Bảo Tích, Ca-diếp nói: Có bốn pháp nhanh chóng chạy xả ly ngoài một trăm do tuần: 1. Lợi dưỡng; 2. Ác hữu; 3. Ác chúng; 4. Đồng trú mà có nhiều sự hý tiếu, hoặc là sân, đấu tranh. Lại nói: Nếu có đánh đập đại thiên thế giới chúng sinh, hoặc có ác tâm não hại người phát Bồ-đề tâm, thì tội lỗi vô cùng. "Quyến thuộc ngu si...": Đầy đủ như Bát-chu, phải lìa người si, làng xóm... Hướng về trước cũng có phương tiện chánh tu là Biệt "Tứ sự": ba hàng trước chánh là nêu bốn việc, hàng đầu hai việc là ẩm thực thuốc thang, hàng tiếp y phục, hàng tiếp ngọa cụ phòng xá. Trong các giáo, hoặc lại kiều lương (cầu) nghĩa (tỉnh) giếng vườn rừng ao tắm. Nay không có kiều (cầu)... Đồ ăn uống ngon, không biết sự thế nào là tốt lành? Thiệp Pháp sư đều coi thức ăn lẫn lộn (hào) là thịt, dù có một phần của chữ "hào" là chữ "nhục" nghĩa chung là thịt, cần gì đặt

các thứ còn lại chuyên dùng thịt, khiến cho người đời sau ít hiểu biết sẽ nghi ngờ. Nên nói thức ăn chẳng phải ngũ cốc, gọi là “hào”, tức là thức ăn để ăn với cơm. Sách Thuyết Văn nói “thiện” là bữa ăn ngon : đầy đủ thức ăn. Chỉ nói từ thịt mà bàn về ăn, sao lại gọi là “ăn thịt”? Hoặc nói: Thịt ấy trước chưa chế (ngăn cấm). Nói thế là lầm. Đại thừa đốn chế tất cả đều đoạn thịt, tại sao luận Lăng-già trước sau chế ? Huống chi đều là trong hào quang thấy đâu phải một vạn tám ngàn cõi đều đồng chưa thiết lập chế đoạn thịt, cũng như đem thịt cúng dường Phật và tăng ư! Nói “y phục...”: Như cõi này ca-sa của Ca-diếp giá mười vạn lượng vàng, trong ánh sáng thấy hoặc đương có đây.

Tiếp, “giải thích Bát-nhã” trong hàng thứ ba nói. “Ngôn ngữ đạo đoạn”: là Tâm không chấp trước thì ắt lìa ngôn thuyết. “Ngôn ngữ đạo đoạn” là dứt hết cái “bất khả thuyết mà thuyết” của hàng thứ nhất. “Tâm hành xứ diệt”: là diệt hết cái “bất khả quán mà quán” của hàng thứ hai. Tuy cả hai sạch hết, mà nói mà chiếu, cho nên nói “thuyết bất khả thuyết, quán bất khả quán”. Ngữ này lại thông trong các giáo Diễn (Đại thừa) không chỉ hạn cuộc ở đây. Để hiểu rõ ba hàng này văn có năm điều giải thích: 1. Hiểu trực tiếp kinh văn. 2. Giải thích ba hàng toàn tại Phương-đẳng, mà nói sáu tức là năm tùy Bát-nhã. 3. Giải thích ba hàng toàn đồng Bát-nhã, “luận đàm đầy đủ...” là ý hàng đầu, “tịch diệt...” là ý hàng thứ hai, “thanh tịnh...” là ý hàng thứ ba. Do danh thuận tiện, đồng gọi là “Bát-nhã”. 4. Giải thích dùng ba hàng đủ đối ba vị. 5. Lại đồng Bát-nhã.

Hỏi: Nếu vậy thì điều thứ năm đây giải thích cùng điều thứ ba có gì sai khác?

Đáp: Điều thứ ba thì trực tiếp dùng “bất thuyết mà thuyết...” cùng Bát-nhã tương đồng, cho nên lại đối. Trong đây nhân trong điều giải thích thứ tư, lấy hàng thứ ba. Đối với Pháp Hoa, tức là do hai chữ “Diệu Tuệ” vẫn nói “thấy người, không thấy tòa”, cho nên trở lại đem hai hàng là đầu và sau quy tụ về một hàng giữa, không quán mà quán chính là đồng Bát-nhã, tức không thấy tòa Pháp Hoa đồng. Đồng là không thấy, cho nên chưa hiểu Pháp Hoa, đều nói hoặc là ý tại nơi đây.

Hỏi: Trước phân văn riêng tại Phương-đẳng, nay giải thích đầy đủ đối ba vị ư?

Đáp: 1. Phương-đẳng đầy đủ bốn giáo, nhiếp pháp nhiều. 2. Chỉ chưa thấy tòa Pháp Hoa cho nên ở trước Pháp Hoa, từ dung chứa mà nói kiêm Bát-nhã. Nhưng lại các giáo lục độ sai biệt, là đều do Bát-nhã, cho nên luận đủ. Do đó hoặc “nói” hoặc “quán” cho đến “ngôn ngữ đạo

đoạn” có trong các giáo cho nên cần phải luận đủ v.v...

Huống chỗ thấy khó lường cho nên nêu rõ đến năm phen, thâu nạp dù rộng cũng không ra ngoài các điều này. “Hai ý từ người”, là trong điều thứ tư thứ năm, chính chỉ hàng thứ ba. Trong câu “Kệ tụng đã rộng hiển nghĩa hiếm thấy vân vân”, thì “vân vân” là: Như trước lược trình bày, văn trên chỉ nói “chủng chủng nhân duyên tín giải tướng mạo”, mà chưa phân ba vị, bốn giáo riêng biệt. Người giải thích, thì ai biết ba hàng bao hàm hai vị? Lại, các kinh luận thì sáu cùng mười ly hợp không đồng Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. Lại, kinh Anh Lạc nói thập độ mỗi độ đều đủ ba, nghĩa thông các ý, cho nên quyển dưới nói: Thí có ba: Tài, pháp, vô úy thí. Thi có ba: Tự tánh, thọ pháp, lợi sinh. Nhẫn có ba: Khổ hạnh, ngoại ác, Đệ nhất nghĩa. Tiến có ba: Khởi tâm Đại thệ, phương tiện tiến tới, khuyến hóa chúng sinh. Thiền định có ba: Loạn tưởng bất khởi, sinh các công đức, lợi ích chúng sinh. Tuệ có ba: Chiếu hữu, chiếu vô, chiếu trung. Nguyện có ba: Tự hành, thần thông, ngoại hóa. Phương tiện có ba: Tiến hướng đến quả, khéo hội nhập hữu vô, bất xả bất thọ. Lực có ba: Báo đắc, tu đắc, biến hóa. Trí có ba: Vô tưởng trí, nhất thiết chủng trí, biến hóa trí.

“Cúng dường xá-lợi Phật”, lược như trường hàng. Tân dịch Tốt-đổ-ba, đây gọi là Cao hiển. Phương phần: Nghĩa lập là chỗ an trí thân cốt. Thấy có tướng diệt độ thì biết Đức Phật đã Niết-bàn, tuy thấy nhập Niết-bàn, không biết sở thuyết trước đây, mà chúng bấy giờ không quyết chắc, chưa lường được nguyên do thấy, cho nên không đồng xưa sợ ngăn ngại thọ lượng. Lại nữa, như trước đã thấy hai vị Tô, lý Đại Tiểu đầy đủ nên không nói lập lại, do đó nên hoài nghi. “Chư thiên, long, thần...”: Tháp cất giữ thân giới, cho nên người cúng được phước rất lớn, không giống điện đường là nơi để hình mạo. Cho nên kinh Trường A-hàm nói: Lúc đức Phật sắp Niết-bàn có Phạm ma Tỳ-kheo... đứng trước Phật cầm quạt quạt. Phật dạy: Các vị lui đi chớ đứng trước ta. A-nan suy nghĩ: Các Tỳ-kheo này thường hầu hạ cung cấp các thứ cần dùng cho đức Phật không nhàn chán, nay cuối đời cần phải có họ cung cấp, sai khiến sao lại bảo lui ra do nhân duyên gì? Phật biết ý bảo A-nan: Nay trong thành Câu-thi-la mười hai do tuần có thiên thần Trắc Tắc cơ hiềm Tỳ-kheo này đang đứng trước Phật rằng : “Nay cuối đời Đức Phật, chư thiên thần... đều muốn cúng dường, mà do Tỳ-kheo này có đại uy đức hào quang sáng chiếu khiến ta không đến gần gũi kính lễ được”. Do đó nên Phật dạy lui ra. A-nan bạch Phật: Do nhân duyên gì mà có thân hào quang ấy? Phật dạy: Vào thời đức Phật Tỳ Bà Thi, vị ấy đem tâm hoan

hỷ cầm bó đuốc sáng chiếu vào tháp đức Phật kia, khiến nay được thân thể sáng chói như vậy. Trên đến tầng trời thứ hai mươi tám, thân sáng không sánh bằng. Lửa chiếu đã vậy, các thứ khác thì căn cứ đây có thể biết. Cho nên, biết: Xá lợi ở nơi đâu thì công nơi ấy không nhẹ, khinh mạn sinh tội, tội chẳng gì lớn bằng. Như đây theo lệ kinh văn rất nhiều đâu có thể nêu hết, và chẳng phải ý chánh.

Kinh nói: "Thiên thọ vương" tức cây Ba-lợi-chất-đa-la ở Đao-lợi thiên, đầy đủ như Thích Tiêm dẫn văn Đại kinh. Kết ý văn: Chính là cúng Xá lợi, phụ là trang nghiêm các cõi nước. Nếu chỉ trang nghiêm cõi nước thì đâu cần xây tháp! "Bạch hào là gốc": Đây là căn cứ đạo lý, bạch hào tiêu biểu trung đạo nguồn gốc của các pháp, không hẳn ban đầu, và do hào quang mà thấy cho nên coi đó là gốc. Như điềm lành ở các cõi khác, thấy lục thú đứng đầu, lẽ nào đó là gốc điềm lành, do đó các cõi khác coi Phật là gốc. Nếu luận tổng biệt vẫn đồng nhân hào quang. Nói "Phật là gốc": Hạ phàm y Phật, người và pháp của Phật do Đức Phật từ đầu đến cuối, đầu ắt trở về cuối.

Hỏi: Các cõi khác sáu điềm lành lẽ nào có thể do ánh sáng? Cõi này chỉ nói Phật phóng một luồng hào quang, thấy cõi nước đây đâu từng liên quan đến năm điềm ư?

Đáp: Do hào quang mà thấy tất cả đều diệu, phải biết hào quang là gốc của sự thù diệu, huống chi các điềm lành đều lấy trung đạo làm gốc, hào quang tức trung đạo. Các cõi khác sáu điềm lành đều ở trong do hào quang cũng vậy. Hàng tiếp: hai câu đầu tán thán gốc của hào quang, trong đó một câu đầu và hai chữ "trí tuệ" nêu gốc của hào quang, gốc (bản) tức "thần lực trí tuệ". Nói "chư Phật": Là nêu nhiều để hiển bày một, chính là chỉ đức Thích-ca. Tiếp hai chữ "hi hữu" là chánh tán thán, trước đó không như vậy cho nên nói "hi hữu". Do hai việc nên hào quang mới "tịnh". Hai câu dưới tán thán thể dụng của hào quang, câu đầu tán thán thể của hào quang, câu tiếp tán thán dụng, chiếu soi cõi nước. Quá một vạn tám ngàn cõi mới gọi là "vô lượng", cho nên trước lập số. Lại, từ đó tiêu biểu so sánh chiếu các phương cũng lại như vậy, cho nên nói "vô lượng". Trong hàng thứ ba thì hai câu đầu là lập lại nêu sở chiếu mà tán thán quá thường, tiếp hai câu nêu thấy xưng hiệu, dùng thỉnh đáp. Nói "thấy việc này": là thấy điềm lành của hai cõi, cùng một mà giáo hóa khác cho nên nói "chưa từng". Đã sai khác, phàm dua nịnh thì "chưa từng" không hư dối. "Xin các Phật tử...": nghi việc không phải nhẹ, cho nên lập lại khải thỉnh, chẳng chuyên vì mình cho nên nói "chúng".

Nói “cấu nạn”: “Cấu” là đặt điều, là nhiều, là đến bốn lần cho nên nói lũy (nhiều)... Di-lặc mỗi mỗi thiết lập câu hỏi, Văn-thù đều đặt điều kháng cự. Đây có ba ý: 1. Việc lớn ý xa. 2. Dẫn hai chúng Phát khởi và Ảnh hưởng ủng hộ. 3. Dẫn hai chúng Đương cơ và Kết duyên ủng hộ. Tuy đầu và thứ hai mà chung thành thứ ba, cho nên ba ý Di-lặc đều dựa vào cơ duyên. Vì vậy nói: Sợ chướng ngại nghe pháp căn cơ ở nhân giả và do toàn chúng, cho nên dựa vào chúng mà lật lại ba ý kia. Thỉnh ắt đáp, lần lửa cũng là bền bỉ. Bộ Quảng Nhã nói: Cương Viên. “Hủy”: Tê giác: Tợ như trâu, chỉ một sừng, tợ trâu mà chẳng phải trâu nên nói “nghi hủy”. Nay trong lòng lo lắng không quyết định, cho nên gọi là “ưu hủy”. Chữ “hạp” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ “hồ” và “lạp”, có nghĩa là “bế” (đóng). Hán Thư nói: Hạp chúng không thiếu một người, “hạp” là “tận” (toàn). Nên biết nay trong hội toàn chúng đều nghi. Trong phản đối đầu tiên, nói “Chúng chưa từng nghi”, là lại y cứ không phát ra lời để chất vấn Di-lặc. Tiếp, đợi Đức Phật từ định ra, tức là nếu Đức Phật ra khỏi định thì nghi kia tự giải quyết. Nói “thời đáp”, là lời thúc giục khiến cho kia liền đáp. Lưu sư có đệ tử hành sâu, từ chi đạo mại sơn, chia đáp vấn làm bốn: 1. Khai chương. 2. Sinh khởi. 3. “Tư duy....”: nguyên do. 4. Rộng giải thích. Trong phần sinh khởi, nói “võng tượng” cũng có thể nói phỏng tượng (hình giống như) chưa xét kỹ trạng mạo. Hai chữ “phảng phất”, xưa gọi là “phỏng Phật”, trên mở qua lại, vật phương dưới phản lại, trên tương tự, dưới không xét kỹ. Nếu căn cứ nghĩa đây thì chữ “thượng” (trên) chánh sẽ tư duy đáp, tư duy đáp điềm lành cõi này cõi trên, là ý nói năm câu. Đã đối sáu điềm lành tức là dùng năm tư duy lược sáu điềm lành đây. Đã từng nói “phóng hào quang rồi thì thuyết đại pháp”, các cõi khác sáu điềm lành lấy hào quang làm tổng, nhân hào quang mà trước thấy Thánh chúa diễn thuyết cho nên biết là đáp câu hỏi các cõi khác. Từng thuật đầy đủ chứng minh sáu điềm lành Phật Đăng Minh và hào quang chiếu. Như nay đã thấy, cho đến xuất định nói kinh, tức là trả lời cả hai câu hỏi về hai cõi. Cả hai câu hỏi ý hỏi sau định, cho nên nói đáp cả hai.

“Duy thổn (tư duy)...”: đương nhân duyên giải thích. “Nhưng Văn-thù...” là giải thích theo Bản tích. Căn cứ chưa rộng thuật, giống đồng như chưa biết. Đã nói “xưa nay”, “xưa” tức rộng, chỉ vì từng chưa rõ. Nói “trước chỉ bày tư duy”, cho nên trước năm câu thì đáp Tựa sáu nghi, trong phần phá xưa trước trình bày tiếp. “Nay nêu rõ...” là phá. Trước là phá chấp, nói: “pháp thuyết kia không dùng” tức vẫn còn thí dụ; “không dùng pháp” bởi vì Bản môn thì rất sớm.

Hỏi: Đến đây còn phá “thái tảo (rất sớm)”, thì làm sao giải thích Thông tựa theo Bản tích ư?

Đáp: Thông tựa thì thông Bản Tích, Biệt tựa chỉ tại Tích môn, cho nên giải thích Thông tựa. Rộng dụng Bản môn chẳng phải là rộng khai Thọ lượng trong Thông tựa, cho đến Biệt tựa tuy có nói Bản tích, hoặc thời lại dùng thể dụng Bản tích.

Hỏi: Nếu như vậy, thì: Thí vốn là thuyết pháp bằng cách nêu Thí dụ, mà đã không dùng Pháp, sao lại dùng Thí?

Đáp: Chỉ duyên Quang Trạch thì Pháp và Thí tách rời nhau. Pháp thì Bản Tích đều luận đàm. Thí chỉ Tích môn hiển thuật. Bỏ Pháp còn Thí bởi có nguyên do. Hoặc nếu hoàn toàn chọn thì vẫn cần trách rằng: Thí vốn là thuyết pháp bằng cách nêu Thí dụ, vì sao ba thí chỉ có một thí được thọ ký? Cải đổi Tiểu thừa và phá lậu hoặc, hai pháp, mới dùng Bản tích song luận, dùng Thí trừ Pháp bởi do đây vậy.

Nhưng luận có tám câu: 1. Muốn nói đại pháp. 2. Muốn mưa đại pháp vũ. 3. Muốn đánh trống đại pháp. 4. Muốn dựng cờ đại pháp tràng. 5. Muốn đốt đuốc đại pháp. 6. Muốn thổi đại pháp loa. 7. Muốn không đoạn trống đại pháp. 8. Muốn diễn đại pháp nghĩa. Nay chỉ y năm câu, dùng câu đầu làm tổng, bốn câu dưới làm biệt.

Các nơi khác dùng tám câu bốn đối giải thích mà nói: 1. Phá ác tiến thiện đối. 2. Khai quyền hiển thật đối. 3. Đắc trí chứng chân đối. 4. Thuyết pháp lợi sinh đối. Vẫn nói dùng để giải thích nguyên do thì chỉ có năm câu thành hai đối rưỡi: Có phá ác sinh thiện thuyết pháp lợi sinh, khai quyền một câu, các câu còn lại thì thiếu, vẫn không có thứ lớp, người đọc nên biết. Nay nói luận văn tám câu để giải thích năm câu kinh thì biết : “không đoạn trống, đốt đuốc dựng cờ” là giải thích “trống pháp”. “Không đoạn” là nêu thể tướng của cổ (trống), “dựng cờ” là trống pháp tiêu biểu cờ, “đốt đuốc” là trống pháp phá sự tối tăm, dùng dụ giải thích dụ đạo lý. Như vậy, dựa vào năm câu để giải thích tổng biệt, thì Thông tựa đứng đầu bỗng thuận theo, biệt do nhờ sai khác không liên quan đến viễn bản. Văn-thù đáp Tích mà vẫn tự tư duy kỹ lược rộng rồi mới quyết định chính là đáp ý chỉ câu hỏi, sao được thuận theo như vậy để chỉ bày viễn bản? Nếu giải thích năm câu là để hiển Bản, thì “lược tằng, quảng tằng” đều phải biết viễn. Trong hào quang ngang thấy nên phát cận tích, trong hào quang ngang thấy còn ẩn đương đồng. Chỉ dùng xây tháp để mật tiêu biểu nhập thật, đâu được đối đây liền thấy viễn thành và cho là tháp vọt hiện đều là phân thân ư! Tư duy vì chưa liên quan đến viễn Bản, cho nên lược rộng chỉ luận bàn về cận

Tích. "Giải thích sau đã hư dối..." : tức giải thích hiển viễn đã dối, giải thích khai ba cũng lầm, khai ba chỉ nên như nay tổng biệt, không cần để đối hai văn rộng lược. Nếu không như vậy thì uổng xưng quyền thật. Trong Chánh giải thích chia làm ba : 1. Thuật thẳng đại ý. 2. Chánh giải thích. 3. "Ngang dọc..." là kết ý.

Trong Chánh giải thích: Trước, là giải thích, tiếp, là kết tư duy. Văn trước lại có hai: Trước đối năm điềm lành, tiếp biệt giải thích. Đại thánh suy lường không thể không từng trải lo lắng. Đây ban đầu tư duy chính là làm nền tảng cho lược rộng hai đáp, cho nên Di-lặc tư duy điềm lành để thiết lập nghi, Văn-thù dựa vào nghi để cân nhắc việc này cho nên nội tư duy sáu điềm lành chánh hiện ở trước đức Phật xưa, suy lường Phật nay hiện sáu điềm lành và ba chu về sau, cho nên lược rộng thời phương hiển nội tư duy. Đây là cốt tủy của một kinh. Trong phần đầu có ba: 1. Đối năm điềm lành. 2. "Muốn nói...": mỗi mỗi giải thích đều khiến tiêu biểu chánh. 3. "Như vậy...": kết chỉ bày hữu vô. Chỉ vì giải thích dùng điềm lành tiêu biểu việc "sẽ" xảy ra, cho nên luận tám câu đều nói "muốn". Câu đầu đáp "điềm lành thuyết pháp", là nêu xưa nói kinh Vô Lượng Nghĩa, tiêu biểu muốn Tích môn nhập Thật. Hai thời Vô Lượng Nghĩa nghĩa đã không sai khác, thì nghiệm biết ngày nay sau khi (Phật) xuất sinh thu nhập tại sao nghi? Đại pháp lẽ nào vượt qua đây? Câu tiếp, đáp "điềm lành mưa hoa": Tư duy xưa mưa hoa là tiêu biểu sẽ nói Viên nhân bốn vị, cho nên bốn hoa mà không phải quả. Tư duy nay hoa trời mà có bốn mưa rõ ràng thời hội một nhân, một nhân ắt có bốn vị làm thềm thang. Bốn loại mưa hoa dùng nghĩa "thiên (trời)" làm năng biểu. Câu thứ ba đáp "điềm lành chúng hoan hỷ": Tư duy nay đồng xưa chúng thấy điềm lành vui mừng, ngầm tiêu biểu ắt hành, hành dựa vào lý giáo, cho nên tâm vui mừng trong động Viên, chướng ngầm hoại. Cải đổi quyền nhân xưa thành chúng vi diệu nay, nhân (người) ắt thọ lãnh giáo, hành, lý đều như vậy. Câu thứ tư đáp "điềm lành động đất": Tư duy nay đồng xưa thấy động đất là tiêu biểu sẽ sáu phen phá vô minh cho nên khắp thế giới Phật chấn động sáu cách. Động tuy hình tiếng hai thứ sai biệt, lại dùng "đại cổ" tư duy, cho nên biết răn dạy binh lính quyết phá giặc lớn ở biên cương. Đất động thì trừ bỏ vô minh của lý Trung đạo, cho nên Nhị thừa xưa nay đều không có lý này. Lợi sâu xa trong Tựa mà thời chúng chưa biết. Câu thứ năm đáp "điềm lành phóng quang": Tư duy nay đồng xưa, thấy phóng quang là tiêu biểu khai hiển đạo đồng, cho nên dùng một luồng hào quang chiếu đều khắp kia đây. Đây tiêu biểu Thích-ca, kia tiêu biểu bốn đức Phật, cho nên biết Tích

môn không được đồng Bản.

Hỏi: “Đại pháp và Pháp nghĩa”, hai câu có gì sai khác?

Đáp: “Đại pháp” tiêu biểu cõi này khai hiển, “Pháp nghĩa” tiêu biểu kia đây đạo đồng. Đây chiếu nơi kia, kia đồng với đây, cho nên nói “diễn”, và một đời không tin đáp vấn có tồn tại.

Trong câu “Ý thì lại bao gồm đầy đủ, chẳng phiền nghi ngờ”, thì “bao gồm đầy đủ”: là nghiệm biết bốn điềm lành tại định, định thì không thể không có. “Thiếu một điều này, cho nên gọi là lược đáp” : Lược là rất tóm lược, một phen lược tợ như lược ở phần tư duy, nghĩa thì không như vậy. Bởi vì trong phần “lược tằng” đã có lời của Phật quá khứ, chỉ là đối với rộng thì gọi là “lược”, chẳng đối với tư duy. Vì vậy cho nên tư duy chỉ suy lường quá khứ, hiện tại, không có nói “từng thấy”, cho nên lại “lược”. Đây lược nói có hai ý kia: 1. Nói lược, là vì không từng thấy, 2. Thiếu là lược, vì thiếu nhập định.

Tiếp trong “Biệt giải thích”, lại có tổng và biệt. Tổng: vì bốn câu dưới đều là đại pháp, cho nên biết bốn câu dưới làm thành câu đầu. Nói Biệt: tức dùng mưa v.v... để phân biệt đại pháp kia, khiến nhập Trụ v.v... Vì đối bốn vị, nên gọi là biệt. Tức dùng ba thí dụ của ngài Quang Trạch, mà theo pháp này cho nên giải thích năm câu đều nương dụ theo pháp. Trước, dùng điềm lành hoa nêu ngang biệt để hiển bày dọc tổng. Do nghĩa trong câu đầu bao hàm bốn vị, cho nên tiếp là dùng mưa... để lìa tổng trước mà xuất bốn câu. Căn cứ bốn câu dưới này, đương vị tự đầy đủ từ đầu đến cuối, trong văn lại theo đối dọc để thuyết, cho nên dùng mưa hoa để tiêu biểu bốn vị. Như “thổi pháp loa”, Thông thì tiêu biểu cải đổi bốn vị, mà Biệt thì tại Thập hạnh. “Đánh trống pháp”, Thông thì tiêu biểu bốn phen phá lậu hoặc, mà Biệt thì tại Thập hướng. Diễn thuyết đã thông nói ngang rộng dọc sâu. Dọc sâu tức như mỗi một vị dọc nhập, biến thông các vị, mà biệt tại Thập địa. Cho nên bắt đầu từ “mưa đại pháp vũ” cho đến “pháp nghĩa”, nhất nhất khắp Tích môn rộng nói. Chỉ vì đối với chúng sinh đắc ích không đồng, phải từ dọc giải thích, buộc ngang theo dọc. Cho nên nhập Trụ thì tạm gọi là “pháp vũ”, cho đến nhập Địa thì tạm gọi là “pháp nghĩa”. Vì vậy cho nên Tích môn gọi chung là “mưa đại pháp vũ” cho đến “pháp nghĩa”. Nên dưới rộng giải thích mỗi một câu đều nói “vì muốn cho chúng sinh”. Sở nhập lại có siêu vượt thứ lớp không đồng, nay tạm theo thứ lớp đều nói “nay cùng xưa đồng”. Như ban đầu nêu “mưa đại pháp vũ” chỉ tiêu biểu “nhập Trụ” tức không nói “xưa nay”. Từ Tín nhập Trụ nơi nào luận sửa đổi ? Chẳng những không sửa đổi Tín mà còn chẳng đổi địa vị chân thật,

không được cải đổi danh, cho nên ban đầu nhập Trụ không cần nói cải đổi. Vì thế, biết Nhị thừa độn căn, Bồ-tát xưa trước Pháp Hoa chưa phá vô minh, nay ban đầu nhập Trụ chỉ được gọi là "Khai", cho nên "lược khai". Lợi căn lợi ích sâu tại câu thứ hai, cho nên câu thứ hai chấp nhận có thời xưa lợi, độn Bồ-tát và người Nhị thừa. Trước mật nhập Trụ và nay tại kinh này bắt đầu nhập Trụ, đều tiến nhập Hạnh, đều gọi là cải đổi hiệu. Hoặc hiển hoặc mật, đến nay không đồng. Câu thứ ba và câu thứ tư đều chuẩn theo câu thứ hai, cho nên biết cải danh cũng thông ở sau. "Dạy bảo binh lính" cũng như vậy. Chứng vị tuy như vậy, cũng có xưa nay, nghe kinh có lợi ích mỏng nhập phẩm nhập tín. Lược thì như trước nêu hai chúng Đương cơ và Kết duyên, đầy đủ thì như trong Huyền Văn nói lợi ích diệu thuyết. Cho nên, biết như vậy trước cũng có nghĩa Thông Khai... bốn danh. "Ngang rộng dọc sâu", là ba câu trước chẳng phải không sâu rộng, nay đến Địa vị tối đắc danh kia.

Tiếp, "Suy nghĩ xưa..." : là tổng kết. "Ngang dọc giải thích suy nghĩ xong": Nếu tổng biệt đối nhau, thì lấy tổng làm ngang, lấy biệt làm dọc. Nếu biệt thích, thì câu đầu song hiển ngang dọc hai giải thích, ba câu dưới văn chính là nêu dọc, vị vị kiêm ngang. Thiệp Pháp sư nói: Luận giải thích văn đây lược không có công dụng nương tựa, khó có thể nương đủ, cho nên văn nay cũng không hoàn toàn xử dụng.

"Thiện nam tử": Thiệp Pháp Sư nói: Lìa năm hạng người bất nam, trong Pháp Hoa chúng chỉ lìa bất nam, vừa mới kham thọ Thanh văn vô tác trong một duyên có ít phần mà thôi! Nay nói danh này Đại tiểu thông chung. Đến nay nên nói khai bảy phương tiện làm thiện, kham nghe độc diệu gọi là "nam". "Nam tử" tức là trượng phu, đầy đủ như trong Đại kinh. Đại kinh vẫn bao hàm Phật tánh của Tam giáo, đầy đủ như Huyền Văn dẫn nói: Người Tu-đà-hoàn Phật tánh như (nhũ) sữa tịnh... lẽ nào trong Tiểu giáo có Phật tánh? Cho nên biết Đại kinh, sau Pháp Hoa, khai phương tiện giáo, khắp lập danh Phật tánh. Danh thông mà nghĩa biệt, nên "nam tử" thì danh thông tại năm thời, nghĩa thì biệt tại các giáo.

Tiếp, giải thích "lược tằng" đầu tiên nói "tiểu phân minh": lại tạm theo ngôn thuyết thứ lớp dần mà nói, ý thì không như vậy. Lúc trước nói "duy thổn" (suy xét), lại tư duy rộng lược, cho nên biết "lược tằng" lại thuật tư duy. Trong đáp chỉ lược nêu điềm lành hào quang, hào quang chiếu phương khác nghĩa đương nhiên là nơi các cõi khác. Nói chung, thì đều đáp cõi này, huống chi văn nói các cõi khác văn vốn làm thành đây, cho nên biết "suy nghĩ" thì là đây, "lược tằng" thì là kia. Sở dĩ

"phân kia đây" là vì trong "suy nghĩ" có nói Đức Phật nay, trong "lược tằng" có nói Đức Phật quá khứ. Dùng nay tiêu biểu đây, dùng quá khứ tiêu biểu kia. Nếu như vậy, "quảng tằng" cũng có nói quá khứ, thì vì sao song biểu? Trong đáp rộng thuật đầy đủ ba thứ đồng, có thể dùng ba thứ đồng để hiển bày đây. Lại, có nói quá khứ, và dùng quá khứ tiêu biểu nơi khác. Nếu như vậy, trong phân biệt đáp không nói quá khứ, thì vì sao song phê phán? Đáp: Nay thấy điềm lành này cùng bản không khác, bản tiêu biểu quá khứ. Ngày nay Như Lai tức hiển đây, song thuật quá khứ hiện tại cho nên tiêu biểu cả hai phân biệt. Nói "tằng kiến" (từng thấy), tức là thấy rộng, chỉ là trong cách nói trình bày thứ lớp lược rộng tăng dần, làm cách đáp, nghi thức khách chủ đó thôi. "Muốn khiến..." nói muốn khiến là luận đàm ý giáo. "Văn" tức Văn tuệ, "Tri" tức Tư tuệ. Tức khai hiển Văn Tư, cho nên nói "khó tin". Đã có hai tuệ, ắt nhập Tu tuệ, lẽ nào Phật nói pháp khiến chỉ riêng có hai. Chỉ dùng "Tri" để giải thích "Tu" chưa thể hoàn toàn đúng, cho nên chỉ nói "Tư". "Cũng là Tín, Pháp": Tức viên hai hạnh. "Văn" tức Tín, Hành, như phẩm Tùy Hỷ Pháp Sư... "Tri" tức Pháp hành như phẩm An Lạc Hạnh... Lẽ nào hai hạnh hoàn toàn không có Tu tuệ, như tam chu thọ ký và công đức bản môn... đều một phen phân biệt; cho đến nói: "Nếu nghe kinh này tư duy tu tập..." Cho nên, trong kinh văn theo lệ đó không ít, vì một bộ văn hễ luận về nhập pháp thì không ra ngoài hai hạnh. Hai tuệ hai hạnh đắc nhập các vị, cho nên nói "muốn khiến" là ý thông từ đầu đến sau. Nói "Thâu vô lượng để quy về một": Chỉ nói ý đại pháp, nghĩa đương là tổng. Tiếp, nói "Cải đổi tam thừa" : là chỉ pháp Thập hạnh; Tiếp, nói "Sáu phen" chỉ đánh trống, là Thập hướng. Tiếp, nói "chư Phật..." chỉ diễn nghĩa Thập địa. Tiếp, nói " Khai..." : là chỉ lui lại pháp vũ Thập trụ. Cho nên, biết "lược tằng" trở lại thuật suy nghĩ kỹ, điềm lành tiêu biểu sở vi, cho nên nói "muốn khiến". "Nhất thiết thế gian...": Nếu không thông chỉ các vị đều khai Phật tri kiến thì lẽ nào được nói "nhất thiết..." ư? Như văn dưới nói: Tất cả thế gian nhiều oán "khó tin". "Khó tin" nghĩa thù thắng hơn bốn mươi năm mới tin hiểu.

Tiếp "quảng tằng": lại rộng nêu hai thứ trên. Nói "ngang dọc": cõi này cõi kia đối nhau gọi là "ngang"; nay và xưa đối nhau, gọi là "dọc". "Thông hiệu": Ứng thân đều đầy đủ mười hiệu cho nên gọi là "thông", Pháp thân đối Ứng thân mà được nghĩa lập. "Nay thân ta đây" tức là Pháp thân. Cho nên biết Ứng hiệu tức Pháp hiệu, nhưng giải thích Pháp hiệu cần phải từ pháp lập, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai

nói. Lại, trong các kinh có khi liệt kê chung cả ba hiệu, tức ba hiệu đầu trong mười hiệu. Cho nên Tịnh Danh nói: “Nếu ta phân biệt nghĩa ba câu đây thì cùng tận kiếp cũng không hết”. Căn cứ ba đối với bảy, cũng là ứng có thể biết, hiệu Ứng thân vô tận huống chi Pháp thân ư! Biệt hiệu thì bất định, như Kinh Lăng Già: Phật bảo Đại Tuệ: “Ta ở trong cõi Sa-bà này có ba Tăng-kỳ trăm ngàn danh hiệu”. Cũng như trong kinh Hoa Nghiêm, Phật bảo: “Đức Như Lai ở trong tứ châu thiên hạ này có mười ngàn danh hiệu. Ở mỗi một thế giới trong mười phương thế giới, Đức Như Lai đều có mười ngàn danh hiệu. Cho đến mỗi thế giới trong mười phương tận pháp giới hư không giới, Đức Như Lai có rất nhiều danh hiệu không đồng”. Đức Phật đây đã vậy, chư Phật cũng đều như vậy. Phật hiệu đã vậy Phật thân, thuyết pháp cũng lại như vậy. Công đức của mười hiệu như Hương-khẩu Tỳ-kheo trong kinh A-Dục-Vương nói v.v... Nếu vậy, một đức Phật đây mà danh hiệu còn chẳng đồng, thì vì sao nói danh Phật đây đồng với Phật khác? Lại giải thích biệt danh, dùng định tuệ tự tha để giải thích. Đức Phật nào mà không có tự tha định tuệ đây, mà chỉ riêng nói Đức Phật Đăng Minh cùng Đức Thích-ca đồng? Đáp: Ứng Phật đắc danh tùy duyên đều khác biệt, nghĩa kia dù đầy đủ cũng không sánh bằng Đăng Minh như trong kinh Lăng-Nghiêm: “Kiên Ý hỏi thọ lượng, Phật khiến đến Đông phương quá ba vạn hai ngàn cõi Phật, có Đức Phật hiệu Chiếu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương. Kiên Ý đến hỏi xong bạch Phật rồi. A-nan nói: Như con hiểu điều Phật nói, thì đức Phật kia là tên khác của Đức Thích-ca”. Cho nên, nói Chiếu Minh chính là cùng Nhật Nguyệt Đăng Minh nghĩa đồng. Thiệp Pháp sư nói: “Nhật” phá sự tối tăm, “Nguyệt” tạo ánh sáng. Nhật thành nhiệt nóng, Nguyệt mát mẻ. Nhật khai các hoa hợp thanh hoa, Nguyệt hợp các hoa khai thanh hoa. “Đăng” ở nơi nhà kín năng phá tan sự tối tăm, như trí kia năng phá lậu hoặc. Tuy nhiên, hoàn toàn không hợp dụ, huống chi cũng không có thấy ba thứ đồng. Vì dựa vào nay hợp mới tại giáo này, mới có thể dựa vào định tuệ tự tha trước, cho nên nói tùy duyên mà danh xưng riêng biệt, nhưng nghĩa thì không sai khác. Tiếp, trong “Thuyết pháp đồng” tức năm thời đồng. Như Hoa Nghiêm phẩm Tứ Đế nói: “Văn-thù bảo các Bồ-tát: Tứ Thánh đế ở cõi Sa-bà đây và mười phương thế giới mỗi mỗi đều có bốn trăm vạn ức mười ngàn danh hiệu”. Kinh Đại Tập cũng vậy. Cho nên, biết các kinh Đại thừa phần nhiều là biện rõ sự sai khác, chỉ có kinh này đặc biệt là hiển đồng. Chẳng những Phật đây cùng Phật khác pháp đồng, mà còn chính mình và người đều nhập một vị. Cho nên văn dưới nói: “Nhân

duyên Thí dụ đều đến Chủng trí", vì vậy các kinh không nêu ra ý khác. "Đại thừa thất thiện (bảy thiện)": đã nói thông Đại Tiểu thừa trong luận lại dùng ba thứ Văn Tư Tu mà làm ba thời. Thành luận lại dùng "thuyết thiếu niên, trung niên, lão niên" làm ba, không đồng người nay. Người nay thì già được nói là không phải "Thiện". Lại, cũng dùng tam thừa làm ba, cho nên nói thông. Nay văn dùng ba đoạn làm ba, kia nói vẫn thông mà nghĩa kia thì biệt. Thời tiết đã vậy, sáu thứ còn lại chuẩn theo đây có thể biết. Nay kinh nên nói Viên thừa bảy thiện. "Bát âm (tám âm)": 1. Cực hảo. 2. Nhu nhuyến. 3. Hòa thích. 4. Tôn tuệ. 5. Bất nữ. 6. Không lầm. 7. Sâu xa. 8. Không hết. Các giáo đều có cái khác nhau tùy theo sở tuyên, cho nên phán giáo không đồng. Tùy theo sở y khác nhau mà phán định Phật khác nhau. Từ xưa đến nay, giáo lý không có hai đường. "Giới nội giới ngoại..." : Biệt Viên hai giáo nhiếp hai xứ kia, tổng gọi là "mãn tự" cho nên gọi là "viên mãn". Trong câu "Sư nói hành thiện phạm hạnh..." thì "Sư" là ngài Nam Nhạc. "Lại, sơ trung hậu thiện...": là lần nữa lại nêu cách giải thích khác. "Kim Quang Minh": Như Kim Quang Minh Tối Thắng Vương kinh quyển thứ tư nói: Kinh này hy hữu khó lường.

"Sơ thiện, trung thiện, hậu thiện" nghĩa kia cứu cánh. Tuy không nói rằng lời nói kia thuộc loại xảo diệu, nhưng do các văn khác theo lệ có thể dùng ý biết. Bộ tuy là Phương-đẳng, mà nghĩa thì viên cực cho nên có thể dùng chứng minh đây. "Tiền Tâm" nghĩa là trước Trụ. "Trung tâm": là đăng Trụ. "Hậu tâm": tức Diệu giác. Lý giống như chưa hiển, gọi là "Bất tư nghì". Phần chứng Định Tuệ, gọi là Trang nghiêm. Hoặc (phiền não) rốt ráo tận, gọi là "Bất hoại". Ba điều này, Như Lai hể có thuyết thì đều đồng nhất thiện. Sơ tâm còn gọi là Bất khả tư nghì, huống lại trung hậu sở thuyết đều thiện. Cho nên cũng cùng trong Thuyết pháp đồng là Thời tiết đồng, cho nên chỉ lập ba thời, ngoài ra đều thiện. Có người nói: Câu đầu tổng, sáu câu sau biệt, cho nên lìa bảy làm mười. Vì lìa ba câu đầu, còn lại câu 4. Nghĩa sâu. 5. Ngữ xảo. 6. Vô tạp. 7. Cụ túc. 8. Thanh tịnh. 9. Tiển bạch. 10. Phạm hạnh. Phải phân chia Đại tiểu kia, trong Tiệm không nêu Phương-đẳng Bát-nhã chỉ dùng lục Ba-la-mật để phác thảo, chỉ vì là văn lược. Đã nói đáp: các việc tu hành bên trên lẽ ra đầy đủ như trên. Đốn tiệm đã đồng ngang dọc không sai biệt cho nên biết nhân ánh sáng mà ngang thấy, chẳng những là đầu mối sinh nghi để Di-lặc hỏi khác mà còn là điềm báo trước Văn-thù đáp đồng. Lại, chẳng phải chỉ hai bậc Thánh vấn đáp sâu xa phù hợp, mà còn vốn là huyền chỉ Như Lai hóa đạo, cho nên chủ

bạn cùng nhau bí mật thiết lập một đường, khiến thích hợp cơ duyên chúng sinh nghe đều khế hợp.

Hỏi: Trước trong phần hỏi thì dùng Bồ-tát làm Tam tạng Đại thừa, sau Tam tạng mới nói các thứ, tức chỉ hai vị Sinh tô và Thục tô, nay tại sao lại dùng Bồ-tát lục độ để đáp các thứ?

Đáp: Phàm các vấn đáp dù là văn kệ tụng hay trường hàng đều có rộng lược, đây văn đối trên nên chia làm ba ý: 1. Trên rộng nay lược cho nên nay Tiệm ban đầu chỉ nêu Nhị thừa. 2. Trên ly nay hợp, cho nên trên Bồ-tát biệt khai Sinh tô và Thục tô, biệt nêu các giáo. 3. Bên trên nêu đủ chánh phụ, tức thông liệt kê Tam thừa. Nay chỉ luận chánh, lại nói Nhị thừa.

Hỏi: Xét văn thấy xu thế nói khiến đắc Bồ-đề thuộc về câu nói Bồ-tát, vì sao phân lìa ra, đối vị không đồng?

Đáp: Có hai thứ: 1. Nghĩa ý: thiết lập các vị trước gốc là Phật thừa, muốn khiến đắc dùng đối ý gốc. 2. Đáp ý: Hỏi đã đầy đủ ý vượt đến đầu cuối, đáp cũng tùy theo thuật đầu cuối, không thể chỉ theo văn lược khiến thiếu đại chỉ, cho nên tùy xu thế của câu hỏi dựa theo nghĩa mà có ly khai, huống chi vấn đáp đây tùy kiến giải mà biện rõ. Tin rằng chẳng phải hai Thánh hư cấu nói nguyên do, mới có thể gánh vác khéo léo giải thích văn kinh này. Dẫn việc quá khứ vô lượng kiếp xa xưa đồng với việc một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, nghiệm xưa hiểu văn chưa thành đáp vấn.

"Thành Nhất thiết chủng trí": Trong văn nêu năm Đức Phật đều nói "Vì khiến..." cho đến "Chủng trí", cho nên biết đồng. Do đó "xuất định" dẫn đồng mà lại đồng với những cái thấy trong hào quang cho nên trong văn nêu năm Đức Phật nói các thứ củng không ngoài bốn vị. Trong câu "nêu Phật nay hẳn phải cùng với xưa đồng vân vân", thì "vân vân" là: Khiến lại phân biệt ba thứ đồng tướng trạng. Phật nay đang tại định, cho nên biết là sẽ thuyết Pháp Hoa bởi vì Phật xưa đã thuyết kinh Pháp Hoa, ba thứ đều đồng xưa. Vì thế cổ Phật sáu điềm lành và do bốn vị trước ấy mà cùng với nay, nay đồng đã đồng, chỉ có thuyết kinh Pháp Hoa gọi là sẽ đồng. Cổ sư không dùng sáu điềm lành mà nói nay đồng, đầy đủ như dưới phá. "Đầu tiên dẫn" cho đến "hỗ tương nêu": là Văn-thù khéo nói vì tránh nhiều văn rườm rà, cho nên Văn-thù thấy thời đều đầy đủ năm vị. Nói "chỉ trước": là dùng giữa và sau để chỉ một đức Phật đầu tiên là trước. Hai vạn là tiệm, chỉ tối sơ cho đến sau cùng. Tối hậu là đốn, chỉ hai vạn cùng với đầu tiên. "Mà không dẫn hai vạn trước...": là lại dẫn đồng, đều là đốn khai tiệm. Quá

khứ đã vậy, nghiệm thì biết cõi khác không quá một vạn tám ngàn, bởi vì ngoài quá đây thì không đồng. Nếu nói vô lượng thì tại sao ngăn ngại chiếu đồng? Nếu y hiện số thì trung gian không đồng cũng không chiếu, huống chi ngoài một vạn tám ngàn. Tuy nhiên cũng là một phen (nhất vãng) hào quang chiếu chỉ khiến thấy một vạn tám ngàn. Đáp chỉ dẫn hai vạn Đức Phật quá khứ, đủ để tiêu biểu đạo đồng, đủ để có thể giải thích nghi niệm. Cho nên, xuất định thì dẫn mười phương ba đời, đâu chỉ như trước đã thấy đã dẫn.

Hỏi: Nếu vậy thì tại sao có thể dùng số mà làm sở biểu?

Đáp: Phàm có tiêu biểu thì cũng đều căn cứ hiện số, bổng đến ba vạn lẽ nào không tiêu biểu ư? Do pháp môn tự tại vô tận, huống chi chánh vì sở biểu! Vả lại đến một vạn tám ngàn, hai vạn Đăng Minh, nếu giải thích theo Quán tâm thì vẫn tiêu biểu hai vạn, như trước hai ngàn tức hai vạn. Như Bồ-tát tám vạn, căn cứ đây nói có thể biết. Nếu đầy đủ thì dùng hai vạn để tiêu biểu, tức nêu Quyền Thật đầy đủ.

“Họ Phả-la-đọa...”: Chân Đế giải thích là một họ trong dòng Bà-la-môn. Kinh Bản Hạnh Tập dịch là “trùng tràng”, chữ “trùng” là bình thanh. Hết thảy chư Phật đều không ở hai họ hạ tiện còn lại, còn dòng tôn quý là Sát đế lợi, người đa văn thì thuộc dòng Bà-la-môn. Lại, trược khó điều phục là dòng Sát-lợi, thanh dễ điều phục là Bà-la-môn.

Hỏi: Ba đồng phán xét văn, dòng họ sao làm khác?!

Đáp: Dòng họ thuộc Tổ phụ, tên thì tùy theo đức của mỗi người, dù cho dòng họ khác chưa đủ gọi là trái. Nếu tác nghĩa đồng thì đều là lý kia, tôn quý và đa văn nghĩa đồng danh biệt, như trong hợp danh, lẽ nào vì xưa nay đồng danh Thích-ca.

Nói “Năng nhân”: Cũng là căn lợi nhanh chóng không trái vật tình cho nên được người trong nước theo như chợ. Cái gọi là “không hai” tức đều viên mãn chúng tâm, cho nên gọi là “nói lời viên mãn” (mãn ngữ). Mãn ngữ chỉ là Năng nhân. “Một, tám vương tử” cũng lại như vậy. Nếu vậy thì mười phương chư Phật vị nào mà chẳng lợi căn bình đẳng? Đáp: Bản dẫn khiến đồng, cần gì phải cầu khác? Huống chi nay chỉ dùng ba thứ đồng theo lệ, danh đồng chính là từ phương tiện đến. Như năm Đức Phật dẫn đồng, mười phương đều từ đốn khai tiệm, đều khiến đến Nhất thiết chủng trí. Đây tên của tám người con, làm bốn đối để giải thích, chỉ được giải thích theo Quán tâm, ba thứ còn lại thì hoàn toàn không. Kinh dạy: “Mỗi vị đều lãnh trị bốn châu thiên hạ”, có chỗ nói: “Kim luân ắt không gặp Phật”, đây thì không như vậy, các vị ấy đều không theo lệ. Nói “phát tâm Đại thừa”: Chỉ là bốn hoằng thệ, các vị Thanh-

văn này ở chỗ Đức Phật Đại Thông trước đã từng phát tâm, huống chi được hội nhập mà lại gọi là Tiểu ư? Nhưng “Phát tâm”: Tuy kinh Hoa Nghiêm nêu mười thứ mà không ngoài bốn hoằng, đầy đủ thì như trong Chỉ Quán quyển một nói rộng. “Nay chưa phát tích...”: Cũng nên nói khai quyền. Nói “phát Bản” là từ chỉ bày Tích mà nói.

Hỏi: Tập kinh là ở sau phát Bản, vì sao vẫn nói Thanh văn?

Đáp: Đây căn cứ lúc Văn-thù đáp vấn, vẫn là Thanh văn.

Hỏi : Nếu vậy thì đầu kinh không lẽ nói cũng gọi là Thanh văn?

Đáp: Theo xưa liệt kê như thế, đầy đủ như trong giải thích Tựa.

Cho nên, giải thích thì trước cần phải thuận theo kinh hiện văn thứ lớp, vả lại tán thán Tiểu kia. Lại, căn cứ giáo và dùng Bản tích, lựa chọn ý văn căn cứ nay để nói.

Hỏi: Đây nói “phát Bản” cùng “phát Tích” có gì sai khác?

Đáp: Đại đồng Tiểu khác. Phát là khai. Hoặc là Tích che Bản, khai cái năng che kia gọi là “phát tích”. Tích đã phát rồi thì thấy Bản kia. Căn cứ biên hạn sở khai kia, thì gọi là “phát Bản”. Vì che Bản, nên Tích là Năng che, Bản là Sở che.

Căn cứ biên hạn sở trừ, gọi là “phát Tích”. Căn cứ biên hạn sở kiến, thì gọi là “phát Bản”. “Văn dưới”: là đầy đủ như trong phẩm Ngũ Bách Thọ Ký nói, thì biết hết thảy Đầu-giác, Thanh-văn đều là Bồ-tát. Từ “Xưa nêu” cho đến “thì có”: là giải thích nghi. Sợ nghi xưa cùng nay, nay đồng ứng tất cả đồng, vì sao nay đầy đủ năm Tựa mà xưa chỉ có hai? Đầu là hiện tướng, từ “Di-lặc nên biết” trở xuống: là hoài nghi. Từ “Lúc bấy giờ có Bồ-tát” trở xuống : là tiện luận thuyết kinh. Sở dĩ xưa chỉ có hai, là có hai ý: Trước dẫn nêu xong. Tiếp “ Đã nói...” là giải thích trong đó có hai: Một là nêu văn không nghĩa có, Hai “Lại nếu...” là nêu ẩn xưa hiện nay. Từ “Chủ yếu đáp hai lý kiêm....”: là lược. Nếu đầy đủ dẫn ba Tựa để đáp câu hỏi của Di-lặc thì trở lại thành Văn-thù dẫn xưa đáp, có gì mà không được? Chỉ Văn-thù xét biết tâm niệm của chúng lúc ấy đều hướng đến mình. Cho nên Di-lặc nói: “Bốn chúng đều mong ngóng nhìn ngài và nhìn ta”. Là do ẩn xưa ba mà chỉ thuật hai, khiến biết sau vấn đáp tức nói Pháp Hoa, khéo trình bày điều mình thấy để thỏa lòng mong muốn của hội chúng. Thích hợp thời thì có gì thêm? “Lại nếu...”: ý thứ hai, chỉ duyên không trình bày xưa đáp. Cho nên dùng lời mình đầy đủ từ đầu đến cuối. Đầu nói Pháp Hoa cuối cùng tận diệt độ, cho đến khi kết hội mới kết thuật, nói: “Nay thấy điềm lành này cùng xưa không khác...”, cho đến kệ nói: “Ta thấy Phật Đăng Minh xưa đã phóng quang như đây, bởi thế biết Phật nay, muốn nói kinh Pháp

Hoa” chỉ lợi vật tùy căn cơ, đâu có nhọc phí lời. Cho nên ẩn vấn đáp chỉ thuật lại điều mình thấy. Nếu vậy thì đâu ngăn ngại thuật chúng? Đáp: Căn cứ lúc trước khi thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa không nói có chúng vây quanh... Vả lại nói không có chúng mà nói kinh Đại Thừa Giáo Bồ-Tát Pháp, số Bồ-tát được giáo hóa đến hai mươi ức, lẽ nào phải chúng ư? Huống chi hai thứ này bao gồm ba thứ còn lại thì đâu cần thuật. Nếu vậy thì sao không thuật vấn? Đáp vấn ắt có đáp tướng tùy theo phải thiếu. Trong phần đầu nêu “người sở nhân”, thì: trước là thuật không đồng làm trưng dẫn khởi, tiếp theo là thuật Diêu sư lầm giải. Nói “nhân thác”: là người lưu thông tức chỉ Diệu Quang. Nói “không phải trực tiếp” là không như nay, Đức Phật xưa vừa xuất định thì thuyết kinh, Đức Phật nay xuất định thì trực tiếp nói với Thân-tử. “Đức Phật kia...” là tiếp nêu Diệu Quang chẳng phải là người được đức Phật kia từ định ra bảo trực tiếp. “Như nay...” là nêu rõ Thân-tử chỉ kham đối với Phật bảo, mà chẳng kham lưu thông cho nên nói “chưa chắc”. Tiếp, “nhân thác...” nêu rõ Đức Phật kia lưu thông thuộc nơi Diệu Quang cho nên nói: “chẳng ai bằng”. Tiếp, “Như nay...” là dẫn người nay lưu thông đồng với Diệu Quang kia chẳng phải không có, hoặc là bằng. Đây Đức Phật hoằng tuyên không có ai bằng Văn-thù không thể là thường cho nên nói “không như”. Tiếp “Phật nay...”: nêu Phật nay đã không tán thán Thân-tử xưa Phật sở dĩ không tán thán người được trực tiếp bảo, cho nên biết xưa nay đều tán thán người hoằng thông, cho nên nói “hà tất”. “Hà tất”: là lời không tán thán. “Văn-thù...” là lập lại dẫn tán thán người lưu thông. Tiếp, “Lại xưa...” là thuật Cổ sư, “dùng Dược Vương làm sở nhân”: là chấp nhận mà không dùng. Nay sư thấy đầu phẩm Pháp Sư nói: Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nhân Dược Vương Bồ-tát để bảo với tám vạn Đại sĩ, tức dùng Dược Vương làm người sở nhân. Nếu dẫn Dược Vương so sánh Diệu Quang, thì gần giống có thể như vậy, mất đi sâu sắc của Thân-tử thì không thể. Chỉ nói văn có nói sở nhân cũng là lời đối cáo. Lại nói có thể như vậy. Nói “dẫn xưa để chứng minh nay có chút không giống” tức là nếu dẫn xưa Đăng Minh chánh nói người đầu tiên đối bảo để chứng minh Dược Vương nay thì không giống, so sánh với Thân-tử đây thì giống. Nói “chút ít”: Cũng đồng Văn-thù. “Hoặc nói...” lại dẫn lời cổ sư. Nói “bất tiện”: là khi giải thích nghi thì Như Lai tại định, khi xuất định thì nhân căn cơ chẳng phải nhân Văn-thù. Sau khi xuất định thì chỉ nói “Bảo Xá-lợi-phất”, đâu được đem việc người giải thích nghi trong khi Phật tại định, để làm người đối bảo khi Phật xuất định ư ? “Nay nêu...” là bài xích xưa giải thích không đúng, cho nên tổng

nói "không như vậy". "Kinh nói: Lúc bấy giờ đức Phật Đăng Minh từ trong Chánh định mà dậy nhân Diệu Quang Bồ-tát mà làm...": là trách xưa. Văn nói nhân Diệu Quang mà nói kinh, đâu được nói nhân Diệu Quang mà lưu thông. "Đây mới..." là trách hai sư. "Công" là rõ ràng, "kháng" là chống cự, hai chỗ đều là xuất định đối bảo, bảo là lời dạy bảo. Nếu dùng Diệu Quang làm lưu thông, Dược Vương làm đối bảo, thì trái kinh chống lại Phật, đâu có liên quan đến giải thích kinh. "Xưa nhân..." là dẫn các việc đồng chẳng phải chỉ một đường. Nói "Tích môn đã xong...": chẳng phải nói Tích môn hoàn toàn xong, mà chỉ là xong chu Thí thuyết. Liền nói "Bảo Xá-lợi-phất, người vô trí đây...". "Nay xưa..." là tổng kết bài xích. Nói "lại làm sao thắng" : là trước giải thích nạn rằng: Xưa đã phát Tích thì gọi là Bồ-tát, nay chưa phát Tích thì gọi là Thanh-văn, các việc đã đồng nên sở nhân cũng đồng. "Mà cận..." là bài xích dẫn Dược Vương. Mà cận bỏ ban đầu Chánh thuyết, viễn chọn lưu thông làm đầu. "Lúc bấy giờ..." là thuyết pháp danh đồng trong kinh, chỗ tán thán cùng Vô Lượng Nghĩa lời câu không khác. Nếu giải thích trong đây, thì "Giáo Bồ-tát Pháp" là y nghĩa tựa trước, chẳng phải ý chánh tông. Nếu làm danh khác thì cùng nay không khác, cho nên không lập lại giải thích. "Hạnh hậu không cảnh": là sau khi thấy các thứ hạnh của thời Phương-đẳng Bát-nhã thì không thấy hội Pháp Hoa Niết-bàn, mà chỉ thấy việc xây tháp cúng dường, cho nên nói "không cảnh". Vì vậy nên "Nay Văn-thù đáp....": là đáp rút từ trong Pháp Hoa hội, tức là sự sau các hạnh.

"Sáu mươi tiểu kiếp như trong khoảng bữa ăn": sáu mươi cùng năm mươi, bữa ăn cùng nửa ngày, tợ khác chút ít đều là dài mà ngắn cho nên nói "đồng". Sinh công nói: Lẽ nào thật như vậy ư? Chỉ là tiêu biểu tâm chí trọng pháp nên mượn thời gian nói thôi! Nếu nói mượn thời gian thì nên nói "như sáu mươi tiểu kiếp", đâu được chỉ nói "sáu mươi tiểu kiếp như trong bữa ăn", cho nên chỉ là tình, nghĩa là chẳng thật ngắn. Tin Kinh văn nói sáu mươi tiểu kiếp chẳng hư dối, chí nghe pháp được tăng thêm do uy Phật, một phen ngồi quên mất thời gian lâu. Các nhà chú giải, ban đầu dẫn Tịnh Danh rút kiếp làm ngày, diễn ngày làm kiếp, chính là đức Phật rút gọn coi như bữa ăn. Đây là trái kinh, nghĩa là nói bằng, cũng không bằng nói "chí trọng pháp", chỉ vì nói dựa thời gian cùng kinh trái đó thôi! Dẫn quá ngắn ngủi, bèn nói huống chi huyền môn cận chân nhất, vì sao không dùng lịch kiếp làm số khắc ư ? Tuy lại so sánh giải thích lý xong nhưng chưa rõ. Nay là cho như người thế gian: lúc khổ thì thời gian ngắn mà thấy dài, lúc vui thì thời gian dài

mà thấy ngắn. Đây cũng dài ngắn theo tình (thời gian tâm lý). Có chỗ nói "thọ nhận Phật pháp ví như thức ăn ngon nhưng chưa no, thí dụ này hơi thông suốt. Có người đối việc này lập bốn câu, như Trung luận phá. Đây thì không như vậy, ắt chẳng phải thính giả trong đó tu quán, mà chính là Phật lực mà chúng nghe quên cả thời gian. Cho nên, biết Trung luận quán pháp chỉ phù hợp với hàng độn căn đời mạt pháp thôi!

Kinh nói: "Phạm ma...": "Phạm" tức là chủ Sắc giới, cũng là chủ tam giới, "ma" là chủ Dục giới. "Sa-môn": Trung Hoa dịch "Cần tức", là siêng dứt ác. "Bà-la-môn": Trung Hoa dịch Tịnh hạnh, xuất gia trong ngoại đạo gọi là tịnh hạnh chủng. Người xưa lạm dùng đây để giải thích bốn chúng. Nếu nhiếp chúng đủ thì tại sao lại nói "và thiên nhân" ư? Chỗ liệt bày không đồng đều hướng nêu lên. Trong đây trước nêu chủ hai cõi Dục và Sắc bốn dòng họ nêu thắng, lục đạo nêu thiện, đều lại theo thắng. Lược các đường ác khác: Đều chọn người nhập Phật pháp dễ. Cổ Phật xưa đã vậy, Phật nay cũng vậy. "Ca-diếp Phật...": Nên nêu rõ Phật cùng cõi nước có tịnh uế Niết-bàn tiến hay không, để so sánh Đăng Minh, vì vậy nên Ca-diếp dùng cõi tịnh. Pháp Hoa xướng diệt tức nhập diệt. "Phật nay...": Cuối văn trường hàng nói: "Tức thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni dùng thần thông lực tiếp dẫn đại chúng đều bay lên hư không, dùng âm thanh lớn bảo khắp đại chúng: Ai có thể ở thế giới Sa-bà rộng nói kinh này, nay chính phải lúc. Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn". Chỉ nay Phật tuy xướng mà chưa liền diệt cho nên nói "không bao lâu". Phẩm Tín giải cũng nói: "Sắp chết không bao lâu nữa". Do ở cõi uế nên nói bỏ (chuộc) mạng, vì lượm lặt nên giúp đỡ, luật nói thường khiến trụ thế lâu dài. Kiêm quyền nêu rõ thật trợ phát thật, Đối thật dụng quyền hiển quyền lực. Quá khứ thường, vị lai thường, đầu cuối là một. Sắc thân là thường thân bởi vì vô sinh diệt. Tuy đây không đồng mà sự xướng diệt đồng. Trong phần Thọ ký đồng, trước là chánh thuật trưng dẫn câu hỏi. "Việc xưa..." là đáp. "Nếu nói..." là nêu ẩn ý xưa. "Văn-thù khéo luận đàm không phát tích": là nêu ẩn ý, ý đợi định khởi. Sở thuyết một đời chẳng phải không viên dung, chưa thọ ký Nhị thừa thì hóa đạo không thông suốt. Nay mới bắt đầu liền "thôi công hữu quy", đâu thể nào Văn-thù bỗng kết thúc tận lý, cho nên ẩn sở kiến đợi Phật xuất định. Nói thọ ký Đức Tạng thời chúng không kinh (sợ) ngạc, cho nên nói "các kinh đều như vậy". Trong câu "Người chấp giáo thì không kinh sợ vân vân", thì "vân vân" là: lẽ ra phải trình bày ý "thọ ký, không thọ ký" trong giáo pháp một đời của Phật. Như Hoa Nghiêm pháp giới, chỗ nào không bao hàm? Cách biệt Thanh-văn kia

khiến như điếc câm, phần sau tuy có thọ ký mà sự trái nghịch. Thời Lộc-uyển ban đầu nghe chuyên chỉ Tiểu thừa, thời Phương-đẳng thì còn muội, thời Bát-nhã thì còn sinh. Tuy Lăng-già Phương-đẳng có nói thọ ký Tiểu thừa, nhưng Lăng-già chính là mật đối Bồ-tát, Phương-đẳng vì bài xích bỏ Thanh-văn, cho nên một đời giáo văn rõ ràng chỉ có đây. Xin kiểm tra Đại tạng thì mới nghiệm có sở quy. Cho nên người ủng hộ chấp quyền giáo, tức Thanh-văn vĩnh viễn trú Niết-bàn, mà ẩn nói xưa thọ ký Tiểu thừa. Từ sau dùng Bồ-tát lập hiệu, hoặc sợ người nghe kinh nghi sợ giáo, hoặc sợ giữ chiếu để quên sau nghe. Đây trước chưa sợ... Văn nói nơi nơi, cho nên không lập lại luận.

Ý "giải thích nghi": "Di-lặc" tuy ở trong số tám trăm, vì đi nhiều bỏ tu tập, cho nên gọi là "Cầu danh". Tuy nhờ nhân xưa phụ giúp Đức Phật Thích-ca, mà đâu được như Diệu Đức các giáo luận đàm đầy đủ, huống chi từng làm thầy giải thích nghi chẳng sai lầm. Nói "mật khai thọ lượng": Kích động trước thời chúng, mật phát nguyên nhân nghi, lẽ nào tại Già-da vừa thành đạo, mà đã làm thầy vì đệ tử, lúc ấy đệ tử đâu được gọi là tôn kính. Thầy ở hai nơi, thì ai thật nói? Đã là thầy trò không cố định thật, thì Bản tích khó nương tựa (bằng cứ). Cuối cùng cần phải khảo xét tường tận khiến lý có chỗ trở về, mật sinh nguyên nhân kia thì Bản tích mới xét kỹ.

"Chín đời tổ sư": Nếu luận tám người con ấy đều học với của ngài Diệu Quang, thì tám người con đều coi Diệu Quang mà là Sư phụ. Đã nói tám người con lần lượt được thọ ký, tuy đồng một thầy Diệu Quang nên trước thọ ký trưởng tử, các vị còn lại thứ lớp lần lượt làm thầy. Cho nên được Diệu Quang ở đầu tám đời. Trong tám vị ấy, vị cuối cùng tên là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng đã là thầy của đức Thích-ca, vì vậy nên Diệu Quang là tổ của chín đời. "Sinh phi sinh...": vì thầy trò xen lẫn, nên biết thầy trò sinh thật chẳng sinh. Vậy như thế trước từng diệt, diệt cũng phi diệt, ắt từ lâu từng chứng lý phi sinh phi diệt thường trú. Tích thì thị hiện sinh diệt nên nói "phi...". Lại, Tích thì khó lường, cho nên nói "sinh phi sinh". Bản lý diệu cho nên nói "diệt phi diệt". Bản tích tuy sai khác mà bất tư nghì nhất, cho nên phải dùng thầy trò phi sanh phi diệt để dự mật biểu.

"Hỏi: Di-lặc...": Xưa tám mươi kiếp thọ lãnh lời dạy của Diệu Quang, tuy không thông lợi đâu được không nghe? Nay được Bổ xứ, trí xưa không thể quên, vì sao mà nay còn sinh nghi để hỏi?

Đáp ý: Đây y quyền đạo không theo thật hành. Thật hành tuy tức từng nghe, đâu ngăn ngại nay vẫn còn do dự. Nhưng nhớ việc xưa từng

nghe trong hội Pháp Hoa được thọ ký... cũng nên nhớ xưa từng thấy tướng trong hội Pháp Hoa, nguyên do trước để giải thích nghi. Cho nên biết thật vị Bổ xứ giúp Ứng hóa Phật, chỉ bày trải qua năm vị cũng lại theo Quyền. Vì vậy trong văn, theo Quyền để giải thích.

Tiếp, tổng phần "phân minh phán" thì trước là nêu vượt ý, tiếp là chánh giải thích. Nêu vượt ý: Suy nghĩ kỹ đã suy lường xưa nay, nên biết tư duy thấy đã rõ ràng cho nên nói "không lầm". Vì pháp đáp thì trước là trưng dẫn, sau là thêm vào, cho nên đến phán xét rõ, phải hiển bày trước chẳng nghi, nên nói "đều quyết định". Đều nói "tiêu biểu tất cả", tức đầu sau đều quyết, lẽ nào Văn-thù Đại Thánh trước tư duy sau sẽ thuyết? Tiếp, "Sẽ nói...": là trong chánh giải thích. "Sẽ nói..." là sẽ nói... hợp với kinh. Khai kinh lấy đó làm tiêu biểu, khai vì hợp điềm lành, lý quyết định không nghi. "Tên Diệu Pháp...": "Hoa" ắt có liên (sen), như nhân quyết định khắc quả, cho nên biết sẽ nhập diệu nhân, quyết định dụng bốn loại mưa hoa làm tiêu biểu. "Giáo Bồ-tát...": Từ đây về trước các căn cơ vẫn còn cách biệt, bắt đầu trong pháp hội này căn tánh muốn thuần thục, thấy điềm lành thì vui mừng sẽ nhập Hạnh, Lý; định dùng người vui lấy đó làm tiêu biểu. "Phật Sở hộ niệm...": trong lý sở hộ thì đất không chấn động, muốn niệm mở rộng khiến sẽ nhập quả. Nhập quả kiến lý, lý là sở hộ, cho nên dùng đất động làm tiêu biểu kia. "Kiêm tổng nhập định...": bốn điềm lành tổng do trong định mà thành. Thuyết pháp tuy tức không chuyên do định, mà thuyết là tuệ tánh, toàn định làm thể, cho nên khai định hợp định tổng nhiếp Giáo Hạnh, Nhân, Lý.

"Có người...": là thuật xưa, chính là hiện điềm lành thời đồng cho nên được dùng điềm lành làm nay. Tàn hết mới gọi là "đã rồi". Vì sao Phật tại định, mưa hoa động đất rõ ràng, chúng vui vẽ, hào quang sáng đầy mà người xưa nói "đã rồi"? Là vì đặc biệt không theo văn, mà chỉ nói pháp vừa dứt! Huống chi chúng còn ngồi tại pháp hội chưa giải tán, thế nên nhiều điềm lành đều gọi là "nay". Cho nên dẫn văn nói : "Nay thấy điềm lành đây". Nay vì sao ngăn cách điềm lành thông suốt, mà cho rằng đây thuộc về điều sẽ đến, cho nên nói "sẽ thuyết"? Trước nói "xưa đồng vân vân" thì "vân vân" là: chánh chỉ trong đây. "Cho nên tác...": là xác định sáu điềm lành là nay, đầy đủ gồm hai nghĩa: 1. Có văn chứng, văn nói: "Nay thấy điềm lành đây". 2. Suy tìm lý: Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa sự xong, thì chúng vẫn còn, Phật nhập định. Lại, văn nói: "Bấy giờ Đức Thế Tôn từ tướng lông trắng giữa chân mày phóng ra ánh sáng". Nhĩ thời là đang lúc bấy giờ. Nếu nói mưa hoa

dừng đất yên tĩnh là đã đồng, thì Như Lai cũng nên dã từ định dậy.

Trong kệ không tụng phần Suy nghĩ và Lược tầng. Kệ vọng trường hàng ý rộng lược, đều có phương kia (làm) để giải thích nghĩa cho nên vì nhiếp trì. Xen lẫn còn lẫn mất, mà vẫn không mất ý chỉ, huống là đáp pháp đâu cho từng bước tiến dần. Trường hàng đã nêu khách chủ lễ túc (chân), kệ tụng chỉ nêu đại cương. Đã có "quảng tầng" phân biệt rõ, cho nên không nêu "lược tầng" và "suy nghĩ". "Ở trong phần quảng tầng" cho đến "trung gian": nêu trước nêu sau, trung gian so sánh có thể biết.

Tiêu biểu "Vô vấn tự thuyết": bắt đầu phẩm Phương Tiện, Phật từ Tam-muội dậy, bảo Xá-lợi-phất..., rộng tán thán lược tán thán cõi này cõi kia, dựa nói, tuyệt nói, hoặc cảnh hoặc trí. Đây chính là căn bản của một kinh, là chức vụ chủ yếu của năm thời. Việc này không thể xem thường, cho nên phải tiêu biểu trước, tức là một trong mười hai thể loại kinh. "Hiện các...": Đều chỉ bốn hàng cho nên gọi là "tổng", trong đó sáu điềm lành văn tướng vẫn sai biệt. Đầu một hàng tụng thuyết pháp. Tiếp một hàng tụng nhập định. Tiếp hai câu tụng mưa hoa, chỉ thêm trống trời để trợ giúp diệu nhân. Tiếp nửa hàng tụng chúng vui. Tiếp nửa hàng tụng đất động. Tiếp một câu tụng phóng quang. Không thể phân nhỏ, chỉ nói tổng. Vì kiêm cả trống trời. Trời rồng cúng dường không rõ rệt để nói là vui. Nên lại nói là "tổng", bởi lý do này. Trong phần tụng cõi khác: Đầu trong tụng lục thú, ba hàng chia làm bốn: Đầu nửa hàng tụng lại tổng điềm lành. Tiếp một câu chánh nêu lục thú cho nên nói "tất cả". Tiếp trong một câu tổng nêu nhân quả sinh tử và xứ, hai chữ "sinh tử" là tổng nêu. "Nghiệp" nêu nhân sinh tử, "báo" nêu quả sinh tử. "Xứ" tức hai mươi lăm cõi, cũng cùng đây đồng. Tiếp một hàng nêu cõi sở y. Văn trường hàng trước và trong vấn đáp, đều không nói hào quang sắc màu. Đến đây mới nói, thì trước chắc là không nói. Tiếp một hàng nêu rõ các thú cúng dường, tuy nói cúng dường nhưng ý tiêu biểu căn cơ thành. Phải biết ở phần trước cũng chẳng phải không có.

Hỏi: Đã nói trang nghiêm thì là Tịnh độ, đã nói đạo đồng thì đâu liệt Tịnh độ ư ?

Đáp: Tịnh do hào quang chiếu vốn đầy đủ lục đạo. Tịnh độ thì không có tên ác đạo, cho nên biết chẳng những chỉ có sắc tịnh do hào quang mà còn có các báu đầy đủ.

"Đều cúng dường" là chỉ một vạn tám ngàn cõi. Trong câu "Căn cứ bốn giáo thì có thể biết vân vân", thì "vân vân" là: bốn căn cơ đã

khắp nơi các thú, bốn Đức Phật, cho nên bốn giáo đều có đạo chân thật, một tòa nhậm vận ba mươi bốn niệm, nhất niệm tương ưng không thêm công lực. Hai xứ Diệu giác vốn được tự nhiên, cõi khác không thấy Đại tiểu lẫn lộn. Tiếp theo "Lệ như..." dẫn lệ để giải thích "tự nhiên", chỉ nêu Tiểu dụ Đại. "Thất sinh...": Ý đồng trước hỏi "Nếu nói chân đạo tự nhiên ba giáo nhập chân, thì cần gì nghe pháp?". Vì trong đáp "như thuyền thuận dòng gặp được gió", cho nên dẫn Tiểu làm ước lệ. Như Thất sinh (bảy đời) nghe pháp mà còn "diệt" đến một đời hai đời, huống chi các Bồ-tát, lẽ ra biện minh đủ tam quả Gia-gia, Nhất lai, để so sánh Địa Trụ chân đạo vị. Nay trong hào quang thấy ứng đều là quả Phật, nghĩa có thể thông nhân. Đã có Bản tích bốn câu không đồng, sao không có một cõi bản thấp tích cao, bản cao tích thấp và cùng đều thấp, bản tích đều cao? Lý lẽ là như vậy. Cho nên, "tự nhiên" xứng theo lệ kia thật nhiều. Nếu nói Pháp, Báo thì nên căn cứ Biệt Viên, cho nên chú thích "v.v...". Nói "đem pháp ước nhân (người)" là chỉ nói pháp sâu, không nói Bồ-tát. Căn cứ pháp nên như vậy. Thứ tư gồm ba hàng, trong đó đã nói không tụng Duyên giác, thì hàng đầu tụng Thanh-văn xong, nên nói hai hàng tụng lục độ, nếu chỉ nói một hàng thì sợ là lầm. Lại, "tụng Thí Nhẫn..." : "bốn độ" cũng e rằng lầm. Trong hàng thứ hai tụng Tiến, Giới hai độ, trong hàng thứ ba tụng Thí, Nhẫn hai độ. Còn các hàng... tụng Thiền Tuệ hai độ. Nếu cho rằng hai hàng đầu tụng Thanh-văn, thì một hàng đầu chỉ nêu thấy người, tiếp một hàng nêu sự tu hành, do nói "có các Tỳ-kheo". Chỉ trong các văn phần nhiều không dùng Tiến, Giới để tiêu biểu nơi Thanh-văn, nhưng cũng không dùng Tỳ-kheo làm Bồ-tát. Trước trong kệ phát vấn, chỉ nói: "Hoặc lại thấy Bồ-tát mà hiện làm Tỳ-kheo". Tiếp, một hàng nêu Bồ-tát thừa, tức chỉ Tam tạng. Nói "đem người ước pháp", chỉ nói Thanh-văn không nói Tứ đế. Căn cứ người nên như vậy. Thứ năm có hai hàng, nói tụng các tướng mạo trên. Lại nói lược không xây tháp: Đầy đủ như văn trên dùng đối lục độ. Lại như dùng ba hàng Bát-nhã đối Tam-muội. Cũng có thể bốn hàng từ "Hoặc có các Tỳ-kheo" cho đến "thuyết pháp cầu Phật đạo" là tổng tụng Bồ-tát tức lục độ nghĩa đủ, do hàng thứ ba là Thiền, hàng thứ tư là Trí, tức như văn trường hàng cũng trong Bồ-tát thừa kiêm Sinh-tô và Thục-tô, cho nên nói sáu Ba-la-mật. Từ "Khiến được...": là ý Pháp Hoa, cũng chỉ là tiến thoái nhận lấy thôi! Nếu dựa theo sự phân biệt trước nay, tức là Lục độ bao hàm nhiều loại, do Bồ-tát đương ở vị Lạc và hai Tô. Tiếp, "Bấy giờ...": một hàng rưỡi, tụng nói "truy tụng" là tụng theo vậy. Nếu căn cứ Huyền Văn thì dùng chữ "truy" đây, đều

nói thoái thôi! Như nói Niết-bàn thoái phân biệt các kinh, tức thoái hướng trước, nay đây chỉ dùng nghĩa thoái sau làm nghĩa theo. "Thiên nhân...": hai hàng và hai câu, tụng "nhân người" đồng. Kinh nói: "Từ Tam-muội dậy bèn tán thán Diệu Quang", tán thán rồi sau mới bắt đầu nói kinh, cho nên biết chính là "đối bảo". Cho nên không thể y xưa làm người lưu thông để giải thích, huống chi chỉ nói "chứng biết", không nói "lưu thông". "Chúc lũy như Di giáo": tức kinh kia ban đầu nói: "Sau khi ta diệt độ, các ông phải trân trọng cung kính Ba-la-đề mộc-xoa như kẻ mù được sáng mắt, như người nghèo được báu vật... là thầy của các ông, như ta còn ở thế gian không khác". Mỗi mỗi đầu văn đều nói "Tỳ-kheo các ông!". "Có bi thương như Niết-bàn": là khóc lóc mắt đầy lệ, toàn thân rởn ốc, máu nổi đỏ như hoa Ba-la-xa: Đây tức chí kính pháp mộ người. "Có ủy dụ cũng như kinh Di Giáo": là cuối kinh kia nói: "Tỳ-kheo các ông! Chớ ôm lòng bi não. Nếu ta trụ thế thêm một kiếp nữa rồi cũng phải diệt, hợp mà không ly thì quyết không thể được. Pháp tự lợi, lợi người, Như Lai đều đã tuyên bố đầy đủ. Nếu ta trụ thế lâu nữa thì cũng không có lợi ích gì." "Ví như nay Đức Phật phó chúc cho Di-lặc vân vân...": Như nói hể xưng "Nam mô Phật" thì đều được gặp Di-lặc.., sau Di-lặc mới thành đạo thì nói rằng Đức Thích-ca Mâu-ni quở trách các thứ sao các ông không biết, dạy gieo trồng duyên vị lai trước, nên nay được gặp ta, tức văn Di-lặc thọ sự phó chúc.

"Ta thấy...": bốn hàng kệ không đồng. Xưa giải thích dùng làm kết thành. Cần tụng ý phấn đáp của văn trên. Nếu nói là kết thành, thì thừa mà văn phán đáp lại thiếu, đâu được không đem tụng phán đáp ư ? Tụng trên sẽ nói kinh Đại thừa, cũng nói tên Diệu Pháp Liên Hoa. Tụng nói "Đức Phật sẽ mưa pháp vũ...", là tụng trên nói Giáo Bồ-tát Pháp, cho nên biết sáu câu trên chỉ nêu nguyên do muốn nói, răn dạy chúng khiến sinh ngưỡng mộ. Tụng nói "Các người cầu tam thừa": tụng trên nói Phật sở hộ niệm, vì được Phật hộ niệm cho nên được đoạn nghi. Cùng với văn trên tướng hợp hết, đâu được không tụng trên ư! Nếu làm giải thích đoạn phục nghi, thì văn lại diệu đồng. Đoạn ý thứ nhất: điềm lành vi diệu vốn tiêu biểu báo đối với pháp đồng. Đoạn ý thứ hai: Điềm lành đồng pháp ắt thật tướng. Đoạn ý thứ ba: Đến hội này đều không mong cầu khác. Đoạn ý thứ tư: ba nghi được trừ, công ở nơi Phật. "Sự cùng...": Sự cùng nghĩa là danh đẳng tam, lý tận nghĩa là sở hiển là thể. Sự lý hợp nhất, đâu còn nghi nữa.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3
(Phần Hạ)

GIẢI THÍCH PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

Đề Chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Thiện Quyền, cho đến giải thích văn đều nói Thiện Quyền Phương Tiện. Nên biết Ngài Pháp Hộ cũng dùng Thiện Quyền mà giải thích Phương Tiện. “Thiện” là tên khác của “xảo”. Văn tự phân làm hai: 1. Lược, trong đó có hai: đầu là chánh giải thích, trong đó văn chia làm ba: Đầu một giải thích theo tự huấn, sau hai theo nghĩa. Lại, đầu hai từ tích giáo, sau một thuộc kinh nay. Tuy có ba giải thích đều dùng ba giáo mà làm phương tiện, chỉ có năng thông phi năng thông và dùng tức bất tức dị, đến thành ba giải thích. Nhưng phải lược luận ba thứ đại chỉ (ý), mới có thể tiêu văn. Nhưng trong ba thứ, đầu tiên căn cứ năng dụng ba giáo, đắc danh pháp là sở dụng, dụng là năng dụng. Tuy pháp cùng dụng đều thông bốn giáo, chỉ có phương viên sai hội khác biệt, cho nên gọi là “phương tiện” tức từ quyền mà lập danh. Quyền bất tức thật, cho nên đối xưa biện thành thể ngoại quyền thì chẳng phải ý phẩm này. Trong văn nêu Viên tức thuộc chân thật, tương đối thôi! Cho nên biết tại xưa không nên dùng bí diệu giải thích Phương tiện, chính bí mật ấy mà không nói gọi là Phương tiện, huống chi Viên nơi Tích chính là Viên của Kiêm Đới, cho nên Viên khắp đều không phải ý ở đây. Tiếp, giải thích thứ hai: Quyền thuộc năng thông ba giáo cũng được gọi là Phương tiện. Nhưng tuy bất tức mà dùng năng làm viên làm Viễn thuyên. Viên của sở thuyên cũng “đới” năng thuyên làm Phương tiện, cho nên biết đều chẳng phải ý của phẩm này.

Giải thích trước không nói ba làm năng, tức quyền thật phù hợp đều đi đến cùng cực, nên phương pháp không đồng. Đến giải thích thứ ba mới là “tam quyền tức là nhất thật”, chỉ đây tức Thật là Quyền, mới gọi là Phương tiện của kinh này. Tiếp tiêu văn: Đầu căn cứ pháp dụng, chia làm năm: 1. Pháp. 2. Nêu dụ. 3. Nêu ý dụng quyền. 4. Dẫn chứng.

5. “Nghĩa này...” : là tổng kết phi. Đầu lại có ba: Trước, giải thích theo Tự huấn. “ Phương “ là pháp vậy. Sách thuyết Văn nói là Pháp thuật. Chính là hợp với văn này. Sách Nhĩ Nhã nói là “Tắc” tức phép tắc của pháp gia, lại nói là “chánh”. Nay cũng như vậy. Pháp đó chánh nên mới hợp căn cơ, tuy chưa khai hiển mà không được không chánh. Tiếp, “Pháp có...”: là giải thích nghĩa tuy đều là pháp dụng bởi vì thiên đối viên, thiên sai viên hội, hội tuy hơn sai nhưng hội chẳng là sai, dụng hiển phi diệu. “Tam quyền...”: giải thích tướng, lại có hai: Đầu giải thích Pháp phương viên, dùng đối quy cũ mà phân thiên viên, dụng hiển phi diệu. Ba phương một viên, tuy tức bốn giáo đều gọi là pháp dụng. Chánh dùng thiên pháp gọi là “Phương tiện”. Tiếp “Hoặc là trí...” : là giải thích dụng sai hội, sở dĩ đều đặt ra nói pháp dụng là do đều khế hợp căn cơ, chẳng phải đều hội viên cho nên đều nói hợp.

1. Pháp dụng: Pháp tên tuy thông dụng đã thích hợp thời, mà chưa thuần nhất, là dùng pháp nào để hợp căn cơ nào? Cho nên dùng bốn pháp ứng phó căn cơ, sai hội không đồng. Quyền thật tương đãi thị phi, đều chẳng như trước giải thích, ý pháp đã chưa dung hợp, chúng sinh chưa thỏa thích, quy củ vẫn sai biệt. Lại nói “thiện dụng”, “nghệ” (đến): nghĩa là chỗ hướng đến, chánh là dụng, “trí nghệ” không đồng, dụng pháp không bình đẳng.

2. Thí dụ ý: Chánh thí pháp dụng không đồng, có hai lớp pháp thí, trong đó sắp đặt lấy phương pháp trong khước Viên đặt tên, lại mượn hiệu “bí diệu”. Cho nên, Viên cách Thiên cũng có Thể nội phương tiện cho nên gọi là “bí diệu”. Tên “bí diệu” giống như giải thích thứ ba, nhưng ý thì khác. Vì sao? Vì giải thích thứ ba chính là dùng khai hiển làm diệu. Trong đây chính dùng chỉ riêng Viên (độc viên) làm diệu, cho nên trong văn đây bốn giáo đều là phương pháp. Ba giáo trước chỉ gọi là phương pháp, chẳng “bí” không “diệu”, Viên giáo sau là “bí” là “diệu”. Cho nên giáo sau được gọi mới đúng tên “bí diệu”, chẳng liên quan khai hiển. Cho nên, dùng Thiên pháp ví như như dùng một ngón tay chỉ thì thấy thiên về một phương, nếu dùng Viên pháp ví như dùng năm ngón tay chỉ thì cho thấy khắp các phương.

3. Nêu ý dụng quyền: Trước chưa hợp, tức dùng quyền pháp, gọi là tùy dục.

4. Dẫn chứng: Nên dùng ba quyền làm pháp dẫn xuất, văn dựa vào Tiểu mà nói, cho nên gọi là “tam giới”, huống chi chỗ lìa không đồng, tam giới không sai biệt. Nếu đối Như Lai thì phương tiện bản nhất. Vì ý đây chưa tuyên bày, nên thuộc giáo xưa, tuy là Thể ngoại

phương tiện mà về lý thì đều là bên Thể nội mà chúng sinh chưa biết. Căn cứ ý Phật mà nói, cho nên nói “xưng tán phương tiện”, do chưa khai nên chẳng phải ý phẩm này.

Tiếp, thứ hai: Căn cứ năng thuyên. Nếu lý và giáo hướng về nhau, thì bốn giáo đều luận không giáo nào chẳng là năng thuyên. Nay dùng ba đối một. Ba vì nhất thật làm thuyên, cho nên ba gọi là năng thuyên. Vậy trong ba giáo trước thì Giáo Hạnh Nhân, lý đều là năng thuyên, trong đó chia làm bảy: 1. Thẳng lập ba giáo làm môn, đây giải thích theo nghĩa, không liên quan đến giải thích theo Tự huấn. 2. “Môn gọi là...”: là giải thích nghĩa “môn”, như cửa thế gian vốn là năng thông, ba thứ đều nhập thật nên gọi là “môn”. 3. “Phương tiện...”: nêu rõ ý môn. Chúng sinh không hiểu vốn là sở thông, dựa vào sở chấp đó được thành “lộng dẫn”, chỉ vì không khéo, quanh co nên dùng “dẫn” làm “lộng” (bày trò). 4. “Chân thật...”: nêu môn dụng, tuy phi tức sở, đắc nhập do đây. 5. “Từ năng...”: nêu đắc danh. Quyền thật vẫn còn ngăn cách bởi vì căn cơ của chúng sinh sai biệt. Cho nên trước hai giải thích hiển lộ các biên và trước biệt địa, chẳng phải ý phẩm này. 6. Dẫn chứng ý: Nêu môn xưa kia chỉ nói năng thông, nay đây phải khai cho nên nói “khai phương tiện môn”, chẳng phải cho là ở kia đã nêu rõ khai môn. 7. “Nghĩa đây...” : là tổng kết phi.

- Thứ ba giải thích: Tức ý phẩm này. Trước hai giải thích đối xưa chỉ được gọi là thiên (lệch) gọi là môn. Bí mà không nói, nay khai thiên môn kia tức làViên sở cho nên nói bí diệu. Hiển lộ rõ ràng cho nên gọi là “chân bí”, lại chia làm sáu: 1. Thẳng lập: Đối xưa thành bí, bí kia bị khai, đối nay thành diệu. 2. “Diệu đạt...”: là giải thích công dụng: Đạt là khai dùng tiện của diệu, vì khai bí phương, ngoài diệu không có pháp cho nên nói “tức thị”. 3. “Điểm trong...”: là căn cứ nhân giáo để chỉ tướng, trong thân chúng sinh có chủng duyên xưa gọi là “y châu” (hạt châu ẩn trong chéo áo). Tự thoái lui từ xưa đến nay ở người khách say. Thiên môn mà còn không có tên Thiên môn, huống chi Viên sở. Nếu không khai thì ba quyền chưa hiển, như “hạt châu còn ẩn trong chéo áo”. Nay kinh khai đó, cho quả trí Nhất. Tác nhân cũng vậy, tư duy có thể biết. 4. “Như đây...”: là kết danh, phương pháp và môn tức là bí diệu cho nên nói “như đây”. 5. “Như kinh...”: là dẫn chứng. 6. “Cho nên dùng...”: là kết danh hiển thị.

Tiếp trong phần “Liệu giản” có ba: 1. Căn cứ tự tha tam ngữ, nhờ giải thích đầu tiên ở trước để giải thích ba, cho nên cái đầu tiên được khai tức cái thứ ba. 2. Căn cứ năng sở, nhờ cái giải thích thứ hai để giải

thích văn thứ ba cho nên cái được khai thứ hai cũng tức thứ ba. 3. Căn cứ bốn câu, cùng xét xem ba giải thích.

Trong phần giải thích đầu tiên, phần "tự" có ba văn, xem văn đầu: ba giáo nhất hướng, gọi là "tha" gọi là "quyền", quyền thì cách thật. Giải thích văn tiếp: Dùng ba giáo "tha" cùng Viên "tự " đối biện. Văn thứ ba: Cả ba đều trong thể đều chân thật, chỉ gọi là "tự", ngoài "tự" không có "tha". Tam ngữ cũng như vậy.

Phần thứ hai: Căn cứ năng sơ. Cũng tự có ba văn, đều đem hai chữ "năng sở" để xem xét năng sở thị phi. 1. Giải thích văn đầu: Lại chỉ ba giáo, chỉ là pháp dụng, vẫn còn không phải năng thông, huống chi là sở thông. Thế nên ba giáo phi năng phi sở, nên ba phương tiện thảy đều là thô. Giải thích văn thứ hai: Môn là tam giáo được là năng thông. Không nói tam giáo tức là Viên, cho nên phi sở thông, kia đã bất tức, cho nên cũng là thô. Giải thích văn thứ ba: Cũng khai hai trước, phi năng phi sở và dùng năng thông đều khai thành sơ. Trong sở thiện xảo gọi là "phương tiện", cho nên diệu. Phương tiện khác với phương pháp và năng thông môn. "Cho nên biết...": là kết bài xích. Trước là: kết danh thể, hoặc đồng hoặc khác. Tuy đều gọi là phương tiện, mà có ba thứ sai khác đây, lẽ nào chỉ nghe danh liền giải nghĩa kia cho nên ba giải thích đều có nói "phương tiện". Hai là: Chẳng phải phẩm này, cho nên nói "nghĩa khác". "Người đời..." là tổng bài xích người đời, lẽ nào Đại sư "đối" thiên tình có dựa vào bè đảng nào ư ? Kia như lý nào? Kia như văn nào? Kia như hạnh nào? Kia như chứng gì? Sinh công nói: "Thiên chân riêng đặc biệt" mà còn nói "theo xưa đề phẩm". Nếu theo xưa đề, thì vì sao xưng tán? Nếu xưng tán xưa đâu thì lẽ nào chẳng phải hủy báng nay ư ? Nếu dùng xưa tán thán nay, lại lỗi lầm với xưa, thì khiến Quyền của Thể nội hoàn toàn thiếu, dụng của Thể ngoại lại thiếu, mới thành trong ngoài đều không có, thì làm sao được tán thán Phật quyền trí. Năm đức Phật khai triển tiện lạm sơ thi thiết, tam chu thiện xảo vẫn là. Nếu nói phẩm tuy đề xưa mà trong phẩm tại nay, thì là treo bảng nơi huyện làm hoặc loạn người đi đường.

Lại nữa, trong phần đầu giải thích đã dùng tam ngữ "tùy tha..." để thông hai giải thích sau. Giải thích kế tiếp lại dùng "môn" để thông đầu sau, lý cũng nên dùng "diệu" để thông hai trước. Văn không nêu, chỉ lược, nên nói "vân vân". Lẽ ra nói: Đầu tiên giải thích Phương tiện là bí mà phi diệu. Tiếp, giải thích Phương tiện bí mà có thể nhập diệu. Sau cùng, giải thích Phương tiện bí tức là diệu, đây chính từ giải trong Phật để nói, nay thành hiển lộ cho nên thiếu không luận.

Phần thứ ba: Căn cứ bốn câu, đầu tiên là hỏi, ý là: Chánh bản đã nói thiện quyền, nên biết "quyền" là tên khác của Phương tiện, muốn căn cứ tên khác để xem xét đồng khác, cho nên trước khởi hỏi. Trong phần đáp có bốn: 1. Nêu liệt; 2. Giải thích; 3. "Ba câu...": là phân biệt; 4. "Cho nên Chánh Pháp Hoa...": là dẫn chứng. Trong phần hai Giải thích, tương phá một đối phân làm hai câu: Tương tu tương tức đều là một câu, hợp bốn câu. Các văn khác hoặc lấy đây làm ba câu hoặc làm sáu câu, tùy pháp tướng kia mà lập ý không đồng. Cú pháp thường định, nay lập ba đối rồi mới khai làm bốn câu, muốn lấy bốn câu dùng đối ba giải thích, lấy ba câu trước thuộc hai giải thích đầu. Nếu chỉ làm ba câu thì lấy hai câu trước phân biệt thuộc hai giải thích trước, có gì mà không được? Chỉ vì trong tương phá văn tương biệt. Lại căn cứ tương phá tương tu cũng có thể phân làm hai câu, bốn câu thuộc trước cũng không lầm lớn, danh cú đều tùy thời không thể căn cứ một. Nói "tương phá". Quyền cùng phương tiện, xưa nay đều có hai tên, đối xưa thì "Thiên, Viên" hai danh tương phá, đối nay thì Thiên Viên danh thể tương tức, đây đối giải thích đầu tiên nên nói "tương phá". Tại nay thì ba giáo đều diệu, cũng gọi là quyền, cũng gọi là phương tiện. Tại xưa thì ba thứ đều thô, cũng gọi là quyền, cũng gọi là phương tiện. Cho nên, đem hai xưa xen lẫn phá hai xưa để thành hai câu tức hai tô ba giáo đối Viên giáo kia. Cho nên trong giáo xưa ba đối người Viên giáo đều thành bí diệu và vì đồng thể, nên nói "bốn thứ đều là bí diệu và đồng thể". Vì vậy nói tương phá, chỉ là theo danh không theo thể. Nay từ danh giải thích thể kia thường định. Nói "tương tu": Cũng đều ở hai danh xưa xen nhau lập, chỉ là ba giáo hai danh xen lẫn tu Viên giáo hai danh, vì vậy nên khác với câu tương phá trước. Tuy xưa người Viên giáo cũng thấy bốn thứ đều là bí diệu, nhưng đối giáo kia không được hiển thuyết nói tương tức, cho nên chỉ y nơi xưa đối luận, nên tương tu cũng đối ba giáo để biện một Viên. Vì sao? Vì nếu xả bỏ ba tu Viên, thì trở lại đồng câu phá. Nếu tức ba là Viên thì mới đồng câu sau, không phá không tức, từ Quyền nhập Thật cho nên được gọi là "tu". Nếu như vậy thì hai vị ba giáo trước, lợi căn Bồ-tát có hiển lộ đắc, hai giáo nhị thừa chỉ bí mật đắc. Do đắc nhập nên tức gọi là "môn". Nói "tương tức": Tức chỉ là khai cho nên tương phá thuộc giải thích thứ nhất, tương tu thuộc giải thích thứ hai, tương tức là giải thích thứ ba. Nói "v.v...": lại dùng bốn câu, căn cứ vị so sánh quyết định, hoặc khai hoặc phân biệt, đầy đủ như văn khác, căn cứ đây nói thì có thể thấy. Dưới lại rộng nêu, nên không lập lại. Phần 3. Phân biệt : có thể thấy. Phần 4. Dẫn chứng: Chánh bản gọi là "tức nay", chính là thể

tức. Ba quyền ba phương tiện tức là một quyền một phương tiện.

Tiếp, giải thích “Phương tiện”: Cũng nên nói “Phương tiện” tức quyền, nêu kia để giải thích đây, nên không rườm rà nhiều. Phải biết Thể ngoại phương tiện tức Thể nội Quyền, danh tuy lại xen lẫn gọi, mà dưới là thể đã khai, trên thể gọi là bản thật. Do xưa phân có Thể ngoại Thể nội, thì khiến hai xứ danh dưới thể sai khác. Cho nên biết kinh này Phương tiện tức là Chánh Pháp Hoa thiện quyền, Chánh Pháp Hoa thiện quyền là kinh này phương tiện không hai không khác.

“Đê đầu (cúi đầu)...”: Còn khai Nhân thiên, huống chi ba giáo. Nếu được khai rồi thì nhất thể không khác. Trước đã ba tầng tổng xuyên suốt tám môn. Môn thứ năm bên dưới, tuy kết quyền thật mà nhờ kia tiện nêu ba phen giải thích phẩm. Chánh ý nên dùng ba thứ giải thích phẩm thông suốt tám môn. Tư duy đó không sai lầm, mới có thể giải thích, huống chi mỗi mỗi môn trong mười cặp, mỗi cặp nên hiểu ba phen giải thích. Trong một bộ trong giáo một đời không ngoài tám môn mười cặp. Tiếp, trong phần rộng giải thích, trước là phá xưa, chia làm bốn: 1. Thuật năm thời giáo phi. 2. Thuật bán mãn... phi. 3. “Lại có...”: là thuật tạp giải thích phi. 4. “Lại có...”: thuật phụ bên phi. Như vậy bốn thất đều xưng quyền thật, quyền tức phương tiện, không biết lấy gì để giải thích phẩm này? Phần đầu: Năm thời phi: Đều trước trình bày, tiếp phá. Trước trình bày thời đầu. Tiếp, “Nay gọi là...”: là phá: Đại luận phá vô thường chỉ là đối trị, đối trị thuộc sự, sự tức không thật, chỉ thành Tiểu tông phương tiện. Dù có Đệ nhất nghĩa Tất-đàn nhưng vẫn chẳng phải là hạnh môn ba Tất-đàn phương tiện, đâu phù hợp với giáo đây quyền xảo phương tiện trong Đệ nhất nghĩa! Tiếp, phá sau mười hai năm là Bát-nhã, nay không rảnh phá kia tại trước thời Phương đẳng, chỉ phá quyền thật không ngoài Thông giáo cho nên nói tức không. Dẫn ý luận: Tuy không hữu tương tức, đối với thật thành tưởng, vẫn còn chẳng phải Thật trong Bát-nhã, không thật thì không đồng thể phương tiện, lẽ nào thành phẩm Phương Tiện của kinh này?

Hỏi: Bát-nhã tam giáo đều niệm tưởng ư?

Đáp: Thông biệt đều căn cứ chưa chứng thật, cho nên văn chỉ nói “chiếu giả hữu không”. Không chưa thật, nên cố phá gọi là tưởng, Tâm cảnh chưa dung thông, nên quán gọi là tưởng. Cho nên, có tưởng quán thì chẳng phải phương tiện nay.

Tiếp, trình bày ý Tịnh Danh: Do trong Phương đẳng tự hành nội chiếu không hữu hai cảnh. Như nói tu học tam Tam-muội, không dùng tam Tam-muội làm chứng... Nạp biển pháp giới vào trong hạt cải gọi

là biến động, ý cho rằng dùng quyền thật đây vượt qua Bát-nhã trước. “Nay gọi là...”: phá, có hai: 1) Đối trước, giáo trước lẽ nào không có nội chiếu ngoại biến? 2) Đương bộ trong thật đối ngoài trở lại gọi là hai, cũng chẳng phải nhập bất nhị môn của kinh Tịnh Danh. Đã chẳng phải bất nhị thì chẳng phải Viên giáo nhị đế tương tức, lẽ nào “Quyền thật bất nhị” của kinh này làm Phương tiện sao? Cũng không biết người khác chỉ cái gì làm hai và không hai, cho nên chẳng dùng. Tiếp, “Nay gọi là...”: phá kia trình bày Pháp Hoa dùng Tam tam, Tứ nhất, đầy đủ như trong phần hiển thật bên dưới nêu rõ, huống chi tuy phân quyền thật mà chưa ra ngoài giáo trước. Do không nói “tương tức” là “quyền”, nên biết quyền thật còn ngăn cách, cái gì khác thiên tiểu? Tiếp, trình bày kia phán xét Niết-bàn: Xưa Diệu giác mới gọi là thường. “Nay nêu rõ...”: là phá. Ông tuy chấp nhận Niết-bàn là thường, mà phân biệt tại Diệu giác. Vì sao? Vì đạo tiền đạo hậu chiếu chân chiếu tục, đều có thường và vô thường. Vì sao quyết định dùng Kim Cang tiền hậu để phân biệt kinh bộ? Trong bộ được lợi ích dâu phải đều là Diệu giác. “Lượng”: là số lượng và dùng thể lượng. Do cảnh thế tục kia là hữu lượng, pháp như cảnh mà chiếu là quyền trí. Đây dùng lý lượng của Nhiếp để luận phá, cho nên ý văn nay như nêu rõ thường trú, lý tánh chúng sinh vẫn còn thật vẫn còn thường, đâu phải sau Đẳng giác mới là thường ư! “Năm thời đây...”: là tổng kết vậy. Cho nên, năm thời kia quyền thật chẳng có gì khác, đều chẳng phải ý nay.

“Cho đến...”: là Phần thứ hai: Căn cứ bán mãn..., phá các tông bán mãn đầy đủ như trong Huyền Văn quyển mười nói. Năm thời đã nghiêng, các tông Bán mãn không công phá mà bại.

“Lại có...”: là Phần thứ ba: phá tạp giải thích, có bốn: 1. Biệt trình bày. 2. “Như vậy...”: là tổng phá. 3. “Quyền nay...”: là biệt phá. 4. “Đều không...”: là kết phi. Trong phần Biệt phá, nói “xứ sở”: nghĩa là trí sở thác. Xứ nêu bày cùng giả đều nói tạm thời, cho nên biết trở lại căn cứ xứ tạm thời. Hóa thành, thảo am... tức là tướng kia. “Pháp môn”: Trí sở dụng pháp tùy căn cơ chúng sinh mà thích nghi, chỉ Tam thừa nên gọi là “pháp môn”. Nói “trí năng” : là trí năng thì thiết tiến hay không! Có tức nên ở Lộc-uyển thiết lập tam thừa. Chữ “chùy” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ Trữ và Ngụy, cũng là phiên thiết của hai chữ Trữ và Vi ; có nghĩa là quả cân. Bất cứ vật nặng hay nhẹ, khi đem cân thì quả cẫn cũng đi tới chỗ quân bình, cho nên gọi là trí xảo năng.

Trong phần Kết phi, nói “không bao hàm”: Quyền thật tự trụ không tương tức, huống chi căn cứ xứ căn cứ pháp, chỉ nói ba xe, cho

nên khiến trí năng không vượt qua đây, văn không thâu nhiếp bốn giáo, lý, hành cho nên nói "không bao hàm". Nghĩa vẫn chưa thâu nhiếp khai pháp tam nhân (người) cho nên nói không dung thông muốn hiểu rõ phẩm này thì đầy đủ như bốn câu, có pháp nào lại không thâu, pháp nào lại không dung?

Trình bày "Phụ bên năm thời phi": Nghĩa thế mạnh phần nhiều là tốt đẹp xưa lập, cho nên nay trên dưới ba, hai xứ phá, khiến biết được mất. Như kia không mất, thì lấy gì quy tâm? Mất kia chính là trước quy tâm, phá chính là ánh sáng kia sau, trong đó có ba: 1. Lược lập, 2. "Đầu hai...": lược phân biệt, 3. "Đây các...": là căn cứ để giáo trí ba tầng ba chuyển. Trước thuật lập: Ý văn đầu: Kia dùng tầng đầu hai tuệ làm căn bản, cho nên chỉ nói nhất quyền nhất thật. Ý dùng quyền là phàm phu, thật là Nhị thừa; nghĩa là Nhị thừa thật phá phàm phu quyền, mà phàm phu mê thì chưa gọi là quyền, đây cũng chưa thể như thế phụ thời Lộc-uyển phi. Tiếp, "Không hữu...": ý dùng song ly cái không hữu trước nay, mà dùng "quán Không, bất chứng" làm quyền, lấy "thiệp hữu vô nhiễm" làm thật, cho nên dùng "quán Không phi Không", "quán hữu phi hữu" để hiển bày Trung đạo, đây chính là phụ thời Bát-nhã phi, bất tri trong Bát-nhã thì Trung đạo phi nhất. Tiếp, nói "Không hữu nội tịnh": Ý nói lấy dứt cái không hữu quyền thật trước làm thật, lấy ngoại dụng này làm quyền, chẳng những nội tịnh song phi, mà còn năng ngoại dụng song chiếu. Trước tuy song phi chỉ đồng nội tịnh, đây cũng không biết hai giáo cùng có, đây là phụ thời Phương-đẳng phi. Tiếp, lại dùng "song phi song chiếu" này, tại Kim Cang tiền vẫn là vô thường, tại Kim cang hậu mới là thường. Đây chính chẳng phải kia nội tịnh ngoại chiếu, đây là phụ thời Niết-bàn phi. Sư đây tuy thấy thời Niết-bàn thứ năm mà không nói đến Pháp Hoa chân thật, huống chi cũng trừ thời nhũ vị. Tổng luận tuy năm chỉ phụ bốn thời.

Tiếp, thuật kia "lược phân biệt ý": Đầu chỉ lập hai tuệ khiến tin có, cho nên chỉ trực tiếp nêu quyền thật. Tiếp, "Sinh giải": Vốn lập hai trí, ý vốn lìa chấp, cho nên lìa nhị biên mới giải lập ý. Ý thứ ba: Lìa hai chấp nội, mới thành tự hành, lại năng không chấp biến dụng lợi ích cho người khác. Ý thứ tư: Chẳng phải chỉ ích tha mà tự tha đều quyền. Luận kia thật sự ý vốn tại cực quả, cho nên chỉ Kim Cang hậu tâm là thật. Nhưng nay nêu rõ năm Đức Phật chẳng phải không tại quả và dùng quả Bản môn cửu viễn, lý thì không như vậy. Khai phàm phu mà còn tức là chân thật, huống chi tại Kim Cang tiền vẫn cứ phân biệt là quyền. Quyền nếu chỉ tại Kim Cang tiền thì Phật vĩnh viễn không có quyền

trí, làm sao để hiểu rõ phẩm này gọi là Thiện Quyền ư? Huống chi đều không phân biệt bốn tầng quyền thật là quyền hay là thật, huống chi đều không nói Pháp Hoa, hoàn toàn chẳng phải ý nay, cho nên không dùng. Trước đã thông biên rõ, cho nên nói "lược".

Tiếp, thuật "Ba chuyển": Trải qua đầy đủ đế v.v... Nói "Ba chuyển": Đối với bốn lớp trước, trừ quả thứ tư, dùng ba trước làm ba, trong đó lại chia làm bốn phần: 1. Lược đối ba chuyển. 2. "Vì sao...": nêu nguyên do chuyển. 3. "Lại như...": là dẫn chứng. 4. "Lại tiệm...": là thuật ý.

Phần đầu lại có hai: Một là: Chánh căn cứ "đế". Hai là: Lệ giáo trí. Một, nói "đế" tức là hai đế, quyền thật làm bản, cho nên trước căn cứ đế để phân biệt cảnh, cảnh tức chân tục. Trong đó trước nêu, tiếp đối hai đế. Hai đế nói đồng sâu cạn đều khác, vả lại phân biệt lớp đầu một thật một quyền, chỉ gọi hai đế dùng hai đế đây làm tín bản (gốc tin), tức là chuyển phàm mà thành tiểu thánh. Tiếp, Lớp thứ hai: Chuyển hai đế trước đều gọi là "Tục", song phi hai cái trước mới gọi là "Chân". "Chân" đây chỉ là lìa chấp mà thôi! Lớp thứ ba: Trước trình bày lại cái Không hữu trước, chia làm hai: Trình bày lại cái không hữu trước là Tục. "Song phi bất nhị": nêu lại song phi trước là Chân, tức là Chân tục này đây lại chuyển thành tục, cho nên nói "Nhị bất nhị đều là tục, phi nhị phi bất nhị là chân". Lớp quả thứ tư : là ngoài ba chuyển đã song phi lý cực, chỉ có nhân quả tương vọng quyền thật, cho nên "không nói". Tiếp, "Lệ giáo, trí": Nêu rõ sở thuyên đây dùng làm sở quán. Đã có ba chuyển, thì năng thuyên năng quán lẽ nào không có ba ư ?

Trong phần thứ hai "Nêu nguyên do chuyển", nói "Vị nhân" (vì người): ba lớp hai đế đều phù hợp căn cơ chúng sinh, cơ tức là người, người có ba hạng, đây không chỉ "Vị nhân" trong tứ Tất-đàn, nên trước sau không ngoài hai đế. Vả lại căn cứ tùy căn cơ, lại gọi là "Vị nhân". "Dẫn chứng": Nói "thường nương tựa", không vượt qua ba thứ này, cho nên chỉ đối nó lại lần nữa, nêu Phật giáo sở y, chứng ý căn cứ đế nêu ở trước. Tiếp, "Lại nữa, Phật giáo...": là lại dẫn tổng ý làm chứng, tức chứng ý căn cứ giáo nêu ở trước, trong giáo trình bày không ra ngoài ba thứ này, cho nên nói "ba môn", giáo tức môn. Tiếp, "Lại tiệm...": là căn cứ ý Phật hóa mà tổng thuật ba thứ giáo, trí, đế nêu ở trước. Ý hóa độ năng sở không ngoài ba thứ này. Đầu tiên, khiến phàm phu xả Hữu nhập Không, tức ban đầu chế Tiểu. Tiếp, phá chấp Không của nhị thừa, cho nên Không hữu đều xả. Ý nói tiểu Bồ-tát vậy. Tuy xả Không hữu mà chưa thấy Trung đạo, Xưa Bồ-tát vậy. Chỉ vì vị theo thứ tự để phân

đại tiểu, không luận biết Trung không biết Trung đạo...

Tiếp “Hoặc là xả...”: là trung biên đều mất, tức đại Bồ-tát, hoặc là chỉ Bát địa, Sơ địa, Thập địa Đẳng giác. Tiếp “Đây là...”: lại dùng ngũ thừa để phân biệt ý giáo hóa trước nay. Ý nói: Phật tại thế ý giáo hóa không ngoài năm thừa. Đối ba lớp trước thì lấy phàm phu làm Nhân Thiên, Nhân Thiên sinh tín phá Hữu nhập Không để làm Nhị thừa. Tiếp “Lại vì..”: là căn cứ ba Giả để phán xét. Đây giống như người theo thứ lớp tu trung, trước phá ba Giả trong đây một phen chỉ thêm ba Giả còn lại không khác, chỉ là phân biệt giáo trước nay là năm thừa. Đầu tiên phá Hữu ắt đủ ba Giả, cho nên ban đầu dùng ba Giả làm tục, các ý đều đồng. Nhưng trong các phen tuy không nói Giả mà Tục đế của lớp đầu, lý phải là giả. Lại các phen trước không nói lớp đầu, nguyên vì tu trung chỉ là văn lược. Cho nên, phá giả tu trung, phần nhiều là ý của các sư thuộc phái Trung luận. Lớp thứ ba, nên nói: Chẳng phải ba thứ Giả Không Hữu, mà là hai thứ phi Không phi Hữu là bất nhị (không hai). Nhị bất nhị là tục, phi nhị phi bất nhị là chân. Căn cứ theo trước thì có thể biết, cho nên không nói lại.

“Nay nêu rõ...”: chỉ tổng lược phá, chia làm năm phần: 1. Lược phi. 2. “Kinh nói...”: là dẫn văn chánh chỉ bày. 3. “Lại, ban đầu...”: là kết phi chỉ lỗi. 4. “Như Thiên Thân...”: là dẫn lệ. 5. “Phải biết...”: là kết chỉ bày. Phần một: Lược phi: Phụ bên dụng ý năm thời, dựa vào tên năm thời ngầm làm giải thích của mình. Nay dùng trong mỗi một thời ngang luận quyền thật thể dụng nhiều ít. Ý nêu xảo dụng của Như Lai khó nghĩ bàn, xảo dụng không lập chỉ thành Tiệm thứ, cho nên nói “phi”. Sau căn cứ ba chuyển lại trừ quả địa. Ý muốn phỏng theo làm trí đế lìa chấp, dùng nhân để hiển bày quả, không ý cũng chẳng thành Tiệm thứ. Tiếp, dẫn văn chính chỉ bày: Nay dùng năm thời tám giáo tương nhập mới thành Nhất thật, trong mỗi một thời ngang dọc xen lẫn, chỉ đến Pháp Hoa thì đế trí mới thuần nhất. Vẫn biện rõ khiến thành tướng phương tiện, nên đầu phẩm Phương Tiện tức tán thán trí đế phương tiện của năm Đức Phật, cho nên phẩm đề cần y viên đốn. Kinh nói: “Đều được nhìn thấy ông” cho đến “quả mới thường”. Kinh khiến bỏ phương tiện, ông mới bỏ liền dụng. Đại kinh nói “tự chỉ Pháp Hoa làm cùng tột”, ông bèn chỉ Kim Cang hậu tâm, lẽ ra khai các giáo ông mới phế phế bỏ đó. Tiếp, trong phần “Chỉ lỗi”, nói “tín giải hóa quả” tức trước lớp thứ tư thì thủy chung đều tiệm nhập. Tiếp, “Vì sao liên quan...”: là chánh chỉ lỗi kia, cho nên ngoài Gia Tường lại nói: “Thân cùng thừa đều tác bốn câu”.

Thừa bốn câu là:

1. Ba là phương tiện, một là chân thật, khiến xả ba chọn một. Đồ chúng thọ lãnh giáo, tuy lại bỏ ba mà được ban cho nhất thật. Thô hoặc tuy bỏ mà tế hoặc chẳng bao lâu sẽ sinh. Nay hỏi: Đến hội Pháp Hoa nếu đã bỏ ba thì ở xứ nào mà ban cho nhất thật? Nếu chưa đến Pháp Hoa, trước đó lại không bỏ giáo ba; thì người Thanh-văn đối trước Pháp Hoa, Kiến tu lâu phá, đến đây vì sao tế hoặc chẳng bao lâu sẽ sinh? Ban cho Thật là thế, thì như thế nào là hoặc nhiếp? Lẽ nào có tế hoặc do nghe pháp sinh?

2. Lại nói vì đối phá, cho nên nêu ba cùng một đều là phương tiện. Nay hỏi: Không xét kỹ ba, một đều là phương tiện, vì ở trước kinh Pháp Hoa hay đến hội Pháp Hoa? Vậy trước đó còn mê ba là phương tiện, sao từng nói một cũng là phương tiện? Cho nên, phẩm này ban đầu chỉ nói ngày xưa phương tiện chỉ bày ba, đích xác thì không có ba, một, đều gọi là phương tiện, nói đối phá là ở hội nào?

3. Người lãnh thọ giáo mới biết ba, một đều là phương tiện, liền ban cho hai phi mà làm lý cùng cực.

Nay hỏi: Ba chu, thì chu nào là văn lãnh thọ hai phi? Trước đó, Nhị thừa mà còn không có hai trước, huống chi song phi ư? Nếu hàng Bồ-tát nơi nơi đắc nhập, thì đâu cần Pháp Hoa? Ba lại dùng ba, một làm hai, hai phi làm bất nhị; nhị và bất nhị đều là phương tiện, phi nhị và phi bất nhị đều là chân thật, phá cũng căn cứ theo trước trưng dẫn người và xứ.

4. Nhị cùng bất nhị và dùng hai phi, vẫn thuộc bốn câu, vẫn chưa tránh khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Các pháp tịch diệt không thể ngôn tuyên, chính là chân thật.

Nay hỏi. Từ Tam-muội ra bảo tam chu hiển bản, là thuyết hay không thuyết? Nghĩa tịch diệt trùm khắp đâu chỉ có Pháp Hoa ư! Lý trong giáo bản tự vô ngôn, huống chi đại thừa không thể nói, trước vì năm người (Thừa) huống chi nay rộng nêu năm Đức Phật khai Quyền biện rõ giáo Quyền thật. Quyền thật đã hiển, sao lại nói “ban cho”? Nói “ban cho ba”: thì mê giáo mê tình. Nay căn cứ bộ phán giáo, hiểu rõ tên “Phương tiện” cần có chỉ qui, lẽ nào luống sót lời? Dùng lời theo lời thì mê mãi mãi vẫn chưa trừ được, tuy ngàn vạn lần phá cuối cùng cũng không tận dứt. Bốn câu của Thân thì căn cứ đây có thể biết, huống chi đầu đề phẩm này là “Phương Tiện”, nên dùng phương tiện để giải thích phẩm này, mới là thật giải thích không trái đề phẩm. Cho nên, biết Gia Tường thân thấm nhuần diệu hóa nghĩa đã rưới mầu nhiệm. Chương xưa

nêu trước là hạnh lý phải nương theo phá, biết đại ý chỉ đây thì thầy trò có thể thành tựu. Căn cứ một đường hướng này thì các thứ còn lại cũng có thể rõ. Cũng như ba thứ pháp luân không trái với thừa lãnh, Đại sư gọi là "đốn nhũ", kia dùng căn bản đặt tên, Đại sư dùng ba vị làm cành nhánh, kia cũng dùng Đề-hồ làm gốc trở về.

Nay hỏi: Phàm nói căn bản tức nói năng sinh, năng sinh bắt đầu thành, sau nhiếp trở về bản, bản vẫn chẳng phải bắt đầu, hai lời nói trái nhau, cành gốc không lập, nhiếp cũng không đúng, huống chi căn bản hai phần nhiếp trở về còn một, một là căn gốc, hai thì gọi là cành. Vậy thì gốc rễ xưa nay là cành, nên phải hợp đầu mà theo ở sau cho nên khai cành Hoa Nghiêm Biệt để nhập gốc Pháp Hoa Viên, huống Hoa Nghiêm Biệt Viên đều thành cận tích. Nghĩa căn lại hoại Phaṕ Hoa bản thành. Lại, nói "ba vị là cành ngọn": Lộc uyển có thể vậy, hai tô như thế nào? Nếu hai tô Viên Biệt là cành, thì Hoa Nghiêm đâu thể thành gốc? Nếu vậy, chính thành "hội bản qui bản", hoặc tức "hội cành qui cành". Nếu Pháp Hoa không liên quan đến Hoa Nghiêm thì khiến hai bản vĩnh viễn sai khác, sao được gọi là "hội mạt qui bản"? Huống chi trong bộ Pháp Hoa không có văn nhập Hoa Nghiêm, chỉ có nhập Phật tri kiến, huống chi văn nêu Niết-bàn chung cực năm vị . Bản sư sở sư xưa nêu cần phải sửa đổi. Nếu y xưa lập, thì nghĩa Thầy trò không thành. Thuyết để khuất phục thì chẳng có gì để làm, thuyết để tôn kính trên đầu thì nương tựa cái gì?

Phần thứ tư: Dẫn lệ. Dẫn hai văn làm lệ: Tức là kinh này thì Thể nội phương tiện là loại được lưu truyền. "Kinh Đại Thừa Phương Tiện nêu mười thứ phương tiện", chưa kiểm chứng. Phần 5. "Phải biết...": là tổng kết chỉ bày bài xích phi. Nói "như hư không như biển lớn", là tổng bao hàm các kinh đều quy về kinh này. Các kinh ví như hình sắc như dòng chảy. Kinh này ví như hư không như biển lớn. "Nay nêu rõ..." chính giải thích có hai: Trước thông, sau biệt.

Phần Thông có ba: 1. Liệt kê. 2. Giải thích. 3. "Nếu tất cả pháp...": là dùng tứ nhiếp pháp để biện rõ công dụng của pháp. Trong phần giải thích, bốn câu đều trước là nêu tiếp là dẫn văn giải thích. Câu đầu: đã dẫn văn nói "Các pháp..." Do có nói lên, lại theo có thuyết, có nói thì không ngoài ngàn như trăm giới. Câu thứ hai: gồm dẫn năm văn đều chứng nhập thật vả lại dùng nhập chứng đối thuyết làm thật. Văn đầu: ý gia bị cho căn cơ, văn thứ hai: là gốc các pháp, văn thứ ba: là tông hóa nghi, văn thứ tư: là nguồn gốc bản hạnh, văn thứ năm: là lý vong giáo, các văn đều dùng nhập chứng làm thật. Cho nên biết rằng: có nói,

không nói đều dùng chân thật làm gốc. Trong câu thứ ba dẫn chứng ý: Các pháp là quyền, thật tướng là thật, thật tức câu thứ hai, quyền tức câu đầu, hợp hai câu đó cùng làm câu thứ ba, vì hai môn đầu không có biệt pháp, “Lệ như...”: dẫn lệ. Giả tưởng cho nên hư dối, trị dục cho nên thật. Chỉ nhất quán này là thật là hư, thì một pháp cũng quyền cũng thật có sao đâu? Câu thứ tư : dẫn văn tức chỉ lý Trung, lý hư thật... nhị đế khó nghĩ bàn, song phi hai đế này để hiển diệu trung, cũng không khác với ba môn trước, bốn môn lý đồng cho nên đều nói “tất cả”. “Nếu tất cả pháp...”: là phần 3. Biện công dụng, lại có hai: Một, chánh biện câu nhiếp pháp công dụng. Hai, “Thẳng nêu...” là nêu ý câu kia. Văn đầu, chỉ bốn câu đây còn lẫn nhiếp lẫn phá, quyền thì đều quyền cho đến đều là phi quyền phi thật, huống chi các pháp khác không nhiếp phá ư? Huống chi ngoài bốn câu không còn có pháp, như đây mới thành phá lập của kinh này, lẽ nào cùng với phá lập của các sư đồng ư? Phải biết các sư đã không biết nơi quyền thật, dù nói Thật nhưng vì chưa phân phán, cho nên thật nghĩa không thành, huống kia kia tương vọng xen lẫn thôi mê thật, vì vậy đều là câu đầu sở phá cho nên nói “đều là quyền”. Câu đầu tiên còn vậy huống chi ba câu ư! Cho nên Quyền thật của các sư đều đắc chút phần quyền mà thôi.

Nói “Như Lai sở thuyết”: nêu quả để so với phàm, Phật có sở thuyết mà còn đều là quyền, lẽ nào đời mạt pháp, phiếm bàn mà tự nói là chân thật, không suy nghĩ Thánh hóa chỉ tiến cử thân thể phàm phu. Câu thứ hai: Thật tức cứu cánh. Quyền của Phật thuyết mà còn phải nhập thật, huống chi các quyền khác, thật mà không nhập ư? Cho nên biết hết thảy chỉ có Nhất thật. Nói “tổ hang (sào quật)” Sách Thuyết Văn nói: Chim ở cây gọi là “tổ”, thú ở trong hang gọi là “hang”. “Bảo” là trú trước. Hiểu thông đại chỉ phải xứng tâm Phật, chỉ giữ một góc thì như “giữ gìn hang ổ”. Câu thứ ba, thứ tư căn cứ nói có thể biết. Cho nên, văn này mỗi một câu đều trùm khắp. Nếu thu nhiếp khiến có thể biết, thì chỉ là ba trí chiếu ba đế cảnh, gia bị cho ba hạng căn cơ. Cơ biến, pháp biến, lý biến sự biến, đều nói tất cả sở dĩ có thể biết. Do “một không tất cả không” nên tất cả đều Thật. Vì “một giả tất cả giả” nên tất cả đều Quyền. Hai câu thứ ba và thứ tư chỉ là Trung trí song chiếu song phi. Trong do ba đức ba thân đầy đủ, cho nên khiến ngoài dụng ngang dọc hiển mật, làm thành ý phá lập của kinh này. Do đối xưa cho nên phải làm bốn câu, Thông luận đại cương pháp tướng tuy vậy, biệt luận phẩm này chỉ tại câu thứ ba, cũng quyền một câu rưỡi gọi là phẩm Phương Tiện. Do đối tự chứng thật trí nói, cho nên phải nói nửa câu thứ

ba, vẫn phải nhiếp ba thứ còn lại kia và nửa câu nhập vào một câu rưỡi đây, mới có thể được gọi là phẩm Phương Tiện này. Nếu chuyên bốn câu đều nhiếp tất cả còn chẳng thải thông phương, huống chi các Sư biến kế quyền giáo của các sư, cho nên nói "không được nhất hướng". "Thẳng nêu...": là tiếp nêu ý câu: Như trước đã giải thích tuy lại lược dẫn lược giải thích tướng trạng, vẫn thành "thẳng nêu" để biện rõ tướng câu, chưa kịp dung thông dể luận huyền chỉ. Hoặc phá hoặc lập mà còn đã không bỏ sót, không thiên một câu không đấm trệ một góc cho nên nói "còn tự như thế", huống chi dùng đại chỉ mà xa quán, chẳng hạn cuộc một phương cho nên nói "huyền lãm". "Phương": Nghĩa là một người một hạnh. Cái gọi là "một lý một giáo", là tùy lập tùy nhiếp tùy phá tùy vong. Thủ xả tự tại, cho nên nói "khoáng đãng". Vượt khỏi ám trệ, gọi là "cao minh", lại cùng tận viễn giáo gọi là "xa quán". Xét lý sâu là "huyền lãm". Dụng ngang khắp là "khoáng đãng". Chỉ dọc thấu triệt là "cao minh", hiển một nhà tiêu thông cho nên nói "như thế". Nếu làm chữ "huyền", thì ý cũng có thể thấy. Người khác không thấy đây thì dùng cái gì để giải thích phẩm Phương Tiện? "Huống chi luận chỉ thú": Vì phá lỗi xưa, vả lại dùng giáo tướng quyền thật phá lập khai thị ẩn hiện dư thiếu hành tàng. Nếu hạnh giải kiêm luận tự tha hợp nói, thì chịu nhận văn trước nay để luận ý chỉ kia. Tóm lược sự trước nay để luận thú hướng kia phải hiểu bốn câu chỉ một pháp tánh. Pháp tánh chỉ là chân như thật tướng như như Niết-bàn. Do thể Pháp tánh không trái các pháp, không thọ các pháp, không trụ các pháp, không nhập các pháp, cho nên mỗi một danh tự, mỗi một tâm pháp, mỗi một câu kệ, mỗi một nhân quả, mỗi một phàm Thánh, mỗi một y chánh, cho đến mười cặp đều là pháp giới, tự tại vô ngại nghĩa kia có thể thành, đầy đủ trong trong Bất Nhị Thập Môn nói. Hoặc bản hoặc mạt, thể lý không khác, nói mà không nói, không nói mà nói, chiếu tánh không xa, tự tại vô cùng. Dù rằng vô cùng nhưng không ra ngoài bốn câu, bốn câu không câu, không câu mà câu, câu câu thâu khắp cả mười phương Phật pháp. Chỉ vì giáo, trước thời Pháp Hoa giáo bốn câu, mỗi câu chưa thông suốt, đến nơi hội này thì một vị không khác... Đầy đủ như trong phẩm Dược Thảo Dụ, sai biệt tức vô sai biệt, vô sai biệt tức sai biệt.

Tiếp, khai chương biệt giải thích: Đã biết các pháp hỗ dung biến nhập, nêu Thật tức có Quyền trong Thật, chính là chỉ Quyền đây gọi là phẩm Phương Tiện. Nêu "Quyền tức là Bất tư nghì quyền", thì Quyền đây có thật, mới dùng quyền đây gọi là phẩm Phương Tiện. Nêu "cũng Quyền cũng Thật", thì đều có chỗ trở về, đây chính cả hai tương tức

cũng nhiếp cả hai cả ba, cho nên gọi phẩm Phương Tiện. Cho nên dụng tức phương tiện chân thật, gọi là phẩm Phương Tiện, nêu phi Quyền phi Thật thì chỉ là lý Phương tiện, lý nhiếp ba câu đều gọi là phẩm Phương Tiện.

Hỏi: Nếu vậy câu câu đều trùm khắp đều là phẩm Phương Tiện, thì đâu cần câu thứ ba?

Đáp: 1. Danh tiện thì đầy đủ quyền thật. 2. Nghĩa tiện thì sở nhiếp trùm khắp. Các câu khác nghĩa tiện mà danh không tiện, ba câu còn lại tuy có nghĩa quyền danh quyền mà không như câu thứ ba tức danh tức đủ. Dụng đây tức thật, mà quyền làm phẩm này. Cho nên mười cặp dưới, mỗi cặp đều đủ danh quyền thật, đều chọn “tức Thật mà Quyền” làm phẩm Phương Tiện, huống chi ba câu đầu tổng giải thích đều xuyên suốt mười văn tám môn.

Nếu không vậy, thì chẳng phải phương tiện sự lý cho đến Tất-đàn, không phải liệt danh của pháp tướng trong phương tiện, cho đến chẳng phải bản tích mười nghĩa của kinh này, mười nghĩa không hai bản tích tợ như khác. Bản tích, tuy khác mà bất tư nghì nhất, mười nghĩa tướng biệt mà Thực tướng nhất như. Vì chúng sinh nên liệt giải thích Sinh khởi cho đến Bản tích, Sự lý cho đến Tất-đàn không đồng, đạt ý quên lời, giải thoát ngôn thuyết . Nếu thấy ý đây thì thường im thường nói, nói làm không trái, vẫn dùng ý chỉ đây mà làm cảnh quán, khiến cảnh quán kia chiếu rõ có thể thấy. Các chỗ giải thích không có nguyên do nơi đây, như đây giải thích mà còn sợ là hữu lậu, huống chi các nhà giải thích đơn độc nông cạn. Dù nêu nhiều nhưng pháp tướng đại tiểu khó phân, tuy phán giáo thời mà Pháp Hoa chưa hiển. Nếu cho rằng kinh Pháp Hoa cùng các kinh khác đồng vị, thì chỗ thuyết ba không có, thì lời nói ấy ở đâu? Nhưng trong tám môn này thi bảy môn trước là Tích, môn thứ tám là Bản môn, bản tuy chưa đến mà quyền thật lý khắp. Cho nên văn dưới nói: “Ta dùng phương tiện này, chư Phật cũng như vậy”. Cho nên tên gọi Phương tiện thông Bản tích. Đây đã huyền thích không đồng tiêu văn cho nên không đồng với ngài Quang Trạch phân biệt câu.

Lại nữa, ý của tám môn đây theo thứ lớp: Nếu không Liệt danh thì không dùng Giải thích. Nếu không Sinh khởi thì mê nơi thứ lớp thuyên. Giải thích chánh chỉ bày tướng trạng của mười văn. Dẫn chứng vì phòng người không tin, kết quy là nêu ý gốc của phẩm, phân biệt vì khiến giải thích phẩm có chỗ trở về, phán xét giải thích khiến biết thô diệu đều có, như vậy mới hiển bày ý chỉ sâu xa của phẩm. Lại chuẩn bị

biện Bản tích khiến biết bản địa quyền thật tự tha, mới hiển con đường Đại hóa gần, xa. Trong Liệt danh cần phải sắp xếp nhất nhất đều nêu quyền thật, như nói "Sự lý quyền thật" cho đến "Tất-đàn quyền thật", tức là sự quyền lý thật, cho đến Tất-đàn ba quyền một thật. Lại dùng ba thứ giải thích phẩm, phân chia mới thành phương tiện của kinh này. Cho nên luận nói: "Từ đây trở xuống thị hiện tướng nhân quả kinh này". Cho nên trong mười cặp thì năm cặp đầu là từ nhân đến quả, năm cặp sau thuộc thắng dụng của quả, huống chi một bộ văn cũng có thể Bản tích mà phân nhân quả. Cho nên, biết: trong nhân nếu không có bốn cặp trước thì nghĩa nhân cạn hẹp. Nếu không có năm cặp sau thì dụng quả thô cận. Trong đó, giáo là thánh hóa. Vả lại, dùng người thọ mà đặt tên, không đồng người đời lấy giáo làm nhân, Phật trí làm quả. Cũng không đồng ba, bốn môn v.v... của người khác. Còn lại như dưới kết quyền thật nói. Ở cuối phần "Sinh khởi", trong câu "đó là mười chương thứ đệ vân vân", thì "vân vân" là: Lẽ ra mỗi một chương đều thuật tướng sinh khởi, suy tìm kỹ thì có thể thấy. Lại nữa văn nêu năng hóa, nghĩa phải đối sở. Cho nên năm cặp sau chỉ một cặp trong thể dụng là đối sơ, còn lại bốn cặp, đều từ năng đối mà đặt tên. Lại, đây cũng cùng mười diệu nghĩa đồng. Nếu không vậy, thì ai biết phương tiện cần đủ mười pháp? Ai biết nghĩa mười pháp biến khắp một kinh? Nếu không có mười pháp mà lại thành kinh văn thì không thuyên giảng nhân quả và dùng năng sơ. Cho nên mười cặp đều cùng tận đến cốt yếu, mới là mười cặp của kinh này. Nếu vậy một kinh từ đầu đến cuối đều gọi là Phương tiện, đều chỉ giáo trước lấy làm sở khai, rồi mới có thể gọi là phương tiện của kinh này. Cho nên, biết rằng: trong Tựa thì Chứng tín là Phát khởi phương tiện. Thí dụ chỉ là So sánh phương tiện, Nhân duyên chỉ là Vãng tích phương tiện, Bản môn chỉ là Cửu viễn phương tiện, Lưu thông chỉ là chư Phật Bồ-tát thông pháp phương tiện, do phương tiện đó nên gọi là chân thật. Nếu hiểu được ý đây, thì như xem quả trong lòng bàn tay, thì một bộ Pháp Hoa tâm có thể biết, một đời giáo môn sát-na liền biết, nhân quả tự tha cộng thành một pháp, mười phương ba đời không chứa mong cầu khác. Dùng thập pháp thừa mà quan sát, Pháp Hoa Tam-muội hợp đủ thì có đủ vô thượng Phật quả, đường tu có thể kỳ vọng, có mắt chư Hiền xin thương xót xem xét.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4
(Phần Thượng)

Tiếp, chánh giải thích: Trong phần đầu tiên giải thích sự lý, thì trước là giải thích, sau là nguyên do. Trong giải thích thì trước là giải thích lý, nói "Lý là chân như" cho đến "là thật": lý thật tại đâu? Tại tâm ý thức, cho nên lý không chỗ tồn, biến khắp tại sự, nên "gọi sự là quyền". Luận Câu-xá nói: Tập khởi gọi là tâm, tư lượng gọi là ý, liễu biệt gọi là thức. Ở luận kia, nhất hướng hoàn toàn không có tức lý. Như trong Đại thừa thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý, thức thứ sáu gọi là thức. Giáo kia vì người mê, lại không có tức lý, cho nên giáo Thiên (lệch) Tiểu thừa pháp hữu lậu, hoàn toàn không có tánh tịnh, tức ít biết lý thường trụ. Cho nên biết hữu lậu tuy duyên tịnh..., đồng thuộc sự, đầy đủ như Sự Lý Bất Nhị Môn nêu rõ. Cho nên trong phần nguyên do, nói: "không phải lý thì không thể lập sự, sự có công hiển lý", cho nên xưng tán phương tiện. Ai dám dùng tâm tam giới hữu lậu... để làm phẩm Phương Tiện mà được Như Lai xưng tán ngợi khen? Nếu không vậy, vì muốn cho chúng sinh thì nghĩa ấy ở đâu? Tướng thế gian thì nói làm sao để hiểu, để giải thích?

Trong phần Giải thích "Lý giáo": Trước là chánh giải thích, tiếp "Phi giáo..." là nêu nguyên do. Đầu tiên trong giải thích lý, thì trước là lược giải thích, tiếp là dẫn lệ. Đầu tiên nói tổng sự lý trước, là hợp hoặc lý trước. Cho nên, biết: vô minh pháp tánh cho đến ngoại giới tất cả các pháp đều là sở thuyên. Tâm ý thức đây, danh cùng thể, đầy đủ tất cả pháp ngoại giới, thì ai biết giáo Pháp Hoa, dùng các pháp đây mà làm sở thuyên? Nếu không vậy thì tà kiến Nghiêm vương ác nghịch Điều-đạt từ đâu mà đắc? Tiếp, nêu lệ: Đây tức nêu giải để ví như nơi mê, khi giải lý chân tục đều đế giải do mê đắc, cho nên trong mê thì còn gọi sự lý. Do giải thích lý đây mà được thành giáo. Dùng lý vọng giáo, thì giáo gọi là Quyền. Lý tại nơi mê, thì mê cũng gọi là Thật. Cho nên gọi quyền thật chẳng phải một chỗ đắc. Quả giáo luận đàm đây năng

thuyên cũng quyền, cho nên biết giáo kia chỉ giải thích lý kia, vì vậy nên Như Lai xưng tán giáo này. Nếu chẳng phải kinh này, thì ai dám tán thán giáo giải thích mê này là phẩm Phương Tiện? Nếu không vậy, thì từ Tam-muội ra tán thán cái gì?

Tiếp trong phần "Giáo hạnh", "hành có sâu cạn": nghĩa là Viên tiệm. Viên tiệm là gì? Nghĩa là bảy phương tiện, vẫn chỉ tiệm tiệm tức là Viên tiệm. Cho nên giáo định, mà hạnh thì dời đổi. Hạnh quyền giáo thật, vì vậy nói giáo không tiến thú, huống chi giáo giải thích thật tướng, lý thật tướng không còn sâu cạn nữa.

Hỏi: Nếu không còn sâu cạn thì lẽ ra phải không còn giải thích hạnh giáo? Đáp: Giáo có hai thứ, giáo giải thích lý không hai thì tiêu biểu giáo hạnh tự phân, chỉ duyên hạnh có sai biệt dẫn đến giải thích (thuyên) hạnh giáo có chút sai biệt. Lại nữa giáo năng thuyên cũng không tiến thú, hạnh sở thuyên tự dần sai biệt. Nếu không vậy thì Như Lai phương tiện Ba-la-mật... sở chứng thế nào?

Tiếp, "Phược thoát": Hạnh danh còn thông vẫn kiêm trái thuận, cho nên dùng phược thoát mà phân biệt quyền thật, gọi là "phược thoát". Lại thông xưa: Các kinh địa tiền còn tự trái lý vì chưa khai quyền, kinh này khảy móng tay đều là Phật nhân để hiển bày thật. Ai biết kinh này Phật dùng hạnh xấu cũng được gọi là thiện xảo phương tiện? Dụ Tử thi thông khắp tất cả, đầy đủ như trong Tu Tánh Bất Nhị Môn nêu rõ.

Trong phần "Nhân quả" có ba: 1. Chánh giải thích. 2. "Không có quả..." : là nêu nguyên do. 3. "Hai loại quán...": là giải thích thành. Trong phần Giải thích thành, nói "dùng hai loại quán làm phương tiện": lại căn cứ pháp để nêu bày tướng, mượn quyền để lệ hiển, trong mỗi một lớp thông nhiếp các giáo, lẽ nào có thể quyết định hạn cuộc riêng hai loại quán ư? Như trong Thể dụng tiệm đốn khai hợp thông biệt, cũng có các pháp giáo thể dụng... Từ thể khởi dụng, từ đốn khai tiệm, từ tiệm hợp đốn... Tiếp "Thể dụng": lại chỉ Sơ trụ vì tùy phân quả, quả đây tức có dụng của một trăm pháp giới. Nói "lập tất cả pháp": trước trong phần sự lý thì dùng nhiễm duyên làm tất cả pháp, ở đây thì tịnh duyên là các pháp, đầy đủ như trong Nhiễm Tịnh Bất Nhị Môn nói.

Tiếp, trong phần "Tiệm đốn": 1. Tự tha đều có tiệm đốn. 2. Hóa tha khởi dụng nghĩa kiêm quyền thật, đều là quyền trong thể làm pháp lợi tha quyền thật đây, cho nên phải nêu rõ khai hợp. "Khai hợp": "Tiệm tự không hợp": là Tạng Thông hai giáo không phế bỏ Tiểu thừa. "Cũng không hợp đốn" : Tam giáo Bồ-tát không nhập thật. Tiếp, "Thông Biệt

ích”: Trước nói tiệm đốn môn thì trong tiệm tuy có bán giáo mà bán ở đầu tiệm, nay bán ở sau Thông. “Tất-đàn”: tức là phán thể dụng nói ở trước cho đến Thông Biệt. Căn cứ trước để giải thích.

Tiếp, “Đương dụng...” là kết chỉ bày phương pháp. Nói “bốn câu”: là bốn câu “tương pha” v.v..., đầy đủ như trước giải thích. Tiếp trong phần “Dẫn chứng” có hai: Trước là dẫn, tiếp “Luận kia...”: là kết tán. Đầu lại có hai: Trước kinh, sau luận. Trong phần kinh: trước là dẫn một bộ, tiếp là dẫn một phẩm. “Dẫn một bộ”: là muốn lược chỉ phương tiện khắp, đầy đủ như trước đã xét. “Dẫn một phẩm”: Chánh nêu khắc thể, chỉ văn xứ, đầy đủ như liệt kê sau. Đầu, “dẫn một bộ”: thì trước là chọn lọc ý, tiếp chánh dẫn văn. Đầu chọn lọc ý: Phân chọn thông theo biệt, mười cặp, mỗi mỗi đầy đủ các giáo vị. Nếu có người không rõ sự lý cho đến Tất-đàn, thì tin không phải Phật giáo, lại từ đối đãi nhau cho nên phân chọn thông theo biệt. Tiếp, chánh dẫn: Đầu tiên trong sự lý nói: “không như tam giới”, nghĩa là không đồng. Bắt đầu từ Nhị thừa đều khác tam giới, chưa đủ để biện rõ nay. Nay từ câu trên “phi như phi dị” mà thành văn đây, cho nên cùng phương tiện giáo sự lý không đồng. Trong lý giáo, lý nói “tịch diệt”: Chân tục hai lý không thể nói. Tiếp trong giáo nêu “năm Tỳ-kheo”: đầu tiên Từ tiệm thuyết, cũng cần nên nói: Nếu người vô tánh thì vì họ nói nhân thiên, cho đến Tu-la... vì nói hạ phẩm thiện, cho đến vì nói vô tác tứ đế. Cho nên, biết: theo lý thì đều không thể nói, theo sư thị đại tiểu đều có thể được nói. Chứng giáo hạnh: Nếu nghe chứng giáo, khéo hành thì chứng hạnh. “Các ông...”: hai văn đều chứng hạnh, nên rộng căn cứ kinh này để nêu tướng khéo tu hạnh thành Phật. Nói “chủng chủng”: nghĩa bao hàm giáo hạnh, vì có nhân duyên xưa nay.

Tiếp, “Chỉ lìa”: là chứng phược thoát. “Chỉ lìa v.v...”: là trong Tiểu thừa thì lìa vọng gọi là “giải thoát”, tức dùng hư vọng, gọi là “phược”. Tiểu tuy giải thoát mà chẳng phải tất cả thoát. Tiểu thoát, đối với Đại thừa thì vẫn gọi đó là phược cho nên nói “chưa đắc”. Như thế chứng đại tiểu đều có phược thoát, chỉ nay gọi là thoát. “Tận hành...”: là chứng nhân quả, tận hành nhân, đạo tràng quả. Phải căn cứ trong đây để nêu rõ Bản tích quả biệt, cho nên nói “v.v...”. “Phật nhãn” là thể, “thấy lục đạo” là dụng. “Bắt đầu thấy” là đốn, “học Tiểu” là tiệm. Nói “v.v...”: là năm thời không đồng hội khiến nhập đốn, “Cùng tử” là khai, “phó tài” là hợp. “Hóa thành” là thông, “Bảo sở” là biệt. “Chủng chủng” là tứ Tất. Tiếp, “Biệt dẫn một phẩm”: Trước là kết phần trước sinh sau. “Chư Phật...”: là chánh dẫn, phải nhất nhất giải thích khiến

nghĩa hợp mười cặp và cùng ý kinh này hợp... Đầu, dẫn "Chư Phật..." hai câu: Câu trên nêu Phật trí sở tri, cho nên nói "thậm thâm", tức là lý. Câu dưới dẫn môn môn tức là giáo. Sở thuyên vì diệu cho nên nói "khó hiểu", sở tri sở thuyên lý kia không sai biệt. "Nhất thiết...": Sự lý đều là cảnh, cảnh tức lý. Trí tức năng tri vọng năng thuyên, đều gọi là lý vì đồng là sở thuyên. Đây chính dùng chữ "môn" cho nên khó giải chữ, lại phân thuộc Thanh văn bên dưới bất tri, đối Đại thừa gọi là "phược". Đây nêu bất tri chính hiển năng tri, cho nên năng tri gọi là "thoát". Tiếp, "Sở dĩ...": là giải thích "nan tri" (khó biết) bên trên. Chứng giáo hạnh do năng tri thuộc tại nơi Phật, bởi do bẩm giáo có hành. Do thân cận Phật ắt được nghe giáo, "danh xưng vang khắp" ắt hạnh đầy đủ. Tiếp "Thành tựu...": là chứng thể dụng, "thành tựu rất sâu" tức thể đầy đủ, "tùy nghi sở thuyết" tức là dụng. Nên biết trong văn lược chữ "tùy nghi". Tiếp, "Ta từ..." là chứng nhân quả, chánh thủ thành chữ để chứng nhân đắc quả cũng là quả có nhân. "Chủng chủng...": là chứng tiệm đốn. Các thứ chứng tiệm khiến lìa chứng đốn. "Vì sao vậy?...": là chứng khai hợp: Phương tiện chứng khai, đầy đủ chứng hợp. Vả lại căn cứ tự hành luận hợp, tự hành đã đầy đủ lợi tha tất nhiên. "Chư Phật vì đại sự...": là chứng lợi ích. Đại sự từ biệt biệt ắt hội thông.

"Tóm yếu mà nói...": là chứng tứ Tất-đàn. Nói "vô lượng vô biên" là chứng ba Tất-đàn. "Thôi không cần nói nữa" là chứng Đệ nhất nghĩa, chính là chỉ lý bất khả thuyết. "Tánh tướng như vậy...": là chứng sự. Mười giới là sự, thật tướng là lý. Nếu chấp cứu cánh... thì Không Trung là lý, Giả... là sự. Nếu đem văn đây đối quyền thật... bên dưới, thì đều căn cứ trong thể mà luận, đương bộ đã khai. Nói "Phật Phật đều vậy": là chư Phật hiển thật đều nêu năm Đức Phật lấy làm sự đồng. Tiếp, trong phần dẫn "luận Pháp Hoa", thì đây cùng với luận kia có một ít khác biệt chỉ có tám cặp, thiếu khai hợp phược thoát. Lợi ích tức là thông biệt, khai biệt xuất thông làm lợi chúng sinh Phược thoát cùng nhân quả có chút sai khác, cho nên không biệt đối. "Luận giải thích trí tuệ chư Phật rất sâu, là chứng rất sâu". "Thậm thâm (rất sâu) có năm", nay căn cứ sở chứng nên phân biệt thuộc lý. Tuy phân làm năm mà không ngoài nơi chứng. "Nghĩa": là nghĩa vị, Phật trí đắc chứng có thật nghĩa. " Thật thể": nghĩa là lý sở chứng. "Nội chứng": là tự hành khế hợp cảnh. "Y chỉ ": nghĩa là chánh nêu lý sở y. "Vô thượng": là tán thán lý sở chứng. Khi đến quả thì vượt quá ba, năm, bảy, chín thừa..., luận tự chuyển giải thích "Vô thượng thậm thâm".

Nói "Đại Bồ-đề": Luận dùng chữ "Đại" để giải thích "Vô thượng",

không phải dẫn Bồ-đề chứng vô thượng. Do câu thứ ba tự có chứng rất sâu, nên hướng đến căn cứ đương phẩm cũng dùng câu trên chứng lý, câu dưới chứng giáo. Nói “A-hàm”: Đây nói là pháp không gì sánh bằng, tức nói “giáo”. Năm câu trước chứng lý mà năng khởi giáo, gọi là “lý giáo”. Nay lý thông nhân luận văn tại quả. “Môn” là giáo trí gọi là “trí tuệ môn”. Trong đây phược thoái một cặp trong luận văn không có. Nay nếu lập, thì khó hiểu, khó nhập, vẫn thêm khó thấy, khó giác, khó biết. Trên “khó hiểu”, nói “tất cả Thanh văn Bích-chi-phật không thể biết”, đây chính là ý giải thoát. Thoát nên đối phược tức cùng phược thoát ý đồng. Luận văn hợp ở trong nghĩa A-hàm.

Luận đối với nghĩa A-hàm lại khai tám thị hiện: 1. “Phật đã từng thân cận...”: là Thọ trì đọc tụng rất sâu. 2. “Trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật sở tu đạo Bồ-đề”: là Tu hành rất sâu. 3. “Dũng mãnh tinh tấn”: là quả hạnh rất sâu. 4. “Danh tốt vang khắp”: là Tăng trưởng công đức rất sâu. Nay hợp luận bốn văn lấy “làm giáo hạnh quyền thật”. “Luận giải thành tựu...”: là Quyết diệu sự tâm rất sâu thứ năm. Luận “Ý thú...”: là thứ sáu: Vô thượng thậm thâm. Luận lấy “tùy nghi thuyết pháp” làm cái thứ bảy: Nhập rất sâu. Nay hợp luận ba thứ này cùng làm “thể dụng quyền thật”. Luận dùng nhị thừa bất tri làm cái thứ tám: Trụ trì rất sâu. Kinh đã không có văn, nay không có sở đối. Luận từ đây về sau lại lập bốn thứ “thành tựu công đức của Như Lai”: nhân quả quyền thật là thứ nhất. Sơ trụ thành tựu. Tiệm đốn quyền thật là thứ hai, Giáo hóa thành tựu. Trong đây thiếu một khai hợp quyền thật, còn lại cùng luận không đồng cũng không cần hòa hợp. Do luận văn tăng thêm câu, nay chỉ trực đối, như trước dẫn văn đương phẩm, cho nên nay lại hiểu rõ hiện văn. Từ trong “Chứng giáo hạnh”, thân cận ắt tu hành, tinh tấn ắt tăng trưởng. Nếu không tinh tấn tăng trưởng thì đâu có danh tốt vang khắp, cho nên hai thành hạnh đều do nghe giáo. Tiếp, trong “Chứng thể dụng”, sự tức là dụng, vô thượng cho đến nhập tức đắc thể. Đã nói thành tựu tín dụng từ thể. Tiếp, trong “Chứng nhân quả” nói “Nói Như Lai công đức thành tựu”: là công đức thuộc nhân thành tựu tại quả. Kinh nói “thành Phật đến nay” là nghiệm biết quả do nhân khắc. Tiếp, trong “Chứng tiệm đốn”, nói “giáo hóa thuyết pháp”: “Giáo hóa” thì thông nhiếp tất cả nghi thức hóa độ kiêm cả nghịch thuận. “Thuyết pháp” thì chỉ tại khẩu luân, hạn cuộc nơi thuận hóa. Nên biết ba luân đều nói thành tựu không riêng thi hạnh đốn. Tiếp, trong “Chứng lợi ích” lấy tự chứng để giải thích “lợi”, lấy lợi tha để giải thích “ích”. Vì tự chứng thật, nên nói thành tựu bất tư nghì; tùy tha quyền nên nói ngôn ngữ.

Trước nói thuyết pháp thông nơi tự tha, đây nói ngữ ngôn chỉ tại nơi tha. Tiếp, trong “Chứng tứ Tất-đàn” nói “có thể hóa”: Tứ Tất-đàn đều từ người có cơ duyên mà đặt tên, cho nên nói “có thể hóa”. Trước nói giáo hóa thông chủng thục thoát. Trong đây “có thể hóa” phần nhiều tại thục thoát. Nay nói “không thể hóa” là tương đối đến thôi! Tức là người không có cơ duyên tứ Tất-đàn. Trong “Chứng sự lý” nói “thành tựu chư Phật năng tri, thể Pháp thân”, đây chỉ quả địa Pháp thân làm lý, do tùy chúng sinh gọi đó là sự, đây cũng là pháp thân diệu cảnh sự lý đầy đủ. Nay ý thông tất cả, luận văn hạn cuộc quả, quả do đảm đương tất cả, cho nên nghĩa cũng đồng. Đây cùng Phật kinh và Bồ-tát luận văn lý nhã hợp, cho nên nói “cùng Tu đa la... hợp”.

“Kết thành ba thứ quyền thật”: Kết thành đầu số, cho nên dùng quyền thật cùng làm số kia. Hoặc thiết lập hoặc hội nhập, pháp không tăng giảm. Nếu không có văn đây thì khiến trước giải thích quyền thật chưa phân, Vả lại liệt kê mười danh, chỉ lược giải thích mà thôi! Cho nên, nay đối giáo chính là phân quyền thật. Văn tự chia làm ba: Đầu kết thành ba thứ, trong đó lại có hai: Đầu thông sau biệt, tóm thông thành biệt. Trong Thông lại có hai: Trước là Thông trong thông, tiếp là Biệt trong thông. Phần đầu, Thông trong thông: Trước nêu cho đến “cũng như vậy”: là nêu trong đó tuy nói bốn giáo đều có mười mà chính thành bốn giáo đều có hai mươi, hoặc ba mươi hoặc một trăm sáu mươi. Nói hai mươi: Tức tự mười, tha mười, do tự thông không có biệt pháp, lại dùng tự mười thông để lợi tha. Vì vậy, trong văn chỉ liệt kê mười, hoặc ba mươi nguyên do biên chép, hoặc nói là tiêu biểu bất định nên tự tha một hoặc không có bản số. Chỉ tự tha nên nay vẫn chia làm tự tha một đối: 1. Y giáo, do trong Đại Kinh có tự tha đây nhất trùng Nhị đế. 2. Y lý đã nhiếp đơn tự tha mà vì tự tha hợp, mất đơn kia gọi là tự làm một dối, hoặc chỉ mười để trong tự hợp quyền làm thật là mười thật, đối ở trong tha hợp thật làm quyền là mười quyền, tổng hợp mới thành mười cặp quyền thật. Hoặc hai mươi: Cũng đều tồn tại nơi tự tha mười cặp. Phải biết bốn giáo hoặc tám mươi hoặc một trăm hai mươi hoặc một trăm sáu mươi làm như đây cộng thành một bất tư nghì quyền thật, nghĩa là quyền trong thể để đối thật. Nếu không vậy thì chẳng phải Pháp Hoa.

Tiếp, “Lại đương giáo...”: là trong biệt giải thích nói bốn thứ làm tự hành. Trước đã nói thông: mười, mười đều thông tự tha v.v... Nay nói biệt: Trong mười phân làm bốn, hai, bốn. Cho nên biết thẳng vậy phân mười để làm tự tha, không đối các giáo, mỗi giáo đều như vậy. Lại cũng có thể dùng năm thứ trước làm tự, năm thứ sau làm tha, tương đối làm

tự tha. E rằng tự tha trong một giáo còn thông tự tha tương đối, nay chia làm mười để thành ba nghĩa thì xưa nay vẫn thành biệt cho nên như vậy. Vì vậy nên bốn giáo chỉ có bốn mươi đều đầy đủ tự tha, cho nên biết kinh này chỉ thuộc trong Viên hóa tha tự hành, hóa tha mới được gọi là phương tiện. Tiếp, trong "Biệt kết" nói "hoặc thông hoặc biệt": Chỉ ở trước thì đương giáo thông biệt, nay tổng dùng bốn giáo cùng đối tự tha, thì ba giáo là tha, chỉ có Viên giáo là tự, cho nên nói biệt. Thông biệt nói ở trước gọi là tự, cùng tha nghĩa có liên quan các giáo khác. Biệt thì buộc nơi thông biệt, tự thì chỉ có tại phẩm này, đó là Viên gia phương tiện thiết lập khai v.v...

Tiếp, "Kết thành bốn câu": Kết hướng biệt, kết tự tha để thành bốn câu.

Hỏi: Trước lập bốn câu mỗi câu nhiếp khắp, nay vì sao phân quyền thật đều nêu tương đối làm câu, tất cả không thành?

Đáp: Tuy nhờ bốn câu kia dùng để trình bày ý nay, mà chính là phân bốn giáo, lìa nay đối câu có ba ý kia: 1. Đối luận thứ ba lìa thâu hết tất cả giáo chưa được gọi là đầu đề của phẩm này. 2. Khai xong, lại đồng văn trước viên dung tất cả. 3. Nay câu thứ ba đã thâu hết giáo, chỉ dùng quyền thật tương tức trong câu thứ ba này, thì nhậm vận thâu được ba câu còn lại. Mượn tất cả kia bởi có nguyên do. Nếu dùng bốn câu đều thông các giáo, thì tư duy đó nói năng đó. 4. Kết thành ba thứ giải thích phẩm, tức là trong văn đầu pháp dụng... ba thứ, cho nên đem ba thứ đây đều trải qua năm vị để kết tên phẩm. Cho nên biết ở trước đã giải thích là lược, dựa vào đương phần đối giáo để nói. Cho nên một nhà hiển diệu, ắt còn năm vị mới thành diệu. Cho nên mỗi mỗi giải thích biến khắp năm thời thì khiến pháp dụng và môn đến thời Pháp Hoa đều khai, khiến thành đồng thể pháp dụng môn đại xa. Hai cái trước đều thành nghĩa thứ ba.

Phần đầu căn cứ pháp dụng, lại chia làm ba: 1. Thẳng nêu năm thời. 2. "Như Lai...": là nêu ý năm thời. 3. "Cho nên giải thích...": là kết thành giải thích tên phẩm. Phần Thẳng nêu chia làm hai: Trước nêu ý xuất thế thiết lập quyền, sau chánh giải thích năm thời. Phần trước lại có hai: Trước nêu bản ý nhập thật, tiếp "Phật tuy..." : nêu rõ đầu văn ý thiết lập quyền, đạo tràng sở đắc thật, tu đạo đắc nên quyền. Cho nên dẫn luận Nhiếp Đại Thừa để song chứng hai văn, tức "Lý và Lượng". Tiếp, ý thiết lập quyền là vì tiếp dẫn Tiểu thừa và độn căn. "Chẩn" là vết xe đi, mới bắt đầu đi gọi là "phát". Tiếp, trong phần "Chánh giải thích năm thời", nói "bày việc này", là bày riêng nói. Cho nên đến Hoa

Nghiêm kiêm thuyết biệt. Trong bộ, luận chủ tuy là Viên giáo mà căn cứ ý năm thời dùng Biệt trợ giúp Viên, hai giáo dưới cũng vậy. Đây căn cứ ba thứ pháp dụng của bốn thời trước không thể đến thật, cho nên chỉ thành nơi sơ nghĩa giải thích phẩm. Nếu đến Pháp Hoa thì dù gọi pháp dụng cũng thành pháp dụng bí diệu, tức có thể dùng dụng giải thích phẩm kinh này, thì phương pháp là danh mà ngày xưa thông bốn, nay không còn bốn, không còn ba nữa. Tiếp, trong phần "Căn cứ môn" có bốn phần: 1. Cũng thẳng lập năm thời. 2. "Từ đầu đến cuối...": nêu ý năm thời, 3. "Giải thích phẩm nói...": là kết thành giải thích phẩm. 4. "Trước một phen...":cùng chương trước biện rõ sai khác. Phần một cũng trước nêu ý xuất thế thiết lập quyền, tiếp chánh nêu năm thời. Đầu văn nêu tự chứng đối với thuyết lấy làm quyền thật, cho nên nó tự chứng cũng không thể nói. Tiếp, trong nhũ giáo, không nói kiêm biệt mà thẳng nói biệt, vì từ nghĩa môn. Do đó trước giải thích pháp dụng thông bốn, nay chỉ tại ba, cho nên căn cứ năm vị giải thích môn đều từ năng thông, cho nên một Nhũ một Lạc, ba trong Sinh tô, hai trong Thục-tô, Đề-hồ an trí như vậy.

Phần bốn: Biện rõ sai khác: Cùng trước pháp dụng tuy đồng nêu năm thời, mà đây nêu năng thông đến sở thông, cho nên được biện sai khác. "Trước một phen...": là đầu tiên căn cứ trong phương pháp nêu rõ "Như Lai năng tri năng dụng phương tiện", pháp là năng tri, dụng là năng dụng. Chúng sinh không biết là Phật phương tiện, nay đều khai khiến chúng sinh biết. "Đây một phen nêu rõ" khiến chúng sinh thuận theo phương tiện, nghĩa là từ môn thuận theo thật, mà cũng không biết phương tiện tức là thật của sở thuận. Nay cũng khai phương tiện đó. Lại hai chương trước đều có cơ duyên ứng với hai ý, chỉ trước phần nhiều theo ứng thuyết, cho nên lại nói Như Lai, sau phần nhiều theo cơ thuyết nên nói hành. Cho nên nói ân cần tán thán đều từ Phật đắc. "Lại nữa...": là phần thứ ba căn cứ bí diệu giải thích, do diệu nên tức, vì muốn thông bốn thời trước nên dùng Viên làm tức. Ba vì bất tức cho nên lại đối bất tức để giải thích tức, trong đó lại chia làm bốn:1. Nêu rõ ý hóa độ. 2. Trải qua năm vị. 3. "Hai ý trên...": đối trên biện sai khác. 4. "Trên giải thích...": là kết phẩm danh. Ý hóa độ là ý chỉ Đại, đồng trước. Năm vị, có thể thấy. Nói biện sai khác: Tuy đồng năm vị mà sở đối biệt, tuy trong các vị có tức bất tức, mà Phật thì thường tức, chúng sinh thì tự ly. Lại phàm giải thích năm vị thì chỉ được phân biệt danh, nếu thành phẩm này thì phải cần khai lại. Đây tuy căn cứ ba nghĩa trước để giải thích phẩm, thì hai nghĩa trước đến vị thứ năm đã thành khai

xong. Tuy thứ ba thuộc khai, nay lại thông trước. Bốn thứ trước cũng nói “không phải nay sở dụng”, nay cũng thành sở đãi là thô. Viên và sở nhập mới là chân thật. Sau giải thích tuy lại đối năm thời nhưng chỉ biết Đề-hồ, đều là bí diệu, khai cùng phê phán tại trong kia.

“Phần sáu: Phân biệt chiếu đế”: lại có hai phần: 1. Nêu dụng ý: 2. “Nếu thông...”: là chánh nêu chiếu đế. Phần một, ý: Trước tự tha... đã nói quyền thật từ trí đặt tên, nay biện minh sở chiếu nên lần nữa lại nêu. Trước nêu dụng trí chẳng phải không chiếu cảnh, muốn khiến dễ hiểu nên lần nữa lại nêu sở chiếu. Phần hai: Chánh nêu, chia làm ba: 1. Thông giải thích: danh thông mà giáo biệt, nếu tóm bốn làm hai thì, trong mỗi một giáo đều dùng bốn làm hai, như trong “Tự” thì quyền thật tóm làm một thật, trong “Tha” thì quyền thật tóm làm một quyền, cho nên chỉ thành hai. 2. “Nếu phải phân...”: là biệt giải thích, pháp biệt và giáo biệt, căn cứ trước có thể biết, trong đây chuẩn theo văn biệt kết ở trước, chỉ nên dùng bốn thứ: Sự, Lý v.v... làm tự chứng. Nay nói Tất-đàn, văn sợ lầm, Tất-đàn thuộc tự tha ở sau. 3. “Lại nữa Tam tạng...”: tức tổng lược bốn, nêu rõ trước là giáo biệt mà pháp có tổng biệt, nay là giáo tổng mà pháp biệt. Đây văn có ba lớp: Một là: Dùng Tam tạng làm tha; Hai là: Dùng nhị giáo làm tha; Ba là: Dùng tam giáo làm tha, và cuối cùng dùng Viên làm tự, do tha bất định, tự tha tùy thuận, cũng tiến thoái bất định. Trong lớp đầu dùng Thông, Biệt làm tự tha, vẫn là Biệt tướng tự tha, do tha chỉ có Tam tạng. Lớp thứ hai, đã dùng Thông và Tạng làm tha, cho nên chỉ dùng Biệt làm tự tha. Lớp thứ ba, đã dùng ba đều làm tha, tự tha không còn thể riêng biệt chỉ được đem ba giáo cùng Viên đối nhau nói. Cho nên, nói thu tóm ba giáo... Nhưng trong lớp đầu thì Thông, Biệt hai giáo đều có hai hướng. Thông có bất cộng cho nên đồng Biệt. Biệt căn cứ nghĩa cộng cho nên đồng Tạng. Biệt theo giáo đạo cho nên là tha, có chứng đạo cho nên đồng tự.

“Phần bảy: căn cứ các kinh”: Hỏi: Nay căn cứ các kinh trở lại liệt nêu năm vị cùng trước đâu có sai khác? Đáp: Trước dùng năm thời trải qua ba thứ: Pháp dụng, v.v... Chỉ vì thành năm thời đều có ba thứ: Pháp dụng, v.v... khiến biết Pháp Hoa ba lớp đều diệu, nên dùng năm vị trải qua các kinh, dùng bộ đối bộ mà biện thô diệu, thì sáu môn trước đều cần năm vị khiến tất cả giáo đều là ba thứ: phương pháp v.v..., đều là thô diệu sai biệt và do tất cả đều diệu. Huống chi đem các kinh mười cặp trải qua khắp năm vị, vì môn hộ biệt cho nên không cần trách đây. Như trong Huyền Nghĩa thì khoa khoa đều nêu năm vị. Nếu không có năm vị này, thì một khoa một câu, bộ nay không khác trước, cho nên

nơi nơi đều nêu rõ.

Trong đó chia làm hai phần: Phần một: Nêu năm thời đầy đủ giáo nhiều ít. Phần hai: "Lại nữa...": là lần nữa lại dùng nhiều ít mà nêu tự tha, kết thành giải thích phẩm. Phần một: Nay chánh nêu giáo vị cho nên thảy đều ở trước khiến biết lãnh giải đầy đủ vọt lên năm vị. Đầu tiên vị Nhũ chia làm năm: 1. Bán mãn. 2. Căn cứ thời. 3. Căn cứ pháp. 4. Căn cứ người, trong người lại biện sinh pháp không đồng. 5. Dẫn kinh này để phân biệt tướng vị. Bốn vị cũng như vậy. Chỉ ba vị Lạc v.v... đều thiếu người, văn bao hàm nghĩa đầy đủ. Trong vị Lạc, ứng nói căn cứ người chỉ là Nhị thừa, Bồ-tát không dùng. "Phương đẳng" ứng nói căn cứ người lại đối Đại tiểu bài xích khắp nhập Viên. "Bát-nhã" nên nói căn cứ người đới Tiểu nêu Đại, dẫn Tiểu mà trở về Đại. Pháp Hoa căn cứ người rộng ở sau nói rõ, từ "Đây thật là con ta..." Nói "chưa từng thuyết": Thông luận thì các giáo trước đều chưa khai, biệt mà luận thì ba thứ: Giáo, Hạnh, lý trước có lẽ đã hội. Nếu khai nhân (Người) thì các giáo trước vốn khộng cơ, nên dùng đólàm phẩm mục. Cho nên biết không phải đồng thể phương tiện, không dùng thiết lập khai... Phần hai dùng nhiều ít đểphê phán: Trước đã ủy thác nêu rõ nhân thời pháp... để luận năm thời dụng ý không đồng, đây lại lược thâu các pháp thời ở trước v.v... Chỉ căn cứ người, Đại Tiểu lợi độn đều nhập thật. Người kia nếu nhập, thì các thứ còn lại đều trở về, cho nên lại lần nữa nêu rõ. "Văn nói...": là dẫn chứng để kết tên phẩm, "v.v...": là lẽ ra lại giải thích thêm mà các phương tiện trước đều chẳng phải ý nay, ý không khác trước nên không nêu lại lần nữa.

Tiếp, "Bản Tích": Chưa là ý phẩm, bởi vì trong Bản tích đều có phương tiện, cho nên dựa phương tiện để nêu rõ Bản tích. Phương tiện danh đồng, mà viễn cận thì vĩnh viễn khác. Tuy vĩnh viễn khác mà không vượt qua mười cặp, vì Bản thật đắc cũng đâu ra ngoài nhân quả tự tha. Cho nên, "Ta xưa hành Bồ-tát đạo" và "Ta thật thành tựu", tức là lý sự cho đến nhân quả. "Thành Phật đến nay" tức là thể dụng cho đến Tất-đàn, trong đó thầy trò hai văn đều có hai. Trước nêu tự tha bình đẳng có ba, tiếp kết thành bốn câu. Văn nói về Thầy có hai: 1. Bản Tích đều có quyền thật, 2. Buộc Bản làm thật, buộc Tích làm quyền, lại trong Tích thì thô diệu đối với Bản đều thô, trong Bản thì thô diệu đối với Tích đều diệu. Cho nên nay cũng vậy, riêng chỉ "cửu thành" gọi là "tự", nên trong "cửu thành" đều là hóa tha. Sở dĩ trung gian ngày nay dù có phế bỏ ba cũng gọi là tha. Người đời không thấy mà chỉ dùng pháp thân làm Bản, thì giáo nào lại không có? Chỉ lấp che không biết

tuổi cha mẹ, nên hiển thật thành làm Bản. Tiếp, tóm lược chỉ ngoài một "cửu thành" thì đều gọi là "tha", cho nên trong "Tự tha" chỉ tóm lược Bản Tích được, gọi là Quyền thật. "Kết thành bốn câu": Đối thì nên nói trong Bản thì quyền thật đều thật, trong Tích thì quyền thật đều quyền, vì Thật trong Bản đối với (vọng) Quyền trong Tích, gọi là câu thứ ba. Bất tư nghì nhất, Bản tích đều đắc song phi cho nên vậy. Nói "vân vân" là khiến như những điều đối đã nói trước nay.

Tiếp, đệ tử Tích bản đối nhau đều có Quyền thật, cũng từ Bản tích lập hai danh. Nếu luận chung thì Bản và trung gian cho đến ngày nay, mỗi một tiết đều đầy đủ có bốn câu. "Cũng đủ bốn câu vân vân": thì "vân vân" là như trước đã nói về Thầy, chỉ lấy đệ tử làm khác cho nên nói "cũng đủ". Tuy Thầy trò đều bốn câu mà nếu ở Thầy trò dựa theo phán Bản tích thì trong Bản bốn câu đều là Bản, trong Tích bốn câu đều là Tích. Nếu lấy tên Bản Tích làm bốn câu, thì nên nói: Tích của Bản đều là Bản, Bản của Tích đều là Tích. Bản Tích đều có Bản Tích, đều bất tư nghì, tư duy có thể thấy. Lại nên chỉ dùng hai câu để phán xét, tức hai câu đầu là đầy đủ như Huyền Văn Bản môn thập diệu, cho đến nhiều ít rộng hẹp căn cứ đây có thể biết. Tiếp, "Nếu từ Phật Tích...": là kết thành giải thích phẩm. Thầy trò từ Bản thùy Tích, căn cứ bản ý về giáo hóa, thì đã đều được gọi là phẩm Phương Tiện, huống chi Thầy trò "dẫn nhập Viên nhân" mà không gọi là phẩm Phương Tiện ư?

Có người hỏi rằng: Nay phẩm Phương Tiện lấy gì làm thể? Người khác đáp: Có người nói "Dùng Hậu-đắc-trí làm thể". Dẫn Duy Thức nói: "Năm Ba-la-mật sau đều là Hậu-đắc-trí". Ta nay dùng Căn bản trí làm thể.

Nay cho rằng, nói "Thể": là chấp sở y làm dụng đương thể. Hoặc là chấp sở y tức quyền mà thật làm "Thể", hoặc là chấp đương thể tức thật mà quyền làm "Thể". Hai nghĩa này đối với Căn bản, Hậu đắc trí đâu thường tạm phân, huống chi chỉ nói năm thì Hậu đắc không có "Thể", huống chi phân Bản tích. Chỉ một "cửu thành" mà làm Căn bản, còn lại đều là Hậu đắc!

Tiếp, chánh giải thích kinh văn, nói "Hoặc đến sau kệ": là số thứ chín nói: Căn cứ theo ý của ngài Nam Nhạc thì chỉ đến sau kệ làm chánh. Nếu y các sư phương Bắc thì đến Tứ tín đệ tử ở sau kệ vì để nghe kinh, phán thuộc chánh thuyết. Đây phân không sai lầm cho nên cả hai thuyết còn sử dụng. Nếu không so sánh thì thuật ý dựa vào ngôn ngữ. Mặc dù so sánh, vẫn là thuật ý tuyệt ngôn ngữ. "Chư Phật nhị trí như trước nói vân vân": Đầy đủ như ba thứ và dùng mười cặp. Nay tán thán

chư Phật và dùng đức Thích-ca làm năm Đức Phật lộng dẫn bên dưới, vì chư Phật gồm bốn Đức Phật. Trên hào quang chiếu đến nơi đây đều có năm thời chính tiêu biểu năm Đức Phật nhị trí không khác. Kia đây tương vọng, nên gọi là "ngang", xưa nay tương vọng nên gọi là "dọc". Đây tiêu biểu Đức Thích-ca, nơi khác tiêu biểu bốn Đức Phật, tức là nêu năm Đức Phật đạo đồng.

"Lúc bấy giờ": Là lúc năm điềm lành hiện. "Phật thường..." là hỏi. "Đây có..." là đáp. Đáp có đầy đủ tứ Tất-đàn, xưa nay sai khác nên có xuất nhập tức thế giới. Nói "Quyết trước nhập Vô lượng nghĩa...": đây căn cứ ý làm Tựa, chỉ trong một định nghĩa bao gồm hai hướng đều thành Thế giới. Trong "Vị nhân Tất đàn" nói "lý lịch...": Lý lịch tức trải qua sự đối cảnh, "Pháp duyên" tức nội duyên chân lý, xuất nhập xứng lý mới sinh vật thiện, tức "Vị nhân". Định trị tán ác, phải trước nhập định, tức "Đối trị". Căn cứ tự tha lợi ích đều đắc thật tướng, tức "Đệ nhất nghĩa". Nói "ai": là tên khác của "mẫn", là thương, thương chúng sinh khắp tất nhiên là tứ Tất-đàn. Tứ Tất-đàn đây bất tư nghì đại cảm ứng, cho nên bốn pháp đều gọi là "an tường mà khởi". Đây nói "an" là trong an bốn pháp rồi mới khởi hóa tha.

Có người hỏi: Trong đây bảo Thân-tử cùng với Đại Phẩm có gì sai biệt? Nay đáp: Đâu chỉ Đại Phẩm, bắt đầu là từ tứ A-hàm, cuối là đến kinh này, từ Xá-lợi-phất xuất gia đến nay nơi nơi đều có bảo mỗi mỗi không đồng. Trong tứ A-hàm thì hoặc là phát khởi sinh diệt pháp luân cho nên bảo, Phương đẳng thì bài xích cho nên bảo, Bát-nhã thì gia bị cho nên bảo, nay thì kinh khai cho nên bảo:

Bản luận nói: Bảo Thân-tử, không bảo các Thanh-văn, do Thân-tử có trí tuệ thâm sâu. Không bảo các Bồ-tát có năm: 1. Vì các sự sở tác của Thanh văn. 2. Hồi hướng đại Bồ-đề. 3. Khiến không sợ hãi. 4. Vì muốn phát sinh khéo tư duy cho người khác. 5. Khiến không khởi tâm việc làm đã xong. Cho nên phải biết năm ý kiêm khác các kinh khác. Trước hiển lộ giáo không nói Thanh văn đắc nhập Phật trí. "Mười thứ như trong Huyền Nghĩa": Huyền Văn thứ chín giải thích: trong dụng thì Bản tích đều có mười. Trong Tích có mười: Phế, hội, khai, phú, phá ba hiển một, trụ ba hiển một, trụ một dụng ba, trụ một hiển một, trụ phi ba phi một hiển một. Nếu trong Bản mười thì chỉ dùng Bản thế một, dùng Tích thế ba, nói có thể. Cho nên trước bảo để động mọi người. "Đây chính là kinh gia...": Cho nên biết bốn chữ "Bảo Xá-lợi-phất" hoàn toàn là lời của kinh gia. Nên biết Kinh gia từ đó rút gọn. Nếu bảo Xá-lợi-phất, rồi dưới lại ghi mấy chữ Xá-lợi-phất nữa, thì rườm rà. Nói

"Luận cùng nghĩa đây tương ưng": là dẫn luận văn đây cũng đầy đủ tứ Tất-đàn: Đầu văn nói thế giới động và bất động sai khác. "Như thật trí..." là Vị nhân vì sinh vật thiện từ quán khởi. "Hiện Như Lai..." là Đối trị vì lực năng trừ ác. "Như Lai..." là Đệ nhất nghĩa, vì không lìa định. Cho nên văn tự giải thích là Đệ nhất nghĩa. Lại dùng tứ Tất để tổng giải thích tự tại. Nếu vậy thì tứ Tất-đàn tổng giải thích hai thứ trước nghĩa là tự tại không ngang ngược, hai thứ đây đều đầy đủ tứ Tất. "Già phu...": Văn của luận Bà-sa nay lại chép đủ, trong Tạp Kiền-độ quyển hai mươi hai hỏi: Tất cả oai nghi đều kham tu hành, đâu riêng gì "Kết-già"? Hoặc có người nói: Chính là pháp thực hành của hằng sa chư Phật quá khứ, là pháp mà đời sau cũng thực hành. Nay là văn thứ nhất. Có người nói: "Khiến người cung kính thì chẳng phải là nghi của thế tục". Nay là văn thứ hai. Lại nói "Năng phát tam Bồ-đề tâm". Nay là văn thứ tư. Lại nói "Năng phá ma quân", nay là một nửa văn thứ ba. Lại nói "Có thể ý của nhân thiên không cùng ngoại đạo", nay là một nửa văn thứ ba. Nay làm thành tứ Tất-đàn, Cho nên, hợp luận thứ tư thứ năm làm một Đối trị, luận đối trị ở sau Đệ nhất nghĩa. "Riêng cho rằng...": là riêng phê phán văn trước nói đầy đủ ý tứ Tất, khiến như trước đưa ra kiêm giải thích nêu bốn ý.

"Hỏi: Các kinh khác...": Cũng là luận văn. Luận nói: Sao gọi là buộc niệm ở trước?

Đáp: Buộc tại trên mặt cho nên nói "ở trước", trong luận đầu nói giữa chặn mày cũng như vậy.

Lại nói: Từ vô thủy đến nay nam nữ nhìn nhau khởi dục tưởng phần nhiều ở mặt. Lại nói năm căn: nhãn v.v.... năng sinh dục tâm, nói có thể biết. Nay văn phân ra ở trước, ở mặt để làm hai giải thích vì nghĩa lập. Văn đầu nói "ở trước" để làm chỗ tiêu biểu giải thích, tức ý tứ Tất-đàn. Tiếp, căn cứ nghĩa ở mặt lập bốn giải thích, tức ý tứ giáo. Đầu tiên có quay lưng có hướng đến, tức Thế giới Tất đàn, quán tịch, định sinh tức Vị nhân, trái với sinh tử ác tức Đối trị; tịch diệt có lý tức Đệ nhất nghĩa. Tiếp theo là, căn cứ giáo, "bất tịnh quán" thành rõ ràng là Sơ giáo, "cùng Không tương ưng" đâu chẳng phải Thông giáo? Vì "phân biệt" cho nên đâu chẳng phải Biệt giáo? Thật tướng tức là ý Viên giáo.

Hỏi Mặt chỉ có bốn căn, tại sao được nói sáu?

Đáp: Mặt có đủ năm căn, tức là bốn và hữu thân. Nếu khi duyên cảnh hiện lượng sắc v.v..., thì ý lại ở trên. Cho nên Câu-xá luận nói: Có thân căn chín việc, mười việc có các căn khác.

Nói “chín việc”: Tức bốn đại năng tạo là địa, thủy, hỏa, phong, và bốn thứ sở tạo là lấy sắc hương vị xúc và thân căn một, cho nên nói chín việc. Nói “mười việc”: Còn lại các căn nhãn v.v... đều đủ mười việc, như trên nhãn căn có bốn thứ năng tạo và bốn thứ sở tạo, nhãn và thân căn, cho nên thành mười. Nhãn... giác xúc, tức tánh của thân căn. “Không phải ba thứ hóa tha”: là không phải Quyền thực trong ba giáo. Trước đã nhiều phen giải thích phẩm, vả lại căn cứ một thứ dùng ba thuộc hóa tha làm Quyền. Viên là tự hành thuộc thật, cho nên văn trước đã giải thích ba thứ tự tha....Trong phần “Căn cứ đế mà giải thích” làm ba tiết giải thích. Tiết thứ ba giải thích cả ba đều thuộc hóa tha. Cao sâu ngang độ. Trong đó pháp thí hợp lấy đây để lệ cho sau, nay giải thích thật đã cùng khắp ngang dọc. Dưới giải thích quyền lý nên sâu cùng cực, dưới sẽ giải thích quyền dự thuật tướng kia. Cho nên nói “vân vân”. “Trí tuệ môn kia”: Kia chính chỉ “thật quả nhân trí.” ở trước. Nếu trí tuệ tức môn, thì môn là quyền. Nếu môn của trí tuệ thì trí tức quả. “Bởi vì là...”: trong đây nên dùng thập địa làm Đạo tiền, Diệu giác làm Đạo trung, chứng sau làm đạo hậu. Cho nên biết văn ý tại địa vị của nhân, trừ Chân như ngoại phàm có tu nhập, còn lại đều thuộc Quyền. Chỉ lấy quả vị Chân như cứu mãn làm ao thanh lương (trong mát). Đây căn cứ tự hành nhân quả tương vọng để giải thích, tức giải thích lớp thứ năm trong phẩm. Nếu thông chín địa còn lại đây thì không như vậy, lẽ nào vì Đạo tiền mà không có Thật ư? Tức là thực trong bốn cặp đầu. Lẽ nào có Đạo hậu mà không có Quyền ư? Tức là Quyền trong năm cặp sau. “Khó hiểu khó nhập...”: là lược tán thán địa vị nhân của Đạo tiền từ đầu đến cuối.

Tiếp, từ “Không mưu tính mà thấu hiểu” trở xuống: tức trong nhân vẫn chỉ sự dụng là Quyền, do nhân quyền đây đều là nhân chân thật, tức biết quyền đây do chứng thật lý. Trong văn theo dụng theo nhân mà tán thán riêng. “Thập trụ mới giải”: “Giải” là tên khác của “khai”, cho nên đem danh để đối vị. Trong luận, ở đây trước lại có ba câu: Khó thấy, khó giác, khó biết, nay nói đây là phương tiện khó giải, cũng có thể dùng đối Văn, Tư, Tu. “Bản ý pháp thân”: Nếu vọng mười phương thì không có thời nào là không ứng, nay căn cứ “phương này chưa thiết lập giáo hóa trước” cho đến “từ lâu xa chưa kết duyên đến đây”, trong đoạn này chúng sinh đều gọi là “tại pháp thân”. Không có nghĩa muốn dùng Tiểu thừa giáo hóa cho nên nói “dự định điều đó”. “Không có cơ duyên...”: Đây là từ kết duyên về sau mà nói, thời đó vẫn còn rộng. Từ “Hoa Nghiêm” trở xuống: là đời nay thiết lập giáo hóa. “Nay Đại cơ”

cho đến “không biết”: là Đại cơ kích đại ứng, nên nói “khải phát”. Lẽ ra nói “muốn phát”, vì sao nói “khải” ? Do điềm lành Đại đã hiển rơ, cho nên nói “khải”.

Tiếp, lần nữa lại giải thích “Môn” ,“Quang Trạch...”: Dùng Ngũ đình... gọi là Tiểu thừa phương tiện. Nếu luận ý giáo hóa thì tán tâm búng ngón tay mà còn được gọi là “môn”, đâu riêng gì Tiểu thừa phương tiện không phải môn ư? Ý ngài Quang Trạch chưa hẳn hoàn toàn đúng, không thể hoàn toàn đoạt cho, nên nói “dữ đoạt”. Trước nêu “đoạt” là chưa có khả năng nhập Đại, bị Phật phá bỏ, đã không thể biết thì nghĩa “Môn” không thành. Cái gọi là “dữ” tức là: Tam giáo đều là môn năng thông, nhị thừa cũng đắc phần ít trong năng thông, vì chưa có khả năng nhập, còn tổn thất ở năng, còn chưa thành “năng” thì vĩnh viễn không biết “sở”. Nói “tối thiển” (rất cạn): Tiểu thừa đã nông cạn lại là phương tiện. Nói “vân vân”: “Dữ nhưng đoạt” này lẽ ra phải rộng phân năng sở thức, bất thức..., như trước dùng “Môn” để giải thích phương tiện. Từ “Nay giải” trở xuống, là rộng lập bốn câu, muốn dùng câu đầu phá Quang Trạch cho nên rộng nêu câu thứ hai thứ tư, vì không có Phật trí làm môn, nhập phương tiện trí cho nên có thể nghĩa lập. Nếu luận kinh này chỉ ở câu thứ ba, thì Ngài Quang Trạch chỉ được phần ít của câu đầu, huống lại các môn. “Giải thích của Quang Trạch” cho đến “nhất quán”: là “Không” phân ra làm Thể và Tích. Tích là chút phần trong Không. “Thập nhị môn”: Nên phân biệt mười hai môn đều có tướng phương tiện trong môn. Đối với ba, bốn môn đã có tiến không? Hội rơi tại nhất. “Nhất môn”: Phần nhiều chỉ hữu môn, bởi vì trong hữu môn dùng Thất phương tiện. Câu thứ tư: Trước đã nhập trung, cho nên nói “song chiếu”. Nếu khai hiển Trung thì tức là kinh này từ thể khởi dụng. “Khu khu”: Là dáng mạo quanh co. “Đây cần khai thác”: khai luận một câu như trước nay các giáo đều có các môn. “Vân vân”: là trong mười sáu môn thì thuộc môn nào? Nếu viên bốn môn, thì đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ năm. Viên giáo quán môn và giáo trí hạnh lý. Cho nên luận chỉ nói A-hàm, nói giáo là môn. Sư nay bèn dùng trí làm trí môn, ý nói sơ trụ Phật trí làm môn nhập Phật quả trí, nên từ Trụ đến Địa đều gọi là “khó”. Vì “khó” nên tán thán nhập để khiến đắc nhập. Cho nên nếu đắc môn vô công dụng đạo, thì ắt nhập Phật tuệ không chỗ nghi ngại. Thế nên, trên nói Viên nhân xứng phẩm Phương Tiện, nhân tức môn. Vậy thì khai thị ngộ nhập đều gọi là Trí tuệ môn. Từ “Sở dĩ vì sao?” cho đến “chư Phật nhị trí”: là không đồng giải thích của Ngài Quang Trạch: 1. Văn đầu nói “sở dĩ vì sao” tức nghiệm biết giải thích

trên. 2. Văn dưới nói Thích-ca ban đầu tự nói "Ta từ khi thành Phật đến nay" chính là Thích-ca tự tán thán nhị trí. Nay giải thích chư Phật nói "Sở dĩ vì sao?": là cả hai Nhị trí đứng đầu, vì sao Thật trí rất sâu? Bởi do ngoài gặp Phật nhiều. Nói "Thân cận...": thân gần Phật ắt lãnh thọ vâng theo điều chí yếu. "Thuần hậu" ắt do tận hành. "Dũng mãnh tinh tấn tức giải thích Quyền trí" là các hạnh không ra ngoài dũng mãnh tinh tấn. Nay trên Quyền trí thêm Dũng mãnh tinh tấn, có hai ý: 1. Tâm hy vọng tồn tại. 2. Thân tâm đều cần mẫn. Nhị trí đều do tinh tấn, nhưng nay chỉ dùng hành biên đạo pháp, bởi vì thuộc Thật trí. Căn cứ danh xưng "biên", vì thuộc Quyền trí, sợ chưa tận lý cho nên lại thêm "dũng mãnh", dùng giải thích quyền trí. Lại dùng Thật trí sâu rộng để so sánh với Quyền trí, bởi vì Quyền trí cũng đủ ngang dọc. Cho nên cần phải dũng mãnh tinh tấn, một câu dụng phỏng theo dọc sâu, cho nên không được dùng tinh tấn để giải thích Thật trí.

Lại nữa, "khó nhập môn": Nếu kia thoái từ phần chứng tám tướng cũng tùy số của chư Phật, chính là dùng giáo hạnh làm môn. Từ hạnh nhập chứng, chứng không phải dễ dàng, cho nên "khó nhập môn". "Nhập rồi" thì có thể ân thấm nhuần trăm cõi, cho nên nói "vô cương" (không cùng).

Hỏi: Trăm cõi có hạn, sao nói "vô cương"?

Đáp: Giới (cõi) tuy có hạn, mà lợi ích cho chúng sinh thì không cùng. Phần chứng mà còn như vậy, huống chi luận mười phương cứu cánh quả Phật. Dùng quả nghiệm nhân, lẽ nào có bất tận hành đạo pháp, không dũng mãnh tinh tấn mà năng khiến nhị trí ngang dọc sâu rộng ư?

Tiếp, trong phần "Kết nhị trí": dùng "thành tựu" làm kết Thật, "tùy nghi" làm kết Quyền.

Thật ắt thành tựu, Quyền ắt lợi tha, cho nên Thật trí nói "đến bờ bên kia", Quyền trí nói "xứng cơ thích hợp". Lại, trong Thật trí xứng lý nên "đến bờ", "rất sâu" nên cứu cánh, đều tùy thời mà nói đó thôi! "Tùy tình...": Pháp Hoa về trước không hiểu nghĩa nên nói "khó hiểu". Tức chỉ giáo nay đều gồm nhập Thật, nên nói "dễ biết". Nếu vậy, thì do nhập "không đúng" nên nói "khó hiểu". Nếu đến kinh này thì hoàn toàn không có "không đúng". Chỉ mượn "khó hiểu" xưa để giải thích giáo nay "dễ biết". Dẫn "Nhiếp Đại Thừa": Nay văn hiển liễu nghĩa chỉ y văn để xét, như thọ ký nhị thừa thúc ép tăng thượng mạn, Thật đắc thì ắt tin mà Diệt tưởng thì còn nghe. Đại Thông kết duyên, Hóa thành không thật, Như Lai thành đạo từ lâu số kiếp như vi trần. Vượt qua chỗ

tối tăm của ngày xưa, trì một bài bốn câu kệ mà công không thể lường, nghe Thọ mạng lâu dài mà thâu hoạch quả báo vô biên. Lẽ nào văn dưới đây lại có nghĩa lập, khiến người nhị thừa không được thọ ký... ư! Khiến thọ lượng Phật gấp ngắn...ư! Cho nên trong Tứ ý thú, thì Bình đẳng ý thú chỉ nói chư Phật đều như vậy, không thể dùng Phật khác thế đây, cũng không thể dùng Biệt thời ý thú để giải thích thọ ký Thanh văn. Ý lạc ý thú giải thích Tích bản lâu (dài) xa. Ví có sử dụng chỉ có thể nói trước lúc ấy thì không ưa, vả lại hợp Diệt-tưởng thích nghi tùy tùng thân cận. Nếu dùng hết ý thú này để hiểu rõ văn kinh thì kinh này hoàn toàn thành thuyết bất liễu nghĩa, đều phải dùng nghĩa để xem xét văn. Cho nên các kinh trước thì tùy ý bộ nào mà văn nghĩa bao hàm. Như Chân như chân đế, Vô sinh vô diệt, Địa tiền địa thượng, Pháp thân Hóa thân, đều phải nghĩa quyết định mới liễu văn, do bộ bao hàm giáo chung, không thể dựa vào ngôn ngữ, phải theo nghĩa mà phân phán mới gọi là ý của bộ kinh.

Nói "hữu thời": không phải là thời mà chúng kia nghe tiếp, biệt hỏi thăm quyết nghi, cho nên biết tự hành không chuyên nơi Thật, lợi vật đâu riêng chỉ có Quyền, bởi vì tự hành hóa tha đều có Quyền thật. Do đó trong Thành tựu nói: "rất sâu". Trong Tùy nghi nói "khó giải". "Rất sâu" đâu riêng nơi Thật, "khó giải" không chuyên nơi Quyền, cho nên chỉ dùng Thành tựu đối tự. Tùy nghi đối tha thì nhậm vận tự tha đều đầy đủ nhị trí. Nói "v.v...": là cũng có thể câu trước kết tự hành là thật, câu sau kết hóa tha là quyền. Do tự hành, nên Quyền thật đều Thật, do hóa tha nên Quyền thật đều Quyền. Do đầu giải thích kết văn chỉ tại tự hành Quyền thật. Tuy nói "thích hợp" mà chánh nói nghĩa công thành, cho nên ý "vân vân" lại phải biệt đối, đầy đủ như trong bốn câu trước nói. Tự hành quyền thật còn khai bốn câu huống chi đối hóa tha. Hóa tha lý cần phải đầy đủ bốn, vì thế tán thán thật, tán thán quyền và trong giải thích Quyền thật. Quyền đều từ nhân, dùng giải thích nguyên do quả quyền ở trước, bởi vì quả từ nhân đắc. Cho đến trong kết nói "tùy nghi...": Nên nghĩa kiêm cả nhân quả, bởi vì nhân quyền, dụng quyền đều gọi là Quyền, do dụng trong quyền lại thông nhân quả. Đến chương Thích-ca tán thán giải thích Quyền thật thảy đều từ quả. Đến trong phần Song kết thì Quyền chỉ nhân, song kết tán thán giải thích hai văn.

Tiếp, trong phần "Bài xích ba ý xưa": Cựu sư cũng có người cho rằng: từ "Sở dĩ vì sao?" trở xuống, là giải thích chư Phật nhị trí..., chỉ giải thích chương Thích-ca phân văn trước trở lại, Cựu cho rằng từ "Xá-lợi-phất" trở xuống, là đều thuộc Quyền, "Tiếp, Xá-lợi-phất" trở xuống, là

đều thuộc Thật, cho nên khiến không đồng. Đầu khai hợp. Sự nay cho rằng: Chư Phật cũng quyền thật đều tán thán, bởi vì đức Thích-ca nhị trí lẽ nào không đồng ư? Chư Phật nhị trí lẽ nào không khác ư? Cho nên biết hai ý sau cũng không đồng xưa, đức Thích-ca cũng trước Thật sau Quyền. Nói "Chỉ y văn": là y nay phân văn. Nói "Lại nữa, ông nói": là trách ba thứ không đồng. Do chương môn ngũ Phật cùng hiển Nhất hóa, cho nên đắc Bản tích khai hợp tự tha không sai biệt. Đâu được ngũ Phật xen lẫn biện tại không có ư? Nhưng chẳng phải không có lý đây, chỉ không nên làm trái văn. Văn thuận nghĩa đúng thì đâu cần giải theo cách khác, cho nên nói "vân vân". "Thí dụ": Lại phân biệt Tiểu và Diễn (Đại thừa) cho nên nói "ba tiêu" và "như huyễn...". Đây dụ quán Tục đế nên lại lập. Nếu dụ Chân đế và mười sáu môn thì đều lập sự lý, rộng như trong Chỉ liệu giản Quán bốn môn đều lập sự thí. Nói "Y các luận": e rằng lầm, phải nói "bản luận". Bản luận lược nêu từ đầu đến cuối trong Tiệm nên nói "Nhũ" và "Đề-hồ", vẫn thiếu nói "Nhũ, thí dụ mười hai bộ kinh". Huyền Văn cũng dùng "Nhũ" đối Tiểu. Nói "đều đạt đến biên sự lý": lẽ ra nói "đáy biên", hoặc thiếu hoặc lược sự biên lý đáy. "Như lai tri kiến như trước...": Như trước nay đã giải thích tri kiến Ba-la-mật. "Như đây...": là giải thích nghi, sợ nghi giải thích kết thật trí mà nói sâu rộng cho rằng thật trí ngôn thuyết có thể sánh kịp. Cho nên, nay giải thích rằng: Căn cứ biên của thể thật không phải ngang dọc, bài xích kia nhiếp pháp không khắp cho nên nói "ngang", bài xích kia chiếu lý không tột cùng cho nên nói "dọc". Rốt ráo mà nói đều chẳng phải ngang dọc. "Dựa vào ngữ ngôn": chánh để phá nghi, nói có ngang dọc, về lý ắt không như vậy. "Vô hạn" cho nên "không ngang", "vô cực" cho nên "chẳng dọc". Như hộp lớn thì nắp lớn...": là dùng trí Bất nhị xứng lý Bất nhị. "Vô lượng vô ngại": là như Sinh số kia, vì sinh vô lượng cho nên Từ... vô lượng. Cho nên, "vô lượng" đây còn gọi là "ngần ấy". Nếu dùng "ngần ấy" mà tán thán Quyền, thì Quyền gọi là "tiện", dùng "vô hạn" thì gọi là "vô ngại". Nay lại từ biên tự năng nhập mà nói, cho nên dùng năng nhập xứng vô lượng... "Chẳng những Quang Trạch" cho đến "đời Lương...": là từ triều đại nhà Lương đều dùng câu này, lấy làm kết thật, thật vô ngại trí không còn bao nhiêu, sao nói vô lượng? Cho nên biết vô lượng dùng tiêu biểu "chẳng phải một". "Vân vân": là bốn giáo thật trí đều không có bao nhiêu, lẽ nào viên thật trí lại có bao nhiêu ư? "Vô lượng...": giải thích bao nhiêu... Cho nên bốn vô lượng định tại Quyền trí. Đã nói Tứ đẳng và Tứ biện nghiệm chẳng phải thật trí, tức là vô duyên tứ vô lượng tâm nhậm vận ứng vật. Bát âm,

Tứ biện, lực vô sở úy: lược như Pháp Giới Thứ Đệ và Chỉ Quán quyển bảy nói. Đại luận rộng giải thích, trong đây thì văn lược, chỉ nêu Nhạo thuyết để thuyết ba thứ trước. Văn vẫn lược Pháp chỉ nói một từ một nghĩa mà thôi! Căn cứ đây lại lược không nói, lại cùng tất cả tương tức nói. Tức nói so sánh Thông Biệt, lý hợp bốn giáo tương vọng so sánh quyết định lực vô úy v.v... "Thiền tận thật tướng của thiền..."

Hỏi: Thiền thật tướng cùng Lăng-nghiêm có gì sai biệt?

Đáp: Không đồng. Vì sao? Đối với Thiền căn bản thì đạt tức thật tướng, gọi là đạt thiền. Thủ lăng-nghiêm định bản tánh kiện tướng.

Kinh giải thoát: Cũng cùng tận nguồn gốc của tám giải thoát. "Tam-muội": là Thiền định giải thoát. Đến Sơ trụ thời phá hai mươi lăm hữu, đã được gọi là "Vương Tam-muội" huống chi hợp quả địa mà không đắc Vương Tam-muội ư? Cho nên dưới kết nói "thâm nhập vô tế". Cho nên biết các thiền đều vô tế. Nếu dùng căn bản tam Tam-muội... mà giải thích trong đây, thì Pháp Hoa biến thành Bà-sa, Câu-xá. Cho nên giải thích kinh thì trước phải biết bộ loại là thuộc thời nào. Trong thời thì tại hội nào giáo nào, như thế mới có thể phê phán giải thích pháp tướng sâu cạn.

Hỏi: Đã nói quyền trí, sao nói thật tướng?

Đáp: Quyền tự hành hoàn toàn chỉ viên nhân, thúc đẩy nhân thành quả cho nên nói thành tựu, tức hướng vô lượng đều là thật tướng, đều là quả đức, do vô lượng pháp đắc lý. Cho nên có thể dọc ngang, ngang dọc bất nhị.

"Trịnh trọng": Hán Thư nói: "Hoàng thiên sở dĩ trịnh trọng là vì luôn giáng mạng" Nay văn trước dùng chư Phật đối Thích-ca bèn thành sáu lớp quyền thật. Vì sao trong đây lại hai lớp ư! Cho nên đây thuật nói tiêu biểu sự ân cần, một đời không có cho nên ân cần tiêu biểu, nhưng Tây phương thì nghe lại để tiêu biểu không xem thường. Cõi này căn biệt, nghe lại thì kiêu mạn cho nên văn thuật để dứt cái thấy này. "Nói lời...": là nêu thật.

Hỏi: Đã nói "khiến vui lòng chúng", phó vật thì phải là nêu quyền, sao nói nêu thật?

Đáp: Tâm chúng chính lấy đắc thật làm vui lòng, cho nên lại dẫn hai văn làm chứng.

"Trước trong phần tán thán...": Đây nêu quyền thật trước sau, muốn nêu Phật nay hóa nghi đầu cuối không đồng. Các Sư xưa dùng nghĩa đức Phật nay đối với chư Phật mà làm ý đồng khác, khác thì thành lỗi. Nay biện rõ khác: Là vọng đến Phật khác vẫn đồng. "Lại nêu...":

Trước phân làm thật thì riêng làm một câu. Nay lần nữa lại giải thích thì đứng đầu hai văn dưới đều nói tóm yếu, tóm yếu không qua quyền thật. "Riêng nêu một việc": Là nêu thiên hiển phi, cho nên không thiên chỉ hoặc quyền hoặc thật, cho nên nói "đều" vậy "Chỉ! (thôi!)...": chánh nêu tuyệt dứt lời tán thán, xưa chẳng thể thấy. Ý nay: Văn chỉ có hai nghĩa: 1. Tán thán, 2. "Thiết...": là "Chỉ". Đây chọn nghĩa tiện, nếu theo văn tiện thì nên trước là giải thích chỉ.

Tiếp, giải thích tán thán, sở dĩ theo nghĩa: Do đầu giải thích lời tán thán gồm hai chữ: "Chỉ thán". Bảo "Thôi !" (Chỉ) là tán thán, nên nói: "Chỉ thán". Tiếp giải thích nhất hướng để giải thích ý "thôi" tuy nói sợ tổn thương thiện căn, chính dùng "thôi" để sinh ngưỡng mộ, cho nên không giải thích, chỉ sau đó năm ngàn Tỳ-kheo dự phần, hai điềm lành là biết Phật nói âm thanh vi diệu hợp tâm chúng. Lẽ ra đối hai nghĩa chia làm ba ý: 1. Do lý vi diệu đây không thể nói cho nên "thôi". 2. Muốn nói lý diệu, "thôi" mà tán thán nó. 3. Sắp hộ vật cơ, giống như "thôi" chưa nói, lấy một văn đầu chia hai, cho nên không đồng với Ấn sư ở dưới tự có lược nói khai nguyên do nghi thỉnh kia, cho nên kia giải thích chưa đúng. Ngài Quán sư vẫn giống như ý sau nay mà không biết thường tình có lỗi gì ắt phải "thôi". Tiếp giải thích trong ý tán thán nói hai ý: Một là "Tu đắc". Nói "tu đắc" thông nơi cảnh trí hạnh vị tự tha, hạn cuộc nơi quả. Hai là "Cảnh giới" thông nơi phàm Thánh thủy chung thuận nghịch hạn cuộc nơi Phật. Tiếp, "Căn cứ Phật thành tựu...": ở trong ý thứ nhất, lại dùng hai ý "ngang dọc" để giải thích quả nhân pháp lý ngang dọc tột cùng. Thứ nhất giải thích trong ý đầu nói "Thành tựu đối bất thành tựu": Dùng quả đối Nhân, Nhân tức Nhân nhân (người), tự tha tương đối tức là "ngang". Cho nên, biết Nhân nhân (người) đều chưa thành tựu, nên đối giáo vị tùy theo đều phân biệt tha. Kinh, câu thứ nhất thứ ba cũng như vậy. Nay nói "Thành tựu đối bất thành tựu", cho đến " Nan giải đối bất nan giải", trong đó lược hai câu cho nên nói "cho đến". Nên nói "đệ nhất đối bất đệ nhất, hy hữu đối bất hy hữu", vì bỏ những điều này thì ngoài đều chẳng phải đệ nhất hy hữu. Quả tột cùng trong Viên thì giáo khác không có, nói tức dựa theo để hiểu. Bốn pháp không thành tựu v.v... đối quả kiêm biện rõ nhân và các quyền. "Chỉ có Phật..." là nêu rõ dọc sâu. Câu trước đã dùng lời nói "thành tựu..." đối tha làm "ngang". Nay có nói "rốt ráo biết hết" (cứu tận), cho nên đối Nhân nêu rõ "dọc".

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4
(Phần Trung)

Tiếp, "Các pháp...": là giải thích "cảnh giới rất sâu". Đây là lý bản của Pháp Hoa là đầu mối của các giáo, là chiếc chìa khóa giải thích nghĩa, là chỗ y chỉ của chúng sinh, là nơi nương tựa để phát tâm, là dụng thể của quyền mưu, là nguồn gốc của mê ngộ, là lý bản của quả đức, là cùng khắp của Nhất hóa, là cuối cùng của năm thời. Được mười nghĩa đây để hiểu rõ các sự đặc biệt điềm nhiên không lầm. Do đó trước tán thán trí năng y, tức quyền thật của năm Đức Phật. Quyền thật nương vào đâu? Cái gọi là "diệu cảnh", cảnh không xứng, trí còn chẳng phải Phật trí, huống chi không có cảnh có thể luận thẳng nói đối v.v... Sao mà có thể hiểu trí tuệ vi diệu khó nghĩ bàn này là để rộng phá các sư vậy? Tiếp, rộng kiến lập: Huyền Văn và Chỉ Quán lấy đây làm chủ. Một nhà dụng nghĩa bao quát đầy đủ đều do đây mà sợ hậu bối còn quên chỗ quay về kia, cho nên ân cần bận rộn. Tự thân thấy người tìm giáo đây còn mê muội, cho nên cần phải tư duy. Nếu mê ý đây thì lối đi tắt của các giáo mặc cho lạc đường, dòng chảy Nhất hóa nơi đây khô cạn.

"Quang Trạch nói tam tam": Nghĩa là nhân (người), giáo, Nhân. Vì xưa không có nghĩa quả cho nên tam thừa đều là tam, lý Nhất chẳng hư vọng. Nói "thật tướng": Nên nói phi hư, cho nên thật, phi tướng là tướng cho nên gọi "thật tướng". "Trong bốn Nhất thiên nêu Lý": Căn cứ theo ý Quang Trạch, đã đồng người xưa không lập Lý nhất, chỉ nói Lý là gốc của bốn Nhất, cho nên bốn đều gọi là Nhất, đây không đề cập đến văn nay nói một trong bốn. Từ đây trở đi cho đến hết phần Bắc địa sư đều là giải thích của Quang Trạch."Bồ-tát giáo lấy lục độ làm thể", Quang Trạch cũng lập tam kỳ Bồ-tát, lấy làm Bồ-tát trong tam thừa, tức văn nay là Tam tạng Bồ-tát. Đời cận đại đến nay nghĩa đây hoàn toàn bỏ, năm trăm người kết tập phải trở về Ngũ thiên, hoặc chỉ hợp thoái thất đại thừa tự qui Phật đạo không liên quan đây, thì đâu những định

tánh vĩnh diệt mà cũng chính là Bồ-tát Không đàm. “Vân vân” là lẽ ra nói rõ Bích-chi-phật, Thanh-văn dùng đế duyên làm thể. “Thật cảnh có bốn Nhất, dùng bốn để rộng nêu lý Nhất kia”: Nhân duyên... bốn thứ phán xét làm thật cảnh, cho nên lấy những thứ này để rộng luận đàm lý Nhất. “Ngài Sướng sư chỉ căn cứ trên Phật”, chỉ lập Nhất thật mà không có tam quyền, đối “thập lực” đều có lý đây, đối với nay bốn giải thích, Phật thừa một giải thích còn tự chưa cùng khắp. Vì không có cứu cánh Không Giả Trung... Trong đó, đầu tiên là tổng nêu tướng thập lực, tiếp là biệt đối tánh... thể làm căn bản; sau cùng là nói tổng là căn cứ tám lực trước để giải thích Xứ phi xứ, tức dùng bản mạt tổng thâu chín thứ trước. “Các giải thích ở trên đều là một đường”: các giải thích có thể thấy, vọng nay giải thích thì đều được một chút phần của trong thập giới thập như, cho nên nói “một đường”. Quang Trạch tuy giống như tự đắc tứ Thánh mà chỉ lập chín. Lại phân giải chín là năm quyền bốn thật. Bắc, Diêu hai sư tuy lập đủ mười mà không phân biệt, chỉ tại Tam thừa, lại không có Nhất thật, nhưng tóm lược các giải thích đã tùy thuận Tam thừa và dùng Nhất thừa. Tam và Nhất đều có mười thứ: Tánh, Tướng v.v..., vì sao không nói lục đạo có mười ư ? Tứ thánh là sự, từ nhân đến quả. Lục đạo cũng sự, cũng nên như vậy. Nhân quả đã đồng mười nghĩa đâu thiếu. Tứ thánh là năng chiếu, lục đạo là sở chiếu. Thập giới là sở chiếu, Phật thừa là năng chiếu. Cho nên Phật trí chiếu thập giới thập như tam đế đầy đủ. Cứu cánh... nói lý kia rõ ràng. Vì sao chư Phật đều căn cứ một đường khiến Phật cảnh trí không đầy đủ? Nay Sư không thể bài bác chi tiết, chỉ tổng phá Quang Trạch nói văn lý không thông... Lý là đạo lý, văn tức hiện văn. Văn đầu có thể thấy.

Tiếp, trong phần Phá lý thì trước dùng bốn, năm trong mười để đối vấn nạn.

“Nhân quả”: Nhân duyên là nhân, quả báo là quả. “Nếu thật...”: là căn cứ người đối phá, lại y bốn câu năm thừa. Nếu y văn nay thì nên căn cứ thập giới để luận hữu vô. Tiếp, “Nghĩa không...”: là kết phá. Văn nói các pháp nên thâu thập giới. Thập giới thập như, thật tướng tức là thể của giới như. Nếu duy nhất chỉ bốn thì ngoài thể còn sót chín, năm, huống chi là mười. Mười đều là như. Nay muốn chánh giải, trước dẫn Đại luận tức Ngài Đạt-ma đã dùng. Dẫn ý luận, chỉ rộng làm so sánh ước lệ không phải giống chính xác. Luận đã nói mỗi một pháp đều có chín thứ, cho nên biết Quang Trạch không nên dùng bốn hoặc năm thứ mà riêng phê phán. Các sư không nên dùng ba Nhất mà mọi người đều dựa vào. Cho nên biết chỉ y thập giới thập pháp thì các nhà giải thích

đều bỏ, huống lại bốn giải thích đứng đầu tuyệt xưa nay. Như đây, hiểu rõ văn mới khế hợp ý chỉ kinh. Các sư phân chia lý thú là tại sao! Đây Ngài Đạt-ma Uất-đa-la là chủ Tạp Tâm luận, Bà-sa có Pháp Cứu luận sư là chỗ nương theo của Luận chủ Tạp tâm, từ Sư đặt tên. Đã y Đại luận không riêng phân trang. Nay trong mỗi mỗi câu đều nói tức là "Tướng như vậy, v.v..." trong Pháp Hoa. Dù không theo chính xác tinh tế mà cũng tránh khỏi các lỗi trên.

Tiếp, "Nay nêu...": trong chánh giải thích, trước là thuật nêu chương, tiếp là chánh giải thích. Văn chia làm ba ý: 1. Thuật nêu chương. 2. Dẫn lời Thánh làm chứng. 3. Chánh giải thích. Trong văn dẫn chứng hai văn đầu có thể thấy. Tiếp, trong dẫn "Ly hợp" nói: "Thôi thôi! chẳng cần nói nữa..." là dùng mười pháp này tùy tự tùy tha chỉ Phật mới hiểu rõ, cho nên nói "Pháp ta vi diệu khó nghĩ bàn", chỉ dẫn hợp văn, nghĩa kiêm ly. Đã nói "khó nghĩ bàn", mới có thể hợp khắp cho nên phải ly. Dẫn căn cứ trong vị nói: "Chỉ Phật cùng Phật...": là ba đức cực lý chẳng phải là điều mà Thất phương tiện biết được.

Tuy lại không biết mà "các vị" pháp nhĩ, cho nên phân mười thứ sở thuộc không đồng. Phần chánh giải thích: Đầu trong mười giới chia làm mười:

1. Liệt kê.
2. "Pháp tuy...": là Giới Như nhiếp pháp.
3. "Như địa ngục...": là chỉ tướng.
4. "Cho nên Tỳ-bà-sa...": là lấy Tiểu dụ cho Đại.
5. "Nên biết...": dùng lý chuẩn theo lệ thì biết có Giới Như.
6. "Nếu chiếu...": phê phán. Nói "tự vị": Tuy nêu mười giới mà giới giới đều có mười, lại chiếu đương giới lấy chín làm Quyền, dùng một làm Thật, cho nên phải kết nói "Vô lượng trong một". Một giới có đầy đủ mười, mỗi mỗi có mười như. Hoặc tự hoặc tha, hoặc nhân hoặc quả, tại nhất tâm, cho nên nói "Vô lượng trong một, một trong vô lượng" không thể dùng "một" nói, không thể dùng "nhiều" nói, không thể dùng "Quyền" nói, không thể dùng "Thật" nói. Nhân quả thiện ác, không hữu, đại tiểu, phàm thánh, tiệm đốn, khai hợp, tâm pháp, y chánh, một nhiều tự tại. Tất cả các pháp thảy đều "như vậy". Thế nên: luận đàm pháp giới mà chưa cùng tâm diệu đây, thì dẫn đến khiến lầm quả sự và mê nhân lý.
7. "Nếu chiếu lục đạo...": kiêm phá Quang Trạch. Quang Trạch đã không nêu mười giới, nay lại y kia phá. Dù cho dựa vào mười giới đều đủ mười như, thì cũng phải phân rõ ràng cảnh tư nghì. Huống chi Quang

Trạch chỉ tại bốn Thánh. Bốn, năm không đồng.

8. “Sở dĩ...”: là kết vị. Trước là lần nữa lại lập cảnh nói “vô lượng trong một”. “Phàm phu tuyệt lý”: Là tự mình hèn kém không phân biệt, nên nói “tuyệt lý”, tùy tưởng mà thấy sai khác cho nên nói “tình mê”. Đã “tuyệt” lại “mê”, theo đủ thứ đây thì lợi ích gì? “Nhị thừa...”: tức nhị giáo nhị thừa. Ba đường tức là xả mà chẳng quán, tránh Không, cầu Không trở lại giúp Tiểu thoát. “Bồ-tát...”: Tạng, Thông chiếu sáu, Biệt chiếu thứ lớp, cho nên nói “không cùng khắp”, đều mê cõi mình không đạt Phật giới. Nói “bất liễu” hãy còn bao quát mười địa, cho nên nay nên chỉ Biệt địa và nhân. “Ngang dọc đầy đủ”: vô lượng trong một là “ngang”, vô lượng tức một là “dọc”. Nhiều một tương tức cho nên nói “đầy đủ”.

9. “Chỉ riêng...”: dẫn chứng kết ý, như văn.

10. “Trên Huyền Nghĩa...”: là chỉ rộng, đầy đủ như Huyền Văn cảnh diệu phần cuối nói: Duỗi ra thì đầy dẫy pháp giới, không biết từ đâu mà đến; thâu vào thì chẳng biết sở tại, không biết từ đâu mà đi. Cho đến trong giải thích pháp thì rộng giải thích thập giới thập như.

Tiếp, “Căn cứ Phật pháp giới” chia làm bốn: 1. Chánh giải thích 2. “Đây là...” là xưng tán. 3. “Theo lệ cũng...”: theo lệ, giải thích. 4. “Như Lai...”: là nêu quả kết bài xích.

Hỏi: Phật giới trong đây và Phật giới trong mười pháp giới trước, có gì sai biệt?

Đáp: Trước thì tại mê tại nhân thông ngộ thông quả. Nay chính là chỉ quả không thông nhân mê, cho nên mỗi mỗi pháp đều dùng song phi, phi tướng, phi giả, phi bất tướng, phi không. Tuy nêu song phi mà ý vẫn tồn tại ba đế.

Chín cái dưới căn cứ đây thì biết, cho đến “Bản mạt cứu cánh đẳng”. Như vậy mới gọi là “cứu cánh Phật thừa”. Thế nên đều dùng “Đại xa” văn để kết. Đây tức là văn phẩm này. Chính Phật quả gia là thật tướng của các pháp. Đối kia thí thuyết, tức trang nghiêm đại xa đi đến Đạo tràng. Đối kia đời trước tức cực quả Phật khai quyền thật. Đối Bản môn kia, tức thành Phật đã lâu khế hợp diệu pháp. Nếu chánh tông có thể biết thì lẽ nào mê lưu thông? Nói một câu một kệ càng có thể tin. Nói ba đức ba khuôn phép sáng tỏ như trước mặt. Nếu được ý này thì rộng diễn tám năm không ra ngoài nhất niệm. Trải qua năm mươi tiểu kiếp há động một sát-na? Ví như biết một đời hợp căn cơ ở tâm tính, mười phương Phật sự rõ ràng trước mắt. Pháp giới căn tánh xem mà dễ thông, tùy nghi sở thuyết đều chỉ tạng lý. Trong phần kết bài xích, dùng

nhãn làm dụ: Lại dùng Tiểu thừa tuệ nhãn thấy Không, cùng mà luận nói "đắc nhất nhãn". Sơ trụ Bồ-tát cho đến Đẳng giác còn có vô minh, nay lại bài xích phương tiện giáo, Bồ-tát chưa thấy Trung thì đều như thấy ban đêm. Tiếp, trong giải thích "Ly hợp" có bốn: 1. Chánh giải thích. 2. "Ly khai...": nêu cảnh xưng tán. 3. "Phàm phu...": bài xích. 4. "Vì đây...": là tổng kết. Văn đầu chia làm ba tức ba lời, tùy tự mình mới tại kinh này, tìm kỹ thì có thể thấy. Trong "Căn cứ địa vị" có hai: Trước là chánh giải thích mười như, tiếp "Sơ vị...": là lần nữa lại giải thích "Cứu cánh đẳng". Văn đầu: Tướng tánh thể ba thứ cùng Phật giới nói ở trước đều có chút ít sai khác. Trước nêu đã thành Phật quả, cho nên dùng tu tánh đối luận mà đầy đủ mười pháp, nay nêu địa vị liên quan Thánh phàm. Phân đối mười pháp, mười pháp địa vị sai biệt cho nên nói "Căn cứ địa vị". Vì ba pháp đầu chỉ có lý, cho nên vị định tại phàm. "Lực" tại năm phẩm, "Tác" tại sáu căn. "Nhân duyên" tức là Sơ trú trở lên, tu đắc duyên liễu, "Quả báo" tức là cực quả Bồ-đề Niết-bàn, Bồ-đề quả, Niết-bàn báo. Vì vậy ba pháp đầu lại ở liệt kê chung mười giới. Giới giới ba đức đồng tại lý tánh, cho nên nói "mười giới" cũng chỉ tại lý. Nếu không vậy thì vì sao nói nếu nghiên cứu thì mười giới này bình đẳng? Cho nên lý tánh ba đức văn kia tại đây. Nhưng trong các văn phần nhiều căn cứ tu tánh tướng đối biện, làm thành giáo tướng, người đọc đều biết rõ. Nay thấy văn đây nên thông suốt các thuyết. Nếu nghiên cứu đến "Quả báo như vậy", thì ba pháp đầu đã đều tại tánh tại nhân hợp gọi là chánh. Cho nên Lực trở xuống, là thuộc tu thuộc quả. Cho nên ở vị quán hạnh trở đi nghiên cứu tánh cảnh này, có lực trừ thô hoặc và có tác tợ hành. Nếu nhập phần chân đối ba tánh kia, hợp gọi là chánh, bèn lấy chân thật trợ giúp gọi là "nhân duyên". Đến địa vị cứu cánh, Bồ-đề gọi là "quả", Niết-bàn gọi là "báo". Tuy phân ra đối đầu cuối mà chính là địa vị nhân quả một Pháp giới Phật cho nên chẳng đồng người xưa dùng Quyền thật để phân chia phê phán.

"Sơ tam..." ba pháp đầu nghĩa là ba pháp trong nhân: Tướng v.v... "Hậu" tức ba pháp quả địa trong báo, cho nên biết ba đức tức là ba đế. Cho nên nói: "Sơ hậu" đến "cứu cánh đẳng". "Sơ vị...": là lần nữa lại giải thích cứu cánh, chia làm hai: Giải thích và kết. Trong giải thích có ba: 1. Lần nữa lại giải thích ba đức bản mạt bất nhị, kết thành cảnh tuyệt tán. 2. Lần nữa lại giải thích cứu cánh đẳng thành bất nhị. 3. Giải thích bất tư nghì. Phần đầu giải thích "ba đức": "Ác" tức ba ác, "thiện" tức ba thiện. "Hiền" nghĩa là tiểu Hiền. "Thánh" là tiểu Thánh. "Tiểu" nghĩa là Hiền Thánh trong Tiểu thừa. "Đại" nghĩa là các vị trong Đại

thừa. Phần giải thích “Cứu cánh đẳng” lại có ba: Một, căn cứ trong Hoặc trước là lập cảnh. Hai, “Nếu mê...”: là căn cứ mê ngộ đối biện tam đế. Ba, “Lại quyền thật...” là căn cứ giáo. Sở dĩ có bốn giải thích: Nêu rõ Lý nhiếp khắp, là căn cứ mười giới mà giải thích. Nêu tự chứng cùng cực, là căn cứ Phật giới mà giải thích. Nêu Phật hóa dụng, là căn cứ ly hợp mà giải thích. Nêu ba đức biến khắp, là căn cứ các vị giải thích. Nếu xem Chỉ Quán có xen lẫn rộng hẹp, nay đủ bốn giải thích, thì đây rộng kia hẹp. Đây chỉ chánh báo không nói tam thiên, thì đây hẹp kia rộng, tên gọi tuy vậy lý ắt đều đồng, nhân ắt đủ quả, chánh chắc có y. Nhưng trong bản luận giải thích mười Như này, thì lý cùng giáo cực. Nay thuật ý chỉ luận khiến cùng một nhà ý nghĩa phù hợp. Luận nói thành tựu không thể nói hết.

“Thật tướng”: Nghĩa là thể bất biến của Như Lai tạng, Pháp thân. Phật trí biết đầy đủ thật thể này. Kinh nói: “Tướng như vậy...”, luận nói: Những gì gọi là pháp? Pháp như thế nào? Tợ pháp gì? Tướng pháp gì? Thể pháp gì? Những pháp gì là tam thừa pháp? Pháp như thế nào là khởi chủng chủng sự thuyết? Tợ pháp gì? là y ba môn được thanh tịnh. Tướng pháp gì? là nghĩa của ba loại là một tướng pháp. Thể pháp gì? là chỉ có một Phật thừa, không có thừa nào khác. Nay cho rằng câu đầu trước nêu rõ mười Như thông tam thừa pháp. Câu tiếp: là cái gọi là tam thừa giáo sai biệt. Câu tiếp: tức là người tam thừa y giáo khế hợp thật. Câu tiếp: là khai tam thừa tướng, không có tướng khác. Câu tiếp: là khai tam thừa thể, chỉ có nhất thật. Luận lại nói: Những pháp gì? tức là pháp hữu vi vô vi. Nói pháp gì? tức là pháp nhân duyên, phi nhân duyên. Tợ pháp gì? tức là Pháp thường, vô thường. Tướng pháp gì? tức là ba tướng sinhv.v..., tức ba tướng Bất sinh v.v... Thể pháp gì? tức là ngũ ấm phi ngũ ấm.

Nay nói phen này ly khai tam thừa, lần lược biệt giải thích trở về thể thực tướng. Câu đầu: Dùng Thanh văn vô vi đối pháp lục đạo là hữu vi. Câu tiếp: Dùng Bích-chi-phật đối phi nhân duyên khác. Câu tiếp: dùng Bồ-tát pháp đối tám giới còn lại, đều vô thường. Câu tiếp: dùng tam thừa đối sáu cõi còn lại, đều là ba tướng. Câu tiếp: mười giới năm ấm đều là thật thể. Luận lại nói: Tợ pháp gì? Là pháp vô thường, hữu vi, nhân duyên. Tướng pháp gì? Nghĩa là pháp có thể thấy tướng v.v... Thể pháp gì? Là pháp ngũ ấm năng thủ sở thủ, là thể khổ tập. Lại ngũ ấm là thể đạo đế. Nay lại nói một phen đây để giải thích hai câu trên, tổng hợp tại trong câu thứ ba, vẫn tóm lược câu ba nhập vào trong câu bốn, nghĩa là pháp tam thừa đều có thể thấy. Lại tóm câu bốn nhập câu

năm thành sơ khổ tập. Lại chỉ khổ tập toàn là định tuệ. Văn lại nói ngũ ấm là thể của đạo đế, cho nên biết lục đạo tam thừa vọng thật vẫn còn là Khổ tập. Luận lại nói: Lại có y thuyết, Những pháp gì? Nghĩa là danh tự cú thân. Nói pháp gì? Là y Như Lai nói pháp. Tợ pháp gì? Là năng giáo hóa có thể hóa độ chúng sinh. Tướng pháp gì? Là âm thanh nhận lấy pháp kia. Thể pháp gì? Là giả danh thể pháp tướng.

Nay cho rằng một phen mà giải thích, trở lại y năm câu, muốn dùng giáo pháp thông nói trước. Câu đầu: Thuyên giảng đủ pháp quyền thật của mười giới. Câu tiếp: Sở y đều thật, không còn các giáo khác. Câu tiếp: Nêu rõ quyền thật căn duyên thọ khổ không đồng. Câu tiếp: Nêu rõ các căn duyên hội đại hóa. Câu tiếp: Nêu năng hóa sở hóa, năng thuyên sở thuyên, đều giả thiết lập, bởi vì vọng sở chứng chỉ có chứng thật. Tin biết luận văn không thể liền phân biệt, cho nên dùng ý nay mới ứng diệu chỉ. Huống chi luận bốn giải thích tức là nhà nay bốn giải thích.

Đầu giải thích đã dùng tam thừa thể tướng đều một thể tướng, tức Phật giới giải thích. Tiếp giải thích đã dùng tam thừa đối lục đạo giải thích tức mười giới giải thích. Tiếp giải thích đã căn cứ khổ tập đối với đạo, ngoài đây ra không còn nữa tức căn cứ địa vị giải thích. Tiếp giải thích tức căn cứ năng thuyên giáo giải thích. Do giáo quyền thật nên có thiết lập, hội nhập tức Ly hợp giải thích, cho nên biết một nhà nghĩa Đại đều cùng ý chỉ luận phù hợp, vậy thì hiện văn một trăm mười tám câu bèn thành một trăm mười tám lớp giải thích mười Như. Luận văn phong phú mà người chẳng biết, nay từ tổng luận cho nên lại bốn lớp giải thích.

"Nếu căn cứ...": là giải thích bất tư nghì: Cảnh trước tuy đã thành bất tư nghì, danh kia vẫn thông, cho nên nay lại đối tư nghì mà biện khiến biết rõ bốn giải thích trước chân thật bất tư nghì. Văn này chia làm ba phần: Một: Lược xuất thể tướng. Hai: Dẫn sự loại so sánh. Ba: Nêu lý so sánh kết. Phần một: Trước là lược xuất. Tiếp "Các kinh...": chỉ rộng. Đầu văn trước là giải thích danh, "xuất tâm số pháp" cho nên bất khả tư, quá ngôn ngữ đạo cho nên bất khả nghì. Tiếp, "Bất năng hành...": xuất thể. Thể phi nhân quả và phi năng thú. Hành là nhân. Đáo là quả. Thể đây không hợp nhân cùng quả. Nếu kia thuộc năng thì không liên quan đến thể.

Tiếp, nêu Thí, trong Thí có ba: Pháp, dụ, hợp. Phần đầu, Pháp: Quán sắc là thường nên không bại hoại, thường ắt có đủ bốn, bốn chỉ là tâm, bất dị cũng vậy. Thí dụ loại trong đó có hai lớp: Đầu dùng "sáng và

tối” để dụ “Bất tư nghì” và “Hoặc”, đồng thể, cho nên chỉ trăng sáng, toàn sáng là tối. Tiếp “Lại, khi mặt trời xuất hiện...” là dụ chuyển tối thành sáng. Nói “thường tại”: Chỉ là tối không có tánh tối, nêu tối là sáng. Mê ngộ cũng vậy, lý tính không sai khác. Nhân vị thì sáng cùng không sáng xen lẫn không thể riêng biệt cho nên nói “cùng hợp”. Nhập phần chân vị phá một phần tối, chỗ tối bị phá thể biến thành sáng, lẽ nào có cái bị phá dời đổi đến phương khác? Không có chỗ để đến, nên nói “thường tại”. Lẽ nào trí sáng phát mà vẫn còn cái tối trước, mà nói “thường tại” ư? Tuy nói “thường tại” nhưng cuối cùng phải phá sạch, cứu cánh vĩnh viễn sạch mới gọi là “thường tại”. “Sinh tử cùng đạo hợp...” là hợp. Tiếp, “Các kinh....”: phần Chỉ rộng: như văn. Căn cứ sự để so sánh, là trong bốn thứ Bất tư nghì thiếu giải thích đức Phật, vì người đời dễ tin, vì giáo phần nhiều nói, cho nên Phật tại một trong bốn Bất tư nghì, ba loại còn như vậy, huống chi là Phật ư ?

Nói “Như A-hàm”: Như Tăng Nhất A-hàm quyển mười tám nói: Xá-lợi-phất nói: “Chúng sinh không biết thọ mệnh của Như Lai”. Phật dạy: Có bốn thứ Bất tư nghì mà Tiểu thừa chẳng biết được. Thế nào là bốn? Như văn nói. Nhân giải thích thế giới bất tư nghì, dẫn kinh làm chứng. Nói “A-hàm nói một sĩ phu”: là Tạp A-hàm cũng nói Phật tại nước Xá-vệ có nhiều Tỳ-kheo ở trong nhà ăn, tư duy việc thế gian. Đức Phật biết ý niệm đó, liền đến nhà ăn bảo các Tỳ-kheo rằng: Các ông tư duy việc thế gian không có nghĩa gì, chẳng lợi ích gì, không thuận với Niết-bàn. Các ông nên tư duy “Tác tứ Thánh đế”, đây là việc có nghĩa, có ích, chánh hướng Niết-bàn. Như thời quá khứ có một sĩ phu ở thành Vương-xá bên ao Câu-si không chánh tư duy, thấy vô số tứ binh chui vào trong sợi tơ của ngó sen, thấy rồi liền khởi niệm: Ta cuồng si ư? Mất tánh rồi ư? Thế gian không phải cuồng mà nay lại thấy. Lúc bấy giờ cách thành ấy không xa có một đại hội, sĩ phu liền đến hỏi việc như vậy. Người trong Đại hội đều cho sĩ phu ấy là điên cuồng, mất tánh, cho nên mới như vậy. Vị kia thấy Phật hỏi..., Phật dạy: Chẳng phải cuồng mà là thật, vì cách ao kia không xa có chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, binh Tu-la bị bại nên vào trong tơ sen trốn đó thôi! Vì vậy nên Tỳ-kheo chớ tư duy việc thế gian chẳng phải là việc của Tỳ-kheo.

Trong giải thích “Long (rồng)” kiêm nêu có Thiên cũng có thể phun mưa tức là loài rồng vậy. “Ngũ đạo (năm đường)...”: tức giải thích chúng sinh. Luận nói: Chúng sinh trong năm đường đều có lực riêng như vậy. Trong luận Bà-sa Tạp-kiền-độ nói: Nếu nhân cúng tế chỉ quỉ thần được.

Hỏi: Là hơn hay kém?

Đáp: Chẳng hơn chẳng kém. Nếu hơn thì thiên nhân nên được, nếu kém thì địa ngục được, do đường kia có tự lực như vậy. Căn cứ lời dạy thành thật này, có thể chứng minh là người đời ví như sáu đường không thể đắc hết. Đây là Lương Võ thấy người Giang Đông phần nhiều ưa thờ cúng danh thần, cho nên dùng tương tợ Phật pháp quyền nghi thay thế.

Luận nói: Như người không thể bay lên cách mặt đất bốn ngón tay dù trong chốc lát, mà chim thì bay trong hư không cao thấp tự tại. Trước nương một sự mưa để nói rõ các đường khác không có khả năng. Như Thiện-trụ Long vương để so sánh trí lực, biết Đế-thích muốn cùng Tu-la đánh nhau, xương sống kêu thành tiếng. Nếu khi Đế-thích muốn vào trong vườn trên xương sống tự nhiên có hương tượng hiện. Đây là sự bất tư nghì nhiếp trong đường súc sinh, như quỉ năng biến thức ăn... Lại nói: Các cõi đều có tự lực như vậy. Như Thích Tiêm nói đây có ba điều sai khác. Văn đây tụng hai trí, vọng chương đầu ở trước tán thán chư Phật nhị trí, văn đủ ba điều sai khác. Câu đầu tụng trong thật trí chỉ có hai điều sai khác. Ba câu dưới tán thán trong Quyền trí lại có một điều sai khác. Cái sai khác thứ nhất nên nói "song chích"(đôi lẻ). Tiếp, cái sai khác thứ hai: nói "khai hợp": Trên trong văn trường hàng nhân pháp đều khai, cho nên trong chư Phật và nhị trí đều nêu tán thán giải thích kết, cho nên nói "khai". Nay chỉ nói "thế hùng" cho nên nói "hợp". Nhân ắt kiêm pháp cho nên nói nhân tổng. Nói "pháp biệt": Do thời gian gia-bị cho chúng sinh khác nhau cho nên có Quyền thật. Đây biệt nhưng hợp, không có ba thứ: tán thán v.v... Cái sai khác thứ ba: nói "Nhị thừa và hết thảy chúng sinh, đồng là người không biết" thì còn chưa đủ khác, nên nói "Nhân pháp trên đều nêu" cho nên nói kia là pháp trí tuệ môn, tất cả hàng Thanh văn v.v... Nay chỉ nêu người lại là "có không" sai khác, cũng là "song chích" sai khác. Lại văn trên không phân bốn Đức Phật mà chỉ nói chư Phật, cho nên hàng trước chỉ nói "thế hùng" tức chư Phật đang hiện tại, hàng sau chỉ nói "Phật lực" không nói "ta nay", do văn trước nói Đức Thích-ca quyền trí đầy đủ, có lực vô úy... biết là tụng Thích-ca. Lại văn trước có chữ "chư Phật", thì có thể phân làm bốn Đức Phật, nay chỉ nói "thế hùng", tợ chẳng phải chư Phật, nhưng dùng nghĩa để phân, vì câu "thế hùng" có chữ "thế", có thể thuộc ba đời (tam thế). Thế ắt có phương, cho nên biết là tụng chư Phật. Hàng sau thẳng nói Phật rõ ràng có thể thuộc về Đức Thích-ca. Nói "Phật lực vô úy là quyền trí": trước trong trường hàng chỉ trong nhân quyền, trong đây đã nói công đức. Nói "công đức" cũng phần nhiều tại nhân. "Các pháp

khác (còn lại)...”: là lực vô úy trước, chỉ là tự hành, từ nhân là quyền. Vì vậy nên “các pháp khác” là hóa tha quyền. Hóa tha đây chẳng phải chỉ quyền pháp gọi là hóa tha, mà chỉ đối tự nhân gọi là hóa tha. “Chỉ nêu đầu cuối”: Vẫn trước nêu hai cái sau, từ chối nêu hai cái đầu. Cho nên, trước là nói “đại quả báo”. Tiếp là nói “nghĩa tánh tướng”. “Chữ “Nghĩa: kiêm....”:“Nghĩa” là nghĩa lý, nói chỉ một cứu cánh, có nghĩa lý Không, Giả, Trung. “Đại cùng chủng chủng...”: Đầy đủ như trong Huyền Văn. Trong phần phá giải thích của Quang Trạch, kia nói “Đại” cho nên biết là Thật, “chủng chủng” nên biết là Quyền. Nay văn ý nói: Quyền thật xen nhau mà có, lẽ nào quả báo chỉ có “Đại”, tánh tướng chỉ có “chủng chủng” ư?

Lại, giải thích trong diệu thì đại diệu tương vọng, lấy làm sáu câu. “Lục độ” đến “phát tâm”: Đoạn tức thành Phật. Như ý châu đầy đủ như Chỉ Quán và Ký. “Vô lậu bất tư nghì”: Phải biết Bất tư nghì đây là vô lậu, cho nên “vô lậu” danh đồng, ứng “tư” nghĩa biệt. Nói “Sinh xuất bốn thứ giải thích đã như trên”: tức chỉ bốn phen ở trên đã giải thích mười Như. Đây là dưới kệ văn đối. “Đãi đắc Niết-bàn”: chỉ lục độ vì đối với Nhị thừa, đây sinh tức đắc cho nên nói “đãi đắc”. “Đãi” là kịp vậy, lại nay muốn phế bỏ tiểu Bồ-tát vì là phụ (bàng), Cho nên bàng nói: “Kịp đến” hoặc “sẽ nhập diệt”. Nếu không như vậy thì nay căn cứ theo tha nhân ba câu trên chánh nêu nhị thừa, thoát phược tức là đã đắc Niết-bàn, tại sao lại nói “đãi đắc Niết-bàn”? Do nghe ba ngụy một chân, là các Thanh-văn chỉ nghe tam thừa đều là phương tiện. Phương tiện tức ngụy. Lại “nghe cần phải nói chân thật”, do đó nghi cái thật đó chưa từng nghe nói là chỉ nhất thật. Thiên nêu Nhị thừa: Người đời nếu hỏi: Nếu ba đều hội nhập thì vì sao trong đây trình bày nghi chỉ có hai? thì cũng nên phản vấn lại: Nếu Bồ-tát không nghi thì vì sao văn dưới nói Bồ-tát nghi trừ. Nếu nói nghi thông ba hạng người, hội nhập chỉ có hai, thì Bồ-tát lỗi gì mà không hội nhập? Kinh nói: “Nghi trừ”, là để giải thích “không hội nhập”. Đây chính là phá kinh, sao gọi là giải thích kinh?

“Nhất giải thoát”: Xưa giáo hóa ba hạng người đồng một giải thoát. Trong Phương-đẳng Bát-nhã tuy nghe giải thoát thù thắng mà nay từ đầu nói; lại nói đã đắc một trong ba đức tức Giải thoát, điều này không đúng. Giải thích “ba phen thỉnh”: Diêu sư, Long sư không phải không nhìn thấy nghĩa này, cho nên không hoàn toàn phá, nhưng không bằng Sư nay, vì đối với ba lần ức chế khiến ba phen thỉnh. Đây tức là giải thích văn biểu hiện đến chỗ sâu xa thấu đáo. Phàm một nhà

phá nghĩa đều sợ liên lụy đến người học sau, đối kinh có vượt quá biên cương, lại phá bỏ đó, không giống người đời luôn ấp ủ trong lòng. Lại, kệ sau ba hàng rưỡi, nói: "động chấp sinh nghi". Đến "Bấy giờ trong chúng...": chỉ nói nỗi lòng nghi dẫn đến thỉnh. Hỏi: Căn cứ đầu phẩm khai chương nói: Đầu là lược khai tam hiển nhất. Tiếp, (nhĩ thời) "Lúc bấy giờ..." là động chấp sinh nghi. Và đến trong đây vì sao dùng "văn lược khai tam" làm là "động chấp sinh nghi"? Và "bấy giờ..." hiện lên nghi để thỉnh, là gì ư? Đáp: Chỉ nói động chấp sinh nghi, nói kiêm hai hướng vì sao? Nếu "Lúc bấy giờ trong Đại chúng..." là ý nêu do trước lược khai động cái chấp xưa nên sinh cái nghi mới, nếu tại ba hàng rưỡi kệ tụng ý nêu đây lược khai động chấp xưa kia khiến sinh nghi mới, thì lại gọi văn trường hàng vì hiện lên nghi đến nổi thỉnh, chấp đã bị động, nhân đây có nghi. Nay trước hiện nghi sau mới đến thỉnh vì vậy nên văn đây dụng hai hướng chẳng lầm. Nếu dùng văn đây làm nghĩa hiện lên nghi đến thỉnh thì nên khai chương nói: lược khai ba làm hai: Trước là trường hàng và mười bảy hàng rưỡi kệ tán thán nhị trí. Tiếp, ba hàng rưỡi: tụng chánh lược khai hiển động chấp sinh nghi. Văn nói "chấp động nghi sinh": Do trước lược khai động cái chấp kia nên chấp động, do trước sinh cái nghi kia nên nghi sinh. Nghi đã sinh rồi, nay chỉ đến thỉnh. Thế nên đầu chương chỉ nói hiện lên nghi đến thỉnh. Người được lợi ích ngộ có sâu cạn, người sở dẫn thâu hoạch thọ ký sai biệt. Căn cứ năng dẫn quyền chúng biện rõ lợi ích không đồng, đã biết hiển lợi ích muốn biết lợi sâu kín cần phải biện rõ đợi thời.

"Bấy giờ..." tiếp nêu hai lần bảo "Thôi": Thôi đầu tiên ý sợ hoài nghi. Tiếp Xá-lợi-phất nêu đời trước căn lợi, cho nên lại thỉnh. Tiếp Phật bảo "Thôi", là hộ hạng thượng mạn.

Tiếp Xá-lợi-phất thuật trí tuệ lợi ích nhiều, nêu nghi lại thỉnh:Tiếp chánh rộng khai ba, có ba phần: 1. Phân chương chỉ tướng. 2. Nghĩa bốn phân biệt. 3. Y văn chánh giải thích. Phân chương có bốn: 1. Dẫn kinh nêu chương. 2. Nêu phẩm phân chu. 3. "Cũng gọi là...": là ba chu danh khác. 4. Dẫn lệ. Lệ như kinh Đại Phẩm nói ba căn, phẩm Phương Tiện thứ hai mươi mốt nói: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như lời Phật dạy hoặc rộng hoặc lược; các Bồ-tát... làm sao cầu ư? Phật dạy: Như vậy, Như vậy. Cho đến Nhất thiết chủng trí tướng như vậy. Đại Bồ-tát học là lược nhiếp Bát-nhã Ba-la-mật thì biết tất cả pháp tướng rộng lược. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát lợi căn cũng nhập ư? Phật dạy: Lợi căn trung căn, định tâm tán tâm, đều nhập môn này. Môn này vô ngại cũng như ba thứ phát tâm không đồng. Dùng mười nghĩa liệu giản, từ xưa nay văn phần nhiều có

phân tranh, nay vì bình luận xét phán và để tự lập nhân làm mười môn. Nhưng mười môn đây tuy rộng lần lượt phá, mà một nhà lập chương đều theo thứ lớp, đầu muốn nêu người sở bị, trước nêu rõ pháp năng ích, cho nên trước biện ba chu thông biệt đồng khác. Tiếp biện rõ sở bị quyền thật có không. Tiếp nêu phần hai: Đối với thật hành, người đắc nhập tam chu không đồng do lậu hoặc có dày có mỏng. Tuy hiện lậu hoặc dày mỏng, cần phải biết do căn đời trước, tuy đã thành mà căn căn phải tại ngộ, đã được ngộ rồi ắt biết lãnh giải. Nếu có lãnh giải lý thì phải cùng được thọ ký. Người được thọ ký đó ngộ có cạn sâu. Người sở dẫn có thâu hoạch được thọ ký không? Chúng năng dẫn cần lợi ích có không! Đã biết lợi ích hiển, muốn biết lợi ích ngầm cho nên biện đợi thời. Đầu môn tự lập, trong văn đầu nói: "Nếu ta gặp chúng sinh..." là nói nhân duyên. Xưa từng kết duyên, tức là nhân xưa. Trung gian gặp nhau nơi nơi đều dùng Phật đạo để thành thục. Ngày nay năm thời đều nương tựa Phật đạo tức thủy chung phó vật. Căn lợi thì chưa cần thuật sự của Phật Đại Thông. Nếu nói văn đây thuộc thuyết pháp, thì mặc dù ở đầu văn thí thuyết mà phân văn vẫn thuộc sau văn pháp thuyết. Đã ở trong phần đầu thí thuyết, nên lại dùng đó. Nếu không như vậy thì chọn văn kế tiếp để dùng.

"Trưởng giả văn dĩ kinh sợ vào...", là nói nhân duyên. Nhân xưa, duyên nay, là nghĩa cảm ứng. "Trưởng giả" thì "ứng" sở văn là "cơ", "kinh sợ vào" tức là phó cơ. Cho nên, biết: ứng phó tức là nhất hóa ngày nay. Ý đáp: Chấp nhận đều đủ "ba căn", pháp thuyết tự bị trong pháp thuyết có ba, hai thứ còn lại cũng vậy. Chỉ nói "ba căn" nhiếp chín tức đủ. Từ chánh lược phụ, thượng căn thì trung thượng căn là chánh, trung hạ là phụ. Cũng nên nói luận đủ thì có ba, tạm nói thượng thôi! Nếu hợp thượng căn thì thượng ba đều "bị". Chỉ thượng căn là nhiều là chánh, trung hạ căn là lược là bên. Trung trung, thượng hạ, hạ trung, trung thượng, cũng lại như vậy. Trong nghĩa thứ hai ngài Quang Trạch có thật làm quyền sở dẫn, thì thành quyết định có thật hành, dẫn ý quyền khiến có thật. Ngài Khai Thiện nhất định chấp ý dẫn quyền khiến không thật. Nay nói "có không", lại căn cứ thật hạnh, quyền lẽ ra tạm có đâu cần luận. "Khai Thiện" chỉ Tứ niệm xứ làm "sơ nghiệp", cho nên nói "ngoại phàm". Nay nói "có", thì ai luận sơ nghiệp năng biết thường ư? Lẽ nào do mới biết khiến nay không ư? Như sự Đại Thông Phật, sao không biết? Cũng nói nay có trú địa vị Thanh-văn. Nói "đâu có": là rất không có khả năng. Trước Pháp Hoa sở chấp là gì? "Kinh nêu rõ...": chính bị Ngài Quang Trạch phá bỏ. Đã nói đâu chấp

Tiểu quả, thì Quyền làm sao sở dẫn ư? Nay trước tổng bài xích hai nhà “nương kinh mất nghĩa”. “Nương kinh”: là ngài Quang Trạch. Kinh này hai văn được thọ ký cho nên “không”, chưa thọ ký thì “có”. Lại tại xưa cho nên “có”, nay thì “không”, cho nên nay dẫn văn căn cứ “khai” căn cứ “ký” để phá định “có” kia. Nếu vọng sau “không” mà chấp “có”, thì (lỗi) mất. “Mất nghĩa” là phá “Khai Thiện”. “Nếu định không...” là văn, đã có nhập thành thì ắt có thật hành. “Quyền hà sở dẫn”, tức là lại do Quang Trạch kết phá Khai Thiện. Cho nên nay lập thật có, cùng Quang Trạch nói đồng, ý kia thì biệt. Nay tuy nói “không”, cũng cùng Khai Thiện không đồng, vì nói từ sau được thọ ký. “Nếu định có...”: là phá chấp định có, sợ chấp sau tam chu còn có Thanh-văn. Nếu định không thì phá định chấp không. Như ở đầu phẩm Tựa nhân hào quang chiếu mà ngang thấy Văn-thù dẫn việc xưa. Đầu phẩm Phương Tiện nói một ngàn hai trăm người khi chu Pháp thuyết xong, còn tự không ngộ vẫn đợi Thí thuyết. Trong văn “túc thế” (đời trước) nói nay có trụ Thanh-văn địa, lại nêu người không biết. Nói “Xá-lợi-phất, Bích-chi-phật...” cho đến lưu thông nơi nơi đều có, vì sao lại nói không? Lại nói “không”: là phá người trụ quả, định chấp vĩnh viễn diệt, chẳng phải cho là vốn không. “Nếu nói...”: là văn nay rộng nạn vấn, nay chấp nhận “thật có là quyền sở dẫn”, vẫn sợ nơi khác dùng Tam tạng Phật theo lệ. “Nghĩa đây không theo lệ...”: nay văn trình bày. Đức Phật ở quả đầu thì không có thật hành, Thanh-văn thì không như vậy cho nên “có”. Tam tạng Phật nói xuất từ nơi giáo nay, cho nên biết không phải người khác vấn. “Nơi nào”: Phật ắt tam thân viên mãn cho nên xưng Phật đây là quyền. Nếu nói ba mươi bốn tâm, thì đây chính là giáo Quyền tương tự Thật. Xưa nay người học Phật đây còn không dám gọi là Quyền, thì ai biết tịch diệt đạo tràng không thật.

“Nay nêu rõ...”: là chánh giải thích, chia làm hai phần:

1. Lập lý.
2. Dẫn luận.

Phần Lập lý cũng có hai: Đầu, lược lập. Tiếp, nói “Nếu từ...”: Thật trí còn không có A-tỳ, lẽ nào kiến định có Thanh văn. Nếu nói thời chưa đến thì nghĩa “có” chẳng sai, cho nên Trưởng giả Phật nhãn thủy chung đều không. Dùng Pháp nhãn quán Trung thì đường cần có. “Tác nhân” cũng căn cứ trước chưa được thọ ký. Phần Dẫn luận chia làm năm phần: 1. Chánh dẫn luận. 2. “Nếu y...”: là dùng kinh này vọng luận nghĩa lập năm loại. 3. “Nếu từ..”: là phán xét. 4. “Nếu đắc...”: là kết ý. 5. “Lại nữa...”: là phán Đại. Phần Dẫn luận thì như văn. Phần hai,

nay y kinh vọng luận, chỉ thêm một loại Phật đạo. Trong phần Phán xét, nói: "Nếu từ quyết định" cho đến "Bảo sở": là căn cứ Đại tuy không chuẩn theo Tiểu nhưng vẫn có. "Thoái Bồ-đề tâm" vẫn thuộc có, là do tại Tiểu giáo. Nay luận bắt đầu nên nói thoái đại. "Thật đã vậy...": là nêu Ứng hóa, sở dẫn hồi tâm năng hóa bản đại. Nếu tăng thượng mạn hai đường không thu nhiếp thì bản chẳng phải luận bàn. Phần năm "Lại nữa...": là lại phán định Đại thừa có, không. Chia làm hai phần: Trước, phán xét. Tiếp, kết ý. Chỉ Ứng hóa là không, thứ tư, thứ năm đều gọi là "Đại". Cho nên trong luận thì không nói Đại thừa chỉ nói Ứng hóa. "Nếu từ tự hành...": là chánh chỉ Phật đạo, đây dùng danh do nhà này lập và dùng "phát tích" để giải thích nghĩa, vẫn trừ khai tam đắc thọ ký rồi, tức gọi là Sinh thân đắc nhẫn Bồ-tát. Cho nên, chọn "phát tích" là biết có "thực bản", cũng được gọi là Đại thừa Thanh-văn. Vậy thì theo ẩn đức nên không theo phát Tích thì có, do đó được gọi là Đại thừa Thanh văn. Rõ ràng nói "phát tích" vẫn thị hiện Thanh-văn, cho nên được tên. Không đồng nơi khác giải thích rằng trong Đại thừa tự lập Thanh-văn. Từ "Nay khai tam..." trở xuống: là định chánh ý văn, cần phân làm hai hạng người, vì hạng người thoái tâm Đại thừa cùng luận không khác biệt, nay chọn Quyết định ý giống như có chút sai khác. Luận căn cứ tại pháp hội được thọ ký. Nay căn cứ theo cách chung bị khai, chúng không tai pháp hội thi được Phật lần lượt vì nói. Hoặc ở ngoại giới cũng được nghe, hoặc sau khi Phật diệt độ thúc giục khiến tin. Kinh đây nói chung nói thẳng là thọ ký. Luận nói thoái đại. Lại dựa vào một con đường, như các Thanh-văn ở trước Pháp Hoa, ai biết thoái đại? Chúng tại pháp hội Phương-đẳng đều gọi là Chủng diệt. Căn cứ ý kinh này, vì kia đây đã nghe kinh, ắt kia đây được thọ ký. Sau một phen khai, không gián đoạn như vậy, quay về cùng chưa quay về dùng phân hai nghĩa. Nên biết luận liên quan có nói đến các thứ khác, không dùng ý kinh mà cho là đồng nhau.

"Thứ ba: Hoặc có (sâu) dày mỏng": Sư xưa dùng "hồi Hoặc" để giải thích "Hoặc", Sư nay dùng "phiền não Hoặc" để giải thích "Hoặc" cho nên cùng xưa không đồng. Trong đó trước liệt kê giải thích của các sư xưa, lần nữa lại quán sở chứng, cho nên nói "du quán", do "du quán" cho nên biết lý Nhất đồng. "Và kia...": là nêu rõ nguyên nhân của Hoặc kia là do nghe giáo khác. "Dẫn ắt...": là chánh nêu lẫn nghi sinh hoặc, giáo vốn thuyên giảng lý, năng thuyên đã ba thì sở thuyên đâu chỉ một? Nếu sở thuyên một thì năng thuyên đâu phải ba? "Chần chừ...": là nêu tướng Hoặc kia, mặc dù "hồi hoàng" (trở lại gấp gáp) mà chưa biện rõ

"được và mất", "Theo lý..." phán xét nghĩa "được và mất". "Theo lý mà nghi hoặc giáo" thì "được" là thuận lý. "Theo giáo mà nghi hoặc lý" thì có "mất" là trái lý. "Hàng thượng căn..." chính dùng lý giáo được mất trong Tiểu mà phán nhập Đại tam chu không đồng. Cho nên hàng thượng căn chấp một lý tình nhiều, lý gọi là gần đại. Cho nên nghe không ba mà thuận một lý do đó ngộ trước. Giáo nghi hoặc lý, ba phen nghe mới biết một lý không sai biệt, do nhân đây thành hạ căn ngộ, trung căn hai tình lực v.v... cho nên ngộ ở giữa. "Nay cho là": là phá. Trước, tổng phá lý giáo kia xen lẫn nghi hoặc mà làm ba căn. Nếu dùng xen lẫn nghi hoặc mà làm ba căn, thì không thể chưa nghe tam chu dự đoán sinh "hồi hoặc".

Tiếp, "Ba người...": đủ phá hai ý: 1. Đại tiểu vĩnh viễn không liên quan nhau, 2. Phá tại Tiểu không nên nghi hoặc Đại. Đây biệt phá hai ý. Trong phần đầu lại có hai: Trước, lại định đó, nên nói "Những gì". "Nếu hồi hoàng...": là chánh phá, lại có hai: Trước, căn cứ Tiểu thừa phá, nghi thuộc Kiến hoặc, Sơ quả còn không phải, sao được xen lẫn nghi mà gọi là ba căn? Tiếp, "Nếu hồi hoàng Đại thừa...": là căn cứ Đại thừa phá. Đại tiểu đã sai biệt, sao được đối với đại lý giáo mà xen lẫn nghi? Ý tiếp là dùng ý kinh này. Nếu Đại tiểu lý giáo lại xen lẫn nghi hoặc, thì ông ở chỗ nào mà nghe bài xích ba ư? Phương-đẳng tuy bài xích, Bát-nhã tuy gia thêm, đều chưa từng nói "ba là phương tiện". Cho nên biết trước lúc ấy Đại Tiểu chưa nghi hoặc, lẽ nào có xuất nhập quán ba một chần chừ ư? "Đã dự..." dù nạn vấn trước lúc ấy đã từng có lý giáo "hồi hoặc" mà nên biết đã từng động chấp sinh nghi. Nếu đã sinh nghi thì khi lược khai tam rồi thì phải lãnh giải, sao được lược nghe? Vẫn nói bốn chúng đều có nghi? Nói "ngày nay": là khi nghe lược khai. "Tiến thoái...": là kết ý không phải. Tiếp, "Nay nêu rõ...": là chánh giải thích gồm ba phần: 1. Phán chánh ý. 2. Căn cứ bốn câu để phán ba căn. 3. Căn cứ ba phẩm để nêu nhập trụ.

Phần một: Trước tổng nêu căn Hoặc đều sai khác đối với người khác, Tiểu thừa căn nhất định "hồi hoặc", lại trừ bỏ, sao được lại căn cứ Tiểu thừa để biện Hoặc? Người khác dù theo Tiểu mà nghi hoặc Đại, người kia lại không lập biệt danh của Hoặc, cho nên Tiểu "hồi hoặc" không thành dày mỏng.

Hỏi: Các người hàng Thanh văn, trước lúc ấy văn không có nói đoạn biệt hoặc vì sao nay căn cứ để luận dày mỏng ư ?

Đáp: Hiển giáo tuy không có, mà căn cứ lý hợp thì có, cho nên văn bị đào thải, nghĩa đương đoạn phục, do căn không đồng nên đoạn

phục cũng sai khác, dẫn đến có ba căn trước sau không đồng.

Phần hai: Căn cứ bốn câu, chia làm hai phần: Một là nêu bày. Hai là: dùng bốn câu riêng đối bốn người. Căn Hoặc đều do quá khứ huân tập, dẫn đến khiến ngộ có tam chu không đồng, do đó ba phen phân phán. Đầu giải thích thâu căn cơ khiến tận, cho nên câu thứ tư nhiếp "chúng kết duyên". Hai câu sau giải thích bất định: ba căn đã định, chỉ câu pháp đến bốn, đem bốn phán ba cho nên từ bao hàm tiến thoái. Trong giải thích thứ hai: nên coi hai câu giữa là trung căn. Văn nói "là trung hạ căn": hoặc bỏ chữ "hạ", hoặc chữ "hạ căn" riêng làm câu dưới.

Phần ba: Căn cứ ba phẩm Hoặc, lại có hai: Đầu thích, sau lệ. Đầu giải thích: Tức hai vị đều có ba lớp, Nay lại nêu tam chu bắt đầu nhập Sơ trụ có ba không đồng. Hoặc tận không bằng nhau, nên khiến như vậy. Ví như dưới dùng Tiểu thừa so sánh Đại thừa. Mười sáu sát-na đều gọi là Vô lậu, đến thứ mười lăm còn thọ tên Hướng, cho nên ba phẩm Hoặc tận thì mới nhập Sơ trụ, bấy giờ bèn được thọ ký.

"Thứ tư: Chuyển căn, không chuyển căn": Trước là thuật xưa, tiếp "Nếu vậy...": là phá. Tuy có gọi là chuyển, khi nghe đều có thượng căn mà ba căn không thành. "Nếu chuyển...": là phá nghĩa chuyển không thành, cũng không có ba căn. Khi tam chu ngộ đều gọi là thượng căn, lấy gì để biện tam chu ba căn? Còn lại người chưa ngộ thì không gọi là "chuyển".

Tiếp theo là ý ước lệ: Đầu lập sự, tiếp nạn vấn. Nếu cả hai đều lợi và lợi độn vẫn còn, thì không gọi là "chuyển"."Thân-tử một phen nghe...": đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói. Tiếp "Chúng sinh...": là trong chánh giải thích, có hai: Đầu là chánh giải thích, tiếp là liệu giản. Văn đầu: trước là dẫn hiện tại làm so sánh, hiện đã là duyên sở chuyển, nghiệm xưa cũng vậy. "Đời trước..." là nêu rõ đời trước chuyển ba căn đã thành, cho nên khiến ba căn trước sau ngộ nhập. Tiếp, "Thí dụ tam đao...": "đao" như căn, "mộc" như nghi hoặc, người cầm đao như cơ, đức Phật khiến họ chặt đứt. Thọ giáo như nghe pháp, vận chặt như dụng quán, cây gãy như chứng, từng đập như chuyển, gặp để đập không đồng nên có căn lợi độn. Trong đây nghe ngộ tợ như Tín hành đều kiêm pháp, do đời trước tin pháp hồi chuyển giúp nhau không đồng. "Tin pháp...": tướng đầy đủ như trong Chỉ Quán, đây trong một tòa không có sáu mươi bốn phen.

Ý của câu "Hỏi" là: Chưa nhập Trụ trước gọi là ba căn, tức ba căn đây nhập Trụ rồi thì về sau còn được gọi là ba hay không? "Đáp":

Ý có thể thấy.

Tiếp “Hỏi” ý là: Trước Trụ gọi là duyên, Sơ trụ gọi là Chân, chưa chứng Nhị trụ cũng gọi là “duyên tu”. Trước Trụ thì “duyên tu” đã có sai khác, trước đệ Nhị trụ cũng có sai khác ư? “Đáp”, ý: Vị đồng lý đồng không nên biệt nữa, trước Trụ chưa chứng chấp nhận có không đồng. Nhưng trước Viên trụ cũng gọi là “duyên”, thì chỉ có trong đây và Tứ niệm xứ. Vẫn đối với nghĩa Biệt giáo mà lập danh kia.

“Thứ năm: Ngộ và không ngộ”: Đầu văn nay tự lập: Trước dẫn kinh lập ngăn ngại. Tiếp, “Nếu nói...”: là nêu vượt ngăn ngại. “Nhưng kinh...”: là biện rõ biệt, cho nên nói “nghĩa chưa hẳn như vậy”. Cho nên xưa ba căn không đồng tam chu, tam chu tam thừa đều ba thành chín. “Nay kinh...”: nay nhân đây cần phải biện rõ Bích-chi-phật có không. Trước là dẫn khởi lập lại ngăn ngại, đã biết ba căn khắp ở tam thừa. Kinh này văn nào nói Bích-chi-phật ngộ? Tiếp, “Bích-chi-phật...”: giải thích sự ngăn ngại. Nói “Trung căn”: là dựa vào Tam thừa trước. Nói “tùy căn”, là do trong Thanh-văn cũng có ba căn. “Cho nên Thân-tử...”: chứng, không có riêng Bích-chi-phật. Đã nói rõ Nhị thừa đắc ngộ ba căn không đồng, Bồ-tát cũng nên khắp ở tam chu, vì sao như vậy ư? Cho nên vượt ngoài các Sư xưa, nêu rõ Bồ-tát chấp nhận có ba căn, mà đều nơi pháp thuyết đều không đến hai chu trung hạ. Nói “Vực hoài”: “Vực” là hạn cuộc bờ cõi, là phần hạn của tâm kỳ vọng. Nói “cận quả”: Kia chỉ cùng địa vị, nghĩa là lìa Nhị thừa tức cầu làm Phật, Phật quả vẫn đồng địa vị nhị thừa, cho nên nói “cận quả”. Nay nghe Phật quả tức vượt qua năm trăm (do tuần). Dù có nghi xa gần, cũng không đồng Tiểu thừa cho nên dễ ngộ. “Ba căn...”: xưa phán ba thời đồng tại pháp thuyết. “Nay nêu rõ...”: là phá. Chu đầu trước chỉ pháp thuyết, đầu và trong lược nói. Chu đầu thì tam thừa Bồ-tát đứng đầu, nhưng không cùng đầu tiên ngộ. “Nếu vậy...”: là dẫn chứng, sao được phẩm Phân Biệt Công Đức và trong Lưu thông, như phẩm Diệu Âm Bồ-tát... còn có mới ngộ Vô sinh nhẫn. “Xưa nói...”: là xưa có ý bào chữa nói: Chu đầu trước ngộ đã thành Pháp thân. “Nay nói....”: là lần nữa lại phá. “Sáu trăm tám mươi vạn ức...”: lẽ nào có thể trước là Pháp thân mà vẫn nói đắc Vô sinh nhẫn ư? Sau Vô sinh nhẫn mới gọi là “tăng đạo”.

Tiếp, “Hỏi”: Đã không chấp nhận Bồ-tát chỉ tại chu đầu, thì Nhị thừa cũng nên đến Thọ Lượng ư? “Đáp”, ý: Người không hạn cuộc ở đầu, danh không thông sau.

Hỏi: Đã đối tam chu đã đắc Vô sinh tức là Pháp thân, vì sao không chấp nhận giải thích của Sư xưa ư ?

Đáp: Ý của Sư xưa: Vốn là Bồ-tát, chu đầu nghe pháp đắc thành Pháp thân, đến trong phẩm Thọ Lượng tăng đạo tổn sinh. Nay nói Thanh-văn đến sau tuy thông là Bồ-tát, hoặc là có người chưa đắc Vô sinh nhẫn thì không gọi là "tăng đạo", cho nên chỉ nói Vô sinh. Sư nay trước nạn vấn người xưa: Vốn là Bồ-tát còn có đến đó mới đắc Vô sinh? Như đầu giải thích trong phần Duy thổn, trước đắc Thập trụ... tự là một đường, lẽ nào khiến cho Bồ-tát đều trước ở pháp thuyết đắc Vô sinh ư? Cho nên biết căn tánh Nhị thừa được thọ ký cũng có đến sau mới đắc Vô sinh nhẫn, cho nên không thể làm một đại khái. Phải biết tất cả đều thông trước sau, chỉ sau tam chu thì không có tên Tiểu thừa.

"Thứ sáu: Có lãnh giải, không lãnh giải": Tuy không nói cổ xưa có chấp đây mà nay dẫn phá. "Nay nêu rõ...": là trước phá Duyên giác, tiếp là biện Bồ-tát. Văn đầu có bốn: 1. Lập ý. 2. "Thân-tử...": dẫn sự. 3. "Lại, bốn chúng...": là ý có. 4. "Tín giải....": là nghĩa có.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4
(Phần Hạ)

Tiếp, trong phần biện Bồ-tát, có hai phần: Một, tổng thuật ý. Hai, "Lại ý kia...": là biệt xuất lý do. Phần một lại có ba : 1. Nêu không. 2. Ý hoặc có hoặc không. Dễ thì không, cho nên nói "xứ xứ có văn". Căn cứ lý hợp thì có, cho nên nói "Phạm văn...". 3. Nêu trong "có", nói "Bồ-tát hạnh vị...": Bồ-tát thật địa vị cùng cực đến Diệu giác nhưng khác đối với biệt, nên gọi là "thâm". Mới nhập thật còn chẳng sánh kịp, cho nên gọi là "tuyệt", mới từ Quyền đến cho nên gọi là "tân". Xưa quyền địa vị thấp, nên gọi là "tiểu". "Nói Thọ lượng..." căn cứ lý thì trong Tích hợp đủ có lãnh giải, tân tiểu tự không dám. Cho nên dưới tổng lãnh tụng nói: "Đức Phật thuyết pháp hy hữu xưa chưa từng nghe. Thế Tôn có đại lực, thọ mạng không thể lường, vô số các Phật tử, nghe Thế Tôn phân biệt, được pháp lợi ích", cho đến, "hoặc vô ngại nhạo thuyết". "Ngoài ra còn có Nhất sinh tại...." tức là Bổ xứ tổng làm lãnh giải. "Tám tướng" dễ lãnh cho nên Thanh-văn lãnh giải, Pháp thân thọ ký khó chẳng phải người nông cạn lãnh giải. Nói "Lại cầu vật gì nữa v.v...": lẽ ra lại trách hỏi: Ông chỉ biết Thanh-văn biệt lãnh, mà không thấy Bồ-tát thông lãnh? Cho nên đây ba phen giải thích nghĩa cũng như thông, ý đầu thông chỉ Tam giáo Bồ-tát, thông đều cầu Phật. Tuy là quyền nhân mà chấp nên dễ chuyển. Ý thứ hai, ba tuy nói "xứ xứ có văn", và tiểu Bồ-tát... cho nên cần phân biệt. Tiểu ở tam quyền ngộ đại, nói lược. Cho nên nói "vân vân" là do nơi đây.

"Thứ bảy: Được thọ ký, không được thọ ký": Cũng là xưa chấp. Đầu tiên là dẫn khởi. Tiếp theo là chánh giải thích Duyên giác như trước nhập số Thanh-văn, cho nên chỉ đối Bồ-tát, cũng chia làm ba: 1. Văn dùng ý đầu trong phần lãnh giải có, không trước nay, nghĩa kiêm ý thứ hai, Nếu đồng hai ý đầu, tức đồng ý thứ ba, nghĩa là văn đầu đều dùng ba nghĩa trước. Vì có thọ ký tức có lãnh giải. Nói "Như trước vân vân" là: Ý thứ nhất như trước lãnh giải. Trong ý thứ hai thiếu Phạm văn hoặc

có, chỉ nói tùy yếu. Ý thứ hai nghĩa đồng thứ ba trước, chỉ văn trước thì thông, nay thì đầy đủ thông và biệt. Long nữ biệt, Pháp sư thông. Đã thọ ký rõ ràng, tại sao ngại lãnh giải? Ý thứ ba căn cứ cận viễn biệt, cận không ưa thích, viễn ký cũng tại Phân Biệt Công Đức. Nói "Thọ Lượng": lần nữa lại nghe Thọ lượng cho nên được thọ ký. Đối với ý thứ ba trước, thì chỉ Sở đối biệt, trước đối tiểu Bồ-tát, đây người Tiểu thừa.

Tiếp "Hỏi", ý: Vì sao không nói thẳng quá bao nhiêu kiếp thì đắc Diệu giác Pháp thân, mà chỉ nói Tám tướng Sơ trụ? Đây là giáo ý chánh văn của nhất gia, mà người phần nhiều không ngộ. "Đáp", ý có hai: 1. Nêu rõ cần tám tướng. 2. Sau được Pháp thân ký. Do sau biện rõ trước nên biết là Sơ trụ. Vả lại ngang là chỉ Pháp thân bản. Cho nên biết Nhị thừa hai xứ được lợi ích, lại cho tám tướng thọ ký. Lại khiến cho chúng sinh kết nhân tịnh độ, Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp làm lợi chúng sinh, tùy thục tùy thoát, không mượn tám tướng thọ ký thiển cận. Nhị thừa không như vậy, nên cần biện rõ.

"Thứ tám: Ngộ có sâu cạn": Đây không có Sư xưa, trong đó lại có bốn: 1. Lược nêu nguyên do biện có sâu cạn có sáng tối. 2. "Đầu khai...": là giải thích ý sâu cạn. Đã nói ban đầu nghe pháp thuyết rồi nhập Phật tuệ, nói Phật tuệ trong Trụ không chuyên một phẩm. Hoặc là chỉ có Sơ trụ hoặc là nhị, tam, tứ, cho đến thập địa, ba tiết tăng tiến lý thật như vậy. Như đã giải thích trong phần Duy thổn nói: "Trước nhập nay nhập", cho nên nói "nay nhập" thì bao quát bốn tiết tức Tam chu, Thọ lượng. Nhưng trước nhập hiển mật không đồng, sợ không hiểu ý trước, cho nên lần nữa lại nói đó thôi. 3. "Như nghe...": là nêu phàm so với Thánh, nêu thô so với tế. Nếu nghe lần nữa mà không lợi ích thì ban đầu cũng uổng sự nghe, bốn tiết thêm công, lý nên tăng tiến, có khi đến Nhất sinh bởi do đây. 4. "Đơn phức...": là dẫn sự, như lạnh được áo, lớp lớp dần hơn. "Dày mỏng": là giải thích "đơn phức".

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao trước nói người ở địa vị chân thật này thì không còn sâu cạn?

Đáp: Nhất vãng đồng vị thật không có cạn sâu. Luận tỉ mỉ sáng tối và ánh sáng thêm vào, vì là địa vị sau khi thêm đèn sáng, cho nên lý có tăng tiến.

"Thứ chín: Quyền thật được lợi ích": Chia làm sáu phần: 1. Nêu xưa giải thích. Nói "Có một giải thích nói": Xưa lẽ ra có nhiều giải thích, "một" kia trái văn cho nên tạm nói một. 2. "Nay nêu rõ...": là chánh giải thích. Nói "gần viên": "Viên" là viên mãn, lân cận địa vị viên mãn, gần Diệu giác. Nói "tế cực": Nói rõ ở sát gần Viên. 3. "Sở

dĩ...”: là nêu nguyên do được lợi ích: 4. “Văn nói...”: là dẫn chứng. Nói “hóa công”: Khi ảnh hưởng tích đã có lợi ích của giáo hóa, trước sau tăng đạo tức là lợi sâu, Quyền nhân nơi nơi được lợi ích sâu. 5. “Cho nên một âm...”: là lập lý, không hẳn đều phải đợi đến Thọ Lượng, cho nên nói “một âm”. Lại, mật ích: thích hợp nghe “lâu dài”, thời xứ không đồng, hiển mật đều khác, cho nên nói “vân vân”. 6. “Lại ta...”: là văn chánh chứng ảnh hưởng được lợi ích. Nếu đối với mình cũng không lợi ích, thì sao cho là muốn đắc?

“Thứ mười: Đợi thời không đợi thời”: Đầu tiên trong chánh giải thích: Trước là đại phán. Tiếp, “Nếu căn cứ...”: là căn cứ tam chu và bản. “Theo luận đợi...” trong ba chu tự luận mật, như khi pháp thuyết; mật nghe Đại xa và sự Đại Thông mà được lợi ích tức không đợi thời. Chu giữa mật nghe căn cứ nói có thể biết.

Hỏi: Tam chu và Bản là có mật thuyết, Huyền Văn sao nói Pháp Hoa chỉ hiển ư?

Đáp: Nói hiển mật, là trước lúc ấy khắp nơi viên xen lẫn không biết nhau, nay đến kinh này đồng nhập một viên, tuy mật mà hiển thuần một vị, chỉ nơi một pháp hội có đợi không đợi, chỉ biết rõ thọ ký nhị thừa, vì hiển lộ phân minh nói thọ mạng lâu dài, nơi một pháp hội đây đều nghe biết cho nên gọi là hiển.

Hỏi: Nói “chẳng hiển chẳng mật”: nghĩa là quyết định tánh, đối với bốn thời trước đã không mật ích, không đến thời Pháp Hoa lại không hiển đắc, hai nơi không lợi ích, gọi là thất thời không?

Đáp: Các kinh khác, nghĩa là bốn thời trước đã nói vĩnh viễn diệt, vì các Thanh-văn... không biết Biến dịch.

Trong kinh Tịnh Danh, ngài Ca-diếp tự trình bày rằng: Đều ứng kêu khóc chấn động tam thiên. Ở đây Đại thừa đã như bại chủng. Căn cứ kinh kia phán là bại chủng thì đâu thể sinh? mà đến Pháp Hoa đều được Phật thọ ký. Nếu vậy thì lúc bấy giờ sao Đức Phật không thọ ký liền mà khiến đợi đến Pháp Hoa? Vì hiển mật không đồng, như trước đã giải thích. Nếu đem vĩnh diệt quyền luận dùng giải thích khai hội thật kinh, kinh đã sinh rồi thì luận tại sao năng diệt? Chỉ do diệt nơi kia được nghe, các kinh khác không nói huống chi thông kinh luận, cho nên mất hiển mật cũng chẳng mất thời. Chỉ vì người hoằng giáo quanh co giải thích điều này, tức lỗi của người giải thích, không phải lỗi của Luận.

“Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi...”: không có mật ích của bốn thời, mất hiển công nơi hội này, mất thời hóa độ này, cõi kia không mong đợi, thế nên lẽ ra là thất thời? Đáp rằng: Sau khi diệt độ lợi ích

là đúng.

Hỏi: Kinh nói: Sau khi Phật diệt độ thật đắc A-la-hán chấp nhận có thể được lợi ích, người thượng mạn không thật nên chẳng phải đây thâu ư?

Đáp: Thúc giục đến gần thật, thành thật như kinh nói, thì đã thông chấp nhận gặp Đức Phật khác, cũng đâu có ngăn cách thượng mạn, như kia không phát thì đợi thời Đức Phật sau.

Hỏi: Phật nếu đại bi thì tại sao không khiến người kia không hủy báng mà sinh tín?

Đáp: Đó là lỗi của người mù, chẳng phải lỗi của nhật nguyệt, pháp giới chúng sinh chưa làm lợi ích là chúng, huống chi năm ngàn người đây đã nhuần chủng, hạ căn, sau khi diệt độ tuy lâu xa vẫn không đổi đời.

Hỏi: Thân-tử chu đầu vì hàng ba căn mà thỉnh, dưới đây tạp liệu giản, không liên quan mười môn. Nói vì bốn chúng ba căn, chu đầu khắp thỉnh Phật cũng khắp thuyết, các người chưa ngộ lại vì họ thỉnh khắp. Đã thỉnh khắp thuyết khắp, thì tại sao lại nói đức Phật đều vì họ nói ư? Đây dẫn ba phen đè nén đợi ba chu kia, Phật đã tạm đè nén dự định, tiêu biểu Thân-tử quyền năng dự tính, vì sao không mỗi mỗi thỉnh mà đầu ba chu thông làm ba căn, bắt đầu chu thí dụ thì chung vì trung hạ căn mà thỉnh, cho nên chư thiên lãnh giải. Văn sau có nói: Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: "Con nay không còn nghi hối,....các vị tâm tự tại một ngàn hai trăm đây...", cho nên biết là vì hàng trung căn mà thỉnh. Cho đến văn nói: "Xin Phật vì bốn chúng nói nhân duyên kia", tức vì hạ căn thỉnh? "Đáp", ý có thể biết, nhưng Thân-tử giả sử dự biết tại ba, cuối cùng cần phải thỉnh khắp. Nếu vậy, chu đầu thỉnh khắp thì vì sao Phật chỉ làm Pháp thuyết ư ? Vì sao Thí thuyết lại thỉnh ư ? Thí thuyết đã vì hai hạng trung hạ căn, vì sao lại thuyết về đời trước?

Đáp: Chu đầu thỉnh khắp, nói cũng nói khắp, người nghe chưa ngộ, chính ở vật cơ, trung hạ còn mê muội nên lần nữa lại vì trung hạ mà thỉnh khắp. Đức Phật cũng khắp vì trung hạ thí thuyết cho nên bốn người trong số một ngàn hai trăm người, ngoài số này là thuộc hạ căn, cho nên đức Phật xem xét căn cơ không cần thỉnh lại, liền hứa nói: "Nhân duyên đời trước, ta nay sẽ nói". Nếu vậy, thì cũng chưa trình bày nạn. Nếu thông bị ba căn thì đâu nói ba phen nán đợi kia ba phen thỉnh để tiêu biểu ba chu? Đáp: Xem xét vật cơ tình, lý cần phải dự chiếu cho đến vì thuyết đâu lựa chọn hạ, trung. Cho nên khi pháp thuyết đã lợi ích trung hạ, mới khiến trung hạ trở lại ba phen liền ngộ. "Vân vân" là: Lẽ

nào có pháp thuyết trung hạ không nghe, lẽ nào có sơ thỉnh chuyên vì cực lợi! Rộng trách kiến giải xưa không hiểu đại đạo.

"Hỏi": Đem hai chu: Pháp và Thí dụ, đối với nói đời trước, tợ như ba đời. Nếu thuận ba đời thì đương lai và hiện tại như thế nào? Trong "đáp", nói "không có văn": tức là nói Nhất vãng. Như trong thuyết pháp "sẽ vì ông nói". Nếu đem ba xưa vọng một nay, thì nay là tương lai của xưa. Đây căn cứ dù không có phương pháp biện luận, để đáp câu hỏi vô phương, được làm thuyết này. Nếu không vậy, thì chỉ được y thường lập danh "Pháp, Thí". Đã nói "vô phương" thì xúc chạm đến chuyển, như trong thí thuyết Đại xa vọng tiểu đại cũng là đương. Như trong Pháp thuyết, vọng ba làm xưa, thì một cũng thành hiện tại. Nay nói "Thí là hiện": thí là hiện sự, tạm nói "hiện" đó thôi!

"Căn cứ sau vọng trước", thì "Pháp, Thí" ở sau đời trước, cho nên lấy nói đời trước làm quá khứ. Chuẩn theo đây thì biết "Pháp, Thí" hợp đồng đương hiện. "Hỏi: Xưa do năm trược chướng Đại thừa", là chấp của Sư xưa. "Bốn liệu giản" là nay phá kia. Nói "như trước": là chỉ Huyền Văn trên. Năm trược có trừ không trừ, đại cơ có động không động, không được hoàn toàn nói "chướng Đại", cũng có thể nói "như sau", tức trong phần sau giải thích năm trược, đầy đủ trải qua năm vị bốn giáo bốn câu. "Có người...": lại dẫn người khác giải thích. Đoạn xong Kiến hoặc, còn có Vô minh, cho nên sở chứng chân cùng vô minh đây, cùng làm chướng Đại thừa. Vô minh nêu Tu hoặc, tức không phát tâm sơ quả, cho nên dẫn Pháp Hoa luận để chứng minh. Nói "người không phiền não" vì đã đoạn Kiến hoặc. "Có nhiễm mạn": là có Tu hoặc. "Chưa biết thường trụ": tức là chướng Đại. "Như Bác địa không chấp": chưa có sở chứng chưa từng đoạn kiến. Hai si hợp minh vô minh hoặc mạnh, cho nên nói "độc chướng". Ý nói trong năm trược thì Chúng sinh trược Kiếp trược và Mạng trược, không hoàn toàn là chướng. Vì chướng là "Kiến, Tu" hai trược. "Nếu vậy...": là người khác vấn nạn. Ý nói: Nếu hai người vô minh, hoặc cùng hoặc riêng, đều năng chướng, tức là vô minh đây. Nếu định là năng chướng thì định phải phá. Nếu nghe pháp rồi phá, thì không ảnh hưởng nghe pháp, làm gì có chướng? Nếu chưa nghe pháp mà trước phá vô minh, thì lúc nghe pháp, vô minh đã không còn, nên không gọi là chướng. Đây là ý của Tam luận sư, không hỏi nguyên do vô minh làm chướng ngại, mà thẳng dùng tự tha v.v... để vặn hỏi rằng là: Chướng có hay không? "Đáp: Đó là tha nhân... làm thông": nghe pháp cho nên phá, phá do nghe pháp. Nói "không trước sau": Chưa nghe pháp mà phá là "trước", nghe pháp rồi mới phá

là "sau", trước gọi là tự phá, sau gọi là tha phá, tự tha không phá không nhân không thể. Tiếp "tuy không trước sau...": là tuy chẳng tự tha nhân duyên cho nên phá, mà do nhân duyên cho nên cũng trước cũng sau, cũng trước cho nên tối (ám) diệt, cũng sau cho nên sáng (minh) sinh. Nay từ phá mà nói, cho nên "không trước sau". Nay từ lập mà nói thì Vô minh nhất định chướng. Lại, cũng nên nói "tuy không trước sau, mà nghe pháp thì nhất định phá".

Tiếp lại liệu giản (giải thích) "Tri và Bất tri": Đầu dẫn hai kinh đều nói "tri (biết)". Vì sao kinh này ba chu nói xong còn nói "bất tri (không biết)"? Nhưng tuy nói "biết" mà văn ý có chút sai biệt, kinh kia thuộc Phương-đẳng nên đầy đủ hai ý: 1. Đối các Bồ-tát, thì nói người Nhị thừa đầu tiên phát đại tâm, sau chung quy đại thừa. 2. "Do không ngu...": hoàn toàn bài xích, đầy đủ như trong Chỉ Quán cuối quyển ba. Kia lạm dẫn dùng làm lời nạn vấn. "Vì sao sau ba căn...": sau phẩm Pháp Sư mượn văn trường hàng nói: "Nếu người Thanh-văn nghe kinh này mà kinh nghi sợ sệt, thì phải biết đó là hạng tăng-thượng-mạn". Đây dùng "thượng mạn, kinh nghi" để hiển bày "không biết". Chỉ vì sau ba căn thảy đều phải "biết", vì sao còn nói "kinh nghi sợ sệt" ư? Đầu tiên nghi cho rằng ba chu ban đầu động chấp sinh nghi, sau ngộ thì cho rằng ba chu lãnh giải, sau lãnh giải thì không còn nghi. Vì sao ở đây sau lãnh giải mà còn tự kinh nghi? Trong "Đáp" có hai ý: Đầu, thông nêu "biết". Tiếp, "Phàm có...": là phân môn biệt giải thích. Ý văn đầu: Kinh này cũng nói "biết", trách người hỏi, vì sao chuyên dẫn văn "không biết"? Cho nên kinh này cùng thọ ký nơi nơi đều nói "biết". Tiếp dẫn văn đây để chánh đáp nói "biết". Sau ba căn có người không biết, tức là lời thúc giục. Những người không ngu thì đến thời Pháp Hoa thảy đều "đã biết". Giả sử lại có người không biết, thì phán đó là hạng người thượng mạn. Đã chẳng phải thượng mạn, thì đạo lý đều "biết", "tưởng diệt độ" mà còn biết huống chi các hạng khác ư!

Tiếp, phân môn giải thích: Đầu nói rõ biết là Thanh-văn ở kinh kia cũng không nói "biết". Phật tại kinh kia vì các Bồ-tát nói ý nguyên do kia, cho nên nói "biết". Đây tức đáp câu hỏi về hai kinh trước. Xưa từng phát Đại thừa cho nên nói "trước biết", trung gian thoái Đại cho nên nói "tiếp, nêu không biết", "sau" đến hội Pháp Hoa này bị hội thì mới "biết". Nếu Phật còn tại thế thì tam căn được thọ ký, sau khi Phật diệt độ thì không gì là không biết. "Lại, Thân-tử...": là lần nữa lại dẫn kinh này để chứng minh là "không biết". Câu đầu Thân-tử trình bày một ngàn hai trăm người không biết. "Ta nay..." là đầu Pháp thuyết,

tự trình bày "không biết", đây là văn "không biết" trước ba chu, chẳng liên quan đến sau ba chu. "Lại, Đại Thông...": đây đương "Sau ba chu" cũng có văn "không biết". Vì sao? Vì đã nói "Lúc nói kinh này thì mười sáu vị Sa-di thảy đều tin thọ, trong chúng Thanh-văn cũng có người tin (nhận) hiểu, các chúng sinh khác còn lại ngàn vạn ức chúng đều sinh nghi-hoặc", tức là khi Đức Phật kia còn tại thế cũng có người "không biết", nhưng cũng không được nói là "vĩnh viễn không biết", bởi vì các vương tử vì họ mà trở lại giảng giải. Mười sáu vương tử này đương lai sẽ làm Phật. Đức Phật tuy tại thế, Tứ y hoằng kinh về lý cũng không sai. Nên biết tạm đối khi nghe Phật thuyết mà nói "không biết" đó thôi!

"Nếu chấp...": tiếp là hòa hợp: Trong đó: Trước là tổng ý không phải. Tiếp là chánh hội. Phần trước, không chịu thiên chấp, như hai văn trước, hoặc là đầu cuối biết mà trung gian không biết, hoặc là đầu không biết sau ắt được biết. "Sinh tưởng diệt độ" mà còn nơi kia biết, huống chi Phật tại thế mà tạm thời không biết, lẽ nào được cố chấp mà sinh mâu thuẫn? Mâu thuẫn đầy đủ như trong Chỉ Quán chép. "Luận...": là ức chế khuất phục phàm tình, sợ thành tổn hại lớn. Nói "các việc khác": là tu hành hướng đến quả, có ích lợi thì mới nên luận. "Thanh-văn...": lại thuận văn tranh luận của Đại kinh cho nên Đại kinh đều nói "không hiểu ý ta". Nhưng trong kinh kia hai mươi ba cặp đều nói "không hiểu", do đối giáo xưa cho nên trách người mê cả hai đều "không hiểu". Nếu biết ý hóa độ thì cả hai đều gọi là "hiểu". Tại xưa nên nói "không thành chấp", đối với nay thì thành lỗi. Tại nay nên nói "ắt thành", đối với sau hợp Tiểu thừa thì thành lỗi. Do Đại Tiểu giáo "khai" và "không khai" đều thông ba đời. Nếu chỉ dẫn không thành để chứng minh định tánh, thì đã đều có lỗi, lẽ nào riêng dẫn ư? Cả hai dẫn đều chấp, còn trái ý chỉ của giáo, "mê thật chấp quyền" lỗi kia chẳng nhỏ, "vong quyền chấp thật" lỗi đây còn nhẹ. Đã trình bày thật giáo thì phải nói "quyết định thành". Hạng người không thấy thì uổng theo kinh điển Quyền dùng để chứng Thật giáo. "Nay thử...": chánh còn giáo nay mà làm dung hội. Trước chánh dung hội, tuy có hai cái bắt đầu mà Đại bắt đầu là quyết định, lẽ nào theo trung gian chấp tiểu tình chấp tiểu diệt làm quy cũ, cho nên Đại giáo quyết định thành, không cần tranh luận, một cặp nghĩa đã vậy thì hai mươi hai cặp xin hãy theo đó mà quán. Nếu Phật Thế Tôn đều để lại văn có ngăn ngại, thì sao thành tam đạt ngũ nhãn được? Cho nên y đây thì phân biệt tranh luận tự tiêu. Dù trong hai mươi ba cặp tiểu bộ không đồng nhưng rõ ràng là dễ dàng.

Tiếp, "Nếu hiểu được ý này...": ở trong niệm xứ mà phân Quyền

Thật, cho nên biết còn nghi hối, thì "biết" cùng "không biết" hai môn không nghẹt lấp, cho nên quyền thật hai người biết không biết sai biệt.

"Có người nói...": là dẫn xưa lược lập lợi độn hai người, cho đến giải thích ly làm bốn câu, thuần dùng Quyền nhân để chỉ rõ "biết" và "không biết", cho nên không ứng lý. "Nay không chọn...": làchỉ điểm hai thứ Sơ nghiệp thì sự bế tắc kia tự tiêu đâu cần lại dùng một phần đầu làm ngăn ngại, huống chi nếu nghe Pháp Hoa mà không tổng phá. Cho nên căn cứ ý nay, nêu đủ quyền thật, vì vậy nên không dùng bốn câu thuần là Quyền. Nếu theo luận: Căn cứ Thật hành đối Quyền thì đều chia làm bốn câu cho nên nói "vân vân". Văn lại lược lập. Quyền: Trước biết, Thật: Không biết. Nương sơ nghiệp Tiểu thừa, sinh Diệt tưởng, là hiện đời không biết. Biết là hiện được ngộ, tức hai câu đầu. Câu thứ ba: đầu không biết, sau biết. Câu thứ tư: tức trong thời Phương-đẳng bị bài xích, do căn cơ chưa phát nên chẳng biết, do bị bài xích nên chẳng phải không không biết. Quyền nhân đồng với Thật, chỉ bày biết không biết. Luận rằng nội tâm kia không thời nào không biết, cho nên không dụng xưa, nơi nghĩa tự hiển rõ. Lại rộng căn cứ các giáo, địa vị nào, thời nào, hiển mật, quyền thật, biết không biết... Vọng xưa tuy vậy, nay đối thật chỉ là đầu thì không biết sau mới được biết. Nhân đây lần nữa lại liệu-giản Duyên giác. Hỏi có thể biết? Trong "Đáp", dẫn kinh nói từ biết. Hỏi: Đây Phật cũng có nghe pháp Duyên giác, sao không khiến kia nghe Phật thuyết pháp như người Nhị thừa trong thời Phương-đẳng Bát-nhã ư ? Đáp: Người chưa đoạn Hoặc thì có thể khiến họ nghe pháp, người đã đoạn Hoặc thì tự cho là Độc giác, do đó nên biết ở đời không có hai Đức Phật.

Hỏi: Duyên giác trú tại Tiểu thừa thì có gì ngăn ngại?

Đáp: Vốn là pháp diệt, không có thầy mà riêng ngộ. Đã có Phật hưng khởi lại không bẩm thọ giáo, ra đi thì không được lãnh thọ giáo, là ngăn ngại, cho nên không đồng Phương-đẳng vốn là người lãnh thọ giáo.

Hỏi: Theo hướng nơi nào?

Đáp: Hướng chỗ không có Phật, dù ở cõi đây cũng là Phật giáo không thể sánh kịp, như vị vua có đức xuất hiện, lẽ nào sao chổi không ẩn mất? Nếu vậy, thì kia đắc thần thông lẽ nào không biết ư? Đáp: Vì hộ căn cơ chúng sinh, không hộ Duyên giác, biết cũng đâu sai. "Nguyện sinh" cho đến "thập tứ sinh": do nguyện lựa chọn số lần sinh mà được gặp Phật. Hoặc là nguyện sinh mà sinh số chưa mãn, hoặc là sau lên cõi trời mà nguyện còn lôi kéo dẫn đến, đầy đủ như trong quyến thuộc

diệu, vì vậy nên người đây gọi là Thanh văn.

Nói "Thập tứ sinh": Nhân thiên đều có bảy, chỉ tổng lập bảy, hoặc hai mươi tám đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói. Nêu cực độn đến thập tứ đó thôi! Cho nên sinh chưa mãn liền thành vô học. "Nhị quả tam quả": Như người Nhất lai và ba loại người trong Ngũ hàm. Biết Phật xuất thế còn có kẻ từ cõi trời xuống đến thân cận Phật... Nếu thượng lưu thì dù đến Vô sắc và Vô sắc Bát, đều có khởi Dục giới hóa đến gặp Phật. Nếu không gặp Phật thì cũng có thể chấp nhận đắc Hữu dư Bát, cũng gọi là Độc giác, cho nên nói nhị quả tam quả theo lệ như vậy, do theo nguyện, huống chi hai quả dục nhân thiên sinh thì nguyện cũng dễ dẫn dắt. "Biến hóa Duyên giác": Nghĩa căn cứ theo Thanh-văn cũng đủ bốn thứ, nay văn liệt kê một nghĩa đã bao hàm ba, sở hóa gồm hai. Văn chia làm ba, ba văn đều chia hai, do ba văn đều có hai chữ. Như trong văn thứ nhất: Đầu, là thuận. Tiếp, "Lẽ nào đắc...": là hứa. Thứ hai: Đầu, là giới (răn). Tiếp, "Ta sẽ..." là hứa. Văn thứ ba: Đầu, là chọn, Tiếp, "Ông nay...": là hứa.

"Đại kinh nêu bốn thiện pháp": Phẩm Đức Vương giải thích mười công đức, trong đó nói: 1. Thân cận thiện hữu. 2. Lắng nghe chánh pháp. 3. Tư duy nghĩa kia. 4. Như thuyết tu hành. Chỉ bốn pháp này là nhân Niết-bàn. Nếu nói khổ hạnh là nhân Niết-bàn, thì không có việc đó. Ba câu sau tức Tam tuệ, cho nên đức Phật dạy đó là nhân duyên gần Niết-bàn. Năm ngàn người tại tòa cho đến giản chúng, hoặc là lúc quá khứ đã có duyên hủy báng pháp, hoặc căn cơ chưa thuần thục nghe ắt sinh hủy báng, cho nên Phật biết thời dùng thần lực khiến họ ra đi. Lại như khi Đức Phật nói kinh Anh Lạc, thì năm ngàn Bồ-tát lại từ tòa đứng dậy bỏ đi. Phẩm Thí Dụ kia nhân Phật nói Pháp thân công đức, trong pháp hội có năm ngàn Bồ-tát từ tòa đứng dậy đi. Mục-liên hỏi Phật: Các chánh sĩ đây tu Bồ-tát đạo đã nhập chánh pháp tạng của Như Lai, tu hạnh quá tam thừa, vì sao khi nghe nói Tam thân thì không thọ mà thoái? Phật dạy: Thiện nam tử! Nghe nói thì bọn người này máu dồn lên mặt. Vì sao vậy? Vì người ấy trải qua vô số kiếp thường phỉ báng, bọn người ấy trong quá khứ đã ở nơi hằng sa Phật tu hạnh lục độ khởi tưởng chấp trước, có tâm hối hận, cho nên có thoái chuyển, sẽ lại trải qua nhiều gian nan cần cù. Ở nơi ngàn đức Phật trong quá khứ mà họ còn chưa được độ, bọn người ấy tu Bồ-tát đạo muốn được thành Phật trọn không thể được, như người muốn xây dựng nhà trên hư không, cuối cùng không thể thành. Nay nói đây chính là tâm Tam tạng Bồ-đề căn cơ chưa hợp thời. Nếu nghe tam thân lý hợp thì sinh hủy báng, thông tại

Diễn môn sinh hủy báng nghĩa thiếu. Cho nên biết người đời nay tuy muốn phát tâm, mà không lựa chọn thiên viên, không hiểu cảnh thệ nguyện, thì đời vị lai nghe pháp, sao có thể tránh khỏi phỉ báng?!

Hỏi: Trước nói ba phen bảo "Thôi!" là để nán đợi ba căn, nay tại sao nói "vì năm ngàn người tại tòa"?

Đáp: Sau ba phen thỉnh thì năm ngàn người ắt ra đi. Chỉ hết thảy ba phen bảo "Thôi!", dùng tương đương hai nghĩa, đối lý không ngăn ngại.

Có khi một pháp đương vô lượng duyên, chỉ hai việc đây sao đủ sinh nghi? "Năm trược chướng nhiều": là năm trược thêm nhiều biểu hiện đủ Kiến, Tu. Lại thêm chấp mạn, cho nên gọi là "căn thâm" (sâu). Chướng tội thì căn có khi chưa thâm (sâu), cho nên chấp mạn thì mới gọi là "thâm". "Cành lá vụn mạt": là nếu thật đắc quả như gốc rễ cây lớn mặc sức mà làm đồ dùng. Chỉ chấp cành lá cho là có khả năng mà khinh thường gốc rễ, cho là ngang bằng, cho là vượt quá, thì gọi là "tăng thượng mạn". "Chấp Phương tiện của phương tiện": Bốn quả Tiểu thừa đã là phương tiện, lại đối với Noãn, Đảnh chấp là chân cực, phải biết rằng thượng mạn chẳng phải hoàn toàn không có pháp, chỉ vì ở địa vị thấp mà tự cho là tăng thượng, mà kiêu mạn với người khác, nên gọi là "tăng thượng mạn".

"Bốn phen thỉnh": Coi thọ ý chỉ văn nghĩa là tương đương một phen thỉnh, gồm trước chia làm bốn. "Độc cổ (trống độc)": Đại kinh nói: Ví như có người dùng chất độc bôi vào trống, ở trong đại chúng đánh trống khiến phát ra tiếng làm cho người nghe đều chết. "Trống": Pháp thân bình đẳng. "Độc": Từ bi vô duyên. "Đánh": Chúng phát khởi. "Nghe": Chúng đương cơ. "Tử (chết)": Phá vô minh. Đời nay phá lậu hoặc bị phá gần chết, chỉ là người đương cơ. Đời sau lậu-hoặc bị phá (viễn) xa chết, đây là năm ngàn người tuy chẳng phải đương cơ, Như Lai vì sao không gượng vì họ nói để làm nhân lâu dài? "Như Hỷ căn...": tức người được lợi ích xa, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Trong "Đáp" nói: "Trong pháp hội cuối của kinh Hoa Nghiêm": đây lại hoàn toàn nhờ Kết tập thuyết. Cựu Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm sáu mươi quyển) phẩm thứ ba mươi bảy nói: Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất từ rừng Kỳ-viên đi ra, không thấy Như Lai tự tại trang nghiêm biến hóa và sư tử hống diệu công đức..., không thấy các đại Bồ-tát quyến thuộc, cũng không có trí nhãn năng kiến giác tri và sinh ý niệm, cũng không ưa nói không năng tán thán để người Thanh-văn xuất tam giới. Đây tức văn nói: "như câm như điếc". Ở hội cuối của Hoa Nghiêm, tức sẽ bắt

đầu nói Tiệm nhưng cũng đã gửi Ta-bà một kỳ vọng thiết lập giáo hóa Tiệm giáo, để thuyết dùng thông ý nay. Nên biết Hoa Nghiêm tận thời vị lai, tức là kinh này thường tại Linh Sơn, đâu khác mười phương lại xen lẫn chủ bạn. Đến phẩm thứ ba mươi tám: Nhập Cảnh Giới Phật thì Văn-thù từ lầu Thiện Trụ đi ra cùng chư thiên long... đến chỗ Như Lai đầu mặt lạy chân Phật, thiết lập cúng dường rồi dạo qua phương Nam. Bấy giờ Xá-lợi-phất nương thần lực Như Lai thấy Văn-thù-sư-lợi từ Kỳ Hoàn ra mà suy nghĩ rằng nay cùng đồng đi. Bấy giờ Xá-lợi-phất có sáu ngàn đệ tử từ phòng mình ra, lễ chân Phật rồi đi đến chỗ Văn-thù. Sáu ngàn người này đều mới xuất gia, đã từng thân cận chư Phật trong quá khứ, đều được Văn-thù hóa độ. Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo mà rộng tán thán Văn-thù. Văn-thù nói với các Tỳ-kheo: Các ông khéo năng thành tựu mười thứ đại tâm thì đắc Phật địa, huống chi Bồ-tát địa. Từ xưa cùng nói thời Hoa Nghiêm dài, nếu vậy chính là giáo sau kết tập cho đến Bát-nhã mới có thể được nói khiến các Tỳ-kheo thành mười đại tâm, đây chính là nghĩa đương lúc chuyển giáo. Kết các ý đây nhập trong thời Hoa Nghiêm, cho nên nói thời dài. Phải biết dùng pháp giới mà luận thì đều là thời Hoa Nghiêm, dùng Phật tuệ mà nói thì đều là thời Pháp Hoa. Đạo lý tuy vậy, nhưng nếu căn cứ thứ lớp bộ loại thì không tiện, tức là các giáo Lộc Uyển đều nên kết lấy, chỉ là đại tiểu không đồng căn cơ thấy không bình đẳng, cho nên khiến giáo chủ nói cũng không phải một. Nghiệm Xá-lợi-phất đã có sáu ngàn đệ tử, cho nên giống như thời Phương-đẳng, Bát-nhã giáo, đâu chỉ Lộc uyển ư? Nay văn lại nói "chưa phá tiểu chấp" tức tựa như bắt đầu thời Lộc uyển. Căn cứ văn dưới giải thích Trưởng giả trong phẩm Tín Giải chỉ là căn cơ thấy mặc, cởi trước theo. Nay cũng lại nhờ Tiệm giáo Đại cuối Tiểu đầu để giải thích câu: "Nay chư Phật" đến "lựa bỏ", bởi vì không có mật giáo đồng tịch lợi ích. Nay muốn diệt Hóa thành phế bỏ thảo am, chính là thể bình đẳng Nhất hóa. Đây còn ở Tiểu thừa khởi tăng thượng mạn, huống chi năng Đại thừa lợi ích ư! Cho nên phần nhiều người ở đây chánh thích nghi khiến bỏ đi. "Dù đi hay ở đều phỉ báng...": nghe lược thì không hủy báng, nghe rộng ắt hủy báng cho nên nói: "đi thì có lợi ích". Vì vậy, "độc cổ" gồm hai nghĩa hủy báng và không hủy báng. Trước nghe lược nói đã thành nhân không hủy báng độc cổ, tại sao lại cần thêm thành nhân hủy báng ư? Hai nhân không sai biệt thêm hủy báng đoạ vào khổ, không tạo nhân hủy báng thì có khi ở Niết-bàn đắc lợi ích đương cơ. Nếu thêm hủy báng thì phần nhiều mất lợi ích gần, cho nên mặc cho bọn kia đi để còn được lợi ích gần. "Hỷ căn, từ" cho nên

khiến xa được lợi ích, ban cho hạt giống an lạc kia. "Như Lai, bi" nên hộ trì khiến không hủy báng, bạt (cứu) đương khổ kia.

Tiếp, "Hỏi" có thể thấy. Trong "Đáp", "chẳng phải đương cơ..." là: Nếu chỉ dùng năm ngàn người mà làm kết duyên, còn lại là đương cơ thì năm phẩm trở lên đều thuộc đương cơ, nhưng chuẩn vọng theo văn trước, trong giải thích bốn chúng thì chúng đương cơ chính là tại Sơ trụ trở lên. Có khả nàng làm Chúng ảnh hưởng thì sáu căn năm phẩm đều là kết duyên. Chỉ là kết duyên nghĩa rộng muốn thâu tóm hạng đứng dậy bỏ đi. Dù dùng năm phẩm làm đương cơ, hạng này cũng được gọi là kết duyên. "Đã như trên nói": như nói trong "đợi thời" bên trên, tức sau khi Như Lai diệt độ người hoằng trì kinh được lợi ích. "Xưa thời đức Phật Đại Thông...": đầy đủ như văn trên giải thích Chúng kết duyên, cũng đem văn này mà làm chứng kết duyên. Trải qua thời gian nơi chốn như thế rồi mới được độ, sau khi Như Lai diệt độ người hoằng kinh biên được lợi ích của chúng đương cơ cũng vì rất gần, cho nên biết chúng của mười sáu vương tử kia lẽ nào không có đến nay vẫn có người chưa độ ư? Không thấy lợi ích ba đời lâu xa, mà cho là hiện khó khăn sâu xa không thể biết. Đây là Đại thánh thấy nói căn cơ, sau khi Phật diệt độ hoằng kinh thật đáng làm theo lệ. "Khi nói Đại kinh thì một vạn năm ngàn ức người...": Sư Tử Hống Bồ-tát nói: Như Phật đã nói tất cả chúng sinh năng tin kinh Đại Niết-Bàn bất khả tư nghì như đây. Bạch Thế Tôn! Trong Đại chúng đây có tám vạn năm ngàn ức người đối với kinh nay không sinh tín tâm. Cho nên người năng tin thì bất khả tư nghì. Sớ văn thiếu tám chữ, ý sớ nói: Đã nói "ở trong Đại chúng", lại nói "không sinh tín tâm", cho nên biết: đã là chúng kết duyên. Cho nên năm ngàn người tuy bỏ đi mà đã nghe lược nói. "Không lâu": ý cũng chỉ lợi ích của người hoằng kinh. "Kinh Kim Quang minh...": quyển bảy nói "hai hạng người": 1. Thâm tín Đại thừa Phương-đẳng. 2. Hủy báng, không sinh tin thích. Người không sinh tin thích cũng được kết duyên, cho nên dẫn làm ước lệ.

Trong phần "Chánh rộng thuyết" chia làm hai: Trước nêu rộng để khai lược. Tiếp chỉ rộng liệt kê tướng chương. Văn đầu lại có hai: 1. Đối lược khai chương. 2. "Câu trên...": lược chỉ nguyên do rộng. Tiếp "Sáu là": chánh chỉ tướng rộng, trong đó lại có bốn: 1. Liệt kê sáu chương. 2. Sinh khởi sáu chương, cũng gọi là ý chương. 3. "Trong năm chương...": là chỉ năm Đức Phật có không. 4. "Lại sáu...": là nêu đại thể sáu chương: Sinh khởi rõ ràng đại thể tùy thời, dùng sáu nghĩa đây cùng thành Đại chỉ khai hiển. Nói "lược mà không thiếu...": năm đức Phật

xen nhau lược xen nhau tồn không thiếu. “Đến” là nơi đến, cộng thành Nhất hóa đâu cần liệt kê nhiều phiền phức. Như ba đời Phật chỉ đều có hai chương, lẽ nào chẳng phải lược tối đa? Cho nên trong sáu chương khai hiển hai chương “lược mà không thiếu”. Nay Quyền đến Thật mà lược bỏ bốn chương khiến văn không nhiều. “Trước sau cũng không còn v.v...”: ý nói “không còn”. Điểm quan trọng trong sáu chương chẳng gì bằng khai hiển. Trước sau xen nhau không còn bốn chương kia, nhưng nghĩa ở sáu chương chung thành một ý. Cần phải nói đầy đủ đại thể để biện rõ lý không thứ lớp v.v... “Nay chỉ...”: là tổng, nguyên do trong chương Phật chỉ bốn mà không hai, tức bốn là chánh, hai là phụ. Phải biết năm, sáu thành tựu ba, bốn cho nên lược chỉ. Lại trong bốn trước thì ba, bốn là chánh; một, hai là trợ thành, cho nên chương Tam thế đều chỉ ba, bốn. Đức Thích-ca hóa chủ đời ngũ trược, vì thiết lập ba, cho nên lại thêm, chỉ thiếu một đoạn văn tán thán pháp thôi! Tóm lại mà nói ắt phải đầy đủ sáu, vì tránh văn rườm rà cho nên phải chỉ xen nhau.

“Hơn bốn mươi năm”: Luận Pháp Giới Tánh của ngài Bồ-đề Lưu-chi nói: Sau khi Phật thành đạo bốn mươi hai năm mới nói kinh Pháp Hoa. “Cửu cửu, hy sơ”: Trước lúc ấy không phải không có chỉ riêng hiển thuyết cho nên nói “hy sơ” (thưa thớt). Như Kinh Hoa Nghiêm nói Phật tuệ cách Tiểu đới Thiên, trải qua Tam-muội nay mới riêng thông suốt, đây có hai ý: 1. Lâu (Cửu) mới nói. 2. Đúng thời mới nói. Tuy liệt kê ba thứ: người đã có thể kham v.v..., mà ý nói ở thời vậy.

Hỏi: Thời Phương-đẳng Bát-nhã tuy có “đới đối” cũng nói Phật tuệ, vì sao gọi là “hy sơ”?

Đáp: Đây căn cứ nhị thừa độn Bồ-tát mà nói. Đầu ở thời Hoa Nghiêm mà không nghe, tiếp nơi Lộc uyển mà chứng nhập, sau ở nơi hai vị mà không dùng. Nay bắt đầu được nghe thì thành “hy”. Các Bồ-tát lợi căn sao từng không nghe? Chỉ dùng tăng tiến để làm lợi ích của kinh này. Nếu căn cứ Bản môn thì chẳng phải trong đây tán thán.

Hỏi: Nếu vậy thì Hoa Nghiêm cùng hai tô (Sinh tô và Thục tô) đều nói Phật tuệ, đâu chỉ có Hoa Nghiêm đã nói Phật tuệ?

Đáp: Hai tô đều có, chỉ Hoa Nghiêm tuy kiêm Phật tuệ khá thuần, từ thuần được tên.

“Ưu-đàm hoa”: Tân dịch Ô-đàm-bát-la, Trung Hoa dịch là Thụy ứng. Kim luân vương xuất hiện thì đại hải giảm bớt. Kim luân lộ hiện thì hoa này mới sinh, điềm báo trước làm Kim luân vương. “Điều thục”: Cũng có thông biệt. Thông thì hai chữ thông nơi hai vị. Biệt thì “Điều” nghĩa là điều phục bài bác như Phương-đẳng, “thục” là thành thục, tức

nói thêm. Trong cụm từ "Đề-hồ vân vân", thì "vân vân" là: Rộng căn cứ ba vị, nêu nguyên do không nói, như các văn trên cho nên không lập lại. Trong cụm từ "gọi là "Linh" vân vân", thì "vân vân" là: Nên nói "linh" tức linh thông bởi vì thông tất cả. Tùy nghĩa tiện cho nên "Linh tự tại sau". Từ danh tiện cho nên "Linh ứng tại trước". Có thực hành pháp quán đây cho nên được Phật thọ ký, cũng gọi là "thụy" (điềm lành). Có thực hành pháp quán đây thì sau mới đắc quả, cho nên gọi là "hoa". Tam quán thành rồi thì chân nhân mới hiện. "Ba ngàn" là tiêu biểu thật có thể bao gồm. "Lý này...": là lý giáo hạnh nhân.

Nói "trái, ngược": Dùng "trái" dùng "ngược" để giải thích "thuận, chánh". Do xưa trái ngược nên nay trái ngược. Xưa nghịch tức thuận thì sao trái ngược ư? Đều nói "chí": thật là cùng cực. Như "chí" đến kinh này thì không quá trên, cho nên đều nói "chí". "Trở lại chỉ...": là giải thích ý khuyên tin. Vì sao khuyên tin? Vì muốn nêu "xưa thô tức diệu", sợ chúng sinh sinh nghi cho nên dự định khuyên răn. Nói "bốn thứ": Chỉ trên đã nêu "Lý này" trở xuống là bốn văn, cho nên nói "khách làm..." mà không nói "người ...." chỉ nói "bốn thứ", vì nói "khách làm" mà bao hàm bốn thứ. Cho nên tổng làm xuyên suốt. Sở dĩ xưa để "khách làm" nay thành bốn thứ của con Trưởng giả. Lại không sửa đổi hoàn toàn thành bốn thứ diệu, cho nên nói "việc các ông làm...". "Tin không có v.v...": là thời Phật tại thế mà còn chỉ dùng nhân (người) hiển pháp. Đời mạt pháp lẽ nào có thể pháp diệu nhân thô? Nếu nói Đại quyền ắt không dùng thiện mà lạm xen nơi ác. Thần dù sai khác, Tích đều siêu vượt hai đường. Thế gian nói siêng học không bằng chọn thầy, cho nên nói "Các ông nên tin lời Phật dạy". Đầu tiên nêu Phật đạo cực kỳ khó biết, là ý thiết lập quyền. Bởi vì trong các giáo không thiết lập danh, nay muốn nêu "khai" cho nên trước trình bày sở khai, tức là sở thi (thiết lập). Cho nên Huyền Văn nói: Vì Thật mà thiết lập Quyền, thì ý tại nơi Thật. Khai Quyền hiển Thật thì ý tại nơi Quyền. Phải biết dùng Thật làm Quyền, Quyền gọi là ẩn Thật. Khai Quyền hiển Thật, ngoài Thật không còn có gì khác. Ẩn cùng hiển lợi tại tình thức của chúng sinh, thường trụ nguồn gốc chưa từng tăng giảm, cho nên trước chưa khai, chẳng những không nói "hiển thật" mà cũng đều không nói "thiết lập Quyền", cho nên nói "thích hợp Quyền", tức cần hiển Thật. Nên biết đây là thủ đắc tông chỉ của Pháp Hoa, nguyên do của Thật giáo, là chỉ quy để giải thích nghĩa, phủ tạng của các hạnh. Nếu không thể nghiệm được mà chỉ thi hành vận dụng suông, hễ đạt đến ý đây, thì đều là người siêng năng. E rằng học giả tông này lạc mất ý chỉ của Kinh.

“Vì sao vậy?...”: ứng giải thích chư Phật. Nói “Ta dùng...”: là dùng “ta” để giải thích kia. “Mượn đây”: Đã đem tự Quyền mà giải thích kia. Chữ “tá” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ “tử” và “dạ”, đọc khứ thanh, có nghĩa là “mượn”. Ý chính là dẫn kia chứng minh đây, cho nên tạm dùng đây giải thích kia, ý cũng nêu đạo đồng. Kia đây đều thiết lập khai. “Pháp đó...”: Nếu kết khai Quyền thì hai chữ “pháp đó” chỉ các pháp diễn thuyết trước nay. Trong phần “Nêu Nhân pháp” nói: “Nêu vô phân biệt pháp” là đem “pháp đó” trước nay mà hiển thật pháp, cho nên nói “pháp”. “Chỉ có chư Phật” là nêu “nhân” (người). Chính là pháp trước nay cho nên nói “năng biết”. “Trừ chư pháp...”: Nếu vậy thì ngoài Pháp Hoa ra, đều là ma sự ư? Không như vậy, chỉ vì Quyền trong các giáo trước thì ma cũng nói được, chỉ một Thật đây thì ma vĩnh viễn không lường tới được nên đều nói “trừ” đó thôi! Cho nên mê hoặc A-nan thời cũng nói trung đạo, chỉ trừ ma kia mà khai pháp kia. “Chẳng phải năm, bảy, chín...”: Vì ba, năm... đều là phương tiện, cho nên đều nói “chẳng phải”. Tam tạng Tam thừa thêm Nhân Thiên là năm, thêm Thông giáo Nhị thừa là bảy. Chỉ hội Nhị thừa, tại sao nhị thừa ư? Do cộng nhị thừa và Nhị thừa trong luận Bà-sa hoàn toàn sai khác, Bát-nhã không cùng Nhị thừa kia, cộng cho nên nay hỏi. Nếu Tam tạng Tam thừa không cần hội nhập thì bốn thềm bực của Bà-sa tức là quả cứu cánh viên thường? Hoặc chỉ trở về quả này tức là cộng Phật của kinh Đại Phẩm, vì không làm vị Diệu-giác của kinh Anh Lạc? Hay là quả Phật giá-na của kinh Hoa Nghiêm? Thêm Thông, Biệt Bồ-tát thành chín. Nếu nghĩa phân chia Hạnh, Hướng thì mới thành mười một. Các thứ đây đều là cái khác của “bị hội”. Bởi vì hợp các cái khác cho nên gọi là một. Một thể thâu nhiếp các cái khác, nên gọi là Đại. Đại tức Viên diệu Nhất thừa của kinh này. Vị đây cùng viên Hoa Nghiêm đồng.

“Nghi thức”: là chỉ dùng tướng khai hợp làm pháp thức oai nghi. “Nay khai tam”:, là khai tam tại xưa. Mà nói “nay”: Chỉ nay nhất hóa, từ Nhất thừa khai cho nên gọi là “nay”. “Như trong Thích luận...”: Đầu văn vừa nói “chư Phật đại sự”. Nay văn lại nói “Vì sao gọi là chư Phật đại sự?...”. Phật sở tôn trọng cho nên thường nói đó, cho nên dẫn làm ước lệ. “Vân vân” là: Luận lại có văn, cũng nói như vua ưa lập con ruột của mình làm Thái tử, gọi là “luôn luôn cho...”.

Tiếp trong Nêu hiển thật, xưa dùng bốn Nhất đây để hiển thật. Nay dùng bốn thứ: Khai, thị... đều là Lý nhất. Sư xưa không có, chỉ vì người nói người thọ đều nương trên lý mà lập nhân quả. Sư nay ở đây

lập Nhân quả môn để giải thích khai..., vẫn không bằng ngài Quang Trạch, ở trọng Biệt tựa dùng Bản tích môn mà giải thích bốn câu, Biệt tựa tuy là tựa Tích môn vẫn ở đầu một bộ, lẽ nào ban đầu Pháp thuyết lại phân chia nhân quả ư? Lại chánh là “Nhân môn”: từ đệ tử là nhân mà nói. Nói “Quả môn”: từ Thầy là quả xa (viễn), sự thật đó đầy đủ theo như Huyền Văn. Nếu vậy tức trái ngược lại trưng dẫn của sư xưa. Bản môn đã di dời đến Tích môn đây lý hợp như trước, không thể Bản tích lần nữa lại mở ra khiến Bản môn theo nghĩa “dài”. Nếu kia song nêu Bản tích thì nghĩa trong phẩm hỗn hợp, lẽ nào có thể song song nêu, nơi đây dưới biệt sinh nhân duyên, huống chi giải thích Tứ nhất không bằng Quang Trạch. Nói “Phương dưới v.v...”: Là nêu nguyên do bản biệt để trách giải thích xưa. Tháp hiện để chứng minh trước kiêm là sau khởi, cho nên bảo tháp xuất hiện là nguyên do bản viễn, Bồ-tát từ đất vọt lên là nguyên do bản cận. Hai lý do chưa đến thì sao được biện bản?

Tiếp, trình bày Quang Trạch. “Nay cũng không dùng...”: là phá. Đầu tiên làm nghĩa nhân quả trái nhau tức phá tam tuệ tại nhân. “Lại tam tuệ...”: chỉ căn cứ nơi nhân, do nhiều thứ tam tuệ tức giả sử hỏi: Dù dùng tam tuệ mà cần chọn tam giáo, tam giáo tam tuệ còn chưa nhập nơi Thánh vị đương giáo, huống chi Thánh vị Viên giáo ư! Cho nên lại giả sử nói: Nếu là Viên tam tuệ thì địa vị này cũng chưa Khai tri kiến Phật, cho nên hai giáo trước và Biệt địa tiền không có Tri kiến Phật. “Nếu là tam tuệ khác....”: là kết nạn. Câu đầu kết chẳng phải Tri kiến Phật. “Nếu làm...”: là tự trái mệnh chương. Nói “vân vân”: Cần phải biện rộng cái ý không thể dùng, đem giáo và lý để chứng minh ý không dùng. Để phá “Địa sư” thì trước thuật, tiếp phá. Trước thuật nói “Đệ ngũ hằng...”: Kia căn cứ Đại kinh phẩm Tứ Y thứ sáu nói: Thiện nam tử! Nếu chúng sinh nào ở nơi một hằng hà sa chư Như Lai phát Bồ-đề tâm, thì sau mới có thể ở trong đời ác không hủy báng kinh này, ưa thích kinh này nhưng không thể vì người phân biệt diễn thuyết. Ở nơi hai hằng sa chư Phật, chánh hiểu, tin ưa nhưng cũng không thể nói rộng. Ở nơi ba hằng sa chư Phật, thọ trì viết chép, tuy vì người khác nói mà không thể giảng nghĩa sâu. Ở nơi bốn hằng sa rộng nói, trong mười sáu phần thì giảng nghĩa một phần. Ở nơi năm hằng sa giảng nghĩa được tám phần. Ở nơi sáu hằng sa giảng được mười phần. Ở nơi bảy hằng sa giảng được mười bốn phần. Ở nơi tám hằng sa giảng được mười sáu phần, giải thích đầy đủ tường tận nghĩa thú kia, đó gọi là Như Lai thường hằng bất biến. Các câu sau, từ “hai hằng sa” cho đến “tám hằng sa”, mỗi câu đều có

cấu trúc tương tự câu đầu (một hằng sa), không lập lại phần giống, chỉ nêu phần khác. Kinh văn trước một hằng sa, lại nói: “Nếu chúng sinh... một sông Ni-liên...” chưa có thể tin thọ, tổng cộng thành chín đoạn. Do sông Ni-liên, gần thành Câu-thi-la, nhỏ hơn sông Hằng. Nói “phát tâm”: Có người nói: Gặp một đức Phật phát một đại nguyện rải xuống một hột cát. Dù gặp nhiều đức Phật mà không phát nguyện, thì cũng không rải xuống một hạt cát. Dù có phát tâm không thấy Phật cũng không rải xuống một hạt cát. Thấy một đức Phật dù phát nhiều nguyện cũng chỉ rải một hạt cát. Một phen phát tâm thấy nhiều đức Phật cũng chỉ rải xuống một hạt cát. Như vậy tích chứa số đến tám hằng sa... là để nêu rõ nhập vị đầu dễ sau khó. Đầu tiên tăng lần thứ nhất tức được tám phần, sau lần này thì chỉ có thể tăng hai phần. Hai lần tăng này như đến Thái úy thì dễ, Thừa tướng thì khó. Nói mười sáu phần: Như thế gian cân mười sáu lạng làm một cân. Cho nên trong Đại luận nói: Phật nói Điệp Phúc ngoại đạo (cho là tài trí hơn người): Ông nếu xuất gia, so sánh với trí tuệ của Xá-lợi-phất thì trí tuệ của ông không bằng một phần mười sáu của Xá-lợi-phất. Phương Tây khi so sánh thì phần nhiều dùng ý đây. Người xưa cho rằng năm hằng sa tại Hiền vị, dùng “sáu, bảy, tám phần” đối với Sơ địa trở lên, đến Thập địa thì dùng đối “mười hai - mười bốn - mười sáu phần”. Phải biết ý xưa nói: nhiều lần phát tâm là tại phương tiện giáo, Thật giáo thì tâm kia không nhiều lần phát. Đối với giáo nay thì không thể nhiều lần phát mà phân biệt khai..., lại căn cứ Hiền Thánh lập vị không đồng.

Hỏi: Kia nhiều lần phát tâm đều nói đối kinh Niết-bàn hiểu được bao nhiêu phần, tại sao phán định là phương tiện giáo?

Đáp: Danh Niết-bàn đã thông, sở duyên sinh giải cũng khác. Dù chẳng phải hai giáo trước, cũng chỉ thành Biệt giáo giáo đạo. Lấy đây mà nói, thì giáo tướng khó biện, huống chi sư xưa đối vị tự hiểu kinh kia.

Nếu ở vị Kiến, Tư, Đoạn thì không thành nghĩa Biệt, không thể Thông vị mà hiểu rõ Viên khai... Nếu đồng thể Kiến, Tư tận thì chẳng phải Lục địa. Cho nên biết hiện tại năng tin Như Lai trí tuệ thậm thâm cảnh giới thậm thâm, lý thì không dễ dàng, Hoa Nghiêm dung thông cực đốn thuyết, còn lạc mất chỉ quy. Pháp Hoa chỉ hiển Nhất thừa, không thể hội đó thành tiệm. Lại có Tiên tuệ khai thiện trị thành, đều có phân biệt giải thích, đều chẳng phải ý nay. Chương An nói: Tam thập tâm là Y thứ nhất, năm hằng sa, Sơ địa trở đi là Y thứ hai đều là địa vị Sư. Ý dùng Y thứ nhất đủ phiền não tánh làm địa vị đệ tử, Chương An cũng

tự căn cứ kinh kia để phân biệt địa vị. Nếu phán khai..., thì đây cũng không phải thế. Vì sao? Vì muốn phán xét bốn y cần phải căn cứ bốn giáo, đều không thể dùng đây phán xét là khai... Bốn y thông phàm, khai..., chỉ có Thánh. Thánh lại căn cứ theo Viên. Cho nên bên dưới kết nói "không cùng kinh hội".

"Dẫn kinh...": Đại kinh đối Địa tiền là Văn Kiến, tức Biệt giáo địa, sao lại được chứng Thông? Đăng địa nhãn kiến tức Phật nhãn, cho nên Lục địa Tư tận toàn tại Thông giáo. Từ xưa đến nay chỉ biết dùng Địa để giải thích Địa, mà toàn không biện rõ sở tại của địa. Nói "vân vân": là rộng lập lý giáo để phá sư xưa, lược như thuật trước nay. "Nạn đây đồng trước": Nạn đồng Quang Trạch dùng tam tuệ. Lại phá tam tuệ cho nên nói "đồng trước". Cũng lại nên nói: Ngũ trược trước trừ, tại sao chỉ giáo nay? Nếu giáo nay trừ trược thì phải mới thành Thanh-văn. Nếu mới trừ trược thì làm sao tri kiến Phật hiển ư? Uế trừ lý hiển, nạn cũng như vậy.

Tiếp, "Có người...": hai sư đều dùng Pháp Hoa làm nhập, khiến Pháp Hoa thành cực, khước từ ba lỗi trước, tri kiến Phật đều nơi kinh này. Khai... lẽ nào có thể phân thuộc giáo khác, tức thành giáo khác có Tri kiến Phật? Bởi vậy nói Biệt giáo là Tam thừa Biệt, tức chỉ Lộc uyển. Hai sư đều dùng Thông giáo Tam thừa mà làm Bát-nhã. Nói "ức dương"(khen chê): là căn cứ trong kinh Tịnh Danh chê bai khuất phục Thanh Văn và tán dương Bồ-tát. Đây do không hiểu kinh kia cũng có chê bai khuất phục Bồ-tát, không phải chỉ có tán dương. Cho nên nay tám chữ phán xét hết lý kinh, đó là "chê Tiểu, trách Thiên, khen Đại, mộ Viên". "Tách ra" cũng như phân ra, như xé lụa, tức bốn câu không thể phân. "Có người nói: Tam thập...": Thông không có Địa tiền vị tam thập tâm cho nên gọi là "hiệp Biệt", chỉ nói Sơ địa Lục địa cho đến Thập địa gọi là "bàng Thông". "Chưa thấy Pháp Hoa kỳ dị": Kinh khó tư duy, chẳng phải phàm phu lượng được, căn cứ Thánh tán thán lựa chọn Thầy trò có thể biết, nay y nghĩa phụ văn lược. Có mười cặp để biện rõ tướng đặc thù, cùng Nhị thừa cận ký khai Như Lai viễn bản. Tùy hỷ tán thán người thứ năm mươi, nghe được lợi ích đến nhất sinh Bổ xứ. Thích-ca chỉ Ngũ nghịch Điều-đạt làm bản sư, Văn-thù dùng Long nữ tám tuổi làm sở hóa, phàm nghe một câu đều được thọ ký. Thủ hộ kinh nói công không thể lường, nghe phẩm rồi thọ trì thì vĩnh viễn từ bỏ thân nữ. Nếu nghe đọc tụng mà không già không chết, thì năm hạng Pháp sư hiện thâu hoạch tương tợ, bốn hạnh an lạc mộng nhập Đồng luân. Nếu não loạn thì đầu bể thành bảy phần, có cúng dường thì phước hơn mười

hiệu, huống chi đã, nay, sẽ nói sự tuyệt diệu một đời giáo hóa. Tán thán giáo pháp kia bảy thí dụ xưng tán. Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất A-dật-đa không biết một người. Phương Đông Liên Hoa Long Tôn Vương chưa biết tướng Bản, huống chi Tích hóa nêu ba ngàn chấm điểm. Bản thành dụ năm trăm vi trần, bản tích sự ít hiếm các giáo không nói, như văn đây... căn cứ theo kinh vẫn có, lại y ý chỉ trước nay thì chẳng có gì cho là kỳ lạ.

"Có người dẫn Hoa Nghiêm...": ý người khác là lại trách các sư. "Địa tiền có tứ thập tâm" vị, tại sao không dùng đó để giải thích Khai tri kiến Phật, mà chỉ dùng Địa tiền tam thập vị ư? Phá có hai lỗi: 1. Lầm dụng Hoa Nghiêm Thập tín. 2. Hiền vị chẳng phải Tri kiến Phật. Nói "Hoa Nghiêm không nêu rõ Thập tín": Người xưa cũng dùng Hoa Nghiêm Trụ tiền tu mười phạm hạnh Không, tức nhập Sơ trụ, đem mười phạm hạnh Không đối với vị Thập tín. Nay văn phá là kinh không có tên "Tín", nên nói "không có". Các vị theo "Nhiếp Đại Thừa luận" thì đầy đủ như Thích Tiêm dẫn. E rằng: chính là "Thập địa luận", dư chữ "thất" trong cụm từ "Thập thất địa luận". "Có người...": là phá, dùng "luận tứ trí": Sư kia dẫn nói: "Tổng biệt nhất thời", muốn giải thích bốn câu khiến không có trước sau, không có ý khước từ thành nghĩa cao thấp không đúng (đương). Nay chia làm hai phá: 1. Chỉ nói Tứ trí nhất thời mà không phân vị biệt. 2. Tứ trí tại quả khai... thông nhân. Do đây không đúng, nên nay không dùng. Lại căn cứ Chỉ Quán dẫn luận Tứ trí, do nhân quả kia đều có tổng biệt. Nếu chỉ chỉ quả Tứ trí thì địa vị cao. Nay lại thẳng dùng quả trí để trách kia. "Tứ trí": Nghĩa là Đạo tuệ, Đạo chủng tuệ, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí. Tứ trí này tại quả nhất thể đầy đủ. Nếu bốn thứ: Khai, v.v... là trong dọc mà luận ngang thì phải bốn vị riêng đối bốn trí. Dù nhân quả tương đối đều có tổng biệt, chỉ thành nhân quả, tại sao gọi là "khai"?... "Có người nói phi Không phi hữu....": Ý dùng lý song phi hiển làm "Khai", chẳng xuất không hữu, phân minh chỉ lý năng không năng hữu, cho nên gọi là "Thị". Thấy không hữu này không lìa lý mới chính là "Ngộ". Lại hiểu lý đây không hai mà hai, mới gọi là "Nhập". "Người này...": là ý phá: Nói "không hữu" là "căn cứ hai đế", tuy làm bốn lớp mà chỉ là hai lý không hữu mà thôi! Thất lý sâu cạn, mê thể không hữu, chỉ liệt kê không hữu, uổng phân làm bốn lớp cho nên không có Thể trung đạo, uổng dùng song phi, không xuất nhị thừa, e rằng liên quan đến Thông giáo.

"Có người nói: Đạt tam đế..." Tuy nêu tam đế mà không biện điều hòa, tức mặc cho phân mở. Biệt nhân sơ tâm đâu từng không thấu

đạt lý tam đế, gọi đạt là khai mà không gọi khai! Đến địa vị Thập hạnh phân minh thấy giả, đến Hồi hướng vị quán không có một và khác. Nếu nhập Sơ địa thì mới thuận dòng pháp, như thế đâu có thể tránh được Biệt nghĩa, cũng chưa có thể biện rõ tướng biệt của Khai..., chẳng phải sơ tâm rốt ráo không biệt cho nên không phải Phật giới.

Tiếp, "Có người giải thích...": Dùng tổng biệt tướng để giải thích "Tri kiến". Người này không biết luận nói: "Nhất thiết trí là trí Thanh-văn, không nên lấy đây làm "Tri" (biết), Nhất thiết chủng trí ở sau hai trí thuộc Biệt Phật trí, không nên lấy đây làm Viên Phật "kiến". Lại người xưa nói "Kiến" nhất thiết, tiện lấy làm tổng, do có nói "chủng" bèn phán làm biệt. Đây cũng không thấy văn Đại luận nói Viên. "Thích luận nói....": Vì muốn người dễ hiểu cho nên phân thuộc ba hạng người, so sánh kia phân ba điều Đại tiểu nhân quả, thì hoàn toàn sai khác, vì sao đem giải thích Viên Phật tri kiến? "Có người giải Tận trí....": "Tận, Vô sinh" là tên xuất từ Tam tạng, nói Vô sinh hơi thông nơi Tam. Nói "căn cứ thanh tịnh" đều phán thuộc Thông Phật. "Như trên...": Đều không thấy đại ý Pháp Hoa. Tổng thì như Huyền Văn, đại ý mới rõ. Lược thì như sớ này giải thích phẩm Phương Tiện, đến đây chỉ biết nghĩa Phật tri kiến.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5
(Phần Thượng)

“Pháp Hoa luận nói...”: dẫn luận để giải thích:

Luận có ba văn: Văn thứ nhất: Căn cứ Tam thừa, ý muốn Nhị thừa cùng Bồ-tát thừa đồng đắc đồng có. Trong đó có hai phần: Trước, là dẫn luận. Tiếp, “Luận nói...”: là giải thích ý luận. Nói “thứ lớp”: là để khiến giải thích theo thứ lớp không trái. Căn cứ luận văn ý, thì “câu thứ nhất”: lấy “Vô thượng” làm “Khai”. Luận văn lại nói “Phật tri kiến”: Như Lai năng chứng như thật Tri (biết) nghĩa kia. Kinh văn đã nói: “vì khiến cho chúng sinh”. Nếu chỉ Phật chứng biết thì tại sao nói: “Vì khiến cho chúng sinh”? Cho nên chẳng phải nay giải thích, nghĩa không thể thông. “Câu thứ hai”: “Thị” đồng có “Vô thượng”. Đầu luận văn chỉ nói Nhị thừa cùng Phật Pháp-thân đồng đẳng, cho nên trong đây giải thích nói “tam thừa”, không riêng Bồ-tát cho nên đem Bồ-tát hợp Nhị thừa giải thích, tức là tam thừa Pháp thân đồng Phật. “Câu thứ ba”: khiến cho biết vô thượng tức là “Ngộ”. “Câu thứ tư”: chứng Vô thượng nên gọi là “bất thoái”, chứng chỉ là đắc, tức nhập Sơ trụ. Ý luận dùng ba câu trước cùng khiến đắc nhập địa vị Sơ trụ. Đầu tiên “Khai”: Chỉ cho thấy sở tri kiến là Vô thượng. Tiếp: “Thị” (chỉ) cảnh đây đồng có. Tiếp, khiến “Ngộ” đồng có. Tiếp, khiến “Nhập” cảnh đây cho nên nói Bất thoái. Đã trước căn cứ Nhị thừa cùng Bồ-tát đồng chứng, cho nên biết ý kinh trước tại Nhị thừa, nên luận văn không phân chọn định tánh, huống chi luận nói chưa thuần thục tức sẽ thuần thục, sẽ không phải không có, cho nên không được nói không có.

Văn thứ hai: Căn cứ Bồ-tát: Nghiệm biết Bồ-tát cùng Nhị thừa phải hội, nếu không cần hội vì sao biệt lập một giải thích đồng Nhị thừa? Trong giải thích câu đầu, luận không có biệt giải thích. Nay nói “như trước” là cùng Người nhị thừa đồng đắc. Độn đồng nhị thừa, bởi có nguyên do, cho nên biết trước lúc ấy chẳng phải vô thượng. Trong giải thích “Thị”, nói “Bồ-tát có nghi thì khiến biết như thật”, cho nên biết

trước lúc ấy hiệp nghi chẳng thật. Nghi thông hội biệt, lý không nên như vậy. Nếu không được hội, thì lẽ nào "biết được như thật"? Huống chi biết như thật thì vẫn phải tu hành. Trong giải thích "Ngộ", nói "Người chưa phát tâm thì khiến phát Bồ-đề tâm", nếu không phát tâm thì không gọi là Bồ-tát. Cho nên, biết rằng: trước lúc ấy thì được gọi là Bồ-tát mà chưa phát Viên tâm. Trong giải thích "Nhập", nói "Người đã phát tâm thì khiến nhập pháp" cho nên "người chưa phát tâm": là chỉ Tạng, Thông. Nói "đã phát": phần nhiều chỉ Biệt giáo. Trong Biệt giáo Tri tuy tương tợ "đã phát" mà không nhập chứng đạo, cho nên cần phải "khiến nhập" Phật tri kiến. Nói chánh duyệt xem quyển. Phải biết tam giáo Bồ-tát có nghi chưa phát, chưa nhập chân thường. Do đó luận văn hiện khiến Bồ-tát khai thị ngộ nhập, mà khổ cho ông không chịu trái với luận văn.

Văn thứ ba: Căn cứ phàm phu để giải thích. Trong luận cũng không giải thích câu "Khai", nay cũng chỉ đồng văn thứ nhất, cho nên biết phàm phu cùng tam thừa đồng. Câu thứ hai tuy giải thích kia nói hoàn toàn đồng nhị thừa trong câu đầu và câu thứ hai. Đến câu thứ ba mới khác hai giải thích trước, cho nên biết phàm phu cùng tam thừa đồng có Pháp thân Phật tánh. Hai câu dưới nói "phàm phu cùng tam thừa biệt", do ngoại đạo chấp thường, tất cả chúng sinh chưa biết Bồ-đề. Đã là phàm phu riêng một phen giải thích, cho nên biết không đắc (được) địa vị sâu xa để giải thích kia. Cho nên giải thích-câu "Ngộ" nói khiến giác ngộ, câu "Nhập" khiến nhập Bồ-đề. Nên biết phàm phu bất giác bất tri có vô thượng pháp cũng chưa từng phát Bồ-đề tâm mà đều nói cùng tam thừa đồng. Cho nên biết ba phen nhân (người) khác nghĩa đồng, vì vậy nêu câu đầu đều có thể nghĩa đồng.

Tiếp, trong câu thứ hai giải thích Bồ-tát, nói "khiến biết như thật". "Như thật" chỉ là tên khác của Pháp thân, đây cũng là tên khác nghĩa đồng. Câu thứ ba: đối Nhị thừa không biết, cho nên nói "khiến biết", đối Bồ-tát đã từng phát tâm thì khiến lại phát tâm, đối phàm phu thì khiến khác ngoại đạo, cũng khiến ngoại đạo ngộ. Đây thì nghĩa khác ý đồng. Trong câu thứ tư: đối Nhị thừa thoái đại thì nói "Bất thoái", đối Bồ-tát đã phát mà chưa nhập thì nói "nhập pháp"; đối phàm phu chưa từng phát thì trực tiếp nói "Đại đạo". Nên biết chỉ là một Tri kiến Phật vì muốn đây... nhân khác khai đồng, cho nên biết nêu tam thừa và dụng phàm phu, thâu tóm căn cơ hết sạch. Bao trùm nói chúng sinh gồm thâu lục giới tam thừa đối thật tức Thập pháp giới giải thích. Nếu căn cứ chỗ hướng đến thì chỉ một Phật giới, tức căn cứ Phật giới giải thích. Ba

phen nghĩa biến khắp tức căn cứ vị giải thích. Phật giới đối chín giới lại thành ly hợp, huống chi luận giải thích bốn câu cùng nay bốn giải thích vị v.v... nghĩa đồng. "Luận mỗi một câu giải thích": Luận trong ba giải thích mỗi một câu biệt giải thích. Nay giải thích đầu lại tách làm bốn, tức thành ba phen đều có bốn giải thích, chỉ nêu Nhị thừa để so sánh các thứ còn lại, cũng là nêu khó so sánh dễ, vì Nhị thừa khó.

Nay giải thích đầu: Trước thuộc đối luận văn. Đầu tiên dùng chứng Bất thoái chia làm bốn vị để giải thích, tức luận câu thứ tư. Đã nói bất thoái, tức khai thị ngộ nhập đều là niệm bất thoái. Tiếp nêu Phật sở chứng đắc làm bốn trí để giải thích, tức câu thứ nhất luận nói: "Trừ Nhất thiết trí ra thì không còn có sự nào khác nữa". Tiếp, do nghĩa đồng tức câu thứ hai luận nói: "Nhị thừa Pháp thân bình đẳng hoàn toàn không sai biệt". Nếu không quán tâm thì làm sao biết đồng? Tiếp, do "không biết xứ cứu cánh", tức câu thứ ba. "Xứ" là sở thông, nhị thừa không biết, nay vì khiến biết. Biết là môn, môn là năng thông, cho nên làm bốn môn giải thích. Nhị thừa đã vậy, Bồ-tát, phàm phu theo lệ đều như thế, vậy thì ba loại đều cần Viên giáo, giáo môn lấy làm năng thông. Nhập quán tu trí mới có thể đến vị, tri kiến Phật cảnh. Nếu làm các giải thích khác, nói: "Vì làm tốt....", thì chỉ uổng thiết lập và tri kiến Phật tại đâu? Cho nên một nhà giải thích nghĩa y kinh, thuận luận, khế hạnh, đắc lý, ý Phật xuất thế lẽ nào không như vậy ư? Nay giải thích ý Phật lẽ nào có thể trái ư? Nếu mở sâu vị Địa thì phàm phu chẳng mong đợi, nếu trừ hai chương mới nêu rõ "khai" thì "thị..." ba chữ còn lại đều tại Phật địa. Đây giáo còn chẳng phân Địa tiền thì làm gì có lợi ích phàm phu Tiểu thừa ư!

Trong câu "Nay làm bốn môn giải thích vân vân", thì "vân vân" là: Cần phải dựa theo nêu ngang dọc để giải thích ý, do trình bày ngang dọc dùng luận văn, cho nên trong luận ba giải thích mỗi mỗi theo dọc giải thích. Nay trong mỗi mỗi giải thích câu câu ngang dọc, khiến luận bốn câu cũng thành ngang dọc. Tuy có ngang dọc mà ý tại bất nhị. Tiếp, "Nay giải thích...": là văn nay chính giải thích. Trước, lược đối xưa nay. Tiếp, "Nếu vô lượng...": nêu dụng ý nay. Dẫn văn giải thích thành dùng luận phế lập. Ý đầu: Xưa nay, tương đối, tức rộng trong lược. Đầu nói rộng: Nói ít ý bao hàm. Đã hiển thật rồi, thì phải biết các pháp thảy đều là thật, như nay Thập diệu chính gọi là ở giữa (Trung đạo), chỉ trong danh kia mà nghĩa thì rộng; hiểu rõ văn hiển thật giống như khó dụng, cho nên lại thuận xưa, giữ lại Tứ nhất tức là rất lược. Tiếp, dùng ý nay: Rộng thì tâm trần hạnh pháp nhân lý đều Nhất thật, nơi giải thích môn

thái quá trở thành thông lạm dụng, chỉ có thể quan sát chiếu, cho nên nói "có thể biết". "Nếu làm...": là thuật Thập diệu nay tuy không hiểu rõ câu mà đối nghĩa chẳng phải không có, cho nên trước dẫn kinh đối mười khiến thấy.

Hỏi: Vì sao kinh văn không nương Thập diệu khước từ tạp loạn?

Đáp: Sáu thứ Lý, Trí v.v... kinh đã có thứ lớp, chỉ bốn văn sau tuy tương tự mà trước sau nghĩa đều sâu tột cùng. Vì sao? Vì nếu cảm ứng thì có quyến thuộc, quyến thuộc nhận lấy ngộ thông để phát khởi. Thấy thông, thâu hoạch lợi ích bởi do thuyết pháp. Y Huyền Văn thứ lớp tự là một đường, sáu thứ không thể siêu vượt kinh văn rõ ràng.

Đầu tiên nói "phi tư lượng v.v...": đối "Lý nhất" là Sở tư vậy. "Duy có chư Phật": đối "Trí nhất", là năng tri vậy. "Chỉ vì một đại sự....": Văn nghĩa đã đầy đủ ba, lý cần phải phân biệt, văn tuy đủ ba mà ý lời tại một đại gia sự. "Sự" tức nhân quả, cho nên nói nghĩa tiện, chính là Hạnh nhất. Lại trí năng chiếu cảnh mới đạt cảnh đại, cho nên "Đại gọi là trí, lấy sự làm hạnh". Có hai ý kia: tự hành và hóa tha đều gọi là "sự", nay hóa tha cho nên là đại sự Phật xuất thế. Nên biết: đầu tiên là phân biệt giải thích, dùng phân chữ ở trước để giải thích ý, tiếp là theo nghĩa tiện, dùng tổng giải thích ở trước. Ở trước tuy có hai giải thích, mà tổng giải thích thì dễ thấy, cho nên nay dùng.

Tiếp "Tri kiến...": ý chọn kinh văn từ "Muốn khiến" trở xuống, làm Vị nhất. Trong văn chỉ nói tri kiến. Vì trong mỗi câu kinh văn đều nói "Tri kiến", tức năng tri kiến đã thuộc Trí Hạnh, Sở kiến đế lý đã thuộc Lý nhất. Tuy không phân biệt Tri kiến sâu cạn mà lại dùng Khai v.v..., đối vị đều sai biệt, cho nên thuộc Vị nhất. Tiếp, "Lại chọn kết văn" đối ba pháp Nhất. Lại dùng văn trước xem ý mà nói cho nên nói "Lại" (hựu). "Lại chọn các câu" trở xuống: là nói "xuất hiện", là "Cảm ứng nhất". Bốn câu đều đồng, tùy nghĩa cho nên biệt, đều là cảm ứng. Bốn cái Nhất còn lại thì có thể biết. "Kinh văn...": là ý phế lập, tuy hiểu rõ văn không dùng nghĩa mà lý chẳng phải không, cho nên trong ba còn lại mà dùng lược. Từ "Nếu lược..." trở xuống, là muốn dùng xưa lược, lại luận bỏ chọn phân biệt lược nghĩa, còn số. Trong đó trước lược sau còn. Ban đầu phế bỏ quả lập lý, xưa dùng bốn câu đồng là Quả nhất, tuy dùng quả làm lý danh không biệt rõ nên cần phải phá mà biệt lập lý. Cho nên, y đạo lý, không có lý thì thuộc ma. Đã trong mỗi câu đều nói "Tri kiến", cho nên sở tri kiến lẽ nào chẳng phải Lý nhất. Tiếp, "phế bỏ nhân lập hạnh": Hạnh thì thủy chung, tức là nhân quả. Chỉ điểm Hạnh nhất tức thâu tóm hai nghĩa, tuy phế quả xứng mà chính ở Hạnh

cuối cùng chỉ thêm Lý nhất làm căn bản của Giáo v.v..., khiến lý danh thông thuận với nghĩa của bốn: Khai v.v... Tiếp, "Nhân nhất...": còn hai nhất kia.

Tiếp, chánh giải thích: Trước nêu "Lai ý" nói "Lại theo lược", đối "Thập..." mà nói cho nên gọi là "lược", "Thập...." vẫn còn cho nên gọi là "thả (lại)". "Trước, giải thích Lý nhất" tự làm bốn nghĩa, nay lại làm ba: 1. Liệt kê. 2. Chánh giải thích. 3. "Sở dĩ...": là kết yếu quy tông.

Trong phần Chánh giải thích, đầu tiên căn cứ bốn vị: Tức các bậc đối tượng của Nhãn trí, trong đó phân làm tám để xuất văn tướng.

1. Nêu như văn.

2. "Đế cảnh...": là dùng sở y năng dụng để hiển rõ đối tượng liên quan đồng thuật "Lai ý". Nhưng đây Tứ nhất căn cứ dưới tiêu văn đều có hai hướng: đều từ một bên, tả hữu xen lẫn nhiếp dùng biệt Tứ nhất. Cho nên, bốn tương vọng còn đều đầy đủ bốn, huống chi hai hướng ư! Vì sao? Nếu như sở tri làm lý, thì năng tri thuộc trí, năng thọ theo là Người (Nhân), năng thuyên là giáo, nay văn đầy đủ hai. Vả lại theo lý, cho nên nói Lý nhất. Nay hiển lý đây, lý không riêng hiển mà dùng trí môn quán tam, trải qua các địa vị liên quan cùng mới hiển lý. Chính là đem Nhân (người), Giáo, Hạnh ba thứ, trải qua địa vị dùng lý quán tâm là Người, bốn môn là Giáo, bốn trí là Hạnh. Ba thứ tướng do phá lậu-hoặc nhập vị, dần dần đến lý. Nếu vậy về sau ba tướng thành thì cũng có thể như vậy. Vì vậy nên nay đầu tiên nêu sở y. Đế không có thể tự hiển bày, trí là năng dụng, do thấy lý cho nên nói "mới có thể".

3. "Nhị trí...": là phân chọn năng dụng tiến hay không? Có hai trí, bốn nhãn hay không? Chủng trí Phật nhãn tiến. Tuy thể tương tức mà hiển thù thắng cần phải phân.

4. "Kinh nói...": Căn cứ vị dẫn văn giải thích nguyên do kia. Chúng sinh nghĩa kiêm Phật quả duy nhất tột cùng, cực quả tri kiến khiến chúng sinh liền đắc cho nên khác các kinh trước.

5. "Tam giáo...": căn cứ giáo phán xét ý, xưa nay các sư giải thích Phật tri kiến, căn cứ làm chúng sinh thì lý kia không hiển, tự chẳng phải nay thấy ủy xuất cảnh vi diệu, tâm chúng sinh và Phật đồng một thể không sai khác, xin biết là chúng sinh có tri kiến Phật, cho nên căn cứ giáo phán xét thì lý kia rõ ràng. Trong đó trước xuất người năng tri kiến. "Lại phân đắc...": là nêu rõ chúng sinh "khai", hạn cuộc nơi Sơ trụ thì mới gọi là "khai".

6. "Cho nên ký...": là kết ý, đều là chứng vị Tri kiến Phật.

7. "Như điềm lành...": là nêu sở biểu, sau định tuệ dựa vào mưa

bốn thứ hoa, có thể tiêu biểu đồng quy trải qua bốn vị. Hoa đều tán Phật đến quả bất hư, lại tán đại chúng người thừa vị.

8. "Khai...": chính giải thích, có hai: Đầu, chánh giải thích. Sau, "Nhưng Viên đạo...": là dung thông.

Trong phần đầu "giải thích Khai" có hai: Một, lược đối. Hai, "Vì sao...": là chánh giải thích. Trong đó lại có năm:

1. Nêu chướng của vị, Thông hoặc là Kiến, Tư, Biệt hoặc là vô minh. "Thông Biệt hai hoặc" đồng tại nhất niệm, niệm thể tức thị (đúng), thị thể phi lý. Thị sự phi thị, thị phi nhất như đồng thể làm chướng. Hai hoặc không thể phân cho nên nói "khó có thể liễu tri".

2. "Sơ tâm...": nêu vị dựa vào chướng, trước Tùy hỷ sơ tâm Viên Tín, là danh tự vị, Viên thọ năm phẩm vị, Viên phục sáu căn vị, đem phàm tâm đây tức vì "phục đoạn" cho nên nói "năng". Phục thông tín thọ Tín ắt tại đầu, không đồng người đời sơ tâm tức Phật.

3. "Nội gia...": là nêu gia hạnh trừ chướng, có pháp thí hợp, do hạnh đây nên đắc nhập Sơ trụ. Hợp nói "duyên tu": tức chỉ trước Trụ.

Hỏi: Nếu nhập Sơ trụ mới gọi là "khai", thì phải biết kinh này phàm phu tuyệt phần, vì sao không chấp nhận người khác từ vị cao, vì sao luận văn nói là phàm phu ư?

Đáp: Trong bốn giải thích căn cứ trí căn cứ vị, chỉ Thánh mới khai. Căn cứ quán, căn cứ môn mới thông danh tự, huống chi nói: "Vì khiến cho". Khiến phàm nhập Thánh, lợi ích của kết duyên căn cứ đây có thể biết. Do đó bốn giải thích mới hiển bày ý này: không ngăn ngại địa vị cao, không bỏ phàm phu.

4. Dẫn chứng trừ vị, nói nhập lý nghĩa thông sâu cạn. từ đầu lập xưng cho nên lại nói Trụ.

5. "Trụ nơi...": là kết sở biểu để lập danh.

Tiếp, trong giải thích "Thị" có ba: 1. Nêu phá chướng thì thể hiển. 2. Nêu hiển thể đầy đủ đức. 3. Kết vị danh.

Căn cứ nghĩa cũng phải như nhập Thập trụ. 1. Văn lược. 2. Đã nhập vô công dụng đạo, dưới... cũng như vậy.

Tiếp, trong giải thích "Ngộ" có bốn: 1. Nêu chướng trừ hạnh thành. 2. "Sự lý...": nêu thể đức thu khắp. 3. Dẫn chứng. 4. Kết danh.

Tiếp, trong giải thích "Nhập" có năm: 1. Lược không có chướng trừ căn cứ trên hợp có, chỉ hợp với văn trước, cho nên chỉ nói "thể". 2. "Tự tại...": là tán thán thể đức. 3. "Tự tại lưu nhập..." là tán Hạnh mãn. 4. Dẫn chứng. 5. Kết vị.

Trong giải thích "Ngộ, Nhập" đều dẫn "Nhiếp Đại Thừa" tức

mượn Biệt thành Viên, cho nên trong giải thích Ngộ nói “Lý Lượng bất nhị” trong giải thích “Nhập” nói “Lý Lượng tự tại”. Nên biết trong Biệt không có việc đây. Nếu vậy thì trước trong giải thích Trụ, dẫn kinh Nhân Vương nói: “Nhập lý gọi là Trụ”, căn cứ lệ nhờ Biệt, cũng có thể Thập trụ như lý, Thập hạnh như Lượng. Lượng tức Lý, cho nên gọi là Trụ. Lý tức Lượng, cho nên gọi là Hạnh. “Dung thông”: Vì nhờ biệt nên phải dung thông, trong đó chia làm bốn: 1. Chánh dung thông, tức không còn sâu cạn. 2. “Chỉ như lý...”: là nêu rõ nguyên do sâu cạn. 3. Trong dẫn chứng thì trước dẫn, sau giải thích. 4. Trong nêu Thí có khai có hợp. Trước trong “Khai” nói “sóc vọng” (rằm mồng một): “Sóc” là minh, nghĩa là ngày đầu tháng, “vọng” nghĩa là tương vọng tức viên mãn thời, nhật nguyệt tương vọng. Nguyệt (trăng) chẳng phải sóc vọng mà dựa vào sóc vọng thì trăng có tròn có khuyết, hợp văn có thể thấy. Nói “vân vân”: là nên dẫn Đại kinh Nguyệt Ái Dụ.

Tiếp trong “Căn cứ bốn trí”, đầu tiên biện sai khác, chỉ là trí Viên vị năng khế hợp. Nói “Bất như”: là không đồng, lược giản khác ở khắp. Trong Bát-nhã kia thông Tam giáo, cho nên gọi là “Thông”, nay không y đó, chỉ có nhất Viên đạo, cho nên nói “bất như”, chữ “như” cùng chung gọi. Tiếp chánh giải thích: Trước trong Căn cứ vị đã lược nêu hành tướng. Trong đây nêu lại lần nữa chỉ là trực tiếp thuật mà thôi! Có giải thích, có kết. Trong Thích có hai: 1. Chánh giải thích. 2. “Lại đạo tuệ...”: là lần nữa lại dùng ý của Nhiếp Đại Thừa luận để giải thích, có thể thấy. Đầu văn nói “tuệ nhân trí quả” đều thông tổng biệt, trên nhân quả đều thêm “chủng” cho nên được biệt danh, đều thêm “nhất thiết” cho nên thọ danh xưng “quả”. Đầu tiên nói “đạo”: Cho nên thọ danh xưng “nhân”, tuệ cùng trí nhất vãng lại rõ ràng. Nếu y theo các kinh thì chưa hẳn hoàn toàn như vậy, đầy đủ như Chỉ Quán quyển ba nói. Tiếp “Đây cũng...”: là tổng kết ý văn cũng là dung thông. Nói “kết ý”: Đã thuộc Viên trí, cho nên Lý Lượng tương tức, chẳng phải nhân quả tổng biệt mà nhân quả tổng biệt. Văn trước tuy có nói “Như lý v.v...” mà chẳng phải ý chánh văn. Nay giải thích bốn trí chánh nên dùng đó, chỉ cần dung thông thôi! Như số lượng cảnh Tục đế kia, Như đối với thật lý khế hợp kia; đều gọi là “Như”, tức đều xứng cảnh. Nhưng mỗi một vị đều đầy đủ Nhị trí, Bất nhị, song nhập. Vả lại nương bốn vị, bốn danh thì tiện. Không biệt mà biệt, trước sau lý đồng.

Tiếp, “Căn cứ môn”: Môn đã là giáo, lý nên trước liệt kê. Nay tại đây tức đều có ý kia. Nếu chuyên giải thích bốn thứ này, thì trước là Giáo, tiếp là Quán, sau mới Trí Vị. Trong đây giải thích lý, bốn đều

là năng thuyên. Ở trong bốn pháp, thân cận thì liệt kê trước đầy đủ như văn dưới nghịch thuận sinh khởi. Do thân cận trước, cho nên trước là Vị, Trí , tiếp là đến Giáo, Quán. Trong Vị, Trí thì Vị làm đối tượng liên quan, Trí làm năng chứng, thì đối tượng là gần, năng chứng là xa, cho nên trước là Vị , tiếp là Trí. Trong Giáo Quán, chẳng phải Giáo không là Quán, cho nên Giáo trước Quán sau. Trong đó, cũng trước là Chánh giải thích, tiếp là Dung thông. Đầu tiên nói "hoành"(theo chiều ngang): Sơ tâm giáo pháp sở bẩm (thọ theo) đầy đủ bốn, do pháp tương vọng không còn ưu liệt, cho nên gọi là "ngang". Nên biết Vị, Trí phần nhiều căn cứ "thụ"(theo chiều dọc). Căn cứ Quán mới thành phi dọc phi ngang, thông luận đều là căn cứ phi ngang dọc. Do luận ngang dọc nên Quán môn cũng có sâu cạn. Giáo tứ tương vọng tương tợ cũng là sâu cạn. Trong đây, phần đầu là giải thích, phần tiếp "Năng thông...": là dùng lý nhiếp giáo, nhiếp tức dung, cho nên trong mỗi môn đều thông Trí Vị. Từ cạn đến sâu, vì trải qua hữu v.v... đều thông nơi quán để đến trú, cho nên môn thành ngang. Tuy đối Khai v.v... chỉ nêu Hữu v.v..., nghĩa đồng khai v.v..., chẳng đối sâu cạn căn cứ Vị khai v.v... Lại trong mỗi một môn đều nói: "Nhất thiết", Bản hiển xen nhau thông xen lẫn đầy đủ. Vẫn e rằng không hiểu rõ, cho nên dưới lại dùng lý tánh dung.

Tiếp, "Căn cứ Quán tâm giải thích": Lại nói Đại lược để hiểu rõ Khai... Ủy luận quán pháp đầy đủ như Chỉ Quán. Quán vốn không chướng không cần dung thông, do đó ba giải thích ở trước đầu tiên không thuật lý, cho nên mỗi mỗi giải thích văn sau dung thông, đều là phụ lý, lý là chánh ý văn nghĩa. Quán thân cận dựa vào lý, cho nên đầu tiên luận lý tam đế. "Đó là...": là kết quy, kết tam quán để quy về Khai... Tiếp, "Sở dĩ...": là nghịch thuận sinh khởi: Đầu tiên, nêu sở do nơi năng. Tiếp, nêu năng hiển nơi sở. Tóm lại mà nói, tóm bốn giải thích để quy về lý hai. Đã biết bốn giải thích đều giải thích Khai v.v..., nên biết Khai v.v.. mỗi mỗi có bốn lớp, huống chi bốn văn thân sơ, lẫn nhiếp năng sở ánh hiển, đây chính là Giáo, Hạnh, Nhân ba thứ nhờ Lý để biện rõ. Lý đã như vậy, ba thứ còn lại theo lệ như vậy. Cho nên biết nay giống như mượn luận văn mà thầm hợp ý chỉ của luận. "Xưa phương tiện giáo...": Biệt Sơ địa trở đi dùng phân bốn nghĩa: tức là Sơ địa là "Khai", từ Nhị đến Lục là "Thị", từ Thất đến Bát là "Ngộ", Thập là Nhập. Mà Đối địa tiền chẳng phải tri kiến Phật, cho nên biệt tri kiến không thể tức vì chúng sinh khai. Đã y theo nghĩa Biệt cũng có thể Thông dùng Tam hiền Thập địa thứ lớp đối với nó. Hoặc là căn cứ sư xưa như trước các giải thích phán bốn hằng sa sau trong tám hằng sa, cho nên Biệt tri kiến,

Tín phải trải qua nhiều kiếp số có thể đạt đến. Thông giáo Kiến địa là Khai, Bạc địa là Thị, ly dục là Ngộ, đã làm xong là Nhập. Trong Tam tạng giáo, nếu căn cứ Nhị thừa thì chuẩn theo Thông giáo nói. Nếu căn cứ Bồ-tát, thì Sơ kỳ là Khai, kỳ thứ hai là Thị, thứ ba là Ngộ, trăm kiếp là Nhập. Nếu kiêm Thánh vị thì dùng trăm kiếp thứ ba làm Ngộ, tam thập tứ tâm đoạn kết làm Nhập. Hai giáo này từ đầu đến cuối không nêu rõ Phật tri kiến. Vì đương giáo không thể nói. Cho nên nói: Không có và không thể đem bốn bậc của Bà-sa, ba của Bát-nhã, thứ lớp của Anh Lạc để hiểu được Pháp Hoa Tri kiến Phật. Cho nên biết tri kiến với các tên Khai, Thị v.v..., tên có thể thông dụng mà một chữ "Phật" chỉ hạn cuộc ở kinh này. Nếu kia muốn dùng nghĩa Phật thông dụng, thì dùng đương giáo phát tâm đều cầu đương giáo Phật quả, cho nên khiến Khai... cũng được gọi là "Phật", mà cần chọn bộ chọn giáo mà thôi .

Trong phần "Giải thích Nhân (người) nhất", nói "Chỉ giáo hóa Bồ-tát" là căn cứ ý Phật mà nói. "Cùng tử tự nhận mình là khách" là chuẩn theo thứ lớp mà luận. Nay từ Khai mà nói, cho nên gọi là "Nhân nhất". Giáo, Hạnh căn cứ đây có thể biết. Trong "Hạnh nhất" , ngài Quang Trạch coi đó là Giáo nhất, tức căn cứ nay phân biệt văn cùng Quang Trạch không đồng, chẳng lập danh. Quang Trạch lập danh thì phần nhiều đồng các Sư xưa. Vì Viên cho nên nhiều tức là một sự, sở tác gọi là nhiều, một là sở vi. Một chỉ là Viên, tức là nhiều của một nhà, nhiều không gì không là một. "Cũng có thể...": là hai hướng giải thích. Căn cứ giáo chủ, thì dùng sáu chữ "chư hữu sở tác thường vi" để nêu rõ ý nói. Ý tại sở vi cho nên nói "một", sự của một nhà cho nên nói "sự". Vẫn lấy sở tác làm sự, cho nên nói "giáo hóa". "Nếu căn cứ hạnh...": lại căn cứ hạnh giải thích, chuẩn theo ý đầu tiên ở trước. Nếu căn cứ văn trước thì đã dùng Trí làm Hạnh, đến nay giải thích Hạnh thì lẽ ra chỉ đủ bốn trí. Nếu không vậy thì dùng Hạnh ấy làm, Giáo chỉ bốn môn đây cũng như vậy, người năng lãnh thọ lại tu quán trước. Hai nghĩa dưới theo đây, giải thích lý liệt kê đủ bởi do đây. "Nhưng bốn câu...": nay mỗi mỗi hai hướng giải thích. Nếu luận nghĩa thì có hai hướng, lại y văn nay, xưa cũng không ngăn ngại. Căn cứ xu thế của kinh văn thì sở quy cần phải y giải thích này. Văn thế tuy vậy, nếu dùng thì nghĩa kiêm thì đều đầy đủ bốn nghĩa. Từ "Chỉ dùng một Phật thừa...": là giải thích Giáo nhất, trong đó trước là Chánh nêu Giáo nhất. Tiếp, "Từ Biệt giáo...": là nêu "sở vô" trong Giáo nhất. Trước là chánh giải thích. Tiếp là phá ba sư. Trong phá, ngài Quang Trạch cũng còn biết không có bốn cấp Bồ-tát, nhưng Quang Trạch chỉ xưa không nêu rõ, cho nên Huyền Văn có phá.

Đây nói thiên về Hạnh còn bao quát thông biệt, chỉ do Quang Trạch cũng còn không nói thông thừa là Quyền cho nên cần phải phá, huống chi nay lại dùng Bồ-tát mà làm thứ ba. Sư thứ hai giống như Quang Trạch, cũng biết phế bỏ thiên Bồ-tát, chỉ liệt kê ba danh đối với ngài Quang Trạch, điên đảo sai khác đó thôi! "Nếu làm...": là thông phá hai sư cũng chỉ thành phá Tam tạng Bồ-tát, chưa liên quan đến Thông, Biệt cho nên chưa hoàn toàn đúng. Sư thứ ba đồng với Gia Tường, Gia Tường còn vậy, cho nên đều không biết tam thừa cộng vị và Anh Lạc... thứ lớp hành, là phương tiện Bồ-tát. Nếu không vậy, vì sao Đại Anh Lạc quyển thứ chín nói: Tuệ phẩm trong ba đạo phẩm. Tuệ Nhãn Bồ-tát hỏi Phật rằng: "Thế nào là tam thừa? Phật dạy: Bồ-tát thừa, lại có ba thứ: gọi là Bồ-tát Đại thừa, Bồ-tát Bích-chi-phật, Bồ-tát Thanh-văn. Bích-chi-phật cũng có ba: gọi là Bích-chi-phật Đại thừa, Bích-chi-phật Bích-chi-phật, Bích-chi-phật Thanh-văn. Thanh văn cũng có ba: Thanh-văn Đại thừa, Thanh-văn Bích-chi-phật, Thanh-văn Thanh-văn. Cho nên biết Bồ-tát có ba hạng, là Biệt Bồ-tát. Như trong Đại kinh giải thích biệt năm vị, cũng dựa vào Tam thừa mà phân biệt Bồ-tát vị. Bích-chi-phật có ba là Thông tam thừa. Thanh văn có ba là Tam tạng tam thừa. Lại quyển thứ tám nói: Tuệ Nhãn Bồ-tát nói: Lại có định ý tên là Vô tận môn, siêu vượt Tam thừa thành Bồ-tát hiệu. Đã siêu vượt Tam thừa chính là siêu vượt ba thứ Tam thừa trước, không thể riêng nói siêu vượt thừa thứ ba. Kinh lại không nói siêu Nhị, Tam thừa, lẽ nào chẳng phải Viên giáo Bồ-tát thừa ư?

"Nếu vậy...": là trong phá có bốn: 1. Phá Tam tạng Bồ-tát còn lại, còn tồn tại Tam tạng ắt tồn tại Thông Biệt. 2. "Nơi nào...": là phá liệt danh. 3. "Nếu y...": là ví phỏng hỏi. 4. "Nếu như...": là kết vấn nạn. "Nay nói...": là trong chánh giải thích không có các thừa khác... Đã nói không có các thừa khác lại nói hoặc hai hoặc ba. Nên biết ngoài ra không có các thừa khác lại không có hai, ba. Nói "các thừa khác": Là chỉ Biệt giáo thừa trong Hoa Nghiêm. Đã biết ba vị thì có thể biết Lộc-uyển, tức đồng Tiểu thừa trong sở đối của Phương-đẳng. Cho nên trong văn nay chỉ so sánh xuất Lộc uyển. Cho nên nói huống chi Tam tạng tam! Nếu không làm giải thích như đây thì làm sao có thể hiển bày sự vi diệu của kinh bộ này khác với các kinh khác? Các chỗ khác đã không dùng giáo bộ để giải thích kinh, cho nên biết giáo bộ diệu nghĩa khó hiển bày.

"Chương tam thế Phật đều nêu Giáo nhất, Hạnh nhất": Trong văn đều nói "Pháp ấy đều là nhất Phật thừa", nên là văn nói Giáo nhất.

"Các chúng sinh ấy...": tức văn nói Hạnh nhất. "Sau tổng luận...": cuối chương Tam Thế Phật tổng nói: Xá-lợi-phất! Chư Phật ấy chỉ giáo hóa Bồ-tát là Nhân nhất. "Muốn dùng..." là Lý nhất. Ở chương tam thế, sau gọi là tổng. Nếu đương chương..., thì chúng sinh tức Nhân nhất, "Chủng trí sở tri tức Lý nhất", nhưng căn cứ chúng sinh chủng trí thì mới gọi là Hạnh nhất. Cho nên đây đều nêu rõ không đề cập đến dưới hợp. Lại trong chương chư Phật văn đã nói đầy đủ, vì tránh văn rườm rà, cho nên trong ba đời (tam thế) thì hai riêng biệt hai bao hàm. Kinh Anh Lạc quyển mười ba nói "chín đời", e rằng lầm, tại văn nói mười một. Kinh kia Tịnh Cư Thiên tử hỏi Phật: Nay có quá khứ chư Phật và mười phương Phật, con cũng không nghi, vì sao có chư Phật vị lai! Phật dạy: Ông vì hỏi ba đời quá khứ hay là hỏi ba đời vị lai, ba đời hiện tại? Thiên tử thưa: Con không hỏi quá khứ hiện tại, chỉ hỏi vị lai. Phật dạy: Có hai nhân duyên có vị lai Phật. 1. Chư Phật quá khứ dùng tâm từ bi nhập vào đời vị lai. 2. Bồ-tát vị lai thành Phật. Nay văn y lời đức Phật kia đáp Thiên Tử, thảy đều là đời hiện tại và trước sau đối nhau tự có ba đời, cho nên Phật dùng ba thứ ba đời để hỏi Thiên Tử. Cho nên biết tức có nghĩa chín đời. Nếu Kinh Hoa Nghiêm lại thêm câu "ba đời thuyết bình đẳng" thì hợp làm mười câu.

Hỏi: Hoa Nghiêm vì sao lại nói bình đẳng?

Đáp: 1. Hoa Nghiêm pháp tướng đến mười, khiến số viên (tròn). 2. Muốn nêu ba đời thì khó nghĩ bàn, muốn khiến lý đầy đủ cho nên cần phải mười.

Lại nữa, Hoa Nghiêm nêu chẳng những chín đời cho đến dùng bình đẳng mà nói mười thứ ba đời, cho nên biết trên nói chín mỗi mỗi ba đời, do kia muốn nêu rõ chín, ba chỉ là chín đời, chín đời chỉ là ba đời, ba đời chỉ là một sát-na, sát-na sát-na đều tận quá khứ vị lai. Đây chính là ngắn dài thu nhiếp vào nhau, nay chưa luận việc đó. Lại căn cứ ba đời chín đời hướng về nhau để luận vì dẫn đồng. Cho nên, ba đời nếu đồng tức mười phương đồng, thì trần sát đều đồng. Người đọc chỉ nói "sát thuyết chúng sinh thuyết" mà không suy nghĩ: "Nếu sát và chúng sinh đều là năng thuyết, thì sở bị (đối tượng được gia bị) là ai?". Bởi do không nghĩ "tánh của sát và chúng sinh", nếu hiểu được ý này, thì kia đây xen nhau hiển rõ. "Hai thì chỉ trên, hai thì chỉ dưới": Chương Ngũ Phật môn đều đủ sáu, trong chương tổng Phật chỉ có bốn, thiếu hai cái thứ năm thứ sáu, trong chương Thích-ca chỉ thiếu thứ nhất. Trung gian tam thế Phật chỉ đều có hai. Hai chỉ tổng Phật tức hai ý đầu, hai chỉ Thích-ca tức hai ý sau. Nhưng chương tam thế hiển thật đều nói "pháp

đó”, và chương Thích-ca hai chữ “như đây”, đều chỉ Quyền là Thật, cho nên gọi là “hiển thật”. Vì sao? Vì xưa thiết lập Quyền mà còn không có tên “Quyền” huống chi có thật. Cho nên nay khai Quyền, Quyền tức là Thật, nên nói “Pháp đó đều là Phật thừa”. Vì thế, biết rằng thuật lại thiết lập Quyền kia, ý tại Khai. Chương quá khứ Phật trong đó hiển thật. Nói “Kiêm đắc Nhân nhất” cũng nên kiêm Lý, dùng chữ “kiêm” ở trên xuyên suốt ở dưới. Do kiêm nên chẳng phải chánh, cho nên văn trên nói không cùng với tổng văn hiển bày. Vị lai hiện tại cũng như vậy. Chương hiện tại Phật từ đầu tức là khai Quyền hiển Thật.

Kinh: “Xá-lợi-phất! Các đức Phật đó...” tức đương tổng văn, cho nên trong giải thích ở trước nói: “Chương tam thế Phật đều nêu Giáo, Hạnh, sau tổng nêu Nhân, Lý”. Căn cứ đây, nên trước khai chương nói: Đầu biệt sau tổng. Sở dĩ không trước khai là dưới trong tổng văn đã không tổng khai Quyền chỉ có một văn hiển Thật, nên đối ba đời đều có Quyền Thật, tổng biệt bất tiện. Cho nên hợp trong chương Phật hiện tại cộng thành văn đầy đủ, cho nên nói: “văn đầy đủ”. Nếu vậy, thì sao không chỉ hợp biên soạn trong chương hiện tại Phật làm “văn tứ Nhất” mà dùng làm tổng ư? Do đầu kinh văn tự nói: “Xá-lợi-phất! Chư Phật đó...”, cho nên biết là tổng.

Kinh: “Biết rõ các chúng sinh... sức phương tiện mà vì đó nói pháp”, tức cảm ứng đối nhau. “Biết chúng sinh...” là cảm, “chủng chủng nhân duyên...” là ứng. Kinh nói “Chủng chủng dục (những điều ưa muốn)...”: Chỉ các chúng sinh quá khứ hiện tại vị lai căn, dục, tánh ba thứ là cảm Phật cơ. Trong kinh chỉ có dục tánh hai thứ, nếu có hai thứ đây ắt có căn cho nên thêm căn đối giải thích. “Thâm tâm sở trước” tức là căn, do chủng tử đời trước khó chuyển, tùy huân tập không bỏ, nên gọi là “sở trước”, tại phương tiện giáo cho nên tập gọi là “trước”. Vì sao? Vì căn lấy năng sinh làm nghĩa, do quá khứ huân tập chủng tử thành hiện dục, dục lấy chấp cảnh làm năng, do năng chấp nơi ngũ thừa giáo, cho nên tập dục thành tánh. Tánh đối với dục, thì tánh gọi là vị lai, vị lai đối với nay thì gọi là bản tánh. Trên đã nói đến thiết lập quyền, căn cứ lý trước nêu ẩn Thật là Quyền tức là sở khai. Vì đã nêu rõ khai, tức biết từng thiết lập đều là chân thật, chỉ sợ không hiểu ý thiết lập cho nên trước nêu rõ ý kia.

Tiếp, giải thích “Năm trược”, nên đầu văn nói “Chỉ là năm trược...”, “cho nên nói chỉ một Phật thừa...”, “còn không đới hai...”, là muốn nêu thiết lập Quyền thì trước dùng Thật để so sánh. Nay trong nhất Thật còn không có Bát-nhã “đới hai”, Phương-đẳng “đới ba”, huống chi

có Lộc uyển “riêng ba riêng năm”, dù thêm Nhân thiên vẫn thuộc Lộc-uyển. Có người nói: Riêng năm là Tam tạng, riêng ba là Thông giáo, đây không đúng lý, Thông không biệt bộ. Đã trong tại Bát-nhã Phương-đẳng nêu rõ. Có bản sớ nói: “Không hai”: là không có hai thứ: Biệt giáo và Biệt nhập Thông. “Không ba”: là không có ba thứ: Thông giáo và Biệt Viên nhập Thông. Văn sau tự có giải thích điều này, không cần để ở đây. Nay tạm y đây. Nếu không có văn dưới thì giải thích này không ngăn ngại. Biệt, Viên nhập Thông cũng trong tại Phương-đẳng Bát-nhã nêu rõ, chỉ duyên với kia mà có Thông Biệt, cho nên có văn nói tương nhập. Nhưng riêng luận thì cùng với tương nhập đều có chút sai khác, cho nên không y đây. “Như thị: là nêu Thể tướng”: Thể và tướng của Trược không thể nêu ra đầy đủ, chỉ lược nói “như thị”. Kinh tuy không nói đủ mà Sớ văn lược thuật, trong đó trước là nêu thể kia, cho nên nói: “Kiếp trược không có biệt thể...”, lại chỉ giải thích văn cùng làm thể tướng, là văn được dẫn ở dưới. Nói “xan tham...” tức Kiến, Tu hai trược, lại nói “bất thiện” thì chung cho Kiến và Tu, chỉ có “Mạng trược” thì kinh văn không giải thích. Đã có ba thứ: Chúng sinh, v.v.. thì Mạng ắt có. “Kiếp” là thời gian dài... đến tám mươi. Kiếp là thời. Các giải thích rất rộng ở đây chẳng cần, cho nên chỉ lược luận. Nói “thời ngắn”: Như trong Câu-xá lập ba cực ít (thiểu), nghĩa là sắc, danh, thời. Sắc cực thiểu tức là cực vi. Luận nói cực vi vi kim thủy thỏ dê trâu khích trần, rận chí lúa mạch lóng tay, sau tăng lên gấp bảy lần, hai mươi bốn lóng tay bằng một khủyu tay, bốn khủyu tay làm một cung, năm trăm cung thì bằng một câu-lô-xá, tám Câu-lô-xá thì bằng một Du-thiện-na. Gọi là “cực thiểu”, tức là một chữ. Luận nói: Một chữ (nhất tự) là danh, là danh cực thiểu; hai chữ là danh, cũng gọi là danh thân; ba chữ trở lên là đa danh thân; bốn chữ là một câu, bốn câu là một kệ... Thời rất ngắn (cực thiểu) tức một sát-na. Luận nói: Một trăm hai mươi sát-na là một Đát-sát-na, sáu mươi Đát-sát-na là một Lạp-phạ, ba mươi Lạp-phạ là một Tu-du, ba mươi Tu-du là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. “Chúng sinh trược đến giả danh”: kiến mạn là nhân, quả báo là quả. Do kiến mạn nên chiêu cảm quả sinh tử, lôi kéo nhân thành quả. Cho nên nói “lôi kéo kiến mạn...”. Trên Quả lại khởi hai trược Kiến Mạn, kiến mạn chỉ là lược nêu thể của hai đạo Kiến, Tu.

Tiếp, “Giải thích tướng của năm trược”: Trước giải thích “tướng Kiếp trược”, nói “Bốn trược...”: Không, thành, hoại ba thứ mà không có Kiếp trược. Ở trong kiếp Trụ, căn cứ kinh Bi Hoa nói: tám vạn đến ba vạn năm cũng chưa có trược, đến hai vạn năm thì bắt đầu có năm

trược. Rộng nêu nghĩa kiếp, thì nông cạn dễ biết. Rút trong văn kinh luận không phiền chép đủ chỉ cần biết thế. Bốn trược tăng tụ, cho nên tiểu kiếp gọi là trược, đây là tổng nêu. Do bốn trược tụ, cho nên tiểu tam tai khởi. Tiếp, "Sân nhuế...": nêu rõ nguyên do tiểu tai, do phiền não mạnh. Tiếp, "Tam tai khởi...": là nêu do tiểu tam tai nên bốn trược tăng, "phiền não gấp bội" là nêu rõ do Kiếp trược nên phiền não hưng thịnh. Tiếp, "Các kiến...": là do Phiền não, Kiếp, cho nên Kiến trược xí thạnh. Tiếp, "Thô xấu...": là nêu do ba trược trước cho nên Chúng sinh trược, thô tệ sắc tâm ác ngũ ấm, lôi kéo ác ấm này thành chúng sinh ác. Chúng sinh là giả danh, cho nên nói "ác danh uế xứng". Tiêu biểu tính chất, chỉ bày đức gọi là "danh", ảnh hưởng sự tốt đẹp ngoại hình gọi là "xứng". Nay lôi kéo thô ác làm chất ác ảnh hưởng bên ngoài, cho nên chỉ tiêu biểu "ác danh uế xứng". Khiến năm tháng ngắn lại do bốn trược cho nên Mạng trược, tích tụ năm thành thọ, năm suy thì thọ giảm. Tuổi và thọ bức bách nhau, cho nên gọi là Mạng trược. "Các trược...": là tổng kết. "Như nước...": là nêu thí dụ. Do bôn (vội vã) cho nên hôn muội chỉ là trược, tức tổng thí dụ Kiếp trược. Vì Kiếp bị trược cho nên có bốn thứ còn lại cũng trược. Cho nên dùng "gió" để thí dụ bốn trược còn lại. "Sóng gió (Phong ba)...": dùng dụ kiến mạn. "Ngư long (cá rồng)": Dùng dụ chúng sinh. "Không thể nương cậy": là chúng sinh bất an, chính là "tướng trược". Do ba trược nên khiến mạng ngắn ngủi, như do phong cổ (trống gió) khiến nước vội mê, rồng cá không an vui. "Thời khiến như vậy": lại dùng Kiếp trược để kết, "Như kiếp sơ..." lại xuất ra bốn trược tại thời Kiếp trược, cũng là do có trược. Tuy lại bốn trược đồng tại thời trược mà bốn cùng thời trược lại xen lẫn tướng trược.

"Quang Âm...": Lại nương hỏa hậu. Hỏa tai chỉ hoại. Sơ thiền cho nên ở thời sơ thành. "Trời này bắt đầu....", tức là Trời bắt đầu của Nhị thiền nên bắt đầu xuống nhân gian, thân có ánh sáng, còn có thể bay đi. Không có nam, nữ căn, không có ăn nuốt như vậy cho đến rừng cây đất đai da thịt, đến gạo lúa..,. nam nữ căn sinh, đầy đủ như trong A-nê-lâu- đà nói, luận Câu-xá ở chương Kiếp nêu rõ. Địa tức là ác duyên, từ duyên mà nói, cho nên nói khiến như vậy. "Như Đao-lợi...": Cũng là nêu theo lệ, lại hiển đất sinh dục ác. Đế-thích ngoại thành có bốn vườn uyển, nghĩa là các xe thô tạp hỷ, chư thiên muốn đấu tranh thì từ vườn thô ráp xuất hiện các dụng cụ chiến đấu, cần xe thì xuất hiện vườn xe. Nếu vườn hoan hỷ nhập vào trong thì sinh hỷ, Dục giới sinh dục cũng lại như vậy.

Tiếp, "Phiền não...": Lại ở trong tổng dùng biện rõ bốn biệt: Trước

nêu phiền não, liệt kê đủ năm độn (ngũ độn sử) mỗi đều nêu một dụ có thể tư duy biết. “Hủy” (Rắn độc) nên dùng chữ bên dưới . Chữ “Nạo”: sách thuyết Văn nói “nạo” là quấy nhiễu. Tiếp, “Kiến trược...”: Là giải thích kiến trược, chỉ riêng nêu hai kiến, còn lại y mười sáu tri kiến như kinh Đại Phẩm nói: Hai kiến nhiếp trọn các kiến, huống chi mười sáu và sáu mươi hai! Không có người mà cho rằng có người, là Thân kiến. Có đạo mà cho rằng vô đạo, là Tà kiến. Lại, nên ngược lại câu này, nói: Vô đạo mà cho rằng hữu đạo là Giới thủ. Sở thông chẳng thù thắng, tức Kiến thủ. Thiên chấp hữu vô, tức Biên kiến. “Mười sáu tri kiến”: đầy đủ như trong sách Pháp Giới Thứ Đệ. Sáu mươi hai kiến có ba thứ không đồng. Nếu làm tam thế (ba đời) ngũ ấm thì đều chấp bốn câu, nghĩa là: Quá khứ như khứ..., Hiện tại thường vô thường..., Vị lai biên vô biên, và hai kiến Đoạn và thường làm sáu mươi hai kiến chỉ là hai kiến Hữu, Vô, thuộc Biên kiến Tà kiến sở nhiếp. Nếu sắc đại ngã tiểu... bốn thứ, thì dùng bốn trải qua năm ấm và ba đời thành sáu mươi và Hữu Vô hai thứ. Đây chỉ là Thân kiến Biên kiến sở nhiếp. Nếu Bản kiếp Bản kiến... sáu mươi hai, thì thuộc về đoạn, thường, biên, tà, giới thủ... Nếu làm ngũ ấm thì đều chấp ngã sở. Mỗi một ngã sở đều có ba: là Anh-lạc (chuỗi ngọc), đồng bộc (tôi tớ), quật trạch (hang nhà) trải qua bốn ấm thành mười hai và ngã mười ba, ngũ ấm hỗ luận tức sáu mươi lăm. Đây chỉ tại ngã và do ngã sở. Như trong luận Bà-sa, Sử-kiền-độ nêu mười hai nhập mười tám giới, mỗi thứ có sáu mươi lăm, cho đến Vô sắc cũng như vậy; trong Vô sắc giới chỉ tùy nghĩa giảm sắc. Tổng các kiến đây khắp nhất thiết xứ và nhất thiết pháp, cho nên nói “la võng” và “trù lâm” (lưới giăng và rừng rậm).

Tiếp, trong “Chúng sinh trược” có hai: Giải thích và kết. Trong giải thích hai lớp pháp, thí. Hai lớp pháp nghĩa là: Trước, nêu giả danh. Tiếp, nêu lưu chuyển. Trong thí dụ có hai xứ đều thí dụ giả danh, bởi vì hai xứ pháp đều giả danh. Tiếp, trong “Mạng trược” có ba: Pháp, Thí, Hợp. Thứ lớp: Sinh khởi trước sau. Trong phần “Liệu giản”, đầu tiên hỏi: nay văn giả thiết kinh này do trược cho nên không được nói Đại, lại trước thiết lập Tiểu tức trược chỉ có chướng Đại. Nếu chướng Đại thì thời thuyết kinh Hoa Nghiêm, vì sao không chướng? Nhưng trong năm trược thì Kiếp trược tự thuộc thời, không thể khiến Phật không sinh giảm kiếp. Nếu sinh giảm kiếp, thì Đại tiểu không chướng, mạng tùy pháp báo cũng không thể trừ, Phật cũng thị hiện chúng sinh thọ mạng ngắn. Chỉ phiền não kiến gọi là “chưa trừ trược”. Như trong Hoa Nghiêm cho có phàm chúng nghe kinh Hoa Nghiêm. Vì vậy nên năm trược không

chướng Đại. Đã không chướng Đại thì tại sao không bắt đầu Tiệm liền nói Phật thừa, mà thiết lập Tiểu thừa ? Đáp: Bốn câu phân biệt: Dùng căn đối cõi thì chướng đều không chướng, chỉ vì khinh trọng không đồng, dùng cõi đối căn lợi độn để thành bốn câu. Một câu đầu dùng đáp Hoa Nghiêm, một câu sau đáp bắt đầu Tiệm không thuyết ý Đại thừa, hai câu giữa nêu cõi sai biệt, tức đầu cuối đều không chướng Đại, chỉ do lợi độn đầu cuối không đồng. Căn độn chướng nặng, nên ban đầu thuyết Tiểu thừa. Nói trược năng chướng, cho nên căn cứ bốn câu đều không chướng Đại, cho nên hỏi chướng Đại là một phen nói đó thôi.

Hỏi: Ngũ trược chướng Tiểu thừa không? Đã không chướng Đại, là chướng Tiểu phải không? Văn trước tuy nói Tiểu mà năng trị trược, cho nên không chướng Tiểu. Đối bốn câu trước đều không chướng Đại. Vậy thì Đại Tiểu hết thảy đều không chướng, tại sao năm trược được gọi là chướng? Cho nên đối Tiểu, lại hỏi: Nếu chướng Tiểu thì lẽ ra tất cả không nghe, nếu không chướng thì phải tất cả đều nghe, vì sao sơ chuyển chỉ là năm người ư?

Đáp: Trong đó cũng khai bốn câu, đến câu thứ tư mới gọi là chướng. Chỉ là đối căn, căn độn thành chướng. Xưa chấp thẳng nói: "Năm trược đều chướng Đại tiểu", lý kia rất sai trái. Cho nên đầu tiên vì năm người và Thân-tử... thuộc câu đầu, nay nêu Ương-quật-bàn-đặc làm hai câu, thì tất cả Thanh-văn trừ hai thứ này theo lệ, đều thuộc thượng căn.

Hỏi: Trước, câu thứ tư dùng Thân-tử làm ngăn nặng, vì sao trong đây dùng Thân-tử làm ngăn nhẹ?

Đáp: Đối với Đại cho nên nói là nặng, đối với Tiểu cho nên nói là nhẹ.

Hỏi: Tự có... bốn câu đầu trả lời hỏi Hoa Nghiêm. Nhân đáp nêu Thân-tử nghe kinh Pháp Hoa. Bốn câu sau chỉ có nghĩa Tiểu thừa đang nơi Lộc-uyển, vì muốn phân biệt nêu xuất các bộ Đại thừa. Vì vậy nên hỏi: Hai xứ không nhiếp, vì căn lợi độn, hay vì chướng không chướng?

Đáp: Trong đáp, nói: Đây căn cứ bốn giáo, do trong Phương-đẳng, Bát-nhã nghe Đại tiểu. Đã ở thời kia, người đó không thể đắc nhập, đợi đến hai tô; hướng về trước làm độn, chỉ do đợi thời gọi là "độn" mà thôi! Hướng về trước tuy độn, mà ở đây đắc nhập, tự phán xét là lợi độn. Ở trong bốn môn vì các môn sau trội hơn các môn trước. Cho nên, trong bốn môn thì dùng môn thứ tư dời đổi biên soạn lại phần trước là muốn đối bốn căn thù thắng ở đầu. Phải biết trong đây Đại tiểu cùng hai câu trong bốn câu trước, Đại tiểu không sai khác. Trong bốn câu trước, thì hai câu giữa phân biệt ở tịnh độ, nay đều ở cõi đây. Nói "vân vân" là:

Mỗi mỗi căn ý đối mỗi mỗi môn nói nguyên do kia.

Hỏi: Trước vì sao nói căn độn ngăn nặng không nghe nơi Tiểu thừa, mà trong đây lại nói là nghe nơi hữu môn?

Đáp: Tại trước không nhập nay mới nhập, Đại tiểu căn tánh khi thuần thục thời không đồng, cho nên biết không hỏi có chướng hay không chướng, tức thảy đều đắc nhập. Chỉ vì chướng khinh trọng dùng đối căn lợi độn và thời không đồng đó thôi! Nếu đều không nghe Đại tiểu, thì không hỏi có chướng hay không chướng, tức cõi đây không có căn cơ. Đời nay chưa thuần thục, không phải thuộc về bốn câu, bốn môn không nhiếp. Trong đây chánh dùng văn Đại luận quyển hai mươi bốn trong phần giải thích mười lực, đến lực thứ tư nói: “Thế Tôn dùng trí lực ấy khéo biết căn thượng trung hạ của chúng sinh”. Nếu năm căn Tín, Tấn... và bốn căn bị ngăn che v.v... thì luận chỉ căn cứ Tiểu thừa thì nay thông Đại thừa. Cho nên biết chướng cùng không chướng, quý tại có căn, có Thừa chủng. Chướng do phá giới, đầy đủ như bốn câu thừa giới phân biệt. Dùng đối năm thời bốn giáo ba phẩm, các môn phân biệt. Chú thích “vân vân”: là do đây. Nói “tìm chi tiết”: ý sợ bỏ sót vậy.

“Hỏi: Năm trược nhất vãng (một phen)...”: Căn cứ hai câu đầu và bốn câu lập lại, thì Đại Tiểu đều không bị chướng, nay từ Đại căn có chướng, đầu tiên không nghe Pháp Hoa làm vấn, tức câu thứ tư trong bốn câu đầu nói người, ba câu trước không chướng, chỉ chướng ở câu thứ tư, nói chẳng tận lý cho nên nói nhất vãng ý trong đáp là dùng đủ văn trước ý câu thứ tư là bắt đầu chướng nặng. Tiếp, “Nếu nghe...”: là căn độn, Phật còn chưa nói. Như thầy thuốc xưa nói các tên: Thường, Ngã v.v... thuận theo đó chấp nghĩa là tên Vô thường v.v..., năng trị đối với trược, cho nên chỉ chướng Đại mà không chướng Tiểu. Như một chủng căn cơ, năm trược chưa trừ không kham nghe Đại. Đến trong Lộc-uyển dùng Tiểu trị trược, sau mới nghe Đại. Sở dĩ thấy khổ nếu không trừ thì không kham nghe thường. Chấp ấm làm đức, tức Tứ niệm xứ sở trị, nhanh quá cũng là si mê, cho nên trách thầy thuốc xưa chuyên dùng tà thường, vì không biết sữa (nhũ) là không biết dược (thuốc). Không biết bệnh... là do không phân biệt bệnh. Không biết “khai” là không biết phương pháp cho thuốc. Không hiểu ba thứ đây thì không có khách y thuật. Có hai thường không đồng, như sữa ngon dở, kiến hoặc khinh trọng gọi là căn nguyên. Trước đoạn sau dùng, cho nên gọi là khai giá. Nhị là ăn, ăn thời sai khác. Chỉ có chấp danh Thường, Lạc, cho nên nói “không biết tốt xấu”. Thuyết Ngã làm tăng thêm tà tập, nên nói “không biết căn nguyên”. Không hiểu rõ Thuyết thường thời sai khác, nên nói

"không hiểu khai, giá". Do đó kinh nói: "Nếu Phật Thế Tôn trước nói thường, thì đồ chúng thọ hóa sẽ nói pháp này đồng pháp ngoại đạo kia", cho nên nói: "Nếu chỉ tán thán...". "Hai loại thuốc": đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5
(Phần Trung)

Tiếp, “Căn cứ năm trược luận Tứ Tất-đàn”: “Kiếp trược, Mạng trược là đối Thế giới Tất-đàn”: vì kiếp mạng chỉ là y báo và chánh báo, tức thế giới. Chúng sinh tức là Vị nhân, Kiến trược là năng chấp kiến, cùng chúng sinh đồng. Do hai thứ này cho nên có sở vi cơ, tức là kiến diệt thì thiện sinh. Phiền não trược là Đối trị Tất-đàn: Như trong Ngũ đình trị đủ ba độc, chánh dùng Tiểu thừa năng trị trược, cho nên thuộc Tất-đàn thứ ba, cũng chuẩn theo ý luận lấy Đệ nhất nghĩa Tất-đàn dùng đối Diễn môn. Tứ Tất-đàn đây môn thông đáp trả câu hỏi năm trược chướng Đại, không chướng tiểu. Do văn Tứ Tất ảnh hưởng nhiều nên đứng đầu môn biên soạn giải thích.

Từ “Nếu luận nhân quả” trở xuống: lại dùng nhiều môn phân biệt năm trược: Đầu tiên là Nhân quả môn. Hai trược làm Nhân tức là Phiền não và Kiến, ba trược còn lại là Quả, nghĩa kiêm y báo chánh báo. Tiếp, “Nhất nhân...” là Nhân pháp môn. Nhân (người) nghĩa là Chúng sinh trược, Pháp là bốn thứ trược còn lại, cùng sinh tương đối cho nên đều thành pháp, đều là sở chấp của nhà chúng sinh. “Bốn pháp...”: là Pháp thời môn nên nói “Bốn pháp một thời”, văn thiếu nên lược. Thời tức Kiếp trược, bốn thứ trược còn lại thuộc Pháp. Nếu đối thời nói chúng sinh thì cũng thuộc pháp. “Hai báo chướng...”: ba chướng môn. Hai báo chướng tức Chúng sinh trược và Mạng trược. “Hai phiền não chướng”: Kiến cũng chung được gọi là phiền não, “nghiệp ở trong thời gian đó” là phiền não thấm nhuần nghiệp, nghiệp năng chiêu cảm báo cho nên nói “thời gian đó”. “Chúng sinh...”: Trung luận nói ba Giả môn, đối đãi nhau có thể biết, tức Kiếp, Phiền não và Kiến. Kiếp tức dài ngắn đối đãi, Phiền não tức trái thuận... đối đãi, Kiến tức hữu vô... đối đãi. Nếu thông luận thì đều đầy đủ ba giả, Y báo và Chánh báo đều từ ba giả mà thành. Nay từ phân biệt lại biệt thuyết cho nên biệt đối. “Chúng sinh...”: Đại luận nói ba môn Giả thiết lập: Chúng sinh hòa hợp mà thọ

tên chúng sinh Mạng v.v... đều là pháp mà chúng sinh chấp, lại có sở chấp giả danh đối với chúng sinh danh cho nên nói "danh giả thông hai xứ", xem giải thích đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói.

"Phiền não...": là Phàm Thánh môn, "Phiền não tại phàm": nghĩa là các phàm phu quyết định có. Nhưng Kiến ắt tại phàm, phiền não thì thông cả Thánh, như cụ phược Thánh giả và La-hán hướng. Nói "tam thông": Kiếp giảm có Phật, kiếp tăng chỉ có phàm. Lại, giảm thì có Phật, tăng thì thông các Thánh khác. Lại tăng cùng giảm đều thông hữu vô, do Đại tiểu thừa không đồng, lẽ nào Hoa-tạng tịnh mãn đợi kiếp giảm ư? Thường tại Linh sơn, tức là nghĩa này. Chúng sinh danh đủ thông phàm thánh, mạng có phàm Thánh, báo mạng không đồng. "Mạng đoản...": là Trường đoản môn, trong một kiếp luôn luôn sinh cho nên dài ngắn sai biệt. Đây chính căn cứ nhân (người) và do chư thiên cõi Dục thấy xứ Phật mà thuyết. Nếu luận, thì Sơ thiền tức kiếp mạng bằng, Nhị thiền trở đi thì kiếp ngắn mạng dài, cho đến cõi Vô sắc căn cứ đây nói có thể biết. "Ba thông ngắn dài": Phiền não tại phàm thì dài, tại Thánh thì ngắn. Các kiến ở phàm phu khác thì dài, ở ngoại đạo lợi căn thì ngắn; cũng có thể tại các phàm phu thì ngắn, tại độn căn ngoại đạo thì dài; cũng có thể tại Tiểu thừa thì ngắn, Nhất sinh đoạn tại Đại thừa thì dài vì lưu hoặc nhuận sinh để nhập sinh tử. Lại Kiến tiền tận thì ngắn, phiền não hậu tận thì dài. Nay phân biệt trược nhập sinh tử thì không gọi là trược chúng sinh, căn cứ đó mà nói.

"Kiếp chỉ...": là đới bất đới môn. Mạng là bất tương ưng hạnh pháp, cần phải đới (mang) ấm pháp mà luận thời gian dài ngắn, còn lại đều thuộc pháp chẳng phải Bất đới thời, vì chẳng phải thân cận đới cho nên chỉ tại nơi pháp. "Kiếp thông...": là nội ngoại môn. Đại kiếp hại khí thế gian cho nên gọi là "ngoại", tiểu kiếp hại người cho nên gọi là "nội". Hoặc là có thể bốn trược tích tụ thời thơi thông cả nội ngoại. "Ba tiểu...": là Hại bất hại môn. Vật tức ngoại khí, khi Đại kiếp khởi thì người đã thượng sinh, tùy ba không đồng sinh ba Thiền xứ. "Tiểu kiếp...": là Ngũ đạo tam giới môn, chuẩn ứng biệt luận ba và năm xen lẫn nhau, cho nên hợp nêu rõ, thông cõi Sắc như trước.

Nói "Mạng thông": Cũng nên nói bốn thứ trược còn lại thông nơi Tam giới ngũ đạo. "Mạng thông" đầy đủ như trong Câu-xá luận nêu rõ. Ngũ đạo sống lâu khác biệt nhân gian năm mươi năm..., cũng nên nói thông nơi tứ sinh (bốn loài), tứ sinh đều có dài ngắn. "Kiếp trược thì...": là Cộng biệt môn. Tiếp, "Tiểu kiếp...": là Thông biệt môn. "Từ tám vạn...": là giải thích Đại tiểu kiếp. Nói "chánh tam độc": Tịnh độ

phương khác, như nước A-súc, cũng có người nữ không có tà dục. Nêu một căn cứ theo đó thì nhiều cõi khác theo lệ có thể biết, rộng trải qua các cõi phân biệt không đồng, cho nên nói "vân vân". "Đốc thúc chân" là đốc thúc thật đắc, cho nên bài xích, nói "phi" (chẳng phải), thượng mạn cũng như vậy. Cuối cùng là người không thật đắc mà không tin. "Tự" cũng là "kế" (nối dõi). "Thân còn vô lượng": Trong Tiểu thừa giáo không nói lại có giới ngoại sinh xứ, có chấp Biến dịch tại giới nội thì cũng gọi là sinh xứ. Trong Đại thừa giáo vì Biến dịch sinh xứ kia nhiều, cho nên nói "vô lượng". Đây thuật ý bức bách, nói rằng: trong đó chỉ nói danh Tăng-thượng-mạn, ý chỉ La-hán. Nếu thật đắc thì lẽ nào có người không phát tâm Đại thừa ư? Chính dùng Đại thừa mật mà bài xích. Nếu cho rằng cứu cánh thì nên Biến dịch tận, nếu chưa tận thì vì sao không tin? "Gặp được đức Phật khác": Văn đầu do có Phật các cõi khác, gọi là "Đức Phật khác". "La-hán thọ thân đời trước": trả nghiệp trước cho nên gọi là "thân đời trước", vì là phiền não quả nên "cần phải diệt". Nếu phiền não sở hoặc năng bất diệt thì có lỗi nhân quả không đồng. Nếu nói biên tế định lực trì khiến không diệt, thì nay hỏi biên định là Đại hay Tiểu? Nếu là Tiểu, thì Tiểu không gọi là Biến dịch, cũng không nói là vĩnh thường. Nếu nói là Đại, thì biên đại trừ, danh chỉ tại Đẳng giác, lẽ nào được sau thọ ký tức là Đẳng giác ư? Nếu Đại nhập Tiểu định, thì rõ ràng Đại không có dụng của Định. Có người dẫn "La Vân", đây không nên như vậy. Chỉ sau khi Phật diệt độ, các A-la-hán ẩn hiển không đồng đều tùy cơ duyên, huống chi vốn là Đại Bồ-tát? Đây là trong Đại luận Bồ-tát Long Thọ giả thiết lập câu hỏi này, và muốn căn cứ Đại giáo tùy đáp đầy đủ. Cho nên, trong văn đáp nói "không sinh tam giới", huống chi luận lại dẫn Pháp Hoa để chứng minh. Cho nên, biết rằng: nói Bạc địa thì không có giáo nào có thể căn cứ. Nghĩa "nước khác" xuất từ tha nhân, cho nên người xưa nói: Học không thầy đâu có nghĩa không gặp khó khăn. Cho nên Pháp Hoa đây chẳng phải đây thì không rõ. Lại nếu Biến dịch không ra ngoài giới mà nói "sinh trong năm đường", nói khước từ nhập sinh tử mà dụ "kinh sợ vào nhà lửa", thì chẳng phải văn nói một ngày Niết-bàn, liền là hư cấu. Từ "Ngài Nam Nhạc " trở xuống: ba phen giải thích đều là Nam Nhạc giải thích.

Tiếp, trong phần giải thích nói: "La-hán nếu tu niệm Phật Tam-muội...": nếu nói niệm mười phương Phật thì đã phát Đại tâm, nếu chỉ niệm Thích Tôn thì chính là nhân Tiểu cảm Đại, cũng là cơ phát khiến như vậy. Nhưng trong Tiểu thừa các bộ không đồng, cũng có tin có mười

phương Phật, tức người Tiểu thừa tu đệ Tứ thiền biên tế định lực. “Thấy mười phương Phật...”: niệm Phật quán thành cảm Phật vì thuyết. Thứ ba nêu “phàm phu”: Nêu phàm phu huống chi Thánh! Cho nên La-hán ắt không có lý không nghe Pháp Hoa. Ý “Dao sư” nói: Thật đắc La-hán không có người nào không tin, không cần gặp Đức Phật khác, gặp Đức Phật khác tức chỉ phàm phu, Nam Nhạc lẽ nào không biết: phàm phu thì sau khi Phật diệt độ năng sinh tin ư? Cho nên gặp đức Phật khác, ắt chỉ La-hán. Nên kinh Tịnh Danh nói: “Phàm phu có trở ngược lại mà Thanh văn thì không”, cho nên biết Thanh văn khó hồi chuyển mà cần phải thương nghị, phàm phu dễ thọ tại sao cần dẫn theo lệ? Từ “Có người nói” cho đến “ắt như vậy”: là ý phá Dao sư. Lập “không tin” nghĩa, cũng không như vậy, tâm chấp kiên cố ắt tại giáo xưa, không nên chứng minh đây là văn sau khi Phật diệt độ. Sư này lại dẫn chứng Thân-tử nơi Pháp Hoa ban đầu nghe văn lược khai, để chứng minh sau khi Phật diệt độ thì La-hán không thọ nhận. Ý nói gặp Phật mà La-hán còn nghi là ma, huống chi sau khi Phật diệt độ lẽ nào chịu tin thọ ư? Nay thì không như vậy, Đức Phật dự biết đôn đốc đều tin, cho nên sau khi Phật diệt độ chấp kinh quyền thuyết, nghĩa chấp nhận có thể như vậy. Trong cụm từ “Không chỉ phàm phu vân vân”, thì “vân vân”: là lẽ ra rộng nêu ý La-hán và dùng ý phàm phu tin không tin, để phá sư đây và chọn Dao sư. “Đây thẳng giải thích sai khác...” chín chữ (Thử trực dị giải bất dụng thử nghĩa dã.): E rằng phải viết chữ “bạch” chỉ hai sư trước cũng chẳng phải hoàn toàn lỗi, chỉ vì chưa hoàn toàn thuận ý kinh đó thôi! Không thể hoàn toàn phá, cho nên nói “giải thích sai khác”. Nếu luận Dao sư thấy trái văn kinh. Kinh nói “La-hán gặp đức Phật khác thì sinh tín”, mà Dao sư nói không cần (phải), Ý kinh nói “Trừ sau khi Phật diệt độ, muốn hiển bày Tứ y thông kinh công năng”, mà Dao sư không dùng Tứ y. Vì Đức Phật khác tức là La-hán ba căn nghe cùng không nghe, đều không nhờ từ biên Tứ y, nghe thì thâm sâu không thể được. Lại lấy phàm phu để so sánh, đây thì có thể như vậy, chỉ cần nói gặp Tứ y thôi! Ý sư sau nói: “Phàm phu dễ, La-hán khó”. Đây cũng nói trái kinh quyết liễu nghĩa, cho nên không dùng ý đây.

Tiếp, “giải thích kệ tụng”: “Ba loại: Thượng mạn, v.v... bốn chúng đều có”: lại phàm phu thượng mạn có năm thứ không đồng: Nghĩa là bốn thiện căn và dùng bốn quả, nghĩa thông dễ biết vả lại sau biệt nói theo phần nhiều, cho nên kinh nói: Bốn chúng Tỳ-kheo v.v... có ba lỗi này. Đối với riêng ba lỗi này vẫn từ “Phất tịch” (quét dọn chỗ ngồi) mà nói. “Che giấu lỗi”: là giải thích ba lỗi, “che giấu lỗi bày đức”: là

giải thích "thượng mạn". "Không thể tự tỉnh": là giải thích "ngã mạn". "Người vô tàm: là giải thích "bất tín". "Nếu tự thấy lỗi" không có ba lỗi này thì tuy chưa chứng quả vẫn gọi là "có hổ thẹn". "Nơi giới": giới danh thông mười, tức như Đại luận Đại kinh nói mười thứ không thiếu không phá..., nghiệm biết ba lỗi, còn không có không thiếu, huống chi đạo cộng, cho nên nói "khuyết...". "Luật nghi" có ba: Nghĩa là không thiếu, không xuyên, không phá kiêm không tạp. Nếu y Đại luận, thì không thiếu sót cái thứ ba. Nếu y Đại kinh thì không thiếu sót cương vị đứng đầu, danh đồng nghĩa khác đều có ý kia, đầy đủ như giải thích nghĩa. Nay lại y Đại Kinh dùng ba thứ: không thiếu... và định cộng, đạo cộng tức sáu giới. Cho nên biết trong sáu nếu không có hai cái sau thì còn gọi là "lậu", huống chi đạo cộng định cộng phán xét tại Tam tạng tứ quả. Nay lại luận gần thì không có đạo, định. Cho nên người có ba lỗi mà còn không có Noãn pháp, huống chi có Tứ quả. "Hà" là tỳ vết ở bên trong viên ngọc nên nói "nội khởi". "Tỳ" là tỳ vết ở bên ngoài viên ngọc cho nên nói "ngoại động". Tỳ vết bên ngoài gọi là "khuyết". Tỳ vết bên trong gọi là "lậu". "Tiểu trong tiểu": là bốn quả đã tiểu, bốn thiền lại tiểu, trí đã cực tiểu, huống chi thêm Tăng-thượng-mạn. "Tào khang": Nếu y thiền thế gian để đắc vô lậu, thì như bỏ "tào" (bả) được rượu, từ văn nhập lý như bỏ hết "khang" (cám) ra thì được gạo. Đã không có vô lậu, mà ngược lại chấp thiền thế gian thì ví như bỏ rượu mà giữ bã (tào), không đắc chân lý, trái lại đề cao văn tự thì ví như bỏ gạo mà giữ "khang" (cám).

"Chúng như thế có năm ngàn": Là lấy có hiển không, có lỗi thì không đắc. Nói "chấp văn tự" (phong văn): cũng nên lại nói "chấp thiền là thật", ví như có bã không rượu. Trong văn có hai giải thích, giải thích đầu là chánh, giải thích sau lại kiêm thật hành Thanh-văn. Đồ chúng đó đứng dậy ra đi cũng do hiện tại chưa có căn cơ Đại thừa cho nên thoái lui, như có bã mà không có rượu, có cám mà không có gạo. "Cành lá": Không có tài nhập đạo.

Hỏi: "Cơ" và "khí" có gì sai khác?

Đáp: Tuy đều từ thí dụ đều có một ý, nhưng "Cơ" luận về khả năng phát, nói "khí" nghĩa là kham nỗi trách nhiệm, được thân trời người thì gọi chung là "khí". Do chứa ba lỗi nên "khí" thành "phi hảo" (không tốt), do hạt giống đời trước gieo lại nhỏ, không có cơ có thể phát, hai nghĩa đều thiếu, do uy thần Phật nên khiến họ ra đi.

"Có ba điều khác nhau": 1. Liệt kê. 2. Giải thích. Liệt kê nói trên có tán thán pháp hy hữu: là trong sáu đoạn của chương chư Phật

bên trên chỉ không có hai đoạn sau cho nên có tán thán pháp. Văn nói: "Diệu pháp như vậy chư Phật Như Lai đúng thời mới nói" mà không có văn nói Ngũ trược. Trong tụng không có tán thán pháp. Đầu sau: Trên trước tán thán, pháp như trước nay đã dẫn. Nói "bất hư" thì văn tiếp mới nói: "Các ông nên tin lời Phật nói không hư vọng." Và để khai hiển, trên khuyến tín cùng bất hư hợp. Trên nói: "Các ông phải tin lời Phật nói không hư dối". Nay cách biệt bất hư là nay trong tụng "khuyên tin" ở trước, "bất hư" ở sau. Trong đó cách biệt văn Ngũ trược, cho nên trước bốn nay năm, do tách khuyến tín làm hai. Nên nói trong khuyến tín bất hư là ngũ trược sở cách. Chương An lại nói: "Trên do Đức Thích-ca phương tiện dùng giải thích chư Phật thiết lập Quyền": Trên giải thích chư Phật khai Quyền, văn nói: "Ta dùng vô số phương tiện các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ" để diễn thuyết các pháp. Trong kệ, như văn. "Tu đạo đắc nơi các quyền pháp": là tự hạnh nhân mãn thì cảm quyền pháp, chính đương là quyền trong thể tự hành tức pháp thể đây cũng không thể nói. Dùng phương tiện cho nên vì chúng sinh mà thuyết thành "hóa tha quyền", tức văn nói Chiếu chín pháp giới trở về sau.

Cho nên, biết rằng nói "lập một khai quyền", mà đối nay bèn thành hai ý: l. Nêu cao (đằng) xưa thi Quyền. 2. Làm chỗ hiển thật. Không chỉ sở khai thì không do đâu mà thuyết Thật, huống chi chỉ cho mọi người biết Quyền là Quyền, biết đó chẳng phải cứu cánh. Đã hiển Thật rồi thì Quyền toàn là Thật. "Chiếu căn cơ của chín pháp giới thuyết Thất phương tiện": chín là đối tượng được gia bị giáo không ngoài bảy, nói bảy gia bị chín dần dần khiến nhập thật. Nhân pháp chín và bảy cho nên lập tổng nói. "Chín pháp giới" là từ tự phần mà đặt tên. "Phương tiện" là căn cứ nơi tiến đến mà gọi. Lại, chín pháp giới là căn cứ căn cơ chúng sinh mà đặt tên. "Phương tiện" thì từ hóa chủ mà được tên. Tổng nêu không đồng cho nên nói "bảy, chín".

Nói "không thể định phán": Trong bảy, chín tùy những căn cơ nào; nghe những pháp nào gặp căn cơ liền hợp, cho nên nói "bất định". "Hiện khởi...": Niệm ắt đối cảnh cho nên nói "hiện khởi". Nói "chủng chủng" (các thứ) cũng không ra ngoài bảy, chín! "Quá khứ...": là giải thích "dục tánh". "Dục" chỉ là niệm, cho nên biết chỉ là trước thì dùng hy vọng để giải thích niệm, tiếp thì dùng vui thích để giải thích "dục". Cho nên, biết rằng: "niệm" thì nói nội tâm, "dục" thì luận đối cảnh sinh tưởng, nay chỉ căn cứ sự hâm mộ ưa thích, thông theo dục làm tên, không mượn đối niệm biện biệt, cho nên chỉ dùng dục đối tánh hai đời mà phán định.

Hỏi: Trước nói quá khứ gọi là căn, vị lai gọi là tánh, nay vì sao nói quá khứ gọi là tánh?

Đáp: Đều có ý kia. Tánh chắc không sửa đổi, cho nên từ hiện lại đến vị lai từ quá khứ đến nay, hai xứ đều được tên “tánh” cho nên như vậy. Cũng có thể hiện tại gọi là “căn” bởi vì sinh vị lai, nhưng “căn tánh” thì mới có thể xen nhau mà nêu lên. Lạc dục ắt ở hiện tại, tên “dục” tuy không từ quá khứ cũng có thể do hiện tại vọng đương lai, dùng danh lẫn xen cho nên cố lập lại giải thích nói: “Hoặc có thể huân tập dục để thành tánh, thành tánh sinh huân tập dục”. Câu trên thì hiện tại dục thành vị lai tánh, câu dưới thì quá khứ tánh thành hiện tại dục. “Vân vân”: là Hoặc có thể quá khứ dục thành hiện tại tánh, hiện tại tánh thành vị lai dục, hoặc có thể quá khứ dục thành quá khứ tánh, hiện tại dục thành vị lai tánh. Vậy thì tên “dục” tuy thông quá khứ vị lai vẫn từ hiện tại nói. Cho nên, biết rằng tên “dục niệm” định ở hiện tại. Từ “Thất phương tiện” đến “vân vân”: Đầy đủ như trong Chỉ Quán tùy tự ý quán, trong quán ác. Nói thông đồ (đường thông) thiện ác là nghĩa đó. Từ “Độn căn” đến “ý thiết lập quyền”, đây là văn trường hàng, nay không nói trường hàng chỉ vì kệ cùng trường hàng không đồng, tùy sự trọng yếu thì biện rõ đồng khác. Hoặc có thể lược nêu rõ ý thì có thể biết.

“Ta bày (thiết) phương tiện đó” trở xuống: ba hàng tụng lý. Văn phần nhiều nói “thuyết” thay vì “thiết”. Nói lý đó thế nào? Như nói chưa từng thuyết vì thời thuyết chưa đến, tùy thuận thuyết v.v... cũng là dùng năng hiển sở. Căn cứ theo các lệ trước lược cũng có thể biết. Nay văn chính dùng Phật tuệ làm hạnh lý. “Thanh văn kiêm đắc Duyên giác”: Trong số Thanh-văn có người gặp Phật Duyên giác. Lại Tam tạng Thanh-văn ắt kiêm đương giáo Duyên giác. Lại Bồ-tát đã bao gồm Tạng Thông, Nhị thừa ắt đủ hai giáo. Bồ-tát không nói Biệt: Trước dùng tịnh tâm làm Biệt giáo xong. Đã dùng Thanh văn Bồ-tát làm nghĩa lập, cho đến một câu thảy đều thành Phật.

Lại, khuyên răn nói “không nghi”: Nên biết đây là lời nói rất thành thực của bậc cực Thánh mà không chịu tin. Đại kinh nói: Hết thảy Nhị thừa vị lai nhất định quy về Đại Bát Niết-bàn như các dòng nước vào biển. Lại Bồ-tát cùng Nhị thừa hợp nêu rõ. Phải biết tam thừa ắt đều được hội. “Điệp giả danh tam giáo...” Tam giáo là giả danh, giáo bản nhất thật cho nên “tam” là giả. Vì chúng sinh mà giả thiết lập Quyền: Tam tạng... Nay đã hiển Thật lại lần nữa nêu đối tượng bị trừ bỏ để chỉ bày Phật tuệ, tức câu trên đã liệt nêu. “Không hai: là không có

hai thứ Bán và Mãn đối nhau trong Thông giáo": thông chân bao hàm hai. Do thiếu Biệt giáo cho nên lại dẫn các thừa khác còn lại ở trên đến đây giải thích thành. Nói "giả" tức là Thông luận tam giáo, nói cái khác và dùng hai, ba. Lại nói "tương nhập" do có cái khác đều là giả cho nên được tương nhập. Không có cái khác thì không còn gọi là tương nhập, bởi vì thuần nhất. Đây văn nói ba vị: Sữa, Sinh tô và Thục tô xong.

"Một hàng rưỡi đầu, nêu nội tâm". Kinh nói: "Như ta xưa đã nguyện, nay đã đầy đủ rồi".

Hỏi: Đức Phật ban đầu lập nguyện nguyện độ tất cả chúng sinh, nay chúng sinh còn nhiều thì nguyện làm sao mãn?

Đáp: Hãy cứ theo một kỳ, nói tổng quát là: Chỉ khiến chúng sinh đắc nhập Phật thừa thì gọi là nguyện mãn. Cho nên kinh nói: "như ta không khác".

"Nếu ta gặp chúng sinh...": là nêu trược không chướng Đại. "Gặp": là tận khiến nhập Phật đạo. Không trí không thọ, nên gọi là "chướng Đại". "Chúng sinh": Trong văn có ba giải thích: 1. Giải thích đối "tha" đắc danh. 2. Giải thích từ "tự" lập xưng. 3. Giải thích tức là công năng. Tân dịch sợ lạm xưng làm hữu tình. Tuy giản lược vô tình mà ba nghĩa đều lỗi. "Mười loại chúng sinh, Sinh tử ngắn" trong đó nói "phạm hạnh ít nói": là ở Dục giới các địa pháp như vậy nhiều lời; do có ngôn ngữ đều do giác quán, do ít lời nên biết giác quán thiếu, phiền não tạm mỏng cho nên nói "ngắn". "Phương": Cũng như phương vật động tĩnh định, ở đây chết rồi định sinh lên cõi trời. "Tam giác": Giác là tụ, tức thiện, ác, vô ký, ở trong sinh tử khắp làm ba thứ nghiệp này. Các luật luận văn phần nhiều dùng tụ gọi là giác, thiếu giải thích "tử (đỏ tím)" tức Tu-la. Tu-la có nhiều chủng loại gọi là thiên, quỷ, súc sinh như sắc đỏ tím, lại luân hồi. Như Kiến Bảo Tam-muội kinh nói: "Từ địa ngục đến, thì nghe tiếng hét bỗng gấp run sợ, mộng thấy lửa lớn thiêu cháy... Từ súc sinh đến, thì ám độn giải đãi, ăn nhiều tánh sợ, ngượng nghịu chậm chạp, hành động phần nhiều tợ như các trùng súc sinh... Từ quỷ đến, thì tóc vàng thường đói khát xan tham... Các loài khác so đây có thể biết". Kinh rộng nói đủ.

"Ta biết...": là biệt nêu năm trược: Trước khai chương nói: biệt nêu năm trược chướng ba, năm trược vọng ba ắt không thể chướng, vì ba sở trị là sở trị chướng, cho nên nói chướng, cũng là có trược cho nên không ba, có ba cho nên không trược, cho nên nói chướng. "Thọ thai vi hình": Đầu văn tức căn cứ quán tâm chỉ tùy tiện thôi chỉ nói từ tâm tức gọi là quán tâm, kỳ thật trong đây vẫn đới sự giải thích. Do đây nhất niệm

tâm rất vi tế cho nên khiến tăng trưởng. Tiếp, “Thọ thai...”: toàn căn cứ sự giải thích lược như trong Chỉ Quán quyển bốn nói dẫn kinh Nhập Thai. Có người lập đủ thọ thai chương môn, đối với ở đây thì chẳng phải là trọng yếu. Nay ý chỉ tại hiển nghĩa năm trược cần thiết lập Quyền, liệt kê danh mà đã nêu đầy đủ ý trược. Đâu uổng ở đây rộng kiến lập chương dài khiến mê đường, như thế nghĩa là Pháp Hoa cũng nêu rõ năm trược cùng Bà-sa không khác. Như người đời nói: “Pháp Hoa cũng nêu tam thừa”, kia lỗi như vậy. “Thọ Ấm Thân”: E rằng chỉ là Nhập Thai kinh nói tổng có ba mươi tám lần bảy ngày để luận tăng trưởng. Như luận Câu-xá... văn chỉ liệt kê năm vị nói: Đầu tiên là Yết-lặc-lam, tiếp là sinh Ác-bộ-đàm, từ đây sinh Bế-thi, Bế-thi sinh Yết-nam, tiếp là Bát-la-xa-khư. “Hoặc là nói như trong kinh Đại Phẩm nói”: tức căn cứ hai mươi thân kiến, như... đầy đủ như trước dẫn. “Thời gian dài...”: Nay văn đầy đủ hai nghĩa cho nên kiếp được gọi là trược, trong văn đầu chỉ có nghĩa thứ hai, sau trong liệu giản mới có nghĩa đầu.

Tụng “Chương quá khứ Phật”: hai hàng đầu chánh thiết lập tam, gọi “thi” (thiết lập) là “khai”. “Một hàng đầu lược tụng Tam nhất bên trên”. Trong văn dùng “Giáo, Nhân, Lý ba Nhất, kiêm đắc Hạnh Nhất”: có đủ hai ý: l. Thông kiêm, đã có ba thứ kia lẽ nào không có Hạnh ư? 2. Biệt kiêm, tức dùng hai chữ “Phật đạo” để kiêm đó, sở thú là Lý, năng thú là Hạnh.

Trong “Một hàng rưỡi đầu tổng căn cứ năm thừa” dùng “Nhân, Hạnh kiêm Giáo nhất”: Đã có Nhân, Hạnh ắt có sở bẩm tức là Giáo. Trong đây “dùng Thất phương tiện” làm “dị phương tiện”, do Tạng nhân không đồng Diễn môn, cho nên thành hoàn toàn sai khác, các văn khác phần nhiều dùng. Nay thông dụng: Chưa đồng Viên thì đều gọi là “dị”.

“Nếu có...”: “hai hàng khai Bồ-tát thừa”, trong đó hai giải thích tiến, thoái cũng có hai nghĩa. Danh xưng “năm thừa” chỉ tại Lộc uyển. “Thất phương tiện” danh thông cả ba vị. “Hành lục độ” không hạn cuộc nơi một giáo, cho nên có thể thông cả ba. Dùng Tam tạng làm bản cho nên nói “kiêm Thông, Biệt”. “Vì sao...?”: là giải thích xuất tam giáo lục độ hạnh tướng. “Phi tướng phi vô tướng thứ đệ hành”: là song phi, tức là sở tư (cái bị tách ra), cũng nên thứ lớp xuất tam đế hành tướng. Nhưng dùng tướng vô tướng cùng luận tức tam đế. Lại nhập địa tam đế không còn luận khai, nhưng trong Bồ-tát thừa cũng nói: “Xưa nghe pháp đã thành Giáo nhất” tức là: “Nếu Bồ-tát không khai thì đâu cần dẫn xưa khiến thành Giáo nhất”. Cho nên, phàm nói “xưa” thì đều đủ

hai ý: l. Tại xưa nghe quyền. 2. Xưa đã từng khai. Nay chánh nói xưa nghe Quyền là xưa khai đã xong đều thành Phật đạo. Nghĩa đầu căn cứ hóa nghi nói, ý tiếp căn cứ khai xong nói. Đi xuống các thừa còn lại mỗi mỗi đều như vậy; xưa Phật cũng vậy. Trong văn Nhị thừa có Nhân, Lý, Hạnh, không nói kiêm Giáo, chỉ là lược văn. Văn Bồ-tát ở trước cũng dùng ba kiêm một sau khi chư Phật diệt độ, cúng dường xá-lợi: Nếu do hiện tại so sánh quá khứ như trong Tăng Nhất nói: Phật nhân đưa cao xá-lợi rộng xưng tán rồi, khiến nơi ngã tư đường mà khởi Thâu-bà. Phật dạy: nên xây tháp cho bốn hạng người là Luân vương, La-hán, Bích-chi-phật và Như Lai. Sau phân nói: Luân vương không cấp bậc, La-hán bốn cấp, Bích-chi-phật năm cấp, Như Lai mười ba cấp. A-nan hỏi Phật: Vì sao như vậy? Phật dạy: Luân vương tự hạnh hóa tha thường trú thập thiện, La-hán không thọ thân đời sau, Bích-chi-phật không có thầy tự ngộ, Như Lai các đức đầy đủ. Người đời trên thì chưa bằng sơ quả, lẽ nào chịu dưới bậc Luân vương, sau khi diệt độ xây tháp không biết tiến không? Động tức đều đến ba, năm, bảy, chín. Đời cận đại xây theo theo chiều dọc, nói là Phương phần mà mái đưa ra cho nên trở lại thành một tầng. Ám: Tuy mê muội lẽ nào chẳng phải tối tăm nơi sơ quả ư? Có phương phần biên nói "tạo tháp công đức", nghĩa ấy lại lỗi, khiến người ngu chỉ lễ thầy ta, hoặc lại đối cao lễ thấp huống lại lân cận nối tiếp tôn ti không thành, ý không tiện không thể luận đủ. Dù rằng người chết mờ mịt mà rõ ràng người sống còn bận rộn, huống chi nay nói xá-lợi, hạn cuộc tại nơi Phật, cúng xá-lợi Phật phước thuộc nhân thiên, khai nhân lâu dài mới gọi là Phật đạo, huống chi nay phàm chất sinh phước sự khó. Người thiện từ đây không nên huân tập theo thế tục. "Địa sư" nói "Đồng chân địa": địa lập danh đồng chân. Chỉ vì người xưa nói: "Trụ làm năng trụ, Địa làm sở y", cho nên dùng tên "trụ" mà gọi là "địa". Dựa theo "trụ" làm tên thì từ lâu rất xa. Vì vẫn còn sâu cho nên thêm vào đó dùng "địa". "Nay cho là....": trách nói trái văn. Trong văn chỉ nói "đồng tử".

Nói "dọc hẹp": Là ngang thì thâu tiểu thiện, dọc thì thành nhân Phật, tức là ngang dọc không trái, chẳng sâu chẳng cạn mà sâu mà cạn. Nếu dùng "đồng chân" để giải thích thì chỉ có dọc mà không có ngang, huống chi dọc sâu không có thì sẽ bỏ rộng trái văn, là biết "dọc hẹp" cả hai đều có lỗi. "Đăng địa...": là phá lỗi chỉ có sâu, vẫn lược lỗi bỏ ngang. "Nay dùng...": là chánh giải thích thâu nơi đồng trĩ (trẻ nhỏ) để hiển ngang rộng. "Chỉ vi tế tức chấp": dùng để biện minh dọc sâu, chấp tại vi tế sâu tức chẳng sâu, vi tế tức chấp cạn cũng chẳng cạn,

“chỉ vi tế tức chấp” duyên nhân nghĩa thành, tức quán chấp, chẳng phải ở đây có thể biện. Bên dưới lệ như vậy. Cho nên nhập địa thành Phật như Tu-la qua biển, đây căn cứ kinh Anh Lạc cho nên nói “nhập địa”. “Người phàm phu” một chút thiện đi tất thành nhân Phật, như “người qua biển lớn”. Từ “Phật phân minh...”: là lần nữa lập lý để bày xích hai lỗi. “Nếu như ...”: lại nêu lỗi để bài bác. Lại theo lệ trên dưới cũng gọi là trái văn. Nếu sợ đồng tử sự nhỏ bé không xứng Phật đạo, thì tâm tán loạn một phen xướng lên làm sao hiểu rõ nghĩa dung thông? Chấp tay đưa tay cao đều ứng lý giải thích. Cho nên biết chỉ còn Phật đạo, không biết khai Quyền. “Hầu như (đãi) không nhiếp Nhị thừa”: “Đãi” là “Cơ” (gần như). “Cơ” là “Cận” (giống như). Lẽ ra nói “hoàn toàn không thu nhiếp”. Tại sao chỉ “gần như” ư? Nếu tại đồng chân thì vẫn còn không nhiếp lục địa, huống chi là tiểu đạo. “Luận sâu...”: là kết “dọc hẹp” kia. “Định rộng...”: là kết lỗi “dọc hẹp”.

Tiếp, “Vấn đáp”: Trong “đáp” ý nói “ba Phật tánh”: Quá khứ chút ít thiện nguyện trí làm ra đều hướng đến Bồ-đề, như lửa cháy hướng hư không, về lý luôn đều tất, nước chảy về biển “pháp nhĩ” không ngừng, chỉ do nguyện trí chưa giúp, tiện phong cho quả báo, cho nên đợi nay Khai mới là “duyên nhân”. Nếu căn cứ ý hóa thì đâu đợi đây khai, nếu thuận phàm tình mà lập thì dùng cận xưng. Nay khai cận chấp pháp giới bản như, lẽ nào do phàm tình hạn cuộc nơi dòng, lửa kia, trong quan hệ tuy lập thiện không thọ báo mà không rõ thể của thiện vốn dung thông, chỉ vì chúng sinh từ vô thủy chỉ chuyển lưu vọng ngã, phàm sở tu tập chưa từng không cùng nó. Nói “Không thọ báo”, thì căn cứ vào đâu mà lập! Nếu căn cứ người đã phát tâm, thì do nguyện hạnh sở dẫn, tại sao liên quan đến thiện không thọ? Người chưa phát tâm đến thì tùy sinh thâu nạp phước, thiện này lẽ nào ngăn cấm khiến không thọ ư? Cho nên, biết rằng nói “không thọ” là thiện thể không có lực. Phải biết: người từng báo đáp, thì nhân kia đã xong, người chưa báo đáp thì chút thiện cũng không quên. Nếu từng phát tâm thì như nước ký thác vào biển. Báo đáp hạn cuộc nhân (Thù cục nhân), như quả đáp hoa, cho nên nay ở kia nhân chưa báo đáp. Khai hạn cuộc tình kia và từng thú hướng Quyền thừa đạo, dùng nhất Thật quán nhất Đại hoằng thệ nguyện, thể nghiệm điều đó, nói điều đó. Nếu không như vậy thì luống uổng nói “Thuyết khai”. Nếu không quán thì nên khéo thể nghiệm tự mình đến Bồ-đề đâu cần lại tu Bồ-đề hạnh nguyện.

Hỏi: Nếu vậy, thì vì sao bản luận nói đồng tử đùa giỡn nhóm cát thành tháp Phật ... gọi là phát Bồ-đề tâm hành Bồ-tát hạnh, sở tác thiện

căn năng chứng Bồ-đề? Chẳng phải các phàm phu và quyết định Thanh văn, là người chưa phát tâm, mà có khả năng đắc ư?

Đáp: Đây chính là từ khai mà nói, chẳng nói bản thiện, cho nên biết định tánh và hiện chưa phát tâm dù có thiện đời trước như cát sông Hằng trọn không có lý tự thành Bồ-đề, cho nên nói chẳng phải kia năng đắc.

Nếu chưa khai thì chỉ trong khoảnh khắc lại qua đi đã thành phi (lỗi). Nay nếu được khai thì trước đã làm thành rồi. Cho nên biết thiện thể vốn vi diệu tùy tâm của người chấp. Vì vậy cho nên khai tâm thì thiện đời trước đều thành. Tiếp, "Đại kinh...": là giải thích nguyên do xuất duyên nhân, ba mươi hai văn liệt đủ trong bốn câu: Xưa nói "người Xiển-đề không có": là quyết định không có tánh thiện, chỉ có cảnh giới tánh ác, năm ấm ác thôi! Người thiện căn có liễu nhân tánh, đều có chánh nhân, đều không có quả tánh. Hà Tây nói: Người Xiển-đề có ác ấm tánh, người thiện có thiện ấm tánh, đều có vô ký, đều không đồng trước. Hưng Hoàng có ba giải thích: Thứ nhất là căn cứ lý giải thích, lý chẳng thiện ác, có hai dụng kia, tức chỉ hai hạng người đều có một loại dụng thiện ác. "Đều có đều không": là xen lẫn được có không một bên. Hai giải thích còn lại không chính yếu. Chương An nói: Đây giải thích trong sông Niết-bàn có bảy loại chúng sinh, nên nói người Xiển-đề thường chìm, người thiện thường nổi. "Đều có" là đều ở trong sông, "đều không" là đều không đến bờ, cùng dùng quả tánh làm "đều không". Lại, căn cứ Tam đế giải thích: Người Xiển-đề chỉ có Thế đế nhân ác, người thiện chỉ có Chân đế nhân thiện, đều có Thế đế quả thân, đều không có Trung đạo nhân quả. Trong các giải thích tuy có chút ít khác nhau, nhưng một câu Người thiện kia ý chỉ đại đồng. Cái không đồng kia, nay không rảnh giải thích. Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Cho nên nay dẫn "đồng": là chứng duyên nhân thiện.

Hỏi: Trên giải thích Tam thừa đều dùng quả thành làm câu Lý nhất, nay Nhân thiên thừa vì sao dùng Phật đạo mà làm duyên nhân ư?

Đáp: Do sở khai không đồng, trước khai hai giáo nhị thừa và dùng Thông Biệt Bồ-tát đều có lý sở chứng, cho nên khai lý Tiểu để thành lý Đại, nay khai nhân thiên Tiểu thiện đã thành duyên nhân Đại thiện.

Lại căn cứ năng hướng thiện thể chưa sâu, nếu từ biên sở thú nói đây, thì đều có lượng tính. Đây luận khai quyền đều căn cứ ở vị đã xem xét. Nếu từ tiến nhập thì tại sao riêng trụ duyên nhân ở trước mà thôi? Trong đây chỉ theo việc đã qua để nói. Việc và người vì kia đã định,

không thể tồn pháp bỏ người, vì vậy cho nên khai làm duyên nhân, lẽ nào chẳng phải như người nghèo được vật báu.

Kinh nói "Bảy thứ châu báu....": Trong Phật Địa luận không nói Mai khôi, nhưng nói Lưu-ly và Châu thể có khác, Châu tức ngọc đỏ, nay kiêm Lưu ly chỉ thành bảy báu, tách ra thành tám. Pha-lê phần nhiều sắc hồng, Xà-cừ sắc xanh trắng, Mã não sắc hoặc trắng hoặc xanh. "Mộc mật": Tự Lâm nói: Hương mộc thiết. Ngọc Thiên nói: Cây kia tợ cây hòe mà có hương thơm. Có người nói: trải qua năm năm mới có mùi hương. "Tạo tượng là thiện nghiệp": như Phật lên cõi trời Đao-lợi dùng sức thần túc chế dạy các đệ tử, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một nói. Nếu căn cứ Minh Tường Ký thì cõi đây có một trăm mười tám nơi tạo tượng ứng nghiệm, như tượng đá đời Ngô tạo... lại có Ngô Hưng Thái thú đeo nữ trang cho người con gái rồi tượng có cảm ứng... Lại như Tống vệ quân Lâm Khang Vương tại Kinh châu làm nhà ba gian ở trong thành, quanh vách phần nhiều có vẽ tượng Bồ-tát, đến Vệ Dương Văn Vương trấn giữ Giang Lăng phế bỏ làm nhà nghỉ ngơi, đều bằng đất bùn khô bôi thì rơi rớt nên vẽ hình trạng mới sạch rõ ràng không ô uế tổn hại, rồi bôi lại lần nữa cũng vậy vua không tin kính cũng cho là ngẫu nhiên, lại dùng bùn đặc bôi mà thấy thông suốt rõ ràng, vua lại sai hủy bỏ cho nên vách đều sửa đổi lại, sau vua bị bệnh sởi mỗi khi nhắm mắt liền thấy các tượng rất nhiều rõ ràng. Nơi ấy mới phế bỏ ở đây. Đây hoặc là người tạo tâm trịnh trọng, hoặc là người hủy rất hại, dùng khinh vọng trọng để hủy vọng thành. Phải biết tán tâm thiện vi tế không lỗi, lý không trái thuận mà tâm có đúng sai.

"Kinh Ưu-bà-tắc Giới...": Trong đây văn ý chánh khai thiện kia không luận tội kia, nhân nêu rõ dụng liên quan tiện giải thích đó thôi! Nay cũng nhân đây y kia lược nêu, cho nên kinh kia rộng nêu tướng năm giới trì phá. Lại nói nếu không trì giới thì gọi là Cấu Ưu-bà-tắc, Xú Ưu-bà-tắc, Chiên-đà-la Ưu-bà-tắc. Nếu trì giới sát thì cho đến con kiến, như trì giới rượu thì cho đến (hạt) giọt sương, đối với năm giới nói trên nếu thêm không giới bán rượu thì gọi là sáu giới trọng. Nay xuất gia tại gia nói trì giới rượu, còn dùng rượu hòa vào thức ăn, một người phàm uống bao nhiêu giọt ư! Còn không bằng Ưu-bà-tắc giới đâu có thể hy vọng Phật đạo ư! Trong năm giới trên lại có chúng phần nhiều thất tội lỗi nơi ý, nay văn chưa tận, lại có thất ý, nghĩa là không cúng dường Sư tăng không thăm bệnh, không phát sinh sự cầu xin dư thừa là không nghinh đón, bốn chúng đã từng gieo nhân đời trước, thấy người phá giới, nói họ không như mình (không bằng mình), sáu ngày trai không thọ

tám giới, trong bốn mươi dặm có giảng pháp mà không nghe, thọ nhận tọa cụ sàng tòa của Chiêu-đề tăng, nghi nước có trùng mà uống, đi một mình vào đường nguy hiểm nạn dữ, một mình ngủ đêm ở chùa ni, vì tài mạng nên đánh đập nô tỳ và người ngoài. Giữa đường thấy Tỳ-kheo, thì Sa-di không được đi trước, trong tăng làm thức ăn không được riêng cho (thầy) Bản sư ăn ngon và ăn quá phần, đi đường thấy người bệnh không được không săn sóc, không dặn dò khiến trị bệnh. Người trì giới như vậy gọi là tịnh, gọi là hương, gọi là Phân-đà-lợi Ưu-bà-tắc. Lại chế Ưu-bà-tắc khiến cúng dường Tam bảo hình tượng tháp miếu các thứ. Họa tượng không được dùng lẫn tạp sữa mỡ gà, cúng dường tượng thời đêm ngày không sai khác, không được dùng dầu tô bôi vào thân tượng và sữa rửa không được tạo tượng bán thân, thân tượng không đầy đủ nên cất dấu, và khuyên người sửa lại, sửa rồi phải đem ra cúng dường, lại thấy hủy tượng như hư hết không còn cách nào khác, dùng báu khắp tứ thiên hạ cúng dường, không bằng dùng các thứ công đức tán thán tôn tượng, chí tâm cúng dường, hai phước không sai khác. Người cúng dường pháp chí tâm tin ưa, thọ trì đọc tụng giải nói viết chép, như pháp mà hành và khuyên người làm, các thứ biên chép mười hai bộ kinh, cúng dường kinh như cúng dường Phật, chỉ trừ khi tắm rửa, gọi là cúng dường Pháp. Cúng dường Tăng: Cần phải cúng dường người phát Bồ-đề tâm người thọ trì giới, người xuất gia, bốn hướng bốn quả gọi là cúng dường Tăng. Nay trải qua tiểu thiện mà còn làm nhân Phật huống chi là thời gian dài chí tâm cúng dường, các thứ đây tuy thuộc tại gia Ưu-bà-tắc, và có chút ít chấp nhận chẳng phải chánh ý văn, nhưng để ngăn tội khiến trì, trì tức là thiện nhân thiên, đều có thể khai làm duyên nhân nhưng cũng đều là điểm yếu của người xuất gia tu hành có khả năng làm phép tắc qui cũ, vì vậy cho nên nhân tiện chép ra đây. Nay, kinh muốn thâu nhiếp thiện vi tế từ vô thủy đều hướng đến Bồ-đề. Nếu người đã phát tâm tùy có chút thiện thì đều là duyên nhân. Giới kinh nói: "Nơi dựng lập tượng thì phía trước không được ngồi vân vân": là lại có nhiều duyên: Nếu nạn vua... thì tùy thời châm chước. Lại kinh Công Đức Tạo Tượng nói có mười một công đức: 1. Đời đời mắt thường trong sáng. 2. Sinh nơi nào cũng không gặp ác. 3. Thường sinh trong nhà giàu sang. 4. Thân có màu sắc vàng tía. 5. Giàu sang nhiều trân báu. 6. Sinh trong nhà hiền thiện. 7. Sinh được làm vua. 8. Làm Kim luân vương. 9. Sinh ở cõi Phạm thiên thọ mạng một kiếp. 10. Không đọa vào đường ác. 11. Đời sau sinh trở lại hay kính trọng Tam bảo. Phải biết đâu phải là thiện căn ở Dục giới nhân thiên.

Kinh nói: “Duyên” (chì): Có chỗ nói Tích, nay nói Duyên thì xanh, Tích thì trắng, Duyên (chì) thì mềm, Tích (kẽm) thì cứng đều gọi là “thanh kim” (vàng xanh). Kinh Công Đức Tạo Tượng nói: “Nếu người sắp chết nói tạo tượng” cho đến “như dùng mì bún tạo tượng” thì có thể trừ diệt được tội nặng sinh tử trong ba đời tám mươi ức kiếp. “Miếu” là Mạo. Xưa nói: Chi-đề, nay nói Chế-đa dịch là Linh miếu, nên dùng chữ “Miếu”. Ngọc Thiên và Bạch Hổ chung đều nói là chỗ ở của Tôn mạo. “Lộ-bàn là Đồng bạt”, Trường an cũng không có âm đây, hoặc thanh chuyển đó thôi! Hoặc đương thời có người truyền, Chương An tùy tiện viết. Kinh nói “bối”, hoặc nói “bối nặc”, Trung Hoa gọi là “tán tụng”, phương Tây vốn có. Trung Hoa dựa theo Lương Tuyên Nghiệm ký nói: Trần Tư vương, họ Tào tên Thực, tự Tử Kiến con thứ tư của Ngụy Võ Đế, mười tuổi đã tài giỏi về văn chương nghệ thuật, tự chế tác chuyển bảy thanh. Thực đã từng dạo chơi ở Ngư Sơn trong hang cốc, nghe tiếng tụng kinh trong cốc xa vang ra tiếng hay, liền bắt chước mà chế tác lại âm thanh ấy, Như Kinh Hiền Ngu nói duyên Linh Thanh Tỳ-kheo...

“Âm nhạc cúng dường”: Có trong chúng xuất gia âm nhạc tự tùy. Nói “cúng dường”: Tự tư duy rồi thực hành để tâm nào đi theo? Tuy có văn đây ắt cần phải lựa chọn. Kinh Phạm Võng răn dạy chế phục đâu đợi cố chấp lời nói, chỉ sợ tâm cúng dường thì nhỏ mà làm tăng thêm sự phóng dật của tự thân, tăng trưởng lòng tham mạn cho người khác, kính tưởng khó thành. Cho nên Biệt dịch A-hàm quyển năm nói: Đức Phật ở tại thành Ca-lan-đà có một kỹ nữ tên là Trường Phát bạch Phật rằng: Con xưa từng hầu hạ bên cạnh một kỹ nữ lớn tuổi, nghe nói rằng: Ở trong trường kỹ viện thi thiết các việc đùa giỡn khiến trăm ngàn người đến xem, người ấy khi mạng chung sinh cõi trời Quang Âm, nói như vậy là hư hay thật? Phật dạy: Thôi thôi! Chớ hỏi như vậy. Kỹ nữ lại hỏi lại ba lần như vậy, đức Phật đều không đáp. Lúc bấy giờ đức Như Lai nói với kỹ nữ rằng: Lúc ấy có trăm ngàn người đến xem kỹ nữ, các người ấy vốn bị ba độc trói buộc, lại tạo tác việc phóng dật, lẽ nào không tăng trưởng tham sân si ư? Ví như có người bị sợi dây gai nhỏ như sợi lông trói buộc, nếu đem nước tưới vào thì càng làm tăng thêm sự buộc chặt nữa. Vốn bị ba độc trói buộc, lại làm kỹ nhạc thì sẽ tăng trưởng mạnh lửa tam độc, sau mạng chung sinh lên cõi trời thì không có việc ấy. Người nói như vậy là người tà kiến, mắc quả tà kiến sinh vào địa ngục. Khi Phật dạy lời ấy kỹ nữ khóc lóc. Phật dạy: Vì duyên ấy nên ngươi ba phen thỉnh, ta không nói. Kỹ nữ nói: Con không được nghe Phật dạy nên con khóc, chỉ thương xót cho các kỹ nữ khác lâu nay

thường nói như vậy.

Có người đến đây dẫn các kinh nói: Người nào đem hoa hương âm nhạc cúng dường: thì được Bất thoái. Như kinh Bất Thoái Pháp Luân nói: Đức Phật bảo A-nan lấy một hoa cúng dường Phật và tháp Phật thì cũng được Bất thoái, và kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: Lễ bái sẽ đắc đến Đại Niết-bàn... Người kia đã làm nhân Thật, tức văn này khai thô tức Thật cho nên cùng này văn không theo lệ. Có người dẫn Đại luận nói tiểu nhân đại quả, không theo lệ cũng vậy. “Độ ngã có thể thi chúng sinh”: Nếu luận “độ ngã” nên tại cơ vật (căn cơ chúng sinh). “Thi” là thi thiết, nay đức Thích-ca nhân nghe mười phương chư Phật ủy dụ bèn xưng “Nam-mô” để đáp lời chư Phật. Cho nên, biết rằng đức Thích-ca không thỉnh chư Phật độ. Từ “Kinh Ngũ Giới” cho đến “thi Phật”: là căn cứ theo Phật cũng không có lý kinh sợ. Y trong thí dụ dưới: Trưởng giả nghe rồi kinh sợ vào nhà lửa, pháp thân tư duy căn cơ nghĩa đáng kinh sợ. “Mừng xưng Nam-mô Phật”: tức là trong đáp thuận giải thích (xưng) Nam-mô chư Phật.

“Kinh Ngũ Giới giải thích Quy mạng vân vân”: “Kinh Na-tiên...” kinh kia nói: Na-tiên lúc nhỏ có Cố Cựu làm vua nước ngoại biên, giỏi tài vấn nạn, có nhiều vấn đáp cũng có thể kiêm giải thích nghi nhỏ. Na-tiên nói các Sa-môn thuyết lửa thế gian nóng không bằng lửa địa ngục. Vua nói: Đem viên đá nhỏ đặt trong lửa thế gian cho đến chiều thì đá cũng không tiêu. Lấy cục đá lớn để trong lửa địa ngục Nê-lê tức liền tiêu, tại sao người chết đọa nơi địa ngục Nê-lê trăm ngàn vạn năm lại không tiêu? Na-tiên hỏi: Cá thuồng luồng ở dưới nước lấy đá làm thức ăn phải không? Vua nói: Đúng vậy. Na-tiên hỏi: Đá tiêu chăng? Vua nói: Tiêu, Na-tiên nói: Trứng cá trong bụng cá có tiêu không? Vua nói: Không tiêu. Na-tiên hỏi: Vì sao không tiêu? Vua nói: Do phước đức khiến như vậy. Na-tiên nói: Ở trong địa ngục ác nghiệp chưa hết nên không tiêu, cũng như lang sói ăn xương thì xương tiêu, nhưng sói con ở trong bụng sói mẹ thì không tiêu.

Vua lại hỏi: Phật có tướng tốt không? Đáp: Có. Vua hỏi: Đức Phật có cha mẹ không? Đáp: Không. Vua hỏi: Đức Phật cũng không có người sinh ra tợ như cha mẹ ư? Na-tiên nói: Vua thấy hoa sen không? Đáp: Có thấy. Lại hỏi: Sinh từ dưới bùn phải không’? Đáp: Sinh từ bùn. Na-tiên nói: Lẽ nào hoa sen vì sinh từ bùn mà tợ như bùn ư? Đức Phật cũng như vậy.

Vua lại hỏi: một người chết sinh ở nước Kế Tân, một người chết sinh ở ngục Nê-lê thì ai đến trước? Na-tiên nói: Như hai con chim cùng

bay từ kia đến đây, một con đậu trên cành cây cao một con đậu dưới cây thấp, hai con chim cùng bay con nào xuống đất trước? Vua nói: hai con cùng xuống đất. Vua nói: Hay thay! Hay thay! Các văn khác đều chẳng phải chánh ý sớ, nhân tiện biết điều đó cũng là để tăng trí phá tà để hiển bày niệm Phật.

"Kinh Bồ-tát Xử Thai, kinh Báo Ân nói, Hoa Lâm hội...": Kinh nói: Hội thứ nhất độ chín mươi sáu ức người, hội thứ hai độ chín mươi bốn ức người, hội thứ ba độ chín mươi hai ức người, đều là người sơ giáo đắc quả. Ở chỗ đức Phật kia đến thời thứ năm đều được hiểu. "Nếu theo lệ thì trên...": bên trên văn lục độ sau kết tam giáo làm ba câu này. Nay liễu nhân trí cũng lại như vậy, đều khai thiên tiểu để thành nơi Thật, lại nói song phi bắt đầu từ Tam tạng Bồ-tát cũng khác phàm phu Tiểu thừa, cho đến Biệt giáo địa tiền đều phải khai. Nhưng cũng phải biết nguyên do khai. Nếu tâm thô cảnh diệu thì chỉ khai tâm kia, như dùng tướng tâm trì kinh Pháp Hoa, như nghe một câu, một bài kệ Pháp Hoa... Nếu cảnh thô tâm diệu, cảnh đã tùy chuyển thì không cần luận khai. Nếu tâm cảnh đều thô thì tâm cảnh đều khai, cũng có thể chỉ khai tâm kia thì cảnh đều chuyển. Đạo lý ắt phải biết khéo thể nghiệm tánh thì mới gọi là khai. Tóm lại mà nói tâm cảnh đều khai. Còn khai được bốn ác thô trí lâu xa, huống chi nhân thiên trí. Nếu không khai thì tri kiến Phật vĩnh viễn vùi chôn trong bốn ác chìm hẳn trong nhân thiên.

Hỏi đáp ý: Khai chút thiện nhỏ trong quá khứ kia chính là kích động tâm chấp trong hiện tại. Đã được quá khứ Phật khai xong. Sở dĩ sau khi Phật diệt độ nghe một câu kinh nói được thọ ký là nêu lên chìm mất huống chi sâu! Đều là dự định khai tâm kia khiến thành tâm cảnh đều diệu. Nếu có người sau khi Phật diệt độ nghe kinh này không tin, còn trao cho đức Phật sau ở trong hội Pháp Hoa vì họ khai tâm kia. Ý kinh chính nói: Ba đời đều khai, ta lẽ nào lại không như vậy?

"Chư Phật đời vị lai..." hai hàng tụng Giáo nhất. Kinh văn đã nói: "Dầu nói" và "Cho nên nói" thì biết là "Giáo nhất". Ba câu trong hàng đầu, nói "Dầu nói trăm ngàn ức..." là chỉ Thất phương tiện hết thảy thuyết Quyền, đồng thành liễu nhân. "Kỳ thật vì Phật thừa" một câu nói rõ ý thuyết Quyền. "Chư Phật lưỡng túc tôn" trở xuống, một hàng: nêu rõ nguyên do nói Nhất. Do biết "vô tánh" mà tu tịnh duyên, khiến được thành tựu năng diễn nói thừa đây. "Biết pháp thường vô tánh...": Đến lý Nhất thật thì Tánh tướng nhị Không. Vô tánh tánh Không tức không có bốn tánh. Đã nói "Thật tướng không có tự tánh...", cho nên biết tức là lý tánh tánh Không. Tánh Không đã vậy, tướng Không căn cứ đây mà

biết. Vô tánh cũng không có, tức là tướng Không. Cho nên biết trong kinh nói một Vô tánh là đủ hai Vô tánh, tức là Vô tánh tánh, và Vô tướng tánh. Vốn tự có cho nên nói "thường vô". "Biết" là chiếu, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm. Trong cảnh bất tư nghì thì "Nhất niệm tam thiên phi tự tha...": Đã không có bốn tánh thì nhất niệm cũng không có, tức là tánh Không. Đã không có nhất niệm, thì "vô niệm" cũng không có, tức là tướng Không, tức là nhị Không bất tư nghì. Nếu không hiểu nay dựa theo Trí luận, Trung luận... chuẩn theo lý theo nghĩa, duyên nơi tâm tánh, lập hai Không đây thì các thứ khác không thể chuẩn theo đây. Không phải dùng pháp tướng mà sánh kịp, cho nên nơi thật đạo cần phải "nhàn tu tánh". Hoặc là vốn tự hai Không, tức là tánh đức. Hoặc là xét nghiệm nhập Không, tức là tu đắc. Suy xét mà không thành thì cần phải tu vạn hạnh, chánh và trợ hợp hành. Trong hạnh đầy đủ tất cả các hạnh thì mới gọi là Duyên nhân, nghe nghĩa đây rồi mới gọi là khai.

Hỏi: Thế gian nhân duyên có thể dùng bốn câu để hiểu rõ sinh vô sinh, nay tánh vốn tịnh chẳng liên quan đến duyên khởi thì đâu cần dùng bốn câu này để suy tìm ư?

Đáp: Pháp duyên khởi thế gian cũng vốn vô sinh chỉ do tình chấp cho rằng đó là sinh, lý tánh cũng vậy. Do cho rằng tự tha bình đẳng nên cần phải suy xét. Nhị Không không hiển bày thì còn phải lại tiếp tục đợi suy tìm huống chi nhân duyên ư? Tự có truyện nói đến nghĩa đây ít có người hiểu tánh tướng đây tam giả.

Hỏi: Văn nay vì sao không lập quán này ư?

Đáp: Kinh từ lợi căn thì khai.

"Phật chủng..": Chú gia nói: Không có tánh Không hữu, thì gọi là Vô tánh. Kham nối tiếp Bồ-đề thì gọi là "chủng". Như đây giải thích: Đây từ tu mà đắc, chưa hiểu biết tánh chủng. Gia Tường nói: "Vô tánh, là chỉ nói vô tự tánh", lại dùng ba nghĩa mà giải thích "Phật chủng", nghĩa là Nhất thừa giáo, Bồ-đề tâm và Như Lai tạng. Giáo và phát tâm chỉ là chủng duyên, tuy tức nói "Tạng" mà không nói "Không cùng Bất không" và Hạnh Lý, cho nên không biết trong Nhân là tại nhân nào mà thành chủng thành tánh? Cho nên, trong "ba nhân: Chánh, Duyên, Liễu" cần phải biết tánh chủng, cái gọi là ba đường. Tiếp, biết loại chủng tức đàn chỉ... Nhưng nên biết duyên khởi thông cả nhiễm tịnh mà lý chẳng phải nhiễm tịnh duyên khởi rõ ràng. Tịnh duyên khởi đây tức là nói nguyên do, nêu rõ do tịnh duyên từ nhân đến quả và lý bất tư nghì cảm ứng, cho nên lấy đây làm chủng duyên kia. Chỗ khác nói: là do thiện

căn lực của hành giả. Về Như Lai thức thì văn nghĩa tương sinh, đầy đủ như văn trước phá trong giải thích “Nghe”. Ở trong đó phần đầu nói trung đạo, dưới lập bản vô tánh làm bản tánh đức, nên biết chủng này tức chủng tánh gia cho nên trở lại lập vô tánh làm gốc (bản). Vì muốn nêu rõ “tánh gia duyên khởi” nên nói “chủng”. Chủng là nghĩa sinh, tức như ở trước đã nói mười pháp giới mỗi giới như lý tánh câu tánh đều là chủng, đầy đủ như trước giải thích. “Mê lý này...”: song nêu nhiễm tịnh hai chủng duyên khởi, trước nêu nhiễm sau nêu tịnh. Trong nêu nhiễm thì do vô minh cho nên làm pháp tánh duyên, do duyên mê mà khởi chín giới, mỗi giới , tam thiên sự duyên khởi tức là tánh chủng từ duyên mê. Khởi nơi chúng sinh, tức là chân như tùy nơi nhiễm duyên.

“Giải thích lý này...” nêu tịnh duyên khởi, tức nghe Nhất thừa giáo, khởi Nhất thừa hạnh, hạnh thông nhân quả, năng thành Chánh giác. “Muốn khởi...”: Thành chánh giác rồi thì năng vì người khác mà nói, cho nên nói Nhất thừa tại Giáo nhất, tức “quả Phật chủng” từ Tịnh duyên khởi. “chúng sinh Phật chủng” từ Thuyết duyên khởi. Như thế cũng thông đường làm nhiễm tịnh, cũng có thể mười pháp giới triển chuyển xen lẫn mà luận. Nay nêu rõ Phật thừa thì phải dùng chín giới đều gọi là nhiễm. “Lại, Vô tánh... “: Dùng Duyên giúp Liễu, Chánh, nêu rõ công năng Duyên Liễu tương thành. Đối Chánh mặc dù như vậy nhưng nếu luận hạnh thể thì mỗi mỗi đều ba nhân đầy đủ tức tu đắc. Chủng quả đã thành nên gọi là “đắc khởi”. “Nhất khởi nhất thiết khởi”: là hiển tướng quả thừa. Y chánh, chủ bạn, cho đến báo đáp nhân nhất trần nhất hạnh nhất thời đều khởi. “Khởi” là thành. “Như đây...”: là kết quả thừa thành tướng, tu tánh nhất hợp không còn phân rộng nữa, tức là lý tánh ba nhân khai phát. Thông danh “ba tánh”, từ đây trở đi không thể cải đổi. Đây là giải thích kinh trực tiếp từ Khai nói, nêu đủ tu tướng, dựa theo Chỉ Quán nói mười pháp thành thừa. Trong cảnh đầy đủ kiêm tu tánh, tánh chủng, chánh hạnh làm liễu, trợ khai làm duyên, hai mươi lăm pháp là tiền phương tiện. Biện rõ chín pháp dưới, nêu xét rõ về tu phát, giáo hạnh chánh trợ đều là lý. Lý nhất tức là sở trụ pháp vị thế gian tướng thường. Nếu không vậy thì y cảnh tu tập dựa tâm không có địa, cho nên biết tu tánh đều có tự tha. Trước trong suy tìm tánh thì không nêu vị tha, y đây khởi hạnh thì mới suy tìm hạnh tha, dùng hai tha đây cộng suy tìm một tự. Nếu suy tìm tánh thì lên xuống đạt lý. Nếu suy tìm tu thì ly chấp hạnh thành. Do tánh bản vong, mất vào lúc mới tu, vậy thì hai chiếu đồng nêu, song hoặc đều bỏ. Như vậy mới hiểu rõ nhiễm tịnh duyên khởi, vô thủy vô bản đều quy Nhất như. Lại từ tịnh

duyên có chỗ nói là biên, cho nên nói Giáo nhất. Cho nên Ngũ Phật nói lý Đại đặc thù mà không khác. Nếu không vậy thì lẽ nào nhân duyên sự dẫn bốn Đức Phật đồng.

Trong "Lý nhất" nói "Pháp đó trụ pháp vị...". Đầu là "pháp" chánh chỉ Lý nhất. Thế nhân đều gọi là lý tánh bản tịnh, lý nếu bản tịnh thì cần gì tu? Nếu bản không tịnh thì tu cũng không thành. Nay nói lý tịnh chẳng phải đã tịnh. "Chúng sinh...": là giải thích "trụ pháp vị". "Chúng sinh chánh giác" là trùng xuất pháp đó, pháp bất xuất Như, đều Như, là "vị", chúng sinh về lý là Phật, đã chứng lý đó, cho nên gọi là "Trụ". Bởi vì Như là Vị nhất cho nên gọi là "vị". Pháp tịnh hay nhiễm đều gọi là "pháp". Nhiễm gọi là "chúng sinh", tịnh tức là "Chánh giác". "Chúng sinh chánh giác" là pháp năng trụ, nhiễm tịnh nhất như là vị sở trụ. Phân cuộc định hạn cho nên gọi là "vị". Vị không có hai tên, đồng lập "nhất như", không xuất chân như cho nên chỉ hạn cuộc đây. Hạn cuộc đây tức thông khắp tất cả; là tột cùng của hạn cuộc, là thịnh của nghĩa thông. Như địa vị vua ở thế gian là sở trụ của người, "vị" cũng là tánh bởi vì không thể sửa đổi, như tánh nhân vương trước sau không sửa đổi. Áo vải, với lên ngôi cao tột tuy tướng khác mà tánh nhất. "Thế gian tướng thường trụ": Tướng có thể nêu cờ xí, vị có thể ở lâu. Chúng sinh Chánh giác tướng vị không hai, hiển mê tức lý, lý tức thường trụ. Phật đã khế hợp thường, chúng sinh lý ấy, cho nên Chánh giác chúng sinh tướng vị thường trú. Nhiễm tịnh tướng vị đã đồng nhất. Như vậy cho nên tướng vị lý đó phải bình đẳng. Phật y thế gian tu thành lý cùng cực, nghiệm biết thế gian vốn có lý đây, cho nên nói thường trụ.

Hỏi: Vị có thể Nhất như, tướng như thế nào bình đẳng?

Đáp: Vị thì căn cứ lý tánh, quyết không thể sửa đổi. Tướng thì căn cứ tùy duyên, duyên có nhiễm tịnh. Duyên tuy nhiễm tịnh, đồng gọi là duyên khởi. Như sóng nước có đục có trong, mà tánh ướt thì không khác. Đồng dùng tánh ướt làm sóng, nên đều dùng Như làm tướng. Đồng dùng sóng làm tánh ướt, cho nên đều lấy Như làm vị. Sở dĩ "tướng" cùng "thường trụ" danh kia tuy đồng mà nhiễm tịnh đã phân, Như vị cần phải biện rõ, huống chi danh xưng "thế gian" cũng thông nhiễm tịnh nhân quả. Vả lại, nay từ ngộ hiển mê, dùng tịnh hiển nhiễm, thì tịnh ngộ đắc nơi thường sự, mê nhiễm chỉ gọi là "lý thường". Lại danh xưng "thế gian" thông thâu Y báo Chánh báo, danh xưng "thường trụ" không ngại hai đường cho nên nói "Lý nhất". Nếu không hiểu như thế, thì uổng nói Khai quyền thì làm sao hiển thật? Cho nên nay hỏi pháp bị khai đó, duy nhất chỉ tin Phật nói vì cũng sửa đổi mê. Tuy bốn pháp bao hàm vì người

thu nhiếp, mà đắc ý quên lời thuyết bất khả tận.

"Lại, giải thích...": riêng căn cứ sinh để giải thích "thế gian tướng thường". Trước đã giải thích mặc dù sự lý thông tổng, mà chưa chỉ bày một cách đích xác lý cảnh sở tại, cho nên dùng ấm nhập đối Chánh nhân mà nói, chín giới ấm nhập vị vốn thường trụ.

■

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5
(Phần Hạ)

Tiếp “Nhưng Chánh nhân này...”: dùng Chánh ấm nhập đối tu duyên liễu, tam nhân lục pháp bất tức bất ly. Nói “Chánh nhân...”: Là xen nhau nêu nhất biên. Lẽ ra nói: “ấm nhập” cùng “tánh chánh nhân” bất tức bất ly, lại cùng tu đắc duyên liễu bất tức bất ly, chánh nhân cùng với lý lục pháp cho nên bất ly, chỉ lý cho nên bất tức. “Duyên liễu” cùng “lục pháp” cũng lại như vậy.

Hỏi: Trong văn vì sao làm thuyết thiên lệch?

Đáp: Bởi vì dễ hiển bày. Chánh vốn bất ly nay thêm bất tức, duyên liễu bất tức nay thêm bất ly. Cho nên cần phải đều đầy đủ mới gọi là tận lý. Đây dùng thí dụ Sờ voi trong Đại kinh. Văn dụ đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba dẫn chứng:

Nói “lục (sáu) pháp”: là ngũ ấm và thần ngã, cho nên sáu thứ đây cũng gọi là “chánh nhân”. Đồng thuộc khổ, cho nên cũng gọi là “duyên liễu”, kiêm Hoặc nghiệp. Trong đây phải có thông biệt hai đối. Biệt đối: Trong sáu pháp thì Hành ấm và Thần ngã là Duyên nhân chủng, số còn lại và Sắc ấm là Liễu nhân chủng, Thức ấm là Chánh nhân chủng. Nếu thông đối thì đầy đủ như văn này. Sáu pháp tánh đức Chánh nhân cùng sáu pháp tu đắc Duyên liễu bất tức bất ly, cho nên tu sáu tánh sáu nhất thể không sai khác. Phải biết rằng: Ấm nhập chỉ là thường trụ. Nếu đem văn đây cùng trong Chỉ Quán đối thông biệt, thì kia đối với ba đức bốn đức của Đại kinh đều có ý kia. “Đạo tràng...”: Quả lý trước thành cho nên nói “cửu sướng” (từ lâu thông suốt). Lại, hướng về Tịch diệt đạo tràng hơn bốn mươi năm, gọi là “cửu sướng” (từ lâu vui thích thông suốt). “Vật tình chướng nặng”: Chỉ trừ Viên trong tam vị, ngoài ra đều là chướng nặng. “Vân vân”: Trải qua bộ, căn cứ vị, phân biệt vi tế. “Văn trên có bốn”: Chuẩn theo trên thì chỉ có ba: l. Ý xuất thế. 2. Khai quyền. 3. Hiển thật. Nay đã nói bốn thì phải biết văn trên cũng có thể chia làm bốn, nên nói ý thứ tư là: Tổng dùng Nhân nhất Lý nhất, kết ba

đời ở trên, có thể không như trên. Lý hợp văn biệt cho nên nay nói bốn. Lại có hai thứ không đồng: l. Trên thì trước khai quyền tiếp hiển thật, nay thì trước hiển thật tiếp khai quyền. 2. Văn trên trong Thật chỉ có Giáo Hạnh, nay đây thì Lý Giáo hoặc là Lý Hành. Không đồng không ngại nên không nói riêng.

"Chỉ thượng bản hạ": Văn phẩm Thí Dụ dưới dùng đây làm bản, thí dụ ắt có pháp cho nên gọi là "bản hạ". "Văn nghĩa giao gia": Trong đây chỉ dưới đến dưới chỉ đây, cho nên nói "tầm sớ...". Chương An dự điểm khiến không mê loạn, mê loạn tại người độn lợi, vì sao lo buồn? Nhưng các sư phân thí dụ cùng pháp xen lẫn đời trước lẫn lộn ngăn cách muốn làm thí bản chấp định chẳng theo, cho nên trước trình bày "phi", sau mới chánh giải thích. Đầu tiên sư nêu năm thí dụ: l. Thí dụ Trưởng giả tức văn "quốc ấp...". Pháp thuyết tức chỉ văn "Nay ta cũng như vậy...". 2. Thí dụ Tư duy cứu giúp, tức văn: "Trưởng giả suy nghĩ rằng...". Pháp thuyết tức chỉ văn: "Ta dùng Phật nhãn xem thấy..." 3. Thí dụ Quyền dẫn, tức văn: "Bây giờ Trưởng giả liền suy nghĩ rằng...". Pháp thuyết tức chỉ văn: "Ta xưa ngồi đạo tràng...". 4. Thí dụ Bình đẳng, tức văn: "Bấy giờ Trưởng giả đồng ban cho xe...". Pháp thuyết tức chỉ văn: "Ta thấy các Phật tử chí cầu....". 5. Thí dụ Bất hư, tức văn: "Xá-lợi-phất! Ý ông...". Pháp thuyết tức chỉ văn: "Các ông chớ có nghi...".

Nếu đối nay, thì Thí dụ thứ nhất là tổng dụ, tổng dụ có sáu: l) Lẽ nào chỉ một Trưởng giả cho nên không dùng. Thí dụ thứ hai: "Tư duy cứu giúp", đối nay là cứu con không được, chỉ là trong Biệt thí dụ dùng lại dự định thích nghi thí dụ đó thôi! Cho nên biết rằng: chỉ nói tư duy cứu giúp thì lý đó không trọn cho nên dùng lại cứu con, trong đó có ba: Dự định thích nghi, không có căn cơ, thôi hóa độ. Không nên chỉ riêng nói tư duy cứu giúp. Thí dụ thứ ba trở đi, thì nay là từ "Ta dùng" trở đi ở trong Biệt thí chia làm sáu ý, kia chỉ có ba. Thí bản không đủ cho nên cũng không dùng. Dao sư dùng trọn chương Ngũ Phật dùng để hiển Thật. Nói "bốn chương": Hợp chương đầu ở trong chương Thích-ca, mà dùng Quyền Thật hợp làm một chương. Dùng chương Ngũ trược làm Bất đắc thuyết nhất, lại dùng văn "đốc thúc" làm Bất đắc đều không đúng văn, cho nên không dùng. Mà nói trong thí dụ chỉ có ba thì thiếu Thí dụ thứ ba: Ý bất đắc do trong thí dụ không có văn đây, cho nên gộp chung thì không đồng nhất. Trong văn liệt kê ra bèn dùng khai quyền làm Thí dụ thứ nhất. Khai quyền tức hiển thật, nên đối với Thí dụ thứ hai Đồng ban xe lớn. Đây thì Thí bản và Thí rất là sơ lược. Nhưng trong trường hàng chương môn Ngũ Phật chư Phật, còn tổng quát lại thiếu

Ngũ trược. Ba Đức Phật căn cứ theo lệ văn kia lại lược. Đức Thích-ca hóa chủ văn tướng ít tùy thuận cho nên chỉ chọn Thích-ca chia làm bốn chương. Ngài Dao sư thì phí phạm nên không dùng. Tiếp, đến hai ngài Long sư và Sướng sư đều lập thành sáu dụ, theo cách nói tựa như sai khác mà ý kia không khác. Hai sư đều không lập Tổng thí, không thể dùng đối với phương tiện lược tụng, ở trong Biệt thí văn rộng tụng lược, sáu nghĩa trong đó vẫn trước chia làm bốn, các phần nhỏ lại nhiều. Cho nên biết hai sư đều cùng phẩm thí dụ, nghĩa không tương đương, bởi vì thí dụ ba, thứ tư chỉ là nay thí dụ thứ hai "Nghĩ Đại thiết lập Tiểu".

Lại, văn "Bất hư" hợp tán thán pháp hy hữu mà không thuật ý kia, cho nên không dùng. Tiếp đến ngài Quang Trạch phân làm mười thí dụ nói: Đầu lập tổng thí cùng nay văn đồng, chỉ chín thí dụ dưới đối với nay tức là rộng tụng sáu nghĩa, nếu đối với văn đây thì chín thí dụ dưới chỉ nên hợp làm bốn. Trong đó Thí dụ thứ hai có bốn hàng là nghĩa nay "Thấy lửa". Tiếp, "Ta xưa..." là thứ ba có sáu hàng rưỡi, và thứ tư có mười một hàng nêu Tam thừa hóa đắc, là nay ý "nghĩ Đại thiết lập Tiểu". Tiếp, "Ta thấy..." là thứ năm... tổng có năm văn sáu hàng là nay ý "hiển Thật". Tiếp, "Các ông..." là thứ mười, một văn là nay văn "Bất hư". Các nhà chú giải nay phân nhỏ hơi giống ngài Quang Trạch, nhưng cùng "Tín giải đời trước" không đồng, cho nên không chia nhỏ. "Có người...": đây là người khác đem nghĩa nay nhưng lẫn lộn với Quang Trạch, cho nên đem ý đây để nạn vấn Quang Trạch. Cùng là chia nhỏ tại sao không làm mười chín câu, dùng mười dụ của Quang Trạch đối nay tổng sáu biệt bốn, tổng biệt đều khai hợp có mười tám câu, thêm một câu Quang Trạch thành mười chín câu? Vì sao Quang Trạch dụ thứ nhất tức nay Tổng thí, lẽ ra chia làm sáu, Quang Trạch chỉ hợp làm một? Dụ thứ hai "Thấy lửa...", nay trong biệt chia làm bốn thí, Quang Trạch lại chia làm chín? Một thấy lửa nay chia làm ba, Quang Trạch chỉ một. Dụ thứ ba: "Ta xưa..." tức nay văn biệt chia làm bốn trong đó dụ thứ hai Nghĩ đại cho Tiểu, Quang Trạch chia làm hai văn. Quang Trạch dụ thứ năm... đến thứ chín tổng năm đoạn văn nay hợp làm một dụ Đồng ban xe lớn, tức thí dụ thứ ba trong bốn biệt thí. Cho nên Quang Trạch dụ thứ năm: "Ta thấy các Phật tử" và thứ sáu đều dùng hai văn. "Đem tâm cung kính", tức nay văn thí dụ thứ ba Đồng ban xe lớn trong bốn biệt thí: chia làm bốn văn, trong đó tức văn đầu trên. Thứ bảy "Ta liền..." tức nay văn trong bốn biệt thí, văn thứ hai trong văn thứ ba, tư. Thứ tám: "Ở trong các Bồ-tát..." tức nay văn thứ ba trong văn thứ ba, tư của phần bốn biệt thí. Thứ chín "Bồ-tát nghe..." tức nay văn thứ

tư trong văn thứ ba, tư của phần bốn biệt thí. Thứ mười “Bất hư” tức nay một văn thứ tư trong bốn biệt thí, lại chia làm ba: Nghĩa là tán pháp hy hữu và bản bất hư cho đến lập văn đốc thúc tin. Đây chính là trong Biệt chia thành mười hai. Ngài Quang Trạch lại chia trong bốn biệt thí của văn nay trong văn thứ ba thứ tư, đầu văn là Thoát nạn, xin xe hai văn, nay đã quá chi tiết chỉ làm mười tám câu. Nếu dụ thứ sáu trong mười hai biệt lại chia làm hai thì có bốn lỗi bởi do đây. Đã chia làm hai thì thành mười ba và trong tổng sáu hợp thành mười chín, tại sao không gọi là mười chín câu ư? Nay tuy mười tám không gọi là mười tám câu, là vì Pháp, Thí đời trước tín giải không có nghĩa đây. Muốn khiến thông có lại hợp làm năm hoặc tổng biệt hai, chương đoạn đã ít trên dưới dễ đồng. Cho nên, trong văn nay có ba loại phân văn: Quang Trạch định làm mười không có thừa thiếu, tiến không thành mười chín, thoái không thành năm, tổng biệt rộng lược lại không tương đương, huống chi khai đại căn cơ lấy làm hai đoạn. Trong pháp có trở ngại nên không hợp khai. Nhưng đối với các sư thì Quang Trạch là hơn hết. Hoặc dùng đến trong sáu nghĩa, hoặc lập sáu nghĩa này tức thu nhiếp mười chín vào trong sáu nghĩa đây, vì sao không chỉ nói làm sáu nghĩa ư? Vì sao? Vì dựa vào sáu của tổng trước chấp nhận hợp làm một, trong bốn biệt chỉ tách thứ hai làm hai đoạn, tức làm năm chương, đối với một tổng trước tức thành sáu nghĩa. Nếu hoàn toàn y văn đây thì chỉ thành năm nghĩa. Người khác lại dựa vào sáu nghĩa làm lời vấn nan. “Lại, mười dụ đến nỗi so le (không đều)...”: là khai làm mười thí dụ, pháp thí hai xứ còn tự so le huống chi cùng văn Tín giải v.v... hợp ư? Cho nên “Pháp thuyết...” nêu tướng không đều (so le). Lại, Quang Trạch câu số cùng nay chia nhỏ tựa như đồng, mà chương mục chưa ổn cho nên cũng không dùng.

Dưới kết nói bốn lỗi: l. Trước sau. 2. Đại tiểu. 3. Có không. 4. Dẫn văn. Nay đầu tiên lỗi trước sau không đồng: Nếu nay trong phân biệt chia nhỏ, nghĩa thứ năm tách làm năm, sáu và văn thứ bảy làm cha vui mừng thì đối với Pháp thuyết Đòi xe, cha vui mừng trước sau, xen lẫn trở về. Nói trong Pháp thuyết Đòi xe ở trước: Trước nói: “Xá-lợi-phất nên biết ta thấy Phật tử... đến cầu Phật đạo...” hai hàng tức xin xe ở trước, tức Quang Trạch là văn thứ sáu. Tiếp một câu cuối cùng trong hai hàng một câu, mới nói “nay vui mừng”, không sợ, tức cha vui mừng ở sau. Trong thí thuyết cha vui ở trước: Trước nói: “Bấy giờ Trưởng giả thấy các con an ổn được ra khỏi nhà lửa...”. Xin xe ở sau...: Tiếp văn mới nói: “Bấy giờ các con đồng thưa với cha rằng...” Nếu trong mười thí dụ của Quang Trạch hợp ở hai đoạn năm, sáu đồng làm căn bản một dụ

Xin xe và căn bản dụ Thoát nạn thì không thể nói căn bản dụ Vui mừng tức không có lỗi đây. Nói tuy muốn hợp thông mà ví như nói quanh co để thông nói "do vui nên xin, do xin nên vui", cũng chưa tiện ổn, cho nên nói "gọi là quanh co". "Lại, Đại tiểu...": ở trong Đại tiểu lại làm ba lỗi. Nói trong Pháp thuyết Đại căn cơ động: Tức Đại tiểu không đối. "Nay ta vui vô úy" lại tiến dùng câu dưới nói: "Ở trong các Bồ-tát". Cho nên biết đây là thấy Đại căn cơ động cho nên vui. Nếu nói: "Thấy các con được an ổn được ra khỏi nhà," cho nên biết đó là thấy tiểu căn cơ thoát nạn nhà lửa cho nên vui. Tiếp, Nhân quả không đối: Trong Pháp thuyết ý nói: "do xưa không tin," cho nên nói: "Xá-lợi-phật nên biết cho đến nay ta vui vô úy," nên biết là nhân Đại thừa. Trong Thí nói thấy các con được ra khỏi nhà lửa, cho nên biết là quả Tiểu thừa. Trong Pháp thuyết đại chương sắp nghiêng, vậy sau liền nói: "Bồ-tát nghe pháp ấy thì lưới nghi liền trừ,... trừ không xa". Trong Thí thuyết nói: "an ổn được ra". Cho nên nói Tiểu quả có ba lỗi đây, lỗi do Quang Trạch dùng văn thứ năm, sáu, bảy, cho nên làm căn bản thí dụ chưa gọi là tiện ổn. Nói "Lại có không khác": là phá trong mười dụ kia thì thứ sáu là căn bản của thí dụ Đòi xe, trong văn Pháp thuyết không nói Đòi xe, đến trong Thí thuyết vì: "căn chẳng lợi" do đó mới có, cho nên không được dùng làm căn bản của thí dụ Đòi xe, huống chi Pháp thuyết trong đó chỉ nói: "Ta thấy các Phật tử... chí cầu Phật đạo", chẳng liên quan đến nhị thừa đòi xe Tiểu thừa. Lỗi thứ tư: "Nếu dẫn...": gọi là lỗi dẫn văn. Lẽ nào được lạm dụng văn nói "lai chí" liền làm căn bản thí dụ Tiểu thừa Đòi xe. Đây theo hợp trách làm bốn biệt thí, cho nên biệt thí với văn thứ ba hợp làm một văn đồng ban cho xe. Dù cho chia đây làm bốn, thì: l. Gọi là Đại thừa cơ động làm bản thí dụ Đòi xe sau chỉ không được nói Đòi xe nhỏ (Tiểu), cho nên trước căn cứ Đại tiểu, trong đó phá nói: "thí thuyết trình bày tiểu quả", chỉ nói trình bày Tiểu mà tình thì cầu nơi Đại, tức gọi là "cơ động", cho nên nói "sai khác không thấu hiểu ý văn". Cho nên biết văn kia tự nó là đại cơ sắp động. "Nhưng có, không...": văn nay tự biện rõ đồng khác có sáu. Đầu tiên trong "có, không": nói "trường hàng có chân ngụy" tức là văn giản ngụy đốc thúc tin. Nói "trong kệ thì không": Đây là hoàn toàn thuận xưa dùng bảy hàng kệ cuối làm pháp thuyết lưu thông. Nếu dựa vào ý này lấy bảy hàng đây làm văn đốc thúc tin, thì thiếu một ý "có, không" này. "Trong tụng có tán pháp": Từ "Chư Phật hưng xuất..." là văn bốn nạn, trong trường hàng hoàn toàn không có. "Theo thứ lớp, phần trường hàng trước khai tam sau hiển nhất": trong trường hàng đầu tiên nói: "Xá-lợi-phất.

Ta nay cũng lại như vậy, biết các chúng sinh có các món dục...". Lẽ nào chẳng phải thiết lập Tam?

Tiếp, văn nói: "Như thế đều vì đắc nhất Phật thừa", tức hiển nhất. Trong tụng, đầu tiên là tổng tụng hai hàng, thì hàng đầu hiển Thật, hàng sau thiết lập Quyền. Cho nên trước nói: "an ổn và chỉ bày (thị) Phật đạo". Tiếp, văn mới nói: "Ta dùng sức trí tuệ biết chúng sinh tánh dục". Nếu chấp văn Biệt thí thì trước tiên trong Ngũ trược lại chia làm ba: Mắt năng thấy cũng nên hiển Thật. Tiếp, lửa được thấy và nghĩ Đại thiết lập Tiểu đều thuộc Quyền. Nếu luận đại ý của Biệt thí, thì cũng là trước quyền sau thật. Nếu lấy tổng tụng, thì hàng trước hiển Thật hàng sau thiết lập Quyền. Trong "Khai hợp", nói: "Đầu tiên hợp mà không khai": là "Nếu được..." hai kệ chỉ là vì tổng thí mà làm căn bản, nên nói hợp mà không khai. Nếu dùng hai kệ tách làm sáu thì tổng cũng có biệt, vả lại từ hợp thuyết, cho nên đối với thí dụ dưới cũng lại phân. "Văn Ngũ trược tách làm bốn căn bản thí dụ": E rằng văn lầm, lẽ ra nói ba căn bản thí dụ tức trong bốn Biệt thí thì văn đầu lại làm ba: tức là Năng kiến, Sở kiến, Kinh sợ vào. Đối văn thí dụ dưới vẫn có bốn. Kia dùng Thí dụ thứ tư rộng nêu thấy lửa, hợp tại văn thứ hai, cho nên biết chỉ có ba.

Tiếp, trong phần "Nêu Thủ xả" nói "Bốn đoạn kinh văn chia làm sáu thí bản": "Bốn đoạn": là Biệt bốn. "Sáu thí": Chia Ngũ trược làm ba và ba đoạn dưới tức là sáu. "Tán pháp chẳng phải căn bản của sáu thí dụ": ở trong bốn biệt, tách đoạn thứ tư nêu tán thán pháp, đốc thúc tin, chẳng phải căn bản sáu thí dụ dưới. Tiếp, trong phần "Tổng biệt, đầu tiên khai tam hiển nhất": tức hai hàng đầu tổng tụng. "Bản tích": Lại căn cứ tích luận bản tích, tức pháp thân là Bản, khởi ứng là Tích. Tức đây chương đầu chia làm ba ý: Nhãn năng kiến là Bản. Thứ ba đại bi là Tích. Thứ hai sở kiến chấp là nguyên do chư Phật thùy tích. "Vân vân": là cần rộng căn cứ tích bản, lâu mau, xưa nay, thể dụng... để phân biệt đồng khác, đầy đủ như trong Huyền Văn quyển sáu. Lần nữa bản tích và trong Tựa trước đã lược xem xong. "Nay nói...": là chính nêu nghĩa tông, tông chỉ biệt, cho nên nói "chính là...". Trước trực "Pháp thuyết..." là muốn phá các sư lập thí dụ không thể tận lý. Cho nên, trước đưa ra tam chu lý đồng, tiếp đến "Nếu làm..." là biện rõ lỗi xưa thí, nên nói nếu làm ba, sáu, mười thí dụ thì đối tam chu văn không hợp. Như trước đã nêu ngài Dao sư làm ba dụ, ngài Sướng sư và Long sư đều có sáu, Quang Trạch có mười. Nhưng nay văn chẳng phải không lập nơi các số ba, sáu mà chỉ vì phân tiết dư thiếu cùng chỗ khác không đồng.

Nói "đối tam chu thì văn không hợp": Pháp thí không hợp đã lược như trên. Đối với văn nói "đời trước" thì chỉ có thể chia làm hai thí ba thí, cho nên phân nhiều thì không thể. Nói "Bốn người tín giải trái ly": Nếu đối tín giải chỉ có thể tổng sáu, biệt bốn, nếu đối tha năm, ba, sáu và nay mười tám thì trái trương ly phân, đầy đủ như trước phá mười thí dụ của Quang Trạch, cho nên phá xưa đã tự lập ba... Nay lập ba, như văn dưới nói, lại nhất thời ba thí, hoặc là năm như tổng một biệt bốn. Hoặc là sáu, như tổng biệt đều sáu. Hoặc là mười, tức tổng sáu biệt bốn. Cũng có thể là mười một, tức tổng một biệt mười. Cũng có thể là mười sáu, tức tổng sáu biệt mười. Cũng có thể là mười tám, như mười tám câu trước. Chỉ bản dưới theo trên thì không tương ưng. Nếu muốn thông trên dưới không sai thì chỉ y ba tiết mà giải thích văn. Nếu ứng bốn xứ (chỗ) thì chỉ là ba thí bốn thí. Nếu chỉ tại pháp thí thì lược sáu rộng sáu. "An ổn... trụ xứ": Đức Phật vì đã chứng cũng khiến chúng sinh trụ nơi xứ này, mà nay chúng sinh còn trụ trong tam giới là xứ không an ổn, tâm Phật đại bi đến nỗi khiến kinh sợ mà vào. Nói "Chủng chủng pháp môn tức đối bất chủng chủng": là cũng là từ bản ý Phật để nói. Như Lai vốn dùng một môn lợi vật sự không thâu hoạch, thiết lập chủng chủng môn mà ý thiết lập Quyền vốn tại hiển Thật, cho nên nói "tuyên thị (bày) Phật đạo". Phật đạo chỉ có Thật, dùng Quyền đối Thật, dẫn Quyền nhập Thật cho nên nói "tương đối". Tương đối chỉ là ý cảm ứng thôi!

"Bản mạt tương thừa (nối nhau)...": Bản pháp thuyết, mạt thí dụ... "Vân vân": như dưới dẫn. Nói "Trong rộng tụng sáu nghĩa trên chia làm bốn": Nếu đối bốn biệt, thì cái thứ tư phân làm ba gọi là "sáu nghĩa". Nếu cái thứ tư làm một, thứ nhất làm ba thì chỉ gọi là "sáu thí". Nếu nói sáu nghĩa thì không ứng với văn thí dụ, chỉ có thể tụng trên, cho nên chỉ nói sáu nghĩa. Nếu làm căn bản thí dụ thì hợp bốn, năm, sáu, chỉ làm một Bất hư. Trong đây có đốc thúc tín, đốc thúc tin tức giản lược ngụy, cho nên biết văn trên không được nói không. Vậy thì biệt sáu rộng nơi tổng sáu. Cho nên, nay chỉ hợp sáu nghĩa làm bốn. "Nếu lại chia nhỏ khai", hoặc muốn lại phân chia nữa thì như trước trong biệt chia làm mười hai câu, vì đối các văn trên rộng cho nên khai, vì đối các văn dưới lược cho nên hợp. Xưa dùng bảy hàng cuối cùng làm pháp thuyết lưu thông, nay văn không dùng. Nếu đối với thí dụ và văn nói "nhân duyên đời trước" về sau, thì tuy giống như lưu thông mà chẳng phải lưu thông, do đó người thấy nói đời sau thì cho rằng giống lưu thông. Cho nên xưa theo lệ đó lấy làm đắc ý; văn ý không như vậy. Cuối phẩm Thí Dụ, chỉ vì Thân-tử làm tam chu thỉnh Hóa chủ, tự mình đã đắc ngộ, lại vì hàng

trung căn mà lần nữa lại thỉnh thuyết thí dụ. Đã đáp thỉnh rồi cho nên dùng pháp này mà lược giao phó. Luận cho cùng thì chỉ là chỉ cho kia tội phước của tin và hủy báng. Nếu vậy, thì tại sao không đợi sau chu thứ ba, một lúc giao phó? Sau thí dụ đã giao phó pháp thuyết trước, sau vì sao không giao phó? Đáp: Đến cuối tam chu thì tự có lưu thông rộng giao phó cả Bồ-tát, đâu riêng gì Thân-tử. Như trong văn dưới: Còn không thiên vị giao phó cho Bồ-tát phương khác, đâu riêng gì Thân-tử. Cuối chu Pháp thuyết Thân-tử lãnh giải đầu tiên, tự tu hạnh mới thành chưa Thích nghi lợi vật. Song, ý chỉ Đại thừa tại Phật không cần phải khổ nhọc luận! Dùng tụng tán pháp, đốc thúc tin: Nhưng trong văn trên liệu giản "có, không" nói "trong tụng không có chân ngụy" tức không có đốc thúc tin. Nay trong đây dùng tụng tán pháp, đốc thúc tin, tức chỉ là cách chung khuyên phàm phu khiến họ sinh lòng tin, cho nên nói tán pháp khuyên tin. Do không nói "chuyên đốc thúc Thanh-văn" cho nên trước nói "không".

"Nay chỉ tụng Số, Danh, Thể ba thứ". Trong đây từ "Lục đạo" trở đi là tụng Ngũ trược bên trên, đây năm tức số, sáu ắt năm. Đây "bần cùng..." tức xuất thể, do năm pháp đây tức gọi là "trược", cũng không có biệt danh. "Nêu dưới chứng trên....": Đây dẫn văn "Trưởng giả ở ngoài cửa", "vào" tức khởi ứng thân, "ngoài" tức Pháp thân. Lại nói Phật nhãn cho nên sở kiến căn cơ tức Phật pháp giới. "Nếu căn...": tư duy không có căn cơ Đại thừa, mới nhập Lộc uyển. Bắt đầu Lộc uyển đã nói Viên chiếu cho đến Nhất thừa, cho nên biết Hoa Nghiêm, Phật tuệ không khác biệt, không thể ở đây gượng sinh phân biệt. Trong cụm từ "đều gọi là Phật nhãn vân vân" thì "vân vân" là: lẽ ra rộng phân biệt đây là năm nhãn thứ lớp và không thứ lớp mà biện rõ thể dụng. Cho nên, quán sắc v.v... dùng bốn nhãn, từ bản đặt tên vẫn gọi là Phật nhãn. "Bần cùng...": là Chúng sinh trược. "Bần" là do không phước, "si" là do không tuệ, si bần chúng sinh tụ tại một chỗ cho nên gọi là "trược". "Nhập sinh tử" là Mạng trược: Ở trong sinh tử lại thêm đường hiểm, trong đường hiểm thì mạng dễ bị đoạn, tức ở chỗ thọ mạng ngắn mà còn tương tục, là Mạng trược. "Ngũ dục" là Phiền não trược. Danh thể tối hiển. "Không cầu Đại thế Phật..." là Kiếp trược: Trong kiếp không có Phật cho nên gọi là "trược". Bốn trược sinh đây cũng không sở cầu. Kiếp nếu có Phật thì tuy trược mà có thể phá. "Nhập tà" là Kiến trược, danh thể cũng hiển. Sáu mươi hai kiến, nhiều nên gọi là "các". "Hoặc nói các kiến tức là thọ": do kiến đây cho nên có ba thọ, thọ các kiến này nên nói kiến tức là thọ, ba thọ đều là khổ. Lấy khổ thọ đây muốn xả khổ

thì không có việc ấy. “Nguyên lai của ngũ đạo”: là nhân trong ngũ đạo. Từ một đến một cho nên gọi là “thú” (hướng đến). “Suy” chỉ là tặc năng hao tổn. “Luận Tỳ-đàm nói: địa ngục sơ sinh niệm”: là lúc sơ sinh của tất cả các địa ngục đều có ba niệm, biết nơi đây là địa ngục, do nhân kia cho nên sinh từ nơi kia đến. Văn đây tựa như không đủ nghĩa mà đã đủ ba. “Lại nói”: cũng là văn của luận Bà-sa. “Ngũ đạo đều có tự pháp như vậy”: đầy đủ như trước trong phần giải thích Bất tư nghì. “Giải thoát đạt phần”: Niết-bàn gọi là “giải thoát”, sở tu thiện căn không trụ sinh tử gọi là “đạt”. Phần giải thoát của Thanh văn tam sinh, Bích-chi-phật trăm kiếp, gọi là “giải thoát phần”. “Đắc chánh quyết định”: là sơ quả. Luận Bà-sa nói: Thế nào là đắc thiền tức căn bản thiền? Vì sao quyết định tức là vô lậu? Dùng tâm vô lậu tu các thiền định, đắc nhập sơ quả tức thiền định đây mà được giải thoát, giải thoát là sơ quả tức quyết định. “Trong cõi trời” cho đến “cần dùng liền được v.v...”: lẽ ra nói chư thiên tự nhiên báo tướng, hết thảy y báo đều là biến hóa mà có, và sơn hà lưu xuất thật báo kia đắc. Căn cứ thời thọ báo gọi là “tự nhiên”. “Địa ngục” cho đến “trung gian có thể biết”: là trong loài người ở quá khứ có thuận hậu nghiệp, nghiệp kia chưa mãn, đến trong địa ngục, gặp duyên năng khởi các tâm như vậy, nghiệp liền thành tựu. Ở trong địa ngục không có thân khẩu hiện hành, chỉ tại khinh báo, chẳng phải vô gián. Rộng phân biệt có thể biết, cho nên nay không luận.

“Trung ấm treo lộn ngược”: Luận Câu-xá nói: Thiên đạo thì trung ấm đầu hướng lên, ba đạo kia thì nằm ngang, địa ngục thì quay xuống dưới. Đây căn cứ loài người thì Trời ở trên người. Bàng sinh và quỷ cùng ở châu này, cho nên không phải lên, xuống. Ngục tại dưới châu này, cho nên nói đầu quay xuống. Từ địa ngục đến sinh trong loài người, thì lý hợp đầu hướng lên; quỉ, súc sinh cũng như vậy. Từ cõi trời đến sinh trong loài người thì đầu kia ắt quay xuống. Các nơi khác đều theo lệ đây. “Ban đầu đem tội nhân đến chỗ Diêm vương...”: Hữu tình, phi tình đều bị cộng nghiệp chiêu cảm mà làm tâm biến đổi. “Ban đầu đều là chánh ngữ...”: Đầu tiên đến địa ngục như ngôn ngữ vốn có; sau thì chỉ là các tiếng ba ba (sóng âm) không còn có thể rõ. “Thời kiếp sơ...”: Trong các giáo tướng thì súc sinh có thể nói, đều là thời này. “Hậu sinh nói Tổ phụ” là theo ban đầu mà đặt tên. Thứ hai, hậu sinh cũng là tổ phụ của hậu sinh. “Trước là nhân duyên...”: Từ dẫn “kinh A-hàm” trở xuống tức giải thích theo Quán tâm. Trong nhân duyên trước cũng đầy đủ ý tứ Tất-đàn: Ngũ đạo không đồng tức Thế giới Tất-đàn. Nhân (người) là sở vi , tức Vị nhân Tất-đàn. Ác là sở phá, tức Đối trị Tất-đàn.

Thiên là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. “Hậu tợ quán tâm”: Từ tâm phân biệt nghĩa, nghĩa đương quán tâm. Lục đạo không đồng, lược như trong Chỉ Quán quyển hai nói. Các luận và các kinh Tiểu thừa phân biệt rất rộng, không cần thì không liệt kê.

“Ta xưa ngồi đạo tràng...”: Căn cứ dưới dẫn ý Tiểu Vân sớ chỉ Hoa Nghiêm. Cho nên Địa luận nói: Sau khi Đức Phật thành đạo tuần thú hai nói kinh Hoa Nghiêm. Người đời giảng nói thì trách kinh Pháp Hoa ứng lời Phật dạy. Hoặc trách Địa luận lỗi nơi Viên tông. Nay hỏi: Tuần thứ hai nói kinh Hoa Nghiêm như trên dẫn và ba tuần trong kinh Pháp Hoa có gì sai biệt? Dù dài ngắn không đồng và sở thuyết đều khác, chỉ là cơ biệt hiển mật có khác. Thời thuyết đã vậy thân tướng cũng thế. Phải biết kinh Pháp Hoa là Báo Phật sở thuyết. Như luận nói: Báo Phật Bồ-đề như kinh nói “Ta thành Phật đến nay...”, Ứng Phật Bồ-đề thì chỉ Già-da. Cổ Đức đều nói: Già-da đã chẳng phải thì thời gian dài kia tại sao riêng đúng? Tức thành pháp Phật thuyết. Địa luận đã nói Tuần thứ hai chính là tiêu biểu Ứng Phật nói, đâu phải Báo Phật thành và để thuyết pháp ắt là tuần thứ hai! Theo lý mà nói thì kia đây không sai khác, căn cơ thấy chẳng phải là một, Đại tiểu phân đường. Tiểu thừa thấy ba tuần dừng lại, Đại thừa thấy từ đầu đến cuối không thay đổi, cho nên nói “tuần thứ hai” là biết chẳng tận lý. Nếu nói không khởi đạo thọ mà dạo đến Lộc uyển, thì đây tức trong Tích, Viên Phật thành tướng. Lại căn cứ ý của bộ thì nghĩa kiêm nơi Biệt. Tiểu căn cơ thấy có quần áo rách rõ ràng, nay đây chính sẽ giáo hóa Tiểu thừa đầu tiên. Đạo tràng tại Tây Nam nước Ma-kiệt-đà cách sông Ny-liên-thuyền không xa. Tây Vức ký nói: Chung quanh cây Bồ-đề chất đầy đá gạch cao ngất kiên cố, chiều Đông Tây rộng, chiều Nam Bắc hẹp, chu vi hơn năm trăm bộ, chính giữa có tòa Kim Cang. Đây tức đạo tràng của hóa Phật trong Tích.

“Giải thích theo Quán tâm Thọ (cây): Nhờ sự thấy lý, Đức Phật lẽ nào không như vậy? Vì sao Đức Phật không quán nhân duyên ư? Vì đây ở Tiểu thừa. Nếu căn cứ Hoa Nghiêm là tối sơ, thì đều phải căn cứ Viên Biệt để phán xét. “Kinh hành”: Đây cũng là giải thích theo Quán tâm. Nếu chỉ giải thích theo sự, thì chỉ là tiệm sơ, nên lại phụ quán căn cứ pháp tướng mà nói. Vì thế nói “Đạo phẩm...”: là giải thích theo sự. “Kinh hành”: đầy đủ như luật văn Uy Nghi kinh..., đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói “Xưa ngồi đạo tràng...” văn đầy đủ bốn giải thích. Đầu tiên nói “giả thời...” tức Thế giới, “đắc đạo” tức Vị nhân, “cảm ân báo đức” tức Đối trị, “muốn dùng Đại nghĩ” tức Đệ nhất nghĩa. Nếu

căn cứ giáo, thì ứng với bốn Đức Phật mười hai nhân duyên. Lại dùng Nhân duyên giải thích "cây", như trong luận Bà-sa thì Vô minh làm căn (gốc)..., đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển hai nói. Nên vi tế giải thích nêu ra để đối văn nay, tức Vô lậu cùng Thật tướng đều được gọi là "rừng". "Ba mươi bảy phẩm là hành đạo pháp": đạo phẩm tức định tuệ quân bình gọi là hành đạo pháp, huống chi bảy khoa đều là sở hành! Tức là dùng chân định tuệ để bước trên đất thật tướng, lý nhiếp các pháp cho nên nói "nhất thiết". Đầu tiên an nơi đất này cho nên nói "đắc đạo", muốn khiến người khác làm trước mình phải tiêu biểu mới mong dưới làm theo. "Cây đất...": khởi hỏi. "Kinh Vị Tằng Hữu...": là đáp.

Kinh nói "Trong ba tuần...": Lại dùng tam thừa mà làm ba căn, do mới thành đạo suy nghĩ thông suốt căn cơ, đầy đủ như văn trước nói: Suy nghĩ độ hai Tiên nhân. Ý Tiểu Vân sớ, là căn cơ chúng sinh tự chưa kham nổi Pháp Hoa, không hẳn ở sau, cho nên dẫn văn sau: đức Phật kia mới thành đạo liền nói Pháp Hoa. Do nay theo lệ đó cho là có căn cứ. Cũng như trong phẩm Phương Tiện, "Nếu chỉ tán thán Phật thừa thì chúng sinh không kham nổi, mới bắt đầu ưng đồng chư Phật mà thiết lập quyền hóa". Cho nên, nói: "sau ở thành Vương-xá". "Nếu suy tìm..": Chương An thông giải thích, hai nơi không khác không thể hoàn toàn sai, cho nên chỉ nói "nếu suy tìm". Nay phải biện rõ sự sai biệt, vì sao? Nếu dùng Phật tuệ làm Pháp Hoa thì từ đầu đến cuối đều có, nếu dùng hội quy làm Pháp Hoa thì cuối có đầu không. Cho nên biết Dức Phật kia dưới cây Bồ-đề, đầu tiên nói Phật tuệ làm Pháp Hoa, mà Tiểu Vân chưa hiểu ý chỉ đây, liền dùng sơ thành đạo để hiển thuyết hội quy, là không đúng. Cho nên căn cứ theo đây văn lý đều thông, nếu mật nói thì chẳng phải đây luận bàn.

"Ác Sinh vương": Ca-lợi vương. "Phật thệ": Khi vua hại Phật, Phật phát đại nguyện: Ta nếu đắc đạo sẽ độ nhà vua trước. "Cam lộ: Chân đế.

"Hỏi: Sao ban đầu độ năm người...?": trong đáp có sáu văn.

Câu hỏi tuy liên quan đến năm, mà ý chánh là hỏi người, cho nên đều lấy "người" đáp. Tiếp, "Luân vương...": nêu ba việc để hỏi. Trong đáp có nhân của Luân vương là thiện nghiệp, nhân của Kiều-trần-như là danh dự nghiệp, nhân Phật là xưng tán nghiệp. Cho nên nói Ni-tra.

"Hữu đảnh": là Phi tưởng, vì hiển bày âm thanh Phật, chúng sinh ở cõi kia không có nhĩ thức chứ chẳng phải tiếng không đến. Sắc giới chỉ không có hương vị hai thức, còn ngoài ra đều hành. Tuy có ý tứ Tất-đàn, mà tóm lại chỉ là vì hiển bày báo đời trước không đồng, dẫn đến

khiến tiếng vang đến xa gần không đồng. “Nếu y...”: là căn cứ giáo. Trong hai cụm từ “đến Ny-tra vân vân” và “thế giới Ny-tra vân vân”, thì “vân vân” là: lẽ ra nêu rõ Ny-tra trăm ức, Ny-tra mười phương, Ny-tra đến khắp pháp giới, để phân bốn giáo: Đầu văn là Tạng. Trăm ức tức là bắt đầu Đại thừa Thông giáo, mười phương và khắp pháp giới tức Biệt và Viên. Vì một thành tất cả thành, mười phương trần sát khởi bốn oai nghi, xen nhau làm chủ bạn. “Sơ chuyển pháp luân... bốn xứ... định”: tiếng đã phân làm bốn, xứ cũng nên như vậy.

“Đại thần biến”: Chẳng phải cho là tiểu vì tiểu thiên lệch đối một cơ, như hóa Ca-diếp để hiến đá vuông, nơi ấy ắt nhất định. “Lại, trừ chuyển pháp luân....”: Tiệm sơ thì định, đây bắt đầu hóa tà nơi kia ắt định. Thông luận một đời, cho nên có thể không định. “Xưa nói tư duy lý giáo...”: Tức dùng ba tuần (hai mươi mốt ngày) dụng đối Đại thừa Lý, Giáo, Hạnh ba thứ, đều không có căn cơ không thọ. “Lại nói khuyên răn”: cũng là sư đây, tức như Thí dụ và Tín giải hai môn Đại thừa đều có dự định thích nghi, không căn cơ, thôi hóa độ. Dùng đối ba thứ đây, cũng có thể như vậy. “Ý của Dao sư”: cũng nói nghi thức giáo hóa chúng sinh, tư duy mà tiêu biểu lý sâu, đâu cần sự, sâu khiến Đại thánh tư duy mà sau hành. “Tiêu biểu Phật bắt đầu tam chu thuyết...”: đây cùng ý kinh Nhân Quả phần lớn đồng. Tứ phần luật Tát-bà-đa đều nói sáu tuần, Hưng Khởi Hạnh kinh nói bảy tuần, Ngũ phần nói tám tuần, Đại luận nói năm mươi tuần. Địa luận... đều nói hai tuần, căn cơ thấy không đồng không nên hòa hợp. Nay lại là giáo tột đỉnh sau cùng cho nên lại y cứ đây. Trong “giải thích theo Quán tâm” lại căn cứ bốn quán để chỉ rõ hóa nghi tức bốn giáo quán bởi vì tối hậu nói pháp phân tích. “Các Phạm vương tuy thỉnh Đại thừa”: hỏi: Làm sao biết được Phạm vương thỉnh Đại thừa? Đáp: Căn cứ lời Phật đáp rằng: Nếu chỉ tán thán Phật thừa... “Nay muốn” cho đến “thủy chung đắc độ”: Nếu không trước Tiểu thừa thì Đại Tiểu đều mất, nếu trước dùng Tiểu thì sau cùng ắt Đại lợi ích.

“Các pháp tịch diệt...”: Hỏi: Trong đây ba giải thích nghĩa có gì sai khác? Đáp: 1. Nhất thuyết dùng quyền thật tương đối, tức thật không thể nói, nói thì thuộc Quyền. Tam quyền là số, cho nên Nhất thật chẳng phải số. 2. Sinh diệt bất sinh diệt tương đối, tức bất sinh diệt không thể tuyên bày, đây là Tiểu Đại tương đối, cũng là sự lý tương đối, cho nên hướng tam thừa mà nói thông chỉ Đại giáo. Đây căn cứ Lý thật Giáo quyền đối nhau mà biện. 3. Tức là lý thiên chân, đối thiên bốn môn, lý thiên chân cũng không thể tuyên bày, vậy thì Đại tiểu hai lý đều không

thể nói, phương tiện vì chúng sinh đều có thể được nói. Tuy đều có thể nói Phật ý tại Đại thừa, mà chúng sinh đối thật đều chẳng thích hợp, cho nên tư duy phương tiện chẳng phải nói sinh diệt.

"Thọ hành ngộ nhập": Căn cơ hợp tức "thọ". Từ nghe quán chuyển tức Noãn pháp trở đi, gọi đó là "hành". Nếu chuẩn theo Hữu tông thì thời tiết tuy ngắn mà không ngăn ngại đầy đủ trải qua các vị Nội phàm Ngoại phàm, đến Thế Đệ nhất gọi đó là "ngộ". Nếu đắc Sơ quả thì gọi là "nhập". "Chuyển Phật...": Đây có hai nghĩa: Nếu căn cứ vượt thời tiết thì thông bốn Như Lai, các pháp đầy đủ tùy gọi mà đến, phàm có nói gì đều là hóa tha, đối tự chứng nói. Nếu dùng viên tự đối tam giáo tha thì đây là căn cứ pháp, cũng gọi là tha. Nay từ đương phần căn cứ tiệm sơ nói, đây là Phật nội chứng cho nên nói "trong tâm". Chứng có quyền thật, quyền pháp lợi vật cho nên gọi là "tha".

"Niết-bàn âm": Do đệ tử thọ hành, phiền não đoạn, ở Niết-bàn, danh sinh cho nên danh làm âm. "Âm" là thanh giáo, là bắt đầu của các giáo cho nên nói "khởi tự nơi đây". "Tam bảo do đó hiện ở thế gian": Cũng căn cứ tiệm ban đầu, vả lại tại Tiểu thừa chưa luận nhất thể. "Từ kiếp lâu xa đến nay": Nói "lâu xa" là căn cứ bên dưới nói nhân duyên đời trước, chính chỉ Phật Đại Thông về sau, do Tiểu thừa thuần thục nên dùng một văn giải thích hai nghi kia. "Văn trên gồm có ý kia": Tam thừa hạnh nhân đều là Phật tử. Chương chư Phật trên cũng nói "có Phật tử tâm tịnh...", đều chỉ thời xưa giáo nghe phương tiện đã gọi là "Phật tử", nhưng nơi giáo xưa chưa thể nói rõ. "Ta liền...": một hàng cũng chỉ Chủng trí... dùng năng hiển sở, sở tức lý. "Lại, căn cứ...": là lần nữa trong phân văn nói Đại thừa cơ phát cũng gọi là Đòi quả.

Hỏi: Văn trước vì sao bài xích Quang Trạch, nói trong văn pháp thuyết không có Đòi xe ư?

Đáp: Quang Trạch nếu nói tình đòi Đại thì không có lỗi. Nếu dụng làm căn bản cho thí dụ Đòi tiểu quả bên dưới, thì cần phải phá, phá kia dẫn văn cũng lại như vậy.

"Đây nên có bốn câu":

Hỏi: Văn trước đã căn cứ bốn câu đối căn, trong đây tại sao nói bốn ư?

Đáp: Trước thì đầu tiên đối Nhũ, Lạc đều làm bốn câu, phân biệt Đại tiểu kia bị chương không đồng, lại dùng bốn câu giải thích xuất Sinh tô và Thục tô, thông đối các giáo bốn căn nghe pháp, tiến hay không có khác có đồng, cho nên trước thì ban đầu lập lại chỉ câu thứ tư ở trong Pháp Hoa. Các văn khác phần nhiều ở bốn vị trước, nay

thời thứ năm mới đối khai ba, riêng một là đại. Nói “tức phát”: Chỉ không khởi đương tòa, thì gọi là “tức”, từ tòa kia đến thì đều là trải qua thời gian (kinh thời), chỉ không vượt qua vị cho nên gọi là “tức”.

“Đòi (sách) có ba ý”: hai ý Đòi đã nói tại cơ tại tình. Trong cơ chỉ nói có nghĩa cảm quả, trong tình đã nói mật cầu mà thôi, cho nên hai ý Đòi trước ở xưa, nói “phát” chỉ ở nay. Xưa nói tuy tức thông nơi bốn vị, mà đây chỉ thời gian mà hai tô đều nghe Đại vì vậy cho nên được nói có hai ý Đòi. Lại nói hai ý Đòi có thông có biệt. Thông thì đều thông hai vị, cơ thì sâu kín ở bên trong, tình thì trong động ở giữa, hai vị đều như vậy cho nên nói thông. Biệt thì hai ý Đòi biệt đối hai vị, ở trong thời Phương-đẳng nghe bất tư nghì, tuy bài xích là phi chẳng có đại lợi , bị bài xích mà không hủy báng tức nghĩa đương nơi Đòi (yêu cầu). Cho nên, biết không hủy báng lý tại hữu cầu. Ở thời Thục-tô là thời Đại dẫn dụ rửa bỏ. Tuy không hy vọng lấy mà chuyển giáo tình thân, dù không nói rõ mà nghĩa Đòi dần dần cần thiết, tuy hai thứ không đồng, cơ xa tình gần. “Đắc, bất đắc”: Là riêng Bồ-tát cũng lợi Thanh-văn, trong tình tiến thoái nghĩa đương nơi Đòi, vậy thì “tình đới cơ” thảy đều nhất định phải ở xưa. Cho đến Bát-nhã thì biệt thọ tên gọi “tình”, đến khi lãnh giải thì dùng cái được để hiển cái mất, cho nên nói “muốn dùng hỏi Thế Tôn là mất hay không mất”. Thỉnh đòi tuy tức mà chỉ có tại giáo nay, cho đến khải thỉnh nói thì cơ tình ắt đầy đủ. Từ chỗ mạnh miệng xin thỉnh, cơ tình cũng sai khác, xưa chỉ ngầm phục ở trong lòng, đối nay mới trợ giúp hiển rõ nơi miệng ba phen đòi xin đều bấu víu ở Thánh, đến (phó) cũng tự phân hiển mật, thời thuần thục đã hội nhân bên trong đầy đủ, nghe lược nói bởi vì ngoại duyên đầy đủ, nhân duyên đủ nên phát ra lời nói ở đây.

“Hỏi: Xưa ra khỏi nhà...”: là nêu trong phẩm Thí Dụ để hiển bày nay. Kia nói “Các con đến chỗ cha xin ban cho chúng con ba thứ xe báu”, nay sao lại nói “Cơ... đòi thật” ư?

Đáp ý: Khi chưa ra khỏi nhà nghe hứa, khi ra rồi thì không thấy xe đã hứa cho, chỉ thấy người hứa, nên theo người hứa mà đòi cái xưa đã hứa, đã hứa mà không cho ắt có điều sai khác. Cho nên, đòi xưa tại nay vốn là ý cầu xin cái khác.

Nay hỏi: Lộc-uyển thì ra khỏi nhà chỉ bảo đảm Tiểu quả đâu từng đòi xe ư? Đáp: Nếu tại pháp thuyết, thì đến thời Lộc-uyển nghĩa đang ra khỏi nhà. Lại trải qua hai vị hai lần đòi xin tại trong lòng, chỉ thí dụ ngắn mà bao hàm nghĩa dài, đến đầu thời Pháp Hoa, cho nên thí dụ nói các con đến chỗ cha đòi xe, cha bèn cho nhưng đều ban cho xe lớn. Cho

nên kia thí dụ ý bao gồm hai tô.

Phẩm Tín Giải thì thí dụ dài mới khai thể mạng, cho nên phẩm Thí Dụ văn nghĩa bao gồm ba phen đòi xin, phải biết lẽ nào cùng Quang Trạch làm bạn được? "Đều dùng tâm cung kính....": Ý người khác nói căn cứ cơ luận đến, thẹn Tiểu mộ Đại, là Bát-nhã Phương-đẳng. Cho nên nay phá Cơ, thân đều đến Bát-nhã Phương-đẳng, huống chi Pháp Hoa ba nghiệp đều lãnh thọ. Vả lại, giải thích nghĩa thỉnh cho nên nói cơ tình, đến ắt ba nghiệp không thể thiên lệch. "Nay hành dữ thọ ký...": là tùy tiện thọ ký, lại thọ tám tướng cho nên nói "hành dữ", lại thọ ký Đại thừa chỉ tại phân biệt công đức, trong đây lại tiểu thừa cho nên nói hạnh cùng. "Xưa chân xưa thành...": "Xưa chân" chỉ lý, "xưa thành" chỉ quả, xưa La-hán... đã đều là thật, đều được "chân, thành". Nay Tam thừa đều bài xích thì hai nghĩa đều mất (thất), cho nên nói "cuối cùng biết tại đâu?". "Lại, Tam thừa đồng học một đạo...": Đây tức thuật lại thông tam thừa nghi, đã đồng một lý thì chứng chân không sai khác. Chân tuy không khác mà Bồ-tát lúc xưa đã từng được thọ ký. Nếu đã được thọ ký thì vì sao mà nay đều bài xích là phương tiện? Nếu đều là phương tiện thì xưa không nên biệt, cho nên nói: "sao ý có biệt?". Vì vậy, nên nghi xưa nay, hoặc hai hoặc ba hoặc lý hoặc hạnh. Đã đều là phương tiện thì mất cái chất phác thật chứng, sao lại không nghi? Văn trước nhiều nơi thông bài xích tam giáo, trong đây chỉ bài xích Tạng, Thông hai thứ.

1) Tam thừa đồng chứng chân đế.

2) Chứng hai giáo này đều là quyền.

Nếu lại căn cứ biệt: Đương giáo trong luận tự có chân thật, đã đối phương tiện thì đầu cuối hạnh sai khác. Thông đều nghe bài xích đó cũng sinh nghi. "Như thị Diệu pháp": Đầy đủ như trong Thích Tiêm nói, cho nên nói: chỉ là "pháp Quyền thật".

Tiếp "Như tam thế...": trong "dẫn đồng chư Phật" văn đầy đủ hai giải thích. Trước thì căn cứ "Vì Thật thiết lập Quyền", sau thì căn cứ "khai Quyền hiển Thật". Lại, văn đầu căn cứ giáo ba quyền một thật. Văn sau căn cứ lý cho nên "có quyền có thật" làm Quyền, "Quyền thật không hai" làm Thật. Đây giải thích thứ hai chỉ là hiển lý Thật giáo trước tức là Quyền thật không hai. Kinh nói: "Huyền viễn..." là: Nếu chuẩn theo kiếp đây sáu, bốn, hai vạn. Vọng dưới Phạm thiên một trăm tám mươi kiếp không vô hữu Phật vẫn chưa gọi là xa, sau đời Phật Di-lặc giảm mười lăm kiếp. Chín trăm chín mươi lăm Đức Phật thứ lớp xuất hiện, nên không nói đây. "Phương tiện có thể là quyền giả": ý nêu giáo

trước có thể là quyền lập, căn cứ bản hoài của Phật tuy chẳng hư vọng, dùng thật vọng giả cho nên gọi là "quyền giả". Thiết lập rồi, lại phế bỏ, cuối cùng trở về chân thật. Nay đã nói Thật, cho nên khuyên chớ nghi. "Xưa từ các ông...": lại trình bày cựu giải trước tuy lược phá mà đều là một đường, cho nên lại dẫn khiến biết đồng hay khác. Nếu ưa đắm các dục đến nỗi xen nhau chọn lựa sai trái thì phàm phu tiểu thừa đều xả bỏ mới có thể kham thọ ký.

GIẢI THÍCH PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Có người đối với đây lập "Lai ý" (dụng ý của phẩm), nói: "Đại thừa, phàm không thí dụ", có lẽ có thí dụ thì thành Tiểu thừa. Có người nói: "Phật pháp nhiều môn, mỗi môn đều có thí dụ". Đây thì có thể như vậy. Nói "Trước tiên là Tổng thích": Hai chữ "tổng thích" thông quán (đứng đầu chung cho) bốn cách giải thích. Hoặc nay hoặc xưa dùng nhân duyên... đều có sai biệt. Đầu phẩm tuy kiêm văn của chu thứ nhất, mà giải thích đề thì lại nương ý của chu thứ hai, cho nên nói "hạng trung hạ căn chưa thông đạt. . .". Đầu tiên tổng chia làm ba:

1) Chữ: huấn.

2) Giải thích huấn.

3) Dụng ý.

Tiếp, trong giải thích huấn, "Mượn đây...": là giải thích chữ "Thí". "Nương cạn..": giải thích chữ "Dụ". Ngọc Thiên nói: Dùng loại so sánh gọi là "Thí", khai hiểu khiến ngộ gọi là "Dụ". Đã hai chữ song đề nên có chút sai biệt, đầy đủ như giải thích "huấn", cho nên dùng so sánh hiểu để huấn thời chúng, đây gọi là nhà xe trong cõi người tức giới nội. Kia gọi là Phật sự giới ngoại, mê ngộ, cạn sâu có thể biết. Kia chỉ Phật thừa nghĩa sâu duy nhất, cho nên mê cùng ngộ chỉ có Tiểu đối Viên. Cây, cửa, gió, trăng chỉ có lý Viên giáo. "Trước rộng...": nêu Dụng ý cũng là kết trước sinh sau. Câu đầu kết trước, "giữa cuối..." là sinh sau. Cho nên biết cơ tuy không dứt, lại đợi bi trí không dứt mà trung cơ sẽ sinh. Lại "rung cây, nhấc cửa", khiến ý "gió, trăng" hiện rõ. Nhưng pháp nói thật tướng đâu ẩn đâu hiện, như gió lâu chẳng lúc nào dứt, trăng trên không thường lơ lững, chỉ vì hạng trung hạ, căn cơ Đại thừa chưa khai mở, che tình còn lấp cho rằng trăng ẩn gió dừng, nên tạm lưu lại ở hai đường đây mà cần phải rung cây, nhấc cửa. Bốn cách giải thích theo Nhân duyên, v.v... thì ý chỉ Đại thừa đều rõ. Cho nên dùng hai chữ để tổng đứng đầu các giải thích.

Tiếp, Biệt giải thích: Đầu tiên trong Nhân duyên đều dùng bốn pháp thế gian để dụ cho bốn pháp của một Thực. Trong nghĩa Thế giới đầu tiên thẳng nói "thế pháp", bởi vì thế pháp đứng đầu ba pháp. Nghe thí dụ sinh vui gọi là "Thế giới". Sở dĩ nói ba thứ bên dưới đều là thế pháp, chỉ vì sinh... biệt đắc ba tên dưới, cho nên ba loại dưới đều do nghe thí dụ mà sinh vui... Nhân đã từng có cha con thế gian, nay nghe thí dụ nói: "Ta là con thật sự của Phật, Thanh-văn cùng Phật thiên tánh không khác", chỉ có tại kinh này, nên nói "chưa từng có". Bởi vì ngày

mật sai, còn không có tâm cho làm thuê làm mướn, cho nên khi lãnh nhận gia tài đâu có sinh niệm là vật của mình, mà đặc biệt do thiên tánh liên quan nhau, bèn được dự báo gánh vác. Trước lúc đó, lo lắng hối hận đến đây mới trừ bỏ, khi nói thí dụ mới gọi là chân tử (con chân thật). Nay mới được ngộ càng thêm hớn hở vui mừng, đây chỉ nghe thí dụ sinh cái vui chân thật tức văn tín giải ban đầu hoan hỷ, cho nên Đại tiểu hai thừa đều gọi là hoan hỷ. Tiếp trong Vị nhân nói: Thế sinh pháp tức của cải cho nên nói: quý giá ưa thích. Xuất thế pháp sinh tức tam thừa pháp, đứng đầu trong sinh thiện lẽ nào vượt qua đây? Cho nên xưa ba xe trân báu vi diệu thâu nhiếp. Việc các ông làm là Bồ-tát đạo. “Thế diệt pháp”: Trong nhà các tai họa có thể thoát ra được. “Xuất thế diệt pháp” nghĩa là Hoặc đoạn. Vô lậu thuật xưa, trừ bỏ lo buồn chỉ nay. Bạt khổ vốn tại đồng ban cho xe lớn, tốt nhất trừ ác chẳng gì bằng đây. Xưa phá Kiến tư thông luận nay đều là trừ ác. “Thế bất sinh diệt” tức xe lớn, cha vốn có cho nên “bất sinh”, đến chỗ bất hoại cho nên “bất diệt”. “Xuất thế bất sinh bất diệt”: Tánh đức vốn có cho nên “bất sinh”, tu đắc quả thường cho nên “bất diệt”. Do trong Tín Giải nghe thí dụ thì hoan hỷ... cho nên tứ Tất-đàn đều thí dụ cha con. Nhưng ba Tất-đàn trước tựa như căn cứ thi quyền, Đệ nhất nghĩa Tất-đàn mới căn cứ khai hiển. Phải biết ba Tất-đàn trước tức lộng dẫn của Đệ nhất nghĩa. Cho nên, dẫn tâm trước đều ham thích và để thoát nạn nhà lửa. Nếu khai hiển rồi thì đều là xe lớn. Lại tứ Tất-đàn đều có một pháp một thí, trong pháp hoặc dùng văn pháp thuyết, Thân-tử lãnh giải và lại trợ giúp thành lời kia. Nếu thẳng tiêu hai chữ thì đâu đủ đề phẩm, cho nên kết nói “một âm khéo dụ”. Đây thì ngăn đâu phải từ đầu đến cuối một âm. “Một âm” thì chỉ có thật, “Khéo dụ” thì kiêm quyền. Quyền dẫn về Thật cho nên không đồng xưa thuần dùng một âm, cho nên thí dụ nghĩa bao hàm bốn thứ: Nhân duyên v.v... Nếu không như vậy, thì làm sao hiểu rõ tiểu xa, đại xa, nhà lửa, nhà cha ở.

“Trung hạ được lợi ích”: Hỏi: Hạ căn chưa ngộ vì sao nói lợi ích?

Đáp: Pháp Thí được gia-bị chung cho hàng trung hạ tự mê, cho nên hạ căn nghe Pháp Thí, trung căn nghe Pháp thuyết, tuy chưa hiển ngộ cũng đều lợi ích ngầm. Cho nên đến Thí và nhân duyên túc thế (đời trước) thì thâu hoạch ngộ.

Cho nên căn cứ Giáo... ba thứ đều phải căn cứ thí dụ. Thí đã ba xe, một xe xưa nay tương đối, pháp cũng hoặc Quyền hoặc Thật đều liệt kê thiên viên. Nếu không như vậy thì khai là khai cái gì? Vốn hứa cho ba xe, đòi mà không cho, cho đến vì nói đồng ban cho xe lớn. Phải biết xe

kia vốn là ba, một. Vì vật phương tiện quyền lập ba tên. Ra khỏi nhà, phá bỏ quyền phá ba chỉ có một. Tam tạng giáo, là giáo đầu tiên của bốn giáo, nói thí dụ "Bồ-tát cỡi xe trâu v.v...": Đây Bồ-tát từ đầu đến cuối đều hóa tha, rất được danh kia. Thông giáo thí dụ nói "Ba người đồng sợ..": Tam tạng Nhị thừa lý cũng nên như vậy, vì đối đầu cuối một hướng lợi tha cho nên hai giáo kia lại nói "tự tế" (cứu giúp). Giáo này Duyên-giác tự, tha kiêm lợi ích hơn hàng Thanh-văn, cho nên nói: "cùng chạy nhanh cùng nhìn ngoảnh lại". Thương các Bồ-tát yếu kém cho nên có nói "cùng". Tự hành cho nên "chạy nhanh", kiêm tha thì mới "nhìn ngoảnh lại". Bồ-tát tự hành đã mãn, chỉ lấy lợi vật làm hoài bảo, vì vậy cho nên chỉ nói: "Toàn chúng chạy ra". Trong Biệt giáo ban đầu bài xích hai giáo tam thừa đều gần.

Tiếp, "Bồ-tát...": là chánh giải thích. Đối trước đã liệt kê câu câu đều quyết chắc. Căn cứ "đại tượng" nói cho nên gọi là "biên đáy". "Đại Phẩm...": chứng minh đối hai giáo nhị thừa trước lược chọn. Thông giáo Bồ-tát đối Thông Nhị thừa, đoạn chứng đã đồng lược, không có hình trạng bài xích, cho nên biết là Biệt Bồ-tát bài xích hai Nhị thừa. Cho nên dùng "lửa đom đóm đối mặt trời" làm biệt, làm thí dụ. Căn cứ nghĩa lược thí dụ nên đối "xe trâu" để phân biệt Bồ-tát, bởi do chứng kinh may mắn có thí dụ tam thừa đều khác. Hai giáo tam thừa ngoài thí dụ lại có riêng Bồ-tát thí như đại tượng (voi lớn). Và lấy "đom đóm, mặt trời" dùng để bài xích nhị thừa. Lại, "Bắt đầu thấy...": là trong Viên giáo trước chỉ Hoa Nghiêm. Và "Vì chưa nhập...": nêu rõ ý kinh này. Hai nơi hóa sự đều không cần thí dụ, tức Hoa Nghiêm lợi căn và Pháp Hoa ở chu thượng.

"Như nay...": nêu lý hai nơi.. bình đẳng, tuy tức hóa nghi trước sau mà đầu cuối lý nhất. Ban đầu tức Hoa Nghiêm, nay thì Pháp Hoa. Chỉ duyên "Tuệ Như", cho nên lý đồng, cho nên nói "không hai không khác".

Hỏi: "Không khác và không hai", hai thứ này có gì sai biệt?

Đáp: Trọng yếu dùng "không khác" để lặp lại nơi bất nhị, do "không khác" cho nên mới gọi là "không hai" (bất nhị).

Từ "Thượng căn lợi trí" cho đến "không cần thí dụ": lại nêu hai xứ (nơi) hiển chu thượng trong đó đắc ngộ, là biện rõ sự sai khác. "Chỉ vì...": là nêu nay có trung hạ căn, cho nên phải thí dụ. Nhưng trong Hoa Nghiêm đều là thí dụ, chỉ vì kia nhập đạo không chánh do đây, như nay Đàm hoa làm thành Pháp thuyết. Nói "động chấp...": Thượng căn nhất xứ, trung căn hai xứ, hoặc nói năm xứ. Trong rộng có trường hàng kệ

tụng đều là pháp thuyết lãnh thuật hai văn. Hạ căn tam xứ (ba chỗ) hoặc nói mười một xứ. Ở năm xứ trước, lại thêm trong Thí thì lãnh thuật đều có trường hàng kệ tụng, cho đến hạ căn hai mươi hai phen khai quyền hiển thật, đầy đủ như cuối phẩm Hóa Thành nêu. Do chưa ngộ cho nên mê nơi pháp thuyết quyền thật kỳ đạo (đường rẽ). Ta xưa cùng kia đồng ở nơi hạng Vô học, kia được thọ ký thuật, riêng ta chưa được thấm nhuần. Ban đầu nghe lược nói rồi thì trong lòng tiến thoái, đó là cực quả hay là phương tiện gì? Là vĩnh viễn tại tiểu thừa hay là (đương) sẽ thành Đại thừa? Lại nghe năm Đức Phật, mà nghi vẫn chưa trừ cho nên lại phải dùng thí dụ xe để dẫn, cho nên gọi là "Viên thí" (thí dụ trong Viên giáo).

Người đời nói: "Thiên Thai ức chế Hoa Nghiêm", chính là do không giỏi về các tông khác cho nên nói như vậy. Đã xét Phật tuệ hai kinh không sai khác, chỉ bộ vọng bộ đều có chút sai khác. Đã không thể chỉ Lộc uyển là bắt đầu, lại nói "nghe ta" mà các nghĩa khác không thành! Thiệp Công nói: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm rộng lược sai biệt. Đây ngửi mùi hương chiêm-bặc lưu toả mà chưa cùng tận ý chỉ vi diệu của các mùi hương, do không thể tư duy tường tận tông này. Rộng lược tuy như vậy, Kiêm và Đới thì như thế nào? Hiển bản chưa rõ thọ ký tiểu chẳng theo lệ, cho đến văn dưới mười nghĩa đồng khác. "Trì trù": là như do dự. "Kỳ đạo": Bộ Nhĩ Nhã nói: đến chỗ có hai, gọi là "kỳ".

"Bản tích quán tâm vân vân": Đều phải căn cứ thí dụ Bản tích đầy đủ như Liên hoa tam thí Huyền Văn quyển bảy. Nếu muốn tiến mượn sơ thành thiết lập giáo thì lẽ nào không có một, ba, cho nên ngàn cành vạn lá đồng tông một gốc rễ, cho đến năm trăm, ba ngàn trần điểm có thể dùng ý biết. Quán tâm thí dụ: "Không" ví như bạch ngưu, "Giả" ví như cụ độ, "Trung" ví như thể của xe, cho đến huyễn Không, huyễn Giả, huyễn Trung. Tiếp, "phân văn giải thích": Sắp xếp thí dụ, vả lại giải thích phần còn lại của phẩm trước. Đầu tiên trong lãnh giải: Sắp xếp trước Thí thuyết v.v... : Có người nói: Vì Thí làm Tựa thì nên nạn vấn rằng: Tín giải Dược thảo Thọ ký cũng nên sắp xếp trong phẩm Hóa Thành vì hóa thành làm tựa. Từ "Trường hàng lãnh cùng giải" đến "đều trình bày": Trường hàng ba nghiệp đều có Nêu ra, Giải thích, Kết. Hai văn Nêu ra và Kết đều đầy đủ ba nghiệp mà không phân lãnh giải, chỉ trong Giải thích lấy thân nghiệp làm "lãnh", khẩu, ý làm "giải". Bắt đầu "Nay con theo đức Thế Tôn.." là lãnh. Từ "Vì sao vậy? Vì xưa con theo Phật...": là giải. "Kệ đều trình bày": Ba đoạn mỗi đoạn có hai, đến trong kệ dưới mỗi mỗi điểm xuất ra. "Một hạnh" (hạnh phúc, may

mắn): Nghĩa là một nghiệp gặp vui, nay ba nghiệp đều vui mới thành ba hạnh. Ta nay thân đã gần gũi Phật huống lại nghe pháp, nghe pháp tức là khẩu vui, được hiểu tức là ý vui. Lại xưa chỉ cơ tình, cơ tình ở trong gọi là "một hạnh". Nay do miệng thỉnh, ba nghiệp đều vui cho nên nói "ba vui", quá ý đã mưu tính cho nên gọi là "hạnh". Cho nên văn dưới nói: chẳng phải trước mong cầu mà nay tự đắc. "Biện" là vỗ tay múa, tức tâm, miệng vui sướng đến nỗi hiện ra ngoài, do hai động hình, cho nên cả ba đều động. "Văn nói...": dẫn chứng, là chánh chứng "ba vui". Văn tuy lại liệt kê ý, khẩu hai vui, mà có hai ắt có ba, lý số phải như vậy; trong ngoài sai khác, cho nên tức thế giới. Lại, đây bốn văn nên căn cứ phẩm trước, mà nay ba văn sau căn cứ Tín Giải: Khai hiển nghĩa đồng kia đây, thông dụng ý đồng, thời khác cũng nên không sai. "Bỏ nghèo, thọ nhận giàu": Khai Tam tạng trân báu, đắc chân thật thiện lợi, là tốt nhất trong Sinh thiện. "Ưu hối đều bỏ...": Khai hai vị. Vĩnh viễn trừ ưu nghi cho nên trừ ác nghèo. Ta nhớ xưa ở thời Phương-đẳng thì bị bài xích cho nên "ưu", đến thời Bát-nhã thì "hối" vì đã trụ Tiểu thừa. Thời Phương-đẳng thì bị bài xích, cho nên "nghi". Thời Bát-nhã thì không chấp, cho nên "nan" (khó). Trược là "ngoại chướng", Tiểu làm "nội chướng". Lại, bị chê trách không thọ, gọi là "ngoại chướng". Được thêm mà không nhận lấy, gọi là "nội chướng". Nay thì không có lỗi của ba cặp này, cho nên nói "đại lãng", trú nhất thật đệ nhất nghĩa.

Tiếp trong phần "Căn cứ Giáo": văn đầu tiên theo cách chung giản thể của vui xưa, cho nên trước trình bày xưa là Tiểu thừa. Tiếp, "Nay nói...": là giản lược khác, tức lược không hiển có. "Hoặc là Khổ nhẫn ...": là chánh giải thích vì rằng cái vui thế gian từ lâu đã trừ. Tạng, Thông hai vui từ lâu đã đắc. "Hoặc là nhị Không....": giáo đạo lại chẳng phải là đối tượng để làm theo, trải qua ba giáo bỏ đi bởi vì có nguyên do, vì không phải là điều mà nay muốn nêu, đó là chỉ có vui Viên giáo. Như cái ao ít nước, như phàm phu không thấm nhuần, thì không có trí xuất thế gian. Trong Viên giáo: Đầu tiên là vị, tiếp là nhân. "Sơ trụ gọi là Hoan hỷ": là nghĩa lập. Vì ba pháp khai phát cùng Sơ địa không khác, cũng gọi là Hoan hỷ. "Thân-tử" đến "hoan hỷ": chưa dám định phán cho nên hoặc là hai cách. "Siêu nhập" tức Hạnh, hoặc là Hướng, hoặc là Địa. Dù không siêu thì cũng nhập sơ trụ, gọi là Hoan hỷ. Các nhà chú thích nói thẳng: Nghi lo ngoài đã trừ thì vui trong tâm phát sinh, bất giác chân dẫm đạp cho nên nói "dũng dược (hớn hở)", nên phải phân giáo mới biện rõ tốt xấu (ưu liệt). Cho nên A-la-hán không có cái vui trong ba cõi. Nói "dũng dược": là biệt Hoặc (lậu hoặc) đã huân tập ngoài

diệu pháp được gia-bị. "Giải thích theo Quán tâm thì lại không ghi chép vân vân": là lẽ ra giải thích Vui theo nhất tâm tam quán lục tức. Tiếp, giải thích "Uy nghi bên ngoài", đây là sự kinh gia giải thích có thể hiểu, nơi khác dù có nêu ra chỉ nói biểu hợp chứ không biết năng sở, đó là trí gì và hợp lý gì? Nay tiêu biểu khác các bộ mà trong văn còn lược, rộng xem xét thì như giải thích phẩm Phương Tiện. Trong đây cũng xem xét hướng Phật vì nay biết là thật. "Chắp tay hướng Phật" thì giáo nào chẳng có mà nay tiêu biểu chỉ có Phật quả? Phải biết: xưa hướng chẳng thật, nay khai vì rằng thật hướng tiêu biểu phi thường, trong Tựa báo điềm lành cũng lại như vậy. "Chiêm ngưỡng tôn nhan...": Trước nay tuy chắp tay là tiêu biểu Thật không hai, mà không thể nêu bên trong tâm đã hiểu cho nên hướng mà lại chiêm ngưỡng. Dựa vào "thấy tôn nhan" để tiêu biểu "hiểu", biết là Phật chẳng phải ai khác, như chẳng phải quyền chỉ có thật. Cho nên biết, bên ngoài thấy Phật, mà cũng chính là ý không tư duy khác, tức tiêu biểu thấy tha thật cảnh mà tự khai tri kiến. "Ý giải...": là phân ra thân và ý để đối lãnh giải. Vì nói xen nhau nêu hai nghiệp đều lãnh giải đủ quyền thật. Cũng căn cứ sở biểu để phân biệt thân ý, cho nên dùng "chắp tay" tiêu biểu thân, "chiêm ngưỡng" tiêu biểu ý. Xưa thân cách xa Phật như hai bàn tay tiêu biểu quyền, nay thân thấy Phật chắp tay là tiêu biểu thật. Cho nên, nói tức Quyền mà Thật. Ý cũng như nói xưa chưa hiểu (giải) Thật, nay lấy niệm mà tiêu biểu, cho nên nói giải thật tức là quyền, nên nói "xen nhau nêu". "Bạch Phật...": Nói miệng lãnh giải, là đối kinh gia kia. Nay lấy tự trình bày mà làm miệng lãnh giải, lãnh ắt đầy đủ ba chẳng riêng gì miệng. Cho nên ba phần: Nêu, Giải thích, Kết đều đầy đủ ba. Trong phần "Nêu": "ba", đã nói "Bạch Phật" thì nên chỉ ở miệng, tại sao nói ba? Nhưng nói "lãnh", thì ắt trước biểu hiện nơi miệng vì miệng thuật lại sở đắc, lẽ nào chuyên một đường? Thế nên thuật đủ "sở tòng, sở văn" và sinh hoan hỷ, ba nghiệp đầy đủ.

Tiếp, trong phần "Giải thích" thì trước là giải thích thân, nói: "Như mặt trời chiếu núi cao, mật có nghĩa nghe".

Hỏi: Mật thông Lộc-uyển và dùng hai tô, vì sao riêng nói "núi cao chiếu trước"?

Đáp: Đây đối Tiểu thừa hiển bày điếc câm, bộ chỉ có Đại thừa, cho nên hiển hoàn toàn không có, tạm nói "mật" đó thôi! Lộc uyển có mật căn cứ theo lệ có thể biết. "Thọ ký chỉ Phương-đẳng", có chỉ A-hàm thọ ký Di-lặc, A-hàm chưa từng nêu Tri kiến Phật có lỗi gì ư? "Con thường ở một mình, tư duy quá sở", "sở" tức "núi rừng", cũng nên nói

"hành...": là tư duy quá nghi. "Nghĩ như vầy.....": Là tư duy quá tâm; nay tư duy chỗ ở, uy nghi và tâm niệm ngày xưa đều là lỗi, cho nên nói "tư quá (tư duy lỗi)". "Đồng nhập...": là xuất tướng lỗi kia, chỗ ở... có lỗi là do chấp pháp tánh.

Hỏi: Giả sử xưa nhập Tiểu thừa pháp tánh, thì có lỗi gì?

Đáp: Chỉ vì cho rằng cùng Bồ-tát đồng nhập, mà đối ba giáo để biện rõ lỗi mình, nghi Phật có thiên vị, do đó thành lỗi. Do vì không biết ngoài Tiểu pháp tánh, biệt có diệu lý mà Bồ-tát chứng đắc. Cho nên Tam tạng Thanh-văn cho đến Phật không có biệt pháp tánh.

Đức Phật ấn chứng cho Ca-diếp đương giáo luận đồng, tức nghĩa này vậy. Thông giáo ba người đều ngồi tòa giải thoát, trung luận thật tướng ba thừa cùng đắc, vậy thì ba thừa Thông giáo pháp tánh, cũng cùng Tam tạng pháp tánh không khác. Các người Thanh-văn tuy tại lực... mật thành người Thông giáo, chưa nói hợp hiện rõ, gọi là tiểu nhập đại, cho nên nay sở luận vẫn tại Tam tạng. Thuật lại ban đầu gặp Ác-ty và nghe cậu luận nghĩa đắc pháp tánh thì chẳng liên quan, nghe diệu mới nhập viên thường.

Tiếp, "Do ta mê quyền...": là thuật nguyên do lỗi. Do mê quyền cho nên cho rằng pháp tánh đồng, đâu có liên quan đến sở Hoặc lý Nhất giáo tam? Do mê hoặc thật cho nên chỉ quyền là thật, đâu có liên quan đến Thế Tôn thiên thọ ký Bồ-tát? "Vì sao vậy...": là dẫn nghĩa chờ đợi, tự trách. Tiếp, "Sở nhân hai nghĩa...": là chánh giải thích sở nhãn. Đầu tiên nêu hai nghĩa, nếu biết sở chứng không thật thì nên đợi nói nhân thật, nếu biết đã tại phương tiện thì hiểu tức Thật là quyền. "Đầu tiên chiếu...": giải thích "nếu như vậy". Nói "vội vàng" tức chẳng những Lộc-uyển mà còn chỉ hai tô, bởi vì trong hai vị đây cũng có sơ đắc tiểu quả, nhưng trong y văn thì hai tô đều ở giữa hai cột mốc. Nếu Lộc-uyển có sơ chứng thì cũng có thể dùng hai tô để giải thích nghĩa dừng lại. Nhưng hai tô căn cơ lẫn lộn, cho nên dùng từ đầu đến cuối để giải thích nghĩa dừng. Do trong Nhũ kia Viên thuyết Phật nhân, ta tự không đối, lỗi không thuộc người khác. Kinh nói "ắt dùng Đại thừa": Lời thông các giáo, ý thì không như vậy, tuy chỉ vì phát Đại thừa mà tâm thì không "chết". Nay thì giản biệt ý chỉ có tại Viên. Nên biết "sở nhân" không xuất nhân quả và dùng nguyện hạnh.

Hạnh tức Lục độ, nguyện nghĩa là Tứ hoằng. Cho nên trong Phật Địa luận thông nhân ba thứ: 1. Ưng đắc nhân: nghĩa là Bồ-đề tâm tức Tứ hoằng. 2. Gia hạnh nhân: nghĩa là các Ba-la-mật, Lục độ cũng thâu nhiếp các hạnh. 3. Viên mãn nhân: tức chỉ Phật quả. Thông lấy quả, quả

làm kỳ hạn của nhân, cho nên cũng gọi là nhân. Xét kỹ mà luận thì chỉ tại hai thứ trước, thành tựu Bồ-đề tức là quả.

"Mà nay được từ Phật là kết thân hỷ": Đầy đủ như trước giải thích. "Đoạn các nghi hối...": Thông thì thông chỉ hai tô thời thấy việc của Bồ-tát, Biệt thì chỉ tại lược thuyết thời bài xích làm phương tiện, lại thông nói các Phương-đẳng thắng cảnh chẳng phải một, Bát-nhã pháp tướng bao gồm thông. Phàm có thấy nghe đều là cảnh sinh nghi, do cảnh nên sinh nghi, do nghi nên hối, nay nghe pháp thuyết hối hận lỗi hai lần chờ đợi. Lại do rộng nói nghi hối đều trừ. Do xưa tuyệt phân hai nghĩa đều liên quan, ngày nay mới biết chân thật là đồng. Đầu tiên căn cứ ba câu kết thành ba văn, văn đã phân minh trên dưới có Tựa. Lại do ba nên thành Phật pháp có phần. Phần tức Sơ trụ phần chân vị. Không cần "Từ miệng Phật...": là đối ba tuệ, văn không từ sinh ba tuệ mà kéo dài cho nên nói "văn tận, lý rõ ràng", đây tức là lý của đạo lý. Nói "Lại dùng tứ Tất-đàn": Lại trở lại hướng trước hiểu rõ các văn lãnh. Đầu tiên nêu ba vui là Thế giới Tất-đàn, dũng dược tức hoan hỷ. "Vì sao vậy...": Dùng văn giải thích thân khẩu hỷ làm Vị nhân Tất-đàn. Ba nghiệp tương vọng thân khẩu lại từ Sinh thiện thuyết. Cũng nên từ Phá ác thuyết dùng làm Đối trị, không đề cập đến ý hỷ vì nghĩa phá ác mạnh. Nếu như vậy thì ý hỷ cũng là khả năng tốt nhất sinh hỷ cho nên lại một phen đến. Tiếp, "Ta từ...": dùng giải thích ý hỷ làm Đối trị, tự trách trừ nghi tức nghĩa phá ác. Tiếp dùng văn thành tựu làm Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. "Chân Phật tử": Do nhập lý cho nên thành đệ nhất nghĩa. "Lại, căn cứ hỷ tâm làm tứ Tất-đàn": Tuy lại nêu ba và dùng ba nghiệp lãnh cùng giải mà tóm lại không ra ngoài hỷ. Cho nên, đơn cử từ hỷ để luận bốn lợi ích: "Động vui" là lợi ích Thế giới. "Chưa từng có" là nêu rõ sở đắc hỷ, tức Vị nhân. "Động giác quán" là nêu rõ phá hỷ xưa, tức Đối trị. "Động nơi hình" là nêu rõ biệt lý hiển, tức Đệ nhất nghĩa. "Vân vân": là khiến y văn đây giải thích tướng tứ Tất-đàn. Lại thông luận: Vì rằng tướng vui khác thường, cho nên tâm hình đều động. Khác thường cho nên là Thế giới Tất-đàn, động vui cho nên là Vị nhân, trừ nghi cho nên là Đối trị, nhập lý cho nên là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

■